# THẦN THÁNH TRUNG HOA - NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 1.

*Thứ Bảy, ngày 28 tháng 3 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

MỤC LỤC TẬP I .

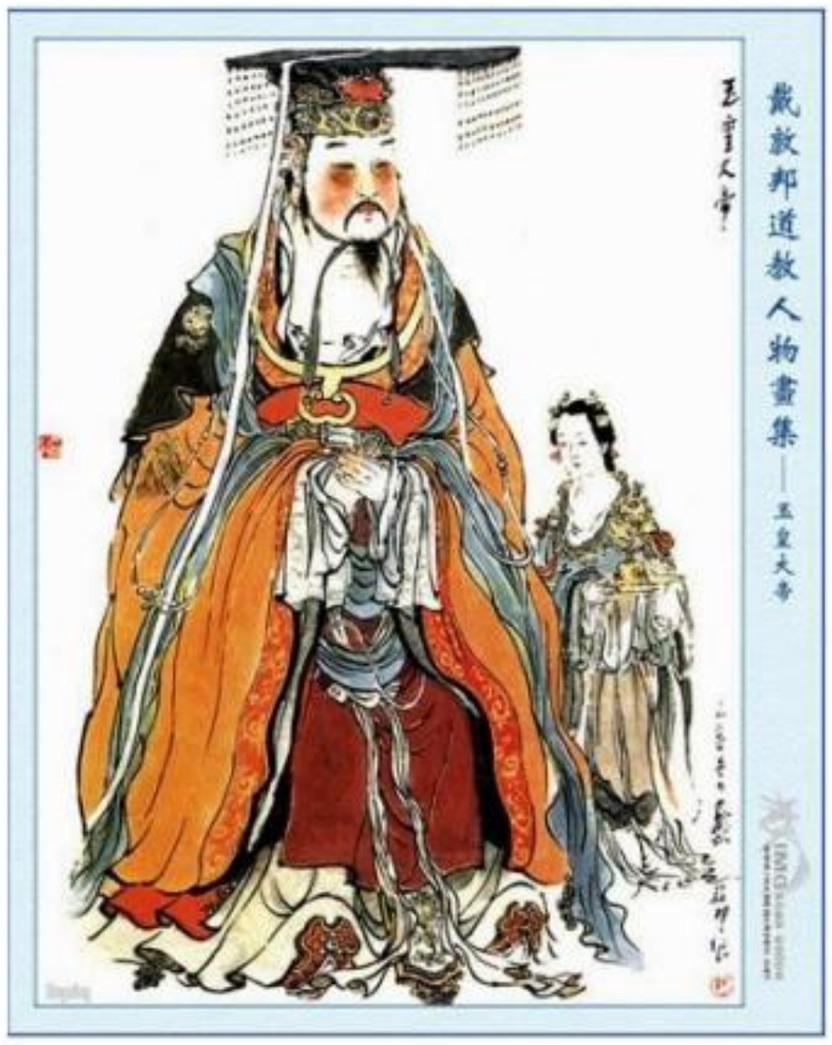
1.- Ngọc Hoàng Thượng Đế (bài tóm tắt)
2.- Huyền Thiên Thượng Đế
3.- Nguyên Thủy Thiên Tôn
4.- Ngọc Hoàng Đại Đế (bài chi tiết)
5.- Tây Vương Mẫu
6.- Cửu Thiên Huyền Nữ
7.- Nữ Oa Nương Nương
8.- Thái Thượng Lão Quân
9.- Phụ lục:- Tam Hoàng + Ngũ Đế
10.- Bảo Sanh Đại Đế
11.- Tam Quan Đại Đế
12.- Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu
13.- Văn Xương Đế Quân
14.- Quan Thánh Đế Quân
15.- Thập điện Diêm La Vương
16.- Định Phước Táo Quân (Ông Táo)
17.- Phước Đức Chính Thần (Thổ Địa)
18.- Tài Thần (Thần Tài)
19.- Thành Hoàng
20.- Thái Tuế
21.- PL:-Tên của 60 Thái Tuế theo sáu trường phái
22.- PL:- Kinh Minh Thánh của Đức Quan Thánh Đế Quân
23.- Cách cúng an vị Thái Tuế mỗi năm (có bài vị mẫu và thần chú)
24.- Chức năng của Nhị Thập Bát Tú (cai quản về việc gì của con người)
25.- Bắc Đẩu Thất Tinh Nguyên (Ngươn) Quân

26.-Thần chú Bắc Đẩu Tiêu Tai cho từng tuổi hàng ngày (giải trừ vận xấu)
27.-Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân năng giải ách.
28.- Nguyên Thần Điện ( Điện thờ các tinh tú)
29.-Bắc Đẩu Chân Kinh
30.- Tiên Thiên Tôn Thần--Tứ Ngự
31.-Tiên Thiên Tôn Thần--Tam Thanh--Linh Bửu Thiên Tôn
32.-Thái Thượng Linh Bửu Thiên Tôn thuyết Diên Thọ Kinh
33.-Tiên Thiên Tôn Thần-Tứ Ngự--THỔ HOÀNG (Hậu Thổ)
34.-Tiên Thiên Tôn Thần-Tứ Ngự--Câu Trần Đại Đế
35.- Tiên Thiên Tôn thần-LÔI TỔ
36.- Lôi Bộ Ngũ Nguyên Soái
37.- Lôi Công -- Điễn Mẫu
38.-Chân Vũ Đại Đế (bổ sung bài Huyền Thiên Thượng Đế)
39.- Đông Nhạc Đại Đế
40.- Hỏa Đức Tinh Quân
41.- Viêm Đế THẦN NÔNG
42.- Tam Thái Tử (Na Tra)
43.- Lữ Đồng Tân (Phù Hữu Đế Quân)
44.- Chú Sanh Nương Nương (Bà Chúa Thai Sanh)
45.- Thái Âm Nương Nương (Nguyệt Nương)
46.- Nguyệt Hạ Lão Nhân (Nguyệt Lão)
47.- Môn Thần
48.- Hòa Hợp Nhị Tiên (Hàn Sơn -- Thập Đắc)
49.- Pháp Chủ Công
50.- Tế Công Hoạt Phật--Phụ lục:- Tế Công Thánh Huấn
51.- Thất Nương Mụ (Má)
52.- Sàng Mụ (Má)
53.- Thái Dương Tinh Quân
54.-Khai Chương Thánh Vương
55.- Tam Sơn Quốc Vương
56.- Thanh Thủy Tổ Sư
57.- Khôi Tinh
58.- Thương Hiệt Tổ Sư
59.- Bát Tiên (tổng quát)
60.- Tiểu sử của Bát Tiên (viết theo truyện Đông Du Bát Tiên)
61.- Bích Hà Nguyên Quân.
62.- Tam Tinh Phước Lộc Thọ.
63.- Vũ Sư (Thần Mưa)
64.- Phong Bá (Thần Gió)
65.- Long Vương
66.- Thờ Bạch Hổ
67.- Thiên Đình (cách tổ chức)
68.- Nhị Thập Bát Tú (hệ thống, tên sao, ý nghĩa, sao ngày nay theo Thiên văn)
69.- Thạch Cảm Đương (Đang) (bùa đá trấn yểm)
70.- Nam Cực Trường Sinh Đại Đế (Nam Cực Tiên Ông)
71.- Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn
72.- Đông Vương Công (Mộc Công)
73. Đẳng cấp của Thần Thánh
74.- Giới thiệu tổng quát về Thần Thánh Trung Hoa (bài đầu tiên)
75.-Giới thiệu tóm tắt Thần Thánh Trung Hoa theo lịch sử

76.- Trung thiên Bắc Cực Tử Vi Đại Đế
(Hết Tập I--Xin xem tiếp Tập II )

## 1. NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ.

“玉皇大帝” 原名叫什么？
玉皇大帝的來曆:玉皇大帝簡稱玉皇，又稱昊天金闕経尊玉皇大帝、玄穹鄗上玉皇大帝。宋代真宗和徽
宗都上有圣號。宋真宗上圣號為太上開天執符御曆含真体道玉皇大天帝。宋徽宗上圣號為太上開天執符御曆含真体道昊天玉皇上帝。道經中佺稱作昊天金闕無上経尊
自然妙有彌儸経尊玉皇上帝。据《鄗上玉皇本行集經》，玉皇大帝乃昊天界上光嚴淨樂國王与寶月光皇后所生之子。出生之時，身寶光焰，充滿王國。幼而敏慧，長
而慈仁，將國中庫藏財寶，儘散施窮乏困楛、鰥寡孤獨、無所依靠、飢饉殘疾的一切眾生。淨樂國王駕崩后，太子治政有方，告敕大臣，俯含眾生，遂捨國赴普明香
岩山修道，經三千二百劫，始証金仙初號自然覺皇，又經億劫，始証玉帝。
万神之帝：玉皇大帝是諸天之帝、仙真之王、圣尊之主，三界万神、三洞仙真的最鄗神。玉皇有制命九天階級、征召四海五岳之神的權力。万神都列班隨侍其左右，猶如人世僩的皇帝和公卿。白居易有詩稱「安期羨門輩，列侍如公卿。仰謁玉皇帝，稽首前緻誠」
總執天道：玉皇大帝是三清之化身。三清与玉皇，猶如先虛無而后妙有，先無极而后有太极，先無為而
后有為。故玉皇為三才主宰，掌天地人之均軸。玉皇大帝遣紫微北极大帝掌天地經緯，遣勾陳上宮大帝掌天地人三才，主人僩兵革，遣后土皇地只掌陰易生淯、大地
山河。天地万物、陰易造化無不在玉皇大帝所掌之中。
奉祀：玉皇大帝神誕之日為正月初九日。道教宮觀要舉行金箓醮儀，稱「玉皇會」。參加醮儀的道士和
道教信徒都要祭拜玉皇大帝，行「齋天」大禮，以祈福延壽。福建和台灣省民眾稱玉皇大帝為「天公」。正月初九要「拜天公」，一傢老小，齋戒沐浴，上香行禮，
祭拜誦經，有的地方還唱戲娛神。中國北方過去還有舉行玉皇祭，抬玉皇神像游村巡街的習俗。十二月二十五日伝稱是玉皇大帝下巡人僩的日子，舊時道觀和民僩都
要燒香唸經，迎送玉皇大帝。




DỊCH:

Nguyên danh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là gì ?
Tiểu sử Đức Ngọc Hoàng Đại Đế như sau:-
NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ gọi tắt là NGỌC HOÀNG , cũng xưng là Hạo Thiên Kim Khuyết Điệt Tôn NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ hay Huyền Khung Cao Thượng NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ .
Đời nhà Tống, vua Chân Tông và Huy Tông đều có thánh hiệu nầy. Tống Chân Tông thì xưng là Thái Thượng Khai Thiên Chấp Phù Ngự Lịch Hàm Chân Thể Đạo NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN ĐẾ . Tống Huy Tông thì xưng là Thái Thượng Khai Thiên Chấp Phù Ngự Lịch Hàm Chân Thể Đạo Hạo Thiên NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ . Còn trong Đạo Kinh tôn xưng là Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Điệt Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Điệt Tôn NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ .

*Y cứ vào "Cao Thượng Ngọc Hoàng Bản Hạnh Tập Kinh", ở Hạo Thiên giới, có đức Quang Nghiêm Tịnh Lạc quốc vương và Hoàng hậu Bảo Nguyệt hạ sinh ra NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ . Khi vừa sinh ra, toàn thân tỏa hào quang. Trong nước tất cả đều được sung mãn, lúc còn nhỏ thì Ngài được thông minh sáng suốt, khi lớn lên thì tâm từ chan rãi khắp nơi, đem tiền bạc vật báu trong kho ra bố thí cho những kẻ nghèo nàn khốn khó, cô đơn không nơi nương tựa, đói rách tàn tật. Sau khi quốc vương Tịnh Lạc băng hà, thì Thái tử lên ngôi trị vì, đất nước rất phồn thịnh. Một thời gian sau, vua giao lại nước cho các đại thần, rồi vào trong núi Phổ Minh Hương Nham mà tu hành, trải qua ba ngàn hai trăm kiếp
chứng được kim tiên, lấy hiệu là "Tự Nhiên Giác Hoàng", lại trải qua trăm ngàn kiếp nữa mới chứng Ngọc Đế.

1.- LÀ VUA CỦA MUÔN THẦN:
NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vua các cõi trời, các cõi tiên; là chủ của các cõi thánh, là Thần tối cao của ba động Tiên, của các Thần trong tam giới. Ngọc Hoàng có quyền ra mệnh lệnh cho chín từng trời, cai trị các thần trong năm non bốn biển. Đi đâu thì muôn thần theo làm tả hữu, giống như hoàng đế trần gian có các bề tôi theo hầu vậy. Ông Bạch Cư Dị có bài thơ rằng:-

“An kỳ tiện môn bối,
Liệt thị như công khanh
Ngưỡng yết Ngọc Hoàng đế,
Khể thủ tiền trí thành”
*Dịch:-
“Xung quanh nhiều kẻ hầu,
Giống như các quan chầu
Ra mắt đức Ngọc Đế,
Như thành kín, cúi đầu”
(các quan vây quanh như tường thành kín đáo vậy)

2.- CAI QUẢN HẾT THIÊN ĐẠO:-
NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là hóa thân của Tam Thanh. Ngọc Hoàng đối với tam thanh giống như là trước thì không có mà sau thì diệu hữu, trước là Vô cực sau là Thái cực , trước thì vô vi sau là hữu vi vậy. Vì thế, Ngọc Hoàng là chủ tể của Tam tài, đứng đầu thiên địa nhân. Ngọc Hoàng điều khiển Tử Vi Bắc Cực Đại Đế điều hành ngang dọc của trời đất; khiển Câu Trần Thượng Cung Đại Đế điều hành Tam Tài, chấm dứt việc binh đao; khiển Hậu Thổ Hoàng Địa theo âm dương mà sanh sanh hóa hóa. Nói chung, khắp cả đất trời, núi sông đất lớn, tạo hóa âm dương …không có gì ở ngoài sự chưởng quản của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ .

*VIỆC CÚNG TẾ:-
Ngày đản sanh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là mùng chín tháng giêng. Nơi các cung quán đền miếu của Đạo Giáo đều có cử hành nghi thức cúng tế, gọi là “Hội Ngọc Hoàng” . Đạo sĩ và tín chúng tụ hội tổ chức đại lễ “Trai thiên” (Lễ Chạp Trời) để cầu xin được ban bố phúc đức, thọ mạng dài lâu.
Ở hai tỉnh Phúc Kiến và Đài Loan, dân chúng gọi NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là “Thiên Công” (Ông TRỜI), ngày mùng 9 tháng 1 gọi là lễ “Bái thiên công” (lạy ông Trời). Cả nhà già trẻ bé lớn , đều ăn chay, tắm gội sạch sẻ, dâng hương lễ bái, tụng kinh. Có nơi còn tổ chức hát ca vui vẻ. Miền bắc Trung Quốc còn có tập tục rước kiệu tượng Ngọc Hoàng đi vòng quanh khắp đường trong xóm ấp mình. Đến ngày 25 tháng chạp , các đạo quán và dân chúng làm lễ dâng hương tụng kinh để kính tiễn Ngọc Hoàng.

## 2. HUYỀN THIÊN THƯỢNG ĐẾ.




玄天上帝

中國民間自古以來就有天人感應的思想，他們相信天上星宿的運轉和人類的命運息息相關，而在眾星運圍的世界中，唯有北極星永恆不動，先民就把北極星神格化，奉為北斗星君，是星辰神祇里，最尊貴的星君。

玄天上帝威風凜凜，八面生風，其形象為披發黑衣、手持寶劍、足踏龜蛇，衛將執黑旗，兩旁為金童玉女，水火二將。但玄天上帝的原形卻是兩只爬虫──龜與蛇的合體，龜蛇合體之形，則起源于遠古的星宿崇拜。

「玄天上帝」全稱為「佑聖真武玄天上帝終劫濟苦天尊」，又稱北極玄天上帝、玄武帝、北極大帝、真武大帝、真武大將軍、玄天大帝、元天上帝、開天大帝、開天炎帝、真武帝、開天真帝、水長上帝、真如大帝、元武神、北極佑聖真君、元帝、北極聖神君、小上帝等諸尊號，清代文獻志書對其尊稱繁多，簡稱上帝公、上帝爺、帝爺公。

道家則認為，北方是幽暗寒冷的地方，也是人死後陰魂的歸宿，因此把黑星叫作玄，而統治北方黑色陰暗世界的神，就稱「玄天上帝」，廣受眾信所信，歷代帝祀亦極為普遍。

古時統稱北方的七星：斗、牛、女、虛、危、寶、壁七宿為玄武，也就是指北斗星，據《禮記》所載：「前朱鳥，而后玄武」。朱鳥是指南方的七星。中國古代把天上的恆星分成二十八個星座，稱為「二十八宿」。又把二十八宿分為東西南北四組，每組七個星宿，想像成一種動物形象。根據五方配五色的說法，即成為東方青龍，南方朱雀，西方白虎，北方玄武（龜蛇）所謂「四象」。

龜為「四靈」（龍、鳳、麟、龜）之一，蛇也被認為是有神性的靈物，這兩種爬虫頗受古人青睞。北方玄武七宿遂被想像為龜蛇相繼之形。最初，玄武與青龍、

朱雀、白虎，同為道教的護法神，是普通的小神。以后玄武異軍突起，逐漸成為道教大神，被說成是奉玉帝之命鎮守北方的統帥。歷代帝王封其為真君、帝君、上帝，步步高升。因為宋代皇帝避其祖趙玄朗名諱，改玄武為「真武」。宋神宗時立為玄天上帝，這就是星神的人格化。

按道教的說法，「玄」乃龜蛇，位於北方，色黑所以稱玄。玄武以龜蛇合體以應北宿之象，俗信天界帝王位於北極，乃天一之帝，應兆虛危，司經緯於北，為北方壬癸至靈神，金闕真尊應化身。「玄天上帝」乃北極玄武星君的化身，道教尊上帝為「三元都統帥」，為萬法教主稱號，統管三十六元帥，其神威赫濯，靈驗無比，是道教靈威最盛，信仰最廣的神明之一，尊「玄天上帝」為道教靈威鼎盛高級神明，奉祀於「北極殿」或「真武殿」。

早在漢朝，人們即蓋廟奉祀「玄武真君」。到了宋朝，開國皇帝名字之「胤」與「玄」字意義相關，為了「避諱」，改稱「玄武」為「真武」。可是到了宋真宗時，亦為了「避諱」，又把「真武」改回「玄武」。千年間，「玄武真君」都只稱「君」、「師」，未曾稱「帝」。

相傳元朝末年間，某次朱元璋戰敗，逃入武當山真武廟，避過追兵，逃過大難。後來朱元璋建立明朝，即位後感念真武救命之恩，下令改建真武廟，重塑金身，又謝賜御題「北極神殿」匾額，加封號為「玄天上帝」。

相傳玄天上帝是一名王子，黃帝時，玄武脫胎于淨樂國善勝皇后，幼時已修道，長而威勇，不愿繼承王位。後得紫元君所授秘法，又遇天神授以寶劍，入武當山修練，四十二年功成，白日飛升。因為統領天兵天將，戰伐有功，奉玉帝之命，鎮守北方，封為玄天上帝。

民間俗傳，玄天上帝原為民間一名屠夫，以殺豬為業，到了晚年，悔悟殺生太多，難積陰德，逐決心修道，毅然放下屠刀，隱入深山，修真養性。得觀音顯靈點化，謂他殺生太多，罪孽太深，必須自切腹肚，取出五藏在河中洗淨方能得正果。屠夫依言切腹割出內臟在河中洗滌，河水盡變黑色，直洗至河水澄清，才把內臟納回腹中。

屠夫之行，至感動天，遂修成正果，這就是俗稱「放下屠刀，立地成佛」的典故。

而他丟在河裡的腸胃，經年累月吸收天地精氣後，竟變成龜蛇危害世人，玄天上帝即下凡收伏，誰知打敗仗。只好請保生大帝幫忙，以三十六天將（三十六天罡星）作為抵押，借到「伏魔北斗七星劍」，與龜蛇大戰，劍光起處，果然龜蛇皆被制服。可是一收劍，龜蛇又蠢蠢欲動。玄天上帝迫於無奈，只好把龜蛇踩在腳下，運用神功壓住。而手握之北斗七星劍，須臾不敢放鬆，無法歸還給保生大帝，而三十六天將則歸保生大帝所擁有了。後來龜蛇變成玄天上帝的從神，供奉在他左右。

另有傳說，昔日有一位屠夫，和一個吃齋人同路參拜昆侖山觀音佛祖，過河不能渡過，吃齋人躊躇不前，屠夫則朝拜心切，不顧生死的奮勇跳進河里，拼命划水強行渡河，終于到達彼岸。但是因為他以往殺生太多，六根不淨，不能獲許進入聖地

。於是，屠夫就自己剖開肚皮，取出內臟，以表示自己的清淨和虔誠，致感天庭，將他的胃化為龜，腸化為蛇，載著屠夫升上天界，成為玄天上帝。又說，因為他自開肚皮以示清淨，后世又稱呼為「開心尊者」。

《神異傳》：「真君仗劍，追天關地軸之妖，冠履俱喪，伏而收之，故塑像猙獰，冠裳不整，底下伏龜、蛇各一，龜，天之關也，蛇，地軸也。」

《圖志》：「真武為淨樂王太子，修練于武當山，功成飛升，奉上帝命鎮守北天門，披發跣足，建皂纛旗。」

《金陵志》：「真武大帝，即元武七宿也，故作龜、蛇于其下，龜、蛇者，元武象也。」

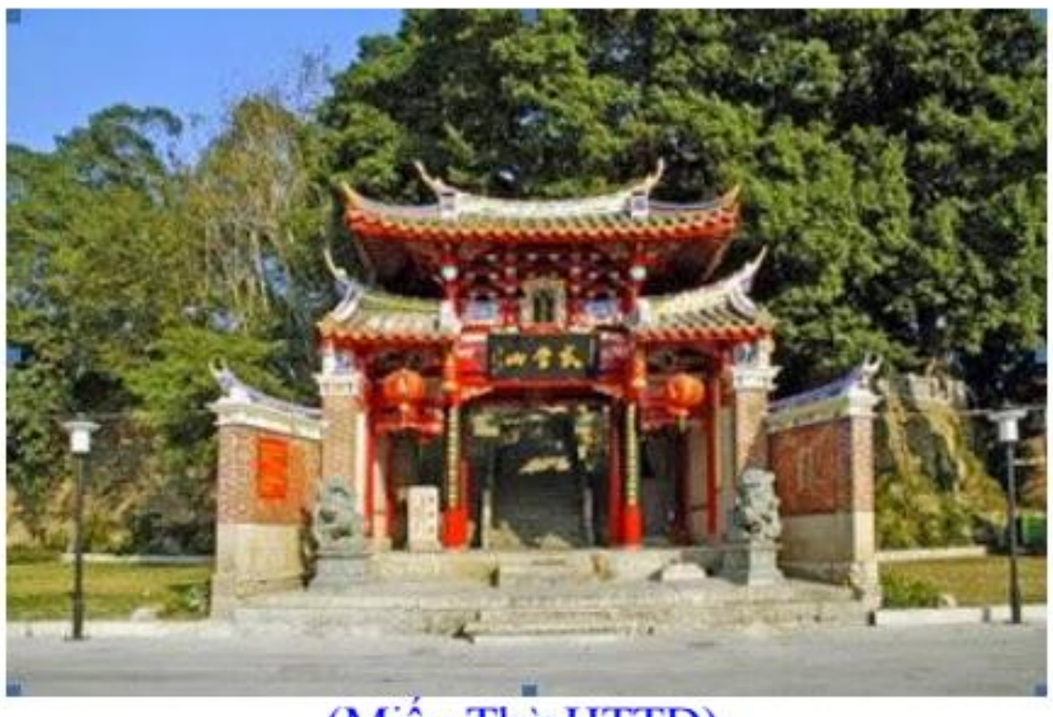
《澎湖妃略》載：「北極真武元天上帝，乃北方元武之神，元武屬水，水色黑，故帝衣旗幟俱黑，即所謂元冥乘坎而司冬，稱冬帝曰黑帶是也，神為五行之一，五行之祀，載于月令，此天地之正氣也，說者謂帝北而位南，南為火，不相克耶？不知民非水人不生活，坎離相濟，而人得以養，今南方祝融之墟多祀者，此也？」

《台灣縣志》：「真武廟，一在東安坊，一在鎮北坊，祀北極佑聖真君，邑之形勝，有安平鎮、七鯤身為北關，鹿耳門、北線尾為地軸，酷肖龜蛇，鄭氏踞台，因多建真武廟，以為此邦之鎮云。」

而玄天上帝的造型：頭戴皇冠、威嚴顯赫、身披黑衣、五綹長鬚、面容慈祥、右手持北斗七星劍、左手印訣、赤足、右腳踏蛇、左腳踩龜。身後衛將執黑旗，兩旁為金童玉女，水火二將。

相傳玄天上帝屬下康、趙、劉、林四大元帥，輔佐上帝公鎮護宮闕、保佑生靈。依據三教搜神大全所載，康元帥，名妙威，係龍馬之精所轉世，玉帝封為仁聖元帥。趙元帥，名朗一，字公明，號永昶，秦時避居山中，精修至道，功德圓滿，玉帝封為神霄副將。而劉、林元帥之生平事蹟，僅傳其為玄天上帝之副將，輔佐玄天上帝求道，護衛玄天上帝得道昇天，圓滿有功，玉帝封為神霄副將。

農曆三月初三為玄天上帝壽辰。



(Miếu Thờ HTTD)

*Dịch:-

Huyền Thiên Thượng Đế
Theo tín ngưỡng dân gian từ xưa đến nay của người Trung Quốc thì luôn có tư tưởng "cảm ứng" giữa người và trời đất. Họ tin rằng có sự tương quan giữa việc tinh tú vận chuyển và mệnh vận con người. Trong số những tinh tú, tất cả đều di chuyển chỉ trừ "Sao Bắc Cực" là chẳng động, cho nên người ta đã thần thánh hóa gọi đó là "Bắc Đẩu Tinh Quân" , ý nói lên đó là một ngôi sao tôn quí nhất. Hình tượng hóa gọi là Huyền Thiên Thượng Đế .
Huyền Thiên Thượng Đế uy phong lẫm liệt, tám mặt sinh gió. Hình dáng là một vị mặc áo bào đen, tay cầm bảo kiếm, chân đạp lên rùa và rắn. Hai bên có Kim Đồng Ngọc Nữ tay cầm cờ đen theo hầu, gọi là hai tướng thủy hỏa. Nhưng nguyên hình của Huyền Thiên Thượng Đế là sự kết hợp của rùa và rắn tạo thành, tức là "lưỡng chỉ bà trùng". Hình tướng rùa rắn hợp thành nầy, chính là kết quả của sự sùng bái tinh tú từ thời xa xưa tạo nên.

Huyền Thiên Thượng Đế gọi đầy đủ là "Hựu Thánh Chân Vũ Huyền Thiên Thượng Đế Chung Kiếp Tế Khổ Thiên Tôn" , cũng còn xưng các danh hiệu khác là "Bắc Cực Huyền Thiên Thượng Đế", "Huyền Vũ Đế", "Bắc Cực Đại Đế", "Chân Vũ Đại Đế", "Chân Vũ Đại Tướng Quân", "Nguyên Thiên Thượng Đế", "Khai Thiên Đại Đế", "Khai Thiên Viêm Đế", "Chân Vũ Đế", "Khai Thiên Chân Đế", "Thủy Trường Thượng Đế", "Chân Như Đại Đế", "Nguyên Vũ Thần", "Bắc Cực Hựu Thánh Chân Quân", "Nguyên Đế", "Bắc Cực Thánh Thần Quân", "Tiểu Thượng Đế". Đến đời nhà Thanh thì sách vở văn hóa tôn xưng Ngài quá nhiều, gọi tắt là "Thượng Đế Công", "Thượng Đế Gia", "Đế Gia Công".

Đạo gia nhận ra rằng, phương Bắc là nơi lạnh lẽo u ám, cũng là hồn con người trở về sau khi chết. Do đó, cho rằng phương Bắc rất huyền diệu, mà vị thông trị phương Bắc u ám đen tối nầy là "Huyền Thiên Thượng Đế ".Niềm tin của quần chúng lớn dần, khi trải qua nhiều đời vua chúa tín ngưỡng cúng tế.
Đời xưa, gọi bảy sao phương bắc :- Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích chung một tên là "Huyền Vũ", cũng để chỉ cho "Sao Bắc Đẩu".
Căn cứ vào sách "Lễ Ký", nói rằng "Tiền Châu Tước, hậu Huyền Vũ" (phía trước là chòm sao Châu Tước, phía sau là chòm sao Huyền Vũ). Châu Tước là để chỉ cho sáu sao phương Nam. Các nhà thiên văn Trung Quốc xưa, chia các vì tinh tú ra thành 28 chòm, gọi là "Nhị thập bát tú", rồi lấy 28 chòm sao nầy làm giới hạn để định ra bốn "tổ" (hướng) Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi tổ có 7 chòm sao, tưởng tượng đến các hình tượng con vật, kết hợp với lý luận năm phương năm sắc, thành ra :-
-phương Đông gọi là Thanh Long. (rồng xanh)
-phương Nam gọi là Châu Tước. (chim sẻ đỏ)
-phương Tây gọi là Bạch Hổ. (hổ trắng)
-phương Bắc gọi là Huyền Vũ (rùa rắn phối hợp)
như thế thành ra "Tứ Tượng".
*Rùa là một trong "tứ linh" (long, lân, quy, phượng), còn rắn là một con vật linh thiêng thần thoại, người xưa rất tôn quí. Bảy sao phương bắc Huyền Vũ được tưởng tượng thành con vật phối hợp giữa rùa và rắn. Ngày xưa, Đạo giáo tôn xưng bốn vị Thanh Long, Bạch Hổ, Huyền Vũ, Châu Tước là bốn vị thần Hộ Pháp, nghĩa là bốn vị tiểu thần mà thôi. Nhưng sau đó, đột nhiên Huyền Vũ được trở thành vị thần lớn của Đạo giáo, là vị Thống Soái phụng lãnh mệnh lệnh của Ngọc Đế trấn giữ phương Bắc . Nhiều đời vua chúa phong tặng là "Chân Quân", "Đế Quân", "Thượng Đế"… ngày càng cao thêm . Triều đại nhà Tống sửa đổi "huyền vũ" thành ra "chân vũ " , đến đời Tống Thần Tông phong là "Huyền Thiên Thượng Đế", đó là tinh thần "nhân cách hóa" sự vật.

Theo quan điểm Đạo giáo, "huyền" là hợp hai thứ rùa rắn, ở phương bắc, màu đen nên xưng huyền. Mà phương Bắc là vị trí của đế vương, nên Huyền Vũ là "vua của bầu trời", gọi là "Bắc phương Nhâm Quý chí linh thần" , là vị "ứng hóa thân của Kim Khuyết Chân Tôn" (Ngọc Đế).
Huyền Thiên Thượng Đế cũng là hóa thân của "Bắc Cực Huyền Vũ Tinh Quân" , Đạo giáo cũng còn tôn xưng Ngài là "Tam nguyên đô thống soái", tức là giáo chủ của muôn pháp, thống quản cả 36 vị nguyên soái khác, có uy quyền vượt trội, sự linh nghiệm không ai hơn, là vị "Tối linh Tối thịnh" trong Đạo giáo, là vị thần minh lớn nhất. Như vậy, Huyền Thiên Thượng Đế là vị thần cao cấp nhất, được thờ phụng trong "Bắc Cực Điện" hay "Chân Vũ Điện".

* Triều đại nhà Hán, gọi là miếu thờ "Huyền Vũ Chân Quân". Đến đời Tống, vì vua khai quốc tên "DẬN" có liên quan ý nghĩa đến "Huyền" nên kỵ húy đổi "huyền vũ" thành "chân vũ", nhưng đến Tống Chân Tông thì bỏ lệ kỵ húy nầy, trả "chân vũ" trở lại thành "huyền vũ". Suốt cả ngàn năm, "Huyền Vũ Chân Quân" đều chỉ xưng là "Quân" hay "Sư" chứ chưa bao giờ xưng "Đế" .
Tương truyền vào cuối nhà Nguyên, ông Chu Nguyên Chương trong một lần thất trận, trốn vào miếu thờ "Chân Vũ" mà thoát khỏi nạn đuổi bắt của binh lính nhà Nguyên, nên sau khi lên ngôi lập ra nhà Minh, ông hạ lệnh cho trùng tu các miếu thờ "Chân Vũ", tô đắp tượng bằng vàng, lại tự đề bút sắc phong miếu thờ thành "Bắc Cực Thần Điện" nơi tấm bảng treo trước cửa và gia phong cho Ngài thành ra " Huyền Thiên Thượng Đế ".

* Cũng theo truyền thuyết Đạo giáo , Ngài Huyền Thiên Thượng Đế vốn là một vương tử. Vào thời Huỳnh Đế, Ngài thoát thai nơi hoàng hậu Thiện Thắng ở Tịnh Lạc Viên. Lúc trẻ đã có tâm tu hành, lớn lên thành thanh niên uy dũng nhưng không muốn kế thừa ngôi vua. Về sau, được vị Nguyên Quân truyền trao "bí pháp", lại được thiên thần trao tặng kiếm báu, vào Vũ Đương Sơn tu luyện, suốt 42 năm thì đắc quả sanh thiên. Nhân vì có công thống lãnh thiên binh thiên tướng chinh phạt giặc dữ thành công, nên Ngọc Đế phong cho Huyền Thiên Thượng Đế , trấn giữ phương Bắc.

* Còn theo truyền thuyết dân gian, Huyền Thiên Thượng Đế vốn là một người đồ tể, mỗ heo sinh sống. Lúc tuổi về già, ăn năn nghiệp sát sanh quá nặng, không tích chứa được công đức, nên quyết chí tu đạo, buông đao đồ tể, vào chốn thâm sơn tu tập. Ngài đã siêng năng tu tâm dưỡng tánh nhiều năm, nên được đức Quan Âm điểm hóa cho. Đức Quan Âm nói rằng, vì trước đây, Ngài đã sát sanh quá nhiều, phải làm lễ "Tẩy rửa gan ruột" mới có thể chứng quả. Ngài đã tin tưởng hết sức chân thành ,can đảm tự mỗ bụng mình ra, rồi đem ruột gan xuống sông tẩy rửa, cắt bỏ những phần bao tử và ruột bị hư thúi, làm đen cả khúc sông, cứ rửa mãi cho đến khi nước sông trong trở lại, mới đem gan ruột cho vào bên trong bụng may lại. Hành động nầy cảm ứng đến trời nên được đắc thành chánh quả, được phong là " Huyền Thiên Thượng Đế ". Từ đó mới xuất hiện điển cố "Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật" (buông dao đồ tể, trọn nguyện thành Phật).
Nhưng những phần bao tử và ruột của Ngài cắt bỏ nơi sông, trải qua nhiều năm tháng hấp thụ tinh khí trời đất, biến thành hai con Yêu Rùa Và Yêu Rắn, làm hại người trần, Huyền Thiên Thượng Đế phải tự thân hạ giáng trần gian để thu phục hai con yêu nầy. Lúc đầu, Ngài địch không nổi với hai con yêu nầy, phải cầu thỉnh với "Bảo Sanh Đại Đế" trợ giúp. Nhờ vào uy lực của 36 thiên tướng ( 36 ngôi thiên cương) bao vây và nhờ có thần lực kiếm quang mạnh mẽ của "Phục ma Bắc đẩu thất tinh kiếm" mới đè bẹp được hai con yêu nầy.Nhưng hễ dở kiếm lên thì hai con yêu lại toan cựa quậy, ví thế Ngài phải dùng chân đạp hai con yêu nấy để kềm thúc chúng, mới trả kiếm lại cho Bảo Sanh Đại Đế được. Từ đó, rùa và rắn trở thành hai người hộ vệ hai bên tả hữu của Ngài.

*Lại có một truyền thuyết khác, ngày xưa có một người đồ tể và một vị ăn chay trường cùng đi trên con đường đến yết kiến Phật Quan Âm ở núi Côn Lôn. Lúc đi qua sông nhưng không có phương tiện để qua, vị ăn chay lòng trù trừ chẳng muốn đi tiếp, còn người đồ tể thì có lòng tha thiết muốn triều bái Phật, chẳng nệ sông chết liều mạng bơi qua sông, kết cuộc đến nơi. Nhưng vì trước đây ông đã sat sanh quá nhiều, sáu căn không thanh tịnh, nến không thể tiến vào bên trong được. Do vậy, người đồ tể tự mổ bụng bày ra nội tạng để tỏ lòng chí thành . Do đó cảm động đến thiên đình, Ngọc Đế cho phép lấy bao tử của ông biến thành con rùa, còn ruột biến thành con rắn, chở linh hồn người đồ tể nầy lên cõi trời, trở thành Huyền Thiên Thượng Đế . Nhân vì ông ta tự mổ bụng để chứng minh lòng thanh tịnh, nên đời sau tôn xưng là "Khai tâm Tôn giả" (tôn giả mở bày tâm)

*Trong "Thần dị truyện" có chép :- "Đức Chân Quân cầm kiếm, tróc nã yêu tinh khắp các nơi trong trời đất, khiến chúng sợ hãi mà qui phục. Tượng Ngài rất dữ tợn, áo mão không chỉnh tề, dưới chân có hai con rùa rắn. Rùa là nói loài yêu ở cõi trời, rắn là nói loài yêu ở dưới đất".
*Còn sách "Đồ Chí" thì chép, Chân Vũ vốn là Thái Tử của Tịnh Lạc Vương, tu luyện ở Vũ Đương Sơn, kết quả được thăng thiên, phụng mệnh lệnh của Thượng Đế trấn thủ Bắc thiên môn, chân để trần, cầm cờ màu đen".
*Sách "Kim Lăng chí" nói:- "Chân Vũ Đại Đế tức là bảy sao Huyền Vũ có hình tượng kết hợp rùa và rắn, nên để hình tượng rùa rắn nầy dưới chân Ngài"
*Sách "Bành Hồ Phi Lược" chép:- "Bắc Cực Chân Vũ Huyền Thiên Thượng Đế , trước là thần Huyền Vũ trấn phương bắc , Huyền vũ thuộc thủy, nước màu đen, nên áo mão và cờ đều màu đen. ……
(Đoạn kế nầy quá tối nghĩa không dịch được, kính nhờ quí cao nhân dịch giùm từ nguyên tác ở trên).
*Trong "Đài Loan huyện chí" có ghi :- "Miếu thờ Chân Vũ, có một ở phường Đông An, một tại phường Trấn bắc, thờ vị "Bắc Cực Hựu Thánh Chân Quân" .Ngoài ra các nơi khác có tôn tạo hình tượng như trấn An Bình, Thất Côn Thân ở cửa bắc, Lộc Nhĩ Môn … đều có tượng rùa rắn dưới chân. Khi họ Trịnh đến Đài Loan đã thấy có nhiều Miếu thờ Chân Vũ để làm phép trấn bình an cho cuộc đất".
*Cách tạo hình tượng Huyền Thiên Thượng Đế là:- đầu đội mão vàng, tướng dạng oai nghiêm hiển hách. Mình mặc áo đen, có năm chòm râu dài, gương mặt từ ái hòa nhã. Tay phải cầm kiếm Bắc đẩu thất tinh, tay trái bắt ấn. Hai chân màu đỏ, chân phải đạp con rắn, chân trái dậm con rùa, sau lưng có giắt cờ đen, hai bên có Kim Đồng Ngọc Nữ tức là Thủy Hỏa nhị tướng theo hầu".
*Tương truyền thuộc hạ của Huyền Thiên Thượng Đế gồm có bốn vị nguyên soái là :- Khang, Triệu, Lưu, Lâm nguyên soái. Ngài là phụ tá Thượng Đế Công để giữ an cung khuyết của thiên đình, đồng thời bảo hộ cho khắp hết sanh linh. Y cứ theo sách "Tam giáo suy thần đại toàn" (Thần thánh đầy đủ của tam giáo) thì Khang nguyên soái tên Diệu Uy là sao Long Mã chuyển thế, được Ngọc Đế sắc phong làm Nhân Thánh Nguyên Soái ; Triệu nguyên soái tên là Lãng Nhất, tự Công Minh, hiệu Vĩnh Xưởng, đời nhà Tân ở trong núi, chuyên ròng tu hành dắc đạo, công đức viên mãn, được Ngọc Đế phong làm Thần Tiêu Phó Tướng. Còn hai vị Lưu , Lâm nguyên soái là hai vị đi theo Huyền Thiên Thượng Đế để cầu đạo tu hành, rồi sau hộ vệ Huyền Thiên Thượng Đế thăng thiên, cũng được Ngọc Đế phong làm Thần Tiêu Phó Tướng.
Ngày vía của Huyền Thiên Thượng Đế là ngày mùng ba tháng ba âm lịch.

## 3. NGUYÊN THỦY THIÊN TÔN.



元始天尊

元始天尊，又名“玉清元始天尊”。在“三清”之中位為最尊，也是道教神仙中的第一位尊神。《曆代
神仙通鑑》稱他為“主持天界之祖”。他的地位雖然鄙，但出現卻比太上老君要晚。道教形成初期並無“元始天尊”的說法，《太平經》《想爾注》等均無記載。在
中國神話伝說中，也無來曆可尋。根据道書的記載：最早出現“元始”之名的是晉葛洪的《枕中書》書中記載：棍沌未開之前，有天地之精，號“元始天王”，游于
其中。后二儀化分，元始天王居天中心之上，仰吸天气，俯飲地泉。又經數劫，与太元玉女通气結精，生天皇而王母，天皇生地皇，地皇生人皇，其其后庖羲，神穠
皆苗裔也。並曰：“玄都玉京七寶山，在大儸之上，有上、中、下三宮。上宮是槃古真人、元始天王、太太圣母所牿。”此時，還只有有始天王的稱呼。直到南朝
時，梁匋弘景《真靈位業圖》才始有“元始天尊”之號。該書第一階中位神為“上台虛皇道君”，應號“元始天尊”，稱“玉清境元始天尊”為主。但是書中又有一
“元始天王”，列為第四中位左位第四神。《隋書.經籍志四》始喊予元始天尊以諸神特性，稱他“生于太元之先”。認為“天尊之体，常存不滅，每到天地初開，
授以祕道，謂開劫度人。然其開劫，非一度矣，故有延康、赤明、龍漢、開皇，是其年號，其問相距經四十億万載，所度皆諸仙上品，有太上老君、太上丈人、天皇
真人，五方五帝及諸仙官”。隋代道士為天尊取名為“樂靜信”。隋唐之時，遂將古代神話伝說中的槃古真 地位而掀起的說法。俵明道教信徒對元始天尊的信仰。
關于元始天尊的名稱，《初學記》卷二三引《太玄真一本際經》解釋說：“無宗無上，而獨能為万物之
始，故名元始。運道一切為极尊，而常處二清，出諸天上，故稱天尊。”《曆代神仙通鑑》說：“元者，本也。始者，初也，先天之气也。”認為元始是最初的本
源，為一切神仙之上，故稱“天尊”。根据道經的描述，元始天尊稟自然之气，存在于宇宙万物之前。他的本体常存不滅，即使天地佺部毀滅，也絲毫影響不了他的
存在。每儅新的天地形成時，天尊就會降臨人世僩，伝授祕道，開劫度人。所度者都是天仙上品，包括太上老君、天真皇人、五方天帝等神仙。每儅新的天地開辟
時，都有其年號，曰延康、赤明、龍漢、開皇等等，年號之僩相距長躂41億万年。並

且，元始天尊位居三十六天的最上層“大儀天”中，所居仙府稱為“玄都玉京”。玉京之中，黃金舖地，玉石為階，宮中有七寶、珍玉，仙王、仙公、仙卿、仙伯、仙大伕等居于中央和兩傍的仙殿中，這种气派顯然被人們帝王所傚仿。
縱觀元始天尊的演變過程，可以發現“元始”一詞原是道傢舒述世界本源的哲學用語，后來被道教加以神化，逐漸演變成道教的最鄙尊神，居于三清之首。從曆史角度上攷察，這与道傢演變成道教的曆史完佺轡嗆稀㊣
据《曆代神仙通鑑》記載，元始天尊“頂負圓光，身披七十二色”，故供奉在道教三清大殿中的元始天
尊，一般都頭罩神光，手執紅色丹丸，或者左手虛拈，右手虛捧，象征“天地未形，混沌未開，万物未生”時的“無极狀態”和“混沌之時，陰昜未判”的第一大世
紀，故以昜生陰降、晝短夜長的冬絰日為元始天尊的圣誕。長期以來，元始天尊受到了上絰帝王圣賢，下絰民們菩男信女的虔誠崇拜。



*Dịch:-

NGUYÊN THỦY THIÊN TÔN

*Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn còn gọi là “Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn”, là vị tối cao trong Tam Thanh, cũng là vị Tôn Thần hạng nhất của Thần Tiên Đạo Giáo. Theo “Lịch đại thần tiên thông giám” tôn xưng Ngài là “Vị Tổ chủ trì cõi trời”. Địa vị của Ngài tuy cao, nhưng lại xuất hiện muộn hơn Thái Thượng Lão Quân.
Hồi đầu của Đạo giáo không thấy nói đến Nguyên Thủy, trong “Thái Bình Kinh”, Tưởng Nhĩ Chú” cũng đều không thấy ghi tên Ngài, kể cả trong thần thoại xưa Trung Quốc cũng không thấy nói đến hành trạng Ngài. Danh xưng Nguyên Thủy xuất hiện sớm nhất trong “Chẩm trung thư” ghi là “Trước lúc  hỗn độn chưa phân rõ (thái cực), đã có “tinh hoa của trời đất” hiệu là “Nguyên Thủy Thiên Vương” sẵn bên trong, sau phân hóa thành hai phần (lưỡng nghi), Nguyên Thủy Thiên Vương ở phía trên cõi trời, ngẫng lên hút thiên khí, cúi xuống uống địa tuyền (suối đất ) trải qua vô số kiếp , cùng với Thái Nguyên Ngọc Nữ thông khí kết tinh mà sanh ra Thiên Hoàng Tây Vương Mẫu. Thiên hoàng sanh ra Địa Hoàng, Địa Hoàng sanh ra Nhân Hoàng, tiếp tục sanh ra con cháu là Bào Hi, Thần Nông. Cho nên bảo rằng : “Phía trên Đại La có bảy ngọn núi báu gọi là Huyền Đô Ngọc Kinh, có ba cung. Thượng

cung là nơi ở của Bàn Cổ Chân Nhân, Nguyên Thủy Thiên Vương và Thái Thái Thánh Mẫu". Như vậy, từ đây mới có danh xưng Nguyên Thủy Thiên Vương.
Đến thời kỳ Nam Bắc triều, trong sách "Chân linh vị nghiệp đồ" của Đào Hoằng Cảnh nước Lương, mới ghi danh hiệu Nguyên Thủy Thiên Tôn. Sách nầy nói rằng vị thần tối cao làm chủ tất cả là "Thượng thai hư hoàng đạo quân", hiệu là Nguyên Thủy Thiên Tôn, cũng xưng là Ngọc Thanh Cảnh Nguyên Thủy Thiên Tôn. Nhưng trong sách nầy lại cũng có ghi vị "Nguyên Thủy Thiên Vương" được xếp vào vị trí thứ tư, gọi là "Tả vị đệ tứ thần".

*Sách "Kinh Tịch Chí Tứ" đời Tùy giải nghĩa đặc tính của Nguyên Thủy Thiên Tôn và chư thần, nói rằng Nguyên Thủy Thiên Tôn sanh trước khi có trời, cho Ngài là "Thể của trời , còn mãi không mất. Mỗi khi mở ra trời đất, nhận cái đạo thể bí mật thần diệu đó mà sinh trưởng. Trời đất chẳng phải cùng có một lần, mà phải qua các trình tự:- diên khang, xích minh, long hán, khai hoàng, trải suốt bốn mươi triệu năm . Hàng thượng phẩm của chư Tiên có Thái Thượng Lão Quân, Thái Thượng Trượng Nhân, Thiên Hoàng Chân Nhân, Ngũ Phương Ngũ Đế và các Quan Tiên".
Các đạo sĩ đời Tùy lại xưng Ngài là "Lạc Tĩnh Tín" . Như vậy, bắt đầu từ đời Tùy, Đường mới có xuất hiện các chuyện thần thoại nói về các vị thần tối sơ và nêu lên tín ngưỡng của tín đồ Đạo giáo đối với Nguyên Thủy Thiên Tôn.

*Liên quan đến danh xưng Nguyên Thủy Thiên Tôn , trong "Sơ Học Ký" quyển thứ hai mươi ba có dẫn theo "Thái Huyền Chân Nhất bản tế kinh" giải thích:-"Không gì tôn kính hơn, không gì cao cả hơn, là bậc duy nhất khởi đầu cho muôn vật, nên có tên là "Nguyên Thủy" , chuyển vận cái "Đạo" hết sức tôn quí, lại thường cai quản nhị thanh (thượng thanh và thái thanh) , ở trên các trời, nên xưng là "Thiên Tôn".

*Sách "Lịch đại thần tiên thông giám" nói:- "Nguyên chính là gốc, thủy chính là khởi đầu, tức là khí tiên thiên vậy". Điều đó nói lên Nguyên Thủy là nguồn gốc tối sơ của muôn vật, ở trên tất cả thần tiên, gọi là "Thiên Tôn" (tôn quí hơn cả trong hàng chư thiên).

* Căn cứ vào Đạo Kinh thì :- "Nguyên Thủy Thiên Tôn vốn là "Khí tự nhiên", có trước vũ trụ vạn vật. Thể của nó còn mãi chẳng mất, cho dù trời đất có hủy diệt thì cũng chẳng ảnh hưởng gì đến sự tồn tại của nó. Cứ mỗi lần hình thành "trời đất mới" thì Thiên Tôn lại giáng lâm nhân thế, khai mở đạo pháp áo bí để độ chúng sanh. Chỗ độ người nầy là những phẩm cao nhất của thiên tiên, kể cả "Thái Thượng Lão Quân", "Thiên Chân Hoàng Nhân", các thần tiên năm phương cõi trời. Những lần hình thành "trời đất mới" đều có niên hiệu như là:- "Diên Khang", "Xích Minh", "Long Hán", "Khai Hoàng" v.v... Mỗi niên hiệu kéo dài 41 triệu năm. Do đó, đức Nguyên Thủy Thiên Tôn ở nơi tầng cao nhất là cõi "Đại La Thiên" trong 36 cõi trời. Theo Ngọc Kinh diễn tả là, đất bằng vàng ròng , thềm bậc là ngọc thạch. Trong cung có bảy báu, ngọc quí, các vị Tiên Vương, Tiên Công, Tiên Khanh, Tiên Bá, Đại phu Tiên cùng ở điện trung ương và điện hai bên. Hình thái nầy là do người thế gian mô phỏng theo sinh hoạt của vua chúa trần gian mà tả ra.

*Như vậy, ta thấy quá trình biến hóa gốc từ "nguyên thủy" vốn đầu tiên là thuật ngữ triết học của Đạo gia, về sau mới được "thần hóa" dần dần trở thành Vị Tối Cao của các thần trong Đạo giáo, đứng đầu Tam Thanh. Nếu nhìn ở giác độ lịch sử thì việc chuyển từ quan điểm cá nhân của đạo gia trở thành quan điểm chung của đạo giáo cũng là điều dễ hiểu, cho việc tạo thành "Đấng tối sơ duy nhất" nầy.

*Cũng theo "Lịch đại thần tiên thông giám" mô tả về Nguyên Thủy Thiên Tôn "hào quang bao quanh đầu, toàn thân có 72 sắc", cho nên trong điện thờ "Tam Thanh", hình tượng

Nguyên Thủy đầu có vầng hào quang, tay cầm viên linh đan màu đỏ; hoặc tay phải như đang bưng một vật gì còn tay trái thì ném cái gì đó ra ngoài. Hình tượng nầy mang ý nghĩa "trời đất chưa thành hình, còn hỗn độn chưa mở ra, muôn vật chưa sanh ra" để diễn ý "trạng thái vô cực" và "thời hỗn độn chưa phân rõ âm dương" ở vào đại thế kỷ thứ nhất.
Cho nên về sau, Đạo gia lấy ngày " Đông Chí" mang nghĩa "dương sanh âm giáng, ngày ngắn đêm dài" làm ngày thánh đản của đức Nguyên Thủy Thiên Tôn .
Thời gian trải qua khá lâu, sự sùng bái Ngài được sâu rộng, trên là từ vua chúa , dưới đến thứ dân, không ai là chẳng thành tâm lễ lạy.

*Nhược Thủy dịch
(từ nguồn http://www.fushantang.com )

*Sau đây là tài liệu lấy từ Website Dân Tục Học Trung Quốc:-
(http://www.chinesefolklore.com).
元始天尊

元始天尊又稱「元始天王」、「玉清紫虛高上元皇太上大道君」，是道教的鼻祖，在太元（宇宙所有劫數開始）之前出生，所以稱他為「元始」。

據說在從前太極未分兩儀的時後，天地日月都未形成前，已經有了一位磐古真人，是天地的元精自稱「元始天王」。

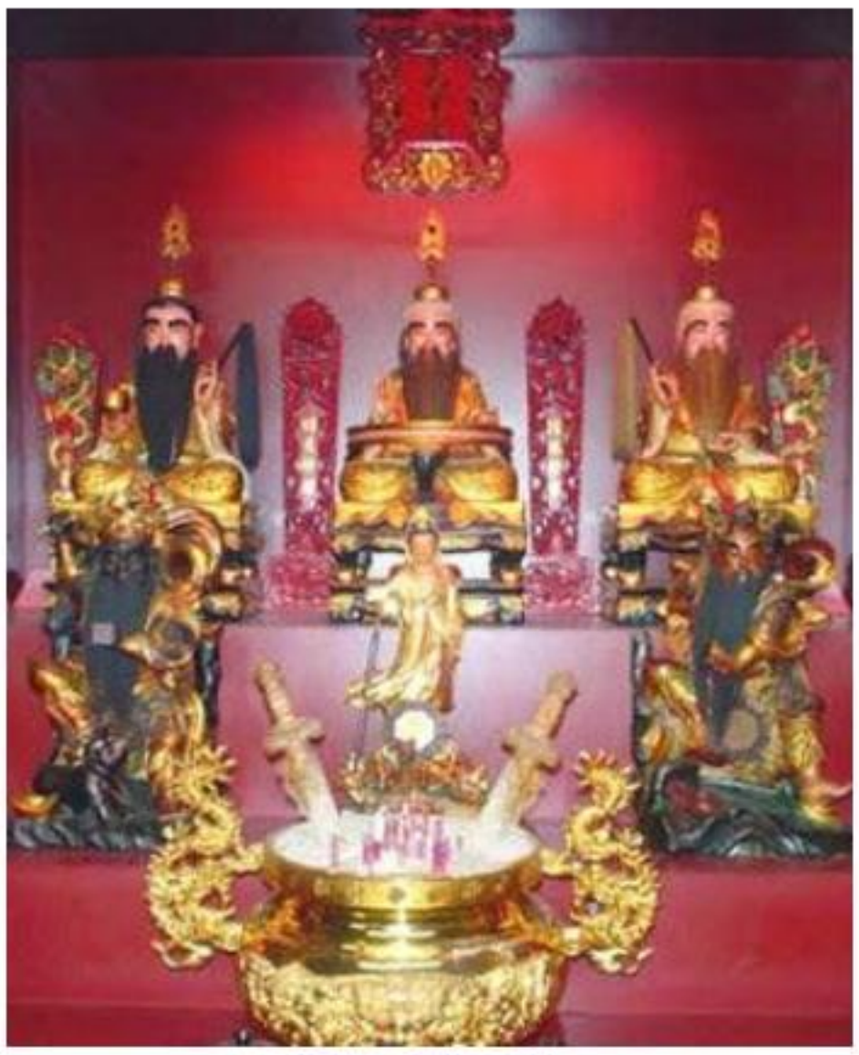
經過了八劫的時間，陰陽兩儀才分開，那時，元始天王住在中心之上的玉京山，並以吸食天氣地泉為生。
　　民間通常視元始天尊與玉皇上帝為同一神紙，其實是不同的。

根據陶宏景的真靈位業圖，將神分為七級，以元始天尊居上清第一正位；太上老君居太清正位，玉皇大帝居玉清三元官第一中位。

換句話說，玉皇上帝其上還有元始天尊與太上老君，因此兩神是不同的，元始天尊才是天地萬物的真正主宰者。

不過將元始天尊與玉皇上帝視為同一神祇，並不見得不好，重要的是是否懷有敬天畏神，尊崇天地萬物的精神。

民間的行天宮每年到了除夕，照例會舉行元始天尊聖誕儀式，從十一時三十分開始，很多信徒都會前來拜拜，晚來的民眾就很難擠進來。
農曆正月初一為元始天尊萬壽。



(Tam Thanh)

*Dịch:-
Nguyên Thủy Thiên Tôn
Nguyên Thủy Thiên Tôn còn được tôn xưng là "Nguyên Thủy Thiên Vương " Ngọc Thanh Tử Hư Cao Thượng Nguyên Hoàng Thái Thượng Đại Đạo Quân , là Ông Tổ của Đạo Giáo.
Ngài đã hiện hữu từ lúc "Thái nguyên" (lúc chưa mở ra vũ trụ vạn vật) cho nên được xưng là "Nguyên Thủy" (bắt đầu).
Theo truyền thuyết, lúc "Thái cực" chưa phân thành "Lưỡng nghi" , trời đất mặt trời mặt trăng chưa có, đã hiện hữu một vị "Bàn Cổ Chân Nhân", là tinh hoa đầu tiên của vũ trụ, tự xưng là "Nguyên Thủy Thiên Vương ".
Trải qua thời gian tám kiếp số, mới phân thành hai nghi âm dương. Khi ấy, Nguyên Thủy Thiên Vương trụ tại Ngọc Kính Sơn, phía trên của trung tâm. Ngài đã hấp thu tinh hoa của khí trời và suối đất (thiên khí địa tuyền) mà sống.
Thông thường, dân gian hay lầm lẫn cho rằng Nguyên Thủy Thiên Tôn cùng với Ngọc Hoàng Thượng Đế là một vị, kỳ thực không phải thế.
*Căn cứ vào sách "Đào Hoành Cảnh Đích Chân Linh Vị Nghiệp Đồ", chia các thần thành bảy cấp, để Nguyên Thủy Thiên Tôn ở chính vị của "Thượng Thanh", Thái Thượng Lão Quân ở chính vị của "Thái Thanh", còn Ngọc Hoàng Thượng Đế ở trung vị thứ nhất của cung thứ ba "Ngọc Thanh".
Nói cách khác, trên Ngọc Hoàng Thượng Đế còn có Nguyên Thủy Thiên Tôn và Thái Thượng Lão Quân , mà hai vị nầy khác nhau, nên chủ tể chân chính của trời đất muôn vật phải là Nguyên Thủy Thiên Tôn .
Thế gian đem Nguyên Thủy Thiên Tôn cho đồng với Ngọc Hoàng Thượng Đế chăng qua là tại tinh thần kính trời sợ thần, e rằng thiếu sự tôn kính mà thôi.
Phong tục dân gian cứ vào đêm trừ tịch, cử hành nghi thức cúng lễ Nguyên Thủy Thiên Tôn tại các điện thờ , bắt đầu từ 11 giờ 30 phút đêm ấy, số người tham dự quá đông, kẻ đến sau không thể chen chân vào lễ lạy được.
*Ngày vía của Nguyên Thủy Thiên Tôn là ngày mùng một tháng giêng.
*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.chinesefolklore.com)
Quí vị cần tham khảo toàn bộ Danh sách thần , xin xem ở :-
*Link của Bảng Phong Thần:-

http://www.hoangthantai.com/forum/index.php?topic=536.0
(Phần bổ sung thêm về Ngọc Hoàng Thượng Đế).
玉皇上帝

「天公」是指玉皇上帝，有稱「玉帝」或「昊天上帝」，或「玄穹高上玉皇大天帝」、「昊天金闕無上至尊自然妙有彌羅至真玉皇大帝」等尊稱。玉皇大帝是道教中最高級的神明之一，地位僅在三清尊神之下。但在世俗的心目中，玉皇大帝卻是中國最大的神祇，是眾神之王。

據民間傳說，「玉皇上帝」不但授命於天子，統轄人間，而且也統轄儒、道、釋三教和其他諸神仙，以及天神、地祇、人鬼都歸其管轄，天神就是屬于天上所有自然物的神化者，包括日、月、星辰、風伯、雨師、司命、三官大帝、五顯大帝等，而玉皇大帝也屬天神之一，地祇就是屬于地面上所有自然物的神化者，包涵土地神、社稷神、山岳、河海、五祀神，以及百物之神，人鬼就是歷史上的人物死后神化的，包括先祖、先師、功臣，以及其他歷文人物。

玉皇上帝統領天、地、人三界神靈之外，還對於天地、宇宙萬物的興隆衰敗、吉凶禍福都得管，屬下有管理學務的文昌帝君，管理商務的關聖帝君，管理工務的巧聖先師，管理農務的神農先帝，管理地方的有東岳大帝、青山王、城隍爺、境主公、土地公、地基主，管理陰間的有酆都大帝和十殿閻王，而玉皇上帝為神中之神，神中至尊。

在道教的理論中，將天、地、人三界分得很清楚，天有十三層，一層有三萬里，天外的地方就稱為無極，而天內的天就稱為太極。太極的天分為五天，即東、南、西、北，「玉皇大帝」是宇宙中最高無上的神靈，而所有神靈皆須聽令於「玉皇大帝」。

中天：為「玉皇大帝」所居，上掌三十六天，三千大世界；
下握有七十二地，四大部分所有生靈。
東天：為「三官大帝」所掌，主賜福延壽解災赦罪消厄。
南天：為「文衡聖帝」所掌，主眾神的委任升降考察各神祇的功罪。
西天：為「釋迦牟尼」所掌，主世人的信仰依歸。
北天：為「紫微大帝」所掌，予降福消災，兼賜予財富。

「玉皇大帝」，據說是三清所化身的太極界第一位尊神，也就是古人最崇敬的「天」，居住在玉清宮，上掌三十六天，三千世界，各部神仙，下轄七十二地、四大部州、掌管天上諸神、仙、佛，以及人間億萬生靈，因此尊稱為「玉皇大天尊玄靈高上帝」。

另有一說，「玉皇上帝」是三官大帝中的「天官」，是道教的紫微帝君，職掌賜福，民間視為福神，與祿、壽並列。「三官大帝」也稱「三界公」，就是上元「賜福天官紫微大帝」、中元「赦罪地官清虛大帝」、下元「解厄水官洞陰大帝」的合稱。

玉帝源於上古的天帝崇拜。殷商時期，人們稱最高神為帝，或天帝、上帝，這是一位支配天上、地下、文武眾仙的大帝。周朝及后世統治者利用天帝崇拜，鼓吹「君權神授」，極力宣稱自己是天帝的兒子，故稱「天子」。玉皇大帝的塑像或畫像

，至唐宋以后才逐漸定型，一般是身穿九章法服，頭戴十二行珠冠冕旒，有的手持玉笏，旁侍金童玉女，完全是秦漢帝王的打扮。

《高上玉皇本行集經》載：遠古之時，有個「光嚴妙樂國」，國王為「淨德王」，王后稱「寶月光」，老而無嗣；一夜夢見太上老君抱一嬰兒入王后懷中，王后恭敬禮接，醒後就覺的有孕。懷孕足足十二個月，乃於丙午年正月初九誕下太子。太子自幼聰慧，長大則輔助國王，勤政愛民，行善救貧。國王駕崩，太子郤禪位大臣，遁入深山修道。功成經歷八百劫，犧牲己身以超度眾生，終於修成真道，飛昇九天之上，得萬方諸神擁戴。於是統御三界，是為「玉皇大帝」。

農曆正月初九為玉帝誕辰（天公生）。正月為一年之初，四季之首，木氣之始，一切生命因而萌發；九為數字之極尊，代表「極大、極多、極高」的意義，所以一年中第一個初九（上九）為玉帝聖誕，正與他至高無上的地位相呼應。明代王逵《蠡海集》中說：「神明降誕，以義起者也。玉帝生於正月初九日者，陽數始於一，而極於九，原始要終也。」意思是說，神明降誕的日子都有一定的特殊含義。

「玉皇大帝」的祭祀起源於上古的天地崇祀，和古人敬天畏地的思想有密切的關係，古人認為「天」是宇宙萬物的主宰，也是萬物生長化育的本源，所以不可不敬天畏命，順天行道。因此想像自然界中有一位最高的神明在支配萬物。於是「天」命令君王來人間執政治民，君王必須順應天意，這樣才能風調雨順，國泰民安，否則君王違反了天道，天就會降下各種災害懲罰。君王敬畏「天」，庶民百官自然而然的也敬畏「天」，君王既然是奉「天」之命治理人世，所以君王不得不崇拜「天」，定期「祭天」，不但是君王必行的職責，也是國家的大典。早自商周時代，歷朝君王每年例必舉行盛大的「郊祀」，是敬天思想的最高表徵，但只有帝王才有資格祭祀，直到封建時代結束，民間才開始祭祀「天公」。

據史藉所載，唐、隋、晉、魏、漢，乃至秦，諸代皆有帝王祀天之大典，但當時所祀的「天」，乃純粹是指大自然的「天」，即「蒼天」、「昊天」。可是「天」是無形的、渺茫的，又怎么去祭祀呢？如此漸漸地就把「天」具體神化，稱之「玉皇大帝」。因玉皇大帝是由人想像而來的神，所以原無神像，到宋真宗時，才為他塑像，視其自家祖先，封其為玉皇。玉皇大帝的塑像或畫像，一般是身穿九章法服，頭戴十二行珠冠冕旒，有的手持玉笏，旁侍金童玉女，完全是秦漢帝王的打扮。及至道教興起以後，把「天」加以「人神化」，當成有思想有感情的人形「神」來拜，塑造「天公」「老天爺」這個形象來。於是，民間所崇拜的「天公」與古代帝王所祀自然的「天」，就逐漸分離開了。

「玉皇大帝」的誕生祭祀，遠較一般諸神更為隆重及莊嚴，因為百姓都深信天公是至高無上，最具權威的神，無「相」足以顯示，因此不敢隨意雕塑他的神像，而以「天公爐」及「天公座」來象徵。一般廟宇都有一座天公爐安置於廟前，祭拜時要先向外朝天膜拜，這是燒香的起碼禮儀。

由於「玉皇大帝」在信眾心目中，是眾神之最，所以拜天公的儀式也比一般神明來得隆重。前一天晚上，全家都必需齋戒沐浴、設立祭壇，供奉豐盛祭品，然後依序上香，行三拜九叩禮。且祭祀當日，不得曝晒女人的衣褲、傾倒便桶，以免天公

看到了觸犯大不敬之罪。在團體祭典的場合一定要「殺豬公」，並且是整隻敬供，是祭典時最隆重的獻禮。

而「玉皇大帝」的身份極尊貴，凡間小事，根本無暇理會。所以求財求嗣求名求利者，玉帝未必有暇去賜予。

供奉玉帝，應要一班文武百官、天神天將拱護，不可單獨以玉帝像供奉，否則成為孤君，不能顯出玉帝的威嚴及尊崇。

農歷正月初九是玉皇大帝的誕辰「玉皇誕」，台灣閩南俗稱「天公生」。是日道觀要舉行盛大的祝壽儀式，誦經禮拜。家家戶戶于此日都要望空叩拜，舉行最隆重的祭儀。

在封建社會時代，唯天子才有資格祭拜玉帝，一般民眾不能隨便祭拜。一直到封建時結束，這種禁忌才得以破除。然而，一般民間仍認為玉皇大帝是如此崇高偉大，並不敢擅自為其雕塑神像，而以「天公爐」或「神牌位」來代替。信徒拜祭玉皇大帝時，就對著「天公爐」焚香膜拜。

拜天公的祭典，自初九的凌晨開始，一直到天亮為止。在這一天前夕，全家人必須齋戒沐浴，以庄嚴敬畏的心情舉行祭拜，家家戶戶都要在正廳前面，放置八仙桌，搭起祭壇，供桌上備神燈、五果（柑、桔、蘋果、香蕉、甘蔗）、六齋（金針、木耳、香菇、菜心、豌豆、豆腐等），并面線塔，另設清茶三懷，還有甜劇、社龜，到了時辰，全家整肅衣冠，按尊卑挨次上香，行三跪九叩禮拜，然后燒天公金。

除了祭祀儀式之外，民間在這一天當中也有一些禁忌要遵守，例如，不得曝曬女人的衣褲、不得傾倒便桶等，以免玉皇大帝看到了觸犯了大不敬之罪。而祭品中五牲之一的雞，不能用母雞，最好是用閹雞或公雞。



*Dịch:-
Ngọc Hoàng Đại Đế

"Ông Trời" là để chỉ Ngọc Hoàng Thượng Đế , cũng tôn xưng bằng nhiều danh hiệu như:- "Ngọc Đế" , "Hạo Thiên Thượng Đế" , "Huyền Khung Cao Thượng Ngọc Hoàng Đại Thiên Đế", "Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Chí Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Chí Chân NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ".
NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần minh cao cấp của Đạo giáo, địa vị gần nhất dưới Tam Thanh Tôn Thần. Nhưng trong con mắt của người thế tục Trung Quốc , NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần tối cao, là vua của các thần khác.

*Theo truyền thuyết dân gian, NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ không chịu mệnh lệnh của vua khác, cai quản khắp nhân gian, thống trị hết thần tiên của ba giáo Nho, Đạo, Thích, điều động hết thiên thần, địa kỳ, nhân quỉ. Thiên thần là những vật tự nhiên được "thần hóa" như:- mặt trời, mặt trăng, sao, phong bá (thần gió), vũ sư (thần mưa), tư mệnh, Tam Quan đại đế, Ngũ Hiển đại đế v.v... đều dưới quyền của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ . Địa kỳ (chi) cũng là những vật tự nhiên ở đất được thần hóa như:- thần Thổ Địa, thần Xã tắc, thần Núi non, thần Sông biển, thần Năm tháng, nói chung bao quát cả "bách thần". Nhân quỉ là những nhân vật lịch sử sau khi chết được thần hóa, bao gồm : tổ tiên, những bậc công thần, những văn nhân v.v... NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ thống lãnh trời, đất, người, thần linh ba cõi, cùng quản lý mọi sự thịnh suy tốt xấu của vũ trụ vạn vật . Về lãnh vực nầy, Ngài có các thuộc hạ như:- Văn Xương đế quân coi về sự học hành, Quan Thánh đế quân coi về việc mua bán, Xảo Thánh Tiên sư coi về công nghiệp, Thần Nông Tiên đế coi về nghề nông, Đông Nhạc đại đế cai trị các địa phương, cùng với những phụ tá như :- Thanh Sơn vương, Thành Hoàng gia, Thổ Địa công, Địa Cơ chủ. Ngoài ra còn có những vị coi về phần âm như:- Phong Đô đại đế và Thập Điện Diêm Vương ... Tất cả đều dưới quyền cai trị, chỉ đạo, phân bổ của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ .

Trong cơ sở lý luận của Đạo giáo, có sự phân chia rõ rệt của ba giới: trời, đất, người. Trời thì có 13 tầng, một tầng là ba mươi ngàn dậm. Khu vực "Trời ngoài" gọi là "Vô cực", còn khu vực "Trời trong" gọi là "Thái cực". Thái Cực thiên lại phân làm năm thiên là :- Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung Ương. NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần tối cao, tất cả thần linh đều phải nghe theo lệnh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ . Sự phân chia Thái Cực thiên như sau:-

1.- Trung Thiên:- là nơi cư ngụ của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ , nắm quyền điều khiển cả trên là ba mươi sáu "Thiên", ba ngàn thế giới, lẫn dưới là bảy mươi hai "Địa", tứ đại bộ châu có sanh linh đang sống.
2.- Đông Thiên:- do "Tam Quan Đại Đế" cai quản, chủ về việc ban phước tăng thọ, giải tai xá tội trừ nạn cho sanh linh.
3.- Nam Thiên:- do "Văn Hành Thánh Đế" cai quản, chủ về việc theo dõi ghi chép công tội , hay bổ nhiệm thăng giáng cấp của tất cả chư Thần.
4.-Tây Thiên:- do Thích Ca Mâu Ni cai quản, chủ về giáo dục tâm linh cho con người, dạy họ làm lành lánh dữ và qui y theo Phật đề tu đạo giải thoát.
5.-Bắc Thiên:- do "Tử Vi Đại Đế" cai quản, chủ về việc ban cho tiền bạc, tài sản, cũng như họa phước con người.



*Theo truyền thuyết thì NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ chính là "hóa thân" của "Đấng Tối Cao Thái Cực" trong Tam Thanh, là vị được cổ nhân sùng kính hạng nhất. Ngọc Hoàng cư ngụ nơi "Ngọc Thanh Cung", chưởng quản hết từ trên là 36 thiên, ba ngàn thế giới, các bộ thần tiên, tới dưới là 72 địa, tứ đại bộ châu. Nói tóm lại , là chưởng quản tất cả chư Thần, Tiên, Phật, cho đến triệu ức sanh linh… do đó mới tôn xưng Ngài là "Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn Huyền Linh Cao Thượng Đế".

*Lại có một thuyết khác, cho rằng NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là "Thiên Quan" của "Tam Quan Đại Đế", giống như Tử Vi Đại Đế của Đạo giáo , nghĩa là một vị "Phước Thần" coi về phước, lộc , thọ. Tam Quan đại đế còn xưng là "Tam Giới Công", gồm có:- "Tứ Phước Thiên Quan Tử Vi Đại Đế" ở cõi thượng nguyên, "Xá Tội Địa Quan Thanh Hư Đại Đế" ở cõi trung nguyên và "Giải Ách Thủy Quan Động Âm Đại Đế" ở cõi hạ nguyên, gồm lại gọi là "Tam Quan Đại Đế" vậy.

*Danh xưng Ngọc Đế xuất phát từ sự tôn trọng "Ông Trời" của người thượng cổ. Thời đại nhà Ân, nhà Thương gọi vị thần tối cao là "Đế" hoặc "Thiên Đế" hay "Thượng Đế", có nghĩa là một vị "VUA" có năng lực chi phối hết thảy trên trời dưới đất , hai bên chư thần văn võ. Đời nhà Châu (Chu) lợi dụng tinh thần sùng bái "Ông Trời" nầy mà gọi vua là "Con của Trời" (thiên tử) nên "vua nói ra thì tất cả phải nghe theo".

*Về lãnh vực "Họa hình" thì mãi tới đời Đường, Tống mới có chính thức. Đó là hình tượng một vị "mình mặc loại y phục Cửu Chương, đầu đội mão Thập Nhị Hành , tay cầm Ngọc Hốt, (玉笏 : Cái hốt, ngày xưa vua quan ra chầu đều cầm cái hốt, hoặc làm bằng ngọc, hoặc làm bằng tre, ngà, có việc gì định nói thì viết lên giấy để phòng cho khỏi quên. Đời sau hay làm bằng ngà voi mà chỉ các quan cầm thôi—TĐHV Thiều Chửu). Hai bên có Kim Đồng, Ngọc Nữ theo hầu, hoàn toàn mô phỏng theo y phục của vua chúa Tần, Hán.




*Theo "Cao Thượng Ngọc Hoàng Bản Hạnh Tập Kinh" viết:-

-Vào đời viễn cổ, có một nước tên là "Quang Nghiêm Diệu Lạc", vua là "Tịnh Đức Vương", hoàng hậu là "Bảo Nguyệt Quang" , đã lớn tuổi mà chưa có con trai. Một đêm nọ, nằm mộng thấy Thái Thượng Lão Quân bồng một đứa con nít trai đưa cho hoàng hậu. Tỉnh dậy, hoàng hậu biết mình có thai. Mang thai mười tháng, đến ngày mùng chín tháng giêng năm Bính Ngọ thì hạ sanh Thái Tử. Từ nhỏ, Thái tử rất thông minh trí tuệ, lớn lên đã phụ tá cho vua cha đắc lực, thương yêu dân chúng, làm việc thiện cứu giúp nhân dân. Sau khi nhà vua băng hà, Thái tử giao đất nước lại cho các đại thần rồi vào trong núi để tu hành. Trải qua tám trăm kiếp, hi sinh bỏ mạng để cứu chúng sanh, cuối cùng đạt đạo chân, phi thăng cõi trời, được muôn thần sùng kính ái mộ, đưa lên làm "NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ ", cai quản khắp tam giới.

***

Ngày mùng chín tháng giêng âm lịch là ngày "Đản sinh" của Ngọc Đế (Thiên Công Sinh) . Tháng giêng là tháng khởi đầu của năm, chủ của bốn mùa, cây cối nhờ vào khí thủy mà từ đó sanh sôi nẩy nở thêm ra. Số "chín" là con số "lớn nhất" của các số, đại biểu cho ý nghĩa "cực đại, cực đa, cực cao". Cho nên, người ta lấy con số "chín đầu tiên" (thượng cửu) của năm (9 tháng 1) làm ngày sinh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là do ý đó.

*Trong "Lãi Hải Tập " của Vương Quỳ đời nhà Minh nói rằng:- "Nghĩa của ngày sinh thần minh là nghĩa của "sự bắt đầu", cho nên lấy ngày mùng chín tháng giêng là thánh đản của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ . Số bắt đầu từ "một" đến lớn nhất là "chín", kết thúc của "sự bắt đầu" vậy". Như thế, khi nói đến ngày sinh của các vị thần, chúng ta cần phải lưu ý đến hàm nghĩa của "con số" biểu trưng vậy.

*Việc cúng bái NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ có nguồn gốc quan hệ đến sự sùng bái trời đất của người xưa và tư tưởng kính trời sợ đất của con người mà thành. Người xưa cho rằng, "Trời" là vị chúa tể của vạn vật, là nguồn gốc của sự sanh ra và nuôi lớn muôn vật, cho nên mọi người không thể không kính trời sợ đất, thuận theo trời mà hành đạo. Do đó, họ nghĩ rằng trong tự nhiên phải có một vị "thần minh tối cao" cai quản và chi phối hết thảy mọi vật. Nhà vua là người được mệnh lệnh của "Trời" cho xuống nhân gian để cai trị người. Nếu vua mà thuận theo thiên ý thì sẽ được mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, còn nếu nhà vua làm trái với thiên ý, thì "trời" nhất định sẽ giáng tai họa để trừng phạt. Mà nếu hễ nhà vua mà đã kính

sợ "trời" thì các quan và dân chúng cũng phải kính sợ "trời". Vua đã là người phụng mệnh "trời" để cai trị dân chúng thì nhất nhất không thể không sùng bái "trời", cho nên phải có định kỳ "tế trời", đó là chức trách tối quan trọng của nhà vua. Trải qua nhiều triều đại, mỗi năm nhà vua đều phải cử hành "LỄ GIAO" (lễ tế trời), nhưng chỉ có "nhà vua" mới là người "đủ tư cách tế trời" mà thôi ! Đến khi, triều đại phong kiến kết thúc, dân chúng mới bắt đầu được phép "tế trời".

*Theo trong các sách sử thì từ các đời Tần , Hán,Đường, Tùy, Tấn, Ngụy… đều có tổ chức "Lễ tế trời" rất trọng thể. Nhưng "trời" không thể hiểu như là "bầu trời xanh trên cao" kia được, khái niệm "trời" rất vô hình, mênh mông … thì làm sao biết chỗ nào, người nào… để cúng tế đây ? Từ đó, người ta phải cụ thể hóa "trời" bằng danh xưng "NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ " để có đối tượng rõ ràng mà cúng bái.

*Vì NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần do con người tưởng tượng ra mà thành, nên không thể có "hình dạng cụ thể" được. Mãi cho đến thời vua Tống Chân Tông mới có hình tượng NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ như đã mô tả ở trên. Như vậy, chúng ta thấy có sự khác biệt về nhận thức của "Trời Vô Hình" lúc đầu và "Trời Hình Tượng" kể từ khi Đạo giáo thịnh hành. Còn trong dân gian, không cần nói đến ý nghĩa cao thấp , hữu hình vô hình gì cả, mà trong đầu mỗi con người Trung Quốc đều mang nặng, khắc sâu hình tượng "ÔNG TRỜI" hiện diện rất thân cận, gần gũi và mật thiết với họ.

*Việc cúng tế "Ông Trời" phải được thực hiện sao cho có phần long trọng, trang nghiêm hơn các "thần minh' khác, vì Ngài là vị quyền uy tối cao trên tất cả thần thánh khác. Do đó, lúc đầu không ai dám đưa hình tượng nào ra về Ngài, chỉ dùng hai biểu tượng là "Thiên Công Lô" (lò hương cúng trời) và "Thiên Công Tòa" ( ngai vua trời) để cúng bái mà thôi. Các Miếu thờ đều đặt "Thiên Công Lô" ở trước cửa, khi cúng bái thì ngẫng mặt lên bầu trời mà van vái, từ đó phát sinh tục lệ "đốt nhang" trong cúng tế.

-Trong con mắt của mọi người, NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là lớn nhất, nên việc cúng tế phải làm cho ra vẻ mới được. Vòa buổi chiều hôm trước (tức chiều mùng 8/1) , cả nhà già trẻ bé lớn đều ăn chay, tắm gội sạch sẻ, sửa soạn phẩm vật thịnh soạn. Kế đó, dâng hương cúng tế, lạy ba lạy chín vái . Trong ngày cúng tế, không được phơi quần áo đàn bà, phải lật úp "thùng phân" lại để thiên công không nhìn thấy, khỏi phạm tội bất kính. Ở những nơi cúng tập thể phải có phẩm vật đặc biệt là "con heo nguyên vẹn" để cúng theo nghi thức rất long trọng.
Vì địa vị của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ quá cao, nên phàm những việc nhỏ nhặt như cầu tài, cầu tự, cầu danh, cầu lợi đều không được "cầu trời phò hộ", vì Ngọc Đế đâu có rãnh mà giải quyết những chuyện nầy !
Khi cúng Ngọc Đế, tất phải nhớ cúng thêm cả hai ban văn võ bá quan theo hầu cận Ngài, không được chỉ để một tượng Ngọc Đế đơn độc mà cúng, như thế thành ra "cô quân" (ông vua cô độc) hay sao ? Phạm vào điểm nầy, thành ra tội bất kính Ngọc Đế vì không nói lên được uy thế của Ngài .

• Ngày mùng chín tháng giêng âm lịch là ngày "đản sinh" của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ . Xứ Mân Nam của Đài Loan dân chúng gọi là "Ngày sinh ông Trời". Vào ngày ấy, tất cả những đạo quán đều tổ chức cúng kiến với những nghi thức vô cùng long trọng như :- Chúc thọ, tụng kinh, lễ bái… Nhà nhà người người đều ra ngoài trời, hướng vọng lên không trung mà khấu bái.

* Ở thời đại phong kiến, chỉ có nhà vua mới đủ tư cách tế trời, còn dân chúng thì tuyệt đối không được tùy tiện cúng bái trời. Khi phong kiến kết thúc, điều cấm kỵ trên đã bãi bỏ. Tuy vậy, dân gian vẫn tin rằng địa vị của Ngọc Đế quá cao nên không được phép tô vẽ đắp hình tượng của Ngài để thờ cúng, mà chỉ dùng hai món tiêu biểu là "Thiên Công Lô" và "Thiên Công Tòa" như đã nói ở trên để cúng bái . Khi cúng, tín đồ chỉ thắp hương và lễ lạy trước "Thiên Công Lô" mà thôi.

* Nghi thức "cúng trời" chỉ diễn ra từ khuya đêm mùng tám đến khi mặt trời mọc sáng mùng chín thì ngừng. Ngày hôm trước đó, cả nhà đều ăn chay tắm gội sạch sẻ, tập trung mạnh mẽ tinh thần , bỏ hết những chuyện tạp nhạp trong tâm, để việc cúng tế được linh nghiệm. Mọi người tập trung trước chính sảnh (gian thờ), trần thiết bàn bát tiên, lập đàn cúng tế. Trên bàn cúng trời, có :- cặp đèn "thần đăng", năm thứ trái cây (cam, quít, tần quả, chuối, mía), phải nấu sáu món chay là :- kim châm, mộc nhĩ (nấm mèo), nấm hương cô, rau thái tâm, đậu uyển, tàu hủ, tất cả thức ăn đều phải được đậy kỹ bằng vải lưới thật mỏng, ngoài ra, đặc biệt còn phải có ba hộp trà ngon. Có tổ chức múa mâm vàng, ca hát chúc tụng, phát "lộc". Khi đến giờ mãn, cả nhà chỉnh trang y phục, đến chính sảnh đứng theo tôn ty thứ tự mà hành lễ "tam quỵ cửu khấu" (ba lạy chín vái), sau đó mới đốt giấy tiền vàng bạc. (công kim)
Một vài nơi, người dân có tục "cúng gà" trong dịp nầy, phải dùng gà trống để cúng chứ không được dùng gà mái.
Xin theo dõi tiếp BÀI 2. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA - NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 2.

*Chủ Nhật, ngày 29 tháng 3 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.
Nhược Thủy
( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

### 5.TÂY VƯƠNG MẪU hay VƯƠNG MẪU NƯƠNG NƯƠNG .



王母娘娘

王母娘娘，或稱瑤池金母、西王母、金母、金母元君、九靈大妙龜山金母。簡稱王母或西王母。俗姓侯，或曰楊，名回，字婉妗、或曰太虛。

西王母的信仰在中國由來已久。《山海經·西次三經》記載說：「西王母居住在玉山之山，其狀如
人，豹尾虎齒而善嘯，蓬髮載勝，是司天之厲及五殘。」意思是說西王母大致像個人，形狀威猛，掌管災厲（瘟疫）和刑罰的怪物。另據「列仙全傳」所載：西王母
是西華至妙之氣化生而成，與東王公分掌天下三界十方之男女仙籍，配位西方，其神格僅次於三清，十分崇高。

西王母是匯集西華奇妙真氣，降誕於神州伊川的道教崇高女神，先居西方，德配坤元，主掌陰靈真
氣，是洞陰至尊。瑤池金母仙居住於中國西方的巖山峻嶺之中，其第一座主奉廟宇於現今甘肅省川縣境內的回山。由此可見，瑤池金母仙居聖地應不出甘肅一帶。仙
居聖域，非凡人所能達，因此古人難得一見瑤池金母之聖顏，關於金母仙貌裝束之描述，雍容華貴，凝重端庄。

西王母居住在崑崙山上的懸圃裡，是一座空中花園，叫做「閬風」的苑中，一共有玉樓九層，左繞
瑤池，右環翠水。有五名侍女，名「華林」、「媚蘭」、「青娥」、「瑤姬」與「玉卮」。王母有件寶物，是吃了能長生不老的仙桃（又稱蟠桃），此桃三千年開一
次花，三千年結一次果，吃了可以增長壽命。王母娘娘每逢蟠桃成熟時，就會召集群仙，大開壽筵，稱為「瑤池集慶」。因此，民間遂以王母娘娘為長生不老的象
徵。神話傳說中的嫦娥，就是偷吃了丈夫后羿弄來的西王母不死藥，而飛上月亮的。

西王母掌管西方，舉凡天上或地上所有成仙之女子皆由她來治理，並與「東王公」共同統轄東西兩股元氣，化育天地，陶治萬物。

而王母娘娘自稱為天帝的女兒，而天帝是皇天上帝的泛稱，據《禮曲禮集》解說青帝、赤帝、黃帝、白帝都稱天帝。

《西王母傳》中提及金母與木工共理陰陽二氣，養育天地，陶均萬物，三界十方內得道之女仙，名籍皆歸其管轄。

《列仙全傳》記載：『西王母即龜台金母也，係西華至妙洞陰之極尊，育化誕生於神州伊川，俗姓侯或楊，諱回，字婉，一字太虛』。

《史記大苑傳略》記載：「西王母這古仙人，姓楊，或謂姓侯，名回，一為婉妗，居昆侖。」

《道藏道跡經》記載：「王母上殿東西坐，著黃金蒨辱，文采鮮明，光儀淑穆，帶靈飛大綬，腰佩分景之劍，頭上太華，戴太真晨纓之冠，履玄 鳳文之
，觀之，年方三十許，修短得中，天姿，靈顏絕世，真靈人也」。

《道藏三洞經》記載：「西王母者，太陰之元氣也，姓自然，字君思，下治昆侖，上治北斗」。列西王母為第四神仙，僅次于東王父。
《雲笈七　》記載：「上聖白玉龜台九靈太真西王母」。

在中國道書古籍中，多次記載西王母顯聖遣使下凡，曾經派她的徒弟九天玄女，幫助黃帝打敗蚩尤、授天下地圖予舜帝整治國家、遣二十三女雲華夫人下凡助大禹治水，而幸睹聖顏者，則有以孝聞名鄉里的舜帝、遊瑤池拜金母的周穆王以及好神仙之術的漢武帝等人。

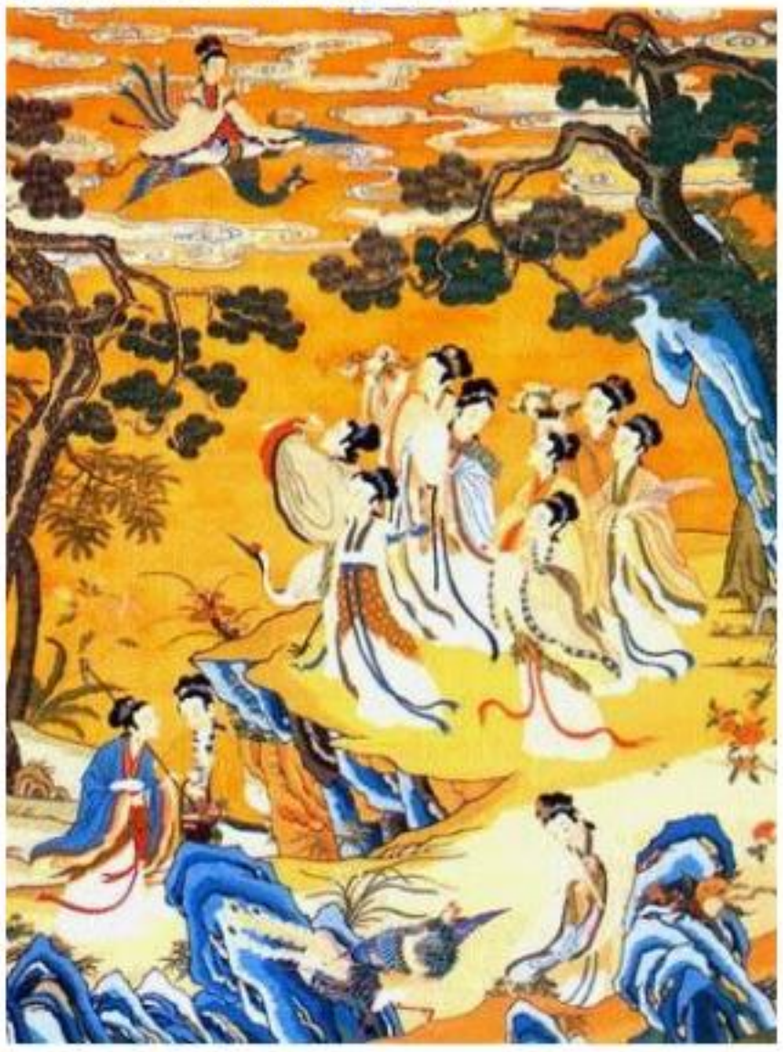
《穆天子傳》中：記有周穆王夢遊見西王母的故事，這時的西王母不是神，而是一位女王了。

《漢武帝內傳》載：「七月初七，王母降，自設天廚，以玉盤盛仙桃七顆，像鵝卵般大，圓形色
青，王母贈帝四顆，自食三顆，帝食后留核准備種植，王母說這種桃三千年才能結果，中國地薄，無法種植。」這時的西王母已是一身帝后打扮的絕色佳人，她上殿
接見數千神仙，儼若女仙領袖。

東漢末，道教興起，推崇王母娘娘奉為尊神，將王母娘娘列為七聖之一，說她是道教第一大神元始
天尊的女兒，三界十方女子登仙得道者，都是她的屬下。有的則視為元始天尊的母親，類似人間的皇太后，具有掌握宇宙的無上權力。許多地方祠祀的西王母，左右
有六位夫人，有兩送子者、兩催生者、兩治瘟疹者，為仁慈、至尊的神明。

王母娘娘與玉皇大帝結為夫妻，有如人間帝后。二人還生了七位女兒，其中小女兒七仙女私自下凡，與窮小伙董永「天仙配」的故事家喻戶曉。她還有個外孫女叫織女，與牛郎七夕鵲橋相會的故事，更是婦孺皆知。

每逢農曆七月十八日為瑤池金母聖誕佳辰，仙界眾神都會親赴瑤池祝壽，由此可見金母神格之崇高。而該日王母廟的香火非常鼎盛.



*Dịch:-

VƯƠNG MẪU NƯƠNG NƯƠNG .

Vương Mẫu Nương Nương hoặc là Dao (Diêu) Trì Kim Mẫu, Tây Vương Mẫu, Kim Mẫu, Kim Mẫu Nguyên Quân, Cửu Linh Đại Diệu Quy Sơn Kim Mẫu, nói gọn là Vương Mẫu hay Kim Mẫu. Thế danh tính là họ HẦU (có nơi nói là DƯƠNG) tên HỒI, tự UYỂN LINH , tên chữ là THÁI HƯ.
Tín ngưỡng về Tây Vương Mẫu đã có từ lâu đời ở Trung Quốc. Trong phần "Quyển 3 nói về Khu vực phía Tây của Sơn Hải Kinh" đã nói:- "Tây Vương Mẫu cư trú tại núi Ngọc Sơn, hình tướng như người, có tướng lạ là đuôi beo răng cọp tiếng kêu rất to, tóc như cỏ bồng bay phủ. Là người coi về các chứng bệnh dịch và ngũ tàn (5 thứ tai nạn làm tàn phế con người)". Ý nghĩa đoạn nầy nói rằng Tây Vương Mẫu là một con người đặc biệt nhìn giống như "quái vật", có hình tướng uy mãnh, chưởng quản về các chứng bệnh ôn dịch và các tai nạn của con người.

*Riêng "Liệt Tiên Toàn Truyện" có ghi:-" Tây Vương Mẫu chính là những khí tinh hoa diệu mầu của phương Tây tạo thành, cùng với Đông Vương Công chia nhau giữ sổ sách tên tuổi các vị Tiên trong mười phương ba cõi, vị nầy ở hướng Tây, là vị thần ở gần Tam Thanh, có địa vị rất cao".
Tây Vương Mẫu là sự tập hợp những tinh khí kỳ diệu của khu vực hướng Tây tạo thành, là vị nữ thần được Đạo Giáo ở vùng Y Xuyên Thần Châu rất sùng bái. Hiện hữu trước tiên ở khu vực phương Tây, có cái đức là nguyên khí của Đất, chủ cai quản về chân khí âm linh, là vị chí tôn của "Thuần âm khí" vậy. Dao Trì Kim Mẫu cư trú trong những dãy núi cao đẹp đẽ ở phương Tây Trung Quốc. Ngôi Miếu Thờ Ngài đầu tiên hiện nay ở Hồi Sơn thuộc huyện Xuyên của tỉnh Cam Túc. Từ đó cho thấy, thánh địa trước tiên của Dao Trì Kim Mẫu không ngoài dãy núi Cam Túc . Khu vực nầy người phàm không thể đến được, cho nên từ xưa đến nay chưa ai trông thấy được tôn nhan của Ngài, chỉ theo lời diễn tả của Trang Thúc là dung mạo của Kim Mẫu tươi đẹp như hoa, đoan trang tôn quí.
Chỗ ở của Tây Vương Mẫu là Vườn Treo của núi Côn Lôn, đây là một hoa viên gọi là "Lang

Phong", có chín tần lầu ngọc, tả hữu có ao tiên nước xanh biếc vây quanh. Ngài có năm người thị nữ tên là "Hoa Lâm", "My Lan", "Thanh Nga", "Dao Cơ" và "Ngọc Chi". Tây Vương Mẫu có một bảo vật quí hiếm ăn nó thì được trường sanh bất lão tên là "quả đào tiên" (còn gọi là bàn đào) . Loại đào nầy, cứ ba ngàn năm mới trổ hoa, ba ngàn năm nữa mới kết trái, ăn vào thì tuổi thọ kéo dài. Khi đào đã chín, Vương Mẫu Nương Nương thường triệu tập các vị thần tiên mở ra bửa tiệc chúc thọ gọi là "Dao Trì Tập Khách" để chiêu đãi . Do đó, nhân gian hiểu rằng Tây Vương Mẫu là tượng trưng cho sự trường sinh bất tử . Trong câu chuyện thần thoại nói về Thường Nga (Hằng Nga) có nhắc đến việc nàng ăn cắp thuốc bất tử của chồng là Hậu Nghệ để uống sau đó bay lên cung trăng là do vào niềm tin bất tử vào Tây Vương Mẫu vậy.

Tây Vương Mẫu chưởng quản phương Tây, là người quản lý sổ sách các vị tu hành ở cõi trên hoặc cõi dưới, có được chứng quả Tiên hay không. Ngài cùng với Đông Vương Công là hai vị hiện thành do nguyên khí từ ngàn xưa của Đông Tây tạo nên, để nuôi dưỡng trời đất, cai quản muôn vật. Tây Vương Mẫu tự xưng là con gái của Thiên Đế, mà danh từ Thiên Đế lại do Huyền Thiên Thượng Đế tiếm xưng, thực ra thì trong "Lễ khúc lễ tập" nói rằng cả bốn vị Thanh Đế, Xích Đế, Huỳnh Đế và Bạch Đế mới là Thiên Đế .



*Còn trong " Tây Vương Mẫu truyện" thì nói rằng Kim Mẫu cùng với Mộc Công hợp hai khí âm dương để nuôi lớn trời đất, sinh sôi nẩy nở muôn vật, những tiên nữ đắc đạo trong mười phương ba cõi đều do Ngài quản hạt".
*Trong "Liệt tiên toàn truyện" có ghi :- Tây Vương Mẫu tức là Quy Đài Kim Mẫu, là bậc chí tôn của khí tinh diệu thuần âm phương Tây tạo thành. Hóa sanh ở Y Xuyên của Thần Châu, họ Hầu (hoặc Dương) , tên Hồi, tự là Uyển , tên chữ là Thái Hư".
* Sách "Sử ký đại uyển truyện lược" ghi:- " Tây Vương Mẫu là bậc Cổ Tiên, họ Hầu hay Dương , tên Hồi, tự Uyển Linh, ở núi Côn Lôn".
* Sách "Đạo Tạng Đạo Tích Kinh" chép:- "Điện của Ngài Tây Vương Mẫu tọa Tây hướng Đông, vàng ròng làm đất, cảnh sắc sáng rỡ, dung mạo đoan trang uy kính, thắt dây lưng Linh Phi, đeo gươm Phân cảnh. Trên đầu như hoa lớn, đội mão Thái Chân Thần Anh, trước ngực thêu chim phượng. Nhìn sơ qua tuổi ước chừng ba mươi, nhưng đó là do Ngài có phép "thâu ngắn tuổi" lại nên có nhan sắc linh diệu tuyệt thế, quả thật là Chân Linh Nhân vậy".
* Sách "Đạo Tạng Tam Động Kinh" chép:- "Tây Vương Mẫu là nguyên khí thuần âm tạo thành. Họ là Tự Nhiên, tên là Quân Tư, dưới cai quản Côn Lôn, trên trị vì Bắc Đẩu". Sách nầy xếp Tây Vương Mẫu vào hàng thần tiên thứ tư, bên cạnh có Đông Vương trợ giúp.
*Còn sách "Vân Thất Cấp" thì nói :- "Có một vị thánh gọi là Bạch Ngọc Quy Đài Thái Chân

Tây Vương Mẫu ".

*Trong những đạo thư xưa của Trung Quốc, có rất nhiều đoạn nói về sự hiển thánh của Tây Vương Mẫu . Như là:- Ngài đã từng phái đồ đệ là Cửu Thiên Huyền Nữ xuống giúp cho Huỳnh Đế đánh bại giặc Xi Vưu, giao địa đồ thiên hạ cho vua Thuấn để trị an đất nước, cùng với hai mươi ba vị Vân Hoa Phu Nhân xuống phàm giúp vua Đại Vũ trị thủy (cứu nạn lụt lội) . Thánh nhan của Ngài là do những người đã từng nhìn thấy Ngài như vua Thuấn , người nổi tiếng về hiếu thảo hay Hán Vũ Đế, vị vua cực kỳ ham thích đạo thần tiên kể lại.

*Theo "Mục Thiên Tử Truyện" có kể lại chuyện trước đây, Chu Mục Vương đã có lần nằm mộng thấy Tây Vương Mẫu, nhưng ở đây Kim Mẫu chưa là thần, chỉ là một vị nữ vương thôi ".




* Còn theo "Hán Vũ Đế nội truyện" ghi :- "Đêm mùng bảy tháng bảy, Vương Mẫu giáng trần, tự tổ chức bếp ăn của trời, có bàn bằng ngọc đựng bảy trái đào tiên, to bằng quả trứng ngỗng, hình tròn sắc xanh. Vương Mẫu tặng cho vua bốn trái đào, còn Ngài ăn ba trái. Nhà vua ăn xong, có ý để dành cho quần thần nếm thử, nhưng Vương Mẫu bảo rằng, đào nầy ba ngàn năm mới có trái, đất Trung Quốc phước mỏng, người thường không được ăn". Khi ấy , hình tượng Vương Mẫu đã thành một vị vợ vua, nhan sắc tuyệt vời. Ngài ngồi trên điện mà tiếp kiến các thần tiên khác, đương nhiên trở thành lãnh tụ của nữ tiên.

*Cuối thời Đông Hán, Đạo Giáo thịnh hưng, suy tôn Ngài thành Vương Mẫu Nương Nương , cho rằng Vương Mẫu Nương Nương là vị thánh hạng nhất trong bảy vị thánh, là vị Nguyên Thủy Thiên Tôn Nữ Nhi của Đạo Giáo . Tất cả người tu hành trong mười phương ba cõi đắc quả tiên đều là thuộc hạ của Ngài. Đó là nguyên nhân dẫn đến lòng tin Ngài là mẫu thân của Nguyên Thủy Thiên Tôn, nhân gian tôn xưng là Huỳnh Thái Hậu vậy, Ngài có quyền lực vô hạn, cai quản khắp vũ trụ. Rất nhiều nơi thờ phụng đức Tây Vương Mẫu với tả hữu có sáu vị phu nhân :- hai vị gọi là Tống Tử Phu Nhân, hai vị là Thôi Sinh Phu Nhân, hai vị Trị Ôn Chẩn (bệnh dịch và bệnh ban trái), tất cả đều có lòng nhân từ cứu giúp chúng sinh. Ngài chính là vị thần minh tối cao vậy.

*Trong truyền thuyết dân gian thì Vương Mẫu Nương Nương cùng Ngọc Hoàng Thượng Đế kết làm vợ chồng như dưới trần gian có vua và hoàng hậu vậy. Trong truyện "Thiên tiên phối" (truyện có tính cách giáo dục con cái trong gia đình) thì hai vị ấy sanh được bảy người con gái, trong đó người con gái út lén trốn xuống phàm trần , kết duyên cùng một đầu bếp

nghèo tên  Đổng Vĩnh. Ngoài ra, còn có chuyện hai vị có người cháu ngoại tên Chức Nữ, làm vợ của Ngưu Lang, dệt thành chuyện tình ướt át  "Bắt cầu ô thước đêm mùng bảy tháng bảy" mà mọi người đều biết.
Hàng năm , đến ngày mười tám tháng bảy là ngày thánh đản của Dao Trì Kim Mẫu , các thần ở Tiên giới đều đến Dao Trì Cung để chúc thọ Vương Mẫu. Từ đó, ai cũng biết được phẩm vị của Kim Mẫu là cực cao.
Hiện nay, Miếu Thờ Kim Mẫu ở khắp nơi ngày đêm hương khói chẳng dứt.

*NHƯỢC THỦY dịch
( từ http://www.fushantang.com ).

## 5. TÂY VƯƠNG MẪU.
## 西王母

*西王母的來歷：西王母，俗稱王母娘娘，又稱西姥、王母、金母和金母元君。全名為白玉龜台九靈太真金母元君、白玉龜台九鳳太真西王母或太靈九光龜台金母元君。西王母之名最初見於《山海經》。「西」指方位，「王母」即神名。西王母由混沌道氣中西華至妙之氣結氣成形，厥姓侯氏，位配西方。《漢武帝內傳》稱西王母上殿時，「著黃金襞嬛，文采鮮明，光儀淑穆，帶靈飛大綬，腰佩分景之劍，頭上太華髻，戴太真晨嬰之冠，履玄鐫鳳文之舄。視之可年三十許，修短得中，天姿掩藹，容顏絕世」，漢武帝拜受西王母之教命。《山海經》中言西王母人身虎齒，豹尾蓬頭云云，乃西王母使者西方白虎之神，非西王母之形。
*女仙之宗：西王母為女仙之宗，居崑崙之間，有城千里，玉樓十二，瓊華之闕，光碧之堂，九層元室，紫翠丹房，左帶瑤池，右環翠山。《博物志》稱，瑤池有桃樹，「三千年一生實」。天上天下、三界十方，女子得道登仙者，都隸屬於西王母管轄。
*育養萬物：元始天尊授西王母以方天元統龜山九光之籙，使制召萬靈，統括真聖，監盟證信，總諸天之羽儀，監上聖之考校。西王母和東王公又是道氣陰陽之父母，共理二氣，育養天地，陶鈞萬物。黃帝討伐蚩尤之暴時，蚩尤多方變幻，呼風喚雨，吹煙噴霧，西王母即遣九天玄女授黃帝三宮五意、陰陽之略，太乙遁甲六壬步斗之術，陰符之機，靈寶五符五勝之文。黃帝遂克蚩尤於中冀。虞舜即位後，西王母又遣使授白玉環、白玉琯及地圖，舜即將黃帝的九州擴大為十二州。
*奉祀：《漢武帝內傳》中有西王母賜三千年結果之蟠桃事，因此，西王母開蟠桃會的故事深入人心。道教和民間一直將西王母作為長壽的象徵，以西王母作為金籙延壽道場的主神。每逢西王母神誕之日，一說是三月初三日，一說是七月十八日，道教徒，特別是女性教徒常聚集在道觀內，為西王母建祝誕道場，同時祈求健康長壽。



*Dịch:-

# Tây Vương Mẫu

1.-Lai lịch Tây Vương Mẫu:-

Tây Vương Mẫu , tục xưng là Vương Mẫu Nương Nương , còn gọi là Tây Lão Mẫu, Vương Mẫu, Kim Mẫu và Kim Mẫu Nguyên Quân. Tên gọi đầy đủ của Ngài là "Bạch Ngọc Quy Đài Cửu Phượng Thái Chân Tây Vương Mẫu" hoặc là "Thái Linh Cửu Quang Quy Đài Kim Mẫu Nguyên Quân".

*Danh hiệu Tây Vương Mẫu xuất hiện xưa nhất trong "Sơn Hải Kinh". "Tây" chỉ phương vị, "Vương Mẫu" là thần danh. Tây Vương Mẫu do tinh hoa chí diệu của khí thuần âm trong thời kỳ hỗn độn ngưng kết lại mà thành. Nói họ Hầu là vì có liên quan đến phương vị hướng Tây vậy.

*Trong "Hán Vũ Đế nội truyện" mô tả điện của Ngài là "xây dựng bằng vàng ròng, màu sắc rực rỡ, ánh kim quang chói mắt. Ngài thắt dây lưng Linh Phi, lưng mang gươm "Phân Cảnh", đầu tươi như đóa hoa, đội mão "Thái Chân Thần Anh" , ngực thêu chim phượng. Mới nhìn , tưởng như tuổi chừng ba mươi bởi vì Ngài có pháp rút tuổi. Ngài có phong thái thân thiết dễ mến, dung nhan tuyệt thế". Hán Vũ Đế lạy nhận giáo mệnh của Ngài.

*Trong "Sơn Hải Kinh" thì diễn tả "Tây Vương Mẫu là người có tướng lạ là đuôi beo răng cọp tiếng kêu rất to, tóc như cỏ bồng bay phủ v.v… Lại nói Tây Vương Mẫu là "Thần Bạch Hổ" , sứ giả của Tây Phương. Hình ảnh đó không giống như hiện nay.

2.- Đứng đầu Nữ Tiên:-

Tây Vương Mẫu là vị đứng đầu nữ tiên, cư trú ở núi Côn Lôn, có thành trì dài ngàn dặm, mười hai lâu ngọc, có cung Quỳnh Hoa và nhà Quang Bích. Ngài ở trong tòa nhà chín tầng trong căn phòng Tử Thúy Đan. Bên trái có ao tiên Dao Trì , bên phải có núi cao Hoàn Thúy.

*Trong "Bác vật Chí" thì nói:- Cung Dao Trì có loại đào tiên "ba ngàn năm mới có trái". Ba cõi mười phương trên trời dưới trời tất cả người tu hành nam nữ khi đắc đạo thành tiên, đều thuộc dưới quyền của Ngài cả.

3.- Nuôi lớn muôn vật:-

Nguyên Thủy Thiên Tôn giao trách nhiệm cho Tây Vương Mẫu ở núi Quy Sơn Cửu Quang để cai quản sổ sách công hạnh thành tiên của người tu, răn bảo dạy dỗ cho vạn linh, chứng

nhận lòng thành của nhân gian, phân biệt tu hành chân giả và kỷ luật của các Thánh, kiểm soát các kỳ thăng cấp chư Thánh.
Tây Vương Mẫu cùng với Đông Vương Công là hợp hai khí âm dương lại thành cha mẹ để nuôi lớn vạn vật, sanh sôi nẩy nở muôn loài.
Khi Huỳnh Đế thảo phạt giặc loạn Xi Vưu thì bị Xi Vưu có nhiều tài năng biến ảo, biết hô phong hoán vũ, nhả khói phun sương nên không thu phục nổi. Tây Vương Mẫu đã sai Cửu Thiên Huyền Nữ đem dạy cho Huỳnh Đế những phép "tam cung ngũ ý, Pháp âm dương, Pháp Thái Ất Độn Giáp, Pháp Lục Nhâm Bộ Đầu , cùng với những pháp Âm phù, cho những bảo bối "ngũ phù ngũ thắng" để trợ chiến". Nhờ đó mới thắng được giặc Xi Vưu . Khi vua Thuấn lên ngôi, Tây Vương Mẫu dạy cho pháp sử dụng Bạch ngọc hoàn và Bạch ngọc quản, cùng với bản đồ đất đai lãnh thổ, mở rộng được đất nước có chín châu ở thời Huỳnh Đế trở thành mười hai châu.

4.- Cúng tế:-

Trong "Hán Vũ Đế nội truyện" có nói đến chuyện Tây Vương Mẫu mở hội bàn đào để ban cho các Tiên loại đào "ba ngàn năm mới có trái" . Từ đó, câu chuyện "Hội Bàn Đào" của Tây Vương Mẫu đi sâu vào lòng nhân dân Trung Quốc . Trong Đạo Giáo cũng như ngoài dân gian đều công nhận hình tượng Tây Vương Mẫu là "Vị Thần cao cả chủ về sự kéo dài tuổi thọ con người".
Riêng về ngày thánh đản của Tây Vương Mẫu thì có hai thuyết:-
-một nói là ngày mùng ba tháng ba âm lịch.
-một nói là ngày mười tám tháng bảy âm lịch.

Trong Đạo Giáo, đặc biệt là "nữ tín đồ" thường tụ tập nơi đạo quán để thành tâm khấn lạy Tây Vương Mẫu , cầu xin cho được khỏe mạnh sống lâu.

*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.chinesefolklore.com)

## 6. CỬU THIÊN HUYỀN NỮ .



九天玄女

九天玄女，又叫九天娘娘、九天玄女娘娘，或簡稱媧皇、玄女，本是中國古代神話傳說中的女神，后為道教所信奉，成為女仙中著名的一位。

所謂九天者，中央及八方也。所以九天乃四面八方的意思。換句話說，玄女就是天地間唯一的神女。在台灣鄉土神明的傳說里，九天玄女又稱連理媽，有大媽、二媽、三媽至九媽的九尊神像。還有一說，九天玄女即為女媧娘娘，尚等考証。
玄女顯靈

《云笈七籤》及《九天玄女傳》記載，九天玄女為黃帝之師，聖母元君的弟子。當黃帝蚩尤作戰時，玄女下凡來，將兵符印劍交給黃帝，并為黃帝制造夔牛鼓八十面，打敗蚩尤。

《水滸傳》中，宋江江州遇救后，又去接老父上山，不料被官兵知覺，倉皇中逃進還道村玄女廟。
玄女娘娘顯靈，不僅救了宋江一命，還送他三卷天書，讓他替天行道。以后「宋江歸順了朝廷，領兵征遼時，被遼軍的“太已混天象陣”所困，宋江夜夢中得九天玄
女傳授破陣之法，即以此法大破遼軍。

書中的九天玄女娘娘是一位楚楚動人的女仙，但是她的原型卻是一個在鳥身上長著人腦袋的怪物，這就是玄鳥。在〈詩經〉中，記載著玄鳥是商人始祖的說法。《史記》中也說，殷商的祖先是其母吃了玄鳥蛋，懷孕而生。這是商族崇拜玄鳥圖騰的反映。

這個玄鳥后來又化身為玄女，并被摻入了黃帝神話之中，成了黃帝的師父。相傳黃帝與蚩尤大戰，
蚩尤呼風喚雨，吹煙噴霧，黃帝不能取勝。正在發愁之際，來了一位婦人，人首鳥形，說：「我是九天玄女，王母特派我授你戰法」。黃帝得了九天玄女傳授的戰
法，遂大敗蚩尤。此時的玄女，雖尚未脫盡鳥形，但到底進了一步，成了一位救助急難，暗藏謀略的半人半禽女神。

到了宋代的《云笈七籤》中，九天玄女則徹底人神化，完全脫掉了動物痕跡。書中專門有一篇《九天玄女傳》，寫她騎的是鳳凰，駕著彩云，穿的是九色彩翠華服，是一位專門扶持應命英雄，授以天書兵法的上界女仙──玄女娘娘。

九天玄女的這一角色，大量出現在古典小說中，流傳較廣，影響較大的如宋元間編撰的《大宋宣和遺事》，明代四十四回本《三遂平妖傳》、清代《女仙外史》和《薛仁貴征東》等書，都有許多筆墨對九天玄女做了繪聲繪色的描摹。
賜福、賜子：

有關九天玄女的傳說，因為是遠古的事，能有一麟半爪，已經是很珍貴的了，實上，就是這一麟半
爪的可靠性，也是很成問題的事。九天玄女與其他娘娘合祀的時候，王母娘娘「特使」的身份已不明顯，她被人們賦予了賜福賜子的功能，雖然地位低了許多，但是
在善男信女心目中卻更覺親切和崇高。

九天玄女的祭典在九月九日，香燭業奉祀九天玄女為祖師。



*Dịch:-

Cửu Thiên Huyền Nữ

Cửu Thiên Huyền Nữ còn gọi là Cửu Thiên Nương Nương , Cửu Thiên Huyền Nữ Nương Nương , hoặc nói gọn Oa Huỳnh, Huyền Nữ, là một vị nữ thần trong nững truyền thuyết thần thoại của Trung Quốc từ xưa, về sau được Đạo Giáo tin tưởng trở thành một vị nổi danh trong hàng nữ tiên.
Sở dĩ nói "cửu thiên" là ý nói tám phương và trung ương , cho nên cửu thiên là khắp nơi ,bốn mặt tám hướng đều có. Nói cách khác, Huyền Nữ là nữ thần duy nhất trong trời đất. Tại Đài Loan, ở những vùng nông thôn tin vào những truyền thuyết thần minh, thì Cửu Thiên Huyền Nữ được gọi thân mật là "Mẹ", gồm trên hết là Mẹ cả, Mẹ hai, Mẹ ba….đến Mẹ chín để chỉ chín vị thần tượng thờ phụng.
Còn có một thuyết cho rằng, Cửu Thiên Huyền Nữ tức là Nữ Oa Nương Nương , thuyết nầy còn phải xem xét lại.

1.- Sự hiển linh của Thần Nữ:-

Trong 《Vân Cấp Thất Thiêm 》và 《Cửu Thiên Huyền Nữ truyện》có chép:- Cửu Thiên Huyền Nữ là thầy của Huỳnh Đế, và là học trò của Tây Vương Mẫu . Khi Huỳnh Đế trừ giặc Xi Vưu , Huyền Nữ đã hạ phàm, đem binh phù ấn kiếm giao cho Huỳnh Đế, lại còn dạy Huỳnh Đế cách chế tạo "Trống Quì Ngưu 80 mặt" để đánh bại Xi Vưu.

*Trong "Truyện Thủy Hử", sau khi Tống Giang được cứu ở Giang Châu, đi đón cha lên núi, chẳng dè bị quan binh phát hiện ở Thương Huỳnh, chạy trốn lại đến chỗ Miếu Thờ Cửu Thiên Huyền Nữ ở địa phương. Cửu Thiên Huyền Nữ đã hiển linh cứu thoát Tống Giang, lại còn cho y ba quyển thiên thư bảo y hãy "thế thiên hành đạo" (thay trời hành đạo) . Về sau nầy, Tống Giang qui thuận triều đình, lãnh binh đi chinh phạt nước Liêu, bị quân Liêu vây hãm trong trận "Thái Dĩ Hỗn Thiên Tượng" . Đem đến, Tống Giang nằm mộng thấy Huyền Nữ chỉ bày cách phá trận, nhờ đó thắng lớn quân Liêu.

*Theo sách vở hiện nay thì Cửu Thiên Huyền Nữ  là một vị Nữ Tiên lộng lẫy, nhưng  hình tượng gốc của Ngài lại là một quái vật đầu người mình chim, gọi là "Huyền Điểu" ngày xưa. Trong Kinh Thi, ghi rằng "huyền điểu" chính là tổ tiên của người Thương (nhà Thương trước nhà Châu) . Trong "Sử Ký"thì nói rằng , thuở xưa, có một bà mẹ thuộc hàng tổ tiên của họ Ân-Thương đã ăn một cái trứng cùa huyền điểu, có thai mà sanh ra con. Điều nầy nói lên sự sùng bái huyền điểu của tộc họ nhà Thương vậy.

*Chính hình tượng huyền điểu nầy về sau hóa thân thành Huyền Nữ, thâm nhập vào truyện thần thoại về Huỳnh Đế và trở thành sư phụ của Huỳnh Đế là vì thế.
*Truyện chép:-

Sau đời vua Thần Nông, các bộ lạc đều tự tách ra hùng cứ mỗi nơi. Có một bộ lạc hùng mạnh mà vị thủ lãnh là Xuy Vưu muốn thôn tính các bộ lạc khác để lên làm bá chủ, nhưng Xuy Vưu lại quá độc ác, ai không thuận theo thì bị giết chết rất tàn nhẫn. Các bộ lạc liền liên kết nhau, tôn vị thủ lãnh Hữu Hùng Thị (nay ở huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam) lên chỉ huy chống lại Xuy Vưu. Trận đánh dữ dội quyết định sự thắng bại với Xuy Vưu xảy ra ở Trác Lộc.

Sương mù dày đặc, quân Hữu Hùng Thị bị Xuy Vưu vây chặt, không nhận định được phương hướng đánh ra giải vây, nên thường bị Xuy Vưu đánh bại phải tháo lui. Sự thảm bại của Hữu Hùng Thị thấy rõ trước mắt.

Trong lúc nguy cấp như thế, Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ hiện ra dạy Hữu Hùng Thị chế ra xe hai bánh chỉ Nam, có bộ phận chỉ rõ hướng Nam, để phân định phương hướng và vị trí tiến quân, lại dạy cho binh pháp. Nhờ vậy, Hữu Hùng Thị củng cố binh mã, từ trong đánh ra bất ngờ, làm cho binh đội Xuy Vưu thảm bại, bắt sống được thủ lãnh Xuy Vưu đem giết chết.

Thế là yên giặc, tất cả dân chúng các bộ lạc đều hoan nghinh Hữu Hùng Thị, tôn Hữu Hùng Thị lên ngôi Minh chủ, lấy hiệu là Hoàng Đế hay Huỳnh Đế. Nguyên Hữu Hùng Thị được sanh ra tại gò Hiên Viên, nên về sau gọi là Hiên Viên Huỳnh Đế.




Sau đó, Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ cũng thường ứng hiện giúp vua Huỳnh Đế và những người hiền tài trong nước, như giúp Hoàng Hậu Nguyên Phi chế ra nghề nuôi tằm lấy tơ dệt

lụa, giúp ông Dung Thành chế ra máy Cai Thiên để xem Thiên tượng, giúp ông Thương Hiệt chế ra chữ viết tượng hình để thay cho việc thắt nút ghi nhớ các sự việc.

Ngoài ra Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ truyền khoa Lục Nhâm Độn Giáp, và phép bói 64 quẻ Dịch mà đoán kiết hung.

Thưở ấy thì Huyền Nữ chưa thoát khỏi hình tượng chim, nhưng đã tiến thêm một bước là trở thành người cứu nạn gấp, là một vị Nữ Thần nửa người nửa chim chứa đựng nhiều tài năng mưu lược vậy.

*Đến đời Tống, trong "Vân Cấp Thất Thiêm" thì Cửu Thiên Huyền Nữ đã hoàn toàn được "nhân thần hóa", xóa bỏ tất cả dấu vết động vật trong hình tượng. Trong quyển sách đặc biệt tên " Cửu Thiên Huyền Nữ truyện" đã diễn tả bà cỡi chim phượng, trên đám mây ngũ sắc, mặc áo chín sắc "Thái Thúy Hoa". Ngài là vị chuyên môn phù trì cứu giúp anh hùng, dạy thiên thư binh pháp cho các nữ tiên trên trời và chính thức trở thành " Cửu Thiên Huyền Nữ Nương Nương ".
Nhân vật Cửu Thiên Huyền Nữ đã xuất hiện rất nhiều trong các tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc, tạo ra ảnh hưởng rất lớn về niềm tin của quần chúng. Những sách được biên soạn như là :- đời nhà Tống có Nguyên Gian viết "Đại Tống Tuyên Hòa Khiển Sự"; đời Minh có truyện "Tam Toại Bình Yêu" gồm bốn mươi bốn cuốn ; đời Thanh có "Nữ Tiên Ngoại Sử" và "Tiết Nhân Quí Chinh Đông" ... đã tốn rất nhiều bút mực ca tụng sự anh linh của Cửu Thiên Huyền Nữ .

2.- Tứ Phước 、 Tứ Tử :- (Ban phước-ban cho con trai)

Có một truyền thuyết liên quan đến Cửu Thiên Huyền Nữ như sau:-
"Thời viễn cổ, gia đình Cửu Thiên Huyền Nữ may mắn có được "Nửa miếng Vãy Lân" được trong họ tộc thờ phụng nghiêm chỉnh. Trong làng, ai không có con trai hoặc nghèo khổ đến lễ lạy cầu xin đều được như ý. Từ đó, người đời sau tin rằng , cứ thành tâm cầu khẩn với Ngài là cũng được toại nguyện. Còn chuyện Tây Vương Mẫu "đặc phái" Cửu Thiên Huyền Nữ đến giúp Huỳnh Đế thì có vẽ mơ hồ một chút.
Tuy nhiên, nhiều đời đã qua, mỗi thời đề cao thêm một chút thành ra ngày nay Ngài trở thành một vị Nữ Thần tối cao, có khả năng "Ban bố phước lộc, ban bố con trai" cho tất cả những ai thành kính tin tưởng Ngài.

*Ngày cúng tế Cửu Thiên Huyền Nữ là ngày mùng chín tháng chín. Khắp nơi đều có Miếu Thờ, tôn xưng là "Tổ Sư", khói hương thờ phụng Ngài không dứt.

*NHƯỢC THỦY dịch (từ fushantang.com).

## 7. NỮ OA NƯƠNG NƯƠNG .




# 女媧娘娘

女媧娘娘相傳是上古時代的一位女神，是上古女帝，為人類之母。

女媧娘娘又稱女媧氏，女希氏，媧皇，地母。傳說，女媧娘娘姓風，是太陽神伏義氏的配偶。

《淮南子．覽冥訓》云：「媧，古之神聖女，化萬物者也。從女、咼聲。」「女媧，陰帝，佐宓犧治者也。」「往古之時，四極廢，九州裂。天不周載，火爁炎而不滅，……於是女媧煉五色石以補蒼天，斷鰲足以立四極，殺黑龍以濟冀州，積蘆灰以止淫水。……乘雷車，服應龍，……導鬼神，登九天，朝帝於靈門。」

《風俗通義》云：「天地初開，女媧摶黃土為人，劇務，力不暇供，乃引繩橫泥中，舉以為人。」

《帝王世紀輯存》：「女媧風，承伏羲制度，亦人頭蛇身，一日七十化。」

中國古老神話里，以女媧娘娘為造人者，也是中國人共同的最早的母親，女媧娘娘的形象，根據漢朝武梁祠的石刻畫像為人頭蛇身。

傳說在大地還沒有人類以前，就有女媧這位女神。她覺得在這片青蔥翠綠的大地上，沒有東西可以陪伴他實在非常寂寞，於是仿照自己的模樣，用黃土混合水創造出人類來。相傳，女媧娘娘先用手捏黃土創造了人，后來覺得太吃力又麻煩，於是搓了一條長繩投入爛泥中，拉甩起來，泥漿濺開，乃化作了人。依此傳說，女媧可說是創世神和始祖神。

女媧在造人之前，於正月初一造雞，初二造出狗，初三造羊，初四造豬，初五造牛，初六造馬，到了初七這一天造出人類，因此正月初七又稱「人日」。女媧創造完人類後，碰到一個問題，如何讓人類世世代代繁衍下去呢？要是在人死後再重造一批，那不是太麻煩了嗎？於是女媧娘娘便把人分為兩性，並制訂嫁取的禮儀，規定同姓氏不得婚配，此事攸關於倫理價值與優生學，是至為重要的。女媧自己充當人類的第一個媒人，從此人類便可以永續的繁衍下去。後人感念他對婚姻制度的貢獻，尊奉他為「媒神之祖」又稱「高媒」，也就是婚姻之神。

有了人類便有了爭端，繼而發生戰爭，交戰雙方為水神共工氏與顓項。戰爭的結果顓項勝了，水神共工氏憤怒之餘一頭撞斷了擎天柱不周山，不周山因而崩塌，
下雨不止，地上洪水泛濫，造成世間大禍，民不聊生。女媧不忍他所創造的人類遭受苦難，於是煉製五色彩石來修補天空，並斬斷大神龜的四足來撐天，然后她再燃燒蘆草，用蘆灰去填地洞，將低地填高，世間才逐漸恢復了太平。人類能夠生存之後，文化也得以發展，於是女媧又創造了笙篁來教化人類，使人類的文明得以發展。女媧補天的日子傳說為正月二十日，因此有人就把這天稱做「補天日」，並製作煎餅放在屋頂上，效法女媧補天。不過這項習俗現在已不多見了。

女媧娘娘也被奉為地母，或稱無上虛空地母、大道玄玄虛空地母、無土虛空地母無量慈尊，《地母真經》載：「盤古初生我當尊陰陽二氣配成婚」，又「天君本是玄童子，他聾我啞配成雙」，此說為地母與盤古同時生，較傳說先盤古再天、地、人三皇、神農、伏羲、女媧等有所不同。

在原始時代的人看來，土地是一種生物土壤是它的肌肉。岩石是它的骨骼。在許多神話傳說中稱天為「天父」，稱地為「地母」，因為它能生養萬物。

「地母」的觀念或許發生于古代人類脫離狩獵生活時入農耕時代，崇拜地母，它的宗旨有二：

祈求五谷收獲的丰盛。

當農民把鋤頭鋤入土內，建筑物的其礎插入土中時，一定招惹地神動怒，所以祭拜「地母」，以平息地神的忿怒。

又說女媧娘娘開天辟地后，有東王又和西王母就是人們所稱的天又和地母。

女媧娘娘為人類的始祖，但民間視其為補大女神。有傳說女媧娘娘是補傘能手，因此造傘業者奉女媧娘娘為祖師，另外綿線的紡織界、繡補業及瓦窯業者也尊奉她為守護神。

正月廿日為女媧娘娘的聖誕。

客家習俗稱這一天為「天穿日」，各行各業都要停止工作一天。




*Dịch:-

Nữ Oa Nương Nương

Nữ Oa Nương Nương tương truyền là một vị nữ thần của thời thượng cổ, là vị Nữ Đế cổ nhất, là Mẹ của tất cả nhân loại.
Nữ Oa Nương Nương còn gọi là "Nữ Oa Thị", "Nữ Hy Thị", "Oa Hoàng", "Địa Mẫu".
Cũng theo truyền thuyết, bà Nữ Oa họ Phong, là vợ của Thần Thái Dương Phục Hi.

*Sách "Hoài Nam Tử--Lãm Minh Huấn" nói rằng :- "OA, là vị thần thánh nữ, sinh ra vạn vật. Tên có âm đầu là Nữ, kế là thanh Oa" và "Nữ Oa, vị vua phần âm, trợ giúp đắc lực cho vua Hi". Lại có truyền thuyết:-
"Thời mới khai thiên lập địa, bốn cực bị hỏng, chín châu bị đè, nước từ sông trời chảy xuống làm ngập lụt thế gian…Lúc bấy giờ, bà Nữ Oa luyện "đá ngũ sắc" để vá khoảng trời xanh bị sụp, chặt bốn chân con ngao (loại rùa lớn) làm bốn cột chống trời, giết rồng đen để cứu giúp Ký Châu, tích chứa tro đốt cây lau đổ vào đất thấp làm thành ruộng cao ráo... Ngồi xe sâm, hàng phục rồng, chỉ dạy cho quỉ thần, thăng lên trời nơi Linh môn ở ngôi đế".

*Sách "Phong tục thông nghĩa" nói rằng:- "Lúc mới mở ra trời đất, bà Nữ Oa nặn đất sét để tạo thành người. Nhưng số lượng người nặn ra quá ít ỏi dù bà đã tận lực làm việc. Sau cùng, nẫy ra một sáng kiến :- Bà lấy một sợi dây leo dài nhún vào trong đất bùn. Khi Bà dở nó lên, bùn ướt nhễu xuống từ sợi dây leo và trở thành những con người".

*Trong "Đế Vương thế kỷ tập tồn" thì chép :- "Bà Nữ Oa họ Phong, trợ giúp vua Phục Hi trị nước, có hình dáng "đầu người mình rắn", mỗi ngày biến hóa bảy mươi lần".

*Những sách thần thoại cổ xưa nhất Trung Quốc cũng đều nói rằng bà Nữ Oa tạo ra con người, là người mẹ sớm nhất của cộng đồng người Trung Quốc. Hình tượng bà Nữ Oa căn cứ theo hình khắc trên đá ở Miếu Vũ Lương đời nhà Hán thì là "đầu người mình rắn".

* Theo truyện Thần thoại Trung hoa, một ngày kia, Nữ Oa đi đến một khu đất rộng. Bà rất vui vì thế giới nơi này tràn đầy tiếng chim hót và hương hoa thơm khiến Bà không muốn trở về trời. Nhưng Bà có một cảm giác ray rứt như có một cái gì còn thiếu. Cảm giác đó không ngưng khi Bà bước đi trên suốt con đường dẫn đến bờ nước. Bà quì xuống uống nước. Nhìn thấy hình ảnh đẹp đẽ của mình trên mặt nước khiến Bà nảy sanh ý tưởng tạo ra sự sống. Lúc đầu, bà dùng đất sét trộn với nước để nặn thành hình người và thổi hơi vào để truyền sự sống. Nhưng số lượng "con người" do bà dù làm việc hết sức vất vả mà cũng chẳng dược bao nhiêu. Bà liền nẫy ra sáng kiến thay đất sét bằng bùn để đở tốn công trộn đất sét với nước.Bà chụp lấy một nắm đất bùn, và đắp thành một hình tượng nhỏ, dựa theo hình ảnh của chính mình bà. Lạ lùng thay, khi Bà để tượng hình xuống đất, nó liền sống động ngay tức thì! Thật là thần diệu! Nó còn cả gọi kêu Bà bằng hai tiếng 'Mẹ Mẹ' và nhảy nhót không ngừng. Bà vui vẻ đắp thêm một tượng hình nhỏ khác, rồi thêm một tượng nữa, và một tượng nữa. Bà làm việc nhiều đến nỗi các ngón tay bà phát sưng lên. Nhưng các tượng nhỏ mà Bà đắp vẫn còn quá ít oi; làm sao chúng có thể làm đày tràn cả khu đất rộng này? Bà liền nảy sanh ra một ý kiến: Bà lấy một sợi dây leo dài nhún vào trong đất bùn. Khi Bà dở nó lên, bùn ướt nhễu xuống từ sợi giây leo và trở thành những con người. Bà Nữ Oa rất thương quí sự tạo dựng này của Bà, Bà quá sung sướng và chạy khắp núi sông, và không bao lâu mặt đất tràn đầy loài người. Do đó, Bà Nữ Oa chính là "thần sáng thế và thần tạo ra con người". (*Chú thích:- Đoạn nầy, dịch theo lối phóng tác cho nên thơ một chút, các bạn đừng căn cứ vào nguyên tác mà cho rằng tôi phóng đại nhé !-NT).



*Cũng theo truyền thuyết, trước khi tạo ra con người, Bà Nữ Oa đã sáng tạo các con vật trước, như là:- "Vào mùng một tháng giêng tạo ra gà, mùng hai tạo ra chó, mùng ba tạo ra dê, mùng bốn tạo ra heo, mùng năm tạo ra trâu, mùng sáu tạo ra ngựa, đến hết ngày thứ bảy thì mới tạo ra con người. Vì thế, ngày mùng bảy tháng giêng được gọi là "Nhân Nhật" (ngày của người). Sau khi tạo ra con người, phát sinh ra vấn đề là sau nầy làm sao để loài người có thể tồn tại và phát triển lâu dài được ? Nếu cứ sau khi người chết lại phải tốn công tạo ra con người lần nữa thì chẳng phải là quá nhiêu khê vất vả sao ? Do đó, Bà mới chọn ra và thổi tiên khí vào để phân thành hai giới tính nam nữ, rồi dạy cho họ việc kết hợp, gả cưới vợ chồng, cách thức truyền giống để tự sinh sôi nẫy nở mà tồn tại mãi mãi.

Theo tín ngưỡng dân gian Trung Quốc thì cho rằng , chính Bà Nữ Oa đã dạy dỗ về nguyên tắc "cùng huyết thống thì không được cưới gả", một vấn đề quan trọng mà các nhà sinh học hiện nay rất quan tâm. Cho nên, dân gian tôn sùng Bà là "đệ nhất môi nhân" (bà làm mai mối đầu tiên), nhờ sự kết hợp nầy mà nhân loại mới có thể tồn tại phát triển lâu dài được. Người sau cảm niệm công đức cống hiến đối với việc hôn nhân của Bà , nên tôn xưng Bà là "Môi thần chi Tổ" (Tổ của việc mai mối) hoặc "Cao Môi" (bà mối cao nhất).

*Khi đã có con người rồi thì phát sinh việc tranh chấp nhau, kế đó là gây chiến tranh. Thần thoại nói rằng: "Thuở xưa có thần nước Cộng Công làm phản, bị thần lửa Chúc Dung đánh bại, thần Cộng Công đụng đầu vào vách núi Bất Chu ở hướng Tây. Núi Bất Chu vốn là một trong những cây trụ chống Trời, cây trụ Bất Chu ấy bị Thần Công Công húc làm gãy. Thế là một nửa bầu Trời phía Tây bị nghiêng sụp, có nhiều lỗ thủng, gây ra lắm tai họa cho trần gian. Thần Nữ Oa lo tu bổ lại, bà chọn đá ngũ sắc bỏ vào nồi, dùng lửa đốt nóng tạo thành một thứ keo đặc biệt. Bà đem thứ keo ấy dán, vá lại những lỗ thủng trên bầu Trời. Để chống vững bầu Trời, bà chọn một con ngao (loại rùa lớn), chặt lấy 4 chân rồi làm phép biến thành 4 cây trụ chống đỡ bầu Trời. Sau đó, bà còn dạy dân đốt những cây lau sậy rồi lấy tro mà đổ vào những vùng đất thấp ngập nước sình lấy biến thành ruộng cao ráo, dạy cho dân cày cấy để có phương tiện sinh tồn. Nhờ vậy, thế gian được phục hồi đời sống yên ổn và ấm no hạnh phúc, Rồi bà còn dạy về lễ nghi văn hóa cho con người nữa. Nhờ đó, ngày nay nhân loại mới tồn tại và phát triển, nền văn minh ngày càng cao thêm. Ngày mà Bà Nữ Oa vá trời đó là ngày hai mươi tháng giêng, do đó người đời sau gọi ngày nầy là "Bổ thiên nhật" (ngày vá trời), có người còn chế tạo ra hình tượng Bà đặt trên nóc nhà, gọi là "Hiệu pháp Nữ Oa Bổ

Thiên" để hóa giải những ngôi nhà bị phạm phong thủy bớt ảnh hưởng xấu, ngày nay thì tập tục nầy ít thấy.

* Nữ Oa Nương Nương còn được tôn xưng là "Địa Mẫu" hoặc "Vô Thượng Hư Không Địa Mẫu" hay "Đại Đạo Huyền Huyền Hư Không Địa Mẫu", "Vô Thổ Hư Không Địa Mẫu Vô Lượng Từ Tôn".

Sách "Địa Mẫu Chân Kinh" chép:- "Thưở sơ sanh Bàn Cổ, ta lấy hai khí âm dương mà lập thành hôn nhân cho con người". Lại còn nói:- "Thiên quân bổn thị huyền đồng tử--Tha lung ngã á phối thành song" (Vua trời vốn thiệt là huyền tử , Ông điếc bà câm hóa thành đôi). Thuyết nầy cho rằng Ông Bàn Cổ và Bà Nữ Oa sinh cùng thời, nhưng đa số thuyết lại nói khác là Ông Bàn Cổ sinh ra trước rồi mới có trời, đất, người. Kế đó mới đến thời kỳ của Tam Hoàng Thần Nông Phục Hi Nữ Oa v.v...

*Nếu xem xét từ thời đại nguyên thủy của con người thì cây cối và sinh vật chính là thịt , gân của đất đai; đá và núi là xương cốt của đất đai. Trong hầu hết các truyện thần thoại đều gọi trời là "thiên phụ" (cha trời) còn đất gọi là "địa mẫu" (mẹ đất) ý nói rằng trời đất là cha mẹ sanh ra muôn vật.

*Quan điểm tôn sùng "mẹ đất" nầy phát sinh từ khi loài người qua thời kỳ săn bắt thú vật để ăn, tiến lên bước trồng trọt gieo cấy , nên rất coi trọng về đất. Việc tôn sùng nầy có hai ý nghĩa:-

-một là, cầu cho ngũ cốc được trúng mùa, thu hoạch được dồi dào sung túc.

-hai là, khi nông dân cày cuốc cấy gặt... thế nào cũng phải va chạm tổn thương đất đai, sợ bị thần đất nổi giận, nên phải cúng lạy "Địa Mẫu" để cầu xin tha tội.

*Cũng có thuyết nói rằng, sau khi Bà Nữ Oa đã làm cho trời đất yên bình rồi thì mới có Đông Vương Công và Tây Vương Mẫu xuất hiện , được con người tôn hai vị nầy là "Thiên Hựu và Địa Mẫu".

* Nữ Oa Nương Nương được ai nấy xem là thủy tổ loài người, nhưng trong dân gian đặt nặng việc "vá trời" hơn, nên gọi bà là "Đại Nữ Thần chấp vá". Riêng trong nghề chế tạo dù, lộng thì tôn bà làm Tổ Sư. Ngoài ra , hai ngành thêu may và gốm sứ cũng thờ bà làm "Thần Thủ Hộ" cho nghề nghiệp của họ.

*Ngày thánh đản của Nữ Oa Nương Nương là ngày hai mươi tháng giêng âm lịch. Thói quen trong dân gian gọi là ngày "thiên xuyên nhật" (ngày trời lủng) và tất cả hảng xưởng xí nghiệp đều nghỉ việc để dự lễ cúng tế Nữ Oa Nương Nương .

*NHƯỚC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com )

## 8.THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN .



太上老君

老子，太上老君，姓李名耳，字伯陽
，號老聃，是春秋時代末年時著名思想家，道教創始人。又稱道德天尊、太上老李君、太上道祖、無極老祖、三清道祖、老君爺、無極至尊、無極聖祖。生於周幽王十年殷武丁庚辰年二月十五日，楚國苦縣瀨鄉曲仁里人。

據說，老子的出生頗為神奇，道書上說他在遙遠不可想像的年代里，經過許多個八十一萬歲，托胎于玄妙玉女體內，懷孕八十一年之久，於二月十五日卯時，誕生在楚國，是從他母親的左肋而生，因懷孕太久，生下來就是滿頭白發，所以號稱「老子」。正巧生在一棵李
樹下，當生下來時，他便能說話，指著頭上的李樹道：「李就是我的姓。」

老子據說生下來就滿頭白髮，故號老子，為元始天王所化神寶君之化身。為天神所濟，眾仙所從。周文王時，為守藏室史（管理藏書）。武王時，升為柱下吏。後來看見周朝衰敗，昭王時，即辭官歸隱。為春秋末年的思想家，道教創始者。

在中國陝西終南山北麓，有處著名的樓觀台，據傳這里是太上老君說經處。樓觀台依山帶水，風景
秀麗，素有「洞天福地」之稱，為道教聖地。樓觀台歷史悠久，遠在二千五百年前，周朝涵谷關的「門官兒」尹喜在此結草為樓，用來觀測天體，叫做「草樓觀」。
據說當老子晚年騎青牛西遊要過函谷關，守關的尹喜亦是位修道人，精通天文星宿的學問，知道他要退隱的事後，就懇請老子寫部書留給人們。於是老子就寫了五千字，這五千字的著作就是《老子》，也稱《道德經》。

太上老君所作的經典有十二部，《西昇經》、《化胡經》、《道德經》等，而以《道德經》最為世
人所知聞，是世界上最多數量的出版物之一。《道德經》共八十一章，分上下兩卷。老子在書中認為宇宙事物有一個共同的本源，他把它稱為「道」或「無」。揭示

「道法自然」、「清靜無為」、「長生久視」等精妙哲理，是道教教理，教義的根源。他關心的是：如何消解人類社會的紛爭，如何使個人的生活幸福和康寧。他期望的是：人的行為，能取法於道的自然性與自發性，消除戰爭的禍害，回到真誠的生活形態與心境，使天下得以無為而治。在先秦諸子中，老子是第一個有系統論述宇宙起源的人，他把「道」視為宇宙本體，這種把「道」做為宇宙本源稱謂的說法，為後人所沿用，成為我國古代哲學上的重要典範。老子的才華獨步當時，就連孔夫子也向老子問過禮。他的學說在戰國後期才開始傳播，而莊子是最能發揮老子之學說。東漢以後，隨著佛教的傳入，一些方士在外來宗教的影響下，把老子學說中的思想材料和原有的巫教揉合起來，逐漸發展成一種新的宗教－道教。

東漢末的張道陵，創立五斗米道（入教者要繳五斗米而著稱），自稱是出於太上老君口授，因此老子就名正言順成為道教的始祖，而張道陵則被奉為大宗。老子被奉為道教的開山始祖後，被稱為「老君」、「太上老君」等名號，是始於張道陵的《老子想爾注》，北魏以後，這個稱號就傳民間了。而老子原為道教的最高神，但六朝以後，降為第三位，在他之上有上清元始天尊和玉清玉皇上帝，此三位神祇合稱道教的「三 清」。

唐高宗乾封元年賜封老君為「太上玄元皇帝」，並以《道德經》為上經命令王公諸侯都要習誦，甚至規定為考試人士的內容。宋真宗加號為「太上老君混元上德皇帝老子」。唐明皇李隆基在天寶十三年加封老君為「大道金闕玄元天皇大帝」，同時令天下州縣普建玄元皇帝廟，占地八百畝，規模巨大的太清宮，以祀老君，現今尚存大殿，為清時重修。殿中神龕上供有丈余老君金飾神像，兩旁為他的兩大弟子：南華真人（庄子）和無上真人（尹喜）。

因為老子是位自隱無名，而又心懷無為的人，其生平事跡，鮮為人知，其神格化的傳說，更是很多。而一般主祀太上老君的廟宇大多座落在山明水秀、環境清幽的地方，這大概和老子清淨無為的思想有關吧。

「道」是道教的信仰核心與基礎，而進一步發揚為得道成仙，長生不老，列位仙班，是道教信徒追求的最高境界。主殿兜率宮是仿照「兜率天宮」建造的。據說「兜率天宮」是太上老君居住的地方，宮內供奉了「三聖」：太上老君、呂純陽祖師、邱長春祖師。老子的神像則多供奉於道教的「三清殿」裡。所謂「三清」即玉清、上清以及太清三座天上殿堂，老子和兩位天尊則分別居住其中。

由於道教講究煉丹煉汞，需要掌握火候，後來民間把八卦爐的主人老君視為爐神或窯神，凡是與火爐有關的行業，皆以老君為祖師，並借老君的威力管住太歲。

從司馬遷的「史記」中所記載的老子年代，直到西元二世紀中葉，老子的角色在這段百餘年間，從道教的創始者，化身為至高無上的天上君王：「太上老君」，「道」與「德」的神聖統領：「太上混元道德天尊」或「黃老君」。

農曆二月十五日是太上老君壽辰。

參閱《道德經》

泉州清源山老君石像，雕于宋代，石像高5.63米，寬8.01米，厚6.85米。占地面積55平方米。左手扶膝，右手憑幾，垂耳飄髯，指能彈物，目光炯炯，獨具超塵脫俗、仙風道骨神韻。整座石像神態浩然，和藹可親，炳煥生光，充滿魅力，堪稱宋代石雕藝術瑰寶。也是我國古代現存最大的道教石雕老君造像.




*Dịch:-

## Thái Thượng Lão Quân

Lão Tử tức Thái Thượng Lão Quân , họ Lý tên Nhĩ, tự là Bá Dương, hiệu Lão Đam, là một vị tư tưởng gia nổi tiếng vào những năm cuối thời đại Xuân Thu. Trong Đạo Giáo, được tôn là vị Tổ sáng lập nên tín đồ xưng Ngài là "Đạo Đức Thiên Tôn", "Thái Thượng Lão Lý Quân", "Thái Thượng Đạo Tổ", "Vô Cực Lão Tổ", "Tam Thanh Đạo Tổ", "Lão Quân Gia", "Vô Cực Chí Tôn", "Vô Cực Thánh Tổ. Ngài sanh ngày mười lăm tháng hai năm Canh Thìn , tức năm thứ mười đời vua U Vương nhà Châu (Chu), người ở lý (xóm ấp) Khúc Nhân, làng Lại, huyện Khổ , thuộc nước Sở. (hiện nay là Lộc Ấp (鹿邑) thuộc tỉnh Hà Nam-NT)
*Chú thích:- Đây là dịch theo nguyên tác nầy, còn tiểu sử của Ngài vẫn còn nhiều tranh cãi, mong quí vị lưu ý cho—NT)
*Truyền thuyết xuất sanh của Lão Tử hết sức thần kỳ. Theo các sách của Đạo giáo, Ngài đã có mặt từ thời viễn cổ rất xa trải qua nhiều lần của "chu kỳ tám mươi mốt vạn năm" (?) rồi (810.000 năm), đời nầy thác thai vào Huyền Diệu Ngọc Nữ, bà mang thai suốt 81 năm, vào giờ Mão ngày rằm tháng hai Ngài đã từ hông của bà sanh ra ở nước Sở. Vì mang thai quá lâu, nên lúc sanh Ngài ra thì đầu tóc đã bạc phơ, nên có tên là "Lão Tử" (đứa trẻ đầu bạc" . Ngài ra đời dưới gốc một cây lý, vừa sanh ra đã biết nói, chỉ cây lý mà bảo rằng :- "Lý , chính là họ của ta đó".
*Theo một truyền thuyết khác thì Lão Tử sanh ra đầu đã bạc mà có hiệu là Lão Tử, chính là hóa thân của Nguyên Thủy Thiên Vương thành Thần Bảo Quân để tế độ các thiên thần, chư Tiên phải nghe lệnh Ngài. Đời Châu Văn Vương thì Ngài làm "quan giữ kho" của nhà vua. Đến đời Vũ Vương được thăng chức Trụ Hạ. Về sau, thấy nước Châu ngày càng suy vi, nên đến đời Chiêu Vương, Ngài từ quan về ở ẩn. Ngài là nhà tư tưởng lớn thời kỳ cuối đời Xuân Thu, được Đạo giáo tôn làm Tổ Sư khai sáng của đạo Lão.
Ở Bắc Lộc núi Chung Nam tỉnh Thiểm Tây Trung Quốc có một cái đài Lâu Quan nổi tiếng mà truyền thuyết là nơi giảng kinh của Thái Thượng Lão Quân ngày xưa. Đài Lâu Quan nầy ở nơi có phong cảnh rất đẹp, dựa lưng vào núi nhìn ra dòng nước , được người xưng tặng là "

Động thiên phước địa". Đây là thánh địa của Đạo giáo, lịch sử nói rằng đài Lâu Quan nầy đã có từ lâu hơn 2.500 năm trước.Đời nhà Châu , vị "Quan Giữ Ải" tên là Doãn Hỉ ở cửa ải Hàm Cốc đã cho dựng ở đây một cái đài bằng tranh cỏ, gọi là "Thảo Lâu Quán" , để quan sát theo dõi tinh tú trên trời. Truyền thuyết nầy nói rằng, lúc Lão Tử tuổi già từ quan cỡi thanh ngưu đi ngang qua cửa Hàm Cốc , vị quan giữ thành Doãn Hỉ, là người ham tu đạo, sở học rất giỏi về tinh tú thiên văn, biết Lão Tử là vị thoái quan ẩn sĩ, nên khẩn khoản xin Ngài viết sách để lưu lại cho đời sau. Do đó, Lão Tử viết bộ sách năm ngàn chữ, gọi là sách "Lão Tử" hay còn gọi là "Đạo Đức Kinh".

* Thái Thượng Lão Quân đã viết mười hai bộ kinh điển, nổi tiếng hơn cả là "Tây Thăng Kinh", "Hóa Hồ Kinh", "Đạo Đức Kinh" v.v… mà trong đó, quyển "Đạo Đức Kinh" được xem là quí giá nhất, đã xuất bản in ấn hàng triệu quyển trên thế giới hiện nay. "Đạo Đức Kinh" có 81 chương, chia thành hai quyển thượng, hạ. Trong sách nầy, Lão Tử cho rằng , vũ trụ vạn vật có một cái gốc chung mà Ngài gọi là "ĐẠO" hoặc "VÔ", nói rộng là những triết lý "Đạo pháp tự nhiên" và "Thanh tĩnh vô vi" hay "Trường Sanh Cửu Thị", là những giáo lý giáo nghĩa căn bản của đạo Lão. Vấn đề mà Ngài quan tâm bàn đến là:- làm sao để xóa bỏ những tranh chấp trong xã hội, làm thế nào để cuộc sống con người được an ổn hạnh phúc. Từ đó, Ngài đề ra pháp thực hành là, con người nên sống theo cái tính tự nhiên và tính tự phát của "Đạo", nhờ vậy mà ngăn ngừa được những tai hại của chiến tranh , trở lại được với tâm cảnh và hình thái sinh hoạt "chân thành vốn sẵn" của loài người, đạt kết quả là thiên hạ sẽ "vô vi nhi trị" (vô vi mà an thiên hạ).

Trong bá gia chư tử thời Tiên Tần, Lão Tử là vị được xem là đứng đầu trong hệ thống các luận thuật về "nguồn gốc vũ trụ". Ngài lấy "ĐẠO" làm căn bản khởi nguyên của vũ trụ. Lý thuyết ấy được xem là nền tảng cơ bản cho các học giả đời sau ứng dụng và phát triển , nó trở thành một nền triết học mang tính "mẫu mực" cho đất nước chúng ta (Trung Quốc) đến tận ngày nay.

*Lão Tử được đương thời xem là tinh hoa ưu tú. Sử sách có ghi lại mẫu chuyện hết sức tiêu biểu là, đức Khổng Phu Tử đã đến tham vấn Lão Tử về "LỄ".

(Xem phần phụ lục ở sau)

*Học thuyết về "Đạo" của Lão Tử được các triết gia sau thời Xuân Thu Chiến Quốc vận dụng và truyền bá mạnh mẽ. Trong số những người kế thừa, có Ngài Trang Tử là nổi bật nhất. Sau thời Đông Hán, có một số vị truyền nhân của Phật giáo và một số phương sĩ của tôn giáo ngoại lai có uy tín lớn, đã đem tư tưởng học thuyết của Lão Tử pha trộn với những tín điều, nghi thức của Vu Thần Giáo (đạo đồng bóng trạng cốt) làm thành một tôn giáo mới gọi là "Đạo giáo".

*Cuối thời Đông Hán, có nhân vật Trương Đạo Lăng sáng lập ra phái "Ngũ đẩu mễ" (n ghĩa là năm lít gạo, gọi tên theo việc người muốn gia nhập vào phái nầy phải đóng góp năm lít gạo) . Ông Lăng nói rằng đã được chính Thái Thượng Lão Quân chỉ dạy. Do đó, Lão Tử từ chỗ là Thủy Tổ của "Lão (Đạo) giáo" một cách danh chính ngôn thuận bị Trương Đạo Lăng biến thành "Đại Tôn" (giáo chủ) của một tôn giáo thế gian và tôn xưng Ngài thành Lão Quân hay Thái Thượng Lão Quân. Danh xưng nầy xuất hiện lần đầu trong quyển "Lão Tử tưởng nhĩ chú" của Trương Đạo Lăng và sau thời Bắc Ngụy, đã phổ biến mạnh mẽ trong quần chúng dân gian.

*Đầu tiên thì Lão Tử là vị thần tối cao trong Đạo giáo, nhưng từ sau thời Lục Triều, đã bị giáng cấp xuống hàng thứ ba (ở Thái Thanh Cung), đứng sau Thượng Thanh Cung Nguyên Thủy Thiên Tôn và Ngọc Thanh Cung NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ . Ba vị nầy được tôn xưng là "TAM THANH" của Đạo giáo.

*Năm Càn Phong thứ nhất đời Đường Cao Tông phong Lão Quân là "Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế" và bắt mọi người từ thứ dân đến quan lại chư hầu đều phải học "Đạo Đức Kinh", thậm chí lấy Đạo Đức Kinh làm nội dung chính trong các kỳ thi lớn trong triều đình.

*Đời Tống Chân Tông gia phong Lão Quân làm "Thái Thượng Lão Quân Hỗn Nguyên Thượng Đức Hoàng Đế Lão Tử" .
*Đời Đường Minh Hoàng (tức Lý Long Cơ) năm Thiên Bảo thứ 13 gia phong LQ làm "Đại Đạo Kim Khuyết Huyền Nguyên Thiên Hoàng Đại Đế" và xuống lệnh cho các Châu, Huyện phải lập Miếu Thờ Huyền Nguyên Hoàng Đế. Ngoài ra vua Minh Hoàng còn cho xây dựng Thái Thanh Cung rộng 800 mẫu (mẫu ta) để thờ LQ, ngày nay vẫn còn điện chính do đời nhà Thanh trùng tu. Trong điện có tượng LQ thếp vàng cao hơn một trượng, hai bên là hai hàng đại đệ tử như là:- Nam Hoa Chân Nhân (Trang Tử), Vô Thượng Chân Nhân (Doãn Hi) v.v…
*Như vậy, gốc từ chỗ Lão Tử là một vị ẩn sĩ vô danh, được người biết đến qua học thuyết "vô vi". Học thuyết nầy nhanh chóng được phổ biến rộng rãi, kèm theo những truyền thuyết có tính chất "thần thánh hóa" mà thành ảnh hưởng mạnh mẽ như ngày nay. Thêm nữa, Miếu Thờ Ngài hầu hết đều tọa lạc ở những nơi biệt lập, có phong cảnh sơn thủy hữu tình theo quan niệm thanh tĩnh vô vi của Ngài, đã tạo sự thu hút số lượng rất lớn du khách và người hâm mộ đến tham quan ngày càng đông.
Thành tố "Đạo" đầu tiên là lý thuyết mấu chốt của tín ngưỡng Đạo giáo, đã được phát triển thành "Ông Tiên đắc đạo—Trường sanh bất lão". Đây là cảnh giới cao nhất của sự chứng đắc trong Đạo giáo mà tất cả tín đồ mong mỏi đạt được.
Lại có một cung điện khác là "Đâu Suất Cung" mô phỏng theo "Đâu Suất Thiên Cung" (tưởng tượng) mà xây dựng. Truyền thuyết nói, Đâu Suất Thiên Cung là nơi ở của Thái Thượng Lão Quân. Trong Đâu Suất Cung, thờ tòa "Tam Thánh" là :- Thái Thượng Lão Quân, Tổ sư Lữ Thuần Dương và Tổ sư Khưu Trường Xuân.
*Hầu hết những Miếu thờ nơi khác thì thờ tượng Lão Tử nơi Tam Thanh Điện. Gọi là Tam Thanh tức có ba tòa Ngọc, Thượng và Thái Thanh để thờ ba vị NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ , Nguyên Thủy Thiên Tôn , Thái Thượng Lão Quân .
*Do vì Đạo giáo có dạy về cách "luyện tiên đan" Và "diên hống (cống)" (nước miếng tiên) để trưởng dưỡng "hỏa hầu" (thuật ngữ của Tiên gia) , nên trong dân gian đã chọn Thái Thượng Lão Quân , ông chủ của "lò bát quái", làm "LÔ THẦN" (thần lò bếp) hoặc "DIÊU (Dao) THẦN" (thần lò nung ngói gạch gốm sứ). Từ đó, những ngành nghề hiện nay có liên quan đến "lò, bếp, nấu nung, luyện cán…) đều thờ Thái Thượng Lão Quân làm Tổ Sư, với ý là nhờ vào oai lực của LQ để trấn yểm hạn chế bớt sự tác động của Thái Tuế.
*Theo "Sử Ký" của Tư Mã Thiên, thì niên đại về Lão Tử là ở vào thời kỳ thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên, tồn tại trên dưới 100 năm.
Từ khi Lão Tử được tôn xưng là Thái Thượng Lão Quân , Ngài đã trở thành một vị vua chí cao vô thượng của cõi trời, thống lãnh cả hai ban thần thánh là "Đạo" và "Đức" với danh hiệu tôn quí "Thái Thượng Hỗn Nguyên Đạo Đức Thiên Tôn" hoặc "Hoàng Lão Quân.
*Ngày vía của đức Thái Thượng Lão Quân là ngày rằm tháng hai âm lịch.
(Ở Thanh Nguyên Sơn , Tuyền Châu, có một thạch tượng đức LQ, chạm khắc đời Tống, cao 5,63 m, ngang 8,01 m, sâu 6,85 m, chiếm diện tích 55 mét vuông.)
*PHỤ LỤC:-
Khổng Tử đến Chu, muốn hỏi Lão Tử về lễ , Lão Tử nói :
- Những người ông nói đều tan xương nát thịt cả rồi , chỉ còn lời nói của họ thôi ( Không Tử chủ trương theo lễ nghi của các vua đời trước. Lão Tử bác lại ý kiến đó) . Vả lại , người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang; không gặp thời thì như cỏ bồng xoay chuyển . Tôi nghe nói : "Người buôn giỏi thì biết giấu của báu , khiến người ta thấy dường như không có hàng , người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si" (Hai câu này đều trong Đạo Đức Kinh ). Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều , cái vẻ hăm hở cùng cái chí tham lam đi . Những cái ấy đều không có ích gì cho ông . Tôi chỉ bảo ông có thế thôi Khổng Tử ra đi , bảo học trò :
- Con chim , ta biết nó biết bay ; con cá ta biết nó biết lội ; con thú , ta biết nó biết chạy . Đối với loài chạy , thì ta có thể dùng lưới để săn ; đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt ;

đối với loài bay thì ta có thể dùng tên bắn ; đến như con rồng cưỡi mây cưỡi gió lên trời , ta không sao biết được ! Hôm nay gặp Lão Tử , ông ta có lẽ là con rồng chăng ?
Lão Tử trau dồi đạo đức , học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình , kín tiếng . Ông ở nhà Chu đã lâu , thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi . Đến cửa quan , quan coi cửa là Doãn Hỷ nói :
- Ông sắp đi ẩn rồi , hãy gắng vì ta mà làm sách .
Rồi Lão Tử bèn làm sách ,gồm hai thiên : thượng , hạ , nói về ý nghĩa của "đạo" và "đức" hơn năm nghìn chữ . Đoạn ra đi, không ai biết chết như thế nào .
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)
PHỤ LỤC
VỀ TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ .



Tam Hoàng Ngũ Đế

Tam Hoàng Ngũ Đế (chữ Hán: 三皇五帝) là thời kỳ lịch sử đầu tiên của Trung Quốc, và là các vị vua huyền thoại của Trung Quốc trong thời kỳ từ năm 2852 TCN tới 2205 TCN, thời kỳ ngay trước thời nhà Hạ.
Tam Hoàng (三皇) là ba vị vua đầu tiên của nước này. Ngũ Đế (五帝) là năm vị vua nối tiếp theo Tam Hoàng, có công khai hóa dân tộc Trung hoa, đưa dân tộc này thoát khỏi tình trạng sơ khai. Trong thời kỳ này, người Trung Quốc đã biết chế ra lửa để nấu chín thức ăn, biết cất nhà, làm quần áo, trồng ngũ cốc, chài lưới, thực hiện lễ nghi, và bắt đầu tạo ra chữ viết. Theo truyền thuyết, ba vị vua này được cho là thần tiên hoặc bán thần, những người đã sử dụng các phép mầu để giúp dân. Do phẩm chất cao quý nên họ sống lâu và thời kỳ cai trị của họ hòa bình thịnh vượng.
Đó là thời kỳ sơ khai tối cổ của Trung Quốc. Văn minh chưa có hay mới bắt đầu có nhưng rất thô sơ và dân chúng rất thưa thớt, sống từng nhóm nhỏ theo lối du mục, không có dấu tích gì còn sót lại. Điều này khiến việc nghiên cứu để biết rõ các triều đại tối cổ này khá khó khăn. Những từ ngữ như Tam Hoàng, Ngũ Đế, và hiệu của các vị vua, do người đời sau đặt ra để hệ thống hóa các tư liệu về cổ sử. Còn Đế hiệu thì lấy tên đất mà đặt ra, gọi là Địa hiệu, hoặc lấy công đức đối với dân mà đặt ra, gọi là Đức hiệu.
Tam Hoàng .



Các học giả Trung Hoa không nhất trí với nhau về Tam Hoàng cụ thể là ai.
Theo Sử ký Tư Mã Thiên, ba vị vua là:

- Thiên Hoàng - 天皇 (trị vì 18.000 năm)
- Địa Hoàng - 地皇 (trị vì 11.000 năm)
- Nhân Hoàng - 人皇 (còn gọi là Thái Hoàng - 泰皇) (trị vì 45.600 năm).

Vận Đẩu Xu (運斗樞) và Nguyên Mệnh Bao (元命苞) cho rằng ba vị là:

- Phục Hi,
- Nữ Oa,
- Thần Nông .

Trong đó, Phục Hi và Nữ Oa là thần chồng và thần vợ, được coi là tổ tiên của loài người sau một trận đại hồng thủy. Cũng như Thần Nông là người đã phát minh ra nghề nông và là người đầu tiên dùng cây cỏ làm thuốc chữa bệnh.
Các sách Thượng thư đại truyện (尚書大傳) và Bạch hổ thông nghĩa (白虎通義) thay thế Nữ Oa bằng Toại Nhân (燧人), người phát minh ra lửa. Sách Đế vương thế kỉ (帝王世紀) thay thế Nữ Oa bằng Hoàng Đế (黃帝), người được coi là tổ tiên của người Hán.
Việc thay thế Nữ Oa - một nữ thần - bằng một vị nam thần được cho là kết quả của việc chuyển từ chế độ mẫu hệ thời cổ xưa sang chế độ phụ hệ trọng nam khinh nữ.
Ngũ Đế
Ngũ Đế cũng có nhiều giả thuyết: Theo Sử ký Tư Mã Thiên, Ngũ Đế bao gồm:

- Hoàng Đế (黃帝)
- Chuyên Húc (顓頊)
- Đế Khốc (帝嚳)
- Đế Nghiêu (帝堯)
- Đế Thuấn (帝舜)

Trong đó, Nghiêu và Thuấn còn được gọi là Nhị Đế, cùng với Đại Vũ (禹), người sáng lập ra nhà Hạ, được Khổng giáo coi là các vị vua kiểu mẫu và là các tấm gương đạo đức. Thượng thư tự (尚書序) và Đế vương thế kỷ lại liệt kê Thiếu Hạo (少昊) thay cho Hoàng Đế.
Sở Từ (楚辭) nói đến Ngũ Đế như là các vị thần ở các phương:

- Thiếu Hạo (đông)
- Chuyên Húc (bắc)
- Hoàng Đế (trung)
- Thần Nông (tây)
- Phục Hi (nam)

Lễ kí (禮記) đồng nhất Ngũ Đế với Ngũ Thị (五氏), bao gồm:

- Hữu Sào thị (有巢氏)
- Toại Nhân thị (燧人氏)
- Phục Hi thị (伏羲氏)
- Nữ Oa thị (女媧氏)
- Thần Nông thị (神農氏)

Vị Hoàng đế Trung Hoa đầu tiên trong lịch sử là Tần Thủy Hoàng (秦始皇), người đã tạo từ mới cho "hoàng đế" (皇帝) bằng cách kết hợp các danh hiệu "hoàng" (皇) của Tam Hoàng với "đế" (帝 với nghĩa vua-thần).
*CHÚ Ý:- Trong các vị Tam Hoàng Ngũ Đế, tên của các vị như Đế Khốc (帝嚳), Đế Nghiêu (帝堯), Đế Thuấn (帝舜), Thần Nông (神農) có thứ tự các từ không giống với cấu trúc ngôn ngữ của người Hán phương Bắc (tính từ đặt trước danh từ) mà giống với cấu trúc của ngôn ngữ phương Nam (tiếng Quảng Đông, tiếng Việt...). Do đó, có thuyết cho rằng các vị này có xuất xứ từ vùng đất Bách Việt ở phía Nam.
- Ngoài ra, vua Thần Nông cũng được gọi là Viêm Đế. Viêm có nghĩa là nóng ấm. Có thuyết cho rằng vua Thần Nông đến từ miền nóng ấm, tức là phương nam, tức là đất Bách Việt. Từ đó suy ra nông nghiệp Trung Quốc bắt nguồn từ Bách Việt.
*NHƯỢC THỦY sưu tầm
(nguồn:-
http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_Ho%C3%A0ng_Ng%C5%A9_%C4%90%E1%BA%BF )
*Có thể tham khảo thêm:-
http://vnthuquan.net/truyen/truyentext.aspx?tid=2qtqv3m3237n2n1n4nqn31n343tq83a3q3m3237nnn

## 9. BẢO SANH ĐẠI ĐẾ .



保生大帝

保生大帝，又稱吳真人、吳真君、大道公、恩主公、真人仙師、花轎公、、英惠侯吳公真仙等，稱呼雖然不一，都是由歷代皇帝所勒封的尊號，而被奉祀為神仙。

保生大帝姓吳名本，字華基，號雲東，於宋朝太平興國四年（979年）農曆三月十五日，在福建省泉州府同安縣白礁鄉出生，據說原是周朝泰伯皇帝的后裔，在列國時分土金陵，建國於吳縣，遂以吳為姓，傳到三十一世的時候，時值戰國時代，吳滅亡，吳季札的子孫四散亡命，其中一支遷到河南省河北道的臨漳縣，代代持齋禮佛，相繼九世。大帝父吳通，娶妻 黃氏， 為逃避戰亂，再從臨漳南遷而入福建泉州府同安縣白礁鄉定居，這白礁鄉就是大帝生長的故鄉。

大帝先祖世代都是勤修功德，樂善好施的好人。父親吳通，後受封協成元君，平素以勤儉治家，喜歡做善事，勸人勸學如聞如名。母親黃氏，據說是玉華大仙投胎降世，性情幽雅貞淑，增修前世功果，積德早已上達蒼穹。有一夜，她正在酣睡，夢見紫微星投胎，醒而成孕。

宋真宗太平興國四年，歲次己卯，黃氏快要分娩時，恍惚看見太白金星、南陵使者偕同北斗星君，
護送一個仙童到她的房門說：「這是上界的紫微星，前來降世投胎的。」時為農歷三月十五日辰時，吳本降生，此時異香滿室，豪光燦爛，又見五老及三台魁星現身來拜賀。屋外只見上空五彩花景朵朵覆室，紫氣滿庭，民眾個個嘖嘖稱奇，認為此非尋常瑞氣。

吳本自幼聰慧，生下來就具有道性，不食葷，不娶妻，品行性格均異於常人。到了成年，博覽群書，過目不忘，所讀之書遍天文，地理及禮樂刑政，對歧黃醫術，特別下功夫，潛心研究，亦訂正許多前人之錯誤。在製藥方面，特別精製成方，達到奧妙，吳本的志願是救世濟人。

十七歲時，遍遊各地名山。某日，偶然遇見一位異人引導，謁見西王母，王母大悅，請吳本坐下
說：「你前生與我有緣，今世得與我會面，我決將神方以及驅魔逐邪的法術傳授給你，讓你去濟世救民。」他於是留在崑崙山，住了七天，學習神方及法術，很快地所學都完成，大帝思慮要下山回家，請示西王母，王母說，「你要下山也可以，不過回家之後，應該牢記你所學的各種法術，千萬別忘記你志在濟世救人。」另有一說則謂，是由異人傳授醫書與斬妖伏魔之術及吳本。

有一次，漳州一帶發生瘟疫，傳染全縣，死亡相繼，他即前往漳州，施醫藥，以符法驅除瘟神歷鬼。

自此吳本修身養性，採藥煉丹，雲遊四海，以醫道濟世救民。亦因醫術如神，許多醫官都來向他學習，可見吳本教了不少當官的學生，這跟我國民間信仰的醫神之中，吳本的神話故事特別多有關連。他在世之時，人們已尊稱他為活神仙。

相傳宋仁宗的母后患了乳疾，宮中太醫都束手無策，後經吳本診斷，藥到病除，仁宗大喜，要他留
在宮中做御醫，吳本對仁宗說：「我志在修真，慈悲濟世，救死助傷，榮華富貴，非我所願。」吳本回到民間，將一生奉獻給疾苦之人。府尹向仁宗上表，奏報吳本行醫救眾，濟世助人的功蹟，皇上特別敕封為「慈濟」。

大帝平時對待雙親很孝敬，與鄰居和睦共處，對鄉民很守信用，對金錢很淡泊，清廉又重義氣，而
且戒殺持齋，不娶妻室。二十歲出仕，二十四歲中舉人，後來由朝廷授派御史，為國效勞多年，然後辭官回歸鄉里。他還特別奉朝廷批准退隱於泉州白礁鄉大雁東
山。此地即為今日的東宮，宮的左邊，尚留有丹灶神井等聖蹟。

大帝辭官返回故里之後，在大雁東山一心修身傳道，專心學習太上玄機妙道，得到三五飛步之法。在醫學方面則深明調製藥劑的方法，治療萬病如神。他還煮丹砂以濟世，施符法以救人。大帝之靈氣可通上、中、下三界，其威嚴能伏群魔。

仁宗景祐三年（1036），歲次丙子，五月初二，大帝靜坐修鍊功成行滿，於正午時，偕同聖父、聖母、聖妹、吳明媽、妹夫，王舍人及從教諸門下，在白礁故鄉，騎乘白鶴
，白日飛昇，便應立志修真，研究道法。其家雞犬也都扈從飛去。大帝享年五十八歲，鄉里遠近，人人仰頭觀望，家家戶戶列香案叩拜送行。

大帝騎鶴飛登上界後，因凡界未靜，仍常眷念鄉里，監視不忘。有一天，有群寇擾亂鄉里，聲勢洶
洶，鄉人惶惶不安，不勝恐慌，家家列香案，當天禱祈大帝，顯化庇佑。未幾，官軍來到，與賊大戰，大帝暗中相助。賊首李三當場被官兵擊斃，群賊無首，四散逃
亡，亂遂平靜。鄉民拜謝大帝庇佑，除去惡賊，桑梓幸賴安寧。

有一次，大帝的鄉里大水驟然暴漲，整個鄉里變成汪洋大海，民房萬分危急，當快被沖毀之際，忽見大帝騎鶴在雲端施法，頃刻間，洪水立即退去，鄉里幸免於難。鄉民拜謝大帝靈感顯赫，解救鄉里，大家倡議建立祠宇，塑像奉祀，每年四季演戲慶祝敬奉。

他死後鄉里在白礁村修了秋龍庵紀念他，宋高宗時，命人重修，就是後來的白礁慈濟宮。

據傳，當宋高宗仍為太子，入金做為人質的時候，有一次，他乘機脫逃，來到崔子廟前，但是，擔
心自己沒有馬匹可騎，如何可以逃脫，突然聽到馬的嘶啼聲，回頭一看，看到有一匹馬停在廟前不遠之處，他趕忙騎著這匹馬直往南方奔逃，這時，金兵也已經追趕
來了。當高宗逃到江邊時，回頭一看，竟遙見天將神兵正在替他阻止抵御金人，他就乘機逃過江去，安全抵達故國。當他過了江後，這時才發現所騎的居然是一匹泥
馬，而暗中庇佑高宗的就是保生大帝。這也是「泥馬渡康王」的故事由來。

紹興二十一年，宋高宗遂下詔令地方官，在保生大帝的故鄉立廟，奉祀吳本，并且每一年都得按時祭祀。至孝宗登位，乾道七年御賜一個匾額，題名為「慈濟靈宮」，并賜謚「大道真人」。現在一般尊稱保生大帝為「大道公」，就是基于這個緣故。

孝宗以后，歷代皇帝，多有封賞。慶元初年，寧宗勒封「忠顯侯」。嘉定年間勒封「莫惠侯」。寶慶三年，理宗勒封「康佑侯」，寶慶四年勒封「沖慶真人」，五年勒封「妙道真君」。

據傳，明太租朱元璋與陳友諒大戰於鄱陽湖的時候，忽然刮起巨大的風浪，眼看著太祖和士兵即將
被風浪吹翻，這時，吳本突然地出現在云層之上，謹慎小心地布置旗幟，結果，風浪

果真都平緩下來，太祖則因此而平安無事，還指揮神兵助陣，而得大勝。之後，
明太租朱元璋在南京即位之后，為了感謝吳本的救命之恩，洪武五年，下令勒封吳本為「吳天御史醫靈真君」。

明朝仁宗下詔重修白礁吳真人廟，謚封為「萬壽無疆保生大帝」，賜龍袍一件，並命地方官於春秋兩季隆重祭祀。從此，民間「保生大帝」的造型也有了改變，成為穿龍袍、蓄長髯的帝君形象。

清朝時候，台北縣瘟疫猖獗，群醫均束手無策，福建鄉民於是渡海請來白礁慈濟宮的保生大帝來鎮壓，不久瘟疫就絕跡了，百姓倍加尊崇，所供奉的祠廟香火更加鼎盛。

由于從前的人對保生大帝一向就非常崇敬及依賴，因此自然而然便產生了一種心靈上的信賴與慰藉，這種心理作用對病情有或多或少的助益。所以，保生大帝廟經數百年一直能夠香火鼎盛，并不是偶然馮空得來的！

保生大帝著有內外科醫書十三卷傳世，後人感念他的德澤，建廟供奉祭拜。不但一般人有難治的病，會到廟裡去求他，醫生及藥商更奉他為守護神，祀之甚為虔敬。有關他的史蹟，《福建通誌》、《閩書．郡邑誌》都有記載。

《漳州府志》：「宋吳本，海澄人，母夢吞白龜而孕，學道雲遊，得三五飛步之術，以濟人為念，歿而靈焉，鄉人祠祀之，祠旁有泉湧，以治病，無不癒。」

《同安縣志》：「吳真人，名本，同安人，由貢舉授御史，仁宗時醫帝后癒，煉丹救世，景佑間蛻化，於泉州白礁，乘鶴昇天，其後屢著神異。」

《道教源流吳真君記》：「吳真君，名本，字華基，號雲衷，祖漢陽人氏……年四十得神方，繼師南海太守，復得秘法，吳黃龍中，天降白雲授之，遂以醫術行於吳晉之間，晉武時，許真君名遜。」

《台灣縣志》說：「保生大帝長大后，受室業醫，以活人為心，按病投藥，遠近皆以為神。」

《台灣通史》及《方志》均謂吳本為福建同安人，生於宋太平興國四年，茹素絕色，精醫術，以藥
濟人，廉恕不苟取，景佑二年卒，里人祀之，有禱則應。惟清通判黃家鼎據宋莊郡守及夏陽進士志二碑文、李光地《吳真君碑記》，暨黃化機《譜系紀略》、楊浚《白礁志》等，考證甚詳，幸存淵源矣！

民間流傳的一個故事，有次，有一只害了眼病的巨龍，化為人身求治，大帝識破其為非人，并以符
水點於龍眼，治愈其不治的眼疾。又有一次吳本入山採藥，見一虎痛苦呻吟，原來牠吃了個老婦，郤被一根骨頭卡在喉嚨中。老虎懇求吳本救牠，并且發誓永遠不再
傷人，吳本才用靈丹醫好老虎，保生大帝「點龍眼、醫虎喉」的故事，就是由此傳說而來。而此後那只老虎就成為吳本的坐騎，平時就看守廟門，替這位名醫服務，

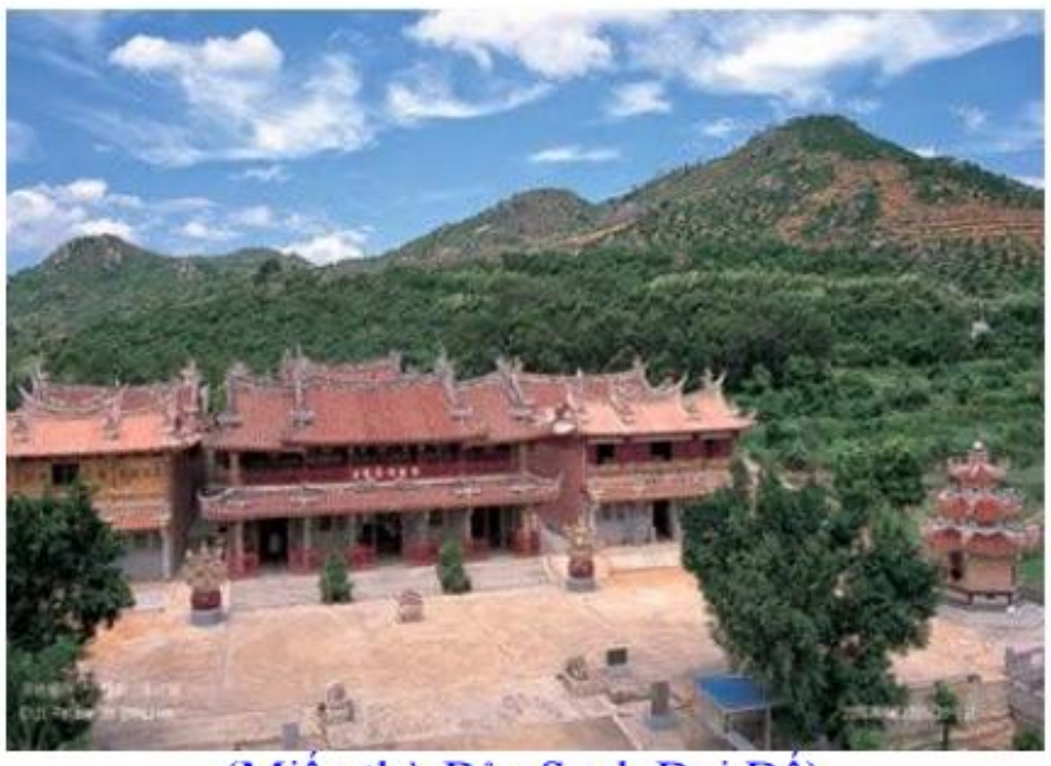
寸步不離地跟隨他，當保生大帝成為神，它也隨著成了神虎。所以如今保生大帝廟中或神像腳下，都配祀一座虎爺神像。而被民間喚為虎爺中為有別于土地公的虎爺，因此又稱為「黑虎將軍」。

虎爺雖然沒有寺廟供奉為主神，但它卻為寺廟不可或缺的角色。奉祀虎爺并沒有專廟，只隨主神洪奉，虎爺的主神有二：一為土地公，另一為保生大帝。

另依照民間傳說，虎爺是土地公的屬下，虎經常跟隨土地公，按照土地公的命令采取行動，所以有土地公的廟宇，神桌下都供奉虎爺，是專供土地公騎用的老虎。信徒們相信老虎張著大嘴，可叼著財寶而來，因此，廣為人民所奉祀。特別是許多賭徒信奉極深，還有戲劇業者也非常尊崇。

但一般廟宇的虎爺，并不是供主神騎用的，而是做為鎮守廟宇的地神奉祀的，因為它有驅逐癘疫、惡魔以及鎮護廟宇的功用。又相傳，虎爺能治療小兒腮腺炎（俗稱生豬頭皮）。當小兒患腮腺炎時，用金紙來撫摸虎爺的下頷，然后用這張金紙貼在小兒的患部，很快就能消腫痊。

保生大帝廟中，另供奉三十六天將，據說原是玄天上帝的部下，在一次借寶物不還事件中，而撥歸保生大帝所管。（詳見玄天上帝）.



(Miếu thờ Bảo Sanh Đại Đế)

*Dịch:-

BẢO SANH ĐẠI ĐẾ .

Bảo Sanh Đại Đế còn gọi là “Ngô Chân Nhân”, “Ngô Chân Quân” , “Đại Đạo Công”, “Ân Chủ Công”, “Chân Nhân Tiên Sư”, “Hoa Kiều Công”, “Anh Huệ Hầu Ngô Công Chân Tiên” … Việc xưng hô tuy không đồng nhất , là do nhiều đời vua chúa phong tặng tôn hiệu khác nhau, vì tất cả đều thờ phụng Ngài là thần tiên.

Bảo Sanh Đại Đế , họ Ngô, tên Bản, tự Hoa Cơ, hiệu Vân Đông. Ngài sinh ra vào năm thứ tư Thái Bình Hưng Quốc triều nhà Tống, tại làng Bạch Tiêu, huyện Đồng An, phủ Tuyền Châu, tỉnh Phước Kiến.

*Ngài là hậu duệ của Thái Bá Hoàng Đế triều nhà Châu , đóng đô ở Kim Lăng, huyện NGÔ, nên lấy theo đó làm họ. Truyền được 31 đời đến thời Chiến Quốc thì nước chư hầu Ngô bị diệt vong, hoàng tộc hoặc chết hoặc bị phân ly tứ tán khắp nơi. Trong đó có một chi chạy đến ở tại huyện Lâm Chương , đạo Hà Bắc, tỉnh Hà Nam. Dòng họ nầy nhiều đời ăn chay

niệm Phật, làm phước bố thí cho bá tánh. Được chín đời, có người tên Ngô Thông, cưới vợ là Huỳnh Thị, nhân chạy giặc đến làng Bạch Tiêu, huyện Đồng An, phủ Tuyền Châu, tỉnh Phước Kiến thì định cư ở đó. Đây chính là thân phụ của Đại Đế vậy. Vì thế, sau nầy lấy nơi sanh trưởng của Đại Đế là làng Bạch Tiêu làm quê quán.

*Như đã nói trên, tổ tiên nhiều đời của Đại Đế đã từng tu nhân tích đức, bố thí cứu giúp bá tánh vô số. Riêng Ngài Ngô Thông, sau nầy được truy phong là "Hiệp Thành Nguyên Quân", cũng là người hiền lành, cần kiệm làm ăn, vui vẻ siêng năng hành thiện cứu đời nhiều năm, tên tuổi và công đức của Ngài vang danh hắp chốn. Còn mẫu thân Huỳnh Thị, truyền thuyết là "Ngọc Hoa Đại Tiên" đầu thai giáng thế, tính tình hiền hậu hòa nhã, trinh thục, đã có nhiều công quả ở kiếp trước, đời nầy lại chăm lo tích đức càng nhiều hơn.

Một đêm nọ, bà đang say giấc nồng, nằm mộng thấy sao Tử Vi đầu thai vào mình, tỉnh giấc thì biết là có mang.

Đến năm thứ tư Thái Bình Hưng Quốc nhằm năm Kỷ Mão, bà Huỳnh thị chuyển dạ đau lưng đang nằm nghỉ, hỏang hốt nhìn thấy nào là Thái Bạch Kim Tinh, Nam Lăng Sứ Giả, Bắc Đẩu Tinh Quân… hộ tống một vị Tiên Đồng, đến phòng của bà nói:-"Đây là sao Tử Vi ở thượng giới mà trước đây đã giáng thế đầu thai vào bà đó". Hôm ấy là giờ Thìn ngày rằm tháng ba âm lịch, chính là ngày mà đức Ngô Bản giáng sanh. Lúc bấy giờ, mùi hương lạ bay thơm khắp nhà, háo quang tỏa rực , lại thấy Tiên Ngũ Lão và Tam Thai Khôi Tinh hiện thân bái hạ. Bên ngoài, trên trời có hoa năm sắc rơi xuống vô số phủ che hết căn nhà. Dân chúng ai ai cũng cho là điềm kỳ lạ, có thoại khí lành tốt chắc chắn không phải việc bình thường.

*Ngô Bản từ nhỏ đã tỏ ra thông minh mẫn tuệ, biểu hiện tính cách có tâm đạo là không chịu ăn thịt. cá. Rồi khi lớn lên, không chịu cưới vợ, luôn tỏ ra phẩm hạnh khác với người đời. Đến tuổi trưởng thành, Ngài đã thông suốt các sách, xem qua liền nhớ. Ngài đọc hàng ngàn quyển sách đủ loại, kể cả Địa Lý, Lễ Nhạc và Hành Chính. Nhưng chú ý nhất là sách vở về Y thuật của Huỳnh Đế và các y gia khác. Ngài ra sức nghiên cứu và đã đính chính nhiều chỗ sai sót của các sách y học đời trước. Về phương diện bào chế thuốc, Ngài đã ra công chế tạo được nhiều dược phẩm kỳ diệu , có giá trị chữa bệnh rất hiệu quả.Ngô Bản thường bày tỏ ý chí của Ngài là "cứu thế giúp người" .

Năm 17 tuổi, Ngài đi vân du các danh sơn. Ngày nọ, Ngài bổng gặp một dị nhân dẫn đường và nói rằng đưa đến yết kiến Tây Vương Mẫu. Vương Mẫu bảo :- "Kiếp trước ta và ngươi có duyên với nhau nên kiếp nầy mới gặp lại . nay ta cho người dạy ngươi những "Thần phương diệu dược" và các pháp thuật "tróc quỉ trừ tà" để sau nầy cứu nhân độ thế". Ngô Bản ở lại núi Côn Lôn bảy ngày để học tập các thần phương và pháp thuật. Ngài học rất nhanh, thông thạo hết những bí thuật ấy và nóng lòng muốn trở về nhà để cứu giúp đời, nên vào trình xin Vương Mẫu cho xuống núi. Mẫu bảo:- "Được, ngươi có thể xuống núi rồi đó. Nhưng hãy ghi tâm khắc cốt một điều là, bất cứ hoàn cảnh nào cũng không quên đem những thần phương và pháp thuật đã học mà cứu giúp cho sanh linh nhé !". Nói xong, Vương Mẫu bảo dị nhân giao các sách thuốc và thư phù trảm yêu trừ ma cho Ngô Bản.

*Về sau, vào năm nọ, ở vùng Chương Châu rộng lớn, phát sanh bệnh ôn dịch, lây lan khắp huyện, người thi nhau chết hàng loạt.Ngô Bản tức tốc đi đế`n Chương Châu đem sở học giúp cho bá tánh bình yên khỏe mạnh trở lại.

*Từ đó, Ngô Bản càng chăm chỉ "tu thân dưỡng tính" theo Tiên Pháp, chế luyện tiên đan, vân du bốn biển, đem tài y thuật cứu giúp cho nhiều người thoát qua bệnh hiểm. Y thuật của Ngài đã đến mức "siêu thần nhập quỉ", cho nên các Y Quan và Y gia kéo nhau đến xin Ngài chỉ dạy rất đông. Nhiều giai thoại kỳ diệu về y học đã ghi chép trong các y thư nước ta, đều có xuất xứ từ Ngài. Dân gian tôn xưng Ngài là "Hoạt Thần Tiên" (thần tiên sống) vì tài năng chữa bệnh cao siêu của Ngài.

*Tương truyền, có lần Mẫu hậu của vua Tống Nhân Tông bị bệnh lạ, các quan Thái Ngự Y ra sức chữa trị mà không khỏi, đành bó tay. Lúc ấy, vua cho đón rước Ngô Bản vào triều, Ngài chẩn mạch cho thuốc, uống vào bệnh lành ngay. Vua Nhân Tông vô cùng mừng rỡ, ý muốn

giữ Ngài lại làm Ngự Y, nhưng Ngài khẩn thiết tâu rằng:-"Chí hướng của thần là ở chỗ "tu chân", từ bi cứu thế, chữa người bệnh nặng, cứu kẻ sắp chết. Còn chuyện vinh hoa phú quí chẳng phải là sở nguyện, xin bệ hạ tha tội cho".

*Ngô Bản trở về, đi khắp nơi trong nước, cứu giúp chữa bệnh cho không biết là bao bệnh nhân thập tử nhất sinh. Vì thế, các quan địa phương đều có dâng sớ tâu vua những thành quả tốt đẹp ấy, cho nên vua đặc cách sắc phong cho Ngài tôn danh "TỪ TẾ" (từ bi tế độ chúng sinh).

*Lúc sinh thời, Bảo Sanh Đại Đế rất hiếu thảo với cha mẹ, đối xử hết sức hòa nục với người xung quanh, nhất là luôn luôn giữ chữ "Tín" với mọi người. Suốt đời Ngài không coi trọng tiền bạc, giữ hạnh thanh liêm và đề cao nghĩa khí. Ngài lại còn chay lạt không sát sinh và không lập gia đình.

*Ngài lúc 20 tuổi đi học, 24 tuổi đậu cử nhân, về sau triều đình phong lần đế chức Ngự Sử, đóng góp rất nhiều công lao cho đất nước, sau cùng từ quan trở về quê cũ. Ngài tâu vua xin cho đặc ân về ở ẩn tại Đại Nhạn Đông Sơn, làng Bạch Tiêu, huyện Tuyền Châu. Chỗ ấy, ngày nay còn lưu dấu Đông cung, mà ở bên trái cung, còn vết tích của "lò luyện đan" và "giếng thần" Ngài dùng thưở xưa.

*Đại Đế từ quan, trở về ẩn dật tại Đại Nhạn Đông Sơn, một lòng chuyên tâm tu thân truyền đạo, chuyên tâm học tập "Thái Thượng Huyền Cơ" đạt được pháp "Tam ngũ phi bộ" (phép bay lên trời). về phương diện y học, Ngài nghiên cứu sâu về cách điều chế những loại thuốc thần diệu, trị bách bệnh. Ngài luyện được "linh đan" cứu tử, dùng "linh phù" cứu giúp vô số người. Linh khí của Đại Đế có thể nói là, bao trùm khắp thượng, trung và hạ của tam giới. Linh uy của Ngài nhiếp phục hết thảy quần ma.

*Năm thứ ba Cảnh Hữu đời Nhân Tông (1036), tức là năm Bính Tí, ngày mùng hai tháng năm , Đại Đế đã tu luyện công thành quả mãn. Vào lúc chính ngọ, Ngài cùng toàn thể gia đình , nào là thánh phụ, thánh mẫu, thánh muội (tên Ngô Minh, sau nầy dân gian xưng là Ngô Minh Má), chồng em gái (muội phu), toàn bộ người trong nhà và cả những đệ tử, thậm chí cả gà chó trong nhà … tất cả đều cỡi "hạc trắng", từ quê hương Bạch Tiêu, phi thăng không trung, có lẽ là đến nơi động tiên nào đó. Năm ấy, Đại Đế thọ thế 58 năm. Dân trong làng và các làng bên, lập bàn hương án, ngẫn đầu lên không nhìn theo, thành tâm bái lạy đưa tiễn. Tuy Đại Đế cỡi hạc bay về thượng giới, nhưng vẫn còn nặng lòng với quê hương xứ sở. Có một hôm, lũ giặc cướp đông đảo hung hãn , sát khí đằng đằng kéo đến bao vây làng Bạch Tiêu. Dân làng vô cùng hoảng hốt lo sợ. Lúc cấp bách, tất cả đều bày hương án ra sân,, ngẫng mặt lên trời tha thiết cầu khẩn vái lạy Ngài. Trong chốc lát, bỗng có đội quan binh kéo đến đánh đuổi lũ giặc cướp. Nhờ Đại Đế ám trợ bên trong, tên đầu đảng Lý Tam bị quan binh dễ dàng bắn chết. Bọn giặc cướp như rắn mất đầu, hoảng sợ bỏ chạy tứ tán, chấm dứt cuộc loạn. Hương dân vô cùng mừng rỡ, làm lễ bái tạ Đại Đế đã phù hộ độ trì dẹp tan lũ giặc hung ác, mang lại yên bình cho làng xóm.

*Có một lần, quê hương của Đại Đế bị nạn lụt lớn, cả làng biến thành một biển nước, tình trạng vô cùng khẩn cấp, nhà cửa gia súc … sắp sửa bị dòng nước cuốn trôi. Ngay lúc đó, bỗng thấy Đại Đế hiện ra trên mây, thi triển pháp thuật, biển nước từ từ chảy thành một dòng ra sông chứ không còn tràn lan khắp nơi. Dân chúng thoát nạn, mừng rỡ khôn xiết, lập đàn cúng tế tạ ơn Đại Đế . Rồi bàn đến việc tạo lập Miếu Thờ, đắp tượng để lễ bái, hương khói thờ phụng quanh năm.

*Sau khi Đại Đế thăng thiên, dân làng Bạch Tiêu có xây dựng am Thu Long để thờ, đến đời Tống Cao Tông, vua ban lệnh cho trùng tu lại, thành ra "Cung Từ Tế" ở thôn Bạch Tiêu.

*Theo truyền thuyết ,lúc Tống Cao Tông còn là Thái Tử, phải sang nước Kim để làm "con tin". Ngày nọ, Thái Tử thừa cơ trốn thoát, chạy bán sống bán chết nhắm hướng biên giới mà đến. Tới trước Miếu Thôi Tử thì đã đuối sức không chạy nổi nữa, lòng mong mỏi có được con ngựa để cỡi thì mới mong trốn thoát. Đột nhiên nghe có tiếng ngựa hí, quay đầu nhìn lại thì thấy một có một con ngựa đứng gần đó. Thái Tử liền phóng lên lưng ngựa, nhắm phương

Nam mà đào thoát. Quân Kim vẫn tiếp tục đuổi theo vây bắt. Thái Tử chạy đến bờ sông, quay nhìn lại thấy có vô số thiên binh thiên tướng đang chận đánh buộc quân Kim dừng bước truy đuổi. Nhờ đó, Thái Tử tìm được thuyền để qua sông cả người lẫn ngựa. Nhưng thật lạ lùng, vừa lên bờ thì nhìn kỹ lại, đó chỉ là "con ngựa bằng đất" , do Đại Đế ám trợ biến thành ngựa thiệt cho Thái Tử cỡi mà thoát nạn. Cố sự ấy chính là đề tài hấp dẫn cho câu chuyện cổ tích "Nê mã độ khang vương" (ngựa đất đưa vua an).

*Năm Thiệu Hưng thứ 27, Tống Cao Tông hạ chiếu lệnh cho quan địa phương sở tại quê hương Đại Đế , xây dựng Miếu Thờ Ngài Ngô bản, hằng năm có tổ chức cúng tế trọng thể. Đến thời vua Hiếu Tông, năm Càn Đạo thứ bảy, nhà vua ngự tứ ban cho tấm biển thờ đề "Từ Tế Linh Cung", lại ban thụy hiệu "Đại Đạo Chân Nhân" . Ngày nay có số người tôn xưng Bảo Sanh Đại Đế là "Đại Đạo Công" (ông Đạo lớn) là do sự kiện trên.

*Sau vua Hiếu Tông, có nhiều đời vua khác cũng phong thưởng cho Ngài, như vào Khánh Nguyên năm đầu, vua Ninh Tông phong làm "Trung Hiển Hầu", đến năm Gia Định lại gia phong "Mạc Huệ Hầu". Năm Bảo Khánh thứ ba, Lý Tông phong làm "Khang Hữu hầu", năm Bảo Khánh thứ tư lại gia phong "Trùng Khánh Chân Nhân" rồi năm thứ năm lại phong "Diệu Đạo Chân Quân".

*Cũng theo truyền thuyết, Minh Thái Tổ là Chu Nguyên Chương lúc đánh nhau với Trần Hữu Lượng ở Hồ Bá Dương, bỗng nhiên nổi lên trận gió lớn, trước mắt là thấy Thái Tổ và sĩ tướng sắp bị sóng gió nhận chìm thuyền. Chợt thấy Ngài Ngô Bản xuất hiện trên không trung, sai thiên binh bố trí cắm cờ xí trấn yểm ngũ hành. Lát sau, sóng gió dừng bặt, Thái Tổ thoát nạn. Đại Đế lại cho thiên binh phù trợ giúp cho Thái Tổ đánh thắng trận. Về sau, Minh Thái Tổ lên ngôi ở Nam Kinh, nhớ đến công ơn cứu mạng của Đại Đế nên vào năm Hồng Vũ thứ năm, hạ lệnh sắc phong Ngô Bản là "Ngô Thiên Ngự Sử Y Linh Chân Quân".

*Đến triều nhà Minh, vua Nhân Tông hạ chiếu trùng tu Miếu thờ Ngô Chân Nhân ở Bạch Tiêu, ban thụy hiệu là "Vạn Thọ Vô Cương Bảo Sanh Đại Đế", lại ban cho một áo long bào, ra lệnh quan địa phương phải cử hành cúng tế trọng thể hai kỳ Xuân Thu hàng năm . Từ đó, dân gian khi tạo tượng Đại Đế đã cải biến là một vị Đế Quân râu dài, mình mặc long bào.

*Đến đời Thanh, huyện Đài Bắc xảy ra ôn dịch, tất cả thầy thuốc đều chịu bó tay. Những người dân quê ở Phước Kiến đề nghị chính quyền sở tại vượt biển sang tỉnh Phước Kiến, cung nghênh thánh tượng của Ngài Bảo Sanh Đại Đế ở Bạch Tiêu Cung về Đài Bắc trấn yểm. Chẳng lâu sau thì ôn dịch chấm dứt hoàn toàn. Bá tánh hết sức tôn sùng Đại Đế , xây dựng Miếu Thờ , bốn mùa hương khói đến nay không ngớt.

* Do vì nhiều thế hệ trước đã có lòng sùng kính và nương tựa uy linh Đại Đế rất to tát, vô hình trung đã tạo ra một niềm tin mạnh mẽ cho mọi người. tác dụng trị liệu về tâm lý đã góp phần hiệu quả cho việc trị bệnh có kết quả tốt. Cho nên mỗi đời củng cố thêm niềm tin mà thành ra lòng sùng bái Đại Đế càng ngày càng tăng là có cơ sở, chứ không phải là tưởng tượng mà thành.

* Bảo Sanh Đại Đế có trước tác sách thuốc nội, ngoại y khoa được 13 quyển để lại cho đời. Người đời sau cảm niệm công đức mà xây Miếu thờ phụng, lòng tin vào Ngài hết sức to lớn. Hiện nay, khi người có bệnh đã chạy chữa nhiều nơi không khỏi, đều sắm sửa lễ vật đến Miếu Thờ cầu bái Ngài, đa số đều lành bệnh.

*Trong giới Y Gia và bào chế, kinh doanh thuốc đề thờ Ngài làm "Thủ Hộ Thần" hiện nay rất sùng kính, cũng bắt nguồn từ những sử tích có liên quan đến Ngài như đã kể. Các sách báo như "Phước Kiến thông chí", "Mân Thư-Quận Ấp Chí" đều có đăng tải.

*Như trong "Chương Châu phủ chí" viết:- "Đời nhà Tống có ông Ngô Bản, người ở Hải Trừng, bà mẹ mộng thấy nuốt ruà trắng mà có thai. Ngài vân du học đạo, đắc pháp "tam ngũ phi bộ" . Sinh tiền, Ngài luôn giũ lòng cứu tế sanh linh, khi mất, dân làng xây Miếu thờ. Cạnh Miếu có dòng suối thiêng, nước suối chữa lành nhiều bệnh".

*Trong "Đồng An huyện chí" viết :- "Ngô Chân Nhân tên là bản, người ở Đồng An, thi đậu làm quan lần đến Ngự Sử, đã từng chữa lành bệnh cho mẹ vua Tống Nhân Tông. Ngài luyện

linh đan cứu đời. Năm cảnh Hữu thì thoát hóa ở Bạch Tiêu Tuyền Châu, cỡi hạc bay lên trời, sau có lập Miếu tượng để thờ".

* Sách "Đạo giáo nguyên lưu Ngô Chân Quân ký" nói rằng:- " Ngô Chân Quân, tên là Bản, tự Hoa Cơ, hiệu Vân Trung, tổ tiên là người Hán Dương…Năm bốn mươi tuổi học được thần phương về thuốc, sau theo thầy là Nam Hải Thái Thú, lại học được bí pháp (về phù thuật). Đời nhà Ngô, Ngài cỡi rồng vàng hiện trong vầng mây trắng, đem pháp thuật cứu giúp sanh linh hai đời Ngô Tấn, nên thời Tấn Vũ Đế phong làm "Hứa Chân Quân".

*Trong "Đài Loan huyện chí" có ghi:- " Bảo Sanh Đại Đế khi lớn lênhoc5 được nhề thuốc, có lòng cứu giúp người bệnh, theo bệnh cho thuốc, gần xa đều nức tiếng thần y".

*"Đài Loan thông sử" và "Phương Chí" thì nói:-"Ngài là Ngô Bản, người ở Đồng An tỉnh Phước Kiến. Sinh vào đời Tống năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tư, phong cách xuất chúng, tinh thông y thuật , làm thuốc cứu đời không hề nãn lòng. Mất vào năm thứ hai Cảnh Hữu, dân làng lập Miếu thờ, ai cầu đảo việc chi cũng đều toại ý. Hiện còn hai văn bia , một của Tiến sĩ Hạ Dương và một của Thông Phán Huỳnh Gia y theo sự tích do Quận thú Tống Trang kể mà ghi lại. Sau có thêm Lý Quang viết "Ngô Chân Nhân bi ký" , Huỳnh Hóa Cơ viết "Phả hệ kỷ lược", Dương Tuấn viết "Bạch Tiêu Chí" v.v..có nêu rõ phần khảo chứng, tận tường nguồn gốc .

*Trong dân gian cũng lưu truyền một chuyện như sau:-

"Có lần, một con rồng lớn bị bệnh mắt rất nặng, hóa thành người đến xin Đại Đế chữa bệnh. Ngài sớm biết đây không phải là người nhưng vẫn trị lành bệnh khó trị cho con rồng. lại có lần, Ngài vào trong núi, thấy một con cọp đang oằn oại rên la, nguyên vì nó tham lam ăn sống một bà già, chẳng may bị một mảnh xương đầu của bà già vướng vào cổ họng, đau đớn vô cùng. Cọp bèn năn nỉ Ngài chữa giùm với điều kiện là từ đây về sau không còn làm hại người nữa, Ngài đã trổ tài dùng linh đan để chữa lành cho cọp. Câu chuyện Bảo Sanh Đại Đế đã "điểm long nhãn, y hổ hầu" (chữa mắt rồng, trị họng cọp) được lưu truyền phổ biến trong dân gian. Do cô sự ây, hổ đã thành ra con vật cho Ngài Ngô Bản cỡi đi trị bệnh cho dân chúng ở ngoài , khi ở nhà thì nó coi giữ cung điện cho Ngài. Nó lu6n quấn quít không rời xa Ngài. Khi Ngài đã đắc đạo, nó cũng nương theo mà thành ra "Thần Hổ" . Ngày nay, trong các Miếu Thờ Bảo Sanh Đại Đế , dù hình vẽ hay tượng đắp, bên dưới chân cũng đều có con cọp. Để tránh cho dân gian phân biệt khỏi lầm với con cọp của Thổ Địa cỡi với con cọp nầy, người ta tạo ra cọp đen, gọi là "hắc hổ tướng quân " dành cho Bảo Sanh Đại Đế cỡi. Ngoài ra, tại các đình miếu đều có tạc tượng thờ thần hổ, nhưng thường là "bạch hổ" để tránh sự trùng lắp với "hắc hổ" của Ngài Bảo Sanh Đại Đế .

*Xin nói thêm một chút, truyền thuyết trong dân gian tin rằng hổ là thuộc hạ của Thổ Địa, theo mệnh lệnh của Thổ Địa mà hành động, nên tại các miếu thờ Thổ Địa đều có làm thêm phía dưới bệ thờ làm nơi thờ thần hổ. Dân gian cũng tin rằng, nếu đồng tiền được hổ thần ngậm vào miệng thì sẽ sanh sôi nẫy nở nhanh chóng. Do đó, những người cờ bạc và phường hát kịch thờ phụng thần hổ và đưa tiền qua miệng cọp trước khi đi đánh bạc hay bán vé xem hát, cầu mong cho "nhất bản vạn lợi". Thêm một sự về hổ nữa là, hổ thần có khả năng xua đuổi bệnh ôn dịch và ác ma, trấn giữ an ninh cho địa phương, nên tất cả các miếu thờ lớn nhỏ đều có vẽ hay tạc tượng hổ thần phía trước để làm nhiệm vụ trấn yểm nầy. Ngoài ra, còn có niềm tin trong dân gian nông thôn là, khi trẻ con bị bệnh quai bị hay sưng hàm( dân gian gọi là bệnh "Sanh trư đầu bì=da sanh đầu heo" ) cha mẹ đem giấy tiền vàng bạc đến áp phủ vào cổ hàm của hổ thần rồi đem về nhà đắp vào chỗ đau của trẻ, sẽ nhanh chóng hết sưng.

*Trong Miếu Thờ Bảo Sanh Đại Đế còn có thờ 36 vị thiên tướng mà theo truyền thuyết đó là những bộ hạ của Huyền Thiên Thượng Đế , trong một lần đi mượn bảo vật mà không trả được, phải đến nương tựa vào Bảo Sanh Đại Đế . (Xem truyện về Huyền Thiên Thượng Đế sẽ rõ).

*Thánh đản của Ngài Bảo Sanh Đại Đế là ngày rằm tháng ba âm lịch.

Thọ đản của Ngài là ngày mùng hai tháng năm âm lịch.

*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com).

# 10. TAM QUAN ĐẠI ĐẾ .



三官大帝.

三官就是上元賜福天官紫微大帝、中元赦罪地官清虛大帝、下元解厄水官洞陰大帝的合稱，全名為「三元三品三官大帝」，在道教中地位僅次於玉皇上帝的神祇。道教宣稱三官能為人祈福、赦罪、解厄。

民間，三官大帝俗稱的「三界公」，即掌管天、地、水三界的神明，其本上是從自然崇拜而來的，後來

被人格化，才成為一種類似於靈魂崇拜的神明。在道教的神格中，其地位僅次於玉皇大帝，不過民間專廟供奉的並不多，一般只是在各道觀中，懸掛錫爐禱祭，而這錫爐便是善男信女口中的「三界公爐」。

民眾對於三官大帝的崇敬，乃源自於古代人對天、地、水自然界的崇拜，而至於「三官」的叫法，

主要則是開始於東漢時期張角所創立的「五斗米教」。相傳其可為民眾消除災難，治療疾病，而方法則是將生病或想懺悔罪行的人，將其姓名及罪過悔意，寫在三張紙上，一張放置於高山，或是燒成煙升上天，一張則埋入地下，最後一張，放沈入水中，這可能是對天、地、水，這「三官」最早的淵源。

「三官」，其實是三位合稱一體的，主要就是指「天官」、「地官」和「水官」。中國在遠古時

代，就有祭天、祭地和祭水等禮儀。《儀禮》的《覲禮》篇有：「祭天燔柴，祭山丘陵升，祭川沉，祭地瘞」。不過，上古祭祀天地水，是皇帝的權利，庶民百姓只能祭祖。東漢時，張陵創立天師道，就是祭祀天地水三官，《上三官手書》則為道教為信徒治病的經典；「其一上之天，著山上；其一埋之地；其一沉之水。謂之三官手書」。南北朝時天地水三官神，則和上中下三元神合二為一。

天官賜福：

天官名為上元一品賜福天官，紫微大帝，隸屬玉清境。天官由青黃白三氣結成，總管諸天帝王。每逢正月十五日，即下人間，校定人之罪福。故稱天官賜福。

地官赦罪：

地官名為中元二品赦罪地官，清虛大帝，隸屬上清境。地官由元洞混靈之氣和極黃之精結成，總管五帝五嶽諸地神仙。每逢七月十五日，即來人間，校戒罪福，為人赦罪。

水官解厄：

水官名為下元三品解厄水官，洞陰大帝，隸屬玉清境。水官由風澤之氣和晨浩之精結合而成，總管水中的所有神仙。每逢十月十五日，即來人間，校戒罪福，為人消災。

人們對於自然神的崇拜，非常容易將其人格化，因而衍生出多種民間傳說。有一種民間的說法，相傳三官大地，是古代的堯、舜、禹三帝，由於這三人，對天下有莫大的貢獻，因此死後就被封為天、地、水三帝，分別掌管三界，並治理民間，保護人民。

一說：三官起源於金、水、土三氣。認為天地主生，地氣主成，水氣主化，而將金、土、水配以天、地、水三氣，而為三官。

另有傳說，三官是元始天尊有三個兒子，其神通非常廣大，長子封為「紫微大帝」，次子則為「清虛大帝」，三子則為「洞陰大帝」，各掌管人間天、地、水各司之神。

又有一種傳說是，此三子乃陳子禱與龍王三女所生，法力無邊，故為元始天尊所封。

民間一般相信三界公地位僅次於玉皇大帝，反映出民眾對於自然界中的天、地、水之崇高地位，且
家家戶戶於三元節皆會準備豐盛的祭品，祈求三官大帝賜福消災解厄，及感謝其保佑平安順遂。三官大帝的誕辰，分別是上元正月十五誕辰的天官大帝，中元七月十五日誕辰的地官大帝，下元十月十五日誕辰的水官大帝。奉命於民間治理民眾，分別接受信眾祈求賜福、赦罪及解厄。

而每逢「三元節」，即是祭祀三官大帝的重要日子，三元節即上元節、中元節、下元節，分別是三
官大帝的誕辰日，不管哪個節日，一般皆以三界公祭拜，祈求三官大帝賜予福氣安康，解去厄運，免除災難。而道教徒都進廟燒香奉祀，或建金籙、黃籙道場，以祈福消災。三尊神像在廟的排列：天官一品紫微大帝祀於神龕內中央，地官二品清虛大帝祀於神龕內右側，水官三品洞虛大帝，祀於神龕內左側。

民間通常於上元時祭祀而中元和下元則不再祭祀。三官和玉皇上帝一樣很少供奉神像，普通都只準備一座爐祭祀，稱為「三界公爐」。有供奉三官大帝者，以合祀為多，很少有三官分開來供奉的。



Dịch:-

Tam Quan Đại Đế .

Tam Quan Đại Đế là danh từ gọi chung của ba vị là:- Thượng nguyên tứ phước Thiên quan Tử Vi Đại Đế , Trung nguyên Xá tội Địa quan Thanh Hư Đại Đế , Hạ nguyên Giải ách Thủy quan Động Âm Đại Đế . Nếu gọi đầy đủ thì là "Tam Nguyên Tam Phẩm Tam Quan Đại Đế ". Trong Đạo giáo, địa vị của ba vị nầy gần với Ngọc Hoàng Thượng Đế . Đạo giáo cho rằng ba vị nầy có trách nhiệm về ba yếu tố:- ban phúc, xá tội và giải trừ tai ách cho con người.
Trong dân gian, Tam Quan Đại Đế được gọi là "Tam Giới Công", tức ba vị Tôn Thần chưởng quản ba cõi thiên, địa và thủy giới . Đó là do nguồn gốc sùng bái các vị thần trong tự nhiên mà có, sau được "thần thánh hóa" thành ra ba vị tôn thần.
Mặc dù trong Đạo giáo cho rằng, địa vị của ba Đại Đế nầy gần với Ngọc Hoàng Thượng Đế , nhưng trong dân gian lại ít thấy thờ cúng. Chỉ có tại các đạo quán của Đạo giáo, có đặt ba cái lò băng thiếc để cúng tế, nên dân gian gọi là "Tam Giới Công Lô" (ba ông thần lò tam giới ).
Sự sùng kính của dân gian đối với Tam Quan Đại Đế bắt nguồn từ thời cổ đại, con người có sự sợ hãi kính trọng ba giới tự nhiên là : trời, đất và nước. Còn danh xưng "Tam Quan" thì tới đời Đông Hán mới xuất hiện, khi nhân vật Trương Giác (Giốc) sáng lập ra một đạo thường gọi là "Ngũ đẩu mễ giáo" (đạo năm lít gạo). Tương truyền, để giúp cho những người cần giải trừ tai nạn hay tiêu trừ tật bệnh, thì chỉ cần viết tên họ, tuổi tác, tội lỗi cần sám hối hoặc chứng bệnh đang bị.. vào ba tờ giấy. Rồi đem ba tờ giấy ấy thực hành như sau:- một tờ đem chôn trên núi hoặc đốt cho tro than bay lên trời, một chôn dưới đất, còn một cột vào vật nặng thả chìm dưới nước, là có thể giải trừ tất cả xui rũi xấu xa bệnh hoạn …Đó là quan niệm có liên quan đến ba cõi :- trời, đất và nước, xuất hiện sớm nhất ở TQ.
*Như đã nói ở trên, "Tam Quan" bao gồm "Thiên quan", "Địa quan" và "Thủy quan", bởi vì người Trung Quốc từ xưa đã có những nghi lễ về tế trời, cúng đất và cúng nước. Thiên "Cẩn lễ" trong sách "Nghi lễ" có viết :- "Tế trời thì đốt củi, tế núi thì lên gò cao, tế nước thì chìm xuống, tế đất thì đem chôn". Nhưng ngày xưa, việc cúng tế nầy là quyền hạn của nhà vua, còn dân chúng chỉ được cúng bái tổ tiên mà thôi. Đến thời Đông Hán, Trương Đạo Lăng lập ra "Thiên Sư Đạo" mới có cúng tế "tam quan" là trời, đất và nước . Sách "Thượng Tam Quan thủ thư" là sách kinh điển của Đạo giáo chuyên về trị bệnh cho tín đồ có dạy:- "một đem đặt trên núi cao, một chôn dưới đất, một cho chìm xuống nước, gọi là phép "tam quan thủ thư". Đến đời Nam Bắc triều thì có chức vụ Tam quan thần coi về việc cúng tế của ba lĩnh vực trời, đất và nước,như vậy đến đây đã hợp nhất ba vị thành một vậy.
1.- THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC:-
Thiên quan tên là "Thượng nguyên nhất phẩm tứ phước thiên quan Tử Vi Đại Đế ", thuộc về Cung Ngọc Thanh. Thiên quan do ba khí xanh, vàng, trắng hợp thành, tổng quản các vua trời. Mỗi năm, vào ngày rằm tháng giêng thì Ngài hạ giáng xuống trần gian, để luận xét về tội phước của con người, vì vậy nên xưng Ngài là "Thiên quan tứ phước".

2.- ĐỊA QUAN XÁ TỘI:-
Địa quan tên là "Trung nguyên nhị phẩm Xá tội Địa quan Thanh Hư Đại Đế", thuộc về Cung Thượng Thanh. Địa quan do tinh hoa của hai khí "hỗ độn" và "cực huỳnh" kết hợp thành, tổng quản Ngũ Đế, Ngũ Nhạc và các Địa Thần. Mỗi năm vào ngày rằm tháng bảy, Ngài hạ giáng xuống trần để xét tra tội phước của nhân gian, xá tội cho những ai thành tâm sám hối.
3.- THỦY QUAN GIẢI ÁCH:-
Thủy quan tên là "Hạ nguyên tam phẩm Giải ách Thủy quan Động Âm Đại Đế", thuộc về Cung Ngọc Thanh. Thủy quan do khí "phong trạch" (gió và ao đầm) và tinh khí "thần hạo" (biển mênh mông) hợp thành. Mỗi năm vào ngày rằm tháng mười thì Ngài hạ giáng xuống trần để xem xét tội phước của nhân gian, tiêu trừ tai nạn cho loài người.
* Loài người luôn có lòng sùng bái tự nhiên nên dễ dàng thần thánh hóa tự nhiên trở thành những truyền thuyết . Có một thuyết là Tam Quan Đại Đế chính là ba vị ba vị vua cổ đại là :- Nghiêu, Thuấn và Vũ. Ba vị nầy đã có công lớn với thiên hạ nên khi mất được phong làm Thiên, Địa, Thủy, ba vị Đại Đế , chia ra chưởng quản ba cõi để cai trị và bảo hộ cho nhân gian.
* Có một thuyết cho rằng, khởi thủy của Tam quan nguyên là ba khí:- Kim, Thủy và Thổ hóa sanh ra.Đem ba yếu tố kim, thổ, thủy phối với thiên, địa, thủy mà thành ra Tam Quan.
*Lại có một thuyết nói rằng, Tam quan chính là ba người con của Nguyên Thủy Thiên Tôn thần thông quảng đại. Trưởng tử phong làm "Tử Vi Đại Đế", con kế phong làm "Thanh Hư Đại Đế" và con út phong làm "Động Âm Đại Đế" , giao cho việc chưởng quản ba ty sở về thiên, địa và thủy của nhân gian.
*Có thuyết thì nói rằng, ba người con trai nầy là do Ông Trần Tử Đảo kết duyên với ba người con gái của Long Vương sanh ra, có pháp lực vô biên, nên được Nguyên Thủy Thiên Tôn phong chức cho.
*Dân gian tin rằng địa vị của Tam Giới Công là gần với Ngọc Hoàng Thượng Đế là phản ánh lòng sùng kính trời, đất và nước mà thành. Cho nên cứ đến ba ngày "rằm lớn" thì nhà nhà đều sắm sửa lễ phẩm thịnh soạn để cúng tế, cầu nguyện Tam Quan Đại Đế ban phước, tiêu tội và giải ách và cảm tạ ơn trên đã phù hộ được bình an thuận lợi. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ là, rằm tháng giêng cầu Thiên Quan Đại Đế , rằm tháng bảy cầu Địa Quan Đại Đế , rằm tháng mười cầu Thủy Quan Đại Đế , phân chia nhiệm vụ tiếp nhận lời cầu xin của dân gian về ba lãnh vực:- ban phước, xá tội và tiêu tai giải ách.
*Khi đến "tam nguyên tiết" là ngày cúng tế Tam Quan Đại Đế . Tam nguyên tức là thượng nguyên (rằm tháng giêng), trung nguyên (rằm tháng bảy) và hạ nguyên (rằm tháng mười). Mặc dù đã có sự phân biệt ngày thánh đản của mỗi vị, nhưng dân gian thì bất kể nguyên nào cũng đều đến các đạo quán để cúng tế , đốt giấy tiền vàng bạc cầu xin được phước, xá tội và giải ách…
*Việc bày trí thánh tượng của ba vị tôn thần tại các đạo quán như sau:-
-Thiên quan nhất phẩm Tử Vi Đại Đế đặt tại trung ương.
-Địa quan nhị phẩm Thanh Hư Đại Đế đặt ở bên phải.
-Thủy quan tam phẩm Động Hư Đại Đế đặt ở bên trái.
*Trong dân gian thì thường chỉ tập trung cúng tế lớn vào thượng nguyên , còn trung và hạ nguyên thì ít cúng trở lại.
Ngọc Hoàng Thượng Đế và Tam Quan Đại Đế thì ít được tạo cốt tượng để thờ, thường chỉ biểu trưng bằng "lò đốt hương" gọi là "Tam Giới Công Lô" để cúng tế. Việc cúng nầy thì người ta chỉ cúng chung Tam Quan, chứ ít ai chia ra ba vị như đã dẫn giải ở trên.
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com).
Xin theo dõi tiếp BÀI 3. dienbatn giới thiệu.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 3.

*Thứ Hai, ngày 30 tháng 3 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

### 11.THIÊN HẬU NƯƠNG NƯƠNG .




天后娘娘

湄洲，是福建興化府莆田縣東南海中的一個小島嶼，疊山環海，風景奇佳，島中的居民不多，均以捕魚 為業，民情諄厚而精勤。在五代十國的末期（約943年），閩王王廷政屬下的一個都巡檢林愿，祖先代代做官，妻子王氏。告老還鄉後，居於福建莆田湄州島紅螺鄉，由於樂施好善，人稱為林善人，夫妻結髮，生下一男五女，長子林洪毅，身體虛弱，夫妻甚感子嗣單薄，日夜齋戒沐浴，向觀音菩薩虔誠的祈禱，希望能庇祐再添一子。某夜，媽祖的母親在睡夢之中，隱約看

到觀音菩薩賜他一粒藥丸，把藥丸吞服後，不久就懷孕了。時值北宋太祖趙匡胤建隆元年（960年
）三月二十三日的黃昏時候，天空佈滿了彩雲，從西北方有一道紅光射進寢室，光輝燦爛，耀眼奪目，室內異香氤氳韻不散，此時，王氏感覺肚子開始陣痛，順利生
產了第七胎兒。
林氏夫妻看到所生的嬰兒又是女的，有點失望，但仔細瞧著，這嬰兒與眾不同，且是觀音菩薩賜靈丹所生，因此十分疼愛。媽祖出生時，並不號啕大哭，反而對著人微笑，取名林默娘。

據說，林默娘在四、五歲時跟隨父親到浙江定海普陀山遊玩，林默娘看到了觀音的塑像，就一直目
不轉睛地默默地注視著，此後，就擁有非常奇異的感應力量，可預知吉凶禍福，幫人消災解難。八歲就塾讀書研讀經史悉解文義，過目不忘，平日喜歡焚香禮佛。在
十三歲的時候拜道士玄通學法術，得以傳授「玄微秘法」，能替人醫病，到十五歲時，得一仙女授予銅符，之後就漸漸學會替人驅邪治病。自從有了超感應力之後，
鄉里及城鎮的人，不論遠近，都來找她治病或卜算吉凶休咎。
　　除了治病及預知吉凶禍福外，林默娘最令人敬佩與崇拜的就是拯溺神力。

漁民們在海上航行，難免會遇上大風巨浪，以至舟船沈覆，漁民遇溺斃命。這時，有一些遇到海
難，能僥倖得以保命逃脫歸來的漁民們都說：「當時，大家都落入水中，危急之間，隱約看到一位紅衣少女乘坐一張草蓆之上，在海上穿梭往來，一一將溺水的人救
上岸，之後，少女便不見了。」當獲救的人們回到家，才知到是家里人去求過林默娘，而林默娘也答允拯救他們。此後，人們就稱林默娘為神女或龍女。

十六歲時，有一天，聖母不慎墜落深井中，鄰人驚呼趕來搶救，可是奇怪的很，她從井裡被人救出
時衣裳沒有打濕，而雙手捧著一雙神仙銅符，她得到這件寶物加以研讀後，遂得通靈變化術，驅邪玄妙之術，因她神通宏大，法力無邊，可治癒萬病，故離開故鄉周
遊救世，從此她的聲譽傳佈遐邇。

十七歲時，有一天湄洲港有一隻商船適遇大風觸著暗礁而傾覆，舟人大聲呼救時，聖母趕到投草數根於水中皆化為大木，舟人攀住大木乃得慶生，聖母之功大矣。

十九歲時，有一天，她忽然在織布機上打瞌睡，夢見波濤洶湧，她父親與其兄的船被風浪打擊翻
覆，於是她急忙泅前搶救，用嘴啣住父親，另以手拉著哥哥奮力游回陸岸，正在極力和浪濤掙扎搏鬥間，忽聞母親呼叫聲急忙回應，口一開她父親遂沉沒於惡浪海
中，她醒後向母親哭縷述夢中情景，她母親以為夢中事情不足為憑信，可是過了不久噩耗果然傳到，她父兄在歸途中卻遇風浪坐船覆沒，其父不幸沉溺駭浪中，於是
禮佛益堅。

二十歲時，莆田適逢大旱，數月未得雨水，井水盡乾，草木俱枯，人畜死者不計其數，聖母乃應縣官之請禱天祈雨，未幾大雨沛然下降，眾民大喜感謝聖母恩德不已。

二十二歲時，西北方出有兩惡神，名曰千里眼、順風耳，人民受其作祟損害非淺，最後於桃花山被
聖母降服，改邪歸正收為左右二將，終日協助聖母救渡舟車受難之行旅。在每一座媽祖廟中均可見在其法像兩旁侍立金王千里眼及柳王順風耳兩位將軍。千里眼神像，青面獠牙，眼觀千里，專門替媽祖眼觀千里災效。順風耳神像，紅面獠牙，耳聽八方，為千里眼之弟。陪待媽祖身旁，為她耳聽四方哀告。

廿六歲時，自春夏每日下雨不止，田園人家皆被水流失，民無米可炊，無處可居，地方官仍求於聖
母，聖母亦不忍萬民受災，聖母曰：善哉！善哉！皇天將哉，皆人間做惡之所致也，吾今願代萬民對天謝罪，即焚香燒符對天默禱，傾刻間平地忽起一陣狂風掃開濃雲，天即放晴，忽見一條蛟龍自水中滾起騰雲而去，其普濟逸事不勝枚舉。

宋太宗雍熙四年（公元987年），九月初八，林默娘告訴家人說：「明天是重陽節，我也想去登高，避開這喧嚷無比的塵寰。」而九月初九正是重陽節，家人以為她只象民間一般人去爬山登高遊賞罷了，不以為意。第二天一大早，林默娘梳洗完畢，便盛裝出門。當她登上湄州的高峰時，竟然在白雲峻嶺之間，如踏平地一樣，悠揚地隨風而去，這時，只見雲端射出了五彩紛繽的光芒，一對金童玉女迎接著林默娘連袂飄飄地昇天而去。

鄉里人為紀念她的功德，建造廟宇奉祀，稱她為『通賢靈女』。

宋微宗宣和四年，允迪受命出使高麗國，在海上竟遇上大風浪，得媽祖保佑而能平安歸國。因此，媽祖得到朝廷的第一次賜號－－微宗傳旨賜給林默娘一塊「順濟宮」的廟匾。

宋宣和五年賜封為「南海神女」。

宋高宗時，詔封為「崇福夫人」。

宋高宗紹興廿九年，再詔封為「崇靈惠昭應夫人」。

宋光宗時，嘉封為「靈惠妃」。

元世祖至元十八年，媽祖因庇護漕運有功，受封為「護國明著天妃」。

明太祖洪武初年，媽祖庇護運送數百萬石船隊安全抵達目的地，明太祖便敕封媽祖為「昭應德正靈應子濟聖妃娘娘」。

明成祖時，嘉封為「護國庇民普濟天妃」。

在明朝時，媽祖一再地昭應顯靈，以救助有危難的人民。明成祖永樂年，拯救杭州的百戶郭保脫離海難。明憲宗成化年，二次拯救保佑杭州給事中陳詢順利出使日本。明世宗嘉靖十三年，拯救給事中四明陳侃脫離海難順利抵達琉球島。

於是，福建沿海的漁民，每遇風浪而得到媽祖拯救的，返岸後都大興廟宇祀奉。

明未清初，鄭成功率領部下，決定乘船跨越海峽收復台灣，船卻在台南鹿耳門不幸擱淺，無法前進，得媽祖顯靈昭應，以潮水助之，順利把荷蘭人打敗而收復台灣。並於永曆十六年九月大興土木，建鹿門聖母廟（台灣的第一座媽祖廟），以答謝媽祖的救命之恩。

清朝康熙十九年封為「護國庇民妙應昭應弘仁普濟天妃」。

清朝康熙廿二年靖海侯施琅將軍攻臺澎時有「神靈顯應」奇蹟出現，凱旋回師後奏。康熙廿三年，皇上敕封林默娘為「天后」，後來又加封為「天上聖母」，並且派遣使者至湄州祭祀，又撥國幣擴建媽祖廟宇。

清聖祖時，嘉封為「天后元君聖母娘娘」。

清朝雍正四年，撥國帑擴建廟宇，并遣使到湄州致祭。天后宮數以千計，但稱得上天后宮之首的要
算福建莆田的湄州祖廟了。湄州，是媽祖降生和升天的地方，建廟年代比較悠久，此廟創建于北宋雍熙四年，已有千年歷史，湄州的媽祖廟，創建的時候，規模很小，編竹葦茅，非常簡陋，但是經過宋、元明清四代多次重修重建，極其富麗堂皇，廟宇前臨大海，潮汐吞吐，激響回音，有「湄州潮音」之譽。農歷三月二十三日是媽祖誕辰，屆時遠近漁民都來朝拜，還有台灣的「湄州媽祖進香團」前往進香，有時多達數萬人。

在台灣，由於歷史的因素，媽祖由中國大陸的福建，遠道供請而來。因此，台灣慣例規定，每年恭
奉媽祖，都需要環島一周。即使是日治年代，奉媽祖的慣例，亦只是以三日改為一日，習俗並沒有因此而改變。在三月十九媽祖誕當日，先由當年請來媽祖的北港民眾開始供奉，例由北港渡海回福建湄洲謁祖，回程時在定平港登陸，同日回到北港，即舉行環島繞境儀式。同時亦保留不少祭媽祖的傳統。



Thiên Hậu Nương Nương

Ở trong biển Đông Nam (Hải) có dãy đảo đá nhỏ tên là  My Châu, thuộc huyện Bồ Điền, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phước Kiến. Núi thành vòng bao quanh biển, phong cảnh vô cùng mỹ lệ. Dân sống trên đảo không nhiều, hầu hết đều hành nghề đánh bắt cá. Người dân thật thà chất phác siêng năng.
Vào thời Ngũ Đại thập quốc (khoảng năm 943) , có Ông Lâm Nguyện làm chức Đô Tuần Kiểm, là thuộc hạ của Mân Vương Vương Đình Chính. Tổ tiên đời đời lám quan, cưới vợ

dòng dõi hoàng tộc. Lâm Nguyện đến tuổi già về hưu trí tại làng Hồng Loa đảo My Châu phủ Bồ Điền Phước Kiến. Do vì ông bà thường làm công việc từ thiện bố thí , nên dân chúng gọi là "Lâm thiện nhân". Hai ông bà ăn ở với nhau hạ sanh được sáu người con, một trai năm gái. Con trai tên Lâm Hồng Nghị thì thân thể bạc nhược yếu ớt đau ốm hoài. Ông bà tự nghĩ chắc mình kém phước đức nên chay lạt hằng ngày, luôn hướng về Bồ Tát Quan Thế Âm để cầu nguyện van vái cho được đứa con trai khác khỏe mạnh. Một đêm nọ, bà Lâm đang ngon giấc, mộng thấy đức Quan Âm mang đến cho bà một hoàn thuốc bảo bà hãy uống. Bà vâng lời uống hoàn thuốc nầy thì giựt mình tỉnh dậy. Ít lâu sau, bà biết mình có thai.

*Năm Kiến Long thứ nhất (năm 960) đời vua Bắc Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận, ngày 23 tháng ba vào lúc hoàng hôn , trên thiên không có mây trời năm sắc, từ hướng Tây bắc có một đạo hào quang bay thẳng vào phòng của Bà Lâm làm sáng rực cả nhà, trong nhà có mùi hương lạ tỏa lan khắp nơi. Lúc ấy, bà Lâm cảm thấy đau bụng và nhẹ nhàng sanh ra đứa con thứ bảy.

Ông bà nhìn thấy đứa trẻ sanh ra lại là con gái thì hơi thất vọng, nhưng quan sát kỹ thì đứa nhỏ nầy không giống như những trẻ mới sanh khác, vả lại, đây là đứa trẻ do Quan Âm Bồ Tát ban cho, nên đổi buồn làm vui. Đặc biệt nhất là khi sanh ra, đứa bé chẳng những không khóc mà lại nhoẻn miệng cười. Ông bà đặt tên cho trẻ là Lâm Mặc Nương.

* Khi Lâm Mặc Nương được bốn, năm tuổi, có lần đi theo cha đến núi Phổ Đà ở Định Hải, Chiết Giang để du ngoạn. Khi Lâm Mặc Nương nhìn thấy tượng Bồ Tát Quan Thế Âm, thì cô nhìn không chớp mắt. Mãi thật lâu, hình như có một sự cảm ứng kỳ diệu từ Bồ Tát thấm vào cô Lâm. Từ đó, cô bổng nhiên có được khả năng lạ lùng là biết trước những điều cát hung họa phước của người khác, giúp cho họ tránh được tại nạn hung hiểm.

* Đến tám tuổi, cô Lâm đã đọc được được nhiều sách kinh sử , lại còn giải nghĩa thông suốt đạo lý trong sách, khiến mọi người nễ phục. Sách nào chỉ cần xem qua liền nhớ đầy đủ, cô lại chăm chỉ vui vẻ thắp hương lễ Phật hàng ngày không trễ nãi.

*Năm 13 tuổi, cô bái đạo sĩ Huyền Thông làm thầy để học pháp thuật và được truyền thụ "huyền vi bí pháp", có thể trị bệnh cứu người.

*Đến 15 tuổi, lại được một vị tiên dạy cho "Đồng phù" và các pháp trừ tà trị bệnh, cứu giúp cho rất nhiều người mắc bệnh khó trị.

Thời gian ấy, cô lại tăng thêm những sức cảm ứng khác tăng thêm năng lực lớn mạnh, bệnh nhân gần xa trong ngoài thành trấn … đề kéo đến xin cô cứu chữa những bệnh ngặt nghèo đều lành, lại còn nói thêm cho biết những điều họa phước để họ tránh tai nạn và gia tăng lòng hướng thiện làm lành.

*Ngoài những tài năng chữa bệnh và dự đoán cát hung nói trên, cô Lâm còn một năng lực siêu phàm đặc biệt khác là "cứu người bị chìm".

Những ngư dân khi đi ra biển không sao tránh khỏi giông bão, nhiều khi tàu thuyền còn bị nhận chìm, sự chết chóc xãy ra thường xuyên. Nhưng dạo ấy, những ngư dân trong vùng bị nạn chìm thuyền đều thoát nạn trở về nhà an toàn. Những người ấy kể lại rất giống nhau một sự kiện lạ lùng là:- " khi tàu thuyền bị nhận chìm, người bị rơi xuống biển, bổng nhiên thấy một vị nữ nhân mình mặc áo đỏ, đứng trên một tấm chiếu bằng cỏ, từ xa lướt sóng tới, nắm tay kéo người bị nạn vào bờ an toàn. Sau đó thì không thấy vị hồng y đâu cả. Nhiều lần xãy ra như thế, những nạn nhân nầy bảo rằng, trong lúc nguy cấp, chợt nhớ tới và khấn vái Lâm Mặc Nương nên được cứu thoát nạn chết. Từ đó, người ta tôn xưng cô Lâm là "thần nữ" hoặc "long nữ".

* Năm 16 tuổi, có một lần, cô Lâm bị té xuống giếng sâu, người nhà kinh hãi hô la cầu cứu. Khi đứ được cô lên, thì lạ lùng thay, mình mẫy của cô đã chẳng bị ướt chút nào, mà hai tay cô lại có cầm hai tấm "Đồng phù" (bùa vẽ trên miếng đồng). Từ khi cô được hai tấm bảo vật nầy, cô chăm chú rèn luyện theo đó. Chẳng bao lâu, cô trở nên thần thông quảng đại pháp lực vô biên, có thể trị lành muôn bệnh nan y. Cô xin đi vân du bốn phương để cứu đời. Thanh danh của cô ngày càng lừng lẫy, thiên hạ đều biết.

* Năm 17 tuổi, có lần chiếc tàu buôn đang vào  cập bến cảng My Châu, thì chẳng may sóng to ập đến, làm chìm. Tiếng hô la cầu cứu inh ỏi. Cô Lâm xuất hiện, nhắm hương chiếc tàu ném ra một số cỏ , khi cỏ chạm nước bổng hóa thành những khúc cây to nổi trên mặt nước. Số thuyền nhân nhờ bám vào đó mà được cứu thoát chết, cảm tạ ân đức "Thánh Mẫu" khôn cùng.

* Năm 19 tuổi, một ngày nọ cô Lâm đang nằm ngủ trên ghế bố, mộng thấy cha và anh cô đi trên chiếc thuyền giữa biển cả,  bị sóng to gió lớn đánh chìm. Cô phi thân bay đến chỗ nạn, miệng ngậm dây nịt của cha tay xách người anh bay vào bờ. Nhưng ngay lúc ấy có tiếng kêu của bà mẹ, cô hốt hoảng mở miệng và buông tay ra thì cha và anh cô bị rơi xuống biển. Tỉnh giấc, cô khóc lóc kể lại sự việc chăng lành ấy cho mẹ nghe, nhưng bà mẹ cho rằng việc mộng mị không đáng tin. Không ngờ, chỉ mấy ngày sau là gia đình nhận được hung tín là cha và anh cô đã bị đắm tàu, đúng vào ngày giờ  cô nằm mộng. Gia đình chỉ còn có cách đến chùa lễ Phật cầu siêu cho cha và anh cô thôi.

* Năm 20 tuổi, khu vực Bồ Điền lâm vào cảnh đại hạn, trải qua  thời gian dài mà không có giọt mưa nào. Ao hồ giếng nước đều khô cạn, cây cối chết khô , người  và súc vật cũng bị chết rất  nhiều. Cô Lâm đến dinh quan huyện, đề nghị tổ chức lễ "cầu mưa" do cô chủ trì. Sau buổi lễ, quả nhiên có mưa rào đổ xuống, cứu cả vùng đất khô hạn thoát khỏi nạn tai. Người người đều không ngớt xúm đến bái tạ thâm ân của "Thánh Mẫu".

* Năm 22 tuổi, ở phương tây bắc xuất hiện hai tên ác thần, tên là "Thiên lý nhãn" và "Thuận phong nhĩ", làm hại rất nhiều dân chúng. Sau đó, hai tên nầy bị "Thánh Mẫu" thu phục tại núi Đào Hoa, cải tà qui chánh, thành ra hai tên cận vệ tả hữu của Thánh Mẫu. Từ đó, Ngài có thêm lực lượng hùng mạnh để cứu độ nhiều người. Hiện nay, chúng ta thấy trong các Miếu Thờ Thánh Mẫu đều có hai tượng đứng hai bên Thánh mẫu, đó chính là Kim Vương Thiên Lý Nhãn và Liễu Vương Thuận Phong Nhĩ đó vậy. Tượng Thiên Lý Nhãn mặt xanh có nanh vuốt ghê sợ, có năng lực nhìn xa ngàn dậm, thấy được người bị nạn để cứu. Còn Thuận Phong Nhĩ mặt đỏ, cũng có nanh vuốt , thì tai có thể nghe được ngàn dậm, nghe tiếng cầu cứu của nạn nhân. Hai vị nầy ở hai bên , giúp Thánh Mẫu thấy nghe chúng sanh bị nạn mà ứng hiện đến cứu giúp.

* Năm 26 tuổi, Phước Kiến bị mưa gió liên miên từ xuân sang hè, nước lũ tràn lan, cuốn trôi nhà cửa súc vật, tổn hại rất lớn. Còn dân chúng thì không còn gạo để ăn, không có nơi chốn để ở. Quan địa phương đến trình xin Thánh Mẫu cứu giúp. Mẫu bảo:- "Lành thay ! Lành thay ! Trời gieo rắc tai họa nầy là bởi do vì con người đã gây tạo ra quá nhiều tội ác. Nay ta phải thay dân mà chịu tội với Trời vậy !". Nói rồi, bà lập đàn đốt hương cúng tế thiên địa, xin gánh lấy  tất cả tội lỗi của người, miễn cho chúng sanh tai nạn thảm khốc nầy !". Sau đó, quả nhiên có trận gió nổi lên thổi tan hết mây mù đen phủ bầu trời, mưa ngừng gió lặng. Chợt  thấy có một con giao long từ dưới nước bay vọt lên trời biến mất. Dân chúng thoát khỏi nạn lớn, cúng tạ ân đức cao dày của Thánh Mẫu.

*Năm Ung Hy thứ tư đời vua Tống Thái Tông (năm 987) , ngày mùng tám tháng 9, Lâm Mặc Nương nói với người nhà rằng:- "Ngày mai là Tiết Trùng Dương (9/9), ta sẽ "lên cao", rời bỏ trần gian bụi bậm ồn ào nầy !". Mọi người nghe nói, cứ nghĩ rằng, theo phong tục dân gian, ngày Trùng Cửu (9/9) người ta thường hay leo núi để du ngoạn, đó là chuyện thường tình, chẳng ai lưu ý.

Sáng sớm hôm ấy (9/9), Lâm Mặc Nương tắm gội sạch sẻ, mặc quần áo mới, đi ra ngoài. Khi leo lên đến đỉnh núi ở My Châu, bổng nhiên nàng đạp lên mây mà đi, giống như đi trên  đất liền vậy. Lúc ấy, có mây năm sắc giăng đầy, hào quang sáng rực, một đôi Kim Đồng Ngọc Nữ hiện ra, nghênh tiếp Lâm Mặc Nương bay vào trời xanh mất dạng.

Người làng nhớ ơn Bà, xây dựng Miếu Thờ, tôn xưng Bà là "Thông Hiền Linh Nữ".

Năm  Tuyên Hòa thứ tư đời vua Tống Vi Tông, ông Doãn Địch phụng mệnh vua đi sứ sang nước Cao Ly (Triều Tiên). Ông bị sóng to gió lớn nổi lên suýt nhận chìm thuyền ngoài biển, may nhờ có Thánh Mẫu hiện ra bảo hộ mới thoát chết, hoàn thành nhiệm vụ trở về bình an.

Do đó, Bà được triều đình sắc phong lần thứ nhất là Thần Nữ. Nhà vua lại truyền chỉ xây dựng ngôi Miếu Thờ và sắc ban cho tấm biển đề "Thuận Tế Cung" .
-Năm thứ năm Tống Tuyên Hòa phong làm "Nam hải Thần Nữ".
-Đời Tống Cao Tông phong làm "Sùng Phước Phu Nhân".
-Năm Thiệu Hưng thứ 29 đời Tống Cao Tông lại tái phong "Sùng Linh Huệ Chiêu Ứng Phu Nhân"
-Tống Quang Tông phong làm "Linh Huệ Phi".
*Năm Chí Nguyên thứ 18 đời vua Nguyên Thế Tổ, Thánh Mẫu hộ độ cho đoàn thuyền vận lương bình an, nên nhà vua phong làm "Hộ Quốc Minh Trước Thiên Phi" .
* Năm Hồng Võ thứ nhất đời Minh Thái Tổ , Thánh Mẫu hộ độ cho đoàn thuyền chở đá xây cung điện được bình an, nên vua Minh Thái Tổ phong cho bà là "Thiệu Ưng Đức Chính Linh Ứng Tử--Tế Thánh Phi Nương Nương".
*Đời Minh Thành Tổ gia phong "Hộ Quốc Tý Dân Phổ Tế Thiên Phi" .
*Triều đại nhà Minh, Thánh mẫu nhiều lần hiển linh cứu nạn vô số ngư dân vùng Thiệu Ưng. Năm Vĩnh lạc đời Minh thành Tổ , hiển linh cứu nạn cho Bá Hộ Hầu Quách Bảo. Năm Thành Hóa đời vua Minh Hiến Tông, hai lần hiển linh cứu nạn cho Cấp Sự Trung Trần Tuân đi sứ sang Nhật Bản. Năm Gia Tĩnh thứ 13 đời Minh Thế Tông hiển linh cứu nạn cho Cấp Sự Trung Tứ minh Trần Khản khi đi sứ sang đảo Lưu Cầu.
*Ngoài ra, nhiều đoàn tàu đánh cá vùng duyên hải Phước Kiến, được Thánh mẫu hiển linh cứu thoát hải nạn trở về, đều đóng góp trùng tu Miếu Thờ rất khang trang đẹp đẽ.
*Cuối đời Minh đầu nhà Thanh, Ông Trịnh Thành Công suất lãnh bộ hạ, quyết vượt biển Việt hải để thu phục Đài Loan. Khi đoàn thuyền đi đến Lộc Nhĩ Môn thuộc Đài Nam, chẳng may gặp lúc nước ròng bất ngờ , không thể tới lui được. Ông Trịnh khấn vái Thánh Mẫu thì được bà hộ độ cho nước triều dâng lên nhanh, ông mới đánh thắng giặc Hà Lan ,chiếm lại được đảo Đài Loan. Vì thế, vào tháng chín năm Vĩnh Lịch thứ 16, ông huy động lực lượng xây dựng ngôi Miếu thờ Thánh Mẫu tại Lộc Nhĩ (đây là ngôi miếu thờ bà trước tiên ở vùng Đài Loan) để đáp tạ công đức cứu nạn khi trước.
*Năm Khang Hi thứ 19, phong bà là "Hộ Quốc Tý Dân Diệu Ứng Thiệu Ưng Hoằng Nhân Phổ Tế Thiên Phi".
*Năm Khang Hi thứ 22, quan Tĩnh Hải hầu Thi Lang tướng quân khi tấn công Đài Bành, được Thánh Mẫu "thần linh hiển ứng" hộ trợ ông lập được kỳ tích, nên khi ban sư trở về triều, ông đã khải tấu cho vua sự việc đó. Do vậy, năm Khang Hi thứ 23 , nhà vua sắc phong Lâm Mặc Nương làm "THIÊN HẬU". Sau lại gia phong làm "THIÊN THƯỢNG THÁNH MẪU" và hạ chiếu cho các quan địa phương Mu Châu lo việc cúng tế hàng năm trọng thể, lại xuất công khố trùng tu Miếu Thờ.
*Đời Thanh Thánh Tổ, gia phong Ngài làm "THIÊN HẬU NGUYÊN QUÂN THÁNH MẪU NƯƠNG NƯƠNG".
*Năm Ung Chính thứ tư đời nhà Thanh, lại xuất công khố trùng tu Miếu Thờ và phái sứ giả thay mặt cho vua đến My Châu cúng tế.
*Có vô số Thiên Hậu Cung ở khắp mọi nơi, nhưng đặc biệt về quy mô và tính lịch sử lâu đời thì chỉ có ngôi Miếu ở My Châu Bổ Điền Phước Kiến là to lớn và xưa nhất, được xây dựng từ năm Ung Hi thứ tư đời bắc Tống, đến nay đã trải qua hàng ngàn năm . Khi mới xây dựng, thì cũng nhỏ thôi, nhưng trải qua các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh nhiều lần trùng tân, nên trở thành vô cùng phú lệ đường hoàng. Tiếng tăm của nó đã lừng vang khắp nơi, xưa nay xa gần đều nghe đến đại danh của ngôi "danh lam thắng tích ở My Châu" nầy.
*Ngày thánh đản của Thánh Mẫu là ngày hai mươi ba tháng ba âm lịch. Vào ngày nầy, tất cả ngư dân khắp nơi đều tề tựu về My Châu để triều bái Thánh Mẫu. Riêng ở đảo Đài Loan từ xưa đã có thành lập một đoàn người đại diện đi cúng tế, lấy tên là "Đoàn hành hương cúng tế Thánh mẫu ở My Châu", có năm lên đến cả ngàn người.
*Ngày nay , Đài Loan vẫn giữ phong tục thờ cúng Thánh Mẫu tổ chức hằng năm với "lễ

rước tượng Bà đi vòng quanh đảo" vào ngày mười chín tháng ba âm lịch.
(rút gọn đoạn nầy)
*NHƯỢC THỦY dịch

(từ http://www.fushantang.com)

## 12.VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN .
## 文昌帝君

「文昌帝君」，有天神與人神兩種不同的說法：文昌兩字既為星名，又為神名，也就是民間慣稱文昌星、文星神。

文昌帝君又稱為梓潼、文昌帝、濟順王、英顯王、梓潼夫子、梓潼帝君、雷應帝君。有關文昌星的
說法，《史記·天官書》所載：「斗魁戴匡六星，日文昌星，一日上將，二日次將，三日貴相，四日司命，五日司中，六日司祿。」《星經》中載：「文昌六星如半月形，在北斗魁前，其六星各有名。」文昌六星為上將（威武）、次將（正左右）、貴相（理文緒）、司命（主災咎）、司中（主右理）、司祿（賞功進士），各有專司，掌管天下文運祿籍，所以自古以來就受到士人學子的崇拜。

文昌帝君，一般認為他是主管考試、命運，及助佑讀書撰文之神，是讀書文人、求科名者所最尊奉的神祇。其受民間的奉祀，從周朝以來，歷代都相沿制訂禮法，列入祀典。

文昌，本是星宮名，包括閃顆星，即斗魁（魁星）之上六星的總稱。古代星相家解釋為主大貴的吉
星，道教將其尊為主宰功名祿位之神，又叫「文星」。隋唐科舉制度產生以后，文昌星尤為文人學子頂禮膜拜，有謂文昌「職司文武爵祿科舉之本」。因文昌星和梓
潼帝君同被道教尊為主管功名利祿之神，所以二神逐漸合而為一。

文昌星簡稱文星，或稱文曲星，系星宿中主文運者，如杜甫詩：「北風隨爽氣，南斗避文星」。又《東觀奏》：「初日官奏文昌星暗，科場當有事」。由此觀之，學子應與文星有關。

到了明朝景泰年間，景宗皇帝在北京新建一座廟宇，每年二月初三，遣人舉行盛大的祭典。清朝年間，更加崇奉此神，嘉慶六年，仁宗皇帝也勒命禮部，把此神編入祀典
。

人神又分為兩種指稱，一是「文昌帝君」，一是「五文昌」，包括關聖帝君（文衡帝）、孚佑帝君（呂洞賓）、文魁夫子、朱熹（朱衣星君）、魁斗（魁星爺），合稱為「五文昌」。

《雲笈七籤》：「文昌星神君，字先常，天子同命之符也。中央司命者。或曰制命丈人。主生年之本命，攝壽夭之簡禮。」文昌神源自星辰信仰。
　　《楚辭·九歌》的少司命即指第四顆星。戰國已列入國家祀典。

《明史．稽志》：「梓潼帝君，姓張，名亞子，居蜀七曲山，仕晉戰歿，人為立廟，唐宗屢封至英顯王，道家謂梓潼掌文昌府，事及人間祿籍，元加號為帝君，而天下學校亦有。祠祀者。」

《台灣縣志》及《彰化縣志》中謂：「梓潼帝君，張姓，名亞子，居蜀七曲山，仕晉戰歿，廟在保寧府梓潼縣。唐宋屢封至英顯王。道家謂：帝君梓潼主文昌事，及人間祿籍。故無加號為帝君，天下學校，因有相祀。」

文昌帝君本名張亞子，唐朝越雋人氏，後來遷到七曲山（四川省梓潼縣），因篤信道教，廣宣道教
教義於四川，死後人們敬仰他的品德，就在七曲山建廟，命名為「清虛觀」，並且於碑上刻上「梓潼君」，成為梓潼神，供人祭拜。唐朝唐玄宗、僖宗逃到四川期間，曾利用這種信仰，封梓潼神為左丞相、濟順王。至元仁宗延佑三年（1316年）敕封為「輔元開化文昌司祿宏仁帝君」，簡稱「文昌帝君」。在歷代受封中，到此這個封號中出現文昌二字，就和文昌星信仰結合起來，從此梓潼帝君就成了文章、學問之神，職責掌管文昌府的事務。由于唐朝帝王的大力推崇，梓潼神的地位陡長，從一個地方神而成為全國性的大神，并逐漸與文昌神合而為一。

宋元間的道士見此種信仰可以利用，就把文昌稱為文昌帝君，尊為主仙、人鬼生死爵祿的神。古代
士人仕進，以科舉為途徑，於是天下府縣，處處建立文昌宮。明代以後，每一所學校都將部分建築物用於供奉文昌帝君。清代，每年農曆二月初三文昌帝君生日那天，朝廷要派人前往北京文昌廟祭祀，文昌雖是道教之神，但帶有濃厚的儒教色彩。

南宋間，道士假借文昌帝君之名，作了《文昌帝君陰涉文》，這是一本托名文昌帝君勸說世人行善積德的勸善書，此書在過去十分流行，影響很大，與《太上感應篇》和托名關羽所撰《關帝覺世真經》為三大勸善真書。

文昌帝君掌理考試命運、主宰士子的功名利祿，比孔子還受讀書人的歡迎。同時他也是刻字、書店、文具店、說書、抄紙的行神，所以昔日書商公會就叫做「文昌會館」。

以前皇帝曾把文昌帝君列為重要祭典之一，凡是讀書人必要奉祀文昌帝君。每逢文昌帝君誕辰，童生、秀才、稟生、貢生、舉人以及私塾老師都要準備全牛及供品，至文昌廟行「三獻禮」祭祀之。
　　歷代官府都要通令天下學校，來奉祀這位文昌神：

《恆春縣志》：「然列于祀典，即為聰明正道之神，習學業求科名者，敬之宜矣。」

《彰化縣志》：「蓋以世所傳帝君之書，如陰涉文、感應篇、勸孝文、孝經解諸書，皆有裨于教化、不失聖人之旨，故學者崇拜之，使日用起居皆有敬畏，非徒志科名者，祀以求福也」。
　　農曆二月初三為文昌帝君聖誕。

# VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN

Có hai quan điểm xếp hạng khác nhau về "Văn Xương Đế Quân", một cho là tinh danh (tên sao), một cho là thần danh (tên thần), nên trong dân gian xưng là "sao Văn Xương " hoặc " Thần Văn tinh ".

- Văn Xương Đế Quân còn gọi là "Tử Đồng", "Văn Xương Đế", "Tế Thuận Vương", "Anh Hiển Vương", "Tử Đồng Phu Tử", "Tử Đồng Đế Quân", "Lôi Ứng Đế Quân", tất cả những tôn danh trên đều liên quan đến những sự kiện đặc biệt của Văn Xương Tinh.

* Sách "Sử ký—Thiên quan thư" chép:- "Sao Khôi phò cho sáu sao Văn Xương, một gọi là Thượng tướng, hai gọi là Thứ tướng, ba gọi là Quí tướng, bốn gọi là Tư mệnh, năm gọi là Tư trung, sáu gọi là Tư lộc". Trong "Tinh kinh" (sách nói về sao) có ghi:- "Sáu sao Văn tinh có hình bán nguyệt, nằm ở phía trước sao Bắc Đẩu, mỗi sao có một tên".

Chức năng của sáu sao Văn Xương là Thượng tướng chủ về uy vũ, thứ tướng chủ về tả hữu, quí tướng chủ về văn tự, tư mệnh chủ về tai ách, tư trung chủ về lý lẽ, tư lộc chủ về thưởng công phong quan . Sáu sao nầy chưởng quản về văn chương chữ nghĩa lợi lộc trong thiên hạ, cho nên từ xưa, học trò và nhân sĩ đều sùng bái.

* Văn Xương Đế Quân còn được coi là chủ quản về thi cử, mệnh vận, là vị thần trợ giúp cho người đọc sách, viết văn (văn sĩ) . Khi cầu về thi cử thì đây là vị thần tối thắng. Việc thờ phụng Ngài đã có từ đời Châu, trải qua nhiều đời soạn ra nghi thức đã ghi chép vào "Sách thờ cúng" của triều đình.

*Văn Xương vốn là "tên nhóm sao", chỉ cho nhóm sáu sao nằm phía trên sao Khôi. Thời xa xưa, các nhà Chiêm Tinh đã giải thích đó là sao tốt, rất quí hiển. Đạo giáo tôn xưng đó là vị Thần chủ về công danh, lộc vị nên gọi là "Văn Tinh". Từ thời Tùy, Đường, việc khoa cử đã thịnh hành, sao văn Xương được người học, văn nhân tôn trọng lễ lạy cầu khấn, nên gọi là "Văn Xương" , nghĩa là Thần coi sóc "Căn bản về việc thi cử và ban phát tước lộc cho các quan văn võ". Trong Đạo giáo, hai sao Văn Xương và Tử Đồng cùng chỉ về công danh lợi lộc nên về sau hai vị thần nầy được hợp lại thành một.

*Văn Xương Tinh được nói gọn là Văn Tinh, hoặc Văn Khúc Tinh, là sao chủ về văn chương chữ nghĩa, như trong thơ của Đỗ Phủ có viết:-

"Bắc phong tùy sảng khí—Nam đẩu tỵ văn tinh" (gió bắc mang sảng khoái, sao nam kỵ Văn tinh) . Lại trong "Đông quan tấu" (tâu về quan sát hướng đông) :- "Buổi sáng sớm quan sát thấy sao Văn Xương bị mờ ám, ắt là khoa trường thi cử xảy ra việc gì rồi".

*Đến năm cảnh Thái đời nhà Minh, vua Cảnh Tông cho xây dựng một tòa miếu vũ thờ Văn Xương tại Bắc Kinh, mỗi năm vào ngày mùng ba tháng hai sai người cử hành tế lễ rất long trọng. Đời nhà Thanh cũng rất sùng bái thần Văn Xương, nên năm Gia Khánh thứ sáu, vua Nhân Tông dạy quan Lễ Bộ ghi tên vị thần Văn Xương vào "Sách thờ cúng".




Còn theo quan điểm xếp Văn Xương Đế Quân vào nhân thần, cũng có hai phái:- một là " Văn Xương Đế Quân " , hai là "Ngũ văn xương" ( 5 vị chủ quản văn học ), gồm có :- Quan Thánh Đế Quân (Văn Hành Đế), Phù Hữu Đế Quân (Lã Đồng Tân) , Văn Khôi Phu Tử, Châu Hi (Châu Y tinh quân) , Khôi Đầu (Khôi tinh gia), tổng hợp lại gọi là "Ngũ văn xương" vậy.

*Sách "Vân cấp thất tiêm" viết:- "Vị thần quân Văn Xương tên tự là Tiên Thường, là lá "phù" của mệnh lệnh vua, là tư mệnh của trung ương. Ngài có thể điều khiển vận mệnh người khác, chủ về bổn mạng và năm sanh của con người, nắm giữ tuổi thọ của con người". Niềm tin về Thần Văn Xương có nguồn gốc từ tín ngưỡng về chiêm tinh.

*Trong "Sở từ--Cửu ca" có nói đến "thiểu tư mệnh , tức để chỉ vị sao thứ tư (của sáu sao Văn Xương). Thời Chiến Quốc đã đưa vào danh mục thờ cúng".

*Trong "Minh sử--Kê chí" chép:- "Tử Đồng Đế Quân, họ Trương tên Á Tử, ở núi Thất Khúc đất Thục (Tứ Xuyên), chết khi đánh giặc Sĩ Tấn. Được người đời lập Miếu thờ. Đời Đường phong làm "Anh Hiển Vương". Trong Đạo giáo cho Tử Đồng là chủ về văn chương và lộc thực của con người. Đời Nguyên gia phong Đế Quân. Các trường học đều có thờ phượng Ngài".

* Trong "Đài Loan huyện chí" và "Chương Hóa huyện chí" có ghi:- "Tử Đồng Đế Quân, họ Trương tên Á Tử, ở núi Thất Khúc đất Thục (Tứ Xuyên), chết khi đánh giặc Sĩ Tấn, miếu thờ ở huyện Tử Đồng phù Bảo Ninh. Đời Đường, Tống phong làm "Anh Hiển Vương". Trong Đạo giáo cho rằng Tử Đồng Đế Quân chủ về văn chương chữ nghĩa và chức tước quan lộc của con người, nhưng không nói đến phong hiệu Đế Quân. Các trường học khắp nhân gian đều có thờ cúng Ngài".

*Tóm lại, Văn Xương Đế Quân có tên là TRƯƠNG Á TỶ. Sinh vào đời nhà Đường ở Việt Tuyên, sau dời nhà đến Thất Khúc Sơn ở huyện Tử Đồng tỉnh Tứ Xuyên. Ngài tin tưởng vào Đạo giáo, có công quảng bá Đạo giáo rất lớn ở tỉnh Tứ Xuyên. Sau khi chết, mọi người kính ngưỡng đức hạnh và công lao của Ngài, xây dựng Miếu thờ ở núi Thất Khúc lấy tên là "Thanh Hư Quán" (miếu Thanh Hư). Trên văn bia khắc là "Tử Đồng Quân" nên nhân gian gọi là Thần Tử Đồng, được nhiều người cúng bái. Đời vua Huyền Tông và Hi Tông nhà Đường, khi chạy trốn đến Tứ Xuyên, dựa vào niềm tin của dân chúng, có phong cho Ngài làm "Tả Thừa Tướng" và sau là "Tế Thuận Vương". Đến năm Diên Hựu thứ ba đời vua Nhân Tông nhà Nguyên (năm 1316) sắc phong làm "Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lộc Hoành Nhân Đế Quân", nói gọn là "Văn Xương Đế Quân". Trải qua nhiều đời phong tặng, nhưng đến lúc nầy (nhà Nguyên) mới thấy xuất hiện danh xưng "Đế Quân" lần đầu.

Điều nầy có nghĩa là có sự kết hợp giữa tín ngưỡng về văn xương của dân gian và nhân vật Trương Á Tỷ làm một. Từ đó, Tử Đồng Đế Quân trở thành vị thần chủ quản về văn chương và học vấn. Được các vua triều đại nhà Đường hết sức đề cao, nên từ một vị thần ở địa phương Tứ Xuyên trở thành vị thần của cả nước, hợp nhất với Thần Văn Xương kể từ đó.
*Đời nhà Tống và đời nhà Nguyên, các đạo sĩ nương theo lòng tin của quần chúng mà chính thức tôn xưng Văn Xương Đế Quân thành một vị Tiên có chức năng cai quản về tuổi thọ, việc học hành và chức phận của con người. Thời xưa, việc ra làm quan đều là nhờ vào kết quả của việc học tập , nên khắp nơi trong nước, chỗ nào cũng xây dựng Miếu Thờ Ngài. Từ đời Minh trở đi, tại mỗi trường học đều có gian thờ và cúng tế Văn Xương Đế Quân. Đời nhà Thanh, đến sinh nhật của Ngài là mùng hai tháng ba âm lịch, có các quan thay mặt nhà vua đến Văn Xương Miếu (ở Bắc Kinh) để cúng tế trọng thể. Như vậy, khởi thủy của Văn Xương là từ Đạo giáo mà có, nhưng càng về sau lại càng đậm nét Nho giáo.
*Đời Nam Tống, các đạo sĩ mượn lời của Văn Xương Đế Quân làm thành sách "Văn Xương Đế Quân Âm Thiệp Văn" (bài văn của Văn Xương Đế Quân dạy về cõi âm) . Đây là một quyển sách khuyên mọi người cố gắng hết sức để làm thiện tích đức, có tác dụng rất tốt và ảnh hưởng lớn trong dân chúng. Đồng thời cũng có hai quyển khác là "Thái Thượng Cảm Ứng thiên" và "Quan Đế Giác Thế Chân Kinh' (mượn lời của ông Quan Vũ để giáo hóa người), trở thành ba quyển "chân kinh" dạy thế nhân làm thiện.
*Văn Xương Đế Quân còn quản lý về việc thi cử, chủ về công danh lợi lộc cho sĩ tử, danh xưng sánh với Ngài Khổng Tử, được mọi người từ quan đến dân đều sùng bái. Ảnh hưởng của Ngài rất lớn và phổ biến rộng rãi trong sinh hoạt quần chúng, như là các hội quán của nhà in, nhà sách, cơ sở buôn bán các văn phòng phẩm, các nhà buôn … đều lấy tên là "Văn Xương Hội Quán".
*Từ xưa, các vua đều lấy việc cúng tế Văn Xương Đế Quân làm một kỳ tế lễ quan trọng. Trong dân gian thì phàm những người có đi học, người đã đỗ tú tài, cống sinh, cử nhân … các trường học đều chuẩn bị phẩm vật cúng tế và "nguyên con trâu" mang đến Miếu văn Xương để cử hành nghi thức "Tam hiến lễ" mà cúng tế Ngài.
Nhiều đời, các quan sở tại đều có lời nhắc nhở những trường học trong địa phương phải chú ý đến việc thờ phượng và cúng kiến vị thần Văn Xương nầy.
*Trong "Hằng Xuân huyện chí" có ghi về Ngài như sau:- "Được đưa vào danh sách cúng tế là để đề cao tinh thần thông minh trí tuệ, đề cao việc học hành khoa cử cầu công danh của con người vậy".
*Trong "Chương Hóa huyện chí" thì ghi :- "Nhiều đời truyền bá những lời dạy của Ngài ( Văn Xương Đế Quân ) như là:- Âm Thiệp văn, Khuyến Hiếu văn, Hiếu kinh giải nghĩa …đều không trái với ý thánh nhân, nên được mọi người sùng kính, xem là loại sách "gối đầu giường". Như thế, không phải chỉ là để mong cầu khoa cử công danh mà còn để cầu phúc lộc nữa".
*Ngày thánh đản của Văn Xương Đế Quân là ngày mùng hai tháng ba âm lịch.
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 13.QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN .



關聖帝君

關聖帝君，三國時代蜀漢的大將關羽，字云長，美須髯，武勇絕倫，與劉備、張飛結義于桃園，即所謂桃園三結義。平定西蜀，督師荊州，曾經大破曹軍，他的忠義大節，永垂青史。

民間宗教信仰自漢朝以來，漸漸融合儒、釋、道三教而為一的民間信仰。然而民間所信仰的神明，
大多數可分出其所屬的系統，如媽祖屬于道教，孔子屬于儒教，觀音屬于佛教，神明的界限相當清楚。但是，關帝聖君乃儒、釋、道三教均尊其為神靈者，在儒家中稱為關聖帝君外，另有文衡帝君之尊稱，佛教以其忠義足可護法，并傳說他曾顯聖玉泉山，皈依佛門，因此，尊他為護法伽藍神、蓋天古佛，於道家中，由於歷代封號不同，有協天大帝、翔漢天神、武聖帝君、關帝爺、武安尊王、恩主公、三界伏魔大帝、山西夫子、帝君爺、關壯繆、文衡聖帝、崇富兵君等，民間則俗稱恩主 公。

東漢延熹三年（160）農曆六月廿四，關羽降生於直隸校尉部河東郡解縣下馮村（現今運城常平鄉常平村），後解縣升為州，亦稱關羽為解州人。

據史書記載，關羽十七歲結婚，十八歲生兒子關平。二十九歲時，因當地鹽商欺壓百姓，被關羽鋌
身赴險殺死，出逃到河北涿州，結識張飛，再遇劉備，三人恩若兄弟，金蘭結盟，從而跟隨劉備，為匡復漢室南征北戰，四十歲時被封為壽亭侯，四十九歲封為襄陽太守、蕩寇將軍，五十四歲封為董督荊州事。五十九歲公元 219
年時，在湖北當陽舍生壯別人世。傳說關羽身長九尺六寸、鬚長一尺六寸，面如重棗，唇若抹朱，丹鳳眼，臥蠶眉，與其忠義之氣概正好互為表裏，是以讚曰：「精忠沖日月，義氣貫乾坤，面赤心尤赤，鬚長義更長。」
據「三國演義」所述，關羽被吳國大將呂蒙於麥城所殺，其子關平及部下周倉皆亡。他的魂魄飄蕩至荊

洲當陽玉泉山，得普靜法師點悟，常於玉泉山顯靈護民，因此當地人為其立廟。關聖帝君生平義氣貫乾坤，以「仁、義、禮、智、信」著稱，千里尋兄為「仁」、華陽放曹為「義」、秉燭達旦為「禮」、水煙七軍為「智」、單刀赴會為「信」。《關聖帝君明聖真經》云：「孝悌忠信人之本，禮義廉恥人之根。」八德乃人道根本，《南天文衡聖帝傳略》於是根據八德，恭述關恩主的一生。當三峽壩建成，此廟將被江水淹沒。

「頭枕洛陽、身臥當陽、魂歸故里。」河北省當陽，河南省洛陽，山西省運城，三地均建有大型關帝廟。

話說關公又曾上呂蒙身，結果呂蒙七孔流血而死，吳國將關公首級移禍魏國，曹操打開盛匣，關公竟瞪目開口，嚇得滿座失驚。因此曹操為他大設祭禮
關公不但被佛、儒、道三家稱為神，更被歷代皇帝加封二十三次之多，由「侯」加封至「聖」。
-漢后主（260年）追謚關公為「壯繆侯」；
-北宋徽宗崇寧元年（1102年）追封關公為「忠惠公」；
-徽宗崇寧三年（1104年）進封關公為「崇寧真君」；
-大觀二年（1108年）复封關公為「武安王」；
-宣和五年（1123年）再封關公為「義勇武安王」；
-南宋高宗建炎二年（1128年）封關公為「壯繆義勇武安王」；
-南宗孝宗淳熙十四年（1187）封關公為「壯繆義勇武安英濟王」；
-元文宗天曆元年（1328年）封關公為「顯靈義勇武安英濟王」；
-明太祖朱元璋明令拜關公，並於洪武廿七年敕建南京關公廟；
-明憲宗敕令重建關公廟；
-明神宗萬曆十年（1528年）封關公為「協天護國忠義帝」；
-後敕賜解州關帝廟為「英烈廟」；
-
明神宗萬曆四十二年（1614）加封關公為「三界伏魔大帝威遠震天尊關聖帝君」又敕令京都正陽
關帝廟為關公金身加衣飾，任陸秀夫、張世杰為關公左右丞相，岳飛為元帥，尉遲恭為伽藍，封關公夫人為九靈懿德武肅英皇后，關公長子關平為竭忠王，次子關興為顯忠王，周倉為威靈惠勇公；
-清世祖順治元年（1644年）封關公為「忠義神武關聖大帝」；
-清雍正元年，加封「靈佑」；
-清康熙時封「伏魔大帝」；
-1703年康熙親臨關公故鄉解州拜靈題匾；
-清乾隆五十三年，加封「忠義神武靈佑關聖大帝」；
-
清世宗雍正三年（1725年）追封關公曾祖父為「光昭公」，祖父為「裕昌公」，父親為「成忠公」。
-
清仁宗嘉慶十八年（1813年）前后、清高宗、清宣宗、清文宗多有加封題字匾，道光八年，加封
「威顯」二字，咸丰年間，再加封「精誠」二字，旋又加上「綏靖」二字，亞御書「萬世人極」匾額，同治加封「翊贊」二字，光緒加封「宣德」二字。直至清德宗

光緒五年（1879年），關公全部長達26字封號為：「忠義神武靈佑仁勇威顯護國保民精誠綏靖翊贊宣德關聖大帝」。

并勒全國府縣建廟，春秋虔誠致祭。

中國民間宗教自漢以來，漸漸融合儒、釋、道三教而為一的民間信仰。然而民間所信仰的神明，大多數可分出其所屬的系統，但是，關聖帝君卻是儒釋道三教共同的神靈，具有如此重要的地位和成就的神明，在中國民間信仰中并不太多。

儒教尊關公為五文昌之一，尊他為「文衛聖帝」，或稱「山西夫子」，或尊他為亞聖或亞賢，說：「山東一人作春秋，山西一人看春秋」。

道教則奉關公為玉皇大帝的近侍，尊他為「翊漢天尊」，「協天大帝」或「武安尊王」。

佛教也以其忠義足可護法，并傳說他曾顯聖玉泉山，皈依佛門，因此，尊他為「蓋天古佛」、「護法伽藍」

民間祭祀關公，經過一千七百年的演變，關公早已脫離《三國誌》裡的關羽，而成為具有多元化的神明：
商界守護神：
據說，關公年輕的時候，在家鄉從商，以販賣布匹為業。生前精於理財之道，最擅長算數記帳，曾設簿
記法，并發明日清簿，這是一種清楚的記帳法，即為現今一般商人所使用的流水帳。關公所用的青龍偃月刀，十分鋒「利」，與生意上求「利」同音，求之獲
「利」。一般合伙做生意，最重義氣和信用，關羽信義俱全，因此被後世商人尊為商業守護神，及視他為保佑人們發財的武財神。

醫藥神：
民間相信，人們所以生病或遭不幸，多起因于鬼怪魔神作祟所致。關公尊嵩伏魔大帝，民間多前往祈求關公驅魔治病。因此，在關帝廟常設有藥簽，關公又成為醫藥之神。
戰神：
關公是曠世大將，其勇武為世所稀有，習武者奉為武聖。因此，歷代尊為武聖祭祀，民間亦為尚武之人的保護神。關公亦為戰神，為軍人的保護神。民間役男前往軍中服役時，亦多前往關帝廟求香火或靈符以護身。

英雄死后成為神，受到人們的敬拜，是中國民間宗教的特色。但是，古今多少英雄，能像關公一樣流傳民同，世世代代為萬民所祭祀，歷久不衰且有不斷擴展的趨勢者，并不多見。這是因為關公在民眾的心目中是一位最受崇敬與信賴的英雄神。

讀書人視為文昌，與文昌、朱衣、魁星、呂仙合稱為「五文昌帝君」。

佛教認為關公的正氣足以護法，特奉為護法神，列為「伽藍護法」。

一般做為商業神供奉的關公神像為坐看春秋，而警界或習武者所供奉的關公像為手拿

關刀或騎馬。香港的警署幾乎都奉祀關公。奉祀關帝的廟宇也稱關帝廟、協天宮、武廟或文武廟並稱。

農曆六月廿四日為關帝聖誕。



QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

Quan Thánh Đế Quân  tức là Đại tướng quân Quan Vũ của nước Thục Hán thời đại Tam Quốc. Tên tự là Vân Trường, có bộ râu dài rất đẹp, vũ dũng tuyệt luân. Ngài cùng với Lưu Bị, Trương Phi kết nghĩa làm anh em ở Đào Viên, nay gọi là "đào viên kết nghĩa", Ngài có công bình định Tây Thục, vỗ an bá tánh Kinh Châu, từng đại phá quân Tào. Sự trung nghĩa của Ngài quá cao cả, còn sáng mãi với sử xanh.

*Tín ngưỡng dân gian từ triều đại nhà Hán đến nay, đã dần dần dung hợp cả ba tôn giáo lớn Nho, Lão, Thích lại làm một. Nhưng về niềm tin thần minh, thì đa số tùy theo một hệ thống của tôn giáo đó mà thôi. Ví dụ như, đức tin về "Má Tổ" (Thiên Hậu Nương Nương) là thuộc về Đạo giáo (Lão), tin về Khổng Tử thuộc về Nho giáo, tin đức Quan Âm Bồ tát thuộc về Phật giáo v.v… Giới hạn niềm tin thần minh có ranh giới hẵn hoi, tức tùy thuộc vào tôn giáo của người đó. Riêng về Ngái Quan Thánh Đế Quân  thì không có ranh giới nào, mà cả ba tôn giáo đều có. Như đạo Khổng thì tôn xưng Ngài là " Quan Thánh Đế Quân" còn gọi là "Văn Hành Đế Quân". Phật giáo nêu cao gương trung nghĩa của Ngài mà gọi là Hộ Pháp. Theo truyền thuyết thì Ngài đã từng hiển thánh ở Ngọc Tuyền Sơn và qui  y nhà Phật. Nhân đó mà thành Hộ Pháp Già Lam của nhà Phật. Có nơi còn nói Ngài là một vị "Cái Thiên Cổ Phật" nữa. Còn trong Đạo giáo thì qua nhiều đời tôn xưng, danh hiệu chẳng đồng. Như các danh hiệu sau:- "Hiệp Thiên Đại Đế", "Tường Hán Thiên Thần", "Vũ Thánh Đế Quân", "Quan Đế Gia", "Vũ An Tôn Vương", "Ân Chủ Công", "Tam giới Phục Ma Đại Đế", "Sơn Tây Phu Tử", "Đế Quân Gia", "Quan Tráng Mậu", "Văn Hành Thánh Đế", "Sùng Phú Binh Quân" v.v… Phổ biến nhất trong dân gian tôn xưng Ngài là "ÂN  CHỦ  CÔNG".

*Ngài Quan Vũ giáng sanh vào ngày hai mươi bốn tháng sáu năm Diên Hi thứ ba đời Đông Hán, ở thôn Hạ Phùng, huyện Giải (sau thành châu Giải) , quận Hà Đông, bộ Hiệu Úy của Trực Lệ.(nay là thôn Thường Bình làng Thường Bình của Vận Thành). Trước nay hay nói Ngài Quan Vũ là người của châu Giải.

* Theo các sách sử ghi lại, Ngài kết hôn vào năm 17 tuổi, năm sau sanh ra Quan Bình. Đến năm 19 tuổi, tên quan coi về muối của địa phương (Diêm quan) đàn áp bốc lột bá tánh nên bị Quan Vũ giết chết , đây coi như một hành động nghĩa khí "trừ ác giúp đời". sau đó, Ngài phải chạy trốn đến vùng châu Trác của Hà Bắc, làm quen được với Trương Phi rồi sau đó là Lưu

Bị. Ba người đã cùng nhau kết nghĩa bằng hữu kim lan, rồi từ đó theo phò Lưu Bị, trải qua nhiều cuộc nam chinh bắc chiến để khôi phục nhà Hán. Năm 40 tuổi được phong chức "Thọ Đình Hầu". năm 49 tuổi được phong làm Thái Thú ở Tương Dương , chức là "Đãng Khấu Tướng Quân". Năm 50 tuổi phong làm "Tổng Đốc Kinh Châu Sự". Năm 59 tuổi (năm 219) thì anh dũng xả thân từ biệt nhân thế ở Đương Dương, Hồ Bắc.

*Cũng theo truyền thuyết thì Ngài Quan Vũ thân cao chín thước sáu tấc (thước ta), râu dài một thước sáu tấc, mặt đỏ như táo bầm, mày ngài mắt phượng, thần khí uy nghiêm. Đó là do cái khí tiết trung can nghĩa khí bên trong của Ngài biểu hiện ra bên ngoài vậy. Người xưa có bài thơ ca tụng Ngài:-

精忠沖日月，義氣貫乾坤，面赤心尤赤，鬚長義更長

"Tinh trung xung nhật nguyệt—Nghĩa khí quán càn khôn—Diện xích tâm vưu xích—Tu trường nghĩa cánh trường".

*Dịch:-

Lòng trung chói lọi trời trăng,
Đất trời nghĩa khí sánh bằng, không ngoa.
Đỏ tâm đỏ mặt sáng lòa,
Râu dài , đại nghĩa ai qua được Ngài ?"

*Theo "Tam quốc chí diễn nghĩa" thuật lại, Quan Vũ bị tướng Ngô là Lữ (Lã) Mông mưu hại ở Mạch Thành, con trai Quan Bình và bộ hạ Châu Thương (Xương) cũng chết theo. Hồn phách anh linh của ba người bay về núi Ngọc Tuyền ở Đương Dương, Kinh Châu, được Phổ Tĩnh Pháp Sư điểm ngộ cho, nên Chân Linh Ngài thường trụ ở Ngọc Tuyền mà phù hộ dân chúng, do đó mà dân cư quanh vùng lập Miếu Thờ Ngài.

Sinh thời, Quan Thánh Đế Quân có nghĩa khí vô cùng lớn lao, phủ trùm trời đất. Xét về đức ngũ thường : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thì Ngài gồm đủ. Ngàn dậm tìm anh (Lưu Bị) là "nhân", ở Hoa Dương tha Tào Tháo là "nghĩa", thắp đèn đọc sách suốt đêm là "lễ" (lúc hộ tống hai bà vợ Lưu Bị), chỉ khói nước làm an lòng quân sĩ là "trí", đơn đao đi phó hội là "trí" (xem truyện Tam Quốc),

Do đó, trong "Quan Thánh Đế Quân Minh thánh Chân Kinh" có nói rằng :- "Ngài là nguồn gốc đức trung tín hiếu để của con người, là căn cội hạnh lễ nghĩa liêm sĩ của con người vậy !". Tóm lại Ngài có đủ đức hạnh của loài người.

Do đó, sách "Nam thiên Văn hành Thánh Đế truyện lược" đã dựa vào nội dung tám đức nầy mà kể lại câu chuyện đời Ngài . Dân chúng ở Tam Giáp xây Miếu Thờ nhưng nay đã bị nước lũ làm trôi đi rồi.

*Câu tán dương công đức Ngài như sau:- "Đầu thì gối lên đất Lạc Dương, thân thì nằm trên đất Tương Dương, tinh hồn bay về quê cũ". Các địa điểm Đương Dương ở Hà Bắc, Tương Dương ở Hà Nam, Vận Thành ở Sơn Tây đều có xây dựng Miếu Quan Đế rất to lớn.

*Truyền thuyết nói rằng, khi Quan Công chết, ngã vào thân của Lã Mông thì Lã Mông bị bảy lổ ra máu mà chết. Nước Ngô đem thủ cấp Quan Công sang cho nước Ngụy, lúc Tào Tháo mở nắp hộp đựng thủ cấp của Ngài ra, Quan Công đã trừng mắt mở miệng nhìn , khiến mọi người run sợ. Vì vậy mà Tào Tháo phải cúng tế Ngài rất trọng hậu.

*Chẳng những Quan Công được ba tôn giáo Nho. Lão, Thích tôn xưng là thần, mà ngay cả các vua nhiều đời cũng đã gia phong cho Ngài suốt 23 lần, từ chức "Hầu" lên đến chức "Thánh" như sau:-

- Hán Hậu Chủ (năm 260) truy phong tên thụy của Quan Công là "Tráng Mậu Hầu".
-Năm Sùng Ninh thứ nhất (năm 1102 ) đời vua Huy Tông Bắc Tống phong làm "Trung Huệ Công".
-Năm Sùng Ninh thứ ba (năm 1104 ) đời vua Huy Tông Bắc Tống tấn phong làm "Sùng Ninh Chân Quân".
-Năm Đại Quan thứ hai (năm 1108 ) chúc phong làm "Vũ An Vương".
-Năm Tuyên Hòa thứ năm (năm 1112 ) tái phong làm "Nghĩa Dũng Vũ An Dương".

-Năm Kiến Viêm thứ hai (năm 1128 ) đời vua Cao Tông Nam Tống phong làm "Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Vương".
-Năm Thuần Hi thứ mười bốn (năm 1187 ) vua Hiếu Tông phong làm "Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương".
-Năm Thiên Lịch thứ nhất (năm 1328 ) đời vua Văn Tông nhà Nguyên phong làm "Hiển Linh Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương".
-Năm Hồng Vũ thứ hai mươi bảy đời vua Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương sắc lệnh cho xây dựng "Quan Công Miếu" ở Nam Kinh, và ra lệnh mọi người phải bái kính Ngài.
- Minh Hiến Tông sắc lệnh trùng tu Miếu Quan Công.
-Năm Vạn Lịch thứ mười (năm 1528 ) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm "Hiệp Thiên Hộ Quốc Trung Nghĩa Đế".
- Sau ban sắc chỉ sửa đổi tên Miếu Thờ Quan Công ở châu Giải là "Anh Liệt Miếu".
-Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai (năm 1614 ) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm "Tam giới Phục ma Đại Đế Uy viễn chấn Thiên tôn Quan Thánh Đế Quân ". Lại ban sắc lệnh cho "dát vàng" y phục của tượng Ngài Quan Công ở miếu thờ kinh đô, phong Lục Tú Phù và Trương Thế Kiệt làm tả hữu Thừa Tướng cho Quan Thánh Đế Quân ; Nguyên soái Nhạc Phi (đời Tống) và Uất Trì Cung (đời Đường) là Già Lam Hộ Pháp cho Ngài; lại phong cho phu nhân của Quan Công là "Cửu Linh Ý Đức Vũ Túc Anh Hoàng Hậu"; phong cho trưởng tử Quan Bình làm "Kiệt Trung Vương", thứ tử Quan Hưng làm "Hiển Trung Vương", Châu Thương (Xương) làm "Uy Linh Huệ Dũng Công".
-Năm Thuận Trị thứ nhất (năm 1644 ) đời vua Thế Tổ nhà Thanh phong làm "Trung Nghĩa Thần Vũ Quan Thánh Đại Đế ".
-Năm Ung Chính thứ nhất đời Thanh gia phong làm "Linh Hựu".
-Vua Khang Hi nhà Thanh phong làm "Phục Ma Đại Đế ".
- Năm 1703, đích thân vua Khang Hi nhà Thanh đến quê của Quan Công ở châu Giải để bái yết và đề biển cho Miếu thờ Ngài.
- Năm Càn Long thứ 53 đời Thanh gia phong "Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Quan Thánh Đại Đế .
-Năm Ung Chính thứ ba (năm 1725) vua Thế Tông nhà Thanh truy phong tằng tổ của Quan Công , ông cố là "Quang Thiệu Công", ông nội là "Dụ Xương Công", còn cha là "Thành Trung Công".
*Trải qua các đời vua Nhân Tông, Cao Tông, Tuyên Tông, Văn Tông nhà Thanh cũng đều có gia phong và đề biển ở Miếu thờ Ngài.
- Năm Đạo Quang thứ tám, gia phong hai chữ "UY HIỂN", - Năm Hàm Phong thứ nhất ,tái gia phong hai chữ "Tinh Thành", Tuyền Hựu phong hai chữ "Tuy Tĩnh" và ban cho tấm biển đề "Vạn Thế Nhân Cực", Đồng Trị gia phong hai chữ "Dực Tán", Quang Tự gia phong hai chữ "Tuyên Đức". Đến năm Quang Tự thứ năm (năm 1879) thì Quan Công đã được sắc phong danh hiệu dài tới 26 chữ là:-
"TRUNG NGHĨA THẦN VŨ LINH HỰU NHÂN DŨNG UY HIỂN HỘ QUỐC BẢO DÂN TINH THÀNH TUY TĨNH DỰC TÁN TUYÊN ĐỨC QUAN THÁNH ĐẠI ĐẾ".
Nhà vua lại săc lệnh cho cả nước đều xây Miếu Thờ Quan Thánh Đế Quân , hai kỳ Xuân , Thu phải chí thành cúng tế.
Tín ngưỡng dung hợp được cả ba tôn giáo Nho, Lão, Thích hòa với tíng ngưỡng dân gian như trường hợp của Ngài Quan Thánh Đế Quân thì không có nhiều ở Trung Quốc.
* Nho giáo thì tôn xưng Quan Công là một trong "Ngũ Văn Xương", lại tôn là "Văn Vệ Thánh Đế", hoặc "Sơn Tây Phu Tử", Có khi tôn là á thánh, á hiền rằng:-"Ở Sơn Đông có một người làm Xuân Thu (chỉ Khổng Tử)—Sơn Tây có một người xem Xuân Thu (chỉ Quan Công)".
* Đạo giáo thì thờ Quan Công như là một vị gần gũi với Ngọc Hoàng Thượng Đế , tôn xưng Quan Công là "Dực Hán Thiên Tôn", "Hiệp Thiên Đại Đế" hao85c "Vũ An Tôn Vương".

* Phật giáo thì lấy sự trung nghĩa của Quan Công làm Hộ Pháp, lại có truyền thuyết Ngài đã từng hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền, qui y với nhà Phật. Do đó, tôn Ngài làm "Cái Thiên Cổ Phật" hoặc "Hộ Pháp Già Lam".
*Trong dân gian, việc cúng tế Quan Công đã trải qua một ngàn bảy trăm năm. Quan Công đã sớm lìa bỏ thân phận của Quan Vũ trong Tam Quốc Chí, để trở thành vị thần minh "đa nguyên hóa" (nhiều nguồn gốc sanh ra).
VỊ THỦ HỘ THẦN CỦA THƯƠNG GIỚI:-
Theo truyền thuyết thì Quan Công lúc còn trẻ, nơi quê hương có lúc làm nghề bán vải vóc để sinh nhai. Lúc sinh tiền, Ngài cũng giỏi về việc quản lý , từng làm công việc kế toán sổ sách, đã phát minh ra pháp "Nhật thanh bộ" (kế toán mỗi ngày rõ ràng) giống như ngày nay chúng ta gọi là "Nhật ký chi thu" vậy.
Ngài Quan Công sở trường về sử dụng cây đao Thanh long yểm nguyệt, thập phần "có lợi", từ nầy đồng âm với chữ "Lợi" trong nghề buôn hay giao dịch (có lời). Hơn nữa, trong việc làm ăn mua bán với nhau, điều tối quan trọng là chữ "tín" và tinh thần "trọng nghĩa khí" v.v… mà những đức tính đó, Ngài Quan Vũ đều có thừa. Cho nên giới thương gia mới tôn thờ Ngài làm "thần thủ hộ" cho nghề nghiệp mình, hơn nữa Ngài cũng có chức năng là "Thần Tài" để phù hộ cho mọi người phát tài. (xem bài nói về Thần Tài).

*** THẦN Y DƯỢC:-

Dân gian tin rằng, con người sở dĩ bị bệnh hoặc gặp xui xẻo, là do thần ma quỷ quái phá phách. Quan Công đã được tôn xưng là "Phục Ma Đại Đế" thì dĩ nhiên là có năng lục trừ tà trị quỷ rồi. Do đó, tại các Miếu Quan Đế thường có đặt thùng thuốc để dân chúng đến cầu trị bệnh thì sử dụng cho lành bệnh. Như vậy, Quan Công đã trở thành "Thần Y Dược" rồi vậy .
*** THẦN CHIẾN ĐẤU:-
Quan Công xưa đã từng là một vị đại tướng nổi danh, vũ dũng của Ngài hi hữu trong đời. Cho nên, những người học tập võ nghệ thờ Ngài là bậc "Võ Thánh" (vị thánh về võ nghệ) trong nhiều đời, mọi người khác thì tin vào tinh thần thượng võ (cứu khổn phò nguy) của Ngài, nên xưng là thần hộ mệnh. Còn giới chiến đấu thì cũng thờ Ngài làm thần bảo hộ , cho nên, giới thanh niên trước khi đi vào quân ngũ cũng thường hay đến Miếu thờ để cầu xin sự bảo hộ bình an của Ngài.
Bậc anh hùng sau khi chết thành thần, được nhân gian sùng kính, là một nét văn hóa đặc sắc của người Trung Quốc. Thế nhưng, xưa nay số lượng anh hùng được dân gian sùng bái như Ngài Quan Công thì cũng không có nhiều. Việc thờ cúng Ngài đời đời chẳng những tồn tại mà còn có xu thế ngày càng phát triển cao hơn, rộng hơn, tôn kính nhiều thêm lên chứ không bị suy giảm, thì chỉ có tín ngưỡng về Quan Thánh Đế Quân mà thôi ! Điều đó khẳng định rằng, Quan Công là một vị "Thần Anh Hùng" tối thắng trong tim mắt của mọi người dân Trung Quốc.
KẾT LUẬN:-
Giới học tập và văn nhân thì nương vào Quan Công là một trong "ngũ văn xương" (Văn Xương, Châu Y, sao Khôi, Lã Tiên, Quan Công).
Phật giáo thì xưng Ngài có chính khí, xứng đáng làm thần hộ pháp nên phong làm "Già Lam Hộ Pháp".
Rồi trong Nho giáo, Đạo giáo, giới thương gia, y dược v.v… cũng đều tôn xưng Quan Công như đã nói trên.
Như vậy, chúng ta có thể nói, Quan Công là vị thánh thần của muôn nhà muôn đời.
*Về hình tượng thì giới thương nhân thờ Quan Công với hình tượng ngồi xem kinh Xuân Thu, giới quân sự hay nhà võ thì thờ Ngài bằng hình tượng cỡi ngựa múa đao
Các cơ quan cảnh vệ ở Hồng Kông đều có phòng thờ Quan Thánh Đế Quân .
Nơi thờ phượng Ngài gọi là Miếu Quan Đế hoặc Hiệp Thiên Cung, Vũ Miếu, Văn Vũ Miếu.

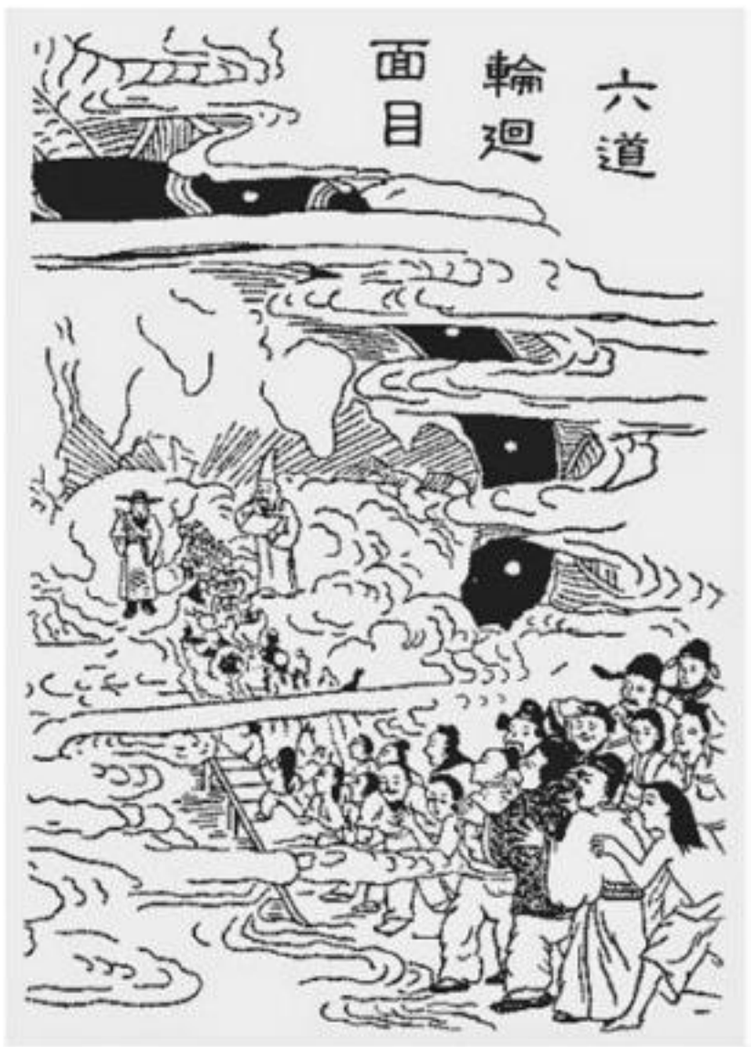
*Thánh đản của Ngài Quan Thánh Đế Quân  là ngày hai mươi bốn tháng sáu âm lịch.
*NHƯỢC  THỦY  dịch
(từ  http://www.fushantang.com)
(Còn tiếp phần Phụ lục:-
Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh
PHỤ  LỤC  CỦA  BÀI  QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN .

關聖帝君覺世真經

帝君曰：

人生在世，貴盡忠孝節義等事，方於人道無愧，可立身於天地之間。
若不盡忠孝節義等事，身雖在世，其心已死，是為偷生。
凡人心即神，神即心，無愧心，無愧神，若是欺心，便是欺神。
故君子三畏四知，以慎其獨。
勿謂暗室可欺，屋漏可愧，一靜一動，神明鑒察。
十目十手，理所必至，況報應昭彰，不爽毫髮。
淫為萬惡首，孝為百善先。
但有逆理，於心有愧者，勿謂有利而行之；
凡有合理，於心無愧者，勿謂無利而不行。
若負吾教，請試吾刀。
敬天地、禮神明，奉祖先、孝雙親，守王法、重師尊；
愛兄弟、信朋友，睦宗族、和鄉親，敬夫婦、教子孫；
時行方便，廣積陰德，救難濟急，恤孤憐貧；
創修廟宇，印造經文，捨藥施茶，戒殺放生；
造橋修路，矜寡拔困，重粟惜福，排難解紛；
捐資成美，垂訓教人，冤讎解釋，斗秤公平；
親近有德，遠避凶人，隱惡揚善，利物救民；
回心向道，改過自新，滿腔仁慈，惡念不存；
一切善事，信受奉行，人雖不見，神已早聞；
加福增壽，添子益孫，災消病滅，禍患不侵；
人物咸寧，吉星照臨，若存惡心，不行善事；
淫人妻女，破人婚姻。
壞人名節，損人技能，謀人財產，唆人爭訟；
損人利己，肥家潤身，咒天怨地，罵雨呵風；
謗聖毀賢，滅像欺神，宰殺牛犬，穢溺字紙；
恃勢欺善，倚富壓貧，離人骨肉，間人兄弟；
不信正道，奸盜邪淫，好尚奢詐，不重勤儉；
輕棄五穀，不報有恩，瞞心昧己，大斗小秤；
假立邪教，引誘愚人，詭說升天，斂物行淫；
明瞞暗騙，橫言曲語，白日咒詛，背地謀害；
不存天理，不順人心，不信報應，引人做惡；
不修片善，行諸惡事，官詞口舌，水火盜賊；
惡毒瘟疫，生敗產蠱，殺身亡家，男盜女淫；
近報在身，遠報子孫，神明鑒察，毫髮不爽；

善惡兩途，禍福攸分，行善福報，作惡禍臨；
我作斯語，願人奉行，言雖淺近，大益身心。
戲侮吾言，斬首分形。有能持誦，消凶聚慶。
求子得子，求壽得壽。富貴功名，皆能有成。
凡有所祈，如意而獲。萬禍雪消，千祥雲集。
諸如此福，惟善所致。吾本無私，惟佑善人。
眾善奉行，毋怠厥志。




PHỤ LỤC:-

I.- ÂM NGUYÊN VĂN ĐỂ TỤNG:-
Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh
Đế Quân viết :
Nhân sinh tại thế , quí tận trung hiếu tiết nghĩa đẳng sự , phương ư nhân đạo vô quí , khả lập thân ư thiên địa chi gian .
Nhược bất tận trung hiếu tiết nghĩa đẳng sự , thân tuy tại thế , kỳ tâm dĩ tử , thị vi thâu sinh . Phàm nhân tâm tức thần , thần tức tâm , vô quí tâm , vô quí thần , nhược thị khi tâm , tiện thị khi thần . Cố quân tử tam uý tứ tri , dĩ thận kỳ độc . Vật vị ám thất khả khi , ốc lậu khả quí , nhất tĩnh nhất động , thần minh giám sát . Thập mục thập thủ , lý sở tất chí , huống báo ứng thiệu chương , bất sảng hào phát . Dâm vi vạn ác thủ , hiếu vi bách thiện tiên . Đản hữu nghịch lý , ư tâm hữu quí giả , vật vị hữu lợi nhi hành chi ; Phàm hữu hợp lý , ư tâm vô quí giả , vật vị vô lợi nhi bất hành . Nhược phụ ngô giáo , thỉnh thí ngô đạo . Kính thiên địa 、 lễ thần minh , phụng tổ tiên 、 hiếu song thân , thủ vương pháp 、 trọng sư tôn ; Ái huynh đệ 、 tín bằng hữu , mục tông tộc 、 hoà hương thân , kính phu phụ 、 giáo tử tôn ; Thời hành phương tiện , quảng tích âm đức , cứu nạn tế cấp , tuất cô liên bần ; Sáng tu miếu vũ , ấn tạo kinh văn , xả dược thi trà , giới sát phóng sanh ; Tạo kiều tu lộ , căng quả bạt khốn , trọng túc tích phước , bài nạn giải phân ; Quyên tư thành mỹ , thuỳ huấn giáo nhân , oan thù giải thích , đẩu xứng công bình ; Thân cận hữu đức , viễn tỵ hung nhân , ẩn ác dương thiện , lợi vật cứu dân ; Hồi tâm hướng đạo , cải quá tự tân , mãn khang nhân từ , ác niệm bất tồn ; Nhất thiết thiện sự , tín thụ phụng hành , nhân tuy bất kiến , thần dĩ tảo văn ; Gia phước

tăng thọ , thiêm tử ích tôn , tai tiêu bệnh giảm , hoạ hoạn bất xâm ; Nhân vật hàm ninh , cát tinh chiếu lâm , nhược tồn ác tâm , bất hành thiện sự ; dâm nhân thê nữ , phá nhân hôn nhân . Hoại nhân danh tiết , tổn nhân kĩ năng , mưu nhân tài sản , toa nhân tranh tụng ; Tổn nhân lợi kỷ , phì gia nhuận thân , chú thiên oán địa , mạ vũ ha phong ; Báng thánh huỷ hiền , diệt tượng khi thần , tể sát ngưu khuyển , uế nịch tự chỉ ; Thị thế khi thiện , ỷ phú áp bần , ly nhân cốt nhục , gian nhân huynh đệ ; Bất tín chánh đạo , gian đạo tà dâm , hiếu thượng xa trá , bất trọng cần kiệm ; Khinh khí ngũ cốc , bất báo hữu ân ,mạn tâm muội kỷ , đại đẩu tiểu xứng ; Giả lập tà giáo , dẫn dụ ngu nhân , quỷ thuyết thăng thiên , liễm vật hành dâm ; Minh mạn ám biển , hoạnh ngôn khúc ngữ , bạch nhật chú trớ , bối địa mưu hại ; Bất tồn thiên lý , bất thuận nhân tâm , bất tín báo ứng , dẫn nhân tố ác ; Bất tu phiến thiện , hành chư ác sự , quan từ khẩu thiệt , thuỷ hoả đạo tặc ; Ác độc ôn dịch , sanh bại sản xuẩn , sát thân vong gia , nam đạo nữ dâm ; Cận báo tại thân , viễn báo tử tôn , thần minh giám sát , hào phát bất vặn ; Thiện ác lưỡng đồ , hoạ phước du phân , hành thiện phước báo , tác ác hoạ lâm ; Ngã tác tư ngữ , nguyện nhân phụng hành , ngôn tuy thiển cận , đại ích thân tâm . Hí vũ ngô ngôn , trảm thủ phân hình . hữu năng trì tụng , tiêu hung tụ khánh . Cầu tử đắc tử , cầu thọ đắc thọ . phú quí công danh , giai năng hữu thành . Phàm hữu sở kì , như ý nhi hoạch . vạn hoạ tuyết tiêu , thiên tường vân tập . Chư như thử phước , duy thiện sở trí . ngô bổn vô tư , duy hữu thiện nhân . Chúng thiện phụng hành , vô đãi quyết chí .

II.- PHẦN DỊCH (để hiểu nghĩa kinh)

Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh

(Chân kinh giúp thế gian giác ngộ của Ngài Quan Thánh Đế Quân )

*** Đế Quân nói rằng :-

Con người ở đời, quí ở chỗ trung hiếu tiết nghĩa, sao cho làm người không thẹn, mới xứng đáng gọi là "lập thân" ở trong trời đất.

Người mà không thực hành các việc trung hiếu tiết nghĩa, thì tuy thân còn ở đời mà tâm coi như đã chết, thật uổng phí một đời !

Phàm lòng người tức là thần, thần tức là "TÂM". Không sợ tâm nghĩa là không sợ thần. Nếu người khinh khi tâm, tức là khinh khi thần vậy.

Thế nên, người quân tử cần phải có "ba điều sợ và bốn điều biết", cẩn thận cứu xét tâm khi ở một mình.

Đừng cho rằng ở trong nhà tối mà buông lung tâm, phải biết sợ nhà dột (chỗ thiếu sót của mình), mỗi mỗi hành động của mình, đều có thần minh chứng tri.

Lúc nào cũng sống như là có mười ngón tay đang chỉ trỏ mình, mười cặp mắt đang nhìn mình, gắng thấu rõ điều nầy. Huống nữa, sự báo ứng rành rành, chẳng thoát một mảy lông.

Sự dâm dục là đứng đầu các điều ác, sự hiếu hạnh là đứng đầu các điều lành.

Nếu thấy việc không tốt, phải sanh tâm sợ hãi tránh né, đừng vì cái lợi mà làm liều.

Còn thấy việc tốt, trong tâm thấy phải, dầu không có lợi (cho mình) cũng gắng làm.

Nếu không chịu nghe lời ta dạy bảo, hãy nếm thử lưỡi đao (Thanh Long) của ta xem !

Làm người phải biết kính trời đất, tế lễ thần minh, thờ phụng tổ tiên, hiếu thảo với cha mẹ, giữ gìn luật pháp (của vua ban), nhớ sâu ơn thầy.

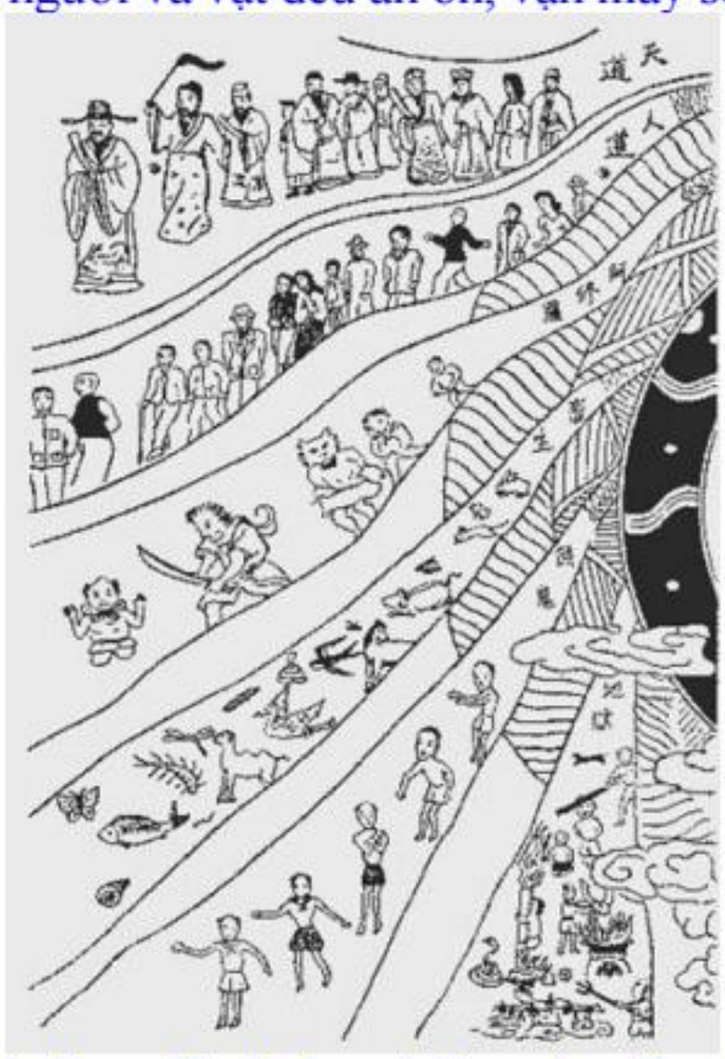
Lại còn phải biết thương yêu anh chị em, giữ chữ tín với bạn bè, thuận thảo cùng bà con, hòa ái với làng xóm, vợ chồng biết kính nhường nhau, con cái phải dạy răn (cho nên người tốt).

Việc gì đáng làm thì làm ngay, rộng chứa âm đức, cứu giúp nạn gấp, giúp đỡ người bần khổ.

Hùn phước xây chùa miếu, in chép kinh văn (để tặng người), giúp thuốc (trị bệnh) cho thức ăn (để người no), giảm bớt sự sát sanh chém giết.

Làm cầu sửa đường (cho người dễ đi), giúp người neo đơn cứu người gặp nạn, quí trọng lúa gạo là tích chứa âm đức, tránh nạn cho người, giải bớt phiền não trói buộc.

Giúp vốn cho người (làm ăn), đem lời hay ý đẹp dạy người, cởi bỏ oán thù, việc cân đong đo đếm phải công bằng chính xác.
Gần gũi với người đạo đức, xa lìa những kẻ hung tàn, tránh điều ác làm điều lành, làm lợi cho người và vật.
Hồi tâm hướng về đường tu đạo, ăn năn sửa chữa lỗi lầm, trong tâm chứa đầy điều lành, một suy nghĩ ác cũng đừng nghĩ tới.
Tất cả những việc lành phải tin ghi làm theo, có những việc tuy người không biết nhưng thần minh đã sớm nghe thấy.
*Nếu làm được những điều đã nói thì đạt được những kết quả tốt như sau:-
-Thêm phước đức, tăng tuổi thọ, con cháu nên người, tai nạn tiêu trừ bệnh hoạn giảm bớt, việc xấu chẳng đến với mình, người và vật đều an ổn, vận may sẽ đến luôn (cho mình).




Còn nếu giữ tâm ác, chẳng chịu làm việc lành, mà làm các việc xấu như :-
-Gian dâm vợ người, phá hoại gia cang kẻ khác, làm tổn thương danh tiết người khác, làm tổn hại công việc của người, chiếm đoạt tài sản người, xúi người thưa kiện nhau, tổn hại người để lợi cho mình, bản thân và gia đình mình được giàu có. -Trù ẻo trời oán trách đất, mắng gió chữi mưa, khi dễ thần thánh, làm hại người hiền, phá hủy tượng hình thần Phật, lạm sát chó trâu, vứt bỏ giấy tờ chữ nghĩa (tức sách vở) vào nơi dơ dáy.
-Coi thường người khác, chê bai việc thiện, ỷ giàu bức ép người nghèo, chia rẻ tình cốt nhục của người, gây sự hiểu lầm cho anh em (thân tộc) của người.
-Chẳng tín đạo chánh nghe theo kẻ gian, phạm tội gian dâm, ưa chuộng những việc xa xĩ giả dối, không tôn trọng sự cần kiệm siêng năng (mà lười nhác).
-Khinh khi ngũ cốc, chẳng đền đáp ơn người, có tâm khinh mạn (người khác) làm cho mình sa vào chỗ tối tăm (sa đọa), sử dụng cân già cân non và lít đong không đúng.
-Giả lập ra tà giáo, đê dụ người khờ, tạo niềm tin sai trái cho người, lén lút hành dâm với súc vật, khinh người ra mặt, che đậy điều mờ ám (của mình), nói những lời quanh co dối trá, công khai hại người hoặc lén lút hại người.
-Chẳng giữ đạo trời , chẳng làm cho người được an vui. Không tin vào việc báo ứng, rủ ren người làm ác.
-Chẳng làm chút điều lành mà toàn làm việc ác, kiếm cớ kiện thưa người, vu oan giá họa cho người, rình rập trộm cướp tài sản người.
-Bỏ thuốc độc gây bệnh ôn dịch hại người, làm cho người sanh ra ngu đần suy bại, hại người mất mạng tiêu tan nhà cửa, người nam thì trộm cắp, người nữ thì dâm đảng……
*Phải biết rằng:-

Việc báo ứng nếu gần thì bản thân gánh chịu, còn nếu xa thì con cháu phải mang.
Lúc nào cũng có thần minh kề bên giám sát, chẳng hở mảy lông.
Hai con đường thiện ác, điều họa phước phải biết cân nhắc kỹ, tin chắc rằng:-
"Làm lành thì nhất định được quả báo lành; Làm ác thì nhất định phải chịu quả báo ác".
Nay ta vì thương chúng sanh nên đem những lời hay đẹp giảng dạy cho, ai nấy nên cố gắng làm theo. Lời ta nói tuy ngắn ít, mà mang lại lợi ích cho các ngươi rất nhiều.
Nếu ai coi thường chê bai lời ta dạy dỗ, sẽ bị chặt đầu phân thây. Ai siêng năng trì tụng kinh nầy, được tiêu trừ những điều xấu, đón nhận những điều lành như là:- "Cầu con được con,cầu thọ được thọ, được công danh phú quí, tất cả đều thành,
Những điều mong muốn đều được như ý. Những tai họa đều tiêu tan như tuyết chảy, những việc lành tốt gom về như mây tụ,
Ai muốn hưởng phước, gắng nghe lời ta. Lời nói của ta vốn vô tư không bịa đặt, chỉ để giúp cho ai có tâm lành.
Nhất định mau mau làm lành, đừng hứa hẹn chờ đợi làm gì !
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 14.THẬP ĐIỆN DIÊM LA VƯƠNG .

## 十殿閻羅王

此十王各有不同的職司，分別審判亡者生前所犯的罪業，並施以刑罰。
1.- 一殿秦廣王：
專司人間壽夭生死冊籍，統管幽冥吉凶。鬼判殿居大海沃礁石外，正西黃泉黑路。凡善人壽終之日，是
有接引往生。凡勾到功過兩平之男婦，送交第十殿發放仍投人世，或男轉為女，或女轉為男，依業緣分別受報。凡惡少者，使入殿右高臺，名為孽鏡臺，臺高一丈，
鏡大十圍，向東懸掛。上橫七字，曰孽鏡臺前無好人，押赴多惡之魂。自見在世之心之險，死赴地獄之險。那時方知萬兩黃金帶不來，一生惟有孽隨身。入臺照過之
後，批解第二殿。用刑發獄受苦。
如有世人，不思天地生人父母養身，非同容易，四恩未報，不奉勾帖。擅自輕生，自刎自縊，服毒投水
等類。尋死者，除忠孝節義殉難為神之外，若因細小之忿恨，或因犯事發覺，其罪不到於死，或欲延害他人，而弄假成真，輕生氣絕。門灶諸神，即解本殿收入饑渴
各廠，每逢戌亥，悉如臨死痛苦，照樣現形。或七十日，或一二年之後。押魂歸附尋死之處，毋許受享羹飯紙帛。如知悔斂藏。不現形影驚人，妄尋替代，俟其遭累
人等。各無牽涉之日。門灶諸神，仍將鬼犯解到本殿，轉發第二殿，查校功過，從重加刑。另再遞交各殿發獄受苦，如有起此等心意，或將此等言語嚇詐。雖未至
死，即在世往日曾行善事。其諸獄亦概不准減免，凡輕生已死之後。若不斂形，致驚斃人者，即差青面獠牙鬼役，勾到各獄受苦，滿日發入阿鼻大地獄，永遠鎖弔，
不許超生，凡僧道得錢代人拜誦經懺，遺失字句頁卷者，至本殿發進補經所，各入黑暗斗室，內藏經懺，其遺失字句之處，概皆簽明補誦，設有燈盞，貯油數十斤。
只用細線一根燃火，或時時亮，或時黑暗。不能一氣即速補足。或係清修僧道貪求供養者，亦皆不免，如若在家男婦，自心自口，拜念一切經咒佛號，即有舛錯遺
失，重在誠心，而不重在字句。尼姑亦然，佛旨免補，每月初一載錄善籍。世人若於每二月初一日。向西至誠禮拜。將平素念佛及誦經咒暨持戒功德。發願往生極
樂。並立誓精進修特。宏法利生。壽終即蒙佛接引，往生極樂。



THẬP ĐIỆN DIÊM LA VƯƠNG .

(VUA DIÊM LA CỦA MƯỜI ĐIỆN)

Ở cõi Diêm La có mười vị vua cai quản, có nhiệm vụ và công việc khác nhau để xem xét người chết lúc còn sống trên thế gian đã phạm vào những tội lỗi gì mà có hình phạt thích đáng.

1. Nhứt Điện: Tần Quảng Vương cầm sổ sống chết.
2. Nhị Điện: Sở Giang Vương coi Đẳng Hoạt Địa Ngục
3. Tam Điện: Tông Đế Vương coi Hắc Thăng Đại Địa Ngục
4. Tứ Điện: Ngũ Quan Vương coi Chúng Hiệp Đại Địa Ngục
5. Ngũ Điện: Diêm La Vương coi Khiếu Hoán Địa Ngục
6. Lục Điện: Biện Thành Vương coi Đại Khiếu Hoán Địa Ngục
7. Thất Điện: Thái Sơn Vương coi Nhiệt Não Địa Ngục
8. Bát Điện: Bình Đẳng Vương coi Đại Nhiệt Não Địa Ngục
9. Cửu Điện: Đô Thị Vương coi A-Tỳ Địa Ngục.
10. Thập Điện: Chuyển Luân Vương cho đi đầu thai.

1.- Nhất Điện Tần Quảng Vương : (Tần Quảng Vương ở Điện thứ nhất).

Quản lý sổ sách ghi chép về tuổi thọ của con người, quản lý hết tất cả việc lành dữ của cõi U Minh. Cung điện của Ngài ở bên dưới tầng đá ngầm đáy biển, nằm về hướng Tây của hắc lộ suối vàng.

Nếu người chết là người có làm việc thiện, thì được tiếp dẫn vãng sanh ngay. Còn nếu người chết là nam hay nữ mà công tội ngang nhau, thì được đưa đến Điện thứ mười cho đi đầu thai, có thể nam chuyển thành nữ hay ngược lại, tùy theo nghiệp của mỗi người mà định. Nếu làm ác có ít, thì đưa vào một điện có đài cao, gọi là "Nghiệt kính (cảnh) đài". Đài nầy cao một trượng, xung quanh có kiếng, treo ở hướng Đông, trên biển có đề câu:- "Trước Đài Nghiệt Cảnh không người tốt". Hồn người chết sẽ thấy lại tất cả những việc mình đã làm khi sống, bao nhiêu tội lỗi đã gây tạo, nay phải chịu sa xuống Địa Ngục chịu sự trừng phạt. Lúc nầy thì dù "vàng ròng cũng khó đổi" được. Sau khi xem hết các tội lỗi rồi thì chuyển qua Điện thứ hai để thọ hình phạt theo tội đã gây ra.

*Như người lúc còn sống, chẳng kính trời đất, không nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ mà báo đáp, hỗn hào cãi lệnh cha mẹ, coi thường mạng sống, tự ải tự vẫn (thắt cổ tự tử), uống thuốc độc hoặc nhảy sông mà chết. Những người chết như thế, ngoại trừ do bảo vệ

trung hiếu tiết  nghĩa mà có hành động như vậy, tất cả người do vì sân hận, hoặc vì lý do không đáng mà tự tử, hoặc do muốn hù dọa người mà lộng giả thành chân … mà chết (thì đều phải chịu trừng phạt).
*Các vị thần Môn Táo (cửa và bếp) sẽ giải những hồn nầy vào điện để chịu sự đói khát, từ chập tối đến nửa đêm (giờ tuất và hợi)  phải chịu sự đau đớn sống chết. Hình phạt kéo dài hoặc 70 ngày hoặc hai, ba năm, rồi đưa hồn trở về quê quán để gặp vợ (chồng) con, nhưng không được hưởng cơm canh tiền bạc (do thân nhân cúng). Nếu người đó biết ăn năn tội lỗi thì không còn hiện những hình ảnh ghê sợ cho người , dọa nhát người đời nữa. Trải qua thời gian trừng phạt nầy rồi, thì thần Môn Táo lại giải xuống điện cũ để chuyển tiếp Điện thứ hai, tra xét công tội để áp dụng hình phạt thích đáng nơi ngục đó. Nếu khi sống có làm việc thiện thì có phần miễn giảm, còn toàn làm ác thì quỉ mặt xanh sẻ áp giải đến ngục khác chịu hình phạt, nếu quá nặng thì cho xuống đại Địa Ngục A-Tỳ, mãi mãi chịu hình phạt không cho tái sanh nữa.
Những kẻ khi sống làm nghề "thợ tụng ", tụng kinh cầu nguyện  cho người mà gian lận , bớt lời bớt chữ trong kinh (tụng nhận lớp) thì đưa sang "Bổ Kinh Sở" (nơi tụng kinh thêm cho đủ số). Nơi đây, có để kinh điển, thắp một cây đèn dầu leo lét, khi mờ khi tỏ không thể tụng đọc nhanh được. Mà khi tụng, bỏ sót một chữ sẽ bị quỉ sứ đánh đòn nên không dám sai trái. Những người nầy, dù ở thế gian thân nhân có rước bao nhiêu thầy đến hộ niệm đi nữa thì tội cũ vẫn không giảm được. Chỉ có trường hợp, chính người thân thiết đó, hết sức thành tâm tụng đọc, ra sức bố thí cúng dường, dù đọc kinh trì chú không hay miễn có đủ tâm thành thì có cảm ứng. Lúc ấy, vào sáu ngày lành mỗi tháng, sẽ có "Phật chỉ" đưa đến mà giảm tội cho. Muốn tránh khỏi hình phạt ở địa ngục, chỉ có cách là phát lòng thành ăn chay niệm Phật để cầu vãng sanh, lập thệ nguyện hoằng pháp lợi sinh , làm nhiều việc công đức …thì khi vãng sanh được Phật tiếp dẫn về Tây phương Cực Lạc mà thôi !
*Vào ngày mùng 1  tháng hai (là ngày vía của Nhất Điện Tần Quảng Vương) , ăn chay tụng kinh sám hối, phát nguyện và thực hành làm lành sẽ được Ngài phù hộ.

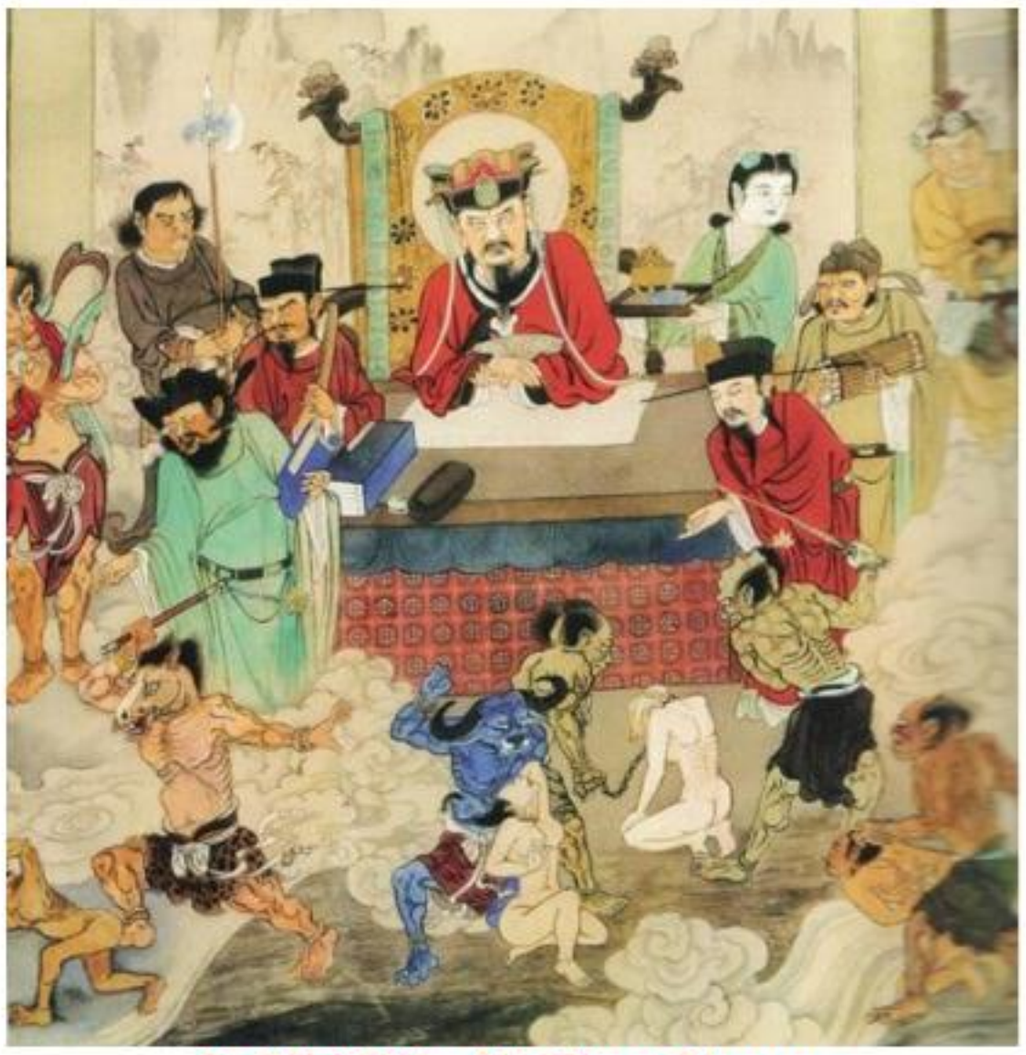
## 2.- 二殿楚江王

司掌大海之底。正南沃燋石下活大地獄。另設以下十六小地獄：

1·黑雲沙小地獄。
2·糞尿泥小地獄。
3·五叉小地獄。
4·饑餓小地獄。
5·燋渴小地獄。
6·膿血小地獄。
7·銅斧小地獄。
8·多銅斧小地獄。
9·鐵鎧小地獄。
10·幽暈小地獄。
11·雞小地獄。
12·灰河小地獄。
13·斫截小地獄。
14·劍葉小地獄。
15·狐狼小地獄。
16·寒冰小地獄。

陽世如犯拐騙少年男女，欺佔他人財物，損壞人耳目手足。指下不明醫藥取利，不放贖壯年婢女，凡議姻親，貪圖財勢，隱匿年歲。他家說合未定之先，確知或男或女，實有惡疾姦盜等項，含糊不以實告。誤人終身者，查核事犯多寡，年分深淺，有

無延害變端，即令猙獰赤髮等鬼推入大獄，另發應到何小獄受苦。滿期轉解第三殿，加刑發獄。世間男婦，常將玉歷說與世人知警，或玉歷鈔流傳。及見人有病者，醫藥相助，貧難者予粥，或施錢救濟多人者，並悔前非，准照功過兩平之例，餘罪勿論，勾到之日即交第十殿，發放投生人道。如能愛惜眾生，不妄殺害，訓勸兒童，勿傷昆蟲，於三月初一日，誓願戒殺放生者，命終免入諸獄。亦即交第十殿發放往生福地。



2.- Nhị Điện Sở Giang Vương

(Sở Giang Vương ở Điện thứ hai)

*Ngục nầy nằm ở đáy biển, dưới tầng đá ngầm phía chính Nam, gọi là địa ngục Đẳng Hoạt . Gồm có 16 địa ngục nhỏ như sau:-

1 · Hắc Vân Sa Tiểu Địa Ngục . (cát mây đen)
2 · Phẩn Niệu Nê Tiểu Địa Ngục . (phẩn , nước tiểu, bùn)
3 · Ngũ Xoa Tiểu Địa Ngục . ( cây chĩa năm răng)
4 · Cơ Ngạ Tiểu Địa Ngục . (đói )
5 · Tiêu Khát Tiểu Địa Ngục . (khát)
6 · Nùng Huyết Tiểu Địa Ngục . (chảy máu tươi)
7 · Đồng Phủ Tiểu Địa Ngục . (búa đồng)
8 · Đa Đồng Phủ Tiểu Địa Ngục . (nhiều búa đồng)
9 · Thiết Khải Tiểu Địa Ngục . (giáp bằng sắt)
10 · U Lương Tiểu Địa Ngục . (tối tăm)
11 · Kê Tiểu Địa Ngục . (gà cắn mổ)
12 · Hôi Hà Tiểu Địa Ngục . (tro than, sông nước)
13 · Chước Tiệt Tiểu Địa Ngục . (chặt cắt)
14 · Kiếm Diệp Tiểu Địa Ngục . (kiếm bén)
15 · Hồ Lang Tiểu Địa Ngục . (chồn sói)
16 · Hàn Băng Tiểu Địa Ngục . (băng lạnh)

*Người thế gian phạm vào tội lừa gạt thiếu niên nam nữ, buôn bán trẻ em, cưỡng đoạt thân thể đoạt tài sản của chúng, không rành nghề hốt thuốc cho người làm tổn hại đến mắt, lỗ tai, tay, chân của họ, không tha đày tớ gái già, tham cầu lợi lộc mà làm mai mối hôn nhân, dấu

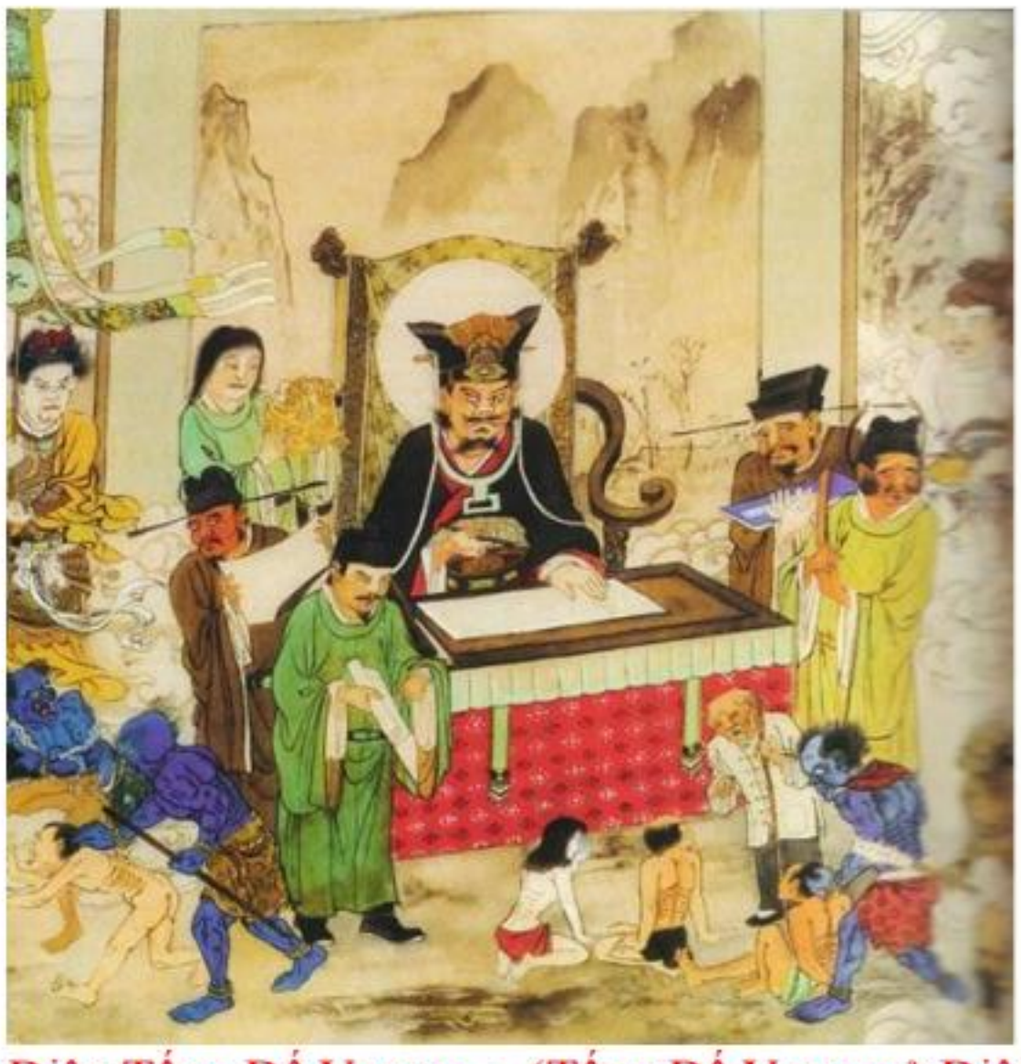
giếm (khai gian)  tuổi tác, đến nhà người sanh sự, nam nữ làm điều dối gian, nói không thật lời. Phạm tội loạn luân. Làm quan ăn của hối lộ…
Những người nầy khi chết, sau khi ở Nghiệt Cảnh Đài đã tra ra tội phạm nhiều ít, thời gian phạm lâu mau, có cố ý hay vô tình …thì cho quỷ tóc đỏ răng nanh dẫn đi đến địa ngục nhỏ tương ứng để thọ tội. Thí dụ như:- Phạm tội loạn luân, bị cắt (thiến) thận, làm quan tính kế đảo điên, ăn hối lộ, bị nhốt trong hỏa xa, đêm vắng toan mưu dối, bị cát mây đen đè mình, xúi trẻ thơ lầm lỗi bị cầm trong ngục giá lạnh. Mãn kỳ thọ tội nầy thì chuyển sang ngục thứ ba để định tiếp.
Người nào trên thế gian thường biết nói điều hay trong kinh Ngọc Lịch để giáo hóa người khác hoặc ấn tống kinh điển giúp người giác ngộ; thương yêu chúng sinh, dạy dỗ điều lành tốt cho trẻ em, không tàn hại côn trùng,  bố thí thuốc men cho người bệnh, bố thí cơm cháo cho người nghèo đói, bố thí tiền bạc để cứu giúp người nghèo khổ, biết ăn năn tội lỗi đã lỡ gây tạo thì được miễn trừng phạt nơi ngục nầy, mà đưa thẳng xuống Điện thứ mười để đầu thai kiếp khác.
*Vào ngày mùng một tháng ba, ăn chay, phát nguyện thực hành làm lành, hành hạnh phóng sanh, thì được Ngài Nhị Điện Sở Giang Vương phù hộ.

3.-三殿宋帝王：

司掌大海之底，東南沃燋石下，黑繩大地獄，亦另設十六小地獄：

1·鹹鹵小地獄。
2·麻繯枷紐小地獄。
3·穿肋小地獄。
4·銅鐵刮臉小地獄。
5·刮脂小地獄。
6·鉗擠心肝小地獄。
7·挖眼小地獄。
8·鏟皮小地獄。
9·刖足小地獄。
10·拔手腳甲小地獄。
11·吸血小地獄。
12·倒弔小地獄。
13·分髓小地獄。
14·蛆蛀小地獄。
15·擊膝小地獄。
16·瞗心小地獄。

陽世為人，不思君德最大，民命為重，膺位享祿者，不堅臣節，不顧民命，士庶見利忘義，夫不義，妻
不順，應愛繼與人為子嗣，曾受恩惠，及得過財產，負良歸宗歸支者，奴僕負家主，書役兵隸負本官管長，夥伴負財東業主，或犯罪越獄及軍流逃遁，因管押求人具保，負累官差親屬等事者，久途而不懺悔，雖作善，發入各重受苦不免，如犯講究風水，阻止殯葬，造墳掘見棺，不即罷墾換穴，有損骨殖，倫漏錢糧，遺失宗親墳塚，誘人犯法，教唆興訟，寫作匿名揭帖退婚字據，捏造契議書札，收回錢債券據，不註不掣套描花押圖記，添改帳目，遺害後人等事件者，查對事犯輕重，使大力鬼役進入大獄，另發應至何重小獄受苦。受滿轉解第四殿，加刑收獄。世人若於二月初八日，誓願戒而不犯，即准轉發，免進各獄受苦。



3.- Tam Điện Tống Đế Vương : (Tống Đế Vương ở Điện thứ ba)

Ngục nầy nằm dưới tầng đá ngầm hướng Đông Nam đáy biển, tên gọi là "Hắc Thằng Địa Ngục" (dây đen). Có tất cả 16 địa ngục nhỏ như sau:-

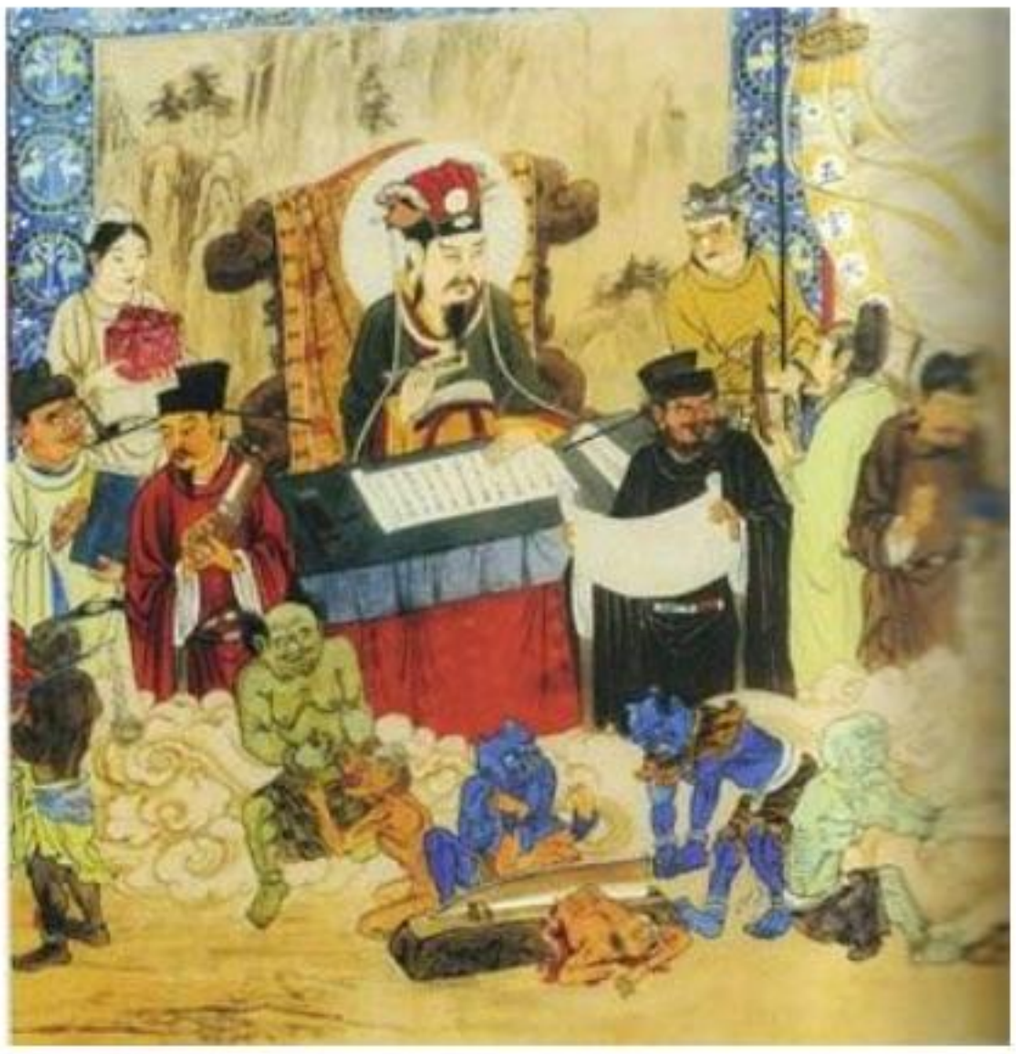
1 · Hàm Lỗ Tiểu Địa Ngục . (muối mặn)
2 · Ma Hoán Già Nữu tiểu Địa Ngục . (gông xiềng)
3 · Xuyên Lặc Tiểu Địa Ngục . (xỏ gân)
4 · Đồng Thiết Quát Kiêm Tiểu Địa Ngục . (đồng sắt nạo gò má)
5 · Quát Chi Tiểu Địa Ngục . (nạo chảy mỡ)
6 · Kiềm Tễ Tâm Can Tiểu Địa Ngục . (đóng vào tim gan)
7 · Oát Nhãn Tiểu Địa Ngục . (móc mắt)
8 · Sản Bì Tiểu Địa Ngục . (phanh da)
9 · Nguyệt Túc Tiểu Địa Ngục . (cắt chân)
10 · Bạt Thủ Cước Giáp Tiểu Địa Ngục . (rút móng tay chân)
11 · Hấp Huyết Tiểu Địa Ngục . (hút máu)
12 · Đảo Điếu Tiểu Địa Ngục . (treo ngược rút lên)
13 · Phân Tuỷ Tiểu Địa Ngục . (xẻ xương tủy)
14 · Thư Chú Tiểu Địa Ngục . (ăn giòi bọ)
15 · Kích Tất Tiểu Địa Ngục . (đánh vào đầu gối)
16 · Bà Tâm Tiểu Địa Ngục . (bóp trái tim)

*Người lúc còn sống khi làm quan, chẳng nghĩ ơn đức lớn lao của vua (đất nước) , mạng sống người dân là quan trọng, chỉ biết hưởng thụ lợi lộc mà không làm tròn bổn phận, chẳng màng dân chúng khổ sở đói rét. Người dân thường thì thấy lợi bỏ quên ân nghĩa, chồng bất nghĩa, vợ chẳng hòa thuận, làm con nuôi của người thọ lãnh ân huệ của họ mà vì muốn chiếm đoạt tài sản sanh ra vong ân bội nghĩa, đày tớ mà phụ ơn chủ nhà, binh lính phụ ơn của người chỉ huy, công nhân phụ ơn nghĩa của giám đốc, hoặc phạm tội vượt ngục hoặc quân nhân đào ngũ, không làm tròn chức trách của trên giao phó…Phạm những lỗi trên mà không chịu sám hối thì tuy có làm điều lành đi nữa cũng không bớt được tội cũ (phải có sự ăn năn sám hối mới được)

Thêm nữa, những vị thầy phong thủy coi xem nhà cửa mồ mã cho người, học không đến nơi đến chốn, làm sai lệch mà lấy tiền người. Hoặc đào mồ cuốc mã thiên hạ, chiếm đất nghĩa địa. Hoặc dụ dỗ người làm việc phi pháp.
Giết người lấy của, đi săn bắn, bị cọp xé thây, gian dâm vợ người, sửa chữa giả mạo giấy tờ, người có chuyện di chúc, gởi gắm mình mà mình không chịu thực hiện, đốt phá nhà cửa người, đòi nợ xiết của người khác, làm sách giả nguy hại đời sau…
Sau khi tra xét tường tận, sẽ cho Đại Lực Quỷ đưa vào tiểu ngục thích ứng chịu trừng phạt theo tội lỗi đã làm. Thọ hết hình phạt, lại chuyển sang ngục thứ tư để tra xét tiếp.
*Ngày mùng tám tháng hai, ăn chay phát nguyện và thực hiện việc làm lành, tụng kinh sám hối nếu lỡ gây ra những tội đã nêu trên , thì sẽ được Ngài Tam Điện Tống Đế Vương hộ trì miễn giảm tội khiên.

## 4.- 四殿五官王：

司掌大海之底。正東沃燋石下合大地獄。亦另有十六小地獄：
1·汚池小地獄。
2·蝵鍊竹籤小地獄。
3·沸湯澆手小地獄。
4·掌畔流液小地獄。
5·斷筋剔骨小地獄。
6·堰肩刷皮小地獄。
7·鎖膚小地獄。
8·蹲峰小地獄。
9·鐵衣小地獄。
10·木石土瓦壓小地獄。
11·劍眼小地獄。
12·飛灰塞口小地獄。
13·灌藥小地獄。
14·油荳滑跌小地獄。
15·刺嘴小地獄。
16·碎石埋身小地獄。
世人漏稅，抗糧，賴租，用重秤，合假藥，賣著水米，用假銀，欠數錢，賣油粉釉綾，刮漿布疋衣褲，
路遇蹩廢老幼，不即讓行，暗佔鄉民及老幼肩販便宜，受託寄帶家書，不速交付，竊取街路砌就磚石，及晚夜燈內油燭，窮不安分守己，富不憐老恤貧，如有告貸，
先已允借，至期空覆致令誤事，見人有病，家藏藥食，吝不付給，良方秘不傳授，煎過藥渣，或碎碗料器等物，潑置街路，無故養驢馬諸獸，尿糞妨礙行人，故意荒蕪田地，損壞他人牆壁，咒詛魘魅，造言驚嚇等事者，查核事犯之大小，令鬼卒推入各大地獄受苦。另再判發何小地獄受苦，滿日送解第五殿察核。
世人若於二月十八日，誓悔不再犯者，免入本殿諸獄，如鈔玉歷全卷，或續加古今因果報應事件於各殿章句之後，化人為善，遺傳後世，使觀見者從此改悔，他能免過汝亦暗裡有功。



4.- Tứ Điện Ngũ Quan Vương : (Ngũ Quan Vương ở Điện thứ tư)

Ngục thứ tư nằm ở dưới tầng đá ngầm biển, ở về hướng Đông. Ngục nầy có tên là "Chúng Hiệp Địa Ngục" (đối xử với người) .Có 16 tiểu ngục là:-

1 · Thạch Trì Tiểu Địa Ngục . (ao có bờ vách bằng đá)
2 .- Miêu Luyện Trúc Tiêm Tiểu Địa Ngục . (rớt xuống bàn chông tre)
3 · Phí Thang Nhiễu Thủ Tiểu Địa Ngục . (nước sôi)
4 · Chưởng Bạn Lưu Dịch Tiểu Địa Ngục . (trấn nước)
5 · Đoạn Cân Dị Cốt Tiểu Địa Ngục . (cắt gân)
6 · Yển Kiên Loát Bì Tiểu Địa Ngục . (xẻ vai lột da)
7 · Toả Phu Tiểu Địa Ngục . (căng da)
8 · Tồn Phong Tiểu Địa Ngục . (ngồi trên mũi nhọn)
9 · Thiết Y Tiểu Địa Ngục . (áo sắt)
10 · Mộc Thạch Thổ Ngoã Áp Tiểu Địa Ngục . (gạch ngói đá đè)
11 · Kiếm Nhãn Tiểu Địa Ngục . (dùng kiếm khoét mắt)
12 · Phi Hôi Tắc Khẩu Tiểu Địa Ngục . (nhét tro bịt miệng)
13 · Quán Dược Tiểu Địa Ngục . (rót thuốc)
14 · Du Đậu Hoạt Trật Tiểu Địa Ngục . (đi đường đổ dầu trơn trợt cho té )
15 · Thích Chuỷ Tiểu Địa Ngục . (đâm vào miệng)
16 · Toái Thạch Mai Thân Tiểu Địa Ngục . (đá đè chôn thân)

*Người sống ở thế gian mà trốn sưu lậu thuế, không nộp tô tức, dùng hai cái cân để gian lận, lường thưng tráo đấu, bào chế thuốc giả, bán gạo ẩm mốc, xài tiền giả, tráo xén bớt tiền, bán dầu bột quá hạn, may vá ăn xén vải vóc, cho vay ăn lời quá vốn, đi đường gặp người già tàn tật không nhường bước, bắt người khác phục dịch quá đáng, nhận thư tín tin tức người nhờ chuyển mà không sớm chuyển giao, lăn cây đá chặn đường đi, lấy trộm dầu thắp đèn đường, nghèo mà không chịu siêng năng làm ăn lại chê trách người, giàu mà không cứu giúp kẻ khó, giả bộ đi mượn tiền để người khác khỏi mượn mình, làm bộ đói rách để xin của người, thấy người khác bệnh nhà mình có thuốc (sách , bài thuốc hay) mà không cho, dấu diếm thuốc gia truyền để làm giàu, chăn nuôi súc vật đổ phân, nước tiểu ra đường làm hôi thúi

người đi đường, đổ rác rến ra giữa đường đi, trù ếm làm hại người, bỏ cha mẹ trốn lánh tự tử, bỏ hoang ruộng đất, làm cây cối ngã sập nhà, tường người, phách lối mắng nhiếc người … Sau khi tra xét kỹ, tùy theo tội lỗi mà đưa vào địa ngục thích ứng để chịu sự trừng phạt khổ sở, mãn hạn chuyển sang Địa ngục thứ năm để tra xét tiếp.
*Những người còn sống ở thế gian, vào ngày mười tám tháng hai, ăn chay tụng kinh sám hối tự hứa không tái phạm những lỗi trên nữa.Tự mình hoặc góp phần vào việc ấn tống kinh sách như Ngọc Lịch, Kinh Nhân Quả … để cảm hóa chúng sanh,cho họ biết làm lành lánh dữ, thì được Ngài Tứ Điện Ngũ Quan Vương phù hộ và miễn giảm tội cũ trót lỡ gây ra.

## 5.- 五殿閻羅王：




閻羅王曰：吾本前居第一殿，因憐屈死，屢放還陽伸雪，降調司掌大海之底東北沃燋石下，叫喚大地
獄，並十六誅心小地獄。凡一切鬼犯，發至本殿者，已經諸獄受罪多年，即有在前四殿，查核無甚大過，每各按期七日，解到本殿，亦查毫不作惡。屍至五七日，未有不腐者也，鬼犯皆說在世尚有未了善願，或稱修蓋寺院橋樑街路，開河淘井，或集勸善書章未成，或放生之數未滿，或父母尊親生養死葬之事未備，或受恩而未報答，種種等說，哀求准放還陽，無不誓願。必做好人，吾聞之曰。汝等，昔時作惡昭彰，神鬼知你，今船到江心補漏遲，可見陰司無怨鬼，陽間少怨人。真修德行之人，世間難得。今來本殿鬼犯，照過孽鏡，悉係惡類，毋許多言，牛頭馬面，押赴高臺一望可也。所設之臺，名曰望鄉臺，面如弓背，朝東西南三向，灣直八十一里，後如弓絃，坐北劍樹為城，臺高四十九丈，刀山為坡，砌就六十三級，善良之人，此臺不登，功過兩平，已發往生。只有惡鬼，望鄉甚近，男婦均各能見能聞，觀聽老少語言動靜，遺囑不遵，教令不行，凡事變換，逐件改過，苦掙財物，搬運無存，男思再娶，婦想重婚，田產抽匿，分派難勻，向來帳目，清揭復濁，死欠活的難少分文，活欠死的奈失據證，彼此胡賴，搪塞不遜，一概舛錯，盡推死人，三黨親戚，懷怨評論，兒女存私，朋友失信，略有幾個，想念前情，撫棺一哭，冷笑兩聲，更有惡報。男受官刑，婦生怪病。子被人嬲，女被人淫，業皆消散，房屋火焚，大小家事，倏忽罄盡，作惡相報，非獨陰魂，凡鬼犯聞見之後，押入叫喚大地獄內。細查曾犯何惡，再發入誅心十六小地獄受苦，小地獄內，各埋木樁，銅蛇為鍊，鐵犬作墩，綑壓手腳，用一小刀，開瞠破腹，鉤出其心，細細割下，心使蛇食，腸給狗吞，受苦滿日，止痛完膚，另發別殿。
１·割取不敬鬼神猜疑有無因果報應等心小地獄。
２·割取殺害生命等心小地獄。

3·割取善願未完諸惡先行等心小地獄。
4·割取近邪悖謬習術妄想長生等心小地獄。
5·割取欺善怕惡恨他人不速死亡等心小地獄。
6·割取計較移禍等心小地獄。
7·割取男子行強圖謀姦淫婦女喪貞引誘曲從貪戀有無謀害等心小地獄。
8·割取損人利己等心小地獄。
9·割取慳吝勿顧生死緩急等心小地獄。
10·割取偷盜昧賴等心小地獄。
11·割取忘恩報怨等心小地獄。
12·割取好鬥賭勝牽連延累等心小地獄。
13·割取騙誘惑眾等心小地獄。
14·割取狠毒教唆已未能害等心小地獄。
15·執取嫉善妒賢等心小地獄。
16·割取執迷不改誹謗等心小地獄。
凡世人不信因果，阻行善事，借名往廟拈香，論說人非，燒燬勸善書章，拜拜食葷，厭惡人念佛誦咒，
作佛事不齋戒，謗誹釋道，識字人不肯將古今報應勸世等文，念誦婦幼人等聽知，刨掘他人墳塚，填平滅跡，縱火延燒山林，疏防家丁，失火延燒居鄰，攀弓射箭放彈，誘逼疾病瘦弱人賭力，隔牆壁拋擲瓦石傷人，河蕩藥魚，放鳥槍，做造絲網，黏竿，蹈籠，鹽鹵灑草地，死貓毒蛇等物不深埋，害人起掘，犯土喪命，冬凍春寒，懇掘地上，折墻更灶，私僭官銜，勢佔民地，填井塞溝，如犯前項等事者，赴過望鄉臺，發入叫喚大地獄。受苦之後，應該割碎其心者，押交各層小獄判發。受滿轉解第六殿，查對有無他罪，如世人在生不犯前項等事，或曾犯過，於正月初八日，齋戒誓不再犯者，不獨本殿各獄之刑可免，並准咨第六殿輕減刑罰。除殺生害命，近邪悖謬，男子淫毒婦女，婦人貪淫悍妒，損他人名節者，偷盜昧賴，忘恩報怨，及在生執迷，見聞勸善章句，不即改悔者，概不輕減。



5.- Ngũ Điện Diêm La Vương ：(Diêm La Vương ở Điện thứ năm)

*Vua Diêm La nói rằng:-“Trước đây ta ở Điện thứ nhất, vì thương hại người chết, than thở là chưa làm tròn nguyện ước, ta cho họ hoàn dương sống lại để làm cho xong, nên bị Thượng Đế điều sang cai quản ở đây. Ngục nầy tên là ngục "Khiếu (Kiếu) Hoán" (kêu la rên xiết), nằm dưới tầng đá ngầm đáy biển ở hướng Đông bắc.Có tất cả 16 Tiểu Địa Ngục đều gọi là "Đẳng Tâm" (chặt đứt trái tim)

Những phạm nhân trước khi đưa đến đây đều trải qua thời gian thọ tội nhiều năm ở ngục khác. Nơi ngục thứ tư, việc tra xét không quá bảy ngày rồi chuyển sang đây, để khai thêm về những việc không làm ác lúc còn sống. Phần lớn, các hồn quỷ thường khai rằng :- "Trên thế gian chưa làm xong nguyện vọng như xây cất chùa viện, đào giếng vét sông, làm chưa xong việc ấn tống kinh điển khuyến thiện, hoặc phóng sanh chưa xong, hoặc chưa lo xong việc chuẩn bị hậu sự cho song thân, hoặc mang ơn chưa kịp đền đáp, xin cho được trở về để hoàn thành tâm nguyện, hẹn chẳng sai lời, hứa sẽ làm người tốt". Ta nghe như thế, bèn nói:-“Các ngươi, lúc trước có làm ác hay không , quỷ thần đã biết, hãy thành thật nhận tội đi. Nếu cõi âm ty không có quỷ oán hận thì lúc ở dương gian là không có người oán hờn. Người tu hành chân chính ở thế gian không có nhiều đâu. Nay đã đến đây, ta sẽ cho xem ở Nghiệt Cảnh thì biết hết sự thật rồi, đừng nói nhiều lời nữa !". Nói rồi, ta sai ngưu đầu mã diện giải phạm nhân đến “Đài Vọng Hương” để nhìn về quê xưa của họ. Đài nầy cong như cây cung, có ba mặt đông, tây và nam. Chiều cong dài tám trăm mười dặm, còn phía bắc thì có một rừng kiếm làm thành trì. Đài nầy cao bốn mươi chín trượng, có núi đao tua tủa. Bậc thang có sáu mươi ba cấp. Những người lương thiện thì khỏi bắt lên đài nầy, người công và tội bằng nhau thì được cho đi đầu thai. Chỉ có những kẻ làm ác thì phải lên mà thôi. Lên trên đài nầy rồi, thì sẽ thấy quê nhà kế bên, người thân nói gì cũng nghe thấy. Nghe được những lời con cháu tranh giành của cải tài sản, không chịu thực hiện di chúc, không thực hiện lời dặn dò trăn trối. Kế thấy những cảnh thay đổi sau khi mình chết, sự vật khác xưa, mỗi mỗi đều thay, chẳng còn gì là của mình. Người thân là chồng thì muốn cưới vợ khác, người thân là vợ thì muốn lấy chồng khác, con cái thì tranh nhau tài sản, đánh lộn đánh lạo, chữi măng nhau. Bà con thân thiết và bạn bè cũng chẳng ai nhớ đến mình, con cái nheo nhóc khổ sở v.v… Thấy những cảnh ấy rồi, những hồn người chết la khóc inh ỏi, dập đầu bứt trán , nhào lộn tức tối, đau khổ muôn phần… Như thế rồi lại nhìn thấy tiếp những cảnh tượng người thân bị trả quả báo (của mình gây ra) như là:- trai bị bắt giam, nữ thì sanh quái thai, con trai bị dụ dỗ sa đọa, con gái bị gian dâm. Sự nghiệp của mình bị tiêu tan, nhà cửa bị cháy rụi, tất cả trong nhà đều bị tiêu sạch… khi ấy quỷ hồn hối hận ăn năn thì đã quá muộn.

Sau đó, cho trở về trong điện để tra xét tiếp rồi tùy theo tội lớn nhỏ nhiều ít lâu mau … mà đưa đến các Tiểu Địa Ngục để chịu sự trừng phạt. Trong các Tiểu Địa Ngục nầy, có các cọc gỗ nhọn, chó sắt rắn đồng, gông xiềng tay chân. Quỷ dùng con dao nhỏ, mổ một đường ở bụng, vạch bày ra trái tim, cắt xẻ ra từng miếng để ném cho rắn ăn, ruột thì cho chó ăn. Chịu sự trừng phạt một ngày, thì chỗ mổ lành lại, đem giam vào ngục để mai hành hạ tiếp. Các Tiểu Địa Ngục là:-

1 ·người chẳng kính quỷ thần, không tin vào nhân quả sẽ đưa vào Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
2 ·giết hại sinh vật cũng cho vào Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
3 ·có lời vái nguyện mà chưa cúng trả lễ:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
4 ·theo học tà thuật mong cầu được trường sinh:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
5 ·hận người trù rủa cầu cho người mau chết:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
6 ·mưu tính kế hại người :- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
7 ·người nam mà dụ dỗ người nữ vào con đường thất tiết:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
8 ·làm việc tổn hại người lợi mình:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
9 ·bỏn xẻn tiếc nuối tài vật mà chẳng màng sống chết:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
10·nuôi nấng người rồi cho đi ăn trộm:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .

11.-lấy oán báo ân:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
12·đam mê cờ bạc táng gia bại sản:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
13·lường gạt người:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
14·dùng lời nói sai quấy xúi bảo người làm bậy:-Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
15·có tâm ganh ghét người hiền:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .
16·hay mắng nhiếc người:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục .



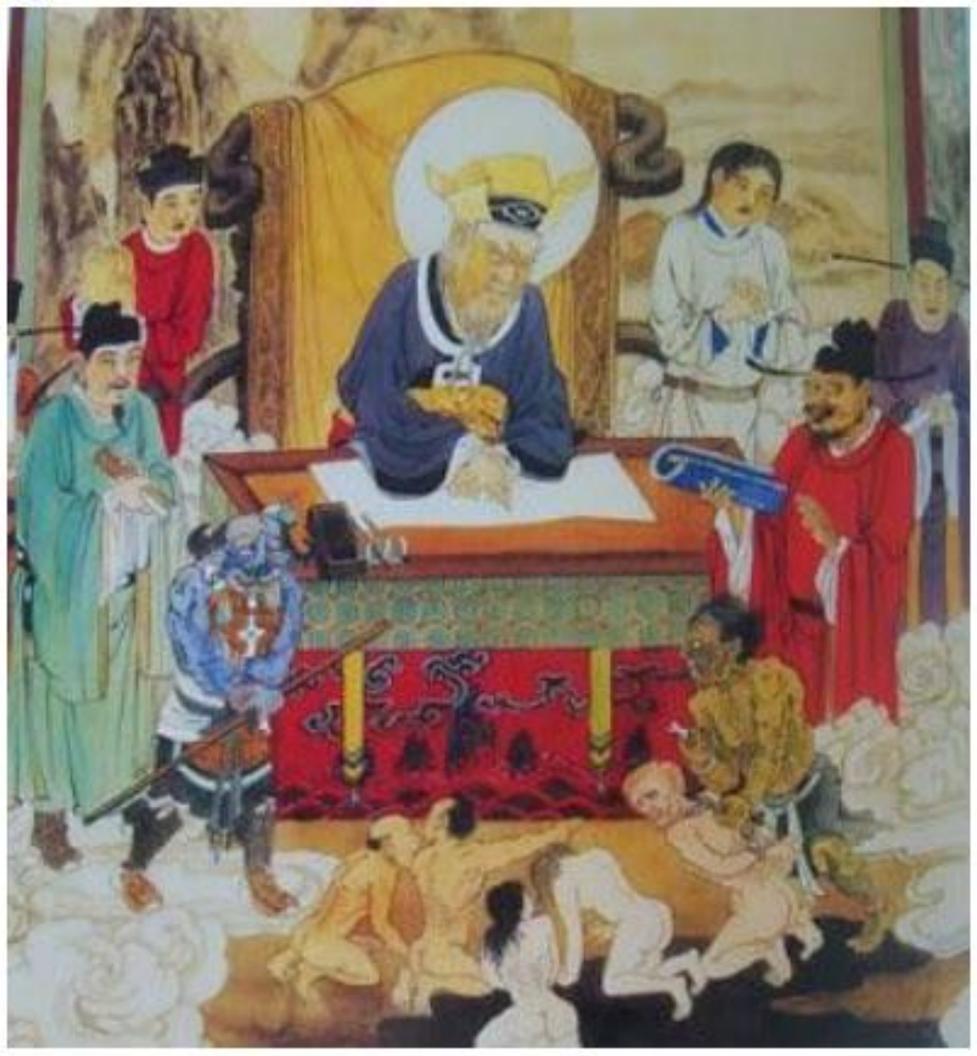
*Những người không tin nhân quả, cản trở người làm việc lành, mượn tiếng đi chùa miếu dâng hương để xúi biêu người làm quấy, thiêu đốt kinh sách dạy người làm lành, xúi người phá giới, ngăn cản người làm ác biết ăn năn sám hối, biết đạo mà không giữ giới, phỉ báng Phật, chẳng chịu nghe theo lời dạy đạo tu hành, mà còn xúi bảo người khác đi vào đường sai quấy như mình, đào mồ cuốc mã người khác, thiêu đốt rừng núi, cho gia đình di chuyển trước rồi đốt nhà phá xóm giềng, dùng cung tên súng đạn bắn lén người, bức ép người khác khiến họ rầu rĩ mà sanh bệnh, ném đá , gạch ngói lên mái nhà người, dùng thuốc độc hại cá, giăng lưới bắt chim, dùng muối tưới cây cỏ chết, thả rắn rít độc trùng làm hại người đến chết, giả mạo chức tước để hại người, chiếm đoạt nhà đất người, lấp giếng ngăn chận mương rãnh phá hoại nhà người …
Những kẻ phạm vào những tội lỗi trên, cho lên Vọng Hương Đài để xem hết những tội đã phạm cùng hậu quả báo ứng, rồi cho vào địa ngục Khiếu Oán, để họ tự ăn năn dày vò, đau khổ, khóc than một mình. Kế đó mới tùy theo tội mà chuyển đến Tiểu Địa Ngục thích ứng mà hành tội tiếp. Thọ tội xong, chuyển đến Điện thứ sáu để tra xét tiếp.
Những người khi còn sống không phạm những tội đã nêu hoặc lỡ phạm mà vào ngày mùng tám tháng giêng, ăn chay tụng kinh sám hối, phát thệ không tái phạm, thì được miễn hình phạt ở ngục thứ năm nầy, chuyển sang ngục thứ sáu xem xét.
Nhưng người phạm vào các tội:- giết người hại con vật lớn, theo bè đảng tà ngụy, gian dâm phụ nữ, bắt ép vợ người phải thất tiết, nuôi người trộm cắp, những kẻ lấy oán báo ân, những người si mê chấp chặt không chịu ăn năn sửa đổi, thì không được tha thứ miễn giảm.

## 6.- 六殿汴城王：

司掌大海之底。正北沃燋石下。大叫喚大地獄。另設十六小地獄：
1·常跪鐵砂小地獄。
2·屎泥浸身小地獄。
3·磨摧流血小地獄。

4·鉗嘴含鍼小地獄。
5·割腎鼠咬小地獄。
6·棘網蝗鑽小地獄。
7·碓搗肉漿小地獄。
8·裂皮暨擂小地獄。
9·銜火閉喉小地獄。
10·桑火陫烘小地獄。
11·糞汙小地獄。
12·牛雕馬躁小地獄。
13·緋竅小地獄。
14·錣頭脫殼小地獄。
15·腰斬小地獄。
16·剝皮揎草小地獄。

世人怨天尤地，憎惡風雷冷熱晴雨，對北溺便涕泣，偷竊神佛裝塑法身內藏，刮取神聖佛金，妄呼神
諱，不敬惜字紙經書，寺塔庵觀前後，潑積穢物，供奉神像，廚灶不潔，不戒食牛犬肉，藏貯悖謬淫書，毀塗勸善書章器皿，雕刻太極圖日月七星，及和合二聖，王母壽星，各上仙佛形相，繡織卍字花樣，在於一切衣服器用，僭服龍鳳衣裙，作賤五穀，囤米望昂者，俱發入大呼喚大地獄。查出所犯事件，應發何小地獄受苦，滿日轉解第七殿，再查有無別惡。凡人在陽間，於三月初八日，持齋誓願，今後不敢再犯，並能每逢五月十四十五十六日，十月初十日，戒不交媾，立願輾轉勸戒者，
准免以上諸小地獄受苦。



6.- Lục Điện Biện Thành Vương : (Biện Thành Vương ở Điện thứ sáu)

*Ngục nầy nằm dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng chính Bắc, tên là "Đại Khiếu Hoán", nghĩa là tội nặng hơn, bị hình phạt năng nên khóc la lớn tiếng hơn ngục thứ năm. Có 16 Tiểu Địa Ngục là:-

1 · Thường Quị Thiết Sa Tiểu Địa Ngục . (cát bằng sắt bắn vào người làm té ngã)
2 · Thỉ Nê Tẩm Thân Tiểu Địa Ngục . (tẩm thân thể bằng phân, nước tiểu)

3 · Ma Tồi Lưu Huyết Tiểu Địa Ngục . (mài ép cho chảy máu)
4 · Kiềm Chuỷ Hàm Châm Tiểu Địa Ngục . (ngậm kim châm ,kẹp miệng)
5 · Cát Thận Thử Giảo Tiểu Địa Ngục . (cắt thận cho chuột ăn)
6 · Cức Võng Huỳnh ToảnTiểu Địa Ngục . (nằm trong lưới gai bị trùng độc cắn đốt đau đớn)
7 · Đối Đảo Nhục Tương Tiểu Địa Ngục . (cối quết thân thể nát bầm)
8 · Liệt Bì Kỵ  Lôi Tiểu Địa Ngục . (lột da căng phơi)
9 · Hàm Hoả Bế Hầu Tiểu Địa Ngục . (lửa đốt trong cổ họng)
10 · Tang Hoả  Phí Hồng Tiểu Địa Ngục .(lửa đốt cháy thân)
11 · Phẩn  Ô Tiểu Địa Ngục . (ăn phân)
12 · Ngưu Điêu Mã Thao Tiểu Địa Ngục . (trâu đạp ngựa dậm)
13 · Phi Khiếu Tiểu Địa Ngục . (oằn oại rên la)
14 · Táng Đầu Thoát Xác Tiểu Địa Ngục . (đập đầu cho chết)
15 · Yêu Trảm Tiểu Địa Ngục . (chém ngang lưng)
16 · Bác  Bì Tuyên Thảo Tiểu Địa Ngục . (lột da phơi trên cỏ)

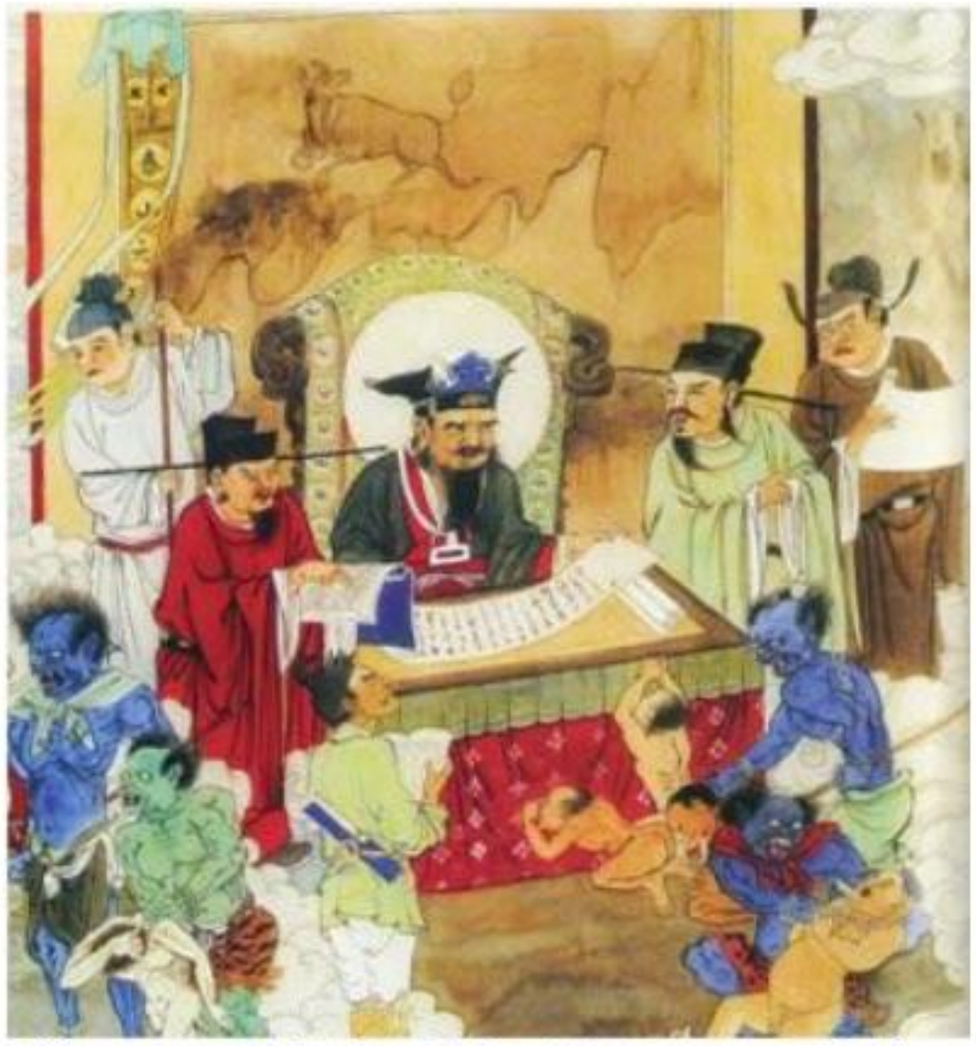
*Những người khi còn sống, chữi mắng trời đất, chữi gió mắng mưa, chê nóng trách lạnh, phá hủy hình tượng thần Phật, ăn cắp của cải chùa miếu, xưng thần thánh gạt người, chẳng kính trọng kinh sách, đem đồ dơ bẩn đổ gần chùa miếu, làm ô uế chùa miếu, cúng tế thần Phật bằng những đồ nấu nướng không tinh khiết, chẳng chịu kiêng cử thịt trâu chó, chứa dấu những sách vở đồi bại, phá hủy sách vở khuyến thiện, phá hủy tượng bát quái, tượng thần thánh tiên Phật, kêu tên thần thánh không chút dè dặt, hủy hoại ngũ cốc, ăn uống bỏ mứa. Đầu cơ tích trữ để làm giàu…

Những tội trên đều bị trừng phạt ở ngục Đại Khiếu Hoán nầy, sau khi tra xét kỹ lưỡng thì cho đến những tiểu địa ngục thích ứng mà chịu sự trừng phạt, tiếng kêu la vang trời dậy đất, sự đau đớn khổ sở kể sao cho xiết. Thí dụ như:- bê vựa chờ giá lúa cao mà bán, để người nghèo chịu đói (bế địch trợ hoang), hoặc là gian giảo ngược ngang, bị hành bàn chông nhọn. Chửi gió mắng mưa, kêu tên Thần Thánh chẳng chút kiêng vì ,bị cột trói ngược mà cưa xẻ cắt lưỡi. Hành tội mãn hạn thì chuyển giao cho Ngục thứ bảy xem xét tiếp.




*Người nào lỡ phạm tội, biết ăn năn cải hối, vào ba ngày, 15, 16 tháng 5 , phải giữ giới kiêng phòng sự,  ăn chay tụng kinh sám hối, thệ nguyện không tái phạm, gắng làm lành chuộc tội… thì sẽ được Ngài Biện Thành Vương cứu xét miễn giảm tội.

## 7.- 七殿泰山王：



司掌大海之底。西北沃燋石下，熱惱大地獄。另設十六小地獄：

1·搥恤自吞小地獄。

2·冽胸小地獄。

3·笛腿火逼坑小地獄。

4·枒權抗髮小地獄。

5·犬咬脛骨小地獄。

6·燠痛哭狗墩小地獄。

7·則頂開額小地獄。

8·頂石蹲身小地獄。

9·端鴿上下啄咬小地獄。

10·務皮豬拖小地獄。

11·弔甲足小地獄。

12·拔舌穿腮小地獄。

13·抽腸小地獄。

14·騾踏貓嚼小地獄。

15·烙手指小地獄。

16·油釜滾烹小地獄。

凡在陽世，煉食紅鉛陰橐人胞，酗酒悖亂，浪費無度，搶奪略誘略賣，盜取棺內衣飾，取死屍骨殖為
藥，離散他人至戚，將養媳賣與他人為婢妾，任妻溺女，悶死私孩，朋賭分財掉帛，
師長教導不嚴，誤人子弟，不顧輕重上下，拷打門徒婢僕致令暗傷得病，魚肉鄉
里，裝醉違悖尊長，枉口嚼舌，尖酸搬鬥，變生事端者，逐細查明，在此熱惱大地獄
內提出，發交何重小獄受苦。滿日轉解第八殿收獄查治。人間服藥，何物不可取
用，將禽獸蟲魚，活活殺命而治病，已大壞其心矣，迺服紅鉛，及婦人陰中之橐，胞
膪之類，豈不更壞其心，但食此等穢物，則口舌與婦女之陰戶無異，雖在世多般
行善，若誦經咒，非獨無功，且有大罪，冥主斷難寬貸，凡聞此勸者，速宜戒之，只
有買放生靈百萬，或從今戒殺，每早漱口，念誦佛號，臨終必有淨孽使者，以燈
照除臭穢，得消前愆。人間有竊取被火燒死人骨，及私孩皮肉全身，製配合藥，并竊
死屍蠋髏骨殖，買賣為藥，更有逼偷成擔，堅實者，買賣為器具，枯鬆者，擂粉

燒窯等用，如是之人，在於陽世，即曾行有功於世之事，勾入陰司，其功別抵他過，本過冥王決不輕減，發入熱惱大地獄，或再發入何小獄受苦之後，應知照第十殿。發往為人之時，割去耳眼手足嘴唇鼻孔之類，使其殘缺一二件報之，如世人有犯過此等惡事者，即肯懺悔，永不再犯，若遇貧難死亡者，購買棺木，或勸助收殮多屍，其家灶神，在於勾使鬼役牌票之上，點一黑點，到時，准免此報。人間偶有荒歉之處，失食倒斃，且有尚未氣絕者，乃割其肉以作饅頭糕餅之餡，而賣與人食，心狠若是，凡割買賣人肉者，解到之時，冥王將犯發交各獄添受諸刑，痛苦四十九日，應請加刑之後，知照第十殿冥王註冊，轉知第一殿冥王，添列生死薄內，發生人道者，使為餓殍，畜生道者，使見穢棄之食，難得入嘴，而餓死報之，除將此等罪魂，不准抵免下世受報之外，凡有誤食之人，過後復食者，亦應報受下世為人，或為畜類，使其咽喉作腫，腹雖餓極飲食皆不能進而死，凡知覺而不復食者，情有可原。如遇歉歲，捐資賑濟，或煮粥施食，或將升合之米給貧，或設薑豆濃湯，在於要路，以救片時，若能令人得此種種實惠者，非惟此過全消，暗增今世現在之善報，更增來生之福壽，以上三條，係本殿文武各判會議二條，大獄使司，亦擬一條，各奏核入本殿議內，吾仍另錄係各判司獄之所擬，附奏天帝批准，照擬並載玉歷，通行各判司獄記名陞賞。復諭人間作孽之事，諸神固已逐件議擬，但尚有如軍政公務儀禮，私造各違禁等情，其未能盡悉者。概遵陽世，帝王國法所定律例，治罪之外，倘有逃躲。移累他人者，泣諭糾察速報等司，准訴顯應。欽遵欽此。世間男婦，若於三月二十七日，持齋北向，立誓懺悔，鈔傳全卷，勸化人間者，准免本殿諸苦。



7.- Thất Điện Thái Sơn Vương : (Thái Sơn Vương của Điện thứ bảy)

*Ngục nầy nằm ở dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng Tây bắc, tên là Địa Ngục Nhiệt Não (nóng bức đau đớn trong đầu). Gồm có 16 tiểu địa ngục là:-

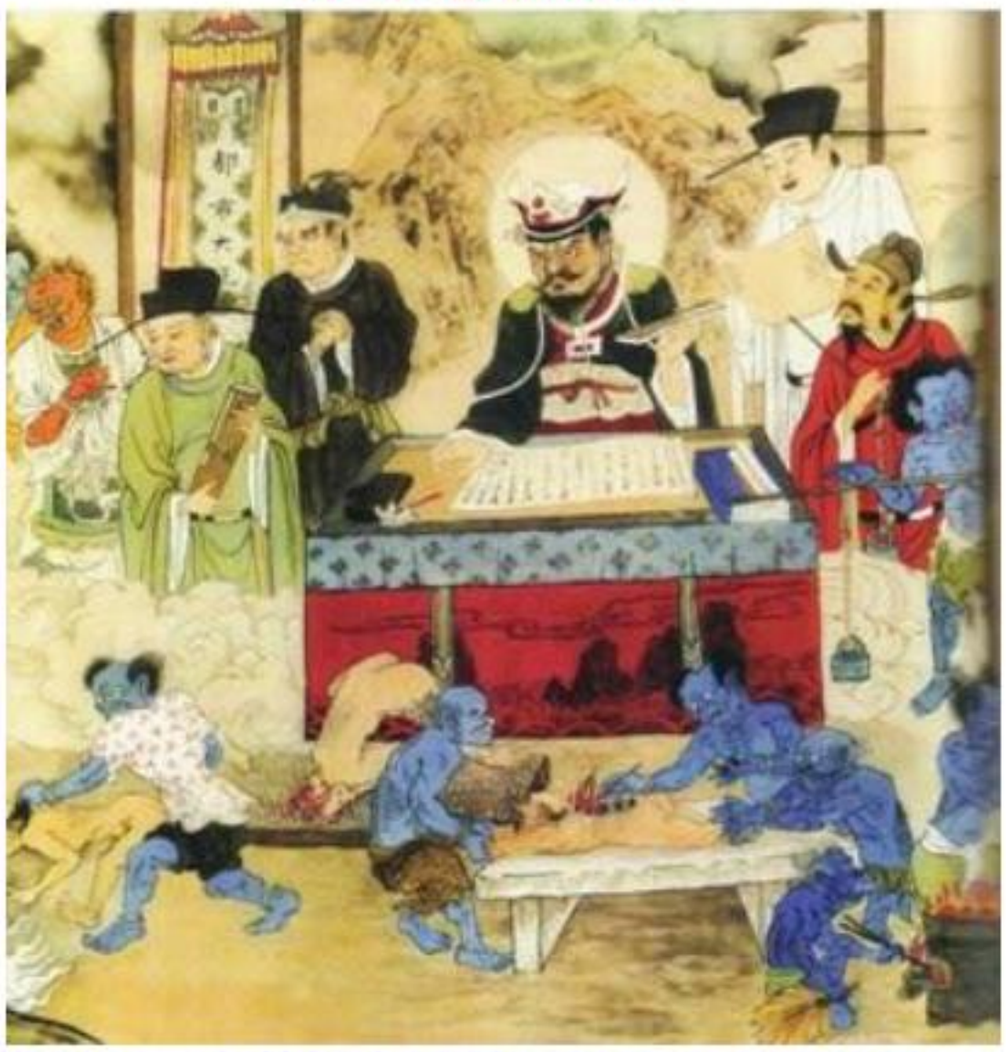
1 · Truỳ Tuất Tự Thôn Tiểu Địa Ngục . (tự ăn năn đau khổ)
2 · Liệt Hung Tiểu Địa Ngục . (rét lạnh ở ngực)
3 · Địch Thối Hoả Bức Khanh Tiểu Địa Ngục . (xẻo bắp vế ném vào lò lửa)
4 .- Xuyên quyền kháng phát Tiểu Địa Ngục . (đâm gò má, bứt tóc)
5 · Khuyển Giảo Hĩnh Cốt Tiểu Địa Ngục . (chó ăn xương đầu gối)
6 · Úc Thống Khốc Cẩu Đôn Tiểu Địa Ngục . (nhớ lỗi xưa khổ sở, bị chó nhai nuốt)
7 · Tắc Đỉnh Khai Ngạch Tiểu Địa Ngục . (đóng đinh đầu xẻ trán)
8 · Đỉnh Thạch Tôn Thân Tiểu Địa Ngục . (đá sập đè thân)

9 · Đoan Bảo Thượng  Hạ Trác Giảo Tiểu Địa Ngục . (chim dữ cắn mổ trên dưới)
10 · Vụ Bì Trư Đà  Tiểu Địa Ngục . (lột da như da heo)
11 · Điếu Giáp Túc Tiểu Địa Ngục . (rút móng chân)
12 · Bạt Thiệt Xuyên Tai  Tiểu Địa Ngục . (kéo lưỡi đâm xuyên qua má)
13 · Trừu Trường Tiểu Địa Ngục . (lôi ruột ra ngoài)
14 · Loa Đạp Miêu Tước Tiểu Địa Ngục . (lừa đạp mèo cắn)
15 · Lạc Thủ Chỉ Tiểu Địa Ngục . (cắt từng ngón tay)
16 · Du Phủ Cổn Phanh Tiểu Địa Ngục . (nấu chảo dầu sôi)
*Những người lúc còn sống, ăn uống bừa bãi, bỏ mứa phụng phí thức ăn, rượu thịt vô độ, nài ép người phải bán của cải cho mình, trộm cắp quần áo, dâu thây chết đê làm thuốc, làm ly tán thân thích của người, mua bán tì thiếp, hiếp đáp vợ con  đến chết, cờ bạc phá của, làm thầy dạy học trò không hết lòng, dạy điều sái quấy cho học trò, truy vấn đánh đập học trò quá ngặt khiến trò bị thương tích hay sinh bệnh, tham lấy của cải hàng xóm, bội bạc sư trưởng, già mồm lẽo mép cãi lẫy trấn áp người, xui giục bày biểu cho người ta tranh đấu lẫn nhau, hồ đồ không tra cứu kỹ lưỡng đã kết tội người khác… Tất cả những tội trên đều được tra xét cẩn thận ở ngục nầy, rồi tùy theo tội mà cho đưa vào ngụ nhỏ tương thích chịu sự trừng phạt. Xong, chuyển đến Điện thứ tám để tra xét tiếp.
Những người khi còn sống, lấy cớ làm thuốc để tàn sát loài vật chứ không chịu dùng thảo mộc làm thuốc. Đàn bà chế tạo món ăn mà sát hại quá nhiều sinh vật hay món ăn mà thú nửa sống nửa chết, cũng mang lấy tội nặng. Dù có làm phước khác. Mà không chịu ăn năn giảm bớt những việc sai trái nầy, cũng không được bỏ qua nghiệp tội trên. Phải làm những việc tạo công đức như:- phóng sanh, cứu người, bớt sát sanh, tụng kinh, niệm Phật, trì chú, khuyên người tu hành làm lành, ấn tống kinh sách khuyến thiện.. thì dù đã lỡ phạm tội nhưng khi chết, được các vị "Tịnh Nghiệt Sứ Giả" (làm thanh tịnh nghiệp tội đã tạo) dùng kiếng chiếu vào người đó, xóa bỏ nghiệp cũ, mới khỏi bị tội ở ngục thứ bảy nầy.
Những thầy  thuốc ở nhân gian dùng những thây chết do bị lửa cháy, lấy da thịt chế thuốc, hoặc cắt lấy xương, gân, gan, mật, đầu sọ của người mà chế tạo thành thuốc cao, thuốc bột mà buôn bán… Tội ấy không thể tha thứ ở ngục nầy, dầu có làm phước khác mà  không liên quan nghiệp nầy cũng không giải được. Diêm Vương cũng nhất định bắt vào địa ngục Nhiệt Não hành hình , chịu hết những hình phạt của các tiểu địa ngục. Thí dụ như:-
Bày biểu hay cho thuốc phá thai bị quăng lên núi lửa. Khinh khi Tam giáo bị chó phân thây. Nói tục tĩu bị cắt lưỡi. Đàn bà có chồng còn ngoại tình với trai bị đốt nấu trong vạc đồng.
Khi xong rồi, giao cho Ngục thứ mười để đi đầu thai. Nhưng kiếp đó, phải chịu những dị tật :- đui, què, mẻ,  sứt … trả đền tội cũ. Tuy nhiên, cũng có phương pháp để hóa giải bớt là, chân thành ăn năn sám hối, thệ nguyện không tái phạm, làm được những điều lành như  :- Thí tiền, thí thuốc, thí cơm cháo; Bắc cầu, sửa đường cho thiên hạ đi, Thí quan tài và đồ liệm, Nhiều năm bố thí cho người nghèo, dân đói; Cất chùa, sửa am; Hết lòng phụng dưỡng kính yêu cha mẹ, cần mẫn thuốc thang giúp người  khi bịnh hoạn…
*Khi làm được những việc trên, lúc quỷ sứ đến bắt hồn người chết, Định Phước Táo Quân thờ trong nhà người đó sẽ chấm một điểm vào tấm lệnh bài để xác nhận, thì sau nầy lúc xuống ngục sẽ được miễn giảm hình phạt.
Trên thế gian cũng có những người, vào những năm mùa màng thất bát, khắp nơi đói rách, họ cắt thịt người chết đem bán cho người khác ăn để sống, dã tâm ác độc vô cùng.Những người pham tội cắt thịt nầy, khi bị áp giải đến ngục thứ bảy nầy, Diêm Vương sẽ gia tăng hình phạt thêm lên. Mãn hạn hình phạt thống khổ 49 ngày rồi, sẽ được giải đến Điện thứ mười,ghi chú vào sổ sách, lại chuyển về Ngục thứ nhất để cho đầu thai làm người hoặc súc sanh, bụng lúc nào cũng đói muốn ăn, nhưng khi thấy đồ ăn thì có mùi hôi thúi, không dám ăn, chịu sự đói khát thường xuyên, để trả lại quả báo cũ.

*Những trường hợp lỡ phạm như thế rồi, thì phải hết sức lập công bồi đức chuộc tội, bằng cách bố thí cơm cháo cho người đói khổ những năm bị mất mùa, lập trai đàn chẩn tế cô hồn ngạ quỷ,bố thí cho người nghèo gạo thóc thuốc men thật nhiều. Lại phải thành tâm sám hối ăn năn, in ấn kinh sách khuyến thiện như Ngọc Lịch, Minh Thánh …để giúp người hiểu biết làm lành lánh dữ …thì khi chết mới được Diêm vương tâu lên Ngọc Đế xin miễn giảm tội . Như thế đủ biết, khi còn sống có thể che dấu để thoát vương pháp thế gian, nhưng khi chết rồi thì một mảy may cũng không thoát khỏi đền tội. Trong sách nói:- "Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu" (lưới trời tuy thưa mà khó lọt) là như vậy !

*Muốn sám hối những tội lỗi lỡ tạo như trên, vào ngày hai mươi bảy tháng ba , phải thành tâm sám hối, ăn chay tụng kinh, day mặt về hướng Bắc mà van vái cầu xin Ngài Thất Điện Thái Sơn Vương phù hộ độ trì cho bớt tội. Lại phải thệ nguyện không tái phạm, làm những điều lành đã nêu thì mới mong giảm được tội hình nơi ngục nầy.

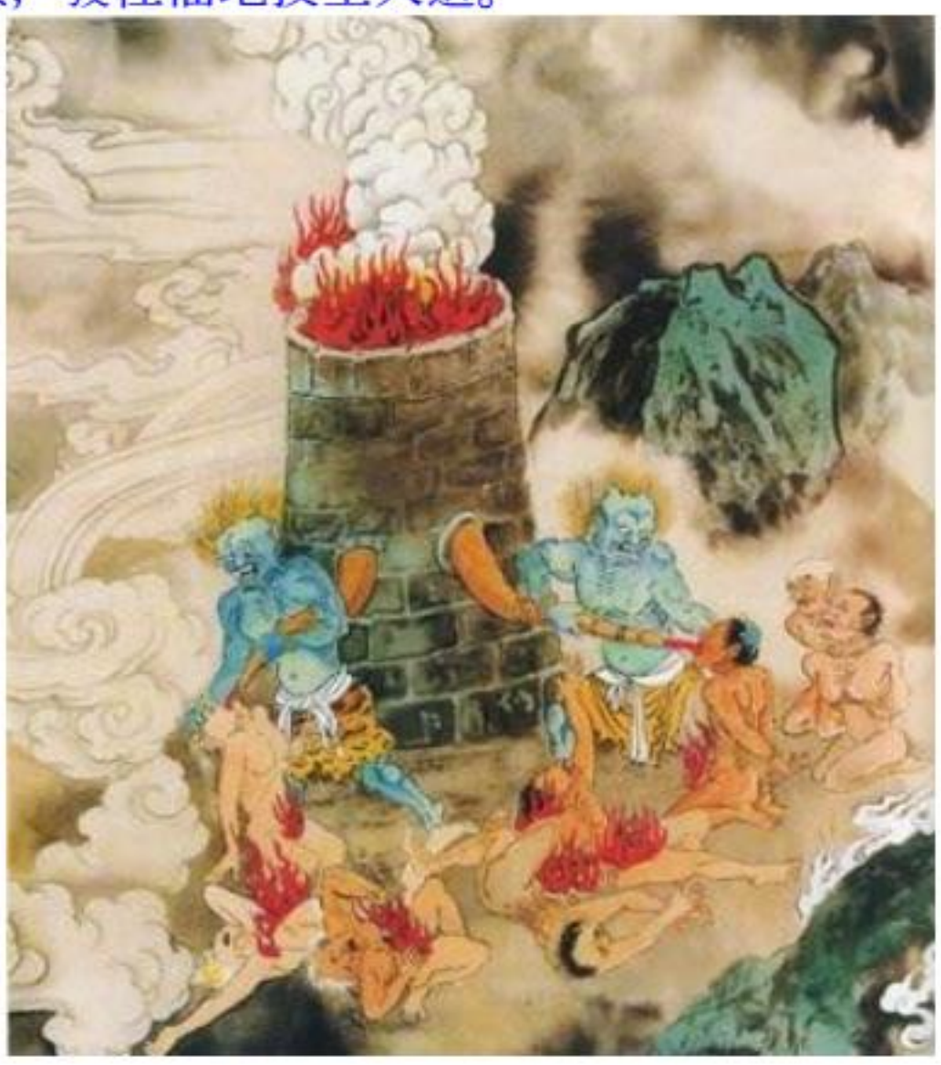
8.- 八殿都市王：



司掌大海之底正西沃燋石下，大熱惱大地獄。另設十六小地獄：

1·車崩小地獄。
2·悶鍋小地獄。
3·碎剮小地獄。
4·浑孔小地獄。
5·翦硃小地獄。
6·常圈小地獄。
7·斷肢小地獄。
8·煎臟小地獄。
9·炙髓小地獄。
10·爬腸小地獄。
11·焚膲小地獄。
12·開瞠小地獄。
13·剮胸小地獄。
14·破頂撬齒小地獄。
15·瓟割小地獄。
16·鋼叉小地獄。

世人若不知孝，親存不養，親歿不葬，使父母翁姑，有驚懼愁悶煩惱等心者，若不速悔前非，懵懂日
久，灶神先將此等男女，記名上奏，減除衣祿，聽任邪鬼隨身作祟，死後受過前殿各獄諸刑，解到本殿牛頭馬面，各卒倒拖鬼犯，擲入大獄受苦，再交各小獄分別加刑，受盡痛苦，解交第十殿轉劫所內，改頭換面，永為畜類。如有世間男女，遵信玉歷，輒悔前非，於四月初一日，誓改不犯，并可無論日月早晚，對向灶神立誓，
從今知改者，臨死本宅灶神，分作三等，或在額上寫一遵字，或一順字，或一改字，交勾使鬼卒，帶至第一殿起至第七殿，即犯他罪，悉皆減半，免解本殿受苦，即
交第九殿，經查無放火陰毒等事者，隨交第十殿分別發生人道，大帝加恩血諭，再若鈔傳玉歷，能使世間男婦人等知警者，自第一殿至第八殿各苦悉免，九殿再查，
如無過犯，即交第十殿，發往福地投生人道。



8.- Bát Điện Đô Thị Vương : (Đô Thị Vương của Điện thứ tám)

*Ngục nầy ở dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng chính Tây, tên là "Địa ngục Đại Nhiệt Não". Có 16 tiểu địa ngục là :

1 · Xa Băng Tiểu Địa Ngục . (xe cán)
2 · Muộn Oa Tiểu Địa Ngục . (nồi buồn rầu)
3 · Toái Quả Tiểu Địa Ngục . (nghiền xương)
4 · Lạo Khổng Tiểu Địa Ngục . (các lổ ra nước)
5 · Tiễn Chu Tiểu Địa Ngục . (kéo cắt thành miếng nhỏ)
6 · Thường Thanh Tiểu Địa Ngục . (chuồng nhốt)
7 · Đoạn Chi Tiểu Địa Ngục . (chặt tay chân)
8 · Tiễn Tạng Tiểu Địa Ngục . (xẻ các tạng phủ)
9 · Chích Tuỷ Tiểu Địa Ngục . (đâm lấy tủy)
10 · Bà Trường Tiểu Địa Ngục . (kéo ruột)
11 · Phần Tiểu Tiểu Địa Ngục . (coi lò)
12 · Khai Sanh Tiểu Địa Ngục . (bắt nhìn thẳng)
13 · Quả Hung Tiểu Địa Ngục . (đục thủng ngực)

14·Phá Đỉnh  Khiếu Xỉ Tiểu Địa Ngục . (đục đỉnh đầu, bẻ răng)
15·Trảo Cát Tiểu Địa Ngục . (cắt rút móng)
16·Cương  Xoa Tiểu Địa Ngục . (cây chĩa bằng gang)
*Những người khi còn sống trên thế gian không hiếu thảo với cha mẹ, lúc cha mẹ còn sống không nuôi dưỡng, lúc cha mẹ chết không lo tống táng. Thường gây ra những lo âu phiền muộn đau khổ cho cha mẹ ông bà, lâu ngày mà chẳng chịu hối cải. Táo Quân dâng sớ tâu lên thiên đình, giảm trừ bớt y lộc tuổi thọ của người đó. Những người nghe lời xúi biểu của tà đạo, làm những điều ác đức xằng bậy,  khi chết thì đứa con bất hiếu tới điện nào cũng bị hành phạt hoặc bị xay, cưa, đốt, giã, bị phanh rã tim gan, hoặc bị xe cán. Chứa xâu lường của, trù ếm, chửi rủa, đổ dơ giặt đổ rạch sông, uế trược đến chỗ thờ, phơi áo quần dơ không nể Tam quan v.v. . . bị xô xuống ao huyết phân (Huyết Ô Trì).. .. rồi thì đưa sang ngục thứ tám. Ngưu đầu mã diện và ngục tốt lại đưa vào ác tiểu ngục ở đây để trừng phạt tiếp, chịu đựng không biết bao nhiêu điều thống khổ, tiếng kêu khóc vang dậy gấp nhiều lần nên gọi là "đại nhiệt não". Thọ hình xong mới chuyển qua ngục thứ mười cho đi đầu thai làm súc sanh.
*Trường hợp người nào biết ăn  năn cải hối, tin tưởng vào Ngọc Lịch, Minh Thánh … vào ngày mùng một tháng tư , ăn chay, tụng kinh sám hối, thệ nguyện không tái phạm, được Ngài Đô Thị Vương phù hộ giúp đỡ. Lại đến trước bàn thờ  Táo Quân để cầu xin sám hối, thề không tái phạm, nguyện làm việc lành … Táo Quân sẽ xác nhận bằng cách, người đó khi chết, trước khi bị quỷ sứ dẫn đi, Táo Quân sẽ viết vào trán một trong ba chữ là:- "Tuân", "Thuận" hay "Cải". Như vậy, khi hồn người chết đến các điện từ thứ nhất đến thứ bảy, các vua Diêm La  sẽ giảm hình phạt một nửa hoặc hết.
*Trường hợp những người phát tâm mạnh mẽ, ra sức sao chép in ấn các kinh sách khuyến thiện với số lượng lớn, giúp được nhiều người hối cải làm lành, được công đức nhiều thì qua điện thứ chín tra xét không phạm thêm tội nào nửa, chuyển sang điện thứ mười cho đi đầu thai vào nơi phước địa.
*Công đức ân tông kinh sách rất lớn, người tu học cần nên lưu ý thực hành.

九殿平等王：



司掌大海之底。西南沃燋石下，阿鼻大地獄。密設鐵網。設十六小地獄：
1·敲骨灼身小地獄。
2·抽筋擂骨小地獄。
3·鴉食心肝小地獄。

4·狗食腸肺小地獄。
5·身濺熱油小地獄。
6·腦箍拔舌拔齒小地獄。
7·取腦蝟填小地獄。
8·蒸頭刮腦小地獄。
9·羊搐成鹽小地獄。
10·木夾頂鎈小地獄。
11·磨心小地獄。
12·沸湯淋身小地獄。
13·黃蜂小地獄。
14·蝎鉤小地獄。
15·蟻蛀熬眈小地獄。
16·紫赤毒蛇鑽孔小地獄。
人間凡犯陽世法者帝王制定刑法律例，如十惡中之極惡，應得凌遲斬絞處決，死後受過前各殿諸苦解到
本殿者及放火焚燒房屋，製蠱毒，揉肚胎，吸臍氣，耗童精，畫春宮，作淫書，合煉悶香迷啞墮孕等藥，如犯此等事件之人，自聞此玉歷章句，若即劈板燬稿，焚方息念，不傳邪術者，准免各苦，即交第十殿發放往生人道。如聞見此玉歷章句，仍作此等事件者，自第二殿受苦起，至本殿加刑，添設極刑。用空心銅柱，鍊其手足相抱，搧火焚燒燙燼心肝，遍受小獄諸刑之後，落足發入阿鼻大地獄。刀穿肺腑，自口含心，漸漸陷下獄底，受痛無休，直要到那被害者家家原業復舊，個個另投人身，所存畫作及鈔方，凡鬼犯親手置遺，及輾轉臨描鈔刻等物盡絕之後，方准提出此獄，解交第十殿。發生六道，世人如若未犯此等惡端，且肯於四月初八日，或於朔望齋戒立願，收買淫書，春宮邪術等集焚燬者，或鈔傳此玉歷，展轉勸化，至命終時，灶神於額端寫奉行兩字，自第二殿至本殿，凡有別件各罪考功輕減。如富貴者，肯能嚴拿放火兇徒，並搜淫書刻板，示禁招貼，及遺害人間等物者，准蔭現世子孫科甲綿綿，凡貧難孤老之人，若肯勉力，央倩鈔傳玉歷勸化者，准即送交第十殿，發往福地投生。



9.- Cửu Điện Bình Đẳng Vương ：(Bình Đẳng Vương của Điện thứ chín)

*Ngục nầy nằm dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng Tây Nam. Tên là "Đại Địa Ngục A-Tỳ"có lưới sắt bao quanh. Có 16 tiểu địa ngục là:-

1 · Xao Cốt Chước Thân Tiểu Địa Ngục . (đập xương gõ vào thân)

2 · Trừu Cân Lôi Cốt Tiểu Địa Ngục . (kéo gân giả xương)

3 · Nha Thực Tâm Can Tiểu Địa Ngục . (quạ ăn tim, gan)

4 · Cẩu Thực Trường Phế Tiểu Địa Ngục . (chó ăn ruột, phổi)

5 · Thân Tiễn Nhiệt Du Tiểu Địa Ngục . (dìm thân chảo dầu sôi)

6 · Não Cô Bạt Thiệt Bạt Xỉ Tiểu Địa Ngục . (đai siết quanh đầu, kéo lưỡi, kéo răng)

7 · Thủ Não Vị Điên Tiểu Địa Ngục . (lấy óc trét vào mình con nhím)

8 · Chưng Đầu Quát Não Tiểu Địa Ngục . (đốt đầu moi não)

9 · Dương Súc Thành Diêm Tiểu Địa Ngục . (dê chà xát thành bột)

10 · Mộc Giáp Đinh Sai Tiểu Địa Ngục . (kẹp gỗ siết đầu)

11 · Ma Tâm Tiểu Địa Ngục . (mài trái tim)

12 · Phí Thang Lâm Thân Tiểu Địa Ngục . (đổ nước sôi vào thân)

13 · Huỳnh Phong Tiểu Địa Ngục . (ong vàng chít đốt)

14 · Hạt Câu Tiểu Địa Ngục . (mọt đục thân thể)

15 · Nghị Chú Ngao Đam Tiểu Địa Ngục . (rang nướng giòn)

16 · Tử Xích Độc Xà Toản Khổng Tiểu Địa Ngục . (rắn độc tím , đỏ chui vào các lỗ trong người)

*Người khi còn sống làm những việc cùng hung cực ác, như tội thập ác , phải chịu sự trừng phạt theo phép nước như là xử chém, thắt cổ cho chết v.v… đã đành, khi chết lại còn phải trải qua sự hình phạt của nhiều địa ngục rồi cuối cùng là đến địa ngục A-Tỳ nầy.

Những tội nặng đó là:-

-Phóng hỏa đốt nhà cửa người, nuôi những loại trùng rắn độc để bào chế thuốc độc hại người, cho thuốc phá thai, dùng tà pháp thu hút dương khí người nam, âm khí người nữ … để luyện tà thuật. Viết những văn chương thi phú khêu gợi dục tình (dâm thư—sách khiêu dâm), bào chế các loại thuốc, thức uống làm cho người mê ghiền, sa đọa, khích dâm…

Hình phạt tội nhân ở các tiểu địa ngục như sau:-

*Vài thí dụ :- bớt xén tiền cất chùa, tiền in kinh, sửa ngay ra vạy, phản thầy bất trung bị quăng lên núi đao. Ăn thịt trâu chó, sát mạng vật vô cớ, bị quạ mổ. Phân rẽ vợ chồng, thân tộc của người, viết sách văn thơ khiêu dâm bị chó móc ruột ăn tim. Hãm hiếp hoặc dụ dỗ trẻ thơ mà ăn của bị xay ra bột…Tội bất hiếu:- cột bằng đồng nung đỏ, bắt phạm nhân trói ôm vào cột, tay chân mình mẫy đều cháy thành than v.v…

*A-Tỳ địa ngục là gì ?

Chữ A có nghĩa là không; chữ Tỳ có nghĩa là Cứu hay xen kẻ.

Cũng có nghĩa là Vô Gián. Nghĩa là không có thời gian. Ở đây có 5 nghĩa chính:

Thứ nhất là xả thân sanh báo không có thời gian, nghĩa là sinh rồi chết, chết rồi sinh không biết bao nhiêu lần ở trong địa ngục.

Thứ hai là thọ khổ mãi mãi không có niềm vui cũng không có thời gian nhất định.

Thứ ba là thời gian không hạn định, vì ở trong vô lượng kiếp số.

Thứ tư là mệnh sống (tuổi tác) không gián đoạn

Thứ năm là thân thể không gián đoạn. (không mất đi)

Địa ngục nầy ngang dọc 8 vạn do tuần, từ một người cho đến vô số người cũng đều chứa được đầy ắp trong đó.

Mỗi địa ngục còn có 4 địa ngục lớn nhỏ chung quanh nữa vây bọc. Khi chúng sanh ra khỏi một trong 8 địa ngục Vô Gián nầy rồi, thấy những địa ngục bên cạnh như nước lạnh mát mẻ, khởi tâm thích mới chạy vào đó; không ngờ đó là địa ngục thiêu đốt, địa ngục rang nướng,

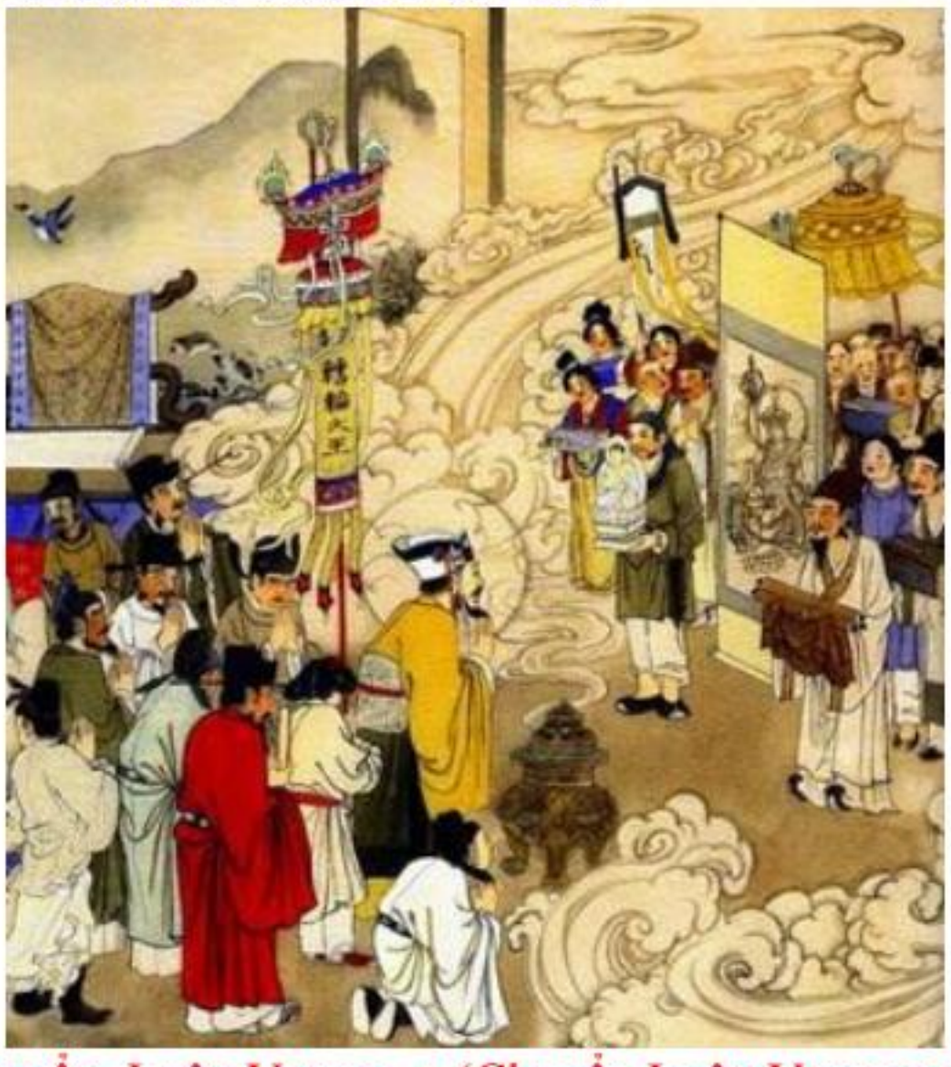
cưa xẻ….tội nhân cứ chết đi sống lại, rồi bị hành hình thọ quả. Nhiều khi muốn chết mà cũng không thể chết được. Vì quả báo thọ chưa xong.
*Những kẻ phạm tội như dưới đây vào Vô gián Địa Ngục: Kẻ bất hiếu với cha mẹ, cho đến giết hại cha mẹ. Kẻ đâm chém Phật đổ máu, hủy báng Tam bảo, chẳng kính Tôn Kinh, phá hoại sự hòa hợp của chư Tăng. (gọi là tội ngũ nghịch).
*Kế đến, nhẹ hơn một chút là những kẻ xâm lấn tổn hại chùa chiền, làm ố uế tăng ni, hay ở trong nhà chùa mà dâm dục hoặc giết, hại nhơn vật. Kẻ giả bộ thầy tu, chẳng có tâm thầy tu, dùng phá đồ vật của cải nhà chùa, lường gạt người tại gia, làm trái giới luật, tạo ra rất nhiều tội ác. Kẻ ăn trộm ăn cắp của cải, đồ đạc, lúa gạo, thức ăn uống, quần áo của nhà chùa, người ta không cho mà cũng lấy v.v… không vào ngục vô gián nhưng phải chịu sự hình phạt ở hai ngục :- nóng và lạnh, sau khi thân bị lửa thiêu còn bị đoạ thân qua nơi cực lạnh ,gió lạnh thổi như dao cắt toàn thân chịu thống khổ không thể tả.
*Muốn giảm phần nào hình phạt sau nầy, những người trót lỡ phạm tội nặng (trừ tội ngũ nghịch đã kể trên) phải hết sức thành tâm ăn năn hối cải, ăn chay, tụng kinh sám hối, thu hồi và hủy bỏ tất cả những sản phẩm, phương tiện sai trái đã làm , ấn tống thật nhiều kinh điển khuyến thiện, giúp người cãi dữ làm lành, cứu mạng nhiều người, bố thí cơm ăn, áo mặc, thuốc men trị bệnh cho nhiều người nghèo đói khổ sở v.v…rồi vào ngày mùng tám tháng tư, vái nguyện với Ngài Bình Đẳng Vương ở Điện thứ chín xin sám hối tội lỗi đã tạo, nhiều năm làm như vậy, sẽ được giảm bớt hình phạt ở các tiểu địa ngục và miễn qua địa ngục lạnh. Những người không rơi vào ngục vô gián thì sau khi chịu hình phạt lâu dài ở ngục thứ chín nầy, chuyển qua ngục thứ mười cho đi đầu thai làm kiếp thú, mãn trăm kiếp thú rồi mới được làm người. Nhưng làm người cô độc, bị bỏ rơi, nghèo khổ, đói khát triền miên, sống tạm bợ lây lất cho đến mãn kiếp (nghĩa là chỉ đở hơn địa ngục một chút thôi, gọi là dư báo). Nhiều kiếp như thế, nếu biết ăn năn sám hối tu hành thì mới được chuyển dần đến chỗ có phước đức.

十殿轉輪王：



殿居幽冥沃燋石外，正東直對世界五濁之處，設有金銀玉石木板奈何等橋六座，專司各殿解到鬼魂。分
別核定，發往四大部洲何處，該為男女壽夭富貴貧賤之家投生者，逐名詳細開載，每月彙知第一殿，註冊送呈酆都，陰律凡胎卵濕化，無足兩足四足多足等類，死就
為覺，輪推磨轉，或年季生死，或朝生暮死，翻覆變換，為不定殺，為必定殺之類，概令轉劫所內，查較過犯，分發各方受報，歲終彙解酆都。凡陽世讀易儒士，誦
經僧道，勾至陰司，念誦聖經咒語，致諸獄不能用刑。使受苦報者，解到本殿，逐名註載，并繪本來面目，名曰墮落生冊，押交孟婆尊神（酉區忘臺）下。灌飲迷

湯，派投人胎，轉世死於腹中，或生一二日，或生百十日，或一二年促死，使忘三教真言之後，第一殿，加差厲卒，勾到各獄查察前惡，補受苦報，凡解到功過兩平，及已受苦滿，功少過多等魂，酌定為男女妍醜安勞，發往何方富貴貧賤之家者，即交（酉區忘臺）下本殿點名發放，往生人道中。屢有婦女哀求，供稱有切齒之仇未報，甘為餓鬼，不願做人，妍詢情由，多係閨女，或係貞潔之婦女，因被讀書中之惡少，或貪姿色，或圖財物，裝盡風騷諸般投好，計誘成姦，誑云未有妻妾，誓必央媒聘娶，或有甜騙婢女，娶納為妾，或有謊許養老其婦，或允撫養伊前夫之子女等情事不等，誤被計騙，癡心順從，失節相贈之後，耽延日久，反出惡言揚醜，致令父兄知覺，親鄰鄙賤，冤無可伸，羞忿尋死，或得鬱症而亡者，聞知負心賊子，今科該中，此恨難消，號泣求准索命等情，細查事果真實，但該生陽壽，尚未該終，并伊有祖父之餘德未滅，本殿姑准婦女搴票，魂入科場，阻惑違式，更換榜上之名，再俟應絕之日，准同勾死鬼進門索命，仍在第一殿查核判斷。世人若於四月十七日，誓立信心，遵奉玉歷知警行事，常將以上諸語向人談說者，來生發往陽世為人，不受鄙薄，不遭官刑水火傷體等項之災。



10.- Thập Điện Chuyển Luân Vương : (Chuyển Luân Vương của Điện Thứ mười)

*Điện thứ mười ở dưới tầng đá ngầm của cõi U Minh, về phía chính Đông đối với thế giới ngũ trược (trọc) nầy.
*Có tất cả là sáu loại cầu Nại Hà:- cầu làm bằng vàng, bạc, ngọc, đá, gạch, cây. Điện thứ mười là nơi nhận những quỷ hồn của các điện khác chuyển đến. Sau khi thẩm định phước phần của mỗi hồn, sẽ cho đi đầu thai vào các nơi tương xứng, theo các tình trạng :- nam hay nữ, giàu hay nghèo, sang hay hèn, khôn hay ngu, thọ hay yểu v.v… Mỗi tháng, các điện sẽ chuyển giao một lần các quỷ hồn đến đây. Việc thọ sanh (đi đầu thai ) nầy rất chi tiết, tỉ mỉ, phức tạp như là :- đường nào trong bốn đường thai, noãn, thấp, hóa; như loài vật thì có loài không chân , hai chân , bốn chân hoặc nhiều chân. Có loài thì tự chết, có loài thì bị giết chết… Việc đúc kết rất cẩn thận vì tầm quan trọng lớn lao của nó. Kết quả sẽ ghi kỹ lưỡng cho mỗi quỷ hồn để đưa đến Phong Đô đầu thai.
Thí dụ như:-
*Người không kính giấy chữ (sách kinh thánh hiền), rủ nhau ăn thịt trâu chó, phạt làm ăn mày. Không kính người lớn, chẳng vâng lời phải, thầy dạy học trò không tốt bị người vô cớ

nói xấu, khinh khi.Người hay nói ra nói vô, xúi người kiện cáo, trước đã bị hình phạt xô xuống cầu Nại Hà cho rắn cua ăn thịt, nay đầu thai thành người bị vu cáo lãnh án tù đày… Những nhân sĩ khi sống mà biết ăn chay làm lành, tụng kinh niệm Phật, trì chú v.v… khi khi chết, dược miễn giảm rất nhiều hình phạt ở các ngục.

Những quỷ hồn sau khi thọ hình xong ở các Điện, Điện thứ mười tổng kết xong, lập danh sách chi tiết rồi chuyển họ đến "Dậu khu vong đài" (ăn cháo lú quên quá khứ) của Mạnh Bà Tôn Thần . Kế đó mới cho đi đầu thai tùy theo phước nghiệp cân xứng của mỗi người.

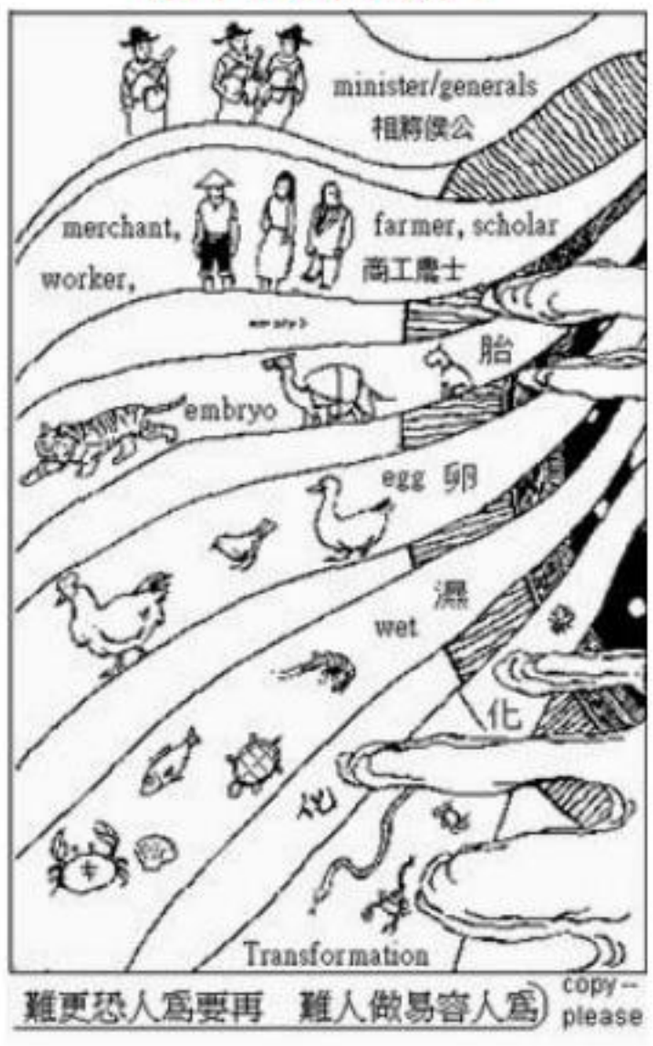
Trường hợp có những hồn ghi nhớ mãi những câu chân ngôn thần chú của Tam Giáo, nhưng không đủ phước báu vãng sanh, mà không thể quên được quá khứ thì cho đi đầu thai tạm thời, chỉ sống một thời gian ngắn, hoặc một hai ngày, hoặc vài tháng vài năm …phải chết lần nữa, trở lại "vong đài" uống thuốc mê cho thật quên hết chân ngôn rồi mới đi đầu thai chính thức.

Cũng có những trường hợp những người mang mãi mối thù hận quá sâu sắc, không chịu đi đầu thai, chấp nhận kiếp ngạ quỷ để theo đòi báo ứng cho xong, mới chịu tái sanh.

Những trường hợp như vậy cũng có rất nhiều vì khi tại thế, đã gây tạo cho nhau quá nhiều hệ lụy, nào là phụ tình, nào là vong ân bạc nghĩa, nào là bị lường gạt đến nổi táng gia bại sản, nào là thù hận ganh ghét chức vụ mà hại nhau, nào là bị áp bức quá đáng… họ đã phát thệ "nhớ mãi không quên" nên phải đi vào con đường quanh co đau khổ nầy. Cho nên biết , "oán thù nên cởi không nên buộc, chẳng những có lợi ngay trong đời nầy, mà còn đở khổ cho lúc tái sanh đời sau". Nhân gian ráng ghi nhớ !

*Khi còn sống, phải nên tự mình làm lành rồi nên khuyên bảo thân nhân, bè bạn, người xung quanh chung sức làm lành. Giúp đỡ, tương trợ nhau; bố thí cơm áo gạo tiền thuốc men cho người nghèo khổ. Sao chép, ấn tống kinh sách khuyến thiện giúp người giác ngộ lánh dữ làm lành. Bản thân phải lo tu học cho tốt, ăn chay, tụng kinh, niệm Phật… làm việc thiện không hề lười mỏi. Vào ngày mười bảy tháng tư, vái nguyện Ngài Thập điện Chuyển Luân Vương gia trì thêm phước phân ở kiếp sau.

第十殿轉劫所：




轉劫所週圍上下，俱是鐵柵，內分八十一處，逐處皆有亭臺，判吏設案記事。柵外另有羊腸細路，十萬

八千條，盤曲灣通四大部洲。其內暗如煤漆，使覽道死生進出此路，外則望入亮如水

晶，絲毫畢露，判派吏役，輪班把守，進出均各仍照初生本來面目分辨無差，凡司此所之判吏，悉係在世孝友，并戒殺放生之善人，送入此所，查辦輪迴轉劫等事。辦過五載，如無舛錯，加級調陞，如有怠惰，或擅專主，不同合所判吏妥議辦理發放或失察漏逃隱匿者，奏請降貶。凡有在世不孝，及多殺物命之兇魂，受過諸獄苦後，發交所內者。用桃條抽死為覺，改頭換面，發進羊腸小路為畜類。凡有禽獸魚蟲，受過萬千百十等劫已滿，如胎生各獸，卵生蛟龍龜蛇飛鳥，濕化相生，蜂蝶蛆蟲之類，使其轉變輪迴受報，復投為胎生等類。劫數已滿，若能三世不傷物命，可使復為人者，敘明冊籍奏呈第一殿，批判發往，弗於逮翟耶尼閻浮提鬱單越四大部洲之中。



11.- Đệ Thập Điện Chuyển Kiếp Sở (Nơi cho người đi đầu thai , ở Điện thứ mười)

* Sở chuyển kiếp nầy trên dưới xung quanh đều có hàng rào bằng sắt, bên trong chia ra làm 81 chỗ. Mỗi chỗ đều có đình đài khang trang, có quan lại ngồi bàn làm việc. Bên ngoài hàng rào, có những con đường nhỏ "ruột dê" (quanh co) , có mười vạn tám ngàn (một trăm lẻ tám ngàn) lối đi, uốn khúc quanh co dẫn đến "tứ đại bộ châu" .

*Bên trong sở, tối om như thùng sơn, chỉ thấy có một con đường để cho người đi đầu thai đi ra ngõ đó thôi. Bên ngoài nhìn vào giống như thủy tinh, chằng chịt nhiều đường ngang nẻo dọc, có các quan lại làm việc rất bận rộn, nhưng không bao giờ có sự nhầm lẫn . Có những trường hợp xét thêm để cho thăng hay giáng. Như người khi còn sống. có lòng hiếu thảo với cha mẹ hoặc những người không sát sanh mà còn phóng sanh… làm được nhiều điều thiện, sau năm lần thẩm tra, được các "thiện quan" tâu xin cho tăng thêm hưởng phước . Trái lại, những người sau khi thẩm tra lại, phát hiện ra còn sót tội, hoặc hình phạt chưa đủ, thì sẽ tâu xin giáng bớt phước , như những người bất hiếu, sát sanh nhiều…



*Những người tội nặng, thọ vào thân súc sanh, bị thay đầu đổi mặt, trở thành một trong bốn loài:- cầm (chim), thú (bốn chân), ngư (cá), trùng (côn trùng), là được cho đi vào những đường nhỏ quanh co. Phàm đã thọ thân súc , thì phải trải qua rất nhiều kiếp, thai sanh thì có các thú, noãn sanh thì có sấu, rùa, rắn, chim …, thấp sanh thì có các loài trùng bọ… Qua

nhiều kiếp như thế, mới được lên làm người. Còn những quỷ hồn chấp nhận làm ngạ quỷ, vì không tin vào luân hồi , nhân quả, mang nặng ghi sâu những thù hậnoan1 hờn, sống vất va vất vưởng, không có khái niệm về thời gian. Nếu không có những vị Bồ-Tát từ bi lập trai đàn chẩn tế và cầu siêu cho, thì vẫn mãi mãi đói khát và không có cơ hội để đầu thai kiếp khác. Ngoài ra, nếu lỡ bị đọa vào A-Tỳ địa ngục thì mãi mãi không được trở lại làm người. Như vậy, kinh nói:- "Thân người khó được", không phải là điều nói quá đáng. Hãy suy nghĩ kỹ !!!

第十殿孟婆神：




孟婆神，生於前漢，幼讀儒書，莊誦佛經，凡有過去之事不思，未來之事不想，在世惟勸人戒殺吃素，
年至八十一歲，鶴髮童顏，終是處女，只知自己姓孟，人故皆稱之曰，孟婆阿奶，入山修真，直至後漢。世人有能知前世因者，妄認前生眷屬，好行智術，露洩陰機，是以上天敕命，孟氏女為幽冥之神，造築酉區忘臺，准選鬼吏使喚。將十殿擬定，發往何地為人之鬼魂，用採取俗世藥物，合成似酒非酒之湯，分為甘苦辛酸鹹五味，諸魂轉世，派飲此湯，使忘前生各事。帶往陽間，或思涎，或笑汗，或慮涕，或泣怒，或唾恐，分別常帶一二三分之病，為善者，使其眼耳鼻舌四肢，較於往昔，愈精愈明愈強愈健，作惡者，使其消耗音智，神魄，魂血，精志，漸成疲憊之軀。而預報知，令人懺悔為善。
臺居第十殿，冥王殿前六橋之外，高大如方丈，四圍廊房一百零八間，向東甬道一條，僅闊一尺四寸，
凡奉交到男女等魂，廊房各設盞具，招飲此湯，多飲少吃不論，如有刁狡鬼魂，不肯飲吞此湯者，腳下現出鉤刀絆住，上以銅管刺喉，受痛灌吞，諸魂飲畢，各使役卒攙扶從甬道而出，推上麻紮苦竹浮橋，下有紅水橫流之澗，橋心一望，對岸赤石巖前上，有斗大粉字四行，曰，為人容易做人難，再要為人恐更難，欲生福地無難處，口與心同卻不難，鬼魂看讀之時，對岸跳出長大二鬼分開撲至水面，兩傍站立不穩，一個是頭蓋烏紗，體服錦襖，手執紙筆肩插利刀，腰掛刑具，撐圓二目，哈哈大笑，其名活無常，一個是垢面流血，身穿白衫，手捧算盤，肩背米袋，胸懸紙錠，愁緊雙眉，聲聲長嘆，其名死有分，催促推魂，落於紅水橫流之內，根行淺薄者，歡呼幸得人身，根行深厚者，悲泣自恨在生未修出世功德，苦根難斷，男婦等魂，如醉如癡，紛紛各投房舍，陰陽更變，氣悶昏昏，顛倒不能自由，雙足蹬破紫河車，奔出娘胎，哇的一聲落地，日久口貪滋味，勿顧物命，迷失如來佛性，有負佛恩以及天帝神恩，不慮善終惡死，何樣結局，而復又作拖屍之鬼矣，以上二十二行，係酉區忘臺下書吏，謹附奏玉皇大帝，並纂載玉歷，通行下界知之。



## 12.- Đệ Thập Điện Mạnh Bà Thần : (Thần Mạnh Bà ở Điện thứ mười)

Vị thần tên Mạnh Bà nầy, sinh vào đời Tiền Hán, lúc nhỏ học Nho, sau chuyển qua học Phật. Vị nầy có đặc điểm là "quá khứ thì không nhớ đến, tương lai thì không nghĩ tới" , suốt đời chỉ biết khuyên người ăn chay, làm lành. Đến năm 81 tuổi mà "hạc phát đồng nhan" (tóc già như chim hạc mà mặt vẫn như người trẻ), vẫn còn là "xử nữ" (gái trinh).
Người đời chỉ biết bà họ Mạnh, nên gọi bà là "bà vú Mạnh Bà". Bà vào núi tu Tiên, tồn tại mãi đến đời Hậu Hán.
Trước đây, vì con người sanh ra thì vẫn còn nhớ đến kiếp trước, nên nhớ và tìm đến những quyến thuộc xưa, trí nhớ vẫn tốt nên kể lại chuyện đầu thai, làm tiết lộ thiên cơ (máy trời). Do đó, Thượng Đế mới sắc phong cho họ Mạnh làm người cai quản "Dậu khu vong đài" (đài làm quên) có các quỷ sứ giúp việc. Khi Điện thứ mười đã có quyết định là hồn sanh vào chỗ nào, địa vị ra sao…thì trước khi đi đầu thai , phải đến chỗ "Đài khu vong" nầy. Ở đây, dùng các dược vật trên thế gian, bào chế thành một loại "như rượu mà không phải rượu", chia ra làm năm vị loại là :- ngọt, đắng, cay, chua, mặn.
Các hồn được chuyển thế, phải uống loại nước nầy, quên đi tất cả người và sự việc, cảnh giới của đời trước.Theo thứ tự trên mà quên đi nhiều hay ít, lâu hay mau, sâu hay cạn… tùy theo công phu tu hành và phước đức của kiếp trước . Vì thế, người sanh ra, có kẻ khôn người ngu, kẻ học một biết mười, kẻ học hoài chẳng nhớ. Cũng có những người "không học mà biết" là do uống ít "thuốc quên" nầy vậy.
Đài khu vong ở Điện thứ mười nầy, nằm phía trước điện và bên ngoài của sáu chiếc cầu Nại hà. Đài to lớn khắp cả vùng đất. Số phòng có đến một trăm lẻ tám gian, hướng đông có con đường đâm thẳng vào, bề ngang hẹp chừng một thước bốn tấc (để hồn chỉ đi hàng một). Các hồn nam nữ được đưa vào từng phòng, mỗi phòng đều có bày sẵn thức uống nói trên, do nghiệp lực mà hồn cảm thấy khát nước nhiều ít mà uống nhiều hay ít. Còn hồn nào ương ngạnh không chịu uống, thì dưới chân xuất hiện một cái vòng khóa chân lại, trên cổ có một ống bằng đồng chận đè vảo cổ, phải hả miệng ra. Chịu không nổi đau đớn nên phải uống thật nhiều mới tha.
Sau khi uống xong, có một quỷ sứ xuất hiện, dắt vào con đường dẫn đến chiếc cầu , bên dưới là một khe nước đỏ như máu đang chảy xiết. Đứng trên cầu, nhìn thấy phía đối diện có một hòn đá đỏ lớn, có bốn hàng chữ, mỗi chữ lớn bằng cái đấu (lít), viết như sau:-
"Vi nhân dung dị, tố nhân nan,
Tái yếu vi nhân, khủng cánh nan.
Dục sanh phước địa, vô nạn xứ,

Khẩu dữ tâm đồng, khước bất nan”
*Dịch:-
“Là người thì dễ, làm người khó,
Muốn lại làm người, càng khó hơn.
Muốn sanh đất phước, không tai nạn
Thì miệng giống tâm, chẳng khó gì”
*Lúc hồn đang đọc mấy hàng chữ nầy thì bên phía cầu bên kia, xuất hiện hai con quỷ lớn từ dưới rẻ nước bay lên. Một con thì đầu đội mão “ô sa”, mình mặc áo gấm, tay cầm giấy bút, vai mang đao bén, lưng có đeo hình cụ, trợn tròng cặp mắt, cười to ha hả… Quỷ nầy tên là “Hoạt Vô Thường” (sanh không định trước). Một tên nữa thì mặt mày đầy máu, mình mặc áo trắng, tay cầm bàn toán (bàn tính), vai vác bao gạo, trên ngực có dán tờ giấy, hai cặp chân mày nhăn lại, than dài thở vắn. Quỷ nầy tên là “Tử Hữu Phận” (chết có phần sẵn). Hai tên quỷ nầy nắm chân hồn lôi kéo xuống dòng nước đỏ, tùy theo phước nghiệp mà đè xuống cạn sâu. Cạn thì được hưởng phước, sâu thì phải chịu đọa đày. Hồn lúc nầy ngơ ngơ ngác ngác, chẳng còn biết gì nữa, cứ lo ngóc đầu lên , thì chốc lát đã chui ra khỏi “tử hà xa” (bào thai, tử cung) của bà mẹ, khóc lên ba tiếng “tu-oa”. Kế rồi lớn lên, ham ăn hốt uống, mê mãi theo đời, mê muội “Như Lai Phật Tính”, quên hết ơn Trời, Phật, Thánh, Thần, chẳng nhớ làm thiện mà cứ theo đường ác, đến mãn kiếp lại trở về với hồn ma bóng quỷ như lần trước. Thật là tội nghiệp thay cho thân phận người không biết tu hành để giải thoát !
Các việc kể trên là do một vị thư lại, làm việc ở “Khu vong đài” theo lệnh Ngọc Đế ghi chép lại trong Ngọc Lịch ,để phổ biến khắp cả cho thế nhân biết mà lo tu hành, cầu đạo giải thoát.
*Nhược Thủy dịch.
dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 4.

*Thứ Ba, ngày 31 tháng 3 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.
Nhược Thủy
( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

13. 枉死城.



酆都大帝曰：

「枉死城，係圜繞本殿之右，世人誤以為凡受傷冤枉死鬼悉皆歸入此城之說。遍傳為實，須知屈死者，豈再加以無辜之苦乎。向准冤魂各俟兇手到日眼見受苦，使遭害者以消忿恨，直至被害之魂，得有投生之日，提出解發諸殿各獄，收禁受罪者，並非被害遭屈之魂。概入此城受苦，若是忠孝節義之人，及捐軀報國之軍兵，或有死節成神。或即完膚，發往福地投生，豈亦有入枉死城中受苦之理乎。」

血污池

血污池，置設殿後之左。陽世誤聞道姑所說，皆因婦人生產有罪，死後入此污池，謬之甚矣。凡婦人生

育，係屬應有之事，即難產而暴亡者，均不罪其屍鬼污穢，發入此池。如有生產未過二十日，輒即身近井灶，洗滌衣襖，曬亮高處者，其罪應歸家長三分，本婦罪坐

七分，設此污池，無論男女，凡在陽世不顧神前佛後，不忌日辰，如五月十四十五，八月初三十三，十月初十，此五日，男婦犯禁交媾，除神降惡疾暴亡，受過諸獄

苦後，永浸其池，不得出頭。及男婦而好宰殺，血濺廚灶神佛廟堂經典書章字紙一切，祭祀器皿之上者，受過別惡諸獄苦後，解到浸入此池，亦不得輕易出頭，陽世

能有親屬立願，代為戒殺買命放生，數足之日，齋供佛神，禮拜血污經懺，方可超脫其苦。

世間男婦，見聞眾生急難，力可能救而不為，受人恩惠而忘，記怨而必欲加害，雖屢積功誦經施捨，望

成仙道者，死後免入諸獄受苦，罰為魑，魅，魍，魎，山妖，木客，水怪，殭屍，遊魂，或附靈性於狐，狸，熊，羆，蛟，蛇，之類，在百十年之不等，如能修醒，返本糾察，使歸福地，若不善為斂形，迷惑驚嚇人者，作祟，罪惡滿盈之日，雷擊為齏，永世不得超生。

陽世誤尊藏神之名，亦謬之極矣，因係男婦在生埋藏錢財，死後仍迷而不捨，魂魄附守此處之故，慮被

起掘，現形驚嚇，凡福薄陽微者，受驚成病，或竟死亡，殊不知此等陰魂，悉是前朝官宦，歷代癡愚，至死不肯醒悟之輩，神鬼因念其在生無甚罪過，仍聽管守，此之謂財癆鬼是也，直到得聞佛經點化，身非我有，五蘊皆空之句，方始猛省，身尚非我所有之物，況財帛乎，遂即棄捨，投生福地，或有久戀之鬼，至死為齏，無奈

棄捨，以待積蓄，有福者取之。世人如若見聞鬼怪出現處所。向立重誓禱告，願將十分之三，替作冥福，再將三分，代為買放生靈，一分歸貧，三分歸己，如是發願起取，但有正神相助，可以保受用而無妨礙也。

凡有陽世食糧充當軍兵者，自奉令出剿除叛之日，為始若實心努力，及未犯姦縱火，有害民間，雖死於
身首異處，屍骨拋零者，即有往昔過犯，陰司概免受苦，仍准完全原體，自第一殿點名，即交第十殿發往福地投生，為男女安吉善終，加若械鬥，互相殺死，及從賊之叛犯，各皆罪加一等，仍照生前所犯諸獄受苦。

## 13.- Uổng Tử Thành :

*Đại Đế Phong Đô nói:- "Uổng Tử Thành nằm về bên phải của Điện thứ mười. Thế gian hay lầm nghĩ rằng, những người bị tai nạn chết bất ngờ đều phải vào trong thành nầy. Nếu điều đó là thật, thì những người chết oan chết ức đều là tốt hết cả sao ? Cho đến vẫn còn thấy rất nhiều oan hồn chưa tiêu hết phẫn hận, những kẻ tự tử, những kẻ bị hại… vẫn còn đang chịu sự hình phạt trong các địa ngục, chưa biết ngày nào được đi đầu thai.

Vào trog Thành Uổng Tử nầy, chỉ có những người "Trung hiếu tiết nghĩa, xả thân vì nước (tận trung báo quốc), hoặc tử tiết thành thần. Vì chết bất ngờ nên chưa thẩm định kịp, phải tạm thời ở đây, chờ ngày để đầu thai nơi phước địa hoặc được phong thần. Như vậy, đây là nơi dành riêng cho những người tốt ở tạm chờ xét. Đó mới đúng là nghĩa của Uổng Tử Vậy.



## 14.- Huyết Ô Trì :

*Huyết Ô Trì, tức là cái ao bị vẫn đục do máu gây nên.
Ao nầy nằm phía sau, bên trái của Điện thứ mười. Người thế gian hiểu sai về ý nghĩa của nơi đây là do từ một vị Đạo Cô đã giảng sai lúc xưa. Vị ấy nói những người đàn bà trên thế gian, khi sanh nở máu huyết làm ô uế đất cát nên phải mang tội, lúc chết bị xuống đây, điều đó là không đúng.
Chỉ là trường hợp những người nữ khi sanh đẻ, bị trục trặc lâm nạn mà chết , vua Diêm Vương không xét tội của người chết đang ô uế, nên mới cho đến đây.Chờ cho đủ mười ngày, người ấy đã tỉnh táo, tắm rửa sạch sẻ thay đổi quần áo rồi mới cho lên điện để xét xử. Còn về

việc làm ra sự ô uế, nếu có, thì người sản phụ chỉ chịu bảy phần, người gia trưởng của nhà đó phải chịu ba phần trách nhiệm, chứ không thể đổ hết tội lỗi cho sản phụ.
Vào trong ao nầy, đúng nghĩa là những người bất luận là nam hay nữ, khi sống đã phạm tội giao hợp với nhau mà không kiêng chỗ thờ phượng trời Phật thánh thần. Cũng không chịu kiêng cử vào những ngày vía, giờ kiêng. Thí dụ như ngày 14, 15 tháng năm; ngày mùng 3 và 13 tháng tám; ngày mùng 10 tháng mười. Năm ngày ấy gọi là "Chưởng tử giới nhật" (ngày kiêng của việc tạo ra con). Phạm vào những ngày nầy, có thể bị thần trừng phạt mắc ác bệnh mà chết. Sau khi đã thọ xong hình phạt ở các ngục vì tội khác rồi, mới đưa đến đây để bắt họ trầm mình dưới ao nầy, chẳng cho lên bờ.
*Lại có những kẻ hoặc nam hoặc nữ có tánh hiếu sát bừa bãi, lại bất cẩn để cho máu vương vãi, dính vào bếp táo, nơi điện thờ thần thánh Phật, hoặc sách vở thánh hiền , kinh điển, hoặc chén dĩa ở bàn thờ…thì đều phạm tội.
Những người nầy phải chịu sự hình phạt ở các điện về tội khác xong rồi mới đến đây để chịu phạt trầm mình dưới ao không cho ngóc đầu lên. Muốn hóa giải tội nầy, người thân ở dương thế phải ăn chay làm lành, thệ nguyện giới sát và làm hạnh phóng sanh. Làm đủ phước rồi còn tụng thêm "Huyết Ô Kinh Sám" (Kinh sám hối huyết ô) thì phạm nhân mới được giải tội để đi đầu thai.
*Lại có những kẻ nam nữ ở thế gian, khi thấy có người bị nạn mình có thể cứu được mà lại không chịu cứu, hoặc thọ ơn người mà đã không chịu đền đáp lại còn tính kế mưu hại người ơn, cũng phải chịu tội ở ao nầy. Trường hợp những người nói trên sau đó phát tâm tu hành tích lũy công đức rất lớn, thì khi chết có thể được miễn hình phạt huyết ô, nhưng vẫn phải chịu quả báo thành ra các loài quỷ như:- ly, mỵ, vọng, lượng, sơn yêu, mộc khách, thủy quái, cương thi (thây ma cứng biết đi), hồn vất vưởng đây kia, hoặc nhẹ thì cũng gá tánh linh vào những loài chồn, cáo, gấu, beo, cá sấu, rắn… hàng trăm năm, nếu biết ăn năn tu tỉnh mới được đầu thai, còn nếu không chuyển hóa được trong tâm thì vẫn mãi mãi trụ ở tình trạng như thê.



(Ngưu đầu mã diện)

*Một điểm nữa là, ở thế gian cũng hiểu sai về việc tin có "Thần giữ của". Thục ra, đây chẳng phải là thần thánh gì cả, mà chỉ là hồn ma của người lúc sống có chôn cất số của cải tài sản nào đó, khi chết vẫn quyến luyến bám theo tài sản để giữ của. Nếu có ai đến đào lấy, họ sẽ hiện thành ma quỷ hù nhát người đào, khiến cho người ấy có thể vì quá sợ hãi, sinh bệnh mà chết. Những loại âm hồn kiểu nầy, chẳng kể là dân giả hay nho sĩ quan lại gì cả, nếu có tánh tiếc nuối của cải tài sản đều trở thành "ma giữ của" . Muốn hóa giải nghiệp nầy, chỉ có cách

tốt nhất là mời thỉnh những vị đạo cao đức trọng, những vị chân tu có đạo lực, đến tổ chức trai đàn cầu siêu, thuyết pháp cho họ nghe hiểu giác ngộ lẽ vô thường của thế gian. Chính cái thân của mình còn không giữ được, huống nữa là tài sản của cải là những thứ từ ngoài vào, làm sao có thể giữ ch được. Nhờ vậy, họ mới tỉnh ngộ mà phát tâm tu hành, chuyển hóa đầu thai kiếp khác.
*Nếu không có được những vị đạo cao đức dày khuyến hóa, thì người thân có thể tổ chức những buổi cầu siêu, những dịp chẩn tế tập thể thật long trọng , cứu giúp được nhiều người. Sau đó, thành tâm hồi hướng tất cả công đức làm ra "cho tất cả sanh linh được sớm thành Phật đạo". Được vậy mới khả dĩ hỗ trợ người thân mình thoát khỏi nạn "giữ của" nầy.
*Trường hợp những người vì mạng lệnh nhà vua mà phải lên đường chinh chiến, bất đắc dĩ phải chấp hành, nhưng trong lòng không muốn. Trong lúc làm lính bất đắc dĩ đó, vẫn luôn thương yêu giúp đỡ bạn bè đồng đội, tranh bắn giết bừa bãi dân chúng vô tội …nếu chẳng may bị chết, thì được miễn những hình phạt của các ngục. Đến điện thứ nhất xem xét nghiệp lực rồi chuyển thẳng đế điện thứ mười cho đi đầu thai vào nơi phước địa. Còn nếu, lỡ vào quân ngũ mà lại sanh tâm hiếu sát, băn giết bừa bãi…thì khi chết sẽ gia thêm hình phạt và thời gian gấp đôi. Thế gian hãy ghi nhớ mà làm !
黑白無常
(Hắc Vô Thường)

「生無常，而死有分」，可用來形容民間對生死一般的看法，而黑白無常二人，是人人都害怕的鬼卒。一般人對黑白無常的印象，大多是停留在黑無常著黑衣，白無常著白衣上，如果一旦看到黑白無常二人，就表示自己陽壽已盡，應該準備後事了。但是，在民間的一些習俗和文化中，黑白無常也不一定是如此令人害怕；有一種說法是，如果遇到了黑白無常，只要向其乞討一些東西，日後必定是大富大貴。而且在民間的一些地方戲劇表演裡也可以發現，有時黑白無常會以財神自居，並且在頭頂高高的帽子上寫著「一見生財」。
(Bạch Vô Thường)

## 15.- Hắc Bạch Vô Thường :

*Câu "sanh không biết kỳ, tử lại có hạn" nói lên quan điểm nhận thức của người đời đối với việc sống chết. Còn đối với hai vị "Hắc Bạch Vô Thường" thì ai ai cũng sợ hãi, cho là hai con quỷ hại người. Ấn tượng của thế gian là, Hắc vô thường là mặc áo đen, Bạch vô thường là mặc áo trắng. Một hôm nào lỡ gặp hai vị nầy thì có nghĩa là số mạng đình chỉ , phải lo gấp "hậu sự" thôi !
Nhưng có số sách vở nói rằng, đừng nên sợ hãi khi gặp hai vị Hắc Bạch nầy, lúc đó chỉ cần bình tỉnh, thành tâm cầu bái và xin hai vị cho mình "bất cứ món đồ gì", nhất định về sau sẽ "đại phú quí" ! Cho nên, trên bàn thờ của một số đoàn hát kịch ở một vài địa phương có thờ hai vị Hắc Bạch Vô Thường chung với Thần Tài, mà chiếc mão trên đầu hai vị có ghi câu "Nhất kiến sinh tài" (một lần thấy ta ắt có tiền).
Tất cả chỉ là chuyện vui mà thôi !
(Hết phần Thập điện Diêm La vương)
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 16. ĐỊNH PHƯỚC TÁO QUÂN .

東廚司命九靈元王定福神君 ( Đông trù ti mệnh cửu linh nguyên vương định phúc thần quân .)

灶神全銜是「東廚司命九靈元王定福神君」，俗稱「灶君」，或稱「灶君公」、「司命真君」、
「九天東廚煙主」、「護宅天尊」或「灶王」，北方稱他為「灶王爺」，鸞門尊奉為三恩主之一，也就是廚房之神。玉帝敕號：「玉清輔相九天東廚司命灶王真君」。又號「東廚司命定福真君」或「九天司命護宅天尊」。東廚者：庖廚之稱也。

灶神屬我國古老的神明，灶神之起源甚早，商朝已開始在民間供奉，及周禮以籲瑣之子黎為灶神等。秦漢以前更被列為主要的五祀之一，和門神、井神、廁神和中霤神五位神靈共同負責一家人的平安和幸福，是屬於家宅的神靈，故灶神在大小寺廟都沒有供奉，更沒有單獨建殿供灶神的。

東漢孔安國《孔子十三世孫》中說：「灶神以平時錄人功過、上表於天、當祀之以祈降福祥。」於
是灶神職責加重，除掌理東廚之外，負責稽察一家大小善惡。一般只是在灶上貼上一張灶君畫像，或在一塊木牌上，寫著「東廚司命定福灶君之神位」或「定福灶君」，兩旁貼上「上天言好事」、「下界保平安」。而灶神的畫像也型式各異，有的只是把灶君夫婦都畫在紙上，稱他倆為「灶王爺」及「灶王奶奶」；也有的只畫灶君一人，俗稱為「獨坐灶王」。

在我國古代農村中，幾乎家家戶戶的灶上皆供有灶神的牌位，「民以食為天」，在農業社會裏，一
個家庭往往三代同堂，甚至四代、五代同堂，一家大小每日三餐都要與灶打交道，焉可等閒視之？故連玉皇大帝都要派灶神下凡任「家事灶務管理」之職。治道教興起之後，道家仍沿其說，因灶神主掌九天生籍，故尊為「九天司命真君」也。

每年農曆的八月初三是司命灶君的生辰，民間習俗賀灶君誕以素麵清茶，燒金點燭焚香祭拜即可。

灶神是何許人？灶神的身世一直撲朔迷離，根據古代的稗官野史，至少有六、七種不同的說法：

有說他的名字叫蘇吉利。

有說他姓張名單字子郭，《酉陽雜俎》謂灶君：「名隗，如美女；又姓張，名單，字子郭；夫人名卿忌；一日，灶神名壤子也。」有民謠說：「灶神王爺本姓張，一碗清水三灶香。」

有說灶君是三皇五帝中的炎帝神農氏，死後被玉帝封為灶神，《淮南子》上記載：「炎帝作火官，死為灶。」

有說灶君是燧人氏，燧人氏發明鑽木取火。

有說灶君是三皇五帝中的顓頊的兒子，《周記》上記載：「顓頊氏有子曰犁，為祝融，祀以為灶神。」

也有說灶君本是天神之一，因疏於職守而被貶落凡間，在每個家庭的廚房司職，如偷懶就不可以返回天庭。

灶神亦是中國民間人死後，轉變為神一個最明顯的例子。

有傳說灶神的生前，非常的貧窮，甚至最後不得不把妻子賣掉，淪落成為乞丐，不過又得妻子濟助三餐，後來他覺得非常的羞愧，投入灶中燒死。其妻為紀念前夫，乃在灶頭立神位，朝夕祭祀，謊稱祭「灶君」。別人不察而仿傚之，漸漸成為習俗。



也有傳說從前有對張姓夫妻，家貧又遇荒年，妻子不得已改嫁富人為妾。富人於饑荒年賑災濟貧，交予其妾料理，開賑當天，前夫亦有來領飯食，還沒輪到他，飯已派完。第二天，其女人命從後面起先派發食物，一樣也是沒輪到他，飯亦已派完。第三天，女人決定從中間派發食物，結果仍未見到前夫，原來他餓了幾天，已餓死了。女人悲傷之際竟尋短見，自縊殉情。玉帝聞知，深憐這對夫婦，於是對張氏為「灶神」，夫妻同管人間煙火事。

又有傳說，灶神的脾氣不太好，因此民間恐懼灶神生氣，就採取收買政策，極盡奉承，據俞正燮的《癸巳尖稿》中，說灶神就是火神，而且是一位貴族小姐，有三十六個侍女護著她，這位小姐平時愛穿淡黃色的衣服，發起脾氣來就穿大紅衣服了，她曾做過玉皇大帝的廚娘，奉令回來人間服務，所以她有一肚子的委屈，稍有不愉快就要發脾氣，因此民間怕她，便盡量奉承。

亦有傳說，灶君姓張名隗字子郭，人頗英俊，貌若美女，但其性情怠惰，好逸惡勞，嗜食美味，又十分好色。原在天庭當司廚，因偷窺王母娘娘待婢之美色，以致煮焦佳餚，乃被乏下凡在人間當灶君。人間下廚者皆女人，可儘讓他看個夠也。

而灶君塑像大多形貌端正忠厚，臉容較肥胖，臉色很紅。這是有許多好東西吃，及掌管「火」的緣故。

藉由死亡的轉化，灶神得以從死前的窮人，死後變成為送財招福的財神。「灶」在中

國的古代社會中，除了代表原始民族對於火的崇拜之外，其也象徵了一家的興衰及財富的多寡，故就順理成章成為民間祈求財富的一種神祇象徵。

灶神之所以受人敬重，除了因掌管人們飲食，賜於生活上的便利外，灶神的職責，是玉皇上帝派遣到人間考察一家善惡之職的官。灶神左右隨侍兩神，一捧「善罐」、一捧「惡罐」，隨時將一家人的行為記錄保存於罐中，年終時總計之後再向玉皇上帝報告。十二月廿四日就是灶神離開人間，上天向玉皇上帝稟報一家人這一年來所做所為的日子，所以家家戶戶都要「送灶神」。




《敬灶全書》說，灶神「受一家香火，保一家康泰。察一家善惡，奏一家功過」，據說被灶神舉告者，大過則減壽三百天，小過也要折壽一百日。

謝灶之期也分階層，關於何時謝灶，民間有所謂「官三」、「民四」、「鄧家五」，「官」指官紳權貴，習慣於年廿三謝灶。「民」指一般平民百姓，會在年廿四謝灶，「鄧家」即指水上人，會在年廿五舉行。但是民間百姓大部分會選擇年廿三謝灶，希望有貴氣，取其意頭。

送灶神的供品一般都用一些又甜又黏的東西如糖瓜、湯圓、麥芽糖、豬血糕等，總之，用這些又黏又甜的東西，目的是要塞灶神的嘴巴，讓他回上天時多說些好話，所謂「吃甜甜，說好話」，「好話傳上天，壞話丟一邊」。另外，黏住灶神的嘴巴，讓他難開口說壞話。也有人用酒糟去塗灶君稱之為「醉司命」，意思是要把灶神弄醉，讓他醉眼昏花，頭腦不清，以使少打幾個小報告。因此，祭灶神象徵著祈求降福免災的意思。

在祭灶君之時，擺齊供品，焚香祭拜，接著第一次進酒，此時要向灶君誠心禱告，完畢後再進行第二次進酒，進第三次酒之後，將舊有的灶君像撕下，連同甲馬及財帛一起焚燒，代表送灶君上天，儀式便順利完成。而焚燒一個用篾紮紙糊的馬，是作為灶神上天的坐騎，還要準備一點黃豆和乾草，作為灶神和馬長途跋涉所需的乾糧、草料。此外還要焚香、叩首，並在灶坑裡抓幾把稻草灰，平撒在灶前地面上

，並喃喃叮嚀：「上天言好事，回宮降平安」之類的話，目的是祈禱灶王向玉皇上帝奏報這家一年來的種種善事，不要講壞話。

送走神明後，可別忘了正月初四（一說除夕夜）把眾神接回來，此之謂「接灶」或「接神」。接灶神的儀式很簡單，只要在灶台上重新貼一張新的神祃，象徵灶神在天上作過客，又重新回來鎮守家中，監視善惡了。

謝灶之日，按例不能早於十二月十四日。送行擇吉，大有學問。《易》曰，吉凶悔吝生乎動。在通勝宜忌欄看見「祭祀祈福」等日者，即可行之。又或日值天德、月德、三合、天喜等星，亦可。
謝灶祭品：

琥珀財神香或檀香三枝（琥珀在燃燒時會發出極為香濃的松香味，供奉神靈最佳，據說香薰可傳至天庭）、燒酒三杯、紅燭二枝、紅茶三杯、筷子三對、碗三個、齋菜一碟、糖果八粒或一瓶麥芽糖、生果八個、片糖、燒肉（修佛者可免去此項，以戒殺生）、湯丸八粒（相傳灶君食湯丸後，會變得口齒不清，因此不可能在玉帝前作報告）、拜灶君金銀衣紙一份。
謝灶儀式：

擺放祭品於灶君前，擺好供品及金銀衣紙（置於灶君前方）；
燃點紅燭拜三拜再插於燭台上；
燃點琥珀財神香，檀香或長壽香，拜三拜插於香爐上；
喃喃說些吉利話，合掌冥想謝「灶君」，誠心向其祈求所需的事情，如求健康長壽、生意興隆、財運亨通等吉利事情。
在爐灶上洒少許糖，亦有擺顆湯丸代替；
焚化金銀衣紙。

平常可早晚上香，有些人夜晚才上香亦可。而灶君公最好供奉在廚房的南面，亦有既謂「東廚」即應坐東面。灶君是道家之神祇。供奉灶君，不能為了方便把灶君的神牌隨意擺放，應高過你才對，可得到保佑家宅飲食平安，身體健康。

Đông Trù Tư Mệnh Cửu Linh Nguyên Vương - Định Phước Thần Quân

Táo Thần nếu gọi đầy đủ là: - "Đông Trù Tư Mệnh Cửu Linh Nguyên Vương Định Phước Thần Quân", tục xưng "Táo Quân", hoặc xưng "Táo Quân Công", "Tư Mệnh Chân Quân", "Cửu Thiên Đông trù Yên Chủ "," Hộ Trạch Thiên Tôn "hoặc" Táo Vương ", miền BẮC gọi Ngài là" Táo Vương Gia "Người ở. Đài Loan tôn Ngài là một trong ba" Ân chủ ", là vị thần của nhà bếp. Ngọc Đế sắc phong cho Ngài là: "Ngọc Thanh Phụ Tướng Cửu Thiên Đông Trù Tư Mệnh Táo Quân Vương Chân" Lại có hiệu. "Đông Trù Tư Mệnh Định Phước Chân Quân" hoặc "Cửu Thiên Tư Hộ Mệnh Trạch Thiên Tôn". Đông trù là chỉ chung cho tất cả các nhà bếp.
* Thờ Táo Thần là một tập quán có từ xa xưa của nước ta (TQ) Nó có. Nguồn gốc rất sớm, từ đời nhà Thương trong dân gian đã thờ phượng rộng khắp Trọng sách Chu Lễ đã ghi tên Ngài Tử Lê. Ở Tòa dụ là Táo Thần rồi. Đến đời Tần, Hán thì được đưa vào làm một đối tượng trong Phụng thờ Gồm:. - Môn Thần (thần giữ cửa nhà), Tỉnh Thần (thần giếng), Xí Thần (thần nhà cầu) , Thần Trung Lưu (giữ nhà) và Táo Thần Năm vị. thần linh nay phụ trách việc giữ gìn sự bình an hạnh phúc cho một gia đình, thuộc về "thần gia đình" Cho nên., tại các đình Miếu không thờ Táo thần, nên không thấy Miếu đình nào có chỗ thờ Táo Thần cả.

* Đời Đông Hán, ông Khổng An Quốc trong quyển "Cháu mười ba đời Khổng Tử" có viết: - "Táo Thần có chức trách ghi chép công và tội của người trong nhà để tau lên thiên đình, Phụng thờ Ngài để có phước lành "Như vậy, nhiệm vụ của Táo Thần rất quan trọng, ngoài việc quản lý về bếp nực tức sự ăn uống để sống của con người., còn có thêm nhiệm vụ theo dõi việc thiện ác của con người nữa!
Đa số gia đình thường treo một tấm hình Ông Táo ngay trên vách bếp, hoặc một bài vị bằng gỗ viết "Đông Trù Tư Mệnh Định Phước Táo Quân Chi Thần Vị" hay "Định Phước táo Quân". Hai bên có hai câu liên : - Thượng thiên ngôn hảo sự - Hạ giới bảo bình an "(Lên trời tau việc tốt-Xuống hộ Phạm Bình an) Hình ảnh. Táo Thần tùy nơi mà vẽ khác nhau Thường thì vẽ hình hai vợ chồng gọi. là" Táo Vương Gia "(ông vua táo) và" Táo Vương Nai Nai "(mẹ táo) Lại có. những nơi chỉ họa một vị thôi, gọi là" Độc Tọa táo Vương "(một vua Táo ngồi).
* Ở nông thôn thuở xưa, nhà nào cũng có thờ Ông Táo, bởi vì "Dân lấy ăn làm trời" mà Trọng xã hội nông nghiệp., Có những nhà ba đời, bốn đời thậm chí năm đời cùng chung sống (ngũ đại đồng đường) Mỗi ngày có đến ba bữa cơm đều từ nhà bếp cung ứng., làm sao không giữ địa vị quan trọng cho được?
Vì thế, NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ phải cho Táo Thần hạ phẩm nhận nhiệm vụ "Quản lý việc trong nhà bếp nực" là đúng rồi!
Từ lúc Đạo giáo hưng thịnh, thì họ cho rằng Táo Thần ở trên Cửu Thiên giữ sổ sách xuất sanh của người con, nên tôn là "Thiên Tư Mệnh Cửu Chân Quân".
* Sinh nhật hàng năm của Tư Mệnh Táo Quân là ngày mùng ba tháng tám, dân gian có tục cúng Ngài bằng "mì chay và trà", đốt giấy tiền vàng bạc.
Táo Thần là vị nào Thân thế? Của Ngài có nhiều truyền thuyết rất mê li hấp dẫn. Khảo cứu trong sách các từ xưa đến nay, có ít nhất là bảy truyền thuyết về "Vua bếp" Có thuyết. Thì nói Táo Thần có tên là TÔ CÁT LỢI, thuyết nói là TRƯƠNG THIỆN tự TỬ QUACH. Còn trong sách "Dậu Dương Tạp Trở" thì nói: - "... ông tên là NGÔI, đẹp như con gái Hoặc là. ông họ Trương tên Thiện, tự Tử Quách, vợ tên là Khánh Kỳ, có khi gọi Ngài là Nhượng TỬ. Trọng ca dao dân gian có câu: --
"Thần Táo vương gia bon tính Trương-Nhất Uyển thanh thủy tam táo hương"
(ông Táo vốn là người họ Trương, một chén nước cúng ba hương cây)
* Có thuyết lại cho rằng, Ông Táo chính là Viêm Đế thuộc họ Thần Nông khi xưa, chết được Ngọc Đế phong làm Táo Thần Trọng sách. "Hoài Nam Tử" ghi "Viêm Đế giữ chức Hỏa Quân, chết làm Táo Thần" .
Có thuyết thì nói Ngài là TOẠI NHÂN, bởi vì xưa kia Tôi Nhân đã dạy người kéo cây lấy lửa.
Có thuyết nói Táo Quân là con trai của Chuyên húc đời Tam Hoàng Ngũ Đế. Sách "Chu Ký" viết: - "Chuyên húc có đứa con trai tên Lý, tự Chúc Dũng, được thờ làm Táo Thần".
* Lại có thuyết nói rằng Táo Thần vốn là một thiên thần, vì không làm tròn phận bon nên bị giáng xuống Phạm Trần, coi sóc việc bếp nực của mỗi nhà, lần lựa bận bỉu không thể trở về trời được.
Việc một người sau khi chết được trở thành "Thần" là một tiền lệ xưa nhất của văn hóa Trung Quốc.
Chuyện chép rằng, ngày xưa có một người quá nghèo, đến nổi phải cho vợ con đi ở mượn, sau đó trở thành người ăn xin của vợ con ba bữa cơm hàng ngày Quá hổ. Thẹn nên ông ta nhảy vào lửa mà chết. Bà vợ chồng tưởng niệm bằng cách đặt một bài vị thờ ông ta ngay ở chỗ khuôn bếp, sớm chiều cúng kính. Có ai hỏi thì đáp là "thờ vua bếp" Người đời. bắt chước làm theo nên thành ra tập tục như ngày nay.
-Cũng có một truyền thuyết khác, thuở xưa có gia đình vợ chồng người họ Trương, vì nhà nghèo mà lại gặp năm mất mùa, bất đắc dĩ phải cho vợ cải giá (lấy chồng khác) thiep làm cho một người giàu có. Ông nhà giàu nay rất tốt bụng, thường hay tổ chức các buổi "tế bạn", giao cho các tì thiếp phụ trách Ngày đầu của. buổi chẩn tế ấy, người có mặt chồng cũ đến xin,

nhưng rủi thay đến thứ tự của ông ta thì đã hết cơm.Ngày hôm sau bà vợ thay đổi cách phát cơm là từ người cuối phát tới, nhưng đến người chồng thì cũng hết cơm lại Qua ngày thứ ba., bà vợ định thay đổi cách phát là phát từ ở giữa trước, nhưng chẳng thấy người chồng đâu cả Bà vợ. đi tìm, mới hay là người chồng đã chết ngày hôm qua rồi Quá đau! xót, bà vợ liền tự ải theo Ngọc Đế biết chuyện,. thương cảm tình sâu nghĩa nặng của đôi vợ chồng nay, nên phong cho họ Trương làm "Táo Thần", cho vợ chồng cùng cai quản việc lửa khói của nhân gian.

* Cũng có truyền thuyết, Táo Thần có Tánh tình không bình thường, cho nên phải hết sức thờ Phụng Ngài mới không bị phạt quo Trọng "Quí Dĩ Tiêm cao" có nói rằng., Táo Thần là Thần Lửa, vốn là một vị tiểu thư quí tộc, có đến 36 người thị nữ theo hầu, bình thường thì cô chỉ mặc những quần áo màu nhạt rất nhiều, nhưng khi cô tức giận ai đó, thì lại mặc quần áo đồ chơi. Cô trước kia đã từng làm đầu bếp cho Ngọc Đế, Phùng lệnh cho Ngài xuống trần gian để phục vụ cho người con Vì thế., cô hay bất mãn dễ nổi giận, dân gian phải hết sức thờ Phụng để tránh sự nổi cơn thịnh nộ của cô.

* Lại có truyền thuyết, Táo Quân họ Trương tên Ngòi, tự Tử Quách, dáng người tuấn anh, dung mạo như mỹ nữ, nhưng lại có tính lười biếng, hay tìm chỗ trốn lánh nghỉ ngơi ăn thì phải có món. Ngon, lại rất hiếu sắc vốn là đầu bếp của thiên đình,. Một hôm nấu cho Tây Vương Mẫu đãi tiệc, vì cứ mê ngắm nhìn sắc đẹp của những tiên nữ thị tỳ của Vương Mẫu nên để cháy mất món ăn, bị phạt giáng xuống trần gian làm Táo Quân, đầu bếp của trần gian toàn là đàn bà con gái, tha hồ cho Ngài nhìn!

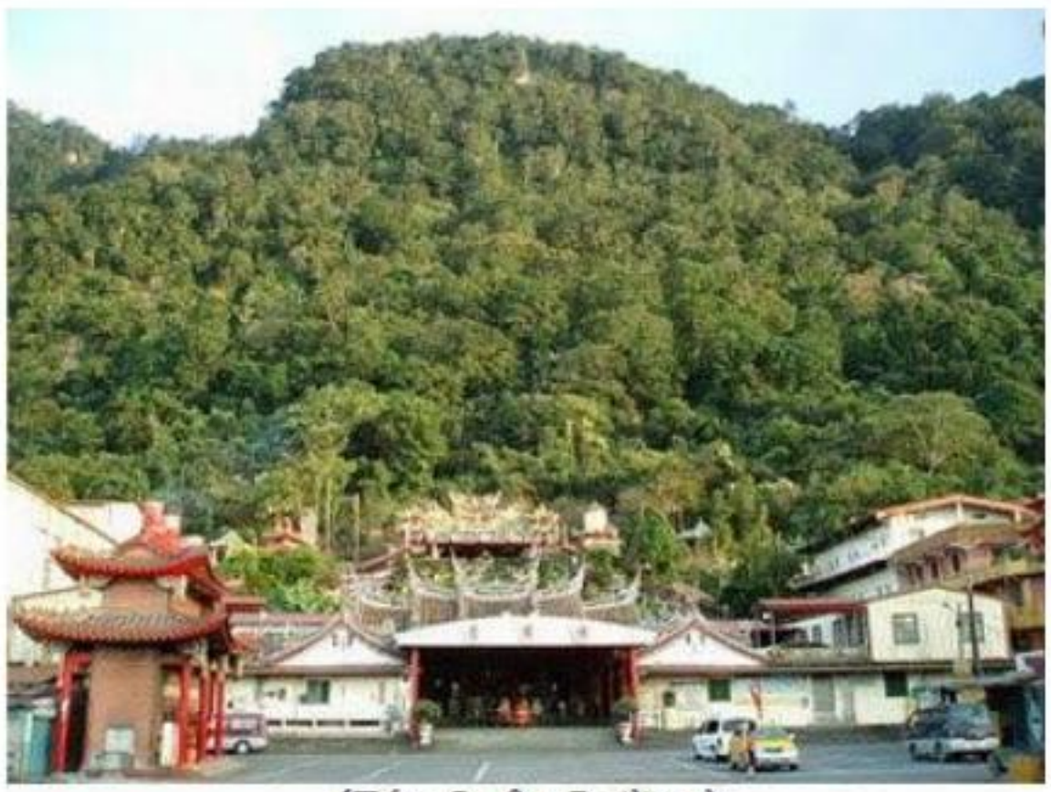


* Đại đa số hình tượng Táo Quân hậu đều rất trung đoan chính, mặt mày để mập, có màu đồ chơi Điêu đó. Ngâm ý nói răng Ngài thích ăn nhiêu và coi vê "lửa" nên mới như thê.

* Táo Thần được phong chức sau khi chết, lúc trước rất nghèo khổ, sau thành một vị thần tài hỗ trợ việc "tống tài chiêu phước" (đưa tiền góp phước).

Bếp ăn, từ ngàn xưa đã được người cổ đại sùng bái, sau trở thành biểu trưng của sự no ấm thịnh vượng của mỗi gia đình, là đà phát triển tất yếu của con người Việc cầu. Táo Quân ban cho phước lộc cũng là điều dễ hiểu thôi!

* Sở dĩ Táo Thần nhân gian được kính trọng vì là, ngoài bon phận cung cấp thức ăn để nuôi sống con người, Ngài còn có Chưc trách theo dõi sinh hoạt tốt xấu của người trong nhà nữa Thế nên., Ngài có hai vị phụ tá, một vị là "Thiện Quán" (xem xét việc tốt), một vị là "Ác Quán" (xem xét việc xấu) của con người để ghi chép lại. cuối năm tổng kết cho Táo Quân về trình tấu với NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ Ngày hai mươi bốn tháng chạp. (12) thì Táo Thần sẽ lia thế gian trở về thiên đình để tau trình kết quả của mỗi nhà trong năm đó Cho nên., dân gian có tục "Đưa Ông Táo" vào chiều ngày 23 tháng chạp.
* Trọng sách "Kính Táo Toàn Thư" nói, "Táo Thần hưởng nhang khói của một nhà, giữ gìn sức khỏe cho người trong gia đình, theo dõi việc thiện ác của nhà đó, tàu trình công hay tội của nhà đó" ( thụ nhất gia hương hỏa, bảo nhất gia khang thái, sát nhất gia thiện ác, tấu nhất gia công quá) Theo thuyết nói rằng,. nếu bị Táo Thần cử tội lên thì HOÀNG NGỌC ĐẠI ĐẾ giảm thọ cho người đó, nếu nặng thì bị giảm thọ ba trăm ngày, nhẹ thì giảm thọ một trăm ngày.



(Táo Quân Đường)

* Việc cúng tiễn Táo Thần dựa vào qui tắc: "Quan tam, tứ dân, Đặng ngũ gia".

Quân là chỉ cho những nhà quan chức quyền quí, tập quán cúng tiễn vào ngày 23.

Dân là chỉ cho bạn Tánh bình thường, cúng tiễn ngày 24.

"Đặng gia" là chỉ cho giới thượng lưu cao cấp, cúng tiễn ngày 25.
Nhưng thường trong dân gian lại dùng 23 ngày để tiễn cúng, là vì hy vọng "lấy hơi quan" để nhà mình được phát đạt.
-Phẩm vật để cúng tế Thần Táo thường là những thức vừa ngọt vừa deo như là: - dưa hấu, kẹo mạch nha, kẹo kéo, bánh da lợn ... Dụng ý là để cho thức ăn còn dính vào miệng của ông Táo, khi Thần Táo về trời chỉ tau những điều tốt lành "ngọt ngào" của người nhà thôi! Thế nên có câu: --
"Ngát Điềm Điềm-Thuyết hảo thoại" (ăn ngọt ngọt, nói việc tốt)
và câu: - "Hảo thoại truyền thượng thiên-Hoài thoại đâu nhất biên" (Nói tốt trình lên trời, việc xấu tránh qua bên) Ngoài ra., cũng để "trạm miệng" ông Táo, người ta cũng thường cho ông uống một loại rượu đặc sản, dùng riêng cúng ông Táo, gọi là "Túy Tư Mệnh" (ông Táo nói) Mục đích. là cho ông Táo nói mem, quên đầu quên đuôi, chẳng nhớ gì mà tau trình! Do đó , cúng tế Táo Thần có ý nghĩa là "cầu phước tránh họa" vậy.
* Khi cúng tiễn Táo Quân, Don bày phẩm vật ra, đốt hương để cúng, châm rượu lần thứ nhất, khăn vải cầu xin điều gì, tiếp theo châm rượu lần thứ hai, rồi lần thứ ba Xong,. Đi tấm tượng Táo quân cũ xuống, kèm với hình con ngựa và giấy tiền vàng bạc đốt chung, hoàn thành lễ

tiễn đưa Táo Quân về trời Cần nhớ là vì đốt con ngựa. cho Táo Quân coi, thì phải nhớ kèm theo cỏ khô và đậu nành để làm thức ăn cho ngựa. Như vậy thì Táo Thần và ngựa đều có đầy đủ lương thực và thực phẩm cho cả hai, đủ sức đi về trời Ngoài ra., cần nhớ khi đốt hình tượng ở ngoài trời xong rồi, phải lấy nhặt ít tro của đặt vào bình, mang đến trước bàn thờ ông Táo van vải: - "Thượng thiên ngôn hảo sự - Hồi cung bình giáng một" (lên trời tau việc tốt- trở về hộ bình an), đại khái là những vải lời như thế, ý cầu xin Ngài đừng tau việc xấu và khi trở về phù hộ độ trì cho toàn gia đình được bình an may mắn, tránh khỏi những việc hay không cho gia đình mình.
* Sau lễ tiễn đưa ông Táo rồi, đến ngày mùng bốn tháng Giêng phải nhớ làm lễ rước Ngài về (Có nơi cúng vào. Đêm giao thừa) gọi là lễ "Tiếp Táo" hay "Tiếp Thần" (đón thần Táo). Lễ nay rất đơn giản, treo hình tượng mới của Táo Quân và hình con ngựa mới, tượng trưng là Ngài đã trở về đến nhà, trấn thủ trong gia đình để tiếp tục phù hộ và giám sát việc thiện ác.
* Việc đưa tiễn Ông Táo thì không nên làm trước ngày 14 tháng chạp, chọn được ngày tốt theo lịch Thông Thăng (ngày nào có ghi nên: - tế lễ, cầu phước là được Hoặc là. Chọn ngày có Thiên đức, Nguyệt đức , Tam hợp, Thiên hỉ ...)
* PHẨM VẬT CUNG TẾ: - Gồm có: --
- 3 cây nhang trầm hương hoặc Phách hổ (loại nhang nay có mùi thơm đậm, cúng thần rất tốt, truyền thuyết nói rằng mùi thơm của nó có thể bay lên thấu trời)
- 3 chung rượu hâm nóng (vì trời lạnh)
- 2 cây cây đèn đỏ
- 3 chung hồng trà
- 3 đôi đũa
- 3 cái chén
- 1 dĩa rau
- 8 miếng mứt hoặc một bình mạch nha.
- 8 đĩa trái cây hay đường miêng (đường phương)
- 1 khổ thịt luộc (nếu là Phật tử thì miễn cúng thịt, giới sát)
- 8 miếng xôi vị (thang hoàn bánh bao =?) (Tương truyền khi ông Táo ăn xôi vị thì tiếng nói không còn trong trẻo, nên Ngài ngại không dám nói nhiều để tâu trình Ngọc Hoàng)
- Áo mão Táo Quân, giấy tiền vàng bạc, khối giấy vàng ...
* Nghi thức cúng: --
- Bay phẩm vật trước bàn thờ Táo Quân.
- Đốt đèn, xử lý ba xử lý, cảm đèn lên bàn.
- Đốt nhang, xử lý ba xử lý cắm lên Lư Hương
-qui xuống chấp tay lên ngực, miệng khan vải ba ý: - cảm tạ ơn Ngài phù hộ suốt năm ---- Kính tiễn Ngài về trời (đừng tau việc xấu) --- Khi trở về xin phù hộ sức khỏe dồi dao, công việc làm ăn thuận lợi vv ...
- Ở chỗ Lư Hương có đặt miếng đường hoặc miếng nhỏ xôi vị
- Đốt áo mạo và giấy tiền vàng bạc trên như ...
* Việc thắp hương cho ông Táo thường thì vào hai lần sáng chiều, có nơi chỉ thắp vào buổi chiều tối.
-Chỗ thờ Ông Táo tốt nhất là đặt vào vách tường phía Nam của nhà bếp Có chỗ. Nói là "đông trù" nên đặt ở vách tường phía Đông.
-Táo Quân là vị thần gần gũi và rất quan trọng trong gia đình, cần phải nghiêm chỉnh Phụng thờ, cúng bái tâm thành, chứ không nên Xue xoa bắt chước theo người cho có lệ. Nhất là đứng quá dễ dai mua đại tấm bài vị thờ Táo Quân rồi đặt chỗ nào tùy thích thì không được.
-Bàn thờ Táo Quân phải ở chỗ khang trang, sạch sẻ, cao hơn đầu mình. Cung kính lễ bái theo ý "kỉnh thần như thần tại" thì Ngài Định Phước Táo Quân mới phù hộ độ trì cho bản thân và gia đình được bình an khỏe mạnh, tăng phước thọ lâu dài.



(Táo Quân Điện)

* Nhược THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 17. PHƯỚC ĐỨC CHÍNH THẦN .



Chúa - (Trái đất Chúa).

Trái đất Chúa thánh bảo trợ của đất, tên chính thức là "thượng đế", người dân thường được biết đến như là một Tu Hou, thần, công xã hội, Bác, đất, linh vật, vv trên các đường phố, ngôi đền bắt đầu với "thần" kính cẩn.

Trung Quốc kể từ thời cổ đại, được thành lập vào nông nghiệp ở những người nói chung rất chú trọng đến đất đai mà đất có thể trồng những loại ngũ cốc, với hạt để tồn tại, và do đó đất nhờ Hoài Chang Nian, tự nhiên, để sản xuất một tâm lý sùng bái đã tạo ra một vùng đất của Thiên Chúa, các thần cho đất như một mảnh. Chu triều đến 25 là một xã hội, và pháp luật về xã hội đã không Tonari vô địch, vô địch xã hội, pháp luật về sau khi tôn thờ các vị thần là Thiên Chúa Trái đất, mỗi cơ quan phải ban hành một bàn thờ của cộng đồng dành cho đất của Thiên Chúa, cầu nguyện cho thu hoạch tốt. Houtu là báo cáo phụ trách đất đai tại chín tiểu bang Tổng cục của Thiên Chúa, trong khi thần đất được quy cho một nơi thuộc Houtu đất thần, bất kỳ đời đạo đức, cái chết đủ điều kiện để áp dụng cho Đức Chúa Trời đất. Vì vậy, Thiên Chúa cũng được gọi là thần đất. Việc giải quyết cổ xưa gọi là "Xã hội", do đó được gọi là đất của Thiên Chúa như là "cơ quan công cộng" và bắt đầu một trừu tượng hơn hoàn toàn,

và sau này trở thành nhân cách, và hình thành một cộng đồng của mẹ vợ chồng công xã hội,, cũng gọi là "Trái đất Thiên Chúa", "Tu Depo." Là thuyền, đạo đức thần. Trái đất thần của tất cả các vị thần được nêu trong tỷ lệ của một thần cao nhất.
Thiên Chúa của trời đất trong thời cổ đại của các vị vua hay chức địa phương cho các cấp nghi thức, được gọi là lễ hội mùa xuân và mùa thu, mọi người có thể tư nhân không được tôn thờ, những người cổ xưa người đọc về lòng biết ơn đất Changhuai cho thần đất hy sinh, nó phát triển một cách hiến tế để phân biệt nó với Trái Đất chính thức của Chúa tể của những lễ hội mùa xuân và mùa thu, như vậy là không xúc phạm Tianwei. Trung Quốc là một nước nông nghiệp, nông nghiệp có một mối quan hệ tốt với mùa giải, các Ancients trong thời gian xuống giống, lễ hội sẽ được "Trái đất Thiên Chúa" để cầu nguyện cho thu hoạch tốt, nhưng cũng tại thời điểm lễ hội thu hoạch "Trái đất Thiên Chúa", các báo cáo thu hoạch để cảm ơn đất " công chúng, "các cựu được gọi là" Mùa xuân Prayer ", được gọi là" Mùa thu. "
Người cổ đại trong "Mùa thu" đến "Trái đất Thiên Chúa" để cầu nguyện cho phước lành phước lành xuống Paul, 15 tháng 8, chính xác khi thu hoạch ngũ cốc ngày này, người dân sẽ được tư nhân hy sinh, "Trái đất Thiên Chúa" báo cáo thu hoạch, ngày hôm nay " Mid-Autumn Festival "có lẽ là" Mùa thu "và di tích và lợi ích thế hệ tương lai thông qua những điều tinh túy của các dần dần lớn lên.
Đất của các vị thần thờ trước nhà Minh Thắng, nhờ có khuyến mãi, theo "Man of Langya bản sao" hồ sơ, hoàng đế Thái Tổ sinh ra một trái đất nhỏ Thiên Chúa trong đền thờ, do đó, số lượng nhiều đặc biệt-Ming tei miu, sau hơn Xiangyanchengxi , tei miu về phong cách phổ biến có thể được nhìn thấy từ Thiên Chúa Trái Đất Thiên Chúa của đất của các ngành dịch vụ chức năng, các chung chung là chủ yếu, mái tóc bạc trắng để là người lớn tuổi, người đã tạo thành một thanh đi bộ nếu Shouzhu một người bảo vệ về nhiệm vụ, đang nắm giữ một phôi vàng hoặc một người wishful Thiên Chúa là đất của Wealth. Nếu một số khu vực trường học cao học giả vô địch (nay là thị trưởng, quận trưởng) Trái đất của Thiên Chúa sẽ phát triển hơn nữa, đâu có thể được thêm mặc mũ chính thức.
Trong khu vực tư nhân, ngoài Đức Chúa Trời đất như Thiên Chúa, nhưng cũng coi là God of Wealth và linh vật, bởi vì người dân tin rằng "bạn có đất, bạn có sự giàu có" khái niệm, do đó, Đức Chúa Trời Trái đất đã được coi là thánh bảo trợ của thương nhân. Ông được nói là cũng làm cho thu hoạch tốt và đến thị trấn ma, do đó, nhiều người đưa đón Đức Chúa Trời của Trái Đất vào trong nhà và tôn thờ. Gia đình trung bình trong số năm trường có phải thờ phượng Thiên Chúa trong Đức Chúa Trời Trái Đất, ngôi nhà của chúng tôi đã không thờ phượng Thiên Chúa Trái đất, mà còn hai ngày mỗi tháng, 16, nhà nằm ở mặt trước của bảng hương, candle, dịch vụ thờ phượng. Tuy nhiên, hầu hết nông dân đều dựa trên mặt trăng mới hàng tháng, tìm hai ngày, có nghĩa là, những người bắt đầu và 15 Trái đất thờ phượng Thiên Chúa.
Trái đất của Thiên Chúa tượng thường mặc một hat tiền, brim đến hai loại vải được võng vai, khuôn mặt tròn và đầy đủ, và hai vi cái nhìn xiên, trắng tóc và bộ râu trắng, mỉm cười, loại amiable, và cơ thể ngồi thẳng lưng ghế, tay phải của ông điều hành Ruyi hoặc mía thực thi, tay trái của ông đang nắm giữ vàng phôi, vai vi Song, rất dài hồ quang đặc biệt rõ trong dạ dày, chân tách ra từ sag tự nhiên, mãi mãi trong tâm trí của người dân với các phước lành "", "đạo đức" đồng nghĩa với việc người dân có thể tin tưởng ý nghĩa của hy vọng.
Truyền thuyết của nhiều người trên trái đất Thiên Chúa, một trong đó là: thần tên là tên Trương Ford, Chu Vũ Vương được sinh ra trong 02 tháng 2 năm, đưa lên minh Shiko; 36 tuổi, các tòa án Shuiguan tổng số cán bộ, thẩm phán toàn vẹn, đau khổ, từ bi của người dân, làm nhiều tổ chức từ thiện. Vua Mu Zhi Chu ba năm qua đời ở tuổi 10 tuổi. Dường như nhau sau cái chết của ba ngày, có một gia đình nghèo của bốn thành đá Đà Shiwei được gìn giữ, không lâu sau đó, từ nghèo đến sự giàu có, nhân dân tin tưởng vào thần thánh phước lành, là một liên doanh, và đền thờ金身nhựa, do đó, người kinh doanh thường được thờ phượng cái.

Cũng cho rằng, trong cái chết của ông, đã thành công bằng cách trên và chéo thấp-Thủy Quan Trịnh, không có gì không muốn, Minbukanming.
** Tại thời điểm này, mọi người suy nghĩ của Trương Fude cho lợi ích chính trị, ám ảnh, do đó, đền thờ, nào là tên của tôn trọng "thượng đế".
Một truyền thuyết khác: Dr Thương và Chu triều đại là một công chức trong nước đặt tên là Trương của Matilda tên. Con gái trẻ của bác sĩ vì cha ở nhà suy nghĩ lo âu, để được đi kèm với một công chức để đăng bài mới của mình bằng cách Zhang đã gặp pro-, nhưng khoảng cách tham gia, nửa ngày, tuyết rơi xuống, một cô bé gần như đóng băng để đến cái chết, may mắn thay quần áo trẻ em cứu Trương công chức nhà chủ chính mình và họ đã được làm lạnh đến chết. Yi đầy tớ của cái chết, đột nhiên nổi lên trong không khí, "Nantian Gate Thành phố Daisen Ford Thiên Chúa" tám ký tự, khi con người được sự khác nhau, nhiều người tin rằng các bộ phận của Thiên Chúa, cho ý nghĩa chức danh công chức, bác sĩ cũng tỏ lòng biết ơn đối với công chức Taientaide Zhang, Limiaoyisi. Houtu số quà cho Chu Vũ Chu, khi nào, vì thế trái đất Đức Chúa Trời cũng được gọi là thần.
Tần Thủy Hoàng cũng có truyền thuyết về bạo ngược, Trịnh Trung Quốc xây dựng Vạn, Meng Jiangnu Han Ji Lạng chồng bằng tiền của, không may, đã chết dưới thành phố. Xun Fu Meng Jiangnu một lần trong khóc xuống Vạn, tiếp xúc nhiều xương của người chết, không được công nhận. Khi một người đàn ông nói: Các thả vợ của xương máu của người chết, nếu xương của người chết phải được người chồng blood-stained xương. Và nó không thể tìm thấy một cú sốc, nếu tìm sẵn sàng tuân thủ lăng mộ của nó. Meng Jiangnu máu để tìm kiếm, cuối cùng đã có chồng của xương, trong khi ông già giữ ngôi mộ người chồng của họ, đây là nguồn gốc của truyền thuyết Houtu.
"Sách Lễ ký tự nông thôn ·": "gia đình là cơ quan chính trong phiếu và đất nước" (trong phiếu mà trái đất thần).
"Lữ Shi Chun Qiu · Meng-Đồng ý": "cũng là ... ... trên cắt lớn, Temple Gate tại xã và Lữ, Tề đáp ứng các tổ tiên của năm" (5 Ki: Gỗ là câu nói của ông Núi Si hộ gia đình, tôn thờ lửa bếp của họ là một cháy nghiêm trọng, trái đất là Houtu phiếu thờ phượng của họ: Houtu cho Câu lạc bộ, thờ phượng của Kim Jong-cửa mat đóng cửa, nước giếng Xuanming thờ của nó).
"Bạch Hổ đạo đức" đi: "người từ cổ đại hoàng đế xuống thường, Li Chieh-te phong tho Câu lạc bộ, để cầu nguyện báo rằng sức mạnh, họ tôn thờ các thần Yue Club, Sishen của của Yue Yi Xã hội" Bạn Vân: "Trong thế giới đang tìm kiếm khen thưởng, quyền lực, người dân của đất không phải là không pháp luật, không thung lũng không ăn, do đó, phong tho li cộng đồng, hiển thị ở đó là một tài sản của nó. " "Câu lạc bộ, cũng là thần của đất" Sau khi đất là do thần này, trái đất thần..
"Miraculous Mã, thần của Sở nhận xét chung · thuyền" Cloud: "Xianru đến thần của lễ hội cộng đồng trái đất năm, năm đất bằng cách: 1 Yue-rừng núi, thứ hai là Kawasawa, thứ ba là đồi núi, Si Yue mộ Yan, Wu Yue gốc xi. Minh Nguyệt cơ quan ai cũng là tên của đất: nơi trái đất nằm, tất cả có thể phụ thuộc vào, vì vậy họ cũng venerate ", do đó, cả hai vị thần đất nằm ở đó, lớn như một đất nước nhỏ đến địa phương, không phân biệt của hệ thống phân cấp, ở khắp mọi nơi , khiếm nhã nói: "Tao Dento Trái đất Thiên Chúa" là một biệt hiệu cho thượng đế của âm, trải đầu tiên phong đế nhập Đài Loan đất hoang đất khai hoang, con người và ngày của cuộc thi, Piper đường Lanlv, Sri Lanka là một đất, như là Thiên Chúa Trái đất như consequent bất cứ khi nào và bất cứ nơi nào sự bảo vệ của Thiên Chúa.
"Filial Jingwei" cho biết: "Xã hội, đất Keiya. Không tôn trọng chiều rộng đất, do đó, đóng dấu cơ quan đất đai, để báo cáo sức mạnh của nó."
"Xuân Thu Tả truyện" đi: "Long câu được làm việc với Thầy nói, Tả truyện Xu, neng-Ping chín vùng lãnh thổ, để Houtu, do đó, có nhãn trên thờ tự công cộng cho cộng đồng."
"Sách Lễ. Kingship, "tuyên bố rằng:" Đế quốc Xã hội cạnh đang đứng sau quầy bar, ít hoàng tử và Xã hội cạnh vững chắc "". Tính xả giao Li Wang Club, Câu lạc bộ, Houtu cũng có, để thờ người Yan. ", Và rau," Hou Tự, thần của nhân dân. "

Trái đất Thiên Chúa cho các thánh bảo trợ địa phương của cộng đồng làng, quản lý của một mặt đất, rất nhiều, vì vậy nó được sáng lập Jhuangwei Trái đất của Thiên Chúa nói với các hướng dẫn từ bàn thờ ở khắp mọi nơi và của mọi người. Doanh nghiệp, nông dân được gìn giữ hơn mộ đạo. Trái đất Chúa từ mặt đất và Thiên Chúa thành người đàn ông của Thiên Chúa, cho thấy người dân Trung Quốc "Thiên Đàng và Man" của đa thần khái niệm, rất cao, bao gồm và quyến rũ. Mặc dù dưới hình thức xã hội ngày nay đã được cải thiện đáng kể, 100 công, thịnh vượng và ổn định cuộc sống chung, các cửa hàng, nhà máy, hoặc gia đình trung bình vẫn còn tin vào "Trái Đất Thiên Chúa", là "Trái đất Thiên Chúa" như là linh vật, Thiên Chúa của Sự giàu có, hàng năm các Lunar New Year đầu vào tháng Hai trên 2 ( Chun-Chí) và Ngày 15 tháng 8 (mùa thu) được xử lý nhờ Trái đất Thiên Chúa, cho Tạ ơn, trái tim của đất không bao giờ chấm dứt.
Là ngày sinh nhật của thần hai ngày kể từ ngày Tết Nguyên đán vào tháng Hai.



Tiger:
Không có ngôi đền đặc biệt cho Tiger Temple, Chúa chỉ có Chúa với Hồng Phong, Tiger của vị thần chính là hai: một cho Thiên Chúa Trái Đất, mặt khác cho Chúa Bao Sheng.
Truyền thuyết dân gian, Hổ là Thiên Chúa của Trái Đất dưới, những con hổ thường làm theo Thiên Chúa Trái Đất, theo lệnh của Đức Chúa Trời Trái đất để hành động, do đó, có những đền thờ Thiên Chúa trái đất, nói chung là dành riêng cho Thiên Chúa dưới bảng các, Tiger, được sử dụng riêng cho Trái đất Chúa cưỡi Tiger. Kitô hữu tin rằng Zhangzhetaizui hổ có thể tòn ten từ kho báu, do đó, sử dụng rộng rãi của công dân được gìn giữ. Trong đó, nhiều con bạc tin vào sâu, cũng như ngành công nghiệp nhà hát cũng rất tôn trọng.
Tiger đền nhưng thường không cho Thiên Chúa với Chúa để đi xe, nhưng khi canh gác thần được gìn giữ trong ngôi đền này, bởi vì nó đã bị trục xuất Pandora bệnh dịch hạch, các quỷ, và chức năng bảo vệ ngôi đền. Cũng theo truyền thuyết, Tiger có thể chữa trị trẻ em bị quai bị, khi trẻ em bị quai bị, được sử dụng giấy vàng sờ cằm của hổ, và sau đó sử dụng giấy vàng và gắn liền với các trẻ em bị ảnh hưởng của phần, sớm lành bệnh sưng.



Phước Đức Chính Thần - (Thổ Địa Công)

Thổ Địa là vị thần hộ thủ về đất đai nhà ở. Danh xưng chính thức của Ngài là "Phước Đức Chính Thần" Trọng dân. Gian còn xưng là "Hậu Thổ", "Xã Thần", "Công Xã", "Bá công "," Thổ Địa "hoặc" Phúc Thần ". Ở các nơi thờ Phụng ngoài trời hay Miếu Vũ thì tôn xưng là" Phước Đức Chính Thần ".

* Đất nước chúng ta (TQ) từ xưa lấy nông nghiệp làm gốc, cho nên trăm họ đều coi trọng đất đai, vì có đất mới có thể sản xuất ra ngũ cốc để ăn sống mà Vì thế., Đối với đất đai có sự biết ơn rất lớn, từ đó, sinh ra tâm lý sùng bái và sáng tạo ra một vị thần đất để thờ Thổ Địa Công Phụng hiện. hữu là như vậy.

* Đời nhà Châu, cứ 25 nhà thì gọi là một xã. Mà đã lập ra xã, thì hàm nghĩa là đã có "đất". Thế nên sau khi thành lập xã, thờ vị thần đất gọi là "Thổ Địa Công". Mỗi xã lập ra một cái "đàn" để cúng Thổ Địa, cầu cho trúng mùa no ấm.

* Theo truyền thuyết thì Thần Hậu Thổ là vị chưởng quản hết tất cả đất đai chung cả nước, vậy Thổ Địa Công là vị coi sóc vùng đất nhỏ của địa phương nào đó. Phạm người sống mà lúc có công đức với vùng đất nào đó, thì khi chết được phong làm Thần Thổ Địa Sở dĩ. Thổ Địa được tôn xưng là "Phước Đức Chính Thần" là vì lúc xưa, các tụ lạc gọi là "Xã" và thần Thổ Địa gọi là "Công Xã". Lúc mới bắt đầu thờ thì còn rất là trừu tượng, về sau mới nhân cách hóa bằng hình ảnh hai vợ chồng, gọi là Xã Công và Xã Mẫu, cũng gọi là "Thổ Địa Công" và "Thổ Địa Bà" Đó là. vị thần tượng trưng cho đạo nghĩa của đất nước Vì thế., Thổ Địa là vị thần đứng hàng đầu trong các thần được thờ cúng.

* Ngày xưa, việc cúng tế trời đất chỉ dành riêng cho vua chúa mới được cúng, gọi là "Xuân Thu nhị tế" (cúng vào hai mùa Xuân Thu). Do đó, dân gian mới tạo ra hình tượng Thổ Địa Công để nói lên sự biết ơn đối với đất đai trồng trọt mà khỏi phạm vào cấm luật của vua quan.

Đất nước ta (TQ) theo nông nghiệp là chính, nên trước khi vào vụ trồng cấy, cúng vái Thổ Địa phù hộ cho trúng mùa, đến lúc thu hoạch thì cúng Thổ Địa để tạ ơn được mùa Lần đầu. Cúng gọi là " Xuân kỳ ", lần sau cúng gọi là" Thu báo ".

-Ngày xưa, lễ "Thu báo" thường là vào ngày rằm tháng tám, tức là lúc đã thu hoạch xong mùa vụ, vừa trúng mùa cúng tạ ơn, vừa cầu xin phước lộc với Ngài "Thổ Địa Công" Có lẽ đây. là nguồn gốc của Tết Trung Thu ngày nay vậy.

* Việc sùng bái Thổ Địa phát triển mạnh vào thời Minh Thái Tổ Theo "Lạng Nha Mạn Sao" nói rằng, Minh Thái Tổ sinh ra đời. Trong một cái Miếu Thổ Địa, cho nên thời nhà Minh, số lượng Miếu Thổ Địa tăng rất nhiều, không nơi nào là chẳng có.
* Việc tạo ra hình tượng Thổ Địa Công cũng nói lên được những nét đặc thù về chức trách của Ngài. Đó là một ông già râu tóc bạc trắng, tay cầm gậy tượng trưng cho sự gìn giữ đất, một khối cầm tay hoặc vàng ngọc như ý, là nói đây là Thần Tài của vùng đất Nếu nơi. nào có được những người đỗ đạt trạng nguyên, tiến sĩ (ngày nay là hương trưởng, huyện trưởng) thì Thổ Địa nơi đây có thêm chiếc "mạo quan" .
* Trong dân gian, ngoài việc thờ Thổ Địa Công thần làm đất, còn thờ thêm Tài Thần và Phúc Thần, vì dân gian tin rằng, ông "có đất là có tiền", do đó, Thổ Địa Công được các thương gia tôn làm "thần hộ thủ".
Truyền thuyết nói rằng, Ngài ngoài chức trách giúp cho nông dân trúng mùa, còn thêm chức năng trấn Quỉ yếm thần, giải trừ ma xua đuổi ác Vì thế., Dân gian hay đến Miếu để thỉnh Ngài về nhà trừ tà ma yêu quái về sau mới phát triển dần đến việc đều có mỗi nhà thờ. "Ngũ Thần" trong đó có Thổ Địa Công Còn nhà. nào không thờ Thổ Địa thì mỗi tháng vào ngày mùng hai và mười sáu. Bay hương án ra trước cửa cúng vải Thổ Địa Công, từ đó hình thành tập quán cúng Thổ Địa vào hai ngày sau ngày sóc (mùng 1) và rằm (ngày vọng ngày) (tức là ngày mùng 2 và ngày 16) (* Ngày nay trở thành cúng cô hồn chiến sĩ-ND)
* Hình tượng thờ Thổ Địa thường là một vị đầu đội Mao, hai bên có hai mạo tua phủ xuống đến vai Mặt vuông mà đầy đặn,. Hai mắt hơi hip, tóc bạc râu dài bạc, dáng dập hiền hòa dễ thương. Mình ngồi ghế "thái sư", tay phải cầm ngọc như ý hoặc cầm trường, tay trái nắm "khối vàng", hai vai là đầu và đuôi rồng thêu trên áo lộ ra, bụng để nổi lên rất đẹp, hai chân xuống theo Bường thế tự nhiên. Trọng ý tưởng của dân gian hai âm "phúc" (bụng) và "phúc" (trong phúc đức) là giống nhau, cho nên người ta dùng hình tượng "để bụng" để nói lên sự "được phúc lớn . "
* Truyên thuyết về Thổ Địa Công rất nhiều: --
* Phước Đức Chính Thần họ Trương tên Phước Đức, sanh vào ngày mùng hai tháng hai đời Chu Vũ Vương năm thứ hai. Từ nhỏ, tỏ ra thông minh và rất hiếu thảo. Đến năm 36 tuổi, làm quan thâu thuế của Triều đình Ông rất. liêm chính, thương xót bạn Tánh khổ sở, nên đã xin giảm tau nhiều hạng mục thuế vụ, dân chúng rất sùng kính Đến năm. thứ ba đời Chu Mục Vương thì từ trần, thọ một trăm lẻ hai tuổi. Chết đã ba ngày mà mặt không đổi sắc, có một nhà nghèo kia đem bốn tảng đá lớn thành ngôi nhà xây bằng đá để thờ ông Phụng Chẳng bao lâu sau., nhà nghèo kia trở nên giàu có, mọi người đều tin là làm thần ân hộ trì, nên chung lại thành mà xây Miếu Thờ, Lạy thân kim lễ Ngài Những người buôn bán thường đến cúng bái, được Ngài gia hộ nhiều may mắn.. thuế thâu Vị quan thay Ngài rất tham lam, bóc lột nhân dân thậm tệ, ai nấy rất oán giận. Do đó, người ta tưởng nhớ đến lòng tốt của Trương Phước Đức thêm nhiều, và Miếu thờ của Ngài trở thành Miếu Thờ "Phước Đức Chính Thần".
* Lại có một truyền thuyết khác, vào đời Thương, Chu, vị quan thượng đại phu ở Triều đình, trong nhà có một tên đây tớ họ tên Trương Minh Đức. Người con gái nhỏ của quan đại phụ nhớ cha, nhờ người đây tớ họ Trương, sáng nay đi thăm cha Nhưng trên đường xa,. ngày nọ bông trời đô tuyết xuông rất nhiêu, đứa con gái nhỏ săp công chết, nhưng nhờ họ Trương xả thân lấy hết quần áo ủ ấm cho bé gái thoát chết, còn bản thân anh ta thì bị chết vì lạnh lúc quay trở về nhà Khi người nghĩa bộc vừa chết., trên không trung bổng tám chữ hiện ra "Nam Thiên Môn Đại Tiên Phước Đức Thần". Mọi người lấy làm kinh dị, cho rằng thiên đình đã phong chức cho người nghĩa bộc họ Trương Còn vị quan. đại phu cảm niệm ơn đức cứu mạng con mình, dã cho xây Miếu Thờ Đến đời. Chu Vũ Vương được người đời tặng là "Hậu Thổ", cho nên Thổ Địa Công mới có danh hiệu "Phước Đức Chính Thần".
* Cũng có truyền thuyết nữa là, vua Tần Thủy Hoàng bạo ngược, bắt dân xây dựng Vạn Lý Trường Thành, người chồng của nàng Mạnh Khương tên Hàn Kỷ Lang cũng bị bắt đi làm xâu (sưu), chẳng có thể bị chết dưới thành Nàng Mạnh. Khương chồng đi tìm xác nhưng

không gặp, liền khóc đến nổi lật cả tường thành lên, hiện ra vô số bộ xương người, không có cách nào biết được xương của ai. Có một ông lão xuất hiện bảo: - " Trích máu của người vợ nhỏ vào xương, nếu xương nào hút máu cực nhanh, thì đó là xương của chồng Nếu tìm. được xương của chồng cô rồi, tôi nguyện làm người giữ mộ "Nàng Mạnh. Khương nghe theo, quả nhiên nhận ra hài cốt của chồng, cùng ông lão đem chôn cất ôn giữ lời hứa., mãi ở nơi đó giữ mộ đến cuối đời. Từ đó có truyền thuyết về "hậu thổ" là vì thế.
* Trọng sách "Lễ Ký-Giao Đặc Tính" có ghi: - "Người gia chủ là" trung lưu ", tức là người đứng đầu của" xã "(làng)" (Thần Trung Lưu tức là Thổ Thần).
* Sách "Lã Thị Xuân Thu-Mạnh Đông Ký" chép: - "nay là tháng tốt, từ công xã ấp xóm đến, hưởng" ngũ kỷ "của tổ tiên" (Ngũ kỷ gồm: - Mộc là thần Câu Mang, cúng để giữ nhà, là Hỏa thần Chúc Dung, cúng bếp để giữ, Thổ là Hậu Thổ, cúng thần Trung Lưu (hậu thổ tức là "xã"), Kim là thần nhục Thu, cúng để giữ cửa, Thủy là thần Huyền Minh , cúng giếng để giữ)
* Sách "Bạch Hổ Đạo Nghĩa" nói rằng: - "Ngày xưa, từ thiên tử đến thứ dân, ai cũng được phong đất để lập ra" xã ", lấy phước của người ấy công mà báo Người mà. Không đất thì không thể lập ra "xã", không có ngũ cốc thì chẳng có cái để ăn, cho nên phong lập đất "xã" lúc phải có Thổ Địa vậy "Hoặc: -" Xã tức là Thần Thổ Địa vậy ", Hậu thổ của người gọi là "Xã Thần" hay "Thổ Thần".
* Trọng "Thần Dị Điển-Xã Tắc chi thần Tổng hợp bộ luận" có nói: - "Bậc tiên nho cúng tế Thần Ngũ Thổ tại mỗi" xã "Ngũ Thổ. Là: - một núi rừng là, hai là sông ngòi, ba là gò đống, bốn là sinh đẻ, là năm đồng bằng Đời nhà. Minh gọi "xã" tức bây giờ gọi Thổ Địa Phạm ở. chỗ có đất, người mới nương tựa được, nên phải cúng đất "Cho nên., bất cứ nơi nào cũng phải có "Xã Thần", bởi vì dù như một nước lớn, nhỏ như một địa phương, nếu chẳng luận đến tôn ti trát tự thì không thể tồn tại được "Lại nói. thêm: -" Đầu đuôi ruộng ruộng đều là của Thổ Địa Công "để thể hiện sự tôn kính đối với thần xã thuở ban sơ,. vị nào đến một nơi hoang vu để khai phá, cũng hết sức vất vả khổ sở và chịu nhiều nguy hiểm mới biến thành đất bằng, tạo nên làng xã Những vị. nay rất xứng đáng được người sau tôn thờ làm Thổ Địa Công vậy lắm!
* Sách Hiếu Kinh Vĩ nói: - "Thần xã tức là sao Khuê của đất đai. Đất đai ngày nay được rộng lớn chẳng thể không kính trọng người có công khai phá, vì thế phong làm Thổ Địa Thần Xã, là cách tưởng nhớ công ơn người trước vậy "
* Sách "Xuân Thu Tả Truyện" viết: - "Thần Cộng Công có người con trai tên Câu Long, giúp Chuyên húc chín định một vùng đất, nên thành ra Hậu Thổ, lại phong làm Thượng Công, khi cúng tế thì gọi là Thần Xã ".
* Sách "Lễ Ký-Vương Chế" có viết: - "Cúng tế cho" xã "của vua lớn làm cổ, cúng tế" xã "của chư hầu nhỏ có làm" Lại nói.: - "Vua hợp nhiều người lại làm "Xã" Xã là. Hậu Thổ, để cho dân thờ cúng "Vậy nói Hậu Thổ tức là nói vị thần. của" Xã "vậy.
* THỔ ĐỊA CÔNG là thần thủ hộ của một làng xã địa phương, quản lý đất đai của hết mọi người mọi nhà Ghi tục. Ngữ nói "Trăng đầu trang vĩ Thổ Địa Công" (đầu xóm cuối xóm cũng là đất của Thổ Địa ) Vì thế,. nơi nào cũng phải thờ kính, người người đều phải cúng Từ người. buôn bán đến nông dân ... ai cũng tâm hết sức thành cúng tế Ngài.
Thổ Địa Công đã từ "thần đất" chuyển hóa thành "thần người", biểu lộ tinh thần "Trời người hợp một" của người Trung Quốc, thành ra quan niệm có tính cách "đa thần", dung hợp được chủ thể và khách thể một cách hài hòa.
Ngày nay, tuy xã hội đã có nhiều tiến bộ về khoa học, nhưng niềm tin về Thổ Địa Công vẫn không mất Từ những nhà hàng lớn,. Hàng xưởng, công ty, tiệm quán đến từng nhà mọi người ... đâu đâu cũng thấy có sự hiện diện của Thổ Địa Công Bởi vì. Ngài là Phước Thần, Tài Thần mang lại sự phởn vinh giàu có cho mọi người, niềm tin về Ngài có lẽ mãi mãi không bao giờ mất.
* Hàng năm vào ngày mùng hai tháng hiện âm lịch (Xuân Kì) và ngày rằm tháng tám (Thu Kì). Chúng ta nên cúng tế Thổ Địa Công để cảm tạ ân đức của Ngài.

* Ngày qua chính thức của Phước Đức Chính Thần là ngày mùng hai tháng hai âm lịch.



Hổ Gia - (ÔNG HỔ)



* Thờ Ông Hổ thì không cần phải có một Miếu riêng, chỉ nương theo chỗ nào có thờ "Thần Chủ" (của Ông HỔ) thì thờ theo mà thôi.
Thần Chủ của Ông là hai vị: - Thổ Địa Công và Bảo Sanh Đại Đế.
Theo truyền thuyết dân gian, Ông Hổ là thuộc hạ của Thổ Địa Công, thường đi theo và thừa hành mệnh lệnh của Ngài Vì thế., Ở nơi Miếu Thờ Thổ Địa, người ta làm bên dưới thờ chính được một chỗ để thờ Ông hổ.
Người ta tin rằng khi Ông Hổ há mồm ra là có thể thu hút tiền bạc của cải về cho mình Vì thế,. Mọi người rất thích thờ cúng Ông HỔ, nhất là người mê cờ bạc và giới kịch nghệ.
Có nơi người ta cũng xây dựng riêng một Miếu nhỏ hoặc hình tượng Ông Hổ ở phía trước ngôi Miếu Thờ nào đó, với ý là để ông bảo vệ ngôi Miếu cùng khu trừ tà ma, yêu quái không cho đến gần.

Tương truyền, Ông Hổ có biệt tài trị chứng "sưng gò má" của trẻ con Cách trị bệnh như sau.:
- Lấy một tờ giấy vàng bạc đại đến chỗ thờ Ông Hổ, áp tờ giấy vào dưới hàm cổ Ông Hổ, khan vải tên tuổi đứa trẻ vv ... rồi đem tờ giấy ấy về đắp vào chỗ đau của đứa trẻ, sẽ nhanh chóng lành bệnh.



* Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 18.TÀI THẦN .



Fortuna
"Thiên Chúa," cho biết, trên các "ba vị thần để dạy tìm kiếm phim đã tham gia" cuốn sách. God of Wealth, mặc một bộ vàng-đỏ hai màu Guanpao, đầy đủ avatar, tài sản của mặt, và謁, nụ cười loại và đang nắm giữ một phôi vàng, wishful, nó có nghĩa là mang lại sự giàu có, người ta tin rằng các tín ngưỡng dân gian được phổ biến nhất của Thiên Chúa, nói cho biết: "tiền có thể là một con ma biến một cối xay" Mặc dù nó vượt ra ngoài sự giàu có vật chất xác thịt, tiền bạc là hoàn toàn không, người ta sẽ không bao giờ muốn sở hữu "vào nghèo đói trên thế giới," không sợ tiền hơn, tất nhiên., chỉ có quá ít. Theo đuổi sự giàu có là nguyện vọng chung của nhân loại, đặc biệt trong xã hội dân sự nghèo, Thiên Chúa của Wealth ban đầu được fetish, nhưng nhờ có những người vì giàu của mình, cho người dân một cuộc sống tốt hơn, nó đã trở thành thần ham muốn, và niềm vui, đắt tiền, trường thọ, trẻ em, vv Thiên Chúa, như một linh vật. Tôn thờ "Thiên Chúa" với hy vọng thông qua tôn thờ Thiên Chúa và nhận được phước lành và tài sản, như vậy, Thiên Chúa của Sự giàu có hơn thì càng tốt, trái tim của các tín hữu trong xem thế tục mà thờ tự của các thần của sự giàu có thêm nguồn lực

tài chính rộng rãi hơn. Fortuna nhiều loại khác nhau của vật liệu chủ yếu là nhân cách hoá của Thiên Chúa, sự nổi tiếng, các chuyên gia tài chính và nhân vật nổi tiếng giàu có, đã trở thành sự thờ phượng Thiên Chúa của những người giàu, và đặc biệt, để thờ mộ đạo, thần của sự giàu có một sự phân biệt dân sự và quân sự chung.
* Con người được dành riêng cho các thần của sự giàu có hơn một, và có như sau:
- Man, Thiên Chúa của Wealth: Fu, Lữ, Thọ, niềm vui, sự giàu có, Bi Gan, Sở Li.
- Ngô Đức Chúa Trời của Wealth: Guan Yu, Zhaogong ra.
- Là Thiên Chúa của Wealth: Zhaogong Minh.
- Một phần của Thiên Chúa Wealth: Ngô Lữ Thiên Chúa của Wealth, Trái đất Chúa.
*** Man God of Wealth:
* Văn Xương Đế:
"Văn Xương Đế", hoặc "Thiên Tử" là tôn thờ cổ xưa của vị thần thiên nhiên tại một vị thần Xingzhu là thần của Big Dipper.
"Lai trong tâm trí. Tian Quan Thục ":" Doo-Kui Đại Kuang sáu ngôi sao, lần đọc Văn Xương Palace: thứ ba là đất tiền, Siyuesiming, Wu Yue bí thư, Bí thư Lữ Liu Yue "". Clerks trong tâm trí Suoyin, "ghi rằng Bắc Đẩu Big là" Văn Xương cung điện ":" đất tiền liên quan đến Star "Bộ phận Shared Wenxu," Si Minh Star "cọ Shoukao người," thư ký trong Stars "tai hoạ của kiểm soát của con người," thư ký Paul Star "The Wealth của lòng bàn tay của con người. Vì vậy, "Thiên Văn Xương" không chỉ phụ trách danh tiếng, mà còn phục vụ như "God of Wealth." Để nhà Đường, do danh mục đầu tư cụ thể, "các luồng văn bản" tính năng chuyển giao cho "Quebec Yeh (Kuixing)", "Văn Xương Đế" là một-giấy toàn thời gian thần của sự giàu có.
* Wealth Xing Tháng Sáu:
A Wealth của Nianba chòm sao, nói rằng một trong những chức năng của nó là "Rothschild", the Ancients đã tôn thờ.
"Wealth Xing Tháng Sáu," cũng được gọi là "Thiên Chúa của Zengfu Wealth", là một phước lành lớn, như Guanren Đa, bột, thủ tướng mặc một chiếc mũ, 5 dòng tóc, người Dahongpao Pallas, thường giữ bàn tay "ngày chính thức của phước lành" trong chỉ dụ. Nguồn gốc của ông, về điều đó là Đạo giáo, một trong ba ngày chính thức của chính thức của phước lành, do Tiến sĩ Trần Hồng-fan hâm mộ, "một ngày tuổi thọ, trên 2 giàu" God of Wealth chân dung của các cuốn sách của Bắc., Thường ở trên tiêu đề của "Thiên Chúa của Wealth Zengfu" từ . Sự giàu có là một trong đó Taibaijinxing dành riêng cho con người thống trị của Choi Paul, xuất hiện của sự hài hòa, quần áo lụa và vành đai ngọc trong tay, "Good Fortune" vàng phôi, đáp ứng và nhất sẵn sàng giúp đỡ con người Nobuo Xinnv. Tôn thờ, các văn bản của Thiên Chúa của giàu có thể chỉ được với bề mặt bên trong mà Choi gửi đến các Bên trong nơi cư trú của người này. Nếu không, Jiu Song Choi đến bên ngoài của người.
* Fukurokuju Samsung:
Fuxing biểu tượng của sự thịnh vượng và con cái của họ, Harmony, Fukuzawa bất tận; một biểu tượng của cuộc sống lâu dài và cuộc sống lành mạnh, đau-Việt chuẩn bị ứng phó thiên tai; Paul Star của chính thức khuyến mãi chính Jin Jue, Tim Choi Jin-lu, có nhu cầu của cả hai. Mặc dù của cải Zhi Qiu Xing Lu, nhưng thời cổ đại, tài sản và tuổi thọ Samsung có 3 như một toàn thể, cần tôn thờ với nhau. Nếu Fukurokuju sẵn sàng, tại sao không? Tôn thờ, các Wealth cùng Xing Tháng Sáu, như các văn bản chỉ có thể được Thiên Chúa của giàu lên bề mặt bên trong mà Choi gửi đến các Bên trong nơi cư trú của người này.
* Bi Gan:
"Houshin Engi": các Thương Trụ Vương Bi Gan là một trong ba người trung thành, Yao Yinzi Đát Kỷ làm gì với những người như một cái cớ để giết Bi Gan. Điêu sai vị thần, đang nắm giữ mà Bi Gan, "vô tình" hành động công lý tự nhiên, không có ích kỷ, và do đó để anh ta làm như God of Wealth.

Truyền thuyết dân gian: Zhaogong ra trong sú gắn kết, với móng vuốt đen Bakai của dạ dày Bi Gan để tìm trái tim, do đó, dạ dày đen Bi Gan, nên ngay cả khi không có trái tim Bi Gan, và không còn chỉ là một; am đem lại cho người dân sự giàu có và đôi khi, đôi khi ít hơn, do đó, thế giới này và sẽ có một khoảng cách.

* Sở Li:

"Đông Chu đến nhiều nước khác nhau chi": Sở Li Yue Gou ZTE đã giúp tái đất nước, nhưng cũng hiểu rằng Sở Li Gou người này chỉ có thể được công bằng thời tiết và không thể chia sẻ sự giàu có, tại sao máy bay phản lực Bay lui tới Tề tu.

Sở Li Qi họ trong tự tuyên bố man rợ con chim da, với con trai ông sau một vài năm trong công việc khó khăn đã tích lũy hàng trăm ngàn đô và hàng hoá, mặc dù vua Tề giá trị cho tài năng của mình, xin hỏi ông làm thủ tướng của ông, nhưng ông đã dọn sạch của mình về tài chính đến một nơi gọi là Tao tu và đồ gốm để sống trên thế giới, các trang web thương mại là thương mại phải đi qua kênh, nó bắt đầu trong kinh doanh này, không phải trong nhiều năm, đã trở thành một giàu có, được gọi là "Taozhu Luân Công."

Sở Li để làm giàu, nhưng giá trị tiền không, khi cần thiết, hoặc thậm chí từ bỏ tất cả sự giàu có và lộng lẫy, được phản ánh trong phong cách của tình báo Trung Quốc sẽ cho phép các doanh nghiệp thay thế ông trở thành tín ngưỡng dân gian của Trung Quốc, nhất chịu Fortuna; chỉ có những hiểu biết về sự giàu có Taichedawu trước khi chúng tôi có thể củng cố tài chính của một, nó không thể được ảo ảnh giả của sự giàu có đã mang về do sự nhầm lẫn này. Lý do Sở Li cho cái chết để trở thành God of Wealth, chủ yếu là phản ánh sự giàu có của người dân Trung Quốc là một tư tưởng, có nghĩa là, không thực hiện bản chất của sự giàu có tự Dachetaiwu.

*** Ngô Đức Chúa Trời của Wealth:

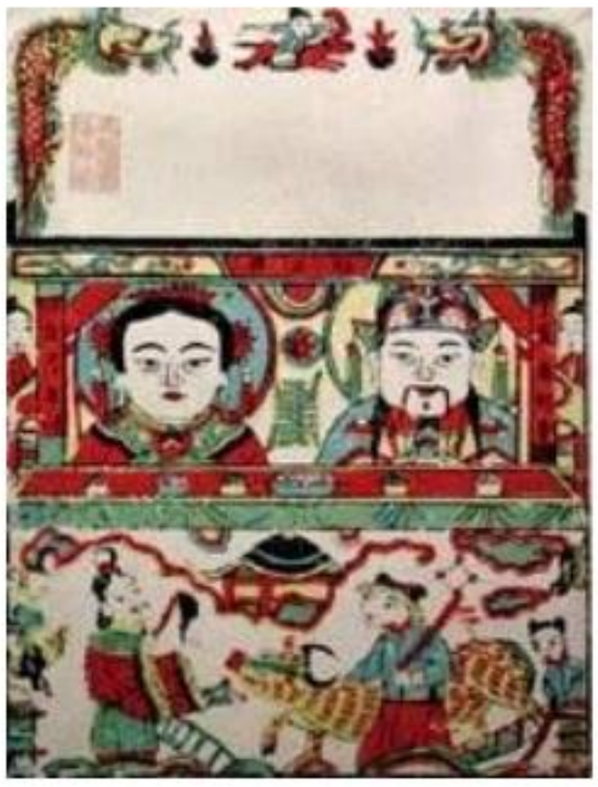


* Zhaogong rằng:

Cũng được gọi là Thiên Chúa của Wealth Road, Ngày 15 tháng 3 âm lịch sinh nhật.

"Houshin Engi" miêu tả điêu sai muộn, và không bị chặn Zhaogong-ming, Thiên Chúa của Sự giàu có, chỉ có chữ Zhaogong ra cho "Ruyi Rồng Vàng là một con rồng và hổ Xuân Tân Xuân Quan," chỉ huy "Tôn Bảo Triệu Xiao l", "Na Jin-Bảo Chân Tôn "" Lucky sứ Đường, một thời gian dài là "công cộng", lợi nhuận ít xu chính thức của Yao Bí thư "bốn vị thần, đặc biệt Yingxiang Nafo thương nhân kinh doanh. Sau đó, mọi người nghĩ rằng người đàn ông đang phụ trách Zhaogong ra bốn và sự giàu có liên quan đến các vị thần nhỏ, mà bị đột quỵ kho tàng, Na Jane, Lucky, và lợi nhuận, và vì thế tự nhiên trở thành thần của sự giàu có. ZHONG Lin-Ming Hsu viết một cuốn sách trước khi thiết lập ra để trở thành thần Trung Quốc Zhaogong tình trạng của sự giàu có. Bởi vì nhiệm vụ của mình và Yingxiang Nafo liên quan, và messenger của mình là Triệu Bảo, Na Jane, Lucky, một thị trường siêu lợi nhuận, do

đó, tự nhiên người dân nói chung tình yêu và chào đón. Con người cũng đồn rằng bất tử cùng với bốn Zhaogong Ngô Minh Lữ là Thiên Chúa của Wealth.
Do Zhaogong bị bắn trong hai số tiếp theo và chết Xin Wo, do đó, mọi người nói, "Thiên Chúa của Wealth mắt mà không có trái tim", nghĩa là Thiên Chúa của Wealth là mù, những người trúng ai nắm giữ tài sản có thể không có well-intentioned cũng được khen thưởng .
Trong thực tế cũng là một người đàn ông tốt có thể không được phong phú, có thể giàu không được tốt, đối số là một giải nhất định.
"Bộ sưu tập của Spirits": Zhaogong Minh là một thần của bệnh dịch hạch, là theo thần mortal mất cuộc sống của người dân, một trong ba tướng, đôi khi được gọi là bàn thờ Cho Hyun, Triệu Triệu marshal hoặc chung, phụ trách khí trong năm vị thần. Tiêu đề đầy đủ của ông là rất dài: "cao trên cánh tay của Thiên Chúa Jade chức quan Nhà lớn, năm kiểm tra bên để thực hiện, Kyushu trật tự xã hội, được đề cập dưới điểm, thẳng đền, Tổng Phó collar Nguyên soái Chúa Thunder, Bắc cực Shi Yu Shi, Ba lãnh vực lớn chức quan nên được Gensho Liehou, cử nhân cuộc sống sẽ thiết lập tài khoản để sử dụng nó, Ershibasu đường ống, một bàn thờ trên công bình và thực thi pháp luật, Triệu Phi-Hu Jinlun Nguyên soái. "
Các Zhaogong ra có tên là "lạnh Một Chúa" là một "rogue thần," đầu năm là một đời trong tyrants vô đạo đức của địa phương, già tuổi, ăn năn, và các lễ hội Lantern, khi dân làng để chấp nhận cơ thể tự nguyện nude phía trên để bắn pháo hoa pháo kích, bởi bỏng chính nó để giải hòa hai người và để cung cấp cho cư dân địa phương chịu mọi sự ác liệt và Eritrea trong năm tới, sau cái chết của vị thần của dân làng Bông.
* Quan Luân Công:
Tên của Quan Vũ, cũng gọi là Kuan trên hoặc tắt, vv Great St.
Trên thực tế, Kung Kuan nói chung cho ấn tượng rằng hầu hết các "Tam quốc", các nặng Trùng Khánh xác định một chỉ huy quân sự, sự giàu có của riêng mình và trong thực tế, không có gì để làm, nó có thể được coi như là đạo đức của một Thiên Chúa của Fortune, ông Lưu Bị thái độ của lòng trung thành, mà còn để làm nổi bật phía Đông của đạo đức đặc biệt chuyên nghiệp.
Kuan Kung Lý do sẽ trở thành con mắt của những người của Đức Chúa Trời của Wealth, trên thực tế, bắt đầu vào nhà Minh và nhà Thanh lần xung quanh, nhưng vì sự nổi lên của chủ nghĩa tư bản, một số các hiệp hội chuyên nghiệp hay phòng thương mại và các hiệp hội, hầu hết các Gong Guan như là sự bảo vệ của Thiên Chúa và Thiên Chúa của Sự giàu có, và trong Những lớn và nhỏ, giữa các phường hội khác nhau, để liên hệ với cảm xúc của nhau, thường thành lập các hiệp hội khác nhau và thờ phượng Thiên Chúa của Wealth Guandi Hội đồng thúc đẩy sự đồng thuận và tình cảm giữa chúng, tất nhiên, là Thiên Chúa của Wealth sẽ được, cho một số ngành công nghiệp chuẩn thiết lập, tất cả các đóng một vai trò hạn chế.
Đối số khác là Guan Gong trong đời sống của mình tốt lúc đó là quản lý tài chính, kế toán và còn hơn đếm, người phát minh ra sách sách pháp luật và sổ sách kế toán Ji Nissin khác, có trang bị những "bản gốc", "gần" và "đi", "đặt cọc" 4, mạch lạc và chuyên gia kế toán đã được gìn giữ cho các thế hệ tương lai là không có thắc mắc mà đã trở thành doanh nghiệp thờ thần của sự giàu có.
Trung Quốc hiện đại, cộng đồng ở nước ngoài dành riêng cho Kuan Kung cũng rất phổ biến. Từ những điểm của Trung Quốc xem, Guan Gong thay mặt cho văn hóa Trung Quốc gốc của bảo vệ của dân tộc, mà còn là hậu vệ của trật tự đạo đức và biểu tượng, tiếp theo có nghĩa là thần của sự giàu có.



*** Một phần Fortuna:
Tên gợi ý, tránh xa con đường chính thống của sự giàu có, được biết đến như là một phần tài chính.
* Trái đất Thiên Chúa:
Thờ thành "Trái đất Thiên Chúa" như là Thiên Chúa của Sự giàu có, chủ yếu là bởi vì đất nuôi dưỡng trái đất thần phụ trách vấn đề của tất cả mọi thứ, và cộng đồng sớm để có nhiều người làm đất, ngoài những ngày để ăn, phụ thuộc vào, thần trái đất là nói để làm cho thu hoạch tốt cũng cho phép thất bại hạt cây trồng, do đó, người nông dân đang tự nhiên Bông ông là Thiên Chúa của Wealth. Nông dân tin rằng Thiên Chúa Trái đất là một món nợ của lòng biết ơn và mến thậm chí dày, do đó, nông dân trong tháng hai hai ngày kể từ ngày đó, mà còn cho Sở của tre trên đất vàng thần, chèn nó trong lĩnh vực này, đóng góp vào sự Thiên Chúa Trái Đất, tôi đã cầu nguyện Mùa xuân và mùa thu thu hoạch nghĩa.
Tết âm lịch trong tháng hai hai ngày của một "thần" ngày sinh nhật của xã hội dân sự và cuối cùng, để có một số tôn thờ tôn thờ, nhưng công lý đất đai là một trong những người theo các hướng dẫn từ các thần của sự giàu có.
Lý do tại sao các công khuyết tật để tôn trọng Thiên Chúa của Sự giàu có, chủ yếu là các doanh nghiệp nói chung tin tưởng vào thượng đế "" có thể mang lại hòa bình và kinh doanh là bùng nổ. Doanh nghiệp tư nhân như bình thường trong hai ngày mỗi tháng, 16 để chuẩn bị cho bốn quả các dịch vụ thờ cúng thần đất cơ thể, cụ thể là, những cái gọi là "làm răng", còn được gọi là "Ya-Fu" là một phước lành đón nhận ý nghĩa của cầu nguyện Trái đất Chúa ban phước lành.
Từ cổ nông nghiệp và mở rộng của đức tin trong kinh doanh đến ngày Chúa Trái Đất xếp hạng Thiên Chúa của Wealth là tự nhiên một trong dân gian phổ biến được gìn giữ.
* Ngô Lữ Thiên Chúa của Wealth:



Wu Lu Fortuna trong khu vực tư nhân có yêu cầu rất nhiều, nó đã được cho biết rằng ông tên thật là lý do tại sao Ngô Lữ, trong khi những người khác nghĩ rằng ông là một người đàn ông Trần Lương, con thứ năm Gu Ye Wang, đã được trao danh hiệu sau cái chết của năm đáng chú ý Thiên Chúa, nhưng Sau khi tiếp nhận tin nhắn không chính xác có sai sót, họ đã nhầm lẫn cho biết sẽ được Wulu Thiên Chúa.

Đối số khác là Thiên Chúa của Wealth Ngô Lư, năm Thiên Chúa của Wealth không phải là một người, nhưng năm người, nói rằng năm người đàn ông, nhưng cũng có thể được chia thành hai loại: một tuyên bố được đề cập đến Du, shang, hua, Chen và Sun năm người là vào các tháng cùng ngày cùng, sinh ra tại Hàng Châu, thắp hương và cơ hội trong một ngày, anh em để tuyên thệ nhậm chức, năm người vẫn đang tìm cách đăng nhập Tianzhu Goddess of Mercy Temple, kết quả đã được sự giúp đỡ của Guanyin, kinh doanh, sự giàu có, Goddess of Mercy đền được xây dựng lại năm người cũng muốn, sau cái chết của ông là người có nhãn Wulu Thiên Chúa. Đối số khác dùng để chỉ nhà Đường, Liu, Zhang, Ge, Li năm, năm cuộc sống trước đây Jiangyangtaidao, chuyên Robin Hood, chết và là thế giới để xây dựng đền thờ dành riêng cho Wu Ge, sau này được biết đến như Ngô Lữ Thiên Chúa của Sự giàu có, hoặc God of Wealth là một đáng kể 5.

Trong dân gian có câu nói là, mà là để Zhaogong-ming và người đàn ông của mình, bốn vị thần nhỏ, tập thể được gọi là Lữ Ngô Đức Chúa Trời của Wealth.

Cộng đồng được dành riêng cho nhà cửa trong năm vị thần phổ biến của Lữ Ngô Đức Chúa Trời của giàu, mà đó là năm vị thần của đất ngựa Chúa Royal Highness (hoặc bò Royal Highness), Hsien Ku, thần của sự giàu có và nhà bếp thần.

* Cho thuê xu Cán bộ:

Trong tín ngưỡng dân gian trong God of Wealth, "một thị trường siêu lợi nhuận của Tây An" thường chỉ là một vai trò hỗ trợ, trong hầu hết trường hợp, họ hiếm khi một mình để thờ, nhất là để rút ra những God of Wealth của hai bên có thể được coi là tên một Trong thực tế, Fu của "một phần" God of Wealth. Khác với ở trên là Thiên Chúa của Wealth, đau nửa đầu lịch sử, Thiên Chúa của Sự giàu có không nhất thiết phải là con số thật sự xuất hiện. The "cho thuê xu quan" Đây là một tiêu đề, có thể ngôn ngữ lời nói chỉ được hát và nhân dân tệ thời kỳ triều, một loại nhạc dân gian, trong bài viết sai sai tiếp sức chỉ sau khi thần như vậy của cải. "Fairy Crown" này gọi, hoặc đến từ Đạo giáo, và "cho thuê" có khả năng là từ "ba lần như câu tục ngữ có lợi nhuận" này đến. Sau khi thay đổi thời gian, người ta dần dần bắt đầu "chính thức của xu lợi nhuận" nhân cách và apotheosized Quliaolaopo thậm chí gọi là sĩ quan po Toshiyo. Cho đến khi nhà Minh, nói rằng "lợi nhuận xu quan" như Yao lợi ích Wani, nếu không được biết đến như Yao ít hơn, thay vì gần đây đã "sinh lợi cent chính thức của" Thiên

Chúa của Wealth là một gương điển hình của khu vực tư nhân trong một vai trò không thể thiếu.
* Trả tiền ngày:
Tuỳ xem, Lucky Boy, là Phật giáo Zenzai Boy của người tiền nhiệm. "Zenzai," trong thực tế, nghĩa là cho "quản lý tài chính tốt" tại Ý, nhưng sau này, sau khi secularization của người dân trên và招财进宝thể liên quan.
Thánh Phật giáo trên các hồ sơ, Zenzai Boy, được sinh ra, có tất cả các loại kho báu ra từ phòng, để đặt tên cho Zenzai phân chia tương đối của họ. Zenzai dù kho báu vô số, nhưng ông nghĩ rằng tất cả mọi thứ đang negatived, và tuyên bố sẽ thực hành Phật giáo Phật, và cuối cùng đi qua khó khăn, thông qua tất cả các loại xét nghiệm, và cuối cùng nhận ra những nguyện vọng của Đức Phật, Guanyin sau đó các lớp vào Đức Phật, xuất hiện Boy, cha ở bên trái của Guanyin.
* Đen và trắng vô thường:
"Sức khỏe và hay thay đổi, và theo dõi chết," ấn tượng chung của vô thường của đen và trắng, chủ yếu là màu đen với Heiwu Chang, Bãi Vũ Xương với màu trắng, nếu không ổn định, một khi nhìn thấy hai màu đen và trắng, họ nói rằng ông đã được thực hiện duong tho, nên chuẩn bị sau khi những thứ. Tuy nhiên, trong một số hải quan và các nền văn hóa dân gian, không nhất thiết phải màu đen và trắng vô thường như vậy là đáng sợ. Một trong những lý luận là nếu bạn gặp một vô thường màu đen và trăng, miễn là cái gì nó xin ăn trong tương lai phải được rằng giàu. Nhưng cũng có trong kịch dân gian ở một số nơi, nơi bạn có thể thấy rằng, và đôi khi màu đen và trắng vô thường tự nó sẽ là Thiên Chúa của Sự giàu có, và trên không cao mũ với những từ "nhìn thấy một cách để kiếm tiền."
*** Ngoài ra phổ biến hiện nay nhờ vào sau Thiên Chúa của Wealth:
Màu vàng của Thiên Chúa Wealth:
Màu vàng, màu vàng, bàn tay nắm giữ quyền Sarah, trái spit-tay Bảo Meng chuột, ánh sáng, bước vào kho tàng chân conch quyên; rectifiable Choi là Choi.
* Trắng God of Wealth:
Mặc một tink, bàn tay nắm giữ quyền Po dính ở tay trái của ông spit Po chuột, cưỡi trên đầu trang của Bi-Long, nhờ có những người nhằm kiếm tiền là lần tốt.
* Black God of Wealth:
Tay phải giữ Gaba La thiết bị sọ trong tay con chuột rời spit; song chân phải, chân trái thẳng, đứng trên đầu trang của Lotus trên bánh xe, có thể tấn công một tài sản.
* Wealth vua:
金身vàng, mặc một chiếc vương miện, các vai phải cho ngày, vai trái cho tháng, kho tàng vô tận, bên phải giữ Umbrella của bàn tay trái của ông spit Po chuột, sư tử ngồi trên những suy nhược, tôn thờ có thể làm cho vận may và biến kinh doanh-shun.
*** Secularization của God of Wealth:
God of Wealth là một đêm ra trong thần phổ biến. Một thời gian dài của xã hội nông nghiệp Trung Quốc, theo đuổi sự giàu có là khá yếu, do đó một thời gian dài các khái niệm về Thiên Chúa của Wealth không rõ ràng, sự giàu có chức năng được giao một số linh hồn, và thậm chí có thể nói của tất cả các vị thần. Bởi nhà Đường không phải là lá, xuất hiện trước khi hải quan năm mới của Trung Quốc và tài chính, xin vui lòng Rokuba ngựa. Cổ tái lu, như đã có danh tiếng đã chính thức, có một chính thức của tiền lương cố định, do đó cũng là sự giàu có trong Lu, các tài chính hiện và cùng xuất hiện trong văn hóa dân gian của Paul cho thấy tầm quan trọng của những người tài chính Trung Quốc bắt đầu tăng. Choi Mã, mà là một biểu tượng của God of Wealth. Bởi nhà Minh, Thiên Chúa của Wealth đã được xác định rõ ràng như một cơ quan chức năng trong một vài vị thần.
Kể từ thời cổ đại, những ý tưởng của người dân, nhất của cái gọi là "tình yêu của quý vị tiền một cách hợp lý", hay cái gọi là "tái định nghĩa ánh sáng-li" và khái niệm literati khác. Ý tưởng là các xã hội nông nghiệp cổ đại phong kiến, được thấy các thế hệ, và có thể làm việc

tốt. Nhưng khi xã hội tiến hóa dần dần từ một xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp và thương mại của các cách sống khác nhau, thay đổi cách nhìn thế giới của những người khác nhau và niềm tin tôn giáo cũng đã dẫn đến sự liên quan hơn nữa của niềm tin vào Thiên Chúa từ trang trại đã phát triển thành một niềm tin vào Thiên Chúa của Wealth, Điều này là chắc chắn thấp hơn của toàn xã hội có một mối quan hệ về chế độ kinh tế của sản xuất.
Ngoài những thay đổi trong nền kinh tế, thần của sự giàu có và niềm tin của công chúng về sự nổi lên của lớp, khi con đường mới của cuộc sống đi, tự nhiên nổi lên niềm tin. Vì vậy, niềm tin vào Thiên Chúa của Sự giàu có cũng được vận chuyển và sản xuất, và dần dần tôn giáo và tín ngưỡng trên, trong generis sui xã hội dân sự.
Khái niệm truyền thống của Trung Quốc phong kiến, cái gọi là "tàn tật, nông nghiệp, công nghiệp và thương mại" bốn lớp học, trong bốn loại, doanh nhân đã được xếp hạng cuối, nhưng cũng là một trong những cổ xưa của tầng lớp khinh thường nhất của những người, và "profiteers," những từ ngữ, nhưng cũng sẽ trở thành lớn nhất cho doanh nhân của, nháy đàn áp.
Tuy nhiên, thông qua một niềm tin vào Thiên Chúa của Sự giàu có, doanh nghiệp biện minh cho sự theo đuổi của sự giàu có, và hợp lý hóa của "cái ác không phải là một doanh nghiệp không có" hành vi. Ngoài ra, thông qua việc in sâu vào trí ý tưởng tôn giáo cho mọi người, bạn cũng có thể thay đổi xem truyền thống của người dân kinh doanh, và danh tiếng và sự giàu có đã trở thành hợp pháp và có chỉ tiêu được theo sau, để hoạt động bình thường của kinh doanh thương mại, mà là niềm tin vào Thiên Chúa của Wealth lớn nhất đóng góp cho xã hội.




Tài Thần - (ÔNG THẦN TÀI)

Danh hiệu "Thần Tài", phát xuất từ sách "Tam Giáo Sưu Thần Đại Toàn".
Ngài mặc áo bào của quan, màu hoàng lim và màu đỏ, mình thân phủ hết Mặt có nhiều phước khí., Hòa ái, nở nụ cười hiền từ Tay nắm. Vàng khối và ngọc như ý, là hàm ý mang về tài vận như ý. Đây là vị thần mà tất cả mọi người đều hoan nghênh, sùng bái.
Tục ngữ có câu: - "Hữu tiền năng quỷ thôi ma" (không có tiền thì có thể bắt quỷ đẩy Cối xay) Tiền tài. Tuy là vật ngoài thân, nhưng không có tiền thì chăng làm được gì, chăng ai trên đời lại mong muốn mình trở thành một tên "nghèo kiết xác" cả!
Lẽ dĩ nhiên, trên đời không sợ ai có nhiều tiền, mà chỉ sợ có ít mà thôi Sự mong mỏi tìm cầu. Tiền bạc là nguyện vọng chung của tất cả loài người, từ người giàu đến người nghèo. Thần Tài mới đầu là một "Vật Thần" (thần đồ vật), nhưng sau vì nếu tiền bạc cho ai, cho họ là sự sinh hoạt tốt đẹp, trở nên thành "Thần nguyện vọng", ngang hàng với các vị: - Hỉ, Quí, Thọ , Thần Tài Tử Thần. trở thành "Phước Thần" là vì vậy.
Sùng kính Thần Tài, có nghĩa là mong rằng thông qua việc cúng bái Thần Tài, Ngài sẽ phù hộ cho mình được phát tài lớn Cũng dễ. Nhận ra rằng, những nơi có thờ Thần Tài thì càng

ngày càng giàu thêm (do làm ăn phát đạt), nên người khác dễ đặt trọn niềm tin vào Ngài Từ thành thị đến thôn quê,. nơi nào cũng có sự hiện hữu của Ngài là điều tất yếu thôi!
* Thần Tài được chia ra làm hai hạng là "Văn Tài Thần" và "Vũ Tài Thần".
Trong sự thờ cúng của dân gian chia ra như sau: --
-Văn Tài Thần: - ba ông Phước, Lộc, Thọ - Hi-Thần Tài Thần-Tỉ Can-Phạm Lãi.
-Vũ Tài Thần: - Quan Vũ-Triệu Công Minh
-Chính Tài Thần: - Triệu Công Minh
-Thiên Tài Thần: - Ngũ Lộ Tài Thần-Thổ Địa Công (một phần = thiên lệch một bên)
I. - VĂN TÀI THẦN: --
1 / Văn Xương Đế Quân.: --
Còn gọi là "Tử Đồng Đế Quân", là thần Bắc Đầu Tĩnh, một trong những tín ngưỡng về sao của người xưa.
* Sách "Lại ký-Thiên quan thư" chép: - "Sao Khôi phò cho sáu sao Văn Xương, một gọi là Thượng tướng, Thứ hai gọi là tướng, ba gọi là Quí tướng, bốn gọi là Tư mệnh, năm gọi là Tư trung, sáu gọi là Tư lộc ".
* Sách "Lại Ký Sách / Tác ẩn" chú giải Thất Tinh Bắc Đầu là "Văn Xương Cung" hay "Quí Tướng Tinh" coi về văn tự, "Tư Mệnh Tinh" chưởng quản về tuổi thọ con người, "Tư Trung Tĩnh "chưởng quản tai hoạ của người con," Tư Lộc Tinh "chưởng quản về tài bạch của con người. Do đó," Văn Xương Đế Quân "không những chưởng quản về văn học mà còn đảm nhiệm chức năng" Tài Thần "nữa Đến đời. Đường thì chức năng về văn học đã chuyển hoàn toàn cho "Khôi Tĩnh Gia" (sao Khuê) Văn Xương. Đế Quân thành ra đảm trách chức vụ "Văn Tài Thần".
2 / Tài Bạch Tinh Quân.: --
Có thuyết cho rằng Tài Bạch là một trong 28 sao vì, chức trách của sao đó là "Tư Tài" (quản lý tiền), được cổ nhân sùng bái.
"Tài bạch Tinh Quân" còn gọi là "Tăng Phước Tài Thần" có hình tượng là một vị đại quan, mặt trắng, đầu đội mạo Tể Tướng, có năm chòm râu dài. Mình mặc hồng bào, thắt dây lưng Ngọc Đái. Tây thường cầm bảng "Thiên Quan Tứ Phước". Về lai lịch của Ngài là Tứ quan thiên Phước, thuộc về Tam Quan của Đạo Giáo, là chỗ mà sách Hồng Phạm Ngũ Phước gọi là "Nhất nhật thọ, nhị nhật phú" ( thọ ngày một, ngày hai giàu). Còn trong hình các tượng về Tài Thần ở miền Bắc thường vẽ ông Thần Tài có thêm câu "Tăng Phước Tài Thần".
-Có thuyết cho rằng Tài Bạch chính là Thái Bạch Kim Tinh, chuyên môn coi về tài lộc của nhân gian Tướng mạo hiền hòa., Mặc áo Gấm thắt ngọc đái, tay cầm bảng "Chiêu tài tấn Bửu", tay cầm vàng khối Có cầu. tất có ứng, đây là sở vọng của tất cả nữ thiện nam tín Khi cúng., phải đặt Văn Tài Thần mặt quay vô trong nhà, ý nói là "đưa tiền bạc vào trong nhà cho người", nếu đặt sai (quay ra) thì tiền bạc sẽ theo ra ngoài hết!
3 / Phúc Lộc Thọ Tam Tinh.: --
Phúc tinh tượng trưng cho con trai con gái đều được thịnh vượng, có hòa khí tốt, hưởng phước lâu dài Thọ tinh tượng trưng cho sức khỏe tốt và trường thọ,. Không đau nạn không. Lộc tinh thì mong cho gia chủ được thêm tài lộc, gia quan tấn tuoc, có cầu có ứng Lẽ ra. cầu tài thì chỉ cần thờ ông Lộc, nhưng vì xưa nay ba ông Phúc, Lộc, Thọ là một chỉnh thể, không được tách ra. vã lại, nếu được cả ba thứ phúc, lộc, thọ thì chẳng phải là quá tốt hay sao?
Cách cúng thì giống như cúng Tài Bạch Tinh Quân, tức là quay mặt vào nhà ...
4. / Tỷ có thể: --
Trọng "Phong Thần Diễn Nghĩa": Tỷ có thể là một trong ba vị trung thần hạng nhất của vua Trụ, bị Đặt Kỷ mưu hại chết bằng cách bảo rằng cần phải "trái tim" người để làm thuốc cho vua. Khi Khương Tử Nha phong thần, nhận ra là ông Tỷ có thể không có trái tim tức là "vô tâm" Mà đã vô tâm thì không có chuyện "tâm tư". (tâm riêng tư) cho mình, nên phong thêm chức vụ "Tài Thần".

Trong dân gian lại có thêm truyền thuyết là vì xưa kia con cọp đen của Triệu Công Minh coi, đã dùng móng của nó moi Tỷ bụng có thể để tìm trái tim, nên bụng của ông biến thành màu đen, Tỷ cho nên có thể không tâm chẳng thể bình thường làm việc, lúc có lúc không, khiến cho việc ban phát tiền bạc của ông cho người con không đều đặn, sanh ra có người giàu, có người nghèo là vậy!

4 / Phạm Lãi:. --

Trong "Đông Chu Liệt Quốc Chí": Phạm Lãi đã giúp cho Việt Vương Câu Tiễn trung hưng phục quốc, nhưng ông cũng biết rằng, Câu Tiễn là người chỉ có thể "cùng chung hoạn nạn" chứ không thể "cùng chung phú quí ", nên gấp rút xin lui về dân Sau đó,. sang nước Te để ẩn cư.

Phạm Lãi khisang tề nước, đã cải tên lại là "Chi Di Tử Bì", cùng với con siêng năng làm việc nhiều năm trở thành người có tài sản thiên vạn. Vua tề vốn ngưỡng mộ ông, cho mời ông về làm Triều Tể tướng, nhưng ông quyết từ chơi Vì thế., ông lại phải bỏ hết tài sản tiền bạc mà trốn chạy nơi khác Ông nhận thấy nơi mới đến có đường giao thông thuận lợi cho việc mua bán, nên kinh doanh thương nghiệp.. Chẳng bao lâu trở thành một "đại phú gia" xưng là Đào Chu Công.

Phạm Lãi có khả năng làm ra tiền dễ dàng, nhưng lại không quá coi trọng tiền đồng, dám từ bỏ tài sản một cách không tiếc nuối Như vậy., Đối với ông thì vinh hoa phú quí chăng phải là cứu cánh cho cuộc sống Quan niệm. nay rất phù hợp với truyền thống "trọng nghĩa Khinh tài" của người Trung Quốc Do đó., Phạm Lãi được dân gian tôn xưng là "Văn Tài Thần".

II .- Vũ Tài Thần : --

1.-TRIỆU CÔNG MINH:

Còn gọi là "Trung Lộ Tài Thần", là thông qua ngày rằm tháng ba âm lịch (sinh ngày)

Trọng "Phong Thần Diễn Nghĩa" thuật lại, thì Khương Tử Nha không có phong cho Triệu Công Minh là Tài Thần mà làm phong "Kim Long Như Ý Chính Nhất Long Hổ Huyền Đàn Chân Quân", là Nguyên Soài Rạp, thông bôn vị lãnh Chiêu Bảo Thiên Tôn Tiêu Thăng tiên "", "Nạp Trân Thiên Tôn Tấn Bảo", "Chiêu Tài Sứ Giả Đặng Cửu Công", "Lợi Thị Diệu Tiên Quân thiếu tự"

Những vị nay có chức năng ban phước lộc và điều tốt lành cho những người trong giới buôn bán, vì có những tên "đẹp" như: - Chiêu Bảo, Nạp Trân, Chiêu Tài, Thị Lợi, là tốt những thuật ngữ rất đẹp cho công việc kinh doanh mua bán Mà những vị nay lại. là thuộc hạ của Triệu Công Minh, tất nhiên ông phải được tôn xưng là đúng thôi!

Đến đời nhà Minh, ông Hứa Trọng Lâm có viết quyển sách, trong đó chính thức nêu lên Triệu Công Minh là của Tài Thần dân Trung Quốc. Điều nay được mọi người chấp nhận, vì những tên của bốn vị thuộc hạ của ông rất phù hợp với lòng mong mỏi của mọi người: - "chiêu bảo (gọi vật quí), nạp trân (thu vật bầu), chiêu tài (gọi tiền về), lợi thị (buôn bán có lời) Từ đó., dân gian tôn bốn vị tiên nay cộng với thủ lãnh Triệu Công Minh người năm thành, gọi là "Ngũ Lộ Thần tài".

Thêm nữa, dân gian cho rằng Triệu Công Minh bị bắn trúng con mắt và thùng tim chết mà, nên gọi là "Tài Thần Gia Vô Nhãn Vô Tâm" (Ông tài thần không có tim không có mắt, tức là người mù), vì thế mới có chuyện thực tế là, có người tốt mà không giàu, người giàu chưa hăn đều tốt vv.Lý luận nay xem ra cũng có chút ít cơ sở vậy!

* Trọng sách "Sưu Thần Ký", Triệu Công Minh thuộc về Ôn Thần (thần gây bệnh ôn dịch), là một trong ba vị thiên thần xuống trần gian để coi sóc về tính mạng con người, nên tôn xưng là "Triệu Huyền Đàn "," Triệu Nguyên Soài Rạp "hay" Triệu Tướng Quân ", chưởng quản" khí "ngũ phương của các vị thần.

Danh hiệu của Ngài có rất nhiều, như là: -: "Cao Thượng Thần Tí Phủ Ngọc Đại Đô Đốc, Ngũ Tuần Phương Sát Sứ, Cửu Châu Xã lệnh, Đô Hạ Đề Điểm, Trực Điện Đại Tương Quân, Chủ Linh Lôi Đình Nguyên phó Soài Rạp, Bắc Cực Thị Ngự Sử, Tam Giới Đại Đô Đốc, ứng Nguyên Chiêu Liệt Hậu, Học Sĩ Định Mệnh Thiết Trường Sứ, Nhị Thập Bát Tú Tổng hợp

Quản, Thượng Thanh Chính Nhất Chí Đàn Phi Hổ Kim Chấp Pháp Luân Triệu Nguyên Soài Rạp ".
* Ngoài ra, Triệu Công Minh còn được gọi là "Hàn Đan Gia" là một "Thần Lưu Mạnh" vì lúc còn trẻ, ông đã gây tạo không biết làm bao nhiêu là tội lỗi, những sái việc quậy không chừa gì cả. Về sau, ông hối cải ăn nan, muốn chước lại tội lỗi đã gây ra lâu nay Ông cởi hết quần. áo, tình nguyện vào đêm Nguyên Tiêu, để cho nhân dân đốt pháo trên thân ông tan nát, với tâm nguyện cầu mong cho xóm làng tránh khỏi những tai họa trong tương lai Ông chịu chết như thế nên dân chúng cảm phục,. tôn thờ ông làm thần.
2 .- QUÂN CÔNG: --
Tên là Quan Vũ, hoặc tôn xưng là Quan Thánh Đế Quân hay Quan Thánh Đại Đế.
Sở dĩ, Ngài được nhân dân tôn thờ là nhờ trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa" đã đề cao tinh thần trung hiếu tiết nghĩa của một võ tướng lừng danh Thật ra thì giữa bản thân ông. Và tiền bạc chẳng có quan hệ gì đặc Việc ông biệt lắm. được ca tụng và thần thánh hóa là do sự trung trinh chính là, nói lên tinh thần cốt lõi của văn hóa Trung Quốc. Còn việc ông được ghép gan vào Tài Thần là làm vào thời kỳ Minh Thanh, xã hội có nhiều thay đổi trong sinh hoạt, chủ nghĩa tư bản đã phát triển, một số hoặc Hội Công Thương Hội, Hành Hội đa số chọn để thờ Quan Công, vừa là Thần Bảo Hộ vừa là Thần Tài. Để hợp thức hóa, họ thành lập các hội quán mang tên "Hội Quán Quan Đế" hay "Hội Quán Thần Tài" để dễ quan hệ bàn bạc công việc làm ăn.Sở dĩ các hội quán nay tồn tại và phát triển nhiều là do lúc trước chưa có những qui chế, qui ước nên mạnh ai nấy kinh doanh theo ý nghĩ sáng kiến của cá nhân, từ khi có Hội Quán, mới đề ra những nội qui thống nhất, tránh được sự cạnh tranh thiếu lành mạnh ngày trước. Đó là nguyên làm chủ yếu của việc thờ Quan Công làm Tài Thần.
Ngoài ra, cũng có thuyết nói rằng, tiền sinh thuở, Quan Công rất giỏi việc điều hành quản lý tiền bạc, đã từng phát minh ra "Nhật Ký Thu Chí" cho việc sổ sách kế toán được rõ ràng chính xác Nội dung. nó gồm các khoản "Nguyên" (gốc), "Thu", "Xuất", "Tồn" ghi chép rõ ràng, cập nhật kịp thời Vì thế., giới thương gia đời sau tôn Ngài làm Tài Thần là vậy.
* Thời cận đại, cộng đồng người Hoa ở hải ngoại rất tôn trọng và thờ kính Quan Công Miếu thờ Ngài hiện diện khắp nơi có người Hoa. Trên thế giới. Thâm ý của họ là vì Ngài là đại biểu cho nguồn gốc văn hóa Trung Quốc, là vị Thần bảo Hộ của dân tộc, tượng trưng cho sự bảo tồn tự trát đạo đức xã hội Sáu hết., Ngài còn là Thần Tài bảo hộ cho việc làm ăn sinh sống của cộng đồng người Hoa ở nước ngoài.
III .- Thiên Thần Tài:
Còn gọi là "Tư Nghĩa", vì là cách kiếm tiền ngoài con đường chính thống có mà, nên gọi là: "Thiên Tài" (tiền bạc lệch một bên) Gồm có.: --
1 .- Thổ Địa Công: --
Việc thờ Phụng "Thổ Địa Công" làm Thần Tài là chủ yếu làm Ngài chưởng quản đất đai, phương tiện để dưỡng sinh vật muôn Bởi vì., Ngày xưa trong xã hội nông nghiệp thuần túy, con người ngày ngày ăn cơm xong là ra việc làm ruộng đất, lòng luôn mong mỏi được mùa vụ Việc trúng hay thất vụ là quyền ban thưởng. hay trung phạt của Thổ Địa Công, nên phải thờ Ngài Phụng để được phù hộ là lẽ tất nhiên. Sự báo đáp của nông dân đối với Ngài rất đậm đà tình cảm kính trọng vừa thân thiết vừa, thể hiện bằng hành động đem treo những "Thổ Địa Công Kim" (vàng khối bằng tiền giấy) la liệt ở ruộng vườn để cúng Thổ Địa hai năm. Mỗi lần vào Xuân Kỳ và Thủ Báo (xem bài Thổ Địa Công).
* Ngày mùng hai tháng hai âm lịch là ngày Đản sanh của Phước Đức Chính Thần, dân gian nơi nào cũng hết sức cầu bái cúng tế Ngài, nói lên ý nghĩa dân gian xem Ngài là vị Thần Tài hạng nhất rồi!
* Một ý khác nữa là, sở dĩ Thổ Địa được tôn là Thần tài là bởi vì niềm tin vào Ngài là vị "Phước Đức Chính Thần", có thể mang lại sự bình an và "sinh ý hưng long" (mua có thể bàn đắt) Thương gia theo lệ., hàng tháng vào ngày mùng hai và mười sáu, sắm sửa bông trái để tự cúng tạ Ngài. Ý nghĩa việc cúng nay là hai điều: - "Tố Nha" (làm mai mối rước khách) và

"Nhà Phước" (tiếp đón điều phước) làm Thổ Địa cho ban Công Từ thương qua nông chuyển,. cũng vẫn giữ nguyên sự tôn kính Ngài là việc bình thường.

2 .- Ngũ Lộ Tài Thần: --

Trong dân gian có nhiều thuyết nói về Ngũ Lộ Tài Thần. Một thuyết nói Ngài tên là Hà Ngũ Lộ, một thuyết nói rằng Ngài là năm thứ con của Dã Vương Triều đại nhà Trần Lương hay Khi chết. Được phong làm "Ngũ Hiển thần ", bị người đời đọc trại ra thành Ngũ Lộ Thần. Một thuyết khác thì nói, Ngũ Lộ Thần không phải là tên của một người, mà là tên hiệu người chung cho cả năm Nói về. người năm thì cũng có hai giả thuyết:

-một cho rằng tên của năm người là "Đỗ, Thượng, Hoa, Trần, Tôn", người sinh năm là cùng ngày cùng tháng cùng năm.Ngày năm nọ người tình cờ gặp nhau ở Hàng Châu, rồi đốt hương anh làm kết em bạn bè nhau. Năm nay người hợp tác làm ăn với nhau, đến Miêu Quan Âm cúng bái khẩn nguyện phù hộ, được đức Quan Âm giúp cho công việc làm ăn thuận lợi, năm sau nên về người xây dựng một ngôi Chùa Quán âm đồ như vậy để tạ ơn. Sau khi chết, người năm nay được tôn làm "Ngũ Lộ Tài Thần"

-một thuyết khác nói rằng, tên của năm người là "Đường, Lưu, Trương, Cát, Lý", lúc sinh tiền là năm tên "giang dương đại đạo" (cướp ở sông biển), nhưng lại đem số tiền cướp được phân phát hết cho dân nghèo Sau khi các nơi. chết, được nhân dân thờ xây Miếu, năm người xưng tụng là "Ngũ Lộ Tài Thần" hay "Ngũ Hiển Tài Thần".

* Có thuyết thì lấy Triệu Công Minh và bốn vị thủ hạ tôn làm "Ngũ Lộ Tài Thần" như trên đã nói.

* Trong dân gian lại tôn Ngũ Lộ Tài Thần là các vị: - Thổ Địa Công, Mã Vương Gia (hay Ngưu Vương Gia), Cô Tiên, Tài Thần và Tạo Phước Định Quân.

3 .- Lợi Thị Tiên Quân: --

Trọng tín ngưỡng về Thần tài của dân gian, thì "Lợi Thị Tài Thần" ít được lưu ý và không có nguồn gốc hay truyền thuyết nào đáng ghi Nói về. Phương diện này, chúng ta còn lưu ý nhiều đến các vị "Chính Thần tài "hơn vì có nguồn gốc và lịch sử hay truyền thuyết, còn" Lợi Thị Tiên Quân "thì xếp vào" Thiên Thần Tài "thì không nhất định phải có lịch sử. Xét cho cùng, thuật ngữ" lợi thị "( Q Đ: lì-xì) là câu cửa miệng của mọi người, nhất là giới thương buôn đời Tống, Nguyên Từ đó., biến thể dần thành ra "Lợi Thị Tài Thần vậy thôi"!

Từ "Quán Tiên" là thuật ngữ của Đạo Giáo, còn từ "Lợi Thị" có lẽ xuất phát từ câu Ngạn ngữ "Lợi thị tam bội" (chợ lời gấp ba), rút lại là lợi thị mà thôi Trải qua. Nhiều thời đại, dần dần dân gian đã nhân cách hóa và thần thánh hóa một "câu nói" thành ra nhân vật "lão bà" thành ra "Lợi Thế Bà Quan" (quan bà làm lợi cho đời) Đến đời. Minh, tôn xưng "Lợi Thị Tiên Quán" thành "Diệu Nhiều Ích" (tên người, Hồ Diệu là con cháu vua Thuận) hay "Diệu thiếu tự" Gần đây., thì được dân gian tưởng tượng ra hình vẽ để thờ Đó là sự. chuyển hóa tự nhiên của tính sùng bái "ngẫu tượng" lâu đời của người Trung Hoa vậy.

4 .- Chiêu Tài Đồng Tử: --

Theo tập tục cho rằng thân của tiền "Thiện Tài Đồng Tử" (phò đức Quan Âm) trong Phật Giáo, chính là "Chiêu Tài Đồng Tử" Hai chữ. "Thiện tài" thực ra có nghĩa là "thiện ư lý tài" (khéo leo việc quản lý tiền bạc) Nhưng dân gian đã thế tục hóa dần, thành ra có liên hệ đến "Chiêu tài tiến. bảo".

Trong Kinh Phật chép: - "Khi Thiện Tài Đồng Tử sinh ra, trong phòng bỗng nhiên xuất hiện nhiều đồ vật quí giá, vì hiện tượng đó nên đặt tên Thiện Tài Nhân vật. Thiện Tài nay tuy có vô số đồ vật quí bầu , nhưng ông ta sớm nhận ra muôn vật đều không, chỉ những lời phát nguyện tu thành Phật đạo Trải qua. muôn ngàn cay đắng của các cuộc thử nghiệm, ông đã thành Phật theo đúng nguyện vọng, là nhờ Phật Quan Âm giáo hóa thành Bồ Tát, hiện ra thân đồng tử, đứng ở bên trái của đức Quan Âm.

5 .- Hắc Bạch Vô Thường: --

Thế gian thường hay nói câu: - "Sanh kỳ không biết nhưng chết thì có thời hạn" Quan niệm. Về Hắc Bạch Vô Thường là Hắc Vô Thường mặc áo đen, Bạch Vô Thường mặc áo trắng Một khi nhìn thấy hai ông quỷ. nay thì chắc chắn số dương đã hết, chuẩn bị lo việc hậu sự là vừa! Nhưng trong dân gian cũng có truyền tụng một giai thoại lý thú khác là, Hắc Bạch Vô Thường không hẳn hoàn toàn mang ý nghĩa chết chóc cho người con đâu, trái lại còn mang đến những lợi lộc "phi thường" là Đàng khác. Họ bảo: - "Khi nhìn thấy hai vị Vô Thường này, cố gắng đừng sợ hãi, mà theo khẩn khoản nan nỉ xin cho kỳ được gì" bất cứ một vật "Nếu được., thì chắc chắn về sau sẽ trở thành" đại phú quí "!
Không biết thực hư thế nào nhưng người ta lại thấy trên bàn thờ của những đoàn hát kịch nghệ, có thờ hai vị vô nay thường chung với Thần Tài. Đặc biệt là trên mạo của hai vị vô thường có viết câu "Nhất Kiến Sinh Tài "(một lần gặp là có tiền).
IV .- NHỮNG HÌNH TƯỢNG THẦN TÀI ĐANG ĐƯỢC THỌ PHỤNG: --
1./HOÀNG TÀI THẦN: - Đà có màu hoàng kim, tay phải cầm bảo châu, tay trái cầm "con chuột nhả ra ngọc bầu" (thổ bảo thử mông), chân phải đạp nhẹ lên đống bảo vật ốc biển. Hiệu nghiệm là "Cầu tài được tài liền".
2./-BẠCH TÀI THẦN: - Mình mặc thiên y (áo trời), tay phải cầm châu bầu, tay trái cầm "con chuột nhả ra ngọc bầu" (thổ bảo mông thử). Coi con rồng xanh Biec Người cúng. Lạy sẽ được thuận lợi trong việc cầu tài.
3./-HẮC TÀI THẦN: - Tay phải cầm khí cụ tên "Ca lạt ba lô" (?), Tay trái cầm "con chuột nhả ra ngọc bầu" (thổ bảo mông thử) Chân phải. Co lại, chân trái duoi thẳng, ngồi trên "mặt trăng có hình hoa sen" Hiệu nghiệm về. "cầu hoành tài".
4./-TÀI PHÚ THIÊN VƯƠNG: - Thân sắc vàng, mặc áo hoàng kim, đầu đội mạo quí Vải phải có mặt trời,. Vai trái có mặt trăng, có tài bảo vô tận Tây phải. Cầm bầu cây dù, tay trái cầm "con chuột nhả ra ngọc bầu" (thổ bảo mông thử) Ngồi trên. đầu con sư tử Hiệu nghiệm. là tài vận chuyển biến và sự nghiệp từ khó khăn trở thành thuận lợi.
V. - SỰ THẾ TỤC HÓA THẦN TÀI: --
Tài Thần là một vị thần xuất hiện sau nhất của tín ngưỡng dân gian, bởi vì trong xã hội nông nghiệp xưa của Trung Quốc, nhu cầu về tiền bạc ít được cho là quan trọng Cho nên. Trải qua thời gian dài, quan niệm về Thần Tài không nổi bật so với những vị Thần khác (như Thần Đất chẳng hạn) Đến cuối. đời nhà Đường, mới thấy xua hiện hai hình tượng là "lộc mã" (ngựa lộc) và "tài mã" (ngựa tiền ) Đời xưa. người ta trọng về "lộc" nhiều hơn, bởi vì khi có được công quan hay danh tuoc, có là những bỗng lộc nhất định rồi Như thế. là tiền bạc đã nằm trong "lộc".
Ngày nay, hai quan niệm về "tài" và "lộc" mới tách ra biệt Và ". Tài" được xem trọng dần lên. Hình tượng "tài mã" đã nói lên sự thăng tiến về "tài" trong quần chúng quan niệm Sáu đời. Minh thì Thần tài mới chính thức hiện diện trong danh sách các vị thần minh.
* Từ xưa đến nay, quan niệm dân gian đa số cho rằng "Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo" (cách kiếm tiền của người quân tử là phải phù hợp với đạo đức) Hoặc mạnh hơn ". Trọng nghĩa Khinh lợi (tài) "(xem cái nghĩa nặng hơn cái lợi (tiền)) của những sĩ đại phu thường nói Sở dĩ. có sự thay đổi về quan điểm nhận thức đối với tiền, là vì xã hội đã biến chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp thương nghiệp sinh hoạt Phương thức thay đổi dẫn đến thay quan niệm. đổi là điều tất yếu. Từ coi trọng "Nông Thần" chuyển sang coi trọng "Tài Thần" Sự kiện nay. chứng minh "hạ tầng kinh tế" chuyển đổi "thượng tầng tinh thần" là thế!
* Ngoài yếu tố thay đổi về phương thức kinh tế, tín ngưỡng về Tài Thần còn làm thay đổi về sinh hoạt đời sống Nhu cầu trao đổi về tiền trở nên cụ thể và phổ biến khắp mọi nơi,. Nay sinh ra tín ngưỡng Tài thần của tâm lý dân gian, không phải xuất phát từ tín ngưỡng tôn giáo như các vị thần khác.
* Quan niệm phong kiến truyền thống nêu lên giai tầng xã hội là "Sĩ, Nông, Công, Thương", trong đó "Thương" được xếp chót sau Điều đó. Cho thấy sự xếp loại giá trị về người làm

nghề mua bán bị đánh giá thấp Thuật ngữ ". gian thương" không phải bây giờ mới có, mà đã hình thành từ thuở xa xưa rồi, thể hiện tính Biếm châm mỉa mai nghề "thương" rất rõ.
* Giá trị cống hiến của tín ngưỡng về Thần Tài chỉ thực có giá trị khi mọi người hiểu thấu đáo về những nhân vật tiêu biểu của Tài Thần, đều là những người có đạo đức, có thiện tâm Từ đó. "Xóa bỏ quan niệm "Vô gian bất thành thương" (không gian Thị Lan mua bán không thành).
Được vậy, chúng ta mới có được một xã hội mà sinh hoạt mậu dịch thương mại phát triển song song với đạo đức chân chính, với sự tiến bộ theo hướng tốt lành của con người.
* Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)
*Bổ xung của dienbatn :*
Hoàng Tài Thần Tâm Chú :
OM DZAMBHALA DZALENTRAYE SVAHA
Bạch Tài Thần Tâm Chú :
OM PADMA TROTHA ARYA DZAMBHALA SIDDHAYA HUM PHAT .
Hỏa Tài Thần Tâm Chú :
OM DZAMBHALA DZALIM DZAYA NAMA MUMEI E SHE E .
Hắc Tài Thần Tâm Chú :
OM JLUM SVAHA OM INDRAYANI MUKHAM BHAMARI SVAHA .
Lục (xanh lục) Tài Thần Tâm Chú :
OM DZAMBHALA DZALIM DZAYE SVAHA .
Đàn Pháp Tài Thần này rất vi diệu , khó kể hết được , tóm lược những cái chính như sau :
Hoàng Tài Thần chủ về PHÁP TÀI : trì tụng chú của Ngài hành giả sẻ được tăng trưởng thêm về Phật Pháp và công đức cũng như tiền bạc , theo kinh điển Mật Tông thì ngài hiện thân trừ thiên ma quấy phá lúc Phật Thích Ca Mâu Ni lần đầu thuyết Bát Nhã Tâm Kinh , sau đó Thế Tôn thọ ký cho Ngài như nguyện làm Thiên Tài-Hộ Pháp .
Bạch Tài Thần chủ về TÂM TÀI : chủ trừ các phiền não về tài và hóa giải các định nghiệp .
Hỏa Tài Thần coi về ÁC TÀI : năng trừ các kẻ thù về tài , làm cho trí huệ tăng trưởng .
Hắc Tài Thần coi về TÀ TÀI : chủ trừ các tà quỉ , oan gia đến báo vì tài .
Lục Tài Thần coi về YỂU TÀI : năng trừ yểu mệnh vì tài .
Hoàng Tài Thần là hóa thân của Bảo Sanh Như Lai (Ratnasambhava) ngự tại nam phương trong Mandala tượng trưng Bình Đẳng Tánh Trí . Hoàng Tài Thần có 8 vị thần tướng vận chuyển về tài và Tứ Đại Thiên Vương theo hộ Pháp .
Bạch Tài Thần là hóa thân từ giọt nước mắt bên phải của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát (Tara Độ Mẫu là hóa thân từ giọt nước mắt bên trái), Bạch Tài Thần có 4 vị Đồ Cát Ni (Dakini), hộ trợ , vận chuyển về tài lộc .
Hỏa Tài Thần là hóa thân của Ngài Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva)
Hắc Tài Thần là hóa thân của A Súc Bệ (Akshobyah) Diệu Sắc Thân Như Lai , ngự tại hướng đông của Mandala tượng trưng Đại Viên Chủng Trí .
Lục Tài Thần là hóa thân của 1 trong Tứ Đại Thiên Vương .

19. HOÀNG THÀNH .



(Hộ Quốc Thành Hoàng)

Cheng Huang

Cheng từ Hoàng dự định như là một con hào, "thành phố" có nghĩa là lâu đài, "khô con hào" có nghĩa là không có nước, con hào chăm sóc, không có nước, cho biết bơi, cho biết các thần của nước, do đó, trong điều khoản của Chenghuang ban đầu được gọi là suối lâu đài.

Như là "Thành phố Thiên Chúa" trên sự an toàn của ý nghĩa địa phương, do đó, "Cheng Huang," apotheosized dần dần trở thành "thần của pháo đài để bảo vệ", "bảo vệ thành phố của Thiên Chúa" có nhiệm vụ là thiên tai, Bingluan bảo vệ pháo đài và các cư dân, thành phố thánh bảo trợ, và sau đó với thời kỳ khiếm nhã của những ảnh hưởng của dòng chảy, và dần dần tăng Bộ của ông, như: mưa, tìm nắng, Triệu Fu, Rang thiên tai, vv, giữ một đóng xem hầu như các địa phương Ming Ji, Shangshanfawu cho Hades hiện diện của liên yang Ming-lai của các nơi. Trong tâm trí công cộng, Cheng Huang Yeh là thế giới ngầm của tư pháp, có thể làm cho công lý của con người, dễ bị tổn thương, do đó, nhiều người dân Chongsi. Nguyên thủy thờ đó liên quan tới cuộc sống hàng ngày với những người có một điều Thiên Chúa.

Pháo đài trong quá khứ để thừa nhận những người sống và tài sản của ông, có rất khen tại Trung Quốc, tất nhiên, do nhân dân tôn thờ.

Vì vậy, "Cheng Huang Chúa" là một đối tượng sùng bái của cư dân đô thị, trong khi Thiên Chúa và thờ phượng Trái đất của nông dân Thần Nông là một đối tượng. Từ này ", Cheng Huang Chúa" xuất hiện chỉ sau khi thành phố được sản xuất bởi các vị thần, do đó, độ tuổi của mình và thâm niên hơn thần trái đất "", "Hoàng đế Shen Nông," một số lượng nhỏ.

Nhưng "Trái đất Thiên Chúa" là phạm vi quản lý nhỏ, "Cheng Huang" quản lý các khu vực rộng lớn, và do đó chịu trách nhiệm về phía bên phải hơn "Trái đất Thiên Chúa" quản lý đô thị lớn (và nông thôn).

Chính thức vinh danh với "Cheng Huang Chúa" nên được bắt đầu trong Tề Bắc triều. Lúc đó cuộc chiến tranh thời gian thường xuyên và nhiễu loạn, "pháo đài", dễ bị lợi nhuận và thua lỗ, thánh bảo trợ địa phương của quyền lực, uy tín, quyền lực siêu nhiên, và vì thế tự nhiên là vô cùng quan trọng, "Thành phố Thiên Chúa" tình trạng và vì thế rất nhiều nâng cao. Bởi các nhà Đường, khi Hoàng đế Min, thành phố trong cả nước với các đền thờ của Thiên Chúa, Thị xã của việc xây dựng nói chung, và được Xích Phong.

Đế là người đầu tiên nhà Minh Chu Nguyên lên năm quyên, theo khu vực hành chính của Xích Phong thứ bậc của con người: người phụ trách của đất nước được gọi là "thế giới là Cheng Huang", có lớp cho Wang Jue; phụ trách một tỉnh gọi là "Du Cheng Huang," Thôi-class cũng Vương (Jingshi Cheng Huang Wei-ming-ling Wang); phụ trách của chính phủ gọi là "Nhà Cheng Huang," Jazz lớp học cho công chúng; phụ trách một tiểu bang được gọi là "Nhà nước của thành phố Thiên Chúa," Hou Jue lớp, nói, "Ling Ying Hou," hoặc " pacification "; phụ trách một quận hạt được gọi là" Quận, Thành phố Thiên Chúa, "Bo Jue lớp, và nói rằng rõ ràng" Bạn Bo. " Từ đó, mọi người-để-thờ Cheng Huang trên lây lan của Chúa đến mọi góc của đất nước. Theo truyền thống, mỗi địa phương trung tâm quận lỵ về phía bắc, đã xây dựng đền thờ một vị thần của thị xã, các Cheng Huang Chúa ngồi nơi phụ

trách một quận kích thước của điều này. Để nhà Thanh, một số thị trấn lớn hơn cũng đã xây dựng đền thờ một vị thần của thị xã.
Cheng Huang cho cả hai chức địa phương Nether ngành tự nhiên có nhiều phòng ban và là một quan liêu, để lòng bàn tay tư pháp và cảnh sát. Tổng Cheng Huang Yeh bao gồm sáu đơn vị: các Life Extension Sư đoàn, các báo cáo ngay lập tức của Sư đoàn, picket phận, đáng làm tốt và Sư đoàn, và cà rốt, Bí thư Zenglu phận, thường được gọi là các chính thức của sáu "", hoặc "6 Chúa Đức Chúa Trời", và chức năng của họ và Quan Minh như nhau. Ngoài các Bộ phận, có học, võ thẩm phán và hai con bò Chúa Maye, cangue Chúa, Chúa, vv Siye khóa. Trong Ngoài ra, không có lưu Sở, Tạ chắc chắn một hai tướng, thường được gọi là Xie Qi Ye, Sở bye để trừng phạt điều ác ác Chúa Cheng Huang.
"Thành phố Thiên Chúa" là "các giáo sĩ", Cheng Huang Yeh khác với các vị thần khác, không phải do một người toàn thời gian, dân gian truyền thuyết, và thường xuyên nói rằng một người sống ở một nơi nhất định tử vong cao đạo đức đứng Jade Emperor's đã được bổ nhiệm là một thành phố của Cheng Huang, chỉ ra một sự thật: Cheng Huang Yeh phải được là một người công bằng và trung thực, tham nhũng thiên không đủ điều kiện để trở thành một vị thần địa phương. Các "Chúa Cheng Huang," đại đa số các trang phục dân sự. Thành hoàng cửa đền liên quan sau đây:
"Mặc dù tôi có một ngôi đền nhỏ của Thiên Chúa là nhỏ, không thể thắp hương, nhìn;
Mà bất kỳ xu hướng chính thức của mình lớn, để làm điều ác, hãy thử. "
"Ride vô luật pháp của bạn, nhân bản này đã được đặt vào tội lỗi, cũng như bất kỳ guts?
Nhưng biết rằng tôi có thể có thể tha thứ, rộng và dao xuống, quay đầu. "
Các triều đại nhà Thanh, một thời gian khi các viên chức địa phương giả văn phòng, thành phố sẽ đầu tiên của địa phương phải trả tiền đền Thiên Chúa tỏ lòng kính trọng để thông báo đến của Đức Chúa Trời Thành phố. Nhiều quan chức địa phương cho các tù nhân đã từ chối plead guilty, nó sẽ được đưa đến đền thờ Thiên Chúa thành phố để yêu cầu một lời tuyên thệ trước mặt tinh thần. Có những cán bộ địa phương trong các quyết định Case Nghi có khó khăn, khi chúng ta đến với Chúa Thành phố Temple tham gia vào ban đêm trên lồng của riêng mình (giấc mơ), yêu cầu hướng dẫn trong giấc ngủ của họ Cheng Huang, Cheng Huang có thể được nhìn thấy trong hệ thống tư pháp cổ đóng một vai trò quan trọng.
Cheng Huang Chúa vì nó là thế giới ngầm của các quan chức địa phương, do đó, Halloween ba tại Trung Quốc (Ching Ming, Chung-yuan, Tháng Mười New Moon) có chenghuang tour du lịch thanh tra của vấn đề, được gọi là kiểm tra "", "đền" gọi là ra "sẽ", Paul được nói là để cung cấp cho hòa bình và an ninh với nhau.






(Miếu Thành Hoàng ở Thượng Hải)

* Qi Ye bye:

Qi Ye, Cheng Huang Đền bye là một cầu thủ chủ chốt cần thiết. Bất kỳ kiểm tra Chenghuang giải đấu tour được ràng buộc để đi đầu trong các cấp bậc. Qi Ye cũng được gọi là long-bye Chúa của Thiên Chúa (ngắn cao thấp Chúa Chúa), cũng gọi là vô thường ma màu đen và trắng, đó là phong tục, còn được gọi là Tạ, Sở 2 tướng, từ thờ phượng tại một ngôi đền, được thiết kế để hộ tống tù nhân đến các vị thần trước khi phiên toà.

Qi Ye Xie họ, tên phải được bảo mật, vì ông đã cao và khuôn mặt đen, do đó, có những lâu ông gọi Heiwu Chang's. Bye surnamed Sở, đã không được lưu, vì phải đối mặt ngắn của ông và thân màu trắng, nó còn được gọi là ngăn ông nội Bái Vũ Xương.

Người ta nói rằng họ đang có trong Phúc Kiến, Trung Quốc Phúc Kiến County, từ khi còn nhỏ thề, và tuyên thệ nhậm chức. Một ngày, Xiang Xie đi Nantai Bridge, ngày sẽ có mưa, Tề Ye bye chờ đợi để trở về nhà ô đang nắm giữ, tất cả mọi người ngạc nhiên bởi Qiye đi, torrential bão, lũ sông, bye không muốn bỏ lỡ các cuộc hẹn, thậm chí của cơ thể Tóm lại, để được chết đuối, và sớm để đi đến ô Qi Ye, bye đã bị mất tích, Tề Ye'd thay vì chết, treo tại các trụ cột. Yan Wangye Jiaxun đức tin sâu sắc của họ, họ đã ra lệnh bắt giữ tội phạm trước khi Huang Cheng.

Một Sở Chuẩn, Tạ hai tướng là một nhà Đường, An Lộc Sơn nổi loạn, hoàng đế Đường Yuanbi Tây Tứ Xuyên, Trương Tấn, Xu Yuan bám níu vào Suiyang. Sở Trương Tấn phe, Xie 2 sẽ được ra khỏi thị xã để được giúp đỡ, Hsieh sẽ là một escapement, đã treo cổ tường thành phố, Sở-Việt cứu, vô tình chết đuối. Sau đó, chiến sĩ, mệt mỏi thành phố thực phẩm Suiyang đã cạn kiệt, và đã phá vỡ, Trương Tấn, Xu Yuan-Cheng Huang của cái chết đã được thực hiện một Chúa, Sở, Tạ guard bên cạnh anh ta trở thành tướng.

Người ta nói rằng Hsieh sẽ được bảo mật, có nghĩa là, các đơn vị thưởng vị thần phải bảo mật, Sở-Việt để tiết kiệm, có nghĩa là, những người vi phạm luật pháp mà không cứu.

* Bộ phận của âm và dương của công chúng:

Bí thư cho công âm và dương là thần của Chenghuang Đền nam giới, màu đen và trắng cơ thể chia thành hai phần, tối, nhìn khủng khiếp, kết quả là các lực lượng ác của trận động đất Anliang vai trò chủ động.

Âm và dương, tốt và cái xấu người phụ trách của Bộ phận tích và demerits của công chúng, giữ một con ma xem địa ngục đóng, do đó, nó được trong tín ngưỡng dân gian, là một hình phạt giải thưởng tốt xấu, khen thưởng, phạt của Thiên Chúa, để cảm thấy tất cả các loại bắt nạt những điểm tốt xấu của tư nhân tốt, tự nhiên ngăn chặn xảy ra.

Nửa nửa khuôn mặt đen trắng của mình, Thiên Chúa Wan Đinh Hùng, người dân không Haner đầy awe, tim lo sợ sức khỏe, ông có thể tìm hiểu việc tiến hành các thành tích và demerits cuộc sống của bạn, châu Á và trừng phạt điều ác trừng phạt, để cho những người đầu tiên thực hiện một phẩm chất đạo đức tuân theo dài của nó --的百姓。 Hầu hết các Bộ phận của âm dương và tôn thờ công cộng tại một buổi lễ chùa, cũng là một phần của ngôi đền, một Bộ phận riêng biệt cho âm Công Peisi và thấy.
* Các thẩm phán, Ngô Magistrate:
"Wen thẩm phán" chịu trách nhiệm điều tra các đức tính tốt và xấu, và chỉ giết người và làm cho bản án. "Ngô thẩm phán" là trong văn bản sau khi quyết định hình phạt Thẩm phán có trách nhiệm thực hiện các tù nhân phạm tội xứng đáng.
Wen thẩm phán, thường là nhẹ lương xuất hiện, đột quỵ, và số phận ma nhiều, từ bộ này. Ngô thẩm phán trong tay Spiked Club, một trong những đau đớn đã đến sự xuất hiện của trừng phạt các wicked
* DỊCH: --
HOÀNG THÀNH
Hai chữ THÀNH HOÀNG, nghĩa đen là cái hào bao quanh để hộ vệ một cái thành "Thành." Là chỉ cho thành Quách, "Hoàng" là cái hào không có nước để hộ vệ cho thành. Có nước thì gọi là "trì "(ao), không có nước thì gọi là" Hoàng "Như vậy,. xuất xứ hai chữ Thành Hoàng là có ý nói đến sông Rạch bao quanh thành Quách.
Do "thành hoàng" có ý nghĩa trọng đại đối với sự an toàn của một thành (tức là một địa phương), nên Thành Hoàng dần dần được thần cách hóa, trở thành "Thần bảo vệ thành trì" hay là "Thần hộ vệ thành "Nhiệm vụ. của Thành Hoàng là thành trì bảo hộ và cư dân khi bị thiên tai hay loạn lạc, là Thủ Hộ Thần của thành thị Về sau., trải qua nhiều thời đại, Thành Hoàng được gan thêm những nhiệm vụ như khác: - cầu mưa, cầu tanh ráo, ban phước, giải trừ tai nạn vv ... Vô hình trung trở thành ông quan vô hình cai quản địa phương, có thể thưởng phạt thiện ác, là quan ông làm Minh Phủ phái đến dương gian đê cai quản dân tình.
* Trong con mắt của dân chúng, Thành Hoàng Gia là vị Pháp Quan của cõi âm, có thể bổ sung cho những thiếu sót của Pháp thế dương Quân Do đó mà bạn Tánh được sùng kính Phụng thờ..
Sùng bái điều trước tiên là tất cả những gì liên quan đến sinh hoạt của dân chúng địa phương đều có thần chứng giám, tỏ biết hết Thành Hoàng. Cũng có khả năng bảo hộ tính mệnh và tài sản của dân làng. Như thế chẳng phải là có công lớn với nhân dân, đáng được mọi người tôn thờ cúng kính sao?
* Từ đó, ta có thể nhận ra rằng, Thành Hoàng Gia là đối tượng sùng bái của cư dân thành thị, Thổ Địa Công, Thần Nông là đối tượng sùng bái của nông dân. Điều nay cho phép ta rút ra kết luận là Thành Hoàng thành hình làm dân thành thị mà có Nếu xét. về mặt niên kỷ, thì Thành Hoàng có tuổi kém hơn Thổ Địa Công và Thần Nông rất xa. Nhưng phạm vi quản lý của Thổ Địa Công lại nhỏ hơn của Thành Hoàng, vậy thì ta có thể nói rằng quyền hạn và chức trách của Thành Hoàng lớn hơn của Thổ Địa.
* Lịch sử cho thấy, thuật ngữ Thành Hoàng Gia chính thức có từ thời Bắc Te Đó là. Giai đoạn đang chiến loạn dữ dội, "thành trì" rất khó bảo vệ, thành thử quyền lực, uy vọng và thần thông của Thần Bảo Hộ trở nên hết sức trọng yếu Địa vị. của Thành Hoàng lần lần trở nên được đề cao thêm Đến thời. kỳ vua Mẫn Đế đời Đường, thì cả nước đâu đâu cũng xây dựng Miếu Thành Hoàng, lại được nhà vua sắc phong tử tế.
* Đến thời Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương chấp chánh, thì cứ theo cách tổ chức hành chánh của đất nước mà sắc phong Ví dụ.: - Coi sóc cả nước thì phong làm "Thiên Hạ Đô Thành Hoàng", có chức "Vương ", coi sóc một tỉnh thì phong làm" Đô Thành Hoàng ", cũng ở chức" Vương "(Thành Hoàng của kinh sư là Minh Vương Linh), coi sóc một Phủ thì phong làm" Phủ Thành Hoàng ", có chức" Công ", coi sóc một châu thì phong làm" Châu Thành

Hoàng ", có chức" Hậu ", xưng là" Linh Ứng Hậu "hoặc" Tuy Tĩnh Công ", coi sóc một huyện thì phong làm" Thành Huyện Hoàng ", có chức "Bá", xưng là "Hiển Hữu Bá".
* Từ đó, sự sùng bái Thành Hoàng trong dân gian được phổ biến rộng khắp nước Bất cứ. Huyện thành nào trong nước, cũng xây một Miếu Thành Hoàng, Toa Nam Triệu về Bắc Trọng Miếu. Có vị Thành Hoàng đoan tỏa, chưởng quản mọi việc lớn nhỏ trong toàn huyện Đến đời. nhà Thanh thì phát triển xây Miếu Thành Hoàng tại các thành phố lớn.
* Thành Hoàng Gia đã là một vị quan địa phương thuộc U Minh Giới, dĩ nhiên phải có nhiều cơ quan và thuộc hạ giúp việc, kể cả tư pháp và cảnh sát nữa Theo truyền. Thống, các bộ ty của Thành Hoàng gồm có :
-Diên Thọ Ty (coi về tuổi thọ)
-Tốc Báo Ty (báo cáo nhanh)
-Củ Sát Ty (quan sát theo dõi)
-Tưởng Thiện Ty (cấm người thưởng, việc lành)
-Phát Ác Ty (Trung phạt kẻ, việc ác)
-Tăng Lộc Ty (ban cho phước lộc)
Thông thường xưng là "Lục Quân" hoặc "Lục Thần Gia" và Chức. Năng nay danh xưng của Ty các tương đồng với thế gian.
Ngoài các Ty, còn có hai "Phan Văn Quán" và "Phan Võ Quán", cùng với "Ông Ngưu", "Ông Mã", "Ông Gong Cúm", "Ông Xieng Xích" là bốn vị "Gia Gia". Bên cạnh còn có hai vị Tướng Quân có vai trò quan trọng là tên "Phạm Vô Cứu" (không có tội miễn xét xử) và "Tạ Tất An" (cúng tạ được bình an) mà dân gian tôn xưng là Tạ thất gia và Phạm bát gia, hai vị nay làm trợ lý cho Thành Hoàng trong việc trung gian trừ ác.
Thành Hoàng là một chức vị thuộc về "Cấp Thần" Những vị. Thành Hoàng nay có khả năng khác nhau, không ai giống ai cả Vì sao. Thế Bởi vì truyền? Thuyết của dân gian nói rằng, ở vùng Một nhân vật có B, khi sống là người chính trực cao thượng, lúc chết được phong làm Thành Hoàng thì đã đành Cũng có. những vị tham ô quan lại nhưng có công phục vụ, làm lợi cho vua chúa lúc giờ bay, khi chết cũng được nhà vua phong cho làm Thành Hoàng Thành Hoàng Về hạng thứ hai này, đaso61 đều bị các văn nhân Khinh bỉ.coi thường, thậm chí còn viết câu đối để mạng chửi là khác. Ví dụ ở một ngôi Miếu Thành Hoàng kia., có tương truyền những câu đối sau: --
"Biệt khán ngã Miếu tiểu thần tiểu, bất lai thiêu hương, tiêu tiêu;
Na Nhậm tha quan đại thế đại, Nhược yếu tác ác, thí thí. "
(Đừng thấy Miếu thần nhỏ nhỏ, chẳng đến đốt hương, Rinh Rinh ...
Ngày kia thành quan lớn thế lớn, kẻ nào làm ác, thử thử ...)
*Chú giải: - Hải câu lối dùng nay "đồng âm dị nghĩa" để chơi chữ Đọc sơ. Qua thì không thấy gì, nhưng những chữ "tiểu" "đại", "Tiều Tiều", "thí thí" nay lại đồng âm với những chữ có nghĩa thô tục: - đi tiểu, đi đại, đánh ram vv.-ND)
* Hai câu khác: --
"Nhậm bằng ne vô thiên vô pháp, đáo thử Nghiet kính cao huyền, hoàn hữu đảm phủ?
Đản tri ngã năng khoan năng thứ, thả bả phóng hạ đồ đao, hồi chuyển đầu lai. "
(Nếu quả ông là người trời không không phép nước, hãy đến trước đài cao Nghiet Cảnh, ông dám hay không?
-Nhưng biết rằng (chúng) hay tôi khoan hồng tha thứ hay, mau Bường đao đồ tế, quay đầu lại ngay đi!)
* Triều nhà Thanh, mỗi khi một vị quan lại đến Nhậm chức tại địa phương nào, việc trước tiên là đến Miếu Thành Hoàng để khấu bái Ngài phù hộ.
Một số địa phương có lệ là nếu có một người nào bị nghi ngờ phạm tội, mà người đó không chịu nhận, thì phải đến Miếu Thành Hoàng lập các lớn là được tin tưởng vô tội.
Vài nơi khác thì khi ông quan cai trị vùng đó, gặp một vụ án mà không thể tìm ra thủ phạm, ông ta đích thân đến lễ bái Thành Hoàng để cầu xin Ngài báo mộng cho biết phạm thử.

Xem thế, đủ thấy sức mạnh quần niềm tin của chúng đối với Thành Hoàng là hết sức mạnh mẽ và to lớn đến chừng nào!
* Thành Hoàng Gia là vị quan cõi âm của địa phương, theo truyền thuyết thì vào các ngày Thanh Minh, Trung Nguyên (15 / 7), Hạ Nguyên (15/10), Thành Hoàng Gia sẽ đi "tuần tra", nên dân gian tổ chức các buổi lễ "nghênh Thần" hay "Xuất Hội" để cúng bái Thành Hoàng, sẽ được Ngài ban phước lộc và bảo hộ bình an.


(Miếu Thành Hoàng ở Đài Trung)

Thất Gia Bát Gia
Các Miếu thờ Thành Hoàng đều không thể thiếu hai vị Thất Gia và Bát Gia Bởi vì., Mỗi khi xuất Hoàng Thành hội, thì nay hai vị phải đi trước để sắp đặt công việc Thất Gia., Bát Gia còn gọi là Trường Gia , Đoàn Gia (Cao Gia, Nụy Gia), cũng gọi là hai quỷ Hắc Bạch Vô Thường Tập quán dân gian thì tôn xưng là ". Tạ Tướng Quân và Phạm Tướng Quân", có nhiệm vụ bắt giải các phạm nhân đưa đến trước mặt Thành Hoàng để Ngài phán xét.
* Thất Gia họ Tạ tên Tất An, có thân cao, gò má đen, cho nên dân gian gọi là Hắc Vô Thường Bát Gia. Họ Phạm tên Vô Cứu, vì thân hình lùn thấp, gò má trắng nên dân gian gọi là Bạch Vô Thường.
Cũng theo truyền thuyết nói rằng, hai vị nay là người ở Huyện Mân tỉnh Phước Kiến, kết bạn thân từ nhỏ lúc, tình như thủ túc Một hôm., Hai người có việc đi đến cầu Nam Đài để sang sông, thì bổng nhiên có mưa lớn đổ xuống Thất Gia. bảo Bát Gia đứng ở dưới chân cầu đợi ông chạy về nhà lấy dù Bát Gia giữ lời hứa., dù mưa to nước lũ dâng lên nhưng không bỏ đi, thân hình lùn thấp nên bị nước cuốn trôi mất Thất Gia dù mang đến., không thấy Thất Gia biết là ngộ nạn, nên giữ lời thề nguyện "đồng sanh đồng tử" khi kết bạn ngày xưa, nhảy xuống sông chết theo Diêm Vương. thương sự trung tín và thủy chung của hai người, phong cho hai người làm bộ hạ Thành Hoàng.
* Một thuyết khác thì nói, hai vị tướng quân Phạm, Tạ là người ở Triều đại nhà Đường Khi có. Loạn An Lộc Sơn, vua Đường Minh Hoàng chạy trốn đến Tây Thục Tướng Trương Tuần và Hứa Viễn tử thủ giữ thành Tuy. Dương, sai họ Phạm và Tạ xuất thành đi cầu viện. Tạ Tất An bị bắt và bêu đầu trên thành địch, còn Phạm Vô Cứu bị chết trôi Thành Tuy. Dương bị thất thủ, Trương Tuần và Hứa Viễn được phong làm Thành Hoàng Gia, còn Phạm, Tạ thì phong làm Hộ Vệ cho Thành Hoàng.
* Có người lại giải thích, "tạ tất một" là bị bệnh cúng tạ Thành Hoàng thì được lành, còn "phạm vô cứu" là đã gây tội thì không người nào cứu được!




Âm Dương Công Ty

Âm Dương Công Ty, là bộ hạ của THÀNH HOÀNG gia, thân thể tự chia ra hai phần đen và trắng, hình dạng khiến trông thấy phải khiếp sợ, mà tạo ra tác dụng trừ điều ác điều lành giúp Âm Dương. Công Ty coi sóc về thưởng trị công hay tội của dân gian, cùng quản lý các hồn ma quỷ mình địa phương trong tín ngưỡng dân gian Trọng,. Ngài rất gần gũi với con người, nhất cử nhất động của bất cứ ai cũng đều biết. Từ niềm tin đó, con người mới sợ không dám làm điều xấu sợ Ngài trung phạt, mà cố gắng làm việc tốt lành để được ban thưởng Ngài.

* Tướng lạ của Ngài là gò má bên trắng bên đen, thần khí mạnh mẽ khiến người nhìn thấy không lạnh chạy mà, lòng sanh e dè sợ đặt Sự hiện. Diện của Ngài góp phần duy trì đạo đức tốt đẹp và hạn chế bớt những hành động sái quay của dân gian.

Đa số thì Âm Dương Công Ty được thờ chung trong Miếu Thành Hoàng Một số nơi. Miếu có xây riêng để thờ.

*Phan Văn Quán, Phan Vũ Quân

"Phan Văn Quán" phụ trách đúc kết hành động, việc làm thiện ác của nhân dân và tuổi thọ của mỗi người, sau đó, ghi chép thành sổ sách, gọi là "Phan Quyết Thư". "Vũ Phan Quân căn thì" cứ vào phán quyết của Phan Văn Quán để thực hiện việc trị tội kẻ ác.

Tướng dạng của Văn Phan Quan thì nho nhã, bút cầm tay và sổ sách định đoạt vận mệnh của hồn ma quỷ Vũ Phan Quân cầm tay ". Lang nha bổng" (gậy răng sói), mặt mày dữ dan thể hiện năng lực phạt ác trong dân gian.

* Nhược Thủy dịch

(từ http://www.fushantang.com)

* Có thể tham khảo về Nghi Thức cúng Đình (tức cúng Thành Hoàng) ở các đình Miền Nam, mẫu lá để cúng Đình, nghi thức Đại Bội vv ... ở địa chỉ sau: --

* Liên kết Nghi thức cúng thần Đình: --

http://www.hoangthantai.com/forum/index.php?topic=588.0

* Liên kết Nghi thức xây chầu hát bội cúng Đình: --

http://www.hoangthantai.com/forum/index.php?topic=589.0

20. THÁI TUẾ .



(Thái Thứ năm Mậu Tí)

Tai Sui

Theo phong tục truyền thống của Trung Quốc mà trong mỗi năm, sẽ có một sức mạnh thần thánh, sau đó mọi công việc trần, và những người trong năm đó, khi giá trị của các vị thần, họ gọi là Sui Tài, trong khi Sui Tai như tổng số là 60, đó là có thể thay đổi những cái gọi là 60 ông thứ sáu mươi năm. Khi Sui Tài chủ yếu là tướng xuất xứ, do đó, trong Đạo giáo tất cả các trao danh hiệu là "rất chung" danh hiệu. Các Sui Tài đã nhìn khác nhau từ mỗi bàn tay của các thiết bị thi hành pháp luật cũng khác nhau, cho thấy các vận may thái của năm. Chẳng hạn như bút Tai giữ Sui, thay mặt cho những năm của sự thay đổi chính trị, nếu một thanh gươm súng, cho biết sẽ khó làm việc của năm.

Đạo giáo Tài Sui là tên gọi của Thiên Chúa, được nói là thiên đường Hùng Shen, nguồn cho các đối tượng cổ thờ, và Suixing có một mối quan hệ nhất định. Trong ghi cổ vào Lịch, Jiazi cho đến khi Gyehae, tổng số là sáu mươi năm như một chu kỳ, là một 60 Jiazi Thiên Chúa, còn được gọi là 60 nhân dân tệ Chen, Jie Bạn tên của Thiên Chúa, là Đạo giáo Tài Sui được gọi là "Great General." 1190 AD, Năm Canh-Xu, Trương Tấn Rui Sheng Queen mẹ bị bệnh cho một lời cầu nguyện, dài unhealed trong Dingmao Yuan-chen, quả hơn, Nai Ming Jian Dingmao Thụy Điển đền ở Bắc Kinh, dành riêng cho Dingmao Yuan Chen, được gọi là "cis-Star", và tôn thờ 6 10 Tai Sui, vì lợi ích của sự thành công thái, là sự khởi đầu của mỗi năm trên 8 là cis "-Star Lễ hội." Và "Hình ảnh của Tai Sui" Đây thực tế, trong xã hội dân sự đã được lưu hành rộng rãi.

Năm sau khi Minh Thành Tổ nhà Minh đền Rui Chí Jian Bắc Kinh Bạch Vân Quán, vào đầu những năm Thanh Chuan Chen Lung Đàn ông Pai chủ thế hệ thứ bảy ngày thay đổi-Rui Wang Chang-Yuan Chen Temple Hall.

Tai Sui còn được gọi là Tài Sui Xing Tháng Sáu, Tai Sui là thiên đường của Sao Mộc, như sao Mộc quanh mặt trời mỗi 12 năm, chạy một lần, vì vậy Ancients nói rằng Sao Mộc hoặc Tai Sui cho Suixing. Tai Sui còn được gọi là Tài Sui Xing Tháng Sáu, hoặc tháng sáu năm tuổi, đó là cả hai ngôi sao, nhưng cũng là thần của người dân được gìn giữ.

Từ các triều đại Tần và Hán, các Tai Shen Sui Hùng về đối tượng của awe, như có "đến Tai Sui luẩn quẩn, tiêu cực Tai Sui cũng là ác liệt nào." Nhận thức hướng Tai Sui nằm bên ác liệt, không để các nhà Tùy Tài, những cái gọi là không được trở lại, và ở phía bên Tai Sui không ground-breaking, di chuyển, hoặc kết hôn, hoặc ngay cả trong太岁头上动土, sẽ Zhaohuo thiên tai. Sau khi Nguyên và nhà Minh đã được bao gồm trong Dian Si, ở tuổi Fu cầu nguyện veneration-Kuo Min.

"Tai Sui chạy vào ngồi, có thể có rắc rối-Việt hi" Người phạm tội có thể là những người

Liunianbuli Tai Sui, hay Pepsi vào dòng chảy., Và gây khó khăn hơn, nhiều hơn bệnh thể chất, vì lợi ích của sự an tâm, con người có thể đi đến ngôi đền dành riêng cho Tai Sui cho một Lợi Tai Sui Phước giải quyết vấn đề, có thể thờ ở nhà, Tai Sui, để an toàn-shun điều, công nghiệp và thịnh vượng thương mại, tận hưởng sự giàu có trôi qua và may mắn.
"Ảnh của Tai Sui," một lịch sử lâu dài, "Tai Sui" Từ đầu đã nổi lên như triều Thương. Theo truyền thuyết, một thiếp của Trụ Vương Chiang's, cơ thể đã được Trụ Vương Xuân Rokko đứa trẻ bị bỏ rơi đã được tăng lên, để trả thù cho người mẹ của severing quan hệ, để thảo luận về thay mặt Trụ Vương Chu Wenwang tích, được Giang Trạch Tai-chiêng được gọi là "Zhi-De Tai Sui." Và sau một cuộc nổi dậy thành công Han Liu Jin Feng Troopers hơn một "Ershibasu Tai Sui", tiếp theo liền Tấn Phong Đạo giáo người đạo đức là "Tai Sui" mà đã đạt đến như nhiều như 60. Tai Sui của các hình thức của con người chỉ tìm thấy trong nhà Tống thần tượng.
Tai Tùy và thờ phượng phải được hoàn thành trong tháng âm lịch đầu tiên vào ngày 15, và ngày có thể không tôn thờ, cách tốt nhất là chọn ngày may mắn.
Ngoài việc thờ phượng Tai Sui, nạn nhân cũng có thể mặc một số ngọc hoặc một năm lớn tuổi nhà điều hành để giải quyết.
Ngoài thái Đà Yun hiển thị Tai Sui, nhưng cũng có thể ảnh hưởng đến tài sản cá nhân. Nếu cá nhân có dấu hiệu hoàng đạo không tương thích với thái Tai Sui, thì đó là phạm tội của Tai Sui, sẽ có tác động vào những năm của tài sản, đó là phong tục để gỡ hình ảnh Tai Sui to ward off cái ác.

Bạch Vân Quán tại Bắc Kinh Dian-Yuan Chen, hội trường của thờ phượng không phải là jin nhân dân tệ Jiazi sung-jun, nhưng dành riêng cho Tai Sui, và Mu Dou Yuan Tháng Sáu, còn phải phụ-pil. Theo Đạo giáo - Chiu-Yuan Chen Zhang Licheng lịch, mà posted jin 60 nhân dân tệ Jiazi sung-jun, và khoảng một mỗi từ tổng số chính thức của 180. Một Đạo giáo Nguyên-chen cũng có đăng Beidou Xing Tháng Sáu 60 Tương tự, có khoảng một mỗi từ chính thức của tổng số là 180.
Phong thủy lý thuyết rằng Sui Tai năm giá trị lâm thời của "Tai Sui Fang" là phụ ominous, không Yixing người lao động và mặt bằng các-breaking, hoặc là "太岁头上动土" tòa thiên tai lây lan đến những nơi khác. Điều gì là "Tai Sui Fang":
Sub-năm - ở phía bắc.
Ugly năm - ở vùng Đông Bắc.
Yin năm - ở vùng Đông Bắc.
Mao năm - ở phía Đông.
E năm - ở phía đông nam.
Có năm - ở phía đông nam.
Buổi chiều năm - ở miền Nam.
Không phải năm - ở phía Tây Nam.
Shin năm - ở phía Tây Nam.
Đơn nhất năm - ở phương Tây.
Thục năm - ở phía tây bắc.
Hai năm - ở phía tây bắc.
(Điện thờ Thái Tuệ)
Thái Tuế
* Theo phong tục truyền thông tin của nước ta (TQ), rằng mỗi năm đều có một vị thần minh coi sóc về mọi sự việc của trần gian Vị thần. Cai trị một năm đó gọi là Thái Tuệ. Có tất cả là 60 Thái Tuệ vị tương ứng với 60 năm của một "hoa giáp" (chu kỳ 60 năm của âm lịch).
Thần Thái Tuệ đại đa số là võ tướng xuất thân, nên trong Đạo giáo gọi tất cả là "Đại Tướng Quân" Nhưng mỗi. Vị Thái Tuệ có một phong cách khác nhau, nên việc chấp pháp cũng khác nhau. Từ đó nay sinh vận trình của mỗi năm sẽ khác nhau.Ví dụ như, Thái Tuệ cầm bút thì

năm đó có những biến động về chính trị; nếu là Thái cầm kiếm Thứ năm thì đó có nhiều loạn lạc, diễn biến về vũ lực.
Thái Tuệ là tên gọi của thần theo Đạo Giáo, tương truyền là những hung thần của thiên giới. Tín ngưỡng nay có xuất xứ từ sự sùng bái các sao của người đời xưa Năm âm. Lịch thành hình do sự phối hợp giữa 10 thể và 12 chi, bắt đầu từ "Giáp Tí" 60 đến cuối năm là "Quý Hợi" (một chu kỳ) Như vậy sẽ có 60 vị Thái Tuệ., còn gọi là "Lục thập nguyên thần" hay "Lục thập đại tướng quân ".

* Năm 1190 là năm Canh Tuất, bà Hoàng Thái Hậu Thụy Thánh, mẹ của Kim Chương Tông bị bệnh lâu ngày không khỏi, nên tổ chức "cầu đảo" trị bệnh cho mẹ. Vua cho xây dựng "Đinh Mao Thụy Thánh Điện" (bà mẹ tuổi Đinh Mao) ở Bắc Kinh Mục đích. là cúng bái vị Thái Thứ năm Đinh Mao gọi là "Lễ Thuận Tinh", nên Hoàng Thái Hậu được lành bệnh Vì thế., sau đó cúng bái luôn 60 vị Thái Tuệ , cầu cho những năm kế tiếp cũng được tốt lành Mỗi năm. vào ngày mùng tám tháng Giêng, đều có tổ chức "Thuận Tinh Tiết" (lễ Tết cúng sao) Từ đó., trong dân gian lưu hành rộng rải việc "cúng sao "mỗi năm.
* Về sau, đời Vĩnh Lạc nhà Minh cho xây dựng Điện Thụy Thánh Bạch Vân Quán ở Bắc Kinh Đến đầu. Đời Thanh, vị Đại Tôn Sư thứ bảy của phái Toàn Chân Long Môn cải danh hiệu lại là "Nguyên Thần Điện".
* Thái Tuệ còn gọi là Thái Tuệ Tĩnh Quân Về khoa thiên văn., Sao Thái Tuệ chính là Mộc Tinh trên bầu trời. Chu kỳ của sao Mộc quay quanh Mặt Trời là mười hai năm. Cho nên người xưa gọi là sao Mộc Tuệ Tinh hay Thái Thứ ba, sau phát triển thành Thái Tuệ Tĩnh Quân hay Tuệ Quân Như vậy., tín ngưỡng thờ Thái Phụng Thứ ba có nguồn gốc liên hệ đến các sao trên bầu trời.
* Từ đời Tần, Hán, Thái Tuệ được xem là một "hung thần" mà mọi người kính sợ Có câu:. - "Để Thái Tuệ hung, phụ Thái Thứ Diệc treo" (mạo phạm đến Thái thì bị điều hung, mà nương tựa vào Thái Tuệ cũng không hay). Do đó, dân gian tin rằng phương hướng của Thái Thứ ba là hung phương, cho nên không hướng về phương Thái Thứ ba, chỉ có thể quay lưng lại là tốt Không nên. động thổ vào phương hướng Thái Tuệ của năm đó, nếu phạm sẽ gặp rất nhiều điều hay không. Từ sau đời Nguyên, Minh thì Thái Thứ được cho ghi vào danh sách thờ cúng của Triều đình và dân gian để mong cầu "nước dân yên ổn".
* Câu nói phổ biến: "Thái Tuệ đương đầu tỏa, vô hỉ khủng hữu họa" (Gặp Thái Thứ chan đầu, nếu không có hỉ sự, tất phải gặp họa) Người mà. Vận niên phạm Thái Tue, thì trăm việc không thuận, sự nghiệp bị khó khăn, thân thể ốm đau hoặc bị tai nạn Muốn cho. "một tâm lý thuận" thì người ta đến các Miếu Thờ Thái Tuệ để cúng bái, mong nhờ phước lực của Ngài hóa giải điều xấu. Nếu Thái Tuệ thờ cúng tại nhà, thì cầu mong được sự bình an thuận, công thương hưng thịnh, tài vận hanh thông, vạn sự như ý.
* Sự kiện gọi là "Nhiếp Thái Tuệ" (năm giữ Thái Tuệ) có một lịch sử khá lâu đời Thuật ngữ. Thái Tuệ đã xuất hiện từ đời nhà Thương. Tương truyền, vua Trụ có một vị Vương Phi là Khương Thị, khi có mang thì bị vua Trụ Biếm truất, Sáu đứa con lớn lên, vì mẹ mà báo thù Y đã. theo Chu Văn Vương mà phạt Trụ thành công, được Khương Thái Công (Tử Nha) phong làm "Trị Đức Thái Tuệ" (trong truyện Phong Thần thì nói hoàng hậu Thị Khương bị móc mắt, còn hoàng tử An Giao, thân được phong làm Thần Thái Tuệ - ND).
* Đến đời Đông Hán, Lưu Tú khởi nghĩa thành công, phong cho các chiến tướng làm thần công "Nhị thập bát tú Thái Tuệ".
* Về sau, có ngài Lục Tục của Đạo Gia xưng tặng những người có đức độ là "Thái Thứ ba", được cả thay là 60 vị.
* Việc ngẫu tượng hóa (thần tượng hóa) Thái Tuệ có hình dạng người, thấy lần đầu vào Triều đại nhà Tống.
* Động tác "Bái Thái Tuệ" (một vị Thái Tuệ) phải làm trước ngày rằm tháng Giêng, chọn ngày giờ tốt lành mà thờ.
Ngoài việc "Bái Thái Thứ ba", còn phải đeo một miếng cổ ngọc hoặc dán phù Thái Tuệ để

hóa giải xấu ác.
Thái Tue ngoài việc thể hiện vận trình chung của lưu niên năm đó, còn ảnh hưởng đến vận mệnh của cá nhân Nếu sinh tiêu (tuổi). Của người nào không hợp với lưu niên Thái Thứ ba, gọi là "phạm Thái Thứ ba", thì năm vận trình của người đó không tốt, phải dùng phương pháp "Nhiếp Thái Tuệ" để hóa giải.
* Trong nội điện của Điện Nguyên Thần ở Bạch Vân Quán Bắc Kinh, không những thờ 60 vị Thái Tuệ mà còn thờ Mẫu Đầu Nguyên Quân và Tả Phù, Hữu Bật Căn cứ. Vào sách Đạo Tạng trong chương Nguyên Thần liệt kê 60 vị Thái Thứ ba, cùng với tả hữu tổng cộng tám mươi thành một trăm vị, do số 60 nhân 3 mà thành.
* Phong thủy học cho rằng, phương Thái Thứ ba của mỗi lưu niên là phương hung, tối kỵ hưng công động thổ. Có câu: --
"Thái Tue đầu thượng động thổ, tự nac họa ương" (trên đầu Thái Tue động thổ mà là tự chước lấy tai họa).
* Phương Thái Tuế lưu niên liệt kê ra như sau: --
-Năm Tí - tại Bắc phương.
- Năm Sửu - tại đông bắc.
- Nam Đàn - tại đông bắc.
- Năm Mao - tại đông phương.
- Năm Thin - tại đông nam.
- Năm Tỵ - tại đông nam.
- Năm Ngọ - tại nam phương.
- Năm Mùi - tại tây nam.
- Năm Thân - tại tây nam.
- Năm Dậu - tại tây phương.
- Năm Tuất - tại tây bắc.
- Năm Hợi - tại tây bắc.


(Cúng Thái Tuệ)

## 21. TÊN THÁI TUẾ 60 NĂM

### 1.- THEO PHÁI NGŨ LÔI HIỂN ỨNG ĐÀN

(Tiên Lý Ngũ Lôi Hiển Ứng Đàn —
Ân Lôi Trấn Trạch Trung Cung Bí Phù )

GIÁP TÝ KIM BIỆN
ẤT SỬU TRẦN TÀI
BÍNH DẦN THẨM HƯNG
ĐINH MÃO CẢNH CHƯƠNG
MẬU THÌN TRIỆU ĐẠT
KỶ TỴ QUÁCH XÁN
CANH NGỌ VƯƠNG THANH
TÂN VỊ LÝ TỐ
NHÂM THÂN LƯU VƯỢNG
QUÝ DẬU KHANG CHÍ
GIÁP TUẤT TƯ QUẢNG
ẤT HỢI NGÔ BẢO
BÍNH TÝ QUÁCH GIA
ĐINH SỬU UÔNG VĂN
MẬU DẦN TĂNG QUANG
Kỷ MÃO CỦNG TRỌNG
CANH THÌN CHƯƠNG ĐỨC
TÂN TỴ TRỊNH TỔ
NHÂM NGỌ LỤC MINH
QUÝ VỊ NGUỴ NHÂN
GIÁP THÂN PHƯƠNG KIỆT
ẤT DẬU TƯỞNG TUNG
BÍNH TUẤT BẠCH MẪN
ĐINH HỢI PHONG TỀ
MẬU TÝ TRỊNH ĐƯỜNG
KỶ SỬU PHAN HỮU
CANH DẦN Ổ HOÀN
TÂN MÃO PHẠM NINH
NHÂM THÌN BÀNH THÁI
QUÝ TỴ TỪ GIẢ
GIÁP NGỌ CHƯƠNG THÀNH
ẤT VỊ DƯƠNG HIỂN
BÍNH THÂN QUẢN TRỌNG
ĐINH DẬU KHANG KIỆT
MẬU TUẤT KHƯƠNG VŨ
Kỷ HỢI TẠ ĐÀO
CANH TÝ LƯ SIÊU
TÂN SỬU THANG TÍN
NHÂM DẦN HẠ NGẠC
QUÝ MÃO BÌ THỜI
GIÁP THÌN LÝ THÀNH
ẤT TỴ NGÔ TOẠI
BÍNH NGỌ VĂN TRIẾT
ĐINH VỊ MÂU BÍNH
MẬU THÂN DỤ CHÍ
Kỷ DẬU TRÌNH THỰC
CANH TUẤT NGHÊ BÍ
TÂN HỢI DIỆP KIÊN
NHÂM TÝ KHÂU ĐỨC
QUÝ SỬU LÂM PHIÊU

GIÁP DẦN  TRƯƠNG TRIỀU
ẤT MÃO  VẠN THANH
BÍNH THÌN  TÂN Á
ĐINH TỴ  DỊCH NGẠN
MẬU NGỌ  LÊ KHANH
KỶ VỊ  PHÓ THẢNG
CANH THÂN  MAO TỬ
TÂN DẬU  THẠCH CHÍNH
NHÂM TUẤT  HỒNG KHẮC
QUÝ HỢI  LƯ TRÌNH

2.- THEO PHÁI TUẾ QUÂN GIẢI ÁCH
DIÊN SINH PHÁP SÁM -- ĐẠO TẠNG TẬP YẾU
Giáp Tí Kim Biện
Ất Sửu Trần Lâm
Bính Dần Thẩm Hưng
Đinh Mão Cảnh Chương
Mậu Thìn Triệu Đạt
Kỷ Tỵ Quách Xán
Canh Ngọ Vương Thanh
Tân Vị Lý Hy
Nhâm Thân Lưu Ngọc
Quý Dậu Khang Trung
Giáp Tuất Chiêm Quảng
Ất Hợi Ngũ Bảo
Bính Tí Quách Gia
Đinh Sửu Uông Văn
Mậu Dần Tăng Quang
Kỷ Mão Phương Trọng
Canh Thìn Đổng Đức
Tân Tỵ Trịnh Tổ
Nhâm Ngọ Lục Minh
Quý Vị Nguỵ Nhân
Giáp Thân Phương Kiệt
Ất Dậu Tưởng Sùng
Bính Tuất Bạch Mẫn
Đinh Hợi Phong Tế
Mậu Tí Trịnh Thang
Kỷ Sửu Phan Hữu
Canh Dần  Ổ Bá
Tân Mão Phạm Ninh
Nhâm Thìn Bành Thái
Quý Tỵ Thời Giả
Giáp Ngọ Chương Tự
Ất Vị Dương Hiền
Bính Thân Quản Trọng
Đinh Dậu Đường Kiệt
Mậu Tuất Khương Vũ
Kỷ Hợi Tạ Đào
Canh Tí Lư Siêu

Tân Sửu Dương Tín
Nhâm Dần Hạ Ngạc
Quý Mão Bì  Thời
Giáp Thìn  Lý Thành
Ất Tỵ  Ngô Toại
Bính Ngọ Văn Kỳ
Đinh Vị Mâu  Bính
Mậu Thân Du Xương
Kỷ Dậu Trình Bảo
Canh Tuất  Nghê  Bí
Tân Hợi Diệp Kiên
Nhâm Tí  Bì  Đức
Quý  Sửu Châu  Ung
Giáp Dần Trương Triều
Ất Mão Vạn Thanh
Bính Thìn  Tân  Á
Đinh Tỵ  Dịch Ngạn
Mậu Ngọ Lê Khanh
Kỷ  Vị Phó Thảng
Canh Thân Mao Tuý
Tân Dậu Thạch Chính
Nhâm Tuất  Hồng Khắc
Quý  Hợi Lư Kinh
3.-  THEO PHÁI  ĐẠO GIÁO  -- THẦN TIÊN HOẠ TẬP
Giáp Tý Kim Biện
Ất Sửu Trần Tài
Bính Dần Cảnh Chương
Đinh Mão Thẩm Hưng
Mậu Thìn Triệu Đạt
Kỷ Tỵ Quách Xán
Canh Ngọ Vương Tế
Tân Vị  Lý  Tố
Nhâm Thân Lưu Vượng
Quý Dậu Khang Chí
Giáp Tuất  Thi Quảng
Ất Hợi Nhậm Bảo
Bính Tí  Quách Gia
Đinh Sửu Uông Văn
Mậu Dần Tăng Tiên
Kỷ Mão Long Trọng
Canh Thìn Đông Đức
Tân Tỵ  Trịnh Đản
Nhâm Ngọ Lục Minh
Quý  Vị Nguỵ Nhân
Giáp Thân Phương Kiệt
Ất Dậu Tưởng Sùng
Bính Tuất  Bạch Mẫn
Đinh Hợi Phong Tế
Mậu Tí  Trâu Đang
Kỷ  Sửu Phó Hữu

Canh Dần Ổ Hoàn
Tân Mão Phạm Ninh
Nhâm Thìn Bành Thái
Quý Tỵ Từ Thiện
Giáp Ngọ Chương Từ
Ất Vị Dương Tiên
Bính Thân Quản Trọng
Đinh Dậu Đường Kiệt
Mậu Tuất Khương Vũ
Kỷ Hợi Tạ Thái
Canh Tí Lư Bí
Tân Sửu Dương Tín
Nhâm Dần Hạ Ngạc
Quý Mão Bì Thời
Giáp Thìn Lý Thành
Ất Tỵ Ngô Toại
Bính Ngọ Văn Triết
Đinh Vị Mâu Bính
Mậu Thân Từ Hạo
Kỷ Dậu Trình Bảo
Canh Tuất Nghê Bí
Tân Hợi Diệp Kiên
Nhâm Tí Khâu Đức
Quý Sửu Châu Đắc
Giáp Dần Trương Triều
Ất Mão Vạn Thanh
Bính Thìn Tân Á
Đinh Tỵ Dương Ngạn
Mậu Ngọ Lê Khanh
Kỷ Vị Phó Đảng
Canh Thân Mao Tử
Tân Dậu Thạch Chính
Nhâm Tuất Hồng Sung
Quý Hợi Ngu Trình

4.- THEO PHÁI BẮC KINH BẠCH VÂN QUÁN
Giáp Tí Kim Xích
Ất Sửu Trần Tần
Bính Dần Thẩm Hưng
Đinh Mão Cảnh Chương
Mậu Thìn Triệu Đạt
Kỷ Tỵ Quách Xán
Canh Ngọ Vương Thanh
Tân Vị Lý Tố
Nhâm Thân Lưu Vượng
Quý Dậu Khang Chí
Giáp Tuất Thệ Quảng
Ất Hợi Ngũ Bảo
Bính Tí Quách Gia
Đinh Sửu Uông Văn

Mậu Dần  Tăng Quang
Kỷ  Mão Ngũ Trọng
Canh Thìn  Trọng Đức
Tân Tỵ  Trịnh Tổ
Nhâm Ngọ Lộ Minh
Quý  Vị Nguỵ Minh
Giáp Thân Phương Công
Ất Dậu  Tưởng Xuyên
Bính Tuất  Hướng Ban
Đinh Hợi Phong Tề
Mậu Tí  Dĩnh Ban
Kỷ Sửu Phan Hữu
Canh Dần ổ Hoàn
Tân Mão Phạm Ninh
Nhâm Thìn  Bành Thái
Quý  Tỵ  Từ Thuấn
Giáp Ngọ Trương Từ
Ất Vị Dương Hiền
Bính Thân Quản Trọng
Đinh Dậu Đường Kiệt
Mậu Tuất  Khương Vũ
Kỷ  Hợi Tạ Thọ
Canh Tí  Lư Khởi
Tân Sửu Thang Tín
Nhâm Dần Hạ Ngạc
Quý  Mão Bì Thời
Giáp Thìn  Lý Thành
Ất Tỵ  Ngô Toại
Bính Ngọ Văn Triết
Đinh Vị  Mâu Bính
Mậu Thân Du Chí
Kỷ  Dậu  Trình Dần
Canh Tuất  Hoá Thu
Tân Hợi Diệp Kiên
Nhâm Tí  Tá Đức
Quý  Sửu Lâm Bộ
Giáp Dần  Trương Triều
Ất Mão Phương Thanh
Bính Thìn  Tân  Á
Đinh Tỵ  Dịch Ngạn
Mậu Ngọ Diệu Lê
Kỷ  Vị Phó Thuế
Canh Thân Mao Hãnh
Tân Dậu Văn Chính
Nhâm Tuất  Hồng Phạm
Quý  Hợi Lư Trình

5.- THEO PHÁI  HOÀNG  LỊCH
Giáp Tí  Kim Xích
Ất Sửu Trần Tố

Bính Dần Thẩm Hưng
Đinh Mão Cảnh Chương
Mậu Thìn  Triệu Đạt
Kỷ Tỵ  Quách Xán
Canh Ngọ Vương Thanh
Tân Vị  Lý Tố
Nhâm Thân Lưu Vượng
Quý  Dậu Khang Chí
Giáp Tuất  Thệ Quảng
Ất Hợi Ngô Bảo
Bính Tí  Quách Gia
Đinh Sửu Uông Văn
Mậu Dần Tăng Quang
Kỷ  Mão Ngũ Trọng
Canh Thìn  Trọng Tổ
Tân Tỵ  Trịnh Đức
Nhâm Ngọ Lộ Minh
Quý  Vị Nguỵ Nhân
Giáp Thân Phương Công
Ất Dậu Tưởng Xuyên
Bính Tuất  Hướng Mẫn
Đinh Hợi Phong Tề
Mậu Tí  Dĩnh Ban
Kỷ  Sửu  Phan Tín
Canh Dần  Ổ Hoàn
Tân Mão Phạm Ninh
Nhâm Thìn  Bành Thái
Quý  Tỵ  Từ Thuấn
Giáp Ngọ Trương Từ
Ất Vị Dương Hiền
Bính Thân Quản Trọng
Đinh Dậu Khang Kiệt
Mậu Tuất  Khương Vũ
Kỷ  Hợi Tạ Thọ
Canh Tí  Lư Khởi
Tân Sửu Thang Tín
Nhâm Dần Hạ Ngạc
Quý  Mão Bì Thời
Giáp Thìn  Lý Thành
Ất Tỵ  Ngô Toại
Bính Ngọ Văn Triệt
Đinh Vị Lục Bính
Mậu Thân Du Chí
Kỷ  Dậu Trình Dần
Canh Tuất  Hoá Thu
Tân Hợi Diệp Kiên
Nhâm Tí  Khưu Đức
Quý  Sửu Lâm Bộ
Giáp Dần Trương Triều
Ất Mão Phương Thanh

Bính Thìn Tân Á
Đinh Tỵ Dịch Ngạn
Mậu Ngọ Diêu Lê
Kỷ Vị Phó Duyệt
Canh Thân Mao Hãnh
Tân Dậu Văn Chính
Nhâm Tuất Hồng Phạm
Quý Hợi Ngu Trình

## 6.- THEO PHÁI NGUYÊN THẦN CHƯƠNG TIÊU LẬP THÀNH LỊCH (Đạo Tạng)

Giáp Tí Vương Văn Khanh
Ất Sửu Long Quý Khanh
Bính Dần Trương Trọng Khanh
Đinh Mão Tư Mã Khanh
Mậu Thìn Quý Sở Khanh
kỷ Tỵ Hà Văn Xương
Canh Ngọ Phùng Trọng Khanh
Tân Vị Vương Văn Chương
Nhâm Thân Hầu Bác Khanh
Quý Dậu Tôn Trọng Phòng
Giáp Tuất Triển Tí Giang
Ất Hợi Bàng Minh Công
Bính Tí Hình Tôn Khanh
Đinh Sửu Triệu Tử Ngọc
Mậu Dần Ngu Tử Khanh
Kỷ Mão Thạch Văn Dương
Canh Thìn Doãn Giai Khanh
Tân Tỵ Dương Trọng Công
Nhâm Ngọ Mã Tử Minh
Quý Vị Lữ Uy Minh
Giáp Thân Hỗ Văn Trường
Ất Dậu Khổng Lợi Công
Bính Tuất Xa Nguyên Thăng
Đinh Hợi Trương Văn Thông
Mậu Tí Nhạc Thạch Dương
Kỷ Sửu Phạm Hoà Khanh
Canh Dần Chử Tiến Khanh
Tân Mão Quách Tử Lương
Nhâm Thìn Vũ Trĩ Khanh
Quý Tỵ Sử Công Lai
Giáp Ngọ Vệ Thượng Khanh
Ất Vị Đỗ Trọng Dương
Bính Thân Châu Bá Chúng
Đinh Dậu Tàng Văn Công
Mậu Tuất Phạm Thiếu Khanh
Kỷ Hợi Đặng Đô Khanh
Canh Tí Dương Trọng Thúc
Tân Sửu Lâm Vệ Công
Nhâm Dần Khâu Mạnh Khanh

Quý Mão Tô Tha Gia
Giáp Thìn Mạnh Phi Khanh
Ất Tỵ Đường Văn Khanh
Bính Ngọ Nguỵ Văn Công
Đinh Vị Thạch Thúc Thông
Mậu Thân Phạm Bá Dương
Kỷ Dậu Thành Văn Trường
Canh Tuất Sử Tử Nhân
Tân Hợi Tả Tử Hành
Nhâm Tí Tú Thượng Khanh
Quý Sửu Giang Hán Khanh
Giáp Dần Minh Văn Chương
Ất Mão Đái Công Dương
Bính Thìn Hoắc Thúc Anh
Đinh Tỵ Thôi Cự Khanh
Mậu Ngọ Tùng Nguyên Quang
Kỷ Vị Thời Thông Khanh
Canh Thân Hoa Văn Dương
Tân Dậu Bính Nguyên Ngọc
Nhâm Tuất Nhạc Tiến Khanh
Quý Hợi Tả Thạch Tùng
*NHƯỢC THỦY tổng hợp

Bổ xung của dienbatn.

CÚNG THÁI TUẾ .

" Thái Tuế" tức là Tuế Tinh cổ đại thiên văn học, nhà xem tướng số cho rằng Thái Tuế tức là có Tuế Thần, các nơi sở tại và nơi tương phản, đều phải câm kỵ, tránh nơi không may mắn. tinh mệnh gia cho rằng Thái Tuế là vận mệnh của người chủ, đem sinh niên thái tuế gọi là " đương sinh thái tuế". Lấy chủ làm sinh mệnh cuối cùng, thái tuế luân chuyển hàng năm gọi là " du hành thái tuế". Tai họa chính của một năm, tục ngữ có câu" thái tuế đương đầu tọa, phi tai biến là họa", có thể thấy hàng năm nếu như gặp thái tuế thì những năm này không cát lợi. dân gian thường có câu" thái tuế đầu thượng bất khả động thổ", ý là nơi hung tàn mà thái tuế ở, nếu như động thổ hưng kiện thì sẽ tạo ra tai họa, xung phạm đến thần sắc, nhân đinh hại bệnh, gia trạch bất an, cách hóa giải tốt nhất là vận dụng ngũ tông " Thái Tuế An Trấn Pháp" .

Những ai bị năm tuổi đều gọi là phạm Thái Tuế,Có câu; Thái Tuế đương đầu tọa, vô hỉ khủng hửu hoạ Thái tuế xuất hiện lai, vô bệnh khủng phá tài, Cách cúng và an phụng Thái Tuế tinh quân, Có thể để chung với bàn thờ ông thần,ông táo, hoặc nơi nào sạch sẽ cũng được, Đến tiệm bán nhang giấy đồ phong thủy mua 1 tờ bài vị Thái Tuế đem về lấy que tre hay cây đủa tre kẹp rồi cắm lên để trên bàn thờ, đến ngày mồng 9 tháng giêng , sắm hương đăng trà quả ỷ đỏ thanh y giấy tiền vàng bạc mà cúng vái, Cung Thỉnh Đinh Hợi Niên Thái Tuế Phong Tề Tinh Quân Giáng Hạ Tọa Vị Chứng Minh, đệ tử năm nay tuổi phạm nhăm Thái Tuế nay thành tâm đãnh lễ cung bái mong ngài phò hộ cho được tai qua nạn khỏi, vạn sự như ý mua may bán đắc, nhân tài hưng vượng, lục súc thành đàn Đến cuối năm 24 tháng chạp cũng sắm lễ vật cúng đưa đi và đốt bỏ bài vị .

Theo phong tục truyền thông cổ đại của nhân gian tin rằng mỗi năm đều có một vị thần minh coi sóc về mọi sự việc của trần gian. Vị thần cai trị một năm đó gọi là Thái Tuế. Có tất cả là 60 vị Thái Tuế tương ứng với 60 năm của một "hoa giáp" (chu kỳ 60 năm của âm lịch).

Thần Thái Tuế đại đa số là võ tướng xuất thân, nên trong Đạo giáo thần tiên gọi tất cả là "Đại Tướng Quân". Nhưng mỗi vị Thái Tuế có một phong cách khác nhau, nên việc chấp pháp cũng khác nhau. Từ đó nảy sinh vận trình của mỗi năm sẽ khác nhau.Ví dụ như, Thái Tuế

cầm bút thì năm đó có những biến động về chính trị; nếu là Thái Tuế cầm kiếm thì năm đó có nhiều loạn lạc , diễn biến về vũ lực.
Thái Tuế là tên gọi của thần theo Đạo giáo thần tiên , tương truyền là những hung thần của thiên giới. Tín ngưỡng nầy có xuất xứ từ sự sùng bái các sao của người đời xưa. Năm âm lịch thành hình do sự phối hợp giữa 10 can và 12 chi, bắt đầu từ "Giáp Tí" đến cuối 60 năm là "Quý Hợi"(một chu kỳ). Như vậy sẽ có 60 vị Thái Tuế, còn gọi là "Lục thập nguyên thần" hay "Lục thập đại tướng quân".



Đẩu Mẫu Nguyên Quân 斗姥元君

*Năm 1190 là năm Canh Tuất, bà Hoàng Thái Hậu Thụy Thánh , mẹ của Kim Chương Tông bị bệnh lâu ngày không khỏi, nên tổ chức "cầu đảo" trị bệnh cho mẹ. Vua cho xây dựng "Đinh Mão Thụy Thánh Điện" (bà mẹ tuổi Đinh Mão) ở Đạo quán . Mục đích là cúng bái vị Thái Tuế năm Đinh Mão gọi là "Lễ Thuận Tinh", nên Hoàng Thái Hậu được lành bệnh. Vì thế, sau đó cúng bái luôn 60 vị Thái Tuế, cầu cho những năm kế tiếp cũng được tốt lành . Mỗi năm vào ngày mùng tám tháng giêng, đều có tổ chức " Thuận Tinh Tiết " (lễ Tết cúng sao). Từ đó, trong dân gian lưu hành rộng rãi việc "cúng sao" mỗi năm.
*Về sau , đời Vĩnh Lạc nhà Minh cho xây dựng Điện Thụy Thánh Bạch Vân Quán ở Đạo quán . Đến đầu đời Thanh, vị Đại Tôn Sư thứ bảy của phái Toàn Chân Long Môn cải danh hiệu lại là "Nguyên Thần Điện".
*Thái Tuế còn gọi là Thái Tuế Tinh Quân. Về khoa thiên văn, sao Thái Tuế chính là Mộc Tinh trên bầu trời. Chu kỳ của sao Mộc quay quanh Mặt Trời là mười hai năm. Cho nên người xưa gọi sao Mộc là Tuế Tinh hay Thái Tuế, sau phát triển thành Thái Tuế Tinh Quân hay Tuế Quân. Như vậy, tín ngưỡng thờ phụng Thái Tuế có nguồn gốc liên hệ đến các sao trên bầu trời.
*Từ đời Tần, Hán , Thái Tuế được xem là một "hung thần" mà mọi người kính sợ. Có câu :- "Để Thái Tuế hung, phụ Thái Tuế diệc hung" (mạo phạm đến Thái thì bị điều hung, mà nương tựa vào Thái Tuế cũng không hay). Do đó, dân gian tin rằng phương hướng của Thái Tuế là hung phương, cho nên không hướng về phương Thái Tuế, chỉ có thể quay lưng lại là tốt. Không nên động thổ vào phương hướng Thái Tuế của năm đó, nếu phạm sẽ gặp rất nhiều điều không hay. Từ sau đời Nguyên, Minh thì Thái Tuế được cho ghi vào danh sách thờ cúng của triều đình và dân gian để mong cầu "nước yên dân ổn".
*Câu nói phổ biến : "Thái Tuế đương đầu tọa, vô hỉ khủng hữu họa" (Gặp Thái Tuế chận đầu, nếu không có hỉ sự, tất phải gặp họa). Người mà vận niên phạm Thái Tuế, thì trăm việc không thuận, sự nghiệp bị khó khăn, thân thể đau ốm hoặc bị tai nạn. Muốn cho "tâm an thuận lý" thì người ta đến các Miếu Thờ Thái Tuế để cúng bái, mong nhờ phước lực của Ngài hóa giải điều xấu. Nếu thờ cúng Thái Tuế tại nhà, thì cầu mong được bình an thuận sự, công thương).
*Đến đời Sau , Lưu Tú khởi nghĩa thành công, phong cho các chiến tướng công thần làm "Nhị thập bát tú Thái Tuế".

*Về sau, có ngài Lục Tục của Đạo Gia xưng tặng những người có đức độ là "Thái Tuế", được cả thảy là 60 vị.




Lục thập Thái tuế 六十太歲

*Động tác "Bái Thái Tuế" (an vị Thái Tuế) Lục thập thái tuế quản nguyên thần con người dưới nhân gian.

Thái tuế hóa giải nạn kiếp hàng năm bảo hộ nguyên thần cho con người.




nguyên thần thái tuế 六十太歲

CÚNG THÁI TUẾ GIẢI HẠN HÀNG NĂM .

1/- Người bị phạm Xung Thái Tuế : ( tuổi xung với năm) Có tính đối kháng, tấn công , đánh nhau, còn gọi là "phản ngâm" (theo phong thủy).

Đặc điểm của nó là : - trắc trở khó khăn triền miên, bôn ba vất vả đối phó, làm việc gì cũng không thuận lợi. Gặp trường hợp nầy phải hết sức cẩn thận và hạn chế phạm vi hoạt động, đừng mở mang thêm cái mới.

2/- Người bị phạm Trị Thái Tuế : Phong thủy gọi là "phục ngâm", sức phá hoại kém hơn trên một chút. Gọi là "Trị Thái Tuế" khi tuổi mình trùng với địa chi của năm đó.
Tính chất: - phiền não kéo dài, ít có thuận lợi suông sẻ. Họa phúc mỗi thứ phân nửa, lúc được lúc mất. Phải hết sức tỉnh táo, sáng suốt tìm cách vượt qua khó khăn mới được.
3/- Người bị phạm Hình Thái Tuế : - (tuổi nằm trong tứ xung) có ý nói về hình luật hoặc thương tật. Tuổi và năm rơi vào trường hợp "lục hình" với nhau (xem bảng lục hình).
Năm thái tuế: - thị phị khẩu thiệt, tai bay vạ gió, việc đến ngoài ý muốn. Kỵ việc bảo lãnh cho người, lưu ý các hợp đồng ký kết... dễ động đến cửa quan.
Thái Tuế thường cúng ở điện Đẩu Mẫu Nguyên Quân và sáu mươi nguyên thần. Cai quản bản mệnh sáu mươi năm của con người thì công đức, vô tại vô hạn hóa rủi thành may tài lộc hưng vượng.
Chọn ngày lành giờ tốt mà thờ.lễ thái tuế nguyên thần:
Ngày 12 tháng giêng – La Thiên tuế
Ngày 3 tháng 3 Ngô Thiên tuế
Ngày 8 tháng 3 Triệu Thiên tuế
Ngày 1 tháng 5 Phong Thiên tuế
Ngày 5 tháng 5 Hầu Thiên tuế
Ngày 6 tháng 5 Tiết Thiên tuế
Ngày 7 tháng 5 Cảnh Thiên tuế
Ngày 12 tháng 5 Lư Thiên tuế
Ngày 19 tháng 7 Trị niên Thiên tuế
Ngày 3 tháng 8 Từ Thiên tuế
Ngày 12 tháng 8 Hà Thiên tuế
Ngày 9 tháng 9 Đẩu mẫu nguyên quân trị niên Thái tuế
Ngày 1 tháng 12 Đàm Thiên tuế
Ngoài việc "Bái Thái Tuế", còn phải đeo một miếng cổ ngọc hoặc dán phù Thái Tuế để hóa giải xấu ác.
Thái Tuế ngoài việc thể hiện vận trình chung của lưu niên năm đó, còn ảnh hưởng đến mệnh vận của con người . Nếu sinh tiêu (tuổi) của người nào không hợp với lưu niên Thái Tuế, gọi là "phạm Thái Tuế", thì vận trình năm của người đó không tốt, phải dùng phương pháp "Nhiếp Thái Tuế" để hóa giải.
*Trong nội điện của Điện Nguyên Thần ở Bạch Vân Quán Đạo quán , không những thờ 60 vị Thái Tuế mà còn thờ Đẩu Mẫu Nguyên Quân và Tả Phù , Hữu Bật. Căn cứ vào sách Đạo Tạng trong chương Nguyên Thần liệt kê 60 vị Thái Tuế, cùng với tả hữu tổng cộng thành một trăm tám mươi vị, do số 60 nhân 3 mà thành.



Thái Tuế Nguyên Thần Phù 太歲元 神符

BÙA THÁI TUẾ NĂM ĐINH HỢI.




BÙA THÁI TUẾ NĂM CANH DẦN.

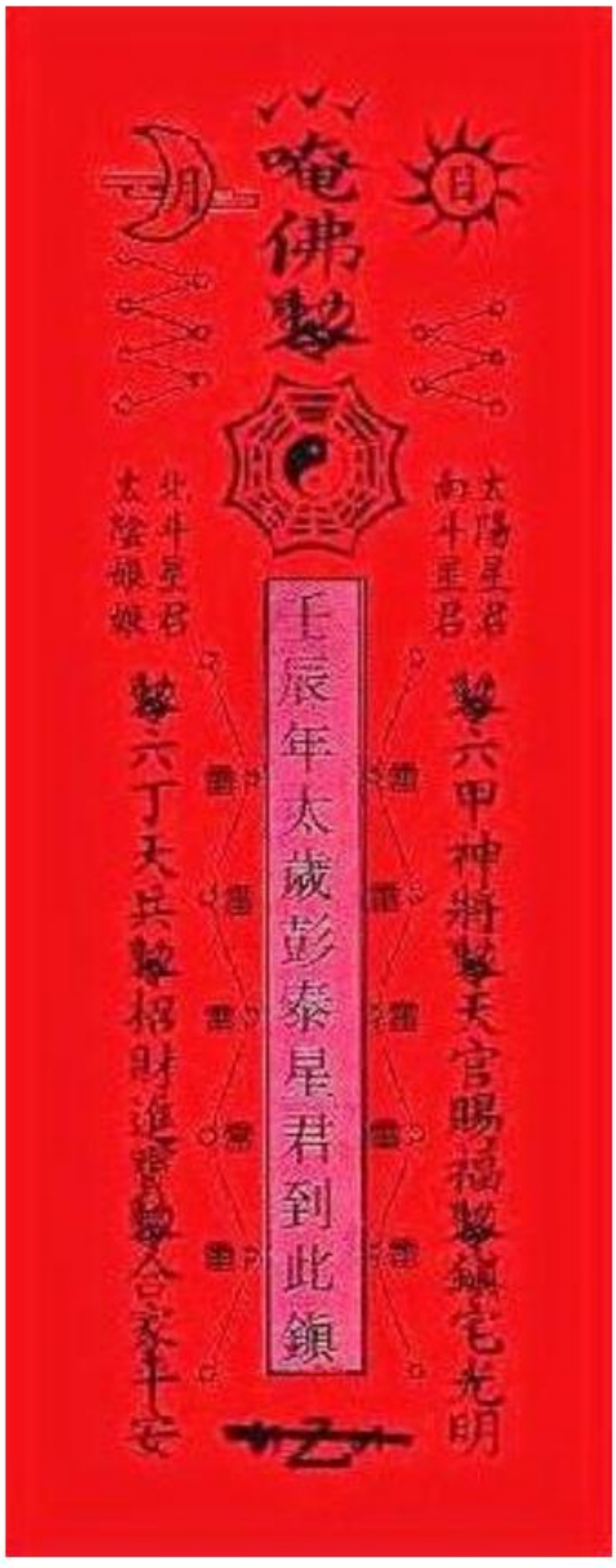



BÙA THÁI TUẾ NĂM TÂN MÃO.




Tân Mão Niên Thái Tuế Phạm Ninh Tinh Quân.

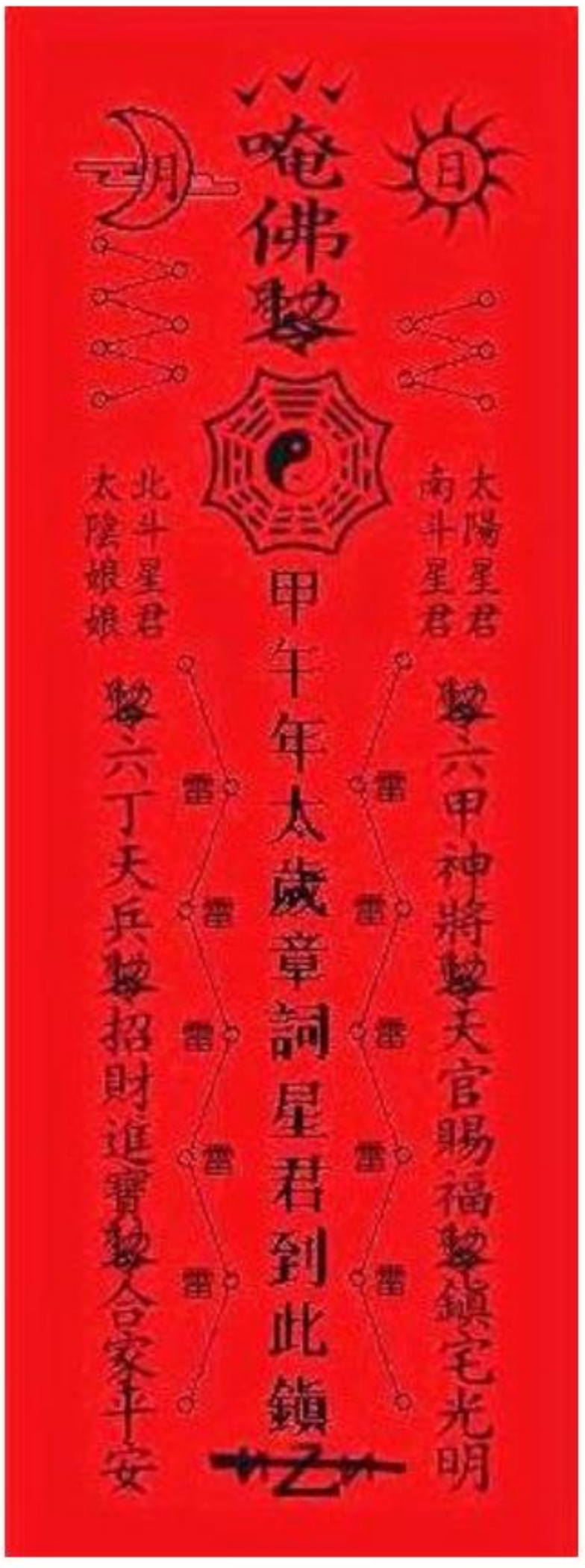
BÙA THÁI TUẾ NĂM NHÂM THÌN.




BÙA THÁI TUẾ NĂM QUÍ TỊ.




Quý Tị Niên Thái Tuế Từ Thuấn Tinh Quân . Tuổi Tị trực Thái Tuế, tuổi Hợi xung Thái Tuế . Tuổi Dần, tuổi Thân hình Thái Tuế . Những tuổi trên đây nên cúng để giải hạn .
BÙA THÁI TUẾ NĂM GIÁP NGỌ.




Giáp Ngọ Niên Thái Tuế Chương Từ Tinh Quân, Trực Thái Tuế tuổi Ngọ Xung Tuế tuổi Tý, Hình Tuế tuổi Ngọ .

BÙA THÁI TUẾ NĂM ẤT MÙI.




Ất Mùi Niên Thái Tuế Dương HiềnTinh Quân, Trực Thái Tuế tuổi MùiXung Tuế tuổi Sữu, Hình Tuế tuổi Tuất

1. TÊN THÁI TUẾ 2 HOA GIÁP (120 NĂM) ĐƯƠNG ĐẠI.

仙里五雷 顯應壇-殷雷鎮宅 - 中宮秘符) ( tiên lí ngũ lôi hiển ứng đàn - ân lôi trấn trạch - trung cung bí phù )

| TT | NĂM | | THÁI TUẾ | |
|---|---|---|---|---|
| | Âm lịch | Dương lịch | Chữ Hán | Âm đọc |
| 1 | Giáp Tý | 1924 , 1984 | 甲子金辨 | KIM BIỆN |
| 2 | Ất Sửu | 1925 , 1985 | 乙丑陳才 | TRẦN TÀI |
| 3 | Bính Dần | 1926 , 1986 | 丙寅沈興 | THẨM HƯNG |
| 4 | Đinh Mão | 1927 , 1987 | 丁卯敢章 | CẢNH CHƯƠNG |
| 5 | Mậu Thìn | 1928 , 1988 | 戊辰趙達 | TRIỆU ĐẠT |
| 6 | Kỷ Tỵ | 1929 , 1989 | 己巳郭燦 | QUÁCH XÁN |
| 7 | Canh Ngọ | 1930 , 1990 | 庚午王清 | VƯƠNG THANH |
| 8 | Tân Mùi | 1931 , 1991 | 辛未李素 | LÝ TỐ |
| 9 | Nhâm Thân | 1932 , 1992 | 壬申劉旺 | LƯU VƯỢNG |
| 10 | Quý Dậu | 1933 , 1993 | 癸酉康志 | KHANG CHI |
| 11 | Giáp Tuất | 1934 , 1994 | 甲戌曾廣 | TƯ QUẢNG |
| 12 | Ất Hợi | 1935 , 1995 | 乙亥吳保 | NGÔ BẢO |
| 13 | Bính Tý | 1936 , 1996 | 丙子郭嘉 | QUÁCH GIA |
| 14 | Đinh Sửu | 1937 , 1997 | 丁丑汪文 | UÔNG VĂN |
| 15 | Mậu Dần | 1938 , 1998 | 戊寅曾光 | TĂNG QUANG |
| 16 | Kỷ Mão | 1939 , 1999 | 己卯龔仲 | CUNG TRỌNG |
| 17 | Canh Thìn | 1940 , 2000 | 庚辰章德 | CHƯƠNG ĐỨC |
| 18 | Tân Tỵ | 1941 , 2001 | 辛己鄭祖 | TRỊNH TỔ |
| 19 | Nhâm Ngọ | 1942 , 2002 | 壬午陸明 | LỤC MINH |
| 20 | Quý Mùi | 1943 , 2003 | 癸未魏仁 | NGUỴ NHÂN |
| 21 | Giáp Thân | 1944 , 2004 | 甲申方傑 | PHƯƠNG KIỆT |
| 22 | Ất Dậu | 1945 , 2005 | 乙酉蔣黨 | TƯƠNG TUNG |
| 23 | Bính Tuất | 1946 , 2006 | 丙戌白敏 | BẠCH MẪN |

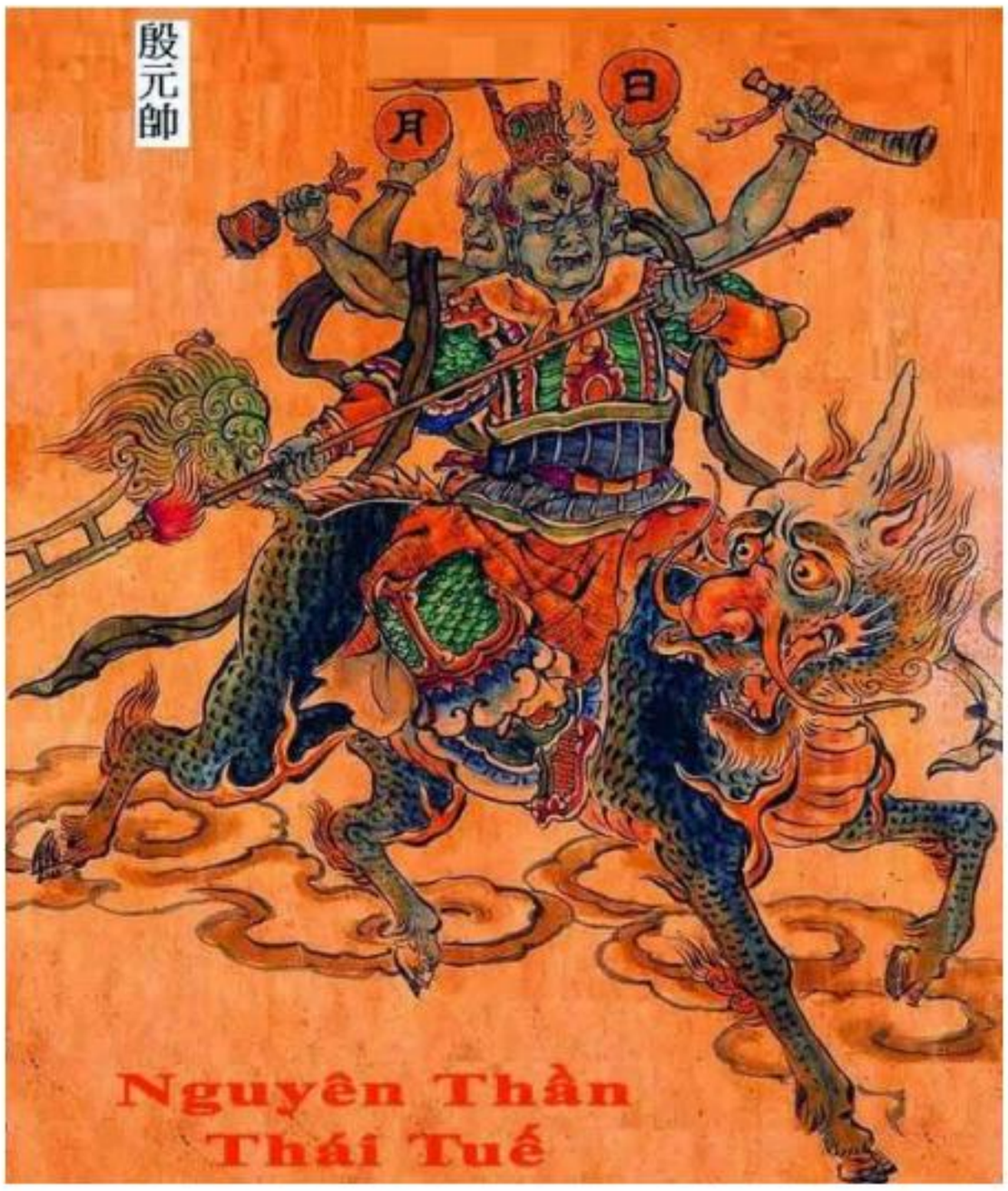
| TT | NĂM | | THÁI TUẾ | |
|---|---|---|---|---|
| | Âm lịch | Dương lịch | Chữ Hán | Âm đọc |
| 24 | Đinh Hợi | 1947 , 2007 | 丁亥封濟 | PHONG TẾ |
| 25 | Mậu Tý | 1948 , 2008 | 戊子鄭堂 | TRỊNH ĐƯỜNG |
| 26 | Kỷ Sửu | 1949 , 2009 | 己丑潘佑 | PHAN HỰU |
| 27 | Canh Dần | 1950 , 2010 | 庚寅鄢桓 | Ô HOÀN |
| 28 | Tân Mão | 1951 , 2011 | 辛卯范寧 | PHẠM NINH |
| 29 | Nhâm Thìn | 1952 , 2012 | 壬辰彭泰 | BÀNH THÁI |
| 30 | Quý Tỵ | 1953 , 2013 | 癸巳徐聲 | TỪ GIÁ |
| 31 | Giáp Ngọ | 1954 , 2014 | 甲午章誠 | CHƯƠNG THÀNH |
| 32 | Ất Mùi | 1955 , 2015 | 乙未楊賢 | DƯƠNG HIỀN |
| 33 | Bính Thân | 1956 , 2016 | 丙申管仲 | QUẢN TRỌNG |
| 34 | Đinh Dậu | 1957 , 2017 | 丁酉康傑 | KHANG KIỆT |
| 35 | Mậu Tuất | 1958 , 2018 | 戊戌姜武 | KHƯƠNG VŨ |
| 36 | Kỷ Hợi | 1959 , 2019 | 己亥謝瀟 | TẠ ĐÀO |
| 37 | Canh Tý | 1960 , 2020 | 庚子盧超 | LƯ SIÊU |
| 38 | Tân Sửu | 1961 , 2021 | 辛丑湯信 | THANG TÍN |
| 39 | Nhâm Dần | 1962 , 2022 | 壬寅賀謂 | HẠ NGẠC |
| 40 | Quý Mão | 1963 , 2023 | 癸卯皮時 | BÌ THỜI |
| 41 | Giáp Thìn | 1964 , 2024 | 甲辰李誠 | LÝ THÀNH |
| 42 | Ất Tỵ | 1965 , 2025 | 乙巳吳遂 | NGÔ TOẠI |
| 43 | Bính Ngọ | 1966 , 2026 | 丙午文哲 | VĂN TRIẾT |
| 44 | Đinh Mùi | 1967 , 2027 | 丁未繆丙 | MẬU BÌNH |
| 45 | Mậu Thân | 1968 , 2028 | 戊申喻志 | DỤ CHÍ |
| 46 | Kỷ Dậu | 1969 , 2029 | 己酉程實 | TRINH THỰC |

| TT | NĂM | | THÁI TUẾ | |
|---|---|---|---|---|
| | Âm lịch | Dương lịch | Chữ Hán | Âm đọc |
| 47 | Canh Tuất | 1970 , 2030 | 庚戌猥秘 | NGHỆ BÍ |
| 48 | Tân Hợi | 1971 , 2031 | 辛亥葉堅 | DIỆP KIÊN |
| 49 | Nhâm Tý | 1972 , 2032 | 壬子丘德 | KHÂU ĐỨC |
| 50 | Quý Sửu | 1973 , 2033 | 癸丑林朴 | LÂM PHIÊU |
| 51 | Giáp Dần | 1974 , 2034 | 甲寅張朝 | TRƯƠNG TRIỀU |
| 52 | Ất Mão | 1975 , 2035 | 乙卯萬清 | VẠN THANH |
| 53 | Bính Thìn | 1976 , 2036 | 丙辰辛亞 | TÂN Á |
| 54 | Đinh Tỵ | 1977 , 2037 | 丁巳易彥 | DỊCH NGẠN |
| 55 | Mậu Ngọ | 1978 , 2038 | 戊午黎卿 | LÊ KHANH |
| 56 | Kỷ Mùi | 1979 , 2039 | 己未傅彪 | PHÒ THÁNG |
| 57 | Canh Thân | 1980 , 2040 | 庚申毛梓 | MAO TỬ |
| 58 | Tân Dậu | 1981 , 2041 | 辛酉石政 | THẠCH CHÍNH |
| 59 | Nhâm Tuất | 1982 , 2042 | 壬戌洪克 | HỒNG KHẮC |
| 60 | Quý Hợi | 1983 , 2043 | 癸亥盧程 | LƯ TRÌNH |

## 2. BẢNG TRỊ, XUNG, HÌNH THÁI TUẾ TRONG VÒNG HOA GIÁP

六十甲子年值, 沖, 刑太歲參考 ( lục thập giáp tử niên trị , trùng , hình thái tuế tham khảo ).

| LỤC THẬP HOA GIÁP / TÊN THÁI TUẾ 六十甲子年/太歲姓名 | | | | | LƯU NIÊN 流年 | SINH TIÊU 生肖 | PHẠM THÁI TUẾ 犯 太 歲 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | TRỊ 值 | XUNG 沖 | HÌNH 刑 |
| 甲子金辯 | 丙子郭嘉 | 戊子鄧班 | 庚子虞起 | 壬子邱德 | 子 | 鼠 | 鼠 | 馬 | 兔 |
| 乙丑陳泰 | 丁丑汪文 | 己丑潘蓋 | 辛丑鍚信 | 癸丑林濤 | 丑 | 牛 | 牛 | 羊 | 羊 狗 |
| 丙寅沈興 | 戊寅曾光 | 庚寅鄔桓 | 壬寅賀謂 | 甲寅張朝 | 寅 | 虎 | 虎 | 猴 | 蛇 猴 |
| 丁卯耿章 | 己卯伍仲 | 辛卯范寧 | 癸卯皮時 | 乙卯方清 | 卯 | 兔 | 兔 | 雞 | 鼠 |
| 戊辰趙達 | 庚辰重德 | 壬辰彭泰 | 甲辰李滅 | 丙辰辛亞 | 辰 | 龍 | 龍 | 狗 | 龍 |
| 己巳郭燦 | 辛巳鄭祖 | 癸巳徐舜 | 乙巳吳逐 | 丁巳易彥 | 巳 | 蛇 | 蛇 | 豬 | 虎 猴 |
| 庚午王清 | 壬午陸明 | 甲午張詞 | 丙午文折 | 戊午姚黎 | 午 | 馬 | 馬 | 鼠 | 馬 |
| 辛未李素 | 癸未魏明 | 乙未楊賢 | 丁未僇丙 | 己未傅稅 | 未 | 羊 | 羊 | 牛 | 牛 狗 |
| 壬申劉旺 | 甲申方傑 | 丙申管仲 | 戊申俞忠 | 庚申毛倖 | 申 | 猴 | 猴 | 虎 | 虎 蛇 |
| 癸酉康忠 | 乙酉蔣崙 | 丁酉康傑 | 己酉程寅 | 辛酉文政 | 酉 | 雞 | 雞 | 兔 | 雞 |
| 甲戌誓廣 | 丙戌向殷 | 戊戌姜武 | 庚戌化秋 | 壬戌洪范 | 戌 | 狗 | 狗 | 龍 | 牛 羊 |
| 乙亥伍保 | 丁亥封齊 | 己亥謝壽 | 辛亥葉堅 | 癸亥虞程 | 亥 | 豬 | 豬 | 蛇 | 豬 |




Thái Tuế :
(太歲): Mộc Tinh (木星, Jupiter), còn gọi là Tuế Tinh (歲星), Thái Âm (太陰), Tuế Âm (歲陰), Tuế Quân (歲君), Thái Tuế Tinh Quân (太歲星君), là tên gọi của vị thần trong Đạo giáo thần tiên Cổ đại . Ngày xưa ngôi sao này được dùng để đếm tuổi nên có tên gọi như vậy, về sau linh ứng thành tín ngưỡng thần linh.
Thái Tuế còn là tên của một trong Lưu Niên Tuế Số Thập Nhị Thần Sát (流年歲數十二神煞), lưu hành trong 12 tháng, với câu kệ là: "Thái Tuế đương đầu tọa, chư thần bất cảm đương, tự thân vô khắc hại, tu dụng khốc đa dương (太歲當頭坐、諸神不敢當、自身無剋害、須用哭爹娘, Thái Tuế ngay đầu tọa, các thần chẳng dám chường, tự thân không nguy hại, nên thương khóc mẹ cha)." Sao này có công năng đè ép các sao Thần Sát, người gặp sao này nếu gặp vận thì xấu nhiều tốt ít, chủ yếu gặp tai nạn bất trắc, nên làm việc phước thiện. Trong dân gian thường có từ "phạm Thái Tuế (犯太歲)", "xung Thái Tuế (衝太歲)", "hình Thái Tuế (刑太歲)" hay "thiên xung Thái Tuế (偏衝太歲)". Tỷ dụ như năm nay là năm con Tỵ (巳, con rắn), người tuổi con rắn là phạm Thái Tuế, tuổi Hợi (亥, con heo) là xung Thái Tuế; tuổi Thân (申, con khỉ) và Dần (寅, con cọp) là thiên xung Thái Tuế. Vì vậy, có câu ngạn ngữ rằng: "Thái Tuế đương đầu tọa, vô hỷ khủng hữu họa (太歲當頭坐、無喜恐有禍, Thái Tuế trên đầu ngự, chẳng vui e có họa)." Cho nên, người ta có tục lệ An Thái Tuế (安太歲), tức cúng sao giải hạn, cầu nguyện được vạn sự bình an, cát tường. Ngay từ buổi đầu, tục lệ An Thái Tuế rất giản dị. Tín đồ nào muốn cúng An Thái Tuế thì nên nhân dịp trước hay sau tiết Xuân, lấy giấy màu hồng hay vàng viết lên dòng chữ như "Bản niên Thái Tuế Tinh Quân đáo thử (本年太歲星君到此, năm nay Thái Tuế Tinh Quân đến đây)", "Bản niên Thái Tuế Tinh Quân thần vị (本年太歲星君神位, thần vị của Thái Tuế Tinh Quân năm nay)", "Nhất tâm kính phụng Thái Tuế Tinh Quân (一心敬奉太歲星君, một lòng kính thờ Thái Tuế Tinh Quân)", đem dán trong nhà, hằng ngày dâng hương cầu khấn. Đến cuối năm, nên đem giấy đó ra đốt với ý nghĩa là "tiễn Thần lên Trời." Tương truyền trong vòng 60 năm, mỗi năm Trời phái một vị thần phụ trách năm

ấy, quản lý toàn bộ việc phước họa của con người. Cho nên, trong thời gian 60 năm ấy có 60 vị Thái Tuế. Tín ngưỡng này có từ thời Nam Bắc Triều (南北朝, 220-589), và đến đầu thời nhà Thanh (清, 1616-1911) thì có tên họ rõ ràng của 60 vị thần Thái Tuế Tinh Quân. Tên của mỗi vị ứng vào các năm như sau:

(1) Thái Tuế năm Giáp Tý là Kim Biện Tổ Sư (金辦祖師),
(2) Thái Tuế năm Ất Sửu là Trần Tài Tổ Sư (陳材祖師),
(3) Thái Tuế năm Bính Dần là Đam Chương Tổ Sư (耿章祖師),
(4) Thái Tuế năm Đinh Mão là Trầm Hưng Tổ Sư (沉興祖師),
(5) Thái Tuế năm Mậu Thìn là Triệu Đạt Tổ Sư (趙達祖師),
(6) Thái Tuế năm kỷ tỵ là Quách Xán Tổ Sư (郭燦祖師),
(7) Thái Tuế năm Canh Ngọ là Vương Thanh Tổ Sư (王清祖師),
(8) Thái Tuế năm Tân Mùi là Lý Tố Tổ Sư (李素祖師),
(9) Thái Tuế năm Nhâm Thân là Lưu Vượng Tổ Sư (劉旺祖師),
(10) Thái Tuế năm Quý Dậu là Khang Chí Tổ Sư (康志祖師),
(11) Thái Tuế năm Giáp Tuất là Thí Quảng Tổ Sư (施廣祖師),
(12) Thái Tuế năm Ất Hợi là Nhiệm Bảo Tổ Sư (任保祖師),
(13) Thái Tuế năm Bính Tý là Quách Gia Tổ Sư (郭嘉祖師),
(14) Thái Tuế năm Đinh Sửu là Uông Văn Tổ Sư (汪文祖師),
(15) Thái Tuế năm Mậu Dần là Tằng Quang Tổ Sư (曾光祖師),
(16) Thái Tuế năm Kỷ Mão là Long Trọng Tổ Sư (龍仲祖師),
(17) Thái Tuế năm Canh Thìn là Đổng Đức Tổ Sư (董德祖師),
(18) Thái Tuế năm Tân Tỵ là Trịnh Đán Tổ Sư (鄭但祖師),
(19) Thái Tuế năm Nhâm Ngọ là Lục Minh Tổ Sư (陸明祖師),
(20) Thái Tuế năm Quý Mùi là Ngụy Nhân Tổ Sư (魏仁祖師),
(21) Thái Tuế năm Giáp Thân là Phương Kiệt Tổ Sư (方杰祖師),
(22) Thái Tuế năm Ất Dậu là Tương Sùng Tổ Sư (蔣崇祖師),
(23) Thái Tuế năm Bính Tuất là Bạch Mẫn Tổ Sư (白敏祖師),
(24) Thái Tuế năm Đinh Hợi là Phong Tề Tổ Sư (封齊祖師),
(25) Thái Tuế năm Mậu Tý là Trịnh Thang Tổ Sư (鄭鎕祖師),
(26) Thái Tuế năm Kỷ Sửu là Phan Tá Tổ Sư (潘佐祖師),
(27) Thái Tuế năm canh dần là Ổ Hoàn Tổ Sư (鄔桓祖師),
(28) Thái Tuế năm Tân Mão là Phạm Ninh Tổ Sư (范寧祖師),
(29) Thái Tuế năm Nhâm Thìn là Bành Thái Tổ Sư (彭泰祖師),
(30) Thái Tuế năm Quý Tỵ là Từ Hoa Tổ Sư (徐華祖師),
(31) Thái Tuế năm Giáp Ngọ là Chương Từ Tổ Sư (章詞祖師),
(32) Thái Tuế năm Ất Mùi là Dương Tiên Tổ Sư (楊仙祖師),
(33) Thái Tuế năm Bính Thân là Quản Trọng Tổ Sư (管仲祖師),
(34) Thái Tuế năm Đinh Dậu là Đường Kiệt Tổ Sư (唐傑祖師),
(35) Thái Tuế năm Mậu Tuất là Khương Võ Tổ Sư (姜武祖師),
(36) Thái Tuế năm Kỷ Hợi là Tạ Đảo Tổ Sư (謝燾祖師),
(37) Thái Tuế năm Canh Tý là Ngu Khởi Tổ Sư (虞起祖師),
(38) Thái Tuế năm Tân Sửu là Dương Tín Tổ Sư (楊信祖師),
(39) Thái Tuế năm Nhâm Dần là Hiền Ngạc Tổ Sư (賢諤祖師),
(40) Thái Tuế năm Quý Mão là Bì Thời Tổ Sư (皮時祖師),
(41) Thái Tuế năm Giáp Thìn là Lý Thành Tổ Sư (李誠祖師),

(42) Thái Tuế năm Ất Tỵ là Ngô Toại Tổ Sư (吳遂祖師),
(43) Thái Tuế năm Bính Ngọ là Văn Triết Tổ Sư (文哲祖師),
(44) Thái Tuế năm Đinh Mùi là Mậu Bính Tổ Sư (繆丙祖師),
(45) Thái Tuế năm Mậu Thân là Từ Hạo Tổ Sư (徐浩祖師),
(46) Thái Tuế năm Kỷ Dậu là Trình Bảo Tổ Sư (程寶祖師),
(47) Thái Tuế năm Canh Tuất là Nghê Bí Tổ Sư (倪秘祖師),
(48) Thái Tuế năm Tân Hợi là Diệp Kiên Tổ Sư (葉堅祖師),
(49) Thái Tuế năm Nhâm Tý là Kheo Đức Tổ Sư (丘德祖師),
(50) Thái Tuế năm Quý Sửu là Chu Đắc Tổ Sư (朱得祖師),
(51) Thái Tuế năm Giáp Dần là Trương Triều Tổ Sư (張朝祖師),
(52) Thái Tuế năm Ất Mão là Vạn Thanh Tổ Sư (萬清祖師),
(53) Thái Tuế năm Bính Thìn là Tân Á Tổ Sư (辛亞祖師),
(54) Thái Tuế năm Đinh Tỵ là Dương Ngạn Tổ Sư (楊彥祖師),
(55) Thái Tuế năm Mậu Ngọ là Lê Khanh Tổ Sư (黎卿祖師),
(56) Thái Tuế năm Kỷ Mùi là Phó Đảng Tổ Sư (傅黨祖師),
(57) Thái Tuế năm Canh Thân là Mao Tử Tổ Sư (毛梓祖師),
(58) Thái Tuế năm Tân Dậu là Thạch Chính Tổ Sư (石政祖師),
(59) Thái Tuế năm Nhâm Tuất là Hồng Sung Tổ Sư (洪充祖師),
(60) Thái Tuế năm Quý Hợi là Ngu Trình Tổ Sư (虞程祖師).

3/ Phương Pháp Cung Phụng Thái Tuế.

- Mặt quay về hướng Đông chân bước Cương Bộ, bắt Thỉnh Sư Quyết, dùng bút lông, mực đen viết lên giấy đỏ, trên đó vẽ " Thái Tuế Phù " 1 đạo, viết tên của Thái Tuế Tinh Quân năm nay, ở trên Phù bên trái ghi ngày, tháng, năm, sinh ( Chủ Hộ ) chọn lấy 1 ngày đại cát, đại lợi, trong tháng giêng mà dán vào giữa nhà, mỗi tháng vào ngày 15 âm lịch, dùng nước, hương, hoa, quả mà cúng lễ, trong lòng tâm niệm khấn.

" cẩn thỉnh thái tuế tinh quân xxx, đáo thử trấn trạch, thiên cung tứ phúc trấn trạch quang minh, chiêu tài tiến bảo, hợp gia bình an, tín sỹ xxx thành tâm cung thỉnh" niệm 3 lần, sau đó khấn 3 lễ.

Thủ Quyết ( Thỉnh Sư Quyết )

Năm ngón tay trái mở tự nhiên, đầu ngón tay cái chạm vào đốt thứ nhất của ngón trỏ, sau đó tay giơ thẳng trước ngực, lòng bàn tay hướng vào bên trái, đầu bàn tay hướng lên trên và bằng với mũi, lòng bàn tay phải hướng về phía rốn, 5 ngón tay mở rộng, ngón tay hướng về phía bên trái.

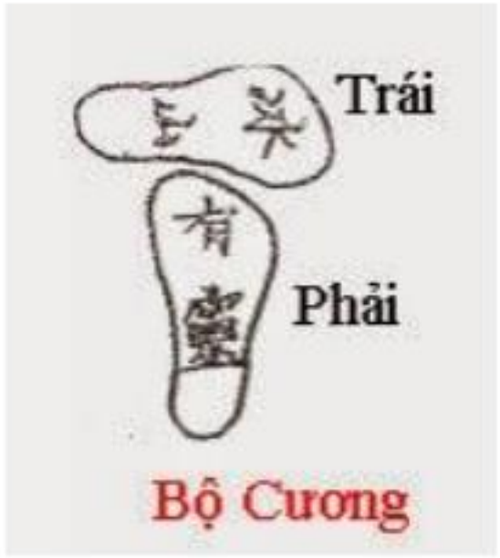
Chú Ngữ ( Thỉnh Sư Chú )

Khởi Nhãn Quan Thanh Thiên. Sư Phụ Tại Thân Biên.
Khởi Nhãn Quan Thanh Thiên. Sư Phụ Tại Nhãn Tiền.
Đệ Tử Thiên Khiếu Thiên Ứng. Vạn Khiếu Vạn Linh.
Đệ Tử Bất Khiếu Tự Ứng. Bất Khiếu Tự Linh.

Bộ Cương : Tả Binh Sơn, Hữu Hữu Linh.

Bộ Cương ở đây là chân trái đạp chữ Băng Sơn 冰山 chân Phải đạp chữ Hữu Linh 有靈.

Đứng thành cương Bộ.

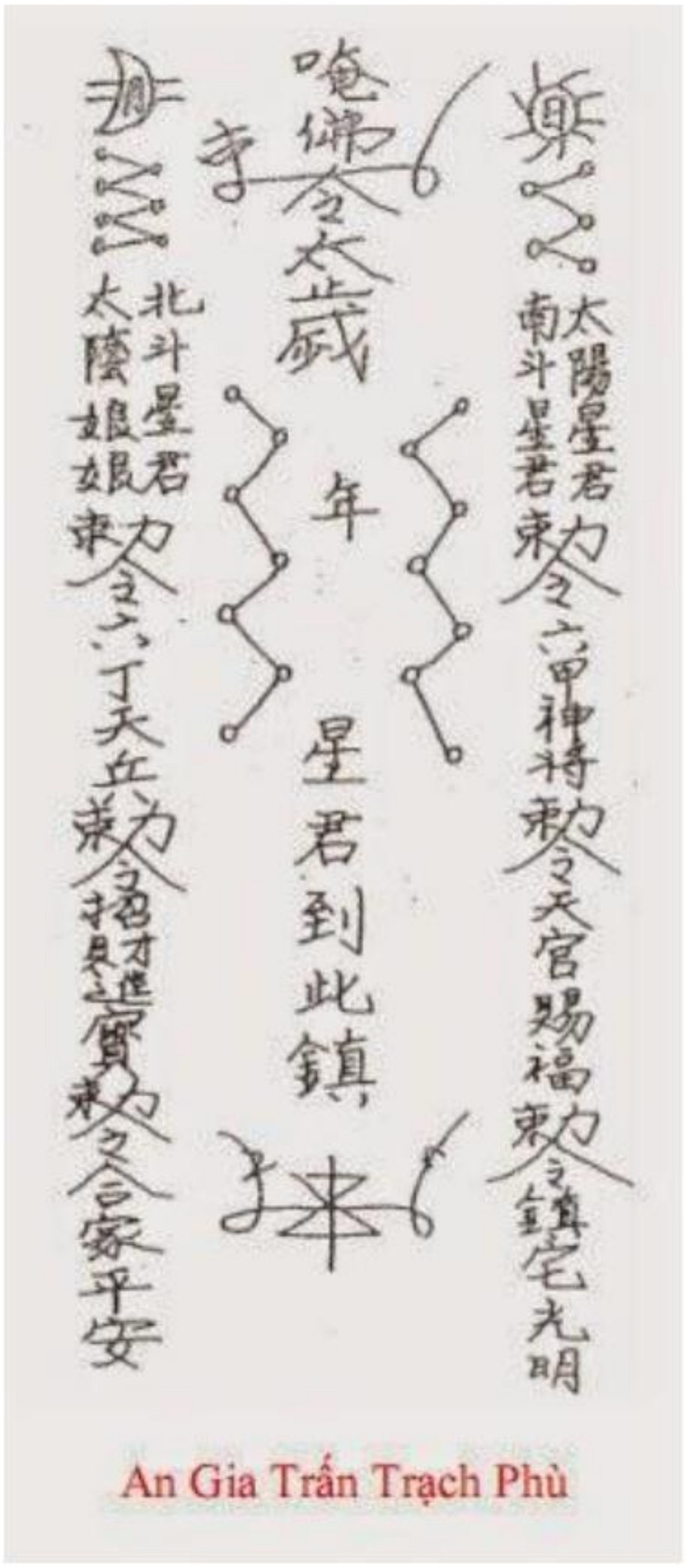



4/ Tạ Thái Tuế Pháp.

Hàng năm vào ngày 24 tháng 12 âm lịch, trước Thái Tuế Phù, đốt nhang, đốt nến, tâm thành kính tạ niệm chú " cẩn tạ thái tuế tinh quân xxx, đáo thử trấn trạch, thiên cung tứ phúc, trấn trạch quang minh, chiêu tài tiến bảo, hợp gia bình an, tín sỹ xxx thành tâm cung thỉnh" niệm 3 lần, sau đó khấn 3 lễ. sau đó lấy bùa ở nơi thanh tĩnh thiêu đốt cùng với nhang, nến, tiền vàng.

Công Dụng Cúng Lễ.

Cúng lễ " bùa thái tuế trấn trạch an gia", có thể chiêu phúc nạp cát tường, hoang nghênh niềm vui, làm cho gia trạch an vui, trong nhà hòa hợp, ra vào bình an, làm ăn hưng lợi, ngũ tục phong đặng, gia súc đầy đàn, tiền tài đầy nhà, sức khỏe trường thọ.




An Gia Trấn Trạch Phù

Xin theo dõi tiếp BÀI 5.
dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 5.

*Thứ Tư, ngày 01 tháng 4 năm 2015*

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.
Nhược Thủy
( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

## 22. PHỤ LỤC:
## KINH MINH THÁNH.
## (của Đức Quan Thánh Đế Quân)



### A.- PHẦN NGUYÊN TÁC TIẾNG HOA:-
### NGHI THỨC KHAI KINH
### TỤNG KINH MINH THÁNH
### 告文式
### 恭維

聖
帝，浩氣凌霄，丹心貫日，扶正統以彰信義，威震九州，完大節而篤忠貞，靈昭千古，伏魔蕩寇，屢代徵其奇勳，覺世牖民，寰宇披其明訓，運協皇圖，德覆黎庶，
弟子某，於某年月日，敬為某事，叩許每日虔誦(終生奉行)，明聖經寶訓，由誦而入，以熟為歸，由講而明，以知為要，踐履其於篤實，心地務求光明，伏冀鑒佑，無任沾恩之至，謹告。
文昌應化張仙寶誥(宜虔誠三叩首，誦此誥三遍)
志心皈命禮

桂香上殿，文昌左宮，七十二化之法身，百千萬劫之運數，育嗣天下，演教人間，金彈竹弓隨身帶，孤辰寡宿滅行蹤，扶小子而衛通關，蔭閨房而護難產，聰明日益，痘疹滅消，難癒者祈之便癒，難痊者禱之必痊，大悲大願，大聖大慈，九天輔元開化，靈應張仙大帝，七曲毓聖天尊。

靈官王天君寶誥(宜虔誠三叩首，誦此誥三遍)
志心皈命禮

先天主將，一乇神君，都天糾察大靈官，三界無私猛烈將，金睛赤髮，號三五火車雷公，鳳嘴銀牙，統百萬貔貅神將，飛騰雲霧號令雷霆，降雨開晴，驅邪治病，觀過錯於一十二年，受命
玉
帝，積功勳於百千萬種，誓佐祖師，至剛至勇，濟死濟生，方方闡教，處處開壇，豁落猛帥，三五火車，大靈官，王天君，雷聲普化天尊。
周將軍寶誥(宜虔誠三叩首，誦此誥三遍)
志心皈命禮

扶天勇將，察地猛神，鐵鬚銀齒，黑面朱唇，精忠特立，勁節驚人，稽查善惡，糾察凡塵，冥冥顯赫，處處遊巡，鋤奸鋤惡，救世憂民，忠臣義士，扶彼超伸，乖兒逆子，不勝怒瞋，維持世教，匡正人倫，斬妖護法，大道常存，最靈真宰，最顯神君，護朝護國，剛直忠勇大天尊。
關聖太子寶誥(宜虔誠三叩首，誦此誥三遍)
志心皈命禮

靈侯太子，文經武緯，匡王護國，德義巍巍，忠孝節義，全受全歸，奇勳早建於西蜀，異略素著於北魏，大忠大孝，至仁至勇，補造化之不足，佐
聖　帝以立功，護朝護國，盡孝盡忠，九天威靈顯化大天尊。
聖帝寶誥(宜虔誠三叩首，誦此誥三遍)
志心皈命禮

太上神威，英文雄武，精大義，高潔清廉，運協皇圖，德崇演正，掌儒釋道教之權，管天地人才之柄，上司三十六天，星辰雲漢，下轄七十二地，冥壘幽酆，秉註生功德，延壽丹書，執定死罪過，奪命黑籍，考察諸佛諸神，監制群仙群職，高證妙果，無量度人，萬靈萬神，至上至尊。
伏　魔大帝，關聖帝君，大悲大願，大聖大慈，真元顯應，忠孝祖師，
昭　明翊漢大天尊，旻皇高上帝。(虔誦三遍，然後誦下文真經)
聖帝新寶誥
志心皈命禮

精忠大義，雄武英文，在三分國祚之時，漢賊豈容兩立，建萬世人臣之極馨香自足千秋，精靈充塞於古今，至剛至大，折願挽回夫劫數，存道存人，御宇蒼穹，任十八天皇而繼統執符金闕，渾三千世界於括囊，孰主宰，孰綱維，赫赫大圜在上自東西，自南北，隆隆祖氣朝元，作聖賢仙佛之君師，三十六天誕登大寶，主升降隆污之運會，十萬劫普渡慈航，佛證蓋天，恩覃曠劫，大悲大願，大聖大慈，
太　平開天，普度皇靈，中天至聖，仁義古佛，玉皇大天尊，玄靈高上帝(三稱九叩)



# 關聖帝君降筆真經

是漢關聖帝，敕諭大眾聽聞。
世上不齊等事，全憑一點真心，
正直光明不屈，死生順逆當分。
吾嘗下遊漢季，結盟皇叔三人。
桃園名重千古，單刀秉燭於今。
寄曹明來明去，吞吳為漢亡身。
上帝憐我忠耿，獨敕宣化幽明。
令我日遊天下，鑒別忠佞紛紛。
一切貪殘奸巧，還償果報斤斤。
最戒讀書文士，並及官宦軍民，
第一休欺父母，切莫圈套鄉鄰。
貧富先交朋友，朋友乃是五倫。
信心內外平等，何妨蹇難災迍。
曹操無底深險，現今受罪幽冥。
孔明只緣忠義，幽冥群奉為神。
直心直受真福，巧計巧來禍因。
有過昭如日月，無私天地同群。
果然兒女不誑，到處鬼怕神欽。
設計偷覷女色，自己帷薄宣淫。
弄手誆騙財物，輩輩嫖賭淪侵。
比比爭能爭勝，往往越賤越貧。
快快收心猛省，休休愈墮愈深。
三生輪迴惡趣，千載唾罵難禁。
筆尖添減情罪，舌劍反誅滿門。
尤恨毒心狼婦，花言啜哄鄉親。
唆夫罵公罵婆，令我一見生瞋，
泥像揮刀剖腹，分斬母子平均。
可喜平人孝悌，朝夕買辦糧薪。

霎時風行泥馬，駝回萬里窮軍。
欲求長生育子，急宜戒殺放生。
不食牛犬等肉，可免牢獄囚刑。
男女遵奉吾語，遇難我自降臨。
戰場驅逐鬼魅，刀光雷雨血淋。
護國百折不改，助爾加爵策勳。
富貴永昌奕世，眉壽永無災侵。
如有毀法妄想，斗秤欺哄愚氓，
不許生身人世，阿鼻地獄呻吟。
那時悔過已晚，急早配服法文。
回頭諸惡莫作，勉力眾善奉行。
(真經誦至此止。誦畢三叩首，起身調息後，再朗誦下文明聖經。)



KINH MINH THÁNH CHÚ GIẢI
( CHU TỬ SAN ĐỊNH NGỌC TUYỀN KINH BỔN )

【經序第一】

帝君曰：『天地無私，善惡昭彰。順天者存，逆天者亡。神道設教，藉以此傳。』吾當言　明聖經三字；
『明』
者如同日月普照乾坤無物不到，使我心性常懷不昧靈臺潔淨，打掃如同寶鏡一般明心鑒性。
『聖』　者昭然也。參天化育，千古忠肝義膽，萬載聖神，先聖後聖其揆一也。
『經』
者常也。所言無非人生日用，常行道理，可以流傳萬古，人能恭敬身心，時時不忘乎根本，刻刻常存乎孝悌，謹敬
　　這個心田勿貪勿淫是也。故曰：『明聖經』。
　　漢，漢壽亭侯，略節桃園經，
書於玉泉寺，夜夢與凡人，

萬經千典有，吾經未舉行，
著爾傳塵世，不可視為輕。
太上老君三界靈，眾聖五嶽雷電神，
五湖並四海，日月斗星辰，
天下城隍聽號令，萬方土地各遵行，
萬聖朝真均奏議，普天之下盡頒行，
於是救苦大仙，太上真君，
太白金星，公同註解，
覆奏明章，行於四海，
皇圖鞏固，萬民永賴。
【原始第二】
吾乃紫微宮裡朱衣神，協管文昌武曲星，
祇因張仙無主轄，敕令隨吾為從神，
檢點少男與少女，或損陰騭絕子孫，
送生催生及難產，魅妖傷殘瘢痘疹，
如有焚香諷誦者，轉禍為祥顯聖靈。
今有塑畫吾像者，側立張仙持彈弓，
鑒知戰國侵凌亂，命我臨凡救萬民，
玉皇賜我名和姓，子胥五轉做忠臣，
臨潼解釋諸侯難，絕卻奸秦并國心，
楚無道，酒荒淫，
昭關過此難，吳越動刀兵，
道吾一生為孝子，數世作忠臣，
敕令我管錢塘事，晝夜領潮行。
漢室多奸黨，改姓下凡塵，春秋丈夫志，
生長解梁城，指關為我姓，
下界又稱臣，幼而離鄉，壯而出任，
大丈夫以四海為家，何患乎吾無兄弟，
入桃園睹兩人奇異，請問英雄何處，
雄糾糾朗曰張飛，貌堂堂溫言劉備，
出身投地今逢主，須待挽天河水來蕩滌，誠哉龍虎風雲會，宰牛馬昭告天地，結義匡扶漢室。
破黃巾，誅董卓，呂布斃，
劫寨剿曹奸，賺入空營內，
雁侶散徐州，攜嫂無存地，
減燭張遼謀，破壁雲長義，
降漢不降曹，忠臣不事二，
封漢壽亭侯，印無漢重鑄，
三日華筵，曹瞞美意，
顏良文醜統兵圍，
敢對立功，可酬曹歸計，
封金卻印三辭操，挈眷尋兄一點忠，
千里尋兄添義氣，五關斬將有威風，
離合英雄乾坤內，相逢兄弟古城中。

智尚雖高無決勝，運籌固識少經綸，
三謁茅廬，臥龍晏起，
大夢誰先覺，平生我自知，
草堂春睡足，窗外日遲遲，
未出茅廬，三分已定，
孔明原是廣慧星，即是前朝嚴子陵，
此生諸葛亮，再宋朱文公，
輪迴三世相，永不下凡塵，
鼎足三分嫌地窄，江山今換許多人。
大哥已在清虛府，關某今掌三天門，
三弟四川為土穀，每起忠良護國心，
在宋易姓岳飛將，在唐改諱曰張巡，
輪迴三轉皆忠烈，上帝封為護國神，
小可兵戈不差汝，大難危邦再下塵。
天下城隍皆將相，正直為神古至今，
為人忠孝感天地，豈在持齋佛顯靈，
飲食衣服休華美，隨著隨餐莫厭憎，
禽獸一切皆性命，無故自食宰生靈，
一切化生皆活命，何苦張弓捕網尋，
草木花果休折採，嚴冬零落發陽春，
萬物悉含天地化，依時生長與人靈，
爾能遵守惜萬物，福有攸歸禍不侵。
勿謂善小而不作，勿謂惡小而可行，
天網恢恢分曲直，神靈赫赫定虧盈，
孝悌忠信人之本，禮義廉恥人之根，
爾能聽吾行善事，定有祥雲足下騰。
吾受三天門掌握，萬神啟奏我先聞，
善者紀錄加官爵，惡者遭殃絕子孫，
報應遲速時未到，昭彰早晚禍福臨，
休道天高無耳目，虧心暗室有遊神，
敬神如在須誠敬，不可狂言褻聖明。
【力學第三】
吾素覽春秋，幼觀孔孟，
唯以孝弟為先，修身治國為本。
異端蜂起，兵戈傷殘民命。
十餘年甲不離身，刀無潔淨。
夜無穩睡三更，日不飽餐一頓。
東戰西征，百戰而江山纔定。
白了鬢鬢星星，力倦馬羸刀鈍。
費盡赤膽忠心，換得箇封侯金印。
到如今亂臣賊子，捕風捉影。
奸貪讒佞，結黨欺良，言無一定。
不思禮義廉恥，孝弟忠信，
事每胡行，屢圖僥倖。

篡君位，戮忠臣，好貨財，淫美色，殺人縱性。
只顧爽心樂事，豈曉得後來報應。
古今好事多磨，毋勉強苟求捷徑，
如彩雲琉璃，鮮花明月。
人不知機，如鋼刀快缺，
妄動橫行，造下了些冤孽。
遠則幾年，近則數月，
報應無差，法難漏洩。
如人未遭逢，各有時節，
當思守命由天，安貧樂業。
如百藝倉卒成功，其物焉能精潔。
草木不能培植，難長許多枝葉。
五穀少用耕鋤，苗雖秀而不實。
文臣十載寒窗，方朝金闕。
武將百戰臨危，始得公侯並列。
吾乃日月精忠，乾坤大節，
天崩我崩，地裂我裂。
【道貌第四】
又奉
上帝加御敕，掌握凡間善惡人。
萬國九州皆敬服，道吾忠義獨稱尊。
塑形畫像乾坤內，如我英雄有幾人。
火龍燒赤兔，水獸鍊青鋒。
臥蠶眉八字，丹鳳目雙睛。
五龍鬚擺尾，一虎額搖身。
精忠沖日月，義氣貫乾坤。
韜略期孫臏，機謀勝范增。
鬚長義更長，面赤心尤赤。
英雄氣蓋世，燭殘刀破壁。
封庫印懸樑，爵祿辭不受。
偃月刀磨仍快，嘆兄弟不再。
臥蠶眉鎖未開，恨江山幾改。
亙古功名難比並，三天門下封元帥。
稽首頓首。
上帝敕令各部將帥，
經傳下界，抄錄諷誦如在。
人能遵行，繫玉腰金，官居千載。
能全一事，崢嶸三代。
欽承法旨，會集諸神施行。
【節訓第五】
著忠良，竭力匡衡，孝順無改。
廉潔不亂心田，節義臨危不敗。
忠孝廉節之章聽解。
君使臣以禮，臣事君以忠，

日用朝廷祿，當思補報功。
報國臣之本，惜卒將之宏。
不飾文臣過，不滅武將功。
紀錄文華殿，舉劾建章宮。
丹心如赤日，位必至三公。
秦檜世為犬，岳飛四帥中。
為人子，孝為先，孝順兩字緊相聯。
勿使惱怒常使歡，暖衣飽食毋饑寒。
病醫藥必自煎，即須嚐過獻親前。
夜不解衣，朝不食，時時刻刻在身邊。
爾能孝順爾子孝，點點滴滴看簷前。
大舜孝，帝位傳，二十四孝極周全。
在生不供奉，死後祭靈前。
不孝子，惹災愆，虎啗蛇咬病相纏。
官刑牢獄遭充配，水火之災實可憐。
或是懸樑刀毒死，不孝之人苦萬千。
速速改，莫遲延。
世人孰無過，改之為聖賢。
人無過，篤行全。
廉生畏，潔生嚴。
細檢點，避疑嫌。
希賢希聖由天命，學禮學詩聽自然。
卻周粟，隱山川，
為人似玉無瑕玷，立志如同鐵石堅。
守己祿，莫徇偏，損人利己子孫冤。
廉者不受嗟來食，志士不飲盜之泉。
辭俸原憲潔，畏金楊震廉。
坐懷不亂柳下惠，閉戶無容魯仲連。
鴞食怎如螬李美，瓜祭何勝菜羹甜。
俸祿只堪供禮儀，舉家食費僅盤桓。
百篢抬回失節物，滿箱裝裡昧心錢。
笞杖徒流誰不怕，勸爾抬頭看上天。
縱容男僕如狼虎，謀占軍民地與田。
勢敗運衰參訐告，拔塚平房冤報冤。
婦男窮極為娼盜，恨殺當初惡要錢。
人之節，如竹又如月，
廣大與高明，圓容更清潔。
一生直不彎，挺挺欺霜雪。
一勁參天秀，舞風弄明月。
娥英泣竹林，點點斑皆血。
即如蘇武杖，數有十二節。
李陵污其奸，蘇武敬其烈。
仲升使西域，三十六國卻。
節義全，神聖悅。

或掌天曹事，或補城隍缺。
或生公與侯，富貴千年業。
亂臣並賊子，每把忠良滅。
一見虛歡喜，心口各相別。
心藏丈八矛，意存三尺鐵。
舌下有龍泉，殺人不見血。
貪酷剋奸讒，自殞兒孫絕。
吾未吃長齋，吾不信異說。
地獄即城隍，三寶光日月。
救濟急難人，就是解冤結。
此四節，忠孝廉節，詳明甚切，
後列二十四劫：
擎天頂地猛勇神，捧日舉月普照神，
列宿張星明朗神，移星換斗剝量神，
騰雲駕霧飛度神，驅雷掣電威烈神，
呼風喚雨擾攘神，綴露殞霜溥沸星，
飛沙走石截路神，翻江搗海五湖神，
崩山頹嶺鐵甲神，凍水開冰結化星，
焚炎逐火流光星，開花結果嬌媚星，
長禾秀穀益惠星，抽芽綻葉發育星，
枯木涸澤摧竭神，走獸飛禽捕捉星，
魚蝦蟹鱉踴躍星，飛跳諸蟲纏擾星，
作文制字文昌星，興兵佈陣武曲星，
考正歲時測運星，造作工藝巧作神，

眾星聽令，各回本部，變化發生，
稽首神明，無極眾聖，不可思議功德。
【經驗第六】
值年值月將，值日值時神，
夜差黑煞帥，日令皎潔兵，
往來細鑒察，不得漏毫分。
會同家宅神，著令司命君，
如有虔誦男和女，速速報知聞。
家宅供此經，妖魅化為塵，
船舟奉此經，風波即刻平，
行人佩此經，路途保安寧，
書生看此經，不久步青雲，
婦人誦此經，二女五男成，
若為亡化念，亡化早超生，
若為父母念，父母享遐齡，
焚香高誦念，其福即來臨，
日念三五遍，或誦百千聲，
人能鈔印送，諸疾不相侵，
諸神皆歡喜，宅舍並光明，

或賜福與壽，或蔭兒與孫，
凶事化為吉，福祿壽重增。
斗口王天君，欽奉，漢室，漢壽亭侯。
關聖大帝敕令（嘉慶十五年正月二十四日）
大帝曰：吾曾言，
日在天上，心在人中，心者萬事之根本，
儒家五常，道釋三寶，皆從心上生來。
仁莫大於忠孝，義莫大於廉節，二者五常之首。
聖人參贊化育者，此而已。
仙佛超神入化者 此而已。
自有天地以來，這個無極太極之理，渾然包羅古今長懸，諸帝王聖賢仙佛，萬經千典，只是明此理，成此事而已。
吾係紫微垣中，火之正氣。
火，離明象也，故主文昌。
火，又烈性也，故主武曲。
文主仁，仁首忠孝，武主義，義首廉節。
惟是舉天下萬世皆為聖賢仙佛，此有晝無夜有陽無陰，絕無之理也。
自戰國以來，吾出世匡君救民，不得已以公善之心望世，此桃園經之所以現身說法也。
奈何世之人，真性不密，邪僻用心，見吾平常之言，不曰聖人不出此驕矜語，則曰聖人不出此淺近語。
嗚呼，是必欲吾重作五經，待世之智愚賢不肖，皆盡讀之乎。
不獨此也，現在身列文儒，亦妄行指駁。
吾因周子，凜凜持誦多年，只得註解明白。
如再有擅行詆毀者，輕則令瘟火滅之，
重則命周倉斬之，毋悔。
明聖經，本係夢與玉泉寺僧，僧醒而傳述。
首句漢漢，上一漢字乃代名，即大漢也。
漢壽亭，係地名也。
其先囑咐人人誦此經者，是以效驗歆動人心也。
中言精忠沖日月，義氣貫乾坤，即孟子所謂塞乎天地也。
曰面赤鬚長者，即大學所謂心廣體胖，孟子所謂睟面盎背也。
至投胎轉劫之說，儒者不言，不知釋道兩門，並非無據。
試歷查古今，借屍還魂，靈殼轉寄，異物入胎，豈少也哉。
吾言在列國，在漢，與在唐宋之言實非誑也，諸君試對核之。
再四章言忠，文武臣僚，皆當敬體，則是三代以上之臣也，夔龍伊皋其人也。
言孝，則曰不解衣不食，則侍膳寢門，文王其人也。
滴水還源，孫又效子，則子孫保之，大舜其人也。
說到二十四孝，古今昭如日月，格天地，動鬼神，豈非確然可據者哉。
廉在周禮，以六計為定，實從義字中生，故為愚昧者痛斥。
而廉泉盜水，舉一二而以括之也，節如竹，竹有筠也。
如月，月有度也，非筠則溷，非度則昏。
古今大節不踰者，於義殆盡。

後遣諸神鑒察，以使速應，吾亦大費婆心。
以我為驕，我固不辭，以我為淺。
我亦不辭，但願人人從此驕言淺言作去，一一果自信於心中，然後探元妙之理，入上聖之班，吾亦不怪，而且快然也。
將此語著靈官，傳世知之，為此述告周宰人等，一心體此，以心印心。
心在人中，日在天上，欽哉勿忽。
明聖經註證
王天君曰：張仙非唐之張公名巡，乃黃帝錫以弧矢為張之張仙也。
大帝目空一切，固是天性。故云徒上智者無決斷，徒運籌者欠經綸，
以啟下文之意，必賴　文星孔明也。再二十四位神將，乃
大帝所遣，如有誠心，呼之即來，聽法師之命。並將此諭，傳與周宰君
及與事人等知之。二月二十五日　王天君奉
大帝命特誥。
(明聖經誦至此止)
*XIN XEM TIẾP PHẦN PHIÊN ÂM HÁN VIỆT
(chưa có bản dịch)
*Nhược Thủy sao lục.

PHỤ LỤC:-
KINH MINH THÁNH
(của Đức Quan Thánh Đế Quân)
B.- PHẦN PHIÊN ÂM HÁN VIỆT:-
明聖經
MINH THANH KINH



Cáo Văn Thức
Cung Duy
Thánh Đế , hạo khí lăng tiêu , đan tâm quán nhật ,
Phù chính thống dĩ chương tín nghĩa , uy chấn cửu châu , hoàn đại tiết nhi đốc trung trinh , linh chiêu thiên cổ .Phục ma đãng khấu , lâu đại chuỷ kỳ cơ huân . Giác thế dũ dân , hoàn vũ phi kỳ minh huấn .

Vận hiệp hoàng đồ , đức phúc lê thứ , đệ tử …… mỗ , ư ……mỗ ……niên …..nguyệt…. nhật , kính vị ……mỗ sự , khấu hứa mỗi nhật kiền tụng (chung sinh phụng hành ), Minh Thánh Kinh Bảo Huấn . Do tụng nhi nhập , dĩ thục vi qui , do giảng nhi minh , dĩ tri vi yếu .
Tiễn phúc kỳ ư đốc thực , tâm địa vụ cầu quang minh .Phục kí giám hữu , vô nhâm triêm ân chi chí .
Cẩn Cáo .
"Văn Xương Ứng Hoá Trương Tiên Bảo Cáo"
(nghi kiền thành tam khấu thủ , tụng thử cáo tam biến )
*Chí tâm qui mệnh lễ :-
Quế hương thượng điện , Văn xương tả cung , thất thập nhị hoá chi pháp thân , bá thiên vạn kiếp chi vận số .
Dục tự thiên hạ , diễn giáo nhân gian , kim đàn trúc cung tuỳ thân đái , cô thần quả tú diệt hành tung .
Phù tiểu tử nhi vệ thông quan , ấm khuê phòng nhi hộ nạn sản , thông minh nhật ích , đậu chẩn giảm tiêu , nạn dũ giả kỳ chi tiện dũ , nạn thuyên giả đảo chi tất thuyên .
Đại bi đại nguyện , đại thánh đại từ , Cửu Thiên phụ nguyên khai hoá , linh ứng Trương Tiên đại đế , thất khúc Dục Thánh Thiên Tôn .
"Linh Quan Vương Thiên Quân Bảo Cáo"
(nghi kiền thành tam khấu thủ , tụng thử cáo tam biến )
*Chí tâm qui mệnh lễ :-
Tiên thiên chủ tướng , nhất kí thần quân , đô thiên củ sát đại linh quan , tam giới vô tư mãnh liệt tướng .
Kim tình xích phát , hiệu tam ngũ hoả xa lôi công , phượng chuỷ ngân nha , thống bá vạn tì hưu thần tướng .
Phi đăng vân vụ hiệu lệnh lôi đình , giáng vũ khai tình , khu tà trị bệnh , quan quá thác ư nhất thập nhị niên , thụ mệnh :
NGỌC ĐẾ
Tích công huân ư bá thiên vạn chủng , thệ tá tổ sư , chí cương chí dũng , tế tử tế sanh , phương phương xiển giáo , xứ xứ khai đàn .
Khoát lạc mãnh soái , tam ngũ hoả xa , Đại Linh Quan , Vương Thiên Quân , Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn .
"Chu Tướng Quân Bảo Cáo"
(nghi kiền thành tam khấu thủ , tụng thử cáo tam biến )
* Chí tâm qui mệnh lễ :-
Phù thiên dũng tướng , sát địa mãnh thần , thiết tu ngân xỉ , hắc diện châu thần . Tinh trung đặc lập , kính tiết kinh nhân , khể tra thiện ác , củ sát phàm trần .
Minh minh hiển hách , xứ xứ du tuần , sừ gian sừ ác , cứu thế ưu dân .
Trung thần nghĩa sĩ , phù bỉ siêu thân , quai nhi nghịch tử , bất thắng nộ sân .
Duy trì thế giáo , khuông chính nhân luân , trảm yêu hộ pháp , đại đạo thường tồn . Tối linh chân tê , tôi hiên thân quân , hộ triều hộ quốc , cương trực trung dũng đại thiên tôn .
"Quan Thánh Thái Tử Bảo Cáo"
(nghi kiền thành tam khấu thủ , tụng thử cáo tam biến )
*Chí tâm qui mệnh lễ :-
Linh Hầu thái tử , văn kinh vũ vĩ , khuông vương hộ quốc , đức nghĩa nguy nguy . Trung hiếu tiết nghĩa , toàn thụ toàn qui , kỳ huân tảo kiến ư Tây Thục , dị lược tố trước ư Bắc Nguỵ , đại trung đại hiếu , chí nhân chí dũng , bổ tạo hoá chi bất túc , tá :-
THÁNH ĐẾ
dĩ lập công , hộ triều hộ quốc , tận hiếu tận trung , cửu thiên uy linh hiển hoá đại thiên tôn .
"Thánh Đế Bảo Cáo"

(nghi kiền thành tam khấu thủ , tụng thử cáo tam biến )
*Chí tâm qui mệnh lễ :-
Thái Thượng thần uy , anh văn hùng vũ , tinh đại nghĩa , cao khiết thanh liêm ,
Vận hiệp hoàng đồ , đức sùng diễn chính , chưởng Nho Thích Đạo giáo chi quyền , quản thiên địa nhân tài chi bính .
Thượng ty tam thập lục thiên , tinh thìn vân hán , hạ hạt thất thập nhị địa , minh luỹ u phong .
Bỉnh chú sanh công đức , diên thọ đan thư , chấp định tử tội quá , đoạt mệnh hắc tịch .
Khảo sát chư Phật chư Thần , giám chế quần Tiên quần chức ,
Cao chứng diệu quả , vô lượng độ nhân , vạn linh vạn thần , chí thượng chí tôn .
Phục Ma đại đế , Quan Thánh Đế Quân , đại bi đại nguyện , đại thánh đại từ , chân nguyên hiển ứng , trung hiếu tổ sư ,
Chiêu Minh Dực Hán Đại Thiên Tôn , Mân Hoàng Cao Thượng Đế .
(kiền tụng tam biến , nhiên hậu tụng hạ văn chân kinh )
Thánh Đế Tân Bảo Cáo
*Chí tâm qui mệnh lễ :-
Tinh trung đại nghĩa , hùng vũ anh văn , tại tam phân quốc tộ chi thời , Hán tặc khởi dung lưỡng lập . Kiến vạn thế nhân thần chi cực hinh hương tự túc thiên thu , Tinh linh sung tái ư cổ kim , chí cương chí đại , chiết nguyện vãn hồi phù kiếp số , tồn đạo tồn nhân , ngự vũ thương khung , nhậm thập bát thiên hoàng nhi kế.
Thống chấp phù kim khuyết , hồn tam thiên thế giới ư quát nang , thục chủ tể , thục cương duy , hách hách đại viên tại thượng .
Tự đông tây , tự nam bắc , long long tổ khí triều nguyên .
Tác Thánh Hiền Tiên Phật chi quân sư , tam thập lục thiên đản đăng đại bảo ,
Chủ thăng giáng long ô chi vận hội , thập vạn kiếp phổ độ Từ Hàng ,
Phật chứng Cái Thiên , ân đàm khoáng kiếp ,
Đại bi đại nguyện , đại thánh đại từ ,
Thái bình khai thiên , phổ độ hoàng linh , trung thiên chí thánh , nhân nghĩa cổ phật ,
Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn , Huyền Linh Cao Thượng Đế .
(tam xưng cửu khấu )
Quan Thánh Đế Quân Giáng Bút Chân Kinh
Ngô thị Hán Quan Thánh Đế , sắc dụ đại chúng thính văn .
Thế thượng bất tề đẳng sự , toàn bằng nhất điểm chân tâm ,
Chính trực quang minh bất khuất , tử sanh thuận nghịch đương phân .
Ngô thường hạ du hán quí , kết minh hoàng thúc tam nhân .
Đào viên danh trọng thiên cổ , đơn đao bỉnh chúc ư kim .
Ký Tào minh lai minh khứ , thôn ngô vị hán vong thân .
Thượng đế liên ngã trung cảnh , độc sắc tuyên hoá u minh .
Lịnh ngã nhật du thiên hạ , giám biệt trung nịnh phân phân .
Nhất thiết tham tàn gian xảo , hoàn thường quả báo cân cân .
Tối giới độc thư văn sĩ , tịnh cập quan hoạn quân dân ,
Đệ nhất hưu khi phụ mẫu , thiết mạc khuyên sáo hương lân .
Bần phú tiên giao bằng hữu , bằng hữu nãi thị ngũ luân .
Tín tâm nội ngoại bình đẳng , hà phương kiển nạn tai truân .
Tào Tháo vô để thâm hiểm , hiện kim thụ tội u minh.
Khổng Minh chỉ duyên trung nghĩa , u minh quần phụng vi thần .
Trực tâm trực thụ chân phước , xảo kế xảo lai hoạ nhân .
Hữu quá chiêu như nhật nguyệt , vô tư thiên địa đồng quần .
Quả nhiên nhi nữ bất cuống , đáo xứ quỷ phạ thần khâm .
Thiết kế thâu khư nữ sắc , tự kỷ duy bạc tuyên dâm .
Lộng thủ cuống biển tài vật , bối bối phiêu đổ luân xâm .

Tỉ tỉ tranh năng tranh thắng , vãng vãng việt tiện việt bần .
Khoái khoái thu tâm mãnh tỉnh , hưu hưu dũ đoạ dũ thâm .
Tam sanh luân hồi ác thú , thiên tải thoá mạ nan câm .
Bút tiêm thiêm giảm tình tội , thiệt kiếm phản tru mãn môn .
Vưu hận độc tâm lang phụ , hoa ngôn chuyết hống hương thân .
Toa phu mạ công mạ bà , lịnh ngã nhất kiến sanh sân ,
Nệ tượng huy đao bội phúc , phân trảm mẫu tử bình quân .
Khả hỉ bình nhân hiếu đễ , triêu tịch mãi biện lương tân .
Sát thời phong hành nê mã , đà hồi vạn lý cùng quân .
Dục cầu trường sanh dục tử , cấp nghi giới sát phóng sanh .
Bất thực ngưu khuyển đẳng nhục , khả miễn lao ngục tù hình .
Nam nữ tuân phụng ngô ngữ , ngộ nạn ngã tự giáng lâm .
Chiến trường khu trục quỉ mị , đao quang lôi vũ huyết lâm .
Hộ quốc bách chiết bất cải , trợ nhĩ gia tước sách huân .
Phú quí vĩnh xương dịch thế , mi thọ vĩnh vô tai xâm .
Như hữu huỷ pháp vọng tưởng , đẩu xứng khi hống ngu manh ,
Bất hứa sanh thân nhân thế , A-Tỳ địa ngục thân ngâm .
Na thời hối quá dĩ vãn , cấp tảo phối phục pháp văn .
Hồi đầu chư ác mạc tác , miễn lực chúng thiện phụng hành .
( Cáo văn tụng chí thử chỉ . Tụng tất, tam khấu thủ , khởi thân điều tức hậu , tái lãng tụng hạ văn Minh Thánh Kinh )
(Phần cáo văn tụng đến đây là hết. Tụng xong, lạy ba lạy, đứng dậy nghỉ cho khỏe, rồi tiếp theo tụng phần chánh văn sau đây:-

## *CHÁNH VĂN
## MINH THÁNH KINH

【Kinh tự -- đệ nhất 】
Đế Quân viết： " Thiên địa vô tư , thiện ác chiêu chương . Thuận thiên giả tồn , nghịch thiên giả vong . Thần đạo thiết giáo , tịch dĩ thử truyền . " Ngô đương ngôn Minh Thánh Kinh tam tự :-
" Minh " giả như đồng nhật nguyệt phổ chiếu càn khôn vô vật bất đáo , sử ngã tâm tính thường hoài bất muội linh đài khiết tịnh , đả tảo như đồng bảo kính nhất ban minh tâm giám tính .
" Thánh " giả chiêu nhiên dã . Tham thiên hoá dục , thiên cổ trung can nghĩa đảm , vạn tải thánh thần , tiên thánh hậu thánh kỳ quĩ nhất dã .
" Kinh " giả thường dã . Sở ngôn vô phi nhân sanh nhật dụng , thường hành đạo lý , khả dĩ lưu truyền vạn cổ , nhân năng cung kính thân tâm , thời thời bất vong hồ căn bản , khắc khắc thường tồn hồ hiếu đễ , cẩn kính
Giả cá tâm điền vật tham vật dâm thị dã . Cố viết： " Minh Thánh Kinh " .
*Hán , Hán Thọ Đình Hầu , lược tiết Đào Viên Kinh ,
Thư ư Ngọc Tuyền Tự , dạ mộng dữ phàm nhân ,
Vạn kinh thiên điên hữu , ngộ kinh vị cử hành ,
Trước nhĩ truyền trần thế , bất khả thị vi khinh .
Thái Thượng Lão Quân tam giới linh , chúng thánh Ngũ Nhạc Lôi Điện Thần ,
Ngũ hồ tịnh tứ hải , nhật nguyệt đẩu tinh thìn ,
Thiên hạ thành hoàng thính hiệu lệnh , vạn phương thổ địa các tuân hành ,
Vạn thánh triều chân quân tấu nghị , phổ thiên chi hạ tận ban hành ,
Ư thị cứu khổ đại tiên , Thái Thượng Chân Quân ,
Thái Bạch Kim Tinh , công đồng chú giải ,
Phúc tấu minh chương , hành ư tứ hải ,
Hoàng đồ củng cố , vạn dân vĩnh lại .

【Nguyên Thuỷ-- Đệ Nhị 】
Ngô nãi tử vi cung lý châu y thần , hiệp quản văn xương vũ khúc tinh ,
Kỳ nhân trương tiên vô chủ hạt , sắc lệnh tuỳ ngô vi tùng thần ,
Kiềm điểm thiếu nam dữ thiếu nữ , hoặc tổn âm chất tuyệt tử tôn ,
Tống sanh thôi sanh cập nạn sản , mị yêu thương tàn ban đậu chẩn ,
Như hữu phần hương phúng tụng giả , chuyển hoạ vi tường hiển thánh linh .
Kim hữu sóc hoạ ngô tượng giả , trắc lập trương tiên trì đàn cung ,
Giám tri chiến quốc xâm lăng loạn , mệnh ngã lâm phàm cứu vạn dân ,
Ngọc Hoàng tứ ngã danh hoà tính , Tử Tư ngũ chuyển tố trung thần ,
Tâm đồng giải thích chư hầu nạn , tuyệt khước gian tần tịnh quốc tâm ,
Sở vô đạo , tửu hoang dâm ,
Chiêu quan quá thử nạn , Ngô Việt động đao binh ,
Đạo ngô nhất sanh vi hiếu tử , số thế tác trung thần ,
Sắc lệnh ngã quản tiền đường sự , trú dạ lãnh trào hành .
Hán thất đa gian đảng , cải tính hạ phàm trần , Xuân Thu trượng phu chí ,
sanh trưởng Giải Lương thành . Chỉ QUAN vi ngã tính , hạ giới hựu xưng thần , Ấu nhi ly hương , tráng nhi xuất nhậm ,
Đại trượng phu dĩ tứ hải vi gia , hà hoạn hồ ngô vô huynh đệ ,
Nhập Đào Viên đổ lưỡng nhân kỳ dị , thỉnh vấn anh hùng hà xứ ,
Hùng củ củ lãng viết Trương Phi , mạo đường đường ôn ngôn Lưu Bị ,
Xuất thân đầu địa kim phùng chủ , tu đãi vãn thiên hà thuỷ lai đãng địch , thành tai long hổ phong vân hội , tể ngưu mã chiêu cáo thiên địa , kết nghĩa khuông phù Hán thất .
Phá Hoàng Cân , tru Đổng Trác , Lữ Bố tệ ,
Kiếp trại tiễu Tào gian , khiêm nhập không doanh nội ,
Nhạn lữ tán Từ Châu , huề tẩu vô tôn địa ,
Giảm chúc Trương Liêu mưu , phá bích Vân Trường nghĩa ,
Hàng Hán bất hàng Tào , trung thần bất sự nhị ,
Phong Hán Thọ Đình Hầu , ấn vô hán trùng chú ,
Tam nhật hoa diên , Tào man mỹ ý ,
Nhan Lương, Văn Xú thống binh vi ,
Cảm đối lập công , khả thù Tào qui kế ,
Phong kim khước ấn tam từ thao , khiết quyến tầm huynh nhất điểm trung ,
Thiên lý tầm huynh thiêm nghĩa khí , ngũ quan trảm tướng hữu uy phong ,
Ly hợp anh hùng càn khôn nội , tương phùng huynh đệ cổ thành trung .
Trí thượng tuy cao vô quyết thắng , vận trù cố thức thiểu kinh luân ,
Tam yết mao lư , Ngoạ Long án khởi ,
Đại mộng thuỳ tiên giác , bình sanh ngã tự tri ,
Thảo đường xuân thuỵ túc , song ngoại nhật trì trì ,
Vị xuất mao lư , tam phân dĩ định ,
Khổng Minh nguyên thị Quảng Tuệ Tinh , tức thị tiền triều Nghiêm Tử Lăng ,
Thử sanh Gia Cát Lượng , tái Tông Châu Văn Công ,
Luân hồi tam thế tướng , vĩnh bất hạ phàm trần ,
Đỉnh túc tam phân hiểm địa trách , giang sơn kim hoán hứa đa nhân .
Đại ca dĩ tại Thanh Hư Phủ , Quan mỗ kim chưởng Tam Thiên Môn ,
Tam đệ Tứ Xuyên vi Thổ Cốc , mỗi khởi trung lương hộ quốc tâm ,
Tại Tống dị tính Nhạc Phi tướng , tại Đường cải huý viết Trương Tuần ,
Luân hồi tam chuyển giai trung liệt , Thượng Đế phong vi Hộ Quốc Thần ,
Tiểu khả binh qua bất sai nhữ , đại nạn nguy bang tái hạ trần .
Thiên hạ thành hoàng giai tướng tướng , chánh trực vi thần cổ chí kim ,
Vi nhân trung hiếu cảm thiên địa , khởi tại trì trai phật hiển linh ,

Ẩm thực,  y  phục hưu hoa mỹ , tuỳ trước,  tuỳ xan mạc yếm tăng ,
Cầm thú nhất thiết giai tính mệnh , vô  cố tự thực  tể sanh linh ,
Nhất thiết hoá sanh giai hoạt mệnh , hà khổ trương cung bộ võng tầm ,
Thảo mộc hoa quả hưu chiết  thái , nghiêm đông linh lạc  phát dương xuân ,
Vạn vật tất hàm thiên địa hoá , y thời sanh trưởng dữ nhân linh ,
Nhĩ năng tuân thủ tích vạn vật , phước hữu du qui  hoạ bất xâm .
Vật vị thiện tiểu nhi bất tác , vật vị ác tiểu nhi khả  hành ,
Thiên võng khôi khôi phân khúc trực , thần linh hách hách định khuy doanh ,
Hiếu đễ trung tín nhân chi bản  , lễ nghĩa liêm sỉ nhân chi căn ,
Nhĩ năng thính ngô hành thiện sự , định hữu tường vân túc hạ đẳng .
Ngô thụ tam thiên môn chưởng ác , vạn thần khải tấu ngã tiên văn ,
Thiện giả kỷ lục gia quan tước , ác giả tao ương tuyệt tử  tôn ,
Báo ứng trì tốc thời vị đáo , chiêu chương tảo vãn hoạ phúc  lâm ,
Hưu đạo thiên cao vô  nhĩ mục , khuy tâm ám thất hữu du thần ,
Kính thần như tại tu thành kính , bất khả  cuồng ngôn nghệ  thánh minh .
【Lực Học-- Đệ Tam 】
Ngô tố lãm Xuân Thu , ấu quan  Khổng Mạnh ,
Duy dĩ hiếu đệ vi tiên , tu thân trị quốc vi bản  .
Dị đoan phong khởi , binh qua thương tàn dân mệnh .
Thập dư niên giáp bất ly thân , đao vô  khiết tịnh .
Dạ vô  ổn thuỵ tam canh  , nhật bất bão xan nhất đốn .
Đông chiến Tây chinh , bách  chiến nhi giang sơn tài định .
Bạch liễu tu mấn  tinh tinh , lực quyện mã luy đao độn .
Phí tận xích đảm trung tâm , hoán đắc cá phong hầu kim ấn .
* Đáo như kim loạn thần tặc tử  , bộ phong tróc ảnh .
Gian tham sàm nịnh , kết đảng khi lương , ngôn vô  nhất định .
Bất tư lễ nghĩa liêm sỉ , hiếu đễ trung tín ,
Sự mỗi hồ hành , lâu  đồ kiểu hạnh  .
Toản quân vị , lục trung thần , hảo  hoá tài , dâm mỹ sắc , sát nhân sỉ  tính .
Chỉ  cố sảng tâm lạc  sự , khởi hiểu đắc hậu lai báo ứng .
Cổ kim hảo  sự đa ma , vô miễn cưỡng cẩu cầu tiệp kính ,
Như thể vân lưu ly , tiên  hoa minh nguyệt .
Nhân bất tri cơ  , như cương đao khoái khuyết ,
Vọng động hoành  hành , tạo hạ liễu ta oan nghiệt .
Viễn tắc kỷ niên , cận tắc số nguyệt ,
Báo ứng vô  sai  , pháp nan  lậu tiết .
Như nhân vị tao phùng , các hữu thời tiết ,
Đương tư thủ mệnh do thiên , an bần lạc  nghiệp .
Như bá nghệ thương tốt thành công , kỳ vật yên năng tinh khiết .
Thảo mộc bất năng bồi thực , nan  trưởng hứa đa chi diệp .
Ngũ cốc thiêu  dụng canh sừ , miêu tuy tú nhi bất thực .
Văn thần thập tải  hàn song , phương triều kim khuyết .
Vũ tương  bách  chiến lâm nguy , thuỷ đắc công hầu tịnh liệt .
Ngô nãi nhật nguyệt tinh trung , càn  khôn đại tiết ,
Thiên băng ngã băng , địa liệt ngã liệt .
【Đạo Mạo-- Đệ Tứ 】
Hựu phụng
Thượng Đế gia ngự sắc , chưởng ác phàm gian thiện ác nhân .
Vạn quốc cửu châu giai kính phục , đạo ngô trung nghĩa độc xưng  tôn .
Tố hình hoạ tượng càn  khôn nội , như ngã anh hùng hữu kỷ nhân .

Hoả long thiêu xích thổ , thuỷ thú luyện thanh phong .
Ngoạ tàm mi bát tự , đan phượng mục song tình .
Ngũ long tu bãi vĩ , nhất hổ ngạch dao thân .
Tinh trung xung nhật nguyệt , nghĩa khí quán càn khôn .
Thao lược kỳ Tôn Tẫn , cơ mưu thắng Phạm Tăng .
Tu trường nghĩa cánh trường , diện xích tâm vưu xích .
Anh hùng khí cái thế , chúc tàn đao phá bích .
Phong khổ ấn huyền lương , tước lộc từ bất thụ .
Yển nguyệt đao ma nhưng khoái , thán huynh đệ bất tái .
Ngoạ tàm mi toả vị khai , hận giang sơn kỷ cải .
Cắng cổ công danh nan tỉ tịnh , tam thiên môn hạ phong nguyên soái .
Khể thủ đốn thủ .
Thượng Đế sắc lệnh các bộ tướng soái ,
Kinh truyền hạ giới , sao lục phúng tụng như tại .
Nhân năng tuân hành , hệ ngọc yêu kim , quan cư thiên tải .
Năng toàn nhất sự , tranh vinh tam đại .
Khâm thừa pháp chỉ , hội tập chư thần thi hành .
【Tiết Huấn-- Đệ Ngũ 】
Trước trung lương , kiệt lực khuông hành , hiếu thuận vô cải .
Liêm khiết bất loạn tâm điền , tiết nghĩa lâm nguy bất bại .
Trung hiếu liêm tiết chi chương thính giải .
Quân sử thần dĩ lễ , thần sự quân dĩ trung ,
Nhật dụng triều đình lộc , đương tư bổ báo công .
Báo quốc thần chi bản , tích tốt tướng chi hoành .
Bất sức văn thần quá , bất diệt vũ tướng công .
Kỷ lục văn hoa điện , cử hặc kiên chương cung .
Đan tâm như xích nhật , vị tất chí tam công .
Tần Cối thế vi khuyển , Nhạc Phi tứ soái trung .
Vi nhân tử , hiếu vi tiên , hiếu thuận lưỡng tự khẩn tương liên .
Vật sử não nộ thường sử hoan , noãn y bão thực vô cơ hàn .
Bệnh y dược đáo tất tự tiễn , tức tu thường quá hiến thân tiền .
Dạ bất giải y , triêu bất thực , thời thời khắc khắc tại thân biên .
Nhĩ năng hiếu thuận nhĩ tử hiếu , điểm điểm trích trích khán diêm tiền .
Đại Thuấn hiếu , đế vị truyền , nhị thập tứ hiếu cực chu toàn .
Tại sanh bất cung phụng , tử hậu tế linh tiền .
Bất hiếu tử , nặc tai khiên , hổ cáp xà giảo bệnh tương triền .
Quan hình lao ngục tao sung phối , thuỷ hoả chi tai thực khả liên .
Hoặc thị huyền lương đao độc tử , bất hiếu chi nhân khổ vạn thiên .
Tốc tốc cải , mạc trì diên .
Thế nhân thục vô quá , cải chi vi thánh hiền .
Nhân vô quá , đốc hành toàn .
Liêm sanh uý , khiết sanh nghiêm .
Tế kiểm điểm , tỵ nghi hiềm .
Hi hiền hi thánh do thiên mệnh , học lễ học thi thính tự nhiên .
Khước chu túc , ẩn sơn xuyên ,
Vi nhân tự ngọc vô hà điếm , lập chí như đồng thiết thạch kiên .
Thủ kỷ lộc , mạc tuần thiên , tổn nhân lợi kỷ tử tôn oan .
Liêm giả bất thụ ta lai thực , chí sĩ bất ẩm đạo chi tuyền .
Từ bổng nguyên hiến khiết , uý kim dương chấn liêm .
Toạ hoài bất loạn liễu hạ huệ , bế hộ vô dung lỗ trọng liên .

Nghịch thực  chẩm như tào lý mỹ , qua tế hà thắng thái khương điềm .
Bổng  lộc chỉ  kham cung  lễ nghi , cử gia thực  phí cận bàn hoàn .
Bá cổng đài  hồi thất tiết vật , mãn sương  trang lý muội tâm tiền .
Xuy trượng đồ lưu thuỳ bất phạ , khuyến nhĩ đài  đầu khán thượng thiên .
Si  dung nam bộc như lang hổ , mưu chiếm quân dân địa dữ điền .
Thế bại vận suy tham kiết cáo , bạt chủng  bình phòng oan báo oan .
Phụ nam cùng cực vi xương  đạo , hận sát đương sơ ác yếu tiền .
Nhân chi tiết , như trúc hựu như nguyệt ,
Quảng đại dữ cao minh , viên dung cánh thanh khiết .
Nhất sanh trực bất loan , đĩnh đĩnh khi sương tuyết .
Nhất kính tham thiên tú , vũ phong lộng minh nguyệt .
Nga Anh khấp trúc lâm , điểm điểm ban giai huyết .
Tức như Tô Vũ trượng , số hữu thập nhị tiết .
Lý Lăng ô kỳ gian , Tô Vũ kính kỳ liệt .
Trọng Thăng sử tây vực , tam thập lục quốc khước .
Tiết nghĩa toàn , thần thánh duyệt .
Hoặc chưởng thiên tào sự , hoặc bổ thành hoàng khuyết .
Hoặc sanh công dữ hầu , phú quí  thiên niên nghiệp .
Loạn thần tịnh tặc tử  , mỗi bả trung lương diệt .
Nhất kiến hư hoan hỉ  , tâm khẩu các tương  biệt .
Tâm tàng  trượng bát mâu , ý tồn tam xích thiết .
Thiệt hạ hữu long tuyền , sát nhân bất kiến huyết .
Tham khốc khắc gian sàm , tự vẫn nhi tôn tuyệt .
Ngô vị ngật trường  trai , ngô bất tín dị thuyết .
Địa ngục tức Thành Hoàng , tam bảo quang nhật nguyệt .
Cứu tế cấp nạn nhân , tựu thị giải oan kết .
Thử tứ tiết , trung hiếu liêm tiết , tường minh thậm thiết ,
Hậu liệt nhị thập tứ kiếp  :
Kình thiên đỉnh  địa Mãnh Dũng Thần , Bổng  nhật cử nguyệt Phổ Chiếu Thần ,
Liệt tú trương tinh Minh Lãng Thần , di tinh hoán đẩu Bác  Lương  Thần ,
Đẳng vân giá vụ Phi Độ Thần , khu lôi xiết điện Uy Liệt Thần ,
Hô phong hoán vũ Nhiễu Nhương  Thần , chuế  lộ vẫn sương Phọc Phí Tinh ,
Phi sa  tẩu thạch Triệt Lộ Thần , phiên giang đảo hải Ngũ Hồ Thần ,
Băng sơn đổi lãnh  Thiết Giáp Thần , đống thuỷ khai băng Kết Hoá Tinh ,
Phần viêm trục hoả Lưu Quang Tinh , khai hoa kết quả Kiều Mị  Tinh ,
Trưởng hoà tú cốc Ích Huệ Tinh , trừu nha điện  diệp Phát Dục Tinh ,
Khô mộc hạc  trạch Thôi  Kiệt Thần , tẩu thú phi cầm Bộ Tróc Tinh ,
Ngư hà giải miết Dũng Dược Tinh , phi khiêu chư trùng Triển Nhiễu Tinh ,
Tác văn chế tự Văn Xương Tinh , hưng  binh bố trận Vũ Khúc Tinh ,
Khảo chánh  tuế thời Trắc Vận Tinh , tạo tác công nghệ Xảo Tác Thần ,
Chúng tinh thính lệnh , các hồi bổn bộ , biến hoá phát sanh ,
Khể thủ thần minh , vô  cực chúng thánh , bất khả  tư nghị công đức .
【Kinh Nghiệm-- Đệ Lục 】
Trị niên trị nguyệt tướng , trị nhật trị thời thần ,
Dạ sai hắc sát soái , nhật lệnh giảo khiết binh ,
Vãng lai tế giám sát , bất đắc lậu hào phân  .
Hội đồng gia trạch thần , trước  lệnh tư  mệnh quân ,
Như hữu kiển tụng nam hoà nữ , tốc tốc báo tri văn .
Gia trạch cúng thử kinh , yêu mị  hoá vi trần ,
Thuyền châu  phụng thử kinh , phong ba tức khắc bình ,

Hành nhân bội thử kinh , lộ đồ bảo an ninh ,
Thư sanh khán thử kinh , bất cửu bộ thanh vân ,
Phụ nhân tụng thử kinh , nhị nữ ngũ nam thành ,
Nhược vi vong hoá niệm , vong hoá tảo siêu sanh ,
Nhược vi phụ mẫu niệm , phụ mẫu hưởng hà linh ,
Phần hương cao tụng niệm , kỳ phước tức lai lâm ,
Nhật niệm tam ngũ biến , hoặc tụng bá thiên thanh ,
Nhân năng sao ấn tống , chư tật bất tương  xâm ,
Chư thần giai hoan hỉ  , trạch xá tịnh quang minh ,
Hoặc tứ phước dữ thọ , hoặc ấm nhi dữ tôn ,
Hung sự hoá vi cát , phước lộc thọ trùng tăng .
Đẩu khẩu Vương Thiên Quân , khâm phụng , Hán thất , Hán Thọ Đình Hầu .
Quan Thánh Đại Đế sắc lệnh （Gia Khánh thập ngũ niên chính nguyệt nhị thập tứ nhật ）
Đại Đế viết ：Ngô tằng ngôn ,
Nhật tại thiên thượng , tâm tại nhân trung  , tâm giả vạn sự chi căn bản  ,
Nho  gia ngũ thường , đạo thích tam bảo , giai tùng tâm thượng sanh lai .
Nhân mạc đại ư  trung hiếu , nghĩa mạc đại ư  liêm tiết , nhị giả ngũ thường chi thủ .
Thánh nhân tham tán hoá dục giả , thử nhi kỷ .
Tiên Phật siêu thần nhập hoá giả  thử nhi dĩ .
Tự hữu thiên địa dĩ lai , giá cá vô  cực thái cực chi lý , hồn nhiên bao la cổ kim trưởng huyền , chư đế vương thánh hiền Tiên Phật , vạn kinh thiên điển , chỉ  thị minh thử lý , thành thử sự nhi dĩ .
Ngô hệ Tử Vi viên trung  , hoả chi chính khí .
Hoả , ly minh tượng dã , cố chủ văn xương .
Hoả , hựu liệt tính dã , cố chủ vũ khúc .
Văn chủ nhân , nhân thủ trung hiếu , vũ chủ nghĩa , nghĩa thủ liêm tiết .
Duy thị cử thiên hạ vạn thế giai vi Thánh Hiền Tiên Phật , thử hữu trú vô  dạ, hữu dương vô  âm , tuyệt vô  chi lý dã .
Tự chiến quốc dĩ lai , ngô xuất thế khuông quân cứu dân , bất đắc dĩ dĩ công thiện chi tâm vọng thế , thử Đào Viên Kinh chi sở dĩ hiện thân thuyết pháp dã .
Nại Hà thế chi nhân , chân tính bất mật , tà tịch  dụng tâm , kiến ngô bình thường chi ngôn , bất viết thánh nhân bất xuất thử kiêu căng ngữ , tắc viết thánh nhân bất xuất thử thiển  cận ngữ .
Ô hô , thị tất dục ngô trùng tác ngũ kinh , đãi thế chi trí ngu hiền bất tiếu , giai tận độc chi hồ .
Bất độc thử dã , hiện tại thân liệt văn nho  , diệc vọng hành chi bác .
Ngô nhân Chu Tử  , lẫm lẫm trì tụng đa niên , chỉ  đắc chú giải minh bạch .
Như tái hữu thiện hành đề  huỷ giả , khinh tắc lệnh ôn hoả diệt chi ,
trọng  tắc mệnh Chu Thương trảm chi , vô hối .
-Hậu khiển chư thần giám sát , dĩ sử  tốc ứng , ngô diệc đại phí bà tâm .
Dĩ ngã vi kiêu , ngã cô bất từ , dĩ ngã vi thiên  .
Ngã diệc bất từ , đản nguyện nhân nhân tùng thử kiêu ngôn thiển  ngôn tác khứ , nhất nhất quả tự tín ư  tâm trung  , nhiên hậu tham  nguyên diệu chi lý , nhập thượng thánh chi ban , ngô diệc bất quái , nhi thả khoái nhiên dã .
Tương  thử ngữ trước  linh quan , truyền thế tri chi , vi thử thuật cáo chu tể nhân đẳng , nhất tâm thể thử , dĩ tâm ấn tâm .
Tâm tại nhân trung  , nhật tại thiên thượng , khâm tai vật hốt .
(Minh Thánh Kinh tụng chí thử chỉ )
(HẾT CHÁNH VĂN)
*CHÚ  GIẢI:-

-Minh Thánh Kinh , bản hệ mộng dữ Ngọc Tuyền Tự tăng , tăng Tỉnh Nhi truyền thuật .
-Thủ cú Hán hán , thượng nhất Hán tự nãi đại danh , tức đại hán dã .
-Hán Thọ Đình , hệ địa danh dã .
-Kỳ tiên chúc phó nhân nhân tụng thử kinh giả , thị dĩ hiệu nghiệm hâm động nhân tâm dã .
-Trung ngôn :-" Tinh trung xung nhật nguyệt , Nghĩa khí quán càn khôn" , tức Mạnh Tử sở vị tái hồ thiên địa dã .
-Viết diện xích tu trường giả , tức Đại Học sở vị tâm quảng thể bàn , Mạnh Tử sở vị tuý diện áng bối dã .
-Chí đầu thai chuyển kiếp chi thuyết , Nho giả bất ngôn , bất tri Thích Đạo lưỡng môn , tịnh phi vô cứ .
-Thí lịch tra cổ kim , tá thi hoàn hồn , linh xác chuyển kí , dị vật nhập thai , khởi thiểu dã tai .
-Ngô ngôn tại Liệt Quốc , tại Hán , dữ tại Đường Tống chi ngôn thực phi cuống dã , chư quân thí đối hạch chi .
-Tái tứ chương ngôn trung , văn vũ thần liêu , giai đương kính thể , tắc thị tam đại dĩ thượng chi thần dã , quì long y cao kỳ nhân dã .
-Ngôn hiếu , tắc viết bất giải y bất thực , tắc thị thiện tầm môn , văn vương kỳ nhân dã .
-Trích thuỷ hoàn nguyên , tôn hựu hiệu tử , tắc tử tôn bảo chi , đại thuấn kỳ nhân dã .
-Thuyết đáo nhị thập tứ hiếu , cổ kim chiêu như nhật nguyệt , cách thiên địa , động quỉ thần , khởi phi xác nhiên khả cứ giả tai .
-Liêm tại chu lễ , dĩ lục kế vi định , thực tùng nghĩa tự trung sanh , cố vi ngu muội giả thống xích .
-Nhi liêm tuyền đạo thuỷ , cử nhất nhị nhi dĩ quát chi dã , tiết như trúc , trúc hữu quân dã .
-Như nguyệt , nguyệt hữu độ dã , phi quân tắc hỗn , phi độ tắc hôn .
-Cổ kim đại tiết bất du giả , ư nghĩa đãi tận .

*Minh Thánh Kinh chú chứng:

Vương Thiên Quân viết : Trương Tiên phi Đường chi Trương công danh Tuần , nãi Hoàng Đế tích dĩ Hồ Thỉ vi Trương chi Trương Tiên dã .

Đại Đế mục không nhất thiết , cố thị thiên tính . Cố vân đồ thượng trí giả vô quyết đoán , đồ vận trù giả khiếm kinh luân ,

Dĩ khải hạ văn chi ý , tất lại Văn Tinh Khổng Minh dã . Tái nhị thập tứ vị thần tướng , nãi

Đại Đế sở khiển , như hữu thành tâm , hô chi tức lai , thỉnh pháp sư chi mệnh . Tịnh tương thử dụ , truyền dữ Chu Tể Quân

Cập dữ sự nhân đẳng tri chi .

*** Nhị nguyệt-- nhị thập ngũ nhật

Vương Thiên Quân phụng

Đại Đế mệnh đặc cáo .

*NHƯỢC THỦY

Sao lục phiên âm, hồi hướng cho tất cả chúng sinh được thâm nhuần ân đức của Ngài QT ĐQ.

(đầu Thu năm Mậu Tí--2008).

Bổ xung của dienbatn.

CHÚ THỈNH QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.

Dốc lòng làm lễ Thánh linh,
Oai Thần tột bực – Văn võ gồm hai.

Tiết cả lẫy lừng – Tùng chinh vẹn một.
Cơ nghiệp sánh ngôi Trời đồ sộ.
Ân đức nhuần đạo cả rộng truyền.
Đạo Nho – Đạo Phật – Đạo Tiên.
Tam Giáo thuộc một tay thống chưởng.
Cõi Trời – Cõi người – Cõi Đất.
Tam tài gìn giữ muôn mối quyền hành.
Trên 36 cõi Trời lớn nhỏ các sao.
Dưới giữ gìn đất 72 U minh khắp chốn.
Khảo soát khắp nào Thần , nào Phật.
Dám chế cùng Chư Thánh chư Tiên.
Người công đức thêm tuổi thọ.
Kẻ độc ác mực giảm ngày xuân.
Chứng minh người thiện quả phước duyên.
Phổ độ kẻ chân tu dưỡng tánh.
Ngàn thủa tiếng chí Linh chí` Thánh.
Muôn nước truyền Chí Thượng chí Tôn.
PHỤC MA ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.
Đại bi – Đại nguyện – Đại Thánh – Đại từ
Chơn ngươn hiển ứng.
Chiêu minh giực hớn Đại Thiên tôn.
( Đọc 3 lần rồi đưa tượng lên bàn thờ. Lạy 3 lậy –sau đó đọc thêm 3 lần nữa là xong lễ an vị tượng. )

PHỤ LỤC:-

## 23 .CÁCH CÚNG THÁI TUẾ TẠI NHÀ MỖI NĂM

### 拜太歲 . ( Bái Thái Tuế ).

太歲除了顯示流年大運外，也可能影響個人運程。若個人的生肖與流年太歲有所不合，則謂之犯太歲，會對該年的運程有所影響，故習俗就以攝太歲來消災化解。而犯太歲，也因個人與太歲的生肖有別，大致可分三種：

沖太歲：

有沖擊、對抗之意；交戰相沖，亦稱反吟。力最強。即個人所屬生肖，與流年太歲生肖相沖，即是「沖太歲」。沖太歲者，表示流年運程可能會顯得反復奔波，周邊環境或有變化，有機會搬遷或轉工，做生意或工作倍覺辛勞。凡事宜小心謹慎。

值太歲：

亦稱伏吟，力稍弱。即個人所屬生肖與流年太歲生肖相同，即是「值太歲」。值太歲者，表示流年運程可能會遇到不少煩惱，可能是悲亦可能有喜，一般可能禍福參半，煩惱之中，宜努力爭取，全力以赴。

刑太歲：

有刑律、刑傷之意；抵觸相刑，力更輕。即個人所屬生肖，與流年太歲生肖相刑，即是「刑太歲」。刑太歲者，表示流年運程可能會受到一定的影響。容易受到是非纏身，凡事以忍為佳，切記不可作擔保人，留意文件合約細節，以免惹上官非。

無論是犯刑、沖、破、害者，皆受到流年太歲的影響，可能會有官非糾纏、仕途阻滯、投資失利、情緒波動、人事不和及感情離合等影響，嚴重者或會有意外血光之災等

情況出現，即古語說：「逢太歲之年，無喜必有禍。」但與八字喜神相合者，則不受影響。

Cúng Thái Tuế

Thái Tuế ngoài việc thể hiện vận trình chung  của lưu niên năm đó, còn ảnh hưởng đến mệnh vận của cá nhân. Nếu sinh tiêu (tuổi) của người nào không hợp với lưu niên Thái Tuế, gọi là "phạm Thái Tuế", thì vận trình năm của người đó không tốt, phải dùng phương pháp "Nhiếp Thái Tuế" để hóa giải. Việc "không hợp" nầy có ba tính chất chính:

1/- Xung Thái Tuế  : có tính đối kháng, tấn công , đánh nhau, còn gọi là "phản ngâm" (theo phong thủy). Đặc điểm của nó là :- trắc trở khó khăn triền miên, bôn ba vất vả đối phó, làm việc gì cũng không thuận lợi. Gặp trường hợp nầy phải hết sức cân thận và hạn chế phạm vi hoạt động, đừng mở mang thêm cái mới.

2/-  Trị Thái Tuế  : Phong thủy gọi là "phục ngâm", sức phá hoại kém hơn trên một chút. Gọi là "Trị Thái Tuế"  khi tuổi mình trùng với địa chi của năm đó. Tính chất của nó:- phiền não kéo dài, ít có thuận lợi suông sẻ. Họa phước mỗi thứ phân nửa, lúc đặng lúc thất. Phải hết sức tỉnh táo, sáng suốt tìm cách vượt qua khó khăn mới được.

3/- Hình Thái Tuế  : có ý nói về hình luật hoặc thương tật. Tuổi và năm rơi vào trường hợp "lục hình" với nhau (xem bảng lục hình). Tính chất:- thị phị khẩu thiệt, tai bay vạ gió, việc đến ngoài ý muốn. Kỵ việc bảo lãnh giùm người, lưu ý các hợp đồng ký kết… dễ động đến cửa quan.

Dù là xung, trị hay hình Thái Tuế, nói chung là tác dụng của nó rất phiền phức, lăng nhăng rắc rối đủ chuyện. Công việc gặp trở ngại, nặng thì có thể dẫn đến  lưu huyết, chết chóc là khác.

Câu nói phổ biến:- "Phùng Thái Tuế chi niên, vô hỉ tất hữu họa" ( gặp năm phạm Thái Tuế, nếu không có "hỉ sự" (cưới gả, sinh con …) thì ắt gặp tai họa. Nói thế, nhưng cũng còn tùy vào bát tự ngũ hành của mỗi tuổi mà có ảnh hưởng năng nhẹ khác nhau.

家中攝太歲

　　除入寺廟攝太歲外，在家中也可做到，論誠心當然不及入寺廟參拜。

如時間不許可，或寺廟太過擠迫，每每要速戰速決，有應誠意不足，故選擇在家中參拜。因家中較為方便，所以祭品必須一應俱全，不可草草了事。

準備一個全新的香爐、酒杯三個、筷子三對、衣紙包括太歲衣、元寶、大光寶、轉運寶牒、貴人衣、大悲咒、金銀及壽金。

　　祭品除燒肉及雞之外、還需要片糖、糖果、糕餅、紅棗及水果，亦可加入齋菜。

首先可為太歲設神位，以視尊敬，在一張大小適中的紅紙上書寫當年太歲的名稱，建議買一本民曆書，用隨書附送的太歲鎮宅符，或複印本網頁提供的太歲鎮宅符。安奉太歲星君，可安在廳堂、神佛同位、灶君神位，選清潔安靜之處，門口或窗前向當天均可，放好香爐之後，將太歲符直貼在牆上。

太歲衣當中有一張太歲帖文，拜祭前須在帖文上書寫犯太歲者的姓名及出生日期。

　　將祭品整齊排列於棹上，便可開始參拜。

首先誠心上香，並向太歲祈求：「□□太歲大將軍，信男／信女□□□，今年流年本命犯煞星，現向太歲仙師誠心祈求，保佑衰氣災劫盡去，化險為夷，年年行好運，身體健康……」。

也可在安奉太歲符的時候唸三次的恭請太歲星君咒，咒曰：
奉請三星照令符，天上日月來拱應，南斗北斗推五行，唵佛顯靈敕真令，八卦祖師其中形，玉旨奉令太歲□□年，值年□□星君到此鎮，七星五雷護兩邊，六甲神將到宮前，六丁天兵守後營，天宮賜福神共降，招財進寶聚當明，弟子一心三磕拜，拜請太歲星君保安寧，鎮宅光明人尊敬，閤家平安萬事興，保命護身且鎮宅，值年太歲來降臨，急急如律令。

稟告完畢，待香燭燒至一半時，將金銀衣紙拱手向太歲鞠躬，然後在聚寶盆內燃燒，最後將三杯酒水輪流撒在地上，拜太歲的儀式就完畢了。
誠懇者，可於每月十五日及太歲星君生辰七月十九日供奉祭祀之，敬謝平安。

但記住年尾一定要還神，酬謝神恩保佑。可於農曆十二月廿四日早上，宜用鮮花、果品、清茶、壽金，拜謝太歲星君一年來的關心照顧平安。祭祀完畢取下太歲星君符令同壽金三百一齊焚化之，即萬事大吉。

玉器，自古以來已是皇室飾物和祭祀法器，也具有開運化煞的作用。大家可配帶自己所屬生肖玉鏈墜，或選擇依五行相合之其他配合自己的生肖鏈墜。

## PHÁP " NHIẾP THÁI TUẾ" TẠI NHÀ .

Ngoài việc đến các Miếu Vũ thờ Thái Tuế để làm lễ cúng giải, ta có thể làm tại nhà những động tác hóa giải khác, tuy không bằng đến Miếu Vũ, nhưng cũng đở nhiều.
Nếu làm tại nhà, thì phải chuẩn bị phẩm vật cho thật đầy đủ, chứ không thể đơn sơ, qua loa được. Cúng an vị Thái Tuế vào ngày mùng 9 hoặc rằm tháng giêng, nếu nhằm vào hai ngày nầy mà kỵ tuổi (tứ xung) của người cúng thì chọn từ mùng một đến mùng chín, ngày nào tam hạp với tuổi mình thì cúng.Nên chọn buổi sáng thì tốt hơn buổi chiều.

A.- PHẨM VẬT CÚNG:-
-nhang , đèn
-một lư hương mới.
-ba chun trà.
-ba chun rượu.
-ba đôi đũa.
-quần áo bằng giấy của Thái Tuế.
-vàng giấy nguyên khối (hai thứ lớn, nhỏ) (người Hoa gọi là nguyên bảo)
-bài vị thờ Thái Tuế (viết vẽ sẵn bằng giấy hồng đơn (đỏ)theo mẫu hàng năm)
-bài chú để đọc (theo mẫu)
-giấy tiền vàng bạc đại.
-một quyển "Chú Đại Bi"
-gà luộc hoặc thịt heo quay.
-đường miếng
-năm chè, ba xôi
-bông, trái cây

B.-CÁCH CÚNG:-
Trước tiên đặt bài vị Thái Tuế vào chỗ thích nghi (bàn thờ ông bà, bàn thờ ông Táo, trước cửa hoặc cửa sổ hướng ra ngoài trời ... cũng được) . Mặt sau bài vị có ghi tên tuổi của người cúng. Bài chú để đọc in hoặc viết sẵn (theo mẫu, chỉ đổi tên Thái Tuế mỗi năm khác đi thôi). Sắp đặt phẩm vật cúng lên bàn cho thứ lớp.Đốt ba cây hương, xá ba xá, quì xuống khấn

nguyện: tên họ, tuổi, chỗ ở, vái Thần Thái Tuế …phù hộ độ trì tai qua nạn khỏi, bình an mạnh khỏe, gặp được vận may v.v…. Cắm nhang, lạy ba lạy.

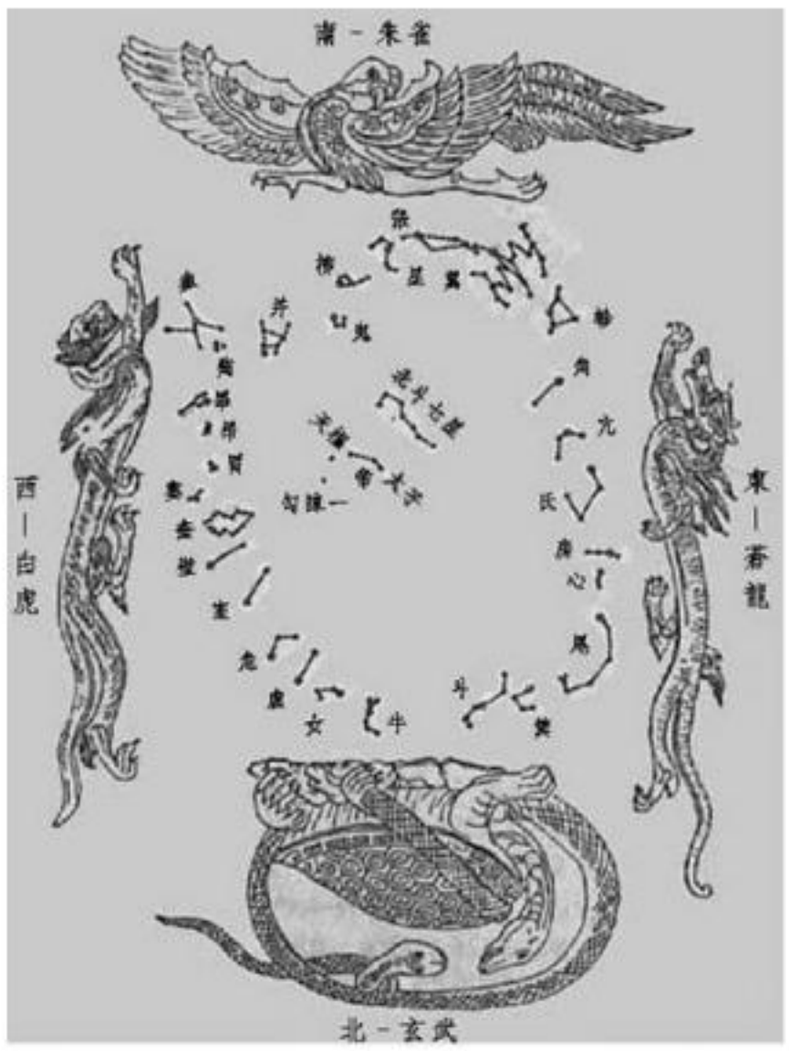
*Đọc bài chú sau ba lần:-
"Phụng thỉnh tam tinh chiếu lệnh phù ,
Thiên thượng nhật nguyệt lai củng ứng ,
Nam đẩu bắc đẩu thôi ngũ hành ,
Úm (án) Phật hiển linh sắc chân lệnh ,
Bát quái tổ sư kỳ trung hình ,
Ngọc chỉ phụng lệnh Thái Tuế ……(1)……niên ,
Trị niên ……(2)……..Tinh Quân đáo thử trấn ,
Thất tinh ngũ lôi hộ lưỡng biên ,
Lục giáp thần tướng đáo cung tiền ,
Lục đinh thiên binh thủ hậu doanh ,
Thiên cung tứ phước thần cộng giáng ,
Chiêu tài tiến bảo tụ đương minh ,
Đệ tử ….(3)…….. nhất tâm tam khải bái ,
Bái thỉnh Thái Tuế Tinh Quân bảo an ninh ,
Trấn trạch quang minh nhân tôn kính ,
Hợp gia bình an vạn sự hưng ,
bảo mệnh hộ thân thả trấn trạch ,
Trị niên Thái Tuế lai giáng lâm ,
Cấp cấp như luật lệnh .

*CHÚ THÍCH:- (1) tên của năm cúng
(2) tên vị thần Thái Tuế của năm cúng
(3) tên người cúng
Đọc xong lạy ba lạy. Chờ nhang lụn hơn phân nửa, đốt giấy tiền vàng bạc, y phục Thái Tuế, (đem cái thau nhôm để trước bàn thờ mà đốt, tưới rượu vào chỗ đốt giấy cho cháy phừng lên) . Như vậy là xong phần an vị Thái Tuế.
*Hàng ngày đốt nhang vái nguyện. Hàng tháng cũng sắm bông, trái cây cúng Thái Tuế vào ngày rằm và ngày vía Thái Tuế ( 19 / 7 ).
*Cuối năm, làm lễ kính tiễn Thái Tuế vào ngày 24 tháng chạp (12). Dùng phẩm vật như trên để cúng. Khấn nguyện tạ ơn Thái Tuế Tinh Quân đã phù hộ suốt năm được tai qua nạn khỏi v.v…Chờ nhang tàn hết mới đem bài vị Thái Tuế xuống để đốt chung với giấy tiền vàng bạc. Dọn dẹp bàn thờ, không đốt nhang nữa.
*Nếu được, thỉnh một miếng "Ngọc Bội" bằng đá quí để đeo, hóa giải sát khí. Nhớ dùng ngọc có màu sắc tương sanh với bổn mạng mới tốt.

## 24. NHỊ THẬP BÁT TÚ .

Nhị thập bát tú hay gọi đầy đủ là "Tứ Linh Nhị Thập Bát Tú" chia làm bốn nhóm:- Thanh Long, Bạch Hổ, Chu Tước và Huyền Vũ, mỗi nhóm có bảy sao, cộng là 28 sao.
Ngoài chức năng chung là thần hộ vệ trong Đạo Giáo, còn có những chức năng của từng sao , mà trước nay ít người biết đến.
Ngoài ra, chúng ta còn có thể dùng Thần Chú Bắc Đẩu Thất Tinh như là một thần chú hộ thân. Các bạn đọc kỹ để ứng dụng cho mình và gia đình, vô cùng hiệu nghiệm (hơn cúng sao và giải hạn nhiều).

周天二十八宿星君降靈




東方蒼龍七宿 ( Đông Phương Thanh Long Thất Tú ).

角宿天門星君：下管人間將軍、兵甲、雨澤、延生、農田耕稼之司。

亢宿天庭星君：下管人間瘟災、大風、颺石、百藥、國師、三公、五老、百官、祿秩之司。

氐宿天府星君：下管人間后妃、宮府、山林、草木、雨水、淫佚之司。

房宿天駟星君：下管人間后妃、藏內、寶器、金玉、管鑰、驚風、駭雨、負重、擎駱之司。

心宿天王星君：下管人間帝王、明堂、雨澤、工役、伎藝、百巧之司。

尾宿天雞星君：下管人間祥雲、瑞霧、女人、不和之司。

箕宿天律星君：下管人間斜風、細雨、奸邪、諂佞、蠻夷、虜狄、津梁水族之司。

北方玄武七宿

斗宿天府星君：下管人間進士、登科、爵祿、微風、細雨、斛斗、升合、秤尺之司。

牛宿天機星君：下管人間雲霧、霜雪、牛羊、六畜、犧牲、足蟲、百獸、南越、百蠻之司。

女宿天女星君：下管人間裁縫、衣物、嫁娶、聘偶、陰凝、大風之司。

虛宿天府星君：下管人間宮室、廟堂、蓋屋、祭祀、考妣、五虛、六耗、悲泣之司。

危宿天錢星君：下管人間丘陵、墳墓、悲泣、旋風、砂石、危厄、險難之司。

室宿天稟星君：下管人間宮室、金戶、玉堂、文章、圖籍、軍料、府庫、陰翳、凝滯之司。

壁宿天市星君：下管人間文章、圖書、祕府、陰寒、雨澤、霹靂、五穀、百果之司。

西方白虎七宿

奎宿天將星君：下管人間武庫、兵甲、戈矛、溝瀆、池亭、風雨、雷電之司。

婁宿天獄星君：下管人間宮觀、寺院、禁苑、內庭、供給、犧牲、郊祀、齋醮之司。

胃宿天倉星君：下管人間倉庫、積聚、金銀、珍寶、疋帛、雷公、五穀之司。

昴宿天目星君：下管人間天地、晴明、去衰、除禍、獄典、曹吏、刑罰、囚繫、考決之司。

畢宿天耳星君：下管人間天地、開泰、朱輪、寶蓋、邊兵、守境、封疆。安靜之司。

觜宿天屏星君：下管人間收斂、萬物、風雷、雨澤、山川、房廟、鬼魅、妖恠之司。

參宿天水星君：下管人間將軍、權衡、境域、殺罰、冤讎、劫奪、忿悅之司。
南方朱雀七宿
井宿天井星君：下管人間天色、昏暗、池塘、陂井、橋梁、大水、江湖、魚龍、介族之司。
鬼宿天匱星君：下管人間積主、金玉、疋帛、喪禍、咒詛、毒藥、司察、奸惡之司。
柳宿天廚星君：下管人間庖廚、食味、天色、昏黃、雷雨、兵戈、草賊之司。
星宿天庫星君：下管人間裁縫、衣裝、文繡、晴明、刀劍、血光之司。
張宿天都星君：下管人間宗廟、珍寶、衣服、賜宴、賓客、寒熱、時炁不和、大寒熱、父子不睦、兄弟不和之司。
翼宿天都星君：下管人間樂府、調五音六律、水府、魚龍、飛走、群毛、萬類之司。
軫宿天堦星君：下管人間天地、名朗、哭泣、離別、官府、口舌、凶惡、危難之。
Chu Thiên Nhị Thập Bát Tú Tinh Quân Giáng Linh
(Chức năng của Nhị Thập Bát Tú Tinh Quân trên bầu trời)
A.- Đông Phương Thanh Long Thất Tú .
(bảy sao chòm Thanh Long ở phương Đông)
1.-Giác Tú Thiên Môn Tinh Quân :
Coi về các Tướng Quân của nhân gian, việc quân binh, việc mưa, tuổi thọ, làm chủ Ty Nông Điền Canh Giá 2.-Cang Tú Thiên Đình Tinh Quân :
Coi về bệnh dịch của nhân gian, gió lớn (bão), đá biển, thuốc men, Quốc Sư, Tam Công, Ngũ Lão, các quan lại,làm chủ Ty Lộc Trật.
3.-Đê Tú Thiên Phủ Tinh Quân :
Coi về các vương phi (của vua), cung điện, núi rừng, cây cỏ, mưa gió, làm chủ Ty Dâm Dật.
4.- Phòng Tú Thiên Tứ Tinh Quân :
Coi về các hậu phi (của vua) , kho chứa, khí giới quí, vàng ngọc, nhạc cụ, gió bão, mưa lớn, thắng bại, làm chủ Ty Kình Lạc. (lạc đà chở nặng)
5.-Tâm Tú Thiên Vương Tinh Quân :
Coi về vua chúa nhân gian, các "minh đường" (của phong thủy), đầm ao, tiểu thủ công nghiệp, kỹ nghệ, làm chủ Ty Bách Xảo (trăm khéo).
6.-Vĩ Tú Thiên Kê Tinh Quân :
Coi về mây lành của nhân gian, sương móc tốt, người nữ, làm chủ Ty Bất Hòa.
7.-Cơ Tú Thiên Luật Tinh Quân :
Coi về các gió độc của nhân gian, mưa phùn, việc gian tà, siểm nịnh, các dân tộc thiểu số, mọi rợ, làm chủ Ty Tân Lương Thủy Tộc.(bến sông)
B.- Bắc Phương Huyền Vũ Thất Tú
(bảy sao chòm Huyền Vũ ở phương Bắc)
1.-Đẩu Tú Thiên Phủ Tinh Quân :
Coi về các vị Tiến Sĩ của nhân gian, việc thi cử, tước lộc, gió nhẹ, mưa nhỏ, các dụng cụ đo lường, làm chủ Ty Xứng Xích (cân đo).
2.-Ngưu Tú Thiên Cơ Tinh Quân :
Coi về mây và móc của nhân gian, sương tuyết, trâu dê, lục súc, con vật cúng tế thần linh, côn trùng, loài thú, các nước Việt ở phương Nam, làm chủ Ty Bách Man.
3.-Nữ Tú Thiên Nữ Tinh Quân :
Coi về việc may vá của nhân gian, y phục, việc cưới gả, việc tìm bạn trăm năm, chất ẩm ướt, đông đặc, làm chủ Ty Đại Phong.
4.-Hư Tú Thiên Phủ Tinh Quân :
Coi về cung thất của nhân gian, miếu đường, lợp nhà, cúng tế, cha mẹ đã chết (hiển khảo hiển tỷ) , Ngũ Hư, Lục Hao, làm chủ Ty Bi Khấp (buồn khóc)

5.-Nguy Tú Thiên Tiền Tinh Quân :
Coi về các lăng mộ của nhân gian, mồ mã, buồn khóc, gió xoáy, sa thạch, việc nguy hiểm, làm chủ Ty Hiểm Nạn.
6.-Thất Tú Thiên Bẩm Tinh Quân :
Cũng coi về cung thất của nhân gian, các nhà vàng, các đền ngọc, văn chương, sách vở, vật liệu quân sự, các kho chứa, các việc đình trệ, làm chủ Ty Ngưng Trệ.
7.-Bích Tú Thiên Thị Tinh Quân :
Coi về văn chương của nhân gian, thư viện, cung điện bí mật, rét lạnh, mưa nhuần, sấm sét, ngũ cốc, làm chủ Ty Bách Quả.

C.- Tây Phương Bạch Hổ Thất Tú
(bày sao chòm Bạch Hổ ở phương Tây)
1.-Khuê Tú Thiên Tướng Tinh Quân :
Coi về kho tàng quân sự, áo giáp của binh sĩ, các vũ khí, các mương rãnh, ao hồ, mưa gió, làm chủ Ty Lôi Điện.
2.- Lâu Tú Thiên Ngục Tinh Quân :
Coi về các Đình Miếu của nhân gian, các chùa viện, vườn cấm, trong cung điện vua, việc cung cấp, việc hi sinh, đàn "Giao" (để tế trời), làm chủ Ty Trai Tiếu.( lập đàn cúng tế)
3.- Vị Tú Thiên Thương Tinh Quân :
Coi về kho lẫm của nhân gian, việc chứa nhóm, vàng bạc, châu báu, lụa là gấm vóc, các vị Lôi Công, làm chủ Ty Ngũ Cốc.
4.- Mão Tú Thiên Mục Tinh Quân :
Coi về việc trời đất cuả nhân gian, việc sáng tối, việc trừ suy thoái, trừ tai họa, việc tù ngục, việc quan lại, hình phạt, tù tội, làm chủ Ty Khảo Quyết.
5.- Tất Tú Thiên Nhĩ Tinh Quân :
Coi về việc trời đất của nhân gian, việc khai thái ( vận tốt con người), các châu luân (bánh xe đỏ), bảo cái (lộng quí), việc binh ở biên giới, việc gìn giữ đất đai, việc gìn giữ biên giới, làm chủ Ty An Tĩnh.
6.- Chuỷ Tú Thiên Bính Tinh Quân :
Coi về việc thâu cất của nhân gian, quản lí muôn vật, gió và sấm, mưa nhuần, núi sông, các phòng miếu, các yêu tinh quỉ mị, làm chủ Ty Yêu Tại .
7.- Sâm Tú Thiên Thuỷ Tinh Quân :
Coi về các Tướng Quân của nhân gian, quyền hành, bảo vệ khu vực, sát phạt, việc oán thù, việc cướp đoạt, làm chủ Ty Phẫn Duyệt.

D.- Nam Phương Chu Tước Thất Tú
(bảy sao chòm Chu Tước ở phương Nam)
1.- Tỉnh Tú Thiên Tỉnh Tinh Quân :
Coi về màu sắc bầu trời, u ám của buổi chiều, ao hồ, giếng, cầu (qua sông), nước lớn (ròng), sông hồ, rồng cá, làm chủ Ty Giới Tộc. (loài có vảy)
2.- Quỉ Tú Thiên Quỹ Tinh Quân :
Coi về tích chứa của nhân gian, vàng ngọc, lụa là, tai họa cho việc chôn cất sai (táng họa), trù ếm, độc dược, giết chóc, làm chủ Ty Gian Ác.
3.- Liễu Tú Thiên Trù Tinh Quân :
Coi về việc bếp núc của nhân gian, mùi vị các món ăn, sắc trời, lúc hoàng hôn, mưa sấm, việc đánh nhau, làm chủ Ty Thảo Tặc.
4.- Tinh Tú Thiên Khố Tinh Quân :
Coi về việc may vá của nhân gian, y phục, việc thêu đan , ánh sáng lúc bình minh, đao kiếm, làm chủ Ty Huyết Quang.
5.- Trương Tú Thiên Đô Tinh Quân :

Coi về tông miếu của nhân gian, đồ vật quí giá, y phục, tiệc tùng, khách khứa, nóng lạnh, thời tiết không điều hòa, nóng hay lạnh quá, cha con gây gỗ, anh em bất hòa nhau, làm chủ Ty Bất Hòa.

6.- Dực Tú Thiên Đô Tinh Quân :

Coi về âm nhạc của nhân gian, điều hòa năm âm sáu luật, cung điện dưới nước,cá rồng, loài thú chạy chim bay, các loài có lông mao, làm chủ Ty Vạn Loại.

7.- Chẩn Tú Thiên Hài Tinh Quân :

Coi về trời đất của nhân gian, việc nổi tiếng (của các ngôi sao, người tài giỏi…), than khóc, việc bắt bớ, khẩu thiệt, việc hung ác, làm chủ Ty Nguy Nạn.

## TỨ LINH NHỊ THẬP BÁT TÚ.
## ( HỘ VỆ CHO ĐẠO MÔN )

Tứ Linh Nhị Thập Bát Tú là những vị thần hộ vệ trong Đạo Giáo. Cát Hồng đời Đông Tấn viết trong chương "Tạp Ứng" sách "Bảo Phác Tử Nội Thiên" rằng:- "Thái Thượng Lão Quân có những vị thần hộ vệ là:-

-Bên trái có Thập nhị Thanh Long

-Bên phải có Nhị thập lục Bạch Hổ

-Đằng trước có Nhị thập tứ Chu Tước

-Đằng sau có Thất thập nhị Huyền Vũ."

*Trong Đạo Tạng có dạy phép 《Bắc Đẩu Thất Nguyên Tử Đình Diên Sinh Bí Quyết》 là mỗi khi vị Đạo sĩ hành pháp, bên trái có Thanh Long tên Mạnh Chương, bên phải có Bạch Hổ tên Giám Binh, phía trước có Chu Tước tên Lăng Quang, đằng sau có Huyền Vũ tên Chấp Minh, bảo vệ đàn tràng, giữ gìn chuông trống. Như vậy, Nhị Thập Bát Tú (Tứ Linh) chính là thần hộ vệ trong Đạo Giáo vậy. Từ sau đời Minh, đặc biệt tôn sùng Huyền Vũ thành Huyền Thiên Thượng Đế hay Chân Vũ Đại Đế .

*THỜ PHỤNG:-

Trong những cung quán của Đạo Giáo, hai bên Linh Quang Điện có thờ tượng nhị thập bát tú với đầy đủ nhung trang giống như thiên tướng, xem như là những vị thần hộ vệ cho đạo viện. Khi tín đồ vào Miếu dâng hương, trước phải thắp hương ở bàn thờ Vương Linh Quan và Nhị Thập bát Tú, sau mới thắp ở chánh điện. Khi thiết lập những đàn tràng dành cho nghi lễ trọng đại, người ta cũng thiết lập thần vị của nhị thập bát tú, trong khoa nghi cũng thường hay triệu thỉnh nhị thập bát tú để trấn giữ đàn tràng.

Xin theo dõi tiếp BÀI 6. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 6 .

*Thứ Năm, ngày 02 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

## 25 .北斗七元星君 ( Bắc đẩu thất nguyên tinh quân ).

北斗第一天樞貪狼天英星君：

上管室氐房心箕牛宿。管天下子生人身命祿筭、注世人求官、覓職之事。掌北斗陽明延生真炁太上之宮。貪狼星君主、日披朱霞、絳霄之帔、戴七寶星冠。貪狼即天之太尉。

北斗第二天璇巨門天任星君：

上管亢昴井鬼張翼等宿。管天下丑亥生人命祿、注世人求仙學道之事，掌北斗陰精度厄真炁中元之宮。巨門星君主、月披玄霞、垂雲之帔、戴七寶星冠，巨門即天之上宰。

北斗第三天機祿存天柱星君：

上管婁胃參柳等宿。管天下寅戌生人命祿。注世人求財、莊宅之事。掌北斗真君保命之炁、真元之宮。祿存即天之司空星，主火披朱霞、瑞雲之帔、戴七寶星冠。

北斗第四天權文曲天心星君：

上應牛危等宿。管天下卯酉生人命祿。注世人壽福、身相之事。掌北斗文明益筭真炁、紐幽之宮。文曲星主木披青霞、瑞雲之帔、戴七寶星冠。文曲即天之遊擊。

北斗第五天衡廉貞天禽星君：

上管玄尾女等宿。管天下辰申生人官祿福命。注世人婚姻、妻妾之事。掌北斗丹元消災真炁綱神之宮。廉貞星君主土、披黃霞瑞雲之帔、戴七星寶冠。廉貞即天之斗君。

北斗第六闓陽武曲天輔星君：

上管房斗牛等宿。管天下巳未生人祿命，注世人興生業、次財帛之事。掌北斗北極散禍真炁、紀明之宮。武曲主木、披青霞瑞雲之帔、戴七寶星冠。武曲即天之太常。

北斗第七搖光破軍天關星君：

上管虛軫角奎觜等宿。管天下午生人祿命。注世人福德、相貌、妻妾、奴婢之事。掌北斗天關扶衰真炁、關會之宮。破軍星君主金、披素霞之帔、戴七寶星冠，破軍即天之上宰。



## Bắc Đẩu Thất Nguyên Tinh Quân
## (Bảy vị Tinh Quân của chòm sao bắc Đẩu)

1.- Bắc Đẩu Đệ Nhất Thiên Xu Tham Lang Thiên Anh Tinh Quân :

Chưởng quản các sao :- Tất, Đê, Phòng, Tâm, Cơ, Ngưu (với Tham lang là bảy sao). Coi về vận mệnh phước lộc của người tuổ Tí. Chủ về việc cầu quan, tìm kiếm chức vụ. Cai quản cung "Bắc Đẩu Dương Minh Diên Sanh Chân Khí Thái Thượng" . Tham Lang Tinh Quân chủ quản Mặt Trời luân chuyển, cầu vòng năm sắc, coi sóc "Thất Bảo Tinh Quán" (nơi lưu trử bảy báu). Tham Lang còn gọi là Thái Úy Thiên Chi.

2.- Bắc Đẩu Đệ Nhị Thiên Toàn Cự Môn Thiên Nhậm Tinh Quân :

Chưởng quản các sao :- Cang, Mão, Tỉnh, Quỉ, Trương, Dực (cộng Cự Môn là bảy sao). Cai quản về số mệnh và tước lộc của những người tuổi Sửu và tuổi Hợi. Đồng thời giúp đỡ cho những người học đạo cầu Tiên, cai quản cung "Bắc Đẩu Âm Tinh Độ Ách Chân Khí Trung Nguyên" . Cự Môn Tinh Quân chủ về chuyển vận của Mặt Trăng , các đám mây ngũ sắc, làm chủ tể của "Thất bảo Tinh Quán". Cự Môn còn gọi là Thiên Chi Thượng Tể.

3.- Bắc Đẩu Đệ Tam Thiên Cơ Lộc Tồn Thiên Trụ Tinh Quân :

Chưởng quản các sao:- Lâu, Vị, Sâm, Liễu. Cai quản vận mệnh và phước lộc của những người tuổi Dần và tuổi Tuất của nhân gian. Đồng thời coi về việc cầu tài, xây dựng nhà cửa lâu đài trong thiên hạ. Cai quản về "Bắc Đẩu Chân Quân Bảo Mệnh chi khí, Chân Nguyên chi cung". Lộc Tồn còn gọi là Thiên Chi Tư Không Tinh . Chủ về lửa xẹt , ráng trời màu đỏ, mây lành trôi bay, gìn giữ "Thất Bảo Tinh Quán".

4.- Bắc Đẩu Đệ Tứ Thiên Quyền Văn Khúc Thiên Tâm Tinh Quân :

Chưởng quản các sao:- Ngưu, Nguy. Coi về vận mệnh và phước lộc của những người tuổi Mão, tuổi Dậu. Đồng thời coi sóc về tuổi thọ và phước đức con người, tướng dạng con người. Cai quản cung "Bắc Đẩu Văn Minh Ích Toán Chân Khí Nữu U ". Chủ về cây tét ra, ráng trời màu xanh, mây lành trôi bay. Giữ Thất Bảo Tinh Quán. Còn gọi là Thiên Chi Du Kích. (đánh lén)

5.- Bắc Đẩu Đệ Ngũ Thiên Xung Liêm Trinh Thiên Cầm Tinh Quân :

Chưởng quản các sao:- Vĩ, Nữ. Coi về vận mệnh và phước lộc của những người tuổi Thìn và tuổi Thân. Đồng thời, coi về hôn nhân, thê thiếp của người đời. Cai quản cung "Bắc Đẩu Đan Nguyên Tiêu Tai Chân Khí Cương Thần" .Chủ về đất nứt ra, ráng trời màu vàng, mây lành trôi bay. Giữ Thất Bảo Tinh Quán. Còn gọi là Thiên Chi Đẩu Quân.

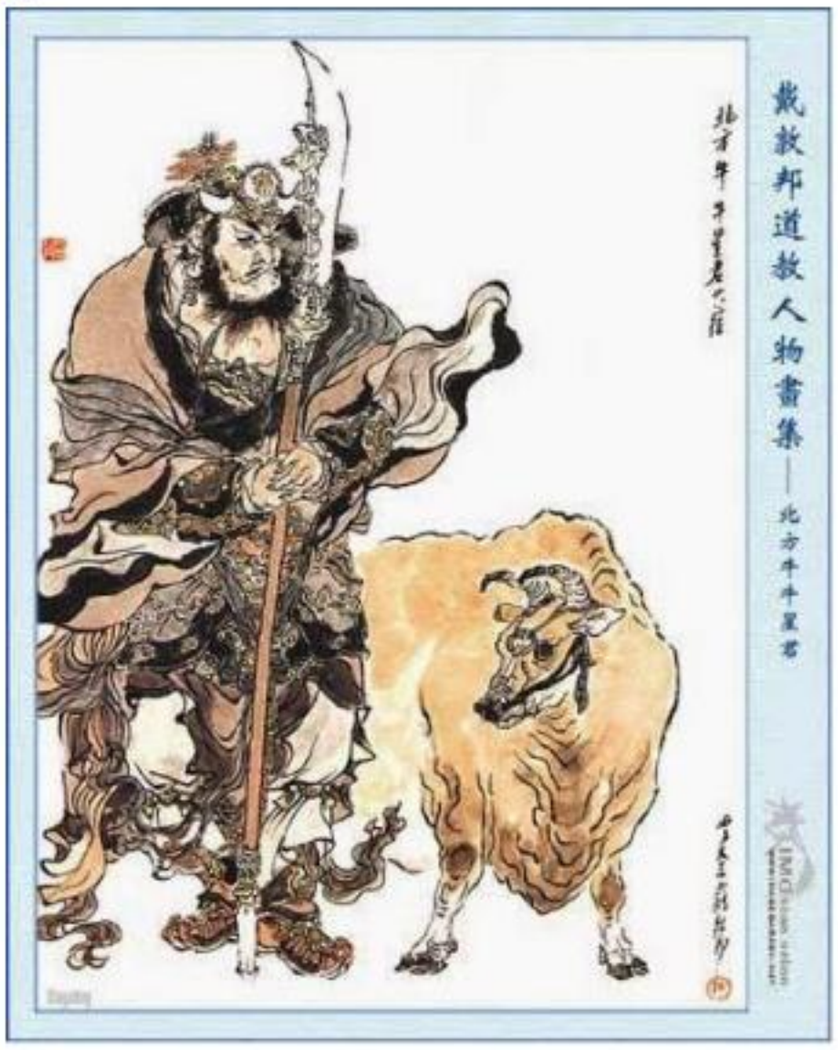
6.- Bắc Đẩu Đệ Lục Khải Dương Vũ Khúc Thiên Phụ Tinh Quân :

Chưởng quản các sao:- Bích, Đẩu. Coi về vận mệnh và phước lộc của những người tuổi Tỵ và tuổi Mùi. Chủ về việc tạo dựng sự nghiệp, phát triển công việc làm ăn, quản lí tiền bạc của con người. Cai quản cung "Bắc Đẩu Bắc Cực Tán Họa Chân Khí Kỷ Minh" . sao Vũ

Khúc chủ về hầm mỏ kim loại, ráng trời màu chàm, mây lành trôi bay. Giữ Thất Bảo Tinh Quán. Còn gọi là Thiên Chi Thái Thường.

7.- Bắc Đẩu Đệ Thất Dao Quang Phá Quân Thiên Quan Tinh Quân :

Chưởng quản các sao:- Hư, Chẩn, Giác, Khuê, Chủy, Tinh. Coi về vận mệnh và phước lộc cho những người tuổi Ngọ. Đồng thời, coi về phước đức, tướng mạo và thê thiếp, nô tì … của con người. Cai quản cung "Bắc Đẩu Thiên Quan Phù Suy Chân Khí Quan Hội". sao Phá Quân chủ về nước chảy xiết văng tung tóe, ráng trời màu tím. Giữ Thất Bảo Tinh Quán. Còn gọi là Thiên Chi Thượng Tê.




## 26.Giải Tai Bắc Đẩu Thất Tinh Chú Ngữ

解災北斗七星咒語

*邱金漢

上篇之北斗七星咒語能化解十二生肖災厄，網友可以根據生肖配合以下文章及每日開運之護身咒語，擇一或同時於每日晨昏各持誦咒語七遍至一百零八遍。

1.-貪狼星官玄章第一（生肖屬鼠吉祥咒）

北斗延生　回真四靈　流輝下映　朗達玄冥　七元紀籍　名列紫瓊　保身續壽
永亨利貞　耳目開爽　魂魄長寧　攝養精氣　與神同明　延生自然　上昇玉清

2.- 巨門星官玄章第二（生肖屬牛、屬豬吉祥咒）

北斗保命　玄靈散陳　丹田通暢　運合仙眞　七元定籍　名列紫文　護身註壽
福慶維新　辟除妖惡　善瑞日臻　去來無礙　與神同輪　保命自然　上昇玉宸

3.-祿存星官玄章第三（生肖屬虎、屬狗吉祥咒）

北斗度厄　高仙上靈　流輝徧照　內外肅清　七元錄籍　名列紫庭　扶身延壽
祿位長亨　臟腑刊朗　動止咸寧　光運合景　與神同榮　度厄自然　上昇玉京

4.-文曲星官玄章第四（生肖屬兔、屬雞吉祥咒）

北斗消災　玄黃闓陽　仙靈影現　明徹十方　七炁掌籍　明列紫房　衛身益壽
長啟福祥　明真降祐　滌蕩凶殃　華精氣結　與神同鄉　消災自然　上昇玉堂

5.- 廉貞星官玄章第五（生肖屬龍、屬猴吉祥咒）

北斗扶衰　真宗降靈　流霞散光　仙仗交盈　七元典籍　名列紫營　固身養壽
慶合連并　高玄接引　優游五明　駕景飛翔　與神同齡　扶衰自然　上昇玉庭
6.-武曲星官玄章第六（生肖屬蛇、屬羊吉祥咒）
北斗散禍　玄映禦空　靈威備守　妖邪絕蹤　七元註籍　名列紫彤　榮身增壽
享福無窮　仙官扶衛　步躡雲中　正真降集　與神同聰　散禍自然　上昇玉宮
7.-破軍星官玄章第七（生肖屬馬吉祥咒）
北斗益筭　明霞散敷　流光普市　真炁常扶　七元度籍　名列紫書　治身添壽
恒處歡娛　飛仙蹈舞　遊宴玄都　徹視表裏　與神同居　益筭自然　上昇玉輿
8.- 左輔星官玄章
乾坤交泰　三命接靈　上步天宿　飛行九星　左把隱書　右執羽經　拜謁尊帝
受道之名　得越華蓋　騰翔紫庭　今日行道　萬慶交并　受福巍巍　永享長生
身變羽毛　飛昇玉清
9.-右弼星官玄章
道合三微　玄臺舉真　出常入空　逃形天關　浮翔八極　駕景紫煙　飛步九炁
變化億千　遨遊北蓋　嘯吟勾陳　所求如願　所啟如言　長鎮天地　華晨保年

## Giải Tai Bắc Đẩu Thất Tinh Chú Ngữ .

*Khưu Kim Hán viết
Chú ngữ Bắc Đẩu Thất Tinh của Thượng Thiên có công năng hóa giải tai ách cho 12 tuổi. Đây là thần chú hộ thân cho mỗi tuổi để niệm đọc hàng ngày. Mỗi ngày sáng chiều trì niệm, mỗi lần niệm từ bảy biến đến 108 biến chú nầy, tai nạn tiêu trừ, vận may đến luôn.
*Niệm thần chú của tuổi mình rồi niệm tiếp Tả Phụ, Hữu Bật chú, gọi là một biến.
1.- Tham Lang Tinh Quan-- Huyền Chương Đệ Nhất （cho tuổi Tí）
Bắc đẩu diên sinh , hồi chân tứ linh , lưu huy hạ ánh , lãng đạt huyền mih, thất nguyên kỷ tịch , danh liệt tử quỳnh , bảo thân tục thọ . Vĩnh hanh lợi trinh , nhĩ mục khai sảng , hồn phách trường ninh , nhiếp dưỡng tinh khí , dữ thần đồng minh , diên sinh tự nhiên , thượng thăng Ngọc Thanh .

2.-Cự Môn Tinh Quan-- Huyền Chương Đệ Nhị （tuổi Sửu+tuổi Hợi）
Bắc đẩu bảo mệnh , huyền linh tán trần , đan điền thông sướng , vận hợp tiên chân, thất nguyên định tịch , danh liệt tử văn , hộ thân chú thọ. Phước khánh duy tân , tịch trừ yêu ác , thiện thuỵ nhật trăn , khứ lai vô ngại , dữ thần đồng luân , bảo mệnh tự nhiên , thượng thăng Ngọc Thần .

3.- Lộc Tồn Tinh Quan-- Huyền Chương Đệ Tam （tuổi Dần+tuổi Tuất）
Bắc đẩu độ ách , cao tiên thượng linh, lưu huy biến chiếu, nội ngoại túc thanh , thất nguyên lục tịch , danh liệt tử đình , phù thân diên thọ . Lộc vị trường hanh , tạng phủ khan lãng, động chỉ hàm ninh, quang vận hợp cảnh , dữ thần đồng vinh, độ ách tự nhiên, thượng thăng Ngọc Kinh .
4.- Văn Khúc Tinh Quan-- Huyền Chương Đệ Tứ (tuổi Mão+tuổi Dậu)
Bắc đẩu tiêu tai , huyền hoàng khải dương , tiên linh ảnh hiện , minh triệt thập phương, thất khí chưởng tịch , minh liệt tử phòng , vệ thân ích thọ. Trường khải phước tường , minh chân giáng hữu , địch đãng hung ương, hoa tinh khí kết , dữ thần đồng hương, tiêu tai tự nhiên , thượng thăng Ngọc Đường .
5.- Liêm Trinh Tinh Quan --Huyền Chương Đệ Ngũ （tuổi Thìn+tuổi Thân）
Bắc đẩu phù suy , chân tông giáng linh, lưu hà tản quang, tiên trượng giao doanh , thất nguyên điển tịch, danh liệt tử doanh , cố thân dưỡng thọ. Khánh hợp liên tinh , cao huyền tiếp dẫn, ưu du ngũ minh, giá cảnh phi tường , dữ thần đồng linh , phù suy tự

nhiên, thượng thăng Ngọc Đình .
6.- Vũ Khúc Tinh Quan-- Huyền Chương Đệ Lục （tuổi Tỵ+tuổi Mùi）
Bắc đẩu tản hoạ , huyền ánh ngự không, linh uy bị thủ , yêu tà tuyệt tung , thất nguyên chú tịch, danh liệt tử đồng, vinh thân tăng thọ. Hưởng phước vô cùng , tiên quan phù vệ, bộ nhiếp vân trung , chánh chân giáng tập, dữ thần đồng thông, tản hoạ tự nhiên , thượng thăng Ngọc Cung .
7.- Phá Quân Tinh Quan-- Huyền Chương Đệ Thất （tuổi Ngọ）
Bắc đẩu ích toán , minh hà tản phu, lưu quang phổ tịch, chân khí thường phù , thất nguyên độ tịch , danh liệt tử thư, trì thân thiêm thọ. Hằng xứ hoan ngu, phi tiên đạo vũ, du yến huyền đô , triệt thị biểu lí , dữ thần đồng cư, ích toán tự nhiên, thượng thăng Ngọc Dữ.
8.- Tả Phụ Tinh Quan Huyền Chương
Càn khôn giao thái , tam mệnh tiếp linh, thượng bộ thiên tú, phi hành cửu tinh, tả bả ẩn thư , hữu chấp vũ kinh, bái yết tôn đế .Thụ đạo chi danh, đắc việt hoa cái , đẳng tường tử đình, kim nhật hành đạo , vạn khánh giao tinh , thụ phước nguy nguy, vĩnh hưởng trường sinh.
Thân biến vũ mao , phi thăng Ngọc Thanh .
9.- Hữu Bật Tinh Quan Huyền Chương
Đạo hợp tam vi , huyền đài cử chân , xuất thường nhập không, đào hình thiên quan, phù tường bát cực, giá cảnh tử yên , phi bộ cửu khí.Biến hoá ức thiên , ngao du bắc cái , khiếu ngâm câu trần , sở cầu như nguyện , sở khải như ngôn, trường trấn thiên địa , Hoa Thần Bảo Niên.
*NHƯỢC THỦY dịch

LGT:- Phần nầy bổ sung thêm một số hiệu năng của Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Tinh Nguyên(Ngươn) Quân có thể hỗ trợ cho tín chủ. Chú ý đến phần nêu tên của 12 vị Thần Tam Tai có khác với số trường phái khác. Đồng thời cung cấp cho chúng ta một số thuật ngữ rất quen thuộc mà chưa chắc ai cũng hiểu rõ ý nghĩa của nó.[như ba hồn bảy (chín) vía chẳng hạn].

## Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân Năng Giải Ách
## 大聖北斗七 元 君能解厄

◎三災厄說法有二：
一、三災乃星名，按告斗之法，置三災星於門口之前供養。以解其厄，例如
寅、午、戌生人至申、酉、戌之年值人皇星、天禍星、地災星謂之三災。
申、子、辰生人至寅、卯、辰年值天蠱星、天孛星、天行星為三災。
巳、酉、丑生人至亥、卯、丑年值地敗星、地亡星、地刑星為三災。
亥、卯、未生人至巳、午、未年值黑惡星、白刹星、陰謀星為三災。
凡人遇之，三年之內必有災厄，宜解則獲福矣。
二、三災者：雷嗔為天災，水焚為地災，覆溺為水災。

## 27. Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân Năng Giải Ách

1/- : TAM TAI ÁCH có hai cách hóa giải như sau:-
A/- Thứ nhất:- Tam Tai là tên sao, dựa vào phép cúng sao, dán “Bài vị Tam Tai Tinh” ở trước cửa ra vào chính để cúng , hóa giải hạn tam tai, gồm có :-
1.- Ba tuổi Dần 、 Ngọ 、 Tuất phạm tam tai vào các năm Thân 、 Dậu 、 Tuất . Cúng ba vị

theo thứ tự ba năm là:- Hoàng Tinh 、 Thiên Hoạ Tinh 、 Địa Tai Tinh để giải tam tai .
2.-Ba tuổi Thân 、 Tí 、 Thìn phạm tam tai vào các năm Dần 、 Mão 、 Thìn . Cúng ba vị theo thứ tự ba năm là:- Thiên Cổ Tinh 、 Thiên Bột Tinh 、 Thiên Hành Tinh để giải tam tai .
3.- Ba tuổi Tỵ 、 Dậu 、 Sửu phạm tam tai vào các năm Hợi 、 Tí 、 Sửu . Cúng ba vị theo thứ tự ba năm là:- Địa Bại Tinh 、 Địa Vong Tinh 、 Địa Hình Tinh để giải tam tai .
4.- Ba tuổi Hợi 、 Mão、 Mùi phạm tam tai vào các năm Tỵ 、 Ngọ 、 Mùi . Cúng ba vị theo thứ tự ba năm là:- Hắc Ác Tinh 、 Bạch Sát Tinh 、 Âm Mưu Tinh để giải tam tai .
*Người phạm tam tai thì ba năm đó gặp nhiều tai ách, tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn, câu được hưởng phước.
B.- Thứ hai:- Tam Tai là : sét đánh là thiên tai , động đất là địa tai , chết đuối là thuỷ tai . Cũng tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải.
◎四煞厄者：
年、月、日、時煞、謂之四煞與人四柱衝對而金者皆謂之四煞。
若犯之必有重災。四煞亦為四時不正之炁而染病，四煞易屬土煞，故宜禳 之。
2/- TỨ SÁT ÁCH ：
Phạm vào niên 、 nguyệt 、 nhật 、 thời sát 、 gọi là tứ sát . Là vào những năm, tháng, ngày, giờ xung đối với tứ trụ ( ngày sanh) của mình.
Phạm tứ sát thì bị tai nạn nghiêm trọng hay bị nhiễm dịch bệnh , nguy hiểm tánh mạng. Tứ Sát thuộc về Thổ Sát, nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎五行厄者：
金、木、水、火、土相剋不順，五脈不和，則有其災預宜禳之。
3/- NGŨ HÀNH ÁCH ：-
Những năm có ngũ hành là :- kim 、 mộc 、 thuỷ 、 hoả 、 thổ khắc với ngũ hành bôn mệnh , sinh ra ngũ mạch bất hoà , nên bệnh hoạn đau ốm. Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎六害厄者：
子年生人遇未，未見子亦然，午丑、丑午、寅巳、巳寅、辰卯、卯辰、
申亥、亥申、酉戌、戌酉相遇謂之六害。命書云：『六害相逢必見憂』， 當禳解之。
4/- LỤC HẠI ÁCH ：-
Người tuổi Tí gặp năm Mùi, Ngọ gặp Sửu, Sửu gặp Ngọ, Dần gặp Tỵ, Tỵ gặp Dần, Thìn gặp Mão , Mão gặp Thìn , Thân gặp Hợi, Hợi gặp Thân, Dậu gặp Tuất, Tuất gặp Dậu, gọi là “Lục Hại”.
Sách nói :- “Lục hại tương phùng tất kiến ưu” (lục hại gặp nhau ắt thấy rầu). Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎七傷厄者：
劫煞、天煞、地煞、災煞,年煞、月煞、芒神謂之七傷。上配七星之精，若人逢之必有災福。宜速告斗而解其厄，七傷亦可作七情解。
5/- THẤT THƯƠNG ÁCH ：-
Kiếp Sát 、 Thiên Sát 、 Địa Sát 、 Tai Sát , Niên Sát 、 Nguyệt Sát 、 Mang Thần gọi là thất thương , phối hợp với các sao của thất tinh. Người phạm thất thương cũng bị nhiều tai ách. Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn. Thất thương cũng còn có thể hiểu là thất tình gây ra tai hại.
◎八難厄者：
人命中之三元、五行也。順則為福，逆則為禍。若年、月命份遇之，必有凶事，急宜禳之。

6/- BÁT NẠN ÁCH : -
Xét về ngũ hành bổn mệnh so với ngũ hành trong tam nguyên, nếu tương sanh thuận là tốt, nếu tương khắc nghịch là xấu, xãy ra nhiều việc hung hiểm. Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎九星厄者：
九竅不制，則起嫪慾縱貪嗔之心。九星者：羅喉、上宿、水星、金星、太陽、火星、計都、太陰、木星，若遇之，分吉凶而禳之。
7/- CỬU TINH ÁCH : - (Cúng sao hàng năm)
Cửu tinh tác dụng vào cửu khiếu (chín lổ trong thân thể) làm cho tâm dấy lên tham, sân, si, gây tạo nhiều hậu quả xâu. Cửu Tinh là :-
La Hầu 、Thượng Tú 、Thuỷ Tinh 、Kim Tinh 、Thái Dương 、Hoả Tinh 、Kế Đô 、Thái Âm 、Mộc Tinh . Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎夫妻厄者：
夫妻人之大倫，失於婚合有神煞，如孤辰、寡宿、陽煞、陰煞、絕房、孤鸞等神，致生災厄。若至誠齋戒誦經禮懺，告斗焚符而禳之，則夫妻和睦子孫昌泰矣。
8/- PHU THÊ ÁCH : -
Vợ chồng là giềng mối lớn của con người. Bị sơ xuất trong việc chọn ngày tháng hợp hôn, pham vào các điểm như :- Cô Thần 、Quả Tú 、Dương Sát 、Âm Sát 、Tuyệt Phòng 、Cô Loan thì sanh ra tai ách. Nên chí thành trai giới , tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn, thì vợ chồng mới hòa hợp, con cháu hưởng phước lành.
◎男女厄者：
此厄由於夫妻之年命，或祖先墳墓之所招，若能力功樹德以延其嗣，則可期求於斗宮而解之。
9/- NAM NỮ ÁCH : -
Phần nầy là do tuổi tác của đôi trai gái phạm xấu, hoặc do mộ phần của tổ tiên bị động, phải hết sức bồi công lập phước và tụng Bắc Đẩu Chân Kinh , cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎產生厄者：
凡婦人命犯三刑。所謂三刑者：則是金煞、流血、血屍之神可告斗宮解之。
10/- SẢN SANH ÁCH : -
Đây là chỉ cho người đàn bà phạm vào Tam Hình, tức là lúc sanh con phạm vào hung thần như Kim Sát, Lưu Huyết, Huyết Thi gọi là tam hình. Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎復連厄者：
為傳屍之病，因先亡不得超脫，故清心寡慾、餌藥吞符，祈告斗宮超度祖玄，可厄解災消。
11/- PHỤC LIÊN ÁCH : -
Còn gọi là “bệnh truyền thây”, do vì tổ tiên chưa được siêu thoát nên tạo ra tai nạn. Nên tổ chức câu siêu, tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường đê hóa giải tai nạn.
◎疫癘厄者：
家遭瘟疫，身受毒氣。人口死亡至絕門。此厄為天行者令出天府，罰作惡之徒，若能修德自無此厄。
12/- DỊCH LỆ ÁCH : -
Gặp năm có ôn dịch truyền nhiễm, người chết như rạ, có nhà tuyệt tự. Việc nầy là do thiên mệnh phạt ác tạo ra. Người nào có tu nhân tích đức thì qua khỏi, Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.
◎疾病厄者：

沉痾、痼疾、宿有冤愆，急需投告醮謝真君，法藥相助，必得扶摔解厄矣。

13/- TẬT BỆNH ÁCH : -

Thân bị bệnh trầm kha, hay bị tật nguyền là do những oan khiên đời trước tạo ra. Phải gấp cúng tế Bắc Đẩu Thất Tinh Quân phò hộ, tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.

◎精邪厄者：

邪妖剋害迷失本性，若能禮斗朝真爇示靈符，以天罡催之。

14/- TINH TÀ ÁCH : -

Tà ma quỉ quái hãm hại làm mất bổn tính, phải mau cúng tế Bắc Đẩu Thất Tinh Quân, xin linh phù đeo, dùng phép Thiên Cương xua đuổi chúng, tụng Băc Đâu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.

◎虎狼厄者：

子生人遇卯，丑生人遇辰，子生人遇申，丑生人遇酉。順行而定為虎狼煞。有破體之災，故當解之。

15/- HỔ LANG ÁCH : -

Người tuổi Tí sanh giờ Mão gặp năm Thân, tuổi Sửu sanh giờ Thìn gặp năm Dậu…, cứ suy thuận như thế sẽ biết là phạm Hổ Lang Sát, bị nạn thú dữ cắn chết hoặc nhẹ thì tàn phế. Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.

◎蟲蛇厄者：

為前世冤愆之所報，應即時唸北斗七元星君名號者，即可免難。

16/- TRÙNG XÀ ÁCH : -

Do những oan khiên nhân quả báo ứng của đời trước, nên bị rắn độc, trùng độc làm hại. Nên tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn. Khi đi vào chỗ nguy hiểm, niệm danh hiệu Bắc Đẩu Thất Tinh Quân thì tránh được tai nạn nầy.

◎枷棒厄者：

即囹圄之災，當齋心默禱必能感格。

17/- GIÀ BỔNG ÁCH : - (gông cùm xiềng xích)

Bị tai ách gông cùm xiềng xích , nên làm phước cứu người, bố thí , tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.

◎橫死厄者：

平時多建善功，則可解此厄矣。

18/- HOẠNH TỬ ÁCH : - (chết bất đắc kỳ tử)

Bình thường làm nhiều việc thiện thì qua khỏi.

◎咒誓厄者：

埋名、釘字、放符之類。使人顛倒、迷惑甚至死亡，若能懺悔已往之愆，誦唸大聖七元星君名號，焚上帝之符，即可解禳。

19/- CHÚ THỆ ÁCH : - (bị trù ếm)

Bị các loại trù ếm như :- chôn tên tuổi, đóng đinh hình nộm, bỏ bùa hại … làm cho tinh thần người bị trù ếm điên đảo, mê muội hoặc chết. Phải hết sức ăn năn sám hối tiền khiên , dán lá phù Thượng Đế , tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn.

◎天羅地網厄者：

按命書記：『人以戌、亥為天羅。以辰、巳為地網。或四柱遇歲君為合謂之晦，亦主羅網之災』。若人能安份守己，保身守道，禮斗朝真，則無此厄矣。

20/- THIÊN LA ĐỊA VÕNG ÁCH : - (lưới trời đất bao vây không làm chi được)

Trong sách bổn mệnh có nói :- "Người ta lấy năm Tuất Hợi làm Thiên La, lấy năm Thìn, Tỵ làm Địa Võng. Người có tứ trụ xung kỵ với Thái Tuế , gọi là phạm vào La Võng chi tai". Gặp những năm nầy, nên an phận giữ đạo, hành thiện lập đức, tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng

dường để hóa giải tai nạn.

若人能虔奉斗星。則能超度三災八難，而昇北斗中之九天。貪狼靈華天，巨門居神華天，祿存居玄黃
天，文曲居華黃天，廉貞居元皇天，武曲居中黃天，破軍居真皇天，輔星居太常天，弼星居變靈天，斗為人神之主宰，宣佈威令，統御萬齡於三界之內，判人間之善惡。司陰府是非之項目，有迴死注生之功力。夫，人身有三魂，一魂主命，一魂主財祿，一魂主災衰。三魂者：一魂居本宿星宮，一魂居地府，一魂居形內。七魄常居身內而不散，三魂每年六次歸身。制禦陰魄，使其邪道不侵，神安魄定。身有光明，故於本命始生之日，清淨身心，焚香誦經啟祝北斗及本命所屬星君，則可神魂澄正災罪消除矣.

Nếu người thành tâm cúng tế Bắc Đẩu Thất Tinh Quân thì có thể qua khỏi các nạn trên (tam tai bát nạn) , khi chết siêu thăng lên cửu thiên giữa Bắc Đẩu. Đó là:-
Tham Lang ở Linh Hoa Thiên , Cự Môn ở Thần Hoa Thiên , Lộc Tồn ở Huyền Hoàng Thiên , Văn Khúc ở Hoa Hoàng Thiên , Liêm Trinh ở Nguyên Hoàng Thiên , Vũ Khúc ở Trung Hoàng Thiên , Phá Quân ở Chân Hoàng Thiên , Phụ Tinh ở Thái Thường Thiên , Bật Tinh ở Biến Linh Thiên.
*Bắc Đẩu là chủ tể của các sao của người . Ra lệnh ,điều khiển, thống quản hết vạn linh trong tam giới, phán xét các việc thiện, ác của nhân gian, theo dõi các công việc đúng sai của Âm Phủ. Bắc Đẩu cũng có chức năng cứu tử hồi sinh. Bởi vì, con người có ba hồn. Một hồn chủ về thân mạng, một hồn chủ về tài lộc, một hồn chủ về tai ách suy sụp. Ba hồn nầy thì một hồn ở nơi tinh cung của sao bổn mệnh, một hồn ở địa phủ, một hồn ở trong thân hình. Thất phách (nữ thì cửu phách ứng với cửu khiếu) thì thường xuyên ở trong thân không rời. Ba hồn cứ mỗi năm có sáu lần qui vào thân để chế ngự "âm phách", làm cho tà đạo không thể xâm nhập vào thân, thân phách an định, thân thể phát ra quang minh.

Vì vậy, lúc mới sinh ra và những ngày sinh nhật hàng năm, phải thanh tịnh thân tâm, cúng tế sao bổn mệnh và Bắc Đẩu Thất Tinh Quân, tụng Bắc Đẩu Chân Kinh và cúng dường để hóa giải tai nạn, khiến cho thần hồn định tĩnh, khỏe mạnh trường thọ.

## 28. NGUYÊN THẦN ĐIỆN.
(Điện thờ cúng các tinh tú)
元辰殿

I.-經壇名稱與供奉神祇
「元辰殿」是「六合壇」中的「北方壇」，主奉「大梵先天斗姥紫光金尊」。因為「大梵先天斗姥紫光
金尊」又稱「斗姆元君」，所以「元辰殿」亦稱為「斗姆殿」。「斗」指北斗眾星，「姆」是母親之意，「斗姆元君」即為北斗眾星之母，職責是統御北斗眾星。據《雲笈七籤》記載，「夫九星者，實九天之靈根，日月之明梁，萬品之宗淵也。故天有九炁則以九星為其靈紐，地有九州則以九星為其神主，人有九孔則以九星為其命府，陰陽九宮則以九星為其門戶，五嶽四海則以九星為其淵府。」北斗眾星統御天地萬物，「斗姆」是九星之母，是道教神譜中重要的先天神祇之一。
輔奉在斗姆兩側的，分別是「南宸六星君」和「北斗七元君」。「南宸」和「北斗」是星辰的樞紐，民
間有「南斗注生，北斗注死」的說法。另外，道教相信每年都有一位太歲星神掌管人

間的禍福，而元辰殿中就以六十位太歲神分列左右兩班，左班為首三十位太歲神，右班為末三十位太歲神。斗姆、南宸、北斗和太歲神，組成一個龐大的星宿神班。

II.- 道教通識文化

自古以來中國人重視觀察天文，相信天上的星宿與人間的禍福息息相關，並認為天象的變化可以預示未來的吉凶。元辰殿呈現了天上星宿的秩序，當中供奉的南宸、北斗主宰人類的生死禍福，所以元辰殿的入俗名定為「保命延壽壇」，以表透過祈求各星宿神祇，為香港普羅大眾，以至世界各地人民添福添壽的壇旨。

III.- 醮場整體佈局

作為代表「北方壇」的「元辰殿」，本應與代表「南方壇」的「天師殿」正面相對，但因地形之限制，現「元辰殿」在都壇右側。「都壇」、「玉皇殿」和「元辰殿」均設在六合壇內上方，體現道教神譜中先天神祇的重要地位。而「玉皇殿」毗連「元辰殿」，形成了全方位的祈福求壽的陣營。由此可見這次羅天大醮佈壇之精心設置，亦表現了本會對壇務追求完善的至誠理念。

IV.-神仙譜系簡述

A/-主奉神祇：

大聖圓明斗姥元君

全稱「大梵先天斗姥聖德巨光天后摩利攴天大聖圓明道母天尊」，簡稱「斗姆元君」或「斗姆」。「斗」指北斗眾星，「姆」是母親之意。道經中說斗姆為北斗眾星之母。《玉清無上靈寶自然北斗本生真經》中記載，斗姆原是龍漢年間周御國國王的愛妃，號「紫光夫人」，先後為御王生下了九個兒子，其中老大就是天皇大帝（即四御中的「勾陳上宮天皇大帝」），老二則是紫微大帝（即四御中的「中天紫微北極大帝」），其餘七子分別是「貪狼」、「巨門」、「祿存」、「文曲」、「廉貞」、「武曲」、「破軍」，也就是北斗七星。「斗姆」為北斗眾星之母，職責是統御北斗眾星。

又據《太上玄靈斗姆大聖元君本命延生心經》所述，「斗姆」「以大藥醫垂治之功，燮理五行，升降二氣，解滯去窒，破暗除邪。愆期者應期，失度者得度。安全胎育，治療病痾，職重天醫。」由此可見，「斗姆」有保命延生之力，這是元辰殿能「保命延壽」的主因。

B/-輔奉神祇：

1.- 南宸六星君

全稱「南斗主政六司注算延壽星君」。古人素來信奉南宸主宰人的壽元，《星經》曰：「南斗六星，主天子壽命，亦主宰相爵祿之位。」在道教神譜中，南宸包括司命主壽的六位星君。《上清經》中記載「南辰六星君」云：南斗六星，第一天府宮，是司命星君；第二天相宮，是司祿星君；第三天梁宮，是延壽星君；第四天同宮，是益算星君；第五天樞宮，是度厄星君；第六天機宮，是上升星君，總稱六司星君。因南斗專主人的壽命，故民間又稱其為「延壽司」。

2.-北斗七元君

全稱「中天大聖北斗七元延生解厄星君」。《史記．天官書》說：「北斗七星，分陰陽，建四時，均五

行，移節度（廿四節氣），定諸紀（年、月、日、星辰、曆數）」。北斗是星辰的樞紐，能夠助人制定曆法、辨別方位，向來備受重視。在道教神譜中，北斗「貪狼」、「巨門」、「祿存」、「文曲」、「廉貞」、「武曲」、「破軍」等七元君與南斗六星君互相對應，計時算紀，是主管死亡的司命神。

3.- 六十太歲

中國曆法以「十天干」（甲、乙、丙、丁、戊、己、庚、辛、壬、癸）和「十二地支」（子、丑、寅、卯、辰、巳、午、未、申、酉、戌、亥）紀年，「天干」和「地支」互相配搭，從「甲子」起以至「癸亥」，周而復始，以六十年為一個循環，稱為「六十甲子」。

道教相信「六十甲子」分別由六十位星宿掌管，輪流值年，負責監管當年禍福，該六十位星宿神即稱為六十太歲。

中國文化對於倫常和綱紀極為重視，因而尊卑長幼秩序觀念極濃厚，亦因此產生出「避諱」的概念，認為晚輩或下層的人不應與前輩和在上位者（如皇帝）有所衝撞。這種「避諱」的觀念表現在宗教上，便形成了「拜太歲」的習俗。由於六十太歲輪流值年，於某年出生的人便以出生當年的值年太歲作其本命神，但同時也意味著對值年太歲有所衝撞，會招徠禍患。而相傳禮拜本命元辰之神，便可化解禍患，甚至可以保佑一生順利、吉祥如意，由此形成「拜太歲」的風俗，這在中國北方稱之為「求順星」。



# NGUYÊN THẦN ĐIỆN

(Điện thờ cúng các tinh tú)

I.- Danh xưng và việc thờ cúng:-

"Nguyên Thần Điện" tức là "Bắc Phương Đàn" của "Lục Hợp Đàn", nơi nầy thờ "Đại Phạm Tiên Thiên Đẩu Mẫu Tử Quang Kim Tôn" .

Bởi vì, Đại Phạm Tiên Thiên Đẩu Mẫu Tử Quang Kim Tôn còn gọi là "Đẩu Mẫu Nguyên Quân" , cho nên Nguyên Thần Điện cũng gọi là Đẩu Mẫu Điện. (xem ảnh của Nê Hoàn post ở trước)

"Đẩu" là chỉ cho tất cả các tinh tú.

"Mẫu" là ý nói đến mẫu thân (mẹ)

"Đẩu Mẫu Nguyên Quân" tức là Mẹ của các sao Bắc Đẩu, có nhiệm vụ điều khiển các sao nầy.
*Theo sách "Vân Cấp Thất Thiêm" viết :- " Cửu Tinh là linh căn của cửu thiên, là sự sáng suốt của nhật nguyệt, là chỗ nguồn gốc  sâu kín của muôn vật. Cho nên, trời có cửu khí tức lấy cửu tinh làm chỗ linh thông, đất có cửu châu tưc lấy cửu tinh làm thần chủ, người có cửu khổng (chín lỗ) tức lấy cửu tinh làm nơi bảo mệnh. Cửu cung của âm dương lấy cửu tinh làm cửa nẻo, ngũ nhạc tứ hải lấy cửu tinh làm chỗ nương tựa".
Các sao Bắc Đẩu thống ngự hết muôn vật trong trời đất, mà "Đẩu Mẫu" lại là Mẹ của cửu tinh, nên trong Đạo Giáo rất xem trọng , tôn xưng Ngài là một trong những vị Thần Tiên Thiên đước ghi vào Thần Phả. (sách cúng các Thần Thánh)
*Theo phò tá hai bên cho Đẩu Mẫu gồm có "Nam Thần Lục Tinh Quân" và "Bắc Đẩu Thất Tinh Quân". Nam Thần (thường quen gọi là Nam Tào) và Bắc Đẩu là sao quan trọng cho sinh mệnh con người. Dân gian cho rằng:- "Nam Tào chủ về việc phần sanh , Bắc Đẩu chủ về phần tử". Ngoài ra, Đạo Giáo còn cho rằng, mỗi năm có một vị Thần Thái Tuế cai quản về họa phước của con người, cho nên trong Nguyên Thần Điện có sắp xếp 60 vị Thái Tuế chia ra hai bên để thờ cúng, Tả Ban là 30 vị Thái Tuế trước, Hữu Ban là 30 vị Thái Tuế sau.
Như  vậy, Đẩu Mẫu, Nam Tào, Bắc Đẩu, 60 Thái Tuế hợp thành Tinh Tú Thần Ban rộng lớn.
II.- Văn hóa thường thức của Đạo Giáo:-
Từ xưa đến nay, người Trung Quốc rất quan tâm đến việc quan sát thiên văn, tin rằng các sao trên bầu trời có liên quan đến họa phước của con người. Đồng thời, cũng tin rằng sự thay đổi chuyển dịch của tinh tú có thể làm cơ sở dự đoán  cát hung của nhân gian. Nguyên Thần Điện biểu hiện rõ về trật tự tôn ty của tinh tú. Trọng tâm của việc thờ Nam Tào Bắc Đẩu là vì có liên quan mật thiết đến sống, chết, họa, phước của con người, cho nên gọi Nguyên Thần Điện là "Bảo Mệnh Diên Thọ Đàn" (đàn bảo mệnh kéo dài tuổi thọ) . Việc cúng bái các sao để thêm tốt trừ xấu chẳng những phổ biến rộng ở Hương Cảng (HongKong), mà khắp thế giới đều có những đàn tràng tương tự, dù hình thức có khác nhau.
III.- Bố cục nơi thờ cúng:-
Có hai nơi quan trọng là "Bắc Phương Đàn" của "Nguyên Thần Điện" và "Nam Phương Đàn" của "Thiên Sư Điện" , hai đàn đấu mặt nhau ngay giữa nơi thờ. Nhiều nới do địa thế chật hẹp, bố trí Nguyên Thần Điện nằm bên phải của nơi thờ.
Bộ ba "Đô Đàn", "Ngọc Hoàng Điện, Nguyên Thần Điện đều ở thế thượng phương trong Lục Hợp Đàn. Điều nầy nói lên địa vị trọng yếu của việc thờ cúng Tiên Thiên Thần Kỳ trong Thần Phả của Đạo Giáo. Trong đó, Ngọc Hoàng Điện và Nguyên Thần Điện liên kết tạo ra ảnh hưởng lớn cho việc "cầu phước cầu thọ" của con người. Đây quả là nhu cầu bức thiết cho tất cả mọi người, đáp ứng chính xác cho sự mong mỏi tất yếu của chúng sinh vậy.
IV.- Sơ lược về chức năng của chư Thần trong Nguyên Thần Điện :-
A/- Đứng đầu Tinh Tú :-  Là  " Đại Thánh Viên Minh Đẩu Mẫu  Nguyên Quân "
Gọi đầy đủ là  "Đại Phạm  Tiên Thiên Đẩu Mẫu  Thánh Đức Cự Quang Thiên Hậu Ma Lợi Phốc Thiên Đại Thánh Viên Minh Đạo Mẫu Thiên Tôn", gọi vắn tắt là "Đẩu Mẫu Nguyên Quân" hoặc "Đẩu Mẫu" .
*Trong sách "Ngọc Thanh Vô Thượng  Linh Bảo Tự Nhiên Bắc Đẩu Bổn Sanh  Chân Kinh" có viết, Đẩu Mẫu nguyên là "ái phi" của vua nước Chu Ngự thời kỳ Long Hán (thời huyền thoại của Trung Quốc). Vua phong bà làm "Tử Quang Phu Nhân" , trước sau sanh được chín người con. Người con lớn là  Thiên Hoàng Đại Đế (tức là Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng  Đại Đế trong Tứ Ngự). Người thứ hai là Tử Vi Đại Đế ( tức là  Trung Thiên Tử Vi Bắc Cực Đại Đế trong Tứ Ngự). Ngoài ra, bảy người còn lại là Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, tức là Bắc Đẩu Tinh vậy.
Đẩu Mẫu là Mẹ của các sao Bắc Đẩu, quản lí công việc của các sao nầy.
*Còn theo sách "Thái Thượng Huyền Linh Đẩu Mẫu Đại Thánh Nguyên Quân Bổn Mệnh Diên Sanh  Tâm Kinh" thuật rằng, Đẩu Mẫu có chức năng là "Ban thuốc tiên để trị bệnh, chu

chuyển ngũ hành, thăng giáng hai khí âm dương, giải trừ chỗ ngưng trệ bế tắc, phá ám trừ tà. Ai đáng cứu thì cứu, ai đáng độ thì độ. Giúp cho bào thai sống và lớn lên. Trị những bệnh trầm kha nên gọi là Thiên Y (thuốc trời)". Từ đó cho thấy Đẩu Mẫu có thần lực bảo mệnh kéo dài tuổi thọ con người. Cho nên tôn xưng Ngài là chủ nhân của "Bảo Mệnh Diên Thọ" trong Nguyên Thần Điện vậy.

B/- Các vị phụ tá:-

1/- Nam Thần Lục Tinh Quân :-

Gọi đầy đủ là 「Nam Đẩu Chủ Chánh Lục Ty Chú Toán Diên Thọ Tinh Quân」.

Người xưa tin rằng Nam Thần chủ về việc thọ mạng của con người. Trong "Tinh Kinh" nói:- "Nam Đẩu Lục Tinh chủ về tuổi thọ của Thiên Tử và tước lộc của các quan". Theo thần phả của Đạo Giáo, sáu vị Tinh Quân của Nam Thần coi về tuổi thọ của người.Trong "Thượng Thanh Kinh" thì nói "Nam Đẩu Lục Tinh gồm có:-

-Đệ nhất Thiên Phủ Cung là Tư Mệnh Tinh Quân.
-Đệ nhị Thiên Tướng Cung là Tư Lộc Tinh Quân.
-Đệ tam Thiên Lương Cung là Diên Thọ Tinh Quân.
-Đệ tứ Thiên Đồng Cung là Ích Toán Tinh Quân.
-Đệ ngũ Thiên Xu Cung là Độ Ách Tinh Quân.
-Đệ lục Thiên Cơ Cung là Thượng Thăng Tinh Quân.

Gọi chung là Lục Ty Tinh Quân. Nhân vì Nam Đẩu chuyên chủ về tuổi thọ con người nên dân gian còn gọi là "Diên Thọ Ty".

2/- Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân :-

Gọi đầy đủ là "Trung Thiên Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Diên Sanh Giải Ách Tinh Quân". Trong Thiên Quan Thư của Sử Ký viết "Bắc Đẩu Thất Tinh, chia âm dương, làm nên bốn mùa, điều hòa ngũ hành, làm cho thứ tự các tiết khí (24 tiết khí), định ra các "kỷ" (năm, tháng, ngày, trời trăng sao, lịch số)". Bắc Đẩu có xu hướng thiên về các sao nên giúp cho con người chê định lịch pháp, phân biệt phương hướng, nên được người dời xem trọng. Theo thần phả của Đạo Giáo, bảy sao Bắc Đẩu là Tham Lang , Cự Môn , Lộc Tồn ,Văn Khúc,Liêm Trinh ,Vũ Khúc ,Phá Quân gọi là Thất Nguyên Quân cùng hỗ tương đối ứng với Nam Đẩu Lục Tinh Quân để tạo nên thời tiết, lịch kỷ v.v…Bắc Đẩu chủ về tử vong của con người nên gọi là Tư Mệnh Thần.

3/- Lục Thập Thái Tuế :-

Lịch pháp của Trung Quốc tính theo mười thiên can Giáp 、 Ất 、 Bính 、 Đinh 、 Mậu 、 Kỷ 、 Canh 、 Tân 、 Nhâm 、 Quý và mười hai địa chi là Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi phối hợp lại tạo thành Lục thập hoa giáp hay Lục thập Giáp Tí (tức 60 năm ) khởi đầu là Giáp Tí và kết thúc chu kỳ ở Quý Hợi.

Đạo giáo tin rằng trong 60 năm của Lục thập Giáp Tí do 60 vị tinh tú chưởng quản, thay phiên coi sóc công việc họa phúc của con người , 60 vị thần tinh tú ấy gọi là Lục Thập Thái Tuế.

*Văn hóa Trung Quốc rất đề cao tôn ti trật tự, luân thường đạo lý, kỷ cương đời sống, già trẻ lớn nhỏ …. nên sanh ra quan niệm "tị húy" (kỵ húy=tránh tên ông bà) . Cho nên người sau không thể ngang hàng với người trước. Quan niệm "tị húy" ấy thể hiện trong tôn giáo rất rõ nét. Riêng việc thờ cúng Thái Tuế thì có phong tục gọi là "Bái Thái Tuế" rất được phổ biến (xem bài Thái Tuế) . Ý chính là xu cát tị hung cho con người mỗi năm.

Ở phương Bắc tục nầy gọi là "Cầu Thuận Tinh".

*NHƯỢC THỦY dịch

(từ http://www.fushantang.com)

## 29. BẮC ĐẨU CHÂN KINH.




# 北斗真經 .

## 佺名為（太上玄靈北斗本命延生真經）

爾時，太上老君以永壽元年正月七日，在泰清境上太极宮中，觀見眾生億劫漂沉，周回生死。或居人
道，生在中華；或生夷狄之中；或生蠻戎之內；或富或貴，或賤或貧。暫假因緣，墜于地獄。為無定故，罪孽牽纏，魂係陰司，受楛滿足，人道將違。生居畜獸之
中。或生禽虫之屬，轉乖人道，難复人身。如此沉滄，不自知覺，為先世迷真之故，受此輪回。乃以傷憫之心，分身教化，化身下降，經于蜀都（注）。地神涌出，扶一玉侷，而作鄗座。于是老君升玉侷坐，授与天師《北斗本命經訣》。广宣要法，普濟眾生。
是時，老君告天師曰：“人身難得，中土難生，假使得生，正法難遇。多迷真道，多入邪宗，多种罪
根，多肆巧詐，多恣婬殺，多好群情，多縱貪嗔，多沉地獄，多失人身。如此等緣，眾生不悟，不知正道，迷惑者多。我今傷見此等眾生，故垂教法，為說良緣，令
使知道，知身性命，皆憑道生，了悟此因，長生人道。种子不絕，世世為人。不生無道之鄉，不斷人之根本。更能心修絰道，漸入仙宗，永內輪回，超升成道。故我
示汝法，令度天民，歸真知命。可以本命之日，修齋設醮（音校、注2，）啟祝北斗、三官五帝、九府四司，荐福消災。奏章懇愿，虔誠獻禮，种种香花。時新五
果。隨世威儀，清淨壇宇，法天像地。或就觀宇，或就傢庭，隨力建功，請行法事，功德深重，不可具陳。唸此大圣北斗元真君名號，儅得罪業消除，災愆（音演、注3）洗盪，福壽資命，善果臻（音）身。凡有急難，可以焚香誦經。克期安泰。于是，說大圣北斗解厄應驗曰：
“大圣北斗七元君，能解三災厄；　　大圣北斗七元君，能除四煞厄；
大圣北斗七元君，能解五行厄；　　大圣北斗七元君，能解六害厄；
大圣北斗七元君，能解七傷厄；　　大圣北斗七元君，能解八難厄；
大圣北斗七元君，能解九星厄；　　大圣北斗七元君，能解伕妻厄；
大圣北斗七元君，能解男女厄；　　大圣北斗七元君，能解生產厄；
大圣北斗七元君，能解复槤厄；　　大圣北斗七元君，能解疫癘厄；

大圣北斗本元君，能解疾病厄；　　大圣北斗七元君，能解精邪厄；
大圣北斗七元君，能解虎狼厄；　　大圣北斗七元君，能解虫蛇厄；
大圣北斗七元君；能解劫賊厄；　　大圣北斗七元君，能解枷棒厄；
大圣北斗七元君，能解横死厄；　　大圣北斗七元君，能解咒誓厄；
大圣北斗七元君，能解天儸厄；　　大圣北斗七元君，能解地網厄；
大圣北斗七元君，能解刀兵厄；　　大圣北斗七元君，能解水火厄。
于是七元君，大圣善通靈，濟度諸厄難，超出楛眾生。若有急告者，持誦保安平。儘憑生百福，咸喫于
五行。三魂得安健，邪魅不能停。五方降真炁，万福自來駢（音並，注4）。長生超八難，皆由奉七星。生生身自在，世世保神清，善似光中影，應如穀涇聲。三元
神共護，万圣眼同明。無災亦無障，永保道心宁。”
老君曰：“北辰垂象，而眾星拱之，為造化之樞机，作神人之主宰。宣威三界，統御万靈。判人僊善惡
之期，司陰易是非之目。五行共稟，七政（注）同科。有回死注生之功，有消災度厄之力。上絰帝王，下及庶人，尊卑雖則殊途，命分俱無差別，凡伕在世迷謬者
多，不知身屬北斗，命由天府。有災有患，不知解謝之門；祈福祈生，莫曉歸真之路。緻使魂神被係，禍患來纏。或重病不痊，或邪妖克害，棲年困篤，累歲迍邅
（音淳沾，注5）。塚訟征呼，先亡复棲。或上天譴責，或下鬼訴誣。若有此危厄，如何救解㊣急須投告北斗，醮謝真君，及轉此經。認本命真君。方擭安泰，以絰
康榮。更有深妙，不可儘述。凡見北斗真形，頂禮恭敬：
北斗第一，易明貪狼太星君（子生人屬之）；
北斗第二，陰精巨門元星君（丑亥生人屬之）；
北斗第三，真人祿存貞星君（寅戌生人屬之）；
北斗第四，玄冥文曲紐星君（卯酉生人屬之）；
北斗第五，丹元廉貞罡星君（辰申生人屬之）；
北斗第六，北极武曲紀星君（巳未生人屬之）；
北斗第七，天沖破軍關星君（午生人屬之）；　北斗第八，洞明外輔星君。
北斗第九，隱光內弼星君；　上台虛精開德星君；　中台六淳司硿星君；
下台曲生司祿星君。
如是真君名號，不可得聞，凡有見聞，能持唸者，皆道心深重，宿有善緣。得聞持頌，其功德力，莫可
稱量。若正信男女，持此真經，智慧性圓，道心開發，出群迷徑，入希夷門，歸奉真宗，躂生榮界。于是，三元八節，本命生辰；北斗下日，嚴置壇場。轉經齋醮，
依儀行道。其福無邊，世世生生，不違真性，不入邪見。
持經之人，常持誦七元真君所屬尊號，善功圓滿，亦降吉祥。即說北斗咒曰：
“北斗九辰，中有七神。上朝金闕，下覆崑侖。調理綱紀，統制乾坤。大魁貪狼，巨門祿存，
文曲廉貞，武曲破軍，鄗上玉皇，紫微帝君。大周法界，細入微塵。何災不滅，何福不臻。
元皇正炁，來合我身。天罡所指，晝夜常輪。俗居小人。好道求靈，愿見尊儀，永保長生。
三台虛精，六淳曲生，　生我養我，護我身形。
魁、鬼勺、鬼藿、鬼行、鬼畢、鬼甫、魑 尊帝，急急如律令！”

老君曰：“凡人性命五体，悉屬本宮星官之所主掌。本命神將，本宿星官，常垂廕祐，主持人命，使保
天命年。凡俗無知，終身不悟。伕本命星官，每歲六度，降在人僩，降日為本命期限。有南陵使者三千人，北斗星君七千神將，本命真官降駕，眾真悉來擁護，可以
消災忏罪，請福延生。隨力章醮，福德增崇。其有本命限期將絰，自身不知，不設齋醮，不修香火，此為輕生迷本，不貴人身。天司奪祿，減算除年，多緻夭喪。迷
誤之者，雖遇經訣，怀不信心，毀謗真文。如此之人，淪沒三途，漂沉諸趣，永失人身，深可悲憫，自緻廝榼。
若本命之日能修齋醮，善躂天司，一世于本命限期，開轉真經，广陳供養，使三生常為男子身，富貴聰
明，人中殊勝。其有生身果薄，雖在人中，貧窮下賤。縱知本命無力修崇，能酌水獻花，冥心望北极，稽首禮拜，唸本命運真君名號者，亦不虛過。本命限期，皆得
延生注福，係係人身，災厄蠲（音捐、注7）除，擭福無量。”
天師歡喜，踴躍作禮。讚嘆難可得遇無上法橋。老君重告天師曰：“世人罪福善惡，皆屬天師，忏罪消
災，莫越修奉。遇本命生辰，告身中元辰、驛馬，削落三災九厄，保見今眷屬安宁。凡有上士于本命生辰，持此真文者，外伏魔精，內安真性。功霑（音沾，注8）
水陸，善及存亡。悔過虔恭，漸登妙果。重立玄功，証虛無道，乃得圣智圓通。隱顯莫測，出有入無，逍遙云際，升入金門，与道合真。身超三界。永不輪轉，壽量
無窮，快樂自在。
凡有男女，于本命生辰，及諸齋日，清淨身心，焚香持此真文，自認北极本命所屬星君，隨心禱祝，善無不應。災罪消除，緻感万圣千真，俱來衛護。
此文所在之處，千真敬禮，万圣護持。魔鬼潛消，精靈伏匿，世有災殃，悉皆消滅。是名《北斗本命延生經訣》乃修真之徑路。得道逍遙，皆因此經；証圣成真，皆因此經；出內生死，皆因此經；保護男女，皆因此經。保命延年，皆得自在，永為身寶，福壽可稱。保而敬之，非人勿示！”
老君說經將畢，龍鶴天仙來迎，還于玉京。是時天師得受妙法，而作是言。誓愿流行，以伝善士。若有男女，受持讀誦，我儅与十戒仙官，所在擁護。于是再拜老君而說讚曰：
“像有北斗經，本命降真靈。像有北斗經，宅捨得安宁。
像有北斗經，父母保長生。像有北斗經，諸厭化為塵。
像有北斗經，万邪自歸正。像有北斗經，營業得稱情。
像有北斗經，闔門自康健。像有北斗經。子孫保榮盛。
像有北斗經，五路自通躂。像有北斗經。眾惡永消滅。
像有北斗經，六畜保興旺。像有北斗經，疾病得痊癒（讀柴、注9）
像有北斗經，財物不虛耗。像有北斗經，橫事永不起。
像有北斗經，長保亨利貞。”
老君曰：“善哉！善哉！汝可宣揚正教，福利無邊。普及眾生，永沾勝善。”天師稽首禮謝，信受奉行。
讚
建齊七政，佈瞋万方。消災解賜流光，刑克永無妨。煥彩光芒，賡（音耕，注9）拜保安康。　太上玄靈北斗本命延生真經
大慈延壽天尊！

（按：太上玄靈北斗本命延生真經誦畢，若有時僊，亦可加誦《玉皇心印》及《斗母寶誥》。）

注釋：

（1）醮，音校，齋醮即古時一种設壇祭祠祀活動。

（2）愆，音牽，過失罪愆，錯過時期曰愆期、愆滯，即失誤、延擱之意。

（3）駢，音並，並列、對偶、密接之意。文選晉嵇叔夜（康）琴賦有“雙美並進，駢馳异驅”之句，即此字意。

（4）迍邅，音淳沾，處境困難，不能前進的樣子。

（5）道傢帶鬼字頭的异体字，除了原出字典外，大都是以諧音誦“”讀，即用原字原音。主要是反應隱態的特定環境或作用。例如魁仍讀斗，其它鬼字中的魁、鬼勺、鬼雚、鬼行、鬼畢、鬼甫、魑各讀其音。反應的是鬼气入星斗無所遁形之意。

（6）蠲，音捐，蠲除就是免除、去除之意。

（7）霑，音沾，潤澤，沾濡、受教化之意。《大唐西域記八摩揭陀國上》有“佛法玄妙，英賢繼軌，無為守道，含溼霑化”數句，是對此字的詮釋。

（8）瘥，音柴去聲，“痊瘥”、即疾病、小疫得痊愈之意。

（9）“賡”音耕。繼續。賡續不斷之意。



Bắc Đẩu Chân Kinh

Thái Thượng Huyền Linh Bắc Đẩu Bổn Mệnh Diên Sinh Chân Kinh）

(dưới đây là phần âm để tụng, còn phần dịch nghĩa thì sẽ dịch sau)

Nhĩ thời , Thái Thượng Lão Quân dĩ Vĩnh Thọ Nguyên Niên chính nguyệt thất nhật , tại Thái Thanh Cảnh thượng Thái Cực Cung trung , quan kiến chúng sinh ức kiếp phiêu trầm , chu hồi sinh tử . Hoặc cư nhân đạo , sinh tại Trung Hoa ; hoặc sinh di địch chi trung ; hoặc sinh man nhung chi nội ; hoặc phú hoặc quí , hoặc tiện hoặc bần . Tạm giả nhân duyên , truỵ vu địa ngục . Vi vô định cố , tội nghiệt khiên triền , hồn hệ âm ty , thụ hộ mãn túc , nhân đạo tương vi . Sinh cư súc thú chi trung . Hoặc sinh cầm trùng chi thuộc , chuyển quai nhân đạo , nạn phúc nhân thân . Như thử trầm thương , bất tự tri giác , vi tiên thế mê chân chi cố , thụ thử luân hồi . Nãi dĩ y mẫn chi tâm , phân thân giáo hoá , hoá thân hạ giáng , điệt vu thục đô . Địa thần dũng xuất , phù nhất ngọc cục , nhi tác cảo toạ . Vu thị Lão Quân thăng ngọc cục

toạ , thụ dữ Thiên Sư 《Bắc Đẩu Bổn Mệnh Kinh Quyết》 . Nghiễm tuyên yếu pháp , phổ tế chúng sinh .

Thị thời , Lão Quân cáo Thiên Sư viết : "Nhân thân nạn đắc , Trung thổ nạn sinh , giả sử đắc sinh , chính pháp nạn ngộ . Đa mê chân đạo , đa nhập tà tông , đa chủng tội căn , đa tứ xảo trá , đa tứ dâm sát , đa hảo quần tình , đa túng tham sân , đa trầm địa ngục , đa thất nhân thân . Như thử đẳng duyên , chúng sinh bất ngộ , bất tri chính đạo , mê hoặc giả đa . Ngã kim y kiến thử đẳng chúng sinh , cố thuỳ giáo pháp , vi thuyết lương duyên , lệnh sử tri đạo , tri thân tính mệnh , giai bằng đạo sinh , liễu ngộ thử nhân , trường sinh nhân đạo . Chủng tử bất tuyệt , thế thế vi nhân . Bất sinh vô đạo chi hương , bất đoạn nhân chi căn bổn . Cánh năng tâm tu điệt đạo , tiệm nhập tiên tông , vĩnh nhựu luân hồi , siêu thăng thành đạo . Cố ngã thị nhữ pháp , lệnh độ thiên dân , qui chân tri mệnh . Khả dĩ bổn mệnh chi nhật , tu trai thiết tiêu , khải chúc Bắc Đẩu 、 Tam Quan Ngũ Đế 、 Cửu Phủ Tứ Ty , tiến phước tiêu tai . Tấu chương khẩn nguyện , kiền thành hiến lễ , chủng chủng hương hoa . Thời tân ngũ quả . tuỳ thế uy nghi , thanh tịnh đàn vũ , pháp thiên tượng địa . Hoặc tựu quan vũ , hoặc tựu gia đình , tuỳ lực kiến công , thỉnh hành pháp sự , công đức thâm trọng , bất khả cụ trần .Niệm thử Đại Thánh Bắc Đẩu Nguyên Chân Quân danh hiệu , đương đắc tội nghiệp tiêu trừ , tai khiên tẩy đãng , phước thọ tư mệnh , thiện quả trăn thân . Phàm hữu cấp nạn , khả dĩ phần hương tụng kinh .Khắc kỳ an thái . Vu thị , thuyết Đại Thánh Bắc Đẩu Giải Ách ứng nghiệm viết :

"Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải tam tai ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng trừ tứ sát ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải ngũ hành ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải lục hại ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải thất thương ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải bát nạn ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải cửu tinh ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải phu thê ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải nam nữ ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải sinh sản ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải phúc liên ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải dịch lệ ách ;
Đại thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên quân , năng giải tật bệnh ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải tinh tà ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải hổ lang ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải trùng xà ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân ; năng giải kiếp tặc ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải già bổng ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải hoạnh tử ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải chú thệ ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải thiên la ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải địa võng ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải đao binh ách ;
Đại Thánh Bắc Đẩu Thất Nguyên Quân , năng giải thuỷ hoả ách .

Vu thị Thất Nguyên Quân , Đại Thánh thiện thông linh , tế độ chư ách nạn , siêu xuất hộ chúng sinh . Nhược hữu cấp cáo giả , trì tụng bảo an bình . Tận bằng sinh bá phước , hàm khiết vu ngũ hành . Tam hồn đắc an kiện , tà mị bất năng đình . Ngũ phương giáng chân

khí, vạn phước tự lai biền . Trường sinh siêu bát nạn , giai do phụng thất tinh . Sinh sinh thân tự tại , thế thế bảo thần thanh , thiện tự quang trung ảnh , ưng như cốc lí thanh . Tam nguyên thần cộng hộ , vạn thánh nhãn đồng minh . Vô tai diệc vô chướng , vĩnh bảo đạo tâm trữ . ”

Lão Quân viết : “Bắc thần thuỳ tượng , nhi chúng tinh củng chi , vi tạo hoá chi xu cơ , tác thần nhân chi chủ tể . Tuyên uy tam giới , thống ngự vạn linh . Phán nhân nhàn thiện ác chi kỳ , ty âm dương thị phi chi mục . Ngũ hành cộng bẩm , thất chính đồng khoa . Hữu hồi tử chú sinh chi công , hữu tiêu tai độ ách chi lực . Thượng điệt đế vương , hạ cập thứ nhân , tôn ti tuy tắc thù đồ , mệnh phân câu vô sai biệt , phàm phu tại thế mê mậu giả đa , bất tri thân thuộc Bắc Đẩu , mệnh do thiên phủ . Hữu tai hữu hoạn , bất tri giải tạ chi môn ; kì phước kì sinh , mạc hiểu qui chân chi lộ . Trí sử hồn thần bị hệ , hoạ hoạn lai triền . Hoặc trọng bệnh bất thuyên , hoặc tà yêu khắc hại , liên niên khốn đốc , luỹ tuế truân chiên . Chủng tụng chinh hô , tiên vong phúc liên . Hoặc thượng thiên khiển trách , hoặc hạ quỉ hân vu . Nhược hữu thử nguy ách , như hà cứu giải chính cấp tu đầu cáo Bắc Đẩu , tiêu tạ Chân Quân , cập chuyển thử kinh . Nhận bổn mệnh Chân Quân . Phương hoạch an thái , dĩ điệt khang vinh . Cánh hữu thâm diệu , bất khả tận thuật .

*Phàm kiến Bắc Đẩu chân hình , đỉnh lễ cung kính : -

(không đọc những chữ trong ngoặc đơn)

Bắc Đẩu đệ nhất , Dương Minh Tham Lang Thái Tinh Quân Ttí sinh nhân thuộc chi ） ;

Bắc Đẩu đệ nhị , Âm Tinh Cự Môn Nguyên Tinh Quân （Sửu Hợi sinh nhân thuộc chi ） ;

Bắc Đẩu đệ tam , Chân Nhân Lộc Tồn Trinh Tinh Quân （Dần Tuất sinh nhân thuộc chi ） ;

Bắc Đẩu đệ tứ , Huyền Minh Văn Khúc Nữu Tinh Quân （Mão Dậu sinh nhân thuộc chi ） ;

Bắc Đẩu đệ ngũ , Đan Nguyên Liêm Trinh Cương Tinh Quân （Thìn Thân sinh nhân thuộc chi ） ;

Bắc Đẩu đệ lục , Bắc Cực Vũ Khúc Kỷ Tinh Quân （Tỵ Mùi sinh nhân thuộc chi ） ;

Bắc Đẩu đệ thất , Thiên Xung Phá Quân Quan Tinh Quân （Ngọ sinh nhân thuộc chi ） ;

Bắc Đẩu đệ bát , Đỗng Minh Ngoại Phụ Tinh Quân .

Bắc Đẩu đệ cửu , ẩn Quang Nội Bật Tinh Quân ;

Thượng Thai Hư Tinh Khai Đức Tinh Quân ;

Trung Thai Lục Thuần Ty Không Tinh Quân ;

Hạ Thai Khúc Sinh Ty Lộc Tinh Quân .

Như thị Chân Quân danh hiệu , bất khả đắc văn , phàm hữu kiến văn , năng trì niệm giả , giai đạo tâm thâm trọng , tú hữu thiện duyên . Đắc văn trì tụng , kỳ công đức lực , mạc khả xưng lượng . Nhược chính tín nam nữ , trì thử chân kinh , trí huệ tính viên , đạo tâm khai phát , xuất quần mê kính , nhập Hi Di môn , qui phụng chân tông , đạt sinh vinh giới . Vu thị , tam nguyên bát tiết , bổn mệnh sinh thần ; Bắc Đẩu hạ nhật , nghiêm trí đàn tràng . Chuyên kinh trai tiêu , y nghi hành đạo . Kỳ phước vô biên , thê thê sinh sinh , bất vi chân tính , bất nhập tà kiến .

Trì kinh chi nhân , thường trì tụng Thất nguyên Chân Quân sở thuộc tôn hiệu , thiện công viên mãn , diệc giáng cát tường . Tức thuyết Bắc Đẩu chú viết :

“Bắc Đẩu cửu thần , trung hữu thất thần .Thượng triều kim khuyết , hạ phúc Côn Lôn . Điều lí cương kỷ , thống chế càn khôn . Đại khôi Tham Lang , Cự Môn , Lộc Tồn , Văn Khúc, Liêm Trinh , Vũ Khúc, Phá Quân , Cảo Thượng Ngọc Hoàng , Tử Vi Đế Quân . Đại chu pháp giới , tế nhập vi trần . Hà tai bất diệt , hà phước bất trăn .

Nguyên Hoàng chính khí lai hợp ngã thân . Thiên cương sở chỉ , trú dạ thường luân . Tục cư tiểu nhân . Hảo đạo cầu linh , nguyện kiến tôn nghi , vĩnh bảo trường sinh .

Tam Thai Hư Tinh , Lục Thuần Khúc Sinh , sinh ngã dưỡng ngã , hộ ngã thân hình . Khôi 、 quỉ chước 、 quỉ quyền、 quỉ hành 、 quỉ tất 、 quỉ phủ 、 quỉ tôn đế , cấp cấp như luật lệnh ! ”

Lão Quân viết : “Phàm nhân tính mệnh ngũ thể , tất thuộc bổn cung tinh quan chi sở chủ chưởng . Bổn mệnh thần tướng , bổn tú tinh quan , thường thuỳ ấm hữu , chủ trì nhân mệnh , sử bảo thiên mệnh niên . Phàm tục vô tri , chung thân bất ngộ . Phù bổn mệnh tinh quan , mỗi tuế lục độ , giáng tại nhân nhàn , giáng nhật vi bổn mệnh kỳ hạn . Hữu Nam Lăng Sứ Giả tam thiên nhân , Bắc Đẩu tinh quân thất thiên thần tướng , bổn mệnh chân quan giáng giá , chúng chân tất lai ủng hộ , khả dĩ tiêu tai thiên tội , thỉnh phước diên sinh . Tuỳ lực chương tiêu , phước đức tăng sùng . Kỳ hữu bổn mệnh hạn kỳ tương điệt , tự thân bất tri , bất thiết trai tiêu , bất tu hương hoả , thử vi khinh sinh mê bổn , bất quí nhân thân . Thiên ty đoạt lộc , giảm toán trừ niên , đa trí yểu táng . Mê ngộ chi giả , tuy ngộ kinh quyết , phó bất tín tâm , huỷ báng chân văn . Như thử chi nhân , luân một tam đồ , phiêu trầm chư thú , vĩnh thất nhân thân , thâm khả bi mẫn , tự trí tư hộ .

Nhược bổn mệnh chi nhật năng tu trai tiêu , thiện đạt thiên ty , nhất thế vu bổn mệnh hạn kỳ , khai chuyển chân kinh , nghiễm trần cúng dường , sử tam sinh thường vi nam tử thân , phú quí thông minh , nhân trung thù thắng . Kỳ hữu sinh thân quả bạc , tuy tại nhân trung , bần cùng hạ tiện . Túng tri bổn mệnh vô lực tu sùng , năng chước thuỷ hiến hoa , minh tâm vọng bắc cực , khể thủ lễ bái , niệm bổn mệnh vận Chân Quân danh hiệu giả , diệc bất hư quá . Bổn mệnh hạn kỳ , giai đắc diên sinh chú phước , hệ hệ nhân thân , tai ách quyên trừ , hoạch phước vô lượng . ”

Thiên sư hoan hỉ , dũng dược tác lễ . Tán thán nạn khả đắc ngộ vô thượng pháp kiều . Lão Quân trọng cáo Thiên Sư viết : “Thế nhân tội phước thiện ác , giai thuộc Thiên Sư , thiên tội tiêu tai , mạc việt tu phụng . Ngộ bổn mệnh sinh thần , cáo thân trung nguyên thần 、 dịch mã , tước lạc tam tai cửu ách , bảo kiến kim quyển thuộc an trữ . Phàm hữu thượng sĩ vu bổn mệnh sinh thần , trì thử chân văn giả , ngoại phục ma tinh , nội an chân tính . Công triêm thuỷ lục , thiện cập tổn vong . hối quá kiền cung , tiệm đăng diệu quả . Trọng lập huyền công , chứng hư vô đạo , nãi đắc thánh trí viên thông . Ẩn hiển mạc trắc , xuất hữu nhập vô , tiêu dao vân tế , thăng nhập kim môn , dữ đạo hợp chân . Thân siêu tam giới . Vĩnh bất luân chuyển , thọ lượng vô cùng , khoái lạc tự tại .

Phàm hữu nam nữ , vu bổn mệnh sinh thần , cập chư trai nhật , thanh tịnh thân tâm , phần hương trì thử chân văn , tự nhận bắc cực bổn mệnh sở thuộc tinh quân , tuỳ tâm đảo chúc , thiện vô bất ứng . Tai tội tiêu trừ , trí cảm vạn thánh thiên chân , câu lai vệ hộ .

Thử văn sở tại chi xứ , thiên chân kính lễ , vạn thánh hộ trì . Ma quỉ tiềm tiêu , tinh linh phục nặc , thế hữu tai ương , tất giai tiêu diệt . Thị danh 《Bắc Đẩu bổn mệnh diên sinh kinh quyết》 nãi tu chân chi kính lộ . Đắc đạo tiêu dao , giai nhân thử kinh ; chứng thánh thành chân , giai nhân thử kinh ; xuất nhựu sinh tử , giai nhân thử kinh ; bảo hộ nam nữ , giai nhân thử kinh . Bảo mệnh diên niên , giai đắc tự tại , vĩnh vi thân bảo , phước thọ khả xưng . Bảo nhi kính chi , phi nhân vật thị ! ”

Lão Quân thuyết kinh tương tất , Long Hạc Thiên Tiên lai nghênh , hoàn vu Ngọc Kinh . Thị thời Thiên Sư đắc thụ diệu pháp , nhi tác thị ngôn . Thệ nguyện lưu hành , dĩ vân thiện sĩ . Nhược hữu nam nữ , thụ trì độc tụng , ngã đương dữ thập giới tiên quan , sở tại ủng hộ . Vu thị tái bái Lão Quân nhi thuyết tán viết :

“Gia hữu Bắc Đẩu kinh , bổn mệnh giáng chân linh .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , trạch xả đắc an trữ .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , phụ mẫu bảo trường sinh .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , chư yếm hoá vi trần .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , vạn tà tự qui chính .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , doanh nghiệp đắc xưng tình .

Gia hữu Bắc Đẩu kinh , hạp môn tự khang kiện .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh . tử tôn bảo vinh thịnh .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , ngũ lộ tự thông đạt .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh . chúng ác vĩnh tiêu diệt .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , lục súc bảo hưng vượng .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , tật bệnh đắc thuyên sai .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , tài vật bất hư hao .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , hoạnh sự vĩnh bất khởi .
Gia hữu Bắc Đẩu kinh , trường bảo hanh lợi trinh . ”
Lão Quân viết : “Thiện tai ! thiện tai ! Nhữ khả tuyên dương chính giáo , phước lợi vô biên . Phổ cập chúng sinh , vĩnh triêm thắng thiện . ”
Thiên Sư khể thủ lễ tạ , tín thụ phụng hành .
*Tán :-
Kiến tề thất chính , bố sân vạn phương .
Tiêu tai giải tứ lưu quang , hình khắc vĩnh vô phương .
Hoán thể quang mang , canh bái bảo an khang .
Thái Thượng Huyền Linh Bắc Đẩu bổn mệnh diên sinh chân kinh đại từ diên thọ Thiên Tôn !

Hết.

*Ghi chú:- Tụng xong “Thái Thượng Huyền Linh Bắc Đẩu bổn mệnh diên sinh chân kinh” , nếu có thời giờ tụng tiếp “Ngọc Hoàng Tâm Ấn” hoặc “Đẩu Mẫu Bảo Cáo” thì rất tốt.
（Án ：Thái Thượng Huyền Linh Bắc Đẩu bổn mệnh diên sinh chân kinh tụng tất , nhược hữu thời nhàn , diệc khả gia tụng 《Ngọc Hoàng Tâm ấn》cập 《Đẩu Mẫu Bảo Cáo》.
)
*Chú thích ：-
（1）tiêu , âm hiệu , trai tiêu tức cổ thời nhất chủng thiết đàn tế từ tự hoạt động .
（2）khiên , âm khiên , quá thất tội khiên , thác quá thời kỳ viết khiên kỳ 、khiên trệ , tức thất ngộ 、diên các chi ý .
（3）biền , âm tịnh , tịnh liệt 、đối ngẫu 、mật tiếp chi ý . văn tuyển tấn kê thúc dạ （khang ）cầm phú hữu “song mỹ tịnh tiến , biền khu dị khu ”chi cú , tức thử tự ý .
（4）truân chiên , âm thuần triêm , xứ cảnh khốn nạn , bất năng tiền tiến đích dạng tử .
（5）Đạo gia đái quỉ tự đầu đích di thể tự , trừ Liễu Nguyên xuất tự điển ngoại , đại đô thị dĩ hài âm tụng “”độc , tức dụng nguyên tự nguyên âm . Chủ yếu thị phản ứng ẩn thái đích đặc định hoàn cảnh hoặc tác dụng . Lệ như khôi nhưng độc đẩu , kỳ tha quỉ tự trung đích khôi 、quỉ thược 、quỉ quyền、quỉ hành 、quỉ tất 、quỉ phủ 、quỉ các độc kỳ âm . phản ứng đích thị quỉ khí nhập tinh đẩu vô sở độn hình chi ý .
（6）quyên , âm quyên , quyên trừ tựu thị miễn trừ 、khứ trừ chi ý .
（7）triêm , âm triêm , nhuận trạch , triêm nhu 、thụ giáo hoá chi ý . 《Đại Đường Tây Vực ký Bát Ma Yết Đà quốc thượng》hữu “Phật pháp huyền diệu , anh hiền kế quĩ , vô vi thủ đạo , hàm kinh triêm hoá ”số cú , thị đối thử tự đích thuyên thích .
（8）sai , âm sài khứ thanh , “thuyên sai ”、tức tật bệnh 、tiểu dịch đắc thuyên dũ chi ý .
（9）“canh ”âm canh . kế tục . canh tục bất đoạn chi ý .

Xin theo dõi tiếp BÀI 7. dienbatn giới thiệu.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 7 .

*Thứ Sáu, ngày 03 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

### 30. TIÊN THIÊN TÔN THẦN -TỨ NGỰ .




先天尊神 - 四御

四御的由來：四御指的是道教三清尊神下的主宰天地萬物的四位尊神，即：玉皇大帝、中天紫微北極大帝、勾陳上宮天皇大帝和后土皇地祇。玉皇大帝是萬神之主。中天紫微北極大帝，是紫微垣中的大帝座星君，居於中天，萬星之宗主。勾陳上宮天皇大帝，是北極帝座之左四座星組成的勾陳，位同北極，為天轉之樞紐。后土皇地祇，是天地

中央之像，唐代以前作男像，唐武則天時出現女像。宋真宗潘皇后在嵩山建殿，供奉后土玄天大聖后像，宋徽宗政和七年(1117年)上地祇徽號：承天效法厚德光大后土皇地祇。其後，后土皆作女像。宋代以後，由於玉皇大帝在道教神系中的地位和職能有所加強，因此，道書中多有將玉皇大帝排列在「四御」之外的說法，將「四御」解釋為北南西東四極之天帝，即：北極紫微大帝、南極長生大帝、太極天皇大帝和東極青華大帝。當今中國道教已經恢復了宋代以前的對「四御」的說法。

## Tiên Thiên Tôn Thần - Tứ Ngự

I.- ĐỊNH NGHĨA TỨ NGỰ:-

Tứ Ngự là chỉ cho bốn vị tôn thần làm chủ tể trời đất và muôn vật thuộc Tam Thanh Tôn Thần theo quan niệm của Đạo giáo. Gồm có:- Ngọc Hoàng Đại Đế, Trung Thiên Tử Vi Bắc Cực Đại Đế, Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng Đại Đế và Hậu Thổ Hoàng Địa Kì .

NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị đứng đầu của muôn Thần. Trung Thiên Tử Vi Bắc Cực Đại Đế là vị Tinh Quân cư ngụ ở Trung Thiên của Tử Vi Viên (vườn Tử Vi) , là tông chủ của các sao. Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng Đại Đế thì địa vị ngang với Bắc Cực, vị trí Câu Trần là do bốn quần thể sao nằm bên trái của Bắc Cực tổ hợp thành, chủ về trung tâm chuyển động của trời. Hậu Thổ Hoàng Địa Kì là hình tượng trung ương của trời đất. Từ trước cho đến đời nhà Đường thì tượng Hậu Thổ là nam. Đời Võ Tắc Thiên đổi thành tượng nữ. Đời Tống Chân Tông thì Phan Hoàng Hậu xây dựng điện thờ ở Tung Sơn, cúng cho tượng Huyền Thiên Đại Thánh Hậu . Niên hiệu Chính Hòa thứ bảy (năm 1117) đời Tống Chận Tông phong tặng Hậu Thổ là :- "Thừa Thiên Hiệu Pháp Hậu Đức Quang Đại Hậu Thổ Hoàng Địa Kì". Từ đó về sau, thành tượng nữ đến nay.

Từ đời Tống về sau, do vì sự lớn mạnh của Đạo Giáo, địa vị của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ được tôn sùng nhiều hơn, trở thành độc tôn. Cho nên, trong sách Đạo gia giải thích Tứ Ngự là thiên đế của bốn cực đông tây nam bắc , tức là :- Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, Nam Cực Trường Sinh Đại Đế , Thái Cực Thiên Hoàng Đại Đế và
Đông Cực Thanh Hoa Đại Đế .

Nhưng ngày nay Đạo giáo của Trung Quốc đã khôi phục lại quan điểm về Tứ Ngự của chủ trương trước đời Tống (là phần nói ở đầu).

職能：玉皇大帝是總執天道之大神，位居三清之下，眾神之上。中天紫微北極大帝協助玉皇大帝職掌天經地緯、日月星辰和四時氣候，道書稱其「萬星之宗主，三界之亞君，次於昊天，上應元氣」。勾陳上宮天皇大帝，協助玉皇大帝職掌南北極與天地人三才，統御諸星並主持人間兵革之事。后土皇地祇職掌陰陽生育、萬物之美、大地山河之秀。至於宋代以後以四極大帝作為四御的，四極大帝也各有職能，即：北極紫微大帝總御萬星，南極長生大帝總御萬靈、主管萬靈之壽夭，太極天皇大帝總御萬神，東極青華大帝總御萬類，主管救度眾生。

II.- CHỨC NĂNG :-

NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần lớn nhất cai quản hết thiên đạo, ở chót của Tam Thanh mà đứng đầu các Thần. Trung Thiên Tử Vi Bắc Cực Đại Đế giúp đỡ cho NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ về kinh tuyến của trời và vĩ tuyến của đất, mặt trời mặt trăng các sao, khí hậu của bốn mùa. Sách Đạo gia nói :- "Trung Thiên Tử Vi Bắc Cực Đại Đế tông chủ của các sao , là vị vua thứ hai của tam giới, vua kế của Hạo Thiên, là sự ứng hiện cao cả của Nguyên Khí".

Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng Đại Đế giúp đỡ cho NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ về cai quản Nam Bắc Cực, tam tài thiên địa nhân, thống ngự các sao và chủ trì về việc chiến tranh của nhân gian. Hậu Thổ Hoàng Địa Kì cai quản âm dương, việc sanh sanh hóa hóa của các loài, tạo ra nét đẹp của muôn vật, vẻ tú lệ của đất đai sông núi. Đời Tống thì lấy Tứ Cực Đại Đế làm Tứ Ngự. Chức năng của Tứ Cực Đại Đế là:- Bắc Cực Tử Vi Đại Đế cai quản các sao, Nam Cực Trường Sinh Đại Đế cai quản về tuổi thọ của vạn linh, Thái Cực Thiên Hoàng Đại Đế cai quản các thần, Đông Cực Thanh Hoa Đại Đế chủ về cứu độ chúng sinh muôn loài.

奉祀：道教宮觀中多有在三清殿以外，另設有四御殿，供奉四御尊神。在大型齋醮儀禮活動中，除了供奉三清外，也別設有四御之神位。道書稱「各居一列，各全其尊」。四御各尊神也分別有其神誕之日，玉皇大帝為正月初九日，紫微北極大帝為十月二十七日，勾陳上宮天皇大帝為二月初二日，后土皇地祇為三月十八日。道教信徒多有在四御尊神神誕之日分別赴道觀燒香奉祀的。

參考文獻：

《雲笈七籤》、

《三教源流搜神大全》

圖片來源：

寺觀壁畫(一0六)

執筆人：陳耀庭

勾陳上宮天皇大帝

紫微北極大帝

寺觀壁畫

紫微大帝職掌大自然



III.- VIỆC THỜ CÚNG:-

Trong các cung quán của Đạo Giáo, đa số thường thiết kế Điện Tứ Ngự nằm bên ngoài Điện Tam Thanh để thờ cúng Tứ Ngự Tôn Thần. Trong các hoạt động về tế lễ của những kỳ "đại đàn", ngoài việc cúng Tam Thanh còn cúng tế Tứ Ngự rất trọng thể. Sách Đạo gia nói :- "Các cư nhất liệt, các toàn kỳ tôn" (nhiều vị gom một chỗ, mỗi mỗi đều tôn kính).

Tứ Ngự có ngày vía riêng:-

-NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là ngày mùng chín tháng giêng.

-Tử Vi Bắc Cực Đại Đế là ngày hai mươi bảy tháng mười.

-Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng Đại Đế là ngày mùng hai tháng hai.

-Hậu Thổ Hoàng Địa Kì là ngày  mười tám tháng ba.
Tín đồ Đạo giáo ghi nhớ rất rõ từng ngày vía của từng vị,  ngày đó tập trung đến các đạo quán để cùng các vị chức  sắc cúng tế rất đông.
*Tài liệu  tham  khảo  :
《 Vân  Cấp  Thất  Thiêm  》、
《 Tam  Giáo  Nguyên  Lưu  Sưu  Thần  Đại  Toàn 》
* Source  hình ảnh  từ  Tự Quán Bích Họa.
*Người viết  : - Trần  Diệu  Đình
*Nhược Thủy dịch

(từ  http://wdb.taoistic.org/).

## TIÊN THIÊN TÔN THẦN -TAM  THANH
## 31.LINH BỬU THIÊN TÔN



### 先天尊神 - 三 清
### 靈寶天尊

靈寶天尊的由來：靈寶天尊是道教最高神靈「三清」尊神之一，原稱上清高聖太上玉晨元皇大道君。齊梁高道陶弘景編定的《真靈位業圖》列其在第二神階之中位，僅次於第一神階中位之元始天尊。唐代時曾稱為太上大道君，宋代起才稱為靈寶天尊或靈寶君。據《雲笈七籤》引《洞真大洞真經》，靈寶天尊係「玉晨之精氣，九慶之紫煙，玉暉煥耀，金映流真，結化含秀，苞凝元神，寄胎母氏，育形為人」。《靈寶略記》則稱「太上大道君以開皇元年託胎於西方綠那玉國，寄孕於洪氏之胞，凝神瓊胎之府三千七百年，降誕於其國郁察山浮羅之嶽丹玄之阿側，名曰器度，字上開元。及其長，乃啟悟道真，期心高道，坐於枯桑之下，精思百日而元始天尊下降，授靈寶大乘之法十部妙經」。

LINH BỬU THIÊN TÔN  là một trong Tam Thanh, nghĩa là một trong ba vị thần linh tối cao trong Đạo Giáo. ( LINH BẢO THIÊN TÔN  )

Xưng hô đầy đủ là :- "Thượng Thanh Cao Thánh Thái Thượng Ngọc Thần Nguyên Hoàng Đại Đạo Quân ".

*Trong quyển "Chân Linh Vị Nghiệp Đồ" của bậc đạo đức cao là Đào Hoằng Cảnh đời Tề - Lương, xếp Ngài vào vị trí "thứ hai" ở trung vị, kế vị thứ nhất là Nguyên Thủy Thiên Tôn.

-Đời nhà Đường từng xưng Ngài là "Thái Thượng Đại Đạo Quân", đời Tống mới xưng là " LINH BỬU THIÊN TÔN" hay "Linh Bửu Quân".

-Căn cứ vào sách :- "Vân Cấp Thất Thiêm" dựa theo sách "Động Chân Đại Động Chân Kinh" cho rằng :- " LINH BỬU THIÊN TÔN là tinh khí của Ngọc Thần, là Tử Yên (khói tía) của Cửu Khánh, ánh ngọc rực rỡ, sắc vàng tỏa sáng, kết hợp nhiều vẻ đẹp, ngưng tụ nguyên thần vào một boc, gởi tạm vào thai mẹ, nuôi nấng thành hình người" .

-Trong Linh Bửu Lược Ký thì nói :- " Thái Thượng Đại Đạo Quân đã thác thai nơi nước Lục Na Ngọc ở Tây Phương nhằm vào năm Khai Hoàng thứ nhất. Ngài đã ký thai nơi bà Hồng Thị , ngưng thần nuôi thai ba ngàn bảy trăm năm, sanh ra nơi kề bên Đan Huyền của núi Úc Sát thuộc dãy núi Phù La, tên là Khí Độ, tự Thượng Khai Nguyên. Lớn lên đã ngộ được Đạo chân, ngồi ở dưới đám dâu khô thiến quán một trăm ngày, kế được Nguyên Thủy Thiên Tôn giáng xuống chỉ dạy chân pháp của mười bộ diệu kinh".

輔司高仙：上清高聖太上玉晨大道君，自元始天尊處受經法以後，即輔佐元始天尊，居三十六天之第二高位上清境，在三十四天之上，治蕊珠日闕，管七映紫房，金童玉女各三十萬侍衛。萬神入拜，五德把符，上真侍晨，天皇抱圖。



NƠI NGỰ CỦA LINH BỬU THIÊN TÔN :-

Đức Thượng Thanh Cao Thánh Thái Thượng Ngọc Thần Nguyên Hoàng Đại Đạo Quân kể từ sau khi được Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn dạy cho diệu pháp, trở thành vị phụ tá cho Ngài Nguyên Thủy; nghĩa là vị trí thứ hai của ba mươi sáu cung Trời Thượng Thanh Cảnh . Ngài Linh Bửu ở cung Trời thứ ba mươi bốn nơi Điện Trị Nhụy Châu Nhật, cai quản bảy phòng phát ra áng sáng tía, có ba trăm ngàn Kim Đồng Ngọc Nữ làm thị vệ. Nơi đây được muôn Thần đến triều bái . Ngài ban năm đức cho các Tinh Tú trở thành thượng chân, bảo vệ cõi Thiên Hoàng.

靈寶度人：據《洞玄本行經》，靈寶天尊以靈寶之法，隨世度人。自元始開光，至於赤明元年，經九千九百億萬劫，度人有如塵沙之眾，不可勝量。凡遇有緣好學之人，請問疑難，靈寶天尊即不吝教誨。天尊有三十六變、七十二化，人欲見之，隨感而應，千萬處可分身即到。

*SỰ CỨU ĐỘ NGƯỜI CỦA LINH BỬU THIÊN TÔN

Theo sách Động Huyền Bổn Hạnh Kinh, Ngài LINH BỬU THIÊN TÔN có bí pháp gọi là "Linh Bửu", để cứu độ thế nhân. Từ khi Ngài Nguyên Thủy khai sáng cho đến năm thứ nhất Xích Minh, trải qua chín trăm ức vạn (900.000.000.000) năm, đã cứu độ cho chúng sanh nhiều như số bụi trần, chẳng thể tính đếm.
Phàm những người hữu duyên mà hiếu học, có những nghi ngờ chưa rõ trong việc tu chân , cầu nguyện Ngài sẽ chỉ dạy không dấu diếm. LINH BỬU THIÊN TÔN có ba mươi sáu phép biến, bảy mươi hai phép hóa, một khi có người cầu nguyện liền có cảm ứng, ngàn muôn nơi Ngài đều có thể phân thân đến cứu giúp ngay.

奉祀：道教宮觀裡的三清殿中，靈寶天尊常以手捧如意之像居元始天尊之左側位。在道教大型齋醮禮儀中，也多設有三清神位，以靈寶天尊居元始天尊之左位。靈寶天尊之神誕日為夏至日，約在農曆五月中。民間於夏至日之供奉常以靈寶天尊為主神。

*VIỆC THỜ CÚNG :-
Trong cung quán của Đạo Giáo, thờ hình tượng Ngài LINH BỬU THIÊN TÔN là vị tay cầm ngọc như ý, ngồi ở bên trái Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn trong Điện Tam Thanh. (bên phải là Ngài Thái Thượng Lão Quân)
Đạo Giáo cử hành lễ vía Ngài LINH BỬU THIÊN TÔN vào ngày Hạ Chí trong năm, vào khoảng tháng năm âm lịch, tín đồ đến cúng bái không ngớt.




太上靈寶天尊說延壽妙經

爾時，靈寶延壽天尊在南極天中金光山內寶林樹下，凝神念道，共十千徒眾，解說《延壽妙經》，論虛無大道。徧體光明，洞照天地三界十方，一時震響，復有諸天上聖、一切鬼王、天龍十部，尋光而至，上詣天尊。乞無生死，五體投地作禮神尊，依位而立。時有延命真人、廣福真人、金華真人、妙喜真人、紫蓋真人、黃籙童子、碧霄童子、青華童子、白惠童子，及以一切聖眾，皆獻寶花，百味香藥，手執日月靈幢、紫光神節、十絕靈旛、延命寶蓋，次第行道，燒香散花，齊唱延壽天尊，咸得度世。爾時神尊含笑巍巍，從大頂門放十道神光，普照法眾身心無有悟者。於是道場中有一童子名曰善達，前進作禮，上白天尊：見在座中皆是變化神仙，何得未悟。伏願尊顏，為臣解說。
天尊言曰：此之仙眾雖有神通，實無真道。童子曰：不審何名真道。

天尊言曰：不生不滅，名為真道。無去無來，亦名真道。於不生不滅、無去無來，亦昧真道。一切法相，皆為虛妄。世間男女，若欲延命長年，消灾集福，但自

精心燒香行道，布施放生，建造功德，念經供養，兼請道士法師，講讀尊經、本命齋醮，即有注筭神王、記名神王、落死神王、上生神王，保護念經之人，錄其功德，奏上諸天，金帛豐足，永保安寧。於是諸天大聖、一切鬼王，稽首歸依，皆大歡喜。累劫學道，未聞此經，並是金口之言，於是鬼神發弘誓，願生生世世眼見真仙，耳聞正法，禮拜十齋，常行至道。天尊再留偈曰：

生前不慈孝，死後報何恩。悲啼在地獄，誰明勸善言。修善自歸善，作惡歸惡源。至心常供養，延壽遇神仙。寫經及造像，福祿自延年。

是時，座中一切真仙聞經，皆稱不可思議，再拜而退。




Phần phiên âm:-

Thái Thượng Linh Bửu Thiên Tôn

## 32.Thuyết Diên Thọ Diệu Kinh

Nhĩ thời , Linh Bửu Diên Thọ Thiên Tôn tại Nam Cực thiên trung Kim Quang Sơn nội bửu lâm thụ hạ , ngưng thần niệm đạo , cộng thập thiên đồ chúng , giải thuyết 《Diên Thọ Diệu Kinh》 , luận hư vô đại đạo . Biến thể quang minh , động chiếu thiên địa tam giới thập phương , nhất thời chấn hưởng , phục hữu Chư thiên thượng thánh 、 nhất thiết quỉ vương 、 Thiên long thập bộ , tầm quang nhi chí , thượng nghệ Thiên Tôn . Khất vô sanh tử , ngũ thể đầu địa tác lễ Thần Tôn , y vị nhi lập . Thời hữu Diên Mệnh Chân Nhân 、 Quảng Phúc Chân Nhân 、 Kim Hoa Chân Nhân 、 Diệu Hỉ Chân Nhân 、 Tử Cái Chân Nhân 、 Hoàng Lục Đồng Tử 、 Bích Tiêu Đồng Tử 、 Thanh Hoa Đồng Tử 、 Bạch Huệ Đồng Tử , cập dĩ nhất thiết thánh chúng , giai hiến bửu hoa , bá vị hương dược , thủ chấp nhật nguyệt linh tràng 、 tử quang thần tiết 、 thập tuyệt linh phan 、 diên mệnh bửu cái , thứ đệ hành đạo , thiêu hương tán hoa , tề xướng Diên Thọ Thiên Tôn , hàm đắc độ thế . Nhĩ thời thần tôn hàm tiếu nguy nguy , tùng đại đỉnh môn phóng thập đạo thần quang , phổ chiếu pháp chúng thân tâm vô hữu ngộ giả . Ư thị đạo tràng trung hữu nhất đồng tử danh viết Thiện Đạt , tiền tiến tác lễ , thượng bạch Thiên Tôn : “Kiến tại toạ trung giai thị biến hoá thần tiên , hà đắc vị ngộ ?. Phục nguyện tôn nhan , vị thần giải thuyết” .

Thiên Tôn ngôn viết : “Thử chi tiên chúng tuy hữu thần thông , thực vô chân đạo” .

Đồng tử viết : “Bất thẩm hà danh chân đạo ?” .

Thiên Tôn ngôn viết : “Bất sanh bất diệt , danh vi chân đạo . Vô khứ vô lai , diệc danh chân đạo . Ư bất sanh bất diệt 、 vô khứ vô lai , diệc muội chân đạo . Nhất thiết pháp tướng , giai vi hư vọng . Thế gian nam nữ , nhược dục diên mệnh trường niên , tiêu tai tập phước , đản tự tinh tâm thiêu hương hành đạo , bố thi phóng sanh , kiến tạo công đức , niệm kinh cúng dường , kiêm thỉnh đạo sĩ pháp sư , giảng độc tôn kinh 、 bổn mệnh trai tiêu , tức Hữu Chú Toán Thần Vương 、 Ký Danh Thần Vương 、 Lạc Tử Thần Vương 、 Thượng Sanh Thần Vương , bửu hộ niệm kinh chi nhân , lục kỳ công đức , tấu thượng chư thiên , kim bạch phong túc , vĩnh bửu an ninh . Ư thị chư thiên đại thánh 、 nhất thiết quỉ vương , khể thủ qui y , giai đại hoan hỉ . Luỹ kiếp học đạo , vị văn thử kinh , tịnh thị kim khẩu chi ngôn , ư thị quỉ thần phát hoằng thệ , nguyện sanh sanh thế thế nhãn kiến chân tiên , nhĩ văn chánh pháp , lễ bái thập trai , thường hành chí đạo” . Thiên Tôn tái lưu kệ viết :

“Sanh tiền bất từ hiếu , tử hậu báo hà ân . Bi đề tại địa ngục , thuỳ minh khuyến thiện ngôn . Tu thiện tự qui thiện , tác ác qui ác nguyên . Chí tâm thường cúng dường , diên thọ ngộ thần tiên . Tả kinh cập tạo tượng , phước lộc tự diên niên” .

Thị thời , toạ trung nhất thiết chân tiên văn kinh , giai xưng bất khả tư nghị , tái bái nhi thoái .

*Nhược Thủy dịch

(từ http://www.taoism.org.hk

Tiên Thiên Tôn Thần—Tứ Ngự Thần

## 33. THỔ HOÀNG - (HẬU THỔ).



先天尊神-四 御 神- 土皇

土皇的由來：土皇是道教的地神。中國古代就有地神，即后土，職掌陰陽造化、山河秀麗。道教以后土為僅次於三清的四御神之一，神號為承天效法厚德光大后土皇地祇。南北朝時期，道教的宇宙創世理論有很大發展，對於神仙所居的天界作了區分。北周宇文邕撰《無上秘要》有「三界品」，將天分為三界(欲界、色界、無色界)二十八天，以及無色界之上的四梵天，合為三十二天。《度人經》也有三十二天

之說，以東南西北四方配置，每方八天，合三十二天。北齊嚴東注稱「方有八天，合三十二天也。三天羅其上」。唐代又有「大羅天彌覆三清之上」，合為三十六天。三十六天，各有天帝。按天地感應之說，道教認為，上有三十六天，下有三十六地。上有天帝，下有土皇。因此，土皇是各方土地的主管神靈。《洞玄靈寶河圖仰謝三十六土皇齋儀》稱，「依洞神之法，立壇設位象三十六天，燒香燃燈應三十六地」。

(Địa Mẫu 1)

Tiên Thiên Tôn Thần--Tứ Ngự Thần

Thổ Hoàng

I.- XUẤT XỨ CỦA THỔ HOÀNG:-

Thổ Hoàng là vị Địa Thần của Đạo Giáo. Thời cổ đại Trung Quốc đã có địa thần gọi là HẬU THỔ, có chức năng về quyền tạo ra muôn vật, làm nên vẻ đẹp của núi sông .

Trong Đạo Giáo Hậu Thổ là vị tôn thần thuộc về Tứ Ngự trong hệ Tam Thanh. Danh hiệu đầy đủ của Ngài là :-" Thừa Thiên Hiệu Pháp Hậu Đức Quang Đại Hậu Thổ Hoàng Địa Kì". Vào thời Nam Bắc Triều, lý thuyết về "Sáng Thế" (tạo lập thế gian) phát triển rất phong phú, nhất là đối với việc phân định các "thiên giới" (cõi trời) nơi cư ngụ của các vị Thần Tiên rất rõ ràng.

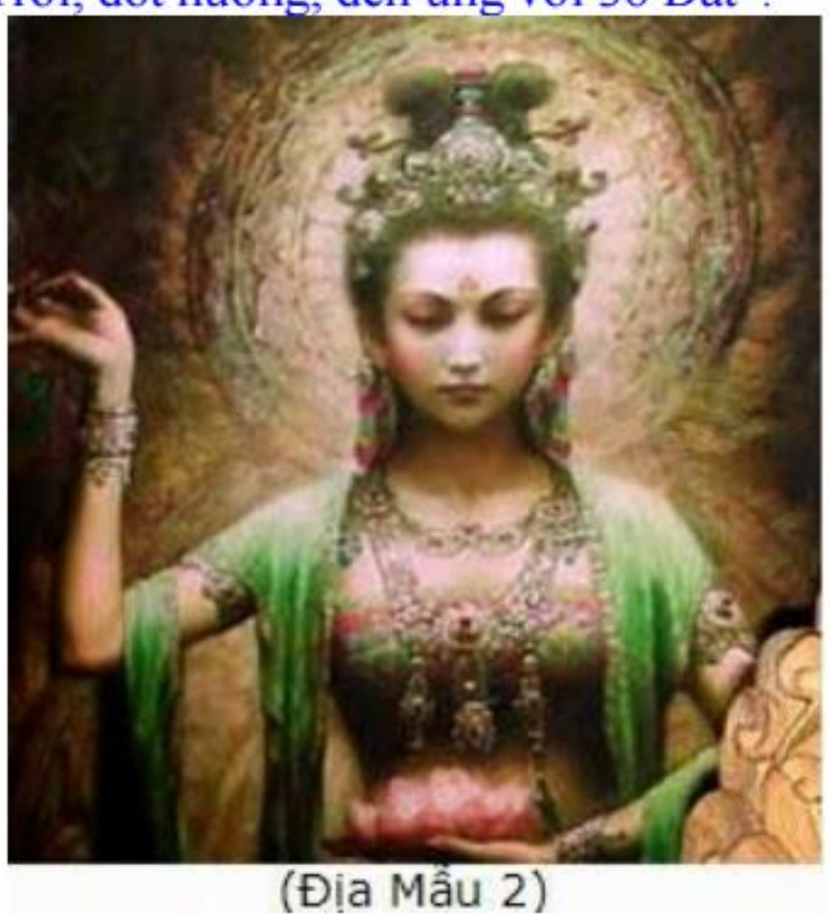
-Đời Bắc Chu ông Vũ Văn Ung đã soạn sách "Vô Thượng Bí Yếu" có phần "Tam Giới Phẩm" , chia thiện phận ra làm :- "dục giới, sắc giới và vô sắc giới". Có hai mươi tám Trời của dục và sắc giới, cộng với bốn Trời của vô sắc giới thành ra tổng cộng là ba mươi hai Trời.

-Trong "Độ Nhân Kinh" cũng nói là ba mươi hai Trời, nhưng bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc mỗi phương có tám Trời, cộng thành ba mươi hai.

-Đời Bắc Tề thì có Nghiêm Đông Chú nói:- "Mỗi phương có tám Trời, cộng là ba mươi hai. Lại có "Ba Thiên La" ở trên vậy". Đời Đường thì có sách "Đại La Thiên Di Phúc Tam Thanh Chi Thượng " cho là có ba mươi sáu Trời. Mỗi Trời đều có vị Thiên Đế (vua trời).

-Theo sự cảm ứng của Trời&Đất , Đạo Giáo nhận rằng , trên thì có ba mươi sáu Trời, dưới thì có ba mươi sáu Đất. Trên thì có Thiên Đế, dưới thì có THỔ HOÀNG vậy. Do đó, Thổ Hoàng là vị quản lý tất cả những Thổ Địa các nơi.

Trong sách "Động Huyền Linh Bảo Hà Đồ Ngưỡng Tạ Tam Thập Lục Thổ Hoàng Trai Nghi "(nghi lễ cúng tạ 36 Thổ Hoàng) có nói :- "Theo pháp Động Thần, lập đàn phải có bài vị tượng trưng cho 36 Trời, đốt hương, đèn ứng với 36 Đất".



(Địa Mẫu 2)

區分和名稱：土皇分為九壘，壘各有名。每壘分設四名土皇，共三十六名土皇。據《洞玄靈寶河圖仰謝三十六土皇齋儀》，「第一壘色潤地，第一土皇君姓秦諱孝景椿；第二土皇君姓黃諱昌上文；第三土皇君姓青諱玄文基；第四土皇君姓蜚諱忠陣皇。第二壘剛色地，第五土皇君姓戍諱神文光；第六土皇君姓郁諱黃母生；第七土皇君姓玄諱乾德維；第八土皇君姓長諱皇明。第三壘石臘色澤地，第九土皇君姓張諱維神；第十土皇君姓周諱伯上人；第十一土皇君姓朱諱明車子；第十二土皇君姓庚諱文敬士。第四壘潤澤地，第十三土皇君姓賈諱雲子高；第十四土皇君姓謝諱伯無元；第十五土皇君姓己諱文泰陣；第十六土皇君姓行諱機正方。第五壘金粟澤地，第十七土皇君姓華諱延期明；第十八土皇君姓黃諱齡我容；第十九土皇君姓雲諱探無淵；第二十土皇君姓蔣諱通八光。第六壘金剛鐵澤地，第二十一土皇君姓李諱上少君；第二十二土皇君姓范諱來力安；第二十三土皇君姓張諱李季元；第二十四土皇君姓王諱駟女容。第七壘水制澤地，第二十五土皇君姓唐諱初生映；第二十六土皇君姓吳諱正法圖；第二十七土皇君姓漢諱高文徹；第二十八土皇君姓京諱仲龍首。第八壘大風澤地，第二十九土皇君姓葛諱玄升光；第三十土皇君姓華諱茂雲長；第三十一土皇君姓羊諱真洞玄；第三十二土皇君姓周諱尚敬原。第九壘洞元無色剛維地，第三十三土皇君姓極諱無上玄；第三十四土皇君姓升諱靈元浩；第三十五土皇君姓趙諱上伯玄；第三十六土皇君姓農諱勒無伯」。南宋蔣叔輿編《無上黃籙大齋立成儀》在列舉各土皇名號時，在各名號前加有「后土」兩字，表明南宋道教視「土皇」為「后土」的下屬神靈，其職能是職掌陰陽，化育大地，消釋幽暗，抬引神明。

II.- PHÂN LOẠI VÀ DANH XƯNG:-

Thổ Hoàng chia ra thành chín "LŨY", mỗi "Lũy" có tên riêng. Một Lũy chia thành bốn tên của Thổ Hoàng, cộng thành ba mươi sáu tên của Thổ Hoàng.

-Theo sách :- "Động Huyền Linh Bảo Hà Đồ Ngưỡng Tạ Tam Thập Lục Thổ Hoàng Trai Nghi " có nói:-

1/-Lũy thứ nhất sắc đất ruộng tươi nhuận, vị Đệ nhất Thổ Hoàng họ Tần, tên húy là Hiếu Cảnh Xuân

-vị Đệ nhị Thổ Hoàng họ Hoàng tên húy là Xương Thượng Văn

-vị Đệ tam Thổ Hoàng họ Thanh tên húy là Huyền Văn Cơ

-vị Đệ tứ Thổ Hoàng họ Phỉ tên húy là Trung Trận Hoàng

2/- Lũy thứ hai đất khô cứng như gang, vị Đệ ngũ Thổ Hoàng họ Tuất tên húy Thần Văn Quang

-vị Đệ lục Thổ Hoàng họ Úc tên húy Hoàng Mẫu Sinh

-vị Đệ thất Thổ Hoàng họ Huyền tên húy Càn Đức Duy

-vị Đệ bát Thổ Hoàng họ Trưởng tên húy Hoàng Minh

3/-Lũy thứ ba đất sáp đá ong , vị Đệ cửu Thổ Hoàng họ Trương tên húy Duy Thần

-vị Đệ thập Thổ Hoàng họ Chu tên húy Bá Thượng Nhân

-vị Đệ thập nhất Thổ Hoàng họ Chu tên húy Minh Xa Tử

-vị Đệ thập nhị Thổ Hoàng họ Canh tên húy Văn Kính Sĩ

4/- Lũy thứ tư đất đầm lầy , vị Đệ thập tam Thổ Hoàng họ Giả tên húy Vân Tử Cao

-vị Đệ thập tứ Thổ Hoàng họ Tạ tên húy Bá Vô Nguyên

-vị Đệ thập ngũ Thổ Hoàng họ Kỷ tên húy Văn Thái Trận

-vị Đệ thập lục Thổ Hoàng họ Hành tên húy Cơ Chính Phương

5/- Lũy thứ năm đất đầm gạo vàng, vị Đệ thập thất Thổ Hoàng họ Hoa tên húy Diên Kỳ Minh
-vị Đệ thập bát Thổ Hoàng họ Hoàng tên húy Linh Ngã Dung
-vị Đệ thập cửu Thổ Hoàng họ Vân tên húy Thám Vô Uyên
-vị Đệ nhị thập Thổ Hoàng họ Tưởng tên húy Thông Bát Quan
6/- Lũy thứ sáu đất sắt kim cương, vị Đệ nhị thập nhất Thổ Hoàng họ Lý tên húy Thượng Thiếu Quân
-vị Đệ nhị thập nhị Thổ Hoàng họ Phạm tên húy Lai Lực An
-vị Đệ nhị thập tam Thổ Hoàng họ Trương tên húy Lí Quí Nguyên
-vị Đệ nhị thập tứ Thổ Hoàng họ Vương tên húy Tứ Nữ Dung
7/- Lũy thứ bảy là đất chứa nước ,vị Đệ nhị thập ngũ Thổ Hoàng họ Đường tên húy Sơ Sinh Ánh
-vị Đệ nhị thập lục Thổ Hoàng họ Ngô tên húy Chính Pháp Đồ
-vị Đệ nhị thập thất Thổ Hoàng họ Hán tên húy Cao văn Triệt
-vị Đệ nhị thập bát Thổ Hoàng họ Kinh tên húy Trọng Long Thủ
8/-Lũy thứ tám là đất đầm gió lớn ,vị Đệ nhị thập cửu Thổ Hoàng họ Cát tên húy Huyền Thăng Quan
-vị Đệ tam thập Thổ Hoàng họ Hoa tên húy Mậu Vân Trường
-vị Đệ tam thập nhất Thổ Hoàng họ Dương tên húy Chân Động Huyền
-vị Đệ tam thập nhị Thổ Hoàng họ Chu tên húy Thượng Kính Nguyên
9/- Lũy thứ chín là hang động không có sắc mà cứng, vị Đệ tam thập tam Thổ Hoàng họ Cực tên húy Vô Thượng Huyền
-vị Đệ tam thập tứ Thổ Hoàng họ Thăng tên húy Linh Nguyên Hạo
-vị Đệ tam thập ngũ Thổ Hoàng họ Triệu tên húy Thượng Bá Huyền
-vị Đệ tam thập lục Thổ Hoàng họ Nông tên húy Lặc Vô Bá
*Đời Nam Tông có ông Tưởng Thúc Dư viết "Vô Thượng Hoàng Lục Đại Trai Lập Thành Nghi " thì khi nêu danh hiệu của ba mươi sáu vị Thổ Hoàng, có thêm hai chữ Hậu Thổ ở trước. Điều đó muốn nói rằng , Đạo Giáo của Nam Tống lấy Thổ Hoàng là những thần linh thuộc hạ của Hậu Thổ. Chức năng là cai quản âm dương, biến hóa và nuôi nấng đất, tiêu trừ sự tối tăm u ám và làm cho đất có tính "thần minh".
奉祀：道教較大的宮觀中，在四御殿裡供奉有后土神像或神位，鮮有列三十六土皇神像或神位的。但在大型齋醮儀禮中，多供奉三十六天帝和三十六土皇的神位。唐代以來，隨著風水之術的廣泛流行，道教信徒在動土、上樑、安宅、鎮宅、建橋、鋪路時，常要舉行禮謝土皇的齋儀，以祈求路橋暢通、家宅平安、降福消災。
參考文獻：
《道門定制》、
《無上黃籙大齋立成儀》、
《洞玄靈寶河圖仰謝三十六土皇齋儀》
*執筆人：陳耀庭
III.- VIỆC THỜ CÚNG:-
Trong các cung quán của Đạo Giáo , ở Điện Tứ Ngự đều có tượng hoặc bài vị thờ Hậu Thổ. Có tất cả ba mươi sáu tượng hoặc thần vị của Thổ Hoàng. Trong các lễ đại đàn của Đạo Giáo , cũng có tượng hoặc thần vị của 36 Thiên Đế và 36 Thổ Hoàng nầy.
-Từ đời Đường đến nay, theo sự hướng dẫn của các nhà Phong Thủy, dân gian mỗi khi làm lễ động thổ, thượng lương, an trạch, trấn trạch, làm cầu, làm đường v.v…phải có "Lễ cúng tạ Thổ Hoàng" để cầu cho nhà cửa yên ổn, cầu đường thông suốt, xin Thổ Hoàng giáng phước tiêu trừ tai nạn cho người trong gia đình và ngoài đường sá.
*Tài liệu tham khảo : -

《Đạo Môn Định Chế》、
《Vô Thượng Hoàng Lục Đại Trai Lập Thành Nghi》、
《Động Huyền Linh Bảo Hà Đồ Ngưỡng Tạ Tam Thập Lục Thổ Hoàng Trai Nghi》

*Người viết : Trần Diệu Đình.



34. Tiên Thiên Tôn Thần—Tứ Ngự Thần
CÂU TRẦN ĐẠI ĐẾ



先天尊神-四 御 神
勾陳大帝

勾陳上宮天皇大帝簡稱“勾陳大帝”、“天皇大帝”，為道教尊神“四御”中的第三位神。

天皇大帝与北极紫微大帝一樣源于我國古代星辰崇拜，《上精靈寶大法》卷四稱天皇大帝：“乃北
极帝座之左，有星四座，其形聯綴微曲如勾，是名勾陳，其下一大星正居其中，是為天皇大帝也。其總万星，位同北极卻為樞紐，而天皇亦隨天而精，上應始口(左

先右刂)。”其實，勾陳同“鉤陳”，是天上紫微垣中的星座名，靠近北极星，共自六顆星組成。《星經》稱：“勾陳六星在五帝下，為后宮，大帝正妃。又住天子六將軍，又主三公。”所以后人又以勾陳為后宮。《晉書•天文志》又稱：“勾陳六星皆在紫微宮中。……勾陳口中一星，曰天皇大帝，其神曰燿魄寶，主御群靈，執万神圖。”道教吸收了這些信仰，稱龍漢年問有一國王名叫同御，圣德無邊，時人稟受八万四千大劫；國王有一玉妃，明哲慈慧，號曰紫光伕人，誓塵劫中已發絰愿，愿生圣子，輔佐乾坤，以裨造化；后三千劫，此王出世，因上春日百花榮茂之時，游戲后苑絰金蓮溫玉池邊，脫服澡盥，忽有所感，蓮花九苞，應時開發，化生九子，其二長子是為天皇大帝、紫微大帝；二長帝君，居紫微垣太虛宮中勾陳之位，掌握符圖紀綱元化，為眾星之主領。是說見于道經《玉清無上靈寶自然北斗本生真經》中。另宋張君房《云笈七義》卷二十四稱：“璇璣星君，字處行，勾陳六星主之，常陳天之虎責也。”並列勾陳上宮目天皇大帝名目，列為四御之一。

勾陳大帝的職能為：協助玉皇大帝執掌南北兩极和天、地、人三才，統御眾星，並主持人僩兵革之事。



## CÂU TRẦN ĐẠI ĐẾ

Tên gọi đủ là “Câu Trần (Trận) Thượng Cung Thiên Hoàng Đại Đế” , gọi tắt là “Câu Trần (Trận) Đại Đế ” hay “Thiên Hoàng Đại Đế ”. Là vị thần đứng thứ ba trong “Tứ Ngự” (bốn vị cao cấp) theo Đạo Giáo.
Câu Trần Đại Đế cùng với Bắc Cực Tử Vi Đại Đế đã được người cổ đại Trung Quốc sùng bái tinh tú. Trong quyển bốn sách “Thượng Tinh Linh Bảo Đại Pháp ” tôn xưng Câu Trần Đại Đế như sau:-
“Câu Trần Đại Đế ở về phía bên trái của Bắc Cực Đế, có bốn tòa tinh tú, hình dạng nối tiếp hình cong như “móc câu” nên có tên là Câu Trần. Trong đó có một ngôi sao lớn sáng nhất ở giữa, chính là Thiên Hoàng Đại Đế vậy. Ngài là vị thần cai quản các tinh tú, chức vị ngang với Bắc Cực , thuộc về “chỉ huy đầu não” (mấu chốt), nhưng Thiên Hoàng lại theo trời cô đọng lại, để ứng với “thủy khẩu” (tả văn hữu võ).”
Kỳ thật, Câu Trần nầy đồng với sao “Câu Trần” trong hệ tinh tú, nằm trong khu vực “Tử Vi Viên” (vườn Tử Vi) , gần bên sao Bắc Cực, gồm có sáu ngôi sao tổ hợp thành.
Trong “Tinh Kinh” (kinh nói về các ngôi sao) cho rằng : “Sáu sao Câu Trần ở phía dưới của Đế Tinh, là Hậu Cung, tức là chánh phi của vua. Cũng là sáu vị Đại Tướng Quân bảo vệ cung

vua, làm chủ Tam Công" (ba chức quan đứng đầu trong triều). Do đó, trong dân gian về sau gọi Câu Trần là Hoàng Hậu.
*Sách "Tấn Thư—Thiên Văn Chí" thì nói :- "Sáu sao Câu Trần đều ở trong cung của Tử Vi……Một sao Câu Trần ở thủy khẩu gọi là Thiên Hoàng Đại Đế . Danh xưng của vị tôn thần nầy là "Diệu Phách Bảo", làm chủ linh khí của chúng sanh, cai quản các thần".
Đạo Giáo tiếp thu tín ngưỡng trên, cho rằng vào thời kỳ Long Hán (thời kỳ huyền thoại theo lịch sử Trung Quốc) có vị vua tên Khiếu Đồng Ngự, có thánh đức bao la rộng rãi. Người lúc bấy giờ sống tới tám muôn bốn ngàn đại kiếp. Đức vua có một vị Ngọc Phi, thông minh sáng suốt , hiền hậu giỏi dang, hiệu là "Tử Quang Phu Nhân", vì thương chúng sanh ở trần gian nên phát nguyện sanh Thái Tử để làm phụ tá cho trời đất, giúp việc tạo hóa . Ba ngàn kiếp sau, vị vua nầy (tức Thái Tử lên ngôi) kế vị. Nhân vào tiết thượng xuân, trăm hoa đua nở tươi thắm rực rỡ, nhà vua đi dạo ở vườn sau, đến ao Kim Liên Ôn Ngọc, cởi y phục định tắm, bỗng chợt thấy có đóa hoa sen chín cánh đang nở bung xòe ra, biến hóa làm chín người con trai. Hai người con trai lớn tức là Thiên Hoàng Đại Đế và Tử Vi Đại Đế . Đó là hai vị Đế Quân ở vị trí "câu trần" trong Tử Vi Viên của Cung Thái Hư. Hai vị nầy chưởng quản tất cả việc sanh sanh hóa hóa của thế gian, là thủ lãnh của các sao. Truyền thuyết nầy ghi trong sách Đạo Giáo tên là "Ngọc Thanh Vô Thượng Linh Bảo Tự Nhiên Bắc Đẩu Bổn Sinh Chân Kinh".
Ngoài ra, trong sách "Vân Cấp Thất Thiêm" của Trương Quân Phòng đời Tống, quyển thứ hai mươi bốn có ghi "Vị Tuyền Cơ Tinh Quân, tên là Xứ Hành, đứng đầu làm chủ sáu sao Câu Trần, là vị chỉ huy quân sự ở cung trời". Ông xếp Câu Trần vào danh mục Thiên Hoàng Đại Đế , đặt vào vị trí thứ nhất của Tứ Ngự.
*Chức năng của Câu Trần Đại Đế là "Giúp đỡ cho NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ cai quản hai cực Nam Bắc và Tam Tài (thiên, địa, nhân), điều khiển các sao, làm chủ về việc chiến tranh của thế gian.



GHI CHÚ :-

-勾陳，古星宿名，屬紫微垣。
-勾陳一即是現在的北极星。
-
中國古星名，有星六顆，屬現在星座体係中的小熊座，勾陳一即小熊座α星，也就是現在的北极星。
*Chú thích:- Câu Trần là tên cũ của sao do người xưa gọi, nằm trong khu vực "Tử Vi Viên".
-Sao thứ nhất của Câu Trần ngày nay gọi là sao bắc Cực.
-Là tên cổ về ngôi sao của Trung Quốc xưa, có sáu ngôi sao, ngày nay xếp vào nhóm Tiểu Hùng Tinh. Câu Trần là sao Alpha của nhóm nầy, tức là sao Bắc Cực ngày nay.
*Nhược Thủy dịch

(từ http://wdb.taoistic.org/)

## 35.TIÊN THIÊN TÔN THẦN LÔI TỔ.



先天尊神 - 雷祖

雷祖的由來：雷祖，即九天應元雷聲普化天尊，或稱九天應元雷聲普化真王。據《無上九霄玉清大梵紫微玄都雷霆玉經》稱，雷祖是浮黎元始天尊第九子玉清真王的化身。也有說是軒轅黃帝升仙以後成為雷精，主雷雨之神。雷祖為其封號。雷祖居於神霄玉府，在碧霄梵氣之中，去雷城有二千三百里。雷城是天庭行雷之所，高八十一丈，左有玉樞五雷使院，右有玉府五雷使院。天尊前有雷鼓三十六面，由三十六神司之。行雷之時，雷祖擊鼓一下，即時雷公雷師興發雷聲。雷部有神三十六名，皆當時輔相有功之臣。明代小說《封神演義》則稱聞仲為九天應元雷聲普化天尊，其率領之雷部催雲助雨護法天君共有二十四名。其中有道觀內常有供奉的律令大神鄧元帥忠，銀牙耀目辛天君環，飛捷報應張使者節，左伐魔使苟元帥章，右伐魔使畢元帥環等天將，還有陶天君榮、龐天君洪、秦天君完、趙天君江、董天君全、袁天君角等等。



TIÊN THIÊN TÔN THẦN
LÔI TỔ .

I.- XUẤT XỨ:-

Lôi Tổ có danh xưng đầy đủ là "Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn " hay "Cửu Thiên ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Chân Vương ".

*Theo sách "Vô Thượng Cửu Tiêu Ngọc Thanh Đại Phạm Tử Vi Huyền Đô Lôi Đình Ngọc Kinh " có nói rằng:- "Lôi Tổ tên là Phù Lê, tức Ngọc Thanh Chân Vương, con trai thứ chín của Nguyên Thủy Thiên Tôn hóa thân ra.

*Có thuyết lại nói rằng :- "Khi Hiên Viên Huỳnh Đế đăng tiên thành vị Lôi Tinh, coi về việc sấm sét mưa bão, được phong hiệu là Lôi Tổ".

*Lôi Tổ cư ngụ ở Thần Tiêu Ngọc Phủ trong cung Bích Tiêu Phạm Khí, cách Lôi Thành hai ngàn ba trăm dặm. Lôi Thành là nơi tạo ra sấm sét của thiên đình, cao tám mươi mốt trượng, bên trái có Ngọc Khu Ngũ Lôi Sử Viện, bên phải có Ngọc Phủ Ngũ Lôi Sử Viện. Phía trước có ba mươi sáu điện Lôi Cổ (trống sấm), do 36 vị Thần Ty coi sóc. Khi muốn tạo ra sấm, Lôi Tổ sẽ đánh trống, tức thì Lôi Công và Lôi Sư sẽ phát lớn tiếng sấm lên. Trong Lôi Bộ nầy có 36 vị thần, đều là những người có công được phong chức.

*Trong tiểu thuyết "Phong Thần Diễn Nghĩa" đời nhà Minh , có nói đến việc Thái Sư Văn Trọng được phong làm "Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn" chỉ huy 24 vị Hộ Pháp Thiên Quân trong Lôi Bộ để đẩy mây giúp mưa xuống thế gian. Trong các Đạo Quán thường thờ cúng Lôi Tổ và các vị Thiên Quân sau:-

-Luật Lệnh Đại Thần Đặng Nguyên Soái (Đặng Trung)
-Ngân Nha Diệu Mục Tân Thiên Quân (Tân Hoàn)
-Phi Tiệp Báo Ứng Trương Sứ Giả (Trương Tiết)
-Tả Phạt Ma Sử Câu Nguyên Soái (Câu Chương)
-Hữu Phạt Ma Sử Tất Nguyên Soái (Tất Hoàn)

Lại còn có Đào Thiên Quân (Đào Vinh), Bàng Thiên Quân (Bàng Hồng), Tần Thiên Quân (Tần Hoàn), Triệu Thiên Quân (Triệu Giang), Đỗng Thiên Quân (Đỗng Toàn), Viên Thiên Quân (Viên Giác) v.v...

(Xin xem phụ lục Phong Thần bên dưới)

職能：雷公、雷神的崇拜，古已有之。但是，在神系中設置雷部，並由九天應元雷聲普化天尊主其事，當是北宋末年的事。北宋時期，道教神霄、清微諸派，崇尚施行雷法，於是，雷之功能不僅在於施雨，

而且擴大到了主天之禍福，持物之權衡，掌物掌人，司生司殺。《九天應元雷聲普化天尊玉樞寶經》就稱，要對「不忠君王，不孝父母，不敬師長」者，即付五雷斬勘之司，先斬其神，後勘其形，以致勘形震尸，使之崩裂。

II.- CHỨC NĂNG:-

Sự sùng bái Lôi Công, Lôi Thần đã có từ ngàn xưa.Việc đưa các vị trong Lôi Bộ do "Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn " chỉ huy , vào hệ thần thánh thờ cúng, mới có từ cuối đời nhà Tống. Vào thời kỳ Bắc Tống, một trong các pháp thịnh hành nhất của các phái Đạo Giáo là "Lôi Pháp". Theo đó, công năng của "Sấm" không còn gần với mưa nữa, mà được khuếch đại lên nhiều với chức năng chủ về họa phước của trời ban giáng, có quyền hành giúp đỡ muôn vật, toàn quyền sanh sát con người. Trong "Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn Ngọc Xu Bảo Kinh " có nói "Những người bất trung với vua, bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng thảy đều bị chuyển giao cho Ngũ Lôi Trảm Khám Ty xử lý. Trước thì trảm kỳ thần (sét đánh chết cái thần), sau khám kỳ hình (xét lại cho rõ các tội), cho đến các tội quá nặng thì bị sét đánh cho tan thây nát thể, hồn phách tiêu tan, vĩnh viễn không tái sanh được.

奉祀：《明史》的《禮志》稱，「雷聲普化天尊者，道家以為總司五雷，又以六月二十四日為天尊現示之日，故歲以是日遣官詣顯靈宮致祭」。道教的主要宮觀大多供奉雷祖。每逢六月二十四日有道教徒進廟燒香，祈福消災。道教正一派在一些大型齋醮禮儀中常設有雷祖的神位，並在科儀中有召請雷部諸天君的內容。

*參考文獻：

《明史、禮志》、

《無上九霄玉清大梵紫微玄都雷霆玉經》、

《九天應元雷聲普化天尊玉樞寶經》

*執筆人：陳耀庭

III.- VIỆC THỜ CÚNG :-

Sách "Lễ Chí" trong "Minh Sử" ghi rằng :-" Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn được Đạo Gia tôn làm Thần Chưởng Quản Ngũ Lôi, mà ngày hai mươi bốn tháng sáu là ngày xuất hiện của Thiên Tôn, từ xưa đã lấy đó làm ngày vía để cúng tế".

*Các Đạo Quán của Đạo Giáo đều có thờ cúng Lôi Tổ. Mỗi năm vào ngày hai mươi bốn tháng sáu, tín đồ tập trung đến các Đạo Quán để dâng hương, cầu Thiên Tôn giải tai ban phước.

Trong Chính Nhất Phái của Đạo Giáo , vào những đại lễ đàn, có thiết trí bài vị Lôi Tổ và trong các "khoa nghi" đều có mục triệu thỉnh các Thiên Quân của Lôi Bộ đến chứng và bảo hộ lễ đàn.

*Tài liệu tham khảo:-

《Minh Sử 、 Lễ Chí 》 、

《Vô Thượng Cửu Tiêu Ngọc Thanh Đại Phạm Tử Vi Huyền Đô Lôi Đình Ngọc Kinh 》、

《Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn Ngọc Xu Bảo Kinh 》

*Người viết bài : Trần Diệu Đình.



(Ngũ lôi sắc lệnh)

PHỤ LỤC

-Trích Phong Thần Diễn Nghĩa

"Thái Thượng Nguyên Thủy truyền sắc:

Văn Trọng có công tu luyện, không được thành tiên, xuống phò hai trào đều tận trung, sau thất một trận mà mãn số. Trung liệt cũng đáng thương, nay cho làm đầu Lôi Bộ, cai trị 24 vị Thiên Quân xem gió, mưa, mây, chớp. Lấy oai sấm sét trị tội loài tà.

Vậy thì:

Văn Trọng làm chức Cửu Thiên Nguyên Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn.

Còn 24 vị Thiên Quân kể ra như sau:

*Theo Lôi Bộ

Chức vụ: Tên người: Nhiệm vụ

Thiểm điển thần: Kim Quang thánh mẫu: coi việc sấm chớp

Hưng vân thần: Thể Vân Tiên cô: coi việc kéo mây

Trợ phong thần: Hạm Chi Tiên cô: coi việc làm gió

Bố võ thần: Bích Vân Tiên cô : coi việc làm mưa

*Coi Việc Sấm Sét

Tên thần: Chức vụ: Tên thần: Chức vụ

Đặng Trung: Đặng Thiên Quân : Trương Tiết: Trương Thiên Quân

Đào Vinh: Đào Thiên Quân : Bàng Hồng: Bàng Thiên Quân

Tuân Chương: Tuân Thiên Quân : Tất Hoàn: Tất Thiên Quân

Tần Hoàn: Tần Thiên Quân : Triệu Giang: Triệu Thiên Quân

Đổng Toàn: Đổng Thiên Quân : Viên Giác: Viên Thiên Quân

Lý Đức: Lý Thiên Quân : Tôn Lương: Tôn Thiên Quân

Bạch Hổ: Bạch Thiên Quân : Vương Diệt: Vương Thiên Quân

Dao Tân: Dao Thiên Quân : Trương Triệu: Trương Thiên Quân

Kiết Lập: Kiết Thiên Quân : Dư Khánh: Dư Thiên Quân

Các thần lãnh chức tạ ơn lui xuống."



*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk)
(Xin xem tiếp phần "Năm vị Nguyên Soái của Lôi Bộ")

36. Chư Thần của Núi Non Sông Biển và Lôi Bộ
NĂM VỊ NGUYÊN SOÁI CỦA LÔI BỘ .



山川河海及雷部諸神 - 雷部五元帥

雷部五元帥的由來：雷部五元帥，指的是九天應元雷聲普化天尊主掌的雷部中五名元帥。雷部中元帥很多，一說雷部有鼓三十六面，各鼓均有一名元帥操持，故有元帥三十六名；一說雷部有催雲助雨護法天君二十四名，故有元帥二十四名。雷部五元帥就是常見於道教經籍之中、民間流傳最廣、在一些道觀中設像供奉的雷部五名元帥，即：鄧、畢、劉、辛、龐等五名元帥。



(Trung Đàn Nguyên Soái)

# Chư Thần của Núi Non Sông Biển và Lôi Bộ

## NĂM VỊ NGUYÊN SOÁI CỦA LÔI BỘ

### I.- XUẤT XỨ :-

Năm vị Nguyên Soái của Lôi Bộ là để chỉ cho năm vị Nguyên Soái trong Lôi Bộ của Ngài "Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn " chưởng quản.

Trong Lôi Bộ thì có rất nhiều Nguyên Soái, có thuyết nói có đến 36 Điện, mỗi nơi đều có một vị Nguyên Soái cai quản, cho nên có tất cả là 36 vị .

Có thuyết nói rằng trong Lôi Bộ có 24 vị Thiên Quân Hộ Pháp phụ trách việc làm mưa gió, nên có 24 vị Nguyên Soái.

Nhưng trong các kinh thuộc Đạo Giáo thường phổ biến có năm vị Nguyên Soái mà thôi. Dân gian tin tưởng rộng rãi về năm vị nầy rất nhiều.

Trong một vài Đạo Quán của Đạo Giáo có tạo hình tượng của năm vị Nguyên Soái là :- Đặng, Tất, Lưu, Tân, Bàng Nguyên Soái để thờ cúng.

鄧元帥為首：雷部諸元帥中，以鄧元帥為首。鄧元帥，名忠，傳稱其「銀牙耀目」、「火焰繞身」。《夷堅志補》稱「天元考召鄧將軍」。《鑄鼎餘聞》引明《常熟私志》稱「律令大神鄧元帥」，當係職掌雷部律令考召之意。

### II. TIỂU SỬ CÁC NGUYÊN SOÁI:-

1/- Đứng đầu là Đặng Nguyên Soái :-

Trong các vị Nguyên Soái của Lôi Bộ, thì Đặng Nguyên Soái đứng thứ nhất.Ngài tên là TRUNG, trong truyện tôn xưng là "Ngân Nha Diệu Mục" (răng bạc mắt chói) hay "Hỏa Diệm Nhiễu Thân" (núi lửa vây thân).

Trong "Di Kiên Chí Bổ" tôn xưng Ngài là "Thiên Nguyên Khảo Thiệu Đặng Tướng Quân ". Còn trong "Chú Đỉnh Dư Văn" dẫn theo sách "Thường Thục Tư Chí" tôn xưng Ngài là "Luật Lệnh Đại Thần Đặng Nguyên Soái", ý nói Ngài giữ chức chưởng quản Lôi Bộ, ban hành mệnh lệnh và kiểm tra các công việc ở đây.

雷精畢元帥：畢元帥，原名田華。據《三教源流搜神大全》，田華原係雷精，藏地中，寄胎於田間，得千年石鐘乳氣而生。出生時，白晝晴空霹靂，火光照天，風雨驟至。大蛇圍其外，群蜂以哺。及長，因田為田，指華為畢，修煉於漉濾岩下。女媧補天不成，畢元帥助水

火之精，聲吼天地，乃塞天漏。又煉五色火雹風雷陣，助黃帝擊死蚩尤，被拜為龍師。玉帝封以雷門畢元帥之職，敕掌十二雷庭，助玄天上帝誅瘟役鬼，上管天地潦涸，下糾群魅出沒，中擊不仁不義等等。

2/- Lôi Tinh Tất Nguyên Soái:-

Tất Nguyên Soái có tên gốc là Điền Hoa. Theo sách "Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn " nói rằng, Điền Hoa nguyên là "tinh túy của sấm" ẩn tàng trong đất, sau gởi thai vào trong ruộng, được thọ khí sữa một ngàn năm của chuông đá mà sanh ra. Khi sanh ra, đang lúc ban ngày tạnh ráo mà có tiếng sấm, lửa sáng chói trời, mưa gió ập đến. Rắn lớn vây xung quanh, bầy ong che chắn trên đầu. Khi lớn lên, vì chữ "điền" (là ruộng) đồng với chữ Điền (họ Điền), còn chữ Hoa gần giống chữ Tất(華 & 畢) tu luyện ở núi Lộc Lô. Khi bà Nữ Oa vá trời lúc đầu không thành công, được Tất Nguyên Soái trợ giúp cho tinh khí của nước và lửa, âm thanh rống khắp trời đất nên Bà Nữ Oa mới vá được trời. Sau lại luyện thành lửa ngũ sắc để lập trận Bão Phong Lôi, trợ giúp cho Huỳnh Đế đánh thắng giặc Xi-Vưu. Được NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ phong cho chức Tất Nguyên Soái, được phép cai quản mười hai Lôi Đình, giúp cho Huyền Thiên Thượng Đế tru diệt quỷ Ôn Dịch. Ngài trên thì xem xét việc khô hạn hay úng thủy của trời đất, dưới thì gom các tà mị lại để diệt, giữa thì trừng phạt những kẻ bất nhân bất hiếu v.v…

掌事劉天君：劉天君，名后，東晉時人。生於岷江漁渡中，幼時落波心而不死。因貧，送於羅真人為侍讀，因精於五雷掌訣，能招風捉雨，隨叩即應，濟民助國。是年東京大旱，皇帝禱於劉天君祠，果有大雨。時秋大稔。皇帝敕命其為「立化慈濟真君」。玉皇大帝亦命劉天君職掌雷部王府的各種事務。

3/- Chưởng Sự Lưu Thiên Quân:-

Lưu Thiên Quân tên là Hậu, người đời Đông Tấn. Sinh ra trong gia đình đánh cá ở Mân Giang. Lúc còn bé, bị chìm vào trung tâm sóng mà không chết. Nhà nghèo, nên được gởi đến La Chân Nhân để hầu hạ. Nhân đó, Ngài học được tinh thông pháp Ngũ Lôi Chưởng Quyết, có thể gọi gió kêu mưa, tùy tiếng kêu mà ứng nghiệm, giúp nước cứu dân. Năm ấy, ở Đông Kinh bị đại hạn, Huỳnh Đế cầu mưa với Lưu Thiên Quân, quả nhiên có mưa to, giúp cho được mùa lúa. Huỳnh Đế mới phong cho Ngài là làm " Lập Hóa Từ Tế Chân Quân". Ngọc Hoàng Thượng Đế cho Ngài Lưu Thiên Quân giữ chức chưởng quản các công vụ ở Vương Phủ của Lôi Bộ.

雷齋辛元帥：辛元帥，原名辛興，字震宇，雍州人。據《三教源流搜神大全》，雍州地界有神雷山。辛興之母即為神雷山霹靂破膽而死。辛興抱母屍而哭。雷神感其至孝，變化為道士而謝罪，並贈辛興十二火丹以啖之。辛遂易形，妖其頭，喙其嘴，翼其兩肩，左執尖，右持槌，腳踏五鼓。玉皇大帝封其為元帥，與畢元帥「共五方事，往來行天，翦幽冥中邪魔鬼惡」。傳說六月十五日為辛元帥神誕之日，奉祀雷神的道教徒於是日茹素，稱為「雷齋」，以祈神佑。

4/-Lôi Trai Tân Nguyên Soái:-

Tân Nguyên Soái nguyên tên là Tân Hưng, tự Chấn Vũ, người ở Châu Ung.

*Theo "Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn" . Trong địa phận Châu Ung có ngọn núi tên Thần Lôi. Mẹ của Tân Hưng ngày nọ bị sét đánh chết ở núi Thần Lôi. Tân Hưng ôm thi thể của mẹ mà khóc lóc kêu gào thảm thiết. Lôi Thần cảm động trước sự hiếu thảo củ Tân

Hưng, mới hóa hiện ra làm một vị đạo sĩ đến trước Tân Hưng tạ tội. Lại tặng cho Tân Hưng mười hai viên "Hỏa Đan" (linh đan lửa) bảo hãy nuốt vào. Tân Hưng liền tức thời thay đổi hình dạng :- đầu giống yêu quái, mồm nhô dài ra, hai bên vai mọc cánh, tay trái cầm giáo nhọn, tay phải cầm chùy, chân đạp năm cái trống. Ngọc Hoàng Thượng Đế phong cho làm Nguyên Soái, cùng với Tất Nguyên Soái đảm trách nhiệm vụ "lo công việc của năm phương, lui tới quanh cõi trời, tiêu trừ những ác quỉ, ma tà cõi u minh lên dương gian phá phách".
*Theo truyền thuyết, ngày mười lăm tháng sáu là ngày sanh của Tân Nguyên Soái. Vào ngày nầy, tín đồ Đạo Giáo đến dâng hương hành lễ cúng chay, gọi là ngày "Lôi Trai" (cúng chay Lôi Thần) để cầu xin phù hộ ban phước.

金刀龐元帥：龐元帥，原名龐喬，字長清。據《三教源流搜神大全》，龐喬家境貧困，世為駕渡之工。但龐喬心行善良，對往來渡客無不平等，救人急難。玉皇大帝聞其至孝至誠，敕為混氣元帥，手執金刀，唯天門之出入是命，以降陰魔，除舊惡，秋毫不爽。

5/- Kim Đao (đao vàng) Bàng Nguyên Soái:-
Bàng Nguyên Soái nguyên tên là Bàng Kiều, tự Trường Thanh.
Theo sách "《Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn" nói rằng, ngày xưa, gia đình của Bàng Kiều quá nghèo khổ, làm nghề chèo đò để nuôi dưỡng cha mẹ. Nhưng họ Bàng có tâm tánh hiền lành tốt đẹp, đối xử với tất cả khách qua đò đều bình đẳng, không phân biệt sang hèn, người nghèo thì không lấy tiền. Lại thường hay vớt cứu những người bị té chìm ở sông.
NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ thương người chí hiếu chí thành, nên phong cho làm Hỗn Khí Nguyên Soái, tay cầm kim đao (đao vàng), canh gác việc ra vào ở thiên môn và trừ khử âm ma, tiêu diệt kẻ ác, không bao giờ sai sót nhầm lẫn.

奉祀：一些大道觀常有設天將殿堂，供奉雷部元帥或其他天將。其中由於各地道教徒的地方文化歷史背景的差異，因此供奉元帥之名號以及數量可能有所不同。但是以雷部元帥作為護法神靈，救難神靈祈求確是一致的。
*參考文獻：
《鑄鼎餘聞》、
《三教源流搜神大全》
*執筆人：陳耀庭

III.- VIỆC THỜ CÚNG:-
Một số Đạo Quán lớn thường xây dựng Thiên Tướng Điện Đường để thờ phụng các Nguyên Soái của Lôi Bộ hay các thiên tướng.
Tùy theo tình trạng văn hóa và điều kiện sinh hoạt mỗi nơi một khác mà việc thờ cúng Nguyên Soái Lôi Bộ khác nhau về số lượng và danh hiệu. Nhưng điểm chung nhất của việc thờ cúng Nguyên Soái Lôi Bộ là "Thần Linh về hộ pháp, cứu nạn và trảm quỉ trừ kẻ ác".
*Tài liệu tham khảo : -
《Chú Đỉnh Dư Văn》、
《Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn》
*Người viết : - Trần Diệu Đình



*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.taoism.org.hk).

## Chư Thần của Núi Non Sông Biển và Lôi Bộ

## 37.LÔI CÔNG -- ĐIỄN MẪU.



(Lôi Công)



(Điển Mẫu)

山川河海及雷部諸神 -- 雷公-電母

雷公電母的由來：雷公是司雷之神，屬陽，故稱公，又稱雷師、雷神。電母是司掌閃電之神，屬陰，故稱母，又稱金光聖母、閃電娘娘。雷電崇拜，起自上古。戰國屈原《遠游》篇有句稱「左雨師使經待兮，右雷公而為衛」；《離騷》中亦云：「鸞皇為余先戒兮，雷師告余以未具。吾令豐隆乘雲兮，求宓妃之所在」。豐隆，據漢王逸注，「一曰雷師」。《山海經》中有多處關於雷神的記載，稱雷神是「龍身而人頭，鼓其腹」，當是獸形。但漢代王充《論衡》中所述漢代的雷神，「若力士之容，謂之雷公。使之左手引連鼓，右手推椎，若擊之狀。其意以為雷聲隆隆者，連鼓相扣擊之音也」。雷公當是人形。魏晉南北朝時期，雷公又變為獸形。《搜神記》稱雷神「色如丹，目如鏡，毛角長三尺，狀如六畜，似獼猴」。閃電之職，古代亦由雷公兼司。直至漢代才有電父之說。大約在唐宋時期，閃電之神變成電母。唐崔致遠有句稱「使電母雷公，鑿外域朝天之路」。宋蘇軾亦有詩稱「麾駕雷公訶電母」。宋元以後，電母更有名姓，《鑄鼎餘聞》稱「電母秀使者，名文英」。《元史》的《輿服志》說到軍中有「電母旗」，旗上畫神人為女人形，「纁衣朱裳白褲，兩手運光」。明代小說《西遊記》和《北遊記》都寫到電母，稱"金光聖母"或"朱佩娘"。



I.- XUẤT XỨ:-
Lôi Công là vị thần phụ trách về việc tạo ra "sấm" (tiếng nổ), thuộc về dương , nên gọi là "Công" (Ông Sấm) cũng gọi là "Lôi Sư" hay "Lôi Thần".
Điễn (Điện) Mẫu là vị thần phụ trách việc tạo ra "sét" (tia chớp), thuộc về âm, nên gọi là "Mẫu", cũng gọi là "Kim Quang Thánh Mẫu" hay "Thiểm Điện Nương Nương".
Sự sùng bái sấm sét có từ đời thượng cổ. Ông Khuất Nguyên đời Chiến Quốc, trong thiên "Viễn Du" đã có câu thơ:-
"Tả vũ sư sử kinh đãi hề,
Hữu Lôi Công nhi vi vệ"
*Dịch:-
"Bên trái ta có vũ sư (thần mưa) cầm sách đứng chờ,
Bên phải ta có Lôi Công bảo vệ"
*Trong "Ly Tao" cũng nói :-
"Loan hoàng vị dư tiên giới hề,
Lôi Sư cáo dư dĩ vị cựu,
Ngô lệnh Phong Long thừa vân hề,
Cầu mật phi chi sở tại"
*Dịch:-
"Chim loan vua vì ta trước phải giữ giới,
Lôi Sư nói với ta rằng như thế cũng chưa đủ.
Ta ra lệnh cho Phong Long cỡi mây,
Mong (sẽ mang) Mật Phi đến nơi nầy".
"Phong Long" trong chú thích của Vương Dật đời Hán "là cách nói khác của Lôi Sư.
*Trong "Sơn Hải Kinh" có viết rằng nhiều nơi thờ cúng Lôi Thần, diễn tả hình dáng là "đầu người mình rồng, bụng như cái trống" , đó là hình dạng thú. Nhưng trong "Luận Hành" của Vương Sung đời nhà Hán thì diễn tả hình dáng như sau:- "Lôi Công có dáng như một lực sĩ, tay trái cầm một dây trống, tay phải cầm dùi chùy, như đang đánh trống vậy. Ý nói là tiếng tiếng sấm ầm ầm như nhiều cái trống liên tục phát ra âm thanh vậy". Đến đây thì Lôi Công đã có hình người. Đến thời Ngụy Tấn của Nam Bắc triều, Lôi Công lại trở lại dạng hình thú. Trong "Sưu Thần Ký" viết :- "Có sắc đỏ như linh đan,mắt như gương sáng, sừng dài ba thước, giống như lục súc hay khỉ". Chức năng tạo tia sét trước do Lôi Công đảm nhiệm luôn. Đến đời Hán mới có nói đến "Ông cha điện". Cho đến khoảng đời Đường Tống, thì thần tia sét mới biến thành "Điện Mẫu" (Mẹ Sét) . Ông Thôi Trí Viễn đời Đường nói:- "Khiến cho Lôi Công và Điện Mẫu đào con đường từ bên ngoài vào chầu trời". Ông Tô Thức đời Tống có thơ rằng:- "Huy giá Lôi Công kha Điện Mẫu" (xe chỉ huy của Lôi Công quát mắng Điện Mẫu). Từ sau đời Tống Nguyên, mới có danh xưng Điện Mẫu. Trong sách "Chú Đỉnh Dư

Văn" nói "Điện Mẫu là sứ giả xinh đẹp, tên là Văn Anh". Trong chương "Dư Phục Chí" của "Nguyên Sử" nói là trong quân trận có "Cờ Điện Mẫu", trên đó vẽ vị nữ thần "mặc chiếc áo màu đỏ quần trắng, hai tay chuyển vận ánh sáng". Trong các tiểu thuyết đời Minh như Tây Du Ký hay Bắc Du Ký đều có nói đến Điện Mẫu, xưng là "Kim Quang Thánh Mẫu" hay "Chu Bội Nương".

職能：雷公電母之職，原來是管理雷電。但是自先秦兩漢起，民眾就賦予雷電以懲惡揚善的意義。《史記》的《殷本紀》稱「武乙無道，暴雷震死」。王充《論衡》的《雷虛》篇稱「盛夏之時，雷電迅疾，擊折樹木，壞敗室屋，時犯殺人」，「其犯殺人也，謂之陰過，飲食人以不潔淨，天怒擊而殺之。隆隆之聲，天怒之音，若人之響噓矣」。其雷電都具有代天行道、懲罰陰過、震死暴雷的意思。道教繼承中國古代對雷公電母的信仰。唐五代高道杜光庭在其編定的《道門科範大全集》的多種祈求雨雪的科儀中，都以雷公電母作為主要啟請的神靈。北宋以後的神霄派、清微派道士施行雷法，《道法會元》稱雷法之基礎是「氣」，「道中之法者，靜則交媾龍虎，動則叱吒雷霆」，而雷公作為主管雷霆的九天應元雷聲普化天尊(即雷祖)的下屬神靈，在施法中予以迎送、召喚、調遣和施雷等事。

II.- CHỨC NĂNG:-

Chức năng của Lôi Công và Điện Mẫu nguyên là quản lí Lôi Điện. Nhưng bắt đầu từ thời Tiên Tần và Lưỡng Hán, dân gian mới gán thêm ý nghĩa quyền hạn của Lôi Điện là trừng phạt kẻ ác cứu giúp người lành. Trong thiên "Ân Bản Kỷ" của "Sử Ký" nói "Vua Vũ tên Ất vì vô đạo nên bị sét đánh chết". Còn Vương Sung trong thiên "Lôi Hư" của sách "Luận Hành" nói:- "Thời thịnh vượng nhà Hạ, Lôi Điện đã nhanh chóng đánh chết cây cối, làm hư nhà cửa, có lúc chết người". "Người bị sét đánh chết nây là vì chứa quá nhiều khí âm, do ăn uống những chất không sạch sẻ, nên bị Trời giận sai Lôi Công đánh chết . Những tiếng sấm ầm ầm là biểu hiện sự tức giận của Trời mà con người nghe vang dội lại vậy".

Như vậy, Lôi Điện có thêm chức năng "thế thiên hành đạo" (thay trời hành Đạo), ý nói trừng phạt những tội "quá âm" bằng cách dùng sấm sét đánh chết.

*Đạo Giáo kế thừa tín ngưỡng về Lôi Công Điện Mẫu của thời cổ đại, trong sách "Đạo Môn Khoa Phạm Đại Toàn Tập " của bậc đạo đức cao là Đỗ Quang Đình đời Đường Ngũ Đại đều lấy Lôi Công Điện Mẫu làm vị thần linh khải thỉnh đầu tiên trong các nghi thức lễ đàn cầu mưa hay tiêu tuyết.

*Từ đời Bắc Tống về sau, những Đạo Sĩ của các phái Thần Tiêu, phái Thanh Vi đều có "Pháp Hành Lôi".

Trong "Đạo Pháp Hội Nguyên" nói rằng cơ sở của Lôi Pháp là ở "KHÍ", "Pháp ở trong Đạo là khi tĩnh thì "long hổ giao cấu", còn khi động thì quát như tiếng sấm". Mà Lôi Công lại là thuộc hạ của Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn (Lôi Tổ) , nên trong việc "tác pháp" có những nghi thức như :- "nghênh tống, trao đổi vị trí, điều khiển" việc hành lôi pháp nây.

奉祀：在一些規模較大的道觀和廟宇中，常有雷公電母的供奉。雷公神像作力士狀，裸胸袒腹，背插雙翅，額具三目，臉赤如猴，下巴長而銳，足如鷹爪。左手執鏨，右手執鎚，作欲擊狀。自頂至旁，環懸連鼓五個，左足盤躡一鼓，世稱雷公江天君。電母之像則容如女，貌端雅，兩手執鏡，號曰電母秀天君。雷公神誕之日為六月二十四日。道教信徒一般只是在祈求雨雪時才奉祀雷公電母，專門奉祀的已不多見。但在道教大型齋醮儀禮中仍列有雷公電母之神位。

*參 考 文 獻 :
《搜 神 記》、
《鑄 鼎 餘 聞》、
《三 教 源 流 搜 神 大 全》
* 圖片來源:
中國美術全集繪畫編. 寺觀壁畫(九五, 九六), 文物出版社 及 北京銀冠電子科技公司 聯合製作出版
*執 筆 人 : 陳 耀 庭

III.- VIỆC THỜ CÚNG:-
Trong các Đạo Quán hay Miếu Vũ có qui mô lớn, thường hay thờ cúng Lôi Công Điện Mẫu. Thần Lôi Công tạo như hình tượng lực sĩ, bày trần ngực và bụng, lưng gắn hai lá cờ, trên trán có ba mắt, gò má đỏ như khỉ , cằm nhọn mà dài, chân như móng chim ưng. Tay trái cầm cái liềm, tay phải cầm chùy như muốn đánh xuống. Từ đỉnh đầu xuống hai tay, có đeo một chùm năm cái trống , chân trái mang theo sau một cái trống, thế gian gọi là Lôi Công Giang Thiên Quân.
Tượng của Điện Mẫu thì dung nhan người nữ, tướng mạo đoan trang, hai tay cầm gương, danh hiệu là Điện Mẫu Tú Thiên Quân.
*Ngày đản sanh của Lôi Công là ngày hai mươi bốn tháng sáu.
Tín đồ Đạo Giáo mỗi khi có việc cầu mưa hay ngưng tuyết thì mới cúng tế Lôi Công và Điện Mẫu, còn thờ bình thường thì ít thấy. Nhưng trong các nghi lễ của lập đàn trai tiêu lớn của Đạo Giáo cũng đều có thần vị của Lôi Công và Điện Mẫu.
*Tài liệu tham khảo : -
《 Sưu Thần Ký 》、
《 Chú Đỉnh Dư Văn 》、
《 Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn 》
Xuất xứ hình ảnh :-
Trung Quốc Mỹ Thuật Toàn Tập Hội Hoạ Biên . Tự Quán Bích Hoạ (cửu ngũ , cửu lục ), Văn Vật xuất bản xã cập Bắc Kinh Ngân Quán Điện Tử Khoa Kỹ Công Ty liên hợp chế tác xuất bản.
*Người viết:- : Trần Diệu Đình
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.taoism.org.hk).
Xin theo dõi tiếp BÀI 8. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 8.

*Thứ Bảy, ngày 04 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

Phần bổ sung cho bài "Huyền Thiên Thượng Đế"

## 38. TINH QUÂN
## CHÂN VŨ ĐẠI ĐẾ
## 星君 - 真武大帝

真武大帝的來歷：真武大帝，又稱玄武神，玄天上帝。據《太上說玄天大聖真武本傳神咒妙經》，真武大帝是太上老君第八十二次變化之身，托生於大羅境上無欲天宮，淨樂國王善勝皇后之子。皇后夢而吞日，覺而懷孕，經一十四月及四百餘辰，降誕於王宮。後既長成，遂捨家辭父母，入武當山修道，歷四十二年功成果滿，白日昇天。玉皇有詔，封為太玄，鎮於北方。玄武一詞，原是二十八宿中北方七宿的總稱。屈原《楚辭》之《遠游》篇有句稱，「召玄武而奔屬」。玄武七宿之形如龜蛇，故注稱，「玄武謂龜蛇，位在北方，故曰玄，身有鱗甲，故曰武」。北宋開寶年間，玄武神降於終南山。太平興國六年(981年)封為翌盛將軍。宋真宗大中祥符七年(1014年)加封為翌聖保德真君，後為避聖祖趙玄朗之諱，改玄武為真武。宋真宗、宋徽宗、南宋欽宗等屢有加封。元代大德七年(1303年)加封真武為元聖仁威玄天上帝。明成祖崇奉真武，御用的監、局、司、廠、庫等衙門中，都建有真武廟，供奉真武大帝像。永樂十年(1412年)又命隆平侯張信率軍夫二十餘萬人大建武當山宮觀群，使武當山真武大帝的香火達到了鼎盛。



Tinh Quân
Chân Vũ Đại Đế

I.-XUẤT XỨ:-

Chân Vũ Đại Đế còn xưng là Huyền Vũ Thần, Huyền Thiên Thượng Đế .
Theo sách :- "Thái Thượng Thuyết Huyền Thiên Đại Thánh Chân Vũ Bản Truyện Thần Chú Diệu Kinh ", thì Chân Vũ Đại Đế là thân biến hóa lần thứ tám mươi hai của Thái Thượng Lão Quân, hóa sanh ở Vô Dục Thiên Cung của Đại La Cảnh, là con của Tịnh Lạc Quốc Vương và Hoàng Hậu Thiện Thắng. Hoàng Hậu nằm mộng thấy nuốt mặt trời, sau có thai. Mang thai đến mười bôn tháng và hơn bôn trăm giờ mới hạ sanh Thái Tử ở vương cung. Sau Thái Tử trưởng thành, từ biệt phụ mẫu và gia quyến vào núi Vũ Đang để tu hành. Sau bốn mươi hai năm công thành quả mãn, giữa ban ngày được thăng thiên. Ngọc Hoàng ban chiếu chỉ sắc phong cho Ngài là "Thái Huyền", trấn giữ phương Bắc.
Từ "huyền vũ" nguyên là tên gọi chung để chỉ bảy sao ở phương Bắc nằm trong hệ Nhị thập bát tú. Trong thiên "Viễn Du" sách "Sở Từ" của Khuất Nguyên có câu "Triệu Huyền Vũ nhi bôn thuộc" (gọi Huyền Vũ chạy đến). Hình dạng bảy sao của Huyền Vũ giống như "rùa hợp với rắn", cho nên nói [Huyền Vũ là rùa rắn, vị trí ở phương Bắc, nên gọi là "huyền", thân có vãy lân, nên gọi là "vũ" ].
*Năm Khai Bảo đời Tấn, Thần Huyền Vũ hạ giáng ở núi Chung Nam . Năm thứ sáu Thái Bình Hưng Quốc (năm 981) được phong làm "Dực Thịnh Tướng Quân". Năm Tường Phù thứ bảy đời Tống Chân Tông (năm 1014) gia phong làm "Dực Thánh Bảo Đức Chân Quân", về sau vì tỵ húy tên Thánh Tổ (nhà Triệu) là Triệu Huyền Lãng, nên cải Huyền Vũ thành ra Chân Vũ. Các đời Tông Chân Tông, Tống Huy Tông, Tống Khâm Tông (Nam Tống) đều có gia phong. Đời Nguyên vào năm Đại Đức thứ bảy (năm 1303) gia phong Chân Vũ làm "Nguyên Thánh Nhân Ủy Huyền Thiên Thượng Đế ". Đời Minh Thành Tổ rất sùng kính Chân Vũ, từ trong cung vua cho đến các "cục", "ty", "xưởng", "khố" (tên đơn vị hành chánh thời đó) của Nha Môn đều có lập Miếu Thờ Chân Vũ, trong miếu có tượng Chân Vũ Đại Đế . Năm Vĩnh Lạc thứ mười (năm 1412) vua ra lệnh cho Long Bình Hầu Trương Tín thống suất quân sĩ và hơn 20 vạn dân chúng, kiến lập quần thể Cung Quán ở núi Vũ Đang. Đây là thời kỳ việc thờ phụng Chân Vũ Đại Đế lên đến đỉnh cao nhất.
北斗注死：玄武是北方七宿的總稱。七宿之中有斗宿。道教重視斗星崇拜，稱「南斗注生，北斗注死」，凡是人從投胎之日起，就從南斗過渡到北斗。人之生命壽夭均由北斗主其事。因此，人祈求延生長壽

，都要奉祀真武大帝。

II.- Bắc Đẩu Chú Tử ：- (quản lí về sự chết)

Huyền Vũ là tên gọi gom lại của bảy sao phương Bắc. Trong bảy sao thì có sao Đẩu là quan trọng hơn cả. Đạo Giáo rất sùng bái sao Đẩu, cho rằng [Nam Đẩu chủ về "sanh", Bắc Đẩu chủ về "tử" ]. Khi một người vào ngày bắt đầu đi đầu thai thì xuất phát từ Nam Đẩu, mà ngày chết là từ Bắc Đẩu định đoạt.Như vậy, tuổi thọ con người là do Bắc Đẩu quyết định. Từ đó, những việc cúng tế để xin kéo dài tuổi thọ , chủ yếu là cầu khẩn Chân Vũ Đại Đế .

水位之精：《佑聖咒》稱真武大帝是「太陰化生，水位之精。虛危上應，龜蛇合形。周行六合，威懾萬靈」。因此，真武大帝屬水，當能治水降火，解除水火之患。明代宮內多建真武廟就為祈免水火之災。

III.- Thuỷ Vị Chi Tinh ：- (tinh hoa của nước)

Trong sách《Hữu Thánh Chú》tôn xưng Chân Vũ Đại Đế là 「Thái âm hoá sanh , thuỷ vị chi tinh . Hư Nguy thượng ứng , quy xà hợp hình . Chu hành lục hợp , uy nhiếp vạn linh 」. (Do Thái Âm sanh ra nên là tinh hoa của nước, có hai sao Hư và Nguy ứng tiếp, là hình dáng tổng hợp của rắn và rùa. Xoay vòng lục hợp, uy lực thu nhiếp cả muôn loài).

Nhân đó, người ta bảo Chân Vũ thuộc về Thủy, có công năng khắc chế hỏa, nghĩa là giải trừ về tai nạn lửa củi. Trong cung điện nhà Minh có xây dựng rất nhiều Miếu Chân Vũ để cúng tế cầu xin phòng tránh những tai nạn về nước và lửa.

奉祀：農曆三月初三日，是真武大帝神誕之日。各地真武廟均有奉祀祝誕祭典。其中以武當山進香朝拜為最盛。

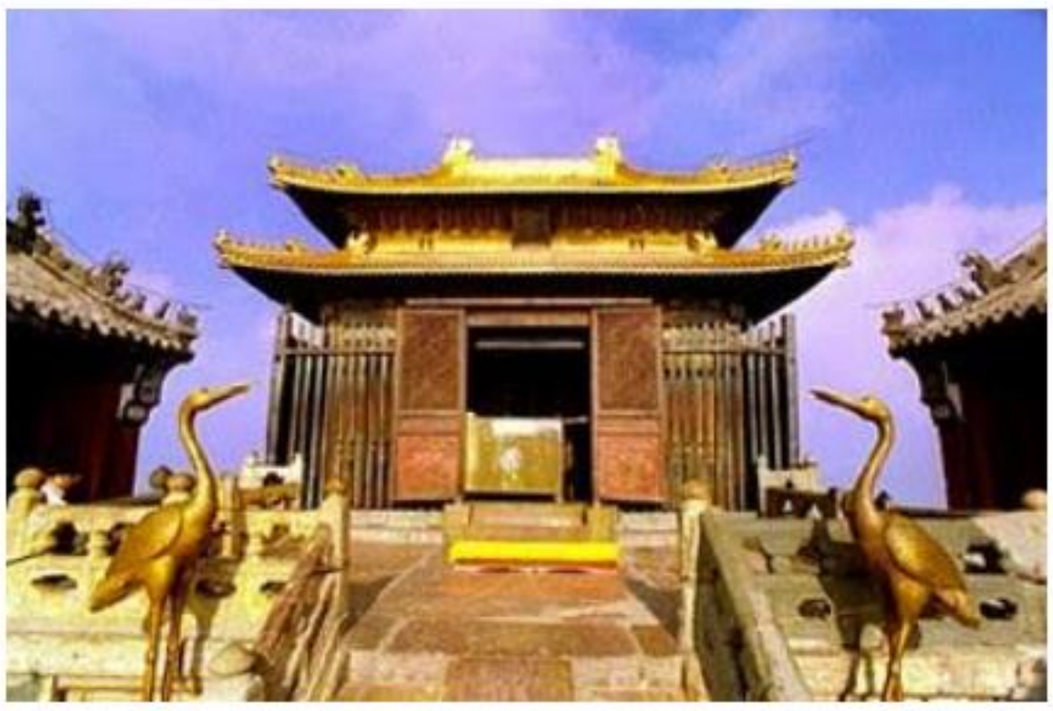
*參考文獻：

《明史、禮志》、
《太上說玄天大聖真武本傳神咒妙經》、
《三教源流搜神大全》

*執筆人：陳耀庭

IV.- THỜ CÚNG:-

Ngày mùng ba tháng ba âm lịch là ngày sanh của Chân Vũ Đại Đế . Các Miếu Thờ đều có làm lễ cúng tế Ngài. Trong số đó, tín đồ hành hương đến cúng tế ở núi Vũ Đang là đông đảo nhất.



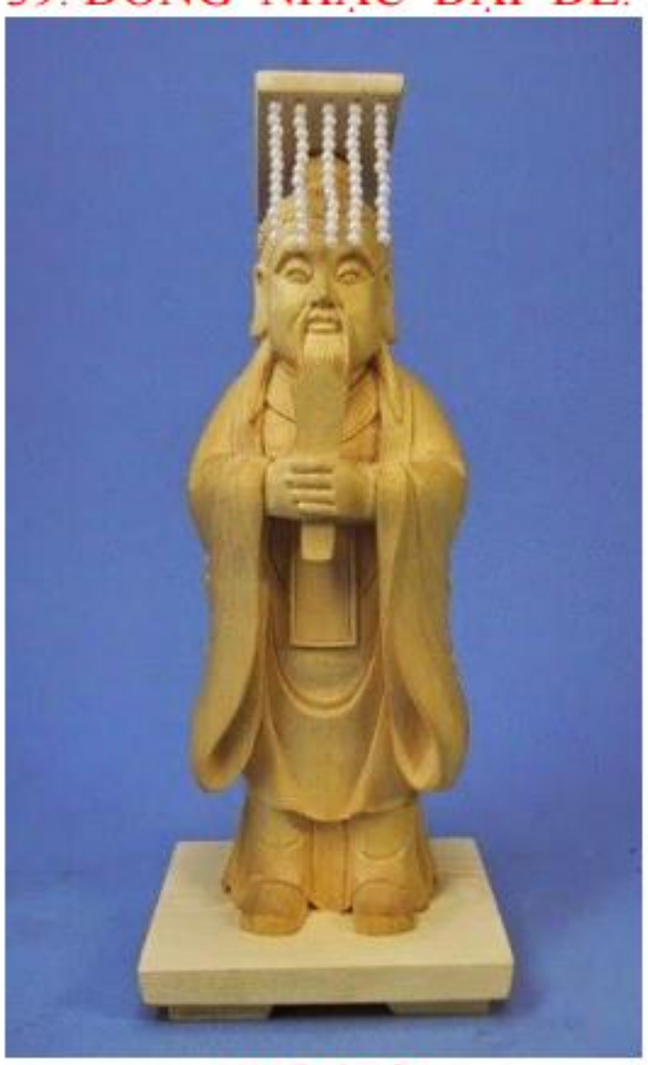
*Tài liệu tham khảo : -

《Minh Sử 、 Lễ Chí》 、
《Thái Thượng Thuyết Huyền Thiên Đại Thánh Chân Vũ Bản Truyện Thần Chú Diệu Kinh》 、
《Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn》

*Người viết : Trần Diệu Đình

*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.taoism.org.hk)

## 39. ĐÔNG NHẠC ĐẠI ĐẾ.



東岳大帝

《詩經大雅》云：「東岳岱，南岳衡，西岳華，北岳恆。」中國古代稱境內東南西北高山為四岳，即東岳岱山，南岳衡山，西岳華山，北岳恆山。加上中岳嵩山則是今人所謂之五岳。

《書傳》載「東岳，岱」，《書舜典》「東巡守至岱宗」，并傳為「岱宗泰山，為四岳所宗」，就是指泰山。

《封神傳》稱「泰山為五岳之首」，《書傳》稱「泰山為四岳之宗」。

東岳泰山簡稱岱或稱岱宗、岱岳。泰山屬于陰山系，起于中國山東膠州灣西南西行橫貫五省的中部，盡于運河東岸，稱泰山脈。主峰在泰安縣北，以大人峰為最高，世以為五岳中的東岳。

山的崇拜，自中國古代就已開始。《書經堯舜》：「禮于六宗」。所謂六宗就是日、月、星、河、海、岱。岱就是指泰山。古代帝王常來泰山封禪，也就是說祭天和祭地，后來視泰山為神。

山岳神格化之后成為東岳大帝，稱之「東岳泰山天齊仁聖大帝」。

古代帝王繼位，必來此封禪為大典，以祭拜天地。復因泰山的莊嚴，故視泰山為神。泰山為中國五岳之首，東岳廟內祀引蒙、乳母、子孫、天仙、眼光、催生、培姑、愛敬、送牛九神總稱九娘娘。

帝王「封禪」的心理也是很微妙的，藉此以明示天下，自己政權的樹立，是得到天意的支持，表示君權神授。另一方面也相信泰山是死人魂魄歸宿之地，泰山的東岳大帝是主管人命長短的。因此帝王方面詔告天下自己政權是合法的，另一方面也向東岳大

帝祈福祈壽，以能永享尊貴。

帝王封禪是有求于東岳大帝，另方面以加封敕號為回報，像唐明皇封禪泰山，加號「天齊」宋大中祥符元年封禪畢，詔加號泰山為「仁聖天齊」五年，又加「天齊仁聖帝」。元朝至元十八年，詔加「天齊大生仁聖帝」。

民間相傳，東岳大帝是掌管人生壽命的神，凡人死之后，第一關就是要往東岳大帝報到，驗明正身之后，再發送到十殿閻羅王那里開始受審，為此，民間對東岳大帝的奉祀特別虔誠隆重，有病痛時更是頂禮有加。古代五岳之祀實為自然崇拜中的山岳崇拜。

民間相信東岳大帝居于陰陽兩洞執掌人間福、祿、壽考貶惡征奸，為陰間十殿明王首席，也是地府陰司的主神乃將現世作惡未敗露者送入地獄，因此民間對東岳大帝極具敬畏。

東岳大帝是五岳帝之一的泰山。中國寺廟有奉祀五岳中之神，亦有供奉五尊神像者稱為五岳神。東
岳之神稱為東岳大帝，或稱岳帝爺、仁聖大帝、天齊王、泰山王、泰山府君、天都府君、泰山元帥。也有另外一說東岳大帝即太歲真人，姓歲名崇其或說是岳飛。考
泰山府君確有其人，據《夷堅志》載：「孜黑、石倪、徐楷相繼為泰山府君。」

《封神傳》又說：「封黃飛虎為東岳泰山齊天仁聖大帝，并指令黃飛虎為五岳之首，總管人間吉凶禍福，執掌幽冥地府十八重地獄，凡一應生死鐫化人神仙鬼俱從東岳勘對方許施行。」

《史記正義》說「泰山」筑土為壇以會天，報天之功，故曰：「到泰山下小山上除地，報地之功，故曰禪。」而神道屬天，鬼道屬地，皇帝都在泰山報天報地，顯然泰山是有神有鬼的。

大凡為求長壽，免受他人傷害及火災，免辛勞而致富，免兵刃之災，想致富享福祿者，都祭祀五岳帝。即使在平日，進香者也是絡繹不絕。

農歷三月廿八日，是東岳大帝的生辰。

ĐÔNG NHẠC ĐẠI ĐẾ

*Thiên Đại Nhã trong Kinh Thi nói:- "Đông nhạc  núi lớn, Nam nhạc nằm ngang, Tây nhạc đẹp, Bắc nhạc thường còn". Thời cổ đại Trung Quốc gọi những núi cao ở Tây Băc Đông Nam Á là  "tứ nhạc", từ đó có tên gọi Đông nhạc là "Thái  sơn", Nam nhạc là "Hành sơn", Tây nhạc là "Hoa sơn", Băc nhạc là "Hăng sơn", thêm vào ở giữa có Tung Sơn là thành ra ngũ nhạc.
*Trong "Thư Truyện" viết :- "Đông nhạc , rất lớn" ( Thái Sơn),  còn trong "Thư Thuấn Điển" viết "Phía Đông chạy dọc theo đến đại tông" cũng nói "Đại tông Thái Sơn, là tổ tiên của bốn núi". Tất cả đều ám chỉ đến Thái Sơn.
*Trong truyện "Phong Thần" nói "Thái Sơn là đứng đầu ngũ nhạc" cũng là cùng ý trên với Thư Truyện.
*Đông nhạc Thái Sơn có thể gọi tắt là "Đại" hay "Đại Tông", "Đại Nhạc". Thái Sơn thuộc dãy núi Vu Âm, chạy dài từ vịnh Giao Châu tỉnh Sơn Đông Trung Quốc đến năm tỉnh ở trung bộ, tận cùng là sông đào ở bờ Đông, gọi chung là sơn mạch Thái Sơn. Đỉnh cao nhất ở phía

Bắc huyện Thái An, tên là "Đại Nhân Phong", đời gọi là "Đỉnh Đông nhạc của ngũ nhạc".
*Sự sùng bái núi non đã có tử khởi thủy của người Trung Quốc. Trong các sách "Thư Kinh Nghiêu Thuấn" , "Lễ Vu Lục Tông" có nói [Lục Tông là mặt trời, mặt trăng, các sao, sông, biển và "Đại" ] .Đại là để chỉ cho Thái Sơn vậy. Các vị đế vương thời xưa thường hay đến Thái Sơn để cúng tế , gọi là "Phong Thiện", nghĩa là cúng tế trời và đất, cho nên về sau tôn xưng Thái Sơn thành Thần .
*Từ núi non đã được thần cách hóa trở thành Đông Nhạc Đại Đế và tôn xưng là "Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Trai Nhân Thánh Đại Đế".
*Thời cổ đại, các vua chúa khi lên ngôi đều lấy lễ "Phong Thiện" làm việc cúng tế lớn để bái lạy trời đất, vì cảm phục sự trang nghiêm của Thái Sơn nên tôn thành Thần. Thái Sơn là núi đứng đầu ngũ nhạc của Trung Quốc. Trong Miếu Đông Nhạc có chín vị thần là "Dẫn Mông (dạy trẻ con), Nhũ Mẫu (bà vú), Tử Tôn (con cháu), Thiên Tiên (các vị Tiên), Nhãn Quang (ánh sáng con mắt), Thôi Sanh (giúp đỡ sanh sản) , Bồi Cô (nuôi cho lớn), Ái Kính (thương yêu kính trọng),Tống Ngưu (tặng trâu), gọi chung là Cửu Nương Nương (chín vị nương nương).
*Lễ "Phong Thiện" của vua chúa chứa đựng nhiều ý nghĩa thâm sâu, một là cho cả thiên hạ biết vua, hai là sự thành lập chính quyền do vua đứng đầu nầy là "Ý trời", quyền hạn của vua là có trời chi trợ cho. Một ý khác, dân gian tin rằng , khi con người chết thì hồn phách đều qui về núi Thái Sơn Đông Nhạc . Vị Đại Đế nầy chưởng quản sự thọ yểu của con người. Như vậy, việc nhà vua làm lễ tế cáo trời đất ở Thái Sơn hàm ý:- một là , đây là chính quyền hợp pháp, hai là, cầu Đông Nhạc ban cho phước thọ, được hưởng tôn quí lâu dài.
*Nếu như trong lễ "Phong Thiện", vua chúa đã hướng về Đông Nhạc để cầu bái, thì ngược lại, sau đó nhà vua cũng phải "đền đáp" bằng cách "phong tặng trở lại" cho Đông Nhạc. Ví dụ như Đường Minh Hoàng phong làm "Thiên Tề" (ngang với Trời) . Đời Tống năm thứ nhất Tường Phù, sau khi làm lễ "Phong Thiện" xong, nhà vua sắc phong Đông Nhạc là "Nhân Thánh Thiên Tề" (bậc Thánh của loài người, ngang với Trời). Đến năm thứ năm, lại gia phong làm "Thiên Tề Nhân Thánh Đế" (vị Đế ngang với Trời, là bậc Thánh của loài người). Năm Chí Nguyên thứ 18 đời nhà Nguyên phong làm "Thiên Tề Đại Sanh Nhân Thánh Đế"
*Theo tín ngưỡng dân gian, tin rằng Đông Nhạc Đại Đế là vị thần chưởng quản tuổi thọ của con người. Khi một người vừa chết, trước hết phải đến "báo cáo" với Đông Nhạc, để xét coi có phải đúng là tên tuổi như thế hay không, sau mới chuyển xuống Thập Điện Diêm La Vương để xử lý. Do đó, dân gian đối với việc thờ cúng Đông Nhạc Đại Đế rất là long trọng và thành kính. Nhất là khi có bệnh hoạn đau ốm, thì sự khấn vái còn nhiều hơn lúc bình thường. Tóm lại, sự sùng bái ngũ nhạc của người cổ đại có nguồn gốc từ sự tôn sùng non cao núi thẳm của con người.
*Dân gian cũng có niềm tin rằng, Đông Nhạc Đại Đế ở trong hai động "âm dương" và chấp chưởng ba "đặc ân" phúc, lộc, thọ của con người. Quan trọng nhất là nơi ghi chép và đúc kết "Hồ sơ tội phước" của con người để chuyển giao đến Diêm Vương giải quyết. Từ đó, dân gian đối với Đông Nhạc vô cùng kính sợ.
*Đông Nhạc Đại Đế cũng là vị Đế Thái Sơn lớn nhất trong năm vị đế ngũ nhạc. Trong các tự miếu của Trung Quốc, hầu hết đều có thờ phụng hình tượng của năm vị Thần Ngũ Nhạc. Thần của Đông Nhạc tôn là "Đông Nhạc Đại Đế", hoặc là "Nhạc Đế Gia", "Nhân Thánh Đại Đế", "Thiên Tề Vương", "Thái Sơn Vương", "Thái Sơn Phủ Quân", "Thiên Đô Phủ Quân", "Thái Sơn Nguyên Soái". Lại còn có một thuyết khác là, Đông Nhạc Đại Đế tức là "Thái Tuế Chân Nhân" họ Tuế tên Sùng, có chỗ nói là Nhạc Phi. Trong sách "Di Kiên Chí" thì nói rằng "Ba vị Tư Hắc, Thạch Nghê và Từ Khải kế tiếp nhau làm Thái Sơn Phủ Quân".
*Trong truyện Phong Thần lại nói :- [ Phong Hoàng Phi Hổ làm "Đông Nhạc Thái Sơn Tề Thiên Nhân Thánh Đại Đế", cho Hoàng Phi Hổ đứng đầu Ngũ Nhạc, tổng quản về cát hung họa phước của nhân gian. Lại còn chấp chưởng mười tám địa ngục nặng ở cõi U Minh Địa Phủ. Phàm một người được sống, chết, thành Thần Tiên hay ma quỉ gì thì cũng do nơi kết

quả sự khảo xét của Đông Nhạc, rồi sau mới theo đó mà thực hành ].
*Trong "Sử Ký Chánh Nghĩa" có nói đến việc đắp đất ở Thái Sơn làm đàn để gặp Trời, báo công cho Trời như sau : "Đến trên núi nhỏ dưới núi Thái Sơn để báo công, gọi là "Thiện"]. Thần Đạo thuộc về Thiên còn Quỉ Đạo thuộc về Địa, nhà vua chỉ ở một nơi Thái Sơn mà báo thiên báo địa, có nghĩa là "Thái Sơn hội tụ cả Thần lẫn Quỉ vậy".
*Nếu muốn cầu cho được trường thọ, cầu cho khỏi bị người khác làm hại hoặc cầu tránh hỏa tai, tù ngục, tai họa binh biến… cho đến việc cầu xin phước lộc… đều đến cúng bái cầu khấn với vị Thần Đại Đế của Ngũ Nhạc hết thảy. Vì thế, dù là ngày thường, cũng có rất nhiều người đến Tự Miếu để thắp hương khấn nguyện, nhang khói liên miên chẳng ngớt.
*Ngày hai mươi tám tháng ba âm lịch là ngày đản sanh của Đông Nhạc Đại Đế .
*PHỤ LỤC:-
(Trích Phong Thần Diễn Nghĩa)
"Thái Thượng Nguyên Thỉ truyền sắc:

Hoàng Phi Hổ trung thần bị nạn, phải trốn sang nước khác, hết lòng đền ơn tri ngộ Võ Vương, nên chết tại huyện Dẫn Trì, nghĩ cũng khá thương. Còn Sùng Hắc Hổ, Văn Sính, Thôi Anh, Tưởng Hùng bốn anh em kết bạn, quyết lòng phạt Trụ hưng Châu, rủi thác một lượt với Hoàng Phi Hổ, nên phong làm thần Ngũ nhạc, cai trị năm hòn núi.

Vậy thời:

- Hoàng Phi Hổ làm Đông nhạc Thái Sơn, Tề Thiên Nhân Thánh Đại đế, làm đầu ngũ nhạc, cai trị phần hồn. Dầu ai mới thác cũng phải đến cho thần Đông nhạc xét tra. Đến lúc đi đầu thai cũng vậy.
- Sùng Hắc Hổ làm Nam nhạc Hành sơn, Tư thiên Chiêu thánh đại đế.
- Văn Sính làm Trung nhạc Tung sơn. Trung thiên Sùng thái Đại đế.
- Thôi Anh làm Bắc nhạc Hằng sơn, An thiên huyền thánh Đại đế.
- Tưởng Hùng làm Tây nhạc Hoa sơn, Kim thiên thư thánh Đại đế.

Các ngươi nầy phải lo bổn phận xem họa phước cho dân.

Năm thần tạ ơn xuống đài."

*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 40. HỎA ĐỨC TINH QUÂN.




火德星君

火的威力，足以益人，能使人獲得溫暖和光明，可是也足以禍人的。當火焰熊熊，無論遇到什么東西都會吞下去，然后在煙霧中把燼余的東西噴出來的時候，使見者誠不能不肅然畏怕。因此，原始人也以為是有神靈在內，所以就去崇拜它了。

火又被認為是純潔的，因此而崇拜它。波斯人的拜火教是由此而來的。

火神的傳說：

火德星君是火神。關于火神有下面几種說法：

《神誕譜》記載：「火德星君，為炎帝神農氏之靈，祀之為火神，以禳火災。」

《史記》記載：「火神為祝融，顓頊之子，名黎。」

《廣雅》記載：「火神為游老。」

《國語》記載：「火神為回祿。」

「回祿」或寫作「回陸」。古代楚國有一人，名叫吳回，掌管火正，有人說他就是「回祿」。

《左傳》記載：「鄭禳火於回祿。」今人有稱火災為「回祿之災」。

中國古代已有星辰的習俗。「熒惑」就是火星的別名。故祭火星，就是祭「熒惑」。古代人祭禮「熒惑」為五天神之一。五天神就是青帝居東方，赤帝居南方，黃帝居中央，白帝居西方和黑帝居北方。

中國古代祀火神，始師帝堯。

《史記》載：「帝堯陶唐氏命遇伯長火居商五祀大辰。」辰即大火，也就是說為祖，就是火的祖神。那么，火祖是誰呢？

《馮書五行志》記載：「帝嚳有祝融，堯時有閼伯，民賴其德，以為火祖，配祭火星。」意言當時黃帝的曾孫帝嚳時代有火官（掌祭火星、行火政之官）名祝融，帝堯時有火官名閼伯，因百姓感念他們的德行，奉祀他們為火的祖神，配祀火星。

《搜神記》記載：「神姓宋，名無忌，漢時人也，生有神異，死而為火精，唐牛僧孺立廟祀之，以釀火災，廟在武昌府之城東七里。」

也有說火神並不全屬男性，其中亦有女性：

《慎行紀程》記載：「沅州火神不祀祝融而祀凌霄女，一不虔，則女神立遣火鴉銜火丸置茅屋之上，兩翅扇風發火，故多火災。」

農曆六月廿三日是火神誕辰日。

HỎA ĐỨC TINH QUÂN.

*Tác dụng của lửa đối với con người vô cùng to lớn, có thể giúp cho con người ánh sáng và sự ấm áp mà cũng có thể gây ra tổn thất lớn cho con người. Đương khi núi lửa bùng nổ, bất cứ gặp phải vật gì trên dòng chảy của dung nham đều bị nó nuốt gọn, thủ tiêu hết. Cho nên, dù sau khi khói lửa đã tắt mà con người vẫn không sao tránh khỏi sự e dè sợ hãi đối với lửa. Vì thế, từ xa xưa loài người đã tôn lửa thành Thần Linh và sùng bái cúng tế nó.
Thêm nữa, con người cho rằng , lửa rất thuần khiết (sạch sẻ) , nên kính trọng nó. Bái Hỏa Giáo ở Ba Tư xuất phát từ sự sùng bái nầy.
*Truyền thuyết về "Hỏa Thần" như sau:-
-Trong "Thần Đản Phả" ghi :- "Hỏa Đức Tinh Quân là tinh linh của Viêm Đế thuộc họ Thần Nông, thờ cúng gọi là "Hỏa Thần", có thể cầu tránh tai nạn về lửa".

-Trong "Sử Ký" thì nói :-"Hỏa Thần là Chúc Dung, con của vua Chuyên Húc, tên là LÊ".
-Trong "Quảng Nhã" thì nói "Hỏa Thần là Du Lão".
-Trong "Quốc Ngữ" thì nói "Hỏa Thần là Hồi Lộc".
-Hồi Lộc hoặc viết thành Hồi Lục. Ở nước SỞ ngày xưa có một người tên Ngô Hồi, coi về việc Hỏa Chính (trị lửa), nên có người nói Hỏa Thần là Hồi Lộc.
-Sách "Tả Truyện" viết "Nước Trịnh cứu giải về lửa gọi là Hồi Lộc", vì thế dân gian gọi tai nạn về lửa là "hồi lộc chi tai" (nạn hồi lộc).
*Thời cổ đại Trung Quốc đã có tập tục tin vào "các sao". Từ "Huỳnh Hoặc" là cách gọi khác của lửa, nên việc cúng lửa gọi là "Tế Huỳnh Hoặc". Người xưa lấy việc cúng lửa làm một trong việc cúng tế năm thiên thần. Năm Thiên Thần là :- Thanh Đế ở phương Đông, Xích Đế ở phương Nam, Bạch Đế ở phương Tây, Hắc Đế ở phương Bắc và Huỳnh Đế ở trung ương.
*Thời cổ đại Trung Quốc thờ cúng lửa bắt đầu từ Đế Nghiêu.

"Sử Ký" ghi "Đế Nghiêu họ Đào Đường gặp lửa lớn nên thờ cúng gọi là Thìn". Vậy Thìn nghĩa là "lửa lớn", lại gọi là "Tổ", nên Lửa chính là Tổ Thần.



Vậy rút cục, Hỏa Tổ là ai ?
*Trong "Phùng Thư Ngũ Hành Chí" viết :- "Đế Khốc có Chúc Dung, thời Nghiêu có Khuyết Bá, dân gian nhờ cậy vào đức tốt của hai người, tôn xưng là Hỏa Tổ, cúng tế chung với Hỏa Tinh". Ý chính trong câu trên là :- "Thời Đế Khốc (cháu cố của Huỳnh Đế) có quan "Chưởng Tế Hỏa Tinh" hay "Hỏa Chính Quan" gọi là Chúc Dung, thời Đế Nghiêu có quan tên Khuyết Bá, vì bá tánh cảm niệm đức hạnh cao quí của hai vị nầy, nên tôn hai vị nầy lên làm "Tổ về Trị Lửa", cúng tế chung với Thần Hỏa Tinh.
*Sách "Sưu Thần Ký" chép "Thần họ Tống tên là Vô Kỵ, người thời nhà Hán. Lúc sanh ra có nhiều kỳ dị thần bí, lúc chết được tôn làm Hỏa Tinh. Ông Ngưu Tăng Nhu đời Đường lập Miếu Thờ để cầu giải cứu hỏa tai. Miếu tại phía Đông cách thành Phủ Vũ Xương bảy dặm".
*Lại cũng có thuyết nói, Hỏa Thần không hoàn toàn là nam hay nữ, bởi trong sách "Thận Hành Kỷ Trình" có nói :- "Ở châu Nguyên không thờ thần lửa Chúc Dung mà thờ Lăng Tiêu Nữ. Bởi vì ở đây, trước có người không tin (vị nữ thần nầy) nên Bà đã cho quạ thần tha những "hòn lửa" về thả trên mái nhà tranh của y, rồi lấy cánh quạt cho bốc lửa cháy nhà y để trừng phạt, gây ra trận cháy dữ dội".
*Ngày hai mươi ba tháng sáu âm lịch là ngày sanh của Hỏa Thần (Hỏa Đức Tinh Quân)
*NHƯỢC THỦY dịch

(từ http://www.fushantang.com)

# 40.VIÊM ĐẾ THẦN NÔNG.
# 神農炎帝

「炎帝」，就是古老傳說中史前的「神農氏」或「稷」神，民間稱之為「神農大帝」、「開天炎帝」、「神農先帝」、「藥王大帝」、「五穀王」、「五穀仙帝」、「粟母王」、「火帝」。但民間的稱謂并不止此，尚有先農、藥王、藥仙、先帝爺、五谷仙、大帝、田祖、田主等稱呼，另有史可考者，神農也稱為土神，據《禮記月令》注：「土神稱神農者，以其主于稼穡。」

據傳，神農生於公元前2737年，卒於公元前2627年。因在姜水之畔出生，故以姜為姓，取名姜軌，其母是有熊之女，名方登。傳說神農相貌奇異，身長八尺七寸，牛首人身，出生後三天能言，五日能行，七日長牙齒，三歲識農事，不喜殺生，教人開闢土地、耕種百穀，利用牛來耕田。

《逸周書》記載：「神農之時，天雨粟，神農遂耕而種，作陶，冶斤斧，為耒耜耨。」

神農親嘗百草，據說他曾於一日之內嘗過七十二種毒草，但皆逢凶化吉、轉危為安，在嘗試毒草液汁過程中發現，某些毒草與毒草混合，可解毒性，且有調和之功、治病之效。這也成了中醫最早的製藥構思，「以毒攻毒」的概念或起源於此。在逃避莫坯等人追尋時逃入山中，多日無糧，只好挖取植物地下根莖來充飢，結果發現了「黃精」、「地黃」等補藥。神農在嘗試百草中，品其藥性及作用，收錄編輯成書，就是我國醫學史上第一部藥物學著作，後世廣為流傳的《神農本草經》，記錄了三百六十五種藥物，神農乃中藥藥物學的創始者。

傳說中神農對華夏的多項貢獻：

教農民開辟土地，種植五谷，使農民發現五谷之美味，勝于肉食，於是漸漸以谷類為主食。

規定「權度量數」（權－重量、度－長度、量－體積、數－數量），依據這些規定，方便定出交易之價值。

倡導「日中為市」，公平交易，此為墟市之始。

把禾稻收割一次叫「一季」，教農民耕種之法。

發明以油質草木點燃照明，或以草為芯，澆以油膏，做成燭、燈，用於照明及祭神。

分五官掌管火事，天火春官、地火夏官，西火秋官、北火冬官、中火中官，各司其職。

據史記中記載，古代黃河流域中下游分佈著許多部落，比較重要的有炎帝部落、黃帝

部落等。黃
帝，姓姬，號軒轅氏、有熊氏，原居於西北，後遷徙至涿鹿一帶。炎帝傳為神農氏，姜姓，號烈山氏或厲山氏。當時南方強悍的九黎族，在其首領蚩尤率領之下，向黃帝部落發動攻擊，黃帝不敵，向炎帝求援。黃帝統帥炎、黃二部與蚩尤戰於涿鹿之野，結果蚩尤被殺。涿鹿之戰後，炎黃兩部落發生內鬨，炎帝退出。從此，中原各部落咸尊黃帝為共主，炎、黃等部落在黃帝的領導下融合成華夏民族。故中華民族素自承為『黃帝後裔』，又因炎、黃兩部落融合成華夏民族，故也稱為『炎黃子孫』。

清朝雍正年間，詔准各地府州縣擇地設立先農壇，壇后立廟，并規定以紅底金字神牌作成先帝神位，命令地方官每年率老農致祭，而且，每年天下的第一大祭就是「祈農」之祭，也就是在北京巍峨的先農壇恭行大禮，庄嚴肅穆，非常隆重。

現在各廟宇所祀種農大帝的神像，都頭角崢嶸，袒胸露臂，腰圍樹葉，赤手跣足，手持金黃稻穗，是原始時代裝束的人。塑像的表情木訥篤實，親切溫和。神農大帝有白、黑、紅三種不同的「臉色」，據說與他嘗百草有關。

每年農歷四月二十六日，是神農大帝誕辰，奉祀神農大帝的廟宇，都有隆重的祭禮，香火鼎盛，年年祭典，因為農民、藥商、醫師等，都尊奉他為保護神。但近年來，因工商業發達，這種祭典已不再被重視，香客寥落。

神農大帝無論為我們現在所崇奉或遺忘，但他確實是曾經為我們提供美好生活條件的偉人。

## VIÊM ĐẾ THẦN NÔNG

“Viêm Đế” là truyền thuyết lâu đời nhất trước khi Trung Quốc có sử. Đó là truyền thuyết về “Họ Thần Nông” hoặc là “Thần Tắc” (thần về lúa gạo). Dân gian tôn xứng là “Thần Nông Đại Đế” , “Khai Thiên Viêm Đế”, “Thần Nông Tiên Đế”, “Dược Vương Đại Đế”, “Ngũ Cốc Vương”, “Ngũ Cốc Tiên Đế”, “Túc Mẫu Vương”, “Hỏa Đế” . Cũng không phải chỉ có bấy nhiêu danh hiệu đó, mà còn nhiều danh xưng khác như là :- Tiên Nông 、 Dược Vương 、 Dược Tiên 、 Tiên Đế Gia 、 Ngũ Cốc Tiên 、 Đại Đế 、 Điền Tổ 、 Điền Chủ . Ngoài ra, trong sử cũng ghi Thần Nông là Thổ Thần như trong sách “Lễ Ký Nguyệt Lệnh” ghi “Thổ Thần còn xưng là Thần Nông, chủ về việc trồng trọt”.

*Tương truyền, Thần Nông sanh vào năm 2737 trước Công Nguyên, mất năm 2627 trước Công Nguyên. Nhân vì sanh ra ở bên bờ sông Khương nên lấy Khương làm họ, thành ra tên là Khương Quỹ. Mẹ của ông là con gái của họ Hữu Hùng, tên là Phương Đăng. Theo truyền thuyết, Thần Nông có tướng mạo rất kỳ lạ, thân cao tám thước bảy tấc, mình người đầu trâu, sanh ra ba ngày đã biết nói, năm ngày là biết đi, bảy ngày răng mọc dài. Lên ba tuổi đã biết việc nông, không ưa sát sinh, dạy người khai khẩn mở mang ruộng đất, gieo trồng trăm loại lúa đậu, lại biết dùng trâu để cày ruộng.

*Trong “Dật Chu Thư” viết :- “Thời Thần Nông, trời mưa lúa xuống, Thần Nông cày ruộng để gieo hạt lúa xuống. Đồng thời dạy dân làm đồ gốm, chế tạo rìu búa, cày bừa v.v…”.

*Thần Nông tự mình nếm các loại cây cỏ, theo truyền thuyết nói rằng, có ngày Ông đã nếm hàng chục loại cây cỏ độc, nhưng đều gặp hung hóa cát, chuyển nguy thành an. Trong những lần nếm cây cỏ độc, phát hiện ở dịch trấp có độc, ông đã dùng loại độc khác để hóa giải nó, từ đó có kinh nghiệm về “độc tính” rất thần diệu. Đây là những hiểu biết về bào chế thuốc cổ sơ nhất của Y Học Trung Quốc, dựa trên nguyên lý cơ bản “lấy độc trị độc” vậy.

Trong thời gian đi vào vùng rừng núi để tìm kiếm “cây cỏ làm thuốc” nầy, có nhiều ngày

không còn lương thực, Ông chỉ sống bằng những loại thực vật hoặc đào củ khoai để ăn. Nhân đó phát hiện ra những loại thuốc bổ quí hiếm như "Hoàng Tinh", "Địa Hoàng" v.v.... Qua những lần nếm cây cỏ ấy, Thần Nông thẩm định và phân tách, tổng hợp về dược tính các loại, gom góp biên tập lại thành sách, đó là bộ sách Y Dược Học nổi tiếng trong lịch sử nước ta (Trung Quốc), tên là "THẦN NÔNG BẢN THẢO KINH". Trong đó ghi đầy đủ về dược tính của ba trăm sáu mươi lăm vị thuốc. Thần Nông xứng đáng được tôn sùng làm "Thủy Tổ" của ngành Dược Vật Học vậy.

*Cũng theo truyền thuyết thì Thần Nông có rất nhiều sự cống hiến đối với đất nước Trung Hoa. Như là :-

-Dạy nông dân khai khẩn đất đai, gieo trồng cày cấy lúa đậu ngũ cốc, giúp nông dân phát hiện "vị ngon" của ngũ cốc hơn vị thịt thú rừng, dần dần dùng ngũ cốc làm thực phẩm chính để thay thế cho việc vất vả tìm kiếm săn bắt thú rừng.

-Dạy cho người pháp "Quyền Độ Lượng Số" ( Quyền :- trọng lượng; Độ :- độ dài lớn; Lượng :- đo thể tích; Số :- các con số tính đếm), theo đó mà qui định làm thành tiêu chuẩn chính xác công bằng về giá trị vật, trong việc giao dịch trao đổi đồ vật với nhau.

-Đề xướng nguyên tắc "Họp chợ ban ngày" để có sự giao dịch công bằng. Đây là nguyên tắc thủy tổ của hình thức "họp chợ" tức mọi giao dịch về sau.

- Gọi việc một lần thu hoạch lúa xong gọi là "một quí". Dạy cho nông dân phép cày bừa dùng sức trâu bò.

-Phát minh ra những chất dầu thảo mộc dùng để thắp sáng. Chế tạo ra dầu sáp có tim bằng thảo mộc để thắp sáng, gọi là "đèn" hay "đuốc" sau nầy. Cũng dùng những thứ đèn đuốc đó mà cúng tế thần.

-Phân chia trách nhiệm "gìn giữ lửa" cho năm vị quan. Gồm có Thiên Hỏa Xuân Quan, Địa Hỏa Hạ Quan, Tây Hỏa Thu Quan, Bắc Hỏa Đông Quan, Trung Hỏa Trung Quan, cứ tuần tự theo đó mà bảo vệ lửa để "cấp phát" cho dân chúng.

*Cũng theo Sử Ký ghi lại, ngày xưa ở lưu vực sông Hoàng Hà có nhiều bộ lạc tụ họp sinh sống. Quan trọng nhất là hai bộ lạc của :- Viêm Đế và Huỳnh Đế.

-Hoàng Đế họ Cơ, hiệu là Hiên Viên Thị, còn gọi là Hữu Hùng Thị. Nguyên cư ở vùng Tây bắc, sau dời về dãy núi Trác Lộc.

-Viêm Đế tương truyền là Thần Nông Thị, họ Khương, hiệu là Liệt Sơn Thị hay Lệ Sơn Thị. Lúc bấy giờ ở phương Nam có chín bộ tộc hùng mạnh, đứng đầu là thủ lãnh Xi Vưu. Lực lượng nầy kéo binh tấn công Huỳnh Đế. Huỳnh Đế cự không lại, mới cầu viện với Viêm Đế. Huỳnh Đế thống lãnh hai bộ tộc Huỳnh, Viêm đánh nhau với Xi Vưu ở cánh đồng Trác Lộc, kết quả Xi Vưu bị chết. (Xem bài Cửu Thiên Huyền Nữ).

-Sau cuộc chiến ở Trác Lộc, hai bộ lạc Viêm , Huỳnh lại phát sinh việc đánh nhau, Viêm Đế rút lui. Từ đó, các bộ lạc ở Trung Nguyên mới tôn Huỳnh Đế lên làm "Cộng Chủ". Hai bộ lạc lớn Viêm, Huỳnh và các bộ lạc nhỏ khác hợp lại thành ra khởi nguyên của dân tộc Trung Hoa sau nầy. Vì thế, dân Trung Hoa nhận mình là "Hậu Duệ (người nối dòng) của Huỳnh Đế". Cũng do hai bộ lạc Viêm, Huỳnh kết hợp làm thành khởi đầu của dân tộc Trung Hoa, nên về sau xưng là "Con cháu của Viêm Huỳnh" là vậy.

*Đời nhà Thanh, trong năm Ung Chính, nhà vua sắc lệnh cho các địa phương chọn đất để xây dựng "Đàn Tiên Nông" (nông đầu tiên), phía sau Đàn thì xây Miếu. Trong Miếu có tạo bài vị thờ "Thần Nông Tiên Đế" bằng giấy đỏ chữ mạ vàng. Rồi còn ra lệnh các quan địa phương suất lãnh những vị "lão nông" tập hợp lại để cúng tế hàng năm . Do đó, lễ cúng tế quan trọng nhất của dân chúng trong năm là lễ "Cầu Thần Nông". Dịp nầy, tại Tiên Nông Đàn lớn lao nguy nga nhất ở Bắc Kinh cử hành đại lễ rất trang nghiêm thành kính, vô cùng long trọng.

*Hiện nay, tại các Miếu Vũ đều có thờ hình tượng của "Thần Nông Viêm Đế". Thần tượng có hình dạng đầu sừng dữ tợn, để lộ hai cánh tay trần, lưng có khoác lá cây, tay đỏ chân trần, cầm "Bông Lúa Bằng Vàng", ra vẻ cách phục sức của người cổ đại. Tượng Thần Nông có "màu sắc của gò má" khác nhau là :- trắng, đen và hồng, ý nói lên việc nếm trăm thứ cây cỏ

ngày xưa của Ngài.
*Mỗi năm vào ngày hai mươi sáu tháng tư, là ngày đản sanh của Thần Nông Đại Đế . Các Miếu Vũ thờ phụng Ngài đều cử hành lễ cúng tế rất long trọng, hương hỏa rực rỡ, hàng năm cúng tế không khi nào bỏ sót. Ba giới Nông dân, Buôn bán thuốc và Y sư đều tôn Ngài là "Thần Bảo Hộ". Nhưng những năm gần đây, ở các nơi công thương nghiệp phát triển, việc cúng tế Ngài đã thưa thớt dần, số người cũng không mấy đông.
Cho dù, hiện nay chúng ta còn hay không còn tôn sùng Thần Nông Đại Đế đi nữa, thì Ngài mãi mãi vẫn là một bậc "Vĩ Nhân" thời cổ đại, đã đóng góp tinh thần công sức vô cùng to lớn cho lịch sử tiến bộ về mặt sinh hoạt của người Trung Hoa chúng ta ngày nay.



*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 41.TAM THÁI TỬ.



(NA TRA)
三太子

民間俗稱的太子爺就是李哪吒，或稱哪吒太子、中壇元帥、大羅仙、太子元帥、哪吒元帥、三太子爺、哪吒三太子、太子爺、金康元帥、金環元帥、羅車太子、李羅車、羅車公、玉皇太子爺等。

道教以他為護法主將，凡瘟疫或驅邪消災，都祭拜太子爺以化難解厄。哪吒本是佛道

不分的天神。

相傳中壇元帥，名為哪吒，是殷紂王時代陳塘關總鎮李靖之三子，拜師乾元山金光洞太乙真人習法，法力高強，俱隱身、土遁等法術，勇武絕倫。更有火尖槍、風火輪、靈符秘訣、混天綾、豹皮囊、乾坤圈、金磚等寶物，本領非凡。

李哪吒生性頑皮，不但大鬧東海打死了東海的敖丙太子，還用李靖的震天弓箭射死了骷髏山白骨石洞的石磯娘娘門人。東海龍王與石磯娘娘心有不甘，於是擒住李靖夫婦。為了不累及父母，哪吒析肉還母、刻骨還父以報答父母大恩。

哪吒死後其師傅太乙真人收其魂魄，用蓮花化身，如詩傳：『手提紫焰蛇牙寶，腳踏金霞風火輪，
豹皮囊內安天下，紅錦綾中福世民。』命他下山輔助武王伐紂，為姜尚中營神將，助周滅商，故後人都尊稱其為中壇元帥。此外因其裝備特殊，有輪有圈，故又有羅車太子等尊稱。其後，玉帝封他為三十六天將第一總領使，永鎮天門。

太子爺神像的造型雕刻，通常取其七歲的身軀，身穿甲冑，右手上揚，執有寶戟，左手橫胸，執有
乾坤圈，而左腳踩風火輪，全身重心皆置于后方右腳上，做騰云駕霧狀，身纏飛帶，且均採立姿，容貌豐圓，顯現威嚴又詳和的童氣。多由武人崇拜，又作保護小孩的神明。一般廟宇尊為中壇元帥，統率東南西北中五營神將神兵，護衛庄境。

民間鑒於哪吒太子神力高強，欽仰他的武勇，就尊稱他為太子爺來祭奉，崇信者多為武人。道教奉
他為五營神兵神將的統率之一（中營中壇元帥）。凡道士施法時必恭請哪吒相助，驅邪押煞。地方若有瘟疫，就請道士作法，村民備妥牲醴犒祭，然後在村落五方豎立五方旗，道士在廟中祭拜中營中壇元帥、土地、城隍、炳靈公等神明，然後誦經作法，招請神將，驅逐疫癘。近年來鎮邪除魔的神能頗受重視，成為民間乩童的主神，而大多數廟宇都奉有太子爺，做為保護神，此外，民宅的祭祀也不少，成為民間信仰的守護神。

太子爺的神靈，在中國福建、廣東的民眾心里有很大的影響力，漢人移民來台后，許多地方都建廟
祭拜或在他廟寄祀，甚至民眾神壇上也祭拜。太子爺香火甚盛，人們對其法力無邊，能消災解厄的能力，絲毫不疑。因此不僅平日香煙繚繞，若逢農歷九月九日太子爺誕，更是信士云集，祈求平安。

農曆九月初九為太子元帥誕辰。

托塔天王

「托塔天王」，姓李名靖，在封神榜中的托塔天王，相傳是殷周時代駐守陳塘關的總兵，他從小就拜西昆侖度厄真人為師，因此學會不少道术，學成五行遁法。但因命理太薄而無法成仙，只好在世間行道濟世。

李靖娶殷氏為妻，生有三個兒子，大兒子叫金吒，次兒子叫做木吒，而她的夫人在懷

第三個兒子時，受仙人之托蘿而生下哪吒（即太子爺）。
　　托塔天王李靖亦被玉皇大帝封為「降魔大元帥」。
護法天神

但在佛教中，托塔天王就是四大天王之一的「毗沙門天」，又名「多聞天」，在佛教中為護法的天神。托塔天王的形像有很多種，一般為身穿甲冑，手持玲瓏塔一座。
在民同信仰中，屬父子檔的神明相當罕見，而「托塔天王」，和他的三子「中壇元帥」李哪吒，正是雙雙受封為神。
五營元帥－王爺廟配祀

王爺廟里，必祀有五營元帥，此五營元帥是王爺的重要部屬，分掌境內五個方位，而由中營的中壇元帥，居中策應，加上各營的神兵、神將，邪魔厲鬼自然無法侵人，以解厄化災，善盡「代天巡狩」的重貴。

五營元帥又稱五營將軍、五大將軍、五營大將軍、五神將軍。民間相信天罡、地煞等為天兵種將，或稱神重神兵，統由所祭祀的主神調勤指揮，這類神軍分東營、西營、南營、北營與中營等神將，各營均有元帥或將軍，中營元帥由哪吒擔任。

傳說五營元帥分別是，東營張公、西營劉公、南營蕭公、北營連公、中營李公。中營神將即中壇元帥（俗稱李哪吒、太子爺）。
　　民間又傳說，太子爺統率東西南北中五營的神將神兵，為玉皇上帝駕前的神將。
　　而五營神將，乃是解消火災或守護廟宇、鎮守村庄的神明。

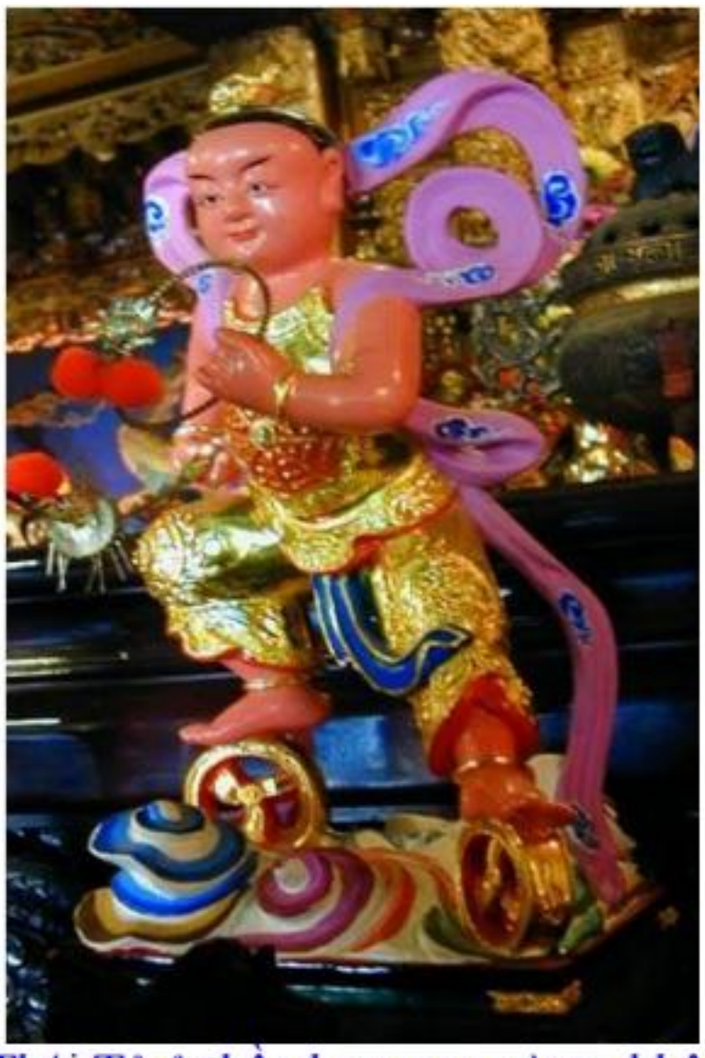
中壇元帥統率五營的神兵及神將，以鎮壓邪魔，素為巫師所利用，或被用作祈愿除惡。王爺廟里祭祀的五營神將，只雕刻神像頭部，插在竹子或木頭頂端，有時衣裳裹身，有時用紅布披身。



TAM THÁI TỬ.

Trong dân gian quen gọi Thái Tử là Lý Na Tra  hay Na Tra Thái Tử, Trung Đàn Nguyên Soái, Đại La Tiên, Thái Tử Nguyên Soái, Na Tra Nguyên Soái, Tam Thái Tử Gia, Thái Tử Gia, Kim Khang Nguyên Soái, La Xa Thái Tử, Lý La Xa, La Xa Công, Ngọ Hoàng Thái Tử

Gia v.v…
* Trong Đạo Giáo thì tôn Ngài làm Chủ Tướng Hộ Pháp. Trong những đàn tiêu trừ tà ma hay ôn dịch, đều cúng lạy Thái Tử Gia để cầu xin hóa giải tai ách. Riêng trong Phật đạo thì không có vị trí thiên thần  dành cho Ngài.
*Tương truyền Trung Đàn Nguyên Soái  tên là Na Tra, là con trai thứ ba của Tổng Trấn Trần Đường Quan Lý Tịnh thời kỳ Trụ Vương nhà Ân. Thái Tử đã bái sư nơi Ngài Thái ẤtChân Nhân ở Động Kim Quang, núi Càn Nguyên để theo học pháp thuật. Thái Tử đã học được nhiều pháp thuật cao cường như :- phép ẩn thân, phép độ thổ v.v…, trở thành người vũ dũng khó  ai bì. Ngoài ra, Ngài lại có thêm những pháp khí vô cùng lợi hại như :- cây thương hỏa tiêm (đầu nhọn có lửa), bánh xe lửa, bí quyết linh phù, hỗn thiên lăng (tấm lụa hỗn thiên), túi da beo, càn khôn quyện (chiếc vòng đeo tay càn khôn), khối vàng ba góc kim chuyên v.v… những vật báu ấy giúp Ngài có được bản lãnh phi phàm.
*Bản tánh của Lý Na Tra rất là ngoan cố ương ngạnh hiếu thắng, chẳng những đã đại náo Đông Hải để đánh chết Thái Tử Ngao Bính, mà còn lấy Chấn Thiên Cung (cây cung Chấn Thiên) của Lý Tịnh bắn chết đệ tử của Thạch Cơ Nương Nương ở Động Bạch Cốt núi Khô Lâu. Đông Hải Long Vương và Thạch Cơ Nương Nương uất ức mới bắt vợ chồng Lý Tịnh đền mạng.
Vì muốn tránh liên lụy cho cha mẹ, Na Tra đã cắt thịt trả lại cho mẹ, chặt xương trả lại cho cha để báo đáp công ơn lớn lao của phụ mẫu. (xem truyện Phong Thần Diễn Nghĩa)
Sau khi chết, hồn Na Tra bay về chầu thầy. Thái Ất Chân Nhân thâu hồn phách Na Tra, cho nhập vào thân  xác làm bằng hoa sen hóa ra. Cho nên trong truyện thơ diễn tả:-
“Thủ đề tử diệm xà nha bảo,
Cước đạp kim hà phong hỏa luân.
Báo bì nang nội, an thiên hạ,
Hồng cẩm lăng trung phước thế dân”
*Dịch:-
“Tay nâng bảo vật răng rắn phát ngọn lửa rực rỡ (chỉ Càn khôn quyện và Hỗn thiên lăng)
Chân đạp ráng trời vàng là bánh xe phát ra gió lửa (Phong hỏa luân)
Trong cái túi da beo, có khả năng làm thiên hạ an ổn (chỉ những thứ bảo bối)
Trong dãi lụa màu đỏ có thể ban phước cho người đời (Hỗn thiên lăng)”.
*Sau đó, Thái Ất chân Nhân cho Na Tra xuống núi để phò Vũ Vương chinh phạt vua Trụ, làm vị tướng tài ba giúp Khương Thượng (Tử Nha) phò nhà Châu tiêu diệt nhà Thương, cho nên người sau tôn xưng Ngài là “Trung Đàn Nguyên Soái”. Nhân vì sự trang bị rất đặc biệt của Ngài, nào là bánh xe, nào là chiếc vòng … nên sanh ra tôn xưng là “La Xa Thái Tử” (Thái Tử có xe và lụa). Về sau, Ngọc Đế phong cho Ngài làm Đệ Nhất Tổng Chỉ Huy các thiên tướng của ba mươi sáu cõi trời, trấn giữ thiên môn.
*Việc điêu khắc thần tượng thờ Ngài, thường tạo dáng dấp một người trẻ lên bảy tuổi, mình mặc giáp trụ, tay phải cầm bảo kích giơ cao lên, tay trái cầm càn khôn quyện để ngang ngực, chân trái đạp trên bánh xe lửa, trọng tâm toàn thân đặt ở chân phải phía sau, mô tả trạng thái đang đằng vân giá vụ (bay trên mây), thân đang bay mà thần thái rất ung dung, gương mặt tròn đầy biểu hiện phong cách uy nghiêm mà ngây thơ tự nhiên của trẻ con. Hình dáng nầy là do những người thích võ nghệ tạo nên, đồng thời cũng nói lên ý nghĩa “bảo vệ con nít”. Các Miếu Vũ tôn thờ Ngài làm Trung Đàn Nguyên Soái, thống suất thần binh của năm phương Đông Tây Nam Bắc và Trung ương, bảo vệ cho nơi thờ cúng.



*Dân gian kính trọng Na Tra Thái Tử ở thần lực cao cường, khâm phục sự vũ dũng của Ngài, nên tôn Ngài làm Thái Tử Gia để thờ cúng, đa số là những người theo nghiệp võ.
Trong Đạo Giáo thì thờ Ngài làm vị thần thống suất hết thảy thần tướng thần binh của cả năm doanh (Trung Doanh Trung Đàn Nguyên Soái). Mỗi khi vị Đạo Sĩ làm phép, thì trước phải cung thỉnh Thái Tử Na Tra giúp đỡ, trừ khử trấn áp tà sát. Địa phương nào có xãy ra bệnh ôn dịch truyền nhiễm, phải thỉnh các Đạo Sĩ đến làm phép. Dân trong làng phải sắm sửa vật tế lễ, sau đó Đạo Sĩ cho cắm cờ phép ở năm phương theo màu sắc phù hợp, rồi Đạo Sĩ ở trong Miếu cúng tế Trung Đàn Nguyên Soái, Thổ Địa, Thành Hoàng, Bỉnh Linh Công và các thần minh khác v.v... Kế là tụng kinh và làm phép, chiêu thỉnh thần tướng đến trừ khử dịch lệ.
Những năm gần đây, quan niệm về việc dùng năng lực thần quyền trừ khử tà ma đã không còn được coi trọng nữa, nên đại đa số trong các Miếu Vũ chỉ thờ Thái Tử với tư cách là vị Thần Bảo Hộ(thần bảo vệ).Ngoài ra, ở nhà dân cũng không ít người thờ cúng Ngài, trở thành một tín ngưỡng dân gian , thờ Ngài là Thần Thủ Hộ (thần gìn giữ).
*Thần quyền  của Thái Tử, có ảnh hưởng rất lớn đối với người Trung Quốc, nhất là dân chúng ở hai tỉnh Quảng Đông và Phước Kiến. Người Hán khi di cư sang Đài Loan, phần nhiều các địa phương đều xây dựng Miếu Thờ Ngài để cúng tế hoặc đến lễ bái Ngài ở Miếu Thờ nơi khác. Thậm chí có nơi, người ta còn tạo lập đàn tràng tại nhà để tế lễ. Nói chung, việc hương khói cúng bái Thái Tử Gia rất là thịnh hành, liên miên không ngớt. Dân gian tuyệt đối tin tưởng vào pháp lực vô biên của Ngài đối với việc khu  trừ tà ma yêu quái, giải nạn tiêu tai cho mọi người. Cho nên, lúc bình  thường cũng đã có sự cúng tế Ngài, mà nhất là vào hôm mùng chín tháng chín,  ngày đản sanh của Thái Tử Gia, thì số lượng nhân sĩ, dân chúng tập trung về Miếu Thờ cúng bái Ngài rất đông, cầu nguyện được bình an mạnh giỏi.
*Ngày vía đản sanh của Nguyên Soái Thái Tử là ngày mùng chín tháng chín âm lịch.
*Thác Tháp Thiên Vương :- (vị Thiên Vương  nâng tháp)
Thác Tháp Thiên Vương tên là Lý Tịnh, là vị thần tên Thác Tháp Thiên Vương trong Bảng Phong Thần. Tương truyền là vị Tổng Binh trấn thủ của ải Trần Đường thời kỳ nhà Ân (Thương).
Lúc ông ta còn nhỏ, đã đến học  đạo với  Độ Ách Chân Nhân ở núi Côn Lôn, nhân đó học được nhiều đạo thuật, xong phép độn ngũ hành. Nhưng vì  phước đức bản mệnh còn mỏng, không đủ  đạo lực thành Tiên, nên phải ở nhân gian hành đạo cứu thế.
Lý Tịnh cưới Ân Thị làm vợ, sanh được ba người con trai, người đầu tên Kim Tra, người giữa tên Mộc Tra, đến khi có thai đứa con thứ ba thì được Tiên Nhân căn dặn là phải đặt tên Na Tra. (tức Thái Tử Gia).

*Thác Tháp Thiên Vương Lý Tịnh được Ngọc Hoàng Thượng Đế phong làm "Hàng Ma Đại Nguyên Soái".

** Hộ Pháp Thiên Thần :-

Nhưng trong Phật Giáo, Thác Tháp Thiên Vương lại là một trong Tứ Đại Thiên Vương, xưng là Tỳ-Sa-Môn Thiên, còn gọi là "Đa văn Thiên, là một vị thiên thần Hộ Pháp trong Phật Giáo. Về hình tượng của Ngài thì có nhiều dáng vẻ khác nhau, một trong những dáng ấy là [mình mặc giáp trụ, tay nâng một tòa "Linh Lung Tháp"].

*Trong tín ngưỡng dân gian, sự kiện hai cha con cùng là thần minh thì tương đối hiếm thấy. Trường hợp của Thác Tháp Thiên Vương và Trung Đàn Nguyên Soái Lý Na Tra là đặc biệt cả hai cha con cùng được Phong Thần một lúc.

*** Ngũ Doanh Nguyên Soái —Bố trí trong Miếu Thờ Vương Gia :-

Trong Miếu Thờ Vương Gia, tất nhiên là có Ngũ Doanh Nguyên Soái.

Năm doanh Nguyên Soái nầy là thuộc hạ quan trọng của Vương Gia, chia ra làm năm phương vị, trong đó Trung Đàn Nguyên Soái ở về trung ương, cai quản các thần tướng, thần binh . Do đó, tà ma quỉ mị đều không dám xâm hại người, nên có công năng giải ách trừ tai, hoàn thành nhiệm vụ "Thay Trời tuần thú", cứu giúp dân gian.

*Ngũ Doanh Nguyên Soái còn được gọi là Ngũ Doanh Tướng Quân, Ngũ Đại Tướng Quân, Ngũ Doanh Đại Tướng Quân, Ngũ Thần Tướng Quân. Dân gian tin rằng Thiên Cương và Địa sát là hai vị tướng của thiên binh, hoặc gọi là "Thần Trùng Thần Binh", được vị chủ thần chỉ huy. Thần Binh được phân ra làm Đông Doanh, Tây doanh, Nam Doanh , Bắc Doanh và Trung Doanh do các Thần Tướng lãnh đạo, gọi là Tương Quân hay Nguyên Soái. Trong đó, Trung Doanh Nguyên Soái do Thái Tử Na Tra đảm nhiệm.

*Nguyên Soái của các doanh là:- Trương Công ở Đông Doanh, Lưu Công ở Tây Doanh, Tiêu Công ở Nam Doanh, Liên Công ở Bắc Doanh, Lý Công (Na Tra) ở Trung Doanh. Thái Tử Gia thống suất hết binh tướng của năm doanh, được Thượng Đế cho làm Tiên Phong của Ngài khi xuất du.

Ngoài ra, Ngũ Doanh Thần Tướng còn có chức năng là năm vị thần minh có khả năng giải trừ hỏa tai, thủ hộ Miếu Vũ, trấn thủ thôn trang được bình an.

Việc cúng tế Ngũ Doanh Thần Tướng ở các Miếu Vương Gia, thường thì chỉ điêu khắc bộ phận "cái đầu", gắn đầu trên cây tre hoặc khúc cây, phía dưới dùng quần áo che lại nên không thấy, có khi dùng vải đỏ phủ lên.

*NHƯỢC THỦY dịch

(từ http://www.fushantang.com)

42.LỮ ĐỒNG TÂN.




(Phù Hữu Đế Quân)

孚佑帝君

呂洞賓，俗名呂巖，民間一般稱他為「孚佑帝君」、「呂純陽」、「純陽夫子」、「恩主公」、
「仙公」、「呂祖」等，道家則稱他為「妙道天尊」，佛家又稱之為「文尼真佛」，為民間傳說的八仙之一。呂洞賓也是「五文昌」之一，常與關公、朱衣夫子、魁星及文昌帝君合祀。元時封為：「純陽演正警化孚佑帝君」，是為「孚佑帝君」之由來。而他的香火跨越儒、道、佛三界。

呂洞賓姓李，是唐朝山西省浦州永樂縣人，唐德宗貞元十四年（798）四月十四生，傳說異香滿
室，有白鶴飛入帳中不見，自幼聰穎，十歲便能文，十五歲就能武，精通百家經籍，唐文宗開成二年舉進士第，出任江州德化縣令一職。不久因宰相李德裕結黨營
私，呂祖不願偕同，於是棄官隱居於盧山的深林山洞中，因該洞有兩個出「口」，於是便改姓為「呂」，並自稱為是洞中的賓客，改名為「洞賓」。後來遇到火龍真
人，並得其真傳，學得天遁劍法。又於長安遇古仙人鍾離權結為知交，旅邸中鍾吟詩一首曰「坐臥常攜酒一壺、不教雙眼識皇都、乾坤許大無名姓、疏散人間一丈
夫」。以試探呂之心願，呂遂以詩答曰「生在儒家遇太平、殘簪纓重帶布衣輕、雖能世上爭名利、臣事玉皇朝上清」。鍾聞後知其可渡之人，仍再以術相試，使呂昏
睏入睡，夢己中第，舉進士外放知縣，旋升府道而翰林，娶嬌妻美妾子嗣昌盛而皆顯
貴，己則身居宰相，一人之下萬人之上，享盡榮華富貴，十載已過，忽獲罪，摘
官抄族，妻離子散，榮華富貴盡成過眼雲煙，己身軀佝僂，踽踽風雪中孤苦無依之流浪老人。黃粱一夢，人生五十寒暑已易，轉側醒來見鐘獨坐榻旁笑曰：「你在夢
中一浮一沉，變化萬端，眨眼間人生五十寒暑，得之固則以喜，失之又何足以悲，白雲蒼狗，過眼雲煙，所要者仍在徹悟，人生何似南柯一場」。呂頓悟鐘乃神仙前
來渡化於己，遂決意隨鐘遁入終南鶴嶺，修鍊成真，得道時立誓言：「不渡盡蒼生、不欲仙而去」。得到真傳的呂祖遍遊民間，歷江、淮、湘、潭、鄂、岳及兩浙等
地，濟世化人。五代以後，時局大亂，人民飽受流徙之苦，他經常現身於世，拯救貧

苦百姓。他的劍朮一斷煩惱，二斷色欲，三斷貪嗔，對北宋教理的發展，有一定影響。道教全真教奉其為北五祖之一，世稱「呂祖」、「純陽祖師」。

傳說，福建省泉州府有座清源山，處在危岩之下，有個洞穴，幽深而巨大。洞穴的入口，地勢頗為
平坦，僅可騎馬，長驅直入洞里。穴頂鐘乳紛垂，進洞越深，寒氣越重。洞里的深處，有間石室，排列著石床、石桌、石凳，還有一個被薰得黑漆漆的石灶。因為這個洞穴，通稱純陽洞，所以也有人說：呂洞賓是福建人，在那個洞穴里修道成仙的。

另說，呂洞寶，名叫純陽，是唐朝懿宗時代的人，考中進士，咸通年間，歷任兩縣縣官，后因僖宗無能，黃巢作亂，呂洞寶痛感人生盛衰無常，遁人當時國都附近的終南山，修身養性。以后如問，無法可知。

呂洞賓著有《聖德篇》、《指玄篇》、《忠孝課》等大作，藉以拯救世道人心。宋徽宗封他為「妙
道真人」、元朝初封其為「純道演正警化真君」，元武宗時加封為「孚佑帝君」。北宋真宗時，據說在一次鎮壓益州民眾叛亂時，呂祖曾顯化相助，後被加封為「英顯武烈王」。宋徽宗崇信道教，宣和元年（1119），詔封呂洞賓為「妙通真人」。元世祖至元年（1269）封「純陽演正警化真君」。元武宗至大三年
（1310）加封為「純陽演化孚佑帝君」。

《宋史·陳摶傳》記載：「呂洞賓有劍術，百餘歲而童顏，步履輕快，傾刻數百里，以為神仙，皆數來摶齋中，人咸異之。」呂洞賓興趣廣泛，虛心好學，廣參賢達，博覽群書，融匯貫通，勤於筆耕，留下豐富的著作。他不僅是道教祖師，而且是個詩人，所以受到後人廣泛的敬仰。

呂洞賓由仙而入神道，亦仙亦神，是集道教大成的得道高人，與少陽帝君、正陽帝君、大道帝君、輔極帝君同列道教五祖之一。

呂洞賓在民間被視為理髮業的祖師爺。相傳臭頭皇帝朱元璋，每次理髮都因理髮師不小心碰到他頭
上的瘡而痛苦不堪，大發雷霆，接連砍殺了數位理髮師。呂洞賓獲悉此事後，乃下凡扮成理髮師，前去為明太祖理髮，結果不但沒有碰到瘡，並治好了太祖的惡瘡。
太祖龍心大悅，要賞他金銀財寶，他卻不要，只要求明太祖賜他一面紅旗，插在理髮店門口，從此便被尊為理髮業的守護神。

民間傳說呂洞賓曾情場失意，因此妒嫉天下情侶，如果熱戀中的愛侶前去祭拜，必會被拆散，這雖是個無稽的傳說，許多人卻信以為真。

呂洞賓是民間傳說中的八仙之一，另七仙是漢鍾離、藍采和、韓湘子、曹國舅、張果老、李鐵拐和
何仙姑。呂洞賓在八仙排行中雖不是“老大”，但是其影響卻是其他七仙無法相匹的，漢鐘離等七仙的專廟寥寥無幾，而奉祀呂洞賓的呂祖廟、呂祖閣卻成千上萬遍
布各地。而歷史最悠久的呂祖仙師廟，是建於元朝時山西芮城永樂宮的純陽殿。永樂

宮原名大純陽成壽宮，在山西芮城縣城北三公里的龍泉村東側。據道書記載，這里是呂洞賓的誕生地。呂洞賓死后，鄉里人將其故居改為呂公祠。到了金末，隨著呂洞賓神話故事的傳流，信奉者越來越眾，祠堂增修門廡，擴充成道觀。到了元代，道教極受朝廷寵信，祖師呂洞賓也身價陡增，于是升觀為宮，從此成為四海聞名的道教聖地。

在民間傳說之中，呂洞賓集「劍仙」、「酒仙」、「詩仙」和「色仙」於一身，是個放浪形骸的神
仙。呂洞寶棄儒學道，仗劍云游，到處扶弱濟貧，鋤暴安良，他好酒貿杯，三醉岳陽樓，使他「醉」名遠揚。呂洞賓還是位詩人，有几百首詩啟傳世。同時，他又是個有名的「花神仙」，傳說最多的是呂純陽三戲白牡丹（名妓）。在人們心目中，是個最有人情味的神仙。有些道觀還假托其名，配了一些「呂祖藥方」給人治病。
呂洞賓在民間有廣泛的信仰，他與觀世音菩薩、關聖帝君是對杜會影響最大的三位神明。

農曆四月十四日為呂祖先師誕辰。

## LỮ ĐỒNG TÂN
## (Phù Hữu Đế Quân).

*Lữ Đồng (Động, Đỗng) Tân, tục danh Lữ Nham, trong dân gian tôn xưng là 「Phù Hữu Đế Quân」、「Lữ Thuần Dương」、「Thuần Dương Phu Tử 」、「Ân Chủ Công 」、「Tiên Công」、「Lữ Tổ」v.v…
(*Phù hữu 孚佑 :- phù hộ giúp đỡ)
Trong Đạo Gia tôn Ngài làm “Diệu Đạo Thiên Tôn”. Phật Gia thì tôn Ngài làm “Văn Ni Chân Phật” .
*Theo truyền thuyết dân gian thì Ngài là một trong “Bát Tiên”. Cũng là một vị trong “Ngũ Văn Xương” (xem bài Văn Xương Đế Quân) tức là hợp với các vị :- Quan Công, Khổng Phu Tử, Khôi Tinh, Văn Xương Đế Quân thành tên gọi. Thời nhà Nguyên phong làm “Thuần Dương Diễn Chính Cảnh Hoá Phù Hữu Đế Quân” . Đó là xuất xứ của danh hiệu Phù Hữu Đế Quân. Còn việc thờ cúng Ngài thì cả ba tôn giáo Nho, Lão, Phật đều có.
*Lữ Đồng Tân họ Lý, người ở huyện Vĩnh Lạc, châu Phố, tỉnh Sơn Tây, đời nhà Đường. Sinh vào năm Trinh Nguyên thứ 14 đời vua Đường Đức Tông (798) . Theo truyền thuyết khi Ngài sinh ra thì có mùi hương lạ đầy nhà, lại có con chim Bạch Hạc bay vào màn rồi biến mất. Ngài thông minh từ nhỏ, mười tuổi đã biết làm văn, mười lăm tuổi biết rành võ nghệ, tinh thông sách vở trăm nhà. Năm Khai Thành thứ hai đời Đường Văn Tông đậu Tiến Sĩ, được bổ làm Huyện Lệnh ở huyện Đức Hóa thuộc châu Giang. Chẳng bao lâu, vì Tể Tướng Lý Đức Dụ kết phe đảng làm việc riêng tư, Lữ Tổ không chịu nghe theo, liền từ quan vào ở ẩn trong động của rừng sâu núi Lư Sơn. Nguyên vì chữ “Đồng / Động / Đỗng --洞” có hình dạng hai chữ “khẩu--口” , nên cải thành họ “ Lữ --呂” , tự xưng Ngài là tân khách của “trong động” nên đổi tên thành “Đồng / Động Tân--洞賓 ” (*Chữ Tân 賓:- nghĩa là người khách). Sau gặp được Hỏa Long Chân Nhân, được chân truyền “Thiên Độn Kiếm Pháp” (kiếm pháp ẩn trốn trên trời). Sau đến Trường An lại gặp vị cổ tiên Chung Ly Quyền kết làm bạn tri giao. Ngài Chung Ly đưa cho họ Lữ bài thơ :- “Lữ Đề Trung Chung Ngâm” (tiếng chuông ngân trong nhà trọ) viết:-
“Toạ ngoạ thường huề tửu nhất hồ 、
Bất giao song nhãn thức hoàng đô 、
Càn khôn hứa đại vô danh tính 、
Sơ tán nhân gian nhất trượng phu”

*Dịch:-
“Nằm ngồi bình rượu bên mình,
Chẳng cho đôi mắt ngắm nhìn hoàng đô.
Đất trời rộng rãi bao la,
Họ tên chẳng có, riêng ta thanh nhàn.
Ra ngoài cuộc thế trần gian,
Ai hay có kẻ dặm ngàn trượng phu”.
để thử nghiệm xem tâm nguyện của Đồng Tân ra sao .
-Họ Lữ hiểu ý, đọc bài thơ đáp lại:-
“Sinh tại Nho gia ngộ thái bình 、
Trâm anh trọng đái bố y khinh 、
Tuy năng thế thượng tranh danh lợi 、
Thần sự Ngọc Hoàng triều Thượng Thanh”
*Dịch:-
“Nho gia gặp cảnh thái bình,
Trâm anh dòng dõi nhưng khinh công hầu.
Lợi danh đời chẳng bao lâu,
Ngọc Hoàng nguyện sẽ về chầu tương lai”.
*Chung Ly nghe xong, biết đây là người có thể độ. Nhưng để kiểm tra kỹ, Ngài dùng pháp thuật làm cho họ Lữ đi vào giấc ngủ. Trong mộng thấy thi đậu Tiến Sĩ, được bổ làm Tri Huyện, sau thăng dần qua các phủ đạo rồi vào Viện Hàn Lâm, cưới vợ đẹp hầu xinh, có con cái thành đạt. Sau thăng đến chức Tể Tướng, dưới một người mà trên muôn người, hưởng vinh hoa phú quí rất sung sướng. Trải qua mười năm, bổng bị tội, tước bỏ hết quan chức, vợ con ly tán, vinh hoa phú quí trở thành khói mây qua mắt. Bản thân thì nghèo đói cơ cực, dầm sương đội tuyết tha phương cầu thực, trở thành “ông già phiêu dạt”. Giấc mộng hoàng lương suốt năm mươi năm xãy ra chỉ trong một giấc ngủ ngắn ngủi !
*Sau khi đánh thức họ Lữ, tiên Chung Ly gọi đến ngồi cạnh bên tháp cười hỏi:- “ Nhà ngươi trải qua cảnh lên voi xuống chó trong mộng khi nảy, trăm biến vạn hóa trong suốt năm mươi năm. Lúc được thì biết bao sung sướng, khi mất thì đau khổ dẫy đầy, toàn là những cảnh chó xanh mây trắng, qua mắt khói mây. Cảnh đó đã giúp cho nhà người triệt ngộ câu :- “Đời chỉ là giấc mộng Nam Kha mà thôi !”.
*Họ Lữ biết vị thần tiên Chung Ly nầy muốn độ cho mình, bèn bái làm thầy. Sau hai thầy trò vào ở trong núi sâu Chung Nam. Họ Lữ tu luyện đạt thành chánh quả. Khi đắc đạo, họ Lữ phát nguyện lớn như sau :- “Nếu chẳng độ hết chúng sinh, thề không thành Tiên”.
*Sau khi đắc đạo, Ngài Lữ Tổ đi khắp trong dân gian, từ sông Lịch đến các xứ Hoài, Tương, Đàm, Ngạc, Nhạc và vùng đất Lưỡng Chiết… cứu đời độ người.
Sau đời Ngũ Đại, thời cuộc quá loạn lạc, nhân dân sống trong cảnh lầm than cùng cực, Ngài thường hiện thân trong thế gian, cứu giúp bá tánh nghèo khổ. Kiếm thuật của Ngài là tiên pháp , nên :- “một chiêu thì đoạn phiền não,hai chiêu thì đoạn sắc dục, ba chiêu thì đoạn tham sân”. Ngài có ảnh hưởng rất lớn đến Đạo Giáo thời Bắc Tống.
*Giáo phái “Toàn Chân” của Đạo Giáo thờ phụng Ngài làm vị Tổ thứ nhất trong năm Tổ phương Bắc, tôn xưng là “Lữ Tổ” hay “Lữ Thuần Dương Tổ Sư”.
*Theo truyền thuyết,ở phủ Tuyền Châu tỉnh Phước Kiến có núi Thanh Nguyên. Dưới chân núi có một huyệt động, rất thâm u mà to lớn vô cùng. Đường vào hang động rất bằng phẳng, có thể cỡi ngựa đi đến một khu rộng mà tiến vào trong. Vách động phía trên có nhiều thạch nhũ tỏa xuống. Động nầy rất sâu, khí lạnh bốc lên dầy đặc. Ở cuối động có một thạch thất , bày ra nào là giường đá, bàn đá, đèn đá, lại có cả một bếp bằng đá có dấu vết đun nấu nám đen nữa. Người đời gọi đó là “Động Thuần Dương”, cho nên có người nói rằng Lữ Đồng Tân là người Phước Kiến, tu thành tiên nơi động nầy.

*Có thuyết lại nói, xưa có nhân vật tên Lữ Động Bảo, tự là Thuần Dương, là người sống vào thời đại vua Đường Ý Tông, thi đậu Tiến Sĩ, vào năm Hàn Thông được bổ nhiệm làm Tri Huyện cả hai huyện. Về sau, vì vua Hy Tông kém cỏi, có loạn Hoàng Sào nổi lên. Lữ Động Bảo xúc cảm việc vô thường của cuộc đời, nên trốn ẩn vào vùng phụ cận kinh đô lúc bấy giờ ở Núi Chung Nam để tu thân dưỡng tánh. Đoạn sau thế nào thì không nghe nói tới.



*Ngài Lữ Đồng Tân có trước tác những đại tác phẩm như "Thánh Đức Thiên", "Chỉ Huyền Thiên", "Trung Hiếu Khóa" mục đích để cứu thế độ người.
-Tống Huy Tông phong Ngài làm "Diệu Đạo Chân Nhân".
-Triều đại nhà Nguyên lúc đầu phong làm "Thuần Đạo Diễn Chính Cảnh Hoá Chân Quân". Đến thời Nguyên Vũ Tông lại gia phong làm "Phù Hữu Đế Quân".
-Đời Bắc Tống vua Chân Tông , theo truyền thuyết có lần Ngài đã hiển linh tương trợ cho vua trừ khử đám giặc loạn ở Ích Châu, nên được phong làm "Anh Hiển Vũ Liệt Vương". Tống Huy Tông rất tôn sùng Đạo Giáo, năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) chiếu phong Ngài làm "Diệu Thông Chân Nhân".
-Đời Nguyên Thế Tổ niên hiệu Chí Nguyên (1269) phong Ngài làm "Thuần Dương Diễn Chính Cảnh Hoá Chân Quân". Năm Chí Đại thứ ba đời Nguyên Vũ Tông (1310) gia phong Ngài làm "Thuần Dương Diễn Hoá Phù Hữu Đế Quân".
*Trong "Trần Chuyên truyện của Tống Sử" có chép :- "Lữ Đồng Tân biết kiếm thuật, hơn trăm tuổi mà sắc mặt vẫn như trẻ. Ngài có cước bộ rất nhẹ nhàng nhanh chóng, chỉ khoảnh khắc đã đi vài trăm dậm. Nhiều lần đến xứ Chuyên nước Trần rất xa xôi để thụ trai, người đời cảm phục chuyện lạ lùng ấy".
(*Trần Chuyên truyện:- truyện nói về xứ Chuyên của nước Trần)
*Lữ Đồng Tân là một vị tiên có sinh hoạt rất phóng khoáng, lại rất hiếu học, tham khảo nghiên cứu nhiều sách vở , đặc biệt là sách Thánh Hiền, tổng hợp lại mà thông suốt. Cho nên, đã hạ bút sáng tác nhiều sách hay, lưu lại cho đời sau. Ngài không phải là một vị Tổ Sư thời gần đây của Đạo Giáo, nhưng vị Tiên thi sĩ nầy rất được quần chúng hết sức rộng rãi ngưỡng mộ.
*Lữ Đồng Tân do cửa Tiên mà vào Thần Đạo, nên vừa tiên vừa thần, là một cao nhân học tập theo Đạo Giáo mà chứng đắc lớn lao. Ngài đã cùng Thiếu Dương Đế Quân, Chính Dương Đế Quân, Đại Đạo Đế Quân, Phụ Cực Đế Quân được tôn làm năm vị Tổ của Đạo Giáo, trong đó Ngài đứng đầu.
*Trong dân gian, Lữ Đồng Tân lại còn được các thợ hớt tóc (cạo tóc thuở xưa) tôn làm "Tổ Sư". Tương truyền, hồi vua Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, có chứng lạ là "mọc mục ghẻ trên đầu", lâu ngày danh y cũng bó tay. Do đó, mỗi khi cạo tóc, người thợ nào mà vô ý, cạo trúng "mục ghẻ " khiến ông bị đau đớn , thì lập tức bị chém đầu. Số người bị chém cũng khá nhiều rồi.
Lữ Đồng Tân nghe chuyện ấy, liền hạ phàm cải trang thành một người thợ cạo tóc, xin được vào cạo tóc cho nhà vua. Kết quả là chẳng những Ngài cạo không đụng đến mục ghẻ, mà còn cho thuốc tiên chữa lành nữa. Do đó, nhà vua rất mừng rỡ phấn khởi, ban tặng rất nhiều vàng

bạc trân bảo, nhưng Ngài chối từ hết, chỉ xin Thái Tổ ban cho một lá cờ đỏ để treo trước cửa tiệm cạo tóc, quan quân thấy lá cờ thì không được khó dễ đám thợ. Từ đó, Ngài được những người hành nghề cạo tóc tôn làm "Tổ Sư Thủ Hộ Thần".

*Có một chi tiết khá thú vị là, ngày xưa Lữ Đồng Tân vốn là người không được may mắn trong tình trường, nên Ngài rất ghét chuyện tình tứ trong thiên hạ. Hễ đôi trai gái nào đang yêu thương nhau tha thiết mà đến "lễ bái" Ngài, thì sau đó về nhà sớm muộn gì cặp đó cũng tan rã. Chuyện nầy không ai trưng bằng cớ, nhưng trong dân gian, rất nhiều người vẫn tin là sự thật.

*Trong truyền thuyết dân gian cũng cho rằng Lữ Đồng tân là một trong tám vị tiên (Bát Tiên). Đó là những vị:- Lý Thiết Quài, Hán Chung Ly, Lữ Đồng Tân, Lam Thái (Thể) Hòa, Hàn Tương Tử, Tào Quốc Cựu, Trương Quả Lão và Hà Tiên Cô. Trong Bát Tiên, mặc dù Lữ Đồng Tân không được tôn là "Lão Đại" (anh cả) , nhưng ảnh hưởng của Ngài trong dân gian rất lớn. Miếu Thờ của bảy vị tiên khác thì chỉ thưa thớt ở vài nơi, trong khi đó, Miếu Thờ của Ngài Lữ Đồng Tân thì hầu như địa phương nào cũng có, gọi là "Lữ Tổ Miếu".

Trong số những Miếu Thờ ấy, riêng có Miếu Thờ xưa nhất là Thuần Dương Điện ở Vĩnh Lạc Cung , thành Nhuế, tỉnh Sơn tây được xây dựng từ thời nhà Nguyên. Vĩnh Lạc Cung nguyên có tên là "Đại Thuần Dương Thành Thọ Cung", năm ở phía Đông thôn Long Tuyền, cách thành Nhuế tỉnh Sơn Tây khoảng chừng ba cây số (km). Theo trong sách của Đạo Gia, đây là nơi Lữ Tổ đã hạ sanh ngày xưa. Khi Ngài đăng tiên, các bô lão ở đó xây "Lữ Công Từ" (nhà thờ ông họ Lữ) để nhang khói cho ông. Đến cuối đời nhà Đường , thì truyền thuyết về sự linh ứng của Ngài cùng các trước tác danh tiếng nổi rộ lên, khiến cho tín chúng ngày càng đến cúng bái nườm nợp. Những vị quản lí nhà thờ mới quyên góp tiền bạc xây dựng lại miếu với qui mô lớn, trở thành Đạo Quán. Triều đại nhà Nguyên rất sùng bái Đạo Giáo nên sự tin tưởng vào Ngài càng lớn, xây dựng thành "Cung". Từ đó, Vĩnh Lạc Cung—Thuần Dương Điện trở thành thánh địa, bốn phương đều nghe tiếng, của Đạo Giáo.

*Trong truyền thuyết dân gian, có rất nhiều giai thoại. cô tích về Ngài, tôn xưng là "Kiếm Tiên", "Tửu Tiên", "Thi Tiên" và "Sắc Tiên" trong cùng một con người của Ngài, đã đề cao đặc tính ngao du, phóng khoáng, nhàn hạ, tài giỏi của thần tiên.

Ngày xưa, Ngài đã từ bỏ Nho học để đi theo con đường Tiên đạo, mang kiếm báu đi khắp nơi để trừ gian phạt ác, cứu giúp người nghèo khổ. Bình sanh Ngài rất thích uống rượu, nổi tiếng về giai thoại "ba lần say" ở lầu Nhạc Dương, thành ra nổi tiếng về chữ "SAY". Lữ Đồng tân lại còn là một thi nhân, tương truyền để lại mấy trăm bài thơ hay trong dân gian. Đồng thời, Ngài cũng có một danh xưng đặc biệt khác là "Hoa Thần Tiên" (thần tiên thích hái hoa ở lầu xanh) với truyền thuyết nổi tiếng "Tam Hí Bạch Mẫu Đơn" (ba lần đùa giỡn với một danh kỹ tên Bạch Mẫu Đơn).

*Nói chung, trong con mắt của thế gian, Ngài là "Một vị Thần Tiên có tình người nhiều nhất". Cho nên, có một số Đạo Quán đã giả mượn lời Ngài về cơ bút ban cho một tập sách thuốc có tên là "Lữ Tổ Dược Phương" (toa thuốc của Lữ Tổ) để phát hành cho người trị bệnh.

*Tóm lại, Lữ Đồng Tân được dân gian tín ngưỡng hết sức rộng rãi, tác động vào nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề của người dân.

Ngài cùng với Bồ Tát Quan Thế Âm, Quan Thánh Đế Quân trở thành ba vị "Thần Minh" ảnh hưởng sâu đậm trong xã hội Trung Quốc.

*Ngày đản sanh của Lữ Tổ là ngày mười bốn tháng tư âm lịch.

*NHƯỢC THỦY dịch

(từ http://www.fushantang.com)

43. CHÚ SANH NƯƠNG NƯƠNG .



(BÀ CHÚA THAI SANH)
注生娘娘

註生娘娘又稱「授子神」，主司掌懷孕、生產，為婚後不孕及孕而保胎之婦女所奉祀神明之一，為養育之神。

註生娘娘俗稱「註生媽」，其來歷是出自《封神傳》。據說姜子牙奉玉皇大帝之命，封三仙島之雲
霄、瓊霄、碧霄職掌混元金斗（產盆之意），專擅先後之天，舉凡諸侯天子、貴賤愚賢，落地先從金斗轉劫。雲霄、瓊霄、碧霄在封神傳中合稱三姑，又稱三仙童子，乃龜靈聖母的門徒，今人稱為註生娘娘其實就是三合一的稱法。

民間婦女深信註生娘娘操縱生命的開始、成長與凋零，為懷孕、生產、婚而不孕及孕而保胎之婦女所奉祀的對象。因此無論孕婦、產婦或初為人母者，皆虔誠祭拜註生娘娘，以祈求生育的順利平安。

在過去，女人結婚、生子育女，以傳宗接代為重要的職責。多子多孫被認為是人丁旺盛，家道興隆
的象徵，所以婦女對自己之產育莫不寄以極大的關懷，未生育者期盼早生貴子；有子者祈望保護子女無恙；有病時，期盼早日康復，這種關懷與寄望，自然產生了一種超乎人力的神，來保佑協助婦女的產育之事。

所謂「不孝有三，無后為大」，中國人自古以來，傳宗接代的觀念就根深蒂固，所以「注生娘娘」
的香火旺盛，乃必然的事，但以注生娘娘為主神的廟宇并不多見，但是几乎各廟宇都以她作附祀。一般有供奉註生娘娘的廟宇，都將註生娘娘置於主神旁的廂房，大都是「附設」在奉祀觀音、媽祖、大道公等廟的兩廟或偏殿。註生娘娘的神像前，常附祀「十二婆姐」或「十二延女」，各抱一嬰兒，六好六壞以示生男育女，賢與不肖，均憑積善積德之厚薄而定。「不孝有三，無後為大」，是中國人固有的觀念，

自古以來，中國人也會特別注意傳宗接代的問題。對於婦女來說，是否能生孩子，或是否能生個男孩子，對其在家族的地位，以及自己的幸福來說，都是非常重要，因此註生娘娘也就應運而生了，並且成為許多婦女崇拜的神明。歷代對於註生娘娘的崇祀，不因時代及環境的改變，而有所差異。

「注生娘娘」的香火旺盛，乃必然的事，古時候的人生愿望是「財、福、壽」三全，故常把「注生娘娘、土地公、天官賜福神」并列祭祀。

註生娘娘的神像為左手拿生育簿，右手執筆，表示每一位婦女該生幾個子女，她的生育簿上都有記載。所以只要她一查，就知道該婦女生男或育女，或者接受祈願予以刪改，難怪那麼多婦女要來燒香跪拜了，而祈求有幾種：
求子者，擲茭許願，若獲註生娘娘允準，可將壇上所供奉的花簪插在髮上載回家，祈求早日懷孕得子。
祈求註生娘娘保佑孩子平安者，自備用紅紗線串上古錢的項鍊，於祭拜完後將之套在小孩的脖子上，祈求萬事平安。或以鎖牌、銅線在香煙上燻焚後貫以紅線懸於小孩的胸前，以拔病魔，稱為綰綦。
小孩生病時帶孩童到註生娘娘跟前，上香許願擲茭，獲得允諾後，即可將神前所供奉的小繡鞋，用紅紗線串上掛在病童頸上帶回家，痊癒後則於次年此日另製新繡鞋獻還。
家中如有年齡16歲的子女，也要向註生娘娘禱告，感謝註生娘娘保佑子女順利成年，並供奉紅龜粿。

關於註生娘娘的由來，可謂是眾說紛云，有人所供奉的是佛教的觀士音、九子母，有人則是信奉道
教的碧霞元君、西王母。在民間的信仰中，則相信註生娘娘是臨水夫人、金花娘娘或是媽祖。另外，民間有人供奉「天仙」、「送生神」、「送神娘娘」、「送子娘娘」、「催生娘娘」和「送生娘娘」等。這些和生育有關的神，有的是從媽祖和觀音演變而來的，有的則是從巫女而來。
送子觀音：
「白衣觀音」，觀音造型中的一種，眉如繞月，面目和靄可親、著素袍，手中抱有一子，面目白淨、可
愛，這就是在民間所流行的觀音送子圖。是傳說中掌管生育負責送子的神明，因此民眾相信於這天向白衣觀音祈求生子生女最為靈驗。若第二年果真喜獲麟兒，這個孩子就必須給觀世音菩薩做「楔子」，如此孩子將可長命富貴。民間的婦女相信，常誦「觀音經」，或是經常瞻仰觀音的佛像，就可以使不孕的婦子得子。在一些民
間故事也描寫到，如果有一婦女在夜晚夢到觀音送子，那麼不久之後，這婦女就可得子嗣。此外，民間不但認為觀音可以送子，而且也可以操縱其性別。
九子母：
九子母，或稱九子鬼母，是佛教的「諸天」之一「歡喜佛」，是性和兒童的保護神，也是西藏佛教密的神佛。而歷代皇宮中，皇妃也多半會供奉九子鬼母，以祈求皇帝常來臨幸，自己早日得子。
碧霞元君：

傳說為東岳大帝的女兒，宋真宗時被封為「天仙玉女碧霞元君」。道教認為其是受玉帝之命，管理天兵天將，察照人間的是非善惡，並主宰生育，是道教最大的生育神明。

王母娘娘：

又稱「西王母」、「金母」、「西姥」或「西天王母娘娘」。王母娘娘本來是掌管驅疫、刑罰的神明，但是自從《漢武帝內傳》的王母賜蟠桃後，民間就流傳著在蟠桃會時求子的習俗。

臨水夫人：

本名陳靖姑（進姑）或陳夫人，福建古田縣臨水鄉人，故稱為臨水夫人。是閩南及台灣地區民間最為普
遍被信奉的生育神明。而臨水夫人和注生娘娘這兩尊神明可能系同一神，因為她們都是管生育和安產的神，而注生娘娘沒有較清楚文獻可查。也有學者考証，民間有
奉祀的「臨水夫人」和「注生娘娘」，并非同一尊神，但都是主司生育之神。

有人說，臨水夫人在宋淳佑年間封「崇福昭惠慈濟夫人」，明萬歷加封「天仙聖母青靈普化碧霞元君」，清咸丰改謚「順天聖母」，而「注生娘娘」的娘娘兩字，是「后妃」的稱呼，兩者在神號或尊稱有所一致，所以把臨水夫人視為注生娘娘。

《台灣縣志》說：「臨水夫人，神名進姑，福州人陳昌的女兒，生于唐朝大歷二年。少時秉露通幻。嫁
劉，而懷孕數月。陸適逢大旱災，因脫胎祈雨而卒，年僅廿四。她臨死時說：我死后一定要做神，救人產難。果然，福建建寧府陳清叟有一個媳發，懷孕十七個月，
還不能生產，死后變神的進姑看見這情形，下手施救，產下蛇數斗，而產婦獲得平安。」

《建寧府志》說：宋代埔城徐清叟，有一個媳婦懷孕，經過十七個月，還不能生產，家里的人，正在優
慮，忽然有一個婦人，進門而來，自稱姓陳，專醫生產。吩咐徐清叟另找一所樓房，樓房中間，挖了一個洞，把孕婦安頓在樓上，再令仆人拿著棍子，在樓下看守。
不久，孕婦生下一只白蛇，有一丈多長，從洞中溜下樓來，仆人舉起棍子把巨蛇打死，孕婦獲得平安。徐清叟大喜，拿了很多珍貴的禮物，要贈送那個陳姓婦人，她
不肯接受，只向徐清叟索取一條手帕，請他下款寫「徐清叟贈救產陳氏」等字，并說她住在福州古田縣某地，辭別跨出門口，就不見蹤跡了。不久，徐清叟調任福
州，派人找尋那位姓陳的婦人，都找不到，只聽得鄉下的人說，該地有一座陳夫人廟，鄉下的婦女難產，該廟的主神，常常化做人形，去救治孕婦，徐清叟打轎到那
個廟一看，看到神像挂著一條手帕，正是他贈送那個陳姓婦人的，徐清叟就修表請朝廷封贈神號。

該志又說：該地婦女都很崇信該廟主神。生產之時，都要供奉夫人的畫像，等到平安生下嬰兒，在洗兒日，才向該畫拜謝，把它焚化，可見就是這樣，昔時的人，才把陳夫人看做專司「生產」的神，而稱她為「注生娘娘」。所謂注生就是執掌「生育」的事，「娘娘」是「后妃」稱呼。

天后娘娘：

就是海神，另一種則是司生育的神明。媽祖的崇拜，在台灣及閩南一帶，可算是非常的普遍，其又是女神，自然而然成為掌管生育的神明。

金花夫人：

又名金花娘娘，是廣東地區婦女和嬰兒的保護神，其廟宇稱之為金花廟，而其祭祀的活動，稱之為金花會。廣東地區的金花廟非常多。

七娘媽、天仙：
天仙也是中國民間較常被供奉的生育女神。
七娘媽，又稱七星娘、七姑等，是在閩南地區特別流行的生育神明。
張仙：
一般神育神大多是女性，但近代則出現了男性的生育神明，名為張仙，而民間也流傳著張仙送子圖。有人說張仙本來是家庭所供奉的貴神，後來有一位皇妃將其圖帶回宮中祀奉，因而成為了送子的神明。
保生大帝：
名吳本，字華基，是福建同安縣人，只吃素，並且行醫救人無數，而且不分貴賤，不論多難醫治的病，都可以被他治好。死後稱為花橋公，後來又封為忠顯侯、英惠侯等。到了明代永樂年間，才正式被稱為保生大帝。
農曆三月二十日為注生娘娘誕辰。
婆祖：
注生娘娘旁邊都配祀婆祖，又稱保姆、延女，有些稱為「鳥母」。其數目各有不同，小廟僅供奉兩尊，六尊，大廟則供奉十二尊、三十六尊。所以俗稱十二婆祖、三十六婆祖。她們各抱一個嬰兒，有好有壞，以示生男育女，賢興不肖，皆馮積善積德而論。
三十六婆祖，又稱三十六鳥母，亦是輔助生育的神，一說鳥母是依助生娘娘的旨意，賜予民婦不同的孩子，有的成為商販，有的成為農人，各行各業均有。
另一說「婆祖」就是注生娘娘身邊的宮女，專門照顧小孩出生后到十六歲這段期間的成長，使他們免于驚嚇、溺斃、灼燒、出麻疹等，保佑小孩的身心正常發育。即使再頑劣調皮或笨頭笨腦的小孩，婆祖都會使他們變得聰明活潑。



CHÚ SANH NƯƠNG NƯƠNG

Chú Sanh Nương Nương còn được xưng là "Thần ban con cho người", là vị Ty Chủ coi về việc mang thai, sanh sản, việc có hay không có thai sau khi kết hôn, bảo dưỡng cho cái thai. Đây là vị thần được người nũ tôn trọng và thờ phụng nhiều nhất, gọi là "Thần Dưỡng Dục" (nuôi cho lớn).

*Chú Sanh Nương Nương  còn được gọi là "Chú Sanh Mụ" (mẹ sanh). Xuất xứ từ truyện Phong Thần. Theo truyện nầy nói rằng , Khương Tử Nha vâng lệnh Ngọc Hoàng Thượng Đế phong cho ba vị tiên ở Đảo là Vân Tiêu, Quỳnh Tiêu và Bích Tiêu chức "Hỗn Nguyên Kim Đẩu" (ý nói về sanh sản), coi về "các vị trời trước sau, cử các vị thiên tử xuống phàm, quản lý về con người hiền, ngu, tôn quí, hèn hạ, các vị Tiên hết phước phải xuống trần…". Tất cả đều phải đến Sở Chuyển Kiếp của Kim Đẩu mà thọ sanh. Trong truyện, ba vị  Vân Tiêu, Quỳnh Tiêu và Bích Tiêu hợp lại xưng là Tam Cô hay Tam Tiên Đồng Tử, là đệ tử của Quy Linh Thánh Mẫu. Ngày nay chỉ gọi Chú Sanh Nương Nương  nhưng thực ra là một tên gọi chung cho cả ba người. (Xem :- Phụ lục—Trích Tuyện Phong Thần)

*Trong dân gian, người phụ nữ tin rằng, Chú Sanh Nương Nương  có quyền quyết định hoàn toàn về con người, từ lúc mới có thai, sanh ra, lớn lên…  bao gồm cả việc có hay không có thai, thai có an toàn hay hư hỏng v.v…Cho nên, người phụ nữ dù là thai phụ, sản phụ , mới bắt đầu làm mẹ hay đã nhiều lần sanh nở …  đều luôn luôn thành tâm lễ bái Chú sanh Nương Nương  để cầu được "mẹ tròn con vuông".

*Ngày xưa, khi người nữ kết hôn, việc sanh  con gái hay con trai để nối dòng là một chức trách  hết sức hệ trọng cho gia đình. Quan niệm "đa tử đa tôn đa phú quí" (nhiều con nhiều cháu nhiều phú quí) , nghĩa là nhiều con tượng trưng cho gia đình thịnh vượng hưng long. Việc sanh nở được người phụ nữ hết sức quan tâm :- từ muốn sớm có con trai đến việc có rồi phải nuôi nấng chăm sóc bệnh hoạn đau ốm …cho đến khi con trưởng thành. Gánh nặng ấy thật to lớn quá sức người, rất cần một lực lượng siêu nhiên hỗ trợ, cho nên tất yếu phải có Chú Sanh Nương Nương  phù hộ mới được.

*Từ xưa, người Trung Quốc đã khắc sâu quan niệm "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" (Có ba điều bất hiếu, mà không con nối dòng là lớn nhất). Quan niệm ấy đã trải qua thời gian lâu dài, ăn gốc mọc rễ sâu trong tâm lý con người, khiến cho việc thờ phụng Chú Sanh Nương Nương  ngày càng hưng thịnh thêm lên. Nhưng có điều là, ít thấy xây dựng Miếu Thờ riêng biệt cho Chú Sanh Nương Nương, mà chỉ là một gian phụ để thờ ở cạnh một ngôi Miếu chính nào mà thôi. Gian thờ Chú Sanh Nương Nương  chỉ là ở "cái chái bên hông" Miếu. Phần lớn thì ăn theo các Miếu Thờ Quan Âm, Miếu thờ Mụ Tổ, Miếu Đại Đạo Công v.v…

Thần tượng thờ Chú Sanh Nương Nương  còn kèm theo "Thập nhị Bà thư" (12 bà chị hoặc "Thập nhị Diên Nữ" (12 nàng tăng thọ) để chung lo việc gìn giữ và phát triển hài nhi đến lúc trưởng thành. Những kết quả tốt xấu, giàu nghèo , thọ yểu …đều do theo sự tích chứa công đức của mỗi nhà mà quyết định. Một điều cần nhấn mạnh nữa là , mãi cho đến nay, xã hội văn minh phát triển cao, nhưng quan niệm và tâm lý "Vô hậu vi đại" vẫn không thể xóa nhòa trong tâm khảm mọi người, mọi gia đình. Con trai vẫn mãi mãi là "Quí Tử" (cậu ấm) dù là thành thị hay thôn quê. Như vậy, dù xã hội có tiến lên thêm nữa thì cũng không thể nào dập xóa được thần tượng Chú Sanh Nương Nương  , mà chỉ biến thái chút ít nào thôi !

*Ngoài ra, quan niệm xưa cũng đề cao hạnh phúc con người ở ba yếu tố "Phúc, Lộc, Thọ" nên đã phát huy tối đa việc thờ phụng ba vị :- Chú Sanh Nương Nương  , Thổ Địa Công và Thiên Quan Tứ Phước lên hàng đầu phổ biến rộng rãi và thân cận với mọi người nhất.

* Hình tượng tạc để thờ Chú Sanh Nương Nương  là "tay trái cầm bộ phận sinh dục của người nữ, tay phải cầm bút" Hình ảnh nầy ý nói là , cứ mỗi lần người nữ sanh con trai hay con gái  đều phải được "Đánh dấu", để sau nầy xét lời cầu xin của họ có đúng sự thật hay không .

*Khi một phụ nữ đến thắp hương khấn nguyện, làm những động tác sau:-

-Cúng tế vái lạy khấn nguyện  xin được đứa con trai, xin keo xem có được không. Nếu được keo,  dâng lên cúng Chú Sanh Nương Nương  một  "cái hoa trâm"  (trâm cài tóc hình cái hoa) . Trở về nhà sẽ  sớm có thai sanh ra quí tử.

*Nếu muốn cầu xin bình an cho đứa trẻ , chuẩn bị trước một sợi dây bằng lụa đỏ se lại, xỏ vào đó một đồng tiền xưa. Đến Miếu cúng bái , trong mâm có phẩm vật và sợi dây xỏ đồng

tiền đó. Khấn nguyện xong, lấy sợi dây đeo vào cổ cho đứa nhỏ, về nhà nó sẽ được khỏe mạnh, hay ăn chóng lớn.
*Hoặc đem sợi dây chuyền hay chiếc vòng kiềng bằng đồng đến Miếu cúng bái, đem sợi dây chuyền hay vòng kiềng đó xông hơ trên khói nhang nhiều lần, rồi đeo vào cổ hay chân của đứa trẻ, sẽ tiêu trừ hết các thứ bệnh hoạn đau ốm cho nó. Phép đó gọi là "Quan Khoán".
*Khi đứa trẻ bị bệnh, mang nó đến trước bàn thờ Chú Sanh Nương Nương , dâng phẩm vật cúng tế, vái nguyện , xin keo. Nếu được keo, cúng dâng lên một đôi hài thêu nhỏ, đeo sợi dây đỏ có xỏ đồng tiền xưa vào cổ đứa bé, về nhà nó sẽ hết bệnh.
Khi đứa trẻ lành mạnh, phải đến cúng trả lễ lần nữa, trong đó cũng có một đôi hài thêu khác nữa.
*Còn khi trong nhà có đứa con trai hay gái được 16 tuổi, mang phẩm vật đến cúng tạ ơn Chú Sanh Nương Nương đã phù hộ độ trì cho đứa con được khỏe mạnh đến tuổi nầy. Sau đó, cúng tạ một thùng "nếp móng rùa đỏ" (tên một loại loại gạo nếp ngon).
*Về phần xuất xứ của Chú Sanh Nương Nương thì có nhiều thuyết khác nhau. Có người thì nói rằng, đó chính là Bồ Tát Quan Thế Âm của Phật Giáo hóa hiện để cứu con độ mẹ, Còn theo Đạo Giáo thì có người nói đó là Bích Hà Nguyên Quân, người thì cho là Tây Vương Mẫu. Trong tín ngưỡng dân gian lại nói Chú Sanh Nương Nương là "Lâm Thủy Phu Nhân", "Kim Hoa Nương Nương" hoặc "Mụ Tổ".
*Ngoài việc thờ Chú Sanh Nương Nương , dân gian còn thờ cúng thêm Thiên Tiên, Tống Sanh Thần, Tống Thần Nương Nương, Tống Tử Nương Nương v.v… Những vị nầy, số thì có liên quan đến những Thần có chức năng sanh hóa dưỡng dục, hoặc liên quan đến Mụ Tổ, Phật Quan Âm … mà ra. Nói chung, tất cả đều do lòng tin của người phụ nữ các thời đại xuất phát ra.
*Tống Tử Quan Âm:-
Đó là tượng Bạch Y Quan Thế Âm, là một dạng hình tượng đức Quan Âm đặc biệt, hình dạng nổi bật là đôi my cong vút như mặt trăng, gương mặt hiền hậu từ ái, mặc chiếc áo lụa trắng, tay bồng một đứa hài nhi trai, bụ bẫm dễ thương.
Dân gian gọi đó là hình tượng "Đức Quan Âm ban cho con trai". Xuất xứ từ trong Kinh Phổ Môn có nói, niệm danh hiệu và cầu khẩn với Đức Quan Âm, muốn sanh con trai thì được con trai, muốn sanh gái thì được con gái. Khi người cầu xin đã được toại nguyện, thì đến lúc đầy năm (thôi nôi) của đứa bé, cha mẹ nó phải mang nó đến cúng tạ đức Quan Âm, gọi là "Lễ Tiết Tử" (gìn giữ ban ơn cho đứa con). Cũng theo kinh nói, muốn cho đứa trẻ sau nầy thông minh học giỏi nên người thì cha mẹ siêng năng làm thiện, niệm tụng danh hiệu đức Quan Thế Âm hay tụng Kinh Phổ Môn hàng ngày.
Dân gian tin rằng, phụ nữ muốn có thai thì thường xuyên quán tưởng hình tượng Quan Âm Tống Tử nầy, chẳng bao lâu sẽ được như nguyện, không những có con, mà trai gái tùy sự mong cầu nữa. Hoặc giả, khi người phụ nữ nào nằm mộng thấy Đức Quan Âm bồng đứa trẻ đem cho, cũng sẽ có thai sanh ra quí tử.
*Cửu Tử Mẫu :-
Cửu Tử Mẫu hoặc Cửu Tử Quỉ Mẫu, theo Phật Giáo thì chính là hóa thân một vị chư thiên hộ pháp có tên là "Hoan Hỉ Phật", là vị Thần Bảo Hộ về tâm tính của đứa trẻ. Đó cũng là một vị Phật trong Mật Giáo Tây tạng. Nhiều triều đại trước đây, trong hoàng cung các bà cung tần phi nữ hay cúng tế tượng Cửu Tử Quỉ Mẫu nầy để mong cho nhà vua thường hay đến "lâm hạnh" và sanh ra được hoàng tử.
* Bích Hà Nguyên Quân : -
Theo truyền thuyết thì đây là con gái của Thần Đông Nhạc, đời Tống Chân Tông phong làm 「Thiên Tiên Ngọc Nữ Bích Hà Nguyên Quân」.
Trong Đạo Giáo cho rằng, vị nầy có chức năng vâng mệnh NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ để cai quản thiên binh thiên tướng, giám sát những việc thiện ác của nhân gian, đồng thời có nhiệm

vụ quan trong cho việc sanh sản nuôi dưỡng con người. Đây chính là vị Thần Minh lớn nhất chủ tể việc sanh trưởng theo Đạo Giáo.

* Vương Mẫu Nương Nương :-

Còn xưng là Tây Vương Mẫu, Kim Mẫu, Tây Lão Mẫu hay Tây Thiên Vương Mẫu Nương Nương . Chức năng chính của Ngài xưa nay là chưởng quản về các bệnh ôn dịch và các hình phạt nhân gian, nhưng từ khi phổ biến truyện "Hán Vũ Đế Nội Truyện" ban cho nhà vua "quả đào tiên" thì Ngài lại có thêm chức năng là , dân gian có thêm tập tục cầu xin Ngài ban cho con cái vào ngày "Hội Bàn Đào" của Tây Vương Mẫu.

* Lâm Thuỷ Phu Nhân : -

Tên gốc là Trần Tịnh Cô (hay Tiến Cô) hoặc Trần Phu Nhân, người làng Lâm Thủy, huyện Cổ Điển, tỉnh Phước Kiến, cho nên xưng là Lâm Thủy Phu Nhân.

Bà là vị nữ thần được dân gian ở vùng Mân Nam và Đài Loan tôn sùng nhiều nhất về chức năng sanh sản và nuôi lớn con trẻ. Như vậy, có người cho rằng, Lâm Thủy Phu Nhân và Chú Sanh Nương Nương có thể chỉ là một vị thần đồng nhất, vì chức năng hai vị giống nhau ở chỗ coi sóc về sanh sản và nuôi dưỡng. Thực tế thì Chú Sanh Nương Nương không có tài liệu chính thức nào nói về lý lịch rõ như Lâm Thủy Phu Nhân, vả lại , trong dân gian cùng một địa phương, có hai nơi thờ hai vị riêng ra, như vậy thì không thể đồng nhất được.

*Có người nói, Lâm Thủy Phu Nhân đã được phong làm 「Sùng Phước Chiêu Huệ Từ Tế Phu Nhân」 vào năm Thuần Hựu đời Tống, rồi đến năm Vạn Lịch đời Minh phong làm 「Thiên Tiên Thánh Mẫu Thanh Linh Phổ Hoá Bích Hà Nguyên Quân」 . Năm Hàm Phong đời Thanh lại cải thụy là 「Thuận Thiên Thánh Mẫu」 .

*Xét về từ ngữ, hai chữ Nương Nương trong Chú Sanh Nương Nương là để dùng trong việc xưng hô một vị "Hậu Phi" (vợ của vua), cũng có thể xưng Phu Nhân, vì chỗ giống nhau đó mà người ta mới có ý cho rằng hai người là một.

*Trong sách "Đài Loan Huyện Chí" có nói :- "Lâm Thủy Phu Nhân, tên là Tiên Cô, là con gái của Trần Xương ở Phước Châu, sanh vào năm Đại Lịch thứ hai nhà Đường, từ thuở nhỏ đã tinh thông huyễn thuật.Lớn lên kết hôn với họ Lưu, đã có thai được vài tháng. Lúc ấy, vùng Lục Thích (chỗ ở của bà) lâm vào đại hạn lâu ngày không có mưa, Bà làm phép "đảo vũ" để cầu mưa được, cứu cho bá tánh. Nhưng vì quá tập trung tinh thần vào việc đảo vũ nầy, bà bị sẩy thai và chết vào năm 24 tuổi. Lúc sắp chết, Bà nói :- "Sau khi chết, ta nhất định làm Thần để cứu giúp những người nữ khi sanh sản". Quả nhiên, về sau , ông Trần Thanh Tẩu người ở Phủ Kiến Ninh tỉnh Phước Kiến, có người con dâu mang thai đã mười bảy tháng mà không sanh được. Gia đình đã van vái bà thì quả nhiên con dâu sanh ra được mấy lít "rắn con", nhờ vậy thoát nạn.

*Trong "Kiến Ninh Phủ Chí" viết :- "Đời Tống, có vị quan nhỏ tên Từ Thanh Tẩu ở thành Đại Phố, ông ta có đứa con dâu đã mang thai suốt mười bảy tháng mà không sanh được. Cả nhà đang lo âu khổ sở vô kể. Bỗng nhiên, một hôm có người phụ nữ đi vào nhà, tự xưng họ Trần, là "bà đở đẻ" đến giúp cho gia đình. Bà mụ bảo ông Từ cất một cái lầu bằng gỗ ở xa nhà, bên dưới nền lầu đào một cái hang động, cho sản phụ lên lầu và cử người nhà cầm gậy gộc đứng canh ở hang. Lát sau, sản phụ sanh ra một con rắn trắng dài cả trượng, chạy trốn vào hang. Gia nhân xúm lại đập chết con răn, nhờ đó sản phụ được bình an thoát tử. Họ Từ đem rất nhiều vàng bạc châu báu đến tăng bà mụ, nhưng bà từ chối không nhận thứ gì, chỉ xin họ Từ viết vào mảnh lụa câu "Từ Thanh Tẩu kính tặng cho bà họ Trần đã cứu sản phụ" đưa cho bà mà thôi. Lại nói bà là người ở huyện Cổ Điển , châu Phước . Khi tiễn bà ra khỏi cửa, bỗng nhiên không thấy tăm dạng đâu nữa.

Thời gian sau, Từ Thanh Tẩu được thăng chức, thuyên bổ đến trấn nhậm châu Phước, cho người đi tìm bà mụ họ Trần ở Cổ Điển. Nhưng tìm mãi không thấy, sau nghe người địa phương bảo là chỉ có Miếu Thờ Trần Phu Nhân mà thôi. Lại cho biết là vị thần thờ ở đây thường biến hóa thành người nữ đi khắp nơi để cứu giúp những phụ nữ sanh đẻ khó khăn. Họ

Từ mừng rỡ, lên kiệu đến Miếu Thờ, quả nhiên thấy có treo tấm lụa ghi lại bút tích xưa của mình. Họ Từ liền làm biểu tấu trình về triều đình sự linh ứng như thế, nhà vua phong tặng thần hiệu cho bà.

*Trong "Địa Phương Chí" (của Cổ Điển) có ghi :- "Những phụ nữ ở đây rất sùng bái vị thần thờ ở Miếu nầy. Khi có thai, thường họa hình vị thần trong Miếu để thờ ở nhà, đến ngày sanh, tất cả đều được bình an cả con lẫn mẹ. Ngày làm lễ "Tẩy nhi" (tắm rửa em bé) , sau khi cúng bái hình tượng xong, đem đốt thì thấy có hình dạng bà bay lên trời. Cho nên, từ xưa đến giờ, ở đây tôn thờ Trần Phu Nhân làm "Thần Bảo Hộ Sanh Sản" và tôn xưng là "Chú Sanh Nương Nương".

Vậy "Chú sanh" là chuyên về việc sanh sản. "Nương nương" là chỉ cho "bà phi vợ vua".

* Thiên Hậu Nương Nương : - Nguyên là vị Thần Biển, nhưng lại có thêm biệt hiệu là "Thần hộ trợ sanh sản" . Sự sùng bái Mụ Tổ nầy rất phổ biến ở vùng Đài Loan và một dãi Mân Nam, cho nên Bà đương nhiên trở thành có thêm nhiệm vụ là thần phù hộ sản phụ được bình an.

* Kim Hoa Phu Nhân : - Còn gọi là "Kim Hoa Nương Nương", là vị thần bảo hộ cho phụ nữ và trẻ sơ sanh vùng đất Quảng Đông. Miếu thờ Ngài gọi là "Kim Hoa Miếu", việc cúng tế Bà gọi là "Hội Kim Hoa". Miếu Thờ Bà có rất nhiều ở vùng Quảng Đông.

*Thất Nương Mụ--Thiên Tiên :-

- Nữ Thần Thiên Tiên thường được nhân dân Trung Quốc tôn làm Thần chủ về việc sanh sản.

-Thất Nương Mụ , còn gọi là Thất Tinh Nương, Thất Cô v.v… được nhân dân vùng Mân Nam đặc biệt xem là Thần chủ về việc sanh sản.

* Trương Tiên :- Đa số Thần chủ về sanh sản là Nữ Thần, riêng gần đây mới xuất hiện một vị Thần chủ về sanh sản mà lại là Nam Thần. Ngài tên là Trương Tiên, trong dân gian rất phổ biến bức họa "Trương Tiên Tống Tử Đồ". Có người nói, Trương Tiên nguyên là quí thần thờ riêng của gia đình, sau được một vị Hoàng Phi đem bức họa ấy vào thờ trong cung, nhân đó trở thành vị thần "Tống Tử".

*Bảo Sanh Đại Đế :- (xem bài Bảo Sanh Đại Đế )

Ngài tên là Ngô Bản, tự Hoa Cơ, người huyện Đồng Nhân tỉnh Phước Kiến, chỉ ăn chay mà làm nghề y cứu nhân độ thế vô số. Ngài giúp người không phân biệt quí tiện, giàu nghèo, bất luận là bệnh nan y nào, Ngài cũng chữa lành. Khi mất, được tôn xưng là "Hoa Kiều Công" (quan có cây cầu đẹp như hoa). Về sau được phong làm Trung Hiển Hầu, Anh Duệ Hầu v.v… Năm Vĩnh Lạc đời Minh mới được chính thức phong làm Bảo sanh Đại Đế .

Ngày đản sanh của Chú Sanh Nương Nương là ngày hai mươi tháng ba âm lịch.

*Phần phụ thêm :-

BÀ TỔ

Bên cạnh bàn thờ của Chú Sanh Nương Nương có thờ thêm một số Bà Tổ, còn gọi là "Bảo Mẫu" hay "Diên Nữ", có vài nơi lại xưng là "Điểu Mẫu"(mẹ chim). Số lượng Bà Tổ không giống nhau, có nơi thì thờ hai vị, có nơi thì sáu vị. Miếu lớn thì thờ 12 vị hay 36 vị. Vì vậy nên thường gọi là "Thập nhị Bà Tổ" hay "Tam Thập Lục Bà Tổ" (Việt Nam gọi là 12 Mụ Bà—ND) . Những vị ấy đều là những thần dạy dỗ cho bé sơ sanh, có vị tốt mà cũng có vị xấu, cho nên tùy theo phước đức của mỗi gia đình mà có con cái tốt hay xấu, do những vị Bà Tổ nầy dạy dỗ thành.

*Có thuyết nói, ba mươi sáu vị Bà Tổ nầy, còn gọi là "Ba mươi sáu Điểu mẫu" , mỗi vị một ngành nghề, phụ trách việc sanh sản và dạy dỗ trẻ theo lệnh của Chú Sanh Nương Nương , tùy theo phước nghiệp của mỗi người. Về sau, có đứa trở thành người buôn bán, có đứa thành nông dân v.v… nhiều ngành nhiều nghề khác nhau.

*Lại có thuyết nói, Bà Tổ nầy là những cung nũ của Chú Sanh Nương Nương , có trách nhiệm bảo vệ trẻ từ lúc sanh cho đến khi được 16 tuổi, gìn giữ cho trẻ khỏi bị giựt mình, bị té xuống nước, bị phỏng lửa, giữ cho trẻ không bị lên ban trái v.v… Nói chung là gìn giữ cho thân tâm của đứa trẻ phát triển lớn lên một cách bình thường. Đứa nào ngoan ngoãn chịu học

thì dù là đứa bé có bề ngoài sù sì cục mịch , bộ óc ngu dốt, cũng được Bà Tổ dạy dỗ trở thành thông minh hoạt bát.
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)
*PHỤ LỤC:-
-Trích Truyện Phong Thần :-
"Tử Nha truyền dẫn vợ chồng Dư Hóa Long lên, rồi đọc sắc:
Cha con Dư Hóa Long thờ chúa hết lòng, đáng tôi lương đống, liều thân trọn tiết, nên hưởng lửa hương. Nay phong Dư Hóa Long làm chức Chủ Đậu Bích Hà Nguyên Quân. Vợ là Kim thị phong chức: Vệ Phòng Thánh Mẫu.
Chồng coi việc bông, trái; vợ cứu việc sanh thai.
Còn năm người con phong chức sau đây:
Ngũ phương chủ đậu thánh thần
1- Đông phương chủ đậu thánh thần: Dư Đạt
2- Tây phương chủ đậu thánh thần: Dư Triệu
3- Nam phương chủ đậu thánh thần: Dư Quang
4- Bắc phương chủ đậu thánh thần: Dư Tiên
5- Trung ương chủ đậu thánh thần: Dư Đức
Vợ chồng, con cái Dư Hóa Long tạ ơn xuống đài.
Tử Nha truyền đòi Tam Cô lên, tuyên đọc.
Thái Thượng Nguyên Thỉ truyền sắc:
Ba chị em Vân Tiêu tuy học đạo lớp Thiên hoàng mà chưa chứng quả vì nóng báo cừu huynh trưởng lập trận Huỳnh Hà hại người đại đức nên phải lụy thân. Nay phong ba người làm Cảm Ứng Tùy Thế Tiên Cô.
Tuy làm vị nương nương. Song phải coi việc sinh sản mà đền tội hại tiên ra phàm.
Cảm Ứng Tùy Thế Tiên Cô gồm có:
1- Vân Tiêu nương nương
2- Quỳnh Tiêu nương nương
3- Bích Tiêu nương nương
Cả ba vị tiên cô đều tạ ơn lui gót."
Nhân mùa Trung Thu , tôi xin gởi tặng quí huynh đệ 4RHTT, hai bài viết có liên quan đến "TRĂNG" và thưởng thức "Trung Thu Nguyệt Bỉnh" ngon lành.
Chúc tất cả được thân an tâm lạc.
*Nhược Thủy
(Mùa Trung Thu--Mậu Tí--2008) .
Xin theo dõi tiếp BÀI 9 .dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 9.

*Thứ Bảy, ngày 04 tháng 4 năm 2015*

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

Phần bổ sung cho bài "Huyền Thiên Thượng Đế"

## 45. THÁI ÂM NƯƠNG NƯƠNG .



太陰娘娘

農曆八月十五是中秋節，也是中國傳統的三大節日之一，而中秋節的主角則是高掛天空的一輪明月。

中秋時的月空萬里無雲，天朗氣清，正足以顯出月亮皎潔的光華。因此，每到秋天，古代天子都會到月壇去祭月。上古祭月的禮儀，很可能就是中秋節祭月的起源。到了清代，拜月仍是一項國家祭典，由此可看出先秦祭月與後世中秋祭月一脈相承的關係。

「月娘」，或稱為「太陰娘娘」、「大陰星君」，其「夜明之神」祭典，極受歷代帝王重視，民間自然也不會例外。

民間也把「太陰星君」看成嫦蛾，認為「太陰星君」是一位絕色美人，所以非常喜歡人人都欣賞
她，也因為這個緣故，八月十五日的「太陰星君」誕辰祭，都在入夜以后，面對當空的皓月家家戶外圍院，排設香案點上一對紅燭，供上四色鮮果，焚香膜拜，氣氛十分虔誠，而又帶有几分閑情逸致之感。此外，還有賞月會，一家人團圓，或筵款親朋在皓潔月色的籠罩下，共度良宵，另外有博狀元餅，聽香等風雅韻味的趣事。

民間流行的一篇《太陰星君經》，據說：每月十五、十六兩日，趁太陰團圓之夜，戒焚香，誦念十遍，合家清吉。而民間供奉太陰星君的宮廟不多。傳說，孩子營養不良、多病，向太陰星君祈禱，很靈驗。

道教沿襲我國上古時代的宗教思想，因此對星辰的崇信，就成了教義的重要部份，其中對日、月、北斗、五星及二十八星宿尤為崇信，認為與人生的命運前途有密切的關係。

歷代有關月亮的傳說有很多，除了玉兔搗藥、吳剛伐桂外，就屬嫦娥奔月的故事最為人津津樂道。
據說后羿向王母娘娘求得不死之藥後，卻被其妻嫦娥偷偷吃掉了，並成仙奔月，當了月宮仙子。嫦娥到了月宮後發現月宮出奇的冷清，不像他所想像的美好。但又怕后羿殺了他，不敢回到人間來，於是只好孤獨寂寞的一個人住在月宮裡。

中秋節對農民而言也是一個大日子，眼看一年的辛勞得到收穫，誠心對土地神表示一番謝意。除了
祭祀土地公外，農民還會在田間插設「土地公枴杖」。土地公枴杖是以竹子夾上土地公金，插在田間，插好後再以月餅祭祀。由於中秋節有「秋報」的含意在，所以
也有農村在此夜聚資演戲，俗稱「謝平安」。

就道教來說，中秋節也是太陰娘娘或稱「月宮娘娘」的生日，因此若當地有供奉太陽星君的廟兼祀太陰娘娘，也要在這天到廟裡為太陰娘娘祝壽。
　　八月十五中秋節為太陰娘娘誕辰。



# THÁI ÂM NƯƠNG NƯƠNG

Ngày rằm tháng tám âm lịch là Tết Trung Thu, đó là một trong ba ngày Tết theo truyền thống "Ba ngày Tết lớn" của Trung Quốc. Đối tượng chủ yếu của đêm Trung Thu là "một vầng trăng sáng vằng vặc giữa không trung" .

*Vào tiết Trung Thu, bầu trời không một gợn mây, ánh trăng chiếu sáng khắp nơi, tỏa ra nhiều vầng hoa sáng hết sức gợi cảm. Do đó, mỗi năm đến ngày nầy, các vị thiên tử lập ra "Nguyệt Đàn" để tế trăng, đây là khởi nguyên của việc tế trăng ở thời điểm khác trong năm. Đến đời nhà Thanh, thì việc tế trăng đã được xếp vào một trong những lễ cúng tế hàng năm, ghi vào "sách tế lễ" (tế điển). Như vậy, ta thấy có một sự xuyên suốt gắn bó từ tế trăng thời Tiên Tần cho đến tế trăng Trung Thu đời sau.

*Nguyệt Nương hoặc "Thái Âm Nương Nương", "Thái Âm Tinh Quân", việc cúng tế "Dạ Minh Chi Thần" chẳng những được các vua chúa xưa coi trọng, mà ngay cả trong dân gian vẫn lấy đó là sự hứng thú vô cùng.

*Dân gian thì gọi "Thái Âm Tinh Quân" là "Thường (Hằng) Nga", cho rằng "Thái Âm Tinh Quân" là một "tuyệt sắc mỹ nhân" , cho nên cực kỳ thú cảm trong việc thưởng trăng. Do đó, việc cúng tế "Thái Âm Tinh Quân" được tổ chức vào ban đêm, mặt ngước lên nhìn trăng sáng, nhà nhà đều ra sân, thiết bày hương án có đôi đèn sáp, bình hoa đẹp, dĩa bánh Trung Thu, dĩa trái cây bốn màu. Tất cả đều thắp hương, thành tâm vái nguyện cho được những gì đang hoài bảo ôm ấp trong lòng, sau đó lạy tạ Thái Âm Nương Nương. Ngoài ra, đây cũng là dịp đoàn viên hội tụ cả nhà để chung vui với nhau một cách tao nhã. Đôi khi, cũng có người trổ tài văn chương ngâm vịnh cùng nhau, thật không có dịp nào ấm cúng thơ mộng bằng !

*Trong dân gian có lưu hành một thiên sách là ""Thái Âm Tinh Quân Kinh", trong đó ghi :- "Mỗi tháng vào hai ngày rằm và mười sáu, gọi là đêm đoàn viên của Thái Âm, nên đốt nhang, tụng mười biên kinh nầy, cả nhà sẽ vui vầy" . Tuy thế, những Miếu Thờ "Thái Âm Tinh Quân" không có nhiều lắm. Theo truyền thuyết, khi nào có con trẻ èo uột khó nuôi, lập bàn hương án cầu nguyện khấn vái với "Thái Âm Tinh Quân" , hiệu nghiệm vô cùng.

*Đạo Giáo kế thừa những tín ngưỡng dân gian từ thời cổ đại, trong đó, niềm tin đối với mặt trời, mặt trăng, các sao … rất lớn. Nhất là đối với Bắc Đẩu, Ngũ Tinh và Nhị Thập bát Tú thì lại càng nhiều hơn nữa. Bởi họ tin là, những "Vị" đó có quan hệ mật thiết đến tiền đồ vận hạn của con người.

* Truyền thuyết có liên quan đến mặt trăng khá nhiều, như những chuyện "Thỏ ngọc giả thuốc", "Ngô Cương chặt cây quế" còn có chuyện "Hằng Nga bay lên mặt trăng" là hấp dẫn nhất :-

Vua Hậu Nghệ cầu xin Tây Vương Mẫu ban cho thuốc trường sanh bất tử, nhưng bị vợ của ông là Thường (Hằng) Nga lấy trộm và uống hết, sau đó nàng hóa thành Tiên, bay lên mặt trăng để trốn, trở thành một vị Tiên trên cung Quảng Hàn (cung trăng). Hằng Nga quan sát hết cung điện, thấy hoàn toàn vắng vẻ lạnh lẽo, không giống như cảnh đẹp do tưởng tượng trước đây của nàng. Nhưng rồi sợ bị Hậu Nghệ trả thù, Hằng Nga không dám quay về trần thế, đành phải chịu sống cô độc một mình , vắng vẻ lạnh lẽo ở cung trăng nầy . (Quảng:- rộng rãi; Hàn:- lạnh lẽo)

*Còn đối với nông dân, thì Tết Trung Thu là một ngày quan trọng và đầy hân hoan sau khi đã thu hoạch mùa màng sau những ngày vất vả cực khổ. Ngoài việc cúng tế trả lễ đối với "Thổ Địa Công" ở ruộng đất, nông dân còn tạo ra một món đồ cúng tế rất đặc biệt, gọi là "Thổ Địa Công Dụ Trượng" (cây gậy giàu có của ông Thổ Địa) để cắm ở ruộng đất của mình. Gậy được làm bằng cây tre, trên đầu có cột những giấy tiền vàng bạc khối (Thổ Địa Công Kim). Bên dưới thì bày bánh Trung Thu đèn nhang hoa quả để cúng. Bởi vì Tết Trung Thu còn chứa đựng ý nghĩa "Tế Thu" (của hai kỳ cúng tế mùa Xuân và mùa Thu), nên nông dân cón tổ chức diễn kịch hát xướng , gọi là lễ "Tạ Bình An" [ Ở Việt Nam là lễ "Kỳ An"-ND].

*Trong Đạo Giáo thì lấy ngày Tết Trung Thu làm ngày sinh nhật của "Thái Âm Nương Nương" hay "Nguyệt Cung Nương Nương". Ngày đó, dân chúng đến Miếu Thờ Thái Dương Tinh Quân trong đó có thờ luôn cả Thái Âm Nương Nương để làm lễ chúc thọ Nương Nương .

*Ngày rằm tháng tám âm lịch là ngày vía của Thái Âm Nương Nương .




*NHƯỢC THỦY dịch

(từ http://www.fushantang.com)

## 46. NGUYỆT HẠ LÃO NHÂN .



(Nguyệt Lão)
月下老人

月下老人又稱「月老」、「月老公」，是我國神話傳說中專管婚姻的媒神，是有情人曾虔心寄託自己美
好姻緣的幸運之神。俗諺：「千里姻緣一線牽，無緣對門不相識」。每個人一生中最大的幸福，無非是討個好老婆，或是有個貼心又溫柔的另一半。不過，儘管如
此，這世上還是有不少曠男怨女，在苦苦地尋找另一半，因此月下老人廟就應運而生了，有時它是間獨立的廟宇，有時則附屬在一些廟的側殿。

杭州西湖白云庵的月下老人祠的廟聯：「愿天下有情人，都成了眷屬，是前生注定事，莫錯過姻緣。」

唐代李復言的《續幽怪錄˙定婚店》中描述，唐朝時有一位名叫韋固的公子，有天夜裡遇到一位白
髮白鬚的奇異老人，依著一只布袋，坐在月光下看書。韋固好奇，就走過去問老人說：「借問您在看什麼書？」老人回答：「我在核對天下男女婚姻的姻緣簿」。韋
固又問老人那袋子裡裝的是什麼東西？老人回答：「袋內都是紅繩，用來繫住夫婦之足。雖仇敵之家，貧富懸殊，天涯海角，吳楚異鄉，此繩一繫，就定終身。」。
此亦是「千里姻緣一線牽」的出處。

韋固一聽，連忙請老人幫他查詢未來的妻子。老人翻書一查，告訴他說：未來的妻子是北邊一位瞎
眼老太太陳氏的女兒。韋固聽後就前往查看，見到此女才三歲，鼻涕滿面，滿身髒垢藍縷，心中很不高興，推了小女孩一下，結果女孩跌倒傷了眉心。十四年後，韋
固當了武將，刺吏王泰很欣賞他，就把女兒嫁給了他。這位姑娘秀麗非常，只是眉間有一道疤痕，韋固詢問後才知道這位姑娘就是十四年前被他推跌的那個女孩，十
四年來刺吏撫養她，把他當成了親閨女。韋固這才知天命不可違，而跟這位小姑姐相親相愛，后來二人所生的兒女都很有出息，子孫滿堂，幸福無比。此事傳開後，
民間就把執掌男女婚配的媒神，稱之為「月下老人」。月下老人成了媒人的代名詞，一直沿用至今。

由於月下老人會幫有緣的男女繫紅線，在民間也漸漸出現「栓紅線」的習俗。此一習俗在唐代已

有。唐代史書上記載：袞州都督郭元振年長未婚，宰相張嘉振見他有才幹又相貌堂堂，就想納他為婿，因為有五個女兒不知許配給那一位好，張宰相於是想了一個辦法，讓他的五個女兒坐在布幔子後面，每人手上各拿一根紅絲線，將線頭露在外面，讓郭元振隔著幔子去牽，牽到誰就以誰為妻，郭元振一下牽到了漂亮非凡的張家三女，倆人結下了美滿良緣。

最初婚禮上有栓紅線的儀式，到了宋代逐漸演化成「牽紅巾」，婚禮上新郎新娘各持一端，相牽入洞房。這種習俗因含有「同心相結、白首偕老」的美好寓意，所以直到今天，有些地方的婚禮上還能看到。

相傳農曆的八月十五日是月下老人的生日，所以這天很多「孤男寡女」都會前往廟裡祈求月老賜與好姻緣，許多得願的信徒也會攜帶喜餅、喜糖前往還願，感謝月老的促成。

月下老人簡稱「月老」，是婚姻之神，而在民間的些神話故事中，除了月下老人是和人的終身大事有關之外，還有人是供奉「月神」、「月宮娘娘」、「月光菩薩」或「月姑」等等。

牛郎織女：

人們對牛郎與織女的祭拜，主要是和民俗的節日結合了起來。農曆七月初七，是牛郎與織女鵲橋相會的日子，又稱之為「七巧節」或是「乞巧節」。在一些地方建有織女廟，其中以江蘇太倉的織女廟最有名，裡面供奉著牛郎與織女。

月光菩薩：

月亮似乎總是與人的情感與愛情脫離不了關係，而且也源自於古老的天體崇拜觀念，人們常說「花前月下」，是形容非常浪漫的意思。在中國的古代，情人熱戀時會在月下盟定終身，拜禱月神，因此也成為了一種習俗，痴情男女常對「月光菩薩」發誓，盡管月移星轉，此情永世不變。所以月神可算是中國民間最流行的神明之一，其有許多稱呼，有時是「月神」、「太陰星主」、「月姑」、「月宮娘娘」、「月娘」或「月光菩薩」等。一般民間相信，月光菩薩是一位慈悲為懷的女神。

七星娘娘：

在台灣及閩南一帶，非常流行崇拜七娘媽，也可稱之為「七星娘娘」或是「七星夫人」。而七星娘娘，

有說是織女變的，也有說是「七仙女」。七星娘娘的正職，主要是保護孩子及嬰兒，免於受疾病的威脅，因此常有婦女帶著自己的孩子到廟中，認七星娘娘為乾媽。

而每年農曆的七月初七的那天，父母要帶著孩子拿著供品，到七娘廟中去酬謝神明，女孩子十六歲時，也要去祭謝七娘媽，因此七娘媽就像是孩子的父母親一般。傳說在每年農曆七月初七之後，七娘媽就會把造好的未婚男女花名冊，送交給月下老人，經月老仔細審查後，就把名冊上的男女用紅線繫在腳上，所以七星娘娘變為紅娘之一了。

泗州大聖：

在世俗的世界中，既然有人談戀愛，就有人會失戀。當失戀的時候，有人也許會哭，也有人會情緒低

落，甚至為愛殉情。在這種情形下，除了有祝福有情人終成眷屬的月下老人之外，在廣東及福建等地，更有失戀者的保護神泗州大聖。泗州大聖又稱為泗州佛，據說

他本來是西域僧人，後來在唐高宗時來到長安、洛陽等地，後來到了江南地區，受觀音渡化成佛。據說，泗洲佛對人世間的痴情男女，非常的同情。所以，如果有熱戀中的男女發生了問題，或是婚姻受挫，只要在泗州佛的腦後挖下一點泥巴，偷偷的撒在心愛人的身上，愛情或婚姻，就會得到圓滿和幸福的結局，因此許多地方的泗州佛，大部份後腦勺都被人挖去了大半。

農曆八月十五日為月下老人誕辰。

## NGUYỆT HẠ LÃO NHÂN
## (Nguyệt Lão)

Nguyệt hạ lão nhân (ông già dưới trăng) còn gọi là Nguyệt Lão hay Nguyệt Lão Công, theo truyền thuyết , là vị thần chuyên về làm mai mối hôn nhân của con người. Là vị thần mà biết bao cặp tình nhân từng thành tâm ký thác mệnh vận tốt đẹp của nhân duyên đời mình.

*Tục ngữ nói :- "Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên—Vô duyên đối môn bất tương thức" (Nếu có duyên thì ngàn dậm cũng có sợi dây cột lại, Còn không duyên với nhau thì đối cửa cũng chẳng biết nhau. Tương tự hai câu phổ biến :- Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ--Vô duyên đối diện bất tương phùng--ND).

*Hạnh phúc lớn lao nhất của đời một người là, chẳng phải lấy nhầm một "bà già tốt", mà hơn phân nửa là thích chọn người hiền hậu ôn hòa, có tâm chung thủy. Nhưng mà cái sự đời không đơn giản như thế, trên thế gian nầy vẫn luôn có những trai đơn gái chiếc, mặc dầu họ đã bỏ ra rất nhiều công sức đi tìm đầu nầy đầu nọ. Vì vậy, mới có Miếu Thờ Nguyệt Hạ Lão Nhân, gọi là "ứng vận nhi sinh" (theo vận hạn mà sinh ra) để làm chỗ giải bày tâm sự của người "có nhu cầu". Có lúc thì Miếu Thờ Nguyệt Lão ở nơi riêng biệt, có khi lại nằm bên cạnh một miếu thờ khác.

*Ở Tây Hồ của Hàng Châu có Am Bạch Vân, trong có Miếu Thờ Nguyệt Lão. Nơi đây có câu liễn đối rất khéo:-

"Nguyện thiên hạ hữu tình nhân, đô thành liễu quyến thuộc,
Thị tiền sanh chú định sự, mạc thác quá nhân duyên"
(Nguyện cho những đôi tình nhân trong thiên hạ, đều thành quyến thuộc của nhau—Nếu đã là chú định từ kiếp trước, thì đừng để lầm bỏ qua nhân duyên)

*Ông Lý Phục đời Đường đã kể lại trong quyển "Tục U Quái Lục—Định Hôn Điếm" rằng :-

-Đời Đường, có một vị công tử tên là Vi Cố, vào một đêm nọ đi dạo chợt thấy một lão già râu tóc bạc phơ, mang theo bên mình một cái túi lớn, đang ngồi dưới trăng xem sách. Vi Cố hiếu kỳ đến gần hỏi ông lão :- "Dám xin hỏi ông cụ đang xem sách gì ạ ?". Lão nhân đáp :- "Ta đang tra xem sổ bộ nhân duyên của nam nữ trên thế gian nầy". Vi Cố lại hỏi trong cái túi nầy đựng vật gì, thì ông lão cười đáp:- "Trong túi chứa những sợi dây đỏ, dùng để buộc chân cặp trai gái có nhân duyên với nhau. Cho dù là hai nhà cừu địch nhau, giàu nghèo khác nhau, ở nơi góc biển chân trời, lạ quê khác quán với nhau đi nữa, một khi đã buộc sợi dây nầy, thì nhất định phải chung sống với nhau !" (Đây là chỗ xuất xứ của câu :- "Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên" ở trên).

Vi Cố nghe xong, liên xưng tên mình và nhờ ông lão tra giúp xem người vợ trong tương lai của mình là ai ? Lão nhân tra một hồi , bảo anh ta :- "Người vợ tương lai của anh là đứa con gái họ Trần, con của một bà lão mù đi xin ăn ở chợ phía Bắc".

Vi Cố nghe xong, cám ơn và lui về. Hôm sau, anh ta mò đi tìm. Quả nhiên gặp bà lão mù, đang dẫn một đứa con gái độ ba bốn tuổi, mặt mày lem luốc, quần áo lam lũ. Anh ta bèn nổi nóng, đá con bé gái một đá lăn cù mèo, té xuống nền gạch tét chỗ mi mắt, máu ra xối xả. Vi Cố bỏ chạy mất.

Mười bốn năm sau, Vi Cố trở thành một võ tướng. Có quan Thứ Sử tên Vương Thái rất có cảm tình với chàng, đem con gái yêu quí gả cho anh ta.Vị cô nương nầy rất đẹp, chỉ có điều

là chỗ mi mắt có một vết thẹo nhỏ. Vi Cố theo gặn hỏi mãi mới biết đây chính là đứa bé gái mà mình đã đá té nó hồi mười bốn năm trước. Nguyên sau khi hành hung xong, Vi Cố bỏ chạy thì tình cờ có vị quan đi qua, thấy tình cảnh đáng thương mới đem đứa bé về nuôi, nhận làm con. Mười bốn năm sau, ông trở thành Thứ Sử, còn cô bé trở thành một tiểu thơ khuê môn đài các, chính là vợ Vi Cố hiện giờ.
Nghe xong, Vi Cố dấu bặt chuyện xưa, nhưng trong lòng quả quyết rằng "Đã số chạy đâu cho khỏi số !". Vợ chồng thương yêu nhau tha thiết. Về sau hai vợ chồng sanh ra con cái đều làm nên, cả nhà hưởng phước lộc. Chuyện nầy được truyền ra ngoài, dân gian mới lấy vị thần mối mai tôn xưng là "Nguyệt Hạ Lão Nhân". Từ đó, nguyệt hạ lão nhân trở thành một đại danh từ chỉ về người mai mối, truyền tụng cho đến ngày nay".
*Do vì Nguyệt Hạ Lão Nhân nối sợi chỉ đỏ cho những cặp nam nữ nào có nhân duyên với nhau, nên trong dân gian phổ biến tục lệ "Cột sợi chỉ đỏ" cho dâu rễ vào ngày cưới. Tục lệ nầy đã có từ đời Đường. Trong quyển Sử Thư đời Đường có chép câu chuyện:- "Quan Đô Đốc Cổn Châu là Quách Nguyên Chấn đã lớn tuổi mà chưa có vợ, quan Tể Tướng Trương Gia Chấn thấy anh ta vừa có tài vừa đẹp trai, mới chọn chàng làm rễ quí. Nhưng vì ông ta có tới năm đứa con gái, không biết chọn đứa nào để gả cho tốt. Bèn nghĩ ra một cách, cho năm cô gái ngồi ở sau một tấm màn. Tay mỗi người đều có cột một sợi chỉ đỏ, đầu mối chỉ để lú ra ngoài trước. Bảo Quách Nguyên Chấn ngồi trước màn để chọn lựa sợi chỉ, hễ của cô nào thì gả cô đó. Chàng lựa một hồi báo kết quả là đã chọn được tiểu thư thứ ba rất có tài có sắc, hai người kết hợp được cuộc nhân duyên tâm đầu ý hiệp, vô cùng mỹ mãn".
*Hồi mới đầu, cuộc hôn lễ nào cũng có nghi thức "cột chỉ đỏ", nhưng đến đời Tống lại biến thành "đội khăn đỏ" . Trong hôn lễ, cặp dâu rễ đội chung chiếc khăn đỏ đi vào phòng tân hôn. Tập tục nầy hàm ý nói:- "Đồng tâm tương kết, bạch thủ giai lão" (đồng tâm kết hợp nhau, đến lúc già đầu bạc). Cho nên hiện nay, ở một vài địa phương vẫn còn duy trì tập tục nầy.
*Tương truyền vào ngày rằm tháng tám âm lịch là ngày sinh nhật của Nguyệt Hạ Lão Nhân. Cho nên , vào ngày ấy, có rất nhiều trai đơn gái chiếc đến Miếu Thờ của Nguyệt Lão để cầu cho được mối lương duyên. Cũng có rất nhiều người được thỏa nguyện nên mang "bánh mừng" , "đường mừng" đến cúng tế Ngài để trả lễ.
*Nguyệt Hạ Lão Nhân gọi tắt Nguyệt Lão, là vị Thần Hôn Nhân chính thức. Trong dân gian, ngoài câu chuyện có quan hệ đến việc chung thân là Nguyệt Lão kể trên, còn thờ cúng một số vị Thần khác, như là :- "Nguyệt Thần", "Nguyệt Cung Nương Nương", "Nguyệt Quang Bồ Tát" hay "Nguyệt Cô" v.v…

*Ngưu Lang Chức Nữ : -



Việc trong dân gian cúng tế Ngưu Lang Chức Nữ đầu tiên là do liên quan đến tập tục "mừng nửa năm" có từ trước.
Mùng bảy tháng bảy là ngày mà Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau trên cầu Ô Thước, còn gọi là "Thất Xảo Tiết" (tiết tháng bảy khéo léo) hoặc "Khất Xảo Tiết" (tiết cầu cho sự khéo léo).

Tại một vài địa phương có lập Miếu Chức Nữ , trong số đó, Miếu Chức Nữ ở Giang Tô là nổi tiếng nhất. Trong điện có tượng thờ Ngưu Lang và Chức Nữ rất đẹp.

*Nguyệt Quang Bồ Tát : -

Sự ái cảm của con người với ánh trăng thực ra thì không có quan hệ gì đến ái tình nam nữ cả, nhưng vì từ ngàn xưa đã có quan niệm cổ xúy "thiên thể mặt trăng" rồi, cho nên người ta thường nói câu "trước hoa dưới nguyệt", là một ý tứ rất lãng mạn.

Thời cổ đại Trung Quốc, những cặp tình nhân thường hứa hẹn sống trọn kiếp với nhau ở dưới trăng, đồng thời bái lạy Thần Trăng xin chứng minh. Dần dần thành ra tập tục . Những đôi tình nhân đã cùng nhau phát lên lời thệ nguyện để xin "Nguyệt Quang Bồ Tát" (Bồ Tát ánh trăng) chứng minh , cho dù nguyệt đổi sao dời thì tình yêu của họ vẫn mãi vững bền không phai lạt. Cho nên, Nguyệt Thần là vị thần minh lưu hành rộng rãi nhất trong dân gian, phát sinh nhiều cách gọi khác nhau như là :- "Nguyệt Thần", "Thái Âm Tinh Chủ", "Nguyệt Cô", "Nguyệt Cung Nương Nương", "Nguyệt Nương" hoặc "Nguyệt Quang Bồ Tát" v.v… Có một số người cho rằng Nguyệt Quang Bồ Tát là một vị nữ thần ôm ấp nhiều từ bi trong lòng.

*Thất Tinh Nương Nương :

Tại Đài Loan và một dãy Mân Nam, rất lưu hành sự sùng bái "Thất Nương Mụ", còn gọi là "Thất Tinh Nương Nương" hoặc "Thất Tinh Phu Nhân". Nhưng Thất Tinh Nương Nương chỉ là một biến thể của Chức Nữ mà thôi, nên còn gọi là "Thất Tiên Nữ".

Chức trách chính thức của Thất Tinh Nương Nương là bảo hộ cho trẻ sơ sinh và con nít, tránh khỏi những bệnh tật đau ốm. Do đó, thường có những bà mẹ mang đứa con mình đến các Miếu Thờ , lạy xin nhận Thất Tinh Nương Nương là "Càn Mụ" (mẹ trời). Nhất là vào dịp mùng bảy tháng bảy, rất nhiều bậc cha mẹ đã mang con và vật cúng đến Miếu Thất Nương để cúng tạ thần minh phù hộ được mạnh giỏi. Rồi đến khi đứa con gái được mười sáu tuổi, lại đến cúng tế Thất Nương Mụ trọng thể. Như vậy, Thất Nương Mụ đã trở thành "cha mẹ nuôi" của những đứa trẻ.

Theo truyền thuyết,mỗi năm sau ngày mùng bảy tháng bảy, Thất Nương Mụ chuyển giao cho Nguyệt Lão bản danh sách những cặp trai gái yêu nhau, để Nguyệt Lão thẩm tra lại xem có đúng là duyên số với nhau hay không, mà cột sợi chỉ đỏ gắn bó hai người với nhau suốt đời. Cho nên, Thất Tinh Nương Nương trở thành một vị "Thần Mối Mai" vậy.

*Tứ Châu Đại Thánh : -

*Trong thế giới của người thế tục, có những người được yêu thương mà cũng có những kẻ chẳng ai ngó ngàng đến hoặc bị phụ tình. Trong số những người bị tình phụ ấy, có những người đã khóc, có những người bị bệnh hoạn thậm chí có người tự tử vì tình cũng thường thấy. Trong tình hình ấy , trừ những người có phước được thành hôn với người mình yêu thương và được Nguyệt Hạ Lão Nhân cột liền sợi chỉ đỏ để thành quyến thuộc suốt đời, thì ở Quảng Đông và Phước Kiến, đặc biệt có Miếu Thờ một vị chuyên bảo hộ cho những kẻ thất tình hoặc bị tình phụ, đó là "Tứ Châu Đại Thánh".

Tứ Châu Đại Thánh còn được tôn xưng là Tứ Châu Phật. Theo truyền thuyết thì Ngài vốn là một thầy tăng người Tây Vực (Ấn Độ), đến Trường An và Lạc Dương vào thời vua Đường Cao Tông. Rồi về sau lại đến khu vực Giang Nam, được Bồ Tát Quan Âm độ thành Phật.

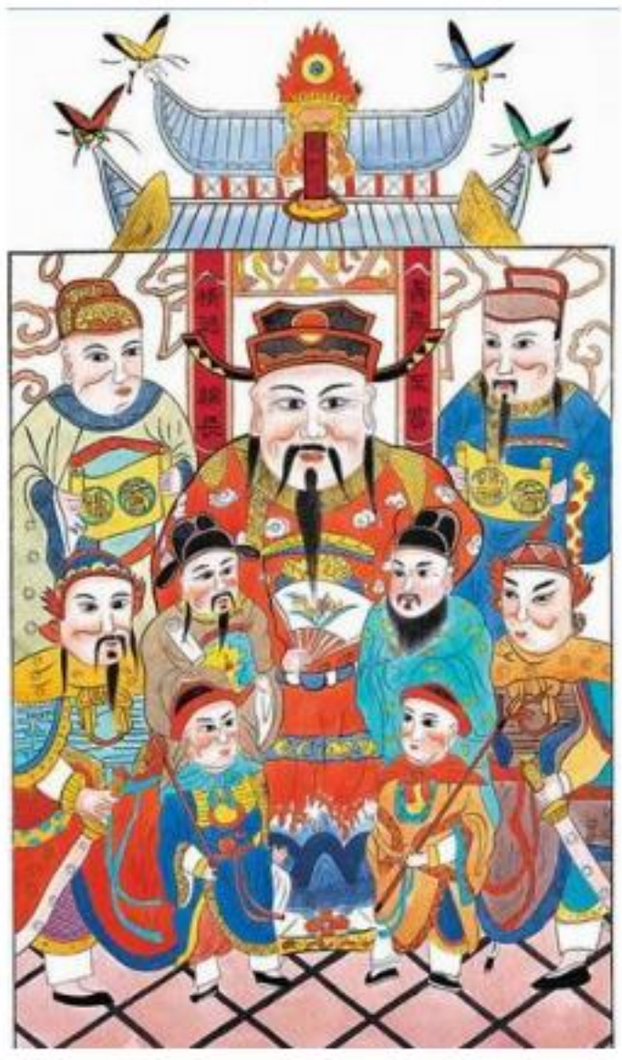
*Tương truyền, Tứ Châu Phật rất đồng cảm thương xót những nam nữ si tình. Cho nên, nếu chuyện tình cảm giữa đôi trai gái có vấn đề không ổn, hoặc chuyện hôn nhân không thành, chỉ cần đến Miếu Thờ Ngài, xin một chút "đất bùn" ở phía sau "não bộ" của Ngài, rồi đem về nghiền nát ra, tìm cách bôi vào thân mình của "người trong mộng", thì sau đó, ái tình hoặc hôn nhân đều thành tựu tốt đẹp. Vì thế, những tượng Tứ Châu Phật ở các miếu thờ mọi địa phương , tất cả phần sau đầu đều bị khuyết lõm chỉ còn không tới phân nửa (!).

*Ngày rằm tháng tám âm lịch là ngày vía của Nguyệt Hạ Lão Nhân.



*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 47. MÔN THẦN .



## 門神

門神是人類最常見的守護神之一，屬于物神，自古就是天子的五祀之一，以避邪祈安，后來由于許多不同的神話，讓門神人格化，而成為神仙世界的特殊人物。門神源于古代的庶物崇拜，據古籍記載，以門作為祭祀對象，始於上古時代少昊金天氏。庶物崇拜是指經人工制造的器物，民間認為其上附有神靈，加以崇拜。例如橋神、路神、灶神、井公、車神、船神、床母以及門砷等。

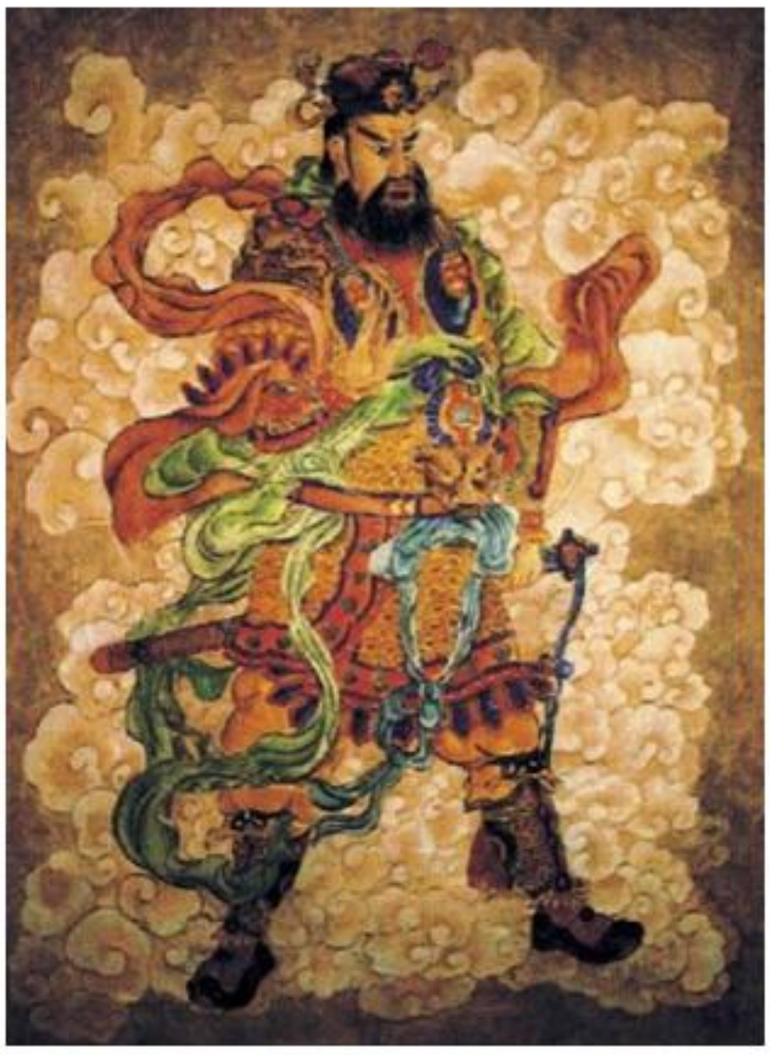
門神的信仰很早，最早的作用是為了驅鬼辟邪，後來卻演變為祈福致慶。《禮記》曲禮篇上已有「春祀戶祭」的記載，《禮記．月令》曰：「孟秋之月其祀門。」《喪大記注》曰：「君釋菜，以禮禮門神。」當時的五祀之中也包括了門神在內。《淮南子》記載：「夏后祀戶，殷人祀門。」門神在歷代都有不同的角色出現，漢朝以後是以繪製的神像為代表。唐朝時，換成了唐太宗手下的兩員大將秦叔寶與尉遲敬德。晚唐五代時，鐘馗也加入了門神的行列。現代除了武將門神外，也有畫朝服文官的文門神，稱為「五福臨門」或「納福迎祥」。而文門神多穿一品朝服，或抱象牙笏板，或持吉祥器物。吉祥物有爵、鹿、蝠、喜、馬、寶、瓶、鞍等。代表官位，榮祿，福氣，平安等等。

門神是我國民間最受信仰的神祇之一。門神的歷史之久、流傳之廣、種類之多，在民間諸神中是很突出的。門神從其誕生之日起，即傲立於千家萬戶的大門之上，抖盡了威風，歷二千餘年，至今不衰的。古人有祀門和掛桃人的習俗，早在周朝，就有了祭門的風俗。

據《禮記．祭法》記載，大夫立二祀，適士二祀，庶人只一祀，其中包括祀門。古代祀典中有五祀之說，所謂「五祀」，即祭祀門、井、床、霤、土地等五神。
古人對大自然不太認識，鬼神之說十分流行，把一切壞事和怪事都當作鬼魂作祟。雖然人們建造了屋子，但古人還是覺得不太可靠，無孔不入的鬼怪來了該怎樣辦呢？所以就創造出門神來守衛門口。最早具有門神功能的，其實只是一塊桃木，古人認為桃木是「仙木」，能驅邪逐鬼，而且以桃木為劍，還可以斬妖除怪，所以一般人常在門上挂著桃木，以鎮四方想來搗蛋的妖魔鬼怪。這就是俗稱的「桃符」。《典術》云：「桃者，五木之精也，故壓伏邪氣者也。桃之精生在鬼門，制百鬼，故今作桃人梗著門以壓邪，此仙木也。」而桃人其實是兩位神將：神荼、鬱壘的化身。

門神的陣營，經過漢、魏、晉、唐等朝代逐漸擴充，到宋、明朝時已十分壯大，連道觀也開始在大門上繪上守護神畫像，並改由上天的「星宿之神」來擔任。以后，只有驅鬼鎮妖一種功能的武將門神，已不能滿足人們的各種需要，於是又出現了文官門神和祈福門神。后者寄托了人們祈望升官發財，福壽延年的愿望和心態。
文官門神都與升官發財有關，而祈福門神卻與多子多福、福壽延年挂上鉤。二者有時也配雙成對，如天官（或狀元）門神，常與送子娘娘匹配，此外，還有喜神、和合二仙、劉海、招財童子等。

門神已成為具有驅邪魔、衛家宅、保平安、助功利、降吉祥等多種功能的保護神，成為民間諸神中最受群眾歡迎的俗神之一，至今興盛不衰。



神荼、鬱壘：

這二位門神在許多古書籍中均有記載，如《論衡》、《山海經》等都有描述，據南朝《荊楚歲時記》中

記載：「正月一日，繪二神貼戶左右，左神荼，右鬱壘，俗謂之門神。」故事越來越完整，在民間流傳則越廣。據傳神荼、鬱壘是古代幫助黃帝管理鬼國的部將。他們住在東海一個叫「桃都山（或稱度朔山）」的小島上，山上有一株巨大的樹，樹枝盤屈伸展達三千里。樹頂上站著一隻金雞，每當太陽初升，第一縷陽光照在它的身上時，金雞即會啼起來，天下的公雞也會跟著啼起來。樹的東北方有一座鬼門，兩旁就站著神荼、鬱壘。一左一右，他們監視著哪些剛從人間遊盪回來各式各樣的鬼怪。如發現曾在人間作惡，他們就會馬上用葦索把鬼怪綁起餵白虎。因此鬼最怕神荼、鬱壘、金雞和老虎。最初人們用桃木雕成兩位門神的神像，但因雕人像比較麻煩，故此以人簡化為在桃木上畫上兩位的圖像，或者只寫「神荼」、「鬱壘」幾個字貼上，亦已經可以作門神，抵禦邪魔之用。

金雞：

雞是司晨之靈，慣於夜間活動的鬼怪皆畏之，「畫雞戶上，百鬼畏之。」

老虎：

號稱百獸之王，「能執搏挫銳，噬食鬼魅。」，「畫虎於門，么不敢入。」古代建築物的門扇上的門環，均設計為兇猛的虎、獅面形，其淵源應出於此。

鐘馗、魏徵：

鐘馗，右手執筆，左手握劍，瞪目張口，怒發沖冠，是民間信仰中頗受歡迎的驅邪納吉之神，早在唐朝

時，民間已普遍崇拜信奉這位外貌猙獰兇惡內心善良正直的俗神。據說最給鍾馗畫像的是唐代著名畫家吳道子，唐代宮廷曾將鍾馗的畫像或印有鍾馗像的曆日賜給大臣。據傳鐘馗乃唐朝終南山人，才華出眾，赴京城參加武舉考試，因貌醜未被錄取，於是羞憤怒撞殿階而死，被皇帝賜以綠袍安葬。一說鐘馗是西嶽華山蓮花寺內的伏蟒羅漢，投胎於華陰縣鐘家莊，相貌雖醜，卻武功蓋世，文才敏捷。道教則把鐘馗當作鎮惡逐鬼的判官，其生前應是神靈轉世，擁有與生俱來的超凡神力，故常為人們擔任陰陽界溝通的工作，喜好鋤奸扶弱、行俠仗義，能看透陰陽事理，肩負扶正祛邪的重任，為人間帶來安定，最終則遁世悟真成道，而敕以神格。

*鐘馗
元朝以后鐘馗的畫像，不但長上了毛茸茸的胡子，而且是坐著藤轎由「丑狀千百態」的小鬼們抬著他。不僅把鐘馗形容成一個鎮祛邪魅的靈鬼，几乎變成執掌死后裁判的閻羅王。
據說鐘馗在民間捉鬼時，還有“含冤”和“負屈”二位小鬼作為協助。并有蝙蝠作他的先驅前導。

秦叔寶、尉遲恭：
相傳唐太宗因玄武門事變，殺死了兄弟才奪得皇位，有一次夢見死了的兄弟滿面恐怖，前來索命，生了
大病，此後每天晚上都夢見兄弟前來索命，有大臣魏徵建議請兩位大將秦叔寶和尉遲恭把守前後門，使鬼魂不敢入內，一試之下，果然靈驗。但兩大將身居要職，沒有可能晚晚都在守門口，所以就畫了他們的畫像貼在門上，發現一樣有效。此後民間效法，將二位將軍的畫像貼在大門上，以阻擋一切妖魔鬼怪入宅，也是民間流傳最廣的。這對門神的神像樣式也有很多，有坐的，有立的，有披袍的，有貫甲的，有徒步的，有騎馬的。他們執金瓜的，有舞鞭的。而秦叔寶對尉遲恭的另有對聯：
「昔為唐朝將；今作鎮宅神。」

其他門神有：「趙雲、馬超」；「馬超、馬岱」；「薛仁貴、蓋蘇文」；「孟良、焦贊」。另還有燃燈道人、趙公明、岳飛、馬武、姚期、楊延昭、穆桂英、蕭何、韓信、孫臏、龐涓、黃三太、楊香武，乃至哼哈二將等等。

門神已成為具有驅邪魔、衛家宅、保平安、助功利、降吉祥等多種功能的保護神，成為民間諸神中最受群眾歡迎的俗神之一，至今興盛不衰。除了大門、後門貼門神外，或在客廳或臥房貼「福祿壽」三星或「五路財神」、「增福財神」，在倉庫貼「神農田祖」等大紅大綠的年畫。

通常門神一年張貼一對新的上去，以舊換新。如門神破爛了就會失去法力。用任何一對門神皆可，但只可用一對，不可以兩對一起用。供奉門神是不用上香的。



# Môn Thần

Môn Thần là một trong những vị Thần Thủ Hộ (giữ gìn và bảo vệ) thường thấy của loài người, xếp loại vào "Vật Thần" (thần đồ vật), từ xưa đã là một trong năm hạng cúng tế của vua chúa. Mục đích của nó là để trừ tà cầu bình an, về sau do có nhiều thần thoại khác nhau, đã nhân cách hóa Môn Thần trở thành nhân vật đặc biệt của thế giới Thần Thánh.

Môn Thần phát sinh từ cổ đại do sự sùng bái các vật mà thành. Theo sách xưa ghi lại, lấy cửa nẻo làm đối tượng sùng bái xuất phát từ Thiếu Hạo Kim Thiên thời thượng cổ, dân gian cho rằng những thứ đồ vật đều có hàm chứa sự phù hộ của thần linh trong đó, tỷ như :- Thần cây cầu, Thần đường sá, Thần bếp, Thần giếng, Thần xe, Thần thuyền bè, Sàng Mẫu (mẹ giường) và Môn Thần v.v…

*Tín ngưỡng về Môn Thần có rất sớm, trước tiên là có tác dụng đuổi quỉ trừ tà, về sau mới thêm ý cầu phước đón lành. Thiên Khúc Lễ trong sách Lễ Ký có ghi :-"Những cúng tế vào mùa Xuân, có lễ cúng môn hộ (cửa nẻo)". Trong "Lễ Ký—Nguyệt Lệnh" thì viết :- "Tháng mạnh thu (tháng 7) thì cúng tế cửa". Còn trong "Táng Đại Ký Chú" thì nói :- "Vua dọn thức ăn làm lễ cúng Môn Thần". Như vậy, trong Ngũ Tự (năm hạng cúng tế) có lễ cúng Môn Thần vậy. Trong Hoài Nam Tử có viết :- "Hậu của vua Hạ cúng cửa, người đời Ân cúng cổng".

*Về xuất xứ của Môn Thần thì qua nhiều triều đại có thay đổi khác nhau. Từ đời Hán trở đi thì chọn Hội Chế làm thần. Đời Đường thì đổi thành hai vị tướng của vua Đường Thái Tông là Tần Thúc Bảo và Uất Trì Kính Đức (Cung). Cuối đời Đường thì có thêm nhân vật Chung Quỳ vào danh sách Môn Thần. Hiện nay chỉ còn một số ít thờ Môn Thần với hình tượng võ tướng,đa số thờ hình tượng quan văn mặc triều phục, gọi là "Ngũ Phước Lâm Môn" hoặc "Nạp Phước Nghênh Tường". Môn Thần quan văn thường mặc triều phục (quần áo chầu vua), hoặc cầm hốt (tín vật của quan), hoặc cầm "vật cát tường" như :- chim sẻ (đồng âm tước của chức tước), nai (âm lộc), con dơi (âm phúc), con nhện càng (âm hỉ), cái thẻ ghi số (âm mã), đồng tiền xưa (âm bảo), chiếc bình (âm bình trong bình an), cái yên ngựa (âm an) … để nói lên sự mong cầu quan vị, lợi lộc, phước đức, bình an …

*Tín ngưỡng về Môn Thần có từ xa xưa, trải qua nhiều đời, nhiều nơi, nhiều giới …nên cực kỳ đa dạng và phong phú. Môn Thần từ khi xuất hiện đến nay, đã được mọi nhà từ sang đến hèn, giàu đến nghèo …trang trọng "tôn trí" lên trước cửa, uy phong lẫm liệt suốt hơn hai ngàn năm mà không chút suy suyển. Tập tục cúng Môn Thần và treo tượng người bằng gỗ đào có từ đời Chu, đến nay vẫn còn.

*Theo "Lễ Ký—Tế Pháp" nói :- "Quan đại phu có hai lễ cúng, nho sĩ cũng có hai, thứ dân chỉ có một, trong đó có cúng Môn Thần. Trong từ điển cúng tế có nói đến "năm hạng cúng tế" là :- cổng, giếng, giường, mái nhà (thần mái nhà gọi là Trung Lựu), Thổ Địa. Người xưa vì chưa đủ nhận thức xem cái nào là đáng cúng hay không, mà thứ gì cũng cho là có quỉ thần, nên thờ cúng loạn xạ. Riêng đối với "cửa cổng" thì cho là quan trọng cũng đúng. Xây nhà thì phải có cửa cổng để ra vô, chẳng lẻ bít lại. Có cổng thì ai gìn giữ ngăn cản không cho ma quỉ xâm nhập ? Sự ra đời của Môn Thần rất hợp logic vậy.

*Biểu tượng sơ khởi của Môn Thần chỉ là một khối gỗ đào. Bởi vì dân gian cho rằng, cây đào là một loại "cây tiên" có năng lực trừ tà kỵ quỉ. Do đó, dùng gỗ đào đẽo thành cây gươm, là trở thành "thần vật tối linh' đủ công năng xua đuổi tất cả tà ma quỉ quái tránh xa nhà mình rồi ! Phép đó gọi là "Đào Phù" (bùa bằng gỗ đào).

*Trong "Điển Thuật" nói " Cây đào là tinh hoa của năm thứ cây. Tinh hoa của nó sanh ở quỉ môn nên có thể ngăn chận trăm thứ quỉ. Cho nên tạo ra hình người bằng gỗ đào để trước cửa cổng là để trấn áp tà mị, nó là thứ gỗ tiên vậy". Truy tìm nguồn gốc xa hơn, người bằng gỗ đào chính là hóa thân của hai vị Thần Tướng tên là "Thần Đồ 神荼" (quen đọc nhầm là Trà) và Uất Lũy. (Đồ : 荼; Trà : 茶)

*Sự phát triển của Môn Thần trải qua các triều đại Hán, Ngụy, Tấn, Đường…càng lúc càng thêm lớn, cho đến đời Tống, Minh thì quả thật đã hết sức "hoành tráng". *Ngày xưa, trước cổng của các Đạo Quán có treo một bức tượng gọi là "Thần Tinh Tú" ở bên trên để làm nhiệm vụ bảo vệ. Về sau đổi thành tượng một vị võ tướng môn thần, có năng lực trừ tà đuổi quỉ. Như thế cũng chưa đáp ứng đủ nhu cầu của dân gian, nên họ tạo ra thêm Môn Thần quan văn và Môn Thần cho phước. Hai vị nầy có chức năng thỏa mãn yêu cầu của dân gian :- Môn Thần quan văn thì giúp cho thăng quan phát tài, Môn Thần cho phước thì ban cho "nhiều con nhiều phước, tuổi thọ, mạnh khỏe …Hai vị nầy dần dần được biến đổi sao cho "trở thành một cặp". Tỷ như :- Thiên Quan (hoặc Trạng Nguyên) Môn Thần thì phối hợp với Tống Tử Nương Nương …Ngoài ra, lại còn phải cho thêm nhiều vị có nhiều chức năng khác như :- Hỷ Thần, Hòa Hợp Nhị Tiên, Lưu Hải, Chiêu Tài Đồng Tử … (Đến đây thì phải bái phục đức tính đa thần thánh của người TQ –ND).

Nói tóm lại, một "Môn Thần hoàn chỉnh" là phải có đầy đủ năng lực và ban bố sau đây:-

1/- trừ tà đuổi quỉ

2/- bảo vệ nhà cửa

3/- hộ cho người trong nhà được bình an

4/- giúp cho công việc có lợi lộc

5/- ban cho mọi sự cát tường (điều lành đem đến, điều dữ tống đi…)

Như thế, thử hỏi làm sao mà mọi người không hoan nghênh đón rước về nhà mình cho được ?

I.- Thần Đồ--Uất Lũy :-

Hai vị Môn Thần nầy đa số sách vở xưa đều có nói đến, như Luận Hành, Sơn Hải Kinh đều có nhắc đến.

Theo sách "Kinh Sở Tuế Thời Ký" viết :- "Ngày mùng một tháng giêng (Tết ), dùng lụa vẽ hình hai vị thần dán ở hai bên cửa cái, bên trái là Thần Đồ, bên phải là Uất Lũy, tục gọi là Môn Thần". Nhưng sự việc càng ngày càng phát triển cho hoàn chỉnh hơn lên lưu truyền trong dân gian. Theo truyền thuyết thì Thần Đồ, Uất Lũy xưa giúp cho Huỳnh Đế quản lí bộ tướng của nước quỉ. Hai vị nầy cư ngụ ở đảo "Đào Đô Sơn" (hay Độ Sóc Sơn) ngoài biển Đông. Trên núi có một cái cây cổ thụ rất to, tàn phủ rộng đến ba ngàn dậm. Trên cây có một con "Gà vàng" đậu ở đó. Mỗi ngày khi ánh thái dương đầu tiên chiếu vào mình nó, thì nó cất tiếng gáy rền vang bốn phương, các con gà ở thế gian bắt chước gáy theo. Ở hướng Đông Bắc của cây, có một tòa Quỉ Môn, hai vị Thần Đồ và Uất Lũy ở đó. Họ thường giám sát thế gian hễ có quỉ quái gì quậy phá thì họ lập tức đến bắt về cho Bạch Hổ ăn thịt. Nhân đó, các loài quỉ đều sợ hai vị thần, gà vàng và bạch hổ. Đầu tiên, dân gian chạm trổ hình tượng hai vị thần bằng gỗ đào, nhưng vì việc chạm trổ khá khó khăn tốn công nhiều quá, nên về sau người ta chỉ vẽ hình hai vị thần, rồi đơn giản hơn, chỉ viết hai tên Thần Đồ, Uất Lũy treo lên, cũng phát huy được tác dụng trừ tà đổi quỉ .

2/- Kim Kê : - (Gà Vàng)

Gà là Tư Thần linh hiển, theo dõi hoạt động của quỉ quái, nên nghe tiếng gà, bọn quỉ rất sợ. Sách nói :- "Vẽ gà trên cửa, trăm quỉ đều sợ".

3/- Bạch Hổ:-

Là chúa sơn lâm của trăm thú, có thể chụp bắt lanh lẹ, cắn nuốt quỉ mị. "Vẽ hình cọp vào cửa, yêu ma không dám xâm nhập". Những kiến trúc xưa, ở phía trê cửa thường hay tạo ra hình dạng cọp hay sư tử để trấn yểm ma quái.

4/- Chung Quỳ 、 Nguỵ Trưng : -

*Chung Quỳ :- tay phải cầm bút, tay trái cầm kiếm bén, trừng mắt há miệng, sắc mặt nổi giận xung thiên, là hình tượng mà dân gian rất thích dùng làm thần trừ tà thâu hoạch điều tốt. Từ thời Đường, dân gian đã phổ biến việc sùng bái ông thần mặt mày hung dữ mà tâm chính trực nầy. Theo truyền thuyết, người vẽ hình thần Chung Quỳ trước tiên chính là vị họa sư nổi

danh Ngô Đạo Tử. Đời nhà Đường có lệ là dùng hình vẽ thần hoặc in hình thần vào lịch sách để ban phát cho các quan trong triều.
-Tương truyền, Chung Quỳ người ở núi Chung Nam, tài nghệ xuất chúng, về kinh đô để dự kỳ thi võ trạng, tuy giỏi võ mà hiềm vì gương mặt quá khó coi, nên bị đánh rớt. Ông ta nổi xung lên, giận quá hét lớn một tiếng mà chết, được nhà vua ban cho "áo bào màu lục" để tống táng.
Một thuyết khác nói rằng Chung Quỳ nguyên là một vị La Hán Phục Mãng (nhiếp phục con trăn) ở chùa Liên Hoa, núi Tây Nhạc Hoa Sơn. Đầu thai vào nhà họ Chung ở huyện Hoa Âm, tướng mạo xấu xí, nhưng văn hay võ giỏi, chết tương tự như trên.
Đạo Giáo thường cho Chung Quỳ là Phán Quan, có khả năng trấn ác phục quỉ. Lúc sanh tiền, Ngài là vị thần linh chuyển thế, nên có một thần lực ảo bí, thường giúp nhân gian liên lạc với cõi âm, chuyên diệt kẻ gian giúp người yếu đuối, hành hiệp trượng nghĩa, có thể thấu rõ việc âm dương nên thêm nhiệm vụ trừ tà giúp chánh, khiến dân gian an ổn. Sau ẩn vào núi tu hành, đắc quả nên được vào hàng Thần.
-Thời nhà Nguyên, không họa hình tượng Chung Quỳ có tóc tai dựng đứng đáng sợ, mà là người ngồi trên chiếc kiệu, có những tiểu quỉ gọi là "Sửu trạng thiên bách thái" (mặt hề đủ kiểu) khiêng đi. Ý là chuyển nhiệm vụ của Chung Quỳ từ trừ tà đuổi quỉ thành ra vị Phán Quan trợ giúp Diêm Vương trong việc xử tội người chết.
Cũng theo truyền thuyết thì, khi Chung Quỳ đi bắt quỉ ở trần gian, có hai người phụ tá đi theo , gọi là "Hàm Oan" và "Phụ Khuất" (bị oan ức mà không nói ra được) để hiệp trợ. Hai người nầy cầm tấm biển đi tiền đạo cho Chung Quỳ.
*Ngụy Trưng :- Là vị Thừa Tướng của vua Đường Lý Thế Dân. Trong Tây Du Ký có kể chuyện rồng làm mưa sai giờ, bị Thượng Đế sai Ngụy Trưng xử trảm. Rồng nhờ nhà vua giữ không cho Ngụy Trưng đi đâu vào ngày giờ xử tội. Vua hứa giúp, gọi Ngụy Trưng vào cung đánh cờ hôm đó, không ngờ ông đang đánh cờ với nhà vua , lại ngủ thiếp đi, xuất hồn ra chém chết rồng. Từ đó, dân gian tin rằng Ngụy Trưng có khả năng trảm quỉ trừ yêu, nên thờ ông làm Môn Thần để ma quái không dám xâm nhập.
5/- Tần Thúc Bảo 、 Uất Trì Cung :



Tương truyền vua Đường Thái Tông sau biến cố ở Huyền Vũ Môn, giết chết hai người anh để lên ngôi vua. Có một đêm, nằm mộng thấy hai anh gương mặt máu me dữ tợn , đến đòi mạng, nhân đó sanh bệnh. Đêm nào cũng thấy ác mộng như vậy, bệnh tình ngày càng nguy ngập. Quan Thừa Tướng Ngụy Trưng tâu lên xin cho hai vị đại tướng là Tần Thúc Bảo và Uất Trì Cung đứng canh gác ở cửa trước và cửa sau, khiến các hồn quỉ không dám xâm nhập. Quả nhiên bệnh vua thuyên giảm dần. Nhưng không thể bắt hai người canh gác mãi, có người đề

nghị họa hình hai người treo ở cửa, thấy có kết quả. Dân gian biết chuyện, cũng bắt chước làm theo một cách rộng rãi.
Dạng thức nầy phổ biến đến ngày nay.Hình tượng thì đa dạng, đủ kiểu đủ loại. Có chỗ thì hình ngồi, chỗ thì hình đứng, chỗ thì vẽ cỡi ngựa.Có hình thì mặc áo bào, hình mặc giáp trụ v.v…Hai vị tay cầm giáo vàng, tay cầm roi ngựa. Hai câu liễn thờ như sau :-
"Tích vi Đường triều tướng—Kim tác trấn trạch thần"
(Xưa là đại tướng triều Đường—Nay Thần trấn trạch bốn phương an lành)
*** Ngoài ra, còn có những đôi thần khác như là :- "Triệu Vân—Mã Siêu", "Mã Siêu—Mã Đại", "Tiết Nhơn Quí—Cáp Tô Văn", "Mạnh Lương—Tiêu Tán". Lại cũng có nơi thờ Nhiên Đăng Đạo Nhân, Triệu Công Minh, Nhạc Phi, Mã Vũ, Tiêu Hà, Hàn Tín, Tôn Tẩn— Bàng Quyên, Huỳnh Tam Thái, Dương Hương Vũ, cho đến Hanh Cáp Nhị Tướng v.v…
*Kết luận:-
Môn Thần có rất nhiều công năng, nào là trừ tà đuổi quỉ, giữ gìn nhà cửa, ban cho sự bình an, trợ giúp công việc thuận lợi, ban giáng cát tường …Môn Thần đã trở thành vị thần thế tục được hoan nghênh phổ biến đến mọi tầng lớp, mọi địa phương nhiều nhất, đến nay vẫn chưa có lúc nào vắng bóng.
Môn Thần được treo cố định ở cửa cổng, cửa hậu. Còn ở phòng khách hoặc phòng ngủ thì treo (hay đặt) tượng ba ông Phước, Lộc, Thọ; "Ngũ Lộ Tài Thần", "Tăng Phước Tài Thần". Ở nhà kho thì treo bức họa xanh đỏ "Thần Nông Điền Tổ".
*Thông thường thì mỗi năm phải thay tượng Môn Thần mới, vì tượng cũ hoặc bể, rách thì không linh nghiệm. Phải dùng hình tượng Môn Thần đủ đôi đủ cặp thì tác dụng mới nhiều, nhưng chỉ được dùng một cặp chứ không được hai , ba cặp.
*Cúng Môn Thần thì không cần phải thắp hương đèn.



*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)
Xin theo dõi tiếp BAI 10. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 10.

*Thứ Hai, ngày 06 tháng 4 năm 2015*

# THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

Phần bổ sung cho bài "Huyền Thiên Thượng Đế"

## 48.HÒA HỢP NHỊ TIÊN .




和合二仙

寒拾亭，豐幹橋，從隋塔下方經過七佛塔進國清寺，必經一亭一橋。亭名"寒拾亭"，橋名"豐幹橋"。這是為紀念唐代國清寺內寒山、拾得和豐幹三位高僧而命名的。

寒拾亭，飛簷翹角，石砌門窗，亭名取自寒山、拾得兩人名字。亭的前後有"五峰勝境"和"萬松深處"的匾額。

寒山和拾得，在我國民間稱"和合二仙"，是相親相愛、情深義重的象徵。

相傳唐代時，隱居在天臺寒岩的詩人寒山（也稱寒山子），一天離寒岩到國清寺，半路上聽到有嬰

兒的啼哭聲，聞聲尋去，只見路旁草叢中遺棄著一個嬰兒。寒山將他抱在懷中。說來也怪，這個嬰兒見風就長，一條嶺還沒有走完，嬰兒已長成了小孩。寒山問他為何被棄路旁，小孩說等候詩仙。問他的名字，他說沒有名字。寒山因其拾自路旁，就給他取名為“拾得”。以後，這條小嶺也叫做“拾得嶺”。



(Chùa Quốc Thanh)

寒山和拾得來到國清寺，只見古刹莊嚴，香客如雲，一派鼎盛興旺之象，就捨不得離去，要求方丈讓他們留在寺裏燒火做飯。

寒山與拾得在寺中形影不離，情同手足。一年，有位越州汪氏，由女兒芙蓉陪同來寺進香。不料汪氏在寺中一病不起，臨終前叫芙蓉請來寒山、拾得兩人，汪氏說：“眼看病已難愈，我把芙蓉託付兩位，望你們今後以手足相待，最好能與他們中的一個結為夫妻……”

從此以後，兩人待芙蓉更是情同手足，拾得與芙蓉年齡相仿，後業漸生愛慕之情，而有的人見寒山年長無妻，卻希望寒山與芙蓉結成夫妻。

一天清早，寒山砍柴回來，見芙蓉的房裏點著燈，感到有些奇怪，走近窗邊一聽，原來芙蓉在傷心
地哭，拾得正在旁勸說。寒山正準備進去問個究竟，只聽得拾得對芙蓉說：“芙蓉，不要哭了，我們暗暗相好，寒山並不知道，他如果知道了，一定會成全我們的。
我和你雖然不能結為夫妻，但你永遠是我的好妹妹。”

寒山一聽，才知拾得與芙蓉早已相愛，當即打定主意，離寺遠走，以成全他們兩人。
寒山走出小院
一想，自己不明不白的離去，一定要把拾得、芙蓉急壞，又轉身回到院裏，拿起一塊石頭，在牆上畫了一個光頭和尚，旁邊留了一首五言詩：“相喚采芙蓉，可憐清江裏。……此時居舟楫，浩蕩情無已。”寫完後，寒山就悄悄地出走了。

拾得、芙蓉不見寒山回來，好生奇怪，後來看見牆上的詩和畫，才知道他出家做和尚去了。拾得說：“我一定要把他找回來，哪怕找到天涯海角，如果找到了，我與他一起出家，如果找不到，我也不回來了。”芙蓉聽罷，知道寒山拾得的真情厚義，只好哭著與拾得分別。

拾得為了尋找寒山，不管山高路遠，找了很多地方還是不見蹤跡。一天他找到蘇州城，一打聽，聽說城外楓橋的一座寺院新來了一個和尚，相貌與寒山相象，他立即快步前往。走進楓橋，拾得想，我不能空手去見寒山，就在荷塘裏摘了一朵又紅又大的荷花，捧在手裏走進寺院。

寒山聽說拾得千里迢迢而來，想必腹中饑餓，急忙從房中捧出一隻盛著素餅的竹編食盒。二人相見，寒山送盒，拾得獻荷。從此傳為佳話，後人把捧荷的拾得稱為“和”（諧音），把捧盒的寒山稱為“合”，兩人合稱為“和合二仙”。

蘇州楓橋這座寺廟也因寒山居住而出了名，以後改稱“寒山寺”。直到現在，寒山寺裏還塑著和合二仙相親相愛的塑像。

過寒拾亭不遠，就是豐幹橋，橋下清流潺潺，橋頭有石獅守護，顯得古樸莊嚴。為什麼要取名豐幹橋呢？這裏也有原故。

豐幹出身唐代官家，父親做過尚書，他雖是官宦子弟，卻出家做了和尚，經過披頭散髮，穿著破爛衣衫，在國清寺裏當舂火僧，與寒山、拾得相親，後人稱他們三人為“三賢”。



(Hàn Thập Đình)



(Phong Can Kiều)

其時，有個叫閻丘的貪官，對上吹牛拍馬，對下心狠手毒。他患了一種惡疾，渾身作痛，到處求醫都沒
有醫好。這一年，他出任赤城郡（今台州）刺史，上任途中遇見豐幹，豐幹用一碗水消除他的病痛，閻丘又驚又喜，知道豐幹不是一般的和尚，趕忙相問：“本官前
去上任，未知仕途如何？”豐幹說：“此去赤城，你定要拜謁文殊、普賢兩位仙人。”閻丘又問：“不知文殊、普賢住在何處？是何模樣？”豐幹說：“在天臺山國
清寺，只怕你到了那裏見之不識，識之不得……”說罷就揚長而去。

閻丘到赤城後，即去國清寺，在橋上碰見寺僧道翹，便問：“請問文殊、普賢兩位仙人可在寺中？”道翹不解其意，回答說：“寺裏並無仙人。”閻丘又講了兩個人的容貌，道翹想了一想說：“噢！你要找這兩個人嗎？正在伙房裏燒火。”

閻丘趕到伙房，只見有兩人在灶下談笑，相貌與豐幹說的一模一樣，便恭恭敬敬地拱手道：“兩位
可是文殊、普賢仙人？”寒山、拾得聽了哈哈大笑，連聲說：“豐幹饒舌，豐幹饒舌，我等貪賤，非神非仙，與官人無緣，請出，請出。”說罷，兩人拍著雙手，不
別而去。閻丘被弄得目瞪口呆，霎時間身上的病痛又發作起來。這就是流傳在這裏的豐幹戲閻丘的故事。

## HOÀ HỢP NHỊ TIÊN
## (Đình Hàn Thập –Cầu Phong Can)

1/- Đình HÀN THẬP :-

Trên đường từ bảy cái tháp Phật đi vào chùa Quốc Thanh, phải đi ngang qua một cái đình, một chiếc cầu . Đình có tên là “Đình Hàn Thập” và cầu có tên là “Cầu Phong Can”. Đây là những vật kỷ niệm lấy tên ba vị cao tăng ở chùa Quốc Thanh đời Đường.
Đình Hàn Thập rất cao lớn uy nghi, bậc thềm và cửa bằng đá . Ngôi đình nầy lấy tên của hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc ghép lại thành Hàn Thập. Trước cửa đình có treo hai tấm bảng lớn đề “Ngũ Phong Thắng Cảnh” (cảnh đẹp của năm non) và “Vạn Tùng Thâm Xứ” (xứ sâu muôn cây tùng).

Hàn Sơn và Thập Đắc được nhân dân Trung Quốc xưng là “Hòa Hợp Nhị Tiên”, để ca tụng và biểu trưng sự tương thân tương ái, tình sâu nghĩa nặng của hai người.



*Tương truyền vào thời nhà Đường, có một thi nhân ẩn cư trên núi Thiên Đài Hàn Nham tên là Hàn Sơn (xưng là Hàn Sơn Tử). Một hôm rời núi Hàn đến chùa Quốc Thanh, trên đường đi, chợt nghe tiếng khóc của đứa trẻ trên một ngọn đồi nhỏ. Lần theo hướng phát ra tiếng khóc, phát hiện trong đám cỏ rậm  có một trẻ sơ sinh bị bỏ rơi. Hàn Sơn bèn nhặt lên, ôm vào trong lòng. Nhưng thật quái lạ làm sao, có trận gió lạ thổi qua, đứa bé vụt thay hình đổi dạng, lớn lên một cách nhanh nhẹn dị thường, thành một đứa trẻ mười tuổi. Hàn Sơn vô cùng kinh ngạc, nhưng chẳng tỏ ra chút sợ hãi. Hàn Sơn hỏi nó là ai mà bị bỏ rơi ở đây, nó đáp là "Hầu Thi Tiên" (vị tiên làm thơ hay).Hỏi đứa bé tên gì. Nó đáp là không có tên. Nhân vì ông ta "nhặt được" nó ở bên đường nên đặt tên cho nó là Thập Đắc (nhặt được, tức như Bé Lượm). Sau nầy, dân gian gọi ngọn đồi ấy là đồi Thập Đắc.



(Phong Can Kiều)

*Hàn Sơn và Thập Đắc đi đến Chùa Quốc Thanh, thấy đó là một ngôi chùa cổ, khách hành hương rất đông, thật là một nơi hưng thịnh. Hai người từ bỏ ý định quay về, liền vào xin với Phương Trượng cho ở lại , để phụ công việc bếp núc cơm nước đãi khách đến viếng chùa.

*Hai người Hàn Sơn và Thập Đắc sống tại chùa rất là tâm đắc, không khi nào lìa nhau, coi nhau hơn người ruột thịt, trải qua thời gian gần mười năm.

*Một năm nọ, có người đàn bà ở Việt Châu là Uông Thị, cùng  với đứa con gái tên Phù Dung , mười sáu tuổi , đến viếng chùa Quốc Thanh để dâng hương. Chẳng may, Uông Thị tự nhiên

khởi bạo bệnh, thuốc thang không hết. Bà biết mình không thể sống được, bảo Phù Dung gọi Hàn Sơn và Thập Đắc đến trăn trối :-"Tôi biết mình không sao thoát chết, nay có lời tâm huyết dặn dò lại hai vị, xin lấy tình cảm chân thành mà bảo bọc giùm con gái tôi. Hay nhất là một trong hai người sẽ kết duyên với nó, như vậy tôi mới an lòng nhắm mắt". Hai người bằng lòng.



*Từ đó, Phù Dung và hai người sống cùng nhau dưới mái chùa Quốc Thanh, rất thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Hàn Sơn lớn tuổi nên có kinh nghiệm sống, chăm lo cho Phù Dung rất chu đáo, nên dần dần tình cảm gắn bó giữa hai người phát sinh. Người ngoài thấy anh ta đã lớn mà chưa có vợ, thường hay xúi biểu anh lập gia đình với Phù Dung.

-Một hôm nọ, vào sáng sớm Hàn Sơn đi kiếm củi trở về . Thấy trong phòng của Phù Dung còn đốt đèn, lại có tiếng nói chuyện. Hàn Sơn lấy làm lạ, đến gần bên cửa sổ lắng nghe. Hóa ra là Phù Dung vì nhớ mẹ nên khóc, Thập Đắc vào dỗ dành. Y nói :- "Phù Dung đừng khóc nữa, chúng ta cùng trang lứa nên dễ thông cảm nhau hơn, chắc Hàn Sơn chưa biết chuyện chúng mình đâu. Mà dẫu có biết, nhất định Hàn Sơn cũng vui vẻ thành toàn cho hai ta mà thôi. Ta và nàng tuy không thể kết làm vợ chồng, nhưng mãi mãi nàng vẫn là đứa em gái dễ thương của ta thôi".

-Hàn Sơn nghe xong, biết là Thập Đắc và Phù Dung yêu nhau, nên nãy ra ý định bỏ chùa mà đi để cho hai người kết hợp nhau.

Lúc ra đi, Hàn Sơn sợ hai người không biết mà lo âu, nên đến bên bức tường, vẽ hình một hòa thượng đầu trọc và viết bài thơ ngũ ngôn:-

"Tương hoán thể Phù Dung,
Khả liên thanh giang lý
.....
Thử thời cư châu tiếp,
Hạo đãng tình vô dĩ".

*Dịch:-

Tạ từ Phù Dung đẹp,
Đáng thương trên sông Thanh.
.....
Ta sống đời lênh đênh,
Mênh mông tình chẳng tận"

-Viết xong, Hàn Sơn ra đi.

*Thập Đắc và Phù Dung không thấy Hàn Sơn đâu, liền ra ngoài tìm. Chợt thấy hình ảnh và bài thơ trên tường, biết là Hàn Sơn đã bỏ đi , sẽ xuất gia làm Hòa Thượng. Thập Đắc nói :- "Ta nhất định phải đi tìm cho bằng được Hàn Sơn, dù cho phải đến chân trời góc biển. Tìm được rồi, ta sẽ cùng anh ta xuất gia một lượt. Còn nếu không gặp, ta quyết không trở về". Tội nghiệp cho nàng Phù Dung, nghe nói như vậy và lâu nay cũng hiểu tình cảm khăn khít của hai người, đành nuốt lệ tiễn Thập Đắc lên đường.
*Thập Đắc đi tìm Hàn Sơn, chẳng nề hà đói khát vất vả, không ngại ngùng núi cao sông dài, nhiều nơi đi qua mà vẫn bặt tăm dấu thỏ. Một hôm, đến thành Tô Châu, hỏi thăm thì có người cho biết là, ở ngoại thành gần Phong Kiều có ngôi chùa đẹp, có một vị tu sĩ ở đâu mới đến. Qua sự mô tả về tướng mạo thì biết đúng vị ấy là Hàn Sơn. Thập Đắc mừng rỡ, vội vàng đi đến chùa. Đến Phong Kiều, Thập Đắc suy nghĩ, chẳng lẽ mình đến tay không, liền xuống ao sen cạnh đó bẻ một đóa sen đỏ thắm to đẹp, nâng niu trên tay vui vẻ đi vào chùa.
*Hàn Sơn được nhà chùa báo là có người tên Thập Đắc muốn gặp, cũng hết sức mừng rỡ. Bụng nghĩ chắc Thập Đắc đi đường xa rất đói , nên vào phòng lấy một cái bánh bao chay to, bỏ vào hộp tre đựng thức ăn mang đi.
Hai người gặp nhau, mừng mừng tủi tủi, trao tặng nhau món quà đơn sơ mà thắm đậm tình nghĩa. Thập Đắc tặng đóa hoa sen (=hà :- 荷 hoa sen, đồng âm với Hòa:- 和 chung lại với nhau). Hàn Sơn tặng chiếc hộp bánh (=hạp 盒:- cái hộp, đồng âm với Hợp :- 合nghĩa là ăn ý với nhau) (Thành ngữ:- Hàn Sơn tống hạp, Thập Đắc hiến hà). Câu chuyện ấy trở thành giai thoại thú vị về sau, gọi là chuyện "Hai Tiên Hòa Hợp" (hòa hợp nhị tiên).
*Ngôi chùa bên cạnh cầu Phong Kiều ở Tô Châu từ đó đổi tên thành "Hàn Sơn Tự".
- Hiện nay, trong chùa Hàn Sơn vẫn còn treo bức họa của "Hòa Hợp Nhị Tiên", để ca tụng và biểu trưng sự tương thân tương ái, tình sâu nghĩa nặng của hai người.
2/- Cầu PHONG CAN:-
Qua khỏi đình Hàn Thập không xa, thì thấy Cầu Phong Can . Dưới cầu nước chảy róc rách. Trên đầu cầu, có tượng "Sư tử đá" để gìn giữ, nói lên sự trang nghiêm của cảnh vật nơi đây.
Vì sao cầu lại có tên là Phong Can. Do vì câu chuyện kể sau:-
Phong Can xuất thân là một vị quan ở thời nhà Đường, phụ thân đã từng làm quan đến chức Thượng Thư, ông ta tuy là con cháu dòng dõi danh gia thế phiệt, nhưng lại phát tâm xuất gia . Vào chùa, ông sống rất đạm bạc và khiêm tốn, lãnh phần nấu ăn ở nhà bếp. Vì thế, rất thân thiết với Hàn Sơn và Thập Đắc, người sau xưng ba người là "Tam Hiền".
*Một lúc nọ, có một vị tham quan tên Lư Khâu, làm thân trâu ngựa cho bề trên, nhưng đối với kẻ dưới thì vô cùng tàn ác thâm độc. Ông quan nầy bị một chứng bệnh lạ là toàn thân đau nhức, đã tìm khắp danh y mà vẫn không biết nguyên nhân và cách chữa trị.
Vào năm nọ, Lư Khâu được bổ nhậm làm Thứ Sử ở Quận Xích Thành (Châu Kim Đài) . Trên đường đi phó nhậm, tình cờ gặp Phong Can. Phong Can chỉ dùng có chén nước chú nguyện rồi cho ông ta uống mà hết bệnh, nên rất đổi tạ ơn. Thêm nữa, ông ta thấy vị Hòa Thượng nầy không giống như các tu sĩ khác, nên ướm hỏi:- "Bổn quan đang đi trấn nhậm chỗ mới, không biết đường công danh hoạn lộ sẽ ra sao ?". Phong Can nói :-"Việc nầy tôi không biết, hãy đến Xích Thành , hỏi hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền sẽ rõ". Lư Khâu hỏi :- "Hai vị Bồ Tát nầy đang ở đâu , hình dạng hai vị ra sao ?". Phong Can đáp :- "Ở núi Thiên Đài có Chùa Quốc Thanh, chỉ sợ ông đến đó thấy mà không biết, biết mà không hỏi được thôi." Rồi tả hình dạng hai vị Hàn Sơn và Thập Đắ cho ông nghe. Xong, bỏ đi.
-Lư Khâu đến Xích Thành, hôm nọ tìm đến chùa Quốc Thanh. Đến giữa cầu, gặp một vị tăng, liền hỏi :- "Xin hỏi, ở đây có hai vị Bồ Tát Văn Thù Và Phổ Hiền phải không ?". Vị tăng không hiểu, đáp :- "Chùa nầy đâu có Bồ Tát nào" . Lư Khâu bèn mô tả hình dạng hai người, nghe xong vị tăng thốt lên :- "À ! Kiếm hai người như thế phải không, cứ đi thẳng vào nhà bếp sẽ gặp, là hai người đang nấu ăn ở đó".
-Lư Khâu liền đến nhà bếp, chỉ thấy hai người đang vừa nấu nướng vừa trò chuyện vui vẻ. Hình dạng tướng mạo giống hệt sự mô tả của Phong Can. Ông mừng quá, vội hỏi :- "Xin lỗi,

hai vị có phải là Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền không ạ ?". Hàn Sơn và Thập Đắc nghe xong, cười ha hả , rồi cả hai vừa đi ra ngoài vừa nói :- "Phong Can bày điều, Phong Can bày đặt. Lũ chúng ta là người hèn mọn, chẳng phải thần cũng không phải tiên, không có duyên với nhà quan, xin đi ra, xin đi ra" (Phong Can nhiêu thiệt, Phong can nhiêu thiệt, ngã đẳng tham tiện, phi thần phi tiên, dữ quan nhân vô duyên, thỉnh xuất, thỉnh xuất).
Hai người nói rồi, nắm tay nhau vừa cười vang vừa chạy mất. Lư Khâu kinh ngạc, biết mình bị đùa dai, há miệng định kêu to lên, thì bổng bệnh cũ tái phát, đành bảo thủ hạ khiêng về.
Đó là câu chuyện xưa có tựa đề là :- "Phong Can hí Lư Khâu" (Phong Can đùa giỡn với Lư Khâu).
Người sau lấy chuyện mà đặt tên "Câu Phong Can" là vậy.

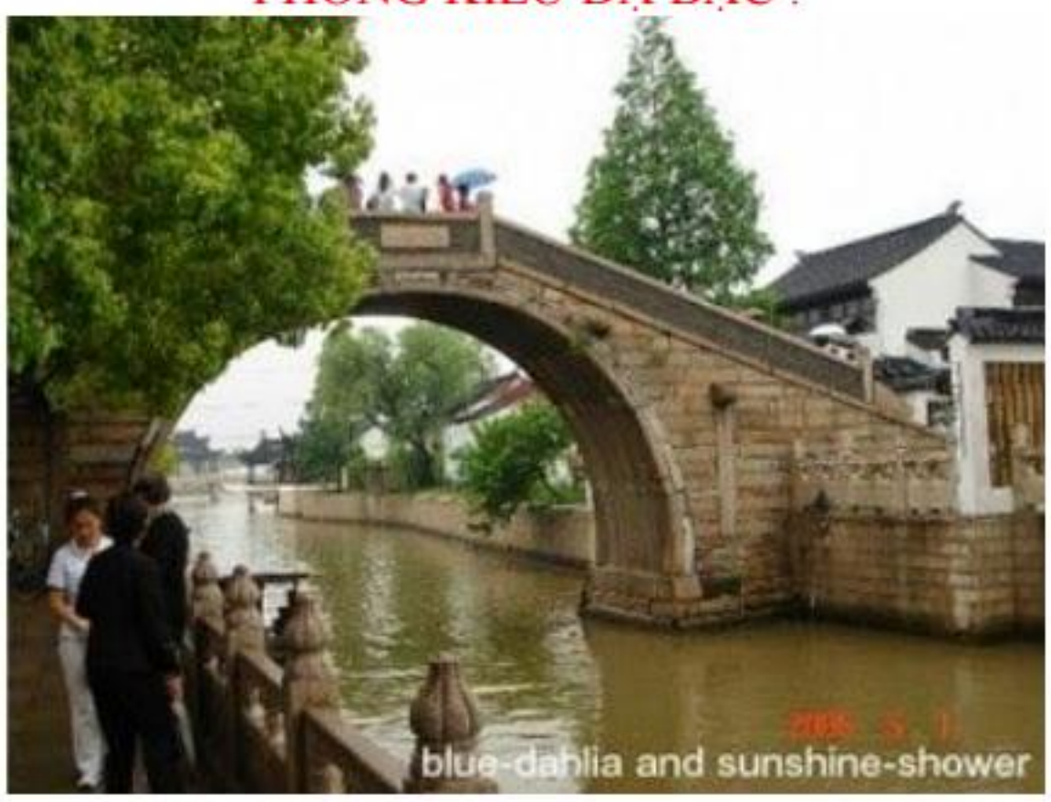





*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)
*Xin xem Phụ Lục bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế, có nói đến chùa Hàn San (Sơn) bên dưới.
*Phụ ghi của người dịch :-
Đây là dịch theo nguyên tác của bài nầy. Riêng hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc là hai vị tăng thần bí trong Phật Giáo, tương truyền là hóa thân của hai vị Bồ Tát Văn Thù , Phổ Hiền. Trong lịch sử có ở Chùa Quốc Thanh và để lại phần thơ văn dạy đạo khá dài. Tôi sẽ đưa lên ở phần Tiêu Diêu Các. Mời quí huynh đệ đến xem. Thân ái.
*Nhược Thủy
-Xin xem ở:- http://www.hoangthantai.com/forum/index.php?topic=1274
*Xem tiếp phần Phụ Lục của bài nầy :- Bài thơ "Phong kiều dạ bạc" của Trương Kế.
*PHỤ LỤC :-

(Bài thơ nổi tiếng "Phong Kiều dạ bạc" và giai thoại về bài thơ nầy )

PHONG KIỀU DẠ BẠC .




(Phong Kiều dạ bạc là bài thơ rất nổi tiếng của Trương Kế (张继 Zhang Jì), tác giả sống vào khoảng trước sau năm 756- đời vua Đường Túc Tông. Trương Kế tự là Ý Tôn, từng thi đậu tiến sĩ và làm quan trong triều với chức vụ Tự bộ viên ngoại lang, về sau bị đổi ra Hồng Châu coi việc tài phú và mất tại đây. Sinh thời, ông là người học rộng, thích đàm đạo và bàn bạc văn chương, thế sự... đặc biệt rất thích làm thơ.
Nguyên tác bài thơ Phong Kiều dạ bạc sau này đã được Khang Hữu Vi đời nhà Thanh khắc trên tấm bia lớn dựng trong chùa Hàn San để cho người đời sau qua đây thưởng lãm.)



*Nguyên bản chữ Hán:-
楓橋夜泊
月落烏啼霜滿天
江楓魚火對愁眠
姑蘇城外寒山寺
夜半鐘聲到客船
*Phiên âm Hán-Việt: -
Phong Kiều dạ bạc
Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền
*Các bản dịch:-

•Bản dịch tiếng Việt của nhà thơ Nguyễn Hàm Ninh (thường bị nhầm là bản dịch của Tản Đà) (chuyển thể thành lục bát): -
Đỗ thuyền đêm ở bến Phong Kiều
Trăng tà chiếc quạ kêu sương
Lửa chài cây bến sầu vương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San
•Bản dịch ra tiếng Việt của Trần Trọng San: -
Ban đêm thuyền đậu bến Phong Kiều
Trăng tà tiếng quạ vẳng sương rơi
Sầu đượm hàng phong giấc lửa chài
Ngoài lũy Cô Tô chùa vắng vẻ
Nửa đêm chuông vẳng đến thuyền ai
•Một bản dịch ra tiếng Việt khác (cũng ở dạng lục bát): -
Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi
Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co
Con thuyền đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San
•Bản dịch ra tiếng Việt của Nguyễn Hàm Ninh (Theo: Tạp chí Văn Học, số 191, tháng 3 năm 2002, trang 36): -
Quạ kêu, trăng lặn, trời sương
Lửa chài le lói sầu vương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San
•Bản dịch ra tiếng Việt của Thích Quảng Sự :-
Bên trời trăng xuống quạ kêu sương
Lửa rọi bờ phong đối mộng trường.
Thuyền khách Cô Đài đêm vắng vọng
Chuông chùa buông nhẹ chút sầu vương.
Còn rất nhiều bản dịch khác nhau, song cho đến nay khó có bản dịch nào có thể chuyển tải hết được "thần" của bài thơ.



*Xuất xứ bài thơ:-
Theo sử sách Trung Hoa viết lại, căn cứ vào tài liệu của tác giả Trần Trọng San (4), tôi xin ghi lại câu chuyện về Trương Kế và bài "Phong Kiều Dạ Bạc". Chuyện này giải thích rất rõ ràng về tiếng chuông chùa Hàn San vào lúc nửa đêm.
Một đêm trăng, sư cụ trụ trì chùa Hàn San, cảm hứng nghĩ ra hai câu thơ:
Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung

Bán tự ngân câu bán tự cung
Thao thức mãi trong phòng mà sư cụ không nghĩ ra hai câu tiếp. Tự nhiên có tiếng gõ cửa. Thì ra là chú tiểu cũng trằn trọc vì 2 câu thơ mình mới nghĩ ra:
Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn
Bán trầm thủy để bán phù không
nhưng cũng không làm tiếp được và xin thầy giúp. Nghe xong, sư cụ mừng quá, quỳ xuống tạ Phật. Vì quả thật 2 câu thơ của chú tiểu ăn khớp với 2 câu của sư cụ, thành bài tứ tuyệt mà Trần Trọng San đã dịch như sau:
Mồng ba, mồng bốn, trăng mờ
Nửa dường móc bạc nửa như cung trời
Một bình ngọc trắng chia hai
Nửa chìm đáy nước nửa cài từng không
Làm xong bài thơ này lúc nửa đêm, sư cụ bảo chú tiểu đánh chuông tạ ơn Phật. Tình cờ đêm hôm đó trên thuyền, thi sĩ Trương Kế cũng không ngủ được vì không nghĩ được câu tiếp cho hai câu đầu "Nguyệt lạc ô đề...". Tự nhiên chuông chùa Hàn San đổ đến, gợi hứng cho thi nhân hoàn tất bài Phong Kiều Dạ Bạc "...Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.."
Cảnh sắc lúc đó, sương phủ mờ cả dòng sông và bến đậu, trăng xế ngang đầu. Chiếc thuyền của nhà thơ Trương Kế đậu lẻ loi bên bến Phong Kiều. Trên bờ, ngoài thành Cô Tô, chùa Hàn San mờ ảo trong đêm. Tiếng chuông chùa ngân vang, lay động cả màn sương và bật mở hồn thơ Trương Kế.
*Lời bình :-
"Phong Kiều dạ bạc" là một bài thất ngôn tứ tuyệt hàm súc, dễ hiểu, với nhiều địa danh đầy sức gợi cảm như Cô Tô- gắn với hình ảnh về người đẹp Tây Thi, Hàn San là ngôi chùa có nhiều vị sư nổi tiếng một thời và nhiều giai thoại, điển tích... nên thường có các cách giải thích khác nhau về một vài tình tiết khi chuyển ngữ. Tuy nhiên vẻ đẹp thống nhất từ hình tượng bài thơ thì các dịch giả từ Tản Đà, Nguyễn Hàm Ninh, Trần Trọng Kim, Trần Trọng San, Ngô Tất Tố v.v. cũng như các dịch giả khác sau này đều có điểm tương đồng trong cách cảm nhận.
Bài thơ là nỗi buồn của Trương Kế gửi gắm trong một tiếng quạ kêu thảng thốt, lẻ loi trong đêm và cái nỗi sầu len vào giấc ngủ chập chờn của hàng cây phong đối diện với ánh lửa chài. Hai câu thơ tả thực mà không thực, nó hấp dẫn người đọc ở cái vẻ hư ảo của nó. Những ý thơ dường như không khớp nhau vì khi trăng lặn (nguyệt lạc), tức đã gần sáng, mà gần sáng (khác với nửa đêm - bán dạ) thì còn ai thức mà thỉnh chuông nữa. Tác giả viết những câu thơ trong chập chờn nửa tỉnh nửa mơ, gần sáng mà cứ tưởng nửa đêm. Đó là nỗi buồn của một người bị chuyển đi xa, nó giống như nỗi buồn của Bạch Cư Dị lúc về Giang Châu, luôn làm tác giả chìm vào trong ảo ảnh. Tiếng chuông đến từ chùa Hàn San, nơi có hai vị sư Hàn San và Thập Đắc nổi tiếng uyên thâm đạo học thời bấy giờ, ở ngoại thành Cô Tô đến làm khách của tác giả cũng giống như là tiếng chuông ảo. Câu thơ hay trong cái mơ màng hư ảo đó. Lấy một cái "giả thực" của ngoại cảnh để thể hiện một cái "đích thực" của tâm trạng là một đặc sắc nghệ thuật mà các tác giả cổ điển hay dùng. Nỗi buồn vô cớ hay nỗi buồn về nhân tình thế thái nói chung của tác giả, cho đến ngày nay vẫn chỉ là sự suy diễn.
* Một số ý kiến liên quan :-
Một số tranh cãi trong giới thi sĩ xoay quanh hai câu thơ đầu về các từ như "ô đề", "sầu miên". Có người cho rằng phải hiểu hai từ trên như là hai địa danh là Ô Đề và Sầu Miên, nhưng nếu hiểu như vậy thì giá trị nghệ thuật của bài thơ giảm đi đáng kể, ngoài ra chưa có chứng cứ gì chứng tỏ ở khu vực này đã từng tồn tại các địa danh như vậy. Câu kết cũng bị tranh luận nhiều, do một số người cho rằng các chùa (gần như) không đánh chuông vào nửa đêm, ngoài ra nó còn mâu thuẫn với câu đề là Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên đã hàm ý trời gần sáng. Tuy nhiên, trong thơ ca, sự phá cách là một điều hết sức tự nhiên. Âu Dương Tu thì cho rằng: "Thi nhân tham cầu hảo cú nhi lý bất thông giả, diệc ngữ bệnh dã" (Nhà thơ vì

muốn đặt câu cho hay nên lý không được thông, đó là một ngữ bệnh vậy). Sô Nghiêu trong quyển Đường thi tam bách thủ độc bản thì cho rằng: "Hậu nhân dĩ vi dạ bán vô chung thanh tương cấu bệnh, vị miễn xuy mao cầu tì" (Người đời sau lấy cớ nửa đêm không có tiếng chuông và cho là một ngữ bệnh, như thế thì chưa tránh khỏi cái thói bới lông tìm vết).
*Nguồn :-
(http://vi.wikipedia.org/wiki/Phong_Ki%E1%BB%81u_d%E1%BA%A1_b%E1%BA%A1c)
*Xem thêm các bản dịch  khác tại :-
http://www.thivien.net/viewpoem.php?ID=1412

49. PHAP CHU CONG .




法主公

法主公，或稱張公法主、都天聖君、張聖公、張聖真君、張法主公聖君等，為福建省永春安溪一帶居民所篤信的神明，因他的法術強大，一般道士都祭拜。

相傳法主公為宋朝人，法主就被奉為神明，擔任征罰下界罪人，并使善人升天的職責，據說每月要上天二次，報告民間的善惡。他的神像，手上拿著蛇。

又據說，法主公，姓張，兄弟三人，武藝精通。聽說永春九龍潭石牛洞有一條千年大蛇，能化人
形，為害地方，每年需獻活人祭拜，不然，就會發生水患、風災、虫害，民不聊生。張氏兄弟三人，不忍村民受蛇精加害，決心為民除害。于是進洞制伏大蛇，化為青煙，裊裊升入天中，而不見他們三人從洞中跑出來，村民才明白他們三人已升為天神。蛇患從此消滅，百姓安居樂業，於是民眾建廟祭祀，尊奉為法主公，以表感激之意。

永春九龍潭石牛寺

另有一說，在同一地點，三個結義兄弟，為民除害，躍入潭中，圍攻怪蛇。當姓張的

扼住蛇頭，怪
蛇向他噴出一道黑煙，使他顏面變黑。姓蕭的水中拿大斧、亂砍蛇身，在怪蛇掙扎中，誤傷了姓洪的額頭。因此姓蕭的急得滿臉通紅。結果怪蛇被除，三人也化成煙
升天而去。因此法主公有三尊神像，一尊黑面，一尊紅面、一尊額部有一條刀痕。法主公是福建渡海帶來的守護神，又稱「張聖君」、「都天聖君」、「張公法
王」、「張法主公聖君」。法主公包含了三位神明，民間因為他們法力無邊而信奉他們。

福建閩南地區、台灣各地，及遠至印尼馬來西亞的道士，也是以法主公的法術高明主治邪煞而崇拜他。一般人遇有疑難雜症，都會到法主公廟請求道士代為施法，為人們改運、補運、祈求平安。

在台灣，法主公的誕辰祭日照例要舉行盛大的迎神會，稱之為「大龜會」。廟裡會先準備麵製的紅
龜，以及糯米製的紅龜粿，讓善信們向神祈求，謂之「乞龜」。乞求時要先在管事處登記，等到第二年必須還願，且須加倍奉還，如果滿三年未還者，管事就將他的
姓名寫在紅紙上，貼在廟牆上，俗稱「龜上壁」。還願時，有些人會演戲酬神，鑼鼓喧天，送迎大龜，謂之「還龜」。「乞龜」和「還龜」是祭法主公的重點活動。

法主公也是台灣茶商恭奉的守護神。




PHÁP CHỦ CÔNG

*Pháp Chủ Công còn gọi là Trương Công Pháp Chủ, Đô Thiên Thánh Quân, Trương Thánh Công,Trương Thánh Chân Quân, Trương Pháp Chủ Công, Thánh Quân…Các Ngài được nhân dân ở vùng Vĩnh Xuân, An Khê tỉnh Phước Kiến tin rằng là thần minh, vì pháp thuật cao cường, các đạo sĩ khắp nơi đều đến lễ bái.

*Tương truyền Pháp Chủ Công là người đời Tống, được xưng tụng là thần minh, có nhiệm vụ trừng phạt các người có tội ở hạ giới và giúp người lành đủ đạo đức thăng thiên. Truyền thuyết kể rằng, cứ mỗi tháng có hai lần các Ngài lên chầu trời để báo cáo việc thiện ác của thế gian. Tượng thờ của các Ngài , tay cầm con rắn.

*Cũng theo truyền thuyết, Pháp Chủ Công họ Trương, có ba anh em đều tinh thông võ nghệ. Nghe nói ở Động Thạch Ngưu đầm Cửu Long phủ Vĩnh Xuân, có một con đại xà ngàn năm

tuổi, thường biến hóa ra hình người để sát hại dân địa phương. Mỗi năm , quan sở tại phải bắt người sống đem cúng tế thì mới được yên ổn. Còn không thì sẽ bị đủ thứ tai ách như :- thủy tai, gió bão, sâu rầy côn trùng phá hoại mùa màng, dân chúng hết sức lao đao khổ sở.
Ba anh em họ Trương, không nỡ ngồi nhìn cảnh thôn dân bị Xà Tinh hãm hại , quyết tâm vì dân tiêu diệt cho được Xà Tinh nầy. Ba người vào động, chế ngự đại xà xong, liền giữa ban ngày sáng tỏ mà ba vị hóa ra ba luồng khói xanh bay vút lên mây biến mất. Khi ấy, dân chúng mới biết ba người là thiên thần hạ giáng phàm gian mà trừ yêu cứu thế. Nạn Xà tinh đã chấm dứt, dân chúng an cư lạc nghiệp, nhớ ơn ba vị xây Miếu Thờ, nhang khói ngày đêm.
*Lại có một thuyết khác, nói cùng địa điểm như trên, nhưng là ba người kết nghĩa anh em với nhau, vì dân trừ hại. Ba người hăng hái tiến vào đầm Cửu Long để tấn công Xà tinh. Đương lúc người họ Trương nắm giữ đầu rắn, bị nó phun một luồng khói đen, khiến cho mặt ông bị biến thành sắc đen.Người họ Tiêu đang ở dưới nước, dùng búa chém loạn đả vào thân mình con rắn. Trong lúc rắn giãy dụa chết, khiến cho người họ Hồng bị thương ở trán, còn họ Tiêu mặt mày đầy máu đỏ. Kết quả trừ được quái xà, ba người hóa thành khói bay lên trời. Do đó, Pháp Chủ Công có ba bức tượng, một người mặt đen , một người mặt đỏ, còn người có vết thẹo ngang trán.
Pháp Chủ Công được ngư dân vùng Phước Kiến tôn làm Thần Thủ Hộ, xưng là Trương Thánh Quân, Đô Thiên Thánh Quân, Trương Công Pháp Vương, Trương Pháp Chủ Công Thánh Quân.
Pháp Chủ Công bao gồm ba vị thần minh, có pháp lực vô biên nên dân chúng tôn thờ.
*Vùng Phước Kiến, Mân Nam, Đài Loan và xa nữa là ở các nước Mã Lai, Nam Dương… các đạo sĩ cũng sùng bái pháp thuật của ba Ngài mà đến cúng viếng rất nhiều. Những bệnh nhân mắc bệnh tà hoặc bệnh hoạn không tìm ra nguyên nhân, đều đến Miếu Pháp Chủ để cầu bái, tất cả đều được mạnh khỏe. Ngoài ra, các đạo sĩ ở Miếu còn giúp thập phương bá tánh cải vận, bổ vận… vô cùng hiệu quả, được tiêu tai thoát nạn , đến cúng tạ rất đông.
*Tại Đài Loan, ngày cúng tế Pháp Chủ Công theo lệ hàng năm rất long trọng, gọi là Hội Nghênh Thần, còn gọi là "Đại Quy Hội". Ban Quản Trị Miếu chuẩn bị sẵn, dùng bột mì chế tạo thành một con rùa đỏ rất lớn, còn bột nếp thì làm rất nhiều "Trứng rùa" để cho thiện nam tín nữ đến đăng ký xin vay "Phép trứng rùa" về làm ăn kinh doanh rất may mắn. Tục nầy gọi là "Khất Quy" (xin trứng rùa làm phép). Đến kỳ Đại Quy Hội năm tới sẽ mang tiền đến cúng trả lễ, thường thì họ cúng tạ rất nhiều tiền bạc, gọi là lễ "Hoàn Quy" (trả rùa). Nếu như người nào quá ba năm mà vẫn không đến "hoàn nguyện" thì được ghi tên vào tờ giấy đỏ, dán trên vách Miếu, tục gọi đó là "Quy Thượng Bích" (bức tường trên rùa).
Ngày cúng tế theo lệ mỗi năm rất long trọng và vui vẻ, nhang khói phẩm vật ê hề, có hát xướng diễn kịch , kèn trống inh ỏi, có làm lễ "Nghênh Đại Quy" (rước rùa lớn).
Hai lễ Nghênh Quy và Hoàn Quy là hai nghi thức chủ đạo của lễ cúng Đại Quy Hội.
*Giới buôn bán trà ở Đài Loan tôn thờ Pháp Chủ Công làm Thần Thủ Hộ.
*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 50. TẾ CÔNG .



濟公

在眾多的羅漢當中，濟公這位羅漢，極其特別，端是家喻戶曉，無人不知。是漢北化佛教的五百羅漢中，唯一的漢人。

濟公，或稱濟公活佛、濟公和尚、濟顛僧。濟公在歷史上确有其人，姓李，名修元，又名心遠，是
浙江台州（臨海）天台縣人。父親李茂春，是李駙馬的后裔，母王氏，因年邁尚無子嗣，於是日夜求神祈佛，某夜王氏夢見一尊羅漢贈以一朵五色蓮花，王氏接過吞食部久便懷有身孕，南宋紹興三年（1133）二月初二產下一子，夫婦一舉得男十分喜歡，滿月時大宴客，當時有高僧性空，前來祝賀，賜名「修元」。

道濟十八歲時父母雙亡，守喪三年，後即往杭州西湖靈隱寺剃度為僧，住持─遠瞎堂知道修元是羅
漢轉世，前來人間嬉戲，於是收他為門下弟子，賜法名「道濟」。他不守戒律，佯狂不飾細行，遊行市井間，喜的是喝大碗酒，吃大塊肉，酒肉羅漢，行為舉止顛狂放蕩，人以為顛，被人們稱為「濟顛」。

道濟素為寺僧所厭，遠瞎堂仙逝後，靈隱侍再無濟顛容身之地，遂移居南屏山淨慈寺。嘉泰二年（1202）五月十六日端坐圓寂。

濟顛圓寂時，留下偈詩一首：

「六十年來狼籍-東壁打到西壁，於今收拾歸來-依舊天青水碧。」

為方便度世，他常常假裝顛狂，裝瘋賣傻，因此被世人形容為濟顛或濟顛和尚。靈隱寺對面飛來峰的洞穴中，至今留有「濟公床」、「濟公桌」，相傳濟公常偷偷躲到這里燒狗肉吃，喝醉了酒就在石床呼呼沉睡。

手持大蒲扇，瘋瘋顛顛，是「濟公活佛」的標誌。他的那把大蒲扇似乎有無窮的法力

，濟公的形象正建立在他的借顛度人、濟世，不拘于形式而獨具一格。對這位善詩文，不畏強暴，又能扶助弱小的和尚，受到世人的普遍歡迎。

在民間傳說中，濟公是個專管人間不平，又神通廣大的傳奇人物。他智斗秦丞相，懲治嘲弄貪官污吏，路見不平定要拔刀相助。又他的行動常常是以嬉笑怒罵、幽默識趣的形式出現。

傳說，當濟公住過的淨慈寺，有一次，寺院被焚，急待重建，俱重建需要木料，於是，濟公前往四川募化木料，更以身上的袈裟罩住諸山，把山上巨木全部拔起，并順江流到杭州，寺內古井與海相通，木料由海上運來根根從井中浮出，這些木料修好了寺廟大殿，解決了重建寺廟的難題。

有關濟公的種種救人于危的事跡傳說訪問所流傳的《濟公傳》有不少的描述，濟顛的助人為善與顛狂情事，都在這本民間流傳書中表露無遺。有人問他，藉酒裝瘋因何而醉？他說：「眾生已醉，我若未醉，如何醉裡度他」。

濟公有次出外閒遊，遇到一富家新建房舍正待上樑，主人見濟公來此，就請他說些吉祥話，濟公
道：今日上樑願出千口喪，妻在夫前死，子在父老亡。念畢即轉身離去，主人見這五句話非死即喪，大感不悅，這時有一老工匠說明其中含意，濟公所說大吉之至，
此三間屋要出千口喪，表示可抵百年光陰，妻在夫前死，則世代無寡婦、子在父老死，表示永不絕嗣。

濟公，有說是活佛下凡，亦有說其修道高深，神通廣大，但并未成佛。

濟公活佛是佛道二教一齊信仰供奉的神祇之一。相傳濟公活佛很容易顯靈，供奉活佛的善信容易信念，不退初心。

濟公死后，葬在杭州西南大慈山號稱為天下第三泉的杭州虎跑泉，虎跑泉西有二層樓高的濟公塔院，是他的葬骨處。濟公的塑像十分奇特，在羅漢堂中常能找到他的蹤影，由于濟公不大遵守戒律，所以他常常站在過道里，從不排在羅漢們的隊伍中。

據說蘇州西園寺的濟公像，最為傳神。濟公身穿破僧衣，手拿把破扇，面部表情十分生動。從二個角度欣賞，竟有三種不同表情：

從左面看，滿面笑容，叫做「春風滿面」，
從右面看，滿臉愁容，叫做「愁眉苦臉」
，從正面看，更有意思，半邊臉哭半邊臉笑，所謂「半嗔半喜」、「哭笑不得」、「啼笑皆非」高超的雕塑藝術，正是濟公性格的絕妙定照。




## TẾ CÔNG

Trong các vị được tôn xưng La Hán trước nay, thì vị đặc biệt nhất là TẾ CÔNG, chẳng nhà nào không hay, chẳng người nào không biết. Năm trăm vị La Hán được Phật Giáo Bắc Tông thừa nhận, duy nhất chỉ có Ngài là người Hán (TQ).

Tế Công, còn gọi là Tế Công Hoạt Phật (Phật sống Tế Công), Tế Công Hòa Thượng, Tế Điên Tăng. Lịch sử đã thừa nhận Ngài là một "kỳ nhân". Họ Lý tên Tu Nguyên tự Tâm Viễn, người huyện Thiên Thai, châu Thai (Lâm Hải), tỉnh Triết Giang. Phụ thân là Lý Mậu Xuân, là hậu duệ của Phụ Mã họ Lý. Mẹ là Vương Thị. (Trong tiểu thuyết Tế Điên Hòa Thượng, nói là Mông Thị-ND).Nhân vì lớn tuổi mà hai vợ chồng chưa có con, nên ngày đêm thành tâm cầu Thần Phật gia hộ. Một đêm nọ, bà mộng thấy có một vị La Hán đem cho đóa sen ngũ sắc bảo ăn. Vương Thị vâng lời, ăn hết đóa hoa sen. Sau đó, bà có thai.

Ngày mùng hai tháng hai năm Thiệu Hưng thứ ba đời Nam Tống (1133), hạ sanh một con trai, vợ chồng hết sức mừng rỡ. Đến đầy tháng tổ chức tiệc mừng. Đang lúc yến tiệc vui vầy, có nhà sư Tánh Không (Tánh Không Thiền Sư) đến chúc mừng, đặt tên cho đứa bé là "Tu Nguyên" (đứng đầu việc tu).

Khi Ngài được mười tám tuổi thì cha mẹ đều qua đời, cư tang trọn ba năm. Sau đến xuất gia ở chùa Linh Ẩn, Tây Hồ , Hàng Châu. Trụ trì là Viễn Hạt Đường biết đây là La Hán chuyển thế, hiếm có từ trước đến giờ, nên hoan hỉ thu nhận làm đệ tử, cho pháp danh là "Đạo Tế". Ngài không giữ theo giới luật nhà Phật, hành động rất ngông cuồng đượm màu sắc lạ lùng huyền bí, như uống hết cả thùng rượu, ăn nguyên cả khối thịt lớn v.v… Vị "La Hán tửu nhục" nầy có hành vi điên cuồng, phóng đãng, bị người đời cho là "điên", nên thường gọi Ngài là "Tế Điên".

*Sau khi Viễn Hạt Đường viên tịch thì Đạo Tế bị các sư ở chùa Linh Ẩn tẩn xuất, không còn chỗ dung thân. Ngài bèn đến ở chùa Tịnh Từ ở núi Nam Bình. Năm Gia Thái thứ hai (1202) , Ngài an tọa thị tịch vào ngày mười sáu tháng năm âm lịch.

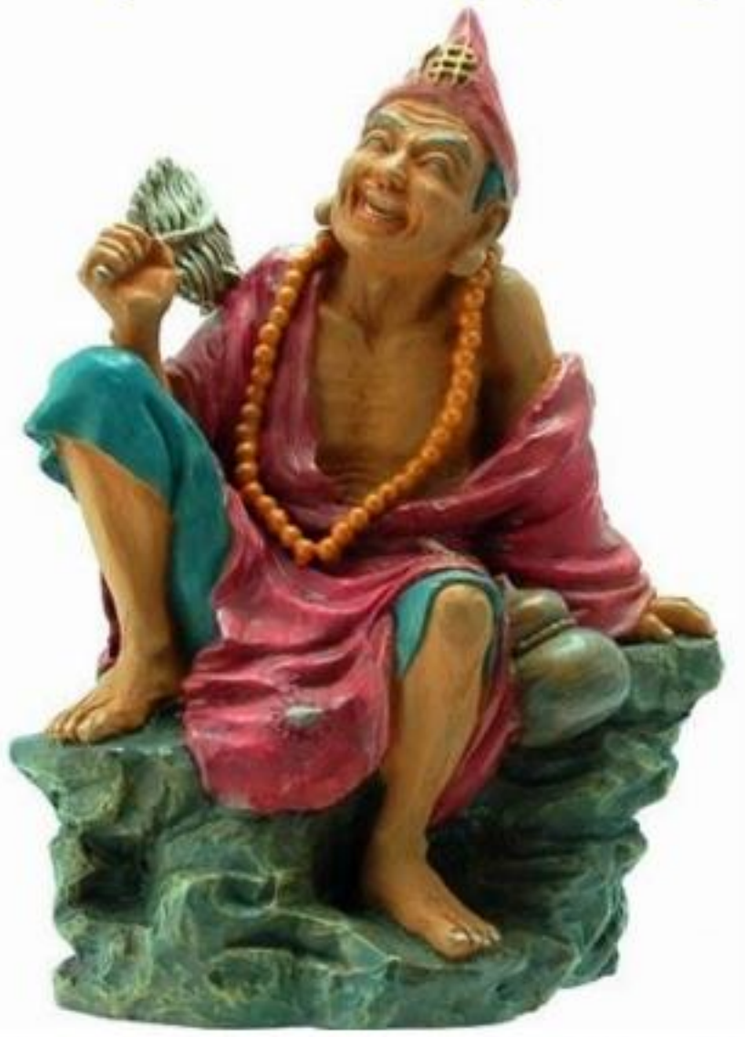
*Ngài có để lại bài kệ:-

"Lục thập niên lai lang tịch,
Đông bích đả đáo tây bích .
Ư kim thu thập qui lai ,
Y cựu thiên thanh thuỷ bích ."

*Dịch:-

Bừa bãi sống hơn sáu chục năm,
Đông Tây khắp xứ kẻ "Điên Tăng"
Đến nay duyên hết, ta về xứ,
Nước biếc trời xanh cũ chẳng lầm"
*Phương tiện độ đời nên Ngài thường giả trang điên cuồng, quần áo lôi thôi lếch thếch, do đó người đời xét hình dung mà gọi là Tế Điên hay Tế Điên Hòa Thượng. Đối diện với Chùa Linh Ẩn là ngọn núi Phi Lai , bên trong có một cái động, ngày nay vẫn còn để lại "Tế Công Sàng" (giường của Tế Công) và "Tế Công Trác" (bàn của Tế Công). Tương truyền, Tế Công thường hay đem thịt chó về nướng tại đây, uống rượu đến say mèm rồi ngủ ở đó.
*Tay cầm chiếc quạt nan lớn, dáng vẻ điên điên khùng khùng, chính là nét "đặc trưng" của "Phật Sống Tế Công" . Chiếc quạt của Ngài chứa đựng công năng pháp lực vô biên., chỉ vì Ngài giả điên khùng để độ người cứu đời mà thôi. Ngài ưa thích văn thơ, không sợ bạo lực đè nén, thường hay đi vân du bênh vực những tăng sĩ yếu đuối, đến nay vẫn còn ca tụng.
*Theo truyền thuyết, thì Ngài hay can thiệp vào những chuyện bất bình của nhân thế, là nhân vật có thần thông quảng đại. Ngài dùng trí đánh lừa Tần Thừa Tướng, trừng trị hay bỡn cợt đám tham quan ô lại, "giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha", cho nên Ngài có nhiều hành động rất kỳ bí mà tức cười, trong chứa đựng nhiều ý thú cao siêu.
(Xem Tế Điên Hòa Thượng ở:-
http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn0n3n4n31n343tq83a3q3m3237nvn )
*Cũng theo truyền thuyết, lúc Ngài Tế Công ở nơi chùa Tịnh Từ, hôm nọ,chùa bị cháy,cần phải xây dựng lại nên cần rất nhiều cây gỗ làm vật liệu. Ngài bèn một thân một mình khoác cà-sa chèo thuyền đến Tứ Xuyên để tìm cây gỗ. Đến núi Chư , Ngài dùng thần thông chặt hết cây quí lớn, rồi cho thuyền xuôi nước chở về Hàng Châu. Trong khu chùa, có một cái giếng cổ, thông tới ngoài biển. Cây gỗ từ ngoài biển trôi vào trong giếng, Ngài bảo người trong chùa cứ hễ nổi lên cây nào là vớt lên cây đó. Số cây gỗ nổi lên vô số, nhờ thế mà giải quyết được nhu cầu xây dựng đại điện, phòng nhà của chùa một cách dư thừa.
*Những chuyện Tế Công cứu giúp người được lưu truyền lại trong "Tế Công Truyện" kể ra rất nhiều. Hầu hết những câu chuyện đó hàm chứa tính chất đặc thù cứu người bằng phương pháp điên cuồng. Có người hỏi Ngài:- "Đã giả điên uống rượu tại sao lại còn say ?". Ngài cười đáp :- [Chúng sanh đã say, nếu ta chưa say, làm sao mà "trong say độ người" ? ]
*Có một lần Tế Công ra ngoài du ngoạn, gặp một nhà giàu kia xây nhà lớn, đang chuẩn bị làm lễ thượng lương (gác đòn dông). Chủ nhân thấy Tế Công đi đến, thỉnh Ngài ban cho mấy lời :chúc tốt lành". Ngài nói :- [Hôm nay là ngày thượng lương, nguyện được "thiên khẩu táng" (ngàn người chết), vợ chết trước chồng, con chết trước cha ]. Nói xong Ngài bỏ đi. Người chủ nghe nói mấy câu lạ lùng, có vẻ như là "không chết cũng chôn", nên trong bụng không vui. Khi ấy, có một người thợ già giải thích ý thú câu nói của Ngài như sau :-"Tế Công toàn nói những lời tốt lành đấy thôi. Ba gian nhà nầy bền vững lâu dài với thời gian, chẳng phải là có ngàn người chết hay sao ? Chúc cho vợ chết trước chồng, nghĩa là muốn chúc cho nhà ông không có "quả phụ" (đàn bà góa). Chúc cho con chết trước cha, nghĩa là chúc cho gia đình dòng họ của ông không lâm vào cảnh tuyệt tự. Như vậy, còn điều lành nào bằng ?".
*Truyền thuyết cho rằng Tế Công là "Phật Sống hạ phàm". Lại cũng cho rằng Ngài đã tu đắc đạo cao thâm, thần thông quảng đại, nhưng chưa thành Phật thôi.
Phật sống Tế Công được cả hai tôn giáo Phật và Lão kính ngưỡng, thờ cúng với tính cách thần kỳ.Trong dân gian tin rằng Ngài vô cùng hiển linh, ai có nạn cầu Ngài đều được cứu giúp, nên niềm tin không khi nào lui sụt.
*Tế Công tịch, an táng tại núi Đại Từ ở Hàng Châu. Phía Tây Nam núi nầy có suối Hổ Bào, là dòng suối nổi tiếng thứ ba của Hàng Châu. Tháp của Ngài là tòa Tháp cao hai tầng nằm phía Tây của suối Hổ Bào. Điều đáng nói là, mặc dù Ngài được xếp vào hàng La Hán,

nhưng không bao giờ thấy ở La Hán Đường cả, mà thờ chỗ khác. Bởi vì, sinh thời Ngài không tuân thủ giới luật, nên không ai dám để tượng Ngài trong đó cả.



*Trong số tượng thờ Ngài, chỉ có tượng thờ ở chùa Tây Viên, Tô Châu, là hết sức "truyền thần" (sắc thái linh hoạt). Tượng Ngài mặc chiếc  y ca-sa rách, tay cầm chiếc quạt cũng rách, gương mặt hết sức sinh động. Tùy theo góc nhìn mà người xem thấy có ba biểu tượng khác nhau như sau:-

-Ở bên trái nhìn thì thấy toàn gương mặt cười, gọi là "Xuân phong mãn diện" (gió xuân đầy mặt).

-Ở bên phải nhìn, thấy  toàn cả gương mặt sầu buồn, gọi là "Sầu my khổ kiểm" (mày sầu má khổ).

-Ở giữa mà nhìn, thấy nửa bên cười, nửa bên khóc, biểu đạt hàm  ý:- "Bán sân bán hỉ" (nửa giận nửa vui); "Khốc tiếu bất đắc" (dỡ khóc dỡ cười); "Đề tiếu giai phi" (chẳng phải khóc cũng chẳng phải cười). Quả đây là một tác phẩm nghệ thuật vô cùng độc đáo, có một không hai trên thế gian, phản ánh đầy đủ cá tính và biểu trưng độc nhất vô nhị của Ngài Tế Công Phật Sống vậy.

*NHƯỢC  THỦY  dịch

(từ  http://www.fushantang.com)

*Phụ lục:-

## Tế Công Hoạt Phật Thánh Huấn
## 濟公活佛聖訓

一生都是修來的——求什麼
今日不知明日事——愁什麼
不禮爹娘禮世尊——敬什麼
兄弟姐妹皆同氣——爭什麼
兒孫自有兒孫福——慮什麼
豈可人無得運時——急什麼
人世難逢開口笑——苦什麼
補破遮寒暖即休——擺什麼
食過三寸成何物——饞什麼
死後一文帶不去——慳什麼

前人田地後人收——佔什麼
得便宜處失便宜——貪什麼
舉頭三尺有神明——欺什麼
榮華富貴眼前花——傲什麼
他家富貴前生定——妒什麼
前世不修今受苦——怨什麼
賭博之人無下梢——耍什麼
治家勤儉勝求人——奢什麼
冤冤相報幾時休——結什麼
世事如同局一棋——算什麼
聰明反被聰明誤——巧什麼
虛言折盡平生福——謊什麼
是非到底見分明——辯什麼
誰能保得常無事——誚什麼
穴在人心不在山——謀什麼
欺人是禍饒人福——卜什麼
壽自護生愛物增——殺什麼
一旦無常萬事休——忙什麼

Tế Công Hoạt Phật Thánh Huấn
1./ Nhất sanh đô thị tu lai đích ——cầu thập ma
2./Kim nhật bất tri minh nhật sự ——sầu thập ma
3./Bất lễ gia nương lễ Thế Tôn ——kính thập ma
4./Huynh đệ thư muội giai đồng khí ——tranh thập ma
5./Nhi tôn tự hữu nhi tôn phước —— ưu thập ma
6./-Khởi khả nhân vô đắc vận thời ——cấp thập ma
7./Nhân thế nan phùng khai khẩu tiếu ——khổ thập ma
8./Bổ phá già hàn noãn tức hưu ——bãi thập ma
9./Thực quá tam thốn thành hà vật ——sàm thập ma
10./Tử hậu nhất văn đái bất khứ ——kiên thập ma
11./Tiền nhân điền địa hậu nhân thu ——chiếm thập ma
12./Đắc tiện nghi xứ thất tiện nghi ——tham thập ma
13./Cử đầu tam xích hữu thần minh ——khi thập ma
14./Vinh hoa phú quí nhãn tiền hoa ——ngạo thập ma
15./Tha gia phú quí tiền sinh định ——đố thập ma
16./Tiền thế bất tu kim thụ khổ ——oán thập ma
17./Đổ bác chi nhân vô hạ sao ——sái thập ma
18./Trị gia cần kiệm thắng cầu nhân ——xạ thập ma
19./Oan oan tương báo kỷ thời hưu ——kết thập ma
20./Thế sự như đồng cục nhất kỳ ——toán thập ma
21./Thông minh phản bị thông minh ngộ ——xảo thập ma
22./Hư ngôn chiết tận bình sinh phước ——hoang thập ma
23./Thị phi đáo để kiến phân minh ——biện thập ma
24./-Thuỳ năng bảo đắc thường vô sự ——tiễu thập ma
25./Huyệt tại nhân tâm bất tại sơn ——mưu thập ma
26./Khi nhân thị hoạ nhiêu nhân phước ——bốc thập ma
27./Thọ tự hộ sanh ái vật tăng ——sát thập ma
28./Nhất đán vô thường vạn sự hưu ——mang thập ma

Giáo Huấn của Đức Phật Sống Tế Công
1./Cuộc đời là do có tu hay không mà (việc tốt hay xấu) đến- Cầu xin làm gì
2./Hôm nay không biết việc ngày mai - Lo âu làm gì
3./Không lễ bái (cung kính) cha mẹ mà chỉ lễ Phật - Tôn kính làm gì
4./ Anh chị em đều là cùng khí huyết - Tranh giành nhau làm gì
5./Con cháu có phúc của riêng chúng nó - (Quá) Lo lắng (cho chúng nó)làm gì
6./Há có ai mà không gặp được thời vận của mình - Nôn nóng làm gì.
7./Ở đời khó gặp được lúc mở miệng cười - Đau khổ làm gì.
8./Sửa chỗ hỏng, che chỗ lạnh, đủ ấm thì thôi - Bày vẽ (đòi hỏi) làm gì.
9./(Thức ăn) Trôi qua hơn ba phân (chỉ cổ họng) thành ra vật gì - Tham ăn làm gì
10./Chết rồi một đồng cũng không mang theo được – Keo kiệt làm gì
11./Ruộng đất của người trước rồi sẽ bị kẻ sau nắm giữ - Chiếm đoạt làm gì
12./Có thuận cảnh rồi thì cũng mất thuận đi - Tham luyến (tiếc nuối) làm gì.
13./Ngẩng đầu (trên cao) ba thước có thần linh – Khinh khi (ai đó) làm gì
14./Vinh hoa phú quý như là hoa đốm trước mắt - Kiêu ngạo làm gì.
15./Nhà người ta giàu có là do kiếp trước tạo ra - Ganh ghét làm gì
16./Kiếp trước không tu kiếp này phải chịu khổ - Oán trách làm gì
17./Người đánh bạc không có lối thoát – Ham theo nó làm gì
18./Làm cho nhà mình cần kiệm hơn là đi cầu người ngoài- Xa xỉ làm gì
19./Oán thù báo trả lẫn nhau biết đến lúc nào ngừng - Kết oán làm gì
20./Việc đời như tình thế của một ván cờ - Tính toán (viễn vông )làm gì
21./Thông minh (gạt người) sẽ bị kẻ thông minh khác gạt lại- Thủ đoạn làm gì
22./Lời nói lừa dối tiêu huỷ hết phúc đức cả đời - Nói (lừa dối) làm gì
23./Chuyện thị phi cuối cùng sẽ sáng tỏ - Phân biện (thanh minh ) làm gì
24./Ai hay gìn giữ ( đạo lý) thường được vô sự - Trách móc làm gì
25./Huyệt địa (long mạch) ở trong tâm (lành) của mình, không ở trên núi – Mưu cầu làm gì
26./Lấn lướt người là hoạ, tha thứ người là phúc - Xem bói (để biết trước) làm gì
27./Một khi vô thường đến thì muôn việc đều bỏ hết - Vui mừng (bám chặt) làm gì.
*Nhược Thủy dịch
(từ http://tieba.baidu.com/f?kz=321912203)

## 51.THẤT NƯƠNG MỤ
## 七 娘 媽

相傳七娘娘是天帝的第七掌珠，尊稱為「七娘媽」、「七星娘娘」。
七娘媽是兒童的保護神，特別是女孩子。

農業社會時代因為勞力的需要，一般家庭都養育許多子女，為了讓每個子女都平安長大，許多父母
將子女送給七娘媽或靖姑娘媽、佛祖等神作契子，祈求神明保佑孩子「好搖飼」。凡給七娘媽作契子的孩童，在七夕黃昏須在門口設供桌準備雞油飯、胭脂水粉、鮮花、刈金、婆姐衣等祭品，並以銅錢繫上紅絲線掛在孩童頸部，稱為「掛誌」，此後每年七夕都須拜七娘媽並更換紅絲綿以示「換誌」，直到十六歲「脫誌」、「出花園」為止。

民間俗信，十六歲以下的兒童都受到七娘媽的護佑，所以嬰兒出生滿週歲前，即由母親或祖母抱到寺廟去祈願，並用古幣、鎖牌、銀牌，串上紅絨線為綮，繫在頸上，直到滿十六歲時才在那年的七月初七拿下。

七娘媽的信仰，在閩南及客家兩個方言群中又有著不同的傳說。

閩南的傳說中織女的姐姐們由於同情牛、女兩人被王母娘娘拆散，便暗中保佑那兩個孩子，使他們平安健康的長大。由此才發展出七娘媽是兒童保護神的說法。為人父母者，為了能讓神保佑其子女，就把子女送給七娘媽為義子或義女，稱為「拜契」。

客家人也有「拜契」的習俗，但是原因截然不同：相傳七星娘娘有七位，自從織女離開後，只剩下
六星在一起，由於沒有固定祭祀的廟，所以在神格上屬於「閒神」，平時下凡來遊遊閒閒。相傳七星娘會抓人小孩，因此八字低的就給她作契子，以保平安。客家人祭祀七星娘時也不用「七娘媽亭」，而是一張印就的「七星娘圖」，以香爐壓住。為子女求七星娘綮的父母須手持杯茭，口唸：「紅（白）花枝某姓某名，身體欠安，容易驚嚇，現在要作妳的契子，帶妳的綮，以後若有遇到，就不要隨便摸他，如蒙允許，請賜一杯茭」。直至七星娘允許「聖杯」為止。

民間信仰七娘媽者，皆於七夕此日黃昏供祭。供品有軟粿、圓仔花、雞冠花、茉莉花、樹蘭、胭
脂、白粉、雞酒油飯、牲禮、圓鏡。必不可少的還有一座紙紮的七娘媽亭，家有剛滿十六歲者，特供粽類、麵線。祭後，燒金紙、經衣、並將七娘媽亭焚燒，無法焚盡的竹骨架丟至屋頂，此稱「出婆姐間」（婆姐，傳即臨水宮夫人女婢），表示該孩童已成年。胭脂、白粉一半丟至屋頂，一半留下自用，據稱可使容貌與織女一樣美麗。

祈願時一般都會宣誓：「子女如果能順利長大，等到子女年滿十六歲成年時，我一定以豬、羊等為供品祭拜，或演戲娛神，或捐款給慈善事業。」等到子女十六歲成年時，就要在七月初七這天還願，從此才算脫離七娘媽的保護，稱為「脫綮」。

家中有十六歲的子女則要做「十六歲」的儀式，由雙親捧著七娘媽亭（又稱七星亭），立於神案
前，年滿十六歲的子女由亭下匍匐穿過，男孩起身後須往左繞三圈，稱「出鳥母宮」，女孩則往右繞三圈，表示「出婆媽」，如此便表示孩子在七娘媽的佑護下，已經長大成人。然後再將七娘媽亭投入火中，奉獻給七娘媽。

有些人的外婆家在做十六歲的儀式時還準備衣服、手錶、項鍊、腳踏車等物品，為其男女外孫做十六歲。過去的中上人家在祭拜完七娘媽後，還要設席宴請親友，大事慶祝一番。

此外，七娘媽還能授予子女給無子女的家庭，有子女的則能治子女的病。有許多母親還讓孩子認七娘媽為乾媽，以保祐孩子平安長大。

七娘媽亭是以竹片、和紙糊成，有一層、二層、也有三層，通常與金紙、經衣一併焚燒供獻，此稱「出婆姐間」，表示子女成年。

農曆七月初七為七娘媽生辰。

## THẤT NƯƠNG MỤ

*Tương truyền Thất Nương Nương là vị giữ châu báu thứ bảy của Ngọc Hoàng Thượng Đế , được tôn xưng là Thất Nương Mụ hay Thất Tinh Nương Nương .
Thất Nương Mụ là vị Thần Bảo Hộ cho các trẻ nhi đồng , đặc biệt là các bé gái.
*Trong xã hội nông nghiệp ngày xưa, lực lượng lao động là thành phần quan trọng , nên mỗi gia đình đều muốn có nhiều con cái để có đủ sức lao động đáp ứng nhu cầu sản xuất. Mà muốn con cái khỏe mạnh trưởng thành thì phải cần có vị Thần Bảo Hộ. Thất Nương Mụ hay Tĩnh Cô Nương Mụ là đối tượng được đại đa số bậc làm cha mẹ nương tựa vào để "ký bán" con cái cầu cho bình an mau lớn. Lễ ký bán ấy gọi là "Hảo Dao Tự" (cho rợ Dao nuôi). Thường lễ nầy được tổ chức vào chiều ngày "Thất Tịch" (mùng bảy tháng bảy). Sắp đặt một bàn tiệc trước sân, gồm có :- gà luộc, giò heo hầm, hoa quả, giấy tiền vàng bạc đại, giấy áo đàn bà, cơm canh … Cúng vái rõ tên cha mẹ , tên đứa nhỏ nay ký bán cho Thất Nương Mụ , nhờ bảo bọc phù hộ được bình an mạnh khỏe, hay ăn chóng lớn v.v… Kế đó, lấy sợi chỉ đỏ xỏ một "đồng tiền xu cổ" đeo vào cổ đứa bé. Lần đầu gọi là "Quải chí" (đeo khế ước). Về sau, cứ mỗi năm cúng và đổi sợi dây đỏ mới, gọi là "Hoán chí" (đổi khế ước). Đến năm đủ mười sáu tuổi, gọi là "Thoát chí" (hết khế ước) hay "Xuất hoa viên" (ra vườn hoa) thì thôi.
*Một cách làm khác, phong tục dân gian tin rằng, trẻ con dưới mười sáu tuổi thuộc về sự bảo hộ của Thất Nương Mụ . Cho nên khi sanh con ra, đến ngày thôi nôi (tròn một tuổi) cha mẹ hoặc Ông Bà phải ẵm nó đến Miếu cúng vái, rồi dùng đồng tiền xưa, dây chuyền bạc đeo vào cổ để cầu bình an cho trẻ. Đến năm 16 tuổi, ngày mùng bảy tháng bảy, đến cúng tạ rồi thôi.
*Có hai truyền thuyết về Thất Nương Mụ , một ở vùng Mân Nam và một ở các địa phương khác.
*Ở Mân Nam, người ta tin rằng, sau khi Chức Nữ và Ngưu lang bị Vương Mẫu Nương Nương phạt, đày hai người ở hai nơi … thì "Các Bà Chị" của Chức Nữ âm thầm gia hộ bảo vệ cho con của hai người được mạnh giỏi cho đến lớn. Từ đó phát xuất ra quan niệm Thất Nương Mụ là Thần Bảo Hộ của nhi đồng. Các cha mẹ khi đem ký bán con mình cho Thất Nương Mụ , thì nhận Ngài làm Mẹ nuôi, nên đứa bé trở thành "con trai nuôi" hay "con gái nuôi" của Thất Nương Mụ . Lễ đó gọi là "Bái Khế" (làm hợp đồng khế ước).
*Ở một số nơi cũng có làm lễ "Bái Khế" nầy, nhưng tin vào nguồn gốc khác. Tương truyền, Thất Tinh Nương Nương có bảy vị, sau khi Chức Nữ đi rồi thì chỉ còn lại sáu người. Vì không có Tự Miếu cúng tế cố định, chỉ khấn vái chung chung, nên gọi những vị nầy là "Nhàn Thần" (Thần rảnh rỗi đi trong nhân gian). Dân gian tin rằng, Thất Nương Mụ hay quở phạt bắt bớ mấy đứa trẻ, nên khi cúng vái phải nói rõ đầy đủ " bát tự " (tám chữ năm tháng ngày giờ sanh. Ví dụ:- năm Giáp Tí tháng Ất Sửu ngày Bính Dần giờ Đinh Mão) cho Thất Nương Mụ ghi nhận mà bảo hộ.Ngày cúng, dùng một tờ giấy có vẽ hình bảy vị Nương Nương (gọi là Thất Tinh Nương Đồ) mặt sau ghi bát tự của trẻ, xếp lại để dưới lư hương của mâm cúng tế, rồi khấn:-
"Hôm nay ngày… tên cha mẹ… tên đứa trẻ

## 52. SÀNG MỤ .



床媽

床母就是「床神」，又稱「公婆母」，在做母親的心中是兒女的守護神。

傳說古代有一姓郭的書生，在赴京參加考試途中，遇到一位賣扇的姑娘，並和她墜入情網，發生了
關係，沒想到郭書生卻生病而死亡。賣扇的姑娘為了怕別人知道，於是就將他的屍體埋在自己床下。後來賣扇的姑娘懷了郭書生的孕，並產下一子。她為了告慰郭書
生的靈魂，就經常用酒菜在床上祭拜。人們問她是何道理，她回答說拜床母可以使孩子快快長大，從此就留下拜床母的習俗。其他人有樣學樣，漸漸就流傳開了。

以上只是一則傳說，床母是床之神，祭祀床神是根源於古人自然崇拜中的庶物崇拜（窗、灶、井、
門等）。人的一生中，有三分之一的時間是在床上渡過的，與人關係如此親蜜的床神，受人祭拜也十分必然。尤其是不會走動的嬰兒，睡眠時間長，與床的關係更為
密切，所以民間乃以床母為兒童的保護神。

閩南與台灣人則把十六歲以內的小孩稱為「花園內」，認為從嬰兒出生起，一直到十五歲，都有一
位稱床母的兒童神，住在寢室裡保護兒童。因此，嬰兒出生後第三天就要上供祭拜床母，以後每遇到孩子生病時也要祭拜床母祈求保護。此外，每年農曆正月十五也
要祭拜床母，保佑孩童今年平平安安。有些人在清明、端午、中元、重陽等節日也會祭拜床母。

據說，小孩白天是受到註生娘娘的照顧，夜晚則是床母擔任保護工作。孩童的胎記就是「床母作記
號」以利辨識。實際上人們相信祭拜小孩生活中的要地「床鋪」可以使其快快平安長大。另外長輩也說到，小孩睡覺時常會有微笑，或奇怪的表情是床母在教導小
孩，所以不要吵醒她，以免打擾其學習。祭祀床母供奉雞酒、油飯、七張刈金和婆姐衣。祭品須在床舖正中央，如此孩子才會睡得安穩。祭拜時不用筷子，在上香時

祝禱說：「日間好精神夜間好覺睡」，之後立刻焚燒刈金、婆姐衣，並收拾供品，因為民間傳說床母必須全心照顧小孩，不能花費太多時間享用祭品。也有說拜好不要太晚撤供，不然小孩容易有拖拖拉拉的習性。還有說祭拜床母時不可拜酒，否則床母會酒醉睡著疏於照顧小朋友。

床母一般沒有塑像和畫像，有時在床頭擺上一只插著焚香的粗瓷碗，就代表床母的神位了。祭拜床母的時間大致上為小孩出生至十六歲，出生三天每逢初一十五、清明、端午、中元及重陽節皆可祭拜床母。
拜祭床母：
意思是把子女順利撫養長大。
當日下午六時左右，將供品置於床上16歲以內孩童的床上。
供品：雞酒油飯及雞腿各一碗、花生一盤、茶、酒。
上供品；
點燭火；
神前獻茶、酒；
焚香三柱迎神；
香燒至五分之一時，雙手捧持金紙拜供床母；
燒金十二張及床母衣；
收拾供品，禮成。

一般拜祭床母，不供奉魚；獻酒僅需獻酒一次即可。



SÀNG MỤ

*Sàng Mẫu chính là "Thần Giường nằm" , còn gọi là "Công Bà Mẫu", trong tâm của người Mẹ thì đây là vị thần thủ hộ (gìn giữ giúp đỡ) cho con cái trong nhà.
*Tương truyền vào thời xa xưa, có một người học trò họ Quách, khi đi lên kinh đô để dự thi, gặp một cô gái bán quạt. Hai người yêu nhau và cùng nhau chung sống. Thời gian sau, chẳng may anh chàng họ Quách nầy bị bạo bệnh mất đi, cô gái bán quạt sợ người ngoài biết được làm khó dễ, nên âm thầm chôn xác chàng Quách ngay dưới giường ngủ của mình. Lúc đó, cô gái đã có thai với họ Quách, sau sanh ra một đứa con trai. Cô làm lễ báo cáo cho cháng Quách biết, đặt phẩm vật cúng ngay tại trên giường nằm. Người ngoài thấy lạ, ướm hỏi thì cô đáp :- "Tôi cúng tế cho [Sàng Mẫu] để cầu cho con tôi được mạnh khỏe mau lớn.".
Từ đó , người ngoài thấy hay nên cũng bắt chước làm theo, dần dần trở thành tập quán của đa số.
*Trên đây chỉ là câu chuyện truyền thuyết, thật ra, cúng tế Sàng Mẫu là phong tục từ xưa của con người phát sinh do "tín ngưỡng đồ vật" tạo ra. Ta thấy, có rất nhiều đồ vật trong nhà cũng được cúng bái như :- cửa  nẻo, bếp, giếng v.v…

Như vậy, xét lại con người chúng ta trong một đời, thời gian nằm ở giường chiếm ít nhất là một phần ba cuộc sống, thần giường trở thành thân thiết với con người, nên việc cúng bái Sàng Thần là lẽ tất nhiên mà thôi. Hơn nữa, sự trưởng thành của đứa trẻ cũng là nhờ vào phần lớn thời gian ngủ tại giường, nên gắn bó mật thiết với giường , cho nên các bà Mẹ lấy Sàng Mẫu làm vị thần Bảo Hộ cho con cái là đúng thôi.

*Người ở Mân Nam và Đài Loan có tập quán gọi những đứa trẻ dưới 16 tuổi là "Hoa Viên Nội" (trong vườn hoa). Từ lúc mới sanh ra cho đến 15 tuổi , luôn luôn được vị thần của nhi đồng là Sàng Mẫu phù hộ cho chúng được khỏe mạnh. Cho nên, khi đứa bé sanh ra được ba ngày, người ta phải tổ chức lễ cúng Sàng Mẫu để về sau, mỗi khi đứa bé bị bệnh, thì vái van Sàng Mẫu phù hộ độ trì cho nó lành mạnh hết bệnh. Rồi hàng năm, vào ngày rằm tháng giêng cũng phải cúng bái Sàng Mẫu, van vái cho nó được bình yên manh giỏi suốt năm. Có nhà còn cúng Sàng Mẫu vào cả những ngày Thanh Minh, Đoan Ngọ, Trung Nguyên, Trùng Cửu … nữa.

*Truyền thuyết nói rằng, trẻ con thì ban ngày được bà Chú Sanh Nương Nương quản lí dạy dỗ, còn ban đêm thì thuộc về Sàng Mẫu chăm sóc. Khi còn trong bào thai, đứa trẻ ấy đã được "Sàng Mẫu đánh dấu hiệu" để dễ phân biệt sau nầy. Có người còn cúng bái thần "Sàng Phô" (thần chiếu trải giường) để cầu cho con được mạnh giỏi cho đến lớn. Một số ông già bà cả dạy rằng :- "Trẻ con lúc ngủ thường hay tự cười tự khóc, đó là do Sàng Mẫu đang dạy cho nó, lúc đó đừng có đánh thức nó dậy, khỏi quấy rầy việc học tập của nó."

*Cúng Sàng Mẫu có những phẩm vật sau :-

-hoa quả,trà rượu, gà luộc tréo cánh, cơm chiên, mười hai xấp giấy vàng bạc đại, mười hai xấp giấy áo Bà Thư, đậu phọng nấu còn vỏ.

Phẩm vật cúng đặt ngay chính giữa giường, như vậy đứa bé mới ngủ yên không giựt mình. Nhớ là lúc cúng không dùng đũa, khấn nguyện tên họ ngày giờ sanh, chỗ ở … và ý chính là :- "Ban ngày được phấn chấn tỉnh táo, ban đêm được ngủ ngon giấc". Vái xong, đốt giấy tiền vàng bạc và giấy áo Bà Thư liền, rồi dọn dẹp thức cúng ngay không chờ lâu. Ông bà xưa nói rằng Sàng Mẫu còn bận lo lắng cho đứa bé, đâu có thời gian nhiều để hưởng thụ lâu. Có thuyết thì nói rằng, nếu để lâu thì sau nầy đứa trẻ sẽ có tánh chậm chạp rề rề không hay. Lại có thuyết nói, cúng Sàng Mẫu thì đừng cúng rượu, sợ Bà uống say ngủ quên không chăm sóc cho bé được.

* Sàng Mẫu thì không có hình tượng nên khi cúng chỉ cần để trước mâm đồ cúng một cái "Tô kiểu lớn" tượng trưng cho Sàng Mẫu là được. Thời hạn cúng bái Sàng Mẫu diễn ra tứ lần cúng sau khi sanh ba ngày, hàng năm đến ngày rằm tháng giêng, Thanh Minh, Trung Nguyên, Trùng Cửu (mùng chín tháng chín) đều phải cúng bái Sàng Mẫu cho đến năm 16 tuổi mới ngưng.

*Tóm tắt lễ cúng bái Sàng Mẫu như sau :-

-Mục đích:- để cầu cho con trẻ từ khi sanh đến năm 16 tuổi được mạnh khỏe, ít bệnh, mau lớn.

-Thời điểm cúng :- lúc sáu giờ chiều của ngày cúng.

-Phẩm vật cúng :- hương đăng hoa trà quả,rượu trắng, con gà luộc (hoặc một cặp đùi gà thay thế), cơm chiên, một mâm đậu phọng nấu còn nguyên vỏ.

-Bày đồ cúng ngay chính giữa giường đứa bé nằm.

-Đốt đèn nhang, rót rượu (một lần thôi, không châm thêm)

-Khấn vái tên tuổi (ngày giờ sanh) đứa bé v.v… xin Sàng Mẫu phù hộ …

-Khi nhang cháy đến phân nửa, hai tay bưng lư hương lên xá ba xá (để cúng Sàng Mẫu)

-Đốt giấy tiền vàng bạc và giấy áo (mỗi thứ 12 xấp)

-Dọn dẹp đồ cúng

-Lễ xong.

*Ghi chú quan trọng:- không được cúng "Cá" (sợ con lêu lỏng), không châm rượu hai lần (sợ Sàng Mẫu say, bỏ bê đứa trẻ).

*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 53. THÁI DƯƠNG TINH QUÂN.



太陽星君

太陽星君或稱太陽菩薩，是人類最早信奉的自然神之一，古時中國即有祭日的儀式，堯帝定春分、秋分為朝日與餞日的重要日子，而後歷朝典制更將祭日視為國家大事。

在〈老子歷藏中經〉中，曾記載太陽星君的姓名為張表，一說太陽星君姓孫名開，與太陰星君唐末在天地初開之時，陰陽相混，雙雙隱居於咸池，以致日月不照，晝夜不分，世尊專程趕至咸池，念動八字真經，將日月強制分開，各按方位升降，萬物始生。

而關於太陽的神話除了后羿射日的傳說外，另有一則鄉野閒談：相傳太陽本有兄弟九人，每日當空照耀，使得萬物奄奄一息，這種情形看在風火雷三神的眼裡，實在是又怒又急，於是前往勸諫，誰知九兄弟不但不接受眾神的請求，反而變本加厲，雷神大怒，以閃電轟落八日，僅存的一個太陽，躲在豬母菜中而逃過一劫。劫後餘生的太陽重回天上，為報答豬母菜救命之恩，就讓此菜在炎夏時，仍能茂盛生長，不受曬日之苦。

太陽出現，「太陽宮」位於東天第十層天之東方，乃
太陽帝君之所居。宮殿均以耐火銅磚築成。四週有不計其數，高五丈之赤色欄杆，圍成一圓型，範圍有千丈方圓，每支欄杆頂端崁有一吐焰之「火球」，照耀太陽宮四週，一片火紅。內中並有「火蓮」等仙草也。
府第正門上，懸一匾，上書：「太陽宮」三字。兩邊亦有對聯曰：

掌人魂魄，宇宙咸沾赫烈。
煉道精靈，洪荒亦仰慈熙。

太陽帝君乃陽剛之神，司日之運行，掌火焰之輕重，日由東升，再由西墜，光熙普照大地，施恩萬民，凡世人代代祭祀之故也。

東天各層天，均有天仙之所居，府第林立天上，難以枚舉，但畢竟天界與凡界迥異，俗塵繁華粗俗，天界均是幽雅悠閑，逍遙極樂之天堂也。

總之，凡世之人，如能了悟，有善覺，多行善、多積德、造功立果、借假修真，即天堂有路，先居有位。若一味作惡，不修德者，終墜地獄，就難睹天界之風光也。

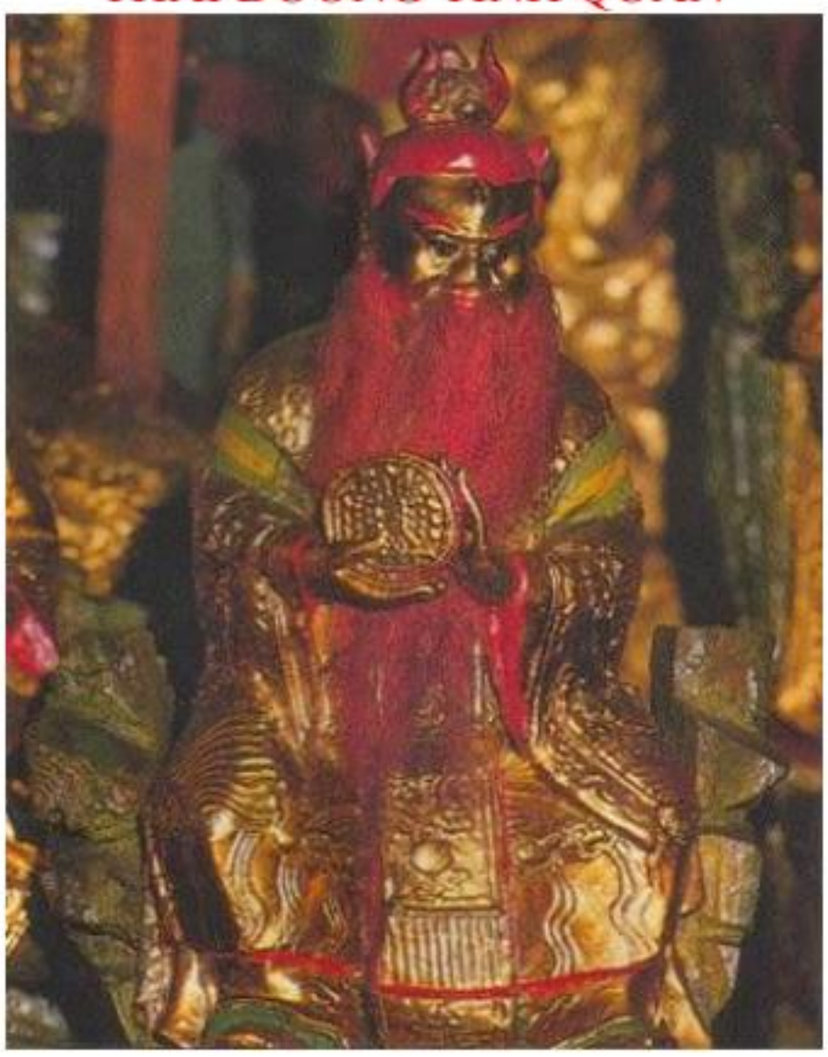
然則，今日科學昌明，太空人可上月球、星球，但，其目睹者，不過亦「空空如也」，何有如是天堂之風光乎！須知天界之風光，豈凡眼所能及乎！如無善德，不修真凝固其先天之靈，豈能隨便凡人俗子可見也。

天界乃一幻境，無德無緣者難得一睹也。為何天界之高真均是中國漢人，而無外國之人耶？蓋因中土文化與開國，遠在五千年前，故，文化早，善覺早萌，人人之修道德，養氣靈光，故能升天堂為聖、為賢，而主掌諸天；外國之文化與開國，不過二千餘年，雖有不少成道者，但，均是後輩而已，豈能一躍超乎數千年成道者之上乎！此乃「中土難生，人身難得」之謂也。

太陽星君簡歷

太陽星君姓離。名明。是玉子之朋友。玉子學道成功後。太陽子則拜其為師。恭敬侍奉。不敢懈怠。玉子非常器重太陽子。太陽子喜歡飲酒。每飲必醉。太陽子長於陰陽五行之道。雖然頭髮全白。但皮膚卻細潤光滑。滿面紅光。太陽子因其對陰陽學特有知識。所以救人無數。濟世行誼之功為世人所不能或忘。人稱太陽子。修成仙道後。人稱之為太陽星君。

THÁI DƯƠNG TINH QUÂN



*Thái Dương Tinh Quân hay còn xưng là Thái Dương Bồ Tát, là một trong những vị Thần được loài người tín ngưỡng thờ phụng sớm nhất.
Ngày xưa, ở Trung Quốc đã có hẳn một nghi thức "Tế Mặt Trời". Thời Nghiêu Thuấn cũng đã biết lưu ý về giờ mọc lặn khác nhau mỗi mùa, lấy hai mốc quan trọng là Xuân Phân và Thu Phân để định tiết. Về sau, nhiều triều đại kế tiếp đã đưa việc cúng tế Mặt Trời vào sách cúng tế chính thức của triều đình, xem đó là một công việc quan trọng.
*Trong sách "Lão Tử Lịch Tạng Trung Kinh" đã từng viết, Thái Dương Tinh Quân có tên là Trương Biểu. Một thuyết khác thì nói Thái Dương Tinh Quân họ Tôn tên Khai, cùng với Thái Âm Tinh Quân đã có từ lúc trời đất hỗn độn, âm dương chưa phân, hai vị ẩn cư trong ao Hàm Trì, nên không có mặt trời mặt trăng chiếu sáng. Thế Tôn đã đến ao Hàm Trì , niệm chú Bát Tự Chân Kinh , bắt buộc nhật nguyệt phân chia ra ngày đêm, trình tự mọc lặn, làm cho vạn vật được sinh ra.
*Liên quan đến các truyền thuyết về mặt trời, ngoài câu chuyện Hậu Nghệ bắn rụng chín mặt trời ra, trong dân gian còn truyền tụng câu chuyện sau :-
"Nguyên Thái Dương có tất cả chín anh em, tất cả đều tranh nhau chiếu sáng mỗi ngày, khiến cho mọi vật quá nóng bức không chịu đựng nổi. Việc nầy truyền đến tai ba vị thần : Phong, Hỏa, Lôi, khiến ba vị nổi giận. Liền đến khuyên can anh em nên chia ra mỗi người làm một ngày cho muôn vật nhờ, nhưng chín anh em chẳng những không nghe theo mà còn tăng thêm sức hại . Lôi Thần nổi giận, dùng sét đánh chết tám người, chỉ còn lại một , nhờ trốn trong đám "Trư Mẫu Thái" (rau heo mẹ) nên thoát chết. Do đó, sau nầy Thái Dương nhớ ơn cứu tử, nên không xúc phạm đến Trư Mẫu Thái, khiến cho loại rau nầy vào mùa hè năng gắt mà vẫn xanh tươi không héo úa, phát triển càng nhiều.
*Thái Dương xuất hiện :-
Cung Thái Dương ở về hướng Đông của tầng trời thứ mười, là nơi ở của Thái Dương Đế Quân. Cung điện đều làm bằng những vật liệu "chịu lửa" (nại hỏa) . Bốn bên không thể tính đếm đo lường được, có lan can màu đỏ cao năm trượng bao thành hình tròn, bên trong là Thiên Trượng hình vuông. Mỗi nhánh lan can trên đỉnh có gắn một "hỏa cầu" (trái cầu lửa) chiếu ánh sáng rực rỡ xung quanh Thái Dương Cung, thành một khối lửa đỏ. Trong cung, có "Hỏa Liên" (hoa sen lửa) và các loại "Tiên Thảo" (cỏ tiên) khác.
*Ở chính môn của phủ đệ, có treo tấm biển đề ba chữ cực lớn : "Thái Dương Cung", hai bên có hai câu đối :- "Chưởng nhân hồn phách , vũ trụ hàm triêm hách liệt .
Luyện đạo tinh linh , hồng hoang diệc ngưỡng từ hi ."
*Dịch:-
"Nắm giữ hồn phách con người, cả vũ trụ đều thấm nhuần ơn chiếu rọi hiển hách,
Luyện đạo đạt đến chỗ tối linh, từ thuở hồng hoang đã ngưỡng mộ đức sáng lòng từ"
*Thần Thái Dương thuộc về thần "dương cương" (khí dương cứng rắn), điều khiển sự vận hành của mặt trời, quản lí sự nặng nhẹ của núi lửa. Mặt trời từ hướng Đông mà lên, rồi chìm về hướng Tây. Ánh sáng soi rọi khắp sơn hà đại địa, ra ơn cho muôn dân, là nguyên nhân của việc cúng tế "hết sức lớn" của loài người vậy.
*Các tầng trời của Đông Thiên đều có các vị Tiên ở, phủ đệ ở trên trời nhiều không kể xiết. Có điều, thiên giới khác với phàm giới rất xa. Cõi tục thì phồn hoa thô tháo, cảnh tiên thì u nhã du nhàn, là chốn thiên đường tiêu dao cực lạc .
*Tóm lại, nếu thế nhân biết tích đức hành thiện cho thật nhiều, công quả lớn lao, lại gặp bậc cao minh chỉ giáo tỉnh giác tu hành tốt, thì chắc chắn có nẻo đến thiên đường, có ngôi nơi Tiên Cung vậy. Nhược bằng, cứ mê muội làm ác không tu nhân bồi đức, thì nhất định phải sa vào địa ngục, bao giờ mới biết được cảnh đẹp đẽ của trời cao ?
*Có điều, ngày nay khoa học tiến bộ, cho rằng mặt trời, mặt trăng, đến các tinh cầu khác đều lơ lửng trong không gian vũ trụ, nào thấy có thiên đường tiên cảnh gì đâu ! Nhưng nên biết là, cảnh đẹp cõi trời nầy không thể dùng phàm nhãn mà trông thấy được. Phải là những người

đủ phước duyên, gắng sức tu chân, đạt đến "Tiên Thiên chi linh" (tính linh diệu của khí tiên thiên) mới nhận ra, đâu thể dùng cặp mắt phàm tục mà mong thấy nó .
*Thiên giới là một "cảnh ảo" (phi vật chất), nên những người vô đức vô duyên làm sao có thể cảm nhận nó. Nhưng tại sao , những vị Chân Quân Cao cấp hầu hết là người Hán mà không thấy có người nước khác ? Điều đó bởi vì, Trung Quốc là một nước sớm có nền văn hóa tinh thần tốt từ hơn năm ngàn năm trước, nhân dân biết đạo đức, tu thiện tích đức lâu dài ; lại có pháp tu "dưỡng khí linh quang" nên việc nhiều vị thăng thiên đường làm Thánh , làm Hiền, chủ quản các cung trời là lẽ đương nhiên thôi. Trải qua hai ngàn năm nay, số lượng người chứng thánh cũng đâu phải ít. Chúng ta là những kẻ hậu sinh, lại không chịu nghe và thực hành theo lời dạy của các bậc tiền bối, làm sao đòi vượt qua số vị đã thành đạo nói trên cho được ? Cho nên nói :-
"Trung thổ nan sinh—Nhân thân nan đắc" (khó được sanh ra ở Trung Hoa, thân người khó được) là vậy.
*Có một thuyết khác nói rằng :- "Thái Dương Tinh Quân họ Li (không phải Lí) tên Minh, là bạn của Ngọc Tử. Khi Ngọc Tử học đạo thành công, Li Minh liền bái Ngọc Tử làm thầy. Lúc nào cũng cung kính, không dám lười mỏi, nên Ngọc Tử rất trọng quí , gọi là Thái Dương Tử. Thái Dương rất thích uống rượu, mỗi khi uống đều đến lúc say mới chịu. Thái Dương Tử lớn lên trong đạo âm dương ngũ hành, tuổi già tóc bạc trắng mà da dẻ vẫn còn tươi nhuận. Mặt Ngài có ánh sáng đỏ. Nhờ nắm vững học thuyết âm dương mà Thái Dương Tử cứu nhân độ thế vô số, không có ai trên thế gian nầy bì kịp. Sau tu tiên đắc đạo, xưng là Thái Dương Tinh Quân.
*Ngày vía của Thái Dương Tinh Quân là ngày mùng một tháng hai âm lịch.


(Miếu thờ TDTQ)

*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.suntemple.org.tw/new_page_16.htm)
*Xin xem phần Phụ Lục :- Thái Dương Tinh Quân Thánh Kinh và Thái Âm Tinh Quân Thánh Kinh"
*PHỤ LỤC

Thái Dương Kinh (phiên âm)

Thái Âm Kinh (phiên âm)
Thái Dương Tinh Quân Thánh Kinh
太陽星君寶誥
志心皈命禮 (三稱)
洞陽至聖，炎明上真，主南極之陽。關，掌人身之魂魄，光輝盛大，行為萬象之尊功德高明，主世照眾生之命，昭回天地神光晝夜巡行，樞紐陰陽，炎魄威施赫烈，凡蒙光照，實賴生成，大悲大願，大聖大慈，日宮太陽恩光普照大天尊。
太陽星君聖經

(朝日早晨誦念七遍有求必應)

太陽明明珠光佛，四大神明正乾坤，太陽日出滿天紅，
曉夜行來不住停，行得快來催人老，行得遲來不留停，
家家門前都走過，倒惹諸人叫小名，惱得二人歸山去，
餓死黎民苦眾生，天上無我無晝夜，地下無我少收成，
個個神明有人敬，那個敬我太陽星，太陽冬月十九生，
家家念佛點紅燈，有人傳我太陽經，闔家老幼免災星，
無人傳我太陽經，眼前就是地獄門，太陽明明珠光佛，
傳與善男信女人，每日朝朝念七遍，永世不入地獄門，
臨終之時生淨土，九泉七祖盡超昇，

## THÁI DƯƠNG TINH QUÂN BẢO CÁO.

*Chí tâm qui mệnh lễ (tam xưng )

Đỗng dương chí thánh， viêm minh thượng chân， chủ Nam cực chi dương quan， chưởng nhân thân chi hồn phách， quang huy thịnh đại， hành vi vạn tượng chi tôn công đức cao minh， chủ thế chiếu chúng sanh chi mệnh， chiêu hồi thiên địa thần quang trú dạ tuần hành， khu nữu âm dương， viêm phách uy thi hách liệt， phàm mông quang chiếu， thực lại sinh thành， Đại bi đại nguyện， Đại thánh đại từ， Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Đại Thiên Tôn .

Thái Dương Tinh Quân Thánh Kinh

(triêu nhật tảo thần tụng niệm thất biến hữu cầu tất ứng )

Thái Dương minh minh châu quang Phật， tứ đại thần minh chính càn khôn， thái dương nhật xuất mãn thiên hồng，

Hiểu dạ hành lai bất trụ đình， hành đắc khoái lai thôi nhân lão， hành đắc trì lai bất lưu đình，

Gia gia môn tiền đô tẩu quá， đảo nhạ chư nhân khiếu tiểu danh， não đắc nhị nhân qui sơn khứ，

Ngạ tử lê dân khổ chúng sinh， thiên thượng vô ngã vô trú dạ， địa hạ vô ngã thiểu thu thành，

Cá cá thần minh hữu nhân kính， na cá kính ngã Thái Dương Tinh， thái dương đông nguyệt thập cửu sinh，

Gia gia niệm Phật điểm hồng đăng， hữu nhân truyền ngã Thái Dương Kinh， hạp gia lão ấu miễn tai tinh，

Vô nhân truyền ngã Thái Dương Kinh， nhãn tiền tựu thị địa ngục môn， thái dương minh minh châu quang Phật，

Truyền dữ thiện nam tín nữ nhân， mỗi nhật triêu triêu niệm thất biến， vĩnh thế bất nhập địa ngục môn，

Lâm chung chi thời sanh tịnh thổ (độ)， cửu tuyền Thất Tổ tận siêu thăng，

## Thái Âm Tinh Quân Thánh Kinh

太陰星君寶誥

志心皈命禮 (三稱)

廣寒至聖，紫光上真，主北極之陰
關，掌人身之魄體，明分長短，致吉兇有缺有圓，顯示災祥，降禍福無差無忒，巡遊不住，月碧亙古常明，輝燿無邊，素魂普施大化，凡承運照，實荷生成，大悲大願，大聖大慈，月宮太陰皇君普照大天尊。
太陰星君聖經
(朝日靜夜誦念七遍求則得之)
太陰菩薩向東來，十重地獄九重開，十萬八千諸菩薩，
諸佛菩薩二邊排，諸尊佛敬無雲地，出水蓮花滿地開，
頭帶七層珠寶塔，娑婆世界眼光明，一佛報管天地恩，
二佛報答父母恩，在生父母增福壽，過世父母早超昇，
南摩佛，南摩法，南摩阿彌陀佛，天羅神，地羅神，
人離難，難離身，一切災殃化為塵，有人念得七遍太陰經，
生死不踏地獄門。

THÁI ÂM TINH QUÂN BẢO CÁO

*Chí tâm qui mệnh lễ (tam xưng )

Quảng Hàn chí thánh， tử quang thượng chân， chủ bắc cực chi âm quan， chưởng nhân thân chi phách thể， minh phân trường đoản， trí cát hung hữu khuyết hữu viên， hiển thị tai tường， giáng hoạ phúc vô sai vô thắc， tuần du bất trụ ， nguyệt bích cẳng cổ thường minh， huy diệu vô biên， tố hồn phổ thi đại hoá， phàm thừa vận chiếu， thực hà sinh thành， Đại bi đại nguyện， Đại thánh đại từ， Nguyệt Cung Thái Âm Huỳnh Quân Phổ Chiếu Đại Thiên Tôn .

Thái Âm Tinh Quân Thánh Kinh

(triêu nhật tĩnh dạ tụng niệm thất biên câu tắc đắc chi )

Thái Âm Bồ Tát hướng đông lai， thập trọng địa ngục cửu trùng khai， thập vạn bát thiên chư Bồ Tát，

Chư Phật Bồ Tát nhị biên bài， chư tôn Phật kính vô vân địa， xuất thuỷ liên hoa mãn địa khai，

Đầu đái thất tằng châu bảo tháp， Ta bà thế giới nhãn quang minh， nhất Phật báo quản thiên địa ân，

Nhị Phật báo đáp phụ mẫu ân， tại sinh phụ mẫu tăng phước thọ， quá thế phụ mẫu tảo siêu thăng，

Nam ma phật， Nam ma pháp， Nam ma A Di Đà Phật， Thiên la thần， Địa la thần， nhân ly nạn， nạn ly thân， nhất thiết tai ương hoá vi trần . Hữu nhân niệm đắc thất biến Thái Âm Kinh， sanh tử bất đạp địa ngục môn .

*NHƯỢC THỦY dịch

(từ http://www.suntemple.org.tw/new_page_16.htm).

Xin theo dõi tiếp BAI 11. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 11.

*Thứ Hai, ngày 06 tháng 4 năm 2015*

# THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

Phần bổ sung cho bài "Huyền Thiên Thượng Đế".

54.-Khai Chương Thánh Vương.



開漳聖王

開漳聖王，又稱「聖王公」，民間簡稱「聖王」，又因為他是陳姓的祖先，所以也被稱為「陳府將軍」或「陳聖王」、「陳將軍」、「陳聖公」、「威惠聖王」、「威烈侯」、「廣濟王」。

開漳聖王姓陳，名元光，又名陳永華，字廷炬，號龍湖，身材魁悟，氣宇非凡，唐代武進士。唐僖
宗開拓潮州、漳州時，被朝廷任命為元師，率兵平定南蠻，收復漳州龍溪、漳浦、南靖、長泰、平和、詔安、海澄等七縣，設漳州府治于龍溪。當時的福建漳州地區
一帶尚未開化，居民都是未受教育的蠻族，待陳元光到任之後，就在漳州加以積極經

營開墾，實行仁政，安撫教育蠻民，將中原文化移植到當地，因此，他在漳州人的心目中得到很高的推崇。在他死後敕封為「威惠聖王」，當地居民建廟祭祀，奉他為地方守護神。

另一說法：陳元光為福建衛戍「鷹揚將軍」陳政的兒子，跟隨著父親戍守福建。在父親死後，奉命
代行父職，統率兵馬，陳元光並特別請命朝廷創置漳州，率領眾兵平定漳州地區的盜亂，鎮撫屯守，披荊斬棘，並努力建設，使人民得以安居樂業。及至晚年，閩酋叛變，陳元光奉詔興兵討伐，不幸陣歿，頒謚「忠毅」。漳州人感其恩德，立廟塑像祭祀，稱為「將軍廟」。

據說在當時輔佐開漳聖王治理漳州的尚有四大部將，分別為：「輔順將軍」、「輔義將軍」、「輔顯將軍」與「輔信將軍」。因此後人祭拜開漳聖王的同時，也都會另外配祀「輔順」、「輔義」、「輔顯」與「輔信」四位將軍。

開漳聖王原為福建漳州地區祭祀的地方神，後來漳州居民移居外地時，把開漳聖王當作隨身的保護神。在漳州人聚集的地方，都會建「開漳聖王」廟來祭祀，以保佑地方的安寧。
每年二月十五日，開漳聖王神誕之日，漳州籍民眾都會到「開漳聖王廟」中祭祀或舉行神誕道場，規模壯大，祭典熱鬧。



KHAI CHƯƠNG THÁNH VƯƠNG

*Khai Chương Thánh Vương còn gọi là Thánh Vương Công. Dân gian hay xứng là "Thánh Vương". Vì Ngài là tổ tiện của họ Trần, nên cũng hay dùng cách gọi Trần Phủ Tướng Quân hoặc Trần Thánh Vương, Trần Tướng Quân, Trần Thánh Công, Uy Huệ Thánh Vương, Uy Liệt Hầu, Quảng Tế Vương.
*Khai Chương Thánh Vương là người họ Trần, tên Nguyên Quang, còn có tên Trần Vĩnh Hoa, tự Đình Cự, hiệu Long Hồ.
*Ngài là người có tướng mạo khôi ngô, khí phách phi phàm. Đậu Tiến Sĩ Võ đời vua Đường Hy Tông, bổ nhiệm làm Nguyên Sư ở hai nơi Triều Châu và Chương Châu. Vâng mệnh triều đình xuất binh bình định phương Nam, thu phục được bảy huyện là Long Khê, Chương Phố,

Nam Tĩnh, Trường Thái, Bình Hòa , Chiêu An, Hải Trừng. Đặt Long Khê làm nơi chỉ huy để cai quản Chương Châu. Hồi bấy giờ, địa phận Chương Châu thuộc tỉnh Phước Kiến còn chưa được khai hóa, những người văn minh ở đô thị chưa có điều kiện giáo hóa các dân tộc thiểu số (Man tộc).

*Kể từ khi Ngài đến đây, đã hết sức tích cực khai hoang phục hóa vùng đất hoang vu . Đồng thời, đem sách vở chữ nghĩa và đạo đức của Trung Nguyên đến dạy cho những bộ tộc ở đây, cho nên dân chúng rất coi trọng và sùng kính Ngài. Khi Ngài mất, được phong chức "Uy Huệ Thánh Vương". Dân chúng địa phương xây Miếu Thờ tôn Ngài làm Thần Bảo Hộ cho vùng đất Chương Châu.

*Một thuyết khác nói rằng, Trần Nguyên Quang là con của Ưng Dương Tướng Quân Trần Chính, quan cai trị tỉnh Phước Kiến, đã từng giúp cha trong việc cai trị vùng nầy. Khi cha mất, được lệnh thay cha tiếp tục cai trị Phước Kiến. Trần Nguyên Quan xin lệnh triều đình cho ông suất lãnh binh mã dẹp trừ tặc loạn và bình định vùng Chương Châu. Sau đó, Ngài đã dùng đạo đức nhân nghĩa để thu phục nhân tâm, ra sức xây dựng kiến thiết vúng đất nầy thành nơi an cư lạc nghiệp cho dân chúng. Đến cuối đời, nhân vì Tù Trưởng một bộ tộc ở Mân Nam làm phản, Trần Nguyên Quang phụng chiếu đi dẹp giặc, chẳng may bị hy sinh, vua ban tên thụy là "Trung Nghị". Dân chúng Chương Châu cảm ân đức của Ngài, xây dựng miếu Thờ, gọi là "Tướng Quân Miếu".

*Cũng theo truyền thuyết, lúc bấy giờ có bốn vị Phụ Tá cho Ngài trong việc cai trị Chương Châu, là :- "Phụ Nghĩa Tướng Quân", "Phụ Hiền Tướng Quân", "Phụ Tín Tướng Quân" và "Phụ Thuận Tướng Quân". Cho nên ngày nay khi thờ cúng Khai Chương Thánh Vương thì dân chúng đồng thời cũng thờ cúng bốn vị Phụ Thuận, Phụ Nghĩa, Phụ Hiển và Phụ Tín Tướng Quân nầy.

*Khai Chương Thánh Vương khởi thủy là vị Thần thờ ở khu vực Chương Châu, nhưng về sau, người dân Chương Châu đi lập nghiệp nơi khác, vẫn giữ sự thờ cúng Ngài làm Thần Bảo Hộ. Do đó, những nơi có cư dân Chương Châu tập hợp sinh sống là có xây dựng Miếu Thờ "Khai Chương Thánh Vương" để phù hộ cho họ được bình an. Thành ra ngày nay số Miếu Thờ của Ngài khá nhiều ở các địa phương khác.

*Mỗi năm vào ngày rằm tháng hai âm lịch là ngày đản sanh của Khai Chương Thánh Vương, những người có quê quán ở Chương Châu đều tập hợp đến Miếu Thờ Ngài để cúng bái. Nghi thức cúng gọi là "Thần đản đạo tràng" (kỷ niệm sinh nhật) rất trọng thể và náo nhiệt.



*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)

55.TAM SƠN QUỐC VƯƠNG .




三山國王

三山國王，所指的三山是廣東揭陽縣的明山、獨山與巾山。相傳早在一千三百多年前的隋代，三神奉玉帝之命下凡鎮守三山，從此三神在巾山之麓，經常顯靈。

關於三山國王的來歷，眾說紛云，一說謂：宋太祖趙匡胤開國時，南漢後主劉張耽於淫樂，興起為
亂，太祖於是命王師南征。潮州太守王侍監赴三山求神，果然雷電驟起風雨交加，劉張的軍隊受到暴風雨的吹襲，終於拜北而被服。班師回朝之日見有旌旗出現在城
頭的雲中，旌旗上書寫著「潮州三山神」幾個大字。太祖才領悟到劉張之亂得以平息，實有神助，於是誥封巾山為「清化威德報國王」，明山為「助政明肅寧國
王」，獨山為「惠威弘應豐國王」。

又傳，南宋帝昺時陳友蓮叛亂，昺帝率軍親征，不幸敗北，其麾下九十九陣將均告敗亡，昺帝落荒
而逃被匪兵追到潮州，就在進退維谷，前有大河，後有追兵呼嘯殺來的危急存亡關頭之際，突然看到前面三山上，祥雲飛揚，每座山中都飄揚軍旗，於是招手求救。結果出現一位將軍馳馬渡河，殺退叛賊，救昺帝渡河脫險。回朝後昺帝派人訪查三山軍番號，遍尋良久都無結果，官軍一致認為是山神護衛，昺帝於是下令設廟奉
祀，並敕封為三山國王。

廣東客家人，傳承中原文化而奉尊三山國
王，這種山嶽信仰是古代自然崇拜的遺風，客家移民所到之處都興建廟宇供奉。此後，對三山國王的信仰，從潮州擴展到廣東，甚至於台灣，並立三山國王廟奉祀。

農曆二月十五日為三山國王千秋。




TAM SƠN QUỐC VƯƠNG

*Tam Sơn là chỉ cho ba ngọn núi lớn ở huyện Yết Dương tỉnh Quảng Đông. Đó là :- Minh Sơn, Độc Sơn và Cân Sơn.

Tam Sơn Quốc Vương là ba vị thần được Ngọc Đế phong cho trấn thủ ba ngọn núi, trụ ở chân núi Cân Sơn, trải qua thời gian dài rất linh hiển.

*Liên quan đến lai lịch của Tam Sơn Quốc Vương, có nhiều truyền thuyết khác nhau :-

-Một thuyết cho rằng, hồi vua Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận mới lập quốc, Hậu Chúa của Nam Hán là Lưu Trương ham mê tửu sắc, dấy binh làm loạn, Thái Thổ ra lệnh cho Vương Sư đi chinh phạt phương Nam. Quan Thái Thú Triều Châu là Vương Thị Giám đến Tam Sơn để cúng bái xin Thần phù hộ. Quả nhiên, quân của Lưu Trương bị mưa to gió lớn nổi lên làm chết vô số, kết quả Lưu Trương phải chịu thần phục nhà vua. Ngày ban sư về triều, Vương Sư thấy có xuất hiện trên thành một đám mây năm sắc, trong mây có lá cờ thêu bốn chữ "Tam Sơn Quốc Vương" phát hào quang rực rỡ. Liền đem sự việc tâu vua, Thái Tổ công nhận việc dẹp loạn thành công nầy là có sự hỗ trợ của Thần Linh, nên sắc phong cho vị thần ở Cân Sơn làm "Thanh Hóa Uy Đức Báo Quốc Vương", vị ở Minh Sơn làm "Trợ Chính Minh Túc Ninh Quốc Vương" và vị ở Độc Sơn làm "Huệ Uy Hoằng Ứng Phong Quốc Vương".

*Lại cũng có truyền thuyết , thời Bính Đế của Nam Tống , có loạn Trần Hữu Liên , Bính Đế thân chinh cầm quân đi đánh dẹp, chẳng may bị thua. Dưới lá cờ chỉ huy của ông, chín mươi chín trận các tướng đều bị bại, Bính Đế lạc mất hàng ngũ, bị giặc truy đuổi chạy đến Triều Châu, trước mặt là sông lớn, tiến thối lưỡng nan. Quân giặc khí thế hùng hổ kêu la "giết ! giết !" chạy đến. Trong lúc tánh mạng chỉ còn ngàn cân treo sợi tóc, bổng thấy trên ba ngọn núi trước mặt lóe lên vầng hào quang, trên đầu núi xuất hiện những lá cờ cầu cứu. Kết quả có một vị tướng quân cỡi ngựa chạy trên sông ,xông lên bờ nhắm vào quân giặc mà tả xung hữu đột, làm cho quân giặc khiếp vía thối lui. Lại có chiếc thuyền đưa Bính Đế qua sông thoát nạn. Sau đó, vị tướng biến mất. Khi về triều, Bính Đế nhớ công ơn cứu tử, cho người tìm đến Tam Sơn hỏi xem đội quân nào cứu giá, thì dân chúng cho biết không thấy quân sĩ nào cả. Người về báo lại, chắc là "thần binh của Tam Sơn" cứu giá. Bính Đế nhân đó sắc phong làm Tam Sơn Quốc Vương".

*Xét ra, việc sùng bái núi non đã có từ thời con người cổ đại, là nét văn hóa phổ biến của Trung Nguyên, cho nên cư dân Quảng Đông thừa kế nền văn hóa đó mà lập Miếu thờ "vị thần của ba ngọn núi" ở địa phương là Tam Sơn Quốc Vương, cũng là việc tất yếu.

Sau nầy, người Quảng Đông đi làm ăn nơi khác, cũng giữ phong tục thờ cúng Tam Sơn Quốc Vương mà lập Miếu Thờ. Từ Triều Châu sang Quảng Đông, thậm chí cả Đài Loan cũng có

nhiều Miếu Thờ Tam Sơn Quốc Vương.
*Ngày vía của Tam Sơn Quốc Vương là ngày rằm tháng hai âm lịch.



*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)
Lời giới thiệu:-
Có một vị Thần mà người Trung Hoa (nhất là phía Nam) rất tôn kính, thờ phụng rộng rãi và lâu đời. Hiện nay, khu Miếu Thờ chính ở tỉnh Phước Kiến là một "danh lam thắng cảnh hiếm thấy trên thế gian". Mỗi năm thu hút cả triệu lượt người hành hương tham quan.
Nhưng người Việt Nam chúng ta thì hầu như "không ai biết" và cũng chưa thấy nhắc đến trong sách vở bao giờ.
Đó là Ngài "Thanh Thủy Tổ Sư". Bài viết dài nhất trong "Thần Thánh Trung Hoa" mà tôi dịch dưới đây, sẽ giúp chúng ta hiểu biết thêm về vị Thần nhiều ảnh hưởng đối với người Trung Hoa nây.

## 56.THANH THỦY TỔ SƯ
## 清水祖師

清水祖師，又稱「麻章上人」。閩南、台灣地區民間都尊稱為「祖師公」。由其面色可分為：「金
面祖師」、「紅面祖師」、「烏面祖師」。民間又稱「落鼻祖師」，據說每逢天災人禍變故時，他的鼻子會掉落，暗示災禍的前兆，故
得此名。清水祖師原是宋代的一名僧人，圓寂後逐漸演變成為閩南地區有影響的佛教俗神，至今仍在福建、台灣及東南亞一些地區擁有數千計的分爐和眾多的信仰
者。在民間，清水祖師的俗名還有"陳應"、"陳昭"等。民間傳說
，清水祖師有七個分身，分別稱為蓬萊祖師、落鼻祖師、昭應祖師、輝應祖師、顯應祖師、普庵祖師、三代祖師等，其中顯應祖師、普庵祖師、三代祖師可能是其他佛教俗神的尊稱，與清水祖師相混淆。如三代祖師姓林名玭，號自超，相傳為毗舍盧佛現身，坐化於德化縣美湖鄉。顯應祖師原名黃惠勝；普庵祖師俗姓餘，名丘
肅，號普庵，宋代江西省宜春人，事跡與清水祖師相似。

《清水祖師本傳》記載：清水祖師圓寂於建中靖國元年（1101年），享年65歲。在清水祖師
的圓寂年之後有一行後人加上去的注釋："祖師公生於宋仁宗二十二年正月初六日，即慶歷七年是也。"慶歷七年即1047年。宋代長泰余克濟也說：今考行狀，

以慶歷七年生，其遷化乃建中靖國元志年也。《安溪清水岩》：北宋仁宗慶歷七年丁亥正月大師降世。《安溪縣志》卷九「普足禪師」記載，清水祖師在建中靖國元年圓寂時，享年57歲。《清水岩志志略》：清水祖師生於仁宗二十二年，即慶歷五年（1045年）乙酉正月初六，涅槃於建中靖國元年辛巳五月十三日，年五十 有七。

史書記載清水祖師從不懂事的幼年就削髮為僧。清水祖師生活於1047－1101年間，當時宋代是福建佛教鼎盛時期，福建寺院之多，僧尼人數之眾，均居全國首位，時人有“閩中塔廟之盛，甲於天下”和“山路逢人半是僧”的描述。

清水祖師確有其人，宋朝政和三年（1113年）十二月邑令陳浩然撰寫的《清水祖師本傳》：「祖師生於永春縣小姑鄉，陳其姓，普足其名也。幼出家於大雲 院，長結庵於高泰山，志甘槁薄，外厭繁華。聞大靜山明禪師具圓滿覺，遂往事之。道成業就，拜辭而還。師曰：“爾營以種種方便，澹足一切。”因授以法衣而囑之。曰：“非值精嚴事，不可以有此。”祖師還庵，尊其師傅之言，乃勸造橋樑數十，以度往來。後移庵住麻章，為眾請雨，如期皆應。元豐六年，清溪一帶大旱，其村劉氏相與謀曰：“麻章上人，道行精嚴，能感動天地。”
比請而至，雨即沾足，眾情胥悅，咸有築室請留之願，乃於張岩山闢除菑翳，剪拂頑石，成屋數架，名之曰清水岩，延師居焉。以其年，造成通泉橋、谷口橋，又十年，造成汰口橋，砌洋中亭，糜費巨萬，皆取於施者。汀、漳時人有災難，皆往禱焉，至則獲應。祖師始至，岩屋草創，凡三經營，乃稍完潔。岩東惟棗樹一株，祖師乃多植
竹木，迨今成蔭。其徒弟楊道、周明，於岩隈累石為二窄堵，臨崖距壑，非人力可措手，蓋有陰相之者。
（清水嚴祖師像)
劉氏有公銳者，久不茹葷，堅持梵行，祖師與之相悅。一日公銳至，輒囑以後事，仍言“形骸外物，漆身無益。”說偈訖，端然坐逝，享年六十五歲，建中靖國元年五月十三日也。」

多數文獻記載清水祖師於元豐六年（1083年）擔任清水岩主持，時年39歲，十九年後圓寂。
宋代長泰余克濟記載：元豐六年，清水祖師應當地百姓邀請，結庵於清水岩，自是誅茅鋤草，岩棲穴處，十有九年。明何喬遠《閩書》：普足術行建、劍、汀、漳間，檀施為盛，居岩十九年。道光重纂《福建通志》：普足名重建、劍、汀、漳間，檀施為盛，居岩十九年。

## THANH THỦY TỔ SƯ

Thanh Thủy Tổ Sư, còn gọi là “Ma Chương Thượng Nhân”.
Dân gian vùng Mân Nam, Đài Loan tôn xưng là “Tổ Sư Công”. Tùy theo màu sắc gương mặt mà chia làm :- “Kim Diện Tổ Sư”, “Hồng Diện Tổ Sư”, “Ô Diện Tổ Sư”. Còn trong dân gian thời gọi là “Lạc Tỵ Tổ Sư” (tổ sư lắc mũi). Bởi vì, khi có những biến cố như là thiên tai, nhân họa, cái mũi của tượng thờ Ngài dao động, lắc qua lắc lại, ra điềm báo cho biết trước mà phòng bị, nên thành ra tên gọi như vậy.
*Thanh Thủy Tổ Sư nguyên là một vị Tăng đời Tống, sau khi viên tịch đã dần dần biến thành vị Thần theo tập tục của cư dân vùng Mân Nam chịu ảnh hưởng Phật Giáo. Đến ngày nay, từ

Phước Kiến đến Đài Loan, thậm chí lan rộng ra đến cả vùng Đông Nam Á, tín ngưỡng về Thanh Thủy Tổ Sư cũng có ảnh hưởng rất lớn.
*Ở dân gian, Thanh Thủy Tổ Sư có tên đời là "Trần Ưng" hoặc "Trần Chiêu". Truyền thuyết nói rằng, Thanh Thủy Tổ Sư có đến bảy tôn hiệu , như là :- Bồng Lai Tổ Sư, Lạc Tỵ Tổ Sư, Chiêu Ứng Tổ Sư, Huy Ứng Tổ Sư, Hiển Ứng Tổ Sư, Phổ Am Tổ Sư, Tam Đại Tổ Sư. Trong số đó, ba tôn hiệu Hiển Ứng Tổ Sư và Phổ Am Tổ Sư , Tam Đại Tổ Sư là do tín ngưỡng Phật Giáo đề xuất, so với danh hiệu gốc Thanh Thủy Tổ Sư rất dễ rối rắm, khó phân biệt.
*Như truyền thuyết về Tam Đại Tổ Sư là, họ Lâm tên Tất, hiệu Tự Siêu. Tương tuyền là Phật Tì-Lô-Xá-Na hóa hiện thân, ở làng Mỹ Hồ, huyện Đức Hóa.
Truyền thuyết về Hiển Ứng Tổ Sư thì nói nguyên tên là Huỳnh Huệ Thắng. Còn Phổ Am Tổ Sư thì nói là họ Dư tên Khâu Túc, hiệu Phổ Am, người ở Nghi Xuân tỉnh Giang Tây đời Tống. Chi tiết nầy tương tự với Thanh Thủy Tổ Sư.
*Trong "Thanh Thủy Tổ Sư Bản Truyện" có viết :- "Thanh Thủy Tổ Sư viên tịch vào năm Kiến Trung Tịnh Quốc nguyên niên (năm 1101), thọ sáu mươi lăm tuổi. Sau khi Ngài viên tịch, có người chú thích là Ngài sanh vào ngày mùng sáu tháng giêng năm thứ hai mươi hai đời Tống Nhân Tông, tức là Khánh Lịch năm thứ bảy ( năm 1047). Đời Tống, ông Trường Thái Dư Khắc Tế nói :- "Nay xét hành trạng (của Thanh Thủy Tổ Sư ) thì sinh vào năm Khánh Lịch thứ bảy, thoát hóa vào năm Kiến Trung Tịnh Quốc nguyên niên".
-Trong "An Khê Thanh Thủy Nham" thì viết :- " Đại sư giáng thế vào tháng giêng năm Đinh Hợi , là năm Khánh Lịch thứ bảy đời Tống Nhân Tông".
-Trong "An Khê Huyện Chí" quyển thứ chín "Phổ Túc Thiền Sư" viết :- "Thanh Thủy Tổ Sư viên tịch vào năm Kiến Trung Tịnh Quốc nguyên niên, hưởng thọ năm mươi bảy tuổi".
-Trong "Thanh Thủy Nham Chí Chí Lược" thì viết :- "Thanh Thủy Tổ Sư sanh vào ngày mùng sáu tháng giêng năm Ất Dậu , là năm thứ hai mươi hai đời Tống Nhân Tông, tức Khánh Lịch năm thứ năm ( năm 1045), nhập Niết-bàn ngày mười ba tháng năm Tân Tỵ, là năm Kiến Trung Tịnh Quốc nguyên niên, hưởng thọ năm mươi bảy tuổi."
*Lịch sử ghi rằng, Thanh Thủy Tổ Sư xuất gia từ lúc còn bé. Ngài sống ở thời gian từ năm 1047—1101, ở đời Tống, thời kỳ mà ở Phước Kiến, Phật Giáo rất thịnh hành phát triển dữ dội. Phước Kiến có rất nhiều Thiền Viện, tăng chúng vô số , đứng đầu cả nước. Lúc ấy, người ta nói :- "Cõi Mân Nam chùa tháp đầy cả thiên hạ" và câu "Ra đường gặp người , phân nửa là Tăng" , đủ biết khí thế Phật Giáo mạnh như thế nào !
*Thanh Thủy Tổ Sư được mô tả là người như thế nầy:-
-Trong quyển "Thanh Thủy Tổ Sư Bản Truyện" của quan Ấp Lệnh Trần Hạo Nhiên đời Tống, viết vào tháng chạp năm Chính Hòa thứ ba ( năm 1113) có ghi :-
[ Tổ Sư sanh ở Làng Tiểu Cô huyện Vĩnh Xuân. Họ Trần, tên Phổ Túc. Lúc trẻ xuất gia ở chùa Đại Vân, khi trưởng thành cất am ở núi Cao Thái. Ngài là người có tính đơn giản, sống đạm bạc, lánh xa chốn phồn hoa. Nghe tiếng sư Minh Thiền ở núi Đại Tĩnh là bậc giác ngộ viên mãn, nên đến xin học đạo, thờ thầy rất chân thành. Sau được truyền tâm ấn, Ngài cáo biệt thầy xuống núi. Sư Minh Thiền bảo :- "Nay ngươi đã đầy đủ phương tiện, có thể gánh vác việc lớn". Lại ban cho pháp y, nói :- "Nếu không phải là chuyện quan trọng, không dùng đến nó".
Tổ Sư trở về am cũ, vâng theo lời dạy của Thầy, quyên tạo rất nhiều cây cầu cho bá tánh thuận tiện qua lại. Sau dời am đến Ma Chương, vì dân chúng mà "cầu mưa" , hễ cầu là được. Năm Nguyên Phong thứ sáu, vùng Thanh Khê bị đại hạn, trong thôn có vị tướng họ Lưu bàn rằng "Ma Chương thượng nhân (chỉ Tổ Sư) là bậc đạo hạnh tinh nghiêm, đạo lực có thể cảm đến trời đất" , bèn cùng mọi người đến thỉnh Tổ giúp đỡ. Quả nhiên, mưa xuống ngập đất, dân chúng vui mừng khôn xiết, cất một am tranh tre thỉnh Ngài lưu lại. Rồi họ khai phá vùng đất núi ở Trương Nham, dọn dẹp đá núi, cất nhiều căn nhà , gọi tên là Núi Thanh Thủy, mời Tổ đến ở. Trong năm đó, tạo thành Cầu Thông Tuyền, Cầu Dục Khẩu. Đến năm thứ mười,

tạo cầu Thái Khẩu, cất Đình Dương Trung, chi phí và công sức bỏ ra rất lớn, đều cúng dường cho Tổ. Hai vùng Đinh Chân và Chương Châu, hễ có người gặp tai nạn, liền đến cầu Ngài, tất cả đều được bình yên. Lúc Tổ Sư mới đến thì chỉ mới chuẩn bị làm nhà, chỉ sau ba năm là mọi thứ hoàn chỉnh. Ở mé Đông núi có vùng đất còn trống, Tổ cho trồng tre, đến nay thành rừng. Hai đệ tử của Ngài là Dương Đạo và Chu Minh, điêu khắc đá núi thành hai ngọn tháp rất đẹp. Đời sau cho là sức người không thể làm nổi, chắc là có thần lực tương trợ mới thành. Gia đình họ Lưu  có người tên Công Duệ, ăn chay lâu ngày, gìn giữ phạm hạnh, học đạo tinh cần, Tổ Sư rất vừa ý. Một hôm, gọi Công Duệ đến, Sư phó chúc cho Công Duệ rồi bảo :- "Hình hài là ngoại vật, giữ nó mãi cũng vô ích". Nói xong, ngồi ngay ngắn thị tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Đó là ngày mười ba tháng năm , năm Kiến Trung Tịnh Quốc nguyên niên vậy ].

*Đa số sách vở sau nầy đều có ghi chép, Thanh Thủy Tổ Sư  đến  chủ trì ở Thanh Thủy Nham vào năm Nguyên Phong thứ sáu ( năm 1083), khi ấy Ngài đã ba mươi chín tuổi, mười chín năm sau thì viên tịch. Đời Tống có ông Trường Thái Dư Khắc Tế ghi : "Năm Nguyên Phong thứ sáu, Thanh Thủy Tổ Sư được bá tánh cầu thỉnh, đến cất am ở núi Thanh Thủy, phá núi lấp hang, dọn gai phát tranh, thành nơi linh địa".

- Minh Hà Kiều Viễn trong Mân Thư viết:- "Pháp thuật của Ngài Phổ Túc thịnh hành ở các châu Kiến, Kiếm, Đinh và Chương Châu. ở núi mười chín năm".

-Trong "Phước Kiến thông Chí" ghi " Ngài Phổ Túc nổi danh các vùng Kiến, Kiếm, Đinh và Chương Châu, ở núi mười chín năm".

劉公銳，安溪蓬萊人，"素悅禪理，不茹葷能持戒行"。他對清水祖師特別崇拜，元豐六年（1083
年）延請清水祖師到安溪蓬萊祈雨就是由他"倡謀於眾議"。祈雨獲應後，懇切請求清水祖師"移宅蓬萊山"也是由他首先提出來的。清水祖師弘法蓬萊清水岩時，
劉公銳經常去清水岩"親聆講經"，與清水祖師"情益契合"，關係極為密切。他還捐獻"山林田地，充作寺業"，對清水岩的發展作出貢獻，故被"立為檀樾主，
祀於岩左東軒。凡春日抬大師像下山迎香，必以公銳像配迎駕前，蓋所以報其功也。"
由於劉公銳與清水祖師的特殊關係，對清水祖師的生平最為熟悉，難免一些有
溢美之詞，但《清水祖師本傳》應該說基本上是可信。

《清水祖師本傳》載，"祖師生於永春縣小姑鄉，陳其姓，普足其名也。"永春縣小姑鄉為今福建省永春縣岵山鎮鋪上村，據當地珍藏的《桃源南山陳氏族譜》記載，清水祖師俗姓陳，名榮祖，《清水祖師本傳》中所謂名"普足"實際上是法名，非俗名。

光緒間楊浚編寫的《四神志》中的《清水岩志略》則記載："神姓陳，名普足，永春縣小姑鄉人，
為宋理學名儒溫陵陳知柔字體仁，號休齋之裔，父某，母洪氏。"陳知柔是宋代福建著名學者，《福建通志》、《泉州府志》、《永春州志》等均有其傳記，他本人
是進士，七個兒子也都是進士，故有"一門八俊"之美稱。查《桃源南山陳氏族譜》，清水祖師這一支也是世代書香，太祖父陳瑊、曾祖父陳彥聖、大伯父陳樸、二
伯父陳模、四叔陳權、弟弟陳夢得均是進士出身。其父陳機，"學問該貫，尤長於詩，寫詩泳物，信筆立成。"《桃源南山陳氏族譜》記載：（清水祖師）兒時持齋
誦經，日常與山下里人牧牛子戲，日暮吟經，牛自知歸，後化清水祖師佛。

相傳清水祖師俗姓陳，名應（一說為陳昭或陳昭應），字善足，北宋仁宗慶曆四年正月初六誕生於

福建省泉州府永春縣小姑鄉，卒于建中靖國元年五月十三日，享年六十五歲。陳應自幼在大雲院出家，因不堪寺院的虐待，於是到高太山結茅築庵，閉關靜坐，後經大靜山明松禪師指點，參讀佛典三年，終於悟道。明松禪師授他衣缽，並告誡他：「我佛最大功德，就是行仁，是故要捨棄萬緣，以利物濟世為職責」，陳應就在麻章施醫濟藥，普救貧病，麻章人士尊他為「麻章上人」。

拜別師父後還庵，勤儉克己，施醫濟藥。宋神宗元豐六年，福建省安溪、永春一帶大旱，鄉人請他去祈雨，立刻甘霖普降，清溪人士感念他的恩德，就在蓬萊山上築一精舍，延請麻章上人居住，並稱此為「清水嚴」，後人尊稱為「清水祖師」。麻章上人在此修行十九年，獨力募化，修橋鋪路，以利交通，人人稱便，漳州、汀州一帶的人都十分崇信他，凡遇災難時，就去求他消災解禍。宋徽宗靖國九年，五月十三日在說教中端坐而逝，享年六十五歲。地方人士感念其德澤，建寺奉祀，并奉報朝廷，敕賜「昭應大師」封號。

關於清水祖師主要功績。從《清水祖師本傳》記載來看，清水祖師在佛學理論上並無太多的創樹，
其主要功績是熱心於慈善事業，他在永春時，“勸造橋樑數十，以度往來”。在安溪時，又募化勸造通泉橋、谷口橋、汰口橋等。清水祖師一生勸造數十座橋樑，既實踐了佛教的“濟人利物”“廣種福田”的教義，而對百姓而言，修橋鋪路是功德無量的善舉，符合了“凡有功德於民則祀之”的原則，所以得到百姓的敬仰甚至崇拜也是很自然的事。清水祖師在世時，以祈雨經常“獲應”而聞名，在百姓看來，祈雨獲應是因為“道行精嚴，能感動天地。”所以百姓賦予清水祖師以神奇甚至神秘色彩，清水祖師去世後，演化成佛教俗神為百姓所崇拜，在某種意義上可以說演化為民間信仰。

另外根據三峽祖師廟說明，清水祖師是北宋京都開封府祥符縣人（今河南開封），曾追隨宋丞相文
天祥義舉勤王，英勇抵抗元兵，轉戰大江南北，是抗元扶宋的民族英雄。清水祖師生前隱居於福建清水巖，死後明太祖追念他功在國家，敕封為「護國公」，昭命於福建省安溪縣清水巖建立祠堂崇祀，因此福建永春安溪人稱他為「祖師公」，其廟宇稱為「祖師廟」。但清水祖師生活於1047－1101年間，這時北宋與遼、
夏對峙，而金是在1115年才立國，1120年宋朝還聯合金夾攻遼，1125年遼滅亡後，金才開始攻打宋，這時元朝並未入侵中原，但清水祖師已圓寂幾十個 年頭了，不太可能“參加到抗元鬥爭中。”

# 清 水 祖 師



- Ngài Lưu Công Duệ, là người ở Bồng Lai, An Khê, được mô tả là vị cư sĩ “ thông suốt lý thiền, ăn chay giữ giới” . Ngài Công Duệ đối với Tổ Sư có lòng tôn kính đặc biệt. Vào năm Nguyên Phong thứ sáu ( năm 1083) đã đề xuất và dân chúng tán thành, thỉnh Tổ Sư đến vùng Bồng Lai, An Khê để cầu mưa. Sau khi có kết quả tốt, Công Duệ khẩn thiết đề xuất trước tiên việc thỉnh cầu Thanh Thủy Tổ Sư “di cư đến Bồng Lai Sơn”. Như vậy, Thanh Thủy Tổ Sư đã hoằng pháp ở hai nơi là núi Thanh Thủy và Bồng Lai. Lưu Công Duệ thường đến núi Thanh Thủy để nghe Tổ giảng kinh, được nhiều khế hợp, quan hệ giữa hai người cực kỳ mật thiết. Lưu Công Duệ đã có công quyên hiến tài sản sự nghiệp của nhà vào công tác xây dựng phát triển núi Thanh Thủy. Sau nầy, dược dân chúng tôn làm “chủ đàn việt” (người cùng dường nhiều nhất) và thờ cúng ở mé điện phía Đông núi. Trong những buổi lễ cúng tế Thanh Thủy Tổ Sư , người ta không quên thỉnh tượng Ngài Công Duệ đến trước tượng Tổ để lễ bái, tôn vinh công lao của Ngài Công Duệ. Dĩ nhiên người đời sau có thể thêm thắt chút ít, nhưng đại bộ phận sự đóng góp của Ngài Công Duệ chắc chắn không phải nhỏ, mới có sự gắn bó mật thiết giữa hai người cho đến nay. Tình tiết ghi chép trong “Thanh Thủy Tổ Sư Bản Truyện” là có thể tin cậy.

*Cũng trong “Thanh Thủy Tổ Sư Bản Truyện” ghi là “Tổ Sư sanh ở Làng Tiểu Cô huyện Vĩnh Xuân.Họ Trần, tên Phổ Túc”. Làng Tiểu Cô huyện Vĩnh Xuân ngày nay là Thôn Phu Thượng , trấn Hộ Sơn, huyện Vĩnh Xuân, tỉnh Phước Kiến.

-Theo tài liệu ghi trong “Đào Nguyên Nam Sơn Trần Thị Tộc Phả ” ( gia phả của họ Trần ở Đào Nguyên Nam Sơn) thì Tổ Sư họ Trần tên Vinh Tổ, như vậy trong Thanh Thủy Tổ Sư Bản Truyện ghi tên Ngài là Phổ Túc, ấy là ghi theo “pháp danh” chứ không phải “thế danh” (tên đời).

*Trong bộ sách “Tứ Thần Chí” , mục “Thanh Thủy Nham Chí Lược” đời vua Quang Tự (nhà Thanh) , ông Dương Tuấn ghi rằng :- “Thần (chỉ Tổ Sư) họ Trần, tên Phổ Túc, người làng Tiểu Cô huyện Vĩnh Xuân, là hậu duệ của vị danh nho nổi tiếng về Lý Học đời Tống tên Ôn Lăng Trần Tri Nhu, tự Thể Nhân, hiệu Hưu Trai, tên cha không biết, mẹ là Hồng Thị.”

-Trần Tri Nhu là một vị nổi danh về Lý Học đời Tống ở tỉnh Phước Kiến, trong các sách 《Phước Kiến Thông Chí》、《Tuyền Châu Phủ Chí》、《Vĩnh Xuân Châu Chí》đều có ghi chép sự nghiệp của ông. Nguyên xuất thân là Tiến Sĩ, bảy người con sau nầy cũng đều đỗ Tiến Sĩ, nên thế gian tôn xưng mỹ hiệu là “Nhất Môn Bát Tuấn” (một nhà có tám ngựa giỏi).

- Tra cứu tiếp trong "Đào Nguyên Nam Sơn Trần Thị Tộc Phả " ( gia phả của họ Trần ở Đào Nguyên Nam Sơn) thì quả gia tộc của Tổ Sư là danh gia thế phiệt, dòng dõi thư hương. Thái tổ phụ là Trần Sung, tằng tổ phụ Trần Ngạn Thánh, đại bá phụ Trần Phác, nhị bá phụ Trần Mô, tứ thúc là Trần Quyền, em là Trần Mộng, tất cả đều là "Tiến Sĩ xuất thân". Cha của Tổ Sư tên Trần Cơ, được mô tả "học vấn uyên bác, là bậc thi bá của làng thơ, vịnh cảnh làm thơ, múa bút là xong". Cũng trong "Đào Nguyên Nam Sơn Trần Thị Tộc Phả " ghi rằng :- " [Thanh Thủy Tổ Sư ] … chăm chỉ trì trai tụng kinh giữ giới, hàng ngày thường cùng người dưới núi cỡi trâu ngoạn cảnh, tối về tụng kinh, sau thoát hóa thành Thanh Thủy Tổ Sư Phật"
*Một truyền thuyết khác ghi là :-
"Thanh Thủy Tổ Sư họ Trần, tên Ứng (hoặc Trần Thiệu hay Trần Thiệu Ứng), tự Thiện Túc. Sanh ngày mùng sáu tháng giêng năm Khánh Lịch thứ tư đời Tống Nhân Tông. ở làng Tiểu Cô huyện Vĩnh Xuân phủ Tuyền Châu tỉnh Phước Kiến. Mất vào ngày mười ba tháng năm , năm Kiến Trung Tịnh Quốc nguyên niên. Hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Trần Ứng từ nhỏ đã xuất gia ở chùa Đại Vân, vì không chịu nổi sự ngược đãi của tự viện nầy, nên lên trên núi Cao Thái cất am mà tu, đóng cửa tĩnh tọa. Sau nhờ Thiền Sư Minh Tùng ở núi Đại Tĩnh dạy dỗ, học thông phật pháp trong ba năm, kết quả ngộ đạo. Thiền Sư Minh Tùng truyền thụ y bát, bảo :- [ Phật ta công đức lớn lao, nên đã tu theo Ngài, phải bỏ hết muôn duyên, chăm lo việc độ người lợi vật làm phương châm trọn đời". Vì thế, Trần Ứng đã ra sức cấp thuốc cứu người vô số ở Ma Chương, trị được nhiều bệnh nan y. Nhân sĩ vùng nầy tôn xưng Ngài là "Ma Chương Thượng Nhân" ].
-Sau lần cầu mưa thành công ở Bồng Lai An Khê tỉnh Phước Kiến, nhân dân vùng nầu cảm niệm ân đức, cất Tinh Xá ở núi Bồng Lai, thỉnh Ngài đến ở. Tôn xưng Ngài là "Thanh Thủy Nghiêm" về sau tôn là Thanh Thủy Tổ Sư .
- Ma Chương Thượng Nhân đã bỏ ra rất nhiều công sức để đắp đường làm cầu tiện lợi cho việc đi lại. Những nơi trước đây hoang vắng hẻo lánh, dần dần thành nơi cư dân sung túc. Suốt mười chín năm, Ngài đã hoàn thành vô số kỳ công, bố thí diệu dược cứu sống hàng vạn người. Dân chúng các vùng Chương Châu, Đinh Châu ai ai cũng xưng tụng Ngài có đạo lực cao siêu, nhà nào có việc nạn tai, đến cầu xin Ngài đều cứu giúp bình an thoát khổ. Năm Tĩnh Quốc thứ chín đời Tống Huy Tông, ngày mười ba tháng năm, Ngài dặn dò đệ tử xong, ngồi an nhiên thị tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Nhân sĩ địa phương cảm thọ công đức Ngài, xây Miếu Thờ. Lại tâu về triều, sắc phong Ngài làm "Thiệu Ứng Đại Sư".
*Tóm tắt công trạng thành tích của Thanh Thủy Tổ Sư về Phật Học thì không có gì nổi bật lắm, chủ yếu là tập trung vào sự nghiệp từ thiện. Ở Vĩnh Xuân, tạo được mấy chục cây cầu, ở An Khê tạo ra những cây cầu lớn như : cầu Thông Tuyền, cầu Cốc Khẩu, cầu Thái Khẩu. Rồi thêm vào những công việc bố thí thuốc men trị lành bệnh cho người, những lần cầu mưa linh nghiệm .Như vậy, hễ làm việc gì có phúc lợi cho nhân dân, thì chắc chắn dược nhân dân sùng bái. Đó là qui luật của muôn đời.
*Ngoài ra, theo sự giải thích của Tam Hiệp Tổ Sư Miếu thì lai lịch của Thanh Thủy Tổ Sư có khác. Ngài là người ở huyện Tường Phù phủ Khai Phong , kinh đô Bắc Tống. Ngài đã từng theo Thừa Tướng Văn Thiên Tường chiêu mộ nghĩa binh để chống quân Nguyên, tham dự nhiều trận đánh lớn khắp hai miền Giang Nam, Giang Bắc, trở thành một vị anh hùng cứu quốc trong phong trào "kháng Nguyên phò Tống" . Thuyết nầy ít được người công nhận. (giải thích ở đoạn sau)
*Đời Minh Thái Tổ sắc phong Ngài làm "Hộ Quốc Công", lại xuống lệnh cho quan dân tỉnh Phước Kiến xây dựng Miếu Thờ Ngài ở núi Thanh Thủy huyện An Khê . Do đó, cư dân vùng nầy xưng Ngài là "Tổ Sư Công", Miếu Thờ Ngài gọi là "Tổ Sư Miếu".
*** Xét yếu tố lịch sử thì thấy, Thanh Thủy Tổ Sư sống khoảng 1047—1101 , tức là thời kỳ Tống—Liêu—Hạ cùng tồn tại. Đến năm 1115 mới lập thành nước Kim. Năm 1120, nhà Tống liên kết với Kim mà đánh nước Liêu, đến năm 1125 thì tiêu diệt được Liêu. Sau đó, Kim quay lại tấn công nhà Tống. Khi ấy mới có việc thành lập nhà Nguyên ở Trung Hoa, thì

Thanh Thủy Tổ Sư đã viên tịch rồi, lấy đâu ra việc “kháng Nguyên phò Tống” như thuyết trên nói ?
安溪一帶的居民，都奉清水祖師為主神，保護地方的安寧，清代安溪人士遷移往台灣，也各奉祖師的香火來台灣，代為塑像建廟，作為共同信仰及連絡鄉誼的地方。台灣有安溪人的地方，就有清水祖師的分身，當然也就有建造祖師廟。每年逢清水祖師爺誕辰，都要舉行三獻禮及誦經祝壽等儀式。

祖師廟的祭典分別由地方俗稱的「七股」（即七種姓氏）劉、林、陳、李、王、大雜姓及中庄雜姓等輪值酬神。輪到主祀的一股，必需飼養大豬公（神豬），參加競賽，有的豬公甚至重達一千餘斤。據說，吃到祭神豬公的人會發達且有好福氣，因此每到這一天，許多民眾就開始爭購大豬公肉。

相傳祖師初到清水巖時，有畲鬼（畲為蠻族之稱，為古時散居在浙、閩境內的一部份猺民）也穴居在內，於是相約鬥法，誰勝了就是清水巖的主人。祖師居穴中不出，任由畲鬼在外火薰七晝夜，祖師出來後除了滿面烏黑外，毫髮未傷，畲鬼終於被祖師收服，成為祖師屬下的張、黃、蘇、李四大將軍。

另有傳說，清水祖師自幼父母早逝，需依賴兄長生活，因嫂嫂坐月子無法下廚，令其代理炊事，誰知他竟把兩隻腳放在灶內當作柴燒，過了一會兒，整個人都不見了，化成了一道黑煙，從煙囪裏遁飛到天上去做神了。所以後來供奉他的人，才把他的塑像面部塗成一片漆黑。

據傳祖師塑像的鼻子和下巴曾被山寇打斷過，後來每次出現天災人禍時，清水祖師的鼻子就會自行掉落，以示警告，所以清水祖師的塑像幾乎都有一個可以活動的鼻子和下巴，故又稱為落鼻祖師。有一次清水祖師繞境，經過某家門前，鼻子突然掉落，當夜該戶人家發生火災，大家傳為祖師顯靈。參拜祖師的人，如果身體不潔或心里不虔誠，祖師生氣，鼻子就掉落。另一說，祖師被山賊挖掉鼻子，雖經和尚修愎，自此以后，每有異故，鼻子自行掉落，但是所掉落的地方，必定在袍袖 里。

據《清水嚴志》記載：清水祖師俗名陳普足，原籍永春小岵鄉文溪人，生於宋慶歷七年（1047），在家鄉出家，精通佛理素孚眾望，人稱麻章上人。元豐六年（1083）來到蓬萊駐錫張岩，續修寺宇，遂改張岩為清水岩。他常云游閩南各地，為人施醫濟藥，祈福除疾。建中靖國元年（1101）五月十三日，上人於寺內端然坐逝，葬于岩后，為其藏骨塔定名為「真寶塔」。后地方官紳奏請封為「臨應大師」，嘉定三年（1210），又加封為「臨應廣惠慈濟善利大師」，世稱「清水祖師」。

南宋時期，清水祖師的神階大大提高，其標誌是他先後四次得到朝廷的敕封，敕封清水祖師牒文均完整地保存在《清水岩志略》、《安溪清水岩志》等志書中，牒文詳細地記載了請封和敕封的經過。

第一次請封是在紹興年間，由安溪姚添等人上文朝廷請封，理由是清水祖師生前剃髮為僧，苦行修煉，死後“本州亢旱，禱祈感應”。
到了紹興二十六年（1156年）三月，禮部批示福建路轉運司，派人到實地調查。龍溪

縣主簿方品奉命到清水岩視察，認為“委有靈跡，功及於民，保明指實”。
旋又委派轉運司財計官趙不紊前去核實，結論與方品相同。禮部再與太常寺勘會後，
認為符合有關敕封條文，隆興二年（1164年），下牒敕封清水祖師為“昭應 大師”。

第二次請封在淳熙初年（1174年）前後，由安溪縣迪功郎政事仕林時彥等聯名上文請
求增加封號，並賜塔額。理由是清水祖師“祈禱感應，有功於民”。禮
部下文泉州府派人核實。最初派遣永春縣主薄迪功郎黃慣前去詢究，黃慣通過實地調
查，證實清水祖師“祈禱雨暘，無不感應，委有靈跡，功及於民”。不久，又按
條例，“委派鄰州興化軍，差官前去地頭體究。”莆田縣丞姚僅等奉命前去安溪清水岩
一帶調查，再次證實清水祖師“遷化之後，英靈如在，凡人有疾病，時有雨
暘，及盜賊之憂，隨禱隨應。”後來，又下文要求漳州府差官再次前去核實。漳浦主簿
周鼎以奉命到安溪清水岩視察，當地百姓列舉一系列靈異證明清水祖師確實
“委有靈跡，惠利及民”。經過這樣反反復復的調查核實，直到淳熙十一年（1184年）
，禮部與太常寺才同意增加封號，下牒敕封，封號為“昭應慈濟大師”。
但賜塔額的請求，由於無有關條文可依，未能滿足要求。

第三次請封是在慶元六年（1200年），理由是“近日雨澤稍愆，……靈應顯跡有功，乞
加封。”嘉泰元年（1201年）牒下，加封為“昭應廣惠慈濟大
師”。同時被敕封的還有福州南台武濟廟的英護武烈鎮閩王，左協威廣惠靈惠侯，右翊
忠嘉澤顯應侯。這次封賜，手續比較簡單，從請封到敕封僅用一年時間，比歷
次封賜所花時間都短。

第四次請封是在嘉定元年（1208年），理由主要是開禧三年泉州大旱，在求助其他神
佛祈雨不應的情況下，嘉定元年抬出清水祖師，“為民祈雨，隨即沾
足”。禮部先委派仙游縣主簿韓淤前去體究，爾後又派長泰縣尉何葆復實，均以確實“
祈禱靈驗，惠利及民”上報。嘉定三年（1210年）牒下，再加封為“昭應
廣惠慈濟善利大師”。



*Cư dân ở một dãy An Khê  đều thờ phụng Thanh Thủy Tổ Sư  là vị Chủ Thần để bảo hộ anh ninh cho địa phương. Đời Thanh các người dân ở An Khê đến Đài Loan cư ngụ , đã lập Miếu Thờ Tổ Sư ở Đài Loan và thường xuyên liên lạc trao đổi việc cúng tế Tổ Sư ở Phước Kiến. Nhất là người gốc ở An Khê thì lại càng quan tâm đến Thanh Thủy Tổ Sư nhiều hơn. Hàng năm, họ tổ chức cúng tế với những nghi thức “tam hiến lễ” và “tụng kinh, chúc thọ” v.v…
* Việc quản trị cúng tế ở Miếu Tổ Sư do mỗi “họ tộc” gốc An Khê, gọi là “thất cổ” (bảy vế, tức bảy họ) Gồm có :- Lưu, Lâm, Trần, Lý, Vương, họ khác đông người và họ khác ít người,

thay phiên nhau mỗi năm để lo việc cúng tế. Mỗi "cổ" khi đến phiên cúng tế thì sớm lo chuẩn bị nuôi một con heo lớn , gọi là 'Thần Trư" (heo để cúng thần). Các họ thi đua với nhau về trọng lương heo, có năm lên đến hơn một ngàn cân ( 200 kg).Tương truyền, ai ăn được thịt heo tế thần nầy thì sẽ may mắn, phát đạt, cho nên dịp cúng tế hàng năm, nhà nhà tranh nhau để được mua thịt "thần trư" nầy.

*Tương truyền, xưa lúc Thanh Thủy Tổ Sư mới đến Thanh Thủy Nham, có "bọn quỉ Dư" ( Dư là tên gọi của bộ tộc người Dao, thời xưa sống rải rác ở các châu Chiết và Mân) đang ở đó. Chúng đến thách thức Thanh Thủy Tổ Sư đấu pháp thuật, nếu ai thắng sẽ làm chủ núi Thanh Thủy nầy. Tổ Sư ẩn vào trong huyệt động, để bọn quỉ Dư bên ngoài tha hồ dùng đủ các phép tà, thậm chí đốt lửa cháy liên tục cả bảy ngày. Sau đó, Tổ Sư ra khỏi động, ngoại trừ gương mặt bị nám đen, còn ngoài ra không bị thương tích gì cả. Cuối cùng Tổ Sư thu phục được bọn quỉ Dư nầy, chúng tình nguyện làm thuộc hạ cho Tổ. Đó là các vị Trương, Huỳnh, Tô, Lý bốn Đại Tướng Quân của Tổ.

*** Lại cũng có một truyền thuyết khác, Thanh Thủy Tổ Sư bị mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ , nên được huynh trưởng nuôi nấng. Hôm nọ, bà chị dâu "có kỳ" không thể vào bếp nấu ăn, mới nhờ Ngài nấu thế. Ngài loay hoay thế nào mà lọt xuống "bếp lò ngầm". Lát sau chẳng thấy thân thể Ngài đâu cả mà chỉ thấy một luồng khói đen bay thẳng lên trời. Đó chính là Ngài được thành Thần. Vì thế, sau nầy hình tượng thờ Ngài có gương mặt đen thui.

*Cũng theo truyền thuyết, tượng thờ Ngài bị bọn thảo khấu cắt mất mũi và cằm, nhưng bị Ngài trừng phạt khiến bọn chúng phải đem gắn trả. Cho nên về sau nầy, mỗi khi sắp có sự việc thiên tai nhân họa gì, Ngài lắc mũi lắc cằm để báo cho dân chúng biết mà đề phòng. Do đó, mới xuất hiện danh xưng "Lạc Tỵ Tổ Sư" là thế.

Có lần một người dân đến cúng bái, thấy mũi Ngài lắc và khói xông ra, người đó không hiểu sao, nhưng cũng báo lại cho cả nhà biết, ban đêm thức canh phòng. Nhờ đó, khi nửa đêm căn nhà bị phát hỏa, có người tri hô kịp thời nên không bị thiệt hại nhiều. Câu chuyện đó được lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Khi người nào đến cúng bái Ngài mà thân thể không sạch sẻ hay tâm thiếu thành kính, mũi Ngài cũng lắc. Có truyền thuyết khác nói rằng, sau khi bọn sơn tặc cắt mũi Ngài thì vị sư giữ Miếu đã khôi phục lại chiếc mũi, nhưng từ đó mới xãy ra hiện tượng lắc mũi. Còn việc xác định phương hướng hay chỗ nào có tai biến thì nhìn vào tay áo bào của Ngài mặc thì biết.

*Theo sách "Thanh Thủy Nghiêm Chí" viết :- "Thanh Thủy Tổ Sư tục danh Trần Phổ Túc, người làng Tiểu Hộ huyện Vĩnh Xuân, Văn Khê. Sanh vào năm Tống Khánh Lịch thứ bảy (năm 1047). Xuất gia ở quê nhà, tinh thông Phật lý được mọi người ngưỡng mộ, tôn là "Ma Chương Thượng Nhân". Năm Nguyên Phong thứ sáu (năm 1083) đến ở núi Trương thuộc Bồng Lai, xây dựng chùa miếu. Nhân đó, cải danh núi Trương thành núi Thanh Thủy. Ngài thường vân du các vùng ở Mân Nam, vì người bệnh cho thuốc, lấy phước đức cứu nạn cho dân. Ngày mười ba tháng năm, năm Kiến Trung Tịnh Quốc nguyên niên (năm 1101), Thượng Nhân ngồi ngay ngắn thị tịch, an táng phía sau núi, xây tháp gọi là "Chân Bảo Tháp". Về sau, quan địa phương tâu về triều đình phong làm "Lâm Ứng Đại Sư". Năm Gia Định thứ ba ( năm 1210) gia phong làm "Lâm Ứng Quảng Huệ Từ Tế Thiện Lợi Đại Sư". Dân gian gọi là "Thanh Thủy Tổ Sư".

*Thời kỳ Nam Tống, vị thần Thanh Thủy Tổ Sư được đề cao, trước sau bốn lần được triều đình sắc phong. Các sắc phong hiện vẫn còn được lưu giữ tại địa phương và ghi chép trong các sách "Thanh Thủy Nham Chí Lược", "An Khê Thanh Thủy Nham Chí", trong đó có nói rõ về việc xin phong cho Ngài :-

1.- Lần thứ nhất vào năm Thiệu Hưng, do Diêu Thiêm và nhân dân An Khê thỉnh phong, lý do là "Thanh Thủy Tổ Sư lúc sanh tiền cạo tóc xuất gia, khổ hạnh tu luyện, cứu thế độ nhân, cầu mưa giúp chúng. Khi Ngài mất, địa phương gặp hạn hán, cầu đảo nơi Ngài cũng có cảm ứng nhiệm mầu". Đến năm Thiệu Hưng thứ 26, quan Lễ Bộ Thượng Thư cho người đến tận nơi để điều tra. Quan Chủ Bộ huyện Long Khê là Phương Phẩm phụ trách công tác nầy ,

phúc trình là "Còn lưu di tích linh hiển, có công với nhân dân, những việc tâu trước là chính xác". Sau lại phái quan Tài Kế ở Chuyển Vận Ty là Triệu Bất Vặn đến tái khảo sát, kết luận giống như Phương Phẩm. Cuối cùng Bộ Lễ cho Thái Thường Tự chung xét, đồng ý cho sắc phong Ngài làm "Thiệu Ứng Đại Sư" vào năm Long Hưng thứ hai ( năm 1164)
2.- Lần thứ hai vào năm Thuần Hi sơ niên (năm 1174), do quan chính sự Địch Công Lang huyện An Khê là Lâm Thời Ngạn chủ xướng, thượng biểu tấu xin gia phong cho Ngài và xin ban biển đề tên cho tháp thờ. Lý do nêu trong sớ thỉnh cầu là "cầu đảo có cảm ứng, có công lớn với nhân dân". Bộ Lễ ra lệnh cho phủ Tuyền Châu phái người đi điều tra. Trước tiên là phái quan Chủ Bộ Địch Công Lang huyện Vĩnh Xuân là Huỳnh Quán đến khảo sát. Huỳnh Quán xem xét thực tế rồi báo cáo về Bộ Lễ , quả thật Thanh Thủy Tổ Sư đã "cầu mưa ứng nghiệm, nhiều lần không sót, còn lưu di tích, công lớn cho dân". Không lâu sau, lại phái quân Hưng Hóa của châu Lân đến phúc tra, cử Thừa Diêu Cận ở huyện Bồ Điền đến núi Thanh Thủy xem xét, đã tái xác nhận, Thanh Thủy Tổ Sư là "dù đã mất đi, anh linh còn mãi, phàm người mắc bệnh nặng, đến cầu thì được mạnh; lo sợ trộm cướp, cầu xin đều được yên". Tiếp theo là sai quan của phủ Chương Châu đến chung xét, bá tánh địa phương làm bảng liệt kê,chứng minh sự linh dị và những linh tích của Thanh Thủy Tổ Sư đã phù hộ cho dân như thế nào… Quan đã bẩm báo sự thực về triều. Đến năm Thuần Hi thứ 11 (năm 1184), Bộ Lễ và Thái Thường Tự (cơ quan phụ trách cúng tế của triều đình) đồng ý cho sắc phong "Thiệu Ứng Từ Tế Đại Sư". Riêng về biển treo Tháp, không có người khắc chữ đẹp, nên để địa phương tự làm.
*Lần thứ ba thỉnh phong vào năm Khánh Nguyên thứ sáu (năm 1200), lý do "gần đây Miếu Vũ báo điềm….có nhiều việc hiển linh cứu dân, xin gia phong". Đến Gia Thái nguyên niên (năm 1201) sắc chỉ gia phong làm "Thiệu Ứng Quảng Huệ Từ Tế Đại Sư". Cùng trong đợt sắc phong nầy, có những Miếu khác như Nam Đài Vũ Tế ở Phước Châu làm "Anh Hộ Vũ Liệt Trấn Mân Vương, Tả Hiệp Uy Quảng Huệ Linh Huệ Hầu , Hữu Dực Trung Gia Trạch Hiển Ứng Hầu" . Lần phong nầy không mất thời gian thẩm tra vì kết quả lần trước còn mới.
*Lần thứ tư thỉnh phong vào năm Gia Định nguyên niên (năm 1208), lý do chính yếu là xứ Tuyền Châu đại hạn ba năm, cầu mưa nơi các Thần Phật không có kết quả, quan dân Tuyền Châu cử đoàn đại biểu đến Miếu Thanh Thủy Tổ Sư để cầu thì mưa móc chan hòa, nhân dân thoát nạn. Bộ Lễ trước cử quan Chủ Bộ huyện Tiên Du là Hàn Ứ đến thẩm tra, sau lại cho Huyện Úy Trường Thái phúc thẩm, tất cả đều xác nhận sự thực "cầu mưa linh nghiệm,ban phúc lợi cho dân". Đến năm Gia Định thứ ba (năm 1210), tái gia phong làm "Thiệu Ứng Quảng Huệ Từ Tế Thiện Lợi Đại Sư".



Xin theo dõi tiếp BÀI 12. dienbatn giới thiệu.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 12.

*Thứ Ba, ngày 07 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.

Nhược Thủy

( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

Phần bổ sung cho bài "Huyền Thiên Thượng Đế".

### Quần thể Hang Động Thanh Thủy.

### ( Bổ xung phần THANH THỦY TỔ SƯ ).

「清水嚴」，位於福建省安溪市蓬萊鎮，峻峭嶙峋，奇嚴怪石，如石筍、石船、石鼓、石磐、似羊似
虎，無不形肖神似。在嚴叢石壁深處，有許多直穿山腹的石洞。其中「獅喉」洞，窈然深邃，傳說可直通泉州灣。嚴上一泓清水飛瀉而下，宛如珍珠巨帘垂挂空中，
這就是有名的清水帘。供奉清水祖師的古剎清水嚴廟，依山而建於清水嚴懸崖峭壁間，亭台樓閣，飛檐翹角，結構縝密，廟頂用琉璃瓦砌成，雙龍拱日，殿前壁上有
金魚戲水、飛鳥翱翔等浮刻石雕。殿堂彩繪斗拱，青石龍柱，雕工細膩，條紋流暢，活龍活現，整座殿宇造型氣勢磅礴，堪稱
宋代遺留的建筑藝術珍品，歷史悠遠，構造奇偉，而聞名於海內外，清水嚴也緣此得名。嚴窟外有一棵古樟，干粗六、七人拉手合抱仍不能成圍。樹冠樹枝全部向北
伸長，更為奇特，故名「枝枝朝北樹」。還有一棵羅漢松，高僅三丈，干粗不到一圍，傳說「三年長一寸，雷打矮三分」，據史籍記載，這兩棵古樹，已有八百多年
歷史。

清水岩廟宇草創於北宋元豐六年（1083年），當時只有草庵數間，十分簡陋。宋元佑七年
（1093年）清水祖師主持改建岩宇，略有改觀。清水祖師去世後，寶慶三年（1227年）僧惠清募捐改建岩樓，費金錢千緡。紹定六年（1233年）又改建
大藏樓，費金錢千緡。景定三年（1262年）改建複閣，費金錢二千緡。經過僧惠清的三次改建擴建，使清水岩寺廟初具規模。到（1277年）南宋景炎二年，
因兵亂，岩宇遭焚，福建安溪蓬萊清水嚴祖師廟
成為一片廢墟，連清水祖師神像也只好安放在露天之下。翌年，僧一杲住持清水岩，

竭力募捐，歷時廿
年，重建清水岩殿閣及香積茶寮等。元至元廿七年（1290年）前後，僧一杲去世，其弟子崇遠繼承師志，續修寺宇，大小山門、門樓、官廨、倉宇、浴室、後
架、郵亭，未蓋者蓋之；雕飾像相，漆繪灰土，未完者完之。內外更張，開宗明目，有所利益，畢力成之。
此次重建，前後延續四十年之久，至元代延佑四年（1317年）才告成。重建後的清水岩宇的規模大大超過宋代，相傳清水岩宇的“帝”字形結構，99間的規
模，至此時才確立下來。至今仍豎立在清水岩“枝枝朝北樹”東側的岩圖碑，記錄了當時清水岩的建築規模和布局。岩圖碑由二方花崗岩合併而成，高2.75米，
寬0.97米，厚0.15米，上半部浮雕清水岩“帝”字形建築布局圖，下半部雕刻建築物的具體度數，有些文字經過幾百年的風化，難以辨認，但圖案和大部分
文字仍清晰可辯。據《清水岩志》載，岩圖碑的原文為：
清水岩殿宇度數：
香門至庭二丈九尺深
佛殿脊二丈八尺高
祖殿脊二丈一尺高
法堂脊二丈一尺高
大廳脊二丈六尺六寸
塔殿由上至仰托一丈七尺六寸高
塔庭次塔脊一丈七尺高
前見山窗五尺高
方丈佛殿地平散水同
後樓二丈八尺高上下平
藏殿脊二丈八尺高
大悲閣高藏殿樓三尺，脊二丈二尺二寸
天台閣高大悲閣平三尺三寸
僧堂仰托下一丈四尺高
鐘樓仰托下一丈七尺六寸高
昊天拜亭仰托下九尺八寸高
小山門脊一丈六尺高

元末兵燹，至明初僅存佛殿一座，破屋三間。嘉靖四十三年僧正隆住持清水岩後，就四出募捐，致
力於修整拓建，歷22載才大功告成，“殿宇輝煌，超過舊觀矣。”萬歷二十七年（1599年），邑令廖同春捐資倡建覺亭、開覺路。順治二年（1645年），
縣令周宗璧倡建清水法門，重塑四尊護法神像。邑紳李日熀、李夢植重修東西樓。康熙、雍正年間，僧頂覺、玄覺、惺因、惺源、法遠、彌超、彌在、徹明、雪冠等
均在不同程度上“重整岩宇”。乾隆二十六年（1761年）僧滿林、澤峰又進行修整殿宇。道光十五年（1835年）里人陳希實、柯大梁、劉漂芳等捐陰二千餘
元，較大規模地重修岩宇。嘉慶十七年（1812年）許玉成、凌翰、林大鴻、劉清振、陳仲高等往廈門募得修建清水岩款三千餘元，存縣備用，被縣令楊思敬因事
虧空，捐款盡沒。光緒二十五年（1899年），“凡大殿、釋迦樓、東西樓、昊天口、觀音樓等，一律重新。”光緒二十六年修岩路。光緒二十九年又花銀一千餘
兩改建大殿的石龍柱、岩面石窗堵、岩庭的石獅等。宣統元年（1909年），僧智慧“廣

募捐資，倡修岩宇。”

民國十五年（1926年），修建覺亭、半岭亭、海會院等。民國廿二年至廿四年，部分殿宇被毀。民國三十年僧禮缽開始募修岩宇，民國三十三年翻建觀音閣和檀樾廳、半岭亭等，民國三十五年旅居新加坡華僑柯賢樹等捐款修建大殿、釋迦樓等。

一九五三年，覺亭被風刮倒。一九五五年重修大殿佛龕、三忠廟、清水法門、護界宮等。一九六一
年被定為首批縣級文物保護單位。“文化大革命”期間，清水岩遭到嚴重破壞。一九七五年僑胞李月等捐款修建岩宇，此後大陸善男信女、台胞、僑胞紛紛慷慨解
囊，齊心協力對清水岩進行全面、徹底地整修，至今煥然一新，規模超過歷史上任何時期，交通也更加便捷，已成為福建重要的旅游區，每年有上百萬人前去觀光禮 拜。

明末清初，清水祖師信仰隨安溪移民傳入台灣，據《台灣省通志》記載，台灣最早的清水祖師廟建 於南明永歷年間（1647~1661年），共有
2座，一座是台南市楠梓區的清福寺，另一座是彰化縣二林鎮的祖師廟。從雍正七年（1729年）至民國38年（1949年）台灣島內又先後建造了七十多座清
水祖師廟，成為台灣最有影響的神靈之一。現在台灣有清水祖師廟一百多座。近年來，台灣香客來安溪清水岩進香的絡繹不絕。他們都慷慨解囊，為清水祖廟重放異
彩作出貢獻。

三峽清水祖師廟始建於清乾隆年間，第一次重修於清道光十三年（1833），第二次重修於光緒廿五年（1899），第三次重修於1948年，重建規模最為龐大，其建築雕刻之美聞名遐邇，故有東方藝術殿堂之稱。

明末，清水祖師信仰隨永春安溪移民傳播到東南亞的馬來西亞、緬甸、新加坡、印度尼西亞、菲律
賓、泰國、越南等國家。最早建造於萬歷二年（1574年）的清水祖師廟是馬來西亞的祖師公廟（後該名靈慈宮）。最有特色的是檳城的清水廟（俗稱蛇廟），廟
內各個角落盤繞小蛇，從不咬人。很多東南亞僑胞回大陸尋根謁祖或旅遊時，都會來到清水岩進香，熱心捐資修建清水祖廟。

農曆正月初六為清水祖師誕辰。

拜祭清水祖師：

清水祖師自幼出家，是為佛教神祇，故祭拜時不供葷食、不獻酒、不燒紙。

平時拜祭以水果、素餅即可。

准備供品：

素餅、麵製素桃、紙麵線、發粿、果品、菜碗、紅色湯圓三碗、清茶三杯。

上供品；

點燭；

神前獻茶；

燃點一柱香或三柱香迎神；

行三拜禮祈求平安；

香燒至三分之一時，拜供神佛；

收拾供品，禮成。



“Quần thể Hang Động Thanh Thủy” :- ở trấn Bồng Lai thành An Khê tỉnh Phước Kiến. Động ở trên cao lưng chừng đỉnh núi, có nhiều quái thạch (đá hình thù lạ) như :- búp măng đá, thuyền đá, trống đá, bàn đá, giống dê giống cọp, vô số hình thù lạ lùng không thể diễn tả cho hết. Rất nhiều hang động kỳ bí, ăn sâu vào lòng núi. Trong số đó, có “Động Sư Hầu” là sâu nhất. Tương truyền nó ăn thông tới eo biển Tuyền Châu. Sườn núi có một cái thác nước đẹp cực kỳ, đứng xa trông như một bức rèm trân châu giăng giữa không trung, đó gọi là “Thanh Thủy Liêm” (bức rèm Thanh Thủy) nổi tiếng xưa nay.

-Miếu Thờ Thanh Thủy Tổ Sư là một ngôi Miếu cổ, san sát vào vách núi có nhiều đình đài lầu các, dáng vẻ uy nghiêm, kết cấu hài hòa. Đỉnh Miếu dùng “ngói lưu li” để lợp, có “hai rồng chầu trời”. Trước Điện có nhiều phù điêu bằng đá lâu năm như : “cá vàng giỡn nước, chim bay cao vút” (kim ngư hí thủy, phi điêu cao tường). Trong điện chạm trổ tỉ mỉ, cột đá hoa văn, nhiều chi tiết hết sức nhỏ nhiệm khéo léo khôn tả, những hoa văn họa tiết hiếm có trên đời, rồng nổi rồng chìm, tạo thành một ngôi Miếu Vũ khí thế bàng bạc, vừa uy nghiêm vừa thân thiết đẹp đẽ. Phải nói, đây là một công trình kiến trúc đời Tống còn lưu lại, tôn xưng là “Đệ nhất nghệ thuật trân phẩm” (tác phẩm nghệ thuật hạng nhất). Ngôi Miếu nầy có lịch sử lâu đời, tính nghệ thuật tuyệt vời sâu sắc, chẳng những nổi tiếng trong nước mà du khách quốc tế cũng hay tìm đến tham quan du lịch, không lúc nào ngớt.

*Bên ngoài Miếu Thờ còn có một cây cổ thụ gọi là “Cây Chương” rất to, bảy người ôm không hết, da dẻ sần sùi, nổi u nổi nần rất đẹp. Cây có một điểm dặc biệt nhất là “tất cả cành lá đều nghiêng về phương Bắc, nên có tên là “cây có cành chầu vua”.

(Ghi chú :- 樟:- Cây chương, có mùi thơm, cắt ra từng miếng cho vào đun, hơi bốc lên kết thành phấn trắng gọi là "chương não" 樟腦 dùng để làm thuốc và trừ trùng—NT).

-Lại có một cây “ La Hán Tùng 羅漢松 ”, cao ba trượng (gần 13 m—NT), dù nắng hạn bao lâu cũng chẳng ăn thua gì. Tương truyền cây nầy “ba năm cao thêm chỉ một tấc ( 4 cm—NT), sét đánh chỉ trầy ba phân (1,2 cm—NT) đủ biết nó rắn đến chừng nào ! Theo lịch sử ghi chép thì hai cây cổ thụ nầy có số tuổi hơn tám trăm năm.

*Lịch sử ngôi Miếu Cổ ở núi Thanh Thủy :-

-Xây dựng vào năm Nguyên Phong thứ sáu đời Tống (năm 1083) , lúc đầu chỉ là vài căn nhà tranh tre, hết sức đơn giản.

-Đến năm Nguyên Hựu thứ bảy đời Tống (năm 1093), chính Thanh Thủy Tổ Sư chủ trì việc trùng tân ngôi miếu, nâng lên thành “Đạo Quán”.

-Sau khi Tổ Sư viên tịch, năm Bảo Khánh thứ ba (năm 1227) vị tăng tên Huệ Thanh quyên góp xây dựng thành Miếu Lầu, sở phí hàng ngàn quan tiền vàng.

-Năm Thiệu Định thứ sáu (năm 1233), lại xây mới thành ra “Đại Tàng Lâu”, chi phí rất lớn.

-Năm Cảnh Định thứ ba (năm 1262), lại xây dựng thêm nhiều điện thờ xung quanh Miếu, tạo thành một quần thể đẹp mắt.
-Đến năm Cảnh Viêm thứ hai (năm 1277) Nam Tống bị binh lửa dấy lên, khu Miếu Vũ bị cháy rụi, trở thành một nơi hoang phế. Các tượng thờ bị đem bỏ ra ngoài đường. Năm sau, Tăng Nhất Cảo, trụ trì Thanh Thủy Nham đã hết sức vận động quyên góp suốt mười năm trời, tái xây dựng lại tất cả điện các, phòng ốc, nhà cửa … thành khuôn viên hoàn chỉnh.
-Năm Chí Nguyên thứ bảy (năm 1290), Tăng Nhất Cảo viên tịch, đệ tử là Sùng Viễn kế thừa chí hướng của Thầy, tu bổ sửa chữa điện thờ, cổng sơn môn lớn nhỏ, cửa lầu, cổng tam quan, nhà bếp, nhà kho v.v…Động viên lực lượng rất lớn đến làm công quả, mọi người đồng tâm hiệp sức, chẳng nề gian khó, chịu đựng vất vả, quyết tâm xây dựng thành một nơi "vượt trội hơn xưa". Thời gian xây dựng nầy trải suốt bốn mươi năm, mãi đến năm Diêu Hựu thứ tư đời Nguyên (năm 1317) mới thành tựu. Lần nầy, qui mô xây dựng còn vượt trội hơn của đời Tống, tương truyền là mô hình có kết cấu theo hình dạng chữ " Đế--帝 ". Tất cả có 99 gian phòng ốc tồn tại từ đó đến nay.
*Ngày nay, tại phía Đông sườn núi Thanh Thủy, chỗ cây Chương cổ thụ còn tấm bia khắc ghi công việc trùng tu Miếu nầy. Bia bằng đá hoa cương cao 2, 75 m , ngang 0, 97 m , dày 0,15 m . Nửa trên tấm bia có phù điêu đắp nổi mô hình khu vực Miếu Thờ theo hình dạng chữ "Đế", nửa dưới có khắc ghi lại chi tiết số liệu kích cỡ phòng ốc đã xây dựng, nhưng vì trải qua thời gian quá lâu, nét chữ bị lu mờ cạn dần, chỗ bị sứt mẻ, không còn đọc được. Căn cứ vào sách "Thanh Thủy Nham Chí", có chép nội dung bài văn bia đó như sau:-
" Số đo của phòng ốc của Miếu Vũ Thanh Thủy Nham như sau:-
-Từ cổng tới sân sâu (dài) hai trượng chín thước.
-Điện Phật cao hai trượng tám thước.
-Điện Tổ cao hai trượng một thước.
-Pháp đường cao hai trượng một thước.
-Đại sảnh cao hai trượng sáu thước sáu tấc.
-Tháp điện chính ở trên cao một trượng bảy thước sáu tấc.
-Tháp phụ bên dưới cao một trượng bảy thước.
-Mặt trước cửa sổ cao năm thước.
-Mặt đất của Phật điện và phòng Phương Trượng đã cân thủy đồng nhau.
-Lầu sau cao hai trượng tám thước trên dưới bằng.
-Tàng điện (điện ẩn) cao hai trượng tám thước.
-Đại Bi Các (gác Đại Bi) ở vị trí đất cao hơn Tàng điện ba thước, chiều cao gác là hai trượng hai thước hai tấc.
-Thiên Đài Các (gác Thiên Đài) ở vị trí đất cao hơn Đại Bi Các ba thước ba tấc.
-Tăng Đường cao một trượng bốn thước.
-Lầu chuông cao một trượng bảy thước sáu tấc.
-Đình Hạo Thiên cao chín thướv tám tấc.
-Tiểu sơn môn cao một trượng sáu thước.
*Cuối đời Nguyên khởi binh lửa, đến đầu nhà Minh chỉ còn lại một tòa Phật Điện, ba gian nhà hư hỏng.
Năm Gia Tĩnh thứ bốn mươi ba, Tăng Chính Long trụ trì Thanh Thủy Nham đã quyên góp bốn phương, ra sức trùng tu Miếu trở lại. Trải qua 22 năm mới xong. Được mô tả là "điện vũ huy hoàng vượt quá cung quán cũ".
-Năm vạn Lịch thứ 27 (năm 1599), quan Ấp Lệnh Liêu Đồng Xuân quyên góp xây dựng thêm Đình, mở rộng đường đi lại.
-Năm Thuận Trị thứ hai (năm 1645) , huyện lệnh Chu Tôn Bích đề xướng pháp môn Thanh Thủy, tạo thêm được bốn tượng Hộ Pháp. Hai vị Lý Nhật Hoãng, Lý Mộng Thực trùng tu hai lầu Đông Tây.

-Đời Khang Hi năm Ung Chính đầu , các vị Tăng :- Đỉnh Giác, Huyền Giác, Tỉnh Nhân, Tỉnh Nguyên, Pháp Viễn, Di Siêu, Di Tại, Triệt Minh, Tuyết Quan… đã trùng tu miếu lần nữa.
-Đời Càn Long năm thứ 26 (năm 1761), các Tăng Mãn Lâm, Trạch Phong tiên hành tu sửa điện vũ.
-Năm Đạo Quang thứ năm (năm 1835) có Lý Nhân, Trần Hi Thực, Kha Đại Lương, Lưu Phiêu Phương … góp hơn hai ngàn quan tiền, đại trùng tu Miếu vũ.
-Trước đó , năm Gia Khánh thứ 17 (năm 1812) đã có lần các vị Hứa Ngọc Thành, Lăng Hàn, Lâm Đại Hồng, Lưu Thanh Chấn, Trần Trọng Cao … vận động quyên góp được hớn ba ngàn quan tiền chuẩn bị trùng tu Thanh Thủy Nham. Số tiền đem gởi ở Huyện để cất giữ giùm, bị bộ hạ của Huyện Lệnh Dương Tư Kính lấy mất, thành thử đại sự bất thành.
-Năm Quang Tự thứ 25 (năm 1899) , xây lại mới Đại Điện, Lầu Thích Ca, Lầu Đông Lầu tây, cửa Hạo Thiên, lầu Quán Âm. Năm sau mở rộng đường sá.
-Năm Quang Tự thứ 29 (năm 1903), xuất công khố một ngàn lạng bạc xây thêm cột Thạch Long cho đại điện, cửa sổ đá vách núi, tạo sư tử đá trước sân Miếu.
-Năm Tuyên Thống đầu (năm 1909), Tăng Trí Huệ lại vận động quyên góp trùng tu Miếu Vũ thêm phần khởi sắc.
-Năm Dân Quốc thứ 15 (năm 1926), sửa chữa Giác Đình, Bán Lĩnh Đình, Hải Hội Viện.
-Từ năm Dân Quốc thứ 22 đến năm thứ 24 , một bộ phận của Điện bị hư hỏng nặng.
-Năm Dân Quốc thứ 32 Tăng Lễ Bát bắt đầu vận động quyên góp trùng tu Nham Vũ, đến năm Dân Quốc thứ 33 xây dời chỗ mới Quan Âm Các , Đàn Việt Sảnh và Bán Lĩnh Đình.
-Năm Dân Quốc thứ 35, một Hoa-kiều ở Tân-Gia-Ba là Kha Hiền quyên góp tiền xây lớn Đại Điện và Lầu Thích Ca.
-Năm 1953, Giác Đình bị gió thổi đổ.
-Năm 1955, trùng tu Khám thờ Phật ở Đại Điện, Miếu Tam Trung, cổng Thanh Thủy, Cung Hộ Giới.
-Năm 1961, được xếp loại là Khu Bảo Tồn Di Tích cấp huyện.
-Thời kỳ "Địa cách mạng văn hóa", Thanh Thủy Nham bị phá hủy nghiêm trọng.
-Năm 1975, kiều bào Lý Nguyệt quyên góp trùng tu Nham Vũ. Lúc ấy, thiện nam tín nữ ở Hoa Lục, đồng bào ở Đài Loan, kiều bào các nơi trên thế giới khẳng khái mở hầu bao, cùng nhau chung sức hiệp lòng , tiến hành xây dựng lại hoàn toàn Thanh Thủy Nham, thay đổi mới triệt để , tạo nên bộ mặt uy nghiêm hùng vĩ có một không hai trên thế gian như hiện nay. Đường giao thông cũng được mở rộng và tối tân hóa, trở thành một địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Phước Kiến, mỗi năm có đến vài trăm ngàn khách hành hương tham quan.
*Cuối đời nhà Minh, đầu nhà Thanh có số người dân thiên cư sang Đài Loan, mang theo tín ngưỡng Thanh Thủy Tổ Sư. Theo "Đài Loan Tỉnh Thông Chí", có ghi là , Miếu thanh Thủy Tổ Sư đầu tiên đã được xây dựng ở Nam Minh khoảng đời Vĩnh Lịch (1647—1661), có hai tòa :- một ở chùa Thanh Phước , khu Nam Tử, Đài Nam; một ở Trấn Nhị Lâm huyện Chương Hóa.
-Từ năm Ung Chính thứ bảy (năm 1729) đến năm Dân Quốc thứ 38 (măm 1949) , đảo Đài Loan đã xây dựng trước sau bảy mươi chín ngôi Miếu Thờ Thanh Thủy Tổ Sư , trở thành vị thần linh có ảnh hưởng nhiều nhất của Đải Loan.
-Những năm gần đây, số người ở Đài Loan đi hành hương Miếu Thanh Thủy Tổ Sư ở An Khê ngày càng nhiều, họ sẵn sàng đóng góp số tiền lớn để trang trí thêm cho Khu Miếu Thờ vốn đã nổi tiếng nầy.
*Miếu thờ Thanh Thủy Tổ Sư ở Tam Giáp được xây lần đầu vào đời Càn Long, được trùng tu lại năm Đạo Quang thứ 13 (năm 1833). Lần thứ hai trùng tu vào năm Quang Tự thứ 25 (năm 1899). Lần thứ ba, trùng tu vào năm 1948, qui mô vĩ đại, trang trí có nghệ thuật cao độ, trở thành một ngôi Miếu Vũ đẹp đẽ, tiêu biểu xứng đáng cho nghệ thuật kiến trúc phương Đông.

*Cuối đời Minh, số người di cư từ Vĩnh Xuân An Khê đến các nước Malaysia, Myanmar (Miến Điện), Indonesia, Philippin, Thái lan, Việt Nam …đã mang theo tín ngưỡng Thanh Thủy Tổ Sư .
*Ngôi Miếu Tổ Sư Công (sau đổi lại là Linh Từ Cung) ở Malaysia được xây dựng vào năm Vạn Lịch thứ hai (năm 1574). Miếu nầy xây dựng theo phong cách tân thời (tục xưng là Xà Miếu, bởi trong Miếu thường có những con rắn nhỏ rơi xuống bàn, nhưng không cắn người) .
-Số kiều bào ở Đông Nam Á khi về đại lục tìm lại gốc tích hay thăm họ hàng, thường đến dâng hương ở Miếu Thanh Thủy Tổ Sư (Thanh Thủy Nham), nhiệt tâm cúng dường số tiền lớn để tu bổ Miếu Thờ.
*Ngày đản sanh của Thanh Thủy Tổ Sư là ngày mùng sáu tháng giêng âm lịch.
*Việc cúng tế Thanh Thủy Tổ Sư :-
Thanh Thủy Tổ Sư xuất gia từ bé, là vị Tăng thần kỳ của Phật Giáo, nên khi cúng tế Ngài thì không dùng đồ mặn. không dâng rượu, không đốt giấy tiền vàng bạc. Chỉ dùng bông hoa, trái cây hoặc bánh chay để cúng là được.
*Chuẩn bị phẩm vật cúng tế:-
-Bông hoa--Bánh chay—Trái đào làm bằng bột mì—Mì sợi chay—Bạch quả—Trái cây tươi ngon—Rau tươi—Ba chén xôi nước màu đỏ—Ba chun trà.
-Dâng cúng phẩm.
-Đốt đèn, nhang (một cây hoặc ba cây nhang trường)
-Hiến trà.
-Hành lễ tam bái cầu bình an.
-Nhang cháy đến một phần ba, hai tay bưng bát hương lên xá ba xá cúng thần.
-Thu dọn đồ cúng.
-Lễ thành.



*NHƯỢC THỦY dịch
(từ http://www.fushantang.com)

58. KHÔI TINH.



魁星

魁星，又名魁星爺、大魁夫子、大魁星君，為讀書士子的守護神。

魁星為北斗星的「璇璣杓」，即是北斗七星的第一至第四顆星，這四星為魁，其余三星為杓。魁星的形狀，完全是根據字形而來的，一個「鬼」，踢著一個「斗」。

顧炎武《日知錄》里說「今人所奉魁星，不知始于何年。以奎為文章之府，故立廟祀之，乃不能像奎，而改奎為魁，又不能像魁，而之字形，為鬼舉足而起其斗，不知奎為北方玄武七宿之一。」可知明代已很流行。顧氏并說魁星實為「奎星」，因為奎是「文章之府」。

古時候，人們興建了不少的魁星樓、魁星閣之類的建筑，許多人對這「魁星」的來路不甚了解，但一提起「五魁首」，則是人人皆聞，這是喝酒划拳時常用的酒令。這「五魁首」就與「魁星」 有關。

「五魁」，即「五經魁」、「五經魁首」。明代以五經即詩、書、易、禮、春秋取士，每經所取第一名叫「經魁」。「魁」為「首」意。鄉試中，每科前五名必須分別是某一經的經魁，故稱「五經魁」，簡稱「五魁」。而這「魁」字，則源于古人的奎星崇拜。

奎星為二十八宿之一，是西方的白虎七宿的頭一宿，共包括十六顆星，奎星被古人附會為主管文運
之神。所謂「奎主文章」。說它屈曲相鈎，似文字之書。因「魁」與「奎」同音，并有「首」意，所以代替了「奎」字，出現了「經魁」、「五魁」等名目。古代，
狀元又稱「魁甲」，解元又稱「魁解」。

「魁」字后又被一引起人望文生義，加以曲解。說什么「鬼搶斗」、一鬼之腳右圍如踢北斗，從而

魁星被形象化──其實就是鬼化。它被描繪為一赤發藍面惡鬼，立于鰲頭上。一腳向后蹺起如大變鉤，一手捧斗，另一手執筆，表示在用筆點定中試者的名字，這就是「魁星點斗，獨占鰲頭」。這幅尊容被讀書人視為神明，并以為高中之兆。

「獨占鰲頭」，是因皇宮大殿台階正中石板上，雕有龍與鰲（大龜）。唐宋時，考中的進士要站在台階下迎榜，為首的狀元則榮幸地站在大龜腦袋上，故曰「獨占鰲頭」。學而優則仕，是封建時代的金科玉律。魁星掌管著文人們的榮辱成敗，自然非同小可。盡管它鬼里鬼氣，卻極受讀書人崇拜，有些人在考試時，在座右貼上魁星像。有的還在懷里揣上泥塑小魁星，以求神明保佑，文運亨通。

古代讀書人，雖自稱為孔子的信徒，同時卻也崇拜文昌等神。這種神一共可以湊成五位，五文昌是指文昌帝君、文衡帝君（關公）孚佑帝君（呂洞賓）、魁星和朱衣五位。自古以來，稱狀元及第為「大魁天下」，因此，讀書士子都奉祀魁星，冀求科試及第的榮譽。古時習俗相沿，七夕晚上，讀書士子置酒歡飲，稱為「魁星宴」。這一天據說是魁星的生日。有所謂「魁星會」，由塾師領導弟子向魁星設祭行禮，而造型看起來跳跳蹦蹦的魁星，也就被稱為「魁星太子」了。祭拜魁星，據說還要以一個狗頭做為祭品，因此就有「屬狗祭魁成底事」的詩句。
根據民間的傳說，魁星爺在生前奇醜無比，不但生了一張滿臉斑點的麻子臉，也是個跛腳的人，當時有人作詩來取笑他：
“不揚何用飾鉛華，
縱使鉛華也莫遮；
娶得麻姑成兩美，
比來蜂室果無差。
鬚眉以外源留爪，
口算之旁雁踏沙；
莫是簷前貪午睡，
風吹額上落梅花。”
***
“相君玉趾最離奇，
一步高來一步低；
款款行時身欲舞，
飄飄踱處足如口。
只緣世路皆傾險，
累得芳蹤盡側欹；
莫笑腰枝常半折，
臨風搖曳亦多姿。”

雖然魁星爺奇醜無比，但他人醜志不窮，發奮用功之下，居然高中科舉。皇帝當面殿試時，曾問他的臉上為何生有許多斑點？答曰：「麻面滿天星。」再問腳為何跛時，復答曰：「獨腳跳龍門。」皇帝見其對答如流，就錄取他了。

另有傳說，魁星爺在生前雖然滿腹學問，可是逢考必敗，於是悲憤得投河自盡，想不到被鰲魚救起，昇上天而成了魁星。

古代時科舉放榜形式，乃是拆一名、唱一名和填一名。方法是從第六名倒回來揭曉，一直填到最後一名，再重頭開始宣佈前五名的高中者，這前五名就叫作「五魁」，第一名的狀元叫「魁首」。

可見魁星與考試的關係是很密切的。古人傳說侍奉魁星爺可以保佑書讀的好，又說可以高中狀元。因此古代的讀書人大多以魁星作為守護神。不少學子在自己的宗室廳堂里供奉魁星爺的塑像或畫像，除了保佑自己的考運享通之外，也可以向人誇耀自家是一個書香門第。

在民間的魁星塑像，右腳踩鰲頭，左腳跛起踢星斗，右手握筆，左手執星斗，全身呈現扭曲的形狀



KHÔI TINH

*Khôi Tinh còn gọi là Khôi Tinh Gia, Đại Khôi Phu Tử, Đại Khôi Tinh Quân, là vị thần Thủ Hộ của học trò và người đi thi.
Khôi Tinh là "mốc của kính thiên văn" (dựa vào mốc để phân định các sao khác) của chòm sao Bắc Đẩu. Từ sao thứ nhất đến sao thứ tư , gọi là "Khôi". Ba sao còn lại gọi là "Thược" (cái chuôi, cái cán gáo). Hình trạng của Khôi 魁 gồm "một Quỉ鬼mang một cái Đẩu斗(Đấu)".
*Cố Viêm Vũ trong quyển "Nhật Tri Lục"nói rằng :- "Người nay thờ phụng Khôi Tinh, nhưng biết khởi thủy của nó. Lúc đầu, người ta lấy "Khuê" để làm kho văn chương, nên lập miếu thờ (Khuê). Nhưng không thể diễn tả được hình tượng của Khuê, nên phải sửa đổi lại thành Khôi. Mà Khôi thì cũng khó hình dung, nên theo "hình chữ" của nó diễn tả thành "thằng quỉ ôm cái đấu". Như vậy đã mất đi cái nghĩa đúng của Khuê là một sao của bảy sao Huyền Vũ phương Bắc. Ý nầy được lưu hành rộng rãi vào thời Minh. Vậy nói Khôi Tinh thực ra là muốn nói Khuê Tinh, bởi vì Khuê mới thật là "kho chứa văn chương" vậy.
*Thời xa xưa, người ta đã xây dựng rất nhiều "Khôi Tinh Lâu" (lầu văn), "Khôi Tinh Các" (gác văn). Nhiều người không nắm được nguồn gốc cảu Khôi Tinh, nên bày ra cái gọi là "Ngũ Khôi Thủ" (năm đề mục đầu), danh từ nầy dễ hiểu và phổ biến nhiều trong giới uống

rượu, thường dùng nó làm "Tửu Lệnh" (thai đố vui để uống rượu). Ngũ Khôi Thủ có liên quan đến Khôi Tinh là vậy.
*Ngũ Khôi là nói gọn của Ngũ Kinh Khôi hay Ngũ Kinh Khôi Thủ. Đời Minh cho Ngũ Kinh là :- các kinh Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu, làm nền tảng cho việc học tập. Mỗi kinh như vậy, có quyển đầu gọi là "kinh khôi". Từ đó "Khôi" có nghĩa là "đứng đầu / trước tiên". Ngày trước, trong kỳ thi hương, lấy năm người đứng đầu xưng là "ngũ kinh khôi" hay nói gọn "ngũ khôi".
*Sao Khuê là một sao trong nhị thập bát tú, đứng đầu của chòm sao Bạch Hổ phương Tây. Sao Khuê được người xưa cho là thần chủ quản về văn chương, văn học. Nhân vì Khuê và Khôi đồng âm (âm của Trung Hoa) và cùng có nghĩa "đứng đầu" nên lần lần, từ Khôi được sử dụng nhiều hơn. Ví dụ, thời xưa gọi Trạng Nguyên là "Khôi Giáp", gọi giải nguyên là "Khôi Giải".
*Về sau, người ta chỉ còn biết nhìn "hình chữ" mà đoán nghĩa. Từ hình dạng "qui ôm đấu" mà diễn giải đủ thứ. Cuối cùng sinh ra thành ngữ "Khôi tinh điểm đẩu, độc chiếm ngao đầu" (văn tài lỗi lạc, xếp vào hạng nhất). Từ đó, giới đọc sách (sĩ tử, quan lại) tôn thờ Khôi Tinh làm thần minh.
*Thành ngữ "độc chiếm ngao đầu" xuất phát là do trong hoàng cung, ở đại điện có một tấm đá lớn làm nền, trên có chạm hình rồng và con ngao (một loại rùa lớn). Thời Đường Tống, người thi đậu Tiến Sĩ đứng dưới thềm mà nhận bảng, người đầu gọi là Trạng Nguyên được vinh hạnh cho đứng chỗ "đầu con ngao", do đó mới có thành ngữ "độc chiếm ngao đầu" như đã nói.
*Xã hội xưa, tầng lớp "Sĩ" được xếp đứng đầu trong xã hội. Muốn thành "Sĩ" thì phải học cho giỏi, thi cho đậu mới được bổ làm quan, tức thành "Sĩ". Đó là quan niệm được xem là "khuôn vàng thước ngọc" củ xã hội cũ.
Như vậy, Khôi Tinh chiếm giữ vị trí độc tôn trong lòng mọi "người đọc sách", là tiêu biểu cho công danh sự nghiệp tương lai của họ. Cho nên, học trò ngày xưa đi thi phải treo hình tượng Khôi Tinh bên cạnh chỗ ngồi, thậm chí có người mang trong túi áo hình tượng thu nhỏ của Khôi Tinh, để được phù hộ độ trì, đạt kết quả tốt trong học tập.
*Học trò ngày xưa được gọi là "đệ tử của Khổng Mạnh" và thờ phụng Thần Văn Xương. Văn Xương lại có đến năm vị , gọi là "Ngũ Văn Xương" :- Văn Xương Đế Quân, Văn Hành Đế Quân (Quan Công), Phù Hữu Đế Quân (Lữ Đồng Tân), Khôi Tinh và Châu , Y (Châu Công, Y Doãn).
Từ xưa, người thi đậu Trạng Nguyên được xưng là "đại khôi thiên hạ" (đầu lớn của thiên hạ). Tất cả học trò đều phải thờ Khôi Tinh để cầu ban cho may mắn. Buổi chiều ngày mùng bảy tháng bảy (thất tịch), học trò tổ chức buổi tiệc liên hoan gọi là "Khôi Tinh Yến" (tiệc sao Khôi) , còn gọi là "sinh nhật của Khôi Tinh". Trong buổi lễ "Khôi Tinh Hội", ông thầy hướng dẫn cho học trò làm lễ tế bái Khôi Tinh. Họ rất khéo tay tạo ra một hình tượng "Khôi Tinh biết nhảy nhót", gọi là "Thái Tử Khôi Tinh". Điểm đặc biệt nhất trong lễ cúng nầy, là phải có một cái "Đầu chó" làm phẩm vật chính. Do đó mới có câu thơ châm biếm "Chúc cẩu tế Khôi thành để sự ?" (đem chó tế Khôi là việc chi ?).
*Theo truyền thuyết, Khôi Tinh Gia lúc sinh tiên là một người có hình tướng xấu xí không ai sánh nổi :- hai má mọc đầy nốt ruồi nên gọi là "gò má hạt mè", lại một chân bị què, phải đi khập khiễng, nên đương thời bị người làm thơ châm biếm như sau :-
"Bất dương hà dụng sức diên hoa ,
Túng sử diên hoa dã mạc già ;
Thú đắc ma cô thành lưỡng mỹ ,
Tỉ lai phong thất quả vô soa .
Tu mi dĩ ngoại nguyên lưu trảo ,
Khẩu toán chi bàng nhạn đạp sa ;
Mạc thị thiềm tiền tham ngọ thuỵ ,

Phong xuy ngạch thượng  lạc  mai hoa ."
*Dịch:-
"Đâu cần son phấn điểm trang chi
Đã sẵn "mặt hoa" khỏi tốn gì
Rỗ mặt rán tìm cô xứng lứa,
Tổ ong khỏi kiếm mấy ai bì
Tu mi vượt trội : chân in bước
Nhân thế nghị bàn : dấu nhạn đi
Chẳng phải trước thềm say giấc điệp
Hoa mai trên trán rụng vừa khi ...
*Và bài thứ hai :-
" Tướng quân ngọc chỉ tối  li  kì ,
Nhất bộ cao lai nhất bộ đê  ;
Khoản khoản hành thời thân dục vũ ,
Phiêu phiêu độ xứ khẩu như  vi .
Chỉ  duyên thế lộ giai khuynh hiểm ,
 Luỵ  đắc phương tung hoạ trắc y  ;
Mạc tiếu yêu chi thường bán chiết  ,
 Lâm phong dao  duệ diệc đa ty .
*Dịch:-
Khen anh gót ngọc quả  li  kì
Bước thấp bước cao , đẹp hết chê
Chầm chậm khắp nơi, thân tợ múa,
Tung tăng mọi chốn, bộ như phi
Sợ e khó tránh đường đời hiểm
Muốn ổn nên tìm dáng dấp nguy
Chớ bảo thân ta như gãy khúc
Gió tung lả lướt , dám khinh khi !
*Có thể nói Khôi Tinh rất xấu trai, có thể nói là "xấu hết chê !". Nhưng vì thế, ông ta rán học dữ dội, chẳng kể ngày đêm, không màng vất vả. Đến khoa thi, lại đậu đầu. Nhà vua theo lệ cho vời ông đến trước điện ra mắt vua. Hoàng Đế hỏi, sao trên má khanh có nhiều nốt ruồi thế, Ông  bình tỉnh đáp :- "Mặt mè sao đầy trời". Lại hỏi sao chỉ có một chân, Ông đáp :- "Một cẳng nhảy cửa rồng" . Nhà vua thấy ông đối đáp bình tỉnh lưu loát, lại có khẩu khí nên cho đậu.
*Lại có một truyền thuyết khác nói rằng, Khôi Tinh vốn là một học trò rất giỏi, nổi danh trong thiên hạ, nhưng chẳng hiểu sao lúc đi thi lại bị rớt, Ông phẫn chí nhảy xuống sông tự tử. May sao lại được con ngao  linh cứu và đưa lên trời, Thượng Đế thương, phong cho làm Khôi Tinh.
*Cách công bố kết quả thi cử ngày xưa là vừa xướng danh vừa treo bảng. Bắt đầu xướng từ chót là tên thứ sáu trước, lần lên đến tên thứ nhất. Lại tuyên bố năm tên đậu đầu gọi là "Ngũ Khôi". Cuối cùng mới xướng và treo bảng Trạng Nguyên, gọi là "Khôi Thủ"
*Như vậy, ta thấy Khôi Tinh có quan hệ mật thiết với thi cử. Người xưa tin rằng, thờ phụng Khôi Tinh sẽ được phù hộ may mắn trong thi cử, nếu đủ phước đức sẽ làm Trạng Nguyên. Nên người nào đi học cũng phải thờ Khôi Tinh làm "Thần Thủ Hộ". Tất cả nhà thờ hoặc sảnh đường của người đi học đều có treo ảnh tượng của Khôi Tinh, ngoài việc mong Ngài phù hộ cho việc thi cử, còn cho người ngoài biết, nhà mình thuộc "dòng dõi thư hương".
*Hình tượng Khôi Tinh thờ trong dân gian phổ biến nhiều nhất là, một vị thần chân phải đạp lên đầu con ngao (một loại rùa lớn), chân trái què đá trúng ngôi sao, tay phải cầm bút, tay trái cầm ngôi sao, toàn thân hiện ra hình dáng rất uyển chuyển.
*Nhược  Thủy  dịch

(từ http://www.fushantang.com)

# 59.THƯƠNG HIỆT
# 蒼 頡

蒼頡，尊為「制字先師」，或稱「制字先聖」、「蒼頡聖人」、「蒼頡至聖」、「蒼頡先師」，也稱「左史蒼聖人」。

蒼頡是黃帝的史官，也是創造文字制書的始祖，也有稱蒼頡為倉頡的。

蒼頡當時造書頗為艱巨，勞心勞力，更是細密構思，才有這樣偉大的成就。

據說中國造字的人除了蒼頡之外，還有協助蒼頡造字的「沮誦聖人」。詛誦，又作沮頌，在黃帝時代，沮誦做左史，蒼頡做右史同心協力創造文字，可是后人只知道蒼頡造文字，而很少有人如道「沮誦聖人」。

中國陝西白水縣史官鄉有座蒼頡廟，近一千年前的東漢年間此廟已具有相當規模，以后歷代皆有增修，大廟包括前殿、正殿 、后殿、鐘鼓樓等。

后殿正中供奉蒼頡神像，與眾不同的是神像有四只眼睛，這是根據古書「蒼頡四目」的記載塑造的。

傳說蒼頡是從天上降下來的神人，他的品德高尚，長著四只眼睛，神光四射，具有遠超常人的特異功能，能看得更多、更遠、更清，因而創造出非凡的業績。蒼頡「生死能書」，發明了文字。

有說他見了鳥獸在地上留下的爪蹄痕跡，心有所思，而創造了中國的象形文字。

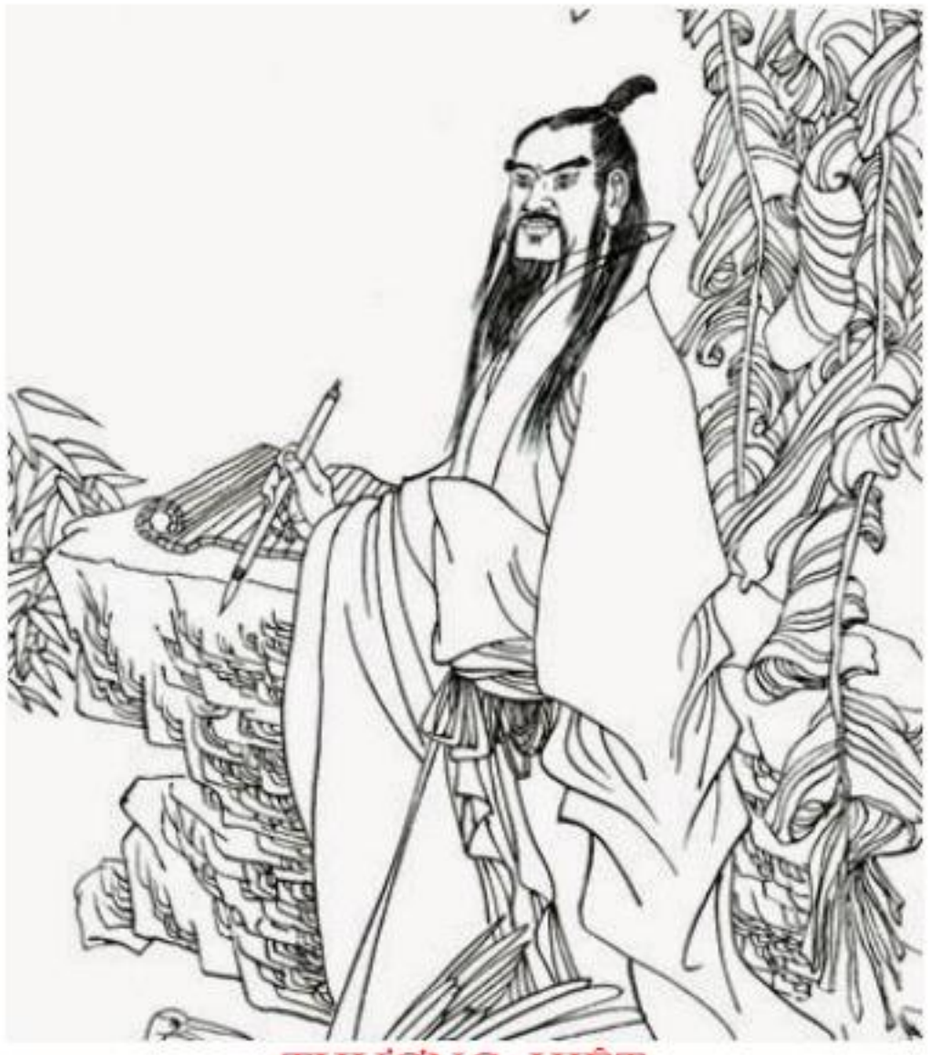
他的名字和造字功勞早在戰國時期就出現在許多古籍中，蒼頡大概是個整理古代文字出過巨大貢獻的人，或者說他是許許多多文字創造者的化身。

中國早在仰韶文化時期，就有了圖書文字，以后逐步演化成了真正的文字。殷商時代的甲骨文，遺存至今的尚有三千五百多個字，甲骨卜辭記載了當時人們的種咱社會活動。文字的形成標幟著人類進入文明的門檻，在人類社會發展歷史上占有極其重要的地位，人們自然要感謝和頌揚文字的創造者，于是出現了造字神話和造字之神蒼頡這個傳說人物。

其實，造字是人類社會進化中的群體成績，并非是靠一個天才人物的獨家創造，而是多人共同努力的結果。當然，其中也不乏聰明智慧之士，總結廣大群眾的集體創造進行不懈地整理、加工和提高。這些人對文字的形成作出了重大貢獻，蒼頡就成了一個突出的代表。

文字是人類文明發展史上一個重要標志，一個里程碑，然而中國有句古話，叫做「蒼頡造字，夜有鬼哭」。文字誠然代表了文明，文字獄卻代表了黑陪，更有秦始皇焚書之舉，不唯褻瀆神明，尤其對不起祖宗了。

農曆三月二十八日為蒼頡的誕辰。



THƯƠNG HIỆT

*Thương Hiệt được tôn xưng là "Chế Tự Tiên Sư" (thầy chế đặt ra chữ) hoặc xưng "Chế Tự Tiên Thánh", "Thương Hiệt Thánh Nhân", "Thương Hiệt Chí Thánh", "Thương Hiệt Tiên Sư", cũng còn xưng "Tả Sử Thương Thánh Nhân" (quan Tả sử coi về văn thư, họ Thương, là thánh nhân).
*Thương Hiệt là Sử Quan của vua Huỳnh Đế, cũng là thủy tổ của việc sáng chế ra chữ viết, nên gọi là "kho chữ".
Thương Hiệt khi làm ra sách chữ, trải qua biết bao gian khô, lao tâm lao lực, vắt óc suy nghĩ mới đạt được thành quả đáng khen.
*Truyền thuyết nói rằng, việc chế tạo ra chữ, ngoại trừ Ngài Thương Hiệt. còn có một người giúp sức. Đó là "Trớ (Tổ) Tụng Thánh Nhân". Nguyên tên là Trớ Tụng (đọc tụng) nhưng người ta tôn xưng là "Trớ Tụng" (đồng âm mà nghĩa là ca tụng).
*Hiện nay ở làng Sử Quan huyện Bạch Thủy tỉnh Thiểm Tây có miếu Thờ Thương Hiệt Tổ Sư. Từ hai ngàn năm về trước, thời Đông Hán, Miếu nầy đã có qui mô tương đối lớn rồi, trải qua nhiều triều đại, sự tôn tạo ngày càng nhiều và bề thế to lớn thêm. Gồm có :- tiền điện, chính điện, hậu điện, lầu chuông lầu trống v.v…
*Điện thờ tượng Ngài Thương Hiệt có bốn con mắt sáng ngời. Sở dĩ tạo tượng có bốn mắt là vì căn cứ vào cổ thư nói :- "Thương Hiệt tứ mục" (Ngài Thương Hiệt có bốn mắt) mà làm ra.
*Truyền thuyết cho rằng, Ngài Thương Hiệt là thần nhân từ trời giáng hạ, nên đạo đức phẩm chất của Ngài rất cao cả, lại có tới bốn con mắt sáng ngời, phóng rọi tia sáng đi khắp nơi. Do đó, Ngài có công năng đặc biệt rất phi thường như xem được nhiều, thấy được xa, trong sáng, nhờ thế mới sáng tạo được thành tựu phi phàm là phát minh ra chữ viết, thiên hạ tôn là bậc "sống chết đều có thể làm ra sách".
*Có truyền thuyết nói rằng , Ngài nhờ xem xét các dấu vết chân của loài thú và loài chim in để lại trên đất cát, trong tâm có tác động nên sáng tạo ra chữ viết tượng hình của Trung Hoa.
*Tên tuổi và công lao tạo chữ viết của Ngài được nhắc đến rất nhiều trong các cổ thư. Có nơi thì nói là Ngài sáng tạo chữ viết, nơi thì cho rằng Ngài chỉ chỉnh đốn sắp đặt lại chữ viết có từ trước.
*Từ thời tối cổ, Trung Quốc đã có xuất hiện những lối chữ "kết thằng" (thắt nút) rồi phát triển dần đến chữ "tượng hình" và sau cùng mới thành chữ viết hoàn chỉnh.
Từ thời nhà Ân (Thương) còn để lại khoảng ba ngàn năm trăm chữ "giáp cốt văn" (hình vẽ khắc trên xương thú). Nội dung những chữ giáp cốt nầy mô tả những sinh hoạt của con

người lúc bấy giờ. Từ cơ sở đó mà tiến dần đến chữ viết. Trong xã hội, không ai không nhận thấy tính cách quan trọng lớn lao của chữ viết, đóng góp cho nền văn minh nhân loại rất nhiều. Vì thế, nhớ tưởng và sùng bái cúng tế người đã tạo ra chữ viết, Ngài Thương Hiệt, là một việc làm mang tính tất yếu và hợp đạo lý con người . Để phong phú và hấp dẫn, người ta đưa ra nhiều huyền thoại xung quanh việc tạo chữ, và để dễ nhớ, tất cả những công sức ấy được tập trung hết vào Ngài Thương Hiệt cho gọn.

*Kỳ thật, nói một cách đứng đắn, bất cứ thành quả nào của loài người , trong đó có việc tạo ra chữ viết, cũng đều là kết quả tim óc của "Tập Thể Người" mới làm ra được. Nhưng dĩ nhiên trong số đó, cũng phải có người thông minh xuất sắc hơn, biết tổng hợp phân tích điều chỉnh lại sao cho trở thành kết quả tối ưu. Trường hợp của Thương Hiệt cũng tương tự. Nhưng dù sao đi nữa, thì việc tôn thờ Ngài cũng không có gì là sai trái. Và, việc cử một đại biểu đứng ra nhận giải thưởng thì cũng là việc bình thường thôi.

*Nói tóm lại, chữ viết đã giữ vai trò và phương tiện hết sức trọng yếu trong việc phát triển nền văn minh của nhân loại ngày nay. Người Trung Hoa xưa đã có câu :- "Thương Hiệt tạo tự, dạ hữu qui khốc" (Ngài Thương Hiệt làm ra chữ, ban đêm có qui khóc). Trong lịch sử có vua Tần Thủy Hoàng làm công việc "phần thư khanh Nho" (đốt sách chôn học trò) bị nhiều thế hệ lên án mạnh mẽ, đủ nói lên sự quan tâm đề cao chữ nghĩa như thế nào rồi. Ông ta chẳng những có tội với thần minh mà còn có trọng tội đối với tổ tông nữa.

*Ngày đản sanh của Ngài Thương Hiệt là ngày hai mươi tám tháng ba âm lịch.

*Nhược Thủy dịch

(từ http://www.fushantang.com)

60.BÁT TIÊN.



八 仙

八仙與道教許多神仙不同，均來自人間，而且都有多采多姿的凡間故事，之後才得道，與一般神仙道貌

岸然的形象截然不同，所以深受民眾喜愛，其中有將軍、皇親國戚、乞丐、道士等等，並非生而為仙，而且都有些缺點，例如漢鍾離袒胸露乳、呂洞賓個性輕挑、鐵拐李酗酒成性等等，但他們都是道家的仙人，常常在一起。

- 漢鍾離總是手搖一把芭蕉扇。被全真教奉為北五祖之一。
- 呂洞賓常背負寶劍，行俠仗義。被全真教奉為北五祖之一。
- 張果老鶴髮童顏，銀須飄拂，常倒騎一隻小毛驢。

- 韓湘子是唐朝文學家韓愈的侄兒，愛吹笛子。
- 鐵拐李是個跛足的殘疾人，拄一根鐵拐杖，像個叫化子。
- 何仙姑是年青漂亮的女人。
- 藍采和的原型是個有點才氣的流浪漢。
- 曹國舅是皇帝的親戚。

八仙也分別代表了男女老幼、富貴貧賤。也因此，一般道教寺院都有供奉八仙的地方，或是獨立設置八仙宮，而神明廟會也有八仙出現。

八仙也常出現在年畫、刺繡、瓷器、花燈及戲劇之中，相傳八仙也會定期赴西王母蟠桃會祝壽，所以「八仙祝壽」也成為民間藝術常見的的祝壽題材。民間戲曲酬神時，也經常上演《醉八仙》或《八仙祝壽》等所謂「扮仙戲」。

***八仙過海圖—清心論壇的會員們的矢量繪畫

八仙每人都有一經二樣寶物或法器，一般稱為「暗八仙」或八寶，常出現於刺繡、民間藝術之中，均代俵吉祥之意，而且隨場景不同而變換。其中較為通俗的暗八仙為：

- 芭蕉扇（漢鍾離）
- 葫蘆（鐵拐李）
- 花籃（藍採和）
- 荷花（何仙姑）
- 劍（呂洞賓）
- 笛子（韓湘子）
- 魚鼓（張果老）
- 玉板（曹國舅）

***八仙過海的繪畫

八仙過海是八仙最膾炙人口的故事之一，最早見於雜劇《爭玉板八仙過海》中。相傳白雲仙長有回於蓬萊仙島牡丹盛開時，邀請八仙及五聖共襄盛舉，回程時鐵拐李（或呂洞賓）建議不搭船而各自想辦法，就是後來「八仙過海、各顯神通」或「八仙過海、各憑本事」的起源。

此時李鐵拐拋下自己另一項法器鐵拐（或說葫蘆），漢鍾離扔了芭蕉扇，張果老放下坐騎「紙驢」，其

他神仙也各擲法器下水，橫渡東海。由於八仙的舉動驚動龍宮，東海龍王率領蝦兵蟹將前往理論，不料發生衝突，藍採和被帶回龍宮（亦說法器被搶）。之後八仙大開殺戒，怒斬龍子，而東海龍王則與北海、南海及西海龍王合作，一時之間驚濤駭浪。此時曹國舅拏出玉板開路，將巨浪偪往兩傍，順利渡海。最後由南海觀音菩薩（或說如來佛）出面調停，要求東海龍王釋放藍採和之後，雙方才停戰。



(Bát Tiên quá hải)

# BÁT TIÊN

*Bát Tiên không gống như thần tiên khác trong Đạo Giáo (Lão), tất cả đều từ cõi người mà thành, cho nên có rất nhiều câu chuyện truyền tụng trong dân gian về tám vị Tiên nầy. Bát Tiên rất được nhân dân sủng ái, trong số đó có đủ thành phần:- tướng quân, hoàng thân quốc thích, ăn mày, đạo sĩ v.v…Cho nên, tất cả tuy là Tiên mà vẫn còn có những khuyết điểm, tỉ như :- Hán Chung Ly thì cỡi trần để lộ vú ra, Lữ Đồng Tân thì có tính khinh khi vật chất, Lý Thiết Quài thì ghiền rượu v.v… nhưng cả thảy đều là Tiên trong Đạo Giáo, thường hay có mặt cùng một lúc tám người.

*Đặc điểm:-

1.- Hán Chung Ly tay cầm "quạt ba tiêu" , được Toàn Chân Giáo tôn xưng là một trong Bắc Ngũ Tổ (năm vị Tổ phương Bắc).

2.-Lữ Đồng (Động) Tân thường mang bảo kiếm, hành hiệp cứu đời, cũng được Toàn Chân Giáo tôn xưng là một trong Bắc Ngũ Tổ (năm vị Tổ phương Bắc).

3.-Trương Quả Lão thì "tóc bạc mặt trẻ", râu bạc bay bay, thường cỡi một con lừa nhỏ.

4.- Hàn Tương Tử là một văn học gia đời Đường, là cháu gọi bằng chú của Hàn Dũ, thích thổi sáo.

5.-Lý Thiết Quài (Quải--Quả)là người bị tàn tật, què một chân, cầm một cây gậy sắt, hình dáng là một người ăn mày.

6.-Hà Tiên Cô là cô gái trẻ đẹp đẽ.

7.-Lam Thái Hòa có hình tướng là một người sống rày đây mai đó, tay cầm cặp sanh (Cái sênh. Ngày xưa làm bằng quả bầu, khoét 13 lỗ, trong có máng đồng thổi ra tiếng hay) ca hát khắp nơi.

8.-Tào Quốc Cựu (Cữu) là em vợ vua, thuộc về hoàng thân quốc thích.

*Trong Bát Tiên có đủ thành phần nam phụ lão âu, phú quí bần tiện. Trong các tự viện của Đạo Giáo đều có điện thờ Bát Tiên, hoặc có nới xây Cung Bát Tiên. Trang trí ở các miếu khác cũng hay có hình ảnh Bát Tiên. Bát Tiên cũng xuất hiện ở các họa phẩm, vải thêu, đồ gốm, kịch nghệ …Sự tích Bát Tiên chúc thọ Tây Vương Mẫu là tuồng hát được phổ biến nhiều nhất trong các Lễ Chúc Thọ hay cúng thần. Còn bên võ thuật thì có môn võ Túy Bát Tiên.

*Tranh vẽ Bát Tiên quá hải :-

Mỗi vị cầm một món pháp khí khác nhau, có thể khác nhau chút ít về chi tiết, nhưng đại thể giống nhau. Nói chung đều là những vật có ý cát tường, đại khái như sau :-

-Quạt Ba Tiêu (Hán Chung Ly)

-Hồ lô (Lý Thiết Quài)
-Giỏ hoa (Lam Thái Hòa)
-Hoa sen (Hà Tiên Cô)
-Kiếm báu (Lữ Đồng Tân)
-Ống sáo (Hàn Tương Tử)
-Trống cá (Trương Quả Lão)
-Ngọc bản (miếng ngọc dùng để gỏ nhịp trong khi ca) (Tào Quốc Cựu)
*Truyện kể về Bát Tiên quá hải là câu chuyện được mọi người yêu thích nhất, sớm thấy trong vở hát "Tranh ngọc bản Bát Tiên quá hải" (tám vị tiên tranh ngọc bản qua biển).
Tương truyền, Bạch Vân Tiên Trưởng ở đảo tiên Bồng Lai nhăm lúc hoa mẫu đơn nở rộ, nên mời Bát Tiên và Ngũ Thánh đến dự Hội Ngắm Mẫu Đơn. Lúc trở về, Lý Thiết Quài (có chỗ nói là Lữ Đồng Tân) đề nghị mỗi người dùng bửu bối của mình để qua biển. (Nhân sự tích nầy mà sau có thành ngữ :- Bát Tiên quá hải, các hiển thần thông và Bát Tiên quá hải, các bằng bổn sự, ý nói mỗi người tự có phương pháp, cách thưc riêng của mình để giải quyết công việc).
Lúc bấy giờ, Lý Thiết Quài ném xuống biển pháp khí của mình là "cây gậy sắt" (có chỗ nói là cái hồ lô), Hán Chung Ly ném quạt ba tiêu, Trương Quả Lão ném con lừa giấy v.v… để đi qua biển Đông. Nhân việc nầy, Bát Tiên đã làm náo động Long Cung, nên Đông Hải Long Vương suất lãnh binh tôm tướng cá nổi lên đánh nhau với Bát Tiên. Lam Thái Hòa bị bắt về Long Cung (có chỗ nói là bị mất pháp khí). Sau đó, Bát Tiên đại khai sát giới, giết chết Long Cung Thái Tử. Đông Hải Long Vương liền kêu gọi anh em là Bắc Hải, Nam Hải, Tây Hải Long Vương đến giúp, khiến sóng gió nổi lên bốn biển. Lúc đó, nhờ Tào Quốc Cựu ném Ngọc Bản mở đường , Bát Tiên mới qua được biển.
Sau cùng, nhờ Bồ Tát Quan Âm (có chỗ nói Phật Như Lai) đứng ra điều đình, yêu cầu Đông Hải Long Vương trả lại Lam Thái Hòa, hai bên mới chịu đình chiến.




(Xem phần phụ lục :-
Trích truyện Đông Du Bát Tiên ở dưới)
*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## *PHỤ LỤC :-
## TIỂU SỬ CÁC VỊ TIÊN TRONG BÁT TIÊN
(Viết theo truyện Đông Du Bát Tiên—Tô Chẩn dịch)

BÁT TIÊN
Bát Tiên là 8 vị Tiên ở 8 động đá của núi Bồng Lai trên đảo Bồng Lai nơi cõi Thiêng liêng.
Bát Tiên gồm 8 vị Tiên kể tên ra sau đây:-
1. Lý Thiết Quài. (Thiết Quài hay Thiết Quải là cây gậy sắt) nhưng thường gọi là Lý Thiết Quả.

2. Hán Chung Ly.
3. Lữ Động Tân, (Động là cái hang núi) nhưng thường gọi là Lữ Đồng Tân.
4. Lam Thể Hòa.
5. Trương Quả Lão.
6. Hà Tiên Cô.
7. Hàn Tương Tử.
8. Tào Quốc Cựu.

Trong Bát Tiên, có bốn vị cỡi thú bay và bốn vị cỡi thú chạy.

Sau đây là sự tích của Bát Tiên, viết theo Truyện Đông Du Bát Tiên:

1. Lý Thiết Quài:-

Ngài họ Lý, tên là Huyền, hiệu là Ngưng Dương, nên thường gọi là Lý Ngưng Dương, diện mạo nghiêm trang, tánh hạnh trong sạch, học rộng biết nhiều, không mộ công danh, muốn đi tu Tiên. Biết được Lý Lão Tử đang dạy Đạo trên núi Họa Sơn, Lý Ngưng Dương liền tìm đến đó để xin học Đạo.

Đi dọc đường, Ông ngâm thơ rằng:-

Tâm tánh con người có thấp cao,
Khen lò Tạo Hóa đúc anh hào.
Làm trai biết thấu vòng vinh nhục,
Đặng chữ thanh nhàn khỏi chữ lao.

Khi đến núi Họa sơn thì Trời đã tối. Lý Ngưng Dương tự nhủ: Mình là đệ tử đi cầu thầy học Đạo, lẽ nào ban đêm dám gõ cửa. Chi bằng ngủ đỡ trên bàn thạch trước cửa động, chờ Trời sáng sẽ xin vào ra mắt.

Ở trong động, Đức Lão Tử đang đàm đạo với Huyễn Khưu Chơn Nhơn, xảy có cơn gió thanh, Đức Lão Tử hỏi:

- Ông có biết gió ấy là điềm chi chăng?
- Chắc có người gần thành Tiên đi tới.
- Ta đã rõ Lý Ngưng Dương gần thành Tiên và là Tiên đứng đầu sổ hết thảy.

Nói rồi, Đức Lão Tử truyền Tiên đồng ra mở cửa động mà đón. Xảy thấy một Đạo sĩ đang đứng trước động, liền hỏi:

- Có phải Lý Ngưng Dương đó không?
- Sao Tiên đồng lại biết tên tôi?
- Tôi vâng lịnh Lão Quân ra cửa đón anh.

Lý Ngưng Dương vô cùng mừng rỡ, chắc là mình có phước lớn nên mới được Lão Quân biết đến, liền đi theo Tiên đồng vào ra mắt, thấy Lão Quân có hào quang sáng lòa, dung nhan tươi nhuận, râu tóc bạc phơ, và Huyễn Khưu Chơn Nhơn cũng vậy.

Lý liền quì lạy ra mắt Lão Quân và Huyễn Khưu. Hai vị đáp lễ rồi mời ngồi. Lý Ngưng Dương quì thưa rằng: Đệ tử tầm sư học Đạo, lẽ nào dám ngồi. Xin Thầy dạy bảo.

Lão Tử bảo: Ngươi ngồi xuống rồi ta nói cho nghe:-

Học Đạo cho minh,
Lắng lặng làm thinh,
Đừng lo đừng rán,
Cho tịnh cho thanh,
Chẳng nên nhọc sức,
Chớ khá tổn tinh,
Giữ đặng tánh tình,
Là thuốc trường sanh.

Lý Ngưng Dương mừng rỡ lạy tạ Lão Quân.

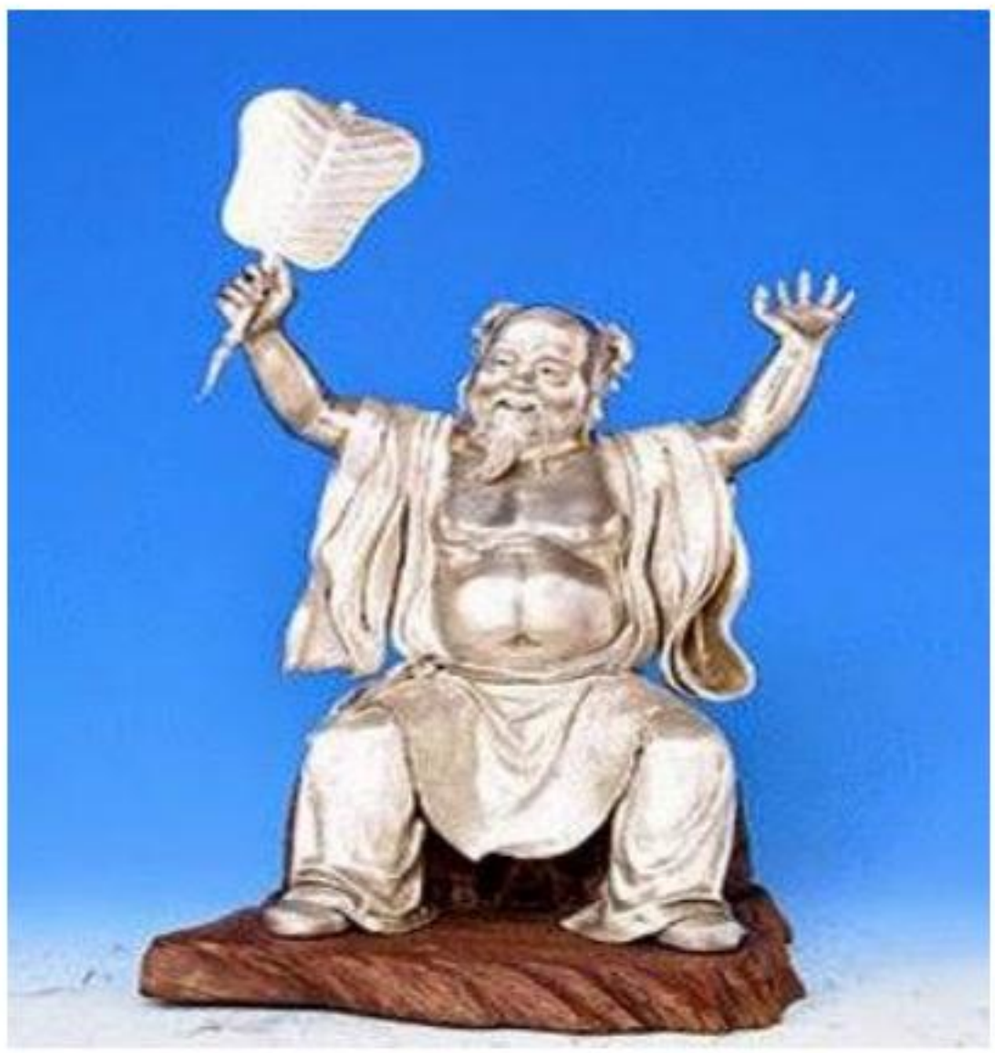
Huyễn Khưu nói: Ngươi có tên trong Sổ Tiên, đứng đầu hết thảy. Về tu như vậy thì thành.

Nói rồi truyền Tiên đồng đưa Lý Ngưng Dương ra khỏi động, xuống núi. Lý Ngưng Dương lạy tạ rồi theo Tiên đồng rời khỏi động, trở về quê, lên núi cất nhà bên động đá, tu theo lời

Đức Lão Tử dạy, cứ tu luyện hoài như vậy. Chẳng bao lâu cảm thấy nhẹ mình, bước đi như gió.
Một người dân quê tên là Dương Tử lên núi thấy vậy cũng phát tâm mộ đạo, xin Lý Ngưng Dương thâu làm đệ tử, ở lại tu hành.
Ngày kia, Lý Ngưng Dương thấy hào quang chiếu vào cửa sổ, thì biết có Thần Tiên giáng hạ, rồi mau sửa soạn lên núi đón tiếp. Xảy nghe tiếng hạc, ngó lên thấy Đức Lão Tử và Huyễn Khưu Chơn Nhơn cỡi hạc đáp xuống.
Lý Ngưng Dương lạy chào mừng rỡ.
Đức Lão Tử nói:
- Bữa nay tinh thần hơn trước. Ta nhắm ngươi xuất hồn đặng. Vậy 10 ngày nữa, ngươi xuất hồn đi dạo các nước với ta.
Nói rồi liền từ giã, và hai vị cỡi hạc bay trở về núi.
Cách 9 ngày sau, Lý Ngưng Dương kêu học trò là Dương Tử đến dặn rằng: Thầy sẽ xuất hồn đi thiếp bảy ngày ngươi phải gìn giữ xác ta cẩn thận. Nếu sau bảy ngày mà ta không trở về thì hãy thiêu xác.
Dặn dò xong, Lý Ngưng Dương nằm thiếp xuất hồn đi.
Khi Dương Tử giữ xác thầy được 6 ngày thì người nhà đến báo tin rằng: Mẹ anh bịnh nặng, đang hấp hối, trông anh mau về cho mẹ thấy mặt mà tắt hơi. Dương Tử khóc lớn than rằng: Thầy đi thiếp chưa về, nếu ta đi, lấy ai giữ xác thầy, bằng không đi thì làm sao thấy mặt mẹ, ôi khổ biết chừng nào!
Người nhà liền hỏi rõ Dương Tử về sự đi thiếp của thầy, rồi nói: "Xác người chết đã 6 ngày, ngũ tạng thảy đều hư hết, lẽ nào sống lại bao giờ. Vả lại, thầy có dặn 7 ngày thì thiêu xác, chắc thầy đã thành Tiên. Nay 6 ngày mà thiêu xác thầy cũng không lỗi. Mau thiêu xác thầy rồi về gặp mặt mẹ."
Dương Tử bần dùng không nỡ, nhưng túng thế cũng phải nghe lời, liền đặt nhang đèn, hoa quả tế thầy, rồi thiêu xác. Vừa khóc vừa đọc bài kệ sau đây:-
Mẹ bịnh ngặt hầu kề, Thầy đi thiếp chưa về,
Mẫu thân tình một thuở, Sư phụ nghĩa nhiều bề,
Vẹn thảo nên quyền biến, Lỗi nghì luống ủ ê,
Hồn linh xin chứng chiếu, Khoái lạc chốn non huê.
Thiêu xác thầy xong, Dương Tử liền gấp rút chạy về nhà, vừa đến cửa nhà thì mẹ vừa tắt thở.
Rủi ơi là rủi! Lỗi hết hai đàng, đã bất nghĩa với thầy, lại không tròn hiếu sự.
Nhắc lại, Lý Ngưng Dương, hồn xuất về chầu Đức Lão Tử, được thầy dẫn đi khắp các nước trên cõi thiêng liêng, đến núi Bồng Lai, gặp các Thánh Tiên, ra mắt đủ mặt, đến bảy ngày thì xin về. Đức Lão Tử cười nói rằng:-
Hãy nghe bài kệ nầy thì rõ:-
Tịch cốc ăn lúa mì, Đường quen xe phơi phới,
Muốn tìm cốt cách xưa, Lại gặp mặt mày mới.
Lý Ngưng Dương nghe bài kệ của thầy thì ghi nhớ chớ không hiểu ngụ ý gì, nhưng cũng lạy thầy từ tạ ra về. Khi hồn về tới nhà thì không thấy xác, không thấy học trò, coi lại thì xác đã ra tro bụi.
Lý Ngưng Dương rất giận đứa học trò bất nghĩa nầy. Hồn bay phưởng phất xuống chơn núi, gặp một thây ăn mày nằm dựa bên đường, kế bên cây gậy, có một chân cùi.
Lý Ngưng Dương nghĩ lại bài kệ của thầy cho, chợt hiểu, biết phận mình phải vậy chớ không nên oán trách học trò, liền nhập hồn vào xác ăn mày, rồi ngậm nước phun vào gậy tre hóa ra gậy sắt. Bởi cớ đó, người đời không biết họ tên ông ăn mày nầy, thấy cầm cây gậy sắt, nên gọi là Ông Thiết Quài, sau gọi trại ra là Thiết Quả.
Sở dĩ Đức Lão Tử không cho hồn Lý Ngưng Dương về kịp trước khi học trò thiêu xác là vì Đức Lão Tử muốn Lý Ngưng Dương bỏ xác phàm cho tuyệt sự hồng trần mà về luôn nơi Tiên cảnh, còn xác ăn mày là mượn tạm để tu, chớ muốn biến hóa thế nào cũng được.

Thiết Quả đánh tay biết rõ các việc đã xảy ra với đứa học trò mình là Dương Tử. Thiết Quả liền đem linh dược đến cứu tử mẹ nó, kẻo đứa học trò tức tối ân hận cả đời tội nghiệp. Đến nơi thấy Dương Tử đang ôm quan tài mẹ khóc ngất, rồi rút gươm ra định tự vận. Thiết Quả kịp đến ngăn cản và nói:
- Ngươi có lòng thành nên Trời khiến ta đến đây đem linh dược cứu tử mẹ ngươi. Vậy ngươi mau giở nắp quan tài ra, cạy miệng mẹ ngươi ra mà đổ thuốc.
Nói rồi lấy ra một hoàn thuốc đưa cho Dương Tử. Dương Tử làm y lời, giây lát, bà mẹ hắt hơi lấy lại hơi thở, rồi ngồi dậy bước ra khỏi quan tài, xem có vẻ mạnh khỏe hơn trước. Cả nhà vô cùng mừng rỡ. Dương Tử quì lạy Thiết Quả, thưa rằng:
- Cảm tạ Tiên ông, xin Tiên ông cho biết danh hiệu.
- Ta đây là Lý Ngưng Dương, là thầy của ngươi. Bởi ngươi thiêu xác ta nên hồn ta phải nhập vào xác ăn mày nầy. Biết rõ việc làm của ngươi, nên ta không chấp, lại đến cứu tử mẹ ngươi để ngươi nuôi mẹ phỉ tình. Ta tặng thêm cho ngươi một hoàn thuốc nữa để ngươi uống vào sống lâu nuôi mẹ. Thầy trò sẽ gặp lại sau nầy.
Dương Tử cúi đầu lạy tạ thầy, chưa kịp hỏi thăm thì Thiết Quả đã biến mất.
Thiết Quả biến hóa về núi Hoa sơn, hầu thầy. Đức Lão Tử cười nói:
- Vậy mới chắc thành Tiên, không lo trở lại trần thế.
Nói rồi truyền dọn tiệc ăn mừng Thiết Quả.

2. Hán Chung Ly:-



Hán Chung Ly, họ là Chung Ly đời nhà Hán, tên là Quyền, hiệu là Vân Phòng, làm Đại Tướng trong triều đình nhà Hán.
Khi mới sanh, Chung Ly Quyền có điềm khác lạ, trên nóc nhà hào quang sáng đỏ, ai nấy đều kinh, lớn lên thành một vị tướng quân, võ nghệ như thần, oai danh quá cọp.
Khi ấy triều đình nhà Hán nhận được sớ khẩn cấp của tướng trấn ải báo có binh Phiên do Bất Dực thống lãnh đánh vào ải rất nguy kịch, xin triều đình cử binh cứu viện.
Xem xong, Hán Đế rất kinh hãi, liền hạ chiếu sai Đại Tướng Chung Ly Quyền làm Nguyên soái, Phùng Dị làm Phó Tướng, kéo đại binh 50 vạn gấp rút đi ra quan ải cứu viện.
Nguyên Soái Chung Ly tế cờ, hiểu dụ tướng sĩ xong thì kéo quân đi ngay tới ải Kỳ Thủy đóng trại. Rạng ngày hôm sau, hai bên ra trận. Bất Dực đánh không thắng nổi Chung Ly, quân Phiên bại trận chạy dài. Tin chiến thắng liên tiếp báo về triều đình, danh tiếng Nguyên soái Hán Chung Ly vang dậy.

Lúc đó, Lý Thiết Quả đang ở Cung Tiên, đánh tay biết Hán Chung Ly đã thắng quân Phiên nhiều trận, uy danh lừng lẫy, và lại biết kiếp trước của Hán Chung Ly là Tiên coi sổ bộ ở Thượng giới, phạm tội bị đọa trần, nay mê việc chiến tranh mà không lo tu hành, biết chừng nào trở về ngôi vị cũ.
Lý Thiết Quả muốn độ Chung Ly, nhưng nếu để Chung Ly thắng trận hoài, triều đình sẽ gia phong quan tước, thì bị mê đắm trong vòng phú quí vinh hoa, nên Thiết Quả định làm cho Chung Ly bại trận thì mới độ được. Tính rồi liền hóa ra một Ông già bay xuống dinh Phiên của Bất Dực.
Lúc bấy giờ Bất Dực đang ngồi trong dinh, thở vắn than dài, không tìm được kế chi để đánh binh Hán. Xảy thấy quân vào báo: Có một ông già cốt cách Thần Tiên xin vào ra mắt.
Bất Dực lấy làm lạ, liền cho mời vào, hỏi:
- Lão trượng đến tôi có việc gì?
- Tôi đến đây bày cho Tướng quân kế thắng binh Hán. Đêm nay tôi biết bên dinh Hán có hỏa hoạn lớn, Tướng quân thừa dịp nầy kéo quân vào cướp dinh thì chắc thắng mười phần.
Ông già nói xong liền từ giã đi mất.
Bất Đực, lòng bán tín bán nghi, sợ lầm kế của Nguyên soái Chung Ly, nhưng cũng truyền lịnh chuẩn bị canh hai đến cướp dinh Hớn. Nếu thấy dinh Hán bị hỏa hoạn như lời của ông già thì sẽ tràn quân đánh vào, bằng không thì rút binh về.
Bên dinh Hán, tuy vừa mới thắng quân Phiên, nhưng cũng không dám kiêu, cắt đặt canh phòng ban đêm rất cẩn mật vì sợ cướp dinh.
Khoảng giữa canh ba, Lý Thiết Quả hóa phép đốt dinh Hán, ngọn lửa cháy lan rất mạnh, binh lính không dập tắt nổi.
Bất Dực thấy đúng thời cơ, liền kéo đại binh đánh vào. Chung Ly Nguyên soái cầm giáo lên ngựa đánh với Bất Dực, thấy binh Hán hoảng sợ chạy hết thì cả kinh, quày ngựa bại tẩu. Bất Dực muốn bắt sống Chung Ly nên buông tên nhắm vào con ngựa của Chung Ly đang cỡi, làm ngựa trúng tên té nhào, may Phó tướng Phùng Dị chạy đến tiếp cứu, bắt một con ngựa khác đưa cho Nguyên soái. Hai người bại tẩu, ngó lại dinh Hán bị lửa thiêu rụi, binh Hán bỏ chạy tán loạn. Nguyên soái tức quá té nhào xuống ngựa chết giấc. Khi tỉnh lại than rằng:
- Ta làm Đại Tướng vâng chỉ đánh Phiên, ngỡ là cứu nước rạng danh, nào hay Trời khiến ta thảm bại thế nầy, chẳng những mắc tội với vua, lại còn hổ mặt với triều thần, thiệt là Trời muốn giết ta, ta còn sống làm chi nữa.
Than rồi, Hán Chung Ly toan rút gươm tự vận. Phùng Dị cứ mãi khuyên can. Xảy thấy binh Phiên kéo đến truy nã. Phùng Dị cản hậu, Hán Chung Ly chạy trước. Chạy tới sáng thì lạc mất, Hán Chung Ly đến một nơi không có nhà cửa dân chúng, phía trước là núi, vừa đói vừa khát, tiến thoái lưỡng nan. Xảy thấy một ông sãi mắt xanh chống gậy đi tới. Chung Ly mừng rỡ bước đến thưa rằng:
- Tôi là Hán Nguyên soái Chung Ly Quyền đem quân đi đánh Bắc Phiên, bị bại trận nên chạy lạc tới đây, xin thầy chỉ nhà cho tôi tá túc để trở về triều đình xin binh cứu viện.
Ông sãi gật đầu, dắt Chung Ly chỉ một cái am, nói rằng
- Đây là chỗ ở của Đông Huê Chơn nhơn, tướng quân vào đó mà tạm nghỉ.
Nói rồi đi thăng như bay. Hán Chung Ly đi đến am, nhìn thấy cảnh vật xinh tươi yên tĩnh, phải chỗ của Thần Tiên, đến trước cửa am, định gõ cửa thì nghe có tiếng ngâm thơ từ trong am vọng ra:-
Việc thế chẳng đua tranh,
Thanh nhàn lánh lợi danh,
Thân nương theo động đá,
Tình gởi tại mây xanh.
Chơi dạo say mùi đạo,
Thong dong dưỡng tánh lành,
Hỏi ai là bạn tác?

Gió mát với trăng thanh.
Lý Thiết Quả sắp đặt trước, giả làm sãi mắt xanh dẫn Hán Chung Ly đến cho Đông Huê Chơn Nhơn dạy đạo.
Hán Chung Ly nghe tiếng ngâm thơ vừa dứt thì có một ông Lão cốt cách Thần Tiên, chống gậy bước ra hỏi:
- Có phải Chung Ly Quyền Nguyên soái đó chăng?
Hán Chung Ly kinh hãi thưa:
- Phải, tôi vâng chỉ đi đánh Phiên, chẳng may thất trận chạy lạc đến đây, xin Thượng Tiên từ bi cho tôi tá túc.
Đông Huê Chơn Nhơn mời vào am đãi cơm chay, nói:
- Công danh như bọt nước, phú quí như ngọn đèn trước gió. Từ xưa đến nay, giang sơn nhiều chủ, phước thọ ít người. Bần đạo chán cảnh đời đau khổ, tìm nơi u nhã,sống thanh nhàn, thoát vòng lợi danh trần tục. Tướng quân cũng nên thừa dịp nầy mà tu tâm dưỡng tánh, còn ham công danh phú quí làm chi.
Chung Ly Nguyên soái lắng nghe, liền tỉnh ngộ, muốn theo học đạo, hỏi:
- Tiên ông luyện phép chi mà đặng trường sanh?
- Phép trường sanh có gì lạ đâu, lòng phải trống mà bụng phải đặc. Lòng trống là không lo lắng, để cho thơ thới như không; bụng đặc là không theo sắc dục, nguơn khí chẳng hao, được như vậy thì thành Tiên, trường sanh bất tử.
Hán Chung Ly nghe vậy thì mừng rỡ thưa rằng:
- Nhờ Tiên ông chỉ dạy, tôi xin lạy để làm học trò. Xin thầy cho biết tôn hiệu.
- Ta là đạo sĩ thời thượng cổ, nay đã thành Tiên, hiệu là Đông Huê.
Nói rồi truyền cho Hán Chung Ly phép tu luyện và dạy luôn cho Chung Ly phép chỉ đá hóa vàng, rồi tặng cho một cây gươm thanh long chém quỉ.
Hôm sau, Hán Chung Ly lạy thầy xin trở về nhà lo thu xếp việc nhà. Đông Huê Chơn Nhơn chỉ đường về nhà. Khi Chung Ly ngó lại thì thấy thầy và nhà cửa đều biến mất, suy nghĩ biết là Tiên ông biến hóa để độ mình. Chung Ly Quyền tự đặt hiệu cho mình là Vân Phòng, rồi cải trang đi riết về nhà đặng thăm gia quyến.
Gia đình Chung Ly Nguyên soái hay tin thất trận và mất tích, tin tưởng là đã chết nên cả nhà than khóc để tang. Nay lại thấy Chung Ly cải trang trở về thì thất kinh mừng rỡ, hỏi thăm cớ sự. Chung Ly thuật lại đủ hết. Gia quyến mừng rỡ nói rằng: Khi mới sanh ra có điềm lành, chẳng lẽ lại thác về nghiệp dữ.
Chung Ly Quyền không dám ở nhà lâu, sợ vua hay tin bắt tội, liền ăn mặc theo Đạo sĩ, từ giã gia quyến để đi tu, lại đến thăm anh ruột là Chung Ly Giảng, đang làm chức Lang Trung.
Chung Ly Giảng ham mộ đạo đức đã lâu, nay nghe em nói, mừng rỡ bội phần, liền sắp xếp hành trang, cùng em trốn lên non tu luyện. Hai người nhắm núi Họa sơn đi tới. Dọc đường, thấy con cò trắng đang ngóng cổ, Vân Phòng nói:
- Con cò cổ dài, le le cổ ngắn, không thể nào cắt bớt mà can bổ cho bằng. Việc đời cũng vậy, kẻ ưa danh lợi, người mến thanh nhàn.
Nhờ có gươm phép của thầy trao tặng, Vân Phòng giết được cọp tinh đang phá hại dân làng, lại thấy dân quá nghèo khổ, nên dùng phép chỉ đá hóa vàng, lấy vàng phát cho dân.
Ngày kia, Đông Huê Chơn Nhơn tìm đến để dạy đạo thêm, truyền thêm phép tu luyện cho hai người.
Chung Ly Vân Phòng đi dạo chơi đến núi Tứ Hạo, thình lình một tiếng sấm nổ vang, núi nứt ra một cái khe. Vân Phòng thấy lạ, liền tiến vào khe, gặp một cái hộp đá có một cuốn kinh, liền lấy kinh đem ra ngoài xem thì khe núi biến mất, vách núi liền lại như cũ. Vân Phòng thầm biết là Thần Tiên đã ban kinh cho mình tu luyện, nên càng cố công. Chẳng bao lâu thì đạt đến mức cao siêu.

Bỗng nghe tiếng nhạc vang Trời, nhìn lên thấy mây lành năm sắc, Tiên hạc bay xuống đáp trước mặt Vân Phòng, nói tiếng người rằng: "Thượng Đế sai tôi xuống rước Vân Phòng trở về phục chức cũ ở Thượng giới,"
Vân Phòng liền đưa sách lại cho anh, dặn dò và giã từ, cỡi hạc lên Trời. Chung Ly Giảng ở lại tu theo sách đó, lâu ngày cũng thành Tiên, được Vân Phòng cỡi hạc xuống rước.

3. Lam Thể Hòa:-



Lam Thể Hòa là Xích Cước Đại Tiên đầu thai xuống trần, nên còn nhớ tánh cũ, thường mặc áo rộng xanh, buộc dây lưng đen, một chân đi đất, một chân mang giày, mùa hè mặc áo bông mà không biết nóng nực, mùa đông chỉ mặc áo chiếc mà không biết lạnh, thật lạ lùng.
Thường ngày, Ông Lam Thể Hòa hay cầm cặp sanh dài ba thước (thước Tàu), đi ra ngoài chợ, vừa ca vừa nhịp, để xin tiền bố thí. Những bài ca do Ông tự đặt ra đều có ý khuyên đời bỏ dữ theo lành. Tiền xin được, Ông cột vào dây lưng, vừa đi vừa ca, khi tiền rớt cũng không thèm ngó lại, khi lại dùng tiền nầy bố thí lại cho người nghèo khổ.
Những trẻ nhỏ có dịp thấy Ông Lam Thể Hòa, đến chừng lớp trẻ nầy lớn lên rồi già (tức là 60 hay 70 năm sau) thì vẫn gặp ông Lam giống y như thuở trước, vẫn ăn mặc như trước, vừa đi vừa ca vừa nhịp, không già như người thường.



Về sau, Lam Thể Hòa gặp Lý Thiết Quả, hai người đàm đạo trên lầu ở quận Hào Lương. Kế nghe tiếng nhạc vang Trời, đôi chim hạc từ trên không đáp xuống, rước hai vị Tiên về Thượng giới.
Khi cỡi hạc, Ông Lam bỏ cặp sanh rơi xuống đất, hóa thành ngọc, giây phút biến mất.
Trong Bát Tiên, Lam Thể Hòa có tánh thuần hậu nhứt.
4. Trương Quả Lão:-




Trương Quả Lão gốc là một con dơi trăng hôi tạo Thiên lập Địa, tu luyện lâu năm, hóa hình người, sau đến núi Trung Điều ở Hàng Châu, học đạo với Huyễn Khưu Chơn Nhơn, làm bạn với Lý Thiết Quả.
Các ông già bà lão thuật chuyện về Trương Quả Lão:
Khi các ông bà ấy còn con nít, thì đã biết và gặp Ông Trương, thường thấy Ông cỡi con lừa trắng đi dạo khắp nơi, đặc biệt Ông ngồi ngược chiều, quay mặt ra phía sau. Đến khi đi về tới nơi ở, Ông liền đè bẹp con lừa, biến ra lừa giấy, xếp cất vào khăn. Khi muốn đi chơi, Ông lấy lừa giấy ra, phun nước vào thì hiện ra con lừa trắng để Ông cỡi đi chơi. Khi các ông bà ấy già, vẫn gặp lại Ông Trương giống y như trước, không già hơn chút nào, thật là Ông đã đạt được phép trường sanh bất lão.
Đến đời vua Đường Thái Tông, vua cho triệu Ông vào triều, nhưng Ông không chịu đến.
Qua đời Võ Hậu, Bà cũng biết tiếng Ông Trương, nên cũng cho sứ giả đến triệu vào triều. Ông Trương đi được nửa đường thì chết, giây lát thây thúi hóa vòi, sứ giả phải bỏ thây lại đó mà về triều tâu lại cho Võ Hậu rõ.
Nhưng sau đó, người ta vẫn gặp Ông Trương cỡi lừa trắng đi dạo như thường.
Đến đời Đường Minh Hoàng, vua sai quan là Bùi Ngộ đem chiếu đến rước ông Trương, ông Trương giả chết. Bùi Ngộ thăp nhang cầu khẩn, ông Trương từ từ sống lại, nhưng không chịu đi. Bùi Ngộ không dám ép, đành trở về triều tâu lại.
Đường Minh Hoàng lại sai hai sứ giả nữa là Dự Thông và Lư Trang Huyền, đem sắc chỉ đến rước nữa. Ông Trương thấy vua có lòng trọng vọng nên mới chịu tới, được nhà vua và bá quan kính trọng mười phần. Minh Hoàng hỏi Trương Quả Lão về chuyện Thần Tiên, Ông Trương ngồi làm thinh, nín hơi mấy bữa, không chịu nói.
Ngày kia Minh Hoàng làm tiệc đãi Trương Quả Lão, Ông từ chối, nói rằng: "Tôi không biết uống rượu, duy có học trò tôi nó uống tới một đấu."
Vua Minh Hoàng xin vời tới. Giây phút có một đạo sĩ trẻ chừng 16 tuổi từ ngoài bay vào, ra mắt nhà vua.

Trương Quả Lão nói:
- Nó là đệ tử của tôi, xin đứng hầu Bệ hạ.
Minh Hoàng thưởng cho nó một đấu rượu, nó liền uống hết. Minh Hoàng lại ép uống nữa.
Trương Quả Lão nói:
- Chẳng nên cho nó uống nhiều, nếu quá chén, ắt sanh điều quái gở.
Minh Hoàng cứ ép uống rượu để xem sự thể ra sao.
Giây phút, trên đầu đệ tử hiện ra một cái quả bằng vàng, rồi người đệ tử biến mất, quả bằng vàng ở dưới đất trơ trơ, giở nắp ra thấy rượu đầy quả. Coi lại, đó là quả vàng của vua. Ai nấy đều phục phép Tiên của Trương Quả Lão.
Vua hỏi Ông Trương bao nhiêu tuổi. Ông Trương đáp:
- Tôi sanh năm Bính Tý đời vua Nghiêu.
Vua Đường lấy làm lạ, vì thấy Ông Trương tuổi lối 70 hay 80, liền truyền lịnh cho quan coi tướng là Hình Hòa Phát coi tuổi Trương Quả Lão, nhưng coi cũng không ra.
Vua liền sai Sư Dạ Quang là người coi thấu việc qui thần, coi cũng không biết tướng tinh của Trương Quả Lão. Khi ấy có Đạo sĩ Diệp Pháp Thiện, học được phép Tiên, biết việc qui thần, rất được Minh Hoàng yêu mến, được Minh Hoàng vời đến hỏi tướng tinh của Trương Quả Lão.
Diệp Pháp Thiện tâu rằng:
- Nếu Bệ hạ chịu cất mão cởi giày mà xin tội cho tôi với Trương Quả Lão thì tôi mới dám nói.
Vua Minh Hoàng vì tính hiếu kỳ nên ưng chịu.
Diệp Pháp Thiện tâu rằng:
- Trương Quả Lão cỡi lừa kỳ lắm, ngồi day ngược ngó ra sau, thiệt là con dơi trắng thời thượng cổ.
Nói vừa dứt lời thì Diệp Pháp Thiện bị sặc máu tươi chết liền tại chỗ. Vua Minh Hoàng kinh hãi, liền cất mão cởi hài như đã hứa, đến gặp Trương Quả Lão xin tội cho Pháp Thiện.
Trương Quả Lão nói:
- Nó nhiều chuyện lắm, nếu không trị nó thì lậu cơ Trời.
Minh Hoàng cứ đứng đó năn nỉ hoài, buộc lòng Trương Quả Lão phải tha cho Pháp Thiện, đến phun nước vào mặt thì Pháp Thiện sống lại như thường.
Minh Hoàng sắc phong cho cho Trương Quả Lão là Thông Huyền Tiên Sinh, lại sai vẽ chơn dung của Ông Trương treo ở lầu Tập Hiền.
Ngày kia, Minh Hoàng đi săn, bắt được con nai tại đất Hàm Dương, truyền làm thịt đãi yến.
Ông Trương can rằng:
- Nó là Tiên lộc ngàn năm, chẳng nên giết. Nguyên trước đây, vua Hớn Võ Đế săn đặng con nai nầy, vua cho đóng đính bài trên gạt bên tả rồi thả cho đi.
Minh Hoàng truyền coi lại thì trên gạt con nai nầy có đính bài đúng như Ông Trương nói, nhưng chữ trên đính bài đã mòn. Minh Hoàng hỏi: - Từ đó đến nay bao nhiêu năm?
Trương Quả Lão đáp: - Năm Quí Hợi, Hớn Võ Đế đào ao Côn Minh, đến nay là năm Giáp Tuất, cộng lại là 852 năm.
Vua truyền quan Thái Sử coi lại thì y số.
Sau Trương Quả Lão xin về dưỡng già. Minh Hoàng cầm không được, liền ban tặng cho một chiếc xe, một cây lụa, hai lính hầu, đưa Trương Quả Lão về Hàng Châu. Ông Trương cho một tên lính hầu về trào, chỉ giữ lại một tên, rồi hai thầy trò đi vào núi Thiên Bửu.
Ít lâu sau, Minh Hoàng lại cho triệu Trương Quả Lão. Ông bèn giả chết, tên lính hầu lo chôn cất tử tế rồi báo về triều. Mấy hôm sau đó, người ta lại thấy Trương Quả Lão cỡi lừa ngược đi dạo. Tên lính ấy lấy làm lạ, đào mộ của Ông Trương lên xem, chỉ thấy cái hòm không.
Vua Minh Hoàng hay tin, cho lập một cái miếu tại núi Thiên Bửu để thờ Trương Quả Lão.
5. Hà Tiên Cô:-




Hà Tiên Cô, tên thật là Hà Tố Nữ, quê ở Quảng Châu, huyện Tăng Thành. Khi còn bé, Hà Tố Nữ có sáu cái xoáy trên đầu, ai cũng cho là kỳ. Hà Tố Nữ ở với mẹ tại khe Vân Mẫu.
Nhằm đời Đường Võ Hậu, Hà Tố Nữ nằm chiêm bao được Thánh nhơn mách bảo nên ăn bột Vân Mẫu thì nhẹ mình chẳng thác. Hà Tố Nữ thức dậy, nhớ lại làm y lời. Bà mẹ thấy Tố Nữ đến tuổi trưởng thành nên có ý kén rể. Hà Tố Nữ nhứt định không chịu lấy chồng, chỉ muốn ở vậy nuôi mẹ.
Ngày kia, Tố Nữ đi kiếm bột Vân Mẫu thì gặp hai Tiên Lý Thiết Quả và Lam Thể Hòa đang mang giỏ Hoa Lam đi hái bông. Hai vị thấy Hà Tô Nữ gân thành Tiên, liên gọi đên, truyên cho phép tu luyện, và kêu tặng là Hà Tiên Cô.




Võ Hậu nghe đồn, cho người đến rước Hà Tiên Cô, nhưng dọc đường đi về trào, Hà Tiên Cô biến mất.
Sau quan Thứ Sử họ Cao gặp Hà Tiên Cô ở trên lầu Quảng Châu. Thứ Sử về trào tâu cho Võ Hậu rõ.
Lý Thiết Quả đến độ cả hai mẹ con Hà Tiên Cô về cảnh Bồng Lai.
6. Lữ Đồng Tân:-




Lữ Đồng Tân, con của Thứ Sử Hải Châu, sanh ngày 14 tháng 4. Khi bà mẹ mới sanh Ông thì trong phòng mùi hương thơm phức, có hạc trắng bay vào phòng rồi biến mất. Ấy là Huê Dương Chơn Nhơn đầu thai xuống trần làm Lữ Đồng Tân.
Lữ Đồng Tân lớn lên, mắt phụng mày ngài, tay dài, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má cao, chơn mày bên tả có nốt ruồi, dưới bàn chơn có chỉ như lưng qui, mình cao 8 thước 2, tánh ưa bịt khăn huê dương (bao đảnh xanh), mặc áo đạo sĩ.
Khi ấy có thầy coi tướng Mãn Tổ đến coi đoán rằng: "Người trẻ nầy tướng khác phàm tục, sau gặp chữ Lư thì đắc thời, gặp chữ Chung thì thành đạo."
Mọi người trong nhà đều nghe nhưng không hiểu gì.
Năm 20 tuổi, Lữ Đồng Tân xưng hiệu là Thuần Dương, nên gọi là Lữ Thuần Dương, đi thi đỗ Tú Tài, tiếp theo đỗ luôn Cử Nhân, nhưng khi thi Tiến Sĩ thì rớt. Khi đến núi Lư sơn, gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn dạy cho phép tu luyện và tặng cho một thanh gươm chém được yêu quái.
Ngày kia, Lữ Đồng Tân đến chợ Trường An, huyện Hàm Đan, vào quán rượu, gặp một đạo sĩ mặc áo trắng đang đề thơ trên vách ba bài thi như sau:-
Ngồi đứng hằng mang rượu một bầu,
Chẳng cho cặp mắt thấy Hoàng Châu.
Dạo chơi ít kẻ tường tên họ,
Trên thế thanh nhàn muốn được đâu?
***
Thần Tiên tìm bạn khó không nài,
Có phước theo ta dễ mấy ai?
Đông Hải rõ ràng nhiều động đá,
Ít người được thấy núi Bồng Lai.
***
Dạo chơi theo thuở, ở theo thời,
Danh lợi làm chi mắc nợ đời.
Nằm nghĩ co tay hằng đếm mãi,
Mấy ai ao ước được như lời.
Lữ Đồng Tân thấy đạo sĩ cốt cách Thần Tiên, đề thơ thanh thoát thì cảm phục lắm, liền đến làm quen, chắp tay chào hỏi và xin Đạo sĩ cho biết họ tên. Đạo sĩ mời ngồi, rồi nói rằng:
- Ông hãy làm một bài thơ cho ta biết ý trước đã.
Lữ Đồng Tân liền đọc:-

Cân đai ràng buộc ý không màng,
Áo vải coi ra rất nhẹ  nhàng.
Danh lợi cuộc đời chưa phỉ nguyện,
Làm tôi Thượng Đế mới nên trang.
Đạo sĩ nói:
- Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, Ông có muốn đi chơi với ta không?
Đồng Tân có vẻ lưỡng lự. Vân Phòng biết họ Lữ còn muốn đi thi Tiến Sĩ để trổ danh với đời, nên ý còn dùng dằng.
Vân Phòng muốn độ Lữ Đồng Tân nên ngồi nấu một nồi huỳnh lương, tức là nồi hạt kê vàng. Trong lúc chờ cho nồi kê chín, Vân Phòng đưa cho Lữ Đồng Tân một cái gối, bảo nằm xuống nghỉ, còn mình thì tiếp tục chụm củi đun nồi bắp.
Đồng Tân nằm xuống, kê đầu lên gối, giây lát chiêm bao thấy mình vác lều chõng đi thi, ngang qua nhà giàu nọ, gặp người con gái rất đẹp thì ướm lời. Nàng nói rằng: Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa trấp.
Lữ Đồng Tân vào khoa thi đỗ Trạng, về cưới nàng ấy, sau lại cưới thêm hầu thiếp, được vua bổ làm quan Gián Nghị, lần lần thăng lên. Sau 40 năm được vua phong tới chức Thừa Tướng, con cái đông đảo, sui gia cũng bực quan lớn, lại có cháu nội cháu ngoại. Thật là vinh sang phú quí tột bực.
Chẳng may, sau đó bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa, vua tin lời, bắt tội, truyền tịch thâu gia sản, đày qua núi Lãnh Biển, cực khổ vô cùng. Kế giựt mình thức dậy.
Vân Phòng ngồi kế bên cười lớn, ngâm câu thơ:
Nồi kê hãy còn ngòi,
Chiêm bao đà thấy cháu.
Lữ Đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng:
- Thầy biết sự chiêm bao của tôi sao?
- Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chăng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường. (Do sự tích nầy mà người ta nói: Giấc Huỳnh lương, Giấc kê vàng, Giấc Hàm Đan, là để chỉ giấc mộng của Lữ Đồng Tân, xem vinh hoa phú quí là phù du mộng ảo).
Đồng Tân nghe Vân Phòng nói vậy, liền tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ thấy chán ngán cuộc đời, cầu xin Vân Phòng truyền đạo.
Vân Phòng nói:
- Việc nhà hãy chưa an, đời sau tu cũng không muộn.
Nói rồi liền bỏ đi. Lữ Đồng Tân trở về nhà, bỏ việc công danh, lo tu tâm dưỡng tánh. Trong thời gian đó, Chung Ly Vân Phòng lần lượt bày ra 10 điều để thử tâm chí của Lữ Đồng Tân. Vân Phòng rất hài lòng về người đệ tử nầy, nói:
- Ta đã thử 10 điều, khen ngươi bền chí, đáng được truyền đạo trường sanh. Song ngươi chưa có công quả bao nhiêu, nên ta rước gấp chưa được. Nay ta dạy ngươi phép chỉ đá hóa vàng, ngươi cứu đời cho có công quả, rồi ta sẽ rước ngươi về Thượng giới.
Lữ Đồng Tân thưa rằng:
- Vàng ấy chừng bao lâu mới phai?
- Cách 3000 năm mới trổ.
Lữ Đồng Tân châu mày thưa rằng:
- Như vậy thì cứu người nghèo bây giờ mà lại làm hại những kẻ 3000 năm sau nhiều lắm, thiệt tôi chẳng nỡ.
Vân Phòng khen:
- Lòng ngươi nhơn đức 10 phần, truyền đạo bây giờ cũng đặng.
Nói rồi dắt Lữ Đồng Tân về núi Triều Hạc, và sau đó truyền hết các phép tu luyện cho Lữ.
Một ngày nọ, Vân Phòng gọi Lữ Đồng Tân nói:

- Ta sắp lên chầu Thượng Đế, sẽ tâu xin đem tên ngươi vào sổ Tiên. Cách 10 năm nữa, đến gặp ta tại Động Đình Hồ.
Xảy có một vị Tiên cỡi hạc bay đến nói:
- Có chiếu chỉ của Đức Thượng Đế phong Vân Phòng làm chức Kim Khuyết Thượng Tiên. Hãy mau lên lãnh sắc.
Vân Phòng liền từ giã Lữ Đồng Tân rồi bay lên mây. Lữ Đồng Tân vẫn ở núi Triều Hạc để tu và lập công quả.
Ngày nọ, Lữ Đồng Tân đến sông Giang Hoài, được biết có một con giao thành tinh, phá hại dân chúng. Đã có nhiều đạo sĩ đến trị nó không nổi. Lữ Đồng Tân biết mình có gươm phép của Huỳnh Long Chơn Nhơn ban cho, chắc trừ nó đặng, nên nói với quan Phủ để mình lãnh cho.
Nói rồi, rút gươm phép ra, miệng niệm Thần chú, phóng gươm xuống sông Giang Hoài, giây phút thấy nước sông nổi sóng, máu tươi vọt lên thắm đỏ dòng sông, con giao long bị chém đứt họng nổi lên. Gươm linh nầy chém xong lại trở vô vỏ. Quan Phủ rất mừng, tặng cho Lữ vàng bạc để đền ơn, nhưng họ Lữ không nhận.
Lữ Đồng Tân đi qua Châu Nhạc Dương, bố thí thuốc chữa bịnh, và tìm người lành độ dẫn tu hành. Kế tới ngày hẹn với Chung Ly, Lữ Đồng Tân sắp đặt để đi đến Động Đình Hồ đón Vân Phòng và cùng Vân Phòng đi độ Hàn Tương Tử.
7. Hàn Tương Tử:-




Hàn Tương Tử sanh nhằm đời Đường, cháu ruột của Hàn Dũ, kêu Hàn Dũ bằng chú. Thuở nhỏ, Hàn Dũ ép cháu học Nho để tiến thân trên đường làm quan nhưng Hàn Tương Tử không chịu nên nói:
- Chú mộ công danh phú quí, cháu mộ đạo Thần Tiên.
Vì vậy, Hàn Tương Tử thường lo tu tâm dưỡng tánh.
Ngày nọ, Hàn Tương Tử gặp Chung Ly và Lữ Đồng Tân. Ba người dắt lên non hái đào chín. Chung Ly biết Hàn Tương Tử sắp thành Tiên, liền kêu Hàn leo lên cây hái đào chín, nhánh đào gãy, Hàn Tương Tử té xuống bỏ xác thành Tiên, theo Hớn Chung Ly và Lữ Đồng Tân lên ở núi Bồng Lai.
Hàn Tương Tử có ý muốn độ chú mình là Hàn Dũ. Năm ấy, Trời hạn hán, Hàn Dũ vâng lịnh vua cầu mưa nhưng không linh. Bỗng nghe một đạo sĩ (do Hàn Tương Tử biến hóa ra) rao lên rằng:
- Ai muốn mua mưa tuyết, ta bán cho.

Hàn Dũ liền rước vào yêu cầu đạo sĩ cầu mưa, giây phút mưa xuống ngập đồng, tuyết sa chất ngất. Hàn Dũ nói:
- Không chắc ai đảo võ mà đặng mưa tuyết nầy. Ta cầu đã nửa ngày rồi, có khi kết quả chậm một chút.
Đạo sĩ nói:
- Mưa tuyết do tôi cầu cao 3 thước 3 tấc.
Hàn Dũ đo lại, đúng y như lời đạo sĩ, mới tin đạo sĩ là Thần Tiên có phép mầu.
Đến ngày Hàn Dũ ăn lễ sinh nhựt, Hàn Tương Tử đến chúc thọ chú. Hàn Dũ thấy vậy, nửa mừng nửa giận hỏi:
- Bấy lâu nay ngươi theo học đạo Thần Tiên thế nào? Làm một bài thơ nghe thử.
Hàn Tương Tử ngâm rằng:-
Đã quyết chí tu trì, Thành Tiên chẳng khó chi,
Mây xanh hằng cỡi hạc, Động đá cứ ngâm thi.
Đặt rượu trong giây phút, Trồng hoa nở tức thì.
Lâu dài ngàn tuổi thọ, Điều độ kẻ tương tri.
Hàn Dũ nói:
- Ngươi cướp quyền Tạo Hóa đặng sao? Hãy đặt rượu và trồng hoa xem thử.
Hàn Tương Tử bảo đem một cái ché không, đặt giữa bàn, lấy mâm đậy lại, trong giây phút, rượu ngon đầy ché. Rồi Hàn ra trước sân, đào đất vun đống, tức thì mọc lên một cây hoa mẫu đơn nở bông rất lớn, giữa bông có hiện ra hàng chữ:
Vân hoành Tần lãnh gia hà tại,
Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền.
Hàn Dũ đọc rồi ngẫm nghĩ mãi mà không hiểu ý gì, liền hỏi Hàn Tương Tử. Hàn Tương Tử đáp rằng:
- Ngày sau chú sẽ biết, bây giờ không dám lậu Cơ Trời.
Ai nấy trong bàn tiệc đều lấy làm lạ kỳ. Mãn tiệc, Hàn Tương Tử từ giã về núi.
Lúc ấy nhằm đời vua Đường Hiến Tông, bên Tây Trúc đem dâng tượng Phật, vua muốn rước vào cung để thờ. Bá quan không ai dám can gián. Hàn Dũ thấy vậy liền dâng sớ can vua:
- Từ Tam Hoàng Ngũ Đế đến vua Võ vua Thang, vua Văn Vương, chưa có Đạo Phật thì thiên hạ thái bình. Đến đời Hớn, vua Minh Đế đem Đạo Phật vào Trung Nguyên thì nhà Hớn chẳng lâu dài. Sau qua đời Lương Võ Đế, vua rước Phật về thờ phượng hết lòng, nhưng vua bị Hầu Kiển vây khổn, phải chết đói tại Đài Thành, sao Phật không cứu? Như thế chẳng nên tin Phật. Xin Bệ hạ đãi bọn Tây Vức rồi truyền đem tượng Phật ném xuống sông hay quăng vào lửa mà hủy đi kẻo thiên hạ mê lầm.
Đường Hiến Tông xem sớ xong thì nổi giận, truyền lột chức Hàn Dũ và đày ra Triều Châu tức thì.
Hàn Dũ bị dẫn đi đày, đến một nơi hoang vắng, chẳng có nhà cửa người ở, mây giăng chót núi mịt mù, tuyết rơi bít lối. Chợt thấy phía trước có một đạo sĩ đang quét tuyết dọn đường, nhìn kỹ lại là Hàn Tương Tử. Hàn Dũ mừng rỡ hỏi:
Xứ nầy là chốn nào?
Hàn Tương Tử đáp:
Đây là Ải Lam quan, núi nầy là Tần lãnh.
Hàn Dũ nhớ lại hai câu thơ trong hoa mẫu đơn thì than:
Như vậy, số Trời đã định, chạy sao cho khỏi.
Từ đó, Hàn Dũ mới tin Trời và trọng Đạo. Đêm ấy, chú cháu bàn chuyện đạo đức đến khuya.
Rạng ngày, Hàn Tương Tử tặng cho chú một hoàn thuốc, rồi dặn chú:
- Chú uống một hoàn thuốc Tiên nầy thì khỏi sanh các bịnh. Không bao lâu, ở Triều Châu có sấu nổi lên phá hại, chú đặt văn tế đưa nó phải đi, kế đặng phục chức trở về triều. Sau đó, cháu sẽ về độ chú, truyền cho phép tu luyện.
Nói rồi, Hàn Tương Tử từ giã chú trở về cung Tiên.

## 8. Tào Quốc Cựu:-



Tại núi Bồng Lai, trong lúc ăn tiệc, uống rượu quỳnh tương, Lý Thiết Quả nói:
- Tại Bồng Lai có 8 động đá, mà anh em ta có 7 người, phải rán độ thêm một vị nữa. Ta nhắm em của Tào Thái Hậu là Tào Quốc Cựu có khí tượng Thần Tiên, cũng nên độ kẻo uổng.
Hán Chung Ly thưa rằng:
- Để tôi xuống coi thử, nếu thực vậy thì tôi lo điều độ.
Nói về Tào Quốc Cựu, tên thật là Tào Hữu, em ruột của Tào Thái Hậu, đời vua Tống. Tào Hữu có một người em ruột là Tào Nhị, ỷ thế của anh và chị, lập phe đảng hại dân, bắt hiếp gái lành, sang đoạt tài sản. Tào Hữu rất giận, thường la mắng Tào Nhị, nhưng Tào Nhị vẫn chứng nào tật nấy, lại đem lòng oán trách.
Tào Hữu thường than rằng: Chứa lành có phước, chứa dữ mang họa. Em mình làm dữ mười phần, lẽ nào không bị hại, tuy qua đặng dương pháp, chớ chạy sao khỏi luật Trời. Nếu tai họa tới thì mình phải tội liên can, chi bằng nên lánh trước kẻo nhơ danh và mắc nạn.
Suy nghĩ rồi, liền bán hết tài sản, đem tất cả tiền thâu được bố thí cho dân nghèo, rồi mặc áo quần đạo sĩ đi lên núi, tìm chỗ thanh vắng để tu hành. Qua được vài năm thì Hán Chung Ly và Lữ Đồng Tân tìm đến gặp mặt, hỏi rằng:
- Ông tu luyện ra sao?
- Lòng mộ đạo Thần Tiên thì lánh việc trần, chớ tôi không biết phép tu luyện chi hết.
Hai Tiên liền hỏi tiếp: - Đạo ở đâu mà mộ?
Tào Quốc Cựu chỉ Trời.
- Trời ở đâu?
Tào Quốc Cựu chỉ vào trái tim.
Hán Chung Ly nói: - Tâm là Trời, Trời là đạo. Ông đã biết rõ cội rễ, tu chắc thành Tiên.
Nói rồi, liền đưa Tào Quốc Cựu về núi Bồng Lai.
Từ đây về sau, núi Bồng Lai có đủ Bát Tiên ở trong 8 động, tiêu diêu nhàn lạc vô cùng.
Ngày kia, Hà Tiên Cô nói với bảy Tiên rằng:
- Lẽ thường, Tiên Ông mới thành thì ra mắt Đông Vương Công, còn Tiên Nữ mới thành thì ra mắt Tây Vương Mẫu. Kỳ trước, sanh nhựt của Đông Vương Công, Tiên Nữ cũng đi chúc thọ. Nay gần đến sanh nhựt của Đức Tây Vương Mẫu, bảy Ông tính đi chúc thọ không?
Hớn Chung Ly và Lam Thể Hòa đồng nói:

- Tây Vương Mẫu không cai trị chúng ta, song Bà là vị làm đầu Tiên Nữ, các Thần Tiên đều phó hội, lẽ nào chúng ta không đi, ngặt chẳng có vật chi báu để dâng lễ Chúc thọ. Trương Quả Lão nói:
- Tây Vương Mẫu ở Cung Diêu Trì thiếu chi vật báu, chúng ta đặt văn chúc thọ mà khánh hạ thì hay hơn.
Lý Thiết Quả khen phải. Lữ Đồng Tân nói:
- Văn của chúng ta cũng tầm thường, ước đặng văn của Lão Quân thì mới xứng đáng.
Hà Tiên Cô nói:
- Thái Thượng Lão Quân hậu đãi Lý Tiên Trưởng lắm, nếu Lý Tiên Trưởng cầu Ngài chắc đặng.
Lý Thiết Quả nói:
- Phải, song việc đông người mà đi một mình ta thì thất lễ. Vậy thì tám anh em ta cùng đi đến mà cầu Lão Quân.
Nói rồi, Bát Tiên đồng đằng vân qua Cung Đâu Suất. Đức Lão Quân tiếp Bát Tiên, mời vào Cung, nói:
- Thuở nay, nhà Nho hay học sách của ta như Đạo Đức Kinh, Kinh Cảm Ứng, song dùng cho thông ý tứ mà làm văn, chớ chẳng bắt chước theo lời dạy bảo. Lại có kẻ kiêu ngạo, chê Phật, chê Lão, nên ta chẳng đặt sách chi thêm nữa mà dạy đời.
Lý Thiết Quả thấy Lão Quân có sắc buồn, nhưng cũng rán cầu xin đặt bài chúc thọ Vương Mẫu. Lão Quân cười nói:
- Ta ít ưa việc ấy, vì nhiều người làm không đặng mà lại hay chê. Song tám vị cầu ta, ta đặt giúp cho một bài từ cũng đủ.
Lão Quân nói xong, liền viết một bài, đưa cho Bát Tiên xem thử. Ai nấy đều khen ngợi vô cùng. Bát Tiên từ tạ lui ra, đến cậy Chức Nữ làm trục bằng gấm, dán chữ sáng như sao, rồi đem đi chúc thọ. Bát Tiên đến Hội Bàn Đào chúc thọ Tây Vương Mẫu, thấy các Thần Tiên đến đông lắm. Bát Tiên dâng bức trướng chúc thọ. Tây Vương Mẫu khen văn đặt rất hay.
Sau khi mãn tiệc, các Thần Tiên đều về hết, Bát Tiên còn lưu lại. Tây Vương Mẫu gọi bốn nàng thị nữ đến bảo rằng:
- Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến, An Phát Trinh, bốn người từ khi ca múa tại Hoa Điện của vua Hớn Võ Đế đến nay cũng đã khá lâu, bây giờ hãy thổi sáo và đờn ca cho Bát Tiên uống rượu.
Bốn nàng vâng lời. Lam Thể Hòa khen hay, rót rượu dâng lên Tây Vương Mẫu. Vương Mẫu nói:
- Nghe tiếng Lam Tiên ca hay, nên trình nghề chung vui.
Lam Thể Hòa vâng lời, lấy cặp sanh ra, vừa nhịp vừa ca. Ai nấy đều khen và cười ngất. Tây Vương Mẫu thưởng cho rượu và đào. Lam Thể Hòa nói:
- Hàn Tương Tử thổi sáo hay lắm.
Tây Vương Mẫu bảo thử. Hàn Tương Tử vâng lời. Tây Vương Mẫu nghe xong, khen hay, bảo:
- Bản ấy rất hay, An Phát Trinh phải nhớ mà tập.
Tiệc xong, Bát Tiên từ tạ. Tây Vương Mẫu truyền đưa Bát Tiên đến chơn mây.
Bát Tiên thấy sóng biển Đông cao lắm. Đồng Tân nói:
- Thuở nay nghe đồn Đông hải mà chưa đến xem phong cảnh thế nào. Sẵn dịp nầy, chúng ta nên xem qua một chuyến.
Lý Thiết Quả nói phải. Trương Quả Lão can rằng:
- Bữa nay chúngta uống nhiều rượu say rồi, để khi khác.
Hán Chung Ly nói:
- Sẵn dịp nầy chẳng đi dạo, còn đợi dịp nào?
Bát Tiên đồng đi đến mé biển. Lữ Đồng Tân nói:

- Nay đằng vân quá hải, không lấy làm tài, chi bằng mỗi người thả một phép xuống biển, cỡi qua tới mé bên kia mới thiệt thần thông.
Lý Thiết Quả quăng gậy xuống nổi lên mặt nước, rồi nhảy xuống đứng một chân trên gậy.
Hán Chung Ly ném Phất chủ xuống biển và nhảy xuống đứng trên Phất chủ.
Trương Quả Lão thả Lừa giấy, Lữ Đồng Tân thả Ống tiêu, Lam Thể Hòa thả Ngọc bản, Hàn Tương Tử thả giỏ Hoa lam, Tào Quốc Cựu thả Thủ quyển, Hà Tiên Cô thả Bông sen.
Tất cả Bát Tiên đều đứng trên bửu pháp của mình, giống như đứng trên thuyền, đồng vượt qua Đông hải.

*Nhược Thủy
Xin theo dõi tiếp BÀI 13. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 13.

*Thứ Ba, ngày 07 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu).
Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.
Nhược Thủy
( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).
Phần bổ sung cho bài "Huyền Thiên Thượng Đế".

### 61.THẦN SÔNG BIỂN NÚI NON VÀ LÔI BỘ

BÍCH HÀ NGUYÊN QUÂN.




山川河海及雷部諸神

碧霞元君

碧霞元君的由來：碧霞元君，即東嶽泰山天仙玉女碧霞元君，俗稱「泰山奶奶」。碧霞元君之由來，眾說不一。一說是泰山神之女。一說原是天仙神女。據明王之綱《玉女傳》引《玉女考》，黃帝遣玉女七人在泰山建岱嶽觀。七名仙女雲冠羽衣，焚修以迎西昆真人。七女之中，只有一女修而得道，即碧霞元君。另一說則稱碧霞元君原是凡人之女，稱：漢明帝時，西牛國孫寧府奉符縣善士石守道與妻金氏所生之女，名玉葉。其女相貌端莊，為人聰穎。三歲懂得人倫，七歲即學道法，曾參拜西王母。十四歲時入天空山黃花洞修煉。天空山，即泰山。黃花洞，即山頂石室。三年修煉丹成，元精發而光顯。于是，憑靈泰山，成為泰山女神碧霞元君。泰山之有女神，晉代的《博物志》、《搜神記》都有記載。但泰山女神之受封是北宋真宗時的事。據《蒿庵閑話》稱，漢代仁聖帝以前，山上有琢金童玉女，至五代時，殿圮象仆，童象泐盡，女淪於池。宋真宗東封還次御帳，滌手池內，一石人浮出水面，出而滌之，玉女也。真宗命有司建祠奉之，號為聖帝之女，封天仙玉女碧霞元君，祠名昭真祠，當是今泰山山頂碧霞祠的發端。明成化年間，拓建為宮。弘治年間更名為靈應宮，嘉靖年間再更名為碧霞。

護佑眾生：碧霞元君受玉帝之命，證位仙真，統率泰山嶽府之天將神兵，照察人間一切善惡生死之事。神通廣大，治病救人，護佑一切農耕、商賈、旅行和婚姻等事。民間傳說，碧霞元君之女侍塑像中有一女抱有嬰兒者，此乃碧霞元君陰佑婦女兒童健康平安，能讓無孕得孕，有孕順產。

奉祀：明清以來，直至今日，民間崇拜泰山奶奶的，一直十分興盛。碧霞元君神誕之日是四月十八日。神誕日前後，正是泰山地區春暖花開的時候，登頂上山為碧霞元君燒香奉祀、許願還願者，常常是山上山下，連成一片。北方地區多有供奉碧霞元君之廟觀。據《宛平縣志

》等稱，舊時，北京宛平高橋和妙峰山一帶，自四月初十至十八日都有碧霞元君神誕廟會，遊人相接，「傾城婦女往乞靈，祈生子」。




BÍCH HÀ NGUYÊN QUÂN

I.- XUẤT XỨ:-

Bích Hà Nguyên Quân gọi đầy đủ là "Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tiên Ngọc Nữ Bích Hà Nguyên Quân". Dân gian thường xưng thân thiết "Thái Sơn Nãi Nãi" (Mẹ Thái Sơn).

Truyền thuyết về Ngài có nhiều và khác nhau, như :-

1.-Thuyết nầy cho rằng Ngài là con gái của Thần Thái Sơn Đông Nhạc.

2.- Ngài nguyên là Thiên Tiên Thần Nữ. Theo sách "Ngọc Nữ Truyện" của Vương Chi Cương đời Minh, phần khảo cứu về Ngọc Nữ nói :- "Vua Hiên Viên Huỳnh Đế sai bảy người Ngọc Nữ đến núi Thái Sơn để xây cất "Đại Nhạc Quán" (miếu Đại Nhạc). Bảy vị ngọc nữ "đội nón mây trời mặc áo lông chim" ra công xây dựng xong, mời Tây Côn Chân Nhân về trụ. Trong số bảy người chỉ có một người theo tu đắc đạo, tức là Bích Hà Nguyên Quân.

3.-Một thuyết nói rằng, Ngài vốn là người phàm tu thành. Thời Hán Minh Đế, ở huyện Phụng Phù phủ Tôn Ninh nước Tây Ngưu, có ông Thiện Sĩ là Thạch Thủ Đạo và vợ là Kim Thị hạ sanh một người con gái, đặt tên là Ngọc Điệp. Cô gái nầy tướng mạo đoan trang, thông minh hơn người. Ba tuổi đã biết đạo lý nhân luân, bảy tuổi đã học Đạo Pháp, từng được tham bái Tây Vương Mẫu. Năm mười bốn tuổi vào Động Huỳnh Hoa núi Thiên Không tu luyện. Núi Thiên Không tức sau nầy gọi là Thái Sơn, còn động Huỳnh Hoa là thạch thất ở trên đỉnh núi. Sau ba năm tu luyện, nguyên tinh phát sáng, kết hợp với linh khí của Thái Sơn, thành ra Thái Sơn Thần Nữ Bích Hà Nguyên Quân.

4.- Thái Sơn vốn có thần nữ. Sách "Bác vật chí" và "Sưu Thần Ký" đời Tấn đều có nói đến. Nhưng đến đời Bắc Tống vua Chân Tông mới có sắc phong chính thức. Trong "Cao Am Nhàn Thoại" nói :- "Trước vua Nhân Thánh đời Hán, trên núi Thái Sơn đã có điện thờ hai tượng Kim Đồng Ngọc Nữ. Nhưng đến đời Ngũ Đại thì điện thờ bị phá hủy, tượng nữ bị rớt xuống ao . Đời Tống Chân Tông, có người đến rửa tay ở ao, thấy có tượng đá nổi lên. Vớt lên bờ chùi rửa sạch, đúng là tượng Ngọc Nữ. Vua cho xây điện thờ, ban hiệu là "Thánh Đế chi nữ", phong làm "Thiên Tiên Ngọc Nữ Bích Hà Nguyên Quân", từ danh là "Thiệu Chân Từ". Miếu thờ gọi là "Bích Hà Từ", đến năm Thành Hóa nhà Minh nâng cấp thành cung. Năm Hoằng Trị phong làm Linh Ứng Cung, đến năm Gia Tĩnh đổi tên là Bích Hà Cung.

II.- PHÙ HỘ CHÚNG SANH :-

Bích Hà Nguyên Quân vâng mệnh Ngọc Đế, ở ngôi vị Chân Nhân, thống suất thiên tướng

thần binh ở núi Thái Sơn, quán sát việc thiện ác trong dân gian. Ngài có phép thần thông quảng đại, trị bệnh cứu người, phù hộ cho tất cả nông dân, giới mua bán, khách du lịch và hôn nhân hòa thuận.
Truyền thuyết dân gian nói Ngài còn có chức năng độ trì cho phụ nữ và trẻ em, nên tạo tượng là người nữ bồng đứa trẻ. Ngoài việc bảo hộ bình an cho người, Ngài còn có thể ban ơn giúp đỡ người cầu con sẽ có thai, người có thai sẽ được sanh nở an toàn.
III.- VIỆC THỜ PHỤNG :-
Từ thời Minh, Thanh đến nay, dân gian rất sùng bái Thái Sơn Nãi Nãi (mẹ) , nên Miếu Thờ Ngài thật hưng thịnh.
-Ngày đản sanh của Bích Hà Nguyên Quân là ngày mười tám tháng tư âm lịch.
-Thời điểm tổ chức cúng tế mừng ngày đản sanh nầy, cả vùng xung quanh núi Thái Sơn có hoa nở rộ, thời tiết ấm áp, nên có rất nhiều người hành hương leo lên tận đỉnh núi , vào Bích Hà Cung để dâng hương, hoặc cúng trả lễ. Người đến đông nghịt đến nỗi trên núi dưới núi như một tấm thảm người.
-Dân chúng khu vực phía Bắc thờ phụng Bích Hà Nguyên Quân rất nhiều. Theo sách "Uyển Bình huyện chí" có nói, hồi xưa từ Bắc Kinh đến Uyển Bình, Cao Kiều… đã tổ chức lễ cúng đản sanh Ngài Bích Hà Nguyên Quân từ ngày mùng mười đến ngày mười tám tháng tư, gọi là "Hội Nguyên Quân Thần Đản". Nhiều nhất là giới nữ đến cúng bái cầu xin sanh được con trai thông minh hiếu thảo.




*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk)

62.TAM TINH
PHƯỚC LỘC THỌ



福祿壽星

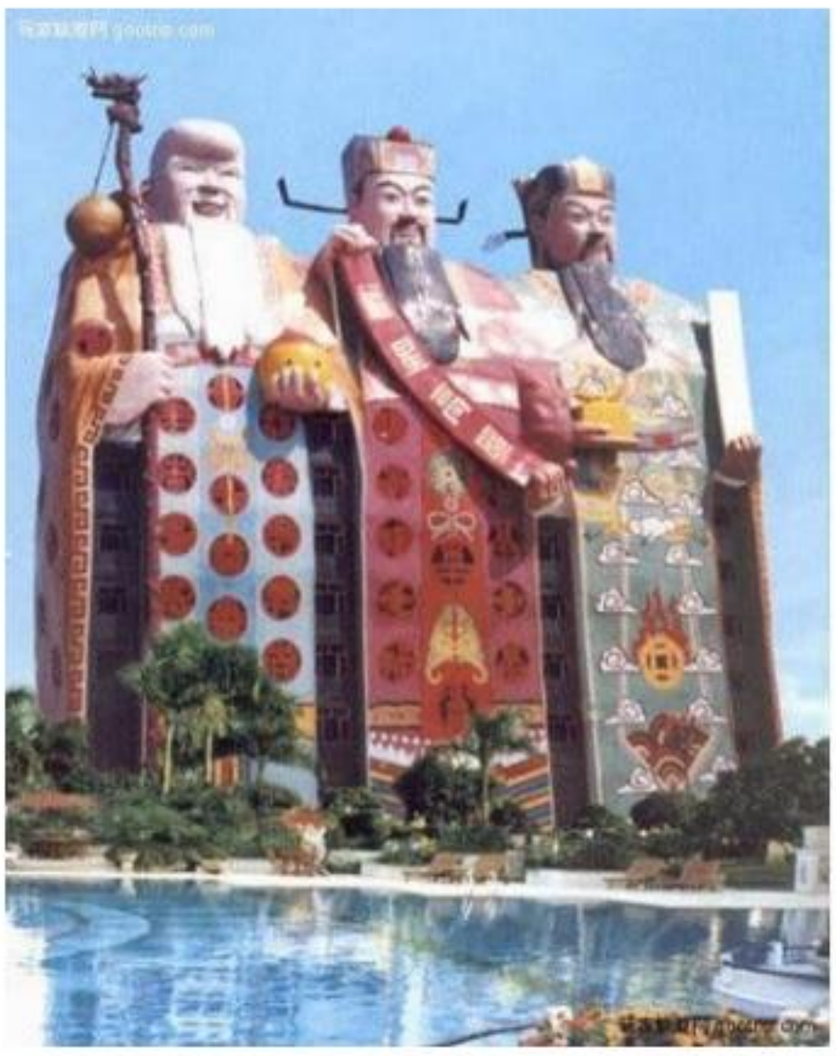
福祿壽星的由來：道教的福祿壽三星之說，約起於明代。成儀於明代的《金籙齋玄靈轉經早朝行道儀》，其中在為皇家轉誦《太上玄靈北斗本命延生真經》時，祈請神靈中，除有三清、玉帝、北斗九星君以外，還要祈請「南極老人壽德星君」、「上清福德星君」、「上清祿德星君」。同是明代成儀的《金籙齋延壽設醮儀》中，也有祈請「上清福祿壽三星真君」。《中天紫微星真寶懺》朝禮各星君時，也有禮拜「福星天德星君、祿星天祐星君、壽星老人星君」的內容。但是，福祿壽三星之所指，道書和民間歷來眾說紛紜。大約成書於明代初年的《金籙祈壽早朝儀》稱「南極老人福祿壽三星真君」，據文意，似乎將福祿壽三星統歸於「南極老人」名下。現在，道教和一般民眾大致認為，福星指的是天官；祿星指的是文昌；壽星指的是南極老人。

奉祀壽星，起於先秦。《史記》的《封禪書》稱，秦時「於杜、亳有三社主之祠、壽星祠」。《史記索隱》注稱，「壽星，蓋南極老人星也，見則天下理安，故祠之以祈福壽」。可見，秦漢之時，奉祀壽星可以祈福祈壽。齊梁高道陶弘景《真靈位業圖》列南極老人丹陵上真為「太極左位」。漢代以降，一直列為國家祀典。但是，明代洪武三年起，以其為妄而罷祀。然而，道教中的奉祀依舊，並且，將其與天官、文昌同列為福祿壽三星。



三星職司：福星天官，當以賜福為職。《三官燈儀》稱，「真都元陽，紫微宮主，自然大聖，賜福天官，統攝天界，役使鬼神，保天長存」。祿星文昌，文昌有六星，其中司祿星，緯書《春秋元命苞》稱「司祿賞功進士」，主文人之功名利祿。壽星南極老人星，《史記正義》稱「為人主占壽命延長之應」。

奉祀：有福、得祿和長壽等三個目標，一直是中國道教信徒和普通民眾追求的共同理想。因此，明代以降，民間對福祿壽三星的奉祀經久不衰。道教宮觀，盡管少有專門設立的福祿壽三星君殿，但是單獨供奉壽星的仍較普遍。中國福祿壽三星瓷雕至今仍然有人請回家供奉，並預先在道觀中開光分靈，以求靈驗，護佑合家有福、得祿和長壽。



# BA VỊ TINH QUÂN
# PHƯỚC LỘC THỌ

## I.- XUẤT XỨ:-

Truyền thuyết về ba vị Tinh Quân Phước-Lộc-Thọ đã có từ thời Minh.

*Trong sách " Kim Lục Trai Huyền Linh Chuyển Kinh Tảo Triều Hành Đạo Nghi" của Thành Nghi đời Minh có đề cập đến việc hoàng gia lúc tụng kinh "Thái Thượng Huyền Linh Bắc Đẩu Bổn Mệnh Diên Sinh Chân Kinh" ,trong nghi thức thỉnh thần, ngoài việc thỉnh Tam Thanh, Ngọc Đế, Bắc Đẩu Cửu Tinh Quân, còn phải thỉnh "Nam Cực Lão Nhân Thọ Đức Tinh Quân ", "Thượng Thanh Phước Đức Tinh Quân " và "Thượng Thanh Lộc Đức Tinh Quân ".

Đồng thời, trong sách "Kim Lục Trai Diên Thọ Thiết Tiêu Nghi " cũng của Thành Nghi có nói đến nghi thức thỉnh "Thượng Thanh Phước Lộc Thọ Tam Tinh Chân Quân ".



*Trong sách "Trung Thiên Tử Vi Tinh Chân Bảo Sám" lúc triều lễ các vị Tinh Quân, đã có phần lễ bái ba vị "Phước Tinh Thiên Đức Tinh Quân 、 Lộc Tinh Thiên Hựu Tinh Quân 、 Thọ Tinh Lão Nhân Tinh Quân ".
*Nhưng tín ngưỡng về Tam Tinh Phước Lộc Thọ trong Đạo Giáo và dân gian có nhiều truyền thuyết khác nhau. Trong Đạo Giáo, có sách "Kim Lục Kỳ Thọ Tảo Triều Nghi " ở đầu thời Minh nói đến "Nam Cực Lão Nhân Phước Lộc Thọ Tam Tinh Chân Quân". Theo văn ý trong sách nầy, đem ba vị Phước-Lộc-Thọ gom hết vào một vị là "Nam Cực Lão Nhân", trong khi dân gian thì cho rằng có ba vị khác nhau.
*Để dung hòa sự khác biệt ấy, sau nầy người ta đã nhất trí theo quan điểm sau :-
Phước Tinh là để chỉ Thiên Quan, Lộc Tinh là để chỉ Văn Xương, Thọ Tinh là để chỉ cho Nam Cực Lão Nhân.
*Trong số ba vị, việc thờ phụng Thọ Tinh có thời điểm xuất hiện sớm nhất vào đầu đời nhà Tần. Sách "Phong Thiện Thư" chương Sử Ký có nói :- "Hai xứ Đỗ và Hào có ba điện thờ gọi là Miếu Thờ Thọ Tinh". Lại trong sách "Sử Ký Sách Ẩn" chú giải "Thọ Tinh tức là Nam Cực Lão Nhân, xây dựng Miếu Thờ để cầu cho được bình an, hưởng phước và sống lâu". Như vậy, về mặt lịch sử, việc thờ phụng Thọ Tinh để cầu phước cầu thọ đã xuất hiện từ thời Tần , Hán (trước và đầu Công Nguyên).
*Bậc cao đạo Đào Hoằng Cảnh thời Tề Lương , trong sách "Chân Linh Vị Nghiệp Đồ" đã xếp Nam Cực Lão Nhân vào "Thái Cực Tả Vị" (bên trái của Thái Cực).
*Thời Hán, đưa việc thờ cúng Thọ Tinh vào " Sách Thờ Phụng" của triều đình.
*Đời Minh, năm Hồng Vũ thứ ba, vua xuống lệnh là chỉ vọng bái Thọ Tinh chứ không cần lập Miếu Thờ. Tuy nhiên, các nơi vẫn thờ Thọ Tinh như cũ, lại còn đưa thêm Thiên Quan và Văn Xương vào thờ cho đủ Phước-Lộc-Thọ Tam Tinh.
II.- CHỨC NĂNG CỦA TAM TINH :-
*Phước Tinh là Thiên Quan có chức trách là ban bố phước đức cho dân gian. Trong sách "Tam Quan Đăng Nghi" nói :- "Thiên Quan là chân linh của khí dương, là bậc Thánh của Tự Nhiên, làm chủ cung Tử Vi, ban bố phước cho con người, cai quản thiên giới, sai khiến quỉ thần, gìn giữ sự trường tồn của cõi trời".
*Lộc Tinh là Văn Xương có sáu sao, trong đó có sao Tư Lộc. Sách "Xuân Thu Nguyên Mệnh Bào" nói rằng Tư Lộc thưởng công Tiến Sĩ, chủ về công danh lợi lộc của giới văn nhân và người đi học. (Xem bài Văn Xương Đế Quân)



*Thọ Tinh là Nam Cực Lão Nhân. Theo sách "Sử Ký Chính Nghĩa" nói rằng , Ngài chủ về tuổi thọ của con người, có chức năng trợ giúp kéo dài tuổi thọ.
III.- VIỆC THỜ PHỤNG:-

Ba nhu cầu lớn lao của con người là :- "có phước, được lộc, hưởng thọ lâu dài", bất cứ ai ai trong Đạo Giáo và thế gian đều mong ước đạt được càng nhiều càng tốt, xem đó là mục tiêu lý tưởng của nhân loại.

*Nhất là từ thời Minh, việc thờ phụng Tam Tinh Phước-Lộc-Thọ đi vào nề nếp, qui củ hẳn hoi. Trong các Cung Quán của Đạo Giáo, chẳng những có Điện Thờ Tam Tinh mà đôi khi, lại xây dựng hẳn một Miếu Thờ Tam Tinh riêng biệt.

*Trong dân gian thì người ta hay thỉnh ba tượng Phước-Lộc-Thọ được tạo bằng nhiều chất liệu, kích cở … khác nhau , mang đến các Đạo Quán nhờ giúp cho việc "Khai Quang" rồi đem về thờ tại nhà, cầu xin ba Ngài ban bố cho cả gia đình đều "có phước, được lộc và trường thọ".




*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk)

## PHỤ LỤC :-
## TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VỀ
## TAM TINH Phước - Lộc - Thọ
## (福 - 祿 - 壽)

***

Phước - Lộc - Thọ là ba vị Tinh Quân tượng trưng:

- Phước tượng trưng sự hạnh phúc, con cháu đông đảo.
- Lộc tượng trưng sự giàu có và có quan tước.
- Thọ tượng trưng sự sống lâu và an nhàn.

Dân gian quan niệm rằng, thờ Phước Lộc Thọ là thờ Cửu Huyền Thất Tổ chung của mọi người, tức là thờ Ông Bà chung.

Sự tích của Tam vị Tinh Quân Phước Lộc Thọ như sau:

*Theo truyền thuyết, Phước Lộc Thọ là tên của ba ông: ông Phước, ông Lộc, ông Thọ, vào đời nhà Đường bên Trung Quốc.

- Ông PHƯỚC có đức Trời ban, có con đông, nhưng nhà nghèo, lòng dạ chơn thật, tự lực cánh sinh, không chịu nhờ vả ai, tin tưởng vận mạng của mỗi người do Trời định, nên giữ lòng thanh bạch, không tham vọng.
- Ông LỘC có đức Đất cho, làm quan lớn tại triều đình, nhà giàu có lớn, tiền của dẫy đầy, có kẻ hầu người hạ, tánh tình hòa nhã, thanh liêm, một lòng vì nước vì dân, giàu lòng nghĩa hiệp, hay trợ khó giúp nghèo, mến hiền trọng đạo.
- Ông THỌ có đức do Người tạo, độc thân, sống lâu hơn mọi người, có lòng nghĩa hiệp, hay giúp đỡ người nghèo khổ, chỉ sống bằng nghề ăn trộm, một năm chỉ ăn trộm một lần để nuôi thân suốt năm, không ham lấy thêm, gặp người quá nghèo khổ thì đi ăn trộm của nhà giàu, đem tiền đến cứu giúp.

"Ba ông Phước, Lộc, Thọ cùng ở một thôn.

Hoàn cảnh của ba ông khá đặc biệt:
- Ông Phước thì nghèo khổ mà đông con.
- Ông Lộc thì làm quan, giàu có mà không con.
- Ông Thọ thì có nghề sở trường là ăn trộm, đi làm việc một đêm đủ tiền chi dụng một năm, ngoài ra chẳng làm gì khác. (Ca dao :- Con ơi, học lấy nghề cha –Một đêm ăn trộm bằng ba năm làm-NT)

Một hôm, ông Thọ khởi sự hành nghề ăn trộm, đang đêm đi ngang qua nhà ông Phước, thấy đèn còn thắp leo lét, ghé vào đứng bên ngoài xem, nghe vợ của Phước than thở nghèo khổ, con cái quần áo tả tơi. Ông Thọ thấy vậy cảm động đem lòng thương xót thầm, nghĩ rằng: đêm nay, mình đi ăn trộm chuyến nầy để giúp Anh Phước đỡ nghèo, có tiền mua gạo ăn và sắm quần áo cho đàn con đông đảo.

Nghĩ vậy rồi liền thực hành, đi đến nhà ông Lộc, rình cho đến khuya, đợi tôi tớ trong nhà ngủ say, mới đánh ngạch vào nhà, mở tủ lấy trộm được một số vàng bạc khá nhiều, bọc vào một cái khăn, rút lui êm tịnh, không ai trong nhà hay biết.

Ông Thọ liền đi ngay đến nhà Anh Phước, trời vẫn còn khuya, kêu Anh Phước dậy mở cửa, đốt đèn lên. Phước hỏi ông Thọ, nửa đêm kêu cửa có việc chi cần gấp?

Ông Thọ nói:
- Tôi đem giúp Anh một gói vàng bạc đây để Anh chi dụng trong nhà, mua gạo và sắm quần áo cho sắp nhỏ.

Ông Phước hỏi:
- Vàng bạc ở đâu mà Anh có nhiều như vậy?

Ông Thọ đáp:
- Của tôi đem đến giúp Anh thì Anh cứ nhận mà dùng, hơi nào hỏi lòng vòng lôi thôi.

Ông Phước nói:
- Xin Anh cho biết rõ của nầy do đâu mà có thì tôi mới dám nhận sự giúp đỡ của Anh, chớ tôi thấy Anh đâu có giàu gì!

Ông Thọ túng thế phải nói thiệt:
- Số vàng bạc nầy do tôi lấy trộm của nhà giàu để đem lại giúp Anh cho đỡ nghèo.

Ông Phước nói:
- Tưởng đâu Anh làm ăn khá giả, dư tiền dư bạc mà giúp tôi, nào dè Anh đi ăn trộm, thì vàng bạc nầy là của phi nghĩa, là của gian, tôi không dám nhận đâu, Anh hãy đem về đi.

Hai đàng nói qua nói lại một hồi, ông Phước nhứt định không nhận và có vẻ giận, rồi mời Anh Thọ ra khỏi nhà, đóng cửa đi ngủ trở lại.

Ông Thọ lấy làm lạ cho Anh Phước nầy, nhà nghèo rớt mồng tơi, đói nheo nhóc mà lại không chịu nhận vàng bạc bất nghĩa. Mình chẳng lẽ lấy số vàng bạc nầy về xài thì tỏ ra kém hơn Anh ta nhiều quá, nên quyết liều đem lại trả cho ông Lộc.

Ông Thọ suy nghĩ như thế, liền trở lại nhà ông Lộc, kêu mở cửa, rồi vào nhà nói rõ cho ông Lộc biết:
- Hồi đêm hôm, tôi có lén đào ngạch vào nhà ông ăn trộm một số vàng bạc để đem lại giúp cho Anh Phước, vì thấy Anh Phước nhà quá nghèo mà lại đông con, nhưng Anh Phước nhứt định không chịu nhận vì cho rằng của nầy là của ăn trộm, của phi nghĩa, nên tôi chẳng biết làm sao, đành liều đem lại trả cho ông, xin ông đừng bắt tội.

Ông Lộc nói:
- Tiền bạc ở trong tủ nhà của tôi thì nó mới là của tôi, nay nó đã ở trong tay ông thì nó là của ông, không phải của tôi nữa. Ông hãy mang về đi, tôi không biết tới nó nữa. Ông Thọ nài nỉ: - Tôi nói thiệt với ông là số vàng bạc nầy là của ông, ông không tin thì vào mở tủ ra xem lại đi, tôi mới lấy trộm ra đó. Xin ông tha tội cho tôi và cất nó trở lại vào tủ.

Ông Lộc nhứt định không chịu nhận và mời ông Thọ ra khỏi nhà. Ông Thọ đành phải ôm gói vàng bạc đi ra, trở về nhà, lòng nặng trĩu ưu tư, thầm nghĩ hai thằng cha Phước và Lộc là hai tay thật kỳ cục, phi thường khác tục. Ông suy nghĩ mãi và cảm thấy lương tâm ray rứt, kế trời

hừng sáng. Ông quyết định là mình cũng không xài số vàng bạc nầy làm gì, mất giá trị lắm, chẳng lẽ mình thua Anh Phước sao, thôi mình nên đem đổ xuống sông cho rảnh.
Ông Thọ liền đem tất cả số vàng bạc ấy đến đứng giữa cầu, đổ trút xuống dòng sông nước đang chảy mạnh. Đúng lúc đó, có một đám người cờ bạc vừa tan sòng đi ra đến đầu cầu nhìn thấy, họ la hoãng lên vì động lòng tham, liền nhảy xuống sông để lặn mò lấy vàng bạc. Chẳng may nước chảy xiết quá, có một người ham lặn, hụt hơi chết đuối.
Linh hồn chàng cờ bạc bị Quỉ sứ dẫn xuống Địa ngục phạt tội, liền tố cáo với Diêm Vương là tại ông Thọ nên anh ta mới bị chết chìm một cách oan uổng và đòi Diêm Vương bắt ông Thọ đền mạng.
Diêm Vương liền kêu Quỉ sứ lên bắt hồn của ông Thọ dẫn xuống. Diêm Vương hỏi ông Thọ:
- Tại sao nhà ngươi làm cho tên nầy chết đuối oan mạng như thế?
Hồn ông Thọ đáp:
- Tâu Diêm Vương, tại tên nầy quá tham lam thấy tôi đổ vàng bạc xuống sông nên lặn mò quyết lấy, chẳng may bị hụt hơi chết đuối thì đáng kiếp lắm, chớ tôi đâu có xô nó xuống sông mà bắt tội tôi.
- Vàng bạc ở đâu? Mà tại sao ngươi đổ xuống sông?
- Vàng bạc nầy là của tôi, tôi không dùng thì tôi đổ xuống sông, ấy là quyền của tôi, tên nầy quá tham lam nên chết ráng chịu.
Diêm Vương lại phán:
- Mặc dầu là tiền bạc của ngươi, nhưng lúc sắp đổ xuống sông, ngươi phải lựa lúc vắng người, không ai nhìn thấy mà khêu gợi lòng tham của kẻ xấu. Vậy ngươi chẳng chối tội đặng.
- Nếu Diêm Vương xét như vậy thì tội nầy là của Anh Phước mới đáng, chớ không phải tội của tôi, bởi vì số vàng bạc nầy, tôi đem cho Anh Phước giúp ảnh đỡ nghèo, mà Anh Phước không chịu lấy, nên tôi tức mình đem đổ xuống sông như thế.
Diêm Vương lại sai Quỉ sứ lên bắt hồn của ông Phước xuống đây đối chất. Diêm Vương hỏi ông Phước:
- Số vàng bạc của Thọ đem đến giúp cho nghà ngươi, sao nhà ngươi không chịu lấy, để nó tức giận đem đổ xuống sông, làm cho tên cờ bạc nầy nổi lòng tham, lặn mò đến chết đuối? Vậy nhà ngươi phải đền mạng cho tên cờ bạc nầy.
Ông Phước biện bạch thưa rằng:
- Bẩm Diêm Vương, nhà tôi nghèo thật, nhưng vàng bạc của Anh Thọ giúp tôi là của gian, của ăn trộm, nên tôi nhứt định không nhận. Vậy tôi có tội gì?
Diêm Vương quay qua quở ông Thọ, Thọ liền thưa:
- Nếu như Anh Phước vô tội thì tội nầy phải là của ông Lộc, bởi vì số vàng bạc nầy là của ông Lộc do tôi lén lấy trộm đem về giúp Anh Phước, nhưng Anh Phước cho là của gian nên không nhận, tôi đành đem trả lại ông Lộc và xin tha tội ăn trộm của tôi. Ông Lộc rất kỳ cục, không chịu chấp thủ, đuổi tôi ra khỏi nhà, nên tôi tức giận đem đổ xuống sông. Vậy tội nầy là của ông Lộc.
Diêm Vương lại cho Quỉ sứ đi bắt hồn của ông Lộc xuống tra hỏi.
Ông Lộc biện bạch rằng:
- Số vàng bạc nầy của tôi bị mất đã đành, nhưng ông Thọ đã lấy đem ra khỏi nhà tôi mà tôi không hay biết, thế là của đó không còn là của tôi nữa, nên dầu cho ông Thọ có năn nỉ trả lại, tôi nhứt định không chịu nhận. Kể ra của đó cũng bất nghĩa, tôi đành chịu ngu dại chớ không nhận lại của đó. Nhận lại hay không là quyền chọn lựa của tôi, tôi đâu có phạm tội gì.
Diêm Vương thẩm án, xét thấy ba ông Phước, Lộc. Thọ ,đều là người có nghĩa khí. Phước và Lộc đều trong sạch. Thọ có tội ăn trộm nhưng biết giác ngộ và làm việc phải, giúp người nghèo khó. Vậy cả ba người nầy đều vô tội, chỉ có tên cờ bạc gian tham lặn mò cho đến đổi chết đuối là đáng kiếp, không thể khiếu nại gì được nữa.
Diêm Vương phán rồi, liền sai Quỉ sứ dẫn hồn tên cờ bạc chết oan đem giam vào Địa ngục hành hình và truyền đưa ba hồn Phước, Lộc, Thọ trở về dương gian nhập xác.

Khi ba hồn về tới dương gian thì ba xác của ba ông đã được thân nhân mai táng, sình thúi hư hỏng hết rồi, vì vụ thưa kiện nầy lòng vòng mất nhiều ngày giờ. Do đó, ba chơn hồn được đưa trở lại Địa phủ.
Diêm Vương làm tờ sớ trình bày tỉ mỉ sự việc, dâng lên Thiên Tào phán định. Thượng Đế xem xong, phán rằng:
- Phước nghèo, đông con, giữ được lòng thanh bạch. Thọ thì độc thân, không tham, có nghĩa, nhân từ.
Lộc thì có lòng độ lượng.
Cho nên, Phước Lộc Thọ là ba tánh đức của Trời, Đất, Người. Người mà có được ba đức ấy để hưởng là một phúc hạnh lớn. Nay phong cho ba vị làm Tam Thiên Quân, và truyền cho thế gian tôn thờ ba Đấng Thiên Quân nầy để làm gương.
Đạo Nho lấy sự tích Phước Lộc Thọ nầy làm biểu tượng thờ Cửu Huyền Thất Tổ, để nêu ý Tổ Phụ Ông Bà thuở xưa cũng đã từng hưởng được ba đức ấy."
*Trong truyện Tây Du Ký có chép chuyện Tôn Hành Giả đi ra đảo Bồng Lai gặp ba ông Phước, Lộc, Thọ, gọi là Thọ Tinh, Phước Tinh, Lộc Tinh. Chuyện ấy tóm tắt như sau:
"Sau khi Tôn Hành Giả nổi giận quật ngã cây Nhơn Sâm của Trấn Nguyên Đại Tiên ở Ngũ Trang Quán núi Vạn Thọ, bị Trấn Nguyên dùng phép bắt hết bốn thầy trò Tam Tạng để bắt đền cây Nhơn Sâm. Tôn Hành Giả hứa đi tìm thuốc cứu cây Nhơn Sâm ấy cho sống lại, hẹn trong ba ngày trở lại, để Tam Tạng, Trư Bát Giới cùng với Sa Tăng ở lại làm tin.
Tôn Hành Giả thót lên mây, cân đẩu vân thẳng đến Đông Dương Đại Hải, tới nơi, Hành Giả đi thẳng đến đảo Bồng Lai, thấy ngoài cửa động Bạch Vân, dưới bóng tùng, có ba ông già đang ngồi đánh cờ. Người ngồi xem là Thọ Tinh, còn hai người đang đánh cờ là Lộc Tinh và Phước Tinh. Hành Giả bước tới chào hỏi:
- Kính chào ba "Ông Em".
Ba người bỏ ván cờ, đồng hỏi:
- Đại Thánh có việc chi tới đây?
- Chẳng giấu gì các Ngài, Lão Tôn nhận bảo hộ Đường tăng đi Tây phương thỉnh kinh, giữa đường gặp một chút trở ngại, có tí việc muốn nhờ đến các Ngài giúp đây.
Phước Tinh hỏi:
- Trở ngại gì, Đại Thánh nói ra để chúng tôi còn liệu.
- Trở ngại ở Ngũ Trang Quán, núi Vạn Thọ.
Ba vị Phước, Lộc, Thọ kinh ngạc hỏi:
- Quán Ngũ Trang là Cung Tiên của Trấn Nguyên Đại Tiên. Đại Thánh vào đấy ăn trộm nhơn sâm của ông ấy chớ gì?
- Ăn trộm thì đáng là bao, Lão Tôn đã quật nó ngã chổng gọng chết rồi. Lão ấy bắt đền. Ta hứa đi tìm thuốc chữa cho cây Nhơn sâm ấy sống lại. Nó bắt thầy ta ở lại làm tin, hẹn trong ba ngày phải có thuốc. Ba Ngài có phương thuốc nào chữa cho cây Nhơn sâm ấy sống lại không?
Ba ông Phước, Lộc, Thọ buồn rầu đáp:
- Con khỉ nầy chẳng biết gì hết. Trấn Nguyên Đại Tiên là Ông Tổ của dòng Địa Tiên. Chúng tôi đây thuộc dòng Thần Tiên, nhưng vẫn thuộc Thái Ất tán số, chưa phải là dòng chân truyền, nên thoát khỏi tay người ta làm sao được. Tưởng như Đại Thánh giết chết loài thú chạy chim bay thì dùng viên linh đơn lúa mạch của chúng tôi đây là có thể cứu sống được. Đằng nầy cây Nhơn sâm là giống cây Tiên, thì cứu làm sao được. Không có thuốc đâu!
Tôn Hành Giả nghe nói không có thuốc thì châu mày trợn mắt. Phước Tinh nói:
- Đại Thánh ạ! Ở đây chúng tôi không có thuốc thật mà. Biết đâu nơi khác có thì sao, hơi đâu mà buồn phiền.
- Dù đi khắp chơn trời góc biển, việc đó có khó gì đối với Lão Tôn, ngặt sư phụ của Lão Tôn phép nghiêm lượng hẹp, hạn cho có ba ngày. Quá hạn ba ngày không về thì ổng niệm chú Cẩn Cô khổ lắm.

- Đúng! Đúng! Không có phép ấy để trói buộc Đại Thánh thì Đại Thánh lại chọc trời mất!
Thọ Tinh nói:
- Đại Thánh yên tâm, chớ phiền não. Vị Đại Tiên ấy, tuy là bậc trên của chúng tôi, nhưng cũng là chỗ quen biết. Để ba chúng tôi đến đó thăm Ngài và nói giùm cho Đại Thánh, bảo Đường Tăng đừng đọc chú Cẩn Cô, đợi khi nào Đại Thánh mang thuốc về, chúng tôi mới từ biệt. Đại Thánh an lòng lo đi tìm thuốc.
- Cám ơn ba Ngài. Lão Tôn xin ba Ngài đi ngay cho."
(Sau đó Hành Giả đến cầu được Đức Quan Âm Bồ Tát, Bồ Tát đến dùng nước Cam lồ trong Tịnh bình, cứu sống được cây Nhơn sâm. Trấn Nguyên Đại Tiên mới vui lòng để cho bốn thầy trò Đường Tăng lên đường thỉnh kinh).
(tổng hợp theo truyền thuyết và Tây Du Ký)
*Nhược Thủy (st)

## 63. THẦN SÔNG BIỂN NÚI NON VÀ LÔI BỘ

VŨ SƯ
(Thần Mưa)
山川河海及雷部諸神
雨師



雨師的由來：雨師就是雨神，亦稱萍翳、玄冥等。中國古代的雨神起源甚早。《周禮》的《大宗伯》篇稱，「以燎祀司中、司命、風師、雨師」。鄭玄注：「雨師，畢也」，意思是「月離於畢，俾滂沱矣。是雨師畢也」。東漢蔡邕《獨斷》則稱，「雨師神，畢星也。其象在天，能興雨」。畢星是二十八宿中西方七宿之一。此當是以星宿為雨神也。另外，亦有以人物為雨神者。屈原《天問》云「撰號起雨」。漢代王逸注稱：「撰，萍翳，雨師名也」。《風俗通義》稱「春秋左氏傳說，共工之子，為玄冥師」，「鄭大夫子產禳於玄冥」。玄冥，雨師也。晉《搜神記》稱，「赤松子者，神農時雨師也」。《三教源流搜神大全》更以神鳥為雨師，稱「雨師者，商羊是也。商羊，神鳥，一足，能大能小，吸則溟渤可枯，雨師之神也」。唐宋以後，從佛教中脫胎出來的龍王崇拜逐漸取代了雨師的位置。

職能：雨師之名，以「師」名神。據《風俗通義》的《祀典》稱，「師者，眾也。土中之眾者莫若水。雷震萬里，風亦如之。至於太山，不崇朝而遍雨天下，異於雷風，其德散大，故雨獨稱師也」。正是由於風雨滋潤，「養成萬物，有功於人，王者祀以報功也」。
奉祀：雨師的奉祀，秦漢時已列入國家的祀典。《唐會要》稱，奉祀雨師，升入中祀，並且要「諸郡各置一壇」，與王同祀。道教宮觀也有設殿供奉風伯雨師、雷公電母者。其雨師之塑像常作一烏髯壯漢，左手執盂，內盛一龍，右手若灑水狀，稱雨師陳天君。雨師之神誕日為十一月二十日。由于近代雨師的崇拜逐漸為龍王崇拜所取代，因此現在專門奉祀雨師的祭典已不多見。只是在道教大型齋醮儀禮上，設置雨師的神位，隨眾神受拜。




# VŨ SƯ
## (Thần Mưa)

I.- XUẤT XỨ :-
Vũ Sư tức là Thần Mưa, còn xưng là Thần Bình Ế, Thần Huyền Minh.
*Khởi nguyên của Thần Mưa có từ rất sớm ở xã hội Trung Quốc cổ đại.
*Sách "Chu Lễ" thiên "Đại Tông Bá" có nói :- "Dân gian đốt lửa để cúng tế các Thần chủ quản, như là Thần Tư Mệnh (hộ trì bổn mạng), Thần Gió, Thần Mưa".
Trịnh Huyền chú giải là "Vũ Sư ý nói đến sao Tất, vì khi mặt trăng rời xa sao Tất thì có mưa tràn ngập đất. Vũ Sư là sao Tất vậy".
-Thời Đông Hán, Sái Ung trong sách "Độc Đoán" nói rằng :- "Thần Vũ Sư chính là sao Tất, hình tượng ở trên trời, có thể làm mưa". Sao Tất là một trong bảy sao ở phương Tây của Nhị Thập Bát Tú. Ý nói là vị tinh tú nầy có chức năng làm mưa.
*Ngoài ra, cũng có những nhân vật được xem là Thần Mưa. Như Khuất Nguyên trong "Thiên Vấn" nói là "Người họ Bình tạo ra mưa". Vương Dật đời Hán chú thích "Họ Bình tức Bình Ế, tên của vị Thần Mưa"
-Trong "Phong Tục Thông Nghĩa" viết :- "Sách Tả Truyện Xuân Thu nói , con trai của Thần Cộng Công, là Huyền Minh Sư". Lại nói " Đại Phu họ Trịnh cúng tế cầu cho vợ sanh đẻ bình an nơi Ngài Huyền Minh. Ngài Huyền Minh là Vũ Sư (thần mưa)".
-Sách "Sưu Thần Ký" đời Tấn nói :-"Xích Tùng Tử chính là Vũ Sư ở đời Thần Nông vậy".
-Trong sách "Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn " thì cho rằng Thần Điểu là Vũ Sư, "Vũ Sư là họ Thương Dương. Mà Thương Dương lại là Thần Điểu (chim thần) chỉ có một chân, có thể biến lớn hay hóa nhỏ lại. Nó hút một hơi là cạn cả biển Minh Bột (Bột Hải), là thần làm mưa xuống nhân gian vậy".

-Chỉ đến đời Đường, Tống chịu ảnh hưởng của Phật Giáo, mới bắt đầu có quan điểm cho Long Vương là Thần Mưa. Nhận thức nầy, có giá trị cho đến tận ngày nay.

II.- CHỨC NĂNG :-

Tên gọi Vũ Sư, có chữ "Sư" nêu lên tính chất của Thần. Theo từ điển "Phong tục thông nghĩa" thì "Sư nghĩa là chúng (rộng khắp). Tính rộng của thổ thì không bằng của thủy. Tuy sấm động đến muôn dặm, gió thổi khắp nơi cũng không thể bì với nước mưa được.. Chẳng cần to lớn như núi Thái Sơn, nhưng chẳng đầy một buổi sáng mà mưa xuống khắp thiên hạ. Khác với sấm và gió, đức ban rãi của nó phát ra rất lớn, nên chỉ có mưa mới độc xưng là "Sư" được". Đức ấy chính là chỗ mưa gió đem lại sự tươi nhuận "nuôi lớn muôn vật, ban ơn cho người, vua chúa thờ Vũ Sư để đền ơn đó vậy".

III.- THỜ PHỤNG :-

Việc thờ phụng Vũ Sư từ thời Tần Hán đã được đưa vào "Từ điển thờ cúng".

Trong sách "Đường Hội Yếu" nói, thờ cúng Vũ Sư là đi vào trọng tâm của việc thờ cúng, nên khắp nơi đều có Miếu Thờ, cũng như thờ cúng vua chúa vậy.

*Cung Quán của Đạo Giáo đều có Điện thờ Phong Bá, Vũ Sư, Lôi Công, Điện Mẫu. Tượng thờ của Vũ Sư thường tạo hình là một thanh niên hùng mạnh, tay trái bưng một cái bồn, trong có đựng một con rồng. Tay phải đang làm động tác "rãi nước". Tượng được tôn xưng là " Vũ Sư Trần Thiên Quân".

*Ngày đản sanh của Vũ Sư là ngày hai mươi tháng mười một.

*Do vì gần đây dân gian sùng bái Long Vương nhiều hơn Vũ Sư , nên việc cúng tế Vũ Sư ít thấy xuất hiện trong Từ điển thờ cúng. Chỉ còn trong các nghi thức cúng tế của Đạo Giáo ở các Đại Đàn, mới có thiết lập thần vị của Vũ Sư, lễ bái chung với các Thần khác.

*Nhược Thủy dịch

(từ http://www.taoism.org.hk)

*PHỤ LỤC :-

Lễ hội cầu mưa của người Chăm và người Thái

1.- Độc đáo lễ hội Cầu mưa của người Chăm – Bình Thuận

Ở xã Phan Hòa huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, chỉ cần nói đến Lăng Pô là đồng bào Chăm hiểu ngay đó là ngôi đền thờ vị Thần PôklongK'Sách. Tương truyền rằng, đây là vị quan Thượng thư được Vua Chăm giao trông coi việc "Quốc nông". Ngài còn được đồng bào Chăm tôn sùng và ngưỡng mộ bởi có công khai phá đất đai, dẫn thủy nhập điền, canh nông lúa nước.

Vì vậy, lễ hội cầu mưa hay còn gọi là lễ cầu an nhà nông được tổ chức vào đầu tháng Giêng theo lịch của người Chăm (tức tháng 5 âm lịch), cứ 5 năm mới được tổ chức một lần, là để tôn kính vị Thần này.

Vì cứ 5 năm mới được tổ chức một lần, nên cả làng Bình Minh ở xã Phan Hòa có sự chuẩn bị rất chu đáo. Việc đầu tiên là phải đi đến các vị thầy Cả, thầy Xế và thầy Cò Ke ở làng Chăm theo đạo Bàlamôn (thuộc xã Phan Hiệp ) để… xin ngày. Khi có ngày làm lễ rồi thì mới xúc tiến vệc chuẩn bị ở làng. Cả quy trình của lễ hội được tổ chức trong hai ngày và lại phải đích thân là các thầy Xế, thầy Cả và thầy Cò Ke hành lễ. Chiều hôm trước, sân lễ của làng phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, sạch sẽ với cờ phướn nghiêm trang đề rước Ngài từ trong Đền về. Theo chân các vị Thầy Xế rước sắc phong từ trong đền Ngài ra là đội múa quạt duyên dáng nhất của làng đi hộ tống. Đúng 4 giờ chiều, sân lễ đông đủ từ các vị chức sắc tôn giáo đến trai thanh gái tú trong làng đều có mặt. Trước kiệu Ngài là những tinh tuý nhất từ các món ẩm thực nổi tiếng của người Chăm như bánh gừng, bánh tét, canh cà… Ông thầy cúng bày biện thành một mâm lễ dưới chân kiệu của Ngài. Phía sau các Thầy là hàng chục phụ nữ Chăm, với trang phục hành lễ truyền thống luôn chắp tay trên đầu cúi lạy khi thầy Xế đọc những câu thần chú. Một bài cúng có khi diễn ra đến hàng giờ đồng hồ mới chấm dứt. Đêm hôm ấy cả hai ông thầy Cả (tiếng Chăm gọi là Păk), ba ông thầy Cò Ke và hai ông thầy Xế hoạt động không biết mệt mỏi. Nhưng quan trọng nhất vẫn là thầy Cò Ke (phụ trách trống, kèn) vì hai

ông này lo suốt đêm cho lễ dâng hương theo phong tục. Đêm hôm đó, cả làng Bình Minh của xã Phan Hòa hầu như đều đến với Ngài bằng tấm lòng tôn kính linh thiêng nhất.
Sáng hôm sau, cả làng lại thức dậy sớm hơn mọi ngày. Nhưng sớm hơn cả vẫn là đội múa quạt với những cô gái xinh xắn nhất đứng xếp hàng đôi, chờ xuất phát đưa Ngài trở về Đền thiêng cách xa làng Bình Minh chừng 4 cây số về hướng mặt trời lặn. Tiếng trống Paranưng, tiếng kèn Sranai dặt dìu theo đoàn người đưa Ngài trở về lại ngôi đền. Đi trước là mười hai thanh niên trai tráng cầm cờ phướn xếp thành hai hàng. Theo sau là bốn người cầm ô đi bốn góc, che cho bốn thanh niên khiêng kiệu Ngài. Phía sau nữa là hai ông thầy Cò Ke dẫn theo cả một đội múa quạt bồng bềnh cùng đoàn người tiến về ngôi đền thiêng trong rừng. Cũng ngay tại thời điểm ấy đã có hàng trăm người trong làng tụ tập về ngôi đền từ trước để dựng lều trại che nắng cho suốt cả ngày lễ hội. Phía sau Đền có sẵn ba bốn con dê, hàng chục con gà được buộc sẵn sàng cho việc cúng tế. Các bà các chị múc nước lặt rau, xắt cây chuối chát và chụm lửa. Chỉ có các chức sắc mới được chuẩn bị các nghi lễ trong đền. Tất cả các hoạt động ấy đều do Sư cả Thánh đường Bình Minh Lâm Nam chỉ huy. Khi Ngài được đoàn người đưa đến gần trước đền, tất cả mọi người đứng xếp thành hai hàng dọc để đón. Đội múa quạt lại xếp thành hàng hai múa những điệu múa truyền thống của người Chăm theo nhịp điệu vang dồn của trống Paranưng và kèn Saranai. Mọi người chăm chú nhìn về đoàn người đang rước kiệu. Kiệu Ngài được dựng trước đền để cho một ông thầy Xế kiểm tra lại những vật cúng tế bên trong. Trong kiệu Ngài có một tô trứng lớn đựng 12 quả và 6 tô nhỏ, mỗi tô đựng từ 4 đến 5 quả và một bát nhang trầm khói nghi ngút. Phía trong cùng là một hộp vuông hình chữ nhật có bao giấy màu đỏ chứa đựng những lá sắc phong do Triều đình nhà Nguyễn ban cho là để ghi nhận công trạng to lớn của Ngài. Trước khi đưa Ngài vào Đền, tất cả các bà các chị phụ nữ đều quỳ lạy dưới chân Ngài như một lời cầu mong cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, đồng ruộng xanh tốt. Tôi quay sang hỏi Sư cả Lâm Nam là tại sao chỉ có phụ nữ quỳ lạy? Sư Cả Lâm Nam nói rằng : nam nữ gì đều lạy cả, nhưng các chị các bà được ưu tiên làm lễ trước! Đền thờ Ngài PôklongK'Sách được xây tại làng Bình Mỹ cũ từ năm 1971 theo tín ngưỡng chung của người Chăm chứ không riêng gì người Chăm Hồi giáo ở Phan Hòa. Phía trong Đền có một đôi Linga, linh vật linh thiêng nhất theo tục lệ của người Chăm. Ông Nguyễn Hữu Châu, một trí thức người Chăm ở Phan Hòa còn cho biết : Đền thờ Ngài PôklongK'Sách chỉ có ở ba nơi : Phan Rang (Ninh Thuận ), Phan Hoà (huyện Bắc Bình ,Bình Thuận) và thị trấn Ma Lâm (huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận). Tên đầy đủ của lễ hội này theo tiếng Chăm là "Păk Poh PôklongK'Sách".
Sau buổi lễ, mọi người quây quần cùng khách bên chén rượu Ngài ban. Tất cả đều cầu chúc cho đầu năm mới an khang thịnh vượng, mưa thuận gió hoà, đồng ruộng tốt tươi. Có thể nói, lễ hội cầu mưa là một trong những lễ hội có giá trị lớn về mặt tinh thần trong tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Chăm cần được bảo tồn và phát huy.
(Theo Vietnamtourism/ Bình Thuận)

2.- Lễ cầu mưa của người Thái

(Lễ hội "Xến Xó Phốn" của người Thái vùng Tây Bắc Việt Nam)
Lễ hội cầu mưa (hay còn gọi là lễ hội Xến Xó Phốn) vùng Tây Bắc Việt Nam được ra đời và hình thành cùng kho tàng văn hóa phi vật thể của người Thái. Qua bao đời chắt lọc, gạn đục khơi trong để có được tinh hoa, những giá trị về phong tục tập quán, tín ngưỡng. Lễ hội cầu mưa ngày nay mang đủ bản sắc văn hóa của người Thái Tây Bắc.
Lễ hội gồm 2 phần lễ và hội, phần lễ để cúng thần linh cai quản mưa nắng không mang yếu tố dị đoan mà chỉ mượn yếu tố tâm linh để dạy bảo con người, phần hội tạo nên những tiếng cười thoải mái nhằm giáo dục nhân cách, phẩm hạnh để con người vươn tới cái đẹp, của đạo đức truyền thống mà người Thái đã có.
Người Thái ở vùng Tây Bắc quan niệm rằng thần linh cai quản mưa gió thương những đứa trẻ sinh ra không có cha để làm nhà cho nên đã không làm mưa khiến cho trời hạn hán, vì vậy trời không mưa là lỗi của những người phụ nữ chửa hoang. Vì vậy dân bản phải làm lễ cầu

mưa, cúng lễ các vị chủ nước, chủ sông suối (thuồng luồng, tiếng Thái gọi là Tô Ngược) để mời các thần linh về nghe nguyện vọng của con người đồng thời trách phạt những người phụ nữ đó đã không biết giữ mình. Những lời cầu xin, trách móc được truyền tụng và đúc kết thành các bài cúng và các trò chơi trong lễ hội cầu mưa.
Người đóng vai trò chính trong lễ hội là "bà Mè mải". Mở đầu lễ cầu mưa, đoàn người đi đến các nhà xin lễ vật.
-Đến nhà thứ nhất, mè mải nói :-
Ở nhà đấy bà thím ơi
Chúng tôi đến xin cơm đấy nhé
Rau chua xiểm cũng xin
Canh khoai nhạt cũng xin
- Chủ nhà thứ nhất trả lời :-
Ngày cúng chủ nước sông tôi có chút lễ bằng rau, bằng cỏ để cùng xin cầu mưa
Mè mải đáp lời :-
Cảm ơn chủ nhà nhé
Lời cảm ơn vừa dứt chủ nhà té nước gạo lên người hoặc dùng hạt bông tung vào đoàn người giả làm mưa.
Đoàn người luôn miệng hô to :-
Có mưa rào, mưa ra gạo ra lúa
Sau đó đoàn người tiếp tục đến nhà thứ 2, thứ 3… và lặp lại bài cúng trên. Đến khi đã có đủ lễ vật, đoàn người rước Tô Ngược đến địa điểm cúng lễ và bà mè mải bắt đầu cúng bài cúng cầu mưa với nội dung mời chủ nước chủ sông về ăn lễ vật và lắng nghe nguyện vọng của dân bản cầu xin trời làm mưa cho đến khi sấm sét nổi lên và trời mưa xuống thì chuyển sang phần hội.
Ở phần hội, cả bản làng cùng chơi ném còn, uống rượu cần và hát các bài hát về tình yêu đôi lứa…
Cùng với Lễ hội cầu an bản Mường, Lễ hội cầu mưa của người dân tộc Thái miền Tây Bắc là một sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng rất quan trọng đối với cộng đồng người dân tộc ở nơi đây. Lễ hội thường được tổ chức vào đầu mùa mưa (khoảng cuối tháng 10, đầu tháng 11 âm lịch hàng năm (gần tết Nguyên Đán) được biểu hiện qua tiếng sấm, tức là lời phán quyết của vua trời, qua hình tượng thủy thần, thuồng luồng...Lễ hội có liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần, tâm linh của cả bản mường, đến mùa màng, sức khỏe và sự làm ăn của cộng đồng năm ấy, nên được tổ chức rất trọng thể, vui vẻ, thu hút sự tham gia của đông đảo bà con dân tộc ở bản, Mường./.
*Theo :- Diễn đàn Sài Gòn > ĐẤT NƯỚC- VIỆT NAM - CON NGƯỜI > Văn hóa - Phong tục
*Nhược Thủy (st)

## 64.THẦN SÔNG BIỂN NÚI NON VÀ LÔI BỘ PHONG BÁ (Thần Gió).




## 山川河海及雷部諸神

### 風伯

風伯的由來：風伯，就是風神，亦稱風師、飛廉、箕伯等等。中國古代的風神崇拜起源較早。《周禮》的《大宗伯》篇稱，「以燎祀司中、司命、風師、雨師」。鄭玄注：「風師，箕也」，意思是「月離於箕，風揚沙，故知風師其也」。東漢蔡邕《獨斷》則稱，「風伯神，箕星也。其象在天，能興風」。箕星是二十八宿中東方七宿之一，此當以星宿為風神。另外，楚地亦有稱風伯為飛廉的。屈原《離騷》有句稱「前望舒使先驅兮，後飛廉使奔屬，吾令鳳凰飛騰兮又夜，
飄風屯其相離兮帥雲霓而來御」。晉灼注飛廉曰「鹿身，頭如雀，有角而蛇尾豹文」。高誘注蜚廉曰「獸名，長毛有翼」。此當以動物為風神。唐宋以後，風伯曾作「風姨」、「封姨」和「風后」，即曾作女神。但以箕星作風伯之說，一直佔據主導地位。

職能：風伯之職，就是「掌八風消息，通五運之氣候」。風是氣候的主要因素，事關濟時育物。《風俗通義》的《祀典》稱，風伯「鼓之以雷霆，潤之以風雨，養成萬物，有功於人。王者祀以報功也」。



奉祀：對風伯的奉祀，秦漢時就已經列入國家祀典。《唐會要》稱，奉祀風伯，升入中祀，並且要「諸郡各置一壇」，與王同祀。道教宮觀中也有設殿供奉風伯雨師、雷公電母的，其風伯塑像常作一白髮老人，左手持輪，右手執扇，作扇輪子狀，稱風伯方天君。風伯神誕之日為十月初五日。普通道教徒在其生存和職業同「風」有密切關係者才單獨奉祀風伯，一般道教徒只是在大型齋醮法會時才供奉風伯。



# PHONG BÁ
## (Thần Gió)

I.- XUẤT XỨ:-

Phong Bá là tên của Thần Gió, còn gọi là Phong Sư, Phi Liêm hay Cơ Bá .

*Việc sùng bái Thần Gió đã có từ rất sớm ở Trung Quốc cổ đại. Trong sách "Chu Lễ" thiên "Đại Tông Bá" có nói :- "Đốt lửa để cúng tế các Thần Tư Mệnh, Phong Sư, Vũ Sư". Trịnh Huyền chú giải :-" Phong Sư tức là sao Cơ" ý muốn nói " khi mặt trăng lìa khỏi sao Cơ, thì gió thổi cát bay, đó là do Phong Sư làm vậy".

*Thời Đông Hán, ông Sái Ung trong quyển "Độc Đoán" nói :- "Thần Phong Bá là sao Cơ. Hình tượng ở trên trời, có thể tạo ra gió". Sao Cơ chính là chòm bảy sao ở phương Đông của Nhị Thập Bát Tú, người xưa đã dùng sao để tôn làm Thần. Ngoài ra, có nơi còn gọi Thần Gió là "Phi Liêm". Như Khuất Nguyên trong tập thơ "Ly Tao" đã viết :-

" Tiền Vọng Thư sử tiên khu hề, hậu Phi Liêm sử bôn chúc
Loan Hoàng vi dư tiên giới hề, Lôi Sư cáo dư dĩ vị cụ
Ngô linh Phượng Hoàng phi đẳng hề, hựu kế chi dĩ nhật dạ
Phiêu Phong đồn kì tương li hề, suất vân nghê nhi lai ngự"

-Dịch nghĩa :-

"Phía trước thần Vọng Thư phải tiến trước hề, phía sau thần Phi Liêm phải chạy theo
Loan Hoàng mở lối đi đầu, thần sấm sét bảo ta thu xếp chưa xong
Ta khiến Chim Phượng bay lượn hề, bay ngoài suốt ngày đêm
Thần Phiêu Phong tụ họp những đám chia lìa, đốc suất mây và ráng lại đón"

-Dịch thơ :-

Chị Trăng phải nhanh chân tiến trước,

Dì Gió cho lần bước theo sau,
Chim loan mở lối đi đầu,
Nhưng thần sấm sét đốc hầu chưa xong!
Ta giục phượng ra công bay mãi,
Suốt ngày đêm dong ruổi cho mau!
Cơn dông bão táp theo hầu!
Cầu vồng mống cụt đem nhau đón chào!



*Đời Tấn chú giải Phi Liêm là "thân nai, đầu như chim sẻ, có sừng, đuôi rắn vằn beo". Còn Cao Dụ thì chú Phi Liêm là "tên thú, lông dài có cánh". Như vậy là họ lấy động vật để tôn làm thần.
*Đời Đường , Tống về sau, người ta thay thế Phong Bá bằng "Phong Di" (Dì Gió) hay "Phong Hậu" (Hoàng Hậu Gió). Như vậy Thần Gió trở thành Nữ Thần.
*Thế nhưng, cho đến nay, mọi người vẫn chọn thuyết nói Phong Bá là sao Cơ, đây là quan điểm chủ đạo nhất được chấp nhận.

II.- CHỨC NĂNG :-

Chức năng của Phong Bá là "cai quản tám gió, khai thông ngũ vận của khí hậu" . Gió là nhân tố quan trọng của khí hậu, giúp cho việc phát triển của muôn vật.
-Trong Từ Điển "Phong Tục Thông Nghĩa" nói :- "sấm sét thì thúc giục, gió mưa thì làm tươi mát, nuôi lớn vạn vật, có công lớn với người. Vua thờ cúng để đền công ơn vậy"

III.- VIỆC THỜ CÚNG :-

*Đối với việc thờ cúng Phong Bá, từ thời Tần Hán đã có ghi vào "Sách thờ cúng trong nước".
-Sách "Đường Hội Yếu" nói , thờ phụng Phong Bá là đi vào trọng tâm của việc cúng tế, cho nên các nới phải lập Miếu Thờ , giống như thờ vua vậy.
*Trong các Cung Quán của Đạo Giáo, đều có xây Điện riêng để thờ Phong Bá và Vũ Sư. Tương thờ Phong Bá thường là tạo hình tượng một ông lão đầu tóc bạc phơ, tay trái cầm "bánh xe gió", tay phải câm "quạt gió", hình dáng như đang quạt vậy, tôn xưng là "Phương Thiên Quân".
-Ngày vía của Thần Phong Bá là ngày mùng năm tháng mười âm lịch.
*Những tín đồ phổ thông của Đạo Giáo mưu sinh bằng những nghề có liên quan đến "gió", hợp nhau lại xây Miếu Thờ riêng Phong Bá".
-Trong Đạo Giáo , thì chỉ những dịp đại lễ mới có nghi thức cúng tế Phong Bá.



(Miếu thờ Phong Bá ở bãi biển)

*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk)

## 65. THẦN SÔNG BIỂN NÚI NON VÀ LÔI BỘ
## LONG VƯƠNG
## (Rồng Làm Mưa)
## 山川河海及雷部諸神
## 龍王

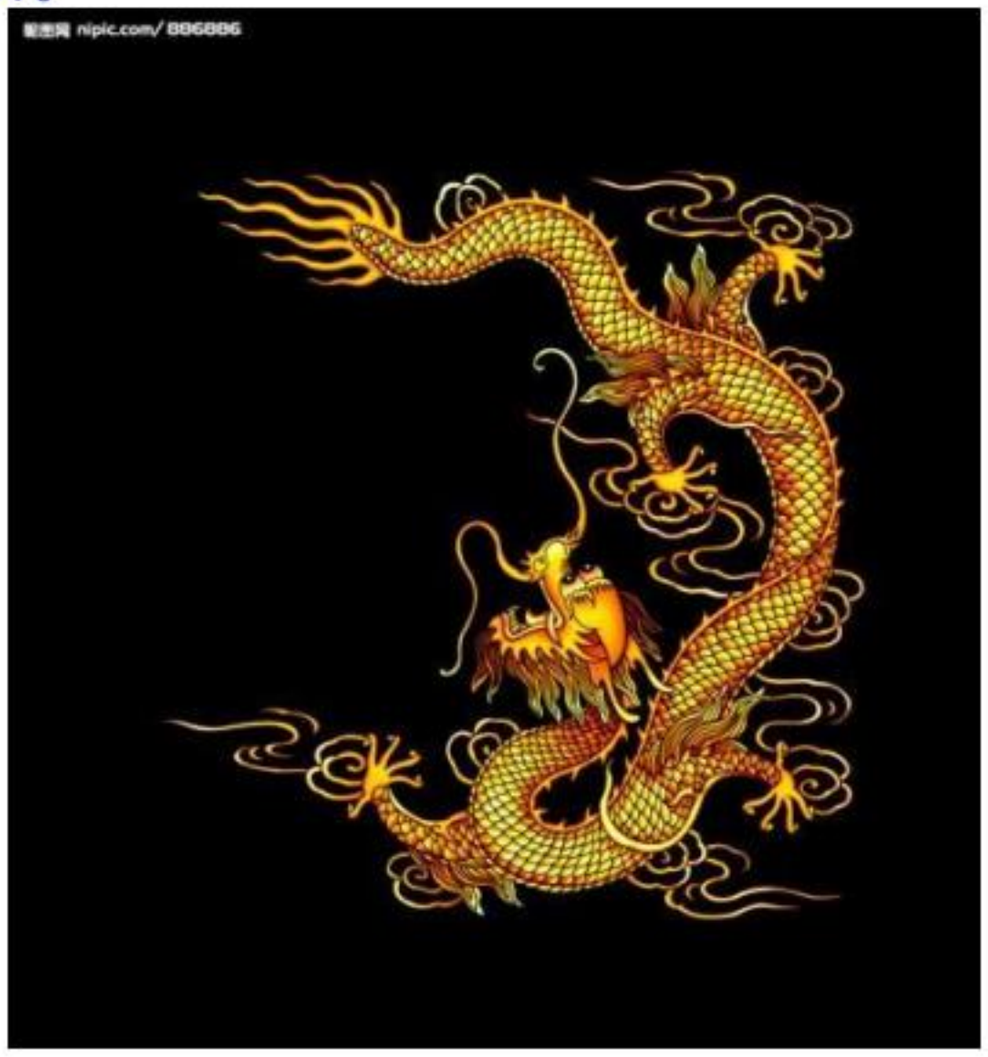



(Tứ hải Long Vương)

龍王的由來：龍是中國古代神話的四靈之一。《太上洞淵神咒經》中有「龍王品」，列有以方位為區分的「五帝龍王」，以海洋為區分的「四海龍王」，以天地萬物為區分的54名龍王名字和62名神龍王名字。唐玄宗時，詔祠龍池，設壇官致祭，以祭雨師之儀祭龍王。宋太祖沿用唐代祭五龍之制。宋徽宗大觀二年(1108年)詔天下五龍皆封王爵。封青龍神為廣仁王，赤龍神為嘉澤王，黃龍神為孚應王，白龍神為義濟王，黑龍神為靈澤王。清同治二年(1863年)又封運河龍神為「延庥顯應分水龍王之神」，令河道總督以時致祭。

職能：由此，龍王之職就是興雲布雨，為人消滅炎熱和煩惱，龍王治水成了民間普遍的信仰。道教《太上洞淵神咒經》中的「龍王品」就

稱，「國土炎旱，五穀不收，三三兩兩莫知何計時」，元始天尊乘五色雲來臨國土，與諸天龍王等宣揚正法，普救眾生，大雨洪流，應時甘潤。
奉祀：龍王神誕之日，各種文獻記載和各地民間傳說均有差異。舊時專門供奉龍王之廟宇幾乎與城隍、土地之廟宇同樣普遍。每逢風雨失調，久旱不雨，或久雨不止時，民眾都要到龍王廟燒香祈願，以求龍王治水，風調雨順。




# LONG VƯƠNG
## (Rồng Làm Mưa)

I.- XUẤT XỨ :-

*Trong truyện thần thoại cổ đại Trung Quốc, Rồng là một trong "Tứ Linh".
Sách 《 Thái Thượng Động Uyên Thần Chú Kinh 》 phẩm Long Vương có phân chia khu vực trách nhiệm của "Ngũ Đế Long Vương", chia đại dương thành bốn biển, dưới quyền cai quản của "Tứ Hải Long Vương" (Đông, Tây, Nam, Bắc Hải). Sách nầy nói trong cõi trời đất và vạn vật có 54 "Cõi Rồng" và nêu tên của 62 Thần Long Vương.
*Đời Đường Huyền Tông, ban chiếu xây dựng Miếu Thờ Long Trì, lập đàn cho các quan đến cúng tế, trong nghi thức tế lễ Vũ Sư có nghi cúng Long Vương.
*Năm Đại Quán thứ hai đời Tống Huy Tông (năm 1108) ban chiếu phong tước "Vương" cho năm rồng trong thiên hạ. Sắc phong Thần Thanh Long làm Quảng Nhân Vương, Thần Xích Long làm Gia Trạch Vương, Thần Huỳnh Long làm Phù Ứng Vương, Thần Bạch Long làm Nghĩa Tế Vương, Thần Hắc Long làm Linh Trạch Vương.
*Năm Đông Trị thứ hai đời Thanh (năm 1863) lại phong Vận Hà Long Thần (Long Thần của các con sông hay kênh đào) làm "Diên Hưu Hiển ứng Phân Thuỷ Long Vương Chi Thần", lệnh cho Tổng Đốc Đường Sông hàng năm cúng tế.



II.- CHỨC NĂNG :-

Long Vương có chức năng gom mây làm mưa, làm mất đi sự nóng bức và khó chịu của con người. Tín ngưỡng phổ biến của dân gian là "Long Vương trị thủy" ( vua rồng cai quản về nước).

* Trong Đạo Giáo, theo sách 《Thái Thượng Động Uyên Thần Chú Kinh》phẩm Long Vương thì nói là "Trong nước bị khô hạn, ngũ cốc thất thu, vua quan dân chúng chưa biết tính kế nào, Nguyên Thủy Thiên Tôn cỡi mây năm sắc giáng lâm phàm trần, cùng với chư Thiên và Long Vương rộng nói chính pháp, phổ cứu chúng sanh, mưa lớn chan hòa, nơi nơi tươi mát".

III.- VIỆC THỜ PHỤNG :-

-Ngày đản sanh của Long Vương thì theo các sách và truyền thuyết dân gian nêu lên quá nhiều , không quyết định được ngày nào chính xác và chưa có ngày thống nhất. Việc cúng tế thì theo tập quán từng nơi từng lúc mà tổ chức khác nhau.

-Ngày xưa, Miếu Thờ Long Vương cũng có nhiều như Miếu Thờ của Thành Hoàng, Thổ Địa vậy. Khi bị hạn hán lâu ngày, hoặc mưa dầm liên miên, dân chúng đều đến Miếu Thờ cúng tế cầu nguyện Long Vương phù hộ điều hòa lượng nước trở lại vừa phải, đúng theo thời tiết để dân chúng cày cấy thuận mùa .



*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk)

*PHỤ LỤC 1 :-

# Tứ hải Long vương

Tứ hải Long vương là các vị thần có dạng rồng cai quản bốn đại dương theo thần thoại Trung Quốc.

Hình tượng các long vương vốn có xuất xứ từ Phật giáo, là hiện thân của rắn thần naga được Trung Quốc du nhập và Hán hóa

Rồng

Rồng, chữ hán là Long, chữ Phạn là Nâga, là một loài sinh vật thuộc thế giới vô hình, và cũng là một loài trong Tứ Linh: Long, Lân, Qui, Phụng (Rồng, Lân, Rùa, Phượng)

Theo thần thoại, rồng có hình dạng rất lạ kỳ: đầu rồng giống như đầu đà, sừng giống như sừng nai, cổ giống như cổ rắn, bụng giống như bụng con giao, mắt giống mắt thỏ, tai giống tai bò, chân giống chân cọp, móng giống móng chim ưng, vảy rồng giống như vảy cá ly.

Rồng là vua của loài có vảy, có tài biến hóa, làm tối được, làm sáng được, làm lớn được, làm nhỏ được, nhằm tiết xuân phân thì lên trời, nhằm tiết thu phân thì xuống biển hay xuống đất.

Kinh Phật nói: "Long thường tại định, vô hữu bất định thì." Nghĩa là: Rồng thường ở vào thiền định, không có lúc nào chẳng thiền định.

Có rất nhiều loại rồng, được phân ra tùy theo màu sắc, tùy theo hình dáng đầu rồng hoặc tùy theo phận sự của nó:

I. Phân loại theo màu sắc: Có 5 loại:

- Rồng trắng: Bạch long, toàn thân màu trắng
- Rồng vàng: Huỳnh long, toàn thân màu vàng,
- Rồng xanh: Thanh long, toàn thân màu xanh sậm,
- Rồng đỏ: Xích long, toàn thân màu đỏ,
- Rồng đen: Hắc long, toàn thân màu đen.

II. Phân chia theo hình dáng: 3 loại:

- Rồng trẻ, đầu không có sừng, gọi là Ly long.
- Rồng sống được 500 năm thì mọc sừng, gọi là Cù Long.
- Rồng sống được 1000 năm trở lên thì có sừng dài và mọc thêm cánh, gọi là Ứng long.

III. Phân chia theo nhiệm vụ: có 4 loại:

- Thủ Thiên cung long: Rồng ở cõi Trời, gìn giữ Thiên cung.
- Hành võ long: Rồng làm mưa (Hành là làm, võ hay vũ là mưa). Rồng nầy có hai hạng:

o Thiện long thì làm cho mưa thuận gió hòa.

o Ác long thì làm cho mưa to, gây lũ lụt,

- Địa long: Rồng ở dưới đất sâu, làm hầm khoét hang, làm thành sông, hồ, biển.
- Phục tạng long: Rồng giữ gìn kho tàng của vua Chuyển Luân Thánh vương và các nhà phước đức lớn.

■ Tương truyền, rồng ở đáy biển, có lầu đài cung điện, có tổ chức vua, quan, quân lính. Rồng làm vua gọi là Long vương, cung điện của Long vương là Long cung, các quan của vua rồng là loài cá lớn, quân lính là các loài cá nhỏ.

(Tam Thái Tử Ngao Bính)

Theo Truyện Phong Thần và Tây Du Ký, có Tứ Hải Long vương là 4 vị Long vương ở bốn biển:

- Đông Hải Long vương: ở biển Đông tên Ngao Quảng.
- Nam Hải Long vương: ở biển Nam tên Ngao Thuận.
- Tây Hải Long vương: ở biển Tây tên Ngao Khâm.
- Bắc Hải Long vương: ở biển Bắc tên Ngao Nhuận.

■ Cũng trong truyện Tây Du, con Bạch mã (ngựa trắng) mà Tam Tạng cỡi đi Tây phương thỉnh kinh là do một con tiểu long (rồng nhỏ) biến thành. Con tiểu long nầy vốn là Thái tử con của Bắc Hải Long vương Ngao Nhuận, phạm tội nặng, bị bắt treo lên chờ xử trảm. May nhờ Đức Quan Âm Bồ Tát đi ngang, tiểu long van xin cứu mạng. Đức Quan Âm Bồ Tát thương tình, tâu xin Thượng Đế tha chết cho tiểu long để sau nầy bắt tiểu long biến thành

bạch mã, đỡ gót cho Tam Tạng thỉnh kinh. Nhờ công lao chuộc tội nầy, sau khi thỉnh kinh xong, bạch mã được biến trở lại thành rồng, trở về Long cung.

■ Long Nữ là con gái của Đệ tam Thái Tử của Nam Hải Long vương Ngao Thuận, ngày kia hóa thành con cá dạo chơi nơi mé biển, bị một ông chài bắt được, đem ra chợ bán. Đức Quan Âm Bồ Tát biết được, sai Thiện Tài đồng tử hóa ra một người thường, đi đến chợ mua con cá ấy, rồi đem xuống biển Nam thả xuống.

Nam Hải Long vương nhớ ơn Bồ Tát cứu tử cháu nội gái của mình, nên dạy Long Nữ đem cục ngọc Dạ Minh Châu đến dâng tặng Bồ Tát để Bồ Tát đọc sách ban đêm không cần đèn. Long Nữ đến dâng ngọc xong, lòng hết sức cảm phục Bồ Tát nên xin qui y và được Bồ Tát thâu làm đệ tử .

Từ ấy, Thiện Tài đồng tử và Long Nữ luôn luôn theo bên cạnh để phụng sự Bồ Tát.

■ Trong lịch sử Việt Nam, lúc Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế, hiệu là Lý Thái Tổ, thấy đất Hoa Lư chật hẹp không phải là nơi đóng đô, muốn dời đến La Thành. Khi nhà vua đến La Thành xem xét, vua thấy một con rồng vàng xuất hiện, từ La Thành bay thẳng lên Trời. Lý Thái Tổ cho đó là điềm lành, nên chọn La Thành làm nơi đóng đô, đổi tên lại là Thăng Long (Rồng bay lên) để kỷ niệm ngày thấy rồng vàng bay lên trời. Nhà Lý đóng đô tại Thăng Long, truyền ngôi được 9 đời, kéo dài 215 năm.

*Nhược Thủy (st)

## *PHỤ LỤC 2 :-
## LONG VƯƠNG LÀM MƯA SAI GIỜ KHẮC BỊ CHÉM
### (Trích truyện Tây Du Ký)

"……Thiệt lời xưa nói không sai: Trên đường nói chuyện trong bụi có người. Nguyên có qủy Dạ Xoa ở tại Sông Kinh đi tuần dưới nước. Nghe ông chài nói rằng: Vãi trăm chài không sai một, thì lật đật về cung Thủy Tinh mà báo rằng: "Bệ Hạ ôi! Có họa, có họa!" Long vương sông Kinh liền hỏi: "Có họa gì?" Dạ Xoa nói: "Ngoài chợ Trường An có ông thầy bói hay lắm! Mỗi bữa ông chài đem cho thầy bói kia một con cá chài lớn, thì coi quẻ chỉ chỗ cho, vãi trăm chài không sai một. Nếu thường thường như vầy, thì hết binh tướng lấy ai mà giúp được vua?" Long Vương nghe nói giận lắm, rúy gươm vía ra đi, quyết đến Trường An đặng giết thầy bói giỏi. Có Rồng con, Rồng cháu, tướng Trạnh, quan Cua, quân Sư Cháy, thừa tướng Chài đồng hè ra tấu: "Xin chúa công bớt giận, lời huyễn bỏ qua chớ khá nghe. Nếu chúa công đi xuống chợ, thì nổi giông tố mây mưa. Sợ dân ở Trường An khốn hại, có khi trời bắt tội chẳng không? Thà biến ra Tú Tài đến chợ Trường An coi thử. Quả như lời thời giết, bằng không thiệt thì thôi". Long Vương nhận lời bỏ gươm và chẳng làm mưa gió, lên bờ giả Tú Tài áo trắng đi xuống chợ Trường An, thấy thiên hạ đứng vậy mà coi quẻ. Tú Tài hỏi thăm rõ, thầy bói ấy là Viên Thủ Thành, chú ông là quan thiên văn Viên Thiên Cang, hình dung xinh tốt, thể thống oai nghi, Tú Tài quyết vào Viên Thủ Thành chào hỏi. Đãi trà xong xả, mới hỏi thăm ông bói chuyện chi? Tú Tài nói: "Tôi bói bữa nào mưa?" Viên Thủ Thành gieo quẻ đoán rằng :-

"Mây che đỉnh núi, mù tỏa non Đoài,
Hỏi thăm mưa rưới, chắc tại ngày mai."

Tú Tài hỏi: "Mai giờ nào, nước dâng lên mấy thước mấy tấc?" Viên Thủ Thành nói:" Giờ Thìn thì kéo mây, giờ Tỵ nổi sấm, giờ Ngọ mưa, cuối giờ Mùi tạnh. Nước dâng ba thước ba tấc, có lẽ ra bốn mươi tám giọt bốn phân bốn ly". Tú Tài cười rằng: "Lời này không phải nói chơi, ngày mai quả có mưa, giờ khắc và nước dâng y như lời đoán, thì ta thưởng bạc năm chục lượng chẳng sai. Nếu không mưa, hay là mưa mà không y lời đoán, ta nói thiệt cho thầy hay, phá nát cửa thầy, và xé tấm vải treo tức thì đuổi khỏi chợ Trường An, không cho ở đây gạt chúng nữa". Viên Thủ Thành mừng mà đáp rằng: "Tôi dám cuộc, tôi dám cuộc". Tú Tài liền kiếu ra về.

Các Thủy thần thấy Long Vương về đồng ra nghinh tiếp mà hỏi thăm rằng: "Chú công đi kiếm thầy bói đặng không?" Long Vương nói: "Có, có, thầy bói ấy khua mỏ kiếm tiền, ta hỏi

thử chừng nào trời mưa và nước dâng lên mấy thước, nó nói giờ Thìn kéo mây, giờ Mùi tạnh, nước lên cao ba thước ba tấc có lẽ bốn phân tám ly, ta cuộc với nó rằng: "Hễ quả như lời, ta thưởng năm mươi lượng bạc, nếu sai một chút thì ta phá nhà, xé bảng đuổi ra khỏi chợ Trường An" Các tướng cười mà rằng: "Chúa công là vị thần coi tá cái sông mà hay việc mưa gió, nếu có mưa không mưa thì Chúa công biết trước, thầy bói biết sao mà đặng mà nói bướng kìa, mười phần nó phải thua hết cả mười". Nói cười chưa dứt tiếng thì nghe tiếng kêu: "Long Vương mau ra tiếp chiếu trời". Long Vương thất kinh lật đật ra tiếp chiếu, ngó lên mây thấy thần Lực Sĩ mặc áo vàng, tay cầm phong chiếu chỉ bay xuống cung Thủy tinh. Long Vương đặt bàn mà lạy mà lãnh chiếu. Lực Sĩ đi về lập tức, Long Vương mở chiếu chỉ ra xem, thấy trong chiếu chỉ dạy như vầy:
Rồng tám sông vâng lệnh, y theo giờ khắc ban,
Ngày mai không đặng trễ, mưa tại xứ Trường An
"Hẹn giờ Thìn kéo mây, giờ Tỵ nổi sấm, giờ Ngọ mưa,
cuối giờ Mùi tạnh, nước dâng ba thước, ba tấc, bốn phân, tám ly".
Long Vương thất kinh hồn vía, nói với các tướng rằng: "Trên đời có người linh quá, thông trời thấu đất, chắc mình phải chịu thua". Quân sư Cháy tâu rằng: "Xin chúa công đừng lo, muốn ăn nó cũng không khó, tôi dùng một kế thì nó cứng họng đi". Long Vương hỏi: "Quân sư có kế chi?" Quân sư Cháy tâu rằng: "Mưa sái giờ và bớt nước, thầy không y lời đoán, sao nó cũng phải thua". Long vương y kế.
Bữa sau kêu Thiên lôi, Thần gió,Bà chớp, Anh mây, đồng kéo tới Trường An. Truyền giờ Tỵ mới kéo mây, giờ Ngọ mới nổi sấm, giờ Mùi mưa, giờ Thân tạnh, nước có ba thước lẻ bốn phân, rồi truyền các thần về hết.
Long Vương hóa Tú Tài như trước, tới chỗ Viên Thủ Thành. Tú tài không hỏi gì hết, đập nghiêng quăng viết, xé tấm vải treo. Viên Thủ Thành ngồi trên ghế làm thinh, như không hay không biết. Tú Tài giận phá cửa lấy ván xốc lại giá mà mắng rằng: "Mày là đồ mị, nói gạt chúng mà ăn tiền, coi quẻ không linh, đặt điều nói bậy. đoán sái giờ, dư nước, còn ngồi làm tỉnh kìa. Đi mau mau kẻo ta đập chết". Viên Thủ Thành cười hả hả rằng: "Không sợ, không sợ, tôi không phạm tội chết, e cho ai chết kìa, ông gạt ai chớ ông gạt tôi sao được, ông không phải Tú Tài áo trắng, ông là Rồng Bạch sông Kinh, ông dám cải lệnh trời, tráo giờ bớt nước, phạm tội gần chết chém, lại còn mắng tôi sao?". Tú Tài nghe nói rởn tóc gáy, vỡ mật hết hồn, buông tấm ván cửa, xốc áo quỳ lạy mà nói rằng: "Xin thầy chớ trách, hồi nãy tôi giả ngộ nói chơi, tôi tưởng làm chơi, chẳng ngờ sanh thiệt. Tôi đã phạm luật, lạy thầy xin cứu mạng tôi. Viên Thủ Thành nói: "Tôi cứu ông sao đặng, nhưng chỉ chỗ cho ông cầu khẩn họa may". Tú Tài nói: "Xin thầy chỉ chỗ làm ơn". Viên Thủ Thành nói: "Giờ Ngọ mai ông sẽ bị Ngụy Trưng xử trảm, mà Ngụy Trưng làm Thừa tướng phò Hoàng Đế bây giờ, ông cầu Hoàng Đế nói giùm, có khi cũng được". Tú Tài lau nước mắt từ tạ ra đây, mặt nhựt đã chen, vầng trăng lố mọc, Long Vương không về phủ, ở lững đững nửa lừng, đợi tới canh ba hiện vào cung cấm thấy vía vua Thái Tôn đi dạo, Long Vương hiện hình người ra trước mặt mà nói rằng: "Xin Bệ Hạ cứu tôi làm phước". Hồn Thái Tôn hỏi: "Ngươi là ai đó? Nói cho ta rõ đặng ta cứu cho". Long vương nói: "Bệ Hạ thiệt Rồng, còn tôi là rồng có tội. Trời sai Ngụy Trưng là tôi hiền của Bệ hạ, giờ Ngọ mai chém tôi. Hồn Thái Tôn nói: "Như vê phân Ngụy Trưng chém ngươi, thời trẫm cứu được. Thôi ngươi yên dạ mà về" Long vương mừng rỡ quá chừng, lạy tạ mà đi về thẳng.
Vua Thái Tôn thức dậy, nhớ điềm chiêm bao ấy rõ ràng, đến sáng lâm triều, các quan chầu chực. Vua Thái Tôn xem rõ từ người, bên văn thì: Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Từ Mậu Công, Hứa Kỉnh Tông và Vương Khuê, còn bên võ thì: Mã Tam Bửu, Đoàn Chí Hiền, Ân Khai Sơn, Trình Giảo Kim, Lưu Hồng Cơ, Uất Trì Cung, Tần Thúc Bảo. Ai nấy đủ mặt, mà thiếu Thừa tướng Ngụy Trưng! Vua Thái Tôn vời Từ Mậu Công lên điện mà phán rằng: "Trẫm nằm chiêm bao lạ lắm! Thấy một người đón trẫm mà lạy xưng rằng Long vương phạm tội thiên tào, trời sai Ngụy Trưng xử trảm, lạy xin trẫm cứu, trẫm hứa lở lời, bữa nay vì cớ

nào Ngụy Trưng không đi chầu vậy?" Từ Mậu Công tâu rằng: "Bậ hạ đã hứa lỡ, thì phải đòi Ngụy Trưng vào chầu, đừng cho Ngụy Trưng đi đâu, mãn ngày nay thì cứu Long vương ắt được". Vua Thái Tôn mừng lắm, mới sai hoạn quan đi mời Ngụy Trưng.
Còn Ngụy Trưng đi coi thiên văn (coi sao) hồi hôm, xảy nghe tiếng hạc kêu, ngó thấy Sứ trời hiện xuống, truyền chiếu chỉ rằng: "Giờ Ngọ mai Ngụy thừa tướng phải thiếp mà chém Rồng Bạch tại sông Kinh". Ngụy Trưng lạy tạ ơn về dinh tắm gội. Lo mài gươm phép nên chẳng đi chầu, xảy thấy sứ vào mời, trong lòng lo sợ, không dám cãi lệnh phải sửa sang mão áo vào chầu, bước tới sân son, lạy vua mà chịu tội. Thái Tôn phán rằng: "Trẫm tha khanh khỏi tội". Một lát bãi chầu rồi, bá quan đều về hết, vua Thái Tôn cầm một mình Ngụy Trưng ở lại mà thôi, mời vào đền trong luận bàn việc nước, qua đầu giờ Ngọ, vua truyền mỹ nữ lấy cờ sắp trên bàn xong xã, Ngụy Trưng lạy tạ, rồi ngồi lại đánh cờ, dục dặc gần nửa giờ mà chưa thắng bại. Ngụy Trưng gục đầu trên bàn mà ngáy pho pho. Vua Thái Tôn không kêu, để cho Ngụy Trưng ngủ, chừng một lát Ngụy Trưng thức dậy, quì dưới đất lạy vua mà tâu rằng: "Tôi đáng tội thác, khi bần thần ngủ quên không biết có điều chi thất lễ. Xin Bệ Hạ tha tội cho tôi". Vua Thái Tôn cười rằng: "Khanh có tội chi mà ngại, thôi, dậy mà đánh cờ". Ngụy Trưng lạy tạ ơn rồi sắp cờ đánh nữa. Xảy nghe tiếng la lớn ngoài cửa đền, thấy Tần Thúc Bảo xách đầu rồng Bạch chảy máu ròng ròng, quì tại sân mà tâu rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Có thấy sông khô cùng biển cạn, việc nầy lạ lắm thiệt chưa từng. Vua Thái Tôn hỏi: "Vật đó ở đâu?" Tần Thúc Bảo tâu rằng: "Đầu rồng trên trời rớt xuống tại ngã tư, nên tôi phải đem dâng cho Bệ hạ". Vua Thái Tôn thất sắc, phán hỏi Ngụy Trưng rằng: "Thừa tướng bàn chuyện ấy đặng không?" Ngụy Trưng quỳ lạy tâu rằng: "Tôi mới thiếp đi chém đó". Vua Thái Tôn thất kinh mới hỏi: "Khi khanh ngủ, tay không chuyển động, cũng không có gươm đao, vậy làm sao mà chém đặng rồng ấy?" Ngụy Trưng tâu rằng: "Tôi vâng chiếu Thượng Đế hồi hôm truyền giờ Ngọ này thiếp xuống chém rồng có tội. Bệ Hạ đòi tôi hầu cờ nên đi không đặng, túng phải thiếp xuống lấy gươm phép chém kịp giờ". Vua Thái Tôn nghe nói: "Nửa mừng nửa buồn, mừng là đặng tôi hiền có phép, buồn là vì lời hứa không xong, phải gượng gạo mà truyền cho Tần Thúc Bảo rằng: "Đem đầu rồng treo tại chợ Trường An mà răn lê thứ". Lại ban thưởng Ngụy Trưng. Hai tướng tạ từ về hết.”
*Source:- Xem đầy đủ ở :- http://vietnameseface.com/novel/T/Tay-Du-Dien-Nghia
*Nhược Thủy (st).
Xin theo dõi tiếp BÀI 14. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 14.

*Thứ Tư, ngày 08 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu ,

chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy  tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác  để quí vị dễ đối chiếu).
Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.
Nhược Thủy
( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).
Phần bổ sung cho bài "Huyền Thiên Thượng Đế".

66. Thờ Bạch Hổ .




祭白虎

白虎
在中國傳說中，白虎是戰神、殺戮之神。虎具有避邪、禳災、祈豐及懲惡的揚善、發財致富、喜結良緣等多種神力。而它屬四象之一，是由星宿變成的。二十八星宿中，西方七宿：奎、婁、胃、昴、畢、觜、參。西方在五行中屬金，色白。白虎是五行學說的稱呼。
在古人心目中，老虎是既可怕又可敬的東西。因其威猛無比，能夠避邪。古書云：「畫虎於門，鬼不敢入。」「虎者，陽物，百獸之長也。能執搏挫銳，噬食鬼魅。今人卒得惡遇，燒虎皮飲之。擊其爪，亦能辟惡。此其驗也。」古人還認為白虎是一種祥瑞：「德至鳥獸。」
最初古羌族的圖騰由熊變為龍，到黃帝時向東發展，龍的圖騰被帶到東方，跟「東方蒼龍星座」合而為
一，朱鳥則成了南方的鳳圖騰，後融合成「龍鳳呈祥」，作為古代圖騰的東鳳西龍，作為星象則是東蒼龍西朱鳥。到周朝以後，把五行天像重新劃分，朱鳥，和祝融火神一起歸南方。而白虎歸西方。後部族鬥爭及遷移，西北方的龍向東移，東方的鳳向南移，南方的虎向北移，形成一個順時針90°轉動的觀念移位運動。到漢代
五行觀念成了統一的思想，完成了玄武「四方之神」的配套：「東方蒼龍、南方朱雀、西方白虎、北方玄武。」
《禮記．禮運》中謂：「麟鳳龜龍，謂之四靈。」四靈有麟、四象有虎。由於白虎是戰伐之神，所以有多位的猛將被說成為白虎星托世的，如：唐代大將羅成、薛仁貴父子等人。除此之外，白虎還被道教神化，成為各廟宇的門神。

一般人在運氣不好的時候，很多時都會去求神靈消災解難，而有一個祭祀儀式去完成，俗稱「作福」。廣東最流行作觀音福。




Thờ  Bạch Hổ

*Theo truyền thuyết của Trung Quốc, Bạch Hổ là một vị Thần Chiến Đấu, Thần Xé Xác. Hổ còn có chức năng đuổi tà, giải cứu tai nạn, ban cho sự giàu có, trừng phạt kẻ ác, phù hộ người lương thiện, hỉ kết mối lương duyên cho nam nữ …Hổ là một trong "Tứ Tượng" , do tinh tú biến thành. Trong Nhị Thập bát Tú, bảy sao ở phương Tây là :- Khuê—Lâu—Vị—Mão—Tất—Chủy—Sâm . Phương Tây có ngũ hành thuộc Kim, sắc trắng. Từ đó, dựa vào học thuyết ngũ hành mà có Bạch Hổ.

*Trong lòng mọi người, Hổ là "đấng" vừa sợ hãi vừa kính trọng. Do sức lực mạnh mẽ không ai sánh nổi  của hổ mà có năng lực trừ tà. Sách xưa nói :- "Họa hình hổ ở cửa,  ma quỉ không dám xâm nhập" hay "Hổ là con vật thuộc dương, đứng đầu trăm thú, có sức mạnh và nhanh nhẹn, ăn nuốt quỉ mị. Người bị chết xù, đốt da hổ để uống thì khỏe lại, đeo móng hổ có năng lực trừ ác khí, rất linh ngiệm vậy". Người xưa còn cho rằng, hổ cũng tượng trưng cho sự "lành tốt" vì "đức lành ban rãi cho khắp chim thú".




*Thời tối sơ, các Bát Quái Đồ  của bộ tộc Khương từ "hình tượng gấu" biến thành "hình tượng rồng". Thời Huỳnh Đế thì phát triển dần về hướng Đông, nên Bát Quái Đồ cũng được mang theo phương Đông, hợp nhất với "Chòm sao Thanh Long hướng Đông", như vậy chòm Chu Tước ắt phải đưa về hướng Nam, sau dung hợp thành biểu tượng "Long Phượng trình

tường" (hợp điều lành chung rồng phượng). Bát Quái Đồ cổ thì phía Đông là phượng, tây là rồng. Còn khoa Tinh Tượng (Thiên văn) thì cho rằng Đông Thanh Long , tây Chu Tước.
*Từ đời Châu (Chu) về sau mới phân định lại ngũ hành thiên tượng. Lấy Chu Tước và Thần Lửa Chúc Dung ở về phương Nam, còn Bạch Hổ thì đưa về phương Tây. Về sau có sự thiên di của các bộ tộc do đó , dẫn đến việc "rồng" của Tây và Bắc phương dời về Đông, "phượng" của Đông dời về Nam, "hổ" của Nam dời về Bắc, tạo thành chuyển động thuận chiều 90° đúng theo qui luật vận động.
*Cho đến đời Hán, tư tưởng thông nhất quan niệm về ngũ hành , thành hình vĩnh viễn sự bố trí "thần của bốn phương" là :- Đông phương Thanh Long, Nam phương Chu Tước, Tây phương Bạch Hổ, Bắc phương Huyền Vũ" cho đến ngày nay.
*Trong "Lễ Ký—Lễ Vận" nói :- "Long lân qui phượng là Tứ Linh." Tứ Linh thì có Lân còn Tứ Tượng thì có Hổ . Do vì Bạch Hổ là Thần Chiến Đấu, nên truyền thuyết cho rằng những mãnh tướng các triều đại là do "Bạch Hổ đầu thai", như :- La Thành , cha con Tiết Nhân Quí … là những đại tướng đời Đường. Ngoài ra, Bạch Hổ còn được Đạo Giáo thần hóa, trở thành vị thần giữ cửa cho các Miếu Vũ.
*Có số người khi gặp vận hạn không tốt, đến cầu Bạch Hổ hóa giải tai nạn. Thêm nữa, làm động tác cúng tế, bố thí gọi là nghi thức "Tác Phước".(làm phước)
Tỉnh Quảng Đông rất thịnh hành tục "Làm phước Quan Âm"
*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)
*Lời dẫn:- Theo quan niệm của Đạo Giáo, Tam Thanh có trước trời đất, rồi sau khi có trời đất mới có Thiên Đình để cai quản. Vì chưa tìm được bài của Trung Quốc có phần hệ thống hóa những vị Thần Thánh nên tôi tạm dùng bài lấy từ :-
*Nguồn :- http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%C3%AAn_%C4%91%C3%ACnh
Bài giới thiệu khái quát nầy sẽ giúp các bạn hệ thống lại những bài trước. (có những vị chưa có tài liệu chi tiết, sẽ bổ sung khi tìm được)
*Nhược Thủy

## TAM THANH

Ba vị Tam Thanh được thờ trong các điện thờ Đạo giáo (gồm Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn tức Thái Thượng Lão Quân và Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn tức Linh Bảo Đại pháp sư).
*Trong Đạo giáo, Nguyên Thủy Thiên Tôn là đấng tối cao, vô thượng, cùng với Thái Thượng Lão Quân và Linh Bảo Đại Pháp sư là chủ của tất thảy, và hóa sinh ra cả vũ trụ, có trước vũ trụ. Nguyên Thủy Thiên Tôn nắm trong tay quy luật vận hành của vũ trụ, hóa thân thành các đấng thần thánh. Những người thờ Tam Thanh tin rằng Nguyên Thủy Thiên tôn hóa thân thành Bàn Cổ tạo lập trời đất; rồi sau đó là đấng chỉ định Ngọc Hoàng Thượng đế làm vua của Thiên Đình.

## THIÊN ĐÌNH

天庭

Thiên đình là triều đình trên bầu trời, trông coi mọi việc của vũ trụ theo quan điểm của Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian Trung Quốc.
Thiên đình có tổ chức giống như Triều đình phong kiến Trung Quốc, đứng đầu là một vị vua tức là Ngọc Hoàng Thượng đế, dưới là các ban văn võ, đều là các thần thánh tiên với các chức năng khác nhau.
*Thiên đình bao gồm :-

- Lục ngự: Sáu vị Đại đế gồm Ngọc Hoàng Thượng đế và Ngũ thiên đế
- Ngũ lão: Năm vị thánh năm phương
- Trung ương Thiên quan: Các vị thiên quan

- Tam quan đại đế
- Tứ đại thiên vương
- Tứ trực công tào
- Tứ đại thiên sư
- Tứ phương thần
- Tứ hải long vương
- Tứ độc long vương
- Tứ đại nguyên soái
- Ngũ phương Yết đế
- Ngũ Đẩu tinh quân
- Ngũ Khí chân quân
- Ngũ Nhạc đại đế
- Lục Đinh Lục Giáp
- Nam Bắc Đẩu tinh quân
- Cửu Diệu tinh quân
- Bát tiên
- Thập nhị Nguyên thần
- Nhị thập bát tú
- Tam thập lục Thiên Thương
- Địa thượng Thiên tiên
- Thần tiêu Chư thần
- Cửu ty Tam tỉnh

*Chi tiết :-

## 1.- DANH HIỆU CỦA NGỌC HOÀNG :-

Ngọc Hoàng Thượng Đế hay Ngọc Hoàng Đại Đế, gọi tắt là Ngọc Đế là vị vua tối cao của bầu trời, là chủ của Thiên đình.

Từ thượng cổ, người Trung Quốc đã tôn thờ một vị vua trên trời, gọi là Thượng Đế. Tuy nhiên từ đời Thương thì Thượng Đế đã hoàn toàn chỉ là một vị thần, không có quyền năng sáng thế. Vị Vua trời này được cho là sống tại một cung điện tại chính giữa bầu trời, tại Thiên Cực Bắc. Đến các triều đại về sau, vị thần này được gọi dưới nhiều danh hiệu khác nhau:

- Hoàng Thiên, Hạo Thiên, Thiên Đế: đời Chu
- Thái Nhất: Thiên quan thư trong Sử ký của Tư Mã Thiên dùng từ này
- Thái Vi Ngọc Đế, Tinh Chủ Thái Vi viên: thời Hán Vũ đế
- Phạm Thiên Ngọc Đế, Đế chủ Thiên Thị Viên: thời Hán Tuyên đế
- Diễm Hoa Thiếu Vi Ngọc Đế, Thiên Tiên Định Vị: thời Hán Ai đế
- Tử Vi Ngọc đế: đời Hán Quang Vũ đế
- Ngọc Hoàng Đạo Quân, Cao Thượng Ngọc Đế: thời Nam Triều
- Hạo thiên Kim khuyết Vô thượng Chí tôn Tự nhiên Diệu hữu Di la Chí chân Ngọc hoàng Thượng đế, Huyền khung Cao thượng Ngọc hoàng Đại đế.
- Đến đời Minh, danh hiệu đầy đủ là: Cao thiên Thượng thánh Đại từ Nhân giả Ngọc Hoàng Đại Thiên tôn Huyền khung Cao Thượng đế. (Nghĩa là Vị thánh tối cao trên đỉnh trời, vô cùng nhân từ, là Vua Ngọc, bậc Thiên tôn vĩ đại, Huyền diệu lớn lao làm chủ trên cao).

Ngoài ra Ngọc Hoàng Thượng đế còn được gọi bằng các tôn hiệu: Thiên Đế, Ngọc Đế, Đế Tể.

## 2.- NGŨ THIÊN ĐẾ:-

Ngũ Thiên đế hay Ngũ đế là năm vị thần trên Thiên đình trong Đạo giáo và tín ngưỡng Trung Quốc

Thuyết thứ nhất về Ngũ thiên đế:

- Bắc phương: Bắc Cực Trung thiên Tử vi Đại đế
- Nam phương: Nam Cực Trường sinh Đại đế
- Đông phương: Đông Cực Thanh hoa Đại đế Thái Ất Cứu khổ thiên tôn
- Tây phương: Thái cực Thiên hoàng Đại đế
- Trung ương: Đại địa chi Mẫu, Thừa thiên Hiệu pháp Hậu thổ Hoàng địa

Thuyết thứ hai về Ngũ thiên đế:
- Bắc Phương Bạch đế là Nhục Thu
- Nam phương Xích đế là Chúc Dung
- Đông phương Thanh đế là Câu Mang
- Tây phương Hắc đế là Huyền Minh
- Trung ương Hoàng đế là Hậu Thổ

## 3.- NGŨ LÃO:-

Ngũ lão Ngũ phương là năm vị thần hoặc các vị thần tiên của năm phương trên Thiên đình trong Đạo giáo và tín ngưỡng Trung Quốc

*Ngũ lão ngũ phương gồm:
- Nam phương Nam cực Quan Âm: Mặc dù Quan Thế Âm là một Bồ tát trong Phật giáo nhưng cũng được Đạo giáo mượn để làm một vị thần tiên.
- Đông phương Sùng Ân thánh đế
- Tiên ông Mười châu Ba đảo, Đông Hoa đế quân (tức Đông vương công, Kim thiền thị, Mộc Công)
- Bắc phương Bắc cực Huyền linh Đẩu mẫu Nguyên quân
- Trung ương Hoàng cực Hoàng giác Đại tiên

## 4.- TRUNG ƯƠNG THIÊN QUAN:-

Trung ương Thiên quan là các vị thần tiên có chức tước tại trên Thiên đình trong Đạo giáo và thần thoại Trung Quốc
- Thiên lý nhãn, Thuận phong nhĩ: Thần có mắt nhìn nghìn dặm, thần có tai nghe theo gió
- Kim đồng, Ngọc nữ
- Lôi công, Điện mẫu (Kim quang thánh mẫu), Phong bá, Vũ soái: Bốn vị thần làm sấm, chớp, gió, mưa
- Du dịch linh quan, Dực thánh chân quân: hai vị thần di chuyển rất nhanh
- Đại lực quỷ vương: quỷ vương có sức lực vô hạn
- Thái bạch Kim tinh: Sứ giả của trời, tinh của Sao Kim
- Xích cước đại tiên
- Quảng Hàn tiên tử (Hằng Nga tiên tử, Thường Nga)
- Ngô Cương, Thiên Bồng Nguyên Soái, Thiên Hựu Nguyên Soái
- Cửu Thiên Huyền Nữ
- Thập nhị Kim thoa
- Cửu Diệu tinh quân
- Nhật du thần, Dạ du thần,
- Thái Dương tinh quân, Thái âm tinh quân,
- Vũ đức tinh quân, Hựu thánh chân quân
- Thác tháp thiên vương Lý Tĩnh
- Kim Tra, Mộc Tra (Huệ Ngạn hành giả)
- Tam đàn Hải hội Đại thần Na Tra tam thái tử
- Cự Linh thần

- Nguyệt lão
- Tả phù Hữu bật
- Nhị lang thần Dương Tiễn
- Thái Ất Lôi Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn
- Vương Thiện Linh Quan
- Tát chân nhân, Tử Dương chân nhân (Trương Bá Đoan), Văn Xương đế quân, Thiên lung, Địa á (trời điếc đất câm)

## 5.- CỬU DIỆU TINH QUÂN:-

Cửu Diệu tinh quân là chín vị thần trông coi Cửu Diệu là 9 thiên thể chuyển động trên bầu trời theo quan điểm thiên văn học Trung Quốc và thần thoại Trung Quốc

*Cửu Diệu tinh quân bao gồm:

- Thái Dương tinh quân: vị thần trông coi Mặt Trời
- Thái Âm tinh quân: vị thần trông coi Mặt Trăng
- Thái Bạch tinh quân: vị thần trông coi Sao Kim, cũng là Thái Bạch Kim tinh
- Mộc Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Mộc
- Thủy Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Thủy
- Hỏa Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Hỏa
- Thổ Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Thổ
- La Hầu tinh quân: vị thần trông coi thực tinh La Hầu
- Kế Đô tinh quân: vị thần trông coi thực tinh Kế Đô

## 6.- TAM QUAN ĐẠI ĐẾ:-

Tam quan Đại đế (三官大帝) hay Tam giới công (三界公) là ba vị thần trên Thiên đình trong Đạo giáo và tín ngưỡng Trung Quốc

*Tam quan Đại đế gồm:

- Thiên quan đại đế
- Địa quan đại đế
- Thủy quan đại đế

Trước kia người Trung Quốc chia Vũ trụ làm ba cõi: Thượng nguyên là Trời, Trung nguyên là Đất, Hạ nguyên là Biển. Tam quan Đại đế trông coi chung ba cõi này. Từ "Trung nguyên" về sau để chỉ riêng đất nước Trung Hoa.

## 7.- TỨ THIÊN VƯƠNG:-

Thiên vương (zh. tiānwáng 天王, sa. devarāja, ja. tennō) được xem như là người canh giữ thế giới, thường được thờ trong các chùa. Truyền thuyết cho rằng các Thiên vương sống trên núi Tu-di (sa. meru), canh giữ thế giới và Phật pháp. Các vị đó chiến đấu chống cái ác và bảo vệ những nơi Phật pháp được truyền bá. Thân thể các vị được áo giáp che chở, đầu mang giáp sắt.

*Có bốn vị Thiên vương (Tứ Thiên vương, sa. catur-mahārāja) ở bốn hướng:

1. Bắc Thiên vương với tên là Đa văn thiên (多聞天, sa. vaiśravaṇa) có thân màu lục, tay trái cầm cờ chiến thắng, tay phải mang tượng chùa hoặc một bảo tháp (mà trong đó – theo truyền thuyết – Long Thụ đã tìm được những bộ kinh dưới Long cung), hoặc một con chuột mầu bạc phun ngọc. Vị Bắc Thiên vương là vị quan trọng nhất trong bốn vị Thiên vương;
2. Nam Thiên vương là Tăng trưởng thiên (增長天, sa. virūḍhaka) có thân màu xanh, cầm gươm chém Vô minh. Vị này chuyên giữ gìn những chủng tử tốt đẹp trong con người;
3. Đông Thiên vương là Trì quốc thiên (持國天, sa. dhṛtarāṣṭra) có thân trắng, tay cầm đàn, tiếng đàn sẽ làm tâm thức con người trở nên thanh tịnh;

4. Tây Thiên vương tên Quảng mục thiên (廣目天, sa. virūpākṣa) có thân màu đỏ, tay phải cầm rắn (sa. nāga) nhưng không cho nó chiếm giữ Như ý châu (ngọc như ý). Ngọc như ý chỉ chuyên dành cho những bậc giác ngộ và rắn chỉ là người canh giữ viên ngọc đó.
Truyền thuyết Trung Quốc đã nhắc các vị này từ thế kỉ thứ 4, nhưng đến đời Đường (thế kỉ thứ 7) người ta mới thật sự thờ cúng các vị Thiên vương. Mỗi vị này có 91 con trai và 8 tướng quân, giúp canh giữ mười phương thế giới. Tương truyền rằng, năm 742, Đại sư Bất Không Kim Cương (sa. amoghavajra, Mật tông) niệm chú Đà-la-ni gọi các vị Thiên tướng xuống giúp chống ngoại xâm. Vị Bắc Thiên vương và Tây Thiên vương hiện xuống đẩy lùi giặc, nhà vua nhớ ơn cho xây tượng các vị trong chùa chiền.

## 8.- TỨ TRỰC CÔNG TÀO:-

Tứ trực Công tào là bốn vị thần trông coi về thời gian trên thiên đình trong thần thoại Trung Quốc
Tứ trực công tào gồm:

- Trực Niên thần Lý Bính: trông coi về năm
- Trực Nguyệt thần Thừa Ất: trông coi về tháng
- Trực Nhật thần Chu Đăng: trông coi về ngày
- Trực Thời thần Lưu Hồng: trông coi về giờ

## 9.- TỨ ĐẠI THIÊN SƯ:-

Tứ đại Thiên sư (四大天師) là bốn vị tiên có vai trò đón tiếp như các vị sứ giả trên thiên đình trong Đạo giáo và thần thoại Trung Quốc
Tứ đại Thiên sư gồm:

- Trương Đạo Lăng thiên sư
- Hứa Tinh Dương chân nhân thiên sư (Hứa Tốn, tự Kính Chi)
- Khâu Hoằng Tế chân nhân thiên sư
- Cát Tiên ông thiên sư Cát Hồng

Đây là bốn vị đạo sĩ có thật, đã từng tu luyện theo Đạo giáo và được tôn lên như là những vị chân nhân, thiên sư.

## 10.- TỨ PHƯƠNG THẦN:-

Tứ phương thần là bốn vị thần trên thiên đình trông coi bốn phương trời đất trong Đạo giáo và thần thoại Trung Quốc
*Tứ phương thần gồm:

- Đông phương Thanh Long Mạnh Chương Thần Quân
- Tây phương Bạch Hổ Giám Binh Thần Quân
- Nam phương Chu Tước Lăng Quang Thần Quân
- Bắc phương Huyền Vũ Chấp Minh Thần Quân

## 11.- TỨ HẢI LONG VƯƠNG:-

Tứ hải Long vương là các vị thần có dạng rồng cai quản bốn đại dương theo thần thoại Trung Quốc.
Hình tượng các long vương vốn có xuất xứ từ Phật giáo, là hiện thân của rắn thần naga được Trung Quốc du nhập và Hán hóa
*Tứ hải long vương bao gồm:

- Đông hải Long vương Ngao Quảng
- Tây hải Long vương Ngao Khâm

- Nam hải Long vương Ngao Thuận
- Bắc hải Long vương Ngao Nhuận

## 12.- TỨ ĐẠI NGUYÊN SOÁI:-

Tứ đại nguyên soái trong thần thoại Trung Quốc là bốn vị thần tướng canh giữ trên thiên đình
Tứ đại Nguyên soái gồm:

- Mã nguyên soái, còn gọi là Mã nguyên quân, Hoa Quang thiên vương, Hoa Quang đại đế
- Triệu nguyên soái, tức là Vũ Tài Thần Triệu Công Minh (Triệu Huyền Đàn)
- Ôn nguyên soái, tức là Ôn Quỳnh, Đông Nhạc Đế Bộ Tướng
- Quan nguyên soái, tức là Quan Vũ, Quan Thánh Đế quân

Trong bốn đại nguyên soái này, Triệu nguyên soái Triệu Công Minh được thờ như là vị thần tài giữ của cải, được các nhà buôn bán thờ. Quan nguyên soái tức Quan Vũ là người có thật, sống vào thời Tam Quốc, được thờ ở rất nhiều nơi.

## 13.- NGŨ PHƯƠNG YẾT-ĐẾ:-

Ngũ phương Yết đế là năm vị thần trong thần thoại Trung Quốc, luôn túc trực để giúp đỡ người tốt.
Ngũ phương Yết đế vốn có nguồn gốc Phật giáo, được người Trung Quốc chuyển thành các vị thần.
Ngũ phương Yết đế bao gồm:

- Kim Quang yết đế
- Cân Đầu yết đế
- Ba La yết đế
- Ba La Tăng yết đế
- Ma Ha yết đế

## 14.- NGŨ NHẠC ĐẠI ĐẾ:-

Ngũ Nhạc đại đế là năm vị thần trông coi Ngũ nhạc - năm ngọn núi thiêng của Đạo giáo tại Trung Quốc, còn gọi là Ngũ Nhạc đế quân
Ngũ Nhạc đại đế gồm:

- Đông nhạc Thái sơn Thiên tề Nhân thánh đại đế: trông coi Thái Sơn
- Nam nhạc Hành sơn Tư thiên Chiêu thánh đại đế: trông coi Hành Sơn
- Trung nhạc Tung sơn Trung thiên Sùng thánh đại đế: trông coi Tung Sơn
- Bắc nhạc Hằng sơn Anh thiên Huyền thánh đại đế: trông coi Hằng Sơn
- Tây nhạc Hoa sơn Kim thiên Nguyên thánh đại đế: trông coi Hoa Sơn

Thần thoại Trung Quốc cho rằng Đông Nhạc đại đế họ Kim Hồng, là cha của tứ nhạc còn lại.
Đông nhạc Thái Sơn là núi chủ, quan trọng nhất trong Ngũ nhạc.
Theo truyện Phong thần diễn nghĩa thì Đông Nhạc đại đế là Võ Thành vương Hoàng Phi Hổ.

## *Năm ngọn núi lớn nổi tiếng:-(ngũ nhạc)

1/- Thái Sơn (chữ Hán: 泰山; bính âm: Tài Shān) là một ngọn núi có giá trị văn hóa và lịch sử tọa lạc tại ở phía bắc thành phố Thái An, tỉnh Sơn Đông, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Đỉnh cao nhất của núi này là 1.545  Đỉnh Hoàng Đế.
Thái Sơn là một trong năm núi linh thiêng của Trung Quốc. Thái Sơn được dân Trung Quốc liên hệ với bình minh, sinh, tái sinh và được xem như thiêng nhất trong năm ngọn núi. Các đền thờ bên sườn núi là điểm đến cho dân hành hương trong 3000 năm qua.
Núi Thái Sơn được nhắc đến trong ca dao của Việt Nam

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra..
*Trong tiểu thuyết Kim Dung, có một môn phái võ đã lấy tên Thái Sơn kiếm phái.

2/- Hành Sơn (tiếng Hoa: 衡山) là một dãy núi dài 150 km ở Hồ Nam, có 72 đỉnh cao với đỉnh cao nhất 1290 m. Đây là một trong các núi linh thiêng của Trung Quốc.

3/- Tung Sơn (giản thể: 嵩山; bính âm: Sōngshān), là một trong năm ngọn núi linh thiêng của Trung Quốc, nằm tại Đăng Phong, Trịnh Châu, Hà Nam, bên bờ sông Hoàng Hà. Ngày 13 tháng 2 năm 2004 được tổ chức UNESCO công nhận là Công viên địa chất thế giới.
(Chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn)
Tung Sơn nằm ở Trung Nguyên, ngày xưa gọi là Trung Nhạc, phía bắc trông ra Hoàng Hà, Lạc Thuỷ, phía nam nhìn ra Dĩnh Thuỷ, Cơ Sơn, phía đông nối với kinh đô Biện Lương của 5 triều đại, phía tây liền với cố đô Lạc Dương của 9 triều đại. Thế cho nên mới được gọi là "Biện Lạc lưỡng kinh, kì nội danh sơn", là đệ nhất danh sơn Trung Nguyên.
Có hơn 30 vị hoàng đế và hơn 150 văn nhân trứ danh đã từng tới thăm Tung Sơn, càng làm cho Tung Sơn trở thành nơi tương tụ của thần tiên. Trong Kinh Thi có câu "Tung cao duy nhạc, Tuấn Cực vu thiên" (núi cao chỉ có Tung Sơn, Tuấn Cực so với trời).
Đỉnh cao của núi là đỉnh Tuấn Cực, cao 1.491,7 m [1] trên mực nước biển. Thiếu Lâm Tự gần đấy là nơi khai sinh Thiền tông và bộ sưu tập các tháp chứa hài cốt của Thiếu Lâm Tự được coi là lớn nhất Trung Quốc hiện nay. Trung Nhạc miếu được xây dựng từ thời nhà Tần là một trong những công trình kiến trúc cổ đại nhất tại Trung Quốc.

4/- Hằng Sơn (tiếng Trung phồn thể: 恆山; giản thể: 恒山; bính âm: Héng Shān) còn gọi là Nguyên Nhạc hay Thường Sơn, nằm ở huyện Hồn Nguyên tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, là một núi trong "Ngũ Nhạc", nên còn gọi là Bắc Nhạc. Đỉnh cao nhất của Hằng Sơn là Thiên Phong Lĩnh cao 2.016,1m[1], miếu thờ chính là miếu Bắc Nhạc, thờ thần Hằng Sơn (Bắc Nhạc đại đế). Tương truyền rằng vua Thuấn khi đi tuần thú tới đây đã phong Hằng Sơn là Bắc Nhạc. Theo Đạo giáo, một trong bát tiên là Trương Quả Lão cũng tu tiên tại đây, và sau cùng, tại đỉnh Hằng Sơn, ông đã cưỡi một chiếc lông bay lên trời. Từ đầu thời kỳ Tây Hán, Hằng Sơn đã có chùa miếu; đến thời kỳ Minh, Thanh thì chùa miếu đã khá đông đúc, với "tam tự, tứ từ, cửu đình các, thất cung, bát động, thập nhị miếu" (ba chùa, bốn đền thờ, chín đình gác, bảy cung, tám động, mười hai miếu). Phong cảnh Hằng Sơn vừa hùng vĩ, vừa hiểm trở với các ngôi chùa kì lạ, các dòng suối đẹp, được Từ Hà Khách (1587-1641) thời nhà Minh ghi chép lại trong Từ Hà Khách du kí. Thời cổ Hằng Sơn có tới 18 thắng cảnh, ngày nay còn tồn tại Triều điện, Hội Tiên phủ, Cửu Thiên cung cùng Kim Long khẩu và Huyền Không tự. Chùa Huyền Không cách cửa núi Hằng Sơn khoảng 3 km, được xây dựng khoảng cuối thời Bắc Ngụy với kiến trúc đặc sắc, có thể khái quát là "kì, huyền, xảo".

5/- Hoa Sơn (华山 hay 華山) là một trong năm ngọn núi thuộc Ngũ Nhạc Danh Sơn của Trung Quốc.
Dáng vẻ của năm ngọn núi nổi tiếng này cũng thật phong phú không giống nhau hay trùng lặp. Thái Sơn như tọa (ngồi), Hành Sơn như phi (bay), Tung Sơn như ngọa (nằm), Hằng Sơn như hành ( đi), Hoa Sơn như lập (đứng).
Hoa Sơn thuộc tỉnh Thiểm Tây, cao 1.997m, là đoạn đông của dãy Tần Lĩnh, toàn đá hoa cương, từ xa vọng về, hình núi dựng đứng như một bông hoa và vì vậy mà có tên là Hoa Sơn, đỉnh chính cao 2.083m, gọi là Thái Hoa Sơn hoặc Tây Nhạc. Hoa Sơn nổi danh là nơi hiểm nguy, thử thách tài nghệ của những dũng sĩ leo núi.
(Lấy từ "http://vi.wikipedia.org/wiki/Tung_S%C6%A1n")

## 15.- NAM-BẮC ĐẨU TINH QUÂN:-

Nam - Bắc đẩu tinh quân là các vị thần trông coi các ngôi sao trong hai chòm Nam Đẩu và Bắc Đẩu trong thần thoại Trung Quốc

Các ngôi sao này có liên hệ mật thiết với môn Tử vi

1/- Nam đẩu tinh quân 6 vị tương ứng với 6 ngôi sao chòm Nam Đẩu, bao gồm:

- Đệ nhất Thiên phủ cung: Tư mệnh tinh quân
- Đệ nhị Thiên tương cung: Tư lộc tinh quân
- Đệ tam Thiên lương cung: Duyên thọ tinh quân
- Đệ tứ Thiên đồng cung: Ích toán tinh quân
- Đệ ngũ Thiên xu cung: Độ ách tinh quân
- Đệ lục Thiên cơ cung: Thượng sinh tinh quân

2/- Bắc đẩu tinh quân 7 vị tương ứng với 7 ngôi sao chòm Bắc Đẩu, bao gồm:

- Bắc đẩu đệ nhất Dương Minh Tham lang tinh quân
- Bắc đẩu đệ nhị Âm Tinh Cự môn tinh quân
- Bắc đẩu đệ tam Chân Nhân Lộc tồn tinh quân
- Bắc đẩu đệ tứ Huyền Minh Văn khúc tinh quân
- Bắc đẩu đệ ngũ Đan Nguyên Liêm trinh tinh quân
- Bắc đẩu đệ lục Bắc Cực Vũ khúc tinh quân
- Bắc đẩu đệ thất Thiên Quan Phá quân tinh quân

## 16.- CỬU DIỆU TINH QUÂN:-

Cửu Diệu tinh quân là chín vị thần trông coi Cửu Diệu là 9 thiên thể chuyển động trên bầu trời theo quan điểm thiên văn học Trung Quốc và thần thoại Trung Quốc

*Cửu Diệu tinh quân bao gồm:

- Thái Dương tinh quân: vị thần trông coi Mặt Trời
- Thái Âm tinh quân: vị thần trông coi Mặt Trăng
- Thái Bạch tinh quân: vị thần trông coi Sao Kim, cũng là Thái Bạch Kim tinh
- Mộc Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Mộc
- Thủy Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Thủy
- Hỏa Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Hỏa
- Thổ Đức tinh quân: vị thần trông coi Sao Thổ
- La Hầu tinh quân: vị thần trông coi thực tinh La Hầu
- Kế Đô tinh quân: vị thần trông coi thực tinh Kế Đô

* Thái Bạch Kim Tinh:- là tên một vị thần trong thần thoại Trung Quốc.

Vị thần này theo truyền thuyết có họ Lý, hình dáng là một ông già râu bạc áo trắng, là Tinh chủ của Sao Kim, ngôi sao sáng nhất vào chập tối và buổi sáng, vì thế gọi là Lý Thái Bạch. Chính vì thấy Sao Kim xuất hiện đầu tiên của buổi đêm và ban ngày, nên Thái Bạch Kim Tinh được cho là sứ giả của Thiên đình, và gọi là Lý Trường Canh.

## 17.TỨ TƯỢNG

(Nhị thập bát tú)

Nhị thập bát tú (二十八宿) là 28 "Tú = chòm sao" (宿 Xiu) nằm trên Hoàng đạo theo cách chia của thiên văn học Trung Quốc cổ đại.

Hoàng đạo được chia thành 4 phần, hay Tứ Tượng (四象), gắn với một con vật, và mỗi phần có bảy "Tú"

## 18.- ĐỊA THƯỢNG THIÊN TIÊN:-

Địa thượng Thiên tiên là tên gọi chung cho các vị thần tiên Trung Quốc được cho là thuộc về dòng Địa tiên, nghĩa là tu hành thành tiên và ngụ trên mặt đất chứ không phải lên trên trời.

*Một số vị Địa tiên:

- Khương Tử Nha (cũng là Đông Hoa đế quân, thời cổ cho là Mộc Công)
- Bồng Lai tam tiên, hay Phúc Lộc Thọ tam tinh: Phúc thần thiên quan đại đế, Tài thần Triệu Công Minh, Thọ tinh Nam cực tiên ông, Nữ thọ tinh là Ma Cô
- Chân Vũ đại đế, Cửu thiên Hàng ma Nguyên soái, Huyền Vũ nguyên soái
- Quy xà nhị tướng (Thái huyền Thủy tinh Hắc linh tôn thần, Thái huyền Hỏa tinh Xích linh tôn thần)
- Tiểu Trương thái tử, Ngũ đại thần long
- Lê Sơn lão mẫu
- Trấn Nguyên Tử Dữ Thế Đồng Quân đại tiên

*KHƯƠNG TỬ NHA :




Khương Tử Nha là tên chữ của Khương Thượng, là đại tướng quân thống lĩnh quân đội nhà Chu đời Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương. Khương Tử Nha được biết đến như một vị tướng tài vĩ đại và là người góp phần lập lên sự nghiệp nhà Chu kéo dài hơn 800 năm, là triều đại kéo dài nhất trong lịch sử Trung Quốc và nhân loại.

1/- Một số tên gọi khác

Khương Tử Nha 姜仔呀còn được dân gian và các nhà nghiên cứu lịch sử gọi bằng nhiều tên khác như: Khương Thái Công; Thái Công Vọng (tên này nguồn gốc từ truyền thuyết); Lã Vọng (chả cá Lã Vọng ở Hà Nội có tên xuất phát từ đây)...

2/-Lịch sử

Khương Tử Nha sống ở giai đoạn lịch sử cuối nhà Thương, đầu nhà Chu ở Trung Quốc. Ông là người có tài thao lược, cầm quân khi tuổi đã già, tóc đã bạc nhưng đã thống lĩnh quân đội nhà Chu phò vua Chu Văn Vương (Cơ Xương) chống lại triều đình nhà Thương, bây giờ đã suy tàn trong tay Trụ Vương. Trong khi cuộc chiến đấu lật đổ chính quyền nhà Thương còn dang dở thì Chu Văn Vương qua đời, Khương Tử Nha tiếp tục phò vua Chu Vũ Vương (là Cơ Phát, con của Cơ Xương lên nối ngôi). Cho đến khi sự nghiệp lật đổ nhà Thương hoàn thành, nhà Chu được thành lập, Khương Tử Nha làm Tướng Quốc.

Giai đoạn đó, lịch sử Trung Quốc còn rất sơ khai, các dữ liệu lịch sử cho đến nay chủ yếu dựa vào các truyền thuyết dân gian. Nhưng hiện nay vẫn còn một bản lưu được cho là binh pháp của Khương Tử Nha có tên là: Lục Thao, đây có thể nói là bộ binh pháp lâu đời nhất của Trung Quốc và nhân loại. Một số người coi binh pháp này là bằng chứng thuyết phục nhất chứng minh sự tồn tại có thật của nhân vật Khương Tử Nha.

3/- Truyền Thuyết
Dân gian thì vẫn lưu truyền những câu truyện thần thoại, truyền thuyết vô cùng huyền bí về Khương Tử Nha. Thậm chí còn có cả một bộ sách truyền thuyết Phong Thần nói xoay quanh Khương Tử Nha và cuộc chiến Chu - Thương. Theo truyền thuyết, Khương Tử Nha là một người có pháp thuật cao siêu, sau khi hoàn thành sứ mệnh phò Chu diệt Thương đã được phong làm quan trên thiên đình và ông chính là Thái Thượng Lão Quân. (chú thích nguồn gốc?) (Một số truyền thuyết lại nói rằng Thái Thượng Lão Quân chính là Lão Tử, cha đẻ của đạo Lão).
Bấy giờ, Cơ Xương nuôi chí lật đổ nhà Thương, đi khắp nơi tìm kiếm người hiền tài. Một hôm, lên núi Bàn Khê thấy Khương Tử Nha ngồi câu cá với một lưỡi câu thẳng. Thấy lạ, Cơ Xương mới hỏi: "ông lão, sao câu cá bằng lưỡi câu thẳng thế thì câu sao được?". Khương Tử Nha mới trả lời: "Lưỡi câu bình thường chỉ câu được cá, lưỡi câu này mới câu được minh chủ." (Một truyền thuyết khác nói rằng có người tiều phu hỏi ông sao câu được cá với lưỡi câu thẳng, ông trả lời rằng ông không câu cá mà câu Công, câu Hầu). Thấy vậy Cơ Xương mới đem những chuyện thế cuộc ra hỏi, quả nhiên Khương Tử Nha trả lời thông suốt cho thấy những kiến giải siêu phàm thế là từ đó Khương Tử Nha theo phò Cơ Xương. Lúc bấy giờ ông đã 80 tuổi.
Trong cuộc chiến Chu - Thương, nhà Chu còn có sự trợ giúp của các tướng nhà trời khác như: Nhị Lang Thần, cha con Tháp Lí Thiên Vương - Na Tra thái tử... Trong khi đó phía nhà Thương cũng được sự trợ giúp của Cửu Vĩ Hồ, Thân Công Báo...
Cuộc chiến là một câu chuyện truyền thuyết về những cuộc so tài phép thuật và mưu lược sinh động, hấp dẫn mà các nhân vật trong đó còn ảnh hưởng tới cả các truyền thuyết khác.
4/- Binh pháp Lục Thao
Lục Thao có thể nói là bộ binh pháp lâu đời nhất của Trung Quốc và nhân loại. Còn gọi là Binh Pháp Thái Công. Trong sách Chiến Quốc, các tướng quân cũng thường coi sách Lục Thao như sách giáo khoa về binh pháp.
Bộ binh pháp Lục Thao gồm 6 quyển:
Quyển I: Văn Thao - gồm 12 thiên.
Quyển II: Võ Thao - 5 thiên.
Quyển III: Long Thao - 13 thiên.
Quyển IV: Hổ Thao - 12 thiên.
Quyển V: Báo Thao - 8 thiên.
Quyển VI: Khuyển Thao - 12 thiên.
*BỒNG LAI:-
Bồng Lai (tiếng Trung:蓬莱市, Hán Việt: Bồng Lai thị) là một thị xã của địa cấp thị Yên Đài, tỉnh Sơn Đông, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Thị xã này có 374.400 nông dân và 75.600 làm việc trong những lĩnh vực khác. Thị xã Bồng Lai nằm bên vịnh Bột Hải và có hải cảng, là hải cảng đầu tiên ở bán đảo Sơn Đông mở cửa cho ngoại quốc trong thập niên 1800.

## 69.THẠCH CẢM ĐƯƠNG
石敢當

「泰山石敢當」在元朝已流行。
古人認為：泰山乃五嶽之首，東嶽泰山是管理妖魔鬼怪之神；同時，泰山是群山之尊，統轄眾山，又是古帝王封禪大典所在地，加“泰山”二字更神聖化。但因為石敢當愈大則法力愈強，而師傅做的泰山石敢當越大型則越容易“受傷”，因此一些地方只在石上刻“石敢當”三個字。
傳說石敢當是古代的大力神，專司抓鬼鎮邪，破邪驅魔，在門前立“石敢當”，能辟邪。民間亦有稱“石敢當”為“石將軍”者，把它當做勇敢和力量的象徵。石敢當既是壓煞

禳災的神物、鎮物，也就具有威懾力和帶有神秘的色彩。
《輟耕綵》記載：「今人家正門適當巷陌橋道之衝，則立一小石將軍，或植一小石碑，鐫其上曰石敢當，以厭禳之。」
西漢史游《急就章》云：「石敢當。」顏師古注曰：「衛有石偕、石買、石惡；鄭有石制，皆為石氏；周有石速；齊有石之紛如，其後亦以命族。敢當言所向無敵也」。可見拜石敢當，係取所向無敵之意，把疾病、災難等煞氣擋住。
社稷之神即四方之神，這是中國各處鄉村都有的，不必細表。
墟市和鄉村的街巷，其排列有時並不整齊，加以屋宇興建年代不同，有些地點，成為街巷直衝之所，或
變為彎折角落。堪輿學認為這些地點不佳，而習俗亦認為它是陰氣聚集，鬼魅出沒之所，對居住在鄰近或路經該處的人，會有不良影響。為了阻擋煞氣，和避邪鎮
妖，多在該處樹立石敢當的碑。
石敢當的信仰並不只是一種迷信，而是長久以來，我們祖先與天抗爭、克服惡劣環境的一種精神防衛系
統。『石敢當』自然就成為民間信仰的精神標誌了。人們認為石敢當是鎮壓凶地之物，只要在住宅、通衢要道、山頂、巷陌、沼地、三叉路口、橋頭、海邊，豎立著『石敢當』，就可以鎮妖、避邪、制煞、拍穢、止風、止煞，所以，紛紛於自家壁上、屋角及村落四周、路沖地帶、荒郊野外，海邊港口安放了『石敢當』，以求平
安。也習慣在“路沖”之處的房屋牆上或閘前立“石敢當”。如住宅朝巷口正中（即丁字街口）的，必須於朝巷（街）正中的牆面上立上一個“石敢當”，以避開路
箭的銳氣，祈求闔家平安，成為南方民間建築的一個特色，十分奇特。如今，有的則於巷口的牆下，築一座祀土地公的小廟或刻“泗洲佛”像替代，道教信眾認為可
以避邪。
其碑文共有九種：石敢當、太山石敢當、泰山石敢當、鎮邪石敢當、伏魔石敢當、安全石敢當大吉、魯班作用太山石敢當、泰山石敢當止風制煞、太極福祿壽全拍穢石敢當制煞。
石敢當的祭祀，據說起於皇帝，皇帝蚩尤之戰，因蚩尤角頭崢嶸，所向無敵，不免狂妄自大、目中無
人，一日，登泰山高呼「天下誰敢當」，女媧娘娘認為他自傲無禮，有心懲治一番，於是投下練石一粒，上刻「太山石敢當」五字，蚩尤拼盡全力卻不能損其一角，
於是落荒而逃，此後皇帝遍立「太山石敢當」於天下，蚩尤一見，畏懼潛逃，後於涿鹿被擒。民間即以此典故，豎立太山石敢當於三叉路口或門外，以防止陰邪直衝
民宅。
又一說它是泰山腳下的一位猛士，姓石名敢當，好打抱不平，降妖除魔所向無敵，豪名遠播。一日，泰
安南邊大汶口鎮張家，其年方二八的女兒因妖氣纏身，終日瘋瘋癲癲，多方醫治未見起色，特求石敢當退妖，當晚石敢當就嚇跑了妖怪。妖怪逃到福建，一些農民被
它纏上了，請來石敢當，妖怪一看又跑到東北，那裏又有一位姑娘得病了又來請他。石敢當想：這妖怪我拿它一回就跑得老遠，可天南地北這麼大地方，我也跑不過
來。乾脆，泰山石頭多，我找個石匠打上我的家鄉和名字：“泰山石敢當”，誰家鬧妖氣就把它放在誰家的牆上，那妖怪就跑了。從此傳開，大家知道妖怪怕泰山石
敢當，就找了塊石頭或磚頭刻上“泰山石敢當”來嚇退妖怪。



中國古代很多地方已有這個習俗。
漢元帝時史游所作兒童識字課《急就篇》第二章已有「石敢當」字句。
唐代出現石碑式的石敢當，唐大曆五年的一塊石銘，上刻「石敢當」，鎮百鬼，壓災殃，官利福，百姓康，風教盛，禮樂張。
宋代施青臣的《繼古叢編》稱：「吳民廬舍，遇街衢直衝，必設石人或植石片，刻（石敢當）以鎮之。」後來，泰山是五嶽之首，被看為神山，泰山之神有巨大鎮壓鬼魅之力，故合成為「泰山石敢當」。
凡鑿「石敢當」，須擇冬至日後之甲辰、丙辰、戊辰、庚辰、壬辰、甲寅、丙寅、戊寅、庚寅、壬寅此十日，乃龍虎日用之吉，鑿成至除夜用生肉三片祭之，於新正寅時立於門首以當巷道衝射者，立時莫與外人見也。
“石敢當”形態質樸粗獷，並不事精雕細琢。最簡單的，是直接在一石碑上刻“石敢當”三個字；有的則在碑身加上其他的神祇或符號圖案以增強辟邪功效，如在上半部分畫著一個虎頭，有的則將石頭雕刻成獅頭等造型，有的刻上八卦等。
古制「石敢當」高四尺八寸，闊一尺二寸，厚四寸，埋土中八寸，實高四尺。後則簡以橢長石頭代之。
凡道路衝宅用大石一塊，上刻「泰山石敢當」化解。
凡家宅遇神廟，寺廟相衝射，大凶，可用大石一塊，以硃砂書寫「玉清」二字化解。
凡宅舍有木箭衝射者，主凶，用鉛斧鑿鋸柏木板一尺二寸，硃書「魯班作用」四字，掛於中堂，吉。
凡宅向探頭山，主犯賊盜，可用大石一塊，以硃砂書寫「玉帝」二字，安四吉方鎮之。
凡定宅在寺前廟後，主人淫亂，可用大石一塊，以硃砂書寫「天蓬聖后」四字置於庭中。
凡鬼箭衝宅者，主凶，用石一塊，以硃砂書寫「雷殺」二字鎮之。
凡遇廟宇房脊衝宅者，主凶，用石一塊，以硃砂書寫「攝氣」二字鎮之。
凡旁鄰屋脊射宅者，用大石一塊，以硃砂書寫「乾元」二字鎮之。
凡門戶碓磨相衝，用大石一塊，以硃砂書寫「乾罡戊己」四字鎮之。
凡房兩頭接屋者，用大石一塊，以硃砂書寫「天通」二字鎮之。

凡修造犯太歲穿宅，用赤石一百斤埋犯處化解，用天德土一升與太歲土一升作「泥人」一個送入廟中吉。
凡人誤用神廟木料者，主邪，以硃砂書寫「金剛」二字於上。
將麒麟牌，安在門上，主生「貴子」。
用「八卦牌」、「鍾馗圖」、「七星劍」置於廳桌上，可辟邪，可斬鬼魅。
用「黃飛虎偶」、「蚩尤偶」、「鴟尾脊」置於屋脊上，可驅邪、鎮災、辟火。
用「麒麟牌」、「獅牌」、「虎牌」、「八仙綵」、「八卦牌」、「北帝符」、「玄天皂旗」安在門上，代表瑞泰的意思，可辟邪、鎮宅。



THẠCH CẢM ĐƯƠNG

*Quan niệm về 「Thái Sơn Thạch Cảm Đương」 (đá núi Thái Sơn ngăn chận mạnh mẽ) đã có từ thời đại nhà Nguyên, được lưu hành khá phổ biến.
Người xưa cho rằng, Thái Sơn là đứng đầu ngũ nhạc, Thần Đông Nhạc của Thái Sơn là vị quản lý tất cả yêu ma quỉ quái trên trần gian. Đồng thời, Thái Sơn cũng ở ngôi vị trên cao nhất, thống trị tất cả các núi lớn nhỏ khác. Những vị đế vương thời cổ đại làm lễ "tế trời" trong thể tại đó, nên phong cho danh hiệu "Thái Sơn" (núi lớn nhất) đã thần thánh hóa ngọn núi nầy.
-Từ đó, mọi người đều tin tưởng rằng, "đá" của Thái Sơn có năng lực vô cùng to lớn, có thể hóa giải, trừ khử mọi tà ma ám khí, mang lại sự hanh thông cho con người ở khu vực đó. Nhưng việc tạo hình và di chuyển khối đá lớn của Thái Sơn đến vị trí ấy, có thể làm cho "đá Thái Sơn" bị tổn thương, vừa tốn công sức vừa bị mất năng lực thần thánh của nó, cho nên, đơn giản hóa bằng cách , khắc ba chữ "THẠCH CẢM ĐƯƠNG" trên tấm đá, rồi an trí ở chỗ cần là được rồi.
*Theo truyền thuyết, Thạch Cảm Đương là vị thần "đại lực", có năng lực bắt quỉ trừ tà, đuổi ma phá ác. Cho nên, trước nhà có tấm bia đá "Thạch Cảm Đương" là tránh khỏi mọi thứ tác hại của tà ma quỉ quái. Dân gian còn tôn xưng Thạch Cảm Đương là "Thạch Tướng Quân" bởi muốn nói lên tính hùng mạnh và can đảm của Thân. Từ đó, Thạch Cảm Đương chứa đựng nhiều màu sắc thần bí , vừa là thần vật trấn yểm, thần vật giải trừ tai nạn, ban cho sức mạnh v.v…
*Trong sách "Chuyết Canh Thái" có viết :- "Người nay cho rằng, trước cửa nhà là địa điểm tập trung trăm ngàn cầu đường tụ hội về, manh nhiều ác khí đến. Do dó, để hóa giải ác khí nầy, thì hoặc là tạo hình một tượng nhỏ Tướng Quân bằng đá, hoặc chôn một tấm đá nhỏ, trên khắc ba chữ Thạch Cảm Đương để trấn yểm hung khí ấy".
*Sử Du đời Tây Hán , trong sách "Cấp Tựu Chương" đã dựa vào cổ chú của Nhan Sư để giải thích ba chữ Thạch Cảm Đương như sau :-"Đời Vệ có Thạch Hài, Thạch Mãi, Thạch Ác, đời Trịnh có Thạch Chế, đời Chu có Thạch Tốc, đời Tề có những nhánh họ Thạch … đều là

những người họ Thạch có sức mạnh vô địch, dám đương đầu với mọi lực lượng khác. Như vậy, ý tứ trong ba chữ Thạch Cảm Đương là muốn nói đến sức mạnh vô địch, xua đuổi hết mọi tật bệnh, tai nạn, tà khí v.v…, đem lại sự bình an may mắn cho gia đình. Thần của xã tắc tức là thần của bốn phương, cho nên tất cả làng mạc nông thôn Trung Quốc đều có bia đá nầy, không cần biết là có hay không trong "sách cúng tế".
Các đường sá hoặc con hẻm ở nông thôn và nhất là thành thị, nhà cửa được xây dựng nhiều kiểu vẻ, nhiều thời điểm khác nhau, tạo thành những thế trực xung hoặc góc cạnh nhọn đâm vào nhà ở. Theo các nhà phong thủy cho rằng, hình thế như vậy là không tốt cho người trong nhà, tập tục thì cho rằng có nhiều âm khí tụ tập, là nơi phát sinh ra quỉ mị… tạo kết quả không tốt cho nhà cửa hoặc khu vực đó. Vì thế, nhiều nơi tạo lập bia đá Thạch Cảm Đương để trấ yểm hóa giải nhược điểm nầy.
*Mặt khác, tín ngưỡng Thạch Cảm Đương không phải hoàn toàn là sự mê tín, mà nó nói lên tinh thần "khắc phục khó khăn gian khổ, chống chỏi lại sự đàn áp của thiên nhiên" mà thành hình "mô- túyp" độc đáo này.
*Thạch Cảm Đương thường thấy xuất hiện ở:-
-trước cửa nhà
-đường giao thông quan trọng
-trên đỉnh núi
-các đầu hẽm ở thành phố
-các hồ ao
-các ngã ba ngã tư
-dầu cầu
-bờ biển …

Như vậy, năng lực của Thạch Cảm Đương đã mở ra rất rộng rãi, thêm nhiều chức năng như :- trân yêu, đuổi tà, khắc chế hung sát, trừ uế trược, ngừng gió, ngăn chết chóc…Cho nên , bia đá có thể đặt thêm ở ngoài vách, các góc nhà, góc đường, bốn phía của khu vực dân cư, cánh đồng vắng vẻ, cửa cảng tàu thuyền …



*Quan trọng nhất là khi một căn nhà bị "trực tiễn sát" (mũi tên bắn thẳng) thì cách hóa giải hữu hiệu nhất là , đặt bia đá Thạch Cảm Đương ngay trước cửa, hoặc trên bức tường ngay chỗ bị xung, để hóa giải sát khí.
Bên cạnh Thạch Cảm Đương, người ta còn có lối xây cất rất đặc biệt nữa là, ở ngay đầu tường đi vào con hẽm, xây một "Miếu Thổ Địa" hoặc "Tượng Tứ Châu Phật" cũng có khả

năng trấn yểm, hóa giải hung sát cho toàn bộ cư dân trong hẽm.
*Về chữ ghi trong bia đá thì có :- Thạch Cảm Đương, Thái Sơn Thạch Cảm Đương (hai loại , chữ Thái (太) nghĩa là lớn và chữ Thái (泰)nghĩa là bình yên), Trấn tà Thạch Cảm Đương, Phục Ma Thạch Cảm Đương, An Toàn Thạch Cảm Đương, Lỗ Ban Tác Dụng Thái Sơn Thạch Cảm Đương, Thái Sơn Thạch Cảm Đương Chỉ Phong Chế Sát( ngừng gió), Thái Cực Phước Lộc Thọ Toàn Phách Uế Thạch Cảm Đương Chế Sát .
*Việc cúng tế Thạch Cảm Đương có nguồn gốc từ thời Huỳnh Đế. Theo truyền thuyết , khi vua Huỳnh Đế đánh nhau với Xuy Vưu, thì hắn có đầu sừng dữ tợn, sức mạnh vô địch, cuồng vọng lớn lao, dưới mắt không người. Một hôm, hắn leo lên đỉnh núi Thái Sơn, hô to "Có ai trong thiên hạ dám đương đầu với ta chăng ?". Nữ Oa Nương Nương thấy hắn quá ngạo mạn vô lễ, trong tâm muốn trừng trị hắn một phen, nên luyện thành một tấm bia đá, trên có khắc năm chữ "Thái Sơn Thạch Cảm Đương" (đá Thái Sơn dám đương đầu), giúp Huỳnh Đế dùng tấm bia ấy phá vỡ thần lực của Xuy Vưu, khiến hắn hoảng sợ bỏ chạy mất. Sau đó, Huỳnh Đế ban truyền trong dân gian thiết lập bia đá khắc "Thái Sơn Thạch Cảm Đương" chôn ở khắp nơi, Xuy Vưu đến đâu cũng trông thấy mà lánh xa, sau hắn bị bắt ở Trác Lộc. Dân gian nương theo điển tích nầy mà thành lập bia đá Thạch Cảm Đương đặt trước cửa nhà hoặc ngã ba bị xung để hóa giải âm tà trực xung vào nhà mình.
*Có một truyền thuyết khác, nói rằng dưới chân núi Thái Sơn có một dũng sĩ họ Thạch tên là Cảm Đương, hay trừ yêu quái tà ma, giúp đỡ dân chúng quanh vùng, danh tiếng nổi lên rất xa. Ngày nọ, có nhà họ Trương ở Trấn Đại Vấn Khẩu, phía nam Thái An. Ông ta có người con gái tuổi vừa đôi tám (16 tuổi), bị yêu khí bám vào người lên cơn điên khùng, đã nhờ nhiều danh y chữa trị mà không khỏi. Sau cùng cậy nhờ Thạch Cảm Đương đến giúp, yêu quái mới chạy trốn về Phước Kiến. Nơi đây, có một nông dân trông thấy, lại thỉnh Thạch Cảm Đương đến đuổi đi, yêu quái lại chạy về hướng Đông Bắc. Lúc ấy, ở đó có một cô gái cũng bệnh tương tự, gia đình đến thỉnh Thạch Cảm Đương trị giúp. Thạch Cảm Đương suy nghĩ, " con yêu quái nầy bị ta đuổi chạy khắp nơi từ Nam chí Bắc, chăng lẽ mình cứ đuổi theo nó mãi sao, chuyện ấy mất công sức nhiều quá.Thôi thì, đá núi Thái Sơn có rất nhiều, chi bằng ta lấy những tấm đá nầy, khắc vào đó tên địa phương cùng với hàng chữ "Thái Sơn Thạch Cảm Đương", rồi đưa cho họ đem về đặt ở cửa nhà, thì yêu quái chắc không dám mò tới". Nghĩ rồi, thực hiện theo ý đó, kết quả rất tốt. Câu chuyện nầy được truyền tụng khắp nơi, từ đó hình thành tập quán nơi nào cũng có đặt bia Thạch Cảm Đương để phòng trừ tà ma yêu quái.
*Đời Hán Nguyên Đế, Sử Du làm sách học cho nhi đồng tên là "Cấp Tựu Thiên", trong chương thứ hai có câu "Thạch Cảm Đương…" rồi.
-Đời Đường xuất hiện hình thức bia đá ghi chữ Thạch Cảm Đương. Năm Đại Lịch thứ năm đời Đường có tấm bia đá, trên ghi :- "Thạch Cảm Đương, trấn bá quỉ, áp tai ương. Quan lợi phước, bá tánh khang, phong giáo thịnh, lễ nhạc trương" (Thạch Cảm Đương, trấn trăm quỉ, giải tai ương, quan được phước, dân được an, đạo đức thịnh, lễ nhạc hưng).
-Đời Tống, Thanh Thần trong tập sách "Kế Cổ tùng biên" có viết :- " Nhà dân trong xóm ấp, nếu bị đường sá đâm thẳng vào, phải tạo một thạch tượng hoặc dùng một tấm đá, trên khắc chữ Thạch Cảm Đương để trấn yêm".
*Như vậy, ta thấy rõ quá trình hình thành từ việc thần hoá núi Thái Sơn lên làm đầu ngũ nhạc, trở thành ngọn núi thần. Rồi Thần núi Thái Sơn có năng lực to lớn, hàng phục yêu quái ma quỉ. Kế đó tiến dần đến tập tục bia đá ghi Thái Sơn Thạch Cảm Đương …
*Muốn tạo bia Thạch Cảm Đương thì phải chọn sau tiết Đông Chí (khoảng cuối tháng 11 âm lịch) vào các ngày sau :- Giáp Thìn, Bính Thìn, Mậu Thìn, Canh Thìn, Nhâm Thìn hay Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm Dần để khởi công, ý nói là chọn ngày "Long Hổ Nhật" mới tốt. Phải làm cho xong trước đêm giao thừa, dùng giờ Dần sắm bày lễ vật "bộ tam sênh" (tam sanh) để cúng vái Đất Đai rồi chôn tấm bia nơi cần đặt. Lúc làm không để người ngoài thấy, mới có hiệu quả tốt.

-Vì chất đá quá thô cứng sù sì, không thể chạm khắc nhiều và tỉ mĩ được, nên đơn giản hóa khắc ba chữ "Thạch Cảm Đương" là đủ. Nếu có khả năng, có thể trang trí khắc thêm những hình thức trừ tà khác như :- đầu cọp, hình bát quái đồ, hoặc tạc đầu tượng đá thành hình đầu sư tử v.v… càng tốt.
*Ngày xưa chế tạo Thạch Cảm Đương theo kích cỡ cao bốn thước tám tấc (thước Tàu = 0, 42 cm) , ngang một thước hai tấc, dày bốn tấc. Chôn sâu tám tấc, còn lại chiều cao thực là bốn thước. Về sau nầy cho đến nay, tùy theo khả năng mà làm lớn nhỏ cũng được.
*Tóm lại, những trường hợp sau cần phải đặt bia đá để hóa giải ác khí :-
-cần hóa giải hung sát bị đường sá đâm thẳng vào nhà ở, khắc chữ "Thái Sơn Thạch Cảm Đương". Hoặc dùng tấm ván bằng cây bách cao hai tấc, dùng chu sa viết bốn chữ "Lỗ Ban Tác Dụng" rồi treo ở trung đường ngôi nhà, cũng hóa giải tốt.
-nhà có đình, chùa, miếu, phủ xung chiếu, đại hung, dựng bia đá trên viết hai chữ "Ngọc Thanh" bằng chu (châu) sa để hóa giải. (hoặc hai chữ Nhiếp Khí cũng được)
- Ngay trước cửa nhà có đỉnh núi, là phạm vào bị đạo tặc, dùng bốn khối đá trên có viết hai chữ "Ngọc Đế" bằng chu sa , trấn yểm bốn phương nhà để hóa giải.
-Nhà ở trước chùa sau Miếu, chủ về người trong nhà dâm loạn, hóa giải bằng cách viết trên khối đá bốn chữ "Thiên Bồng Thánh Hậu" đặt ở trong sân nhà.
-Phàm nhà ở phạm "quỉ tiễn" (mũi tên quỉ) xung thẳng, dùng khối đá viết hai chữ "Lôi Sát" để hóa giải.
-Nhà bị cây đòn dông nhà đối diện đâm vào, dùng khối đá viết hai chữ "Càn Nguyên" để hóa giải.
-"Lưỡng môn đối diện, chủ gia bất hòa" , dùng khối đá viết bốn chữ "Càn Cương Mậu Kỷ" để hóa giải.
-Phòng ngủ bị xung chiếu, dùng khối đá viết hai chữ "Thiên Thông" để hóa giải.
-Phàm cất nhà phạm phương Thái Tuế, dùng một trăm cân (Tàu) đá đỏ để chôn vào phương bị phạm để hóa giải. Rồi dùng một thăng (lít Tàu) "Thiên Đức Thổ" (đất Thiên Đức) và một thăng "Thái Tuế Thổ" (đất Thái Tuế) năn thành "tượng người bằng đất" đem cúng vào miếu thờ thì hóa giải rất tốt.
-Lỡ không biết dùng nhầm vật liệu cây gỗ của Đình Miếu để làm vật dụng nhà mình, không tốt, dùng chu sa viết hai chữ "Kim Cương" trên món đồ đó để hóa giải.
-Trên cổng nhà, đặt tượng "kỳ lân" chủ sanh quí tử.
-Dùng tượng "Bát Quái Đồ", "Ảnh Tượng Chung Quỳ", "Kiếm Thất Tinh" treo ở trước cửa để trừ tà phá ác, trấn yểm quỉ mị.
-Dùng các ảnh tượng "Vợ chồng Hoàng Phi Hổ" hay "Vợ chồng Xuy Vưu", tượng "Chi Vĩ Tích" đặt ở nóc mái nhà dể trừ tà, tiêu tai, tránh hỏa hoạn.
-Dùng các ảnh tượng như :- Kỳ Lân, Sư Tử, Hổ Thần, Bát Tiên, Bát Quái Đồ, Bắc Đế Phù, Huyền Thiên Tạo Kỳ (cờ Huyền Thiên) treo phía trên cửa, tượng trưng cho sự an lành , trừ tà ma, trấn trạch bình an.
*Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## *PHỤ LỤC
## THÁI SƠN THẠCH CẢM ĐƯƠNG
### (Bán ở Hà Nội)

... Giữa trăm nghìn chuyện xảy ra thường ngày trong cơn lốc của cơ chế thị trường thời "thả cửa" - thả nổi mọi quan niệm đạo đức truyền thống, bản sắc văn hóa cũng như phong tục là bên cạnh cơn sốt đất, nhà sốt, một xây dựng nhà cửa đô thị, sáng sáng của người Hà Nội là cơn sốt ... dựng các tấm bia đá trong nhà, ngoài sân, vỉa hè, lòng đường vách tường, góc bếp dòng Trên tấm. đá có khắc chữ "Thái Sơn Thạch Cảm Đương" (hiểu nôm na dân dã có nghĩa là Thần Núi Thái Sơn đang trấn giữ ở đây) Thôi thì. đủ hình, đủ dạng, đủ vẻ, tấm lớn, tấm

nhỏ, tấm vuông, tấm vật , tấm cao, tấm thấp, dài, ngắn, dày, mỏng, trang trí hoa văn khác nhau, rất chi là ... phản phong mỹ tục Vì tò. mò, trong tôi bữa tiệc tân gia khánh thành ngôi nhà mới ba tầng có hỏi một gia chủ ở gần khu vực chợ Bưởi (quận Tây Hồ):
- Cụ chôn tấm đá này để làm gì, thưa cụ?
Ông ta huỵch luôn toét:
- Dấu chấm, thế mà cũng hỏi, để trừ hậu họa, biến hung thành cát chứ sao Ngày xưa khi xây chùa Một Cột,? Dựng ngọn Tháp Bút, vua tôi nhà Trần chả phải chôn tấm đá Thái Sơn dưới chân ngọn Tháp Bút đó sao Chính nhờ thần. núi Thái Sơn trấn giữ mà hàng nghìn năm, qua bao chấn động biến thiên của lịch sử, hết kháng Nhật, địch Thanh, đánh Mỹ, đuổi Pháp vv ... chùa có hề hàn gì đâu? khi Trọng bao nhiêu chiến chùa trong cả nước bị tàn phá tan hoang.
Tìm hiểu hóa ra ông ta là người Việt gốc Hoa, gia đình ông xưa kia từng có 9 cửa hàng trên đất Trung Hòa Vì người cha sa đà nghiện hút,. Gái gú, cờ bạc mà mất trắng, ông ta phải theo mẹ lưu lạc sang Việt Nam từ năm 8,9 tuổi, làm đủ nghề, cuối cùng dừng lại ở nghề bán phở. Bốn con trai, gái một con, chỉ còn cậu út ngoài 30 chưa lấy vợ chịu, còn tái dâu nhà ông đều ăn nên làm ra, nhà nào cũng xây biệt thự - cũng có một tấm Thái Sơn Thạch Cảm Đương như vậy. Ông bảo, trước khi sang Việt Nam mẹ ông lởm đã học được thuật này rồi truyền lại và ông luôn áp dụng triệt để.
- Theo bác, tại sao cứ phải là đá ở ngọn núi Thái Sơn, đá ở nơi khác thì sao? Không trấn giữ cho gia chủ được à?
- Vì Thái Sơn là anh cả của ngũ nhạc chứ sao. Ngũ nhạc gồm năm ngọn núi lớn Ngoài Thái Sơn còn Tung Sơn, Hòa Sơn, Hoành sơn, Hằng Sơn, cả năm ngọn cao vời với sung sung, ngút ngát này được. tạo ra là để trấn giữ đất trời.
- Ra vậy - tôi tỏ vẻ đồng tình.
Để chứng tỏ việc mình làm là có sở cứ khoa học, không mang yếu tố mê tín, dị đoan ông ta xềnh Xếch "lôi" tôi lên tận tầng ba, cách xa đám quan khách đang ngồi chén chú chén anh, chúc mừng gia chủ là cậu út chưa vợ ở tầng dưới, rồi đưa cho tôi xem một quyển sách nhau nhĩ, cáu bẩn, bạc phếch ghi la liệt các chú thích, trích đoạn, kim cổ, điển cố, sự tích mà người "hiện đại" như tôi chỉ ù Cạc Cạc như vịt nghe sấm Một đoạn. trong đó ghi: Sách Thái Bình quảng ký (quyển 99) viết: Thái Sơn ma quỷ trừ, ngoài ra bia đá còn chống đường đi xung nhà với. Trong trường hợp nhà ở đối diện ngã ba đường hình chữ đinh, hoặc xúc phạm đến những thế đất cắm như hổ khẩu (mồm hổ) hổ vĩ (đuôi hổ), thái tuệ thì dùng đá Thái Sơn trừ tà. Với những trường hợp âm Trạch có triệu trứng hung họa nghiêm trọng xảy ra như thế này phải yểm đất bằng cách chôn bia đá Thái Sơn Thạch Cảm Đương nặng 50 đến 100 cân, cao 4 thước 8 tác, rộng một thước 2 dày tác 4 tác. Đá chôn sâu 8 tác vào giờ Dần.
Lật dở trang khác, tôi để ý một đoạn đánh dấu sao bên ngoài: Sách phong thủy kinh Lỗ Ban cho rằng đường cái đâm thẳng vào nhà là Điềm rất xấu, như thể mũi tên vô hình đâm thẳng vào ngực vậy, hết sức bất lợi cho gia chủ. Do vậy phải hóa giải bằng cách dùng bia đá Thái Sơn Thạch Cảm Đương cao 5 xích (khoảng 1,65 met) chôn sâu trước cửa, bí quá thì nhờ người viết hoặc vẽ hình Sơn Hải Trấn (gồm ba hòn đá) treo trước cửa.
Rời mắt khỏi trang sách tôi trầm ngâm:
- Nghĩa là chính tay bác đã từng chôn các tâm bia Thái Sơn Thạch Cảm Đương này cho một số gia đình ở Hà Nội?
- Tất nhiên, không phải chỉ ở Hà Nội, mà còn ở một vài tỉnh lẻ nữa, ở đâu tín nhiệm là tôi đi.
Liệu bác có nhớ chính xác là bao nhiêu không?
- Hàng trăm cái, nhớ làm sao được, chỉ thằng cả nhà tôi - xin lỗi chị không được viết tên bố con tôi đâu đấy nhớ - Vâng thằng Lê Tấn Hùng mới theo bố khoảng 3 được chôn năm chừng 100 cái, riêng ở Hà Nội là 60 cái.
- Nghĩa là dưới con mắt mọi người, hai cha con bác là thầy địa lý?
-Thầy bà gì đâu? Chẳng qua là người am hiểu về thuật phong thủy thôi, như kiểu lớp học bình dân học vụ xóa mù ngày xưa, người biết thì bảo người chưa biết ấy mà Có đổi hỏi. Tiền

nong, cơm gà cá gỏi gì đâu, mình giúp vô tư Gia chủ. bồi dưỡng chi trả công lao, ân xá thế nào cũng được, keo kì kèo là mất thiêng.
Thưa bác - tôi cật vấn. Nguồn gốc đá có đúng là từ núi Thái Sơn không Hay là qua? Tất cả các cửa hàng làm đồ đá ở Hà Nội đều lấy đá từ Ngũ hành Sơn (Đà Nẵng), khu vực Chùa Thầy, Tam Đảo, Ba Vì (Hà Nội 2) tức Hà Tây cũ hay Hòa Bình, Quảng Ninh ... ở Việt Nam rồi khắc chữ bán cho khách?
Ông ta trầm ngâm:
- Sở dĩ tôi bỏ Quang Liên mấy năm là vì điều ấy đấy, trước đã nhận lời giúp ai giúp tôi phải đến đầu đến đũa, nghĩa là nói có sách, mach có chứng theo đúng lời cổ nhân dạy Vì vậy mỗi lần ". khăn áo gió đưa "cả tuần hoặc nửa tháng ăn đậu nằm chờ ở tận cửa khẩu Lạng Sơn để tìm được nguồn đá của Trung Quốc mang sang, đúng kích, cỡ quy định, tiêu chuẩn về tuổi đá, chất đá, núi đá, mới về khuẩn lặng lẽ Sau mấy đứa con nhà tôi la quá trời, quá đất, tôi đành tặc lưỡi xuôi Bường Thôi thì. tùy gia chủ muốn kiếm ở đâu, đá gì cũng được, miễn là họ có lòng thành, chứ chôn. đá Thái Sơn đâu phải tùy tiện, chôn ở đâu, chôn thế nào cũng được Muốn trấn., muốn thiêng, phải đúng kích cỡ đá, có thầy địa lý "hô thần nhập tượng" ấy chứ.
- Bác có thể kể về vài cái cụ thể đã làm ở Hà Nội mình được không?
- Thì tòa nhà 6 tầng của công ty trách nhiệm hữu hạn ở ngã 5 Bà Triệu - Nguyễn Du, chôn cùng với biển quảng cáo to tướng đấy, ai đi qua chả thấy, rồi nhà ở phố Vạn Phúc ngay sau đại sứ quán Thụy Điển chôn liền hai tấm, nhưng không chôn trước cửa mà gắn trực tiếp vào tường, chỉ cho nổi mặt ngoài của nhà bia Hay có thể ở phố Hàng Bông cũng chôn bia này., tấm để gắn trước cổng, tấm nhỏ gắn ở góc tường sát ngã ba đường, và cửa hàng ở phố Kim Mã cạnh nhà sách Tiền Phong cùng bao nhiêu ngôi nhà hiện đại lớn nhỏ khác ... Không biết thì thôi, biết là nhờ người tìm thầy, mua đá để chôn, nhằm mục đích trừ tà, giữ yên ổn cho mảnh đất của mình ...
Nghe ông ta nói tôi cứ có linh cảm rằng sở dĩ Hà Nội tìm thấy mình "Thăng Long thành hoài cổ" là do người xưa không biết tận dụng việc chôn đá Thái Sơn này nên đình chùa, Miếu mạo, rồi cả một góc thành mới đổ lên như vậy Cả hàng nghìn ngôi chùa lớn nhỏ của Việt Nam. trong hai cuộc kháng chiến chống Mỹ và pháp, bị tàn phá vô tội vạ (tất nhiên địch phá thì ít, mà ta đập thì nhiều) đặc biệt là cả một vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang ngày nay - vốn là đất vua ở, Tiên chơi, Phật đến - với các địa danh cổ một thời còn tồn tại đến bây giờ như "Nhà nghỉ suối hoa", "đường Nguyên Phi Ý Lan, huyện Tiên du, chùa Phật tích, đền Bát đô vv ", một vùng huyền sử đẹp như mơ với với tổng số 251 xã mà có tới 219 xã có bóng dáng đền đài, chùa chiến ... chỉ vì trong khi xây dựng, không chôn đá Thái Sơn Thạch Cảm Đương trở nên thành xơ xác hoang phế, số còn lại đếm trên đầu ngón tay.
Được sự ủy thác giới thiệu của ông, tôi tìm đến cửa hàng đá ở nhà chị Thủy phố hàng Bạc - một trong những phố cổ của Hà Nội, được xem là "dịch vụ rẻ, mẫu mã chất lượng cao, phục vụ chu đáo "đồng thời là nguồn cung cấp bia đá chủ yếu cho Hà Nội, trong cả có mặt hàng" Thái Sơn "này.
Chị Thủy niềm nở tiếp:
- Ôi dao, trước họa hoàn lắm mới có người đặt hàng hỏi mua, nghe có vẻ thâm u, huyền bí lắm ... Từ năm 2000 trở lại đây, người ta kéo đến, sáng sáng đặt, tháng nào cũng dăm bảy chiếc , nhiều khi bận làm bia đá theo hợp đồng gấp cho những gia đình có người thân bị mất, làm không xong còn phải giới thiệu sang các bên cạnh cửa hàng. Nói chung đất nào chả có ruồi bầu, chả cứ dãy phố này mà khắp các cửa hàng khắc đá trong Hà Nội đều có người tìm đến theo sự chỉ dẫn của các thầy Bon chị. cũng chỉ vì "một vốn bốn lời" làm thôi mà, phục vụ nhân dân là chính, còn lấy lãi là .. căn bản. mà em. Nào có biết mô tê gì về nguồn gốc, sự tích, ý nghĩa của việc khắc đá, chôn bia này đâu?
Lượn hết cả chức cửa hàng làm đồ đá ở cái phố ngắn ngui, bé xíu này, tôi đập mắt vào hàng trăm tấm bia đá Thái Sơn. Tưởng tôi là người mua hàng họ vã von cho xem mẫu mã các loại, rẻ nhất 150 nghìn - ngoài phiến đá mỏng, nhỉnh hơn lòng bàn tay, 5 chữ khắc trui trơ, không

một chút trợ trạm hoa văn gì, còn đủ các loại từ ba trăm đến vài triệu khác. Đắt nhất là 3.600.000 đồng, cao 1 , 5 mét. Tất nhiên còn phụ thuộc vào kiểu dáng, mức độ trạm chổ, kỹ xảo, vi tinh ... Nguồn đá, cứ 8 đến 1 triệu đồng một khối, họ xẻ dọc xẻ ngang ra khoảng tấm chức, tùy đơn đặt hàng và túi tiền của khách, thời gian đặt lâu hay gấp? Thông thường mỗi cửa hàng ngầm "ăn dơ" với một vài thầy địa lý, ông thầy được gia chủ mời đến, là phán từ A đến Z, mua đá ở đâu, kích cỡ thế nào, giờ chôn, ngày nhập, cách hô vv cửa hàng nào càng thầy quen biết nhiều, càng mở rộng khả năng tiếp thị và lượng đặt hàng và được nhiều càng chỉ sơ. sơ một phố cổ Hà Nội mà đầu óc tôi đã rối tinh lên vì địa chỉ và tên các ông thầy, sự linh thiêng hay dở ... Ngoài ra còn mắc bệnh "cho vay thị" vì hàng chức, hàng trăm "vị thần Thái Sơn trấn giữ tại nơi đây, trong các gian hàng chơi chật, dài ngoan tối om sâu hun hút tận bên trong. Không biết đi đủ ba mươi sáu phố cổ, các quận, huyện còn lại của Hà Nội rồi 60 tỉnh thành trong cả nước còn loạn thị đến đâu nữa Thần ở đâu mà "mọc" nhanh đến thế, hơn cả nhưng.

Trên đường về thấy đám đông xum xịt ở đoạn đường Lạc Long Quân, phố Võng Thị, gần chợ Bưởi, tôi dừng xe lại xem, hóa ra người ta đang đặt tượng Thái Sơn để trấn giữ cho ngôi nhà ba tầng vừa xây kịp Hỏi bà. chủ nhà, người phốp pháp to béo:

- "Bác ơi, sao lại phải chôn đá trước cổng nhà như thế đây là biệt thự, nhà ở cơ mà, có phải đền thờ, Miếu mạo gì đâu?

Mặt đỏ bừng, bà ta té tát một chập đại để.: "Có thờ có thiêng, có kiêng có lành, nhà chị từ trên giời rơi xuống hay sao mà còn phải hỏi bây giờ ai xây nhà mà chẳng phải tìm thầy, tìm thợ, nhờ xem giờ, ngo đất ... Tiền tỉ, bạc vạn, đổ mồ hôi, sôi nước mắt, cả một đời cha, ba đời con, thắt lưng, buộc bụng, ăn chat hạt tiện, rau cháo măng mai mới có được chứ dễ đâu không nhờ thần trấn giữ hộ thì nước là trôi sông hết à? Thầy bảo thì mình làm, hoặc thấy những nhà bên cạnh mới làm chôn bia đá thì mình cũng nhờ họ giới thiệu mối lái mua đá về chôn ... mất thêm vài trăm nghìn mà trí yên, tâm tĩnh chả hơn à . Tiếc gì thì tiếc chứ tiền thần, tiền phật sao dám khinh suất.

- Nhưng thế đất nhà mình khác mà, đâu phải Khum Khum hình vó, chẳng nó thì ai, Thè lè lưỡi trai, chẳng ai ngoài nó như những nhà có thế đất thoai thoải ngoài bờ sông chuyên đặt mộ ông bà, tổ tiên khác - tôi trêu?

Bà ta dẩu môi bảo:

- Cứ "sáng lỏng" như chị chắc thần Thái Sơn suốt đời chẳng được đi đâu, chỉ ru ru ở ngũ nhạc mất .Thời buổi mở cửa bão động đầy trời này, cả thế giới còn lên mạng Internet tìm nhau,. Cũng phải cho các thầy đi đây, đi đó giúp người trần mắt thịt chứ?

Thì ra là vậy, bà ta thông tỏ, thương thần như thể thương thân thế thì đành chịu vậy, dù biết mười mươi là tấm đá cao cả mét rưỡi, dày bich bịch và nặng không dưới nửa tấn này đích thị là con cháu họ hàng đời thứ bao nhiêu của đá Thái Sơn ở Việt Nam nhất định chứ không phải ở núi Ngũ Nhạc. Nhưng thôi, bà ta làm theo phong trào mà voi đủ., chuột chủ cũng đú, khỉ hú, vượn trêu, kêu bác sĩ thú y, chim hót ... muôn hoa đua nở, muôn nhà đua nhau, biết làm sao được? Chỉ thấy buồn một điều là mỹ quan đô thị của Hà Nội mình quá kém Xây dựng ồ ạt chẳng gì có quy hoạch kiến trúc.. Mạnh ai nấy làm, tiền ai người đó xây . Hết cấu. trúc gô-tic của Pháp lại ban công chửa, mái chóp mái nhọn củ tỏi củ hành của Nhật, Mỹ, cả dấu tích của xứ Ăng co xo căm phu chưa tuyệt chủng cũng được dịp đại náo thiên cung Giờ lại. đến việc "đào mồ" chôn đá này. Nhà chật, ngõ hẹp lại chôn trước thì ngay cổng vào, chôn chìm nghỉm dưới nền đường chỉ hở năm chữ Thái Sơn Thạch Cảm Đương. Nhà chôn sau bí quá thì bậy đâu cũng dui, kể cả vỉa hè, lề đường, góc sân, chậu cảnh, chẳng kích cỡ quy định gì, miễn là kịp thời sửa chữa sai lầm cho một việc đã rồi trọt.

Qua khu vực Chùa Một Cột, tôi dựng xe dưới chân ngọn Bút Tháp - nơi Cao Bá Quát từng viết ba chữ "Tả Thanh Thiên" (viết giữa trời xanh) cũng là nơi bạn bè tôi chạy chơi, đuổi bắt khi còn bé tí , mỗi lần được bố mẹ cho vào chùa tham quan vãn cảnh, hoặc xem rùa vàng nổi lên giữa lòng hồ để tìm phiến đá Thái Sơn như lời thầy bảo, và khó khăn lắm mới tìm được,

vì tấm bia đá tồn tại từ gần một nghìn năm nay  nằm khiêm tốn, yên bình dưới chân ngọn tháp, chỉ cao, rộng hơn tấm bia đặt trước mộ của người bình thường một chút. Ngoài hàng chữ khắc trên đá mờ mit, lem nhem vì thời gian và năm tháng chẳng có chút khác biệt gì ...
Vì thế nếu không nghe thầy nhắc tới tôi không hề biết đến nó, dù hàng ngày, hàng giờ vẫn đi đi, về về ở chỗ này Về đến. khu Đầm Trấu - đoạn đường Trần Khánh Dư , dẫn lên cầu Chương Dương, thấy những ngôi nhà cao tầng mới xây, các phiến đá mới dựng, mà buồn cho cái gọi là thuần phong mỹ tục của người Việt ta, Đành rằng "phú quý sinh lễ nghĩa", nhưng cái áo choàng đâu có nên làm thầy tu mà sao lắm áo, lắm kiểu, bạt mạng, biến báo, quái dị đến vậy. Cái áo vốn. là thứ vải bình thường vô tri vô nghia mà, Thầy tạo ra áo chứ áo đâu có tạo ra thầy? Việc chôn bia đá trước cửa, nhà quanh, được tường, ngoài đường cũng vậy quả là Thần ". vạn trạng biến thiên" thích nghi, trú ngụ đủ nơi, đủ chốn, phù hợp với mọi kích cỡ, dáng vẻ, không phân biệt cao, thấp, ngắn, dài, dày, mỏng, to, nhỏ gì. Ông người đặt đâu là thần nhập đấy, cấm có dám kêu ca gì.
Thật là việc lạ lùng, một lát đá mỏng vô tri vô giác cũng trở thành thần núi, mà lại là thần tit ở xứ sở Trung Hoa xa xôi kia ... Sao bây giờ lại tìm được Việt Nam này, thật loạn?
(Thăng Long Thành hoài cổ 12-8-2008)
(* Nguồn: - amthucdulich.wordpress.com).
Xin theo dõi tiếp BÀI 15, dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 15.

*Thứ Tư, ngày 08 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP  I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy  tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác  để quí vị dễ đối chiếu).
Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.
Nhược Thủy
( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).
Phần bổ sung cho bài “Huyền Thiên Thượng Đế”.

70.- Nam Cực Trường Sinh Đại Đế (Nam Cực Tiên Ông).




Nam Cực Trường Sinh Đại Đế

* Nam Cực Trường Sinh Đại Đế còn gọi là Ngọc Thanh Chân Vương, là con thứ chín của Nguyên Thủy Thiên Vương.

Thường Phụng thờ cúng tế Ngài sẽ được khỏe mạnh sống lâu Ngài còn. Có tên gọi khác là Nam Cực Tiên Ông, Nam Cực Chân Quân, Trường Sinh Đại Đế, nhân vì Ngài chủ về tuổi thọ, nên công gọi là "Thọ Tĩnh "hoặc" Lão Nhân Tịnh ".

* Đạo Giáo là tôn giáo có tôn chỉ mưu cầu sự trường sinh, nên trong Phả hệ thần thánh của họ phải có một vị chủ về thọ mệnh của người con.

* Thời cổ đại rất sùng bái tinh tú, danh sách rất nhiều, thời gian lâu dài mà không bị bỏ bớt Trong đó., "Thọ Tinh" là được mọi người hoan nghênh, được phổ biến rộng rải nhất.

* Trong "Sử Ký-Phong Thiện Thư" làm Tư Mã Trinh viết: - "Thọ Tinh tức Nam Cực Lão Nhân, chủ về sự an ổn và tuổi thọ của người".

Trọng "Nhĩ Nhã-Thích Thiên" lại nói: - "Thọ Tĩnh, là sao Giác, sao Cang vậy" Hải sao. Giác và Cang là hiện sao đứng đầu trong bảy sao Thanh Long ở phương Đông của hệ Nhị Thập Bát Tú. Quách Phác chú giải: - "Thọ Tĩnh, là hai sao khởi đầu Giác và Cang, hai sao dài chiều nay, tượng trưng cho tuổi thọ lâu.

Tư Mã Thiên trong "Sử Ký-Thiên Quán Thư nói thì": - "Tại phương Tây có bốn ngôi sao lớn, gọi là" Nam Cực Lão Nhân ". Nhìn thấy Lão Nhân Tịnh xuất hiện thì đất nước là ổn, nếu không thì thấy có binh đao "

-Đại học giả đời Đường Trương Thủ Tiết nhận xét về lời giải thích của Tư Mã Thiên như sau: "Lão Nhân chỉ có một sao, ở góc về phương Nam (đông nam của Thiên Lang Tĩnh), còn gọi là Nam Cực, chủ về tuổi thọ lâu dài và một sự ổn Thấy nó thì. vận mệnh đất nước tốt, nên gọi là "Thọ Xương"; không thấy nó, tất có nhiều ưu sầu lo lắng "Cho thấy là., mọi người rất quan tâm đến Thọ Tĩnh.

-Trọng "Hán Thư-Thiên Văn Chí" nói "Nam Cực Lão Nhân thường lấy thời điểm sau Thu Phân mà hiện". Lại trong "Hậu Hán Thư nhất nghi chí" nói: - "Mặt trăng tháng tám, bảy mươi tuổi mới , chống gậy, ăn cháo Đến tám. mươi, chín mươi, có lễ ban cho thêm .... Thờ Phụng Lão Nhân Tịnh Lão Thái Miếu ở phía Nam kinh đô ".

* Như vậy, từ xưa, hai bên Thiên Văn Học và tôn giáo đã có sự quan tâm khảo sát và phát hiện Thọ Tĩnh rồi. Trong đó nêu lên hai ý nghĩa: - thứ nhất là xác định khu vực của sao trên trời, ở vị trí sao Giác sao Cang của Nhị Thập Bát Tú; thứ nhì là nêu lên Nam Cực Lão Nhân Tịnh thời Đông Hán là đã có ý nghĩa tôn kính người già và xác nhận bắt đầu có sự cúng tế Lão Nhân Tịnh.

* Trọng hệ Nhị Thập Bát Tú, bảy sao phương Đông là: - Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ tạo thành hình Thành Long, mà Giác hai ngôi sao lại có hình dạng cái sung dê con, nên nói "sao Giác ở về phương Đông, giống như rồng sung" Sao Cang bốn. ngôi sao nâng Càng đi lên, nên gọi là "Kháng" (trên cao, chở che) giống như hình đầu rồng Khoa thiên. văn học ngày nay lại lấy hai sao nay xếp vào vị trí của sao Thất và sao Nữ, trong đó Giác là sao sáng nhất hạng Mỗi năm. vào đầu tháng năm, lúc chiều trời thật trong, bảy giờ tối thì thấy Lão Nhân Tịnh rất rõ Nhưng vì. vị trí của nó ở vĩ độ 50 độ Nam, nên ở Trung Quốc, nhất là phía Bắc thì không thể thấy rõ, chỉ có từ địa khu Nam Hòa của Trường Giang trở xuống phía Nam thì thấy được.
* Từ thời Chu, Tần việc cúng tế Thọ Tinh chẳng qua là cúng Nam Cực Lão Nhân Tịnh (sao Cang) Nhưng sách theo ". Thông Điển-Lễ Tứ" nói: - "... ban chiếu lệnh cho Ty sở lập đàn Thọ Tĩnh để cúng tế sao Lão Nhân Tịnh tức bảy sao Giác, Cang ", cho đến đời nhà Đường mới hợp lại cúng chung hai sao nay.
* Từ Chu Tần về sau, Thọ Tĩnh được các vua chúa các Triều đại cho ghi vào "Sách Cúng Tế của Hoàng Gia" Đến đời. Minh, tuy sách bỏ cúng tế, nhưng trong dân gian vẫn còn lưu hành nghi lễ này. như là đời Minh, các sách Bạch Xà Vân, sau đổi là Lôi Phong Tháp và Nghĩa Yêu Vân, về sau là Tam Bảo Vân Tiên, trong đó hình tượng Thọ Tinh là một vị Tinh Quân có lòng tốt cứu giúp tuổi thọ đã xuất Khi hiện sách. Bạch Xà Vân được chuyển thể thành tuồng hát, đoạn "Dạo Tiên Thảo" (ăn trộm cỏ tiên) diễn tả: - Bạch xà uống rượu hùng hoàng vào bị hiện nguyên hình rắn, khiến cho Hứa Tiên sợ đến chết xác chàng. được đưa đến núi Côn Lớn, Bạch Xà ăn cắp cỏ tiên bị hai tướng Hạc và Lộc ngăn trở, Nam Cực Tiên Ông hiện xuống, tặng chàng "chi linh" uống lại và sống. Ai xem đoạn đến nay đều cũng cảm động rơi lệ.
* Tiểu thuyết nổi tiếng đời Minh "Cảnh Thế Thông Ngôn" quyển thứ 39 là "Phước Lộc Thọ Tam Tinh độ thế" đã giảng giải rất nhiều sự tích cứu đời của Nam Cực Tinh Ngoài ra., Các vở kịch khác đời Nguyên Minh cũng lấy đề tài như: - Nam Cực Đăng Tiên, Quần Tiên Chúc Thọ, Trường Sinh Hội vv ...
* Hình tượng thờ Thọ Tĩnh từ cuối đời Minh thì được hoàn chỉnh như sau: - "đầu đội mạo liên hoa, mắc áo lông hạc, con bế, tóc bạc, râu bạc, tay cầm Ngọc Khuê", có nơi thêm tay cầm quyền trường nhiều khúc uốn cong, Trần Cao thẳng, gọi là Thọ Tinh Cao Phòng Động.




-Còn ở thời Đông Hán, cùng lúc làm lễ cúng Thọ Tĩnh, đồng thời cũng lồng ghép thêm "lễ chúc thọ các cụ già" Từ bảy mươi tuổi trở lên,. Mỗi cụ được tặng một cây gậy dài chín thước, đầu khắc hình chim cưu (tu hú). (Chú thích: - Dove:-Cửu: - Con tu hú Tính nó. vựng tổ làm không biết, nên hay dùng để nói ví những kẻ không biết việc kinh doanh nhà Nó lại. là một

loài chim ăn không mắc nghẹn bao giờ, nên cho những gậy của người già hay chống khắc hình con cưu vào. Như trường chim bồ câu cưu thanh gậy cưu chim khắc hình-NT) Đây là xuất xứ của Thọ Tinh nay sau cầm gậy. Về hình trạng cầm gậy, quyển 4 của "Trình Sử" viết: - "Thọ cầm Tĩnh trường (gậy), thị trường phải dài hơn người của tay, lại có dáng GÃY Neu khúc ngắn. trường thẳng mà, là ý gậy hộ thân , là vật bất tường vậy "Cho nên. hình tượng thờ Thọ Tĩnh từ trước đời Nam Tống là có hình dáng GÃY khúc Còn về. hình dáng đầu Thọ Tĩnh có Trần Cao mà thẳng, gọi là tướng" Cao não môn ", theo "Thông Tục Biên" có ghi "Thế tục họa hình Thọ Tinh để thờ, có đầu rất dài" Trọng ". Nam sử-Di mạch vân" nói "Tỷ Khiên Vương xưa mình cao một hai trường, đầu dài ba thước, từ xưa được xem là vua bất tử cổ dài ". Người họa hình lấy ý theo đó mà vẽ Thọ Tĩnh, tiêu biểu cho sự trường thọ.

-Trước đời Nguyên Minh, thường thấy có Đền thờ hoặc Đàn Thọ Tinh Sau đời. Minh, dân gian đem Thọ Tinh kết hợp với hai ông Phước Tĩnh và Lộc Tĩnh thờ chung lại, gọi là Tam Tinh Pước Lộc Thọ, được mọi người hoan nghênh Trọng lễ chúc thọ,. thường đặt tượng Phước Lộc Thọ ở giữa, hai bên có hai câu liên treo "Phước như đông hải" và "Thọ tỉ nam sơn" hay "Danh cao Bắc đâu".

* Thọ Tĩnh có danh xưng đầy đủ là "Cao Thượng Thần Tiêu Ngọc Thanh Chân Vương Sinh Trường Đại Đế Thống Thiên Nguyên Thánh Thiên Tôn", cư ngụ ở Ngọc Thanh phủ, Cao Thượng Thần Tiêu Cung.

* Về lai lịch của Nam Cực Trường Sinh Đại Đế có hai thuyết giải thích: --

1 .- Là trưởng tử của Nguyên Thủy Thiên Vương Theo Đạo. Kinh "Cao Thượng Thần Lôi Ngọc Thanh Chân Tử Vương Thư Đại Pháp - Tự" viết: - "Xưa chưa thành hình vũ trụ, nguyên khí chưa sanh ra, Nguyên Thủy Thiên Vương là Tổ của Hạo Mang Minh Luật Đại Phạm (cõi mờ mit mênh mang chưa phân biệt), ngưng Thái Thân kết, tạo thành "hỗn độn", kế có trời đất, chia ra khí bên trong và ngoài khí, gọi là "hư hỗn" Nguyên Thủy. Thiên Vương vận thần thông mở ra vũ trụ, tạo nên mặt trời, mặt trăng, các sao Rồi chia. thành trời đất Ở Ngọc. Kinh, Ngài phối hợp với Tổ Mẫu Khí Vạn Thái Ngọc Huyền cực Nguyễn Cảnh Tự Nhiên Cửu Thiên Thượng Huyền Ngọc Thanh Thần Mẫu, sanh ra tám người con. Người con trưởng là Nam Cực Trường Sinh Đại Đế Còn có hiệu là. "Cửu Long Phù Tang Nhật Cung Đại Đế" và "Cao Thượng Thần Tiêu Ngọc Thanh Vương "Một mình có ba tên, là một vị Thánh vậy.." Vị Chân. Vương nay (tức Nam Cực Trường Sinh Đại Đế) đã ngưng ở thần cung khuyết kim, giải cứu tam tai bát nạn cho sanh linh , hộ trì cho chín cõi tuyền phong, cứu giúp cho tất cả tội hồn đang chịu báo ứng. Thế gian nếu người nào có lòng tin, cầu khẩn nơi Ngài, chẳng kể ngày đêm, không nói xa gần, Ngài liền ứng cứu hiện giúp, Sức thần thông của Ngài có thể nói là "khó nghĩ bàn", chúng sanh trong tam giới cửu u đều có thể nương tựa Theo sách. "Thần Chân Tiêu Vương Bí Pháp" (một bộ ba quyển) dạy rằng: -- "Đức Ngọc Thiên Nguyên Thủy Thượng Đế nơi Tử Vi Thượng Cung Tử Quỳnh truyền bá bí pháp" Cao Thượng Thần Tiêu Ngọc Thanh Chân Vương Trường Sinh Hộ Mệnh Bí Pháp "cho Ngài để cứu giúp chúng sinh".

2 .- Là con thứ chín của Nguyên Thủy Thiên Vương Theo sách. "Cao Thượng Cửu Tiêu Ngọc Thanh Đại Phạm Tử Vi Huyền Đô Lôi Đình Ngọc Kinh" nói rằng, "con thứ chín của Nguyên Thủy Thiên Vương được làm phong" Cao Thượng Thần Tiêu Ngọc Thanh Chân Vương Sinh Trường Đại Đế ", chủ quản ba mươi sáu cõi trời ở cửu tiêu, thống lãnh ba mươi sáu vị Thiên Tôn. Đồng thời sách" Cao Thượng Thần Lôi Ngọc Thanh Chân Tử Vương Thư Đại Pháp " ở một quyển, phần phong chức cho tám con người, có nói đến Nam Cực Trường Sinh Đại Đế, là được phong làm "Cao Thượng Thần Lôi Ngọc Thanh Vương" và "Thái Dương Cửu Khí Ngọc Hiền Quân" hay "Thái Dương Cửu Khí Ngọc Hiền Quân "Tên huy của Ngài là Côn Động,. tên chữ Diệu Hoa. Trong kinh" Bát Đế phong hiệu quan chức vị "cũngg có nói đến Ngài: -" người con thứ chín làm được phong Thần Tiêu Ngọc Thanh Chân Vương hay còn gọi là Thái Bình Ứng Hóa Đạo Chủ Đại Đế, cũng có tên là Diệu Lãnh Phù Tang Cửu Khí Thái Dương Thần Quân ". Thuyết nay được chấp nhận hiện nay..

* Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk).

* Phần phụ thêm:

TINH QUÂN - NAM CỰC TIÊN ÔNG.






TINH QUÂN
NAM CỰC TIÊN ÔNG

Nam Đầu Tinh Quân còn gọi là Nam Cực Lão Nhân, Nam Cực Đại Đế hoặc Nam Cực Tiên Ông.

Xét về gốc gác của vấn đề, ta thấy Nam đầu ở phương Nam, làm sáu ngôi sao hợp thành, có hình dạng như cái "đấu" (đồ dùng để đong ngày xưa), cho nên gọi là Nam Đầu (cái đấu phương nam).

* Sách "Sử Ký đại quan thư chú" chép: - "Nam Đâu có sáu sao, ở hướng Nam".
* "Tinh kinh" (kinh về sao) chép: - "Nam Đâu có sáu sao, chủ về nhận lệnh của vua, lại chủ về tuoc lộc Tể Tướng".
* Sách "Hồn thiên phú" của Dương Quỳnh chép: - "Nam chủ đầu về tuoc lộc, còn Đông bích thì chủ về văn chương".
* Sao Nam Cực còn gọi là "Thọ Tinh" (sao chủ về tuổi thọ), "Lão nhân tinh", "Nam cực lão nhân tinh" hay "Nam cực lão nhân".
* Sách "Sử ký phong ẩn thiền sách thư" chép: - "Thọ tinh là Nam cực lão nhân tinh", thờ cúng vị ấy để cầu phước thọ ".
* Sách "Hậu Hán thu thiên chí" chép: - "Sao Lão nhân còn gọi là sao Nam cực".

* Sách "Sử ký quan thiên thư" chép: - "Có sao lớn hình sói con giống, gọi là sao Nam cực lão nhân".
* Nhà thơ Đỗ Phủ có hai câu thơ: --
- "Nam cực lão nhân tự hữu tinh,
Bắc sơn di văn minh thùy Lặc "
(lão già nam cực có tên sao, bài văn ở núi bắc thì ai khắc)
* Nam Đâu có sáu sao, sao nam cực là một sao nằm ở giữa, chủ về phước thọ. Còn "Nam Cực Tiên Ông" lại là vị thần chủ về phước thọ, để ám chỉ sự sống lâu của người con. Đó không phải là Nam đầu tinh, cũng không phải để chỉ sao Nam cực.
* Sao Nam đầu hay sao Nam cực chỉ là yếu tố tự nhiên, nhưng tin tưởng dân gian mới ghép gan với việc các sao ấy có quyền lực siêu nhiên về quyết định vận mệnh của loài người, trở thành việc sùng bái vị "Thọ thần ".
* Nhược Thủy dịch
(từ http://www.fushantang.com)

## 71.TIÊN THIÊN TÔN THẦN
## THÁI AT CỨU KHỔ THIÊN TÔN.



THÁI ẤT CỨU KHỔ THIÊN TÔN

* Thái Ất Cứu Khổ (Hộ) Thiên Tôn hay "Tầm Thanh Cứu Khổ Thiên Tôn", "Thập Phương Cứu Khổ Thiên Tôn", gọi tắt là "Cứu Khổ Thiên Tôn".
* Theo truyền thuyết cho rằng Ngài là một trong hai vị thị giả của Ngọc Hoàng Đại Đế, trợ giúp cho Ngọc Đế thống Ngự muôn loài.
Đạo Gia thì cho rằng, Ngài là hóa thân của Thanh Huyền Thượng Đế, phát các cứu giúp tất cả chúng sinh, nên hóa thân thành Cứu Khổ Thiên Tôn để giúp đời.
* Theo "Thái Ất Cứu Khổ Hộ Thân Diệu Kinh" nói: - "Ở thế giới Trường Lạc về phương Đông có một vị đại nhân đại từ tên là Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn, hóa thân của Ngài nhiều như số cát sông Hằng , cứu liền nghe tiếng Hoặc trụ. ở thiên cung, hoặc giáng xuống nhân gian, hoặc ở địa ngục, hoặc lan vào đám đông, hoặc hiện Kim Đồng Ngọc Nữ, hoặc hiện Đế Quân, Thánh Nhân, hoặc làm Thiên Tôn Chân Nhân , hoặc làm Kim Cang Thần Vương, hoặc làm Ma Vương Lực Sĩ, hoặc làm Thiên Sư Đạo Sĩ, hoặc làm Huỳnh Nhân Lão Quân, hoặc làm Thiên Y Công Tạo, hoặc hiện thân nam thân nữ, hoặc làm quan văn quan võ, hoặc làm Đô Đại Nguyên Soài Rạp, hoặc làm Pháp Sư Thiền Sư, hoặc làm Thần Mưa Thần Gió ...
Thần thông vô lượng, công hạnh vô cùng, tầm thanh cứu khổ, ứng biến tùy duyên ".

* Vị Thánh nay ở trời gọi là Thái Nhất Phước Thần ", ở thế gian xưng là Đại Từ Đại Bi, ở địa ngục tôn làm Nhật Diệu Đế Quân; ngoại đạo tiếp thu xưng là Sư Tử Minh Vương, ở thủy phủ xưng là Động Châu Đế Quân "Khi gặp khó khăn tai nạn., chỉ cần xưng danh hiệu hay cầu nguyện Ngài là có thể" giải lo trừ nạn, biến hung thành cát ", tu theo Ngài có thể đạt công thành quả mãn, giữa ban ngày sanh lên cõi trời.
* Hình tượng thờ Phụng Ngài, theo sách "Đạo Giáo Linh Nghiệm Ký" nói: - "... ngồi ngay thẳng trên đóa hoa sen, chung quanh có sư tử chín đầu miệng phun lửa hỏa Diệm, tỏa ra khắp bảo tỏa, trên đầu ngài có hào quang chín sắc, phóng ra ánh sáng đập muo, rất nhiều Chân Nhân, Lực Sĩ, Kim Cang Thần Vương, Kim Đồng Ngọc Nữ hầu hạ xung quanh. "
* Ngày Đản thần của Ngài là mười một tháng mười một âm lịch.
* Còn truyền thuyết dân gian ghi trong "Bát Độ Huyết Hồ Bảo Thiên" thì nói là "mây lành che phủ thân Ngài".
* Trong "Thanh Huyền Tể Luyện Thiết Quán Thi Tự Toàn Tập" thì nói Ngài "... mình ngồi trên sư tử chín đầu, tay cầm nhánh dương liễu, quỳnh rầy nước tương hộ cứu sống còn để chúng sinh, độ hồn người vong roi chết "Có bài. thơ: --
"Đông Cực Thanh Hoa Diệu Nghiêm Cung,
Tử vụ hà quang triệt thái không
Thiên đóa liên hoa ánh bảo tỏa,
Cửu đầu sư tử xuất vân trung.
Nam Cực đan đài khai bảo cấp
Bắc Đô huyền cấm phá la phong
Duy nguyện thùy quang lai cứu hộ
Chúng đẳng khe Thủ Lệ từ dung
Thị thực công đức bất tư nghi
Cô hồn trệ Phách tảo siêu thăng "
* Dịch: --
(Ngài) Ở trong cung Đông Cực Thanh Hoa Diệu Nghiêm,
Rang tim mong chơi sáng rọi khắp cả hư không
Ngàn đóa hoa sen tỏa sáng xung quanh bảo Tọa (của Ngài)
(ngồi) Trên sư tử chín đầu bay ra khỏi mây.
Nơi đài đỏ phương Nam mở ra quí sách hôm
Kinh đô phía Bắc trong cung cấm huyền diệu phá trừ tai ách
Ban bố công đức không thể nghĩ bàn
Giúp cho những cô hồn và kẻ mê muội được siêu thăng

## * CHỨC NĂNG VÀ VIỆC THỜ PHỤNG: --



Trong sách "Thái Thượng Tam Động Biểu Văn" nêu lên có chín vị Thiên Tôn là: --
1.-Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn,

2.-Thập Phương Cứu Khổ Thiên Tôn,
3.-Cửu U Bát Tội Thiên Tôn,
4.-Châu Lăng Độ Mệnh Thiên Tôn,
5.-Hoả Luyện Đan Giới Thiên Tôn,
6.-Pháp Kiều Đại Độ Thiên Tôn,
7.-Kim Khuyết Hoá Thân Thiên Tôn,
8.-Tiêu Dao Khoái Lạc Thiên Tôn,
9.-Bảo Hoa Viên Mãn Thiên Tôn
Trong đó, Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn là vị đứng đầu Chức năng của Ngài là "vượt thánh vượt phẩm,. Cực từ cực ái, Ngũ trên sư tử chín đầu, tỏa sáng bài đập muôn lành xa, tiếp độ sinh linh" .
* Lại nói, khi người gặp tai ách, chỉ cần niệm danh hiệu Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn, Ngài sẽ nương theo tiếng cầu mà đến cứu, giúp người giải tai trừ nạn, chuyển rủi thành có thể.
-Đối với những người tu hành, suốt đời làm thiện, tu pháp giải thoát huyền diệu Tiên gia, khi công thành quả mãn sẽ được Ngài "Ngự tỏa trên sư tử chín đầu, bài sáng đập muôn lành xa" dẫn đến sanh tiếp lên cõi trời.
* Các Đạo Quán của Đạo Giáo đều có Điện Thái Ất để thờ Ngài, hoặc tạo tượng Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn ngồi trên sư tử chín đầu, hoặc bài vị Ngài.
* Trọng Đạo Giáo, ba tiết Thượng, Trung, Hạ Nguyên, hoặc khi tổ chức Đạo Tràng cầu siêu độ cho vong linh, làm thành đại lễ, cúng tế rất trọng thể.
* Từ đời Tống, Nguyên, những khoa nghi cúng tế Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn xuất hiện rất nhiều, như: --
- "Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn Thuyết Bát Độ Huyết Hồ Bảo Thiên"
- "Linh Bảo Luyện Độ"
- "Cửu U Đăng Nghi"
Trong những khoa nghi đó, ngoài chức năng tiếp dẫn chúng sinh, Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn còn có phép "thủy hỏa giao luyện" cứu độ vong hồn, các diệu pháp giải trừ nạn đóa vào Huyết Bồn, sa vào địa ngục của chúng sinh.
* Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn hóa hiện cứu độ mười phương nên được tôn xưng là Thập Phương Cứu Khổ Thiên Tôn.
* Trong "Thập Phương Cáo Giản toàn tập" có nói đến chức năng của Thập Phương Cứu Khổ Thiên Tôn là:
1/-Hóa thân ở phương Đông, gọi là Bảo Ngọc Hoàng Thượng Thiên Tôn, "ở ngôi cung Chấn, cư Mao vị, cai quản địa ngục Phong Lôi, dùng sấm sét để trị tôi, người làm lành được siêu thăng, kẻ làm ác bị tiêu tan thân xác nơi đen tối, xét xử rất công bằng.
2 / - Hóa thân ở phương Nam, gọi là Huyền Chân Vạn Dũng Thiên Tôn, "ở ngôi cung Lý, cư Ngọ vị, cai quản địa ngục Hỏa Y, dùng lửa thiêu đốt kẻ ác, giam giữ ở cõi u minh, chịu cảnh biển khổ mênh mang, nếu không có chút duyên lành dời trước, thì không sao thoát khỏi cảnh khổ sở nơi địa ngục này.
3 / - Hóa thân ở phương Tây, gọi là Thái Diệu Điệt Cực Thiên Tôn, "ở ngôi cung đoái, cư Dậu vị, cai quản địa ngục Kim Cương, dùng phương tiện cứng răn đập thân thê nát như, xét tội lỗi không sai sót chân tơ kẻ tóc, tìm ra công đức đã làm từ nhiều đời kiếp, cho người lành thăng thiên, kẻ dữ bị đóa.
4 / - Hóa thân ở phương Bắc, gọi là Huyền Thượng Ngọc Cao Thiên Tôn, ở ngôi cung Kham, cư Tý vị, cai quản địa ngục Bánh Lãnh, dùng băng tuyết để lấp thân người, bốn bên thành lũy bằng sắt, không có cửa ra, trên có cắm guom bén, chỉ nhìn cũng đủ sợ, những chúng gây tạo tội lỗi bị hình phạt nơi đây khó mà ra khỏi.
5 / - Hóa thân ở phương Đông Bắc, gọi là Độ Tiên Thượng Thánh Thiên Tôn, ở ngôi cung Cấn, cư Sửu vị, cai quản địa ngục Hoạch Thắng, dùng pháp hầm nấu để chạy chúng, những kẻ Bường trôi theo thất tình lục dục, nào tránh khỏi sự phản ánh của Gương soi nghiệp, thân

thể tứ chi, bị thọ khổ đao bay bấm Chém, phán quyết việc tử sanh, thiện ác báo ứng phân minh.
6/-Hóa thân ở phương Đông Nam, gọi là Hiếu Sinh Độ Mạng Thiên Tôn, ở ngôi cung Tốn, cư U Phủ (phủ tối tầm), cai quản địa ngục Đồng Trụ, dùng pháp cháy thân để trị tội, phán xét thiện ác, rõ ràng vô tư như nhật nguyệt, phê cho tên họ, sao cho tránh khỏi sấm gió, chúng sinh mê muội, làm sao thoát khỏi lục đạo luân hồi.
7 / - Hóa thân ở phương Nam, gọi là Thái Linh Hư Hoàng Thiên Tôn, ở ngôi cung Khôn, cư Tuyền Khúc (đoạn suối), cai quản địa ngục Đồ Cát, dùng hình phạt đao cắt thân thể, không thiên lệch không tư vị, xét tội kiếp nhiều đời, khó cai khó xin, chuyển thế sanh tử, xác định công đức.
8 / - Hóa thân ở phương Bắc, gọi là Vô Lượng Thái Hòa Thiên Tôn, ở ngôi cung có thể, cư Âm Phủ, cai quản địa ngục Hỏa Xa, dùng hình phạt xe cán thây để trị tội, công tội định phân, vô tư minh xét, cho người đi lên hay đi xuống, cầm cân nay mực, không riêng không cong, chẳng thuận chẳng nghịch.
9 / - Hóa thân ở phương Trên, gọi là Ngọc Hư Minh Hoàng Thiên Tôn, hình tướng hợp với gốc có thể (trời), đức rộng khắp đất, cai quản địa ngục Phổ Kinh, dùng uy quyền để lớn mà việc xét, ba trăm sáu mươi ngày không nai trễ, mọi việc chơi không, một trăm lẻ tám địa ngục tuần tra, người người kính nè, xét kỹ tội nghiệp nhiều đời trước, nay đem xử lại, cho luân hồi chín địa, bắt vào ra ba đường.
10 / - Hóa thân ở phương Dưới, gọi là Chân Hoàng Động Thần Thiên Tôn, ở ngôi U Đô, danh trên mười vua, cai quản Phủ La Phong, quyền hành thẩm tra luật lệ, có sanh lại có tử, phân định rõ ràng mà thi hành, không phe lệch không, khảo xét ba cõi u minh, ngày trước đã làm, nay sao thoát khỏi.
* Trên là nói chức năng của Thiên Tôn ở mười phương, thể hiện quyền hạn của Địa Phủ Minh Vương Nay nói. Đến việc quản lý Quỷ Thần ở Cửu U Tuyền Khúc Minh Phủ Cũng hóa sanh thành. Minh Vương Chân Quân, phương vị , nơi cư ngụ và ngày Đản thần như sau: --
1 / - Ở phương Đông, gọi là Nhất điện Thái Tố Diệu Nghiêm Chân Quân Tần Nghiêm Đại Vương, cư Huyền Minh Cung, Đản thần ngày mùng một hai tháng.
2 / - Ở phương Nam, gọi là Nhị điện Âm Đức Định Hưu Chân Quân Sở Giang Đại Vương, cư Phổ Minh Cung, Đản thần ngày mùng một ba tháng.
3 / - Ở phương Tây, gọi là Tam điện Động Minh Phổ Tĩnh Chân Quân Tống Đế Đại Vương, cư Củ Tập Cung, Đản thần ngày mùng tám tháng hai.
4 / - Ở phương Bắc, gọi là Tứ điện Huyền Đức Ngũ Linh Chân Quân Ngũ Quan Đại Vương, cư Thái Hòa Cung, Đản thần ngày mười tám tháng hai.
5 / - Ở phương Đông Bắc, gọi là Ngũ điện Tối Tạng Diệu Linh Kỳ Quân Diêm La Đại Vương, cư Củ Luân Cung, Đản thần ngày mùng tám tháng Giêng.
6 / - Ở phương Đông Nam, gọi là Lục điện Bảo Túc Chiêu Thành Chân Quân, cư Minh Thần Cung, Đản thần ngày mùng tám tháng ba.
7 / - Ở phương Tây Nam, gọi là Thất điện Đẳng Quan Minh Lý Chân Quân Thái Sơn Đại Vương, cư Thần Hoa Cung, Đản thần ngày hai mươi bảy tháng ba.
8 / - Ở phương Tây Bắc, gọi là Bát điện Phi Ma Diễn Khánh Chân Quân Đô Thị Đại Vương, cư Bích Chân Cung, Đản thần ngày mùng một tháng tư.
(Sách "Thập Vương Cáo Bốc" nói là điện thứ chín, còn điện thứ tám là Bình Đẳng Vương, nhưng xét ý tứ không hợp, nên chỉnh lại như trên).
9 / - Ở phương trên, gọi là Cửu điện Vô Thượng Chính Độ Chân Quân Bình Đẳng Đại Vương, cư Thất Phi Cung, Đản thần ngày mùng tám tháng tư.
10 / - Ở phương dưới, gọi là Thập điện Ngũ Hoa Uy Linh Chân Quân Chuyển Luân Đại Vương, cư Túc Anh Cung, Đản thần ngày hai mươi bảy tháng tư.
* Tài liệu tham khảo:
"Thái Thượng Tam Động Biểu Văn",

"Thái Nhất Cứu Khổ Hộ Thân Kinh",
"Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn Thuyết Bát Độ Huyết Hồ Bảo Sám"
* Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk).

72. TIÊN THIÊN TÔN THẦN
Đông Vương Công
(Lần đầu Thiên Tôn Đức Chúa Trời)
Đông hoàng tử .



TIÊN THIÊN TÔN THẦN
Đông Vương Công

* Đông Vương Công còn gọi là Mộc Công, Đông Vương Phụ, Phù Tang Đại Đế, Đông Hòa Đế Quân.
-Khởi đầu, là một vị nam thần của thần thoại Trung Quốc, về sau Đạo Giáo nâng lên thành lãnh tụ của tất cả nam thần, hai tông phái Đạo Giáo phương Nam và phương Bắc đều tôn Ngài làm Thủy Tổ.
* Danh xưng Đông Vương Công xuất hiện sau Tây Vương Mẫu khoảng vài thế kỷ Trọng ". Hán Thượng Phương Ký Minh" đã có nêu tên Ngài nhưng chưa có sự tích rõ ràng. Là sớm nhất trong "Thần Kinh Dị" mới nói về sự tích của Ngài Đông Vương Công.
-Về quyển sách này, ghi tên tác giả là Đông Phương Sóc. Nhưng trong quyển "Tứ khố Toàn Thư Tổng Mục - 142 quyển" lại nói: - "Sách nay theo Lưu Hướng trong Thất Lược không thấy ghi tên, có lẽ làm đời sau mượn danh "Trọng Tấn. Thư cũng không thấy ghi tên Thần Kinh Dị Tóm lại,. sách ghi tên tác giả Đông Phương Sóc, người chú giải là Trương Hòa, là thực sự làm các văn sĩ đời Lục Triều viết mà thôi.
* Sách nay mô phỏng theo "Sơn Hải Kinh" để phân chia khu vực thành ra "Đông Kinh Hoàng", "Đông Nam Hoàng Kinh" làm thành chín thiên Trọng Đông. Hoàng Kinh nói: - "Đông Vương Công ở trong thạch thất lớn núi Đông Hoàng Ngài cao một trường,. đầu tóc bạc phố, thân người, mặt chim mà đuôi cọp, bên cạnh có một con gấu đen, đi đâu cũng theo Thường cùng. Ngọc Nữ chơi "nem hồ", mỗi lần nem đến một ngàn hai trăm lần, người cho là mạnh mẽ, có lúc lại nem giả bộ (đùa) nên không đón tiếp (quả hồ), lấy đó làm trò cười ".
- "Trung Hoàng Kinh" nói: - "Núi Côn Lớn có trụ đồng, cao ngất trời, nên nói rằng" trụ chống trời "Chu vi. Ba Ngan dam, nhìn cao chót VOT Dưới có. Thạch thất, vuông trăm trường, chín phủ tiên nhân ở đây Trên có. con chim lớn, gọi là "Hi Hữu", đầu quay về Nam

Giang cánh trái che. Đông Vương Công, Giang cánh phải che Tây Vương Mẫu. Trên lưng có một chỗ nhỏ không có lông vũ, đập rộng một vạn chín trăm Tây Vương Mẫu. leo lên cánh mà đến với Đông Vương Công ".
-Danh xưng Đông Vương Công xuất hiện, có liên quan mật thiết den văn hóa Trung Quốc Theo quan. Niệm âm dương, ngũ hành của Trung Quốc, khi đã có vị thần thuộc âm, tất phải có vị thần thuộc dương Nữ thần. là Tây Vương Mẫu, phương Tây thuộc kim, nên gọi là Kim Mẫu Đối đãi. lại, nam thần phải xưng là Đông Vương Công, phương Đông thuộc mộc, nên xưng là Mộc Công Còn về văn hóa phối hợp thì. Tây Vương Mẫu là phối ngẫu của Đông Vương Công vậy.
-Từ đó, khi nói về Tây Vương Mẫu, tất phải đề cao Đông Vương Công, xếp Ngài ở trước Vương Mẫu Sở dĩ có chuyện đến sau mà ở trước,. Là vì phải theo tôn ti tự trát của văn hóa Trung Quốc và tinh thần trọng nam Khinh nữ làm chủ đạo.
* Sách "Hải nội thập châu ký" (ghi tác giả là "Đông Phương Sóc") nói: --
"Ở cõi Phù Tang về bờ phía Đông của Đông Hải, trong" biển Biec "có đập trăm địa phương, có trên cung Đại Đế, do Ngài Thái Chân Đông Phụ Vương trị vì ở đó" Từ đó., Phù Tang có liên quan đến Đông Vương Công, trở thành trú xứ của Ngài. Điều nay giống như núi Côn Lớn có liên quan đến Tây Vương Mẫu, trở thành nơi cư ngụ của Bà Đông Vương. Công làm vậy cũng có tên là Phù Tang Đại Đế.
* Cũng đồng quan điểm như trên, trong quyển "Nguyên Thuỷ Thượng Chân Tiên Chúng Ký" phần phụ đề Chăm Trưng Thư của Cát Hồng nói: - "Khi chưa phân lưỡng nghi (âm dương), trời đất còn hỗn độn, đã có Nguyên Thủy Thiên Vương Khi đã. phân âm dương, Nguyên Thủy Thiên Vương tinh thông khí kết cùng Thái Nguyên Thánh Mẫu, sanh ra "Phù Tang Đại Đế Đông Vương Công, hiệu là Nguyễn Dương Phụ (cha nguyên dương), kế đó mới sanh ra Tây Vương Mẫu "Các Tiên thì ba ngày chầu Phù Tang Công., ba ngày chầu Tây Vương Mẫu" Lại nói.: - [Phù Tang Đại Đế là khí nguyên dương, trị vì phương Đông, nên đời gọi con trai của vua chúa là "Đông cung"].
* Phù Tang Đại Đế cư nơi Bích Hải (biển Biec), bốn bề cuộc đất ba Ngan dam vuông, trên đó có Cung Thái Chân ... tiên chúng vô lượng vô số, các vị Huyền Châu, Phương Trường chưa lên trời ở tại đó Cũng giống như nói về Tây. Vương Mẫu, những "sự tích" về Đông Vương Công có rất nhiều, không biết được đúng sai ra sao cả.
-Theo "Thượng Thanh Huyền Kỷ Thất Thánh Kinh" phần "Phù Tang Đại Đế Quân" nói Ngài là một người có vị trí rất cao trong bảy vị Thánh Phái Thượng Thanh xuất hiện vào thời kỳ. Tùy Đường của Nam Bắc Triều. Sách nay hiện nay bị thất lạc, chưa tìm thấy.
-Trọng "Thái Bình Nghiêm Ký" quyển một phần "Nói về Mộc Công", phần cuối có đề cập đến Vân Tiên Thập Vị. Sách này không biết tên tác giả, được sách Tục Sự Thủy, đời Đường, trích dẫn như sau : - "Mộc Công, tức là Đông Vương Phụ hay Đông Vương Công, là nguyên khí thuần thanh, có trước muôn vật, đầu đội mạo Tam Duy, mặc y phục bằng mây màu răng chín, cũng có hiệu là Ngọc Hoàng Quân. Hưng nam nữ đắc đạo, được lập danh sách ở đó Hồi đầu. nhà Hán, trẻ con thường phổ biến bài hát "mặc quần áo xanh, vào thiên môn, ra mắt Kim Mẫu, bái Mộc Công Lạy" Cho nên. Sau này , khi có người đắc đạo, đời thường nói là "được gặp Kim mẫu, lễ Lạy Mộc Công" là do sự tích này.
-Theo sách "Tam Giáo sưu thần đại toàn" của Tăng Toản cuối đời Nguyên đầu nhà Minh, một quyển nói về Đông Hòa Đế Quân, viết: - "Khi đạo khí ngưng lại động, liền sanh ra Mộc Công, nơi cư biển Đây là Biec. khí thuần dương ở Đông phương, gọi là Đông Vương Công, cùng với Tây Vương Mẫu sanh ra trời đất, nuôi lớn muôn vật. Phạm mười phương trong trời đất nam nữ có đăng tiên, đều làm hai vị duyệt nay xét ".
* Sáu lại nói, "khảo cứu theo sách trước, nói là ... hiệu Đông Vương Công, hay Thanh Đồng Quân, Đông Phương Gia hoặc Thanh Đề Đế Quân (có lẽ là Thanh Đồng, làm nhầm chép, người dẫn chú giải). Danh hiệu tuy nhiều, nhưng cũng chỉ là một vị Đông Hòa thôi Vua

phong. chức "Đông Hòa Dương Tử Phủ Thiếu Đế Quân" vào tháng Giêng năm Điệt Nguyên thứ sáu.
* Qua các sử liệu nêu trên, chúng ta thấy là các đạo sĩ đã dùng rất nhiều danh hiệu để nói về Đông Vương Công Cuối cùng., Sự tích được chấp nhận vào đời Nguyên là: - "Sự tích về Đông Vương Công ra đời sau sự tích Tây Vương Mẫu Ngài xuất hiện làm người phối ngẫu cho Tây Vương Mẫu,. để hoàn chỉnh vấn đề: - Tây Vương Mẫu là lãnh tụ của nữ thần, Đông Vương Công là lãnh tụ của nam thần.
* Xét lịch sử thì thấy, thời nhà Đường và Bắc Tống, trong danh sách các Thần của đạo sĩ, không có tên Đông Vương Công Đến đời Nam Tống mới. Đưa vào danh sách, đứng trước Tây Vương Mẫu.
Trong một khoa nghi quan trọng thời Nam Tống là "Kỳ tự bái chương đại tiêu nghi", có thần thỉnh danh sách, Đông Vương Công đứng thứ mười chín với tên là "Đông Hòa Mộc Công Đạo Quân".
-Đến khi Kim Doãn viết sách "Tán đàn thiết tiêu phẩm thượng" trong ba trăm sáu mươi vị thần liệt kê, Đông Vương Công được nâng lên vị trí thứ mười, với tên "Đông Hòa Thượng Tướng Mộc Công Thành Đồng Đế Quân" .
-Đến Lữ Nguyên Tố trong "Huỳnh Lục La Thiên nhất thiên nhị bách phân vị" thời Nam Tống, quyển thứ ba là "Đạo Môn định chế" chín xếp hạng mục thần thỉnh, trong đó có tên "Thủy Phủ Phù Tang Đại Đế "là vị đứng đầu thủy phủ.
-Cho dù, Đông Vương Công xuất hiện sau Tây Vương Mẫu, nhưng vì Ngài là nam tính, nên phải xếp địa vị cao hơn Ngài Tây Vương Mẫu, cho đúng với truyền thống "trọng nam nữ Khinh" thời bây giờ Việc nay. xay ra vào lúc hai tông phái Nam, Bắc Đạo Giáo hợp nhất thời nhà Nguyễn, tranh nhau chọn tướng Tổ nâng, cuối cùng nhất trí chọn Đông Vương Công làm "Tổ Sư" chung cho hai tông.
-Đạo Sĩ Tần Chí An đời Nguyên viết một quyển sách trong bộ "Kim Liên Chánh Tông Ký" nói về Đông Hòa Đế Quân: --
"Đến chỗ toàn chân của đạo, có sự nhen nhúm gầy dựng lâu dài Từ bậc. Cao nhất nói là Kim Mẫu, kế thay bằng Bạch Vân, rồi nay bằng Đế Quân" Đế Quân. Ở đây là chỉ cho Đông Hòa Đế Quân , tức Đông Vương Công Lại nói tiếp:. - "Đế Quân họ Vương, tự Huyền Phù, đạo hiệu là Đông Hòa Tử", Ngài đã "trải qua trăm ngàn đời mà dung nhan vẫn không già bị Ngài xiên. dương tông huyền , phát huy lẽ ảo diệu sâu kín, giúp đời cứu vật, đức sâu lớn như trời, nên thiên chân ban hiệu là Đông Hoa Đế Quân, còn gọi là Tứ Phủ Thiếu Dương Quân Ngài đã truyền thụ cho học trò là. Chính Dương Chân Nhân Chung Nhữu Phòng (Chung Nhữu Quyền) "Vì muốn đề cao phái Toàn Chân,. nên chỉ dựa vào một sự tích nhỏ rồi phóng đại thành chuyện lớn, để rồi phái Toàn Chân tôn Ngài làm" Đệ Nhất Tổ "vậy.
-Như vậy, Tần Chí An cho Đông Hòa Đế Quân (Đông Vương Công) một cái tên thế tục là Huyền Phù, tôn lên làm Đệ Nhất Tổ của Toàn Chân Giáo Ngài là. Thầy của nhân vật đời Hán là Chung Nhữu Quyền.
-Kế đến sách "Kim Liên Chính Tông Tượng Vân" đã sửa đổi lại tiểu sử Ngài là: - "Đế Quân họ Vương, không biết tên, sanh vào đời nào ở đâu không biết Ngài đắc. Đạo Thái Thượng, ẩn núi Côn Lớn, hiệu là Đông Hoa Đế Quân, sau dời qua Ngũ Đài Sơn, động Tử Phủ, hoặc xưng là Tử Phủ Thiếu Dương Quân Sáu dời lại đến Chung Nam Sơn,. động ngưng Dương, dạy đạo cho Chung Nhữu Quyền "
* Một truyền thuyết khác, trong sách "Vân Tiên Thập Vị" nói: - "Đế Quân là nguyên khí thuần dương, có trước muôn thần. Ở Cư cung Thái Thần có làm tía lộng mây che phủ, mây xanh bao quanh làm thành , đã dạy làm cho muôn ức người thành tiên, cho nên các Tiên tôn Ngài làm Lão Quân.
Nói là họ Vương, để nêu lên tính tôn quí cao thượng của Ngài, chứ không phải là họ tộc thế gian, phải hiểu chỗ tinh tế đó ".
- Vua Nguyên Thế Tổ phong là hiệu: - "Đông Hòa Dương Tử Phủ Thiếu Đế Quân".

- Vua Vũ Đế gia phong làm "Đông Hòa Tử Phủ Phụ Nguyên Lập Cực Đại Đế Quân".
* Khả Đạo Xung trong "Huyền Giáo Đại Công Án" nói: - "Việc thống lãnh Đạo giáo, đến nau đã lâu Trước kia., Đức Lão Tử Đạo Đức Kinh đem giao cho Doãn Hi, mười đệ tử của Doãn Hi đều đượ chỗ kỳ diệu, nên trước sau nối nhau làm Tổ Nay,. Đế Quân ở Kim Khuyết tiếp theo thống lãnh, truyền cho Đông Hòa Đế Quân, Đế Quân truyền cho Chung Nhữu Tiên Quân, Chung Nhữu truyền cho Thuần Dương Tiên Lữ Quân. "
* Đạo giáo ở đời Lữ Hậu chia ra làm hai tông Nam, Bắc Nguyện Đặng. Kỳ trong "Đạo Đức Kinh Chân Tâm Giải-Đại Đạo Chính Thống" nói khác chút ít: - "Nguyên Thủy Thiên Tôn tiếp truyền cho Lão Tử, đến An Sinh Kỳ, rồi Hoa Dương Chân Nhân, truyền tiếp Dượgn Chân Nhân Chính Chung nhữu Quyền, Thuần Dương Chân Nhân Lữ Thì Nhậm, Hải Thiêm Chân Nhân Lưu Huyền Anh Sáu phân. Nam, Bắc "Ở đây., Đông Hòa Đế Quân Vương Huyền Phủ biến thành Hoa Dương Chân Nhân, thực tế là đều nói đến Đông Vương Công.
* Cho dù Đông Vương Công có đến sau mà ở trên, địa vị cao hơn Tây Vương Mẫu đi nữa, ảnh hưởng của Ngài đối với dân gian vẫn không lâu dài bằng Tây Vương Mẫu.
Ngoại trừ trong các quán có đạo thờ cúng hình tượng Đông Vương Công ra, trong dân gian rất ít người biết đến Ngài Nếu có. Thì họ lại biết theo thần thoại sau: --
"Đông Vương Công còn gọi là Mộc Công, vốn tên là Nghê, tự là Quân Minh.
Lúc thế giới chưa có loài người trở về trước Ông đã hoá sanh ở trên. Bích Hải (biển xanh) mênh mang hoang vắng Tính tình ông trầm tĩnh, tâm linh thông suốt, tuy. Bề ngoài vô tác vô vi, trên thực tế ngược lại có thể giúp đỡ tạo hoá, dẫn dắt vạn vật Ông ta làm chủ dương khí trên thế gian trấn ở Đông phương.. Do đó có hiệu là Đông Vương Công Phạm tất cả nam nữ thành tiên đắc đạo trên trên trời,. đất, đều ở trong sự quản lý của ông Ông thường. vào ngày Đinh Mao lên đài trông tình hình tu tiên đắc đạo ở mọi nơi trên thế gian, phân định làm chín phẩm: --
Nhất phẩm là Cửu Thiên Chân Hoàng
Nhị phẩm là Tam Thiên Chân Hoàng.
Tam phẩm là Thái Thượng Chân Nhân.
Tứ phẩm là Phi Thiên Chân Nhân.
Ngũ phẩm là Trung Linh Tiên.
Lục phẩm là Chân Nhân.
Thất phẩm là Linh Nhân.
Bát phẩm là Phi Tiên.
Cửu phẩm là Tiên Nhân.
Các vị tiên này ngày sau thành đạo lên trời đều phải trước bái Vương Công Đông (Mộc Công) Sau đó. Bái yết Tây Vương Mẫu (Kim Mẫu), lễ rồi sau lay, mới có thể thăng tiên lên Cửu Thiên, vào Tam Thanh, tham lễ Thái Thượng Lão Quân mà gặp Nguyên Thuỷ Thiên Quân. "
* Nhược Thủy dịch
(Nguyên tác: - Trung Quốc tôn giáo thần minh-Thẩm Bình Sơn)
* Tài liệu tham khảo: --
"Tứ Kho Toàn Thư Tổng Mục"
"Thần Kinh Dị"
"Bút Ký Tiểu Thuyết Đại Quan"
"Hoàng Đông Kinh"
"Trung Hoàng Kinh"
"Tứ Kho Toàn Thư"
"Tứ Kho Tổng Mục Đề Yếu"
"Thần Vân Tiên"
"Ngũ Nhạc Chân Hình Đồ"
"Hán Vũ Đế Vân Nội"

"Tuỳ Thư • Kinh Tịch Chí"
"Đạo Tạng"
"Thái Bình Nghiêm Ký"
"Tâm Giáo Sưu Thần Đại Toàn"
* Nguồn: -- http://www.dk101.com/Discuz/viewthread.php?extra=page% 3D1 & = 84.462 tid

Phụ lục: --

## ĐÔNG VƯƠNG CÔNG
## (MỘC CÔNG)

* Trong quyển "Nguyên Thuỷ Thượng Chân Tiên Chúng Ký" phần phụ đề Chăm Trưng Thư của Cát Hồng nói: - "Khi chưa phân lưỡng nghi (âm dương), trời đất còn hỗn độn, đã có Nguyên Thủy Thiên Vương Khi đã. phân âm dương, Nguyên Thủy Thiên Vương tinh thông khí kết cùng Thái Nguyên Thánh Mẫu, sanh ra "Phù Tang Đại Đế Đông Vương Công, hiệu là Nguyễn Dương Phụ (cha nguyên dương), kế đó mới sanh ra Tây Vương Mẫu." Các Tiên thì ba ngày chầu Phù Tang Công, ba ngày chầu Tây Vương Mẫu "Lại nói.: - [Phù Tang Đại Đế là khí nguyên dương, trị vì phương Đông, nên đời gọi con trai của vua chúa là" Đông cung " .
* Phù Tang Đại Đế cư nơi Bích Hải (biển Biec), bốn bề cuộc đất ba Ngan dam vuông, trên đó có Cung Thái Chân ... tiên chúng vô lượng vô số, các vị Huyền Châu, Phương Trường chưa lên trời ở tại đó Cũng giống như nói về Tây. Vương Mẫu, những "sự tích" về Đông Vương Công có rất nhiều, không biết được đúng sai ra sao cả.
-Theo "Thượng Thanh Huyền Kỷ Thất Thánh Kinh" phần "Phù Tang Đại Đế Quân" nói Ngài là một người có vị trí rất cao trong bảy vị Thánh Phái Thượng Thanh xuất hiện vào thời kỳ. Tùy Đường của Nam Bắc Triều. Sách nay hiện nay bị thất lạc, chưa tìm thấy.
-Trọng "Thái Bình Nghiêm Ký" quyển một phần "Nói về Mộc Công", phần cuối có đề cập đến Vân Tiên Thập Vị. Sách này không biết tên tác giả, được sách Tục Sự Thủy, đời Đường, trích dẫn như sau : - "Mộc Công, tức là Đông Vương Phụ hay Đông Vương Công, là nguyên khí thuần thanh, có trước muôn vật, đầu đội mạo Tam Duy, mặc y phục băng mây màu răng chín, cũng có hiệu là Ngọc Hoàng Quân. Hưng nam nữ đắc đạo, được lập danh sách ở đó Hồi đầu. nhà Hán, trẻ con thường phổ biến bài hát "mặc quần áo xanh, vào thiên môn, ra mắt Kim Mẫu, bái Mộc Công Lạy" Cho nên. Sau này , khi có người đắc đạo, đời thường nói là "được gặp Kim mẫu, lễ Lạy Mộc Công" là do sự tích này.




-Theo sách "Tam Giáo sưu thần đại toàn" của Tăng Toản cuối đời Nguyên đầu nhà Minh, một quyển nói về Đông Hòa Đế Quân, viết: - "Khi đạo khí ngưng lại động, liền sanh ra Mộc Công, nơi cư biển Đây là Biec. khí thuần dương ở Đông phương, gọi là Đông Vương Công,

cùng với Tây Vương Mẫu sanh ra trời đất, nuôi lớn muôn vật. Phạm mười phương trong trời đất nam nữ có đăng tiên, đều làm hai vị duyệt nay xét ".
* Sáu lại nói, "khảo cứu theo sách trước, nói là ... hiệu Đông Vương Công, hay Thanh Đồng Quân, Đông Phương Gia hoặc Thanh Đề Đế Quân (có lẽ là Thanh Đồng, làm nhầm chép, người dẫn chú giải). Danh hiệu tuy nhiều, nhưng cũng chỉ là một vị Đông Hòa thôi Vua phong. chức "Đông Hòa Dương Tử Phủ Thiếu Đế Quân" vào tháng Giêng năm Điệt Nguyên thứ sáu.

* Qua các sử liệu nêu trên, chúng ta thấy là các đạo sĩ đã dùng rất nhiều danh hiệu để nói về Đông Vương Công Cuối cùng., Sự tích được chấp nhận vào đời Nguyên là:
"Đông Vương Công còn gọi là Mộc Công, vốn tên là Nghê, tự là Quân Minh.
Lúc thế giới chưa có loài người trở về trước Ông đã hoá sanh ở trên. Bích Hải (biển xanh) mênh mang hoang vắng Tính tình ông trầm tĩnh, tâm linh thông suốt, tuy. Bề ngoài vô tác vô vi, trên thực tế ngược lại có thể giúp đỡ tạo hoá, dẫn dắt vạn vật Ông ta làm chủ dương khí trên thế gian trấn ở Đông phương.. Do đó có hiệu là Đông Vương Công Phạm tất cả nam nữ thành tiên đắc đạo trên trên trời,. đất, đều ở trong sự quản lý của ông Ông thường. vào ngày Đinh Mao lên đài trông tình hình tu tiên đắc đạo ở mọi nơi trên thế gian, phân định làm chín phẩm: --
Nhất phẩm là Cửu Thiên Chân Hoàng
Nhị phẩm là Tam Thiên Chân Hoàng.
Tam phẩm là Thái Thượng Chân Nhân.
Tứ phẩm là Phi Thiên Chân Nhân.
Ngũ phẩm là Trung Linh Tiên.
Lục phẩm là Chân Nhân.
Thất phẩm là Linh Nhân.
Bát phẩm là Phi Tiên.
Cửu phẩm là Tiên Nhân.
Các vị tiên này ngày sau thành đạo lên trời đều phải trước bái Vương Công Đông (Mộc Công) Sau đó. Bái yết Tây Vương Mẫu (Kim Mẫu), lễ rồi sau lay, mới có thể thăng tiên lên Cửu Thiên, vào Tam Thanh, tham lễ Thái Thượng Lão Quân mà gặp Nguyên Thuỷ Thiên Quân.
* Năm đầu Triều Hán có một đám trẻ con ở trên đường vừa chơi vừa hát một bài đồng dao: "Mặc quần xanh, lên cửa trời, chào Kim Mẫu, bái Mộc Công". Thời ấy chưa có người nghe hiểu được ý nghĩa trong bài đó, chỉ có Trương Lương nghe hiểu được ben hướng về đám trẻ con lễ Lạy Đồng thời. bảo người bên cạnh nói: "Đám trẻ con này là Ngọc Đồng của Đông Vương Công".
Tây là hướng mặt trời lặn, đó là nơi khí Âm thanh dần nên thuộc Nữ phái; đối lại chữ Đông là hướng mặt trời mọc, khí Dương Thành dần nên thuộc Nam phái.
Nên nói ở phương Đông có Đông Vương Công, làm chủ Khí Dương; ở phương Tây có Tây Vương Mẫu làm chủ Khí Âm Đông Vương. Công còn được gọi là Mộc Công, vì theo Ngũ Hành, Mộc ở phương Đông Tây Vương Mẫu. cũng được gọi là Kim Mẫu, vì hành Kim ở phương Tây.
Đông Vương Công chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, làm chủ khí Dương quang; Tây Vương Mẫu chính là Đức Diêu Trì Kim Mẫu, làm chủ Khí Âm quang.
Theo truyền thuyết Trung Hòa, thì Tây Vương Mẫu là 1 bà lão từ bi sống trên núi Côn Luân (phía tây Trung Hoa đại lục) Bà họ. Dương tên Hồi và còn có tên là Uyển Cấm.Bà cùng chồng là Vương Công Đông ( Ngọc Hoàng Đại Đế) hòa hợp hai khí âm dương tạo ra trời đất thiên địa, họ là chủ nhân và cai quản mọi vật trên thế gian Bà cai. quản các nữ thần còn chồng bà cai quản các nam thần Trọng Tâm Thế bất. cứ ai muốn đăng thiên đắc đạo, khi lên

trời đều phải bái Mộc Công (Đông Vương Công), sau bái Kim Mẫu (Tây Vương Mẫu) mới có thể lên chín tầng mây và nhập vào trong Tam Thánh.
* Nguồn: - http://vi.wikipedia.org/wiki/

## 74. GIỚI THIỆU CỦA THẦN TIÊN

Hệ thống Thần Tiên trong Đạo Giáo có số lượng lớn quá, càng ngày càng tăng thêm . Đứng về mặt lý luận mà nói., Các vị thần là làm "Đạo Khí sinh hóa", mà đạo khí thì vô hạn, cho nên số thần cũng sẽ vô hạn Đạo khí. hóa sanh các vị thần nhân, chân nhân vô hạn.
-Đồng thời, người đắc đạo có thể thành Tiên, nghĩa là Tiên làm người tu thành Như vậy,. Số lượng Tiên sẽ ngày càng nhiều càng làm người tu có kết quả. Ngoài ra, người Trung Quốc có quan niệm là "người nào tạo ra nhiều công trạng đối với dân với nước thì sẽ chết thành Thần "Trong nước có rất nhiều chí sĩ nhân nhân, hiền đạt, liệt sĩ ... hoặc làm Triều đình (nay là nhà nước) hoặc làm dân gian. sùng bái tôn thờ Tất cả dần dần hợp. thành "một hệ thống thần tiên", số lượng quá nhiều mà nguyên lai không cùng một chỗ tạo ra, nên việc phân định hệ thống đẳng cấp rất khó khăn.
Trọng Đạo Giáo, rất coi trọng việc xếp hạng đẳng cấp Từ thời Đông Hán,. "Thái Bình Kinh" đã bắt đầu có sự sắp xếp thần tiên. Từ thời Ngụy Tấn Nam Bắc Triều về sau, các chi phái Đạo Giáo phát sanh ra nhiều, mỗi phái mỗi thờ Tổ Sư và tôn thần khác nhau, cho nên cái gọi là "thống nhất Đạo Giáo" là việc "khó vô cùng" Từ trước. đã có quyển "Nguyên Thủy Thượng Chân Tiên Chúng Ký" sắp xếp hệ thống thần tiên có lúc bây giờ còn tương đối ít, thế mà cũng đã có nhiều chỗ "khiển cương" (gan ép) Đến đời. Te Lương, Đào Hoằng Cảnh của phái Thượng Thanh sách viết "Chân Linh Vị Nghiệp Đồ" sách này. còn được dùng cho đến nay.
* Từ sau thời Đào Hoằng Cảnh, đội ngũ thần tiên càng gia tăng rất nhanh, không thể thống kê cho hết. Nhưng dựa vào lý luận cơ bản mà nói, chúng ta có thể nhận tạm chấp hệ thống đẳng cấp của Trung Thần Tiên Quốc theo thứ lớp sau: --
1. Tam Thanh, Tứ Ngự;
2. Nam Cực Trường Sinh Đại Đế, Đông Cực Cứu Khổ Thiên Tôn, Mộc Công Đạo Quân, Kim Mẫu Nguyên Quân và Tam Thập Nhị Thiên Đế (1);
3. Thập Thái Nhất (2), Nhật Nguyệt Ngũ Tĩnh, Bắc Đầu, Nhị Thập Bát Tú Tinh Quân;
4. Ngũ Đế, Tam Quan, Tứ Thánh;
5. L ịch đại truyền kinh trư danh pháp sư;
6. Ma Vương, Thần Vương, Tiên Quán;
7. Ngũ Nhạc và Phong Đô Địa Phủ Chư Thần;
8. Phù Tang Đại Đế và Thuỷ Phủ Chư Thần;
9. Thiên Xu Viện, Khu Tà Viện, Lôi Phủ (chủ Tể và chư thần);
10. Các vị Công Tạo, Sứ Giả, Kim Đồng, Ngọc Nữ, Hương Quân, Lại Dịch đẳng;
11. Thành Hoàng, Thổ Địa và các thần chúng thuộc sở.
* Chú thích: --
(1) Tam Thập nhị THIÊN ĐẾ
Tam thập nhị Thiên là 32 cõi trời. Mỗi Bốn phương phương có 8 cõi: 4 x 8 = 32 cõi trời.
A / - Theo Đạo Giáo Trung Quốc: --
Tam Thập Nhị Thiên / Tam Thập Nhị Đế
1.-Đông Phương Bát Thiên
Đường Huỳnh Thái Hoàng Thiên, Đế Úc Giám Ngọc Minh
Thái Minh Ngọc Hoàn Thiên, Đế Tu A Na Điền
Thanh Minh Hà Đồng Thiên, Đế Nguyên Dục Kinh Tế
Huyền Thái Bình Dục Thiên, Đế Lưu Độ Nội Tiên
Nguyên Minh Văn Cử Thiên, Đế Sửu Pháp Luân
Thượng Minh Thất Diệu Di Ma Thiên, Đế Điểm Huệ Diên
Vô Ngũ Hành Thiên Việt, Đế Chính Quang Định

Thái Cực Mông E Thiên, Đế Khúc Dục Cửu Xương

2.-Nam Phương Bát Thiên
Xích Dương Thiên Minh Hoà, Cẩm Thượng Đế Lý Chân
Huyền Minh Cung Thiên Hòa, Đế Không Đạo Sửu Âm
Diệu Minh Tôn Phiêu Thiên, Đế Trọng Quang Minh
Trúc Huỳnh Già Thiên Lạc, Diệu Đế Ma Di Biên
Hư Minh Đường Diệu Thiên, Đế Một Gia Lâu Sinh
Quán Minh Đoan Tịnh Thiên, Đế Úc Mật La Thiên
Huyền Minh Cung Thiên Khánh, Long Đế La Bồ Đề
Hoàn Thái Cực Đạo Thiên, Đế Uyển Nhữu Vô Diên

3.-Tây Phương Bát Thiên
Nguyên Tải Khổng Thăng Thiên, Chân Đế Khải Định Quang
Thái An Huỳnh Thiên Nhai, Đế Bà La Một Thám
Hiển Định Cực Phong Thiên, Chân Đế Chiêu Đồng
Mạng thuỷ Hoàng Hiếu Thiên, Đế Tát Lâu La Vương
Ông Thái Hoàng Trọng Phù Dung Thiên, Đế Mân Bà Cuồng
Vô Tư Giang Đỗ Thiên, Đế Minh Phạm Quang
Thượng Diệp Nguyễn Lạc Thiên, Đế Bột Bột Lâm
Vô Cực Đàm Thiên, Đế Phiêu No Khung Long

4.-Bắc Phương Bát Thiên
Hạo Đình Tiêu Độ Thiên, Đế Huệ Giác Hôn
Thông tin Uyên Nguyên Động Thiên, Đế Phạm Hành Quán Sinh
Thái Văn Han Sung Diệu Thành Thiên, Đế Na Dục Sửu Anh
Thái Tố Lạc Tú Cẩm Thượng Thiên, Đế La Giác Long Trường
Thái Hư Vô Thượng Thường Dũng Thiên, Đế Tổng hợp Giám Qui Thần
Thái Hư Ngọc Long Đẳng Thánh Thiên, Diệu Diệu Đế Hành Nguyên
Độ dài Biến Phạm Thiên, Đế Vận Thượng Huyền Huyền
Thái Cực Bình Dục Dịch Cổ Thiên, Đế Đại Trạch Pháp Môn

B / - Theo Phật Giáo: --
1 .- Phương Nam có tám cõi: --
Sơn phong thiên.
Sơn đỉnh thiên.
Thiện kiến thiên.
Bát tư tha thiên.
Cư sử thiên.
Tạp thiên điện.
Hoàn Hỷ viên thiên.
Quang minh thiên.

2 .- Phương Tây có tám cõi: --
Bà lý da đa thiên.
Lý Ngạn thiên hiểm.
Cốc Ngạn thiên nhai.
Ma ni tạng thiên.
Triển hành thiên.
Kim điện thiên.

Man hình thiên.
Như huyền thiên.

3.-Phương Bắc có tám cõi: --
Tạp trang nghiêm thiên.
Như ý thiên.
Vi tế thiên.
Cà âm Hỷ lạc thiên.
Oai đức luân thiên.
Nhựt hành thiên.
Diễm ma na ta la thiên.
Tốc hành thiên.

4 .- Phương Đông có tám cõi: --
Ảnh thiên chiếu.
Trí huệ hành thiên.
Chúng phân thiên.
Man đà la thiên.
Thượng thiên hành.
Oai đức thiên nhan.
Oai đức Diễm luân quang thiên.
Thanh tịnh thiên.
* Mỗi cõi có một vị Thiên Đế cai quản nên có ba mươi hai vị Thiên Đế Ở giữa. Là Trời Đế Thích cai quản.
* Hoặc xếp theo nhóm như sau: --
A. - TIÊN THIÊN TÔN THẦN: --
1 .- TAM THANH: - Nguyên Thủy Thiên Tôn-Thái Thượng Lão Quân-Linh Bửu Thiên Tôn Đứng đầu. Hệ thống Thần Tiên.
2 .- TỨ NGỰ: - Ngọc Hoàng Đại Đế, Trung Thiên Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng Đại Đế Và Hoàng Hậu Thổ Địa Kì Chủ tế. Của trời đất vạn vật.
3.-Tây Vương Mẫu và Lôi Tổ.
B.-TINH QUÂN: --
-Chân Vũ Đại Đế (Huyền Thiên Thượng Đế)
-Thái Tuệ Tĩnh Quân. (60 vị)
-Nhị Thập Bát Tú.
-Bắc Đầu Thất Tĩnh.
-Đầu Mẫu.
-Văn Xương Đế Quân.
C.-THẦN sông núi .
-Bích Hà Nguyên Quân.
-Đông Nhạc Đại Đê.
-Lôi Bộ Ngũ Nguyên Soài Rạp.
Công-Điện - Điện Mẫu
-Lôi Công.
-Vũ Sư
-Phong Bá
-Long Vương.
D. - THẦN ĐẤT ĐAI: --
-Phước Lộc Thọ Tam Tinh.
-Thành Hoàng

-Thổ Địa.
-Thần Tài.
-Môn Thần.
E. - U Minh CẢNH GIỚI: --
-Phong Đô Đại Đế.
-Thập Điện Diêm La Vương.
* Đây chỉ là tạm thời đề xuất, bởi vi phạm hệ Thần Tiên của Đạo Giáo rất "mở rộng", dựa trên cơ sở lý luận chủ đạo: - "Người người đều có khả năng thành Tiên, đời đời đều có thể học tiên ", cho nên đội ngũ Thần Tiên ngày càng nhiều thêm và phong phú thêm lên.
* Việc sắp xếp theo trên theo tiêu chuẩn là "Vị và Nghiệp" "Nghiệp.", Là chỉ cho việc tu đạo đạt đạo hạnh cao thấp, sự cống hiến lớn hay nhỏ, nội đức dày hay mỏng; "Vị", là chỉ vị trí, địa vị ở Tiên Giới Phạm ông. nghiệp ưu thì vị càng cao càng Như vậy., nghiệp và vị nhất trí với nhau Về điểm. này, Mạnh An trong Bài "Đạo Giáo Nghĩa Từ" từng giải thích rõ ràng , có thể tham khảo sách này.
* Có một cách tổng quát xếp loại Thần Tiên thành ra chín phẩm, theo như cách làm của Thần Tiên Truyện như sau: --
1 .- Thượng Tiên
2 .- Thứ Tiên
3 .- Thái Thượng Chân Nhân
4 .- Phi Thiên Chân Nhân
5 .- Linh Tiên
6 .- Chân Nhân
7 .- Linh Nhân
8 .- Phi Tiên
9 .- Tiên Nhân




* Trọng "Bảo Phác Tử nội thiên-Luận Tiên" lại chia làm: - Thiên Tiên, Địa Tiên và Thị Giải Tiên (Tiên bỏ thây thi) [lại thì chết bỏ thây, nhưng hồn Tiên thành biến, mọi người Chỗ này hạng còn hạng kém hơn "giữa ban ngày phi thăng lên cõi trời" bậc một].
* Vương Trung Dương Nội và các Đan Gia thường chia thành Thiên Tiên, Địa Tiên, Nhân Tiên, Thần Tiên, Quỷ Tiên năm cấp khác nhau.
* Theo một thuyết được đa số người chấp nhận là: - "Kết quả tối cao của người học theo Đạo Giáo là, phi thăng về Đại La Thiên, nơi cư ngụ của vị thần tối cao tôn Nguyên Thủy Thiên Tôn, thành ra một vị Đại La Kim Tiên là hay hơn cả.

* Người viết: - Lưu Trọng Vũ
* Nhược Thủy dịch
(từ http://www.taoism.org.hk)
Xin theo dõi tiếp bài 16. dienbatn giới thiệu.

---

# THẦN THÁNH TRUNG HOA .NHƯỢC THỦY DỊCH . BÀI 16 - HẾT TẬP 1.

*Thứ Năm, ngày 09 tháng 4 năm 2015*

## THẦN THÁNH TRUNG HOA

Bản dịch của Nhược Thủy - dienbatn giới thiệu.

LỜI NÓI ĐẦU : Đây là bản dịch rất công phu của Nhược Thủy trong trang Hoangthantai . Nay không còn thấy trang này hoạt động nữa. dienbatn chép lại vào đây để làm tư liệu . Mong bác Nhược Thủy cảm thông.

## THẦN THÁNH TRUNG HOA TẬP I

Lời giới thiệu:- Nhận thấy từ trước đến nay, người Việt Nam chúng ta theo phong tục tập quán của người Trung Hoa, nên đã tin tưởng và thờ phụng rất nhiều vị Thánh, Thần giống như người Trung Hoa. Tài liệu giải thích về các Ngài thì quá ít và không có cơ sở khảo cứu , chỉ theo truyền khẩu nhiều hơn. Nay tôi xin cố gắng dịch những tài liệu nầy từ một Website có uy tín và khảo cứu cẩn thận, xin kính tặng tất cả huynh đệ trong 4R-HTT. Nếu có chỗ nào sai sót, xin quí cao nhân hoan hỉ chỉ bảo cho (kèm theo nguyên tác để quí vị dễ đối chiếu). Xin thành thật cảm ơn quí huynh đệ.
Nhược Thủy
( Mùa Hạ năm Mậu Tí-2008).

### 75.-Giới thiệu tóm tắt Thần Thánh Trung Hoa theo lịch sử .

Tổng quát về Thánh Thần Trung Hòa
Vào thời kỳ viễn cổ, những người nguyên thủy đối với các hiện tượng phát sinh trong Đại tự nhiên như: - mặt trời, mặt trăng, các sao, ao hồ sông biển, núi đá đất cát, hoa cỏ cây Cối, sấm sét nước lửa, tối sáng mưa gió, mong trời răng trời ... Họ không biết được đó là tự nhiên mà cho rằng "có một chủng loại nào không biết đó sinh ra các thứ trên". Từ đó sinh ra tín ngưỡng đầu tiên của con người mang tính cách "thần thoại" như: - Phong Thần có gió, lửa có Hỏa Thần, nước có Thủy Thần ... sau trở thành quan niệm muôn vật đều có thần linh cả Quan niệm nay là một bộ phận quan trọng trong đời. sống của người thời xưa. Tín ngưỡng nay nói chung là "kính trọng các vật thể siêu tự nhiên".
Thần linh hồi ban đầu, có tài biến hóa vô cùng, mà không nghe tiếng có, mà thấy không có hình, đi lại không tung tích Thời kỳ. Đó, người nguyên thủy sùng bái các Thần, không thấy các Thần ở chỗ thân thiết, mà là thấy các Thần ở chỗ đáng sợ Mong mỏi. các Thần đừng tai họa giáng xuống cho họ, vì thế, những vị Thần của người nguyên thủy đa số là nửa người, nửa cầm thú hoặc nửa loài bò sát ... hoặc hỗn hợp các loài đó với nhau, quái thành những vật không thể nghĩ bàn.
Rồi nhân loại tiến hóa dần, những vị Thần, không còn là chỗ sợ hãi, là chỗ giáng tai họa cho người nữa, mà trở thành chỗ để con người cầu xin phước huệ lợi lộc Cho nên., Chỉ trừ các loại "Ôn thần "(thần gây bệnh dịch) đại đa số các vị thần đều là" Thần Bảo Hộ "cho con người. Do vậy, sự sùng bái thần dần dần được" Nhân Hình Hóa "(hóa thành hình người) và tạo ra các hình tượng để thờ cúng.

Thời cổ đại đời nhà Chu, dân gian đã có sự lưu truyền việc sùng bái thần linh, tư tưởng và nghi lễ cúng tổ tiên Từ sau. Nho gia khi khởi hưng, đã nhấn mạnh đến các việc đề cao công đức của việc cứu nước cứu dân, những hành vi trung hiếu tiết nghĩa của các bậc cổ thánh tiên hiền, nói chung là những cống hiến đối với xã hội Từ đó., phát triển mộ bước từ "Thần Linh" hát "Thần Minh" (thần cách hóa những người có công).
-Đời nhà Hán thì Đạo Giáo hưng khởi, đề xướng các việc "tu tâm dưỡng mệnh" "Trường sinh Bất lão", "Tôi cát Tị treo", cùng các pháp "Luyện đan", "Thổ nạp" vv ... Những lý thuyết ấy cộng với sự phục hưng tư tưởng của Thần Đạo cổ đại, làm cho nội dung thần thoại vô cùng phong phú, rồi được gia thêm lễ nghi, cộng với những khát vọng về nhu cầu đời sống, về sự sợ hãi chết chóc ... khiến cho số lượng Thần càng ngày càng tăng rất nhiều lên Những vị Thần về sau gọi "thần được phong" hay "thần được tạo ra.".
-Đồng thời khi ấy, Phật Giáo du nhập vào Trung Hòa, với những lý thuyết về nhân quả, báo ứng, lưu chuyển ba đời, sáu đường luân hồi, thiên đường địa ngục ... thêm một lô danh sách phong phú những Thần Quân , được nhân dân tiếp thụ dần dần trở thành tín ngưỡng thần kì.
-Đến đây có sự hỗn đồng của "thần các thần làm cách hóa" và "thần làm các nhân cách hóa", nổi bật là tổ tiên của con người thế tục và các vị Thánh Hiền cũng lên được cách thăng "Thần Minh" Tiêu chí. bắt buộc của Thần là: - "Thông minh, Từ bi, Chính trực" Theo tiêu. chí đó, đời sau ông đã có những vị đế vương, anh hùng, những vị cứu dân độ thế ... cũng được đưa nhân dân vào danh sách các thần Phụng để thờ cúng bái.
-Trong cuộc lữ trình của người con, phải chấp nhận những biến hóa khôn lượng trong cuộc sống, những cái mà con người không thể tự cứu, tự định đoạt được đó Từ., Nhu cầu của các thần bảo hộ về mặt con người đã thể hiện qua những truyền thuyết, nói lên những yêu cầu nội tâm, nguyện vọng hoặc lý tưởng của con người Tất cả. đã trở thành lực lượng mạnh mẽ của tâm lý, chi phối cuộc sống nhân loại.
Ta gọi đó là "Kính Thần Quân" (quan niệm tôn kính thần), và câu nói phổ biến: --
Thảo vọng Xuân sinh, nhân vọng thân phù "(cỏ chờ mùa Xuân đến đê sinh sôi nảy nở, người chờ chư Thần phù hộ để sung sướng khổ bớt).
Đại bộ phận các tôn giáo đều nhằm vào mục tiêu "khuyên dạy người làm lành lánh dữ", còn dân chúng có tín ngưỡng, sùng bái Thánh Thần là để cầu xin ban phước Việc tìm hiểu kỹ về "lý lịch". Thần Thánh ít có ai làm đến nơi đến chốn, chỉ đơn giản một quan niệm "lay được nhiều Thần Thánh ở nhiều nơi là được các ngài phù hộ" Tính ". hỗn dung" trong tôn giáo cũng là tất yếu, nghi thức cúng tế có nguồn gốc từ nhiều tín ngưỡng khác nhau hợp lại mà thành Như việc. tổ chức tang lễ chẳng hạn, người con thuộc về Nho gia, nghi thức tống táng theo Đạo giáo, cầu siêu độ theo Phật giáo Đây là thí dụ điển hình. nhất cho việc "Tam giáo hợp nhất".
* Việc sùng bái tuy mang tính cách cá nhân, nhưng trải qua thời gian lâu dài, nhiều đời nhiều kiếp đã thành "thâm căn cố đế" (thâm căn cố đế), tín ngưỡng tôn giáo ngày càng cao, càng đa dạng phức tạp hơn Không có một. tôn giáo hay tín ngưỡng nào mà còn giữ nguyên được "trạng thái ban đầu" cả. Đạo giáo cũng không thoát ra khỏi qui luật khách quan ấy Cho nên., việc đánh giá một vấn đề nào đó, là "mê tín" hay không, là cả một việc hết sức khó khăn, phải dè dat cho lắm.
* Việc cúng tế tổ tiên, nhiều đời dã làm, đến nay và về sau có lẽ cũng không dứt , nhưng có ai khẳng định được hay có "không có cái gọi là Tổ Tiên" ấy? Tổ tiên trong lòng con mắt và mọi người, là quan trọng nhất Bởi vì. ơn nghĩa sanh thành, dưỡng dục, sánh với trời cao biển rộng Những luân. lý đạo đức đã thành nếp, khắc sâu vào tâm khảm mọi người, mọi thế hệ như: - kính trọng người trên, báo hiếu cha mẹ, thờ cúng tổ tiên ... thì đối với một gia đình nào đó, có thể là họ không có thờ Phật, không có thờ Thần của Đạo giáo ... nhưng không thể không thờ kính tổ tiên, dù bằng cách nay hay cách khác Điều nay cho thấy., khách quan mà nói, thờ kính tổ tiên vượt khỏi giới hạn của mọi tôn giáo.

* Nói về "Phả hệ" của Thánh Thần trong Đạo Giáo, vì đã kế thừa nào là tôn giáo xưa, thần thoại cổ tích, những nhân vật sống thành Tiên lâu, những anh hùng dân tộc được nhân dân kính ngưỡng Phụng thờ ... kết hợp với những vị thần Phật Giáo, Đạo Giáo ... lần lần hình thành một "hệ thống Thánh Thần" hết sức đa dạng và phức tạp, khó mà định hình thống nhất được.
* Phả hệ đầu tiên của Thánh Thần có nguồn gốc cơ bản là từ các vị "tôn thần" của Đạo Giáo (bao gồm các giáo chủ, các bậc đạo cao, các bậc được tôn xưng trong ba cõi vv ... cốt lõi của việc "hình thành Thánh Thần" là dựa vào ba yếu tố căn bản sau: - một là đạo, hai là khí, ba là hóa và sinh Hóa là "nhân cách. hóa các Thần" (từ sự sùng bái thiên nhiên hoặc Điểu thú linh hiển ...) và "Tiên hóa người tu hành".
* Đời Tống, các vị học giả đã cố gắng "hệ thống hóa" lại Phả hệ Thần Thánh trong Đạo Giáo, sơ bộ có mười một tầng lớp như sau: --
1. Tam Thanh, Tứ Ngự;
2. Nam Cực Trường Sinh Đại Đế, Đông Cực Cứu Khổ Thiên Tôn, Mộc Công Đạo Quân, Kim Mẫu Nguyên Quân Cập Tam Thập Nhị Thiên Đế (1);
3. Thập Thái Nhất (Thái Ất) (2), Nhật Nguyệt Ngũ Tĩnh, Bắc Đầu, Nhị Thập Bát Tú Tinh Quân;
4. Ngũ Đế, Tam Quan, Tứ Thánh;
5. Những vị Pháp Sư truyền dạy kinh sách nhiều đời;
6. Ma Vương, Thần Vương, Tiên Quán;
7. Ngũ Nhạc và Chư Thần của Phong Đô và Địa Phủ;
8. Phù Tang Đại Đế và Chư Thần của Thuỷ Phủ;
9. Các đáng chú Tể và chư Thần của Thiên Xu Viện, Khu Tà Viện, Lôi Phủ;
10. Các đang Công Tạo, Sứ Giả, Kim Đồng, Ngọc Nữ, Hương Quân, Lại Dịch vv ...;
11. Thành Hoàng, Thổ Địa Thần và các sở thuộc.

* Chú thích: --
(1) Tam Thập Nhị Đế
1.-Đông Phương Bát Thiên
Đường Huỳnh Thái Hoàng Thiên, Đế Úc Giám Ngọc Minh
Thái Minh Ngọc Hoàn Thiên, Đế Tu A Na Điền
Thanh Minh Hà Đồng Thiên, Đế Nguyên Dục Kinh Tế
Huyền Thái Bình Dục Thiên, Đế Lưu Độ Nội Tiên
Nguyên Minh Văn Cử Thiên, Đế Sửu Pháp Luân
Thượng Minh Thất Diệu Di Ma Thiên, Đế Điểm Huệ Diên
Vô Ngũ Hành Thiên Việt, Đế Chính Quang Định
Thái Cực Mông E Thiên, Đế Khúc Dục Cửu Xương
2.-Nam Phương Bát Thiên
Xích Dương Thiên Minh Hoà, Cẩm Thượng Đế Lý Chân
Huyền Minh Cung Thiên Hòa, Đế Không Đạo Sửu Âm
Diệu Minh Tôn Phiêu Thiên, Đế Trọng Quang Minh
Trúc Huỳnh Già Thiên Lạc, Diệu Đế Ma Di Biên
Hư Minh Đường Diệu Thiên, Đế Một Gia Lâu Sinh
Quán Minh Đoan Tịnh Thiên, Đế Úc Mật La Thiên
Huyền Minh Cung Thiên Khánh, Long Đế La Bồ Đề
Hoàn Thái Cực Đạo Thiên, Đế Uyển Nhữu Vô Diên
3.-Tây Phương Bát Thiên
Nguyên Tải Khổng Thăng Thiên, Chân Đế Khải Định Quang
Thái An Huỳnh Thiên Nhai, Đế Bà La Một Thám
Hiển Định Cực Phong Thiên, Chân Đế Chiêu Đồng

Mạng thuỷ Hoàng Hiếu Thiên, Đế Tát Lâu La Vương
Ông Thái Hoàng Trọng Phù Dung Thiên, Đế Mân Bà Cuồng
Vô Tư Giang Đỗ Thiên, Đế Minh Phạm Quang
Thượng Diệp Nguyễn Lạc Thiên, Đế Bột Bột Lâm
Vô Cực Đàm Thiên, Đế Phiêu No Khung Long
4.-Bắc Phương Bát Thiên
Hạo Đình Tiêu Độ Thiên, Đế Huệ Giác Hôn
Thông tin Uyên Nguyên Động Thiên, Đế Phạm Hành Quán Sinh
Thái Văn Han Sung Diệu Thành Thiên, Đế Na Dục Sửu Anh
Thái Tố Lạc Tú Cầm Thượng Thiên, Đế La Giác Long Trường
Thái Hư Vô Thượng Thường Dũng Thiên, Đế Tổng hợp Giám Qui Thần
Thái Hư Ngọc Long Đẳng Thánh Thiên, Diệu Diệu Đế Hành Nguyên
Độ dài Biến Phạm Thiên, Đế Vận Thượng Huyền Huyền
Thái Cực Bình Dục Dịch Cổ Thiên, Đế Đại Trạch Pháp Môn
Các nguồn "từ lâu, chiết trung, Thiên Chúa Sở không đồng nhất, phân cấp rõ ràng" như là đặc trưng của dòng dõi bất tử được xác định bởi các yếu tố truyền thống, các yếu tố tôn giáo, hạn chế các yếu tố, làm bằng không gian-thời gian.
* Phả hệ của Thần Tiên Đạo Giáo có đặc điểm "từ nhiều nguồn gốc khác nhau, cái nào cũng lấy vào, hệ thống tạp nhập, tầng thứ không rõ ràng". Có tình trạng Sở dĩ như thế vì các lý do sau: --
-tiếp thu theo truyền thống
-tiếp thu theo sở thích mỗi người
-tiếp thu theo từng giáo phái
-tiếp thu theo thời gian
-tiếp thu theo không gian, địa phương ...
Tất cả những thứ đó làm cho tổng thể trở thành phong phú nhập tạp nhưng hỗn loạn,, thứ lớp lao lộn, trùng lắp ... không thể nào có cái gọi là "lớp lang thứ bậc" hoàn chỉnh được.
* Tôn giáo là một hiện tượng phổ biến của lịch sử con người, đến nay thì tạm dừng. Chúng ta thấy rằng nhận, tất cả tôn giáo đều chứa yếu tố cơ bản là "tôn giáo của tự nhiên", nghĩa là làm sự sùng bái các yếu tố tự nhiên, các động thực vật, các linh Quỉ, tổ tiên, linh vật hay "TÔ-TEM", các ngẫu tượng vv ...
Những sùng bái từ nguyên thủy đến giờ vẫn còn dấu vết sinh hoạt trong xã hội hiện nay của các dân tộc trên thế giới Có thể. Nói tôn giáo nào cũng có sự kế thừa của tinh thần sùng bái thần linh cả.
* Đạo Giáo lại là một tôn giáo "cá biệt", không giống như các tôn giáo khác là "có một giáo chủ cụ thể", mà lại phát triển mở rộng đến mọi nơi, mọi lúc cầu xã hội Trung Quốc Trải dài. năm tháng, càng dày ngày càng sâu, không ngớt tồn tại và phát triển. Có người dùng câu "tạp nhi đa đoan" (phức tạp mà nhiều nguồn gốc) để nói về Đạo Giáo Ý ấy hàm nghĩa châm Biếm,. nhưng cũng phản ảnh thật đúng với tình trạng thực tế của Đạo Giáo.
* Khi nghiên cứu về Phả hệ của Thần Tiên trong Đạo Giáo, phải chấp nhận yếu tố "ảnh hưởng thần học" làm đầu mối Điều đó. Có nghĩa là, những tôn giáo tự nhiên của xã hội nguyên thủy Trung Quốc đã dần dần trở thành "tôn giáo của con người" (tôn giáo thần học). Thời đại Ân, Chu thì làm vì người đời Ân rất sùng bái Quỉ thần Như Chiêm bốc chẳng hạn., Ngày nay còn ghi lại nhiều "lời que" có đặc điểm thời nhà Ân Thời ấy,. Mỗi khi có việc gì cần giải quyết, họ đều hướng về "ĐẾ" để cầu xin ý kiến. Đế ở đây là chỉ cho "tổ tiên" (sách Vương Tân Nhật ghi) Đến đời. Chu, việc sùng bái Quỉ thần được ghi khá đầy đủ trong "Chu Lễ - Thiên Đại Tôn Bá "rằng: -" Chức năng của Đại Tôn Bá là có nhiệm vụ xây dựng Miếu Thờ cùng phụ trách việc cúng tế các Thiên Thần ". Thiên thần ở đây bao gồm: - Hạo Thiên Thượng Đế, mặt trời, mặt trăng, các sao, Thần Gió, Thần Mưa, Thần Xã Tắc (lúa gạo), Ngũ

Nhạc (năm núi lớn), Thần Rừng Núi, Thần Sông Nước, vật trăm bốn phương, nhân qui (tổ tiên của người) ".
Tôn giáo cổ đại của Trung Quốc có nguồn gốc từ các tín ngưỡng trên phát triển dần thành hệ thống những thiên thần, địa linh Quỉ nhân,, là những nhân tố khởi đầu của sự sùng bái thần linh của Đạo Giáo. Trọng sách các của Đạo Giáo nói "... trong những vị đắc đạo thiên sanh, cao nhất là Ngọc Hoàng ... dưới có sông núi Quỉ thần cầm thú, không ngoài sở đắc học hỏi của con người", "Ngũ Đế của cung Thái Thanh, là các vị thần của tự nhiên ".
Trọng đây, câu "các thần tự nhiên" là chỉ cho trời đất, trời trăng sao, núi rừng sông nước Như ". Ngũ Đấu Mễ Đạo" (đạo năm lít gạo) thì thờ ba vị (Tam Quan) của trời, đất và nước (Thiên, Địa, Thủy Quân), Đạo Thái Bình thì thờ Huỳnh Thái Ất ... tất cả đều có dấu vết sùng bái tự nhiên.
-Nguyên Thủy Thiên Tôn là vị tôn thần cao nhất của Đạo Giáo Theo sự. Mô tả của Cát Hồng đời Tấn trong "Chăm Trung Thư": - "Xưa chưa phân trời đất, toàn cõi mờ mit hỗn mang, vũ trụ chưa thành hình, mặt trăng mặt trời chưa có, giống như hột gà mới sanh, Lào lộn trắng đỏ, đã có vị Bàn Cổ Chân Nhân tức là tinh hoa của trời đất, hiệu là Nguyên Thủy Thiên Vương ". Lối nói nay là hoàn toàn dựa vào Từ Chỉnh, người nước Ngô thời Tam Quốc viết trong "Tam Ngũ Lịch Kỷ" về thần thoại Bàn Cổ khai thiên lập địa trước đây.
-Về hai danh xưng "Nguyên Thủy Thiên Vương" và "Nguyên Thủy Thiên Tôn" thì sách của Đạo Giáo cho là hai người khác nhau. Trọng "Chân Linh Vị Nghiệp Đồ" của Đào Hoằng Cảnh thời Nam Triều thì xếp Nguyên Thủy Thiên tôn và trung vị thứ nhất, còn Nguyên Thủy Thiên Vương là trung vị của "bốn vị bên tả" Còn giữa. Nguyên Thủy Thiên Tôn và Bàn Cổ Chân Nhân thì có mối liên hệ thông nhất là "Bàn Cổ là hóa thân của Nguyên Thủy ", như vậy hai người là một Thực tế., lại có" hai Bàn Cổ ", một là Bàn Cổ làm Nguyên Thủy hóa thân được thờ cúng trong Đạo Giáo, hai là Bàn Cổ làm thế gian sùng bái và ông tin chỉ Bàn Cổ khai thiên lập địa nay thôi Một thí. dụ nay cũng đủ nói lên "tính biến hóa" của Phả hệ Thần Tiên rồi!
* Trọng ảnh hưởng thần học truyền thống có tác động đến phả hệ Thần Tiên. Cũng phải nói đến việc kế thừa tập quán "sùng bái thánh hiền" Kinh điển. Sớm nhất của Đạo Giáo "Thái Bình Kinh" đã có tên của những "thánh nhân", "hiền nhân".
-Cát Hồng trong "Chăm Trung Thư" thì có Tam Hoàng Ngũ Đế.
-Thượng Thanh Chúng Tiên ký, Chân Linh Vị Nghiệp Đồ, Vô Thượng Bí Yếu và các "danh tác Đạo gia" đều có nêu nào là: - ba vua Nghiêu, Thuận, Ngũ, Thành Thánh của nhà Ân, Vũ Vương nhà Chu , te Hoàn Công, Hán Cao Tổ, Lưu Bị ... các thánh hiền như: - Khổng Tử, Nhan Hồi, Mặc Địch ...
* Trọng "Thái Thượng Cảm Ứng Thiên" đời Tống nói: - "Có ba loại hiền thánh, nhà Phật thì lấy những nhân vật trong Tam Thừa, thì Đạo gia lấy Ngũ Chủng Tiên, nhà Nho thì lấy các đồ đệ Khổng Mạnh" điều đó. phản ảnh chủ trương "Tam Giáo đồng nguyên" của thần học đương thời Như vậy,. khi nghiên cứu về Phả hệ thần thánh của Đạo Giáo không thể nào bỏ qua được mối "quan hệ hữu cơ" giữa ba tôn giáo Nho, Lão, Thích được.
* Một vấn đề cũng cần phải làm sáng tỏ là, giữa hai vị Thái Thượng Lão Quân là "Tổ của nguyên khí, bậc chí tôn của Đạo, gốc rễ của trời đất" và Nguyên Thủy Thiên Tôn "tinh hoa của trời đất, Tổ khí của Đạo lớn, tự nhiên sinh, không khí hình là, có hình là thần "thì giải quyết ai lớn hơn ai đây?. Việc nay thật khó vô cùng.
-Truy tầm nguyên ủy của vấn đề, hóa ra có sự khác biệt như vậy, là làm lúc đầu, Ngũ Đấu Mễ Đạo và Thái Bình Đạo ra đời, tôn sùng Thái Thượng Lão Quân làm chủ tế. Đồng thời cũng thờ Tam Phụng Quân, Huỳnh Thái Ất Tiếp sau., đến thời Nam Bắc Triều, có Khấu Khiêm Chí của Bắc Ngụy lập Thiên Sư Đạo, cũng tôn thờ Thái Thượng Lão Quân. (20 quyển của "Vân Trung Giả Âm Tùng Tân Khoa chi giới" nói về việc chỉnh đơn Đạo Giáo) Đến đời. Đông Tấn, có hai phái Thượng Thanh và Linh Bảo xuất hiện, thì không thờ Thái Thượng Lão Quân làm chủ Tể nữa Như phái Thượng Thanh thì lấy Nguyên Thủy Thiên Vương tức Thái

Thượng. Ngọc Thần Đạo Quân làm chủ tế; phái Linh Bảo thì lấy Nguyên Thủy Thiên Tôn và Thái Thượng Đại Đạo Quân làm chủ tế, rồi sau dùng thuyết hóa thân giải thích để đưa Nguyên Thủy Thiên Tôn hay Nguyên Thủy Thiên Vương lên địa vị độc tôn.
Về sau, trong các phái có sự hiệp thương, đã đề xuất giải pháp dung hợp lại tất cả. Thống nhất là ý kiến: "Đạo không thể không có vị tôn sư, Giáo không thể không có bậc tôn chủ Lão Quân đã. xưng là Đại Ngọc Thần Đạo Quân, mà Đại Đạo Quân là kế thừa của Nguyên Thủy, lẽ ra phải kể là thầy trò, nhưng xét kỷ ba vị cũng làm một biến hóa ra, nên địa vị ngang nhau "Cuối cùng. tôn ba vị Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thái Thượng Lão Quân, Linh Bảo Thiên Tôn làm thành "TAM THÁNH TÔN THẦN", là địa vị tối cao của Thần Tiên Trong phần hệ Đạo Giáo.
Miêu tả ở đây, các vị thần địa phương người dân tin tưởng vào vị thần chủ yếu là ở miền nam Trung Quốc.
* Xét các vị gọi là "Tiên Chân" về mặt đối đãi, trong quá trình biên soạn các sách truyện về Thần Tiên, ta thấy nổi bật yếu tố "giáo phái" sớm nhất là ". Liệt Tiên truyện" có kê ra gần bảy mươi hai vị Đến Cát Hồng trong "Thần Tiên truyện" thì có chín mươi bốn vị Đến Triệu. Đạo Nhất đời Nguyên, biên soạn các sách "Lịch thế chân Tiên thể đạo thông giám". "Tục biên", "Hậu biên "đã tăng lên đến vị hơn trăm chín.
Trước tình trạng số lượng Thần Tiên nhiều như thế, "Đạo Giáo Chính Lược" là giải thích [tên trong việc xếp những vị "Tiên", vì ý niệm về Tiên gần gũi với mọi người, nên gọi là Tiên cho dễ hiểu. Thật ra theo Đạo Giáo, chưa phải là đúng nghĩa "Tiên"] lại nói thêm ", ông sách truyện của đạo Nho thì lấy tên của nhà Nho, chứ không nói tên thánh hiền.Đạo Phật thì lấy tên của cao tăng, chứ không nói đến Phật, Bồ-Tát Còn Đạo. gia thì lấy đạo sĩ hoặc những nam nữ thế gian tu hành đắc đạo Thành ra. kết quả hỗn tạp, nhiều chỗ không thể truy cứu được "Cũng vì. lý do không có một" tiêu chuẩn rõ ràng "nào để công nhận là" Tiên Thật ", chỉ tùy theo sự truyền thừa của các giáo phái không giống nhau, mà sinh ra tình trạng" không thể săp xếp "theo hệ thông được rõ ràng.
* Thí dụ như, khi tôn xưng các vị "Chân Tiên", Thiên Sư Đạo thì thờ Trương Thiên Sư, Khấu Thiên Sư; Thượng Thanh Phái thì thờ Tam mao Quân, Hứa Chân Quân; Linh Bảo Phái thì thờ Cát Huyền, Cát Hồng; Tịnh Minh Đạo thì thờ Hứa Tốn; Toàn Chân Đạo thì thờ Bắc Ngũ Tổ, Bắc Thất Chân ...
* Về việc tôn xưng các danh sơn, các cung, đạo quán ..., mỗi phái cũng có "bản sơn" riêng Thí như. Thiên Sư Đạo thì ở Long Hổ Sơn-Giang Tây; phái Thượng Thanh Mao Sơn thì ở Mao Sơn; Toàn Chân Đạo thì có ba "đại tổ đình" Rồi đến việc. mỗi cung quán ... lại thờ những vị khác nhau, như là: - Ở Tây xây Thiêm "Thuyết Kinh Đài-Chu Chí Lâu" thờ Lão Tử; ở Giang Tây có Vạn Thọ Cung thờ Hứa Tốn, Thuần Dương Cung thờ Lữ Đồng Tân; điện Khuu Tổ ở Bạch Vân Quán thờ Khu Xử Cơ.
Như vậy, ta thấy rất rõ ràng sự khác biệt về "Phả hệ Thần Tiên" ngay trong nội bộ các giáo phái của Đạo Giáo rồi.
* Yếu tố thời gian và không gian không phải là yếu tố quyết định trong việc sắp xếp "Phả hệ Thần Tiên" trong Đạo Giáo, mà chính là trước hết do ảnh hưởng của "sự biến hóa tư tưởng giáo lý" của Đạo Giáo Khi Đạo Giáo mới thành hình., lý tưởng mục tiêu quan trọng nhất của Đạo Giáo là "trường sinh thành Tiên" bạch nhật và "thăng thiên" (giữa ban ngày bay lên trời).
* Yếu tố thời gian và không gian không phải là nguyên nhân chính của sự "đa dạng" về Phả hệ Thần Tiên của Đạo giáo, mà chính là do sự biến hóa về tư tưởng giáo lý mà ra.
Thời kỳ đầu khi Đạo giáo mới xuất hiện, trọng tâm của nó là ở chỗ "trường sinh thành Tiên, giữa ban ngày bay lên trời" Điều nay. Phản ánh rõ nét trong "Chân Linh Vị Nghiệp Đồ" của Đào Hoằng Cảnh thời Nam Triều, cơ bản là các vị Thiên Đế, tôn xưng là "Đạo Quân", "Nguyên Quân", "Quân", "Cao Chân" Còn xưng. Đế là Thiên Hoàng Thượng Đế hay Cao Thượng Đế Ngọc Tứ Cực Đại. đế là Đông Minh, Tây Hòa, Bắc Huyền, Nam Chu thì được xưng là "Cao Thượng Hư Hoàng Đạo Quân".

* Đến thời Bắc Chu, trong "Vô Thượng Bí Yếu", quyển 55, khi nêu Phả hệ, thì dựa vào tiêu chí "đắc đạo thành Tiên" để xếp hạng Thuật ngữ. Được dùng ở đây là: - "Đại Thánh, Chí Chân, Chư Quân, Trường Nhân "để tôn xưng.
* Đến thời Ngụy, Tấn của Nam Bắc Triều thì lại nêu tôn chỉ "Tiên Chân" để xưng hô Thế nào là ". Tiên Chân" Theo sách? "Tạo Tượng Phẩm" nói "Tất cả các Chân Tiên, từ Tam Thanh ở trên rồi đến Đại La Thiên ... đều phải được tạo hình theo mô thức "Thánh tiên chân tướng" (hình dáng của chân Tiên có tính hàng Thánh). Cũng làm tư tưởng chủ đạo ấy mà phát sinh quan điểm đưa Tam Thanh lên cao hơn các Thiên Đế.
* Từ đời Tống đến nay, có nhiều sự cải biến tình huống, trong Phả hệ Thánh Thần, sau "Tam Thanh xếp thì" "Tứ Ngự" cho các vị Thiên Đế, rồi mới đến các vị Tiên Chân khác.Sự biến đổi nay, có lẽ do nguồn gốc từ bên ngoài, chế độ phong kiến nhà Tống cố muốn cũng "trung ương tập quyền", nên phản ánh qua việc sắp xếp lại Phả hệ nay Trọng nội. bộ Đạo Giáo, quan điểm "bạch nhật thăng thiên "cũng đã trở thành một việc" ảo tưởng "Hơn nữa., giờ bay lúc, chủ thuyết" tam giáo hợp nhất "đang được đề xuất mạnh mẽ Như". Toàn Chân Đạo "cho rằng: --
"Nho môn, Thích hộ, Đạo tương thông,
Tam giáo tùng lai nhất Tổ phong ... "
(Nhà Nho, cửa Phật giáo và Đạo tương thông với nhau, Tam giáo trước giờ vẫn chung một Tổ)
nên đã dung nạp tư tưởng "hiếu trung" của Nho gia, "từ bi" của Phật giáo vào trong Đạo Điều đó., phản ánh rõ nét vào năm thứ 35 Vạn Lịch đời Minh (năm 1607), Đại Chân Nhân Trương Quốc Phùng Chí Tường đã hiệu chỉnh sách "Sưu Thần Kỷ" gồm sáu quyển, quyển một thì nói rõ nghĩa trong sáng gắn bó mật thiết của Nho, Thích và Đạo Đế cao vị trí của Ngọc Hoàng,. Hoàng Hậu Thổ Địa Kỳ, rồi sau đó mới sắp xếp các vị Hứa Chân Quân, Trương Thiên Sư, Tam Mao Chân Quân của Đạo giáo ở bên dưới Đồng thời,. cũng đưa vào danh sách các vị như: - Quan Âm, Đạt Ma ... các Phật, Bồ Tát vv ...; bên Nho thì có: - Tây Sở Bá Vương, Ngũ Tử Tư ... Thêm nữa, cũng đưa các vị được dân gian tôn thờ như: - Động Đình Quân, Tương Quân, kể cả chồn, chó của những vị nay. Điều đó nói lên ý nghĩa "chính quyền lập ra là từ dân gian, tín ngưỡng của các vua chúa cũng phản ánh tín ngưỡng dân gian mà thôi". Đây cũng là yếu tố có liên quan rất nhiều đèn pha hệ của Thánh Thần Đạo giáo vậy.
* Việc tôn xưng "Tổ Sư" của Đạo Giáo cũng có phần từng tham dự của Triều đại vua chúa Như đời. Đường thì tôn xưng Lão Tử, đời tôn Tống thì Huỳnh Đế, đời Minh thì tôn Chân Vũ Đại Đế (nhân vì kỵ huy tên vua Tống Chân Tông nên cải "Huyền" Vũ thành Chân Vũ) Lại còn. đề cao công đức của "(Tống) Thái Tổ bình định thiên hạ, Thái Tông dẹp nạn, công dày sâu lớn, hai kinh lệnh cho các quan cúng tế hai ngày sóc, vọng chu đáo ". Điều nay cho thấy rõ, theo yêu cầu của mỗi Triều đại mà có ảnh hưởng sâu sắc đèn pha hệ của Đạo giáo Thí như vậy., đời Tống Huy Tông đã đàn áp Phật giáo, cải Phật thành "đại giác kim tiên", nhưng chỉ một năm thì không còn tình trạng ấy Nhưng ảnh hưởng của. nó khiến cho tín ngưỡng bị trộn lẫn, "kim tiên" trở thành vừa vừa Tiên Phật Hợp tôn. lại có mười hai vị "Kim Tiên", như Điện Tam Thanh của Thanh Dương Cung ở Thành Đô có tượng của 12 vị tiên là kim: - Quảng Thành Tử, Xích Tùng Tử, Đạo Hạnh Thiên Tôn, Thái Ất Chân Nhân, Đạo Đức Chân Quân, Linh Bửu Đại Pháp Sư, Cù Lưu Tôn, Vân Trung Tử, Văn Thù Thiên Tôn, Phổ Hiền Chân Nhân, Từ Hàng Đạo Nhân, Ngọc Đỉnh Chân Nhân. Sắc thái dung hợp và ảnh hưởng thời đại thể hiện rất rõ ở đây.
* Về yếu tố "không gian" nói mà, hồi mới khai sáng Đạo Giáo, Ngũ Đấu Mễ Đạo (đạo năm đấu gạo) gốc ở miền Ba Thục của Hán Trung Còn Thái Bình Đạo lưu. Truyền ở tám châu là: - Thanh , Từ, U, Ký, Kinh, Dương, Con, Dự Châu, nên hình tượng tôn thờ phải khác nhau thôi Về sau. lại xuất hiện các phái Thượng Thanh, Linh Bảo, Tịnh Minh, Lâu Quán ... thì việc tôn thờ hình tượng mang sắc thái tùy theo địa phương nổi lên rất rõ.

Thêm nữa, các nghi thức về làm khoa, trai đàn ... của Đạo giáo cũng biến đổi theo "tâm lý quần chúng" Như Đạo. Sĩ Lữ Nguyên Tố ở Tây Thục lập thành "Đạo Môn Định Chế" quyển thứ chín viết: -- "Trong ba giai đoạn đều nói lên tinh thần trung quân của người dân Tây Thục, cùng hình tượng núi sông xung quanh, tùy theo nơi thờ Phụng mà có sự thêm bớt". Điều nay cho thấy ảnh hưởng địa phương không phải là nhỏ đối với việc cấu tạo thành Phả hệ Thánh Thần.

* Tóm lại, trong lịch sử lâu dài của việc hình thành Phả hệ "Thánh Thần Đạo Giáo", mặc dù đã hết sức cố gắng bám chắc vào tín ngưỡng "ĐẠO", nhưng vì có sự phân hóa các chi phái, ảnh hưởng biên thiên lịch sử các Triều đại, tác dụng tương hỗ của các tôn giáo, không gian quá phổ biến rộng lớn tạo nhiều "tính địa phương" ... cuối cùng tạo thành kết quả Phả hệ vô cùng phức tạp như ngày nay.

* Tài liệu nay chủ yếu giới thiệu Thần thánh Đạo giáo của vùng, khu vực phía Nam Trung Quốc mà thôi.

* Nhược Thủy dịch

(từ http://www.fushantang.com)

Giới thiệu sơ lược về Thánh Thần Trung Quốc

## BẢNG DANH SÁCH THÁNH THẦN TRUNG QUỐC THEO LỊCH SỬ

### A. - CHƯ THẦN THEO CHÍNH DIỆU .

#### 1 .- TỐI CAO: --

Bàn Cổ Thị-còn gọi Nguyên Thuỷ Thiên Vương, tên khác, Phù Lê Nguyên Thuỷ Thiên Tôn.

#### 2 .- Tam Thanh: --

1 / - Nguyên Thuỷ Thiên Tôn

2 / - Linh Bảo Thiên Tôn còn gọi Thái Thượng Đạo Quân

3 / - Đạo Đức Thiên Tôn còn gọi Thái Thượng Lão Quân (Tây Du Ký gọi là Thái Thượng Đạo Tổ)

#### 3 .- Lục Ngự: --

1 / - Trung ương Ngọc Hoàng Đại Đế-Vợ: - Vương Mẫu Nương Nương, còn gọi là Tây Vương Mẫu.

2 / - Phương Bắc Trung Thiên Bắc Cực Tử Vi Đại Đế

3 / - Nam Phương Nam Cực Trường Sinh Đại Đế, còn gọi là Ngọc Thanh Chân Vương, là con trai thứ chín của Nguyên Thuỷ Thiên Vương.

4 / - Đông Phương Đông Cực Thanh Hoá Đại Đế Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn

5 / - Tây Phương Thái Cực Thiên Hoàng Đại Đế [Thủ hạ gồm có: Bát Đại Nguyên Soài Rạp, Ngũ Cực Chiến Thần (Thiên Không Chiến Thần, Đại Địa Chiến Thần, Nhân Trung, Chiến Thần, Bắc Cực Chiến Thần Và Nam Cực Chiến Thần)].

6 / - Mẹ của đại địa: Thừa Thiên Hiệu Pháp Hoàng Hậu Thổ Địa Kỳ

#### 4 .- Ngũ Phương Ngũ Lão: --

1 / - Nam Phương Nam Cực Quan Âm

2 / - Đông Phương Sung An Thánh Đế

3 / - Tam Đảo Thập Châu Tiên Ông Đông Hòa Đại Đế Quân (tức Đông Vương Công, tên \ "Kim Thiền Thị \", hiệu Mộc Công).

4 / - Bắc Phương Bắc Cực Huyền Linh Đầu Mẫu Nguyên Quân (Trời là Ma Lợi của hai mươi vị Trời trong Phật Giáo)

5 / - Trung ương Hoàng Cực Giác Huỳnh Đại Tiên

#### 5 .- Các Tiên ở Trung ương Thiên Cung: --

Thiên Lý Nhãn | Thuận Phong Nhĩ | Kim Đồng | Ngọc Nữ | Lôi Công | Điện Mẫu (Kim Quang Thánh Mẫu)

Phong Bá | Vũ Sư | Du Dịch Linh Quân | Dực Thánh Chân Quân | Đại Lực Qui Vương | Thất Tiên Nữ | Thái Bạch Kim Tinh |
Xích Cước Đại Tiên | Quảng Hàn Tiên Tử (Hằng Nga Tiên Tử) Thường Nga | Ngọc Thọ | Ngọc Thiêm | Ngô Cương | Thiên Bồng Nguyên Soài Rạp |
Thiên Hữu Nguyên Soài Rạp | Cửu Thiên Huyền Nữ | Thập Nhị Kim Thoa | Cửu Diệu Tinh | Nhật Du Thần | Dạ Du Thần | Thái Âm Tinh Quân |
Thái Dương Tinh Quân | Vũ Đức Tinh Quân | Hữu Thành Chân Quân
Thác Tháp Thiên Vương Lý Tịnh | Kim Trà | Mộc Trà (Hành Giả Huệ Ngạn) | Tam Đàn Hải Hội Đại Thần Na Trà | Cự Linh Thần |
Nguyệt Lão | Tả Phụ Hữu Bật | Nhị Lang Thần Dương Tiễn | Thái Ất Lôi Thanh Ứng Hoá Thiên Tôn Vương Thiện Vương Linh Quân | Tát Chân Nhân |
Tử Dương Chân Nhân (Trương Bá Đoan) | Văn Xương Đế Quân | Thiên Lũng | Địa Á

6 .- Tam Quan, Đại Đế: Thiên Quân | Địa Quân | Thuỷ Quân

7 .- Tứ Đại Thiên Vương: --

Tăng Trưởng Thiên Vương, Trì Quốc Thiên Vương, Đa Văn Thiên Vương và Nghiêm Mục Thiên Vương

8 .- Tứ Trị Công tạo: --

Trị Niên Thần: - Lý Bính | Trị nhục Nguyệt Thần: - Huỳnh Thừa Ất | Trị Nhật Thần: - Chu Đăng | Trị Thời Thần: - Lưu Hồng

9 .- Tứ Đại Thiên Sư: --

Trương Đạo Lăng, Hứa Tốn (tự Kính Chi, hiệu Hứa Tinh Dương), Khẩu Hoằng Tế, Cát Hồng

10 .- Tứ Phương Thần: --

Thành Long Mạnh Chương Thần Quân, Bạch Hổ Giám Bình Thần Quân, Chu tuoc Lăng Quảng Thần Quân, Huyền Vũ Chấp Minh Thần Quân.

11 .- Tứ Đậu Long Thần: - (Long Thần ở hang, động)

Hoàng Hà | Trường Giang | Hoài Hà | Tế Thuỷ Hà Thần

12 .- Mã-Triệu-Ôn-Quân-Tứ Đại Nguyên Soài Rạp: --

1 / - Mã Nguyên Soài Rạp còn gọi Mã Thiên Quân, Hòa Quang Thiên Vương, Hòa Quang Đại Đế.
2 / - Triệu Nguyên Soài Rạp tức Vũ Tài Thần Triệu Công Minh, còn gọi Triệu Huyền Đàn.
3 / - Ôn Nguyên Soài Rạp Ôn Quỳnh (bộ tướng của Đông Nhạc Đại Đế)
4 / - Quan Nguyên Soài Rạp Quan Vũ.

13 .- Ngũ Phương Yết Đế: --

Kim Quang Yết Đế, Ngân Đầu Yết Đế, Ba La Yết Đế, Ba La Tăng Yết Đế, Hà Yết Ma Đế

14 .- Ngũ Khí Chân Quân: --

1 / - Đông Phương Tuệ Tĩnh Mộc Đức Chân Quân
2 / - Nam Phương Huỳnh Hoặc Hoả Đức Chân Quân
3 / - Tây Phương Thái Bạch Kim Đức Chân Quân
4 / - Bắc Phương Thuỷ Tinh Thần Chân Đức Quân
5 / - Trung ương Sân Tĩnh Thổ Đức Chân Quân

15 .- Ngũ Nhạc: --

1 / - Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Te Nhân Thánh Đại Đế
2 / - Nam Nhạc Hành Sơn Tư Thiên Chiêu Thánh Đại Đế
3 / - Trung Nhạc Tung Sơn Trung Thiên Sung Thánh Đại Đế
4 / - Bắc Nhạc Hằng Sơn An Đế Thiên Huyền Thánh Đại
5 / - Tây Nhạc Hoa Sơn Thiên Kim Nguyện Thánh Đại Đế
(Ngũ Nhạc Đế Quân: - Đông Nhạc Đế Quân, tên Thị Kim Hồng, em trai Đông Hòa Đế Quân Còn bốn vị Đế Quân kia là bốn người con của Đông Hoa Đế Quân và Bích Hà Nguyên Quân..)

16 .- Ngũ Đầu Tinh Quân: --

Đầu đông Tinh Quân | Tây Đầu Tinh Quân | Trung Đầu Tinh Quân | Nam Đầu Tinh Quân | Bắc Đầu Tinh Quân

17 .- Lục Đinh Lục Giáp: --

a / - Lục Định là: --

* Sáu vị Âm Thần Ngọc Nữ: --

1 / - Đinh Mao Thần Tư Mã Khánh

2 / - Đinh Tỵ Thần Thôi Cự Khánh

3 / - Đinh Mùi Thần Thạch Thúc Thông

4 / - Đinh Dậu Thần Tăng Văn Công

5 / - Đinh Hợi Thần Trương Văn Thông

6 / - Đinh Sửu Thần Triệu Tử Ngọc

b / - Lục Giáp là: --

* Sáu vị Thần Dương Ngọc Nam: --

1 / - Giáp Tý Thần Vương Văn Khánh

2 / - Giáp Tuất Triển Thần Tử Giang

3 / - Giáp Thân Thần Hỗ Văn Trường

4 / - Giáp Ngọ Thần Vệ Ngọc Khánh

5 / - Giáp Thìn Thần Mạnh Phi Khanh

6 / - Giáp Dan Thần Minh Văn Chương

18 .- Nam đầu lúc Tinh Quân: --

1 / - Đệ Nhất Thiên Cung Phủ: Tư Mệnh Tinh Quân

2 / - Đệ Nhị Thiên Tướng Cung: Tư Lộc Tinh Quân

3 / - Đệ Tam Thiên Cung Lương: Diên Thọ Tinh Quân

4 / - Đệ Tứ Thiên Đồng Cung: Ích Toán Tinh Quân

5 / - Đệ Ngũ Cung Thiên Xu: Độ ạch Tinh Quân

6 / - Đệ Lục Thiên Cơ Cung: Thượng Sanh Tinh Quân

19 .- Bắc Đầu Thất Tinh Quân: (là Bắc Thiên Thất Hoàng của "Sư Đà Quốc")

1 / - Bắc Đầu Đệ Nhất Dương Minh - Tham Lang Tinh Quân

2 / - Bắc Đầu Đệ Nhị Âm Tinh - Cự Môn Tinh Quân

3 / - Bắc Đầu Đệ Tam Chân Nhân - Lộc Tồn Tinh Quân

4 / - Bắc Đầu Đệ Tứ Huyền Minh - Văn Khúc Tinh Quân

5 / - Bắc Đầu Đệ Ngũ Đan Nguyên - Liêm Trinh Tinh Quân

6 / - Đệ Lục Đầu Băc Bắc Cực - Vũ Khúc Tinh Quân

7 / - Bắc Đầu Đệ Thất Thiên Quân - Phá Quân Tinh Quân

* Ghi chú: - Sư Đà Quốc là tên gọi của khu vực chòm sao Bắc đâu.

- Bắc Đầu Thất Tinh Quân còn có tên hiệu khác là: --

Thiên Xu, Thiên Tuyền, Thiên Cơ, Thiên Quyền, Ngọc Hành, Khai Dương, Diệu Quang.

* Trong đó, \ "Thiên Xu, Thiên Tuyền, Thiên Cơ, Thiên Quyền \" hợp thành nhóm gọi là "Đầu khôi" hay "Tuyền" (hình cái GÁO mục nước) Bà sao. Còn lại hợp thành "Thước" ( tức là cái cán GÁO)

20 .- Bát Tiên: --

Lý Thiết Quái (Thiết Quái Lý), Hán Chung Ly, Lữ Động Tân, Hà Tiên Cô, Lâm Thái Hoà, Hàn Tương Tử, Tao Quốc Cửu (Cựu), Trương Quả Lão

21 .- Tám vị tướng thủ hạ của Tăng Trưởng Thiên Vương: --

* Gọi tắt là: - Bưu Lưu Tuân Tất, Đặng Tân Trương Đào.

* Tên đủ tám vị là: --

Lưu Tuấn, Tuân Lôi Cát, Bưu Dục, Viễn Tất Tông;

Đặng Bá Ôn, Tân Hán Thần, Trương Bá Nguyên, Đào Nguyên Tín (tứ mục)

22 .- Cửu Diệu Tinh: --

Kim Tinh | Mộc Tinh | Thuỷ Tinh | Hoả Tinh | Thổ Tinh |
La Hậu (Thực Tĩnh) | Kế Đô Tinh | Tử Khí Tinh | Nguyệt Bột Tĩnh

23 .- Thiên Tiên trên mặt đất: --

1 / - Khương Tử Nha (còn gọi Đông Hòa Đế Quân, là Người Tiếp Khách của Mộc Công)
2 / - Bồng Lai Tam Tiên: --
Phúc Lộc Thọ Tam Tinh
* Ghi chú: - Phúc Thiên Thần Quân Đại Đế: - có thuyết nói là Dương Thành đời Tây Hán, có thuyết nói là Dương Thành đời Đường.
3 / - Vũ Tài Thần Triệu Công Minh, (còn Tỷ có thể, Phạm Lãi là Văn Tài Thần)
4 / - Thọ Tinh Nam Cực Tiên Ông - Nữ Thọ Tĩnh: Ma Cô (hình vẽ hiến đào)
5 / - Chân Vũ Đại Đế, còn gọi Cửu Thiên Hàng Ma Tổ Sư, Huyền Vũ Nguyên Soài Rạp.
6 / - Quy Xà Nhị Tướng (còn có tên là Thái Huyền Linh Hắc Thuỷ Tinh Thần Tôn, Thái Huyền Hoả Tinh Xích Linh Tôn Thần)
7 / - Tiểu Trương Thái Tử và Ngũ Đại Thần Long.
8 / - Lê Sơn Lão Mẫu, Sân Nguyên Tử
9 / - Long Vương: --
Đông Hải Long Vương Ngao Quảng | Nam Hải Long Vương Ngao Khâm | Tây Hải Long Vương Ngao Nhuận | Bắc Hải Long Vương Ngao Thuận | Tinh Hải Vương (thần Long Vương ở giếng)
* Nhược Thủy dịch
* Nguồn: -- http://www.tianyabook.com/zongjiao/cndaojiao3/001.htm

## B. - THẦN THEO THÁNH THẦN TIÊU PHÁI

1 .- Bắc Cực Tử Vi Đại Đế
2.-Ngọc Thanh Chân Vương (Nam Cực Trường Sinh Đại Đế) - Con thứ chín của Nguyên Thuỷ Thiên Vương)
3.-Thần Tiêu Bát Đế
(Tám vị Thần Tiêu, làm Đạo Giáo hư cấu), Ngọc Thanh Chân Vương và Thần Tiêu Bát Đế hợp thành Thần Cửu Tiêu Thần Đại Đế: --
* Tám vị là: --
1 / - Đông Cực Thanh Hoá Đại Đế,
2 / - Cửu Thiên ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn (Huỳnh Đế),
3 / - Cửu Thiên Lôi Tổ Đại Đế.
4 / - Thái Ất Thiên Đế,
5 / - Lục Thiên Uyên Động Đại Đế,
6 / - Lục Bà Thiên Chủ Đế Quân,
7 / - Khả Hàn Chân Quân,
8 / - Thái Phóng Chân Quân.
* Cửu Ty - Tam Tỉnh - Bắc Cực Tứ Thánh
4 .- Cửu Ty: --
Phủ Ngọc Phan Phủ Chân Quân, Ngọc Phủ Tả Hữu Đại Trung, Ngọc Phủ Tả Hữu Bộc Tạ, Thiên Lôi Thượng Tướng, Ngọc Xu Sử Tướng, đầu Xu Thượng Tướng, Thượng Thanh Tư Mệnh Phủ Ngọc Hữu Khánh, Ngũ Lôi Viện Sử Quân , Lôi Đình Nguyên Đô Ty Mệnh Chân Quân
5 .-- Tam Tỉnh: --
Lôi Đình Thái Tỉnh, Lôi Đình Huyền Tỉnh, Lôi Đình Đô Tỉnh
6 .-- Bắc Cực Tứ Thánh: --
- Thiên Bồng Nguyên Soài Rạp (Trư Bát Giới)
* Các thủ hạ là: - Thiên Cương Đại Thánh, Cửu Thiên Sát Đồng Đại Tướng (Bắc Đầu Đệ Bát Tĩnh, còn gọi Thiên Sát Đại Thần), Lôi Sứ Giả.

- Thiên Hữu (Du) Nguyên Soài Rạp
- Dực Thánh Nguyên Soài Rạp
- Huyền Vũ Nguyên Soài Rạp (Chân Vũ Đại Đế)
* Ngoài ra còn có: - Ngũ Phương Lôi Vương, Ngũ Phương Lôi Đình Đại Đế
7 .- Âm Tao Địa Phủ: --
1/-Bắc Âm Phong Đô Đại Đế
2/-Ngũ Phương Quỉ Đế: - Gồm có: --
a / - Đông Phương Quỉ Đế: - Sái Úc Lũy, Thần Đồ, cai trị \ "Đào Chỉ Sơn \" Quỉ Môn Quan
b / - Tây Phương Quỉ Đế Triệu Văn Hoà, Vương Chân Nhân, cai trị \ "Bà Trung Sơn \"
c - Bắc Phương Quỉ Đế Trương Hành, Dương Vân, cai trị Phong Sơn La;
d-Nam Phương Quỉ Đế Đỗ Tử Nhân, cai trị La Phù Sơn;
e / - Trung ương Quỉ Đế Chu Khát, Kê Khang, cai trị \ "Bão Độc Sơn \"
8 .- Sáu Thần giữ sáu cung ở Cõi Trời La Phong: --
1 / - Thần Trụ Tuyệt - Âm Thiên Cung,
2 / - - Thái Sát Lượng Sự - Tông Thiên Cung,
3 / - - Minh Thần Nại Phạm Vũ - Thành Thiên Cung,
4 / - - Điểm Chiêu Tội - Khí Thiên Cung,
5 / - - Tôn Thất Linh - Phi Thiên Cung,
6 / - - Cảm Tư Liên Uyển - Lâu Thiên Cung
9 .- Địa Tạng Bồ Tát
10 .- Thập Điện Diêm Vương: --
1 / - Mười vua: - Tần Quảng Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quan Vương, Diêm La Vương, Bình Đẳng Vương, Thái Sơn Vương, Đô Thị Vương, Biện Thành Vương, Chuyển Luân Vương
2 / - Những Tướng, Thần hộ giá: --
Thủ tích phân Quân Thôi Phủ Quân, Chung Quỳ, Hắc Bạch Vô Thường, Ngưu Đầu Mã Diện, Mạnh Bà Thần .

## C. - Chư Thần theo Thần Thoại Thượng Cổ

1.-Hỗn độn Thiên Thần: --
Bàn Cổ là vị Thần khai thiên lập địa đầu tiên, nhưng lại có thuyết nói "lúc trời đất còn hỗn độn sinh ra Bàn Cổ".
2.-Sáng Thế Thần: --
Thiên Ngô, Tất Phương, Cư Tỷ, Thụ Hợi, Chúc Âm, Nữ Oa
3 .- Thượng Cổ Tứ Phương Thiên Đế và Phụ Thần: --
1 / - Thái Dương Thần Viêm Đế và Hoả Thần Chúc Dung cùng chung nhau cai trị cõi trời phương Nam suốt mười hai ngàn dặm.
2 / - Thiếu Hạo và Thuỷ Thần Công Cộng cai trị cõi trời phương Tây suốt mười hai ngàn dặm.
3 / - Chuyên húc và Hải Thần Ngũ Cường (còn gọi Đông Thần Huyền Minh) cai trị cõi trời phương Bắc suốt mười hai ngàn dặm.
4 / - Thanh Đế Phục Hi và Cửu Hà Thần Nữ Tư Thị Hòa với Chúc Thần Câu Mang cai trị cõi trời phương Đông suốt mười hai ngàn dặm.
4 .- Chư Thần Thời Đại Huỳnh Đế: --
Lục Ngô, Anh Chiêu, Nhữu Châu, Kim Giáp Thần (truyền thuyết nói vị nay là hóa thân của Kim Giáp Lôi Thần của Sư Đà Quốc)
Xi Vưu, Phong Bá, Vũ Sư, Xích Tùng Tử, Lực Mục, Thần Hoàng, Phong Hậu, Ứng Long, Bát Cánh, Phụ Khoa, Đại Lực Thần, Khoa Thị Nga, Đại Đình Thị, Ngũ Long Thị.
5.-Viêm Đế, sau xưng là Thần Nông Thị Các con là:. --
* Con gái: --
a / - Khuê, sau hóa thân thành chim Tinh Vệ.

b / - Đạo Cơ, ở "Sư Đà Quốc" có tên là Uyển Hoa Tiên Tử.
c - một người con gái khác, không biết tên, ở "Sư Đà Quốc" có tên là Viêm Thiên Thánh Mẫu.
d / - Hoàng Nga, mẹ của Thiếu Hạo.
* Con trai: --
e / - trưởng tử Xuân Thần Câu Mang.
f / - thứ tử Thủ Thần nhục Thu.
6 .- Sau thời đại Chuyên húc: --
* Con trai: - Ngược Quỉ, vòng Lượng, Tống Cùng Quỉ, Thọ Ngọt.
-Đời sau: -: Lão Đồng, Thái Tử Trường Cầm, Lê, Trọng, Bánh Tổ (cháu) Đế Tuấn
* Vợ ở trên trời: -: Hi Hoà, Thường Hi
* Con gái: - Sửu, Nghệ
* Vợ ông Con: - Nữ Hi.
* Vua Nghiêu có tên: Phóng Huân; vợ: - Nữ Hoàng;
* Vua Thuận Hồ Diệu, tên Trọng Hòa; vợ: - Nga Hoàng, Nữ Anh;
* Vua Vũ, cha là con, vợ: - \ "Nữ Kiều \", còn gọi Đồ Sơn Thị, có liên quan đến Cửu Vĩ Bạch Hồ Tĩnh (tinh chồn trắng chín đuôi)
7 .- Tam Hoàng: --
-tức Thiên-Địa-Nhân Tam Hoàng, phân biệt là Phục Hi, Thần Nông và Nữ Oa.
8 .- Ngũ Đế: --
* Thông thường chỉ Huỳnh Đế | Chuyên húc | Đế Tuấn | Nghiêu | Thuận .

## D. - Phần phụ: --
## CÁC VỊ CHÂN TIÊN HẬU THIÊN NỔI DANH

Phòng Trưng Chí Tổ - Bánh Tổ | Si Hoành Thuỷ Tổ - Quỷ Cốc Tử |
Văn Thuỷ Chân Nhân - Doãn Hi | Nam Hoa Chân Nhân - Trang Tử
Cầu Tiên Sứ Giả - Từ Phúc | Mao Sơn Tiên Tổ - Tam Mao Chân Quân |
Vạn Cổ Đan Vương - Ngụy Bá Dương | Thái Cực Chân Nhân - Lưu An
Khôi Hài Tuệ Tĩnh - Đông Phương Sóc | Thái Bình Giáo Chủ - Vũ Cát |
Dịch Sử Quỉ Thần - Phí Trưởng Phòng | Trúc Lâm Cuồng Sĩ - Kê Khang
Thuỷ Phủ Tiên Bá - Quách Phác | Tịnh Minh Giáo Chủ - Hứa Tốn |
Bồng Lai (Đô) Thuỷ Giám - Đào Hoằng Cảnh | Thiên Sư - Khấu Khiêm Chi
Tình Tiên - Bùi Hàng | Phù Diệu Tử - Trần Đoàn |
Hiển Hoá Chân Nhân - Trương Tam Phong
* Trung Dương Vương và Thuyên Chân Thất Tử (Trường Xuân Tử Khẩu Xử Cơ, Ngọc Dương Tử Vương Xử Nhất, tỉnh Quảng Trữ Tử hách Đại Thông,
Thanh Tịnh Tản Nhân Tôn Bất Nhị, Trường Sinh tử Lưu Xử Huyền,
Trường Chân Tử Đàm Xử Đoan, Đan Dương Tử Mã Ngọc)

## E. - Phần phụ 2: --
## THẦN LINH DÂN GIAN

* Thiên Phi Nương Nương | Thành Hoàng | Thổ Địa Thần | Môn Thần: - Tần Thúc Bảo, uất Trì Kính Đức
* Sàng Thần (chia ra Sàng Công, Sàng Mẫu Sàng Công. Là \ "Cửu Thiên Minh Giám Sinh Tố Quân Chân \", Sàng Mẫu là \ "Cửu Thiên Vệ Phòng Thánh Mẫu Thiên Quân \")
* Hi Thần | Xí Tử Thần Cô | Thạch Cảm Đương | Tiểu Nhị Thần Hồng Thác | Châu Thiên Đại Đế Sung Trịnh | Trà Thần Lục Vũ | Hoa Thần | Nhiễm Chức Nhị Thánh Mai, Cát | Tửu Thần Đỗ Khang | Thổ Công Tổ Sư Thần Lỗ Ban | * Phương Chức Thần Hoàng Đạo Bà | (thần dệt may)

* Tàm Thần Mã Đầu Nương (Sơn Hải Kinh nói là Tây Lăng Thị, Lũy Bán Tổ) | ngục Thần Cao Đào | Lê Viên Thần Đường Minh Hoàng Mã Thần | Thanh Oa Thần Bạch Ngọc Thiêm | Khu Hoàng Thần Lưu Mạnh (ý nói Thủ Mạnh Tưởng Quân) | Xà Vương Thị Tướng Công (Thị Thuyên) |
* Đậu Thần Trương Soài Rạp | Thần Nông Hậu Tắc
* Ôn Thần: - còn gọi Ngũ Quỉ hoặc Ngũ Phương Lực Sĩ, nhân gian gọi là Ngũ Ôn.
Trong đó có: - Xuân Ôn Trương Bá Nguyên, Hạ Ôn Lưu Nguyên Đạt,
Thu Ôn Triệu Công Minh, Đông Ôn Chung Sĩ Quí, Tổng hợp Quản Trung Ôn Sử Văn Nghiệp.
* Diệu Thần Thái Thượng Lão Quân | Tác Thời Thiên Thần | Cùng Thần |
Mưu Thần Quản Trọng | Vũ Mục Vương Nhạc Phi | Chu Công, Đào Hoa Nữ | Hoàn Hi Thần Hoà Hợp Nhị Tiên Hàn Sơn, Thập Đắc

## F. - Phần phụ 3: --
## CÁC VỊ TIÊN MA HƯ CẦU TRỌNG SÁCH VÕ.

Thái Cổ Viên Quân | Ma Phật Lão Nhân | Thiên Diện Thiên Yêu | Địa Tâm Cổ Long | Thánh Thủ Tiên Vương | Thánh Thủ Văn Vương | La Thiên Vương
(Là hóa thân của Tam Thanh trong Đạo Giáo)
Càn Khôn Đại Tiên | Điên Đảo Lão Tổ | Khung Thiên Lão Tổ | Tiên Thiên Lão Tổ | Vô Cực Lão Tổ | Vô Vi Lão Tổ |
Tích Lịch Lão Tổ | Đẳng Tổ | ảo Tiên Tử | Thanh Nhị Thiên Thần Chư | Âm Dương Pháp Vương / /
Độc Long Sơn Thiên Độc Chiểu Chiểu Đề --- Mang Thần (có hai cánh) | * Ở độ sâu một Ngan dam dưới đáy Nam Hải: - Hải Hoàng (Chương Ngư Quái);
* Thú Đế (rắn chín đầu có lưng rùa) (Cửu Anh giao hợp với khí trời đất sanh ra quái vật)
* Bá Vương (khủng long ở ao Thiên Trì núi Trường Bạch)
* Thiên Tử Thọ Ngọt (con trai Chuyên húc, trú tại Bắc Phương Huyền Băng Cung)
* Bất Hoài Lâm Vương Toan Nghê (trú trong rừng già nhiệt đới phương Nam, thân cứng hơn sắt, đao thương đâm không thùng)
* Bình Thiên Đại Thánh Ngưu Ma Vương | Phúc Hải Đại Thánh Giao Ma Vương | Di Sơn Đại Thánh Sư Đà Vương | Khu Thần Đại Thánh Dã Tượng Vương |
Hồn Thiên Đại Thánh Bằng Ma Vương | Thông Phong Đại Thánh Di Hậu Vương | Te Thiên Đại Thánh Mỹ Hầu Vương.

## G. - Phần phụ 4: --
## TIÊN PHẬT Ở LINH SƠN TÂY THIÊN

(Đây là cách hiểu theo dân gian Trung Quốc, không phải của Phật giáo thuần túy - ND)
1.-Tam Thế Phật:
Có hai cách giảng về Tam Thế Phật (đúng nghĩa thì nói là Phật quá khứ, hiện tại và vị lai; nhưng dân gian lại có cách hiểu thứ hai) Hải danh. Hiệu: --
a - Thụ Tam Thế Phật: --
* Quá khứ phật: - Nhiên Đăng Thượng Cổ Phật,
* Hiện tại thế: - Thích Ca Phật (nguyên danh: Tất Đạt Đa),
* Vị lai thế: - Di Lặc Phật
b / - Hoành Tam Thế Phật: --
* Giữa là Thích Ca Mâu Ni Phật, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát;
* Bên phải: - Tây phương cực lạc thế giới: - A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát;
* Bên trái: - Đông Phương Tịnh Lưu Li Thế Giới: - Dược Sư Phật, Nhật Quang Bồ Tát và Nguyệt Quang Bồ Tát.

2 .- Tứ Đại Kim Cang: --
1 / - Ngũ Đài Sơn Bí Ma Nham: - Thần Thông Nghiêm Bát Đại Pháp Kim Cang
2 / - Nga Mi Sơn Thành Lương Động: - Pháp Lực Vô Lượng Thắng Điệt Kim Cang
3 / - Tu Di Sơn Ma Nhĩ Nhai: - Tì Lô Sá Môn Đại Lực Kim Cang
4 / - Côn Sơn Kim Lon Nhĩ Lãnh: - Bất Hoài Tôn Vương Vĩnh Trụ Kim Cang
3 .- Ngũ Phương Phật: --
-Đông Phương Bất Động (Thân) Phật;
-Nam Phương Bảo Sanh Phật;
-Trung ương Tì Lô Giá Na Phật;
-Tây Phương A Di Đà Phật;
-Bắc Phương Bất Không Thành tựu Phật.
4 .- Bát Bồ Tát: --
Quán Âm Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát,
Linh Cát Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát
5 .- Thập Đại Đệ Tử: --
Xá Lợi Phát: - Trí Tuệ Đệ Nhất | Mục Kiên Liên: - Thần Thông Đệ Nhất | A Nan Đà:-Đa Văn Đệ Nhất | Ưu Ba Ly: - Trì Giới Đệ Nhất
A Na Luật:-Thiên Nhãn Đệ Nhất | Đại Ca Điệp:-Đầu Đà Đệ Nhất | Phú Lâu Na: - Thuyết Pháp Đệ Nhất | Ca Chiên Diên:-Luận Nghị Đệ Nhất
La Hầu La:-Mật Đệ Nhất Hạnh | Tu Bồ Đề:-Giải Không Đệ Nhất
6 .- Thập Bát La Hán: --
Thác Tháp La Hán | Thám Thủ La Hán | La Hán Quá Giang | Bà Tiêu La Hán | Tĩnh Toàn La Hán |
Kỵ Tượng La Hán | Khan Môn La Hán | Hàng Long La Hán | Cử Bát La Hán | Bố Đại La Hán |
Trường Mi La Hán | Khai Tâm La Hán | Hi Khánh La Hán | Oat Nhĩ La Hán | Tiêu Sư La Hán |
Phục Hổ La Hán | Trầm Tư La Hán | Ky Lộc La Hán |
7 .- Thập Bát Già Lam: --
Mỹ Âm | Phạm Âm | Thiên Cổ | Than Dieu | Than Mỹ | Ma Diệu | Lôi Âm | Sư Tử | Diệu Than
Phạm Hưởng | Nhân Âm | Phật Nô | Tùng Đức | Nghiêm Mục | Diệu Nhãn | Triết Thính | Triết Thị | Biến Thị
8 .- Nhị Thập Chư Thiên:
Nhật Thiên (còn gọi Nhật Cung Thiên Tử) | Đại Phạm Thiên | Đa Văn Thiên | Kim Cương Mật Tích | Quỷ Mẫu Tử Thần;
Nguyệt Thiên (còn gọi Nguyệt Cung Thiên Tử) | Đế Thích Thiên | Trì Quốc Thiên | Đại Tự Tại Thiên | Ma Lợi Chi Thiên; (Đại) Biện Tài Thiên | (Đại) Công Đức Thiên | Tăng Trưởng Thiên | Tán Chỉ Đại Tướng | Bà Kiệt Long Vương;
Vi Đà Thiên (thần chiến đấu: - Tắc Kiên Đà) | Kiên Lao Địa Thần | Nghiêm Mục Thiên | Bổ Đề Thụ Thần | Ma La Diêm Vương.
* Ngoài ra: --
Kim Đỉnh Đại Tiên, A Na, Cà Điệp.

## H. - Phần phụ 5: --
## CÁC THẦN BÀ-LA-MÔN GIÁO

* Phật Tổ Ma Ha Bà La Phật và Bà La Tam Thế Phật (bốn vị Phật nay đều là hư cấu; sau đây là tên những vị Tiên có liên quan đến Phật Thích Ca)
Tần Bà Sa, A Lâm La /, uất Đà, Đề Bà Đạt Đa

* Thần lớn chủ yếu: - Đại Phạm Thiên, Thấp Bà Lâu Đà La, Tuyết Sơn Nữ Thần Đỗ Nhĩ Ca, Quần Chủ
Bà La Bát Bộ (Bà La Môn Thiên Long Bát Bộ) - (Bà La Bát Bộ là hư cấu, dưới đây là chư Thần làm Ấn Độ tạo ra)
Thuỷ Thần Phát Lâu Na | Thổ Thần Đà Thấp Đa | Phong Thần Phát Do | Nhật Thần Tô Lý Đà | Thiên Đế Nhân Đà La
Đạo Thần Phổ Thiện | Bảo Hộ Thần Tì Thấp Nô | A Tu La: Đắc Đề Đà và Đàn Bà Nà | Bà Đỗ Hoả Thần.
* Người viết: - Ngoan Tiên Lão Tàu - trợ lý cấp hai của web.
* Nhược Thủy dịch
* Nguồn: -- http://www.tianyabook.com/zongjiao/cndaojiao3/001.htm
(Hết Tập I - Xin xem tiếp Tập II)

*Do sự sơ xuất của tôi, trong tập TTTH 1 nay thiếu mất một bài quan trọng Đó là. Bài Tử Vi Đại Đế, một trong Tứ Ngự, nay xin bổ sung thêm cho đủ. Chân thành xin lỗi quí vị.*
*Nhược Thủy.*

Trung Thiên Bắc Cực Tử Vi Đại Đế.



* Còn gọi là "Bắc Cực Tử Vi Đại Đế", "Bắc Cực Đại Đế", "Bắc Cực Tinh Quân", là một vị trong "Tứ Ngự".
* Tín ngưỡng về Bắc Cực Đại Đế là do sự sùng bái trời trăng sao của người Trung Quốc từ thời cổ đại Bắc Cực tức là "Sao bắc cực" nói gọn, còn gọi là "sao bắc", năm trong khu vực. Thiên Từ trong Tử Vi Viên (danh từ của khoa thiên văn).
* Trong quyển thứ tư của "Thượng Thanh Linh Bảo Đại Pháp" có nói: --
"Bắc Cực Đại Đế là vị sao chủ (đế) của Tử Vi Viên".
Thiên Văn Chí nói: - "Nam Cực thì nhập địa ở ba mươi sáu độ, còn Bắc Cực thì xuất địa ở ba mươi sáu độ, có hình dạng như chiếc ghế đai, phân nửa thì chỉ đất, phân nửa chỉ trời. Các sao khác thì xoay chuyển, chỉ có hai sao Nam Bắc Cực thì đứng yên trong bầu trời chuyển động Đời nhìn. sao Bắc Cực thì cho là hướng Bắc, kỳ thực là sao ấy ở giữa trời, làm chủ của muôn vì sao khác, là vua thứ hai của tam giới sau Thượng Đế, ứng vào nguyên khí của thanh thượng, nên gọi là Bắc Cực Tử Vi Đại Đế ".




* Hậu Hán Thư quyển bốn mươi tám viết: - "Trời có cung Tử Vi, là nơi cư trú của Thượng Đế" Vậy Tử. Vi Viên tức là Tử Vi Cung, về sau Huỳnh Đế cũng cư trú ở nơi này, gọi là Tử Cấm Thành.

* Đạo Giáo cho rằng sao Bắc Cực mãi mãi không di chuyển, nằm ở chính giữa của trời, vị trí rất cao, cực kỳ tôn quí, gọi là "chủ của các sao" hay "gốc của các thần thánh". Do đó , thế gian hết sức tôn sùng Bắc Cực.

* Trọng "Tấn Thư-Thiên Văn Chí" nói: - "Bắc Cực có năm sao, Câu Trần có sáu sao, đều ở tại Tử Vi Cung Bắc Cực. Hay Bắc Thần là tôn quí hơn hết, tuy thể hình nhỏ, nhưng là "mẫu chốt" của trời "Lại nói. thêm" là tòa của vua "" vua thường hay ở đây ".

* Khổng Dĩnh Đạt đời Đường viết trong "Thư Đạo-Thuyết Mệnh": - "Bắc Đầu xoay quanh Bắc Cực, giống như các quan ở xung quanh hộ vệ cho vua, sao năm nay coi sóc các tinh tú khác là các quận huyện cai quản đất đai của vua ban Nhị thập. bát tú chia ra bốn phương, là đất của thiên tử cấp cho chư hầu. Thiên tượng ấy biểu trưng cho tự tôn ti trát chính pháp ở đời vậy "

* Về lai lịch của Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, trong "Thái Thượng Thuyết Huyền Thiên Đại Thánh Chân Vũ Bản Vân Thần Chú Kinh Diệu dẫn theo" "Đầu Bản Sanh Bắc Kinh" nói rằng: --

"Xưa còn ở sơ kiếp Long Hán, Tử Quảng Phú Nhân ở nước Chu Thượng Ngự vào ngày xuân, đi du ngoạn đến bên suối Ôn Ngọc Tuyền, định coi y phục để tắm, chợt thấy có chín đóa sen nở ra, hóa sanh chín người con trai Phú nhân. đem về nuôi nấng, với tâm nguyện Sau này họ sẽ thành những bậc thánh triết, phụ giúp cho trời đất Những vị. nay đã đến trang các quán để tu hành, trải qua thời gian quả công viên mãn, thăng thiên bạch nhật đến cung điện Tam Thanh mà thọ lãnh chức tuoc Người con trưởng được phong làm Thiên Hoàng Đại Đế, cai quản về. kỷ cương của Tử Vi Thượng Cung. Người con thứ hai, được phong làm Tử Vi Đại đế, coi sóc việc bổ chính ở minh đường nơi Bắc Cực.

* Trọng Đạo Kinh, nói về chức năng của Tử Vi Đại Đế như sau: --

"Chấp chưởng thiên kinh địa vĩ (chiều đứng của trời và chiều ngang của đất), cai quản các thần trong tam giới và các thần sông núi" Đây là. Hiện tượng tôn vương của các hiện tượng tự nhiên. "Ngài có thể kêu gọi mưa gió, sai sử các Quỉ thần của Lôi Bộ ".

* Theo "Cửu Thiên Lôi ứng Nguyên Thanh Hoá Tích Thiên Tôn Hứa Ngọc Bảo Kinh Tập Chú" quyển thượng nói: - "Bắc Cực Tử Vi Đại Đế chưởng quản Ngũ Lôi thần" Do đó., Tử Vi Đại Đế được các Triều đại vua chúa thờ Phùng, đặc biệt đề cao thời nhà Tống, thường thờ chung với Ngọc Hoàng Đại Đế.

Hiện nay ở các vùng Tứ Xuyên, Đại Túc ... vẫn còn lại những tượng thờ Tử Vi Đại Đế được tạo từ thời Tống.
* Trọng "Minh Sử • Lễ Chí Tứ" viết: - "Thời Minh, Triều đình ban chiếu chỉ xây dựng Điện Tử Vi và tạo tượng để cúng tế" Tượng thờ. Có dáng vẻ của một vị đế vương, hai bên có những võ tướng oai phong lâm vệ liệt hộ, thật là thân phận mười phần cao quí.
* Ngày Đản sinh của Tử Vi Đại Đế là ngày mười tám tháng tư âm lịch.
(Có sách nói là ngày hai mươi bảy tháng mười)
* Nhược Thủy dịch
(Từ: -- http://taoismdata.org/).

# MỤC LỤC
# THẦN THÁNH TRUNG HOA
# TẬP I


STT ĐỀ TÀI
01 Giới thiệu tổng quát về Thánh Thần Trung Hòa
02 Giới thiệu tóm tắt Thánh Thần Trung Hòa, theo lịch sử
03 Nguyên Thủy Thiên Tôn
04 Thái Thượng Lão Quân
05 Linh Bửu Thiên Tôn (LBTT)
06 Thái Thượng LBTT thuyết Diên Thọ Kinh
07 Ngọc Hoàng Đại Đế (Bài 1)
08 Ngọc Hoàng Đại Đế (Bài 2)
09 Vương Mẫu Nương Nương (9A-Bài 1 + 9B-Bài 2)
10 Huyền Thiên Thượng Đế
11 Chân Vũ Đại Đế
12 Tiên thiên thần tôn-Tứ Ngự
13 Câu Trần Đại Đế
14 Thổ Hoàng Địa Kỳ (Hậu Thổ)
15 Cửu Thiên Huyền Nữ
16 Nữ Oa Nương Nương
17 Phụ lục: - Tam Hoàng Ngũ Đế -
18 Nguyên Thần Điện (Điện thờ các tinh tú)
19 Chức năng của Nhị Thập Bát Tú
20 Trung Thiên Bắc Cực Tử Vi Đại Đế
21 Bắc Đầu Thất Tinh Nguyên Quân
22 Thần chú Bắc Đầu Tiêu Tai
23 Kinh Đại Thánh Bắc Đầu Thất Nguyên Quân
24 Bắc Đầu Chân Kinh
25 Nam Cực Trường Sinh Đại Đế + Nam Cực Tiên Ông
26 Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn-Phụ lục
27 Vương Công Đông (Mộc Công)
28 Tiên thiên thần tôn LỢI TỔ
29 Thái Dương Tinh Quân + Kinh Thái Dương-Thái Âm
30 Thái Âm Nương Nương (Nguyệt Nương)
31 Đông Nhạc Đại Đế
32 Hỏa Đức Tinh Quân
33 Chú Sanh Nương Nương (Bà Chúa Thái Sanh)
34 Tâm Tình:-Phước-Lộc-Thọ
35 Bích Hà Nguyên Quân

36 Quan Thánh Đế Quân
37 PL: - Kinh Minh Thánh + Giác Thế Chân Kinh
38 Văn Xương Đế Quân
39 Thiên Hậu Thánh Mẫu
40 Thập Điện Diêm Vương (Mười Điện-Mười Vua DV)
41 Bảo Sanh Đại Đế
42 Tam Quan, Đại Đế
43 Viêm Đế Thần Nông
44 Tam Thái Tử Na Tra
45 Nguyệt Hạ Lão Nhân (Nguyệt lão)
46 Phù Hữu Đế Quân Lữ Đồng Tân
47 Bát Tiên (tổng quát)
48 Tiểu sử Bát Tiên (theo truyện Đông du Bát Tiên)
49 Khôi Tĩnh
50 Thái Tuệ
51 PL: - Tên của Thái Thứ sáu 60 năm theo trường phái
52 Cách cúng một vị Thái Thứ năm hàng (bài vị mẫu + thần chú)
53 Thành Hoàng
54 Phước Đức Chính Thần (Thổ Địa)
55 Võ Văn Tài Thần (Thần Tài)
56 Định Phước Táo Quân (Ông Táo)
57 Môn Thần
58 Thất Nương MU (Má)
59 Sàng MU (Má)
60 Lôi Bộ Ngũ Nguyên Soài Rạp
61 Lôi Công-Điện Mẫu
62 Vũ Sư (Thần làm mưa)
63 Phong Bá (Thần làm gió)
64 Long Vương
65 Thờ Bạch Hổ
66 Tổ chức Thiên Đình (theo Wikipedia tiếng Việt)
67 Nhị thập bát tú (theo Thiên Văn Học)
68 Pháp Chủ Công
69 Tế Công Hoạt Phật-Phụ lục: - Tế Công Thánh Huấn
70 Hòa Hợp Nhị Tiên: - Hàn Sơn, Thập Đắc
71 Khai Chương Thánh Vương
72 Tam Sơn Quốc Vương
73 Thanh Thủy Tổ Sư (bốn bài)
74 Thương hiết Tổ Sư
75 Thạch Cảm Đương (Bua đá trấn yếm)
76 Đăng cập của Thánh Thần

Vài lời ngỏ của dienbatn :

Qua 76 mục tập 1 cuốn THẦN THÁNH TRUNG HOA do bác Nhược Thủy dịch ta thấy hệ thống Thần Thánh của Trung Hoa vô cùng phức tạp và có ảnh hưởng rất lớn đến tín ngưỡng thờ cúng của người Việt nam. Hiện nay, rất nhiều người đi lễ tại các Đình, Chùa, Miếu, Đường ... không hề biết đến sự tích các vị Thần Thánh mà mình đang vái lạy như thế nào ? Tác phẩm này của bác Nhược Thủy đem lại cho chúng ta một hiểu biết cơ bản khi tiếp xúc với hệ thống Thần Thánh của Trung Hoa trong các dịp du ngoạn của mình. Xin trân trọng cảm ơn tâm huyết của bác Nhược Thủy.

dienbatn cũng có ý định trong mục MẬT TÔNG - ĐẠO PHÁP - HUYỀN MÔN này sẽ sưu tầm và biên soạn lần lượt các sự tích về Thần , Thánh của Ấn Độ, Thái Lan, Căm Pu Chia.... Các dân tộc ít người của Việt nam..để làm cơ sở dữ liệu cho các bạn nghi nghiên cứu. Thân ái. dienbatn.

# THẦN THÁNH TRUNG HOA
## ( TẬP 2 )

******

*Source :- http://www.tianyabook.com/zongjiao.htm
http://gb.taoism.org.hk/

MỤC LỤC

01.- Ngũ Lão Quân
02.- Ngũ Tinh Thất Diệu Tinh Quân
03.- Li (Lê) Sơn Lão Mẫu
04.- Lâm Thủy Phu Nhân
05.- Lục Đinh -- Lục Giáp
06.- Bành Tổ
07.- Huỳnh Đế
08.- Xích Tùng Tử
09.- Ninh Phong Tử
10.- Quảng Thành Tử
11.- Dung Thành Công (Tử)
12.- Quỷ Cốc Tiên Sinh
13.- An Kỳ Sinh
14.- Âm Trường Sinh
15.- Hà Thượng Công
16.- Tứ đại Thiên Sư
17.- Tam Mao Chân Quân
18.- Ma Cô (Nữ Thọ Tinh)
19.- Vương Linh Quan
20.- Vương Kiều
21.- Thanh Hư Chân Nhân
22.- Thanh Linh Chân Nhân
23.- Thái Cực Chân Nhân
24.- Thái Hòa Chân Nhân
25.- Cát Tiên Ông
26.- Hoài Nam Bát Công
27.- Vương Thường Nguyệt
28.- Ngưng Dương Chân Nhân
29.- Trần Đoàn Lão Tổ
30.- Điền Đô Nguyên Soái
31.- Tạ Tiên Tổ
32.- Thanh Hư Huyền Diệu—Trương Chân Quân
33.- Hồng Ân Linh Tế Chân Quân
34.- Ngũ Tổ Thất Chân
35.- Ngộ Chân-Tử Dương Chân Nhân
36.-Hạnh Lâm-Thúy Huyền Chân Nhân
37.-Đông Hoa Đế Quân Vương Huyền Phủ
38.- Chính Dương Đế Quân Chung Ly Quyền

39.- Thuần Hựu Đế Quân Lưu Hải Thiềm
40.- Thuần Hữu Đế Quân Vương  Trùng Dương
41.- Trường Xuân Chân Nhân Khưu Xử Cơ
42.- Vô Vi Chân Nhân Mã Ngọc
43.- Uẩn Đức Chân Nhân Đàm Xử Đoan
44.- Trường Sinh Chân Nhân—Lưu Xử Huyền
45.- Ngọc Dương Chân Nhân—Vương Xử Nhất
46.- Quảng Ninh Chân Nhân Hách Đại Thông
47.-Thanh Tịnh Tản Nhân Tôn Bất Nhị
48.- Vương Linh Thiên Quân
49.- Dược  Vương
50.- Ôn Thần
51.- Tàm Thần
52.-  Xí  Thần
Dienbatn giới thiệu.